Award-winning author of the Poppy War trilogy

R. F. KUANG

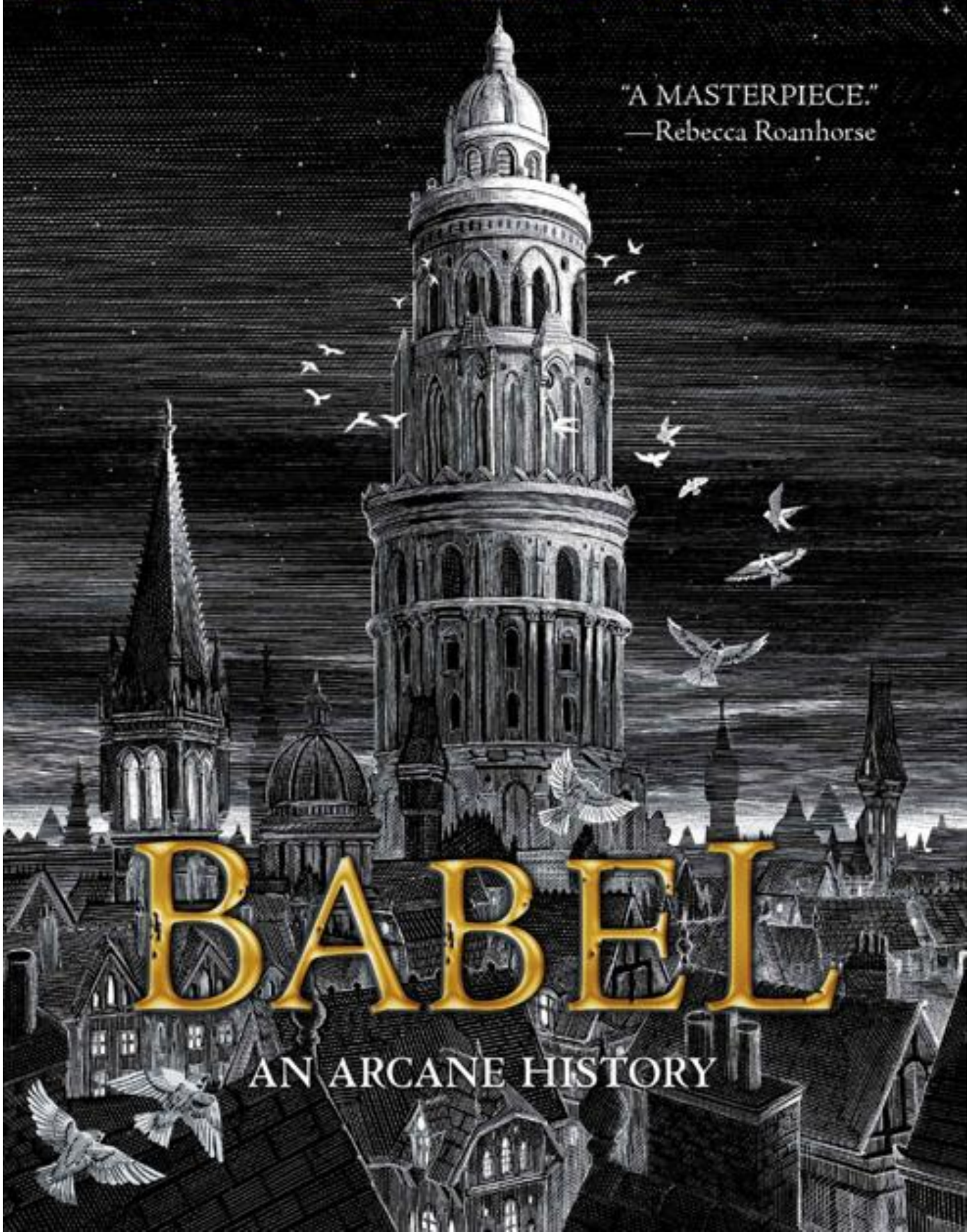

"A MASTERPIECE."
—Rebecca Roanhorse

BABEL

AN ARCANE HISTORY

BABEL

OR

THE NECESSITY OF VIOLENCE

An Arcane History of the Oxford Translators' Revolution

R.F. KUANG

HARPER
Voyager

City of Oxford

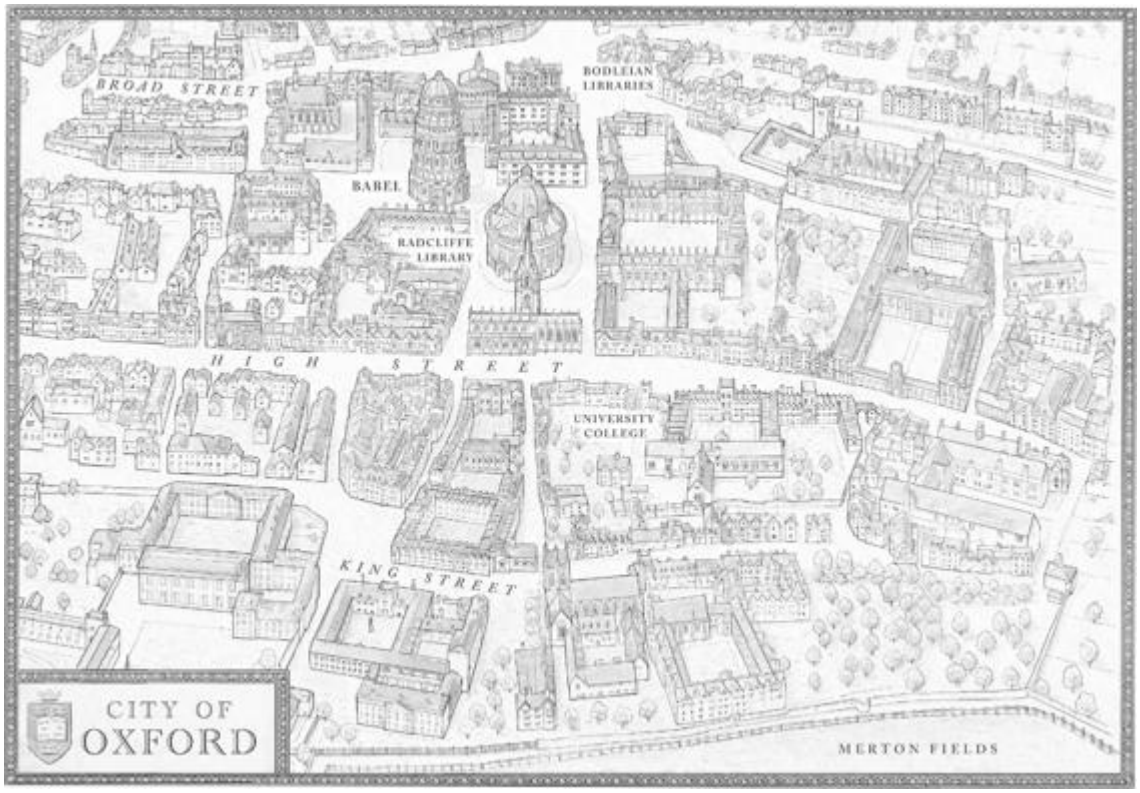

Map of Babel

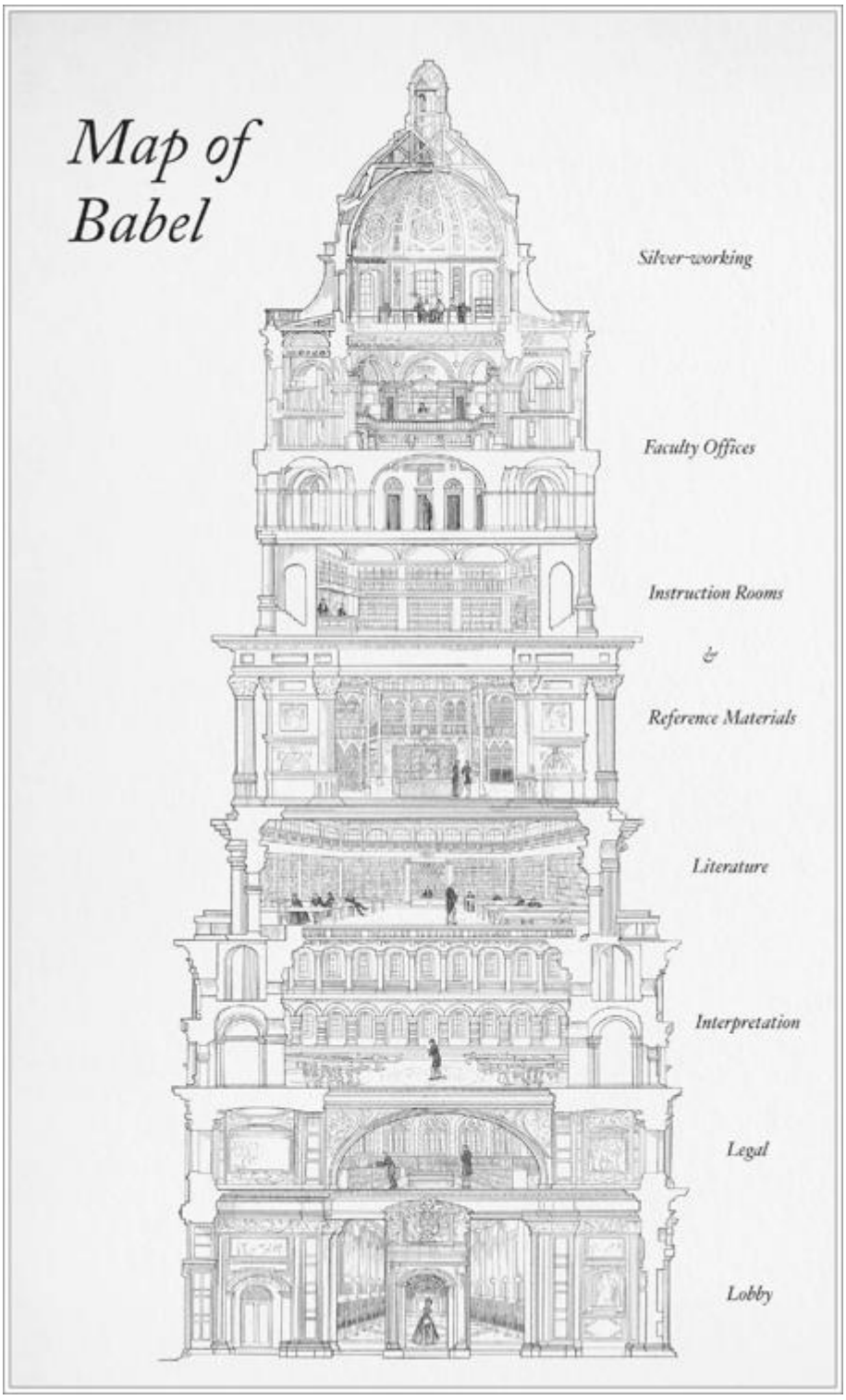
Map of Babel
Silver-working
Faculty Offices
Instruction Rooms
&
Reference Materials
Literature
Interpretation
Legal
Lobby

Dedication

Gửi Bennett,

là tất cả ánh sáng và tiếng cười của thế gian.

Nội dung

Cover

Title Page

City of Oxford

Map of Babel

Dedication

Author's Note on Her Representations of Historical England, and of the University of Oxford in Particular

Book I

Chapter One

Chapter Two

Chapter Three

Chapter Four

Book II

Chapter Five

Chapter Six

Chapter Seven

Chapter Eight

Chapter Nine

Chapter Ten

Chapter Eleven

Chapter Twelve

Book III

Chapter Thirteen

Chapter Fourteen

Chapter Fifteen

Interlude

Chapter Sixteen

Chapter Seventeen

Chapter Eighteen

Book IV

Chapter Nineteen

Chapter Twenty

Chapter Twenty-One

Chapter Twenty-Two

Chapter Twenty-Three

Chapter Twenty-Four

Chapter Twenty-Five

Book V

Interlude

Chapter Twenty-Six

Chapter Twenty-Seven

Chapter Twenty-Eight

Chapter Twenty-Nine

Chapter Thirty

Chapter Thirty-One

Chapter Thirty-Two

Chapter Thirty-Three

Epilogue

Acknowledgements

About the Author

Also by R. F. Kuang

Copyright

About the Publisher

Author's Note on Her Representations of Historical England, and of the University of Oxford in Particular

Vấn đề khi viết một cuốn tiểu thuyết về Oxford là bất kỳ ai đã từng dành thời gian ở Oxford sẽ xem xét kỹ lưỡng văn bản của bạn để xác định xem liệu miêu tả Oxford của bạn có phù hợp với ký ức của họ về nơi này hay không. Tệ hơn nữa nếu bạn là một người Mỹ viết về Oxford, vì người Mỹ biết gì về bất cứ điều gì chứ? Tôi xin trình bày lời biện hộ của mình ở đây:

*Babel*là một tác phẩm hư cấu suy tưởng, lấy bối cảnh ở một phiên bản kỳ ảo của Oxford vào những năm 1830, nơi lịch sử đã bị thay đổi hoàn toàn bởi nghề bạc (sẽ nói thêm về điều này sau). Tuy nhiên, tôi đã cố gắng bám sát nhất có thể với các ghi chép lịch sử về cuộc sống ở Oxford thời kỳ đầu Victoria, và chỉ đưa ra những chi tiết hư cấu khi chúng phục vụ cho câu chuyện. Về tư liệu tham khảo về Oxford đầu thế kỷ XIX, tôi đã dựa vào cuốn sách rất thú vị của James J. Moore*The Historical Handbook and Guide to Oxford*(1878), cũng như*The History of the University of Oxford*Tập VI và VII, do M.G. Brock và M.C. Curthoys biên tập (lần lượt vào năm 1997 và 2000), cùng những tập khác.

Về mặt tu từ và kết cấu chung của đời sống (chẳng hạn như tiếng lóng Oxford đầu thế kỷ XIX, khác biệt khá nhiều so với tiếng lóng Oxford đương đại),[*] Tôi đã sử dụng các nguồn chính như của Alex Chalmers*A History of the Colleges, Halls, and Public Buildings Attached to the University of Oxford, Including the Lives of the Founders*(1810), của G.V. Cox*Recollections of Oxford*(1868), của Thomas Mozley*Reminiscences: Chiefly of Oriel College and the Oxford Movement*(1882), và W. Tuckwell's*Reminiscences of Oxford*(1908). Vì tiểu thuyết cũng có thể cho chúng ta biết nhiều về cuộc sống, về cách người ta đã sống, hoặcít nhất là

theo cách nó được nhìn nhận, tôi cũng đã thêm vào những chi tiết từ các tiểu thuyết như của Cuthbert M. Bede*The Adventures of Mr. Verdant Green*(1857), của Thomas Hughes*Tom Brown at Oxford*(1861), và William Makepeace Thackeray*The History of Pendennis*(1850). Còn tất cả những điều khác, tôi đã dựa vào ký ức và trí tưởng tượng của mình.

Với những ai quen thuộc với Oxford và do đó háo hức thốt lên, 'Không, mọi chuyện không phải như vậy!', tôi sẽ giải thích một số điểm khác biệt. Hội hùng biện Oxford Union được thành lập vào năm 1856, vì vậy trong cuốn tiểu thuyết này, nó được gọi bằng tên của tổ chức tiền thân, Hội Tranh biện Thống nhất (thành lập năm 1823). Quán cà phê Vaults & Garden yêu quý của tôi không tồn tại cho đến năm 2003, nhưng tôi đã dành rất nhiều thời gian ở đó (và đã ăn rất nhiều bánh nướng xốp ở đó) nên tôi không thể từ chối Robin và nhóm bạn những thú vui tương tự. Quán Twisted Root như được mô tả không tồn tại, và theo như tôi biết thì không có quán rượu nào ở Oxford mang tên đó. Cũng không có quán Taylor's nào trên đường Winchester Road mặc dù tôi rất thích quán Taylors trên phố High Street. Đài tưởng niệm Liệt sĩ Oxford có tồn tại, nhưng mãi đến năm 1843 mới được hoàn thành, ba năm sau khi cuốn tiểu thuyết này kết thúc. Tôi đã dời ngày xây dựng của nó lên một chút, tất cả chỉ vì một sự liên hệ nhỏ dễ thương. Lễ đăng quang của Nữ hoàng Victoria diễn ra vào tháng 6 năm 1838, chứ không phải năm 1839. Tuyến đường sắt Oxford đến Paddington không được xây dựng cho đến năm 1844, nhưng ở đây nó được xây dựng sớm hơn vài năm vì hai lý do: thứ nhất, vì điều đó hợp lý với lịch sử đã được điều chỉnh; và thứ hai, vì tôi cần đưa các nhân vật của mình đến London nhanh hơn một chút.

Tôi đã khá phóng túng trong việc tái hiện lại buổi dạ hội kỷ niệm, khiến nó trông giống một buổi dạ hội May/Commemoration Ball đương đại ở Oxford hay Cambridge hơn là một sự kiện xã giao thời kỳ đầu Victoria. Ví dụ, tôi biết rằng hàu là món ăn chủ yếu của người nghèo thời kỳ đầu

Victoria, nhưng tôi đã chọn biến nó thành một món ăn cao cấp vì đó là ấn tượng đầu tiên của tôi về buổi dạ hội May Ball năm 2019 tại Magdalene College, Cambridge – hàng đống hàu trên đá (tôi đã không mang ví và phải loay hoay giữ điện thoại, ly sâm panh và con hàu trên một tay, kết quả là làm đổ sâm panh lên đôi giày sang trọng của một cụ ông).

Một số người có thể bối rối về vị trí chính xác của Học viện Dịch thuật Hoàng gia, còn được gọi là Babel. Đó là bởi vì tôi đã bóp méo địa lý để tạo không gian cho nó. Hãy tưởng tượng một bãi cỏ xanh giữa các Thư viện Bodleian, Sheldonian và Radcliffe Camera. Giờ hãy làm cho nó lớn hơn nhiều và đặt Babel ngay trung tâm.

Nếu bạn thấy bất kỳ điểm nào chưa nhất quán khác, cứ tự nhắc mình rằng đây chỉ là một tác phẩm hư cấu.

Book I

Chapter One

Que siempre la lengua fue compañera del imperio; y de tal manera lo siguió, que junta mente començaron, crecieron y florecieron, y después junta fue la caida de entrambos.

Language was always the companion of empire, and as such, together they begin, grow, and flourish. And later, together, they fall.

MộtANTONIO ĐENSAY RƯỢU,*Gramática de la lengua castellana*

BKhi Giáo sư Richard Lovell tìm được đường qua những con hẻm chật hẹp của Quảng Châu đến địa chỉ đã phai mờ trong nhật ký của mình, cậu bé là người duy nhất còn sống sót trong ngôi nhà.

Không khí ngột ngạt, sàn nhà trơn trượt. Một bình nước đầy đặt bên giường, không hề được chạm tới. Ban đầu, cậu bé quá sợ nôn nên không dám uống; giờ thì cậu quá yếu để nhấc bình lên. Cậu vẫn còn tỉnh, dù đã chìm vào cơn mê mệt nửa mơ nửa tỉnh. Cậu biết, chẳng mấy chốc, cậu sẽ chìm vào giấc ngủ sâu và không thể tỉnh lại. Đó là những gì đã xảy ra với ông bà cậu một tuần trước, rồi đến các dì cậu một ngày sau đó, và sau đó nữa là cô Betty, người phụ nữ Anh, một ngày sau đó nữa.

Mẹ cậu đã qua đời sáng hôm đó. Cậu nằm cạnh thi thể bà, nhìn những mảng tím tái lan rộng trên da bà. Điều cuối cùng bà nói với cậu là tên cậu, hai âm tiết thốt ra không hơi thở. Khuôn mặt bà sau đó trở nên nhợt nhạt và méo mó. Lưỡi bà thè ra khỏi miệng. Cậu bé cố gắng khép đôi mắt đờ đẫn của bà lại, nhưng mí mắt cứ liên tục trượt ra.

Không ai trả lời khi Giáo sư Lovell gõ cửa. Cũng chẳng có ai thốt lên kinh ngạc lúc ông đạp tung cánh cửa trước – đã khóa kỹ

càng, bởi vì bọn trộm dịch hạch đang vơ vét sạch sành sanh những ngôi nhà trong khu phố, vàTuy trong nhà chẳng có gì đáng giá, cậu bé và mẹ vẫn mong có được vài giờ bình yên trước khi bệnh tật cướp đi cả hai. Cậu nghe thấy tất cả những tiếng ồn ào từ trên lầu, nhưng chẳng thể nào bận tâm nổi.

Lúc đó anh chỉ muốn chết.

Giáo sư Lovell bước lên cầu thang, băng qua căn phòng, và đứng lặng nhìn cậu bé hồi lâu. Ông không hề để ý, hoặc cố tình không để ý, người phụ nữ đã chết trên giường. Cậu bé nằm im lìm trong bóng của ông, tự hỏi liệu bóng người cao lớn, xanh xao trong bộ đồ đen này có phải đến để bắt hồn mình hay không.

“Em cảm thấy thế nào?” Giáo sư Lovell hỏi.

Cậu bé thở dốc quá, không trả lời được.

Giáo sư Lovell quỳ xuống bên cạnh giường. Ông rút ra một thanh bạc mỏng từ túi áo trước và đặt nó lên ngực trần của cậu bé. Cậu bé rụt người lại; kim loại lạnh buốt như băng.

‘*Triacle*— Giáo sư Lovell nói tiếng Pháp trước. Rồi, bằng tiếng Anh, "Mật mía."

Quán bar tỏa ra thứ ánh sáng trắng nhợt nhạt. Một âm thanh kỳ quái vang lên từ nơi nào đó; một tiếng leng keng, một tiếng ngân nga. Thằng bé rên rỉ rồi cuộn tròn người lại, lưỡi nó thò ra thụt vào một cách ngơ ngác quanh miệng.

“Cố chịu đựng nhé,” Giáo sư Lovell khẽ nói. “Nuốt những gì con nếm được đi.”

Giây phút trôi qua từng chút một. Hơi thở của cậu bé đều dần. Cậu mở mắt. Giờ cậu nhìn rõ Giáo sư Lovell hơn, có thể thấy rõ đôi mắt xám như đá phiến và chiếc mũi khoằm –*yīnggōubí*Cái

mũi khoằm, họ gọi thế, mũi khoằm như mỏ diều hâu - chỉ có thể là mũi của người ngoại quốc.

“Bây giờ cậu cảm thấy thế nào?” Giáo sư Lovell hỏi.

Cậu bé lại hít một hơi thật sâu. Rồi cậu nói, bằng một thứ tiếng Anh tốt đến ngạc nhiên, “Nó ngọt. Nó có vị ngọt ngào…”

“Tốt. Vậy nghĩa là nó đã hiệu nghiệm.” Giáo sư Lovell đút thanh kim loại trở lại túi. “Còn ai sống sót ở đây không?”

“Không,” cậu bé thì thầm. “Chỉ mình em thôi.”

Có thứ gì bạn không thể bỏ lại phía sau không?

Cậu bé im lặng một lát. Một con ruồi đậu lên má mẹ rồi bò qua sống mũi bà. Nó muốn đuổi con ruồi đi nhưng lại không đủ sức nhấc tay lên.

“Tôi không thể mang theo một thi thể,” Giáo sư Lovell nói. “Không được ở nơi chúng ta sắp đến.”

Cậu bé nhìn chằm chằm vào mẹ một lúc lâu.

"Sách của tôi," cuối cùng ông ta nói. "Dưới gầm giường."

Giáo sư Lovell cúi xuống gầm giường và kéo ra bốn cuốn sách dàyNhững chồng sách. Sách tiếng Anh, gáy sờn vì dùng nhiều, có những trang mòn đến nỗi chữ in gần như không đọc được nữa. Vị giáo sư lật giở chúng, mỉm cười bất giác, rồi bỏ vào túi. Sau đó, ông luồn tay dưới thân hình gầy gò của cậu bé và bế cậu ra khỏi nhà.

Năm 1829, dịch bệnh sau này được biết đến là dịch tả châu Á đã lan từ Calcutta qua Vịnh Bengal đến Viễn Đông – đầu tiên là Xiêm, sau đó Manila, rồi cuối cùng cập bến Trung Quốc trên những con tàu buôn với thủy thủ đoàn kiệt sức, mắt trũng sâu

đã đổ chất thải xuống sông Châu Giang, làm ô nhiễm nguồn nước nơi hàng ngàn người uống, giặt giũ, bơi lội và tắm rửa. Nó ập đến Quảng Châu như một cơn sóng thần, nhanh chóng lan từ bến cảng vào các khu dân cư nội địa. Khu phố của cậu bé đã bị tàn phá trong vòng vài tuần, cả gia đình chết thảm trong nhà. Khi Giáo sư Lovell đưa cậu bé ra khỏi những con hẻm của Quảng Châu, tất cả những người khác trên phố cậu đã chết.

Cậu bé nhận thức được tất cả những điều này khi tỉnh dậy trong một căn phòng sạch sẽ, sáng sủa ở Thương Quán Anh, được quấn trong những tấm chăn mềm mại và trắng hơn bất cứ thứ gì cậu từng chạm vào. Chúng chỉ làm dịu đi đôi chút sự khó chịu của cậu. Cậu nóng khủng khiếp, lưỡi nằm trong miệng như một hòn đá cứng, đầy cát. Cậu cảm thấy như mình đang trôi nổi đâu đó phía trên cơ thể. Mỗi khi giáo sư nói, những cơn đau nhói buốt xuyên qua thái dương cậu, kèm theo những tia sáng đỏ lóe lên.

“Cậu rất may mắn,” Giáo sư Lovell nói. “Căn bệnh này giết chết gần như tất cả mọi thứ nó chạm vào.”

Cậu bé nhìn chằm chằm, bị mê hoặc bởi khuôn mặt dài và đôi mắt xám nhạt của người nước ngoài này. Nếu cậu để ánh mắt mình trở nên mờ đi, người nước ngoài ấy biến thành một con chim khổng lồ. Một con quạ. Không, một con chim săn mồi. Một thứ gì đó hung dữ và mạnh mẽ.

Anh/Chị có hiểu tôi đang nói gì không?

Cậu bé liếm đôi môi khô nứt rồi thốt ra một câu trả lời.

Giáo sư Lovell lắc đầu. "Tiếng Anh. Dùng tiếng Anh đi."

Cổ họng thằng bé bỏng rát. Nó ho sù sụ.

“Tôi biết cậu nói được tiếng Anh.” Giọng Giáo sư Lovell nghe như một lời cảnh cáo. “Hãy dùng nó.”

“Mẹ tôi,” cậu bé thở hổn hển. “Ông quên mất mẹ tôi rồi.”

Giáo sư Lovell không trả lời. Ông đứng dậy ngay lập tức và phủi bụi đầu gối trước khi rời đi, mặc dù cậu bé khó mà hình dung được làm sao bụi có thể bám vào đó chỉ trong vài phút ông ngồi xuống.

Sáng hôm sau, cậu bé đã có thể ăn hết một bát nước dùng mà không nôn ọe. Sáng hôm sau nữa, cậu đã có thể đứng dậy mà không còn quá chóng mặt, mặc dù đầu gối cậu run lẩy bẩy vì lâu ngày không sử dụng đến nỗi cậu phải bám chặt lấy thành giường để khỏi ngã. Cơn sốt của cậu đã giảm; sự thèm ăn cũng trở lại. Khi cậu tỉnh dậy vào buổi chiều hôm đó, cậu thấy cái bát đã được thay bằng một cái đĩa với hai lát bánh mì dày và một miếng thịt bò nướng to. Cậu ăn ngấu nghiến bằng tay không, bụng đói cồn cào.

Cậu bé ngủ mê mệt gần như suốt cả ngày, một giấc ngủ không mộng mị, thỉnh thoảng lại bị cắt ngang bởi sự xuất hiện của bà Piper – một người phụ nữ tròn trịa, vui vẻ, cứ hay sửa lại gối cho cậu, lấy khăn mát rượi lau trán, và nói tiếng Anh với một giọng đặc biệt đến nỗi cậu bé lúc nào cũng phải nhờ bà nhắc lại vài lần.

“Trời đất,” cô ấy cười khúc khích lần đầu tiên anh làm thế. “Chắc là anh chưa gặp người Scotland nào bao giờ.”

Người Scotland á? Người Scotland là cái giống gì?

“Cậu đừng lo lắng về chuyện đó.” Cô vỗ nhẹ lên má anh. “Chẳng mấy chốc cậu sẽ quen với nước Anh thôi.”

Tối hôm đó, bà Piper mang bữa tối cho anh - vẫn là bánh mì và thịt bò - kèm theo tin giáo sư muốn gặp anh tại văn phòng. “Ngay trên lầu thôi. Căn phòng thứ hai bên phải. Ăn xong đã nhé; ông ấy không đi đâu cả.”

Cậu bé ăn nhanh và với sự giúp đỡ của bà Piper, cậu mặc quần áo. Cậu không biết quần áo từ đâu ra - chúng theo kiểu phương Tây, và vừa vặn một cách đáng ngạc nhiên với thân hình nhỏ bé, gầy gò của cậu - nhưng lúc đó cậu quá mệt để hỏi thêm.

Leo lên cầu thang, anh run rẩy, không biết là vì mệt mỏi hay lo sợ. Cửa phòng làm việc của giáo sư đóng im ỉm. Anh dừng lại một chút để lấy hơi, rồi gõ cửa.

"Vào đi," giáo sư gọi.

Cánh cửa nặng trịch. Cậu bé phải dồn hết sức tựa người vào cánh cửa gỗ mới đẩy nó hé mở. Bên trong, cậu choáng ngợp bởi mùi xạ hương nồng nàn, lẫn với mùi mực in của sách vở. Sách ở khắp nơi, chất chồng lên nhau; một số được xếp ngay ngắn trên kệ, trong khi số khác lại chất đống lộn xộn thành những kim tự tháp chông chênh khắp căn phòng; vài cuốn nằm rải rác trên sàn, số khác thì nằm chênh vênh trên những chiếc bàn dường như được sắp xếp ngẫu nhiên trong mê cung mờ ảo.

“Qua đây.” Vị giáo sư gần như khuất sau những kệ sách. Cậu bé rón rén len lỏi qua căn phòng, sợ rằng chỉ một cử động sai lầm nhỏ nhất cũng có thể khiến những chồng sách đổ sụp xuống.

“Đừng ngại.” Vị giáo sư ngồi sau chiếc bàn lớn ngổn ngang sách, giấy tờ và phong bì. Ông ra hiệu cho cậu bé ngồi xuống ghế đối diện. “Họ có cho cháu đọc nhiều ở đây không? Tiếng Anh không phải là vấn đề chứ?”

“Cháu đọc được vài cuốn.” Cậu bé ngồi xuống một cách dè dặt, cẩn thận không dẫm lên chồng sách – cậu nhận ra đó là ghi chép du lịch của Richard Hakluyt – chất đống dưới chân mình. “Nhà cháu không có nhiều sách. Cuối cùng cháu toàn đọc đi đọc lại mấy cuốn có sẵn.”

Đối với một người chưa từng bước chân ra khỏi Quảng Châu, tiếng Anh của cậu bé tốt đến mức đáng kinh ngạc. Cậu nói chỉ

hơi phảng phất chút dấu vết của giọng địa phương. Điều này là nhờ một phụ nữ người Anh – một cô Elizabeth Slate, người mà cậu bé vẫn gọi là cô Betty, và người đã sống cùng gia đình cậu từ khi cậu còn bé tí. Cậu chưa bao giờ thực sự hiểu cô ấy làm gì ở đó – gia đình cậu chắc chắn không đủ giàu để thuê bất kỳ người hầu nào, đặc biệt là một người nước ngoài – nhưng chắc hẳn ai đó đã trả lương cho cô ấy vì cô ấy chưa bao giờ rời đi, ngay cả khi bệnh dịch hoành hành. Tiếng Quảng Đông của cô khá tốt, đủ để cô đi lại trong thành phố mà không gặp khó khăn, nhưng với cậu bé, cô chỉ nói tiếng Anh. Nhiệm vụ duy nhất của cô dường như là chăm sóc cậu, và chính nhờ những cuộc trò chuyện với cô, và sau này là với các thủy thủ Anh ở bến tàu, mà cậu bé đã nói tiếng Anh trôi chảy.

Cậu bé đọc giỏi hơn nói. Từ khi lên bốn, cứ mỗi sáu tháng cậu lại nhận được một kiện hàng lớn toàn sách tiếng Anh. Địa chỉ gửi là một nơi ở Hampstead ngoại ô Luân Đôn – một địa danh mà cô Betty có vẻ không quen thuộc, và dĩ nhiên là cậu bé cũng chẳng biết gì. Dù vậy, cậu và cô Betty vẫn thường ngồi cùng nhau dưới ánh nến, chậm rãi lần từng ngón tay theo mỗi chữ và đọc to lên. Khi lớn hơn, cậu dành trọn những buổi chiều nghiền ngẫm những trang sách sờn cũ một mình. Nhưng mười hai cuốn sách khó mà đủ cho sáu tháng; cậu luôn đọc đi đọc lại mỗi cuốn đến mức gần như thuộc lòng trước khi kiện hàng tiếp theo đến.

Giờ thì anh nhận ra, tuy chưa nắm được toàn bộ câu chuyện, rằng những bưu kiện đó hẳn là của vị giáo sư gửi đến.

“Tôi khá thích nó đấy,” anh nói yếu ớt. Rồi, nghĩ rằng mình nên nói thêm chút nữa, “Và không – tiếng Anh không phải là vấn đề.”

“Tốt lắm.” Giáo sư Lovell lấy một cuốn sách trên giá phía sau ông và đẩy nó ngang qua bàn. “Tôi đoán là cậu chưa từng thấy cuốn này trước đây?”

Cậu bé liếc nhìn tựa đề.*The Wealth of Nations*, của Adam Smith. Ông lắc đầu. “Tôi xin lỗi, không.”

“Được rồi.” Giáo sư mở cuốn sách ra một trang ở giữa rồi chỉ. “Đọc to lên cho tôi nghe. Bắt đầu từ đây.”

Cậu bé nuốt nước bọt, hắng giọng rồi bắt đầu đọc. Cuốn sách dày đến đáng sợ, chữ in rất nhỏ, và văn xuôi thì khó hiểu hơn nhiều so với những tiểu thuyết phiêu lưu nhẹ nhàng cậu từng đọc với cô Betty. Lưỡi cậu cứ vấp phải những từ cậu không biết, những từ cậu chỉ có thể đoán nghĩa và đánh vần.

Lợi ích đặc . . . đặc biệt mà mỗi nước thuộc địa thu được từ các thuộc địa . . . đặc biệt thuộc về nó, có hai loại khác nhau; thứ nhất, những lợi ích chung mà mọi đế chế đều thu . . . được?’ Ông hắng giọng. ‘Thu . . . được từ các tỉnh thuộc quyền thống trị . . . trị . . . của nó.’*

Đủ rồi.

Ông ta không hiểu gì cả. "Thưa ngài, cái này..."

“Không, không sao đâu,” giáo sư nói. “Tôi cũng không mong cậu hiểu hết về kinh tế quốc tế. Cậu làm rất tốt rồi.” Ông đặt cuốn sách sang một bên, thò tay vào ngăn kéo bàn làm việc và lấy ra một thỏi bạc. “Nhớ cái này chứ?”

Cậu bé nhìn chằm chằm, mắt tròn xoe, sợ đến mức không dám chạm vào nó.

Hắn từng thấy mấy quán bar kiểu này rồi. Ở Quảng Châu chúng hiếm hoi, nhưng ai cũng biết đến.*Yínfúlù,*Những lá bùa bạc. Hắn đã thấy chúng gắn vào mũi tàu, chạm khắc bên hông kiệu, và treo trên cửa các nhà kho ở khu phố Tây. Hắn chưa bao giờ hiểu chính xác chúng là gì, và không ai trong nhà hắn có thể giải thích được. Bà hắn gọi chúng là bùa phép của nhà giàu, bùa hộ mệnh bằng kim loại mang theo lời chúc phúc của thần linh. Mẹ

hắn lại nghĩ chúng chứa đựng những con quỷ bị giam cầm, có thể được triệu hồi để thực hiện mệnh lệnh của chủ nhân. Ngay cả cô Betty, người luôn lớn tiếng khinh miệt sự mê tín dị đoan của người Trung Quốc bản địa và liên tục chỉ trích mẹ hắn vì tin vào ma đói, cũng thấy chúng đáng sợ."Chúng là tà thuật," bà ấy đã nói khi anh hỏi. "Chúng là công việc của quỷ dữ."

Vậy là cậu bé chẳng hiểu mô tê gì cả.*yínfúlù*, ngoại trừ việc đó là một quán bar giống hệt như thế này đã cứu sống anh ta vài ngày trước.

"Cứ tự nhiên." Giáo sư Lovell đưa nó về phía cậu. "Xem đi. Nó không cắn đâu."

Cậu bé ngập ngừng, rồi đón lấy nó bằng cả hai tay. Thanh kim loại rất nhẵn và lạnh khi chạm vào, nhưng ngoài ra nó trông có vẻ khá bình thường. Nếu có một con quỷ bị nhốt bên trong, nó đã che giấu bản thân rất kỹ.

"Anh/Chị đọc được nó ghi gì không?"

Cậu bé nhìn kỹ hơn và nhận ra đúng là có chữ thật, những dòng chữ nhỏ xíu được khắc gọn gàng ở hai mặt thanh kim loại: một mặt là chữ cái tiếng Anh, mặt kia là chữ Hán. "Phải rồi."

‘Đọc to lên. Tiếng Trung trước, rồi đến tiếng Anh. Phát âm thật rõ ràng.’

Cậu bé nhận ra các chữ Hán, mặc dù nét chữ trông hơi kỳ lạ, cứ như thể được viết bởi một người đã nhìn thấy chúng rồi chép lại từng nét một mà không hiểu nghĩa. Chúng được viết là:Nuốt chửng..

‘*Húlún tūn zǎo*, anh đọc chậm rãi, cẩn thận phát âm từng âm tiết. Anh chuyển sang tiếng Anh. "Chấp nhận mà không cần suy nghĩ."

Quán bar bắt đầu rộn ràng.

Lập tức lưỡi cậu bé sưng phồng lên, chặn nghẹn đường thở. Cậu bé ôm lấy cổ họng, nghẹn ngào, khó thở. Thanh kẹo rơi xuống đùi, rung lên dữ dội, nhảy múa như bị ma ám. Một vị ngọt gắt đến khó chịu tràn ngập trong miệng cậu.*Like dates*Cậu bé mơ màng nghĩ, màu đen đang xâm chiếm rìa tầm nhìn. Những quả chà là dẻo quánh, ngọt lịm đến mức phát ốm. Cậu đang chết chìm trong chúng. Cổ họng hoàn toàn bị tắc nghẽn, cậu không thở được—

“Đây.” Giáo sư Lovell cúi người xuống và kéo thanh kim loại ra khỏi đùi mình. Cảm giác nghẹt thở biến mất. Cậu bé gục xuống bàn, thở hổn hển.

“Thú vị đấy,” Giáo sư Lovell nói. “Tôi chưa bao giờ thấy nó có tác dụng mạnh như vậy. Miệng cậu có vị gì?”

‘*Hóngzǎo*Nước mắt giàn giụa trên mặt cậu bé. Vội vàng cậu chuyển sang tiếng Anh. "Quả chà là."

“Tốt. Rất tốt.” Giáo sư Lovell quan sát anh ta một lúc lâu, rồi đặt thanh kim loại trở lại ngăn kéo. “Thực sự xuất sắc.”

Cậu bé dụi nước mắt, thút thít mũi. Giáo sư Lovell ngồi dựa ra sau, chờ cậu bé bình tĩnh lại đôi chút rồi mới nói tiếp. “Hai ngày nữa, bà Piper và tôi sẽ rời khỏi đất nước này đến một thành phố tên là Luân Đôn thuộc một quốc gia tên là Anh. Chắc hẳn cháu đã từng nghe nói đến cả hai rồi.”

Cậu bé gật đầu lưỡng lự. Với cậu, Luân Đôn giống như xứ sở Lilliput: một nơi xa xôi, tưởng tượng, huyễn hoặc, không một ai trông giống, ăn mặc giống hay nói năng giống cậu dù chỉ một chút.

Ta đề nghị đưa con đi cùng bọn ta. Con sẽ sống tại điền trang của ta, và ta sẽ lo liệu chỗ ăn ở cho con đến khi con đủ lớn để tự

lập. Đổi lại, con sẽ tham gia các khóa học theo chương trình mà ta thiết kế. Đó sẽ là các môn ngôn ngữ – tiếng Latin, tiếng Hy Lạp, và dĩ nhiên, cả tiếng Quan Thoại. Con sẽ được sống một cuộc sống thoải mái, dễ chịu, và được hưởng nền giáo dục tốt nhất mà người ta có thể chi trả. Tất cả những gì ta mong đợi là con chuyên tâm học hành.

Giáo sư Lovell chắp hai tay như đang cầu nguyện. Cậu bé thấy giọng điệu của ông khó hiểu. Nó hoàn toàn đều đều và lạnh lùng. Cậu không thể biết liệu Giáo sư Lovell*wanted*anh ta ở Luân Đôn hay không; thật vậy, việc này trông ít giống một sự nhận nuôi mà giống một đề nghị kinh doanh hơn.

"Tôi khuyên cháu nên cân nhắc kỹ lưỡng," Giáo sư Lovell nói tiếp. "Mẹ và ông bà cháu đều đã mất, cha cháu thì không rõ tung tích, và cháu cũng chẳng còn họ hàng thân thích nào. Ở lại đây, cháu sẽ chẳng có lấy một xu dính túi. Cuộc sống của cháu sẽ chỉ toàn là nghèo đói, bệnh tật và chết đói. Nếu may mắn thì cháu có thể kiếm được việc làm ở bến tàu, nhưng cháu còn nhỏ quá, nên vài năm tới cháu sẽ phải ăn xin hoặc ăn trộm. Giả sử cháu sống đến tuổi trưởng thành, thì điều tốt nhất cháu có thể hy vọng là làm việc quần quật trên tàu."

Cậu bé thấy mình đang nhìn chằm chằm, đầy mê hoặc, vào khuôn mặt Giáo sư Lovell khi ông nói. Không phải là cậu chưa từng gặp người Anh nào trước đây. Cậu đã gặp rất nhiều thủy thủ ở bến tàu, đã thấy đủ loại khuôn mặt người da trắng, từ rộng và đỏ ửng đến bệnh tật và lốm đốm nám gan cho đến dài, nhợt nhạt và nghiêm nghị. Nhưng khuôn mặt của vị giáo sư lại là một câu đố hoàn toàn khác. Ông ta có đầy đủ các bộ phận của một khuôn mặt người bình thường – mắt, môi, mũi, răng, tất cả đều khỏe mạnh và bình thường. Giọng nói của ông trầm thấp, hơi đều đều, nhưng dù sao cũng là giọng người. Nhưng khi ông nói, giọng điệu và nét mặt của ông hoàn toàn không có chút cảm xúc nào. Ông ta như một tờ giấy trắng. Cậu bé không thể nào đoán được cảm xúc của ông. Khi vị giáo sư mô tả cái chết

sớm, không thể tránh khỏi của cậu bé, ông ta nói cứ như đang đọc công thức nấu món hầm.

“Tại sao?” cậu bé hỏi.

"Sao, sao cơ?"

Tại sao anh/chị lại muốn tôi?

Giáo sư gật đầu về phía ngăn kéo chứa thỏi bạc. 'Vì anh có thể làm*that*.

Chỉ đến lúc đó, cậu bé mới nhận ra rằng đây là một bài kiểm tra.

“Đây là các điều khoản giám hộ của tôi.” Giáo sư Lovell đẩy một tài liệu hai trang qua bàn. Cậu bé liếc nhìn rồi bỏ cuộc định đọc lướt; nét chữ nhỏ và uốn lượn trông gần như không thể đọc được. “Chúng khá đơn giản, nhưng hãy đọc kỹ toàn bộ trước khi ký. Cháu sẽ đọc nó tối nay trước khi đi ngủ chứ?”

Cậu bé quá sốc, chỉ còn biết gật đầu.

“Tốt lắm,” Giáo sư Lovell nói. “Còn một điều nữa. Tôi chợt nghĩ ra là cậu cần một cái tên.”

“Tôi có tên,” cậu bé nói. “Nó là—”

Không, cái đó không được. Chẳng người Anh nào phát âm được cái tên đó cả. Cô Slate có đặt tên nào cho nó không?

Thật ra thì đúng là vậy. Khi cậu bé lên bốn, cô đã nhất quyết bắt cậu chọn một cái tên mà người Anh có thể coi trọng, mặc dù cô chưa bao giờ nói rõ đó là những người Anh nào. Họ đã chọn đại một cái tên từ một cuốn sách thơ thiếu nhi, và cậu bé thích cái cảm giác chắc chắn, tròn trịa của những âm tiết đó trên đầu lưỡi, nên cậu chẳng phàn nàn gì. Nhưng không ai khác trong

nhà từng dùng đến cái tên ấy, và chẳng mấy chốc cô Betty cũng bỏ luôn. Cậu bé phải vắt óc suy nghĩ một lúc mới nhớ ra.

Robin.*

Giáo sư Lovell im lặng một lát. Vẻ mặt ông khiến cậu bé bối rối – lông mày ông nhíu lại như thể đang tức giận, nhưng một bên mép lại nhếch lên như thể thích thú. "Thế còn họ thì sao?"

Tôi có họ đấy.

'Một cái dùng được ở Luân Đôn. Chọn bất cứ cái nào cậu thích.'

Thằng bé chớp mắt nhìn anh ta. "Chọn... một... họ à?"

Họ không phải thứ muốn bỏ là bỏ, muốn đổi là đổi, ông nghĩ. Chúng là dấu ấn của dòng dõi, là dấu ấn của sự thuộc về.

"Người Anh thay đổi họ suốt," Giáo sư Lovell nói. "Chỉ những gia đình giữ nguyên họ của mình mới làm vậy vì họ có tước vị cần giữ."tiếp tục đi, và chắc chắn là cậu chẳng có cái nào cả. Cậu chỉ cần một cái tên để tự giới thiệu thôi. Tên nào cũng được.

"Vậy tôi lấy của cậu được không? Lovell?"

“Ôi, không,” Giáo sư Lovell nói. “Họ sẽ nghĩ tôi là bố của cậu mất.”

“Ồ – tất nhiên rồi.” Ánh mắt cậu bé đảo quanh căn phòng trong tuyệt vọng, tìm kiếm một từ hay một âm thanh nào đó để bám víu. Chúng dừng lại trên một cuốn sách quen thuộc trên kệ phía trên đầu Giáo sư Lovell –*Gulliver’s Travels*Một kẻ xa lạ ở miền đất lạ, buộc phải học tiếng địa phương nếu không muốn chết. Anh ta nghĩ giờ mình đã hiểu cảm giác của Gulliver.

“Swift à?” anh ta đánh bạo hỏi. “Trừ phi—”

Giáo sư Lovell bật cười, khiến cậu bé ngạc nhiên. Tiếng cười phát ra từ cái miệng nghiêm nghị ấy nghe thật lạ lùng, đột ngột, gần như tàn nhẫn, khiến cậu bé không khỏi rụt lại. "Rất tốt. Vậy là Robin Swift. Cậu Swift, rất vui được gặp cậu."

Ông đứng dậy và chìa tay qua bàn. Cậu bé đã từng thấy các thủy thủ nước ngoài chào nhau ở bến tàu, nên cậu biết phải làm gì. Cậu đưa bàn tay nhỏ bé của mình đón lấy bàn tay to lớn, khô ráp, lạnh lẽo đến khó chịu kia. Họ bắt tay nhau.

Hai ngày sau, Giáo sư Lovell, bà Piper và Robin Swift, người vừa được đặt tên thánh, lên đường đến London. Lúc đó, nhờ nghỉ ngơi nhiều giờ trên giường và chế độ ăn đều đặn gồm sữa nóng cùng những món ăn thịnh soạn của bà Piper, Robin đã đủ khỏe để tự đi lại. Cậu khệ nệ kéo một cái rương đầy sách lên cầu tàu, cố gắng theo kịp giáo sư.

Bến cảng Quảng Châu, cái miệng mà qua đó Trung Quốc gặp gỡ thế giới, là một vũ trụ ngôn ngữ. Tiếng Bồ Đào Nha ồn ào và nhanh chóng, tiếng Pháp, tiếng Hà Lan, tiếng Thụy Điển, tiếng Đan Mạch, tiếng Anh và tiếng Trung Quốc trôi nổi trong không khí mặn mòi, hòa quyện vào một thứ tiếng bồi kỳ lạ mà hầu như ai cũng hiểu, nhưng chỉ một số ít người nói trôi chảy. Robin biết rõ điều đó. Cậu đã học những bài học ngoại ngữ đầu tiên khi chạy nhảy quanh bến tàu; cậu thường phiên dịch cho các thủy thủ để đổi lấy một đồng xu và một nụ cười. Cậu chưa bao giờ tưởng tượng mình có thể theo dấu những mảnh vỡ ngôn ngữ của thứ tiếng bồi này trở về nguồn gốc của chúng.

Họ đi dọc bờ sông để đến xếp hàng lên tàu.*Countess of Harcourt,*một trong những con tàu của Công ty Đông Ấn chuyên chở một số ít hành khách thương mại trong mỗi chuyến đi. Biển hôm đó ồn ào và dậy sóng. Robin rùng mình khi những cơn gió biển lạnh buốt cắt quadữ tợn xuyên qua lớp áo khoác của ông. Ông khao khát được lên tàu, vào trong một cabin hay bất cứ chỗ nào có tường che chắn, nhưng có điều gì đó làm gián đoạn hàng

người đang lên tàu. Giáo sư Lovell bước sang một bên để xem xét. Robin đi theo ông. Trên đỉnh cầu tàu, một thủy thủ đang mắng xối xả một hành khách, những nguyên âm tiếng Anh chua chát vang lên xé tan cái lạnh buổi sáng.

Anh/Chị không hiểu tôi đang nói gì sao?*Knee how? Lay ho?*Có gì không?

Mục tiêu cơn thịnh nộ của hắn là một người lao động Trung Quốc, lưng còng xuống vì sức nặng của chiếc ba lô đeo lệch trên một vai. Nếu người lao động có đáp lại thì Robin cũng chẳng nghe thấy.

"Chẳng hiểu tôi nói gì cả," anh chàng thủy thủ phàn nàn. Anh ta quay sang đám đông. "Có ai nói cho anh bạn này biết là anh ta không được lên tàu không?"

“Ôi, tội nghiệp ông ấy quá.” Bà Piper huých nhẹ vào tay Giáo sư Lovell. “Ông dịch được không?”

“Tôi không nói được tiếng Quảng Đông,” Giáo sư Lovell nói. “Robin, cậu lên đó đi.”

Robin ngập ngừng, bỗng dưng sợ hãi.

‘*Go.*Giáo sư Lovell đẩy anh ta lên tấm ván.

Robin loạng choạng bước tới. Cả tên thủy thủ lẫn người lao động đều quay lại nhìn anh. Tên thủy thủ trông có vẻ chỉ hơi khó chịu, nhưng người lao động dường như thở phào nhẹ nhõm – hắn hình như nhận ra ngay trên khuôn mặt Robin một người đồng minh, người Trung Quốc duy nhất khác trong tầm mắt.

“Có chuyện gì vậy?” Robin hỏi anh ta bằng tiếng Quảng Đông.

“Hắn không cho tôi lên tàu,” người lao động nói gấp gáp. “Nhưng tôi có hợp đồng với con tàu này đến tận Luân Đôn, nhìn

này, nó ghi rõ ràng ở đây."

Anh ta nhét tờ giấy gấp làm tư vào tay Robin.

Robin mở nó ra. Tờ giấy được viết bằng tiếng Anh, và đúng là nó trông giống như một hợp đồng lascar – một giấy chứng nhận trả lương cho một chuyến hải trình từ Quảng Châu đến Luân Đôn, nói một cách cụ thể. Robin đã từng thấy những hợp đồng như vậy trước đây; chúng ngày càng trở nên phổ biến trong vài năm qua khi nhu cầu về người hầu Trung Quốc theo hợp đồng lao động tăng lên cùng với những khó khăn về buôn bán nô lệ ở nước ngoài. Đây không phải là hợp đồng đầu tiên anh dịch; anh đã thấy lệnh điều động lao động Trung Quốc đến những nơi xa xôi như Bồ Đào Nha, Ấn Độ và Tây Ấn.

Trông mọi thứ đều ổn đối với Robin. "Vậy vấn đề là gì?"

“Hắn ta đang nói gì với anh vậy?” người thủy thủ hỏi. “Bảo với hắn là hợp đồng đó không được. Tôi không thể cho người Hoa lên tàu này. Chuyến tàu trước tôi đi mà chở một người Hoa thì đầy rận. Tôi không muốn mạo hiểm với người ta đâu.”Ai mà chẳng biết tắm rửa. Thậm chí còn chẳng hiểu nổi từ đấy*bath*Nếu tôi hét vào mặt nó, cái này này. Ê? Nhóc? Mày có hiểu tao đang nói gì không?

“Vâng, vâng.” Robin vội vàng chuyển lại sang tiếng Anh. “Vâng, tôi chỉ - cho tôi một chút, tôi chỉ đang cố…”

Nhưng anh phải nói gì bây giờ?

Người khuân vác, vẻ mặt ngơ ngác, nhìn Robin với ánh mắt cầu khẩn. Khuôn mặt anh ta nhăn nheo, rám nắng, sạm đen theo kiểu khiến anh ta trông như sáu mươi tuổi, mặc dù có lẽ anh ta chỉ mới ngoài ba mươi. Tất cả những người lascar đều già đi nhanh chóng; công việc tàn phá cơ thể họ. Robin đã nhìn thấy khuôn mặt đó cả ngàn lần trước đây ở bến tàu. Một số người ném kẹo cho anh ta; một số người biết anh ta rõ đến mức gọi tên

anh ta. Anh ta liên tưởng khuôn mặt đó với những người cùng cảnh ngộ. Nhưng anh ta chưa bao giờ thấy một người lớn tuổi hơn cầu cứu mình với vẻ bất lực hoàn toàn như vậy.

Lòng anh quặn thắt vì tội lỗi. Những lời lẽ độc địa, tàn nhẫn cứ chực trào ra nơi đầu lưỡi, nhưng anh chẳng thể nào thốt nên câu.

“Robin.” Giáo sư Lovell đứng cạnh cậu, bàn tay nắm chặt vai cậu đến mức đau nhói. “Dịch đi, làm ơn.”

Mọi thứ đều phụ thuộc vào anh ta, Robin nhận ra. Sự lựa chọn là của anh ta. Chỉ có anh ta mới có thể xác định sự thật, bởi vì chỉ có anh ta mới có thể truyền đạt nó đến tất cả các bên.

Nhưng anh có thể nói gì đây? Anh thấy sự cáu kỉnh sôi sục của người nhân viên phi hành đoàn. Anh thấy sự sốt ruột bồn chồn của những hành khách khác trong hàng. Họ mệt mỏi, họ lạnh, họ không hiểu tại sao họ vẫn chưa được lên máy bay. Anh cảm thấy ngón tay cái của Giáo sư Lovell đang ấn vào xương quai xanh của mình, và một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu anh - một ý nghĩ đáng sợ đến mức khiến đầu gối anh run lên - đó là nếu anh gây ra quá nhiều vấn đề, nếu anh gây rối, thì*Countess of Harcourt*cũng có thể cứ để anh ta lại trên bờ luôn.

"Hợp đồng của anh không có giá trị ở đây," hắn lẩm bẩm với người lao động. "Thử sang tàu khác xem."

Người làm thuê há hốc mồm kinh ngạc. "Ông đọc rồi chứ? Nó ghi là Luân Đôn, nó ghi là Công ty Đông Ấn, nó ghi là*this*con tàu*Countess*—

Robin lắc đầu. "Không được rồi," anh nói, rồi lặp lại câu này, như thể làm vậy sẽ khiến nó trở thành sự thật. "Không được rồi, cậu phải thử con tàu tiếp theo thôi."

"Sao lại thế?", người lao động gặng hỏi.

Robin gần như không thốt nên lời. "Vô ích thôi."

Người làm công trố mắt nhìn anh ta. Ngàn vạn cảm xúc cuồn cuộn trong lòng.Gương mặt sạm nắng ấy – phẫn uất, bực tức, và cuối cùng, cam chịu. Robin đã sợ rằng người lao động kia sẽ cãi lại, sẽ đánh nhau, nhưng chẳng mấy chốc, rõ ràng là với người đàn ông này, sự đối xử như vậy chẳng có gì mới mẻ. Chuyện này đã từng xảy ra rồi. Người lao động quay lưng bước xuống cầu tàu, xô đẩy những hành khách sang một bên. Chỉ trong giây lát, ông ta đã biến mất khỏi tầm mắt.

Robin thấy rất choáng váng. Cậu vội vã chạy xuống tấm ván về phía bà Piper. "Cháu lạnh."

“Ôi, cháu run cầm cập rồi, tội nghiệp quá.” Bà ấy lập tức phủ lên người cậu như gà mẹ che chở con dưới cánh, quấn chặt cậu trong tấm khăn choàng của mình. Bà nói với Giáo sư Lovell bằng giọng sắc bén. Ông thở dài, gật đầu; rồi họ chen lên đầu hàng, từ đó được đưa thẳng đến cabin trong khi một người khuân vác lấy hành lý của họ và mang theo phía sau.

Một tiếng sau,*Countess of Harcourt*Rời cảng.

Robin cuộn tròn trên giường, một tấm chăn dày quấn quanh vai, và cậu bé đã có thể vui vẻ nằm đó cả ngày, nhưng bà Piper giục cậu lên boong tàu để nhìn bờ biển khuất dần. Cậu cảm thấy nhói đau trong lồng ngực khi Quảng Châu biến mất sau đường chân trời, rồi một khoảng trống rỗng hoác, như thể một cái móc câu vừa giật phăng trái tim ra khỏi cơ thể. Mãi đến bây giờ cậu mới nhận ra rằng mình sẽ không đặt chân lên bờ biển quê hương nữa trong nhiều năm, nếu không muốn nói là mãi mãi. Cậu không biết phải nghĩ gì về sự thật này. Từ*loss*không đủ. Mất mát chỉ có nghĩa là thiếu hụt, có nghĩa là thiếu thứ gì đó, nhưng nó không bao hàm được toàn bộ sự chia cắt này, sự mất neo đậu khủng khiếp này khỏi tất cả những gì anh từng biết.

Anh nhìn biển rất lâu, mặc kệ gió thổi, nhìn cho đến khi ngay cả hình ảnh bờ biển trong tưởng tượng cũng tan biến.

Mấy ngày đầu trên chuyến hải trình, anh chỉ ngủ. Anh vẫn đang hồi phục; bà Piper cứ nài nỉ anh phải đi dạo trên boong tàu mỗi ngày cho khỏe, nhưng ban đầu anh chỉ có thể đi lại được vài phút là đã phải nằm xuống. May mắn là anh không bị say sóng; tuổi thơ gắn liền với bến cảng và sông nước đã khiến các giác quan của anh quen với sự chòng chành bất định. Khi đủ khỏe để có thể ngồi trên boong cả ngày, anh thích ngồi tựa lan can, ngắm nhìn những con sóng bất tận đổi màu theo sắc trời, cảm nhận những tia nước biển mặn mòi phả vào mặt.

Thỉnh thoảng Giáo sư Lovell lại trò chuyện với anh khi họ cùng nhau đi tới đi lui.cùng nhau. Robin nhanh chóng nhận ra giáo sư là một người chính xác và kín đáo. Ông chỉ đưa ra thông tin khi nghĩ rằng Robin cần, còn không thì ông vui lòng để những câu hỏi chưa được trả lời.

Ông ấy nói với Robin rằng họ sẽ ở tại điền trang của ông ở Hampstead khi đến Anh. Ông không nói liệu có gia đình ở đó hay không. Ông xác nhận đã trả tiền cho cô Betty suốt những năm qua, nhưng không giải thích tại sao. Ông bóng gió là đã quen mẹ của Robin, và đó là cách ông biết địa chỉ của Robin, nhưng ông không nói rõ mối quan hệ của họ ra sao hay họ gặp nhau như thế nào. Lần duy nhất ông thừa nhận quen biết trước đó là khi hỏi Robin tại sao gia đình cậu lại sống trong căn lều ven sông đó.

“Hồi tôi biết thì họ là một gia đình thương gia giàu có,” ông nói. “Có một cơ ngơi ở Bắc Kinh trước khi dọn xuống phía nam. Chuyện gì đã xảy ra nhỉ, cờ bạc à? Tôi đoán là do người anh trai, phải không?”

Cách đây vài tháng, Robin hẳn đã nổi xung với bất kỳ ai dám nói những lời cay nghiệt về gia đình anh. Nhưng giờ đây, một mình

giữa đại dương mênh mông, không người thân, không một xu dính túi, anh không còn chút giận dữ nào. Ngọn lửa trong anh đã lụi tắt. Anh chỉ còn lại nỗi sợ hãi, và một sự mệt mỏi đến tận cùng.

Dù sao thì, tất cả những điều này đều phù hợp với những gì Robin được nghe kể về sự giàu có trước đây của gia đình mình, một gia tài đã bị phung phí hoàn toàn trong những năm sau khi cậu sinh ra. Mẹ cậu đã phàn nàn về điều đó cay đắng và thường xuyên. Robin không nhớ rõ chi tiết, nhưng câu chuyện cũng giống như bao câu chuyện suy tàn khác của Trung Quốc thời nhà Thanh: một người tộc trưởng già yếu, một người con trai hoang phí, những người bạn xấu xa và xảo quyệt, và một người con gái bất lực mà vì lý do nào đó bí ẩn, không ai muốn cưới. Cậu đã từng được nghe kể rằng mình từng ngủ trong một chiếc nôi sơn mài. Gia đình cậu đã từng có cả tá người hầu và một đầu bếp chuyên nấu những món ngon vật lạ nhập từ các chợ miền Bắc. Họ đã từng sống trong một khu đất rộng lớn có thể chứa năm gia đình, với những con công dạo chơi trong sân. Nhưng tất cả những gì Robin từng biết chỉ là căn nhà nhỏ ven sông.

“Mẹ mình kể rằng cậu đã nướng hết tiền của gia đình vào mấy cái tiệm hút thuốc phiện,” Robin nói với anh ta. “Chủ nợ tịch thu hết đất đai, nhà cửa, và cả nhà phải dọn đi. Rồi cậu mất tích khi mình mới ba tuổi, chỉ còn lại mình với mẹ, các dì và ông bà. À, còn cô Betty nữa.”

Giáo sư Lovell phát ra một tiếng ừ hử đồng cảm, không rõ ràng thái độ. "Tệ thật."

Ngoài những buổi nói chuyện đó ra, giáo sư dành phần lớn thời gian ru rú trong cabin của mình. Họ chỉ thỉnh thoảng thấy ông ở nhà ăn vào bữa tối;Nhiều khi bà Piper phải lấy đầy một đĩa bánh quy cứng và thịt lợn khô mang lên phòng cho ông ấy.

“Ông ấy đang làm việc với mấy bản dịch của mình,” bà Piper nói với Robin. “Ông ấy lúc nào cũng nhặt mấy cuộn giấy và sách cũ trong những chuyến đi này, cậu thấy đấy, và ông ấy thích bắt đầu dịch chúng sang tiếng Anh trước khi quay lại Luân Đôn. Ở đó họ bắt ông ấy bận tối mắt tối mũi – ông ấy là một người rất quan trọng, một thành viên của Hội Hoàng gia Châu Á, cậu biết đấy – và ông ấy nói những chuyến đi biển là khoảng thời gian duy nhất ông ấy có được chút yên tĩnh. Buồn cười thật. Ông ấy mua được mấy cuốn từ điển vần điệu hay ho ở Macau – những thứ đáng yêu, mặc dù ông ấy không cho tôi chạm vào chúng, mấy trang giấy mỏng manh lắm.”

Robin giật mình khi nghe họ đã đến Macao. Anh không hề biết gì về chuyến đi Macao nào cả; thật ngây thơ, anh đã tưởng mình là lý do duy nhất khiến Giáo sư Lovell đến Trung Quốc. "Mọi người đã ở đó bao lâu? Ở Macao, ý tôi là vậy."

‘Ồ, hai tuần hơn. Đáng lẽ chỉ hai tuần thôi, nhưng bọn tôi bị giữ ở hải quan. Họ không thích cho phụ nữ nước ngoài vào đất liền - tôi phải cải trang thành chú của giáo sư, cậu tưởng tượng được không!’

Hai tuần.

Hai tuần trước, mẹ của Robin vẫn còn sống.

“Con ổn chứ, cưng?” Bà Piper xoa đầu cậu bé. “Trông con hơi tái nhợt.”

Robin gật đầu, nuốt lại những lời cậu biết mình không thể nói ra.

Anh ta chẳng có quyền gì mà oán giận. Giáo sư Lovell đã hứa cho anh ta tất cả, và chẳng nợ anh ta gì cả. Robin vẫn chưa hoàn toàn hiểu được luật lệ của thế giới mà anh sắp bước vào, nhưng anh hiểu được sự cần thiết của lòng biết ơn. Của sự kính trọng. Người ta không thù ghét ân nhân của mình.

"Anh có muốn em mang đĩa này xuống cho giáo sư không ạ?", anh ta hỏi.

Cảm ơn em yêu. Em thật chu đáo. Lát nữa lên boong tàu gặp anh nhé, mình cùng ngắm hoàng hôn.

Thời gian như mờ đi. Mặt trời mọc rồi lại lặn, nhưng thiếu đi sự đều đặn của thói quen - cậu không có việc vặt, không phải đi lấy nước hay chạy việc lặt vặt - ngày nào cũng như nhau bất kể giờ giấc. Robin ngủ, đọc đi đọc lại những cuốn sách cũ, và đi tới đi lui trên boong tàu. Thỉnh thoảng cậu bắt chuyện với những hành khách khác, những người dường như luôn thích thú khi nghe thấy một giọng London chuẩn gần như hoàn hảo phát ra từ miệng của cậu bé phương Đông nhỏ nhắn này. Nhớ lại lời của Giáo sư Lovell, cậu rất cố gắng đểchỉ sống với tiếng Anh. Khi những suy nghĩ bằng tiếng Trung lóe lên, anh lập tức dập tắt chúng.

Cậu cũng chôn vùi cả những ký ức của mình. Cuộc sống ở Quảng Châu - mẹ, ông bà, cả thập kỷ rong ruổi quanh bến cảng - tất cả đều dễ dàng trút bỏ một cách đáng ngạc nhiên, có lẽ vì cuộc hành trình này quá xáo trộn, sự đứt gãy quá hoàn toàn. Cậu đã bỏ lại tất cả những gì mình từng biết. Không còn gì để níu kéo, không còn nơi nào để trốn chạy. Thế giới của cậu bây giờ là Giáo sư Lovell, bà Piper, và lời hứa về một đất nước ở phía bên kia đại dương. Cậu chôn vùi quá khứ, không phải vì nó quá tồi tệ mà bởi vì từ bỏ nó là cách duy nhất để tồn tại. Cậu khoác lên mình giọng Anh như một chiếc áo mới, điều chỉnh mọi thứ có thể để nó vừa vặn, và chỉ trong vài tuần, cậu đã mặc nó một cách thoải mái. Chỉ trong vài tuần, không ai còn yêu cầu cậu nói vài câu tiếng Trung để mua vui cho họ nữa. Chỉ trong vài tuần, dường như không ai còn nhớ cậu là người Trung Quốc.

Một buổi sáng nọ, bà Piper đánh thức cậu rất sớm. Cậu càu nhàu phản đối, nhưng bà vẫn cương quyết. "Dậy nào, con trai, con sẽ không muốn bỏ lỡ điều này đâu." Ngáp dài, cậu khoác vội chiếc

áo khoác. Cậu vẫn còn dụi mắt khi cả hai lên boong tàu vào một buổi sáng lạnh lẽo chìm trong màn sương dày đặc đến nỗi Robin gần như không thể nhìn thấy mũi tàu. Nhưng rồi sương mù tan đi, một bóng đen xám xịt hiện ra trên đường chân trời, và đó là lần đầu tiên Robin nhìn thấy London: Thành phố Bạc, trái tim của Đế quốc Anh, và trong thời đại đó, là thành phố lớn nhất và giàu có nhất thế giới.

Chapter Two

That vast metropolis, The fountain of my country's destiny

And of the destiny of earth itself

TâyILLIAMTâyORDSWORTH,*The Prelude*

LLuân Đôn xám xịt ảm đạm; bùng nổ sắc màu; ồn ào náo nhiệt, tràn đầy sức sống; tĩnh lặng đến rợn người, bị ám ảnh bởi những bóng ma và nghĩa địa. Khi*Countess of Harcourt*Lướt theo dòng sông Thames vào thẳng xưởng tàu ngay giữa trái tim thủ đô, Robin ngay lập tức nhận ra Luân Đôn, cũng như Quảng Châu, là một thành phố của những mâu thuẫn và vô vàn sắc thái, đúng như bất kỳ thành phố nào đóng vai trò cửa ngõ giao thương với thế giới.

Nhưng khác với Quảng Châu, Luân Đôn sở hữu một nhịp đập cơ khí. Âm thanh ngân nga của bạc len lỏi khắp thành phố. Nó lấp lánh từ bánh xe ngựa và xe kéo, từ móng ngựa; tỏa sáng từ các tòa nhà dưới cửa sổ và trên lối vào; nằm vùi dưới lòng đường và trên những cánh tay tích tắc của tháp đồng hồ; được trưng bày trong các tủ kính cửa hàng với những tấm biển tự hào khoe khoang sự khuếch đại kỳ diệu của bánh mì, giày ống và đồ trang sức. Dòng sống của Luân Đôn mang một âm sắc sắc bén, kim loại hoàn toàn khác với tiếng tre ọp ẹp, lách cách làm nền tảng cho Quảng Châu. Nó nhân tạo, kim loại - âm thanh của một con dao rít lên trên thép mài; nó là mê cung công nghiệp quái dị trong "Những Công Trình tàn nhẫn / Của vô số Bánh xe tôi thấy, bánh xe không bánh xe, với những răng cưa bạo ngược, ép buộc nhau chuyển động" của William Blake.[*]

Luân Đôn đã tích lũy phần lớn bạc quặng và ngôn ngữ của thế giới, và kết quả là một thành phố to lớn hơn, nặng nề hơn, nhanh hơn và sáng sủa hơn bất cứ điều gì tự nhiên cho phép.

Luân Đôn thật tham lam,phát phì trên chiến lợi phẩm của mình nhưng vẫn đói khát một cách nào đó. Luân Đôn vừa giàu có đến khó tin vừa nghèo khổ đến cùng cực. Luân Đôn - xinh đẹp, xấu xí, ngổn ngang, chật chội, ồn ào, khịt mũi, đức hạnh, đạo đức giả, Luân Đôn dát bạc - đang sắp đến ngày phán xét, vì sẽ đến ngày nó tự nuốt chửng chính mình từ bên trong hoặc vươn ra bên ngoài tìm kiếm những món ngon mới, lao động, vốn liếng và văn hóa để nuôi sống bản thân.

Nhưng cán cân quyền lực vẫn chưa nghiêng hẳn về một phía, và cuộc vui, ít nhất là bây giờ, vẫn có thể tiếp diễn. Khi Robin, Giáo sư Lovell và bà Piper đặt chân lên bến cảng London, nơi đây đang náo nhiệt với hoạt động thương mại thuộc địa ở thời kỳ đỉnh cao. Những con tàu chất đầy rương trà, bông vải và thuốc lá, cột buồm và xà ngang được dát bạc để giúp chúng di chuyển nhanh hơn và an toàn hơn, đang chờ được dỡ hàng để chuẩn bị cho chuyến đi tiếp theo đến Ấn Độ, Tây Ấn, Châu Phi và Viễn Đông. Chúng chở hàng hóa của Anh đi khắp thế giới. Và chúng mang về những rương bạc.

Thỏi bạc đã được sử dụng ở Luân Đôn – và thực sự là trên toàn thế giới – trong cả thiên niên kỷ, nhưng kể từ thời kỳ đỉnh cao của Đế chế Tây Ban Nha chưa từng có nơi nào trên thế giới giàu có và phụ thuộc vào sức mạnh của bạc đến vậy. Bạc dát dọc các kênh đào khiến nước trong lành và sạch sẽ hơn bất kỳ dòng sông nào như sông Thames có thể. Bạc trong máng xối che giấu mùi hôi thối của mưa, bùn và nước thải bằng hương thơm của hoa hồng vô hình. Bạc trong tháp đồng hồ khiến tiếng chuông ngân vang xa hàng dặm, xa hơn bình thường, cho đến khi các nốt nhạc va chạm một cách chói tai khắp thành phố và lan ra cả vùng nông thôn.

Bạc hiện diện ngay cả trong chỗ ngồi của những chiếc xe ngựa hai bánh Hansom mà Giáo sư Lovell gọi sau khi họ làm xong thủ tục hải quan – một chiếc cho ba người họ, và một chiếc thứ hai cho hành lý. Khi họ ngồi vào, nép sát nhau trong chiếc xe nhỏ

hẹp, Giáo sư Lovell với qua đầu gối và chỉ vào một thanh bạc được gắn vào sàn xe.

“Anh đọc được cái đó ghi gì không?” anh ta hỏi.

Robin cúi người, nheo mắt. "Tốc độ. Và... spes?"

‘*Spēs*, Giáo sư Lovell nói. 'Đó là tiếng Latin. Nó là gốc của từ tiếng Anh*speed*, và nó tượng trưng cho sự hội tụ của hy vọng, may mắn, thành công, và đạt được mục tiêu của một người. Khiến xe ngựa chạy an toàn và nhanh chóng hơn một chút.’

Robin cau mày, đưa ngón tay dọc theo thanh kim loại. Trông nó nhỏ bé quá, quá vô hại để có thể tạo ra một hiệu ứng sâu sắc đến vậy. "Nhưng bằng cách nào?" Và một câu hỏi thứ hai, cấp bách hơn. "Liệu..."*I*—’

"Rồi sẽ đến lúc." Giáo sư Lovell vỗ vai cậu. "Nhưng đúng vậy, RobinMau lên. Con sẽ là một trong số ít học giả trên thế giới biết được bí mật của nghề bạc. Đó là lý do tại sao ta đưa con đến đây.

Hai tiếng đồng hồ ngồi taxi đưa họ đến một ngôi làng tên là Hampstead, cách phía bắc London vài dặm, nơi Giáo sư Lovell sở hữu một ngôi nhà bốn tầng xây bằng gạch đỏ nhạt và vữa trắng, được bao quanh bởi một thảm cây bụi xanh mướt rộng rãi.

“Phòng của cháu ở trên tầng cao nhất,” Giáo sư Lovell nói với Robin khi ông mở khóa cửa. “Đi lên cầu thang rồi rẽ phải.”

Bên trong căn nhà tối om và lạnh lẽo. Bà Piper kéo rèm cửa sổ, trong khi Robin kéo lê chiếc rương của mình lên cầu thang xoắn ốc rồi đi dọc hành lang như đã được hướng dẫn. Căn phòng của cậu chỉ có vài món đồ nội thất – một bàn viết, một chiếc giường và một chiếc ghế bành – không hề có đồ trang trí hay vật dụng cá nhân nào ngoại trừ chiếc kệ sách ở góc phòng, chất đầy sách

đến nỗi bộ sưu tập quý giá của cậu trông thật tầm thường khi so sánh.

Tò mò, Robin tiến lại gần. Liệu những cuốn sách này được chuẩn bị riêng cho cậu ấy sao? Điều đó có vẻ khó tin, mặc dù nhiều tựa sách trông giống như những thứ cậu ấy thích – chỉ riêng kệ trên cùng đã có một số cuốn của Swift và Defoe, những tiểu thuyết của các tác giả yêu thích của cậu mà cậu chưa từng biết tới. À, thì ra là...*Gulliver's Travels*Anh ta lấy cuốn sách ra khỏi kệ. Nó trông có vẻ cũ kỹ, vài trang bị nhàu nát, quăn góc và những trang khác loang lổ vết trà hay cà phê.

Anh ta đặt lại cuốn sách, bối rối. Hẳn ai đó đã sống trong căn phòng này trước anh. Có lẽ một cậu trai khác – trạc tuổi anh, cũng yêu thích Jonathan Swift, cũng đã đọc cuốn sách này*Gulliver's Travels*nhiều lần đến nỗi mực ở góc trên bên phải, nơi ngón tay người ta lật trang, đã bắt đầu phai mờ.

Nhưng ai có thể là người đó chứ? Ông ấy cứ nghĩ Giáo sư Lovell không có con cái.

"Robin!" Bà Piper gầm lên từ dưới nhà. "Có người tìm con ở ngoài kia kìa."

Robin vội vã chạy xuống cầu thang. Giáo sư Lovell đứng đợi ở cửa, sốt ruột nhìn đồng hồ bỏ túi của mình.

"Phòng anh được chứ?" hắn hỏi. "Có đủ thứ em cần không?"

Robin gật đầu lia lịa. "Ồ, vâng."

"Tốt." Giáo sư Lovell gật đầu về phía chiếc taxi đang đợi. "Lên xe đi, chúng ta phải biến cậu thành một người Anh."

Ông ấy thật sự có ý như vậy. Cả buổi chiều hôm đó, Giáo sư Lovelldẫn Robin đi làm một loạt việc vặt để đồng hóa cậu bé vào xã hội Anh. Họ đến gặp một bác sĩ, người đã cân, khám cho

Robin, và miễn cưỡng tuyên bố cậu đủ điều kiện để sống trên đảo: ‘Không có bệnh nhiệt đới hay bọ chét, ơn trời. Nó hơi nhỏ con so với tuổi, nhưng cứ cho nó ăn thịt cừu nghiền nhuyễn là sẽ ổn thôi. Giờ thì tiêm phòng đậu mùa nào – xắn tay áo lên nào, làm ơn. Sẽ không đau đâu. Đếm đến ba nhé.’ Họ đến gặp một thợ cắt tóc, người đã cắt phăng mái tóc xoăn dài ngang cằm, rối bù của Robin thành một kiểu tóc ngắn gọn, ngay ngắn trên tai. Họ đến gặp một người bán mũ, một người thợ đóng giày, và cuối cùng là một thợ may, người đã đo từng centimet trên cơ thể Robin và cho cậu xem một vài cuộn vải, trong số đó Robin, choáng ngợp, đã chọn bừa một cuộn.

Khi buổi chiều tàn dần, họ đến tòa án để gặp một luật sư, người đã soạn thảo một bộ giấy tờ mà, theo lời Robin được biết, sẽ biến cậu thành một công dân hợp pháp của Vương quốc Anh và một người được giám hộ bởi Giáo sư Richard Linton Lovell.

Giáo sư Lovell ký tên với một nét chữ phức tạp. Sau đó, Robin tiến đến bàn của luật sư. Mặt bàn quá cao so với cậu, vì vậy một thư ký đã kéo đến một chiếc ghế dài để cậu có thể đứng lên.

“Hình như mình đã ký cái này rồi mà.” Robin liếc xuống. Ngôn ngữ trông khá giống với hợp đồng giám hộ mà Giáo sư Lovell đã đưa cho anh ở Canton.

"Đó là những điều khoản giữa tôi và anh," Giáo sư Lovell nói.*This*biến anh thành một người Anh.

Robin lướt mắt nhìn kịch bản vòng lặp –*guardian, orphan, minor, custody*"Ông đang nhận tôi làm con sao?"

‘Tôi nhận em làm người được bảo hộ. Khác nhau đấy.’

Why?, cậu suýt hỏi. Có điều gì đó quan trọng ẩn chứa trong câu hỏi ấy, dù cậu vẫn còn quá nhỏ để hiểu rõ ràng đó là gì. Một khoảnh khắc căng ra giữa họ, dường như chứa đựng vô vàn khả năng. Người luật sư gãi mũi. Giáo sư Lovell hắng giọng. Nhưng

khoảnh khắc ấy trôi qua không lời đáp. Giáo sư Lovell chẳng nói gì thêm, và Robin biết rõ hơn là đừng nên gặng hỏi. Cậu ký.

Mặt trời đã lặn từ lâu khi họ trở về Hampstead. Robin hỏi liệu anh có thể lên giường nghỉ ngơi không, nhưng Giáo sư Lovell giục anh đến phòng ăn.

Con không thể làm bà Piper thất vọng được; bà ấy đã ở trong bếp cả chiều rồi. Ít nhất cũng phải đẩy thức ăn quanh đĩa một chút chứ.

Bà Piper và căn bếp của bà đã có một cuộc hội ngộ huy hoàng. Chiếc bàn ăn, trông có vẻ to một cách lố bịch so với chỉ hai người họ, chất đầy những bình sữa, ổ bánh mì trắng, cà rốt và khoai tây nướng, nước thịt, một thứ gì đó vẫn đang sôi liu riu trong chiếc tureen mạ bạc, và thứ trông giống như cả một con gà quay. Robin chưa ăn gì từ sáng; đáng lẽ ra cậu phải đói cồn cào, nhưng cậu kiệt sức đến nỗi nhìn thấy tất cả đồ ăn đó khiến dạ dày cậu quặn lại.

Thay vào đó, anh hướng mắt về bức tranh treo phía sau bàn. Không thể nào làm ngơ nó được; nó chiếm trọn cả căn phòng. Bức tranh vẽ một thành phố tuyệt đẹp lúc hoàng hôn, nhưng anh nghĩ đó không phải London. Nó dường như trang nghiêm hơn. Cổ kính hơn.

“À. Cái đó,” Giáo sư Lovell nhìn theo hướng mắt anh, “chính là Oxford.”

*Oxford*Anh ta đã từng nghe thấy từ đó trước đây, nhưng không chắc là ở đâu. Anh cố gắng phân tích cái tên, giống như cách anh vẫn làm với tất cả những từ tiếng Anh xa lạ. "Một... một trung tâm buôn bán bò? Nó là một cái chợ à?"

“Một trường đại học,” Giáo sư Lovell nói. “Một nơi mà tất cả những bộ óc vĩ đại của đất nước có thể tụ họp để nghiên cứu, học tập và giảng dạy. Đó là một nơi tuyệt vời, Robin à.”

Ông ấy chỉ vào một tòa nhà mái vòm lớn ở giữa bức tranh. "Đây là Thư viện Radcliffe. Còn đây," ông ấy ra hiệu về phía một tòa tháp bên cạnh, tòa nhà cao nhất trong khung cảnh, "là Viện Dịch thuật Hoàng gia. Đây là nơi tôi dạy học, và cũng là nơi tôi dành phần lớn thời gian trong năm khi không ở Luân Đôn."

“Đẹp quá,” Robin nói.

“Ồ, đúng vậy.” Giáo sư Lovell nói với một sự ấm áp lạ thường. “Đó là nơi đẹp nhất trần gian.”

Anh dang rộng hai tay ra, như thể đang hình dung Oxford ngay trước mắt. “Hãy tưởng tượng một thị trấn của những học giả, tất cả đều đang nghiên cứu những điều kỳ diệu và hấp dẫn nhất. Khoa học. Toán học. Ngôn ngữ. Văn học. Hãy tưởng tượng tòa nhà này đến tòa nhà khác chứa đầy sách, nhiều hơn số sách cậu từng thấy trong cả cuộc đời mình. Hãy tưởng tượng sự yên tĩnh, tĩnh lặng, và một nơi thanh bình để suy nghĩ.” Anh thở dài. “London đúng là một mớ hỗn độn. Không thể làm được việc gì ở đây cả; thành phố quá ồn ào, và nó đòi hỏi ở cậu quá nhiều. Cậu có thể trốn đến những nơi như Hampstead, nhưng cái lõi ồn ào đó lại kéo cậu quay trở lại dù cậu có muốn hay không. Nhưng Oxford cung cấp cho cậu tất cả những công cụ cậu cần cho công việc của mình – thức ăn, quần áo, sách vở, trà – và sau đó nó để cậu yên. Đó là trung tâm của mọi tri thức và đổi mới trong thế giới văn minh. Và, nếu cậu tiến bộ đủhọc tốt ở đây nhé, biết đâu sau này may mắn được gọi nơi này là nhà.’

Phản ứng duy nhất thích hợp lúc này dường như là một sự im lặng đầy kinh ngạc. Giáo sư Lovell nhìn bức tranh với vẻ mơ màng. Robin cố gắng tỏ ra hào hứng như ông, nhưng không khỏi liếc nhìn giáo sư. Ánh mắt dịu dàng, ...*longing*khiến anh giật mình. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi quen biết giáo sư Lovell, Robin chưa từng thấy ông thể hiện sự yêu thích cuồng nhiệt như vậy với bất cứ thứ gì.

Bài học của Robin bắt đầu vào ngày hôm sau.

Vừa dứt bữa sáng, Giáo sư Lovell đã dặn Robin đi rửa mặt mũi rồi quay lại phòng khách trong vòng mười phút. Ở đó có một quý ông phốp pháp, tươi cười tên là Felton đang đợi – hạng ưu tú ở Oxford, xuất thân từ Oriel đấy nhé – và vâng, ông ấy sẽ đảm bảo Robin bắt kịp được trình độ Latin của Oxford. Cậu bé bắt đầu hơi muộn so với bạn bè cùng trang lứa, nhưng nếu chăm chỉ học hành thì điều đó hoàn toàn có thể khắc phục được.

Thế là bắt đầu một buổi sáng học thuộc lòng từ vựng cơ bản – *agricola, terra, aqua* –điều này khá nản chí, nhưng sau đó lại có vẻ dễ dàng so với những lời giải thích chóng mặt về biến cách và chia động từ tiếp theo. Robin chưa bao giờ được dạy những nguyên tắc cơ bản của ngữ pháp - anh ấy biết những gì hiệu quả trong tiếng Anh bởi vì*sounded*phải rồi – và vì thế khi học tiếng Latin, cậu đã học được những phần cơ bản của ngôn ngữ nói chung. Danh từ, động từ, chủ ngữ, vị ngữ, từ nối; rồi đến cách danh cách, sở hữu cách, đối cách... Cậu tiếp thu một lượng kiến thức khổng lồ trong ba giờ sau đó, và quên mất phân nửa khi bài học kết thúc, nhưng cậu ra về với một sự trân trọng sâu sắc đối với ngôn ngữ và tất cả những từ ngữ dùng để diễn tả những gì ta có thể làm với nó.

“Không sao đâu, chàng trai.” May thay, ông Felton là một người kiên nhẫn, và dường như ông thông cảm với sự tra tấn tinh thần mà ông đã bắt Robin chịu đựng. “Cháu sẽ thấy vui hơn nhiều sau khi chúng ta đặt nền móng xong. Cứ chờ đến khi chúng ta học Cicero nhé.” Ông nhìn xuống ghi chú của Robin. “Nhưng cháu phải cẩn thận hơn với chính tả của mình.”

Robin không hiểu mình đã sai ở đâu. "Ý anh là sao?"

‘Cậu quên gần hết dấu mũ rồi.’

“Ồ.” Robin cố nén tiếng thở dài khó chịu; anh đang rất đói và chỉ muốn xong việc để đi ăn trưa. “Mấy cái đó.”

Ông Felton gõ khớp ngón tay xuống bàn. "Độ dài của một nguyên âm đơn cũng quan trọng đấy, Robin Swift. Hãy nghĩ đến Kinh Thánh. Bản gốcBản tiếng Do Thái không bao giờ nói rõ loại trái cấm nào mà con rắn đã dụ dỗ Ê-va ăn. Nhưng trong tiếng Latinh,*malum*nghĩa là "xấu" và*mālum*, anh viết các từ ra cho Robin, nhấn mạnh dấu macron một cách mạnh mẽ, 'có nghĩa là "quả táo". Từ đó, việc đổ lỗi cho quả táo về tội lỗi nguyên thủy chỉ là một bước ngắn. Nhưng theo những gì chúng ta biết, thủ phạm thực sự có thể là một quả hồng.

Ông Felton rời đi vào giờ ăn trưa, sau khi giao một danh sách gần trăm từ vựng cần học thuộc lòng trước sáng hôm sau. Robin ăn một mình trong phòng khách, máy móc xúc từng miếng thịt nguội và khoai tây vào miệng trong khi chớp mắt nhìn đăm đăm vào cuốn ngữ pháp mà chẳng hiểu gì.

"Thêm khoai tây nữa không em yêu?" Bà Piper hỏi.

"Không, cảm ơn." Đồ ăn nặng, cộng thêm chữ in nhỏ xíu trong tài liệu đang đọc khiến anh buồn ngủ. Đầu anh nhói lên; điều anh thực sự muốn lúc này là một giấc ngủ dài.

Nhưng chẳng có sự hoãn lại nào cả. Đúng hai giờ, một quý ông mảnh khảnh, râu bạc phơ tự giới thiệu là ông Chester đến nhà, và trong ba giờ tiếp theo, họ bắt đầu việc dạy Robin tiếng Hy Lạp cổ đại.

Tiếng Hy Lạp là một bài tập biến những thứ quen thuộc trở nên xa lạ. Bảng chữ cái của nó được ghép nối với bảng chữ cái La Mã, nhưng chỉ một phần, và các chữ cái thường không phát âm giống như vẻ ngoài của chúng – chữ rho (P) không phải là một...*P*, và một eta (H) không phải là một*H*Giống như tiếng Latin, nó sử dụng cách chia động từ và biến cách danh từ, nhưng lại có nhiều thì, thức và thể hơn cần phải nhớ. Hệ thống âm thanh của nó dường như khác xa tiếng Anh hơn cả tiếng Latin, và Robin cứ vật lộn để không phát âm ngữ điệu tiếng Hy

Lạp giống như tiếng Trung. Thầy Chester nghiêm khắc hơn thầy Felton, và trở nên cáu kỉnh, gắt gỏng khi Robin cứ mắc lỗi ở đuôi động từ. Cuối buổi chiều, Robin cảm thấy lạc lõng đến mức tất cả những gì cậu có thể làm là lặp lại những âm thanh mà thầy Chester ném vào mình.

Ông Chester rời đi lúc năm giờ, sau khi giao thêm một núi bài đọc khiến Robin nhìn thôi đã thấy ngán ngẩm. Cậu mang sách vở về phòng, rồi loạng choạng, đầu óc quay cuồng, xuống phòng ăn tối.

"Lớp học của em hôm nay thế nào?" Giáo sư Lovell hỏi.

Robin ngập ngừng. "Ổn cả."

Giáo sư Lovell mỉm cười. "Hơi quá lời phải không?"

Robin thở dài. "Chỉ một chút xíu thôi, thưa ngài."

‘Nhưng đó chính là cái hay của việc học một ngôn ngữ mới. Nó*should*cảm giác như một công việc khổng lồ. Nó đáng lẽ phải khiến bạn sợ hãi. Nó khiến bạn trân trọng sự phức tạp của những ngôn ngữ bạn đã biết.’

‘Nhưng tôi không hiểu tại sao chúng lại phải như vậy*quite*"Phức tạp quá," Robin nói với vẻ đột ngột gay gắt. Cậu không thể kiềm chế được; sự bực bội của cậu đã dâng lên từ trưa. "Ý tôi là, tại sao lại có nhiều quy tắc thế? Tại sao lại nhiều đến vậy*endings*Tiếng Trung không có những thứ đó; chúng tôi không có thì, biến cách hay chia động từ. Tiếng Trung đơn giản hơn nhiều—

“Cậu sai rồi,” Giáo sư Lovell nói. “Mỗi ngôn ngữ đều phức tạp theo cách riêng của nó. Latinh chỉ tình cờ thể hiện sự phức tạp đó qua hình thái từ. Sự phong phú về hình thái học của nó là một lợi thế, chứ không phải là một trở ngại. Hãy xem xét câu*He will learn.Tā huì xué.*Ba từ tiếng Anh, ba từ tiếng Trung. Tiếng Latin chỉ cần một.*Disce.*Sang trọng hơn nhiều, thấy chưa?

Robin không chắc anh ấy có làm vậy.

Thói quen này – tiếng Latin vào buổi sáng, tiếng Hy Lạp vào buổi chiều – trở thành cuộc sống của Robin trong tương lai gần. Cậu biết ơn vì điều này, bất chấp sự vất vả. Cuối cùng, cậu cũng có một khuôn khổ cho những ngày của mình. Cậu cảm thấy bớt lạc lõng và hoang mang hơn bây giờ – cậu có mục đích, có chỗ đứng, và mặc dù cậu vẫn chưa thể hiểu rõ tại sao cuộc sống này lại rơi vào tay mình.*him*trong số tất cả những cậu bé khuân vác ở Quảng Châu, cậu làm việc với sự siêng năng, quyết tâm và không hề phàn nàn.

Mỗi tuần hai lần, anh ấy luyện nói tiếng Quan Thoại với Giáo sư Lovell.* Ban đầu, anh ta chẳng hiểu gì cả. Những đoạn hội thoại này nghe giả tạo, gượng gạo, và hơn hết, là không cần thiết. Anh ta đã nói trôi chảy rồi; anh ta đâu có vấp váp khi nhớ từ hay phát âm như...khi anh ta và ông Felton nói chuyện bằng tiếng Latinh. Tại sao anh ta phải trả lời những câu hỏi tầm thường như anh ta thấy bữa tối thế nào, hay anh ta nghĩ gì về thời tiết?

Nhưng Giáo sư Lovell vẫn kiên quyết. "Ngôn ngữ dễ bị lãng quên hơn anh tưởng đấy," ông nói. "Một khi anh ngừng sống trong thế giới tiếng Trung, anh sẽ ngừng suy nghĩ bằng tiếng Trung."

“Nhưng em tưởng anh muốn em bắt đầu suy nghĩ bằng tiếng Anh mà,” Robin bối rối nói.

Tôi muốn anh*live*"Bằng tiếng Anh," Giáo sư Lovell nói. "Điều này đúng. Nhưng tôi vẫn cần em luyện tập tiếng Trung. Những từ và cụm từ mà em nghĩ đã khắc cốt ghi tâm có thể biến mất bất cứ lúc nào."

Anh ta nói như thể chuyện này đã từng xảy ra rồi.

Con đã lớn lên với nền tảng vững chắc về tiếng Quan Thoại, tiếng Quảng Đông và tiếng Anh. Điều đó rất may mắn – có những người lớn dành cả đời để cố gắng đạt được những gì con

đang có. Và ngay cả khi họ làm được, họ cũng chỉ đạt được sự lưu loát vừa đủ – đủ để xoay sở, nếu họ suy nghĩ kỹ và nhớ lại từ vựng trước khi nói – nhưng không thể nào đạt được sự lưu loát như người bản ngữ, nơi mà từ ngữ tuôn ra một cách tự nhiên, không cần suy nghĩ hay gắng sức. Mặt khác, con đã nắm vững phần khó nhất của hai hệ thống ngôn ngữ – ngữ điệu và nhịp điệu, những đặc điểm vô thức mà người lớn mất rất nhiều thời gian để học, và ngay cả khi học được, cũng không hoàn toàn giống. Nhưng con phải*maintain*chúng nó. Con không thể lãng phí những năng khiếu trời ban của mình.'

"Nhưng cháu không hiểu," Robin nói. "Nếu cháu có năng khiếu tiếng Trung, thì học tiếng Latin và tiếng Hy Lạp để làm gì ạ?"

Giáo sư Lovell cười khúc khích. "Để hiểu tiếng Anh."

"Nhưng tôi biết tiếng Anh."

Không tốt như cậu tưởng đâu. Nhiều người nói được đấy, nhưng ít người thực sự…*know*nó, cội nguồn và khung xương của nó. Nhưng bạn cần phải biết lịch sử, hình dạng và chiều sâu của một ngôn ngữ, đặc biệt nếu bạn dự định vận dụng nó như bạn sẽ học được vào một ngày nào đó. Và bạn cũng sẽ cần phải đạt được sự tinh thông đó với tiếng Trung. Điều đó bắt đầu bằng việc thực hành những gì bạn đã có.

Giáo sư Lovell đã đúng. Robin phát hiện ra rằng, thật đáng kinh ngạc khi một ngôn ngữ từng quen thuộc như da thịt mình lại dễ dàng bị mất đi đến vậy. Ở Luân Đôn, không thấy bóng dáng một người Trung Quốc nào khác, ít nhất là không có trong những tầng lớp xã hội mà anh lui tới, tiếng mẹ đẻ của anh nghe như tiếng bập bẹ. Thốt ra trong phòng khách ấy, một không gian đặc trưng nước Anh nhất, nó nghe như lạc lõng, như được bịa đặt. Và điều đó khiến anh sợ hãi.anh ấy, đôi khi, trí nhớ anh ấy lại lơ đãng đến nhường nào, những âm tiết mà anh ấy lớn lên cùng bỗng nhiên nghe xa lạ đến thế.

Anh ấy dành gấp đôi công sức cho tiếng Trung so với tiếng Hy Lạp và Latinh. Hàng giờ mỗi ngày, anh luyện viết chữ Hán, tỉ mỉ với từng nét bút cho đến khi đạt được bản sao hoàn hảo của các chữ in. Anh lục lọi trí nhớ để nhớ lại cảm giác của những cuộc trò chuyện bằng tiếng Trung, âm điệu của tiếng Quan Thoại khi nó tuôn ra một cách tự nhiên, khi anh không cần phải dừng lại để nhớ âm điệu của từ tiếp theo.

Nhưng anh ấy*was*Sự lãng quên. Điều đó làm ông khiếp sợ. Đôi khi, trong lúc luyện tập hội thoại, ông thấy mình quên béng một từ mà ông từng dùng như cơm bữa. Và đôi khi, với chính tai mình, ông nghe như một thủy thủ châu Âu bắt chước tiếng Trung Quốc mà chẳng hiểu mình đang nói gì.

Anh ấy có thể sửa chữa được điều đó. Anh ấy sẽ làm được. Thông qua luyện tập, ghi nhớ, và viết lách hàng ngày – tuy không giống như việc sống và hít thở tiếng Quan Thoại, nhưng cũng gần được như vậy rồi. Anh ấy đang ở độ tuổi mà ngôn ngữ đã in sâu vào tâm trí. Nhưng anh ấy phải cố gắng, thực sự cố gắng, để đảm bảo rằng mình không ngừng mơ bằng tiếng mẹ đẻ.

Ít nhất ba lần một tuần, Giáo sư Lovell tiếp đón đủ loại khách khứa trong phòng khách của mình. Robin đoán họ chắc cũng là học giả, vì họ thường đến mang theo chồng sách hoặc bản thảo đóng bìa, thứ mà họ sẽ nghiền ngẫm và tranh luận cho đến tận khuya. Hóa ra, một vài người trong số này có thể nói tiếng Trung, và Robin đôi khi nấp trên lan can, nghe lén âm thanh rất lạ lùng của những người Anh đang thảo luận về những điểm tinh tế của ngữ pháp tiếng Trung cổ điển trong lúc uống trà chiều. "Nó chỉ là một trợ từ cuối câu thôi mà," một người trong số họ sẽ khăng khăng, trong khi những người khác kêu lên, "Nhưng mà, họ không thể..."*all*là trợ từ cuối câu.

Giáo sư Lovell dường như thích Robin tránh mặt khi có khách. Ông chưa bao giờ cấm rõ ràng sự hiện diện của Robin, nhưng

ông sẽ ghi chú lại rằng ông Woodbridge và ông Ratcliffe sẽ đến thăm lúc tám giờ, điều mà Robin hiểu là mình nên "biến mất".

Robin không có vấn đề gì với sự sắp xếp này. Phải thừa nhận rằng, anh thấy những cuộc trò chuyện của họ thật hấp dẫn – họ thường nói về những điều xa xôi như các cuộc thám hiểm đến Tây Ấn, đàm phán về vải bông in ở Ấn Độ, và tình trạng bất ổn bạo lực khắp vùng Cận Đông. Nhưng với tư cách là một nhóm, họđáng sợ; một đám rước những người đàn ông nghiêm nghị, uyên bác, tất cả đều mặc đồ đen như một bầy quạ đen, người này còn đáng sợ hơn người kia.

Lần duy nhất ông xông vào một trong những buổi tụ tập này là do vô tình. Ông đang đi dạo trong vườn, thực hiện vòng đi bộ hàng ngày theo lời khuyên của bác sĩ, thì nghe thấy giáo sư và khách khứa đang lớn tiếng bàn luận về Quảng Châu.

"Napier đúng là đồ ngu," Giáo sư Lovell nói. "Hắn ta ra bài quá sớm — chẳng có chút tinh tế nào cả. Quốc hội chưa sẵn sàng, lại còn chọc giận đám nhà buôn nữa chứ."

"Ông nghĩ bọn Đảng Bảo thủ sẽ muốn chuyển vào bất cứ lúc nào không?", một người đàn ông có giọng nói rất trầm hỏi.

Có thể. Nhưng chúng sẽ phải chiếm được một vị trí vững chắc hơn ở Quảng Châu nếu muốn đưa tàu vào.

Lúc này Robin không thể không mạo muội bước vào phòng khách. "Còn Quảng Châu thì sao?"

Tất cả các quý ông đều quay lại nhìn anh ta ngay lập tức. Có bốn người, tất cả đều rất cao, và đều đeo kính gọng hoặc kính một mắt.

“Còn Quảng Châu thì sao?”, Robin hỏi lại, bỗng nhiên lo lắng.

“Suỵt,” Giáo sư Lovell nói. “Robin, giày con bẩn quá, con làm bùn đất khắp nơi rồi. Cởi giày ra và đi tắm đi.”

Robin nài nỉ. "Vua George sắp tuyên chiến với Quảng Châu à?"

‘Ông ta không thể tuyên chiến với Quảng Châu, Robin. Không ai tuyên chiến với một thành phố cả.’

"Vậy là Vua George định xâm lược Trung Quốc à?" anh ta vẫn khăng khăng.

Vì lý do nào đó, điều này khiến các quý ông bật cười.

"Ước gì chúng ta có thể," người đàn ông có giọng nói trầm trầm nói. "Việc đó sẽ khiến toàn bộ công việc này dễ dàng hơn rất nhiều, phải không?"

Một người đàn ông với bộ râu xám dài nhìn chằm chằm Robin. "Và lòng trung thành của cậu nằm ở đâu? Ở đây, hay trở về nhà?"

“Trời đất.” Người đàn ông thứ tư, với đôi mắt xanh nhạt khiến Robin thấy bất an, cúi xuống xem xét anh ta, như thể qua một chiếc kính lúp vô hình khổng lồ. “Đây là người mới à? Cậu ta trông còn giống hệt cậu hơn cả người trước nữa—”

Giọng Giáo sư Lovell vang lên sắc lạnh. "Hayward."

Thật đấy, nó*uncanny*Ý tôi là, nhìn vào mắt anh ta đi. Không phải màu mắt, mà là*shape*—

‘*Hayward*.

Robin liếc nhìn qua lại giữa hai người họ, vẻ mặt hoang mang.

“Đủ rồi,” Giáo sư Lovell nói. “Robin,*go*.

Robin lầm bầm lời xin lỗi rồi vội vã chạy lên cầu thang, quên cả đôi ủng lấm bùn. Qua vai, cậu nghe thấy những mảnh vụn

trong câu trả lời của Giáo sư Lovell: "Nó không biết, tôi không thích gieo ý tưởng cho nó . . . Không, Hayward, tôi sẽ không—" Nhưng khi cậu đến được chỗ an toàn trên chiếu nghỉ, nơi cậu có thể nhoài người qua lan can và nghe lén mà không bị bắt gặp, họ đã đổi chủ đề sang Afghanistan.

Đêm đó, Robin đứng trước gương, nhìn chằm chằm vào khuôn mặt mình đến nỗi cuối cùng nó trông như của người xa lạ.

Các dì của anh thích nói rằng anh có khuôn mặt dễ lẫn vào đám đông – tóc và mắt anh, cùng một màu nâu nhạt hơn so với màu đen mun của những người còn lại trong gia đình, khiến người ta có thể tin rằng anh là con trai của một thủy thủ Bồ Đào Nha hoặc là người thừa kế của Hoàng đế nhà Thanh. Nhưng Robin luôn cho rằng đó chỉ là sự sắp đặt ngẫu nhiên của tự nhiên, ban cho anh những đặc điểm có thể thuộc về bất kỳ đâu trên dải màu da, dù là trắng hay vàng.

Anh chưa bao giờ tự hỏi liệu mình có phải là người Hoa thuần chủng hay không.

Nhưng còn lựa chọn nào khác? Chẳng lẽ cha anh là người da trắng? Chẳng lẽ cha anh là—

Look at his eyes.

Đó là bằng chứng không thể chối cãi, phải không?

Vậy thì tại sao cha anh ta lại không nhận Robin là con ruột của mình? Tại sao anh ta chỉ là con nuôi, chứ không phải con trai?

Nhưng ngay cả khi đó, Robin cũng không quá nhỏ để hiểu rằng có những sự thật không thể nói ra, rằng cuộc sống bình thường chỉ có thể tồn tại nếu chúng không bao giờ được thừa nhận. Cậu có mái nhà che nắng che mưa, ba bữa cơm mỗi ngày, và được tiếp cận với nhiều sách hơn mức cậu có thể đọc hết trong suốt cuộc đời. Cậu biết mình không có quyền đòi hỏi gì hơn.

Anh đã quyết định rồi. Anh sẽ không bao giờ chất vấn Giáo sư Lovell, không bao giờ dò xét vào khoảng trống nơi sự thật thuộc về. Chừng nào Giáo sư Lovell chưa chấp nhận anh như một đứa con trai, Robin sẽ không cố gắng nhận ông là cha. Một lời nói dối không phải là nói dối nếu nó chưa bao giờ được thốt ra; những câu hỏi không bao giờ được hỏi thì không cần câu trả lời. Cả hai người họ sẽ hoàn toàn bằng lòng nán lại trong khoảng không mập mờ, vô tận giữa sự thật và sự phủ nhận.

Anh lau khô người, mặc quần áo, rồi ngồi xuống bàn làm việc để hoàn thành...Bài tập dịch buổi tối. Anh ấy và ông Felton đã chuyển sang Tacitus.*Agricola*bây giờ.

Auferre trucidare rapere falsis nominibus imperium atque ubi solitudinem faciunt pacem appellant.

Robin phân tích câu, tra từ điển để kiểm tra lại rằng*auferre*nghĩ nó có nghĩa gì thì viết ra bản dịch của mình.*

Đầu tháng Mười, khi học kỳ Michaelmas bắt đầu, giáo sư Lovell lên đường đến Oxford, nơi ông sẽ ở lại tám tuần tiếp theo. Ông sẽ làm điều này trong mỗi ba học kỳ của Oxford, chỉ trở về trong những kỳ nghỉ. Robin rất thích những khoảng thời gian này; mặc dù các lớp học của cậu không ngừng lại, nhưng khi đó cậu cảm thấy có thể thở phào nhẹ nhõm và thư giãn mà không sợ làm người giám hộ của mình thất vọng trong mọi việc.

Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, không còn bị Giáo sư Lovell theo sát nữa, anh ta được tự do khám phá thành phố.

Giáo sư Lovell chẳng cho cậu xu nào, nhưng bà Piper thỉnh thoảng vẫn dúi cho cậu vài đồng lẻ để đi lại, số tiền ấy cậu dành dụm cho đến khi nào đủ để đi xe ngựa đến Covent Garden. Khi biết được từ một cậu bé bán báo về dịch vụ xe buýt kéo bằng ngựa, cậu đi gần như mỗi cuối tuần, rong ruổi khắp trung tâm Luân Đôn từ Paddington Green đến Ngân hàng Anh. Những

chuyến đi một mình đầu tiên khiến cậu sợ hãi; nhiều lần cậu tin chắc rằng mình sẽ không bao giờ tìm được đường về Hampstead nữa và sẽ phải sống lang thang ngoài đường như một đứa trẻ vô gia cư. Nhưng cậu vẫn kiên trì. Cậu không chịu khuất phục trước sự phức tạp của Luân Đôn, vì Quảng Châu chẳng phải cũng là một mê cung đó sao? Cậu quyết tâm biến nơi này thành nhà bằng cách đi bộ khắp mọi ngóc ngách của nó. Từng chút một, Luân Đôn dần bớt đáng sợ, bớt giống một cái hố quái vật khổng lồ, méo mó, có thể nuốt chửng cậu ở bất kỳ góc phố nào, mà giống một mê cung có thể định hướng được, với những ngóc ngách và khúc quanh mà cậu có thể đoán trước.

Anh ta đọc thành phố. Luân Đôn những năm 1830 đang bùng nổ với văn hóa in ấn. Báo chí, tạp chí, tập san, ấn phẩm hàng quý, hàng tuần, hàng tháng, và sách đủ mọi thể loại bay khỏi kệ, bị ném lên bậc cửa, và rao bán khắp các góc phố. Anh ta nghiền ngẫm những tờ báo trên sạp...*The Times,*cái/những*Standard*, và cái*Morning Post*; anh ta đọc, dù không hoàn toàn hiểu, các bài báo trên các tạp chí học thuật như*Edinburgh Review*và*Quarterly Review*; hắn ta đọc mấy tờ báo châm biếm rẻ tiền như*Figaro in London*, những tin tức giả tạo đầy kịch tính như các phóng sự tội phạm sặc sỡ và loạt bài về lời thú tội cuối cùng của tử tù. Với những thứ rẻ tiền hơn, hắn tự mua vui bằng*Bawbee Bagpipe*Anh tình cờ thấy một bộ phim tên là*The Pickwick Papers*của một người tên là Charles Dickens, một người rất hài hước nhưng dường như rất ghét bất kỳ ai không phải là người da trắng. Ông đã khám phá ra Fleet Street, trung tâm xuất bản của London, nơi những tờ báo nóng hổi vừa ra lò. Ông quay lại đó hết lần này đến lần khác, mang về nhà hàng chồng báo cũ miễn phí từ những đống báo bị vứt bỏ ở góc phố.

Cậu ta chẳng hiểu nổi một nửa những gì mình đọc, dù có thể nhận ra từng từ riêng lẻ. Các văn bản đầy những điển tích chính trị, chuyện cười nội bộ, tiếng lóng và những quy ước mà cậu chưa từng được học. Thay vì một tuổi thơ thấm nhuần tất cả những điều đó ở Luân Đôn, cậu ta cố gắng ngấu nghiến toàn bộ

kho tàng kiến thức, cố gắng cày cuốc qua những từ ngữ như Tories, Whigs, Chartists, và Reformers và học thuộc lòng chúng là gì. Cậu ta học được Luật Ngũ Cốc là gì và chúng có liên quan gì đến một người Pháp tên Napoleon. Cậu học được người Công giáo và người Kháng Cách là ai, và bằng cách nào mà (ít nhất là cậu nghĩ vậy) những khác biệt nhỏ về giáo lý giữa hai bên lại rõ ràng là một vấn đề quan trọng và đẫm máu. Cậu ta học được rằng là người Anh không giống với là người Anh Quốc, mặc dù cậu vẫn rất khó diễn đạt sự khác biệt giữa hai từ này.

Anh đọc thành phố, và anh học ngôn ngữ của nó. Những từ mới trong tiếng Anh là một trò chơi với anh, bởi vì khi hiểu được một từ, anh luôn hiểu thêm điều gì đó về lịch sử hoặc văn hóa Anh. Anh thích thú khi những từ thông dụng, một cách bất ngờ, được hình thành từ những từ khác mà anh đã biết.*Hussy*là một hợp chất của*house*và*wife*.*Holiday*là một hợp chất của*holy*và*day*. *Bedlam*một cách khó tin, đến từ*Bethlehem*. *Goodbye*là một phiên bản rút gọn đến khó tin của*God be with you*Ở khu Đông London, ông gặp tiếng lóng vần Cockney, thứ ban đầu là một bí ẩn lớn, vì ông không hề biết cách*Hampstead*có thể mang nghĩa là "răng".* Nhưng một khi đã biết về phần vần điệu bị bỏ sót, anh ta rất thích thú tự nghĩ ra vần điệu của riêng mình. (Bà Piper không lấy gì làm vui vẻ khi anh ta bắt đầu gọi bữa tối là "bữa ăn của các thánh".)*

Rất lâu sau khi đã hiểu được nghĩa chính xác của những từ ngữ từng khiến cậu bối rối, tâm trí cậu vẫn tự hình thành những liên tưởng kỳ quặc xoay quanh chúng. Cậu tưởng tượng Nội các là một dãy kệ đồ sộ, nơi những người đàn ông ăn vận cầu kỳ được sắp xếp như búp bê. Cậu nghĩ rằng đảng Whig được đặt tên theo bộ tóc giả của họ, còn đảng Tory thì được đặt tên theo công chúa Victoria trẻ tuổi. Cậu tưởng tượng Marylebone được cấu tạo từ đá cẩm thạch và xương, Belgravia là vùng đất của chuông và mộ, còn Chelsea được đặt tên theo vỏ sò và biển. Giáo sư Lovell có một kệ sách toàn những cuốn của Alexander Pope trong thư viện, và suốt cả năm trời Robin cứ nghĩ...*The Rape of the Lock*là

về chuyện gian dâm với một cái bu lông sắt chứ không phải trộm tóc.*

Anh học được rằng một bảng Anh trị giá hai mươi shilling, và một shilling trị giá mười hai pence – còn florin, groat và farthing thì anh sẽ tìm hiểu sau. Anh học được rằng có rất nhiều kiểu người Anh, cũng như có rất nhiều kiểu người Trung Quốc, và rằng việc là người Ireland hay xứ Wales thì khác biệt đáng kể so với việc là người Anh. Anh học được rằng bà Piper đến từ một nơi gọi là Scotland, điều đó khiến bà là người Scotland, và cũng giải thích tại sao giọng của bà, du dương và phát âm rõ ràng âm /r/, lại nghe khác biệt rất nhiều so với giọng nói dứt khoát, thẳng thắn của Giáo sư Lovell.

Ông nhận ra Luân Đôn năm 1830 là một thành phố không biết mình muốn trở thành cái gì. Thành phố Bạc là trung tâm tài chính lớn nhất thế giới, mũi nhọn của công nghiệp và công nghệ. Nhưng lợi nhuận của nó không được chia sẻ đồng đều. Luân Đôn vừa là thành phố của những vở kịch ở Covent Garden và những buổi dạ hội ở Mayfair, vừa là thành phố của những khu ổ chuột chật chội quanh St Giles. Luân Đôn là thành phố của những nhà cải cách, nơi những người như William Wilberforce và Robert Wedderburn đã thúc giục xóa bỏ chế độ nô lệ; nơi các cuộc bạo loạn Spa Fields kết thúc với việc các nhà lãnh đạo bị buộc tội phản quốc; nơi những người theo Owen đã cố gắng thuyết phục mọi người tham gia các cộng đồng xã hội chủ nghĩa không tưởng của họ (ông vẫn chưa chắc xã hội chủ nghĩa là gì); và nơi Mary Wollstonecraft's*Vindication of the Rights of Woman*, được xuất bản chỉ bốn mươi năm trước, đã tạo nên làn sóng những người theo chủ nghĩa nữ quyền và đòi quyền bầu cử cho phụ nữ mạnh mẽ, tự hào. Ông phát hiện ra rằng trong Quốc hội, tại các tòa thị chính và trên đường phố, các nhà cải cách thuộc mọi tầng lớp đang đấu tranh cho linh hồn của London, trong khi tầng lớp thống trị bảo thủ, sở hữu nhiều đất đai, chống lại mọi nỗ lực thay đổi.

Lúc đó, anh ta chẳng hiểu gì về những cuộc đấu tranh chính trị này cả. Anh ta chỉcảm nhận được rằng Luân Đôn, và cả nước Anh nói chung, đang rất chia rẽ về bản chất và những gì nó muốn trở thành. Và ông hiểu rằng bạc đứng đằng sau tất cả. Bởi vì khi những người cấp tiến viết về hiểm họa của công nghiệp hóa, và khi những người bảo thủ bác bỏ điều này bằng chứng cứ về một nền kinh tế đang bùng nổ; khi bất kỳ đảng phái chính trị nào nói về khu ổ chuột, nhà ở, đường xá, giao thông, nông nghiệp và sản xuất; khi bất cứ ai nói về nước Anh và tương lai của Đế chế, thì từ đó luôn luôn hiện diện trên báo chí, sách mỏng, tạp chí, và thậm chí cả trong sách kinh cầu nguyện:*silver, silver, silver*.

Từ bà Piper, ông học được nhiều hơn cả những gì ông tưởng tượng về ẩm thực và nước Anh. Việc làm quen với khẩu vị mới này mất một thời gian. Ông chưa bao giờ nghĩ nhiều về đồ ăn khi còn sống ở Quảng Châu – cháo, bánh bao hấp, há cảo và các món rau củ tạo nên bữa ăn hàng ngày của ông dường như chẳng có gì đặc biệt. Chúng là những món ăn chủ yếu của một gia đình nghèo, khác xa với ẩm thực Trung Hoa cao cấp. Giờ đây, ông ngạc nhiên nhận ra mình nhớ chúng đến nhường nào. Người Anh dường như chỉ sử dụng thường xuyên hai vị – mặn và không mặn – và dường như không nhận ra bất kỳ vị nào khác. Đối với một quốc gia kiếm lời rất nhiều từ việc buôn bán gia vị, người dân của nó lại cực kỳ ác cảm với việc thực sự sử dụng chúng; trong suốt thời gian ở Hampstead, ông chưa bao giờ nếm được một món ăn nào có thể được mô tả đúng là "được nêm nếm", chứ đừng nói đến "cay".

Hắn thích thú tìm hiểu về món ăn hơn là ăn nó. Sự học hỏi này đến một cách tự nhiên – bà Piper đáng mến là người hay chuyện trò, sẵn sàng thao thao bất tuyệt khi dọn bữa trưa nếu Robin tỏ ra dù chỉ một chút hứng thú với những gì trên đĩa của mình. Hắn được cho biết rằng khoai tây, thứ mà hắn thấy khá ngon dù ở bất kỳ hình thức nào, không nên được dọn ra khi có khách quý, vì chúng được coi là đồ ăn của tầng lớp thấp. Hắn phát hiện

ra rằng những chiếc đĩa mạ bạc mới được phát minh ra dùng để giữ ấm thức ăn trong suốt bữa ăn, nhưng tiết lộ mánh khóe này cho khách là bất lịch sự, vì vậy các thanh giữ nhiệt luôn được gắn ở dưới đáy đĩa. Hắn biết được rằng việc phục vụ thức ăn theo nhiều món kế tiếp nhau được học hỏi từ người Pháp, và lý do nó chưa trở thành tiêu chuẩn phổ biến là do sự phẫn uất dai dẳng đối với gã đàn ông nhỏ con Napoleon kia. Hắn biết, nhưng không hoàn toàn hiểu, sự khác biệt tinh tế giữa lunch, luncheon, và noon dinner. Hắn biết mình phải cảm ơn những người Công giáo La Mã vì món bánh phô mai hạnh nhân yêu thích của mình, bởi vì việc cấm sữa trong những ngày ăn chay đã buộc các đầu bếp Anh phải sáng tạo ra sữa hạnh nhân.

Một đêm nọ, bà Piper mang ra một cái bánh tròn, dẹt: một loại bột nướng nào đó được cắt thành từng miếng hình tam giác. Robin cầm một miếng lên và cẩn thận cắn vào một góc. Nó rất dày và nhiều bột, đặc hơn nhiều so với những ổ bánh mì trắng mềm xốp mà mẹ cậu thường hấp hàng tuần. Nó không khó ăn, chỉ là nặng đến bất ngờ. Cậu nuốt một ngụm nước lớn để đẩy miếng bánh xuống, rồi hỏi: "Cái gì đây ạ?"

“Đấy là bánh mì nướng yến mạch đấy, con yêu,” bà Piper nói.

"Scone," Giáo sư Lovell sửa lại.

Nó đúng là một*bannock*—

“Bánh scone là từng miếng nhỏ,” Giáo sư Lovell nói. “Bánh bannock là cả cái bánh.”

‘Này, nhìn xem, đây là bánh bannock, và tất cả những miếng nhỏ này cũng là bannock. Còn scone là mấy thứ khô khốc, vụn vỡ mà mấy người Anh các ông thích nhét vào mồm ấy—’

Tôi đồ là bà đang ngoại trừ mấy cái bánh nướng của mình ra đấy, bà Piper ạ. Chẳng ai tỉnh táo lại đi bảo mấy cái bánh đấy khô cả.

Bà Piper không hề xiêu lòng trước lời nịnh hót. "Đó là một cái bánh mì yến mạch."*They're*Bánh bannock. Bà tôi gọi chúng là bánh bannock, mẹ tôi gọi chúng là bánh bannock, vậy nên chúng là bánh bannock.

“Sao lại – sao chúng lại – được gọi là bánh bannock?” Robin hỏi. Âm thanh của từ đó khiến cậu tưởng tượng ra một con quái vật trên đồi, một thứ gì đó đầy móng vuốt và sụn, sẽ không hài lòng trừ khi được dâng bánh mì.

“Vì tiếng Latin,” Giáo sư Lovell nói. “Bánh mì Bannock bắt nguồn từ*panicium*, nghĩa là “bánh mì nướng”.

Điều này nghe có vẻ hợp lý, dù hơi tầm thường đến mức đáng thất vọng. Robin cắn thêm một miếng bánh bannock, hay bánh nướng xốp, và lần này anh thưởng thức cái cách nó lắng xuống dạ dày một cách đặc quánh, đầy thỏa mãn.

Anh và bà Piper nhanh chóng thân thiết nhờ tình yêu sâu đậm với bánh scone. Bà làm đủ loại - loại thường, ăn kèm một chút kem đông và mứt mâm xôi; loại mặn có phô mai và hẹ tây; hoặc loại có rắc nho khô. Robin thích nhất loại thường - tại sao phải phá hỏng thứ mà theo anh, đã hoàn hảo ngay từ thuở ban đầu? Anh vừa mới học về các hình thái Platon, và tin chắc rằng bánh scone chính là hình thái lý tưởng của bánh mì. Và kem đông của bà Piper thì thật tuyệt vời, nhẹ, bùi và thanh mát cùng một lúc. Một số nhà phải ninh sữa gần cả ngày trên bếp để có được lớp kem đó, bà nói với anh, nhưng Giáng sinh năm ngoái giáo sư Lovell đã mangmột thiết bị bằng bạc tinh xảo của cô ấy có thể tách kem chỉ trong vài giây.

Giáo sư Lovell lại ít thích bánh nướng không nhân nhất, nên bánh nướng nho khô trở thành món chủ yếu trong các buổi trà chiều của họ.

“Sao người ta lại gọi chúng là nho khô Sultana nhỉ?” Robin hỏi. “Chúng chỉ là nho khô thôi mà, phải không?”

“Tôi không chắc lắm, con yêu ạ,” bà Piper nói. “Có lẽ đó là nơi họ đến.”*Sultana*Nghe có vẻ hơi hướng Đông phương nhỉ? Richard, mấy thứ này trồng ở đâu vậy? Ấn Độ à?

“Tiểu Á,” Giáo sư Lovell nói. “Và chúng là nho khô sultanina, không phải sultan, vì chúng không có hạt.”

Bà Piper nháy mắt với Robin. "Đấy, thấy chưa. Tất cả là do mấy cái hạt giống."

Robin không hiểu trò đùa này, nhưng cậu biết mình không thích nho khô trong bánh nướng xốp; khi Giáo sư Lovell không để ý, cậu nhặt hết nho khô ra, phết lớp kem đặc lên chiếc bánh đã “trần trụi” và bỏ vào miệng.

Ngoài bánh nướng xốp, niềm đam mê lớn khác của Robin là tiểu thuyết. Hai tá sách anh nhận được hàng năm ở Quảng Châu chỉ là một dòng chảy nhỏ giọt. Giờ đây, anh được tiếp cận với một biển sách đúng nghĩa. Anh không bao giờ thiếu sách để đọc, nhưng anh phải sáng tạo để chen chút thời gian đọc sách vào lịch trình của mình – anh đọc sách tại bàn ăn, ngấu nghiến thức ăn của bà Piper mà không cần suy nghĩ xem mình đang ăn gì; anh đọc sách khi đi dạo trong vườn, mặc dù điều này khiến anh chóng mặt; anh thậm chí còn thử đọc sách trong bồn tắm, nhưng những dấu vân tay ướt nhăn nhúm mà anh để lại trên cuốn sách mới xuất bản của Defoe…*Colonel Jack*khiến anh ta xấu hổ đến mức phải từ bỏ thói quen đó.

Hắn thích tiểu thuyết hơn bất cứ thứ gì khác. Truyện dài kỳ của Dickens hay ho và thú vị đấy, nhưng thật sung sướng khi được cầm trên tay trọn vẹn một câu chuyện đã hoàn thành. Hắn đọc bất kỳ thể loại nào có thể kiếm được. Hắn thích tất cả các tác phẩm của Jane Austen, mặc dù hắn phải hỏi bà Piper rất nhiều để hiểu được những quy ước xã hội mà Austen mô tả. (Antigua ở đâu nhỉ? Và tại sao Ngài Thomas Bertram cứ luôn đến đó?[*] Anh ngấu nghiến đọc các tác phẩm du ký của Thomas Hope và James

Morier, qua đó anh được gặp gỡ những người Hy Lạp và Ba Tư,hoặc ít nhất là một phiên bản hư cấu nào đó của chúng. Anh rất thích cuốn sách của Mary Shelley*Frankenstein*, mặc dù ông không thể nói như vậy về những bài thơ của người chồng kém tài hơn của bà, người mà ông thấy quá ư kịch tính.

Học kỳ đầu tiên sau khi trở về từ Oxford, giáo sư Lovell dẫn Robin đến một hiệu sách – Hatchards trên phố Piccadilly, ngay đối diện Fortnum & Mason. Robin dừng lại trước lối vào sơn màu xanh lá cây, há hốc mồm. Cậu đã đi ngang qua nhiều hiệu sách trong những lần dạo chơi quanh thành phố, nhưng chưa bao giờ cậu tưởng tượng mình được phép bước vào bên trong. Không hiểu sao cậu lại có suy nghĩ rằng hiệu sách chỉ dành cho những người lớn giàu có, rằng cậu sẽ bị lôi ra ngoài bằng tai nếu dám bước vào.

Giáo sư Lovell mỉm cười khi thấy Robin do dự ở cửa.

“Và đây chỉ là một cửa hàng cho công chúng thôi,” anh ta nói. “Chờ đến khi cậu thấy thư viện của một trường đại học.”

Bên trong, mùi bụi gỗ nồng nàn của sách mới in thật choáng ngợp. Nếu thuốc lá có mùi như thế này, Robin nghĩ, chắc ngày nào cậu cũng hít hà. Cậu bước về phía kệ sách gần nhất, tay rụt rè đưa về phía những cuốn sách đang trưng bày, sợ đến mức không dám chạm vào - chúng trông mới tinh và cứng cáp; gáy sách chưa hề nứt, trang sách mượt mà và sáng bóng. Robin đã quen với những cuốn sách cũ kỹ, sũng nước; ngay cả sách ngữ pháp tiếng Latinh của cậu cũng đã mấy chục năm tuổi. Những thứ sáng bóng, mới đóng bìa này dường như thuộc một đẳng cấp khác, những thứ chỉ nên chiêm ngưỡng từ xa chứ không phải để cầm nắm và đọc.

“Chọn một quyển đi,” Giáo sư Lovell nói. “Em nên biết cảm giác khi có được cuốn sách đầu tiên của mình.”

Chọn*one*Chỉ một thôi, trong tất cả những kho báu này ư? Robin chẳng biết tựa đề nào với tựa đề nào, và cậu bé quá choáng ngợp trước lượng chữ khổng lồ đến nỗi không thể lật giở và quyết định. Mắt cậu dừng lại ở một tựa đề:*The King's Own*của Frederick Marryat, một tác giả mà cho đến giờ cậu vẫn chưa quen thuộc. Nhưng mới mẻ, cậu nghĩ, thì tốt.

"Hừm. Marryat. Tôi chưa đọc ông ấy, nhưng tôi nghe nói ông ấy nổi tiếng với những cậu bé bằng tuổi cháu." Giáo sư Lovell xoay xoay quyển sách trong tay. "Vậy thì quyển này? Cháu chắc chứ?"

Robin gật đầu. Anh biết nếu không quyết định ngay bây giờ, anh sẽ chẳng bao giờ rời đi được. Anh giống như một kẻ chết đói trong tiệm bánh ngọt, hoa mắt trước vô vàn lựa chọn, nhưng anh không muốn thử thách lòng kiên nhẫn của giáo sư.

Bên ngoài, giáo sư đưa cho cậu gói hàng bọc giấy nâu. Robin ôm chặt nó vào ngực, tự nhủ phải đợi đến khi về nhà mới được mở ra. Cậu rối rít cảm ơn Giáo sư Lovell, vàchỉ dừng lại khi nhận thấy điều này khiến giáo sư trông có vẻ hơi không thoải mái. Nhưng rồi giáo sư hỏi anh ta rằng liệu cầm cuốn sách mới trên tay có cảm thấy dễ chịu không. Robin nhiệt tình đồng ý, và lần đầu tiên trong ký ức của mình, họ trao nhau nụ cười.

Robin đã định tiết kiệm*The King's Own*cho đến tận cuối tuần đó, khi cậu có cả một buổi chiều không phải lên lớp để từ từ thưởng thức từng trang sách. Nhưng rồi chiều thứ Năm đến, và cậu nhận ra mình không thể đợi thêm được nữa. Sau khi thầy Felton rời đi, cậu ngấu nghiến đĩa bánh mì và pho mát mà bà Piper đã chuẩn bị sẵn rồi vội vã lên thư viện, nơi cậu cuộn tròn trên chiếc ghế bành yêu thích và bắt đầu đọc.

Anh lập tức bị mê hoặc.*The King's Own*là câu chuyện về những chiến công hải quân; về sự trả thù, lòng dũng cảm, và cuộc đấu tranh sinh tồn; về những trận hải chiến và những chuyến hải trình dài. Tâm trí anh trôi về chuyến đi của chính mình từ

Quảng Châu, và anh đặt lại những ký ức đó trong bối cảnh của cuốn tiểu thuyết, tưởng tượng mình đang chiến đấu với hải tặc, đóng bè, giành huy chương vì lòng dũng cảm và sự quả cảm—

Cánh cửa kẽo kẹt mở ra.

“Anh đang làm gì thế?” Giáo sư Lovell hỏi.

Robin ngước nhìn. Hình ảnh Hải quân Hoàng gia đang vượt biển động trong tâm trí cậu sống động đến mức cậu mất một lúc mới nhớ ra mình đang ở đâu.

“Robin,” Giáo sư Lovell nhắc lại, “*what are you doing*Hả?

Bỗng nhiên thư viện trở nên lạnh lẽo; buổi chiều vàng rực bỗng tối sầm lại. Robin nhìn theo ánh mắt Giáo sư Lovell về phía chiếc đồng hồ tích tắc trên cửa. Cậu đã hoàn toàn quên mất thời gian. Nhưng hai kim đồng hồ kia không thể nào đúng được, không thể nào như vậy được.*three hours*kể từ khi anh ngồi xuống đọc.

“Tôi xin lỗi,” anh nói, vẫn còn hơi choáng váng. Anh cảm thấy mình như một lữ khách từ phương xa, bị nhấc ra khỏi Ấn Độ Dương và thả xuống căn phòng làm việc lờ mờ, lạnh lẽo này. “Tôi không… tôi quên mất thời gian.”

Anh ta không thể nào đọc được nét mặt của Giáo sư Lovell. Điều đó làm anh ta sợ. Bức tường bí hiểm đó, sự trống rỗng vô nhân tính đó, còn đáng sợ hơn cả cơn thịnh nộ gấp bội.

“Ông Chester đã ở dưới nhà hơn một tiếng rồi,” Giáo sư Lovell nói. “Tôi sẽ không để ông ấy đợi dù chỉ mười phút, nhưng tôi vừa mới về nhà.”

Ruột gan Robin thắt lại vì tội lỗi. "Tôi rất xin lỗi, thưa ngài—"

“Em đang đọc gì thế?” Giáo sư Lovell cắt ngang.

Robin do dự một lát, rồi chìa tay ra*The King's Own*.* Quyển sách thầy mua cho em ấy ạ – có một trận đánh lớn đang diễn ra, em chỉ muốn xem cái—

"Anh nghĩ nội dung của cái cuốn sách chết tiệt đó có quan trọng không?"

Những năm về sau, mỗi khi Robin nhớ lại chuyện đó, cậu lại cảm thấy kinh hãi trước sự táo tợn của mình lúc ấy. Chắc hẳn cậu đã hoảng loạn đến mất trí, bởi vì nhìn lại, thật ngu ngốc đến mức lố bịch khi cậu chỉ đơn giản là đóng cuốn sách của Marryat lại và đi ra cửa, cứ như thể cậu có thể vội vàng xuống lớp, cứ như thể một lỗi lầm nghiêm trọng đến vậy có thể dễ dàng bị lãng quên.

Khi đến gần cửa, Giáo sư Lovell đã vung tay và giáng một cú đấm mạnh vào má trái của Robin.

Cú đánh mạnh hất anh xuống sàn. Anh không cảm thấy đau đớn nhiều bằng choáng váng; tiếng vang ong ong trong thái dương anh không...*hurt*chưa, điều đó đến sau, sau vài giây trôi qua và máu bắt đầu dồn lên đầu anh ta.

Giáo sư Lovell vẫn chưa xong. Khi Robin choáng váng quỳ dậy, ông ta rút cây khêu lửa bên cạnh lò sưởi rồi vụt mạnh vào sườn phải của Robin. Rồi ông ta lại vụt xuống. Và lại vụt xuống.

Nếu Robin từng nghi ngờ Giáo sư Lovell có khuynh hướng bạo lực, cậu đã sợ hãi hơn nhiều. Nhưng trận đòn này quá bất ngờ, hoàn toàn trái ngược với tính cách của ông ta, khiến nó mang lại cảm giác siêu thực hơn bất cứ điều gì khác. Cậu không hề nghĩ đến chuyện van xin, khóc lóc, hay thậm chí là la hét. Ngay cả khi cây xiên lò sưởi giáng xuống xương sườn cậu lần thứ tám, thứ chín, thứ mười – ngay cả khi cậu nếm được vị máu trong miệng – tất cả những gì cậu cảm thấy là một sự hoang mang sâu sắc

rằng điều này lại đang thực sự xảy ra. Nó thật phi lý. Cậu như thể bị mắc kẹt trong một giấc mơ.

Giáo sư Lovell cũng không giống một người đang giận dữ sôi sục. Ông không hề hét lên; mắt ông không long lên sòng sọc; má ông thậm chí còn chưa đỏ lên. Ông chỉ đơn giản, với từng cử chỉ cứng rắn và dứt khoátđánh, nhằm gây ra đau đớn tối đa với rủi ro gây thương tích vĩnh viễn tối thiểu. Hắn ta không đánh vào đầu Robin, cũng không dùng lực mạnh đến mức làm gãy xương sườn cậu. Không; hắn chỉ gây ra những vết bầm tím dễ dàng che giấu và theo thời gian, sẽ lành lặn hoàn toàn.

Hắn biết rõ mình đang làm gì. Có vẻ hắn đã từng làm việc này rồi.

Mười hai tiếng chuông điểm, tất cả dừng lại. Với cùng vẻ điềm tĩnh và chính xác, Giáo sư Lovell đặt cây khêu lửa trở lại lò sưởi, lùi lại và ngồi xuống bàn, lặng lẽ nhìn Robin khi cậu bé quỳ dậy và cố hết sức lau máu trên mặt.

Sau một khoảng lặng rất dài, ông ta lên tiếng. "Khi ta đưa cô từ Quảng Châu đến đây, ta đã nói rõ những gì ta mong đợi."

Cuối cùng, một tiếng nấc nghẹn ngào dâng lên trong cổ họng Robin, một phản ứng cảm xúc bị kìm nén và đến muộn, nhưng cậu nuốt nó xuống. Cậu sợ hãi Giáo sư Lovell sẽ làm gì nếu cậu gây ra tiếng động.

“Dậy,” Giáo sư Lovell nói lạnh lùng. “Ngồi xuống.”

Một cách tự động, Robin nghe lời. Một trong những chiếc răng hàm của cậu lung lay. Cậu dò dẫm nó, nhăn mặt khi một tia máu mặn chát, tươi rói trào ra phủ lên lưỡi.

“Nhìn tôi,” Giáo sư Lovell nói.

Robin ngước mắt lên.

“Ừ, đấy là một điểm tốt của cháu,” Giáo sư Lovell nói. “Khi bị thua, cháu không khóc nhè.”

Mũi Robin nhức nhối. Nước mắt chực trào ra, và cậu cố gắng kìm nén lại. Cậu cảm thấy như có một mũi nhọn đang đâm xuyên thái dương. Cơn đau tràn đến đến mức cậu không thở nổi, vậy mà dường như điều quan trọng nhất lúc này là không được để lộ bất kỳ dấu hiệu đau đớn nào. Cậu chưa bao giờ cảm thấy khốn khổ như thế này trong đời. Cậu chỉ muốn chết đi cho rồi.

“Tôi sẽ không dung túng sự lười biếng dưới mái nhà này,” Giáo sư Lovell nói. “Dịch thuật không phải là một nghề dễ dàng đâu, Robin. Nó đòi hỏi sự tập trung. Kỷ luật. Con đã bị thiệt thòi vì thiếu nền tảng giáo dục Latinh và Hy Lạp từ sớm, và con chỉ có sáu năm để bù đắp sự khác biệt đó trước khi vào Oxford. Con không được lười nhác. Con không được lãng phí thời gian vào những mơ mộng hão huyền.”

Hắn thở dài. “Dựa vào báo cáo của Cô Slate, ta đã hy vọng con sẽ trở thành một cậu bé siêng năng và chăm chỉ. Giờ ta thấy mình đã lầm. Lười biếng và dối trá là những đặc điểm chung của giống loài các người. Đó là lý do tại sao Trung Quốc vẫn là một đất nước trì trệ và lạc hậu trong khi các nước láng giềng đang lao về phía trước. Tự bản chất, các người vốn ngu ngốc, yếu đuối, vàNgại làm việc nặng nhọc. Con phải chống lại những tính xấu này, Robin ạ. Con phải học cách vượt qua sự ô nhiễm trong dòng máu của mình. Ta đã đánh cược rất lớn vào khả năng làm được điều đó của con. Hãy chứng minh cho ta thấy điều đó là xứng đáng, hoặc tự mua vé trở về Quảng Châu. Ông nghiêng đầu. Con có muốn quay lại Quảng Châu không?

Robin nuốt nước bọt. "Không."

Anh ta thực sự nghĩ vậy. Ngay cả sau chuyện này, ngay cả sau những tháng ngày khổ sở trong lớp học, anh ta vẫn không thể tưởng tượng ra một tương lai nào khác cho mình. Quảng Châu

đồng nghĩa với nghèo đói, tầm thường và ngu dốt. Quảng Châu đồng nghĩa với bệnh dịch. Quảng Châu đồng nghĩa với việc không còn sách vở. Luân Đôn đồng nghĩa với tất cả những tiện nghi vật chất mà anh ta có thể mong muốn. Luân Đôn, một ngày nào đó, đồng nghĩa với Oxford.

Vậy thì quyết định ngay đi, Robin. Dốc hết sức mình vào việc học, chấp nhận những hy sinh cần thiết, và hứa với ta là con sẽ không bao giờ làm ta xấu hổ như vậy nữa. Hoặc là cầm gói đồ đầu tiên về nhà. Con sẽ trở lại đường phố, không gia đình, không kỹ năng, không tiền bạc. Con sẽ không bao giờ có được những cơ hội mà ta đang trao cho con nữa. Con sẽ chỉ còn biết mơ về việc được thấy lại London, chứ đừng nói đến Oxford. Con sẽ không bao giờ...*ever*"Chạm vào thỏi bạc." Giáo sư Lovell ngả người ra sau, nhìn Robin bằng ánh mắt dò xét lạnh lùng. "Vậy. Chọn đi."

Robin thì thầm đáp lại.

To hơn nữa. Bằng tiếng Anh.

“Xin lỗi,” Robin nói khàn giọng. “Tôi muốn ở lại.”

“Tốt.” Giáo sư Lovell đứng dậy. “Ông Chester đang đợi ở dưới lầu. Bình tĩnh lại rồi đi học.”

Không hiểu sao Robin lại có thể ngồi hết tiết học đó, sụt sịt, đầu óc quay cuồng không thể tập trung, một vết bầm tím to tướng hiện rõ trên mặt trong khi thân mình đau nhức âm ỉ. May mắn thay, thầy Chester không nói gì về vụ việc. Robin đọc thuộc lòng một loạt các động từ chia nhưng sai tất cả. Thầy Chester kiên nhẫn sửa lỗi cho cậu bằng một giọng nói nhẹ nhàng dù có phần gượng gạo. Việc Robin đi trễ không hề làm tiết học ngắn hơn – họ học đến tận sau giờ ăn tối, và đó là ba tiếng đồng hồ dài nhất trong cuộc đời Robin.

Sáng hôm sau, Giáo sư Lovell cư xử như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Khi Robin xuống ăn sáng, giáo sư hỏi cậu đã dịch xong

chưa. Robin trả lời là xong rồi. Bà Piper mang trứng và giăm bông ra cho bữa sáng, và họ ăn trong một sự im lặng có phần điên cuồng. Nhai cũng đau, nuốt đôi khi cũng đau - mặt Robin đã sưng hơn nữathêm một đêm nữa – nhưng bà Piper chỉ gợi ý cậu cắt nhỏ miếng giăm bông ra khi cậu ho. Tất cả đều uống trà xong. Bà Piper dọn dẹp bát đĩa, còn Robin đi lấy sách giáo khoa tiếng Latinh trước khi ông Felton đến.

Chưa bao giờ Robin nghĩ đến chuyện bỏ chạy, không phải lúc đó, và cũng không một lần nào trong những tuần sau đó. Một đứa trẻ khác có thể đã sợ hãi, có thể đã chớp lấy cơ hội đầu tiên để trốn thoát vào đường phố Luân Đôn. Một đứa trẻ khác được đối xử tốt hơn, tử tế hơn có thể đã nhận ra rằng sự thờ ơ của những người lớn như bà Piper, ông Felton và ông Chester đối với một đứa trẻ mười một tuổi bị bầm tím nặng nề là hoàn toàn sai trái. Nhưng Robin quá biết ơn vì sự trở lại trạng thái cân bằng này đến nỗi cậu không thể nào oán giận những gì đã xảy ra.

Suy cho cùng, chuyện đó đã không bao giờ lặp lại. Robin đã đảm bảo điều đó. Anh dành sáu năm tiếp theo học tập đến kiệt sức. Với nguy cơ bị trục xuất luôn lơ lửng trên đầu, anh dồn hết tâm sức để trở thành người học trò mà Giáo sư Lovell mong muốn.

Tiếng Hy Lạp và Latinh trở nên thú vị hơn sau năm đầu tiên, sau khi cậu đã tích lũy đủ những viên gạch cơ bản của mỗi ngôn ngữ để tự mình ghép nối các mảnh nghĩa lại với nhau. Từ đó trở đi, cảm giác mỗi khi gặp một văn bản mới không còn giống như mò mẫm trong bóng tối nữa mà giống như đang điền vào chỗ trống. Việc tìm ra công thức ngữ pháp chính xác của một cụm từ từng gây khó khăn cho cậu mang lại cho cậu cảm giác hài lòng tương tự như khi cậu đặt lại một cuốn sách vào đúng vị trí của nó trên kệ hoặc tìm thấy một chiếc tất bị mất - tất cả các mảnh ghép khớp với nhau, và mọi thứ đều trọn vẹn, hoàn chỉnh.

Về tiếng Latinh, cậu đọc Cicero, Livy, Virgil, Horace, Caesar, và Juvenal; về tiếng Hy Lạp, cậu nghiền ngẫm Xenophon, Homer, Lysias, và Plato. Dần dần, cậu nhận ra mình có năng khiếu ngôn ngữ. Trí nhớ cậu rất tốt, lại có sở trường về ngữ điệu và nhịp điệu. Chẳng bao lâu, cậu đã thông thạo cả tiếng Hy Lạp lẫn tiếng Latinh đến mức bất kỳ sinh viên đại học Oxford nào cũng phải ghen tị. Theo thời gian, Giáo sư Lovell không còn bình luận gì về cái tính lười biếng cố hữu của cậu nữa, mà thay vào đó là gật đầu hài lòng trước mỗi cập nhật về tiến độ thần tốc của Robin qua các tác phẩm kinh điển.

Trong khi đó, lịch sử vẫn tiếp diễn xung quanh họ. Năm 1830, Vua George IV băng hà, và em trai ông, William IV, một người luôn thỏa hiệp nhưng chẳng làm hài lòng ai, lên kế vị. Năm 1831, một trận dịch tả khác càn quét London, để lại ba mươi nghìn người chết. Gánh nặng của dịch bệnh đổ dồn lên người nghèo và bần cùng; những người sốngtrong không gian chật hẹp, tù túng, nơi không ai có thể thoát khỏi thứ khí độc ô uế của những người xung quanh.* Nhưng khu phố ở Hampstead vẫn bình yên vô sự – với Giáo sư Lovell và bạn bè ông trong những khu đất có tường rào biệt lập, dịch bệnh chỉ là chuyện đáng nói qua loa, nhăn mặt tỏ vẻ thông cảm, rồi nhanh chóng quên đi.

Năm 1833, một sự kiện trọng đại đã xảy ra – chế độ nô lệ bị bãi bỏ ở Anh và các thuộc địa của nó, được thay thế bằng thời hạn học việc sáu năm như một giai đoạn chuyển tiếp sang tự do. Trong số những người đối thoại với Giáo sư Lovell, tin tức này được đón nhận với sự thất vọng nhẹ nhàng như thể vừa thua một trận cricket.

"Thôi, thế là tiêu đời ta ở Tây Ấn rồi," ông Hallows càu nhàu. "Bọn theo chủ nghĩa bãi nô với cái thói đạo đức giả chết tiệt của chúng. Tôi vẫn tin rằng nỗi ám ảnh với việc bãi nô này là do người Anh cần ít nhất cảm thấy mình vượt trội về văn hóa sau khi mất nước Mỹ. Và dựa vào cái gì chứ? Chẳng phải những gã

đáng thương đó cũng bị bắt làm nô lệ ở Châu Phi dưới trướng đám bạo chúa mà chúng gọi là vua hay sao?"*

“Tôi sẽ chưa từ bỏ hy vọng với Tây Ấn Độ đâu,” Giáo sư Lovell nói. “Họ vẫn đang cho phép một kiểu lao động cưỡng bức hợp pháp—”

Nhưng nếu không có quyền sở hữu, thì tất cả đều trở nên vô nghĩa.

‘Có lẽ vậy lại hay – dù sao thì người tự do làm việc tốt hơn nô lệ, mà chế độ nô lệ thực ra lại tốn kém hơn thị trường lao động tự do—’

Anh đọc Smith nhiều quá rồi. Hobart và MacQueen mới có ý hay – cứ tuồn cả tàu toàn người Hoa vào là xong.*Thế là được rồi. Bọn họ rất siêng năng và ngăn nắp, Richard phải biết điều đó—

Không, Richard nghĩ họ lười biếng, phải không Richard?

‘Bây giờ thì sao,*I*"Ước gì," ông Ratcliffe ngắt lời, "tất cả những người phụ nữ này thôi tham gia vào mấy cuộc tranh luận chống nô lệ đó đi. Họ thấy mình quá giống với những người nô lệ; nó gieo rắc những ý tưởng vớ vẩn vào đầu họ."

“Cái gì,” Giáo sư Lovell hỏi, “Bà Ratcliffe không hài lòng với tình trạng gia đình của mình sao?”

“Cô ta cứ nghĩ từ bãi bỏ chế độ nô lệ đến quyền bầu cử cho phụ nữ chỉ là một bước ngắn.” Ông Ratcliffe cười khẩy. “Mơ đi.”

Và thế là, câu chuyện xoay sang cái sự phi lý của quyền phụ nữ.

Robin chưa bao giờ nghĩ mình sẽ hiểu được những người đàn ông này, những kẻ bàn về thế giới và những biến động của nó như một bàn cờ vĩ đại, nơi các quốc gia và dân tộc chỉ là những quân cờ để tùy ý điều khiển và thao túng.

Nhưng nếu thế giới là một vật trừu tượng đối với họ, thì nó còn trừu tượng hơn đối với cậu, bởi cậu chẳng hề quan tâm đến bất kỳ vấn đề nào trong số đó. Robin nhìn nhận thời đại ấy qua lăng kính hạn hẹp của trang viên Lovell. Những cải cách, khởi nghĩa thuộc địa, nổi dậy của nô lệ, quyền bầu cử của phụ nữ, và cả những cuộc tranh luận mới nhất tại Nghị viện đều chẳng có nghĩa lý gì với cậu. Tất cả những gì quan trọng là những ngôn ngữ chết nằm trước mặt cậu, và một ngày nào đó, một ngày đang đến gần hơn theo dòng chảy năm tháng, cậu sẽ nhập học tại trường đại học mà cậu chỉ biết đến qua bức tranh trên tường – thành phố của tri thức, thành phố của những ngọn tháp mơ mộng.

Mọi chuyện kết thúc lặng lẽ, không chút ồn ào hay chúc tụng. Một hôm, trong lúc ông Chester đang xếp sách vở, ông nói với Robin rằng ông rất thích những buổi học của họ và chúc cậu học tốt ở đại học. Đó là cách Robin biết được rằng mình sẽ lên Oxford vào tuần sau.

“Ồ, đúng rồi,” Giáo sư Lovell đáp khi được hỏi. “Tôi quên nói với cậu sao? Tôi đã viết thư cho trường đại học. Họ sẽ chờ cậu đấy.”

Lẽ ra phải có một quy trình đăng ký, trao đổi thư giới thiệu và đảm bảo tài chính để giữ chỗ. Robin chẳng dính dáng gì đến mấy việc đó cả. Giáo sư Lovell chỉ đơn giản thông báo với anh rằng anh phải chuyển đến chỗ ở mới vào ngày 29 tháng 9, vì vậy tốt nhất là anh nên sắp xếp hành lý vào tối ngày 28. "Cậu sẽ đến trước khi khai giảng vài ngày. Chúng ta sẽ cùng đi lên đó."

Đêm trước ngày họ rời đi, bà Piper nướng cho Robin một đĩa bánh quy nhỏ, cứng, tròn, thơm ngậy và bùi đến nỗi chúng dường như tan ra trong miệng cậu.

“Bánh bơ đó,” bà giải thích. “Nó rất béo, nên đừng ăn hết một lần nhé. Ta không làm thường đâu, vì Richard nghĩ đường sẽ làm hư con trai, nhưng con xứng đáng được ăn.”

“Bánh bơ,” Robin nhắc lại. “Vì chúng không để được lâu phải không?”

Họ đã chơi trò này từ cái đêm tranh luận về bánh bannock.

“Không, cưng à.” Bà cười. “Vì vụn bánh. Chất béo làm cho bột “giòn” lên. Đó là lý do tại sao*short*tức là, anh biết đấy – đó là cách mà chúng ta có được từ này*shortening*.

Cậu nuốt trọn miếng bánh ngọt béo ngậy rồi tu một ngụm sữa. “Con sẽ nhớ những bài học từ nguyên của cô Piper lắm.”

Ngạc nhiên thay, khóe mắt bà đỏ hoe. Giọng bà nghẹn lại. "Cứ viết thư về nhà mỗi khi con cần đồ ăn," bà nói. "Mẹ không biết nhiều về chuyện bên trong mấy trường đại học đó, nhưng mẹ biết đồ ăn của chúng thì kinh khủng lắm."

Chapter Three

But this shall never be: to us remains

One city that has nothing of the beast,

That was not built for gross, material gains,

Sharp, wolfish power or empire's glutted feast.

C.S. LHệ thống dây điện, 'Oxford'

TSáng hôm sau, Robin và Giáo sư Lovell bắt taxi đến một trạm xe ở trung tâm Luân Đôn, nơi họ chuyển sang xe ngựa để đi Oxford. Trong lúc chờ lên xe, Robin tự giải khuây bằng cách cố gắng đoán nguồn gốc từ của*stagecoach*.*Coach*Rõ ràng rồi, nhưng tại sao*stage*? Có phải vì cỗ xe ngựa phẳng lì, rộng thênh thang trông giống như một sân khấu? Vì cả đoàn diễn viên có thể đã từng di chuyển bằng cách này, hoặc biểu diễn trên nóc xe? Nhưng suy nghĩ đó thật gượng ép. Một cỗ xe trông giống nhiều thứ, nhưng anh không thể tưởng tượng nổi làm sao mà một sân khấu – một bục cao công cộng – lại là sự liên tưởng rõ ràng đến thế. Sao không phải là xe ngựa chở hàng? Một xe khách công cộng?

"Bởi vì hành trình diễn ra theo từng chặng," Giáo sư Lovell giải thích khi Robin bỏ cuộc. "Ngựa không muốn chạy một mạch từ Luân Đôn đến Oxford, và thường thì chúng ta cũng vậy. Nhưng tôi rất ghét những quán trọ dọc đường, vì vậy chúng ta sẽ đi một mạch trong ngày; mất khoảng mười tiếng không dừng lại, vậy nên hãy dùng nhà vệ sinh trước khi chúng ta khởi hành."

Họ phải chia sẻ xe ngựa với chín hành khách khác – một gia đình nhỏ bốn người ăn mặc chỉnh tề và một nhóm các quý ông dáng vẻ lom khom trong những bộ vest xám xịt có miếng vá ở

khuỷu tay mà Robin đoán là các giáo sư. Robin ngồi chen chúc giữa Giáo sư Lovell và một trong những người đàn ông mặc vest. Còn quá sớm để trò chuyện. Khi xe ngựa xóc nảy trên những viên đá cuội, các hành khách hoặc ngủ gà gật hoặc nhìn chằm chằm về nhiều hướng khác nhau.

Robin mất một lúc mới nhận ra người phụ nữ đối diện đang nhìn chằm chằm qua cái đan len của bà ta. Khi anh chạm mắt bà, bà ta lập tức quay sang Giáo sư Lovell và hỏi, "Ông ấy là người Phương Đông à?"

Giáo sư Lovell giật mình tỉnh giấc. "Tôi xin lỗi, anh nói gì cơ?"

“Tôi đang hỏi về con trai bà,” người phụ nữ nói. “Nó có phải đến từ Bắc Kinh không?”

Robin liếc nhìn Giáo sư Lovell, bỗng dưng rất tò mò không biết ông sẽ nói gì.

Nhưng Giáo sư Lovell chỉ lắc đầu. "Quảng Châu," ông nói cụt lủn. "Xa hơn về phía nam."

"À," người phụ nữ nói, rõ ràng là thất vọng khi anh ta không chịu nói thêm.

Giáo sư Lovell ngủ tiếp. Người phụ nữ lại nhìn Robin từ đầu đến chân với vẻ tò mò hăm hở đến mức đáng lo ngại, rồi quay sang lũ trẻ. Robin vẫn im lặng. Bỗng dưng ngực cậu thấy thắt lại, dù cậu chẳng hiểu tại sao.

Bọn trẻ cứ nhìn chằm chằm vào anh không thôi; mắt chúng mở to, miệng há hốc ra một cách trông sẽ rất đáng yêu nếu chúng không khiến Robin cảm thấy như mình vừa mọc thêm một cái đầu. Một lát sau, cậu bé kéo tay áo mẹ, bắt bà cúi xuống để cậu thì thầm vào tai bà.

“Ồ.” Cô khẽ cười khúc khích, rồi liếc nhìn Robin. “Cậu ấy muốn biết là cậu có nhìn thấy không.”

"Tôi... cái gì?"

“Nếu cậu nhìn thấy?” Người phụ nữ cao giọng và nhấn mạnh từng âm tiết, cứ như thể Robin khó nghe vậy. (Điều này thường xuyên xảy ra với Robin…)*Countess of Harcourt*; anh ta chẳng thể nào hiểu nổi tại sao người ta lại cứ đối xử với những người không hiểu tiếng Anh như thể họ bị điếc.) ‘Với đôi mắt như thế – cô có nhìn thấy mọi thứ không? Hay chỉ nhìn thấy qua những khe nhỏ?’

“Tôi thấy rõ lắm,” Robin nói nhỏ nhẹ.

Cậu bé, thất vọng, quay sang véo em gái. Người phụ nữ lại tiếp tục đan như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Gia đình nhỏ xuống tàu ở Reading. Robin thấy mình thở phào nhẹ nhõm khi họ đi khỏi. Anh cũng có thể duỗi chân qua lối đi cho đầu gối đỡ mỏi mà không bị bà mẹ nhìn chằm chằm đầy nghi ngờ, như thể bắt quả tang anh đang móc túi bà ta vậy.

Mười dặm cuối cùng hay đại loại thế đến Oxford là một dải đồng cỏ xanh tươi yên bình, điểm xuyết vài đàn bò lác đác. Robin cố gắng đọc một cuốn sách hướng dẫn có tựa đề*The University of Oxford and Her Colleges*, nhưng rồi thấy đầu mình nhói đau, và bắt đầu gật gà. Một số xe ngựa được trang bị bằng bạc để tạo cảm giác êm ái như trượt băng, nhưng xe của họ là một mẫu cũ hơn, và sự xóc nảy liên tục khiến anh kiệt sức. Anh tỉnh dậy khi bánh xe ầm ầm lăn trên đá cuội và nhìn quanh để thấy rằng họ đã đến giữa phố High, ngay trước cổng thành của ngôi nhà mới của mình.

Oxford gồm hai mươi hai trường thành viên, mỗi trường đều có khu nhà ở, huy hiệu, phòng ăn, phong tục và truyền thống riêng. Christ Church, Trinity, St John’s, và All Souls tự hào có

nguồn tài trợ lớn nhất và do đó có khuôn viên đẹp nhất. "Cháu nên kết bạn ở đó, dù chỉ để ngắm vườn thôi," Giáo sư Lovell nói. "Cứ lờ những ai từ Worcester hay Hertford đi. Họ vừa nghèo vừa xấu," Robin không chắc là ông đang nói về con người hay khu vườn, "và đồ ăn ở đó cũng dở tệ." Một trong những quý ông khác liếc nhìn Robin với vẻ mặt khó chịu khi họ bước xuống xe ngựa.

Robin sẽ sống ở Trường Đại học University College. Sách hướng dẫn của cậu cho biết nơi này thường được gọi là “Univ”, là nơi ở của tất cả sinh viên theo học tại Học viện Dịch thuật Hoàng gia, và về mặt thẩm mỹ, nó “u ám và đáng kính, một vẻ ngoài phù hợp với con gái cả của trường đại học”. Nó trông quả thực giống một thánh đường Gothic; bức tường phía trước toàn tháp nhỏ và cửa sổ đồng nhất trên nền đá trắng mịn.

“Ờ, em tới rồi đấy.” Giáo sư Lovell đứng đút tay vào túi, trông hơi bối rối. Giờ thì họ đã tới phòng gác cổng, lấy chìa khóa của Robin, và kéo mấy cái rương của cậu ấy từ High Street lên vỉa hè lát đá, việc chia tay có vẻ sắp xảy ra. Giáo sư Lovell đơn giản là không biết phải làm thế nào. “Ừm,” ông lại nói. “Em có vài ngày trước khi bắt đầu học, nên hãy dành thời gian làm quen với thành phố. Em có bản đồ rồi – ừ, kia kìa – dù thành phố này đủ nhỏ để em có thể thuộc lòng sau vài lần dạo bộ. Có lẽ nên tìm gặp các bạn cùng khóa; chắc hẳn giờ họ đã chuyển đến rồi. Nhà tôi ở phía bắc Jericho; tôi đã viết chỉ dẫn cho em trong phong bì đó. Bà Piper sẽ tới đó cùng tôi vào tuần sau, và chúng tôi mong em tới ăn tối vào thứ Bảy tuần sau nữa. Bà ấy sẽ rất vui được gặp em.” Ông nói tất cả những điều này như đọc thuộc lòng một danh sách đã được chuẩn bị sẵn. Dường như ông khó mà nhìn thẳng vào mắt Robin. “Em đã sẵn sàng chưa?”

“Ồ, vâng,” Robin nói. “Tôi cũng rất vui được gặp bà Piper.”

Họ chớp mắt nhìn nhau. Robin cảm thấy chắc chắn phải có những từ ngữ khác cần được nói ra, những từ ngữ để đánh dấu thời khắc này – việc cậu trưởng thành, rời xa nhà, bước vào cánh

cổng đại học – một sự kiện trọng đại. Nhưng cậu không thể tưởng tượng ra chúng là gì, và dường như Giáo sư Lovell cũng vậy.

“Vậy thì.” Giáo sư Lovell gật đầu cụt lủn rồi quay người về phía đường High, như thể muốn khẳng định rằng ông không cần cậu nữa. “Tự xoay xở được với mấy cái hòm chứ?”

Vâng, thưa ngài.

"Thôi được," Giáo sư Lovell nói lại lần nữa, rồi quay trở ra phố High.

Câu nói kết thúc thật ngượng ngùng, hai từ như gợi ý còn nhiều điều muốn nói. Robin nhìn ông một lát, nửa mong ông sẽ quay lại, nhưng Giáo sư Lovell dường như chỉ tập trung vẫy taxi. Kỳ lạ, đúng vậy. Nhưng điều này không làm Robin bận tâm. Giữa họ vẫn luôn như vậy: những cuộc trò chuyện dang dở, những lời tốt nhất nên giữ kín.

Chỗ ở của Robin nằm tại số 4, ngõ Ác Là.* – một tòa nhà sơn màu xanh lá cây nằm giữa con hẻm ngoằn ngoèo, chật hẹp nối liền phố High và phố Merton. Có người đang đứng trước cửa, loay hoay với ổ khóa. Hẳn là một sinh viên mới – cặp sách và rương hành lý nằm rải rác trên những viên đá cuội xung quanh anh ta.

Càng lại gần, Robin càng thấy rõ anh ta chắc chắn không phải người Anh bản địa. Nam Á thì có khả năng hơn. Robin đã từng thấy những thủy thủ có nước da tương tự ở Quảng Châu, tất cả đều đến từ những con tàu cập bến từ Ấn Độ. Người lạ mặt có làn da nâu mịn màng, vóc dáng cao ráo và duyên dáng, cùng hàng mi dài và đen nhất mà Robin từng thấy. Ánh mắt anh ta lướt nhanh từ đầu đến chân Robin trước khi dừng lại trên khuôn mặt, dò hỏi - và Robin ngờ rằng, anh ta đang đánh giá xem Robin có phải là người ngoại quốc hay không.

“Tôi là Robin,” Robin buột miệng. “Robin Swift.”

“Ramiz Rafi Mirza,” cậu bé kia nói, giọng đầy tự hào, chìa tay ra. Cậu nói tiếng Anh chuẩn đến nỗi nghe gần giống Giáo sư Lovell. “Hoặc cứ gọi là Ramy cho tiện. Còn cậu – cậu đến đây để tham gia Viện Dịch thuật, phải không?”

“Tôi đây,” Robin nói, rồi chợt nghĩ ra điều gì, nói thêm, “Tôi đến từ Quảng Đông.”

Vẻ mặt Ramy giãn ra. "Calcutta."

Vừa mới về à?

Đến Oxford thì đúng rồi. Còn đến Anh thì chưa – tôi đến Liverpool bằng tàu thủy bốn năm trước và bị “nhốt” trong một khu đất rộng lớn, buồn tẻ ở Yorkshire từ đó đến giờ. Người giám hộ muốn tôi làm quen với xã hội Anh trước khi nhập học đại học.

"Của tôi cũng vậy," Robin háo hức nói. "Cậu thấy sao?"

“Thời tiết kinh khủng.” Một bên mép Ramy nhếch lên. “Và thứ duy nhất tôi có thể ăn ở đây là cá.”

Họ rạng rỡ nhìn nhau.

Lúc đó, Robin cảm thấy một cảm giác kỳ lạ, như vỡ òa trong lồng ngực. Cậu chưa bao giờ gặp ai trong hoàn cảnh giống mình, hay gần giống vậy, và cậu ngờ rằng nếu tiếp tục dò hỏi, cậu sẽ phát hiện ra hàng tá điểm tương đồng nữa. Cậu có cả ngàn câu hỏi, nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Ramy cũng là trẻ mồ côi sao? Ai là người bảo trợ cho cậu ấy? Calcutta như thế nào? Cậu ấy đã quay lại đó chưa? Điều gì đã đưa cậu ấy đến Oxford? Robin bỗng thấy lo lắng - lưỡi cậu cứng lại, không thể thốt nên lời - và còn cả chuyện chìa khóa, những chiếc rương nằm rải rác khiến con hẻm trông như thể một cơn bão đã đổ hết đồ trong khoang tàu ra đường—

“Chúng ta có nên—” Robin vừa nói được chừng đó thì Ramy hỏi, “Hay là mình mở cửa đó ra?”

Cả hai cùng cười. Ramy mỉm cười. "Chúng ta mang mấy thứ này vào nhà thôi." Anh ấy huých nhẹ vào một cái rương bằng ngón chân. "Rồi tôi có một hộp bánh kẹo rất ngon mà tôi nghĩ chúng ta nên mở ra, được không?"

Phòng của họ nằm đối diện nhau ở hai bên hành lang – phòng số sáu và số bảy. Mỗi phòng gồm một phòng ngủ lớn và một phòng khách được trang bị một chiếc bàn thấp, những kệ sách trống không và một chiếc ghế sofa. Cả ghế sofa lẫn cái bàn đều trông có vẻ quá trang trọng, nên họ ngồi khoanh chân trên sàn phòng của Ramy, chớp mắt nhìn nhau như những đứa trẻ nhút nhát, không biết làm gì với đôi tay của mình.

Ramy lôi ra một gói quà được gói đầy màu sắc từ một trong những chiếc rương của anh ta và đặt nó xuống sàn giữa hai người. "Quà chia tay của Ngài Horace Wilson, người giám hộ của tôi. Ông ấy cũng tặng tôi một chai rượu vang, nhưng tôi đã vứt nó đi. Cậu muốn gì nào?" Ramy xé toạc gói quà. "Có kẹo bơ cứng, caramel, kẹo đậu phộng giòn, sô cô la, và đủ loại hoa quả kẹo..."

“Ôi trời – cháu lấy kẹo bơ cứng nhé, cảm ơn ạ.” Robin không nhớ nổi đã bao lâu rồi mình chưa nói chuyện với một người trạc tuổi mình.* Giờ anh mới nhận ra mình khao khát có một người bạn đến nhường nào, nhưng anh lại không biết cách kết bạn, và viễn cảnh cố gắng rồi thất bại bỗng dưng khiến anh sợ hãi. Nếu Ramy thấy anh nhạt nhẽo thì sao? Phiền phức? Quá nhiệt tình?

Anh ta cắn một miếng kẹo bơ cứng, nuốt xuống, rồi đặt hai tay lên đùi.

“Vậy,” anh ta nói. “Kể tôi nghe về Calcutta đi?”

Ramy cười toe toét.

Những năm sau đó, Robin sẽ còn quay lại với đêm nay vô số lần. Cậu luôn kinh ngạc trước sự hòa hợp kỳ diệu của nó, trước việc hai con người xa lạ, vụng về giao tiếp, lớn lên trong môi trường bó buộc, lại có thể trở nên tâm đầu ý hợp chỉ trong vài phút ngắn ngủi. Ramy dường như cũng rạng rỡ và phấn khích như Robin. Họ cứ thế trò chuyện. Không có chủ đề nào là cấm kỵ; mọi thứ họ đề cập đều hoặc là điểm đồng thuận ngay lập tức – bánh nướng ngon hơn nếu không có nho khô, cảm ơn nhé – hoặc là nguyên nhân cho một cuộc tranh luận thú vị – không, London rất đáng yêu, thật đấy; các bạn chuột đồng chỉ là thành kiến vì ghen tị thôi. Chỉ là đừng bơi ở sông Thames.

Có lúc nào đó họ bắt đầu ngâm thơ cho nhau nghe – những chuỗi thơ đôi Urdu tuyệt đẹp mà Ramy bảo anh gọi là ghazal, và thơ Đường mà Robin thú thật là không thích nhưng nghe có vẻ ấn tượng. Và anh khao khát gây ấn tượng với Ramy. Cậu ta dí dỏm, uyên bác và hài hước. Cậu có những quan điểm sắc bén, chua cay về mọi thứ – ẩm thực Anh, phong cách Anh, và sự cạnh tranh giữa Oxford và Cambridge (‘Oxford lớn hơn Cambridge, nhưng Cambridge đẹp hơn, và dù sao tôi nghĩ họ chỉ lập ra Cambridge để chứa những tài năng tầm thường thôi.’) Cậu đã đi khắp nửa thế giới; cậu đã đến Lucknow, Madras, Lisbon, Paris, và Madrid. Cậu mô tả quê hương Ấn Độ của mình như một thiên đường: ‘Những quả xoài, Birdie’ (cậu đã bắt đầu gọi Robin là ‘Birdie’), ‘chúng mọng nước đến buồn cười, cậu không thể mua được thứ gì tương tự trên hòn đảo nhỏ bé đáng thương này. Đã nhiều năm rồi tôi chưa được ăn một quả. Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để được thấy một quả xoài Bengal đích thực.’

Tôi đã đọc rồi*Arabian Nights*, Robin đề nghị, phấn khích đến ngây ngất và cũng cố tỏ ra từng trải.

‘Calcutta không thuộc thế giới Ả Rập, Birdie.’

«Tôi biết.» Robin đỏ mặt. «Ý tôi chỉ là—»

Nhưng Ramy đã chuyển sang chuyện khác. 'Cậu không nói với tớ là cậu đọc được tiếng Ả Rập!'

Tôi không, tôi đọc bản dịch.

Ramy thở dài. "Của ai?"

Robin cố gắng nhớ lại. "Của Jonathan Scott à?"

“Bản dịch tệ hại.” Ramy vung tay. “Vứt nó đi. Thứ nhất, nó thậm chí không phải là bản dịch trực tiếp – nó được dịch sang tiếng Pháp trước, rồi mới sang tiếng Anh – và thứ hai, nó chẳng giống bản gốc chút nào. Hơn nữa, Galland – Antoine Galland, dịch giả người Pháp – đã cố gắng hết sức để “Pháp hóa” các đoạn hội thoại và xóa bỏ tất cả các chi tiết văn hóa mà ông ta nghĩ sẽ khiến người đọc bối rối. Ông ta dịch các phi tần của Haroun Alraschid thành…*dames ses favourites*Mấy ả ái phi được cưng chiều. Làm sao mà từ "thê thiếp" lại thành ra "những người phụ nữ được yêu thích" được? Thế rồi hắn ta cắt xén hết mấy đoạn dâm ô, lại còn thêm thắt giải thích văn hóa tùy hứng – bảo tôi xem, mấy người có thích đọc một thiên anh hùng ca mà cứ có lão già Pháp lẩm cẩm thở phì phò vào cổ mỗi khi tới đoạn tục tĩu không?

Ramy vừa nói vừa khoa tay múa chân loạn xạ. Rõ ràng anh không thực sự tức giận, chỉ là quá nhiệt huyết và hiển nhiên là rất thông minh, say mê với sự thật đến mức muốn cả thế giới phải biết. Robin ngả người ra sau, quan sát khuôn mặt đáng yêu đang kích động của Ramy, vừa kinh ngạc vừa thích thú.

Lúc ấy, suýt nữa thì anh đã khóc. Anh đã cô đơn đến tuyệt vọng, và chỉ đến giờ mới nhận ra điều đó, và bây giờ anh*wasn’t*, và cảm giác này tuyệt vời đến mức anh không biết phải làm gì với chính mình.

Cuối cùng, khi họ đã quá buồn ngủ đến nỗi không thể nói hết câu, thì kẹo đã vơi đi một nửa và sàn nhà của Ramy ngập trong

giấy gói. Ngáp ngắn ngáp dài, họ vẫy tay chào nhau ngủ ngon. Robin loạng choạng quay về phòng mình, đóng sầm cửa lại, rồi quay người đối diện với căn phòng trống không. Đây sẽ là nhà của cậu trong bốn năm tới – chiếc giường dưới trần nhà thấp dốc nơi cậu sẽ thức dậy mỗi sáng, cái vòi nước bị rỉ trên bồn rửa nơi cậu sẽ rửa mặt, và chiếc bàn ở góc phòng nơi cậu sẽ cúi gập người mỗi tối, viết nguệch ngoạc dưới ánh nến cho đến khi sáp nhỏ giọt xuống sàn nhà.

Lần đầu tiên kể từ khi đặt chân đến Oxford, anh chợt nhận ra rằng mình sẽ xây dựng một cuộc sống ở đây. Anh tưởng tượng ra cuộc sống đó trải dài trước mắt: những cuốn sách và những món đồ lặt vặt dần dần chất đầy trên những kệ sách trống trơn kia;Sự sờn rách của những chiếc áo sơ mi vải lanh mới cứng vẫn còn nằm trong rương của anh, sự thay đổi của các mùa được nhìn thấy và nghe thấy qua khung cửa sổ bị gió đập lạch cạch phía trên giường anh, cái cửa sổ mãi không chịu đóng chặt. Và Ramy, ngay bên kia hành lang.

Chuyện này cũng chẳng đến nỗi tệ.

Giường chưa được dọn, nhưng anh quá mệt để chỉnh sửa ga trải giường hay tìm chăn đắp, nên anh cuộn tròn người lại và kéo áo khoác lên mình. Chỉ một lát sau, anh đã ngủ say và mỉm cười.

Các lớp học sẽ không bắt đầu cho đến ngày mùng ba tháng Mười, điều này đồng nghĩa với việc Robin và Ramy có ba ngày trọn vẹn để tự do khám phá thành phố.

Đây là ba ngày hạnh phúc nhất đời Robin. Cậu không phải đọc sách, không phải lên lớp; không phải học thuộc lòng hay làm bài. Lần đầu tiên trong đời cậu được toàn quyền quyết định túi tiền và thời gian của mình, và cậu như phát điên vì tự do.

Họ dành ngày đầu tiên để mua sắm. Họ đến Ede & Ravenscroft để đặt may áo choàng; đến hiệu sách Thornton để mua toàn bộ sách trong danh mục khóa học; đến các quầy hàng gia dụng ở

Cornmarket để mua ấm trà, thìa, khăn trải giường và đèn Argand. Sau khi mua sắm mọi thứ họ cho là cần thiết cho cuộc sống sinh viên, cả hai nhận ra mình vẫn còn dư một khoản kha khá từ tiền trợ cấp, không sợ bị hết - học bổng cho phép họ rút một khoản tiền như nhau từ ngân quỹ hàng tháng.

Vậy là họ tiêu xài hoang phí. Họ mua cả túi kẹo hạt và caramel. Họ thuê thuyền đáy bằng của trường đại học và dành cả buổi chiều đâm vào bờ sông Cherwell. Họ đến quán cà phê Queen's Lane, nơi họ tiêu một số tiền vô lý vào đủ loại bánh ngọt mà cả hai chưa từng thử. Ramy rất thích bánh yến mạch – 'Chúng làm cho yến mạch có vị...*so good*, anh ta nói, 'Tôi hiểu được niềm vui khi làm một con ngựa,' – trong khi Robin thì thích những chiếc bánh ngọt dính đầy đường đến nỗi khiến răng cậu ê buốt hàng giờ.

Ở Oxford, họ trông lạc lõng như ngón tay cái bị đau. Điều này ban đầu khiến Robin hơi lo lắng. Ở London, một thành phố quốc tế hơn một chút, người nước ngoài chưa bao giờ bị nhìn chằm chằm lâu như vậy. Nhưng người dân thị trấn Oxford dường như liên tục bị giật mình bởi sự hiện diện của họ. Ramy thu hút sự chú ý nhiều hơn Robin. Robin chỉ trông như người nước ngoài khi nhìn gần và dưới một số góc độ ánh sáng nhất định, nhưng Ramy thì ngay lập tức, rõ ràng là khác biệt.

"Ồ, vâng," anh ta đáp khi người bán bánh hỏi anh ta có phải đến từ Hindustan không,nói với một giọng điệu cường điệu mà Robin chưa từng nghe thấy trước đây. "Tôi có một gia đình khá lớn ở đó. Đừng nói với ai nhé, nhưng thật ra tôi là người hoàng tộc, đứng thứ tư trong danh sách kế vị – ngôi báu nào ư? À, chỉ là một vương quốc nhỏ thôi; hệ thống chính trị của chúng tôi rất phức tạp. Nhưng tôi muốn trải nghiệm một cuộc sống bình thường – có được một nền giáo dục đúng chất Anh Quốc, anh biết đấy – nên tôi đã rời bỏ cung điện của mình để đến đây."

“Sao anh lại nói chuyện như thế?” Robin hỏi ngay khi họ ra khỏi tầm nghe. “Và ý anh là gì khi nói anh thực sự là người hoàng tộc?”

“Cứ hễ gặp tôi là dân Anh lại cố nhớ xem họ biết tôi từ câu chuyện nào,” Ramy nói. “Không thì tôi là một tên lascar bẩn thỉu chuyên ăn cắp, không thì tôi là một tên đầy tớ trong nhà một tên nabob nào đó. Và tôi nhận ra ở Yorkshire rằng mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn nếu họ nghĩ tôi là một hoàng tử Mughal.”

“Tôi luôn chỉ cố gắng hòa nhập,” Robin nói.

“Nhưng điều đó là không thể đối với tôi,” Ramy nói. “Tôi phải đóng một vai. Ở Calcutta, chúng tôi đều kể câu chuyện về Sake Dean Mahomed, người Hồi giáo đầu tiên từ Bengal trở nên giàu có ở Anh. Ông ta có một người vợ da trắng Ireland. Ông ta sở hữu bất động sản ở London. Và cậu biết ông ta đã làm thế nào không? Ông ta mở một nhà hàng, nhưng thất bại; rồi ông ta cố gắng xin làm quản gia hoặc người hầu, cũng thất bại. Và sau đó, ông ta nảy ra ý tưởng tuyệt vời là mở một tiệm gội đầu ở Brighton.” Ramy cười khúc khích. “Hãy đến và tận hưởng hơi nước chữa bệnh! Được mát-xa với dầu của Ấn Độ! Nó chữa khỏi bệnh hen suyễn và thấp khớp; nó chữa khỏi chứng tê liệt. Tất nhiên, ở quê nhà chúng tôi không tin điều đó. Nhưng tất cả những gì Dean Mahomed phải làm là tự tạo cho mình một số bằng cấp y khoa, thuyết phục cả thế giới về phương pháp chữa bệnh phương Đông kỳ diệu này, và sau đó ông ta đã nắm họ trong lòng bàn tay. Vậy điều đó nói lên điều gì với cậu, Birdie? Nếu họ sẽ kể những câu chuyện về cậu, hãy tận dụng nó. Người Anh sẽ không bao giờ nghĩ tôi sang trọng, nhưng nếu tôi phù hợp với tưởng tượng của họ, thì ít nhất họ sẽ nghĩ tôi là hoàng tộc.”

Điều đó đã đánh dấu sự khác biệt giữa họ. Kể từ khi đặt chân đến Luân Đôn, Robin luôn cố gắng sống kín đáo và hòa nhập, cố gắng che giấu sự khác biệt của mình. Anh nghĩ rằng mình càng

bình thường thì càng ít bị chú ý. Nhưng Ramy, người không có lựa chọn nào khác ngoài việc nổi bật, đã quyết định rằng mình cũng có thể tỏa sáng. Anh ấy táo bạo đến cực độ. Robin thấy anh ấy thật đáng kinh ngạc và cũng có chút đáng sợ.

'Có*Mirza*"Thật sự nghĩa là 'hoàng tử' hả?" Robin hỏi, sau khi nghe lỏm Ramy tuyên bố điều này với người bán hàng lần thứ ba.

Ừ. Thật ra thì, nó là một chức danh - bắt nguồn từ tiếng Ba Tư*Amīrzādeh*, nhưng gọi là "hoàng tử" cũng gần đúng rồi.'

"Vậy thì anh là...?"

"Không." Ramy khịt mũi. "Ờ. Có lẽ đúng một lần. Dù sao thì đó cũng là chuyện gia đình; bố tôi nói chúng tôi từng là quý tộc trong triều đình Mughal, hay đại loại thế. Nhưng giờ thì hết rồi."

Chuyện gì vậy?

Ramy nhìn anh ta chằm chằm. "Người Anh đấy, Birdie. Theo kịp nào."

Chiều hôm đó, họ trả quá nhiều tiền cho một giỏ bánh mì cuộn, pho mát và nho ngọt, rồi mang lên một ngọn đồi trong Công viên South Park ở phía đông khuôn viên trường để dã ngoại. Họ tìm thấy một chỗ yên tĩnh gần một bụi cây, đủ kín đáo để Ramy có thể thực hiện lời cầu nguyện lúc hoàng hôn, và ngồi xếp bằng trên cỏ, bẻ bánh mì bằng tay không, hỏi han nhau về cuộc sống với sự thích thú háo hức của những cậu bé, những người trong nhiều năm đã nghĩ rằng mình là những người duy nhất trong hoàn cảnh đặc biệt này.

Ramy nhanh chóng suy ra Giáo sư Lovell là cha của Robin. "Chắc chắn là vậy rồi, đúng không? Nếu không thì tại sao ông ta lại lấp lửng như vậy? Và nếu không phải vậy thì làm sao ông ta quen

mẹ cậu? Ông ta có biết là cậu biết không, hay là ông ta vẫn đang cố giấu giếm chuyện này?"

Sự thẳng thắn của anh ta khiến Robin lo ngại. Cậu đã quá quen với việc lờ đi vấn đề đến nỗi nghe nó được miêu tả một cách thẳng thừng như vậy thật kỳ lạ. "Tôi không biết. Ý tôi là, về tất cả những chuyện này."

"Hửm. Nhìn nó có giống anh không?"

“Một chút thôi, tôi nghĩ vậy. Anh ấy dạy ở đây, chuyên về ngôn ngữ Đông Á – rồi cậu sẽ gặp anh ấy, rồi sẽ thấy.”

"Cậu chưa bao giờ hỏi anh ấy về chuyện đó à?"

“Chưa bao giờ em thử cả,” Robin nói. “Em… em không biết anh ấy sẽ nói gì.” Không, điều đó không đúng. “Ý em là, em chỉ nghĩ là anh ấy sẽ không trả lời.”

Lúc đó, họ mới quen nhau chưa đầy một ngày, vậy mà Ramy vẫn đọc được nét mặt của Robin đủ để biết là không nên xoáy sâu vào chuyện đó nữa.

Ramy cởi mở hơn nhiều về xuất thân của mình. Anh đã trải qua mười ba năm đầu đời ở Calcutta, là anh cả của ba cô em gái trong một gia đình làm việc cho một nhà quý tộc giàu có tên là Sir Horace Wilson, và bốn năm tiếp theo ở một điền trang vùng nông thôn Yorkshire nhờ gây ấn tượng với Wilson, đọc tiếng Hy Lạp và Latinh, và cố gắng không móc mắt mình ra vì buồn chán.

“Mày may mắn được học ở Luân Đôn.” Ramy nói. “Ít ra cuối tuần mày còn có chỗ để đi. Tuổi trẻ của tao chỉ toàn đồi núi.”và đồng hoang, chẳng thấy bóng dáng một ai dưới bốn mươi tuổi. Bà đã từng gặp Đức Vua chưa?

Đây lại là một tài lẻ khác của Ramy: chuyển chủ đề một cách nhanh nhẹn đến nỗi Robin phải chật vật mới theo kịp.

William hả? Không, không hẳn, anh ta ít khi xuất hiện trước công chúng lắm. Đặc biệt là gần đây, với cái Đạo luật Nhà máy và Luật Người Nghèo đó – đám người cải cách cứ luôn luôn bạo loạn ngoài đường, ra ngoài lúc đó không an toàn đâu.

“Những kẻ cải cách,” Ramy lặp lại đầy ghen tị.*Lucky*Cô. Chuyện gì xảy ra ở Yorkshire thì cũng chỉ là một hai đám cưới. Thỉnh thoảng gà chạy rông, vào một ngày đẹp trời.

“Tớ chẳng được tham gia gì cả,” Robin nói. “Nói thật thì ngày nào của tớ cũng đều đều, chán chết. Học suốt – tất cả chỉ để chuẩn bị cho chỗ này.”

Nhưng giờ chúng ta đã ở đây rồi.

“Nâng cốc nào.” Robin thở dài ngả người ra sau. Ramy đưa cho anh một cốc – cậu ấy đã pha siro cơm cháy với mật ong và nước – và họ cụng cốc rồi uống.

Từ vị trí thuận lợi ở South Park, họ có thể nhìn bao quát toàn bộ trường đại học, được bao phủ trong một tấm chăn vàng óng lúc hoàng hôn. Ánh sáng khiến đôi mắt Ramy lấp lánh, làn da anh sáng bóng như đồng hun. Robin chợt có một thôi thúc kỳ lạ muốn đặt tay lên má Ramy; thực sự, anh đã hơi nhấc tay lên trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì.

Ramy liếc nhìn xuống. Một lọn tóc đen rơi xuống mắt cậu ta. Robin thấy nó quyến rũ đến buồn cười. "Cậu ổn chứ?"

Robin chống khuỷu tay ra sau, đưa mắt nhìn về phía thành phố. Giáo sư Lovell đã đúng, anh nghĩ. Đây là nơi đẹp nhất trần gian.

"Tôi ổn," anh ta nói. "Tôi hoàn hảo."

Những cư dân khác của số nhà 4, ngõ Chim Chích Chòe đã dọn đến vào cuối tuần. Không ai trong số họ là sinh viên ngành dịch thuật. Họ tự giới thiệu bản thân khi chuyển đến: Colin

Thornhill, một luật sư tập sự mắt tròn xoe và sôi nổi, chỉ nói về bản thân bằng những đoạn văn dài lê thê; Bill Jameson, một anh chàng tóc đỏ dễ mến đang học phẫu thuật, dường như lúc nào cũng lo lắng về giá cả mọi thứ; và ở cuối hành lang, một cặp anh em sinh đôi, Edgar và Edward Sharp, năm hai đại học, trên danh nghĩa là đang theo học ngành Ngôn ngữ Cổ điển, nhưng như họ lớn tiếng tuyên bố, thì họ 'chỉ quan tâm đến khía cạnh xã hội cho đến khi được thừa kế gia sản.'

Tối thứ Bảy, họ tụ tập uống rượu ở phòng sinh hoạt chung cạnh bếp. Bill, Colin và anh em nhà Sharp đang ngồi quanh chiếc bàn thấp thì Ramy và Robin bước vào. Họ được dặn đến lúc chín giờ, nhưng rõ ràng là rượu đã được rót từ lâu – những chai rỗng nằm rải rác trên sàn quanh họ, và hai anh em nhà Sharp đang dựa vào nhau, cả hai đều say bí tỉ.

Colin thao thao bất tuyệt về sự khác biệt giữa các loại áo choàng sinh viên. "Cậu có thể biết mọi thứ về một người đàn ông qua áo choàng của anh ta," hắn nói với vẻ quan trọng. Hắn có một giọng điệu kỳ lạ, nhấn nhá quá mức, cường điệu một cách đáng ngờ khiến Robin không thể xác định được xuất xứ nhưng lại khá khó chịu. "Áo choàng cử nhân có móc ở khuỷu tay và kết thúc thành một điểm nhọn. Áo choàng của quý tộc là lụa và có nếp gấp ở tay áo. Áo choàng của thường dân không có tay áo, có nếp gấp ở vai, và cậu có thể phân biệt người hầu và thường dân vì áo choàng của họ không có nếp gấp, và mũ của họ không có tua—"

“Chúa ơi,” Ramy vừa ngồi xuống vừa nói. “Cậu ta cứ lải nhải về chuyện này suốt từ nãy đến giờ à?”

"Ít nhất mười phút," Bill nói.

“Ôi, nhưng lễ phục học thuật đúng chuẩn là vô cùng quan trọng,” Colin khăng khăng. “Đó là cách chúng ta thể hiện địa vị là sinh viên Oxford. Việc đội mũ tweed bình thường với áo choàng, hoặc dùng gậy chống khi mặc áo choàng được coi là

một trong bảy trọng tội. Và tôi từng nghe kể về một anh chàng, vì không biết các loại áo choàng, đã nói với thợ may rằng anh ta là một học giả, nên tất nhiên anh ta cần một chiếc áo choàng của học giả, chỉ để rồi bị cười nhạo ra khỏi hội trường vào ngày hôm sau khi sự thật phơi bày rằng anh ta không phải là học giả, vì anh ta chẳng giành được học bổng nào, mà chỉ là một sinh viên đóng học phí,*commoner*—

“Vậy chúng ta mặc áo kiểu gì?” Ramy chen vào. “Chỉ để tôi biết là chúng ta đã dặn thợ may đúng chưa.”

“Tùy,” Colin nói. “Cậu là sinh viên quý tộc tự túc hay sinh viên học bổng? Tớ thì đóng học phí, nhưng không phải ai cũng vậy – cậu thỏa thuận thế nào với thủ quỹ?”

“Không biết,” Ramy nói. “Cậu nghĩ mấy cái áo choàng đen được không? Tớ chỉ biết là mình có mấy cái màu đen thôi.”

Robin khịt mũi. Mắt Colin hơi trợn lên. "Vâng, nhưng mà cái tay áo—"

“Thôi đi,” Bill vừa nói vừa cười. “Colin rất quan tâm đến địa vị.”

“Ở đây người ta coi trọng áo choàng lắm,” Colin nói nghiêm nghị. “Anh đọc thấy trong sách hướng dẫn du lịch rồi. Họ còn chẳng cho vào nghe giảng nếu không mặc đúng trang phục đâu. Vậy cậu là thường dân hay người hầu?”

“Chúng không phải loại nào cả.” Edward quay sang Robin. “Cậu là Babbler, phải không? Tôi nghe nói tất cả Babbler đều được học bổng.”

“Chim Chích Chòe?” Robin lặp lại. Đó là lần đầu tiên cậu nghe thấy từ này.

“Viện Dịch thuật,” Edward nói với vẻ mất kiên nhẫn. “Chắc chắn là vậy rồi, phải không? Nếu không thì làm sao loại người như cô

lại được vào đây.”

"Giống loài chúng ta á?" Ramy nhướn mày.

"Thế rốt cuộc cậu là cái giống gì?" Edgar Sharp hỏi một cách đột ngột. Ông ta trông như sắp ngủ gục đến nơi, nhưng giờ lại gắng gượng ngồi dậy, nheo mắt như thể đang cố nhìn Ramy qua làn sương mù. "Mọi đen à? Hay Thổ Nhĩ Kỳ?"

“Tôi đến từ Calcutta,” Ramy gắt gỏng. “Điều đó có nghĩa là tôi là người Ấn Độ, nếu anh muốn biết.”

"Hừm," Edward nói.

“‘Đường phố Luân Đôn, nơi người Hồi giáo đội khăn xếp, người Do Thái để râu và người châu Phi tóc xoăn gặp gỡ người Hindu da nâu,’” Edgar nói với giọng ngân nga. Bên cạnh anh, người anh em sinh đôi của anh khịt mũi và nốc thêm một ngụm rượu vang.

Lần này, Ramy không thể phản bác lại; cậu chỉ chớp mắt nhìn Edgar, kinh ngạc.

“Phải,” Bill nói, vừa móc tai. “Ừ.”

“Có phải Anna Barbauld không nhỉ?” Colin hỏi. “Một nhà thơ đáng mến. Tất nhiên là không khéo léo chơi chữ như các nhà thơ nam, nhưng cha tôi rất thích thơ của bà ấy. Lãng mạn lắm.”

“Còn cậu là người Hoa phải không?” Edgar nhìn Robin với ánh mắt lờ đờ. “Có đúng là người Trung Quốc bẻ gãy chân phụ nữ bằng vải bó để họ không thể đi lại không?”

“Cái gì?” Colin khịt mũi. “Buồn cười thật.”

“Tôi đọc được rồi,” Edgar khăng khăng. “Nói tôi nghe, cái đó mang tính khiêu dâm à? Hay chỉ là để chúng không chạy thoát

được?”

“Ý tôi là…” Robin không biết phải bắt đầu từ đâu. “Nó không phải ở đâu cũng làm – mẹ tôi không bị bó chân, và có rất nhiều người phản đối ở nơi tôi đến—”

"Vậy là đúng thật rồi," Edgar kêu lên. "Chúa ơi. Các người đúng là bệnh hoạn."

“Ông thật sự uống nước tiểu của trẻ em trai để chữa bệnh à?” Edward hỏi. “Nó được lấy như thế nào?”

“Cậu ngậm miệng lại và lo mà chảy rượu xuống áo đi,” Ramy nói gắt.

Mọi hy vọng về tình anh em nhanh chóng tan biến sau đó. Một ván bài whist được đề xuất, nhưng anh em nhà Sharp không biết luật chơi và lại quá say để học. Bill lấy cớ đau đầu và đi ngủ sớm. Colin lại tiếp tục bài diễn văn dài lê thê về những chi tiết phức tạp của hội trường.phép xã giao, bao gồm cả bài kinh cầu nguyện bằng tiếng Latinh rất dài mà ông gợi ý tất cả cùng học thuộc lòng tối hôm đó, nhưng chẳng ai nghe cả. Anh em nhà Sharp, trong một màn thể hiện sự ăn năn kỳ lạ, sau đó hỏi Robin và Ramy vài câu lịch sự nhưng vô nghĩa về dịch thuật, nhưng rõ ràng là họ không mấy quan tâm đến câu trả lời. Dù cho anh em nhà Sharp đang tìm kiếm hội bạn cao quý nào ở Oxford thì rõ ràng họ đã không tìm thấy ở đây. Nửa tiếng sau, buổi tụ tập kết thúc, và tất cả lặng lẽ quay về phòng riêng của mình.

Đêm hôm đó có chút ồn ào về bữa sáng ở nhà. Nhưng sáng hôm sau, khi Ramy và Robin xuất hiện trong bếp, họ thấy một mảnh giấy nhắn dành cho mình trên bàn.

We’ve gone to a café the Sharps know in Iffley. Didn’t think you’d like it – see you later. – CT

“Tôi cho là,” Ramy nói giọng khô khốc, “sẽ chỉ còn lại họ và chúng ta.”

Robin chẳng phiền chút nào. "Em thích chỉ có hai chúng ta thôi."

Ramy mỉm cười với anh ta.

Họ dành ngày thứ ba cùng nhau tham quan những viên ngọc quý của trường đại học. Oxford năm 1836 đang trong thời kỳ chuyển mình, một sinh vật tham lam không ngừng nuốt chửng của cải do chính nó tạo ra. Các trường trực thuộc liên tục được cải tạo; mua thêm đất từ thành phố; thay thế các tòa nhà thời trung cổ bằng những hội trường mới hơn, đẹp hơn; xây dựng những thư viện mới để chứa các bộ sưu tập vừa được mua lại. Hầu như mọi tòa nhà ở Oxford đều có tên – không bắt nguồn từ chức năng hay vị trí, mà từ tên của một cá nhân giàu có và quyền lực, người đã truyền cảm hứng cho việc tạo ra nó. Có Bảo tàng Ashmolean đồ sộ, hùng vĩ, nơi lưu giữ tủ đồ cổ do Elias Ashmole tặng, bao gồm đầu chim Dodo, sọ hà mã và một chiếc sừng cừu dài ba inch được cho là mọc ra từ đầu của một bà lão ở Cheshire tên là Mary Davis; Thư viện Radcliffe, một thư viện hình vòm bằng cách nào đó trông còn lớn hơn và tráng lệ hơn từ bên trong so với bên ngoài; và Nhà hát Sheldonian, được bao quanh bởi những bức tượng bán thân bằng đá đồ sộ được gọi là Đầu Hoàng đế, tất cả đều trông giống như những người đàn ông bình thường đã tình cờ gặp Medusa.

Và rồi có cả Thư viện Bodleian – ồ, Bodleian, một kho báu quốc gia đúng nghĩa: nơi lưu giữ bộ sưu tập bản thảo lớn nhất nước Anh (“Cambridge chỉ có một trăm nghìn đầu sách thôi,” người thư ký cho họ vào khịt mũi nói, “còn Edinburgh thì chỉ có vỏn vẹn sáu mươi ba nghìn”).bộ sưu tập tiếp tục được mở rộng dưới sự lãnh đạo đầy tự hào của Mục sư Tiến sĩ Bulkeley Bandinel, người có ngân sách mua sách gần 2.000 bảng Anh mỗi năm.

Chính Đức Ông Tiến sĩ Bandinel đã đích thân ra chào đón họ trong chuyến tham quan thư viện đầu tiên và dẫn họ đến Phòng Đọc của Dịch giả. "Không thể để một thư ký làm việc này được," ông thở dài. "Thông thường, chúng tôi để cho những kẻ ngốc tự đi lang thang và hỏi đường nếu họ bị lạc. Nhưng các dịch giả - các bạn mới thực sự hiểu được những gì đang diễn ra ở đây."

Ông ta là một người đàn ông to béo, mắt sụp mí và phong thái cũng uể oải tương tự, miệng dường như lúc nào cũng trĩu xuống như đang cau mày. Thế nhưng khi di chuyển trong tòa nhà, mắt ông sáng lên với niềm vui thực sự. "Chúng ta sẽ bắt đầu ở cánh chính, sau đó đi bộ sang khu Duke Humphreys. Cứ đi theo tôi, thoải mái xem nhé - sách sinh ra là để được chạm vào, nếu không chúng sẽ vô dụng, nên đừng ngại. Chúng tôi khá tự hào về một vài món đồ sưu tầm quan trọng gần đây. Đó là bộ sưu tập bản đồ Richard Gough được tặng vào năm 1809 - thật không thể tin được là Bảo tàng Anh Quốc lại không muốn chúng! Và rồi khoản tặng của Malone mười năm trước đó - nó đã mở rộng đáng kể kho tài liệu Shakespeare của chúng tôi. Ồ, và chỉ hai năm trước, chúng tôi đã nhận được bộ sưu tập Francis Douce - đó là mười ba nghìn cuốn sách bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, mặc dù tôi cho rằng cả hai người đều không chuyên về tiếng Pháp ... Tiếng Ả Rập à? Ồ, vâng - lối này; Viện Nghiên cứu Phương Đông giữ phần lớn tài liệu tiếng Ả Rập ở Oxford, nhưng tôi có một số tập thơ từ Ai Cập và Syria mà có thể các bạn sẽ quan tâm..."

Họ rời khỏi Thư viện Bodleian trong trạng thái choáng ngợp, ấn tượng, và có chút sợ hãi trước khối lượng tài liệu khổng lồ có sẵn. Ramy bắt chước cái cằm đôi chảy xệ của Mục sư Tiến sĩ Bandinel, nhưng không thể nào tỏ ra ác ý thực sự; thật khó mà khinh thường một người rõ ràng say mê việc tích lũy tri thức thuần túy vì tri thức.

Họ kết thúc một ngày với chuyến tham quan University College do Billings, một người gác cổng lâu năm, hướng dẫn. Hóa ra từ

trước đến giờ họ mới chỉ nhìn thấy một góc nhỏ trong ngôi nhà mới của mình. Trường đại học, nằm ngay phía đông những ngôi nhà trên đường Magpie Lane, tự hào với hai sân tứ giác xanh mướt và một quần thể các tòa nhà bằng đá giống như pháo đài của lâu đài. Trong khi họ đi bộ, Billings thao thao bất tuyệt kể ra một danh sách những người được đặt tên cho các địa điểm cùng tiểu sử của họ, bao gồm các nhà tài trợ, kiến trúc sư, và những nhân vật quan trọng khác. "... bây giờ, các bức tượng trên lối vào là của Nữ hoàng Anne và Nữ hoàng Mary, và bên trong là James II và Tiến sĩ Radcliffe..." VàNhững ô cửa kính màu tuyệt đẹp trong nhà nguyện là do Abraham van Linge thực hiện vào năm 1640, vâng, chúng được bảo quản rất tốt, và người thợ kính Henry Giles ở York đã làm cửa sổ phía đông... Không có buổi lễ nào đang diễn ra, vì vậy chúng ta có thể đi xem xung quanh bên trong; theo tôi.

Bên trong nhà nguyện, Billings dừng lại trước một bức phù điêu. "Tôi cho là các bạn sẽ biết đó là ai, vì dù sao cũng là sinh viên ngành dịch thuật mà."

Họ biết. Cả Robin và Ramy đều đã nghe thấy cái tên đó liên tục kể từ khi đến Oxford. Bức phù điêu là đài tưởng niệm một cựu sinh viên của Đại học University College, một thiên tài được công nhận rộng rãi, người vào năm 1786 đã xuất bản một văn bản nền tảng xác định ngôn ngữ Proto-Ấn-Âu là ngôn ngữ tiền thân liên kết tiếng Latinh, tiếng Phạn và tiếng Hy Lạp. Giờ đây, ông có lẽ là dịch giả nổi tiếng nhất châu lục, ngoại trừ cháu trai của ông, Sterling Jones, người vừa mới tốt nghiệp.

“Là Ngài William Jones đấy.” Robin thấy cảnh được khắc họa trên bức phù điêu có phần khó chịu. Jones ngồi vào bàn viết, một chân vắt vẻo lên chân kia, trong khi ba hình người, rõ ràng là người Ấn Độ, ngồi ngoan ngoãn dưới sàn trước mặt ông ta như những đứa trẻ đang nghe giảng.

Billings trông rất tự hào. “Đúng vậy. Cậu ấy đang dịch một bản tóm lược về luật Hindu, và có một vài thầy tu Bà La Môn đang ngồi dưới sàn để hỗ trợ. Tôi tin rằng, chúng ta là trường đại học duy nhất có vinh dự được đón tiếp những người Ấn Độ. Nhưng mà Univ luôn có một mối liên hệ đặc biệt với các thuộc địa.* Và như các bạn đã biết, những cái đầu hổ đó là biểu tượng của Bengal.

"Sao chỉ có mỗi ông ta được ngồi bàn?" Ramy hỏi. "Sao mấy người Bà La Môn lại phải ngồi dưới sàn?"

“Ờ, tôi đoán là người Hindu thích kiểu đó,” Billings nói. “Họ thích ngồi bắt chéo chân, ông thấy đấy, vì họ thấy thoải mái hơn.”

"Sáng tỏ thật đấy," Ramy nói. "Tôi chưa bao giờ biết."

Họ đã dành tối Chủ nhật chìm đắm trong những giá sách sâu hun hút của thư viện Bodleian. Họ được giao một danh sách đọc khi đăng ký, nhưng cả hai, khi đối mặt với cơn lũ tự do bất ngờ, đã trì hoãn việc đọc cho đến tận phút chót. Thư viện Bodleian đáng lẽ phải đóng cửa lúc 8 giờ tối các ngày cuối tuần. Họ đến cửa lúc 7:45 tối, nhưng khi nhắc đến Viện Dịch thuậtdường như nắm giữ quyền lực vô cùng lớn, vì khi Ramy giải thích những gì họ cần, các nhân viên nói rằng họ có thể ở lại muộn tùy thích. Cửa sẽ được mở cho nhân viên đêm; họ có thể rời đi khi nào thuận tiện.

Khi họ ra khỏi kho sách, cặp nặng trĩu sách và mắt hoa lên vì nhìn chữ nhỏ, mặt trời đã lặn từ lâu. Ban đêm, ánh trăng cùng ánh đèn đường nhuộm thành phố trong một thứ ánh sáng mờ ảo, kỳ lạ. Những viên đá cuội dưới chân họ như những con đường dẫn vào và ra khỏi nhiều thế kỷ khác nhau. Đây có thể là Oxford của thời kỳ Cải cách, hoặc Oxford của thời Trung cổ. Họ di chuyển trong một không gian vượt thời gian, được chia sẻ cùng những hồn ma của các học giả tiền bối.

Chuyến đi về trường chỉ mất chưa đầy năm phút, nhưng họ đi vòng lên Đường Broad để kéo dài cuộc dạo bộ. Đây là lần đầu tiên họ ra ngoài muộn như vậy; họ muốn tận hưởng thành phố về đêm. Họ di chuyển trong im lặng, không ai dám phá vỡ sự mê hoặc.

Một tràng cười rộ lên từ phía bên kia bức tường đá khi họ đi ngang qua trường New College. Rẽ xuống Holywell Lane, họ thấy một nhóm sáu bảy sinh viên, tất cả đều mặc áo choàng đen, nhưng nhìn dáng đi loạng choạng của họ thì chắc hẳn họ vừa rời khỏi quán rượu chứ không phải giảng đường.

"Balliol, cậu nghĩ vậy à?" Ramy lẩm bẩm.

Robin khịt mũi.

Họ mới ở Đại học University College được ba ngày, nhưng đã nắm được thứ bậc giữa các trường thành viên và những định kiến gắn liền với chúng. Exeter thì lịch thiệp nhưng không có đầu óc; Brasenose thì ầm ĩ và ngập trong rượu. Queen's và Merton ở ngay cạnh thì được an toàn phớt lờ. Sinh viên Balliol, những người đóng học phí gần như cao nhất Đại học, chỉ sau Oriel, thì nổi tiếng về việc ghi nợ hơn là việc có mặt ở các buổi hướng dẫn.

Bọn sinh viên liếc nhìn họ khi hai người tiến lại gần. Robin và Ramy gật đầu chào, và vài người trong số đó cũng gật đầu đáp lại, một sự thừa nhận lẫn nhau giữa những quý ông của trường đại học.

Con đường rộng thênh thang, và hai nhóm người đang đi ở hai bên đường đối diện nhau. Họ đã có thể lướt qua nhau êm đẹp nếu không phải một trong những cậu bé kia bỗng nhiên chỉ tay vào Ramy và hét lên, "Cái gì kia? Mày thấy không?"

Bọn bạn vừa kéo anh ta đi vừa cười hô hố.

"Thôi nào, Mark," một người nói. "Cứ để họ đi—"

“Khoan đã,” thằng nhóc tên Mark nói. Nó hất tay mấy đứa bạn ra. Nó đứng yên trên phố, nheo mắt nhìn Ramy với vẻ tập trung say xỉn. Tay nó vẫn lơ lửng giữa không trung, chỉ thẳng. “Nhìn mặt nó kìa – thấy chưa?”

“Mark, làm ơn đi,” thằng bé ở cuối đường nói. “Đừng có ngu nữa.”

Không ai còn cười nữa.

“Đó là một người theo đạo Hindu,” Mark nói. “Một người Hindu làm gì ở đây?”

“Thỉnh thoảng họ đến thăm,” một trong những đứa trẻ khác nói. “Nhớ hai người nước ngoài tuần trước không, mấy ông hoàng Ba Tư hay gì đó—”

"Hình như tôi có thấy, mấy gã quấn khăn xếp ấy—"

“Nhưng mà cậu ta mặc áo choàng.” Mark lên giọng với Ramy. “Này! Cậu mặc áo choàng làm gì thế?”

Giọng anh ta trở nên cay nghiệt. Bầu không khí không còn thân mật nữa; tình bằng hữu học thuật, nếu đã từng tồn tại, giờ đã tan biến.

“Em không thể mặc cái đầm dạ hội đó được,” Mark khăng khăng. “Cởi nó ra.”

Ramy bước lên một bước.

Robin nắm chặt tay anh ta. "Đừng."

‘Này, tôi đang nói chuyện với cô đấy.’ Mark giờ đang băng qua đường về phía họ. ‘Có chuyện gì vậy? Cô không nói được tiếng

Anh à? Cởi cái áo choàng đó ra, cô nghe thấy tôi nói không? Cởi nó ra.'

Rõ ràng Ramy muốn đánh nhau – nắm đấm cậu ta siết chặt, đầu gối hơi chùng xuống sẵn sàng lao tới. Nếu Mark tiến lại gần hơn nữa, đêm nay sẽ có đổ máu.

Thế là Robin bắt đầu chạy.

Anh ghét việc mình làm, cảm thấy hèn nhát vô cùng, nhưng đó là hành động duy nhất anh có thể nghĩ ra mà không dẫn đến thảm họa. Bởi anh biết Ramy, trong cơn choáng váng, sẽ đuổi theo. Quả thật – vài giây sau anh nghe thấy tiếng bước chân của Ramy phía sau, tiếng thở dốc, những lời chửi thề lầm bầm khi cả hai chạy nước rút xuống Holywell.

Tiếng cười – vì lại có tiếng cười, dù nó không còn xuất phát từ sự vui vẻ nữa – dường như vang to hơn sau lưng họ. Bọn con trai Balliol hú lên như khỉ; tiếng cười khúc khích của chúng kéo dài theo bóng của chúng trên những bức tường gạch. Trong một khoảnh khắc, Robin sợ hãi rằng họ đang bị đuổi theo, rằng bọn con trai đang bám sát gót chân họ, tiếng bước chân dồn dập xung quanh. Nhưng đó chỉ là tiếng máu dồn dập trong tai cậu. Bọn con trai không đuổi theo họ; chúng quá say, quá dễ bị mua vui, và chắc chắn là đến giờ này đã bị phân tâm bởi trò tiêu khiển tiếp theo của chúng.

Dù vậy, Robin vẫn không dừng lại cho đến khi họ tới Phố High. Đường vắng tanh. Họ chỉ còn lại một mình, thở hổn hển trong bóng tối.

"Chết tiệt," Ramy lầm bầm. "Chết tiệt—"

“Tôi xin lỗi,” Robin nói.

“Đừng nghĩ thế,” Ramy nói, dù anh không dám nhìn vào mắt Robin. “Cậu làm đúng rồi.”

Robin cũng không chắc là có ai trong số họ tin điều đó cả.

Giờ họ đã đi xa nhà hơn nhiều, nhưng ít nhất họ đã quay lại dưới ánh đèn đường, nơi họ có thể thấy rắc rối từ xa.

Họ bước một đoạn trong im lặng. Robin chẳng nghĩ ra được điều gì thích hợp để nói; bất cứ từ ngữ nào lướt qua tâm trí đều chết ngay trên đầu lưỡi.

“Chết tiệt,” Ramy lại nói. Anh dừng phắt lại, một tay đặt trên cặp sách. “Hình như – đợi đã.” Anh lục lọi sách vở, rồi lại chửi thề. “Mình để quên vở rồi.”

Ruột gan Robin thắt lại. "Ở Holywell á?"

“Ở trong Bod.” Ramy ấn đầu ngón tay lên sống mũi rồi rên rỉ. “Tôi biết chỗ nào rồi – ngay góc bàn làm việc; tôi định để nó lên trên cùng vì không muốn bị nhàu, nhưng tôi mệt quá nên chắc là quên mất.”

Không thể để đến mai được à? Tôi không nghĩ mấy nhân viên sẽ dời nó đâu, mà lỡ họ có dời thì mình cứ hỏi lại là được—

Không, vở ghi chép ôn tập của mình ở trong đó, mà mình lo mai thầy cô bắt kiểm tra bài cũ. Mình quay lại lấy—

“Để tôi,” Robin nói nhanh. Điều này tạo cảm giác đúng đắn; cảm giác như đang chuộc lỗi.

Ramy cau mày. "Chắc chắn chứ?"

Giọng anh không hề có chút chống đối. Cả hai đều hiểu điều Robin không nói ra – rằng ít nhất Robin có thể bị nhầm là người da trắng trong bóng tối, và nếu Robin chạm trán đám con trai nhà Balliol một mình, chúng sẽ chẳng thèm để ý đến anh.

“Tớ đi không quá hai mươi phút đâu,” Robin thề. “Lúc về tớ sẽ để nó trước cửa cho cậu.”

Oxford giờ đây mang một vẻ u ám khi anh chỉ còn một mình; ánh đèn không còn ấm áp mà trở nên kỳ quái, kéo dài và bóp méo cái bóng của anh trên mặt đá cuội. Thư viện Bodleian đã khóa cửa, nhưng một nhân viên trực đêm thấy anh vẫy tay ở cửa sổ nên đã cho anh vào. May mắn thay, anh ta là một trong những nhân viên cũ, và anh ta để Robin vào cánh phía tây mà không hỏi han gì.Phòng Đọc tối om và lạnh cóng. Tất cả đèn đều tắt; Robin chỉ có thể nhìn thấy nhờ ánh trăng lọt vào từ cuối căn phòng. Run rẩy, cậu chộp lấy vở của Ramy, nhét vào cặp sách và vội vã ra khỏi cửa.

Anh ta vừa qua khỏi khoảng sân vuông thì nghe thấy tiếng xì xào.

Lẽ ra anh phải bước nhanh hơn, nhưng có điều gì đó – âm điệu, hình dáng của những từ ngữ – buộc anh phải dừng lại. Chỉ sau khi anh dừng lại, dỏng tai lên nghe, anh mới nhận ra mình đang nghe tiếng Trung. Một cụm từ tiếng Trung, được lặp đi lặp lại với sự khẩn thiết ngày càng tăng.

‘*Wúxíng*.

Robin rón rén quanh góc tường.

Giữa phố Holywell có ba người, đều là thanh niên mảnh khảnh mặc toàn đồ đen, hai nam một nữ. Họ đang vật lộn với một cái hòm. Đáy hòm chắc hẳn đã bung ra, vì những thỏi bạc lấp lánh nằm rải rác trên mặt đá cuội.

Cả ba người ngước nhìn khi Robin tiến lại gần. Người đàn ông đang thì thầm sôi nổi bằng tiếng Trung Quốc quay lưng về phía Robin; hắn quay lại sau cùng, chỉ sau khi hai kẻ đồng hành của hắn đã đứng bất động như tượng. Hắn nhìn thẳng vào mắt Robin. Tim Robin như ngừng đập.

Anh ta như đang soi gương vậy.

Đó là đôi mắt nâu của anh. Chiếc mũi thẳng của anh, mái tóc nâu hạt dẻ cũng phủ xuống mắt anh y hệt như vậy, lòa xòa lộn xộn từ trái sang phải.

Người đàn ông cầm một thỏi bạc trong tay.

Robin lập tức nhận ra hắn ta đang định làm gì.*Wúxíng*– trong tiếng Trung, nghĩa là ‘vô hình, vô dạng, phi vật chất’.* Bản dịch tiếng Anh gần nhất là "tàng hình". Những người này, dù là ai, đều đang cố gắng ẩn mình. Nhưng có gì đó đã gặp trục trặc, vì thanh bạc chỉ hoạt động yếu ớt; hình ảnh ba thanh niên chập chờn dưới ánh đèn đường, đôi khi trông họ gần như trong suốt, nhưng chắc chắn là họ không hề bị che giấu.

Bản sao của Robin nhìn anh bằng ánh mắt cầu khẩn.

"Cứu tôi với," anh ta van xin. Rồi bằng tiếng Trung, "*Bāngmáng*.*

Robin không biết điều gì đã thôi thúc cậu hành động – nỗi kinh hoàng gần đây với đám con trai nhà Balliol, sự phi lý hoàn toàn của cảnh tượng này, hay hình ảnh khuôn mặt người song trùng của mình gây choáng váng – nhưng cậu đã bước tới và đặt tay lên quầy bar. Người song trùng của cậu buông tay ra không một lời.

‘*Wúxíng*, Robin nói, nghĩ về những câu chuyện thần thoại mẹ đã kể, về những linh hồn và bóng ma ẩn nấp trong bóng tối. Về sự vô hình, về sự không tồn tại. "Vô hình."

Cây đòn rung lên trong tay anh. Anh nghe thấy một âm thanh từ hư không, một tiếng thở dài như hơi thở.

Cả bốn người họ đều biến mất.

Không.*disappeared*Không đúng lắm. Robin không thể diễn tả được; nó lạc lõng giữa ngôn ngữ, một khái niệm mà cả tiếng Trung lẫn tiếng Anh đều không thể miêu tả trọn vẹn. Chúng tồn tại, nhưng không phải dưới hình dạng con người. Chúng thậm chí không phải là sinh vật. Chúng vô hình tướng. Chúng trôi dạt, lan rộng; chúng là không khí, là những bức tường gạch, là đá cuội. Robin không còn ý thức về cơ thể mình, không phân biệt được đâu là mình, đâu là quán bar – anh là bạc, là đá, là màn đêm.

Nỗi sợ hãi lạnh buốt chạy dọc sống lưng hắn.*What if I can't go back?*

Vài giây sau, một viên cảnh sát chạy tới cuối phố. Robin nín thở, siết chặt thanh chắn đến nỗi những cơn đau nhói lên tận cánh tay.

Viên cảnh sát nhìn chằm chằm vào anh ta, nheo mắt, nhưng chỉ thấy một màn đen kịt.

"Chúng không ở dưới này," hắn ngoái đầu lại nói. "Thử đuổi chúng lên phía Parks xem…"

Giọng anh ta nhỏ dần khi anh ta chạy biến mất.

Robin buông thanh kim loại. Anh không thể giữ nó thêm được nữa; anh hầu như chẳng còn cảm nhận được sự hiện diện của nó. Anh không hề thả tay ra một cách nhẹ nhàng, mà là đẩy mạnh thanh kim loại ra xa như thể muốn tách rời linh hồn mình khỏi thứ bạc đó.

Nó hiệu nghiệm. Bọn trộm đã tái xuất hiện trong đêm.

"Nhanh lên," gã kia thúc giục, một thanh niên tóc vàng hoe. "Nhét hết vào áo rồi bỏ cái hòm lại."

“Chúng ta không thể cứ bỏ mặc nó được,” người phụ nữ nói. “Họ sẽ lần ra thôi.”

Gom hết mảnh vỡ lại đi nào.

Cả ba bắt đầu hốt những thỏi bạc lên khỏi mặt đất. Robin ngập ngừng một lát, hai tay buông thõng bên người một cách lúng túng. Rồi anh cũng cúi xuống giúp họ.

Sự phi lý của chuyện này vẫn chưa ngấm vào đầu anh ta. Anh ta lờ mờ nhận ra rằng bất cứ chuyện gì đang xảy ra cũng đều phải rất phi pháp. Những thanh niên này không thể nào có liên quan đến Oxford, thư viện Bodleian, hay Viện Dịch thuật, nếu không thì họ đã chẳng lén lút vào lúc nửa đêm, mặc đồ đen và trốn tránh cảnh sát.

Điều đúng đắn và hiển nhiên cần làm là báo động.

Nhưng bằng cách nào đó, giúp đỡ dường như là lựa chọn duy nhất. Anh không hề nghi ngờ logic này, chỉ đơn giản là hành động. Cảm giác như rơi vào một giấc mơ, như bước vào một vở kịch mà anh đã thuộc lòng lời thoại, mặc dù mọi thứ khác đều là một bí ẩn. Đây là một ảo ảnh với logic nội tại riêng của nó, và vì một lý do nào đó anh không thể gọi tên, anh không muốn phá vỡ nó.

Cuối cùng, tất cả các thỏi bạc đã được nhét xuống dưới áo và vào túi. Robin đưa số bạc mình nhặt được cho người song trùng của mình. Ngón tay họ chạm nhau, và Robin cảm thấy rùng mình.

"Đi thôi," người đàn ông tóc vàng nói.

Nhưng không ai nhúc nhích. Tất cả đều nhìn Robin, rõ ràng là không biết phải làm gì với anh ta.

“Lỡ như anh ấy…” người phụ nữ bắt đầu nói.

“Hắn ta sẽ không đâu,” bản sao của Robin nói chắc nịch. “Còn cậu?”

“Dĩ nhiên là không,” Robin thì thầm.

Người đàn ông tóc vàng trông có vẻ không tin. "Sẽ dễ hơn nếu cứ..."

“Không. Lần này thì không.” Kẻ song trùng của Robin nhìn Robin từ đầu đến chân một lúc, rồi dường như đã quyết định điều gì đó. “Cô là phiên dịch viên phải không?”

“Vâng,” Robin thở hổn hển. “Vâng, tôi vừa mới đến đây.”

"Cội Rễ Quỷ Dị," kẻ song trùng của hắn nói. "Tìm ta ở đó."

Người phụ nữ và người đàn ông tóc vàng trao đổi một cái nhìn. Người phụ nữ mở miệng như thể định phản đối, ngừng lại, rồi lại ngậm miệng.

“Được,” người đàn ông tóc vàng nói. “Giờ thì đi thôi.”

“Đợi đã,” Robin nói trong tuyệt vọng. “Họ là ai – khi nào thì—”

Nhưng bọn trộm đã bỏ chạy.

Chúng nhanh đến mức đáng kinh ngạc. Chỉ vài giây sau, con phố đã vắng tanh. Không còn dấu vết gì cho thấy chúng từng ở đó – chúng đã gom sạch từng thanh gỗ cuối cùng, thậm chí còn khuân cả mớ gỗ vụn của cái hòm đi mất. Cứ như chúng là ma vậy. Robin tự hỏi liệu mình có tưởng tượng ra toàn bộ cuộc chạm trán này không, vì thế giới trông vẫn chẳng khác gì cả.

Ramy vẫn còn thức khi Robin quay lại. Anh mở cửa ngay tiếng gõ đầu tiên.

“Cám ơn,” anh ta nói, cầm lấy cuốn sổ.

Dĩ nhiên rồi.

Họ đứng nhìn nhau trong im lặng.

Không còn nghi ngờ gì về những gì đã xảy ra. Cả hai đều choáng váng trước nhận thức đột ngột rằng họ không thuộc về nơi này, rằng bất chấp việc họ có liên kết với Viện Dịch thuật, bất chấp áo choàng và vẻ ngoài đạo mạo của mình, thân thể họ không an toàn trên đường phố. Họ là những người đàn ông ở Oxford; họ không phải là những người đàn ông của Oxford. Nhưng sự khổng lồ của nhận thức này quá sức tàn phá, một sự đối lập cay đắng với ba ngày vàng son mà họ đã mù quáng tận hưởng, đến nỗi không ai trong số họ có thể nói ra thành lời.

Và họ sẽ chẳng bao giờ nói ra thành lời. Nghĩ đến sự thật quá đau đớn. Thật dễ dàng hơn biết bao khi giả vờ; cứ tiếp tục kéo dài giấc mộng hão huyền chừng nào họ còn có thể.

“Ờ,” Robin nói yếu ớt, “chúc ngủ ngon.”

Ramy gật đầu rồi lặng lẽ đóng cửa lại.

Chapter Four

So the Lord scattered them abroad from there over the face of all the earth, and they left off building the city. Therefore its name was called Babel, because there the Lord confused the language of all the earth; and from there the Lord scattered them abroad over the face of all the earth.

Thế rồi, Đức Giê-hô-va làm cho loài người tản mác khắp mặt đất, và họ thôi công việc xây dựng thành. Vì vậy, tên thành đó được gọi là Ba-bên, vì ở đó Đức Giê-hô-va đã làm lộn xộn tiếng nói của cả thế gian, và từ đó Ngài làm cho loài người tản mác khắp mặt đất.

SGiấc ngủ dường như là điều không thể. Robin cứ thấy khuôn mặt của kẻ song trùng lơ lửng trong bóng tối. Có phải anh, trong cơn mệt mỏi và hoảng loạn, đã tưởng tượng ra tất cả? Nhưng ánh đèn đường sáng rõ như vậy, và những đường nét trên khuôn mặt của người anh em song sinh của anh - nỗi sợ hãi, sự hoảng loạn của hắn - lại in sâu vào trí nhớ của anh một cách rõ ràng. Anh biết đó không phải là ảo giác. Cảm giác ấy không giống như nhìn vào gương, nơi tất cả các đường nét của anh bị phản chiếu ngược lại, một sự thể hiện sai lệch về những gì thế giới nhìn thấy, mà là một sự nhận thức sâu sắc về sự giống nhau. Bất cứ điều gì hiện hữu trên khuôn mặt của người đàn ông đó cũng tồn tại trên khuôn mặt anh.

Phải chăng vì thế mà ông ta đã giúp anh? Một chút đồng cảm tự nhiên nào đó?

Anh ta mới chỉ bắt đầu thấu hiểu sức nặng của hành động mình. Anh đã ăn cắp của trường đại học. Liệu đó có phải một bài kiểm tra? Những nghi thức kỳ lạ vẫn được thực hiện ở Oxford. Anh đã đậu hay trượt? Hay sáng mai, cảnh sát sẽ đến đập cửa và yêu cầu anh rời đi?

But I can't be sent down, anh ta nghĩ.*I've only just got here*Bất chợt những điều thú vị của Oxford - hơi ấm của chiếc giường, mùi sách mới và quần áo mới - khiến cậu thấy bứt rứt, khó chịu, vì giờ đây cậu chỉ nghĩ đến việc mình sẽ sớm mất tất cả. Cậu trằn trọc trên tấm ga trải giường đẫm mồ hôi, tưởng tượng ra ngày mai sẽ diễn ra như thế nào – làm thế nào mà bọn cảnh sát sẽ lôi cậu ra khỏi giường, làm thế nào mà chúng sẽ còng tay cậu lại và lôi cậu đến nhà tù, làm thế nào mà Giáo sư Lovell sẽ nghiêm khắc yêu cầu Robin đừng bao giờ liên lạc với ông hay bà Piper nữa.

Cuối cùng anh ta thiếp đi vì kiệt sức. Anh giật mình tỉnh giấc bởi tiếng gõ cửa dai dẳng.

"Cậu đang làm cái gì vậy?" Ramy gắt. "Cậu còn chưa… *washed*Hả?

Robin chớp mắt nhìn anh ta. "Chuyện gì đang xảy ra vậy?"

"Sáng thứ Hai rồi, đồ ngốc." Ramy đã mặc áo choàng đen, mũ trên tay. "Hai mươi phút nữa chúng ta phải có mặt ở tháp."

Họ đến kịp lúc, nhưng suýt soát; họ gần như chạy dọc bãi cỏ xanh của sân trường đến Học viện, áo choàng bay phần phật trong gió, khi chuông điểm chín giờ.

Hai chàng trai mảnh khảnh đang đợi họ trên bãi cỏ - Robin đoán là nửa còn lại của nhóm. Một người da trắng; người kia da đen.

"Chào," con thú trắng lên tiếng khi chúng đến gần. "Các ngươi đến muộn đấy."

Robin há hốc mồm nhìn cô, cố gắng lấy lại hơi. "Cậu là con gái."

Điều này thật sốc. Cả Robin và Ramy đều lớn lên trong môi trường vô trùng, biệt lập, tránh xa những cô gái cùng tuổi. Phái nữ là một khái niệm chỉ tồn tại trên lý thuyết, là thứ của tiểu

thuyết hay một hiện tượng hiếm hoi thoáng thấy từ bên kia đường. Mô tả tốt nhất về phụ nữ mà Robin biết đến từ một luận án của bà Sarah Ellis mà anh từng đọc lướt qua,* cái mác gán cho con gái là “dịu dàng, vô hại, mỏng manh, và dễ mến một cách thụ động”. Đối với Robin, con gái là những sinh vật bí ẩn, không phải chứa đựng một đời sống nội tâm phong phú mà là những phẩm chất khiến họ trở nên siêu phàm, khó hiểu, và có thể không phải là con người.

“Xin lỗi – ý tôi là, chào,” anh ta nói năng lúng túng. “Tôi không cố ý – dù sao thì…”

Ramy thì kém tế nhị hơn. "Sao mấy bà lại là con gái vậy?"

Cô gái da trắng nhìn anh bằng ánh mắt khinh bỉ đến mức Robin cảm thấy héo rúm thay cho Ramy.

“Ừm,” cô nàng kéo dài giọng, “tôi đoán là chúng ta quyết định làm con gái vì làm con trai hình như phải bỏ đi một nửa số tế bào não thì phải.”

“Trường đại học yêu cầu chúng tôi ăn mặc như thế này để không làm phiền hoặc mất tập trung các quý ông trẻ tuổi,” cô gái Da đen giải thích. Tiếng Anh của cô có một chút giọng, mà Robin nghĩ là giống tiếng Pháp, mặc dùAnh ta không chắc lắm. Cô lắc lắc chân trái về phía anh, khoe chiếc quần ống đứng cứng cáp trông như mới mua hôm qua. "Không phải khoa nào cũng phóng khoáng như Viện Dịch thuật đâu, anh thấy đấy."

“Cậu có thấy khó chịu không?” Robin hỏi, cố gắng hết sức để chứng tỏ mình không có thành kiến. “Ý tôi là mặc quần á?”

‘Thực ra thì không phải, vì chúng ta có hai chân chứ không phải đuôi cá.’ Cô chìa tay ra. ‘Victoire Desgraves.’

Anh ta lắc nó. "Robin Swift."

Cô nhướn mày. "Nhanh ư? Nhưng chắc chắn là—"

“Letitia Price,” cô gái da trắng xen vào. “Gọi là Letty cũng được. Còn bạn?”

“Ramiz.” Ramy đưa tay ra được nửa chừng, như thể không chắc mình có muốn chạm vào mấy cô gái hay không. Letty quyết định thay anh ta và bắt tay; Ramy nhăn mặt khó chịu. “Ramiz Mirza. Gọi là Ramy cho thân mật.”

“Chào Ramiz.” Letty nhìn quanh. “Vậy là chỉ có từng này người thôi à.”

Victoire khẽ thở dài.*Ce sont des idiots*, cô ấy nói với Letty.

‘*Je suis tout à fait d’accord*Letty lẩm bẩm đáp lại.

Cả hai người cùng phá lên cười khúc khích. Robin không hiểu tiếng Pháp, nhưng cảm nhận rõ ràng rằng mình đã bị đánh giá và bị coi là kém cỏi.

A, cậu đây rồi.

Họ được cứu khỏi cuộc trò chuyện tiếp theo bởi một người đàn ông Da đen cao, mảnh khảnh, bắt tay tất cả mọi người và tự giới thiệu mình là Anthony Ribben, một nghiên cứu sinh chuyên ngành tiếng Pháp, Tây Ban Nha và Đức. ‘Người giám hộ của tôi tự cho mình là một người theo chủ nghĩa Lãng mạn,’ anh giải thích. ‘Ông ấy hy vọng tôi sẽ theo đuổi niềm đam mê thơ ca của ông, nhưng khi thấy rõ tôi có năng khiếu về ngôn ngữ hơn là chỉ một chút tài lẻ thoáng qua, ông đã cho tôi đến đây.’

Anh ngừng lại, chờ đợi, khiến họ đáp lời bằng ngôn ngữ của chính mình.

“Tiếng Urdu, tiếng Ả Rập và tiếng Ba Tư,” Ramy nói.

“Tiếng Pháp và tiếng Creole,” Victoire nói. “Ý tôi là – tiếng Creole Haiti, nếu anh nghĩ nó được tính.”

"Được tính," Anthony nói một cách vui vẻ.

“Tiếng Pháp và tiếng Đức,” Letty nói.

“Tiếng Trung,” Robin nói, cảm thấy hơi thiếu sót. “Cả tiếng Latin và tiếng Hy Lạp nữa.”

"Chà, tất cả chúng ta đều học tiếng Latin và tiếng Hy Lạp mà," Letty nói. "Đó là yêu cầu đầu vào, phải không?"

Má Robin đỏ bừng; cậu ta đã không hề biết.

Anthony trông có vẻ thích thú. "Một nhóm người quốc tế thú vị nhỉ? Chào mừng đến với Oxford! Các bạn thấy nơi này thế nào?"

“Tuyệt quá,” Victoire nói. “Mặc dù… tôi không biết nữa, thật lạ. Nó không cho tôi cảm giác thật. Cứ như tôi đang ở trong nhà hát, và tôi cứ chờ mãi màn sẽ hạ xuống.”

“Cái đó không biến mất đâu.” Anthony hướng về phía tòa tháp, ra hiệu cho họ đi theo. “Đặc biệt là khi mấy người đã bước qua cánh cửa này rồi. Họ yêu cầu tôi hướng dẫn các vị tham quan Học viện đến mười một giờ, sau đó tôi sẽ giao lại cho Giáo sư Playfair. Đây có phải lần đầu tiên mấy vị vào đây không?”

Họ ngước nhìn tòa tháp. Đó là một công trình nguy nga tráng lệ – một khối kiến trúc trắng bóng lấp lánh được xây dựng theo phong cách tân cổ điển, cao tám tầng với những cột trang trí và cửa sổ kính màu cao vút bao quanh. Nó chiếm lĩnh đường chân trời của phố High Street, khiến Thư viện Radcliffe và Nhà thờ Đại học St Mary the Virgin gần đó trông thật thảm hại khi so sánh. Ramy và Robin đã đi ngang qua nó vô số lần vào cuối tuần, cùng nhau trầm trồ chiêm ngưỡng, nhưng luôn luôn từ xa. Họ chưa dám đến gần. Chưa phải lúc này.

“Tuyệt vời phải không?” Anthony thở dài hài lòng. “Cảnh tượng này chẳng bao giờ thấy chán được. Chào mừng đến với ngôi nhà của cậu trong bốn năm tới, dù cậu có tin hay không. Chúng tôi gọi nó là Babel.”

“Babel,” Robin lặp lại. “Có phải vì…?”

“Sao họ lại gọi chúng ta là Babblers nhỉ?” Anthony gật đầu. “Một trò đùa cũ rích như chính Học viện này vậy. Nhưng cứ mỗi tháng Chín lại có một sinh viên năm nhất nào đó ở Balliol nghĩ rằng mình là người đầu tiên nghĩ ra cái tên này, và thế là chúng ta đành chịu đựng cái biệt danh l cumbersome ấy hàng thập kỷ nay.”

Anh sải bước nhanh nhẹn lên các bậc thềm. Trên đỉnh, một con dấu màu xanh lam và vàng được chạm khắc trên đá trước cửa, huy hiệu của Đại học Oxford.*Dominus illuminatio mea*, nó ghi.*The Lord is my light.*Vừa khi chân Anthony chạm vào dấu niêm phong, cánh cửa gỗ nặng nề tự động bật mở, hé lộ một không gian bên trong ngập tràn ánh đèn vàng ấm áp, với những bậc thang, các học giả mặc áo choàng sẫm màu đang hối hả qua lại, và sách chất chồng lên nhau ngút ngàn.

Robin sững người, quá choáng ngợp để bước tiếp. Trong tất cả những kỳ quan của Oxford, Babel dường như là điều bất khả thi nhất – một tòa tháp lạc lõng với thời gian, một ảo ảnh trong mơ. Những ô cửa kính màu, mái vòm cao chót vót, uy nghi ấy; tất cả dường như được bóc thẳng ra từ bức tranh trong phòng ăn của Giáo sư Lovell và đặt nguyên xi xuống con phố xám xịt, buồn tẻ này. Một hình minh họa trong một bản thảo thời trung cổ; một cánh cửa dẫn đến xứ sở thần tiên. Dường nhưKhông thể nào họ đến đây học mỗi ngày được, nói gì đến việc họ có quyền được vào.

Thế mà nó vẫn đứng đó, ngay trước mặt họ, chờ đợi.

Anthony tươi cười vẫy tay. "Nào, vào đi."

Các hãng dịch thuật luôn là công cụ không thể thiếu – không, phải nói là trung tâm – của các nền văn minh vĩ đại. Năm 1527, Charles V của Tây Ban Nha thành lập Secretaría de Interpretación de Lenguas, nơi các nhân viên thông thạo hơn một tá ngôn ngữ để phục vụ việc quản lý các vùng lãnh thổ của đế chế. Viện Dịch thuật Hoàng gia được thành lập tại Luân Đôn vào đầu thế kỷ XVII, mặc dù nó không chuyển đến địa điểm hiện tại ở Oxford cho đến năm 1715 và kết thúc Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha, sau đó người Anh quyết định rằng có lẽ nên đào tạo những chàng trai trẻ nói được ngôn ngữ của các thuộc địa mà Tây Ban Nha vừa mất. Vâng, tôi đã thuộc lòng tất cả những điều này, và không, tôi không viết ra nó, nhưng tôi đã hướng dẫn chuyến tham quan này kể từ năm đầu tiên nhờ sức hút cá nhân to lớn của mình, vì vậy tôi khá giỏi về nó. Mời đi lối này qua tiền sảnh.

Anthony có tài năng hiếm hoi là vừa đi lùi vừa nói chuyện trôi chảy. “Babel có tám tầng,” anh ta nói. “Sách Jubilees tuyên bố Tháp Babel trong lịch sử đạt đến chiều cao hơn năm nghìn cubit – tức là gần hai dặm – điều này dĩ nhiên là không thể, mặc dù Babel của chúng ta*is*Tòa nhà cao nhất Oxford, và có lẽ là toàn nước Anh, ngoại trừ Nhà thờ Thánh Paul. Chúng tôi cao gần ba trăm feet, chưa tính tầng hầm, nghĩa là tổng chiều cao gấp đôi Thư viện Radcliffe—

Victoire giơ tay lên. "Cái tháp—"

“Bên trong rộng hơn bên ngoài sao?” Anthony hỏi. “Chính xác.” Ban đầu Robin không nhận ra điều này, nhưng giờ cậu cảm thấy mất phương hướng trước sự mâu thuẫn đó. Bề ngoài Babel rất đồ sộ, nhưng trông nó vẫn không đủ cao để chứa đựng những trần nhà cao và những kệ sách cao chót vót của mỗi tầng bên trong. “Đó là một mẹo nhỏ khá hay của thuật luyện ngân, mặc dù tôi không chắc cặp phù hợp được sử dụng là gì. Nó đã như thế này từ khi tôi đến đây; chúng tôi coi đó là điều hiển nhiên.”

Anthony dẫn họ len lỏi qua đám đông dân cư đang đứng xếp hàng dài trước các ô cửa sổ thu ngân. “Chúng ta đang ở sảnh chính – mọi giao dịch đều được thực hiện ở đây. Thợ thuyền địa phương đặt thanh kim loại cho thiết bị của họ, quan chức thành phố yêu cầu bảo trì công trình công cộng, đại loại thế. Đây là khu vực duy nhất của tòa tháp mà thường dân có thể vào được, mặc dù họ không tương tác“Học giả thì đầy – chúng tôi có cả thư ký để xử lý yêu cầu của họ.” Anthony vẫy tay ra hiệu cho họ đi theo mình lên cầu thang chính. “Lối này.”

Tầng hai là Phòng Pháp chế, nơi đầy những học giả mặt mày ủ rũ, cặm cụi viết trên giấy và lật giở những tập sách tham khảo dày cộp, có mùi mốc.

“Ở đây lúc nào cũng bận rộn,” Anthony nói. “Các hiệp ước quốc tế, thương mại nước ngoài, đại loại thế. Những bánh răng của đế chế, những thứ làm cho thế giới vận hành. Hầu hết sinh viên Babel đều đến đây làm việc sau khi tốt nghiệp, vì lương cao và họ luôn tuyển dụng. Họ cũng làm khá nhiều công việc miễn phí ở đây - cả khu vực tây nam là một nhóm đang làm việc để dịch Bộ luật Napoléon sang các ngôn ngữ châu Âu khác.* Nhưng phần còn lại thì chúng tôi tính phí khá cao đấy. Đây là tầng mang lại nguồn thu lớn nhất – tất nhiên là ngoại trừ tầng chế tác bạc.

“Xưởng bạc ở đâu vậy?” Victoire hỏi.

Tầng tám. Trên cùng ấy.

"Vì cái nhìn à?", Letty hỏi.

“Dành cho đám cháy,” Anthony nói. “Khi hỏa hoạn xảy ra thì tốt hơn là nó bắt đầu từ tầng thượng để mọi người có thời gian thoát ra ngoài.”

Không ai biết anh ta đang nói đùa hay thật.*

Anthony dẫn họ lên một tầng nữa. "Tầng ba là nơi làm việc của các phiên dịch viên." Anh ta chỉ tay quanh căn phòng trống trải, hầu như không có dấu hiệu sử dụng ngoại trừ vài chiếc tách trà dính bẩn nằm nghiêng ngả và vài chồng giấy lẻ tẻ trên góc bàn. "Họ hầu như không bao giờ ở đây, nhưng họ cần một nơi để chuẩn bị hồ sơ bí mật khi cần, nên họ được dùng toàn bộ không gian này. Họ tháp tùng các chức sắc và quan chức ngoại giao trong các chuyến công du nước ngoài, dự dạ hội ở Nga, uống trà với các vị sheikh ở Ả Rập và những việc tương tự. Tôi nghe nói việc di chuyển nhiều khá mệt mỏi, nên không có quá...Nhiều phiên dịch viên chuyên nghiệp tốt nghiệp từ Babel. Họ thường là những người đa ngôn ngữ bẩm sinh, học ngôn ngữ từ những nơi khác – ví dụ như có cha mẹ làm giáo sĩ, hoặc trải qua mùa hè với họ hàng nước ngoài. Những người tốt nghiệp từ Babel thường có xu hướng tránh nhắc đến điều này.

“Sao lại không?” Ramy hỏi. “Nghe có vẻ vui mà.”

“Sướng thật đấy, nếu cậu muốn du lịch nước ngoài bằng tiền của người khác,” Anthony nói. “Nhưng về bản chất, giới học thuật là những người thích độc lập và ít vận động. Du lịch nghe có vẻ vui cho đến khi cậu nhận ra điều mình thực sự muốn là ở nhà với một tách trà và một chồng sách bên cạnh lò sưởi ấm áp.”

“Anh có cái nhìn khá tiêu cực về giới học thuật đấy,” Victoire nói.

Kinh nghiệm đã cho tôi thấy rõ điều này. Rồi cậu sẽ hiểu thôi. Cứ cựu sinh viên nào ứng tuyển vào vị trí phiên dịch cũng đều nghỉ việc trong vòng hai năm đầu. Ngay cả Sterling Jones – cháu trai của Ngài William Jones đấy nhé – cũng chỉ trụ được tám tháng, và họ đã…*him*đi lại bằng hạng nhất bất cứ nơi nào ông ta đến. Dù sao thì, phiên dịch trực tiếp không được coi là hào nhoáng cho lắm, bởi vì điều thực sự quan trọng là bạn truyền đạt được những ý chính mà không xúc phạm đến ai. Bạn không có cơ hội

đùa giỡn với những sắc thái tinh tế của ngôn ngữ, mà đó tất nhiên mới chính là...*real*Vui là chính.

Tầng bốn đông đúc hơn tầng ba rất nhiều. Các học giả ở đây trông cũng trẻ hơn: đầu tóc rối bù, áo vá chằng vá đụp, khác hẳn với những người ăn mặc chỉnh tề, bóng bẩy bên tầng Luật.

“Ngành Văn chương,” Anthony giải thích. “Tức là công việc dịch tiểu thuyết, truyện ngắn và thơ nước ngoài sang tiếng Anh và – ít thường xuyên hơn – ngược lại. Thành thật mà nói, nó hơi thấp trên nấc thang danh vọng, nhưng lại là một vị trí được khao khát hơn so với phiên dịch. Người ta coi một cuộc hẹn sau tốt nghiệp vào Ngành Văn chương là bước đầu tiên tự nhiên để trở thành giáo sư của Babel.”

“Một vài người trong số chúng tôi thực sự thích nơi này, cậu biết đấy.” Một chàng trai trẻ mặc áo choàng tốt nghiệp tiến đến bên cạnh Anthony. “Đây là năm nhất à?”

"Hết rồi."

“Lớp không đông lắm nhỉ?” Người đàn ông vẫy tay chào họ một cách vui vẻ. “Chào các bạn. Tôi là Vimal Srinivasan. Tôi vừa tốt nghiệp học kỳ trước; tôi học tiếng Phạn, tiếng Tamil, tiếng Telugu và tiếng Đức.”[*]

"Mọi người ở đây đều tự giới thiệu bằng ngôn ngữ của mình à?", Ramy hỏi.

“Dĩ nhiên rồi,” Vimal nói. “Ngôn ngữ của anh quyết định anh thú vị đến mức nào. Các nhà Đông phương học thật hấp dẫn. Các nhà nghiên cứu cổ điển thì chán ngắt. Dù sao thì, chào mừng anh đến với tầng đẹp nhất của tòa tháp.”

Victoire chăm chú nhìn quanh các kệ sách với vẻ thích thú. "Vậy là ông có được mọi cuốn sách xuất bản ở nước ngoài à?"

“Phần lớn thì đúng,” Vimal nói.

Tất cả các bản phát hành của Pháp à? Ngay khi chúng ra mắt?

“Ừ, tham đấy,” ông nói, hoàn toàn không có ác ý. “Cô sẽ thấy ngân sách mua sách của chúng tôi gần như là vô hạn, và các thủ thư của chúng tôi thích duy trì một bộ sưu tập đầy đủ. Tuy nhiên, chúng tôi không thể dịch tất cả mọi thứ đến đây được; chúng tôi không đủ nhân lực. Việc dịch các văn bản cổ vẫn chiếm phần lớn thời gian của chúng tôi.”

"Chính vì vậy mà họ là phòng ban duy nhất luôn bị thâm hụt ngân sách hàng năm," Anthony nói.

“Cải thiện hiểu biết của một người về thân phận con người không phải là vấn đề lợi nhuận.” Vimal khịt mũi. “Chúng tôi luôn cập nhật các tác phẩm kinh điển - giữa thế kỷ trước và bây giờ, chúng tôi đã tiến bộ hơn rất nhiều trong một số ngôn ngữ, và không có lý do gì mà các tác phẩm kinh điển lại khó tiếp cận đến vậy. Hiện tôi đang thực hiện một bản tiếng Latinh tốt hơn của...*Bhagavad Gita*—’

"Kệ cái vụ Schlegel vừa làm được một cái đi," Anthony nói đùa.

“Hơn mười năm trước rồi,” Vimal gạt đi. “Còn nhà Schlegel*Gita*thật kinh khủng; chính anh ta đã nói rằng anh ta chưa nắm được triết lý cơ bản làm nền tảng cho toàn bộ vấn đề. Điều đó thể hiện rõ, vì anh ta đã dùng khoảng bảy từ khác nhau để chỉ yoga—’

“Thôi nào,” Anthony nói, vừa xua họ đi, “đấy là Văn chương. Một trong những ứng dụng tệ hại nhất của nền giáo dục Babel, nếu muốn biết ý kiến của tôi.”

“Cậu không đồng ý à?” Robin hỏi. Cậu cũng thấy vui như Victoire; một cuộc sống trên tầng bốn, cậu nghĩ, sẽ thật tuyệt vời.

“Tôi thì không.” Anthony cười khúc khích. “Tôi đến đây để học nghề bạc. Tôi nghĩ khoa Văn học là một đám người nuông chiều, như Vimal biết đấy. Mà buồn cười là, họ có thể là những học giả nguy hiểm nhất trong tất cả, bởi vì họ là những người thực sự*understand* ngôn ngữ – hiểu cách chúng sống và thở, cách chúng làm máu ta sôi lên, hoặc da ta nổi gai ốc, chỉ bằng một cách diễn đạt. Nhưng họ lại quá bận tâm với việc vọc những hình ảnh đẹp đẽ của mình mà quên mất cách chuyển hóa tất cả nguồn năng lượng sống đó thành một thứ gì đó mạnh mẽ hơn nhiều. Ý tôi là, tất nhiên, bạc.

Tầng năm và tầng sáu chứa cả phòng học và tài liệu tham khảo – sách vỡ lòng, ngữ pháp, sách đọc, từ điển đồng nghĩa, và ít nhất bốn phiên bản khác nhau của mọi cuốn từ điển được xuất bản bằng thứ mà Anthony khẳng định là mọi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.

“Từ điển thì nằm rải rác khắp tòa tháp, nhưng đây là nơi bạn cần đến nếu muốn tìm hiểu tài liệu lưu trữ,” Anthony giải thích. “Ngay chính giữa, thấy chưa, nên không ai phải đi bộ quá bốn tầng để lấy thứ mình cần.”

Ở trung tâm tầng sáu, một loạt sách bìa đỏ đặt trên tấm vải nhung đỏ thẫm bên dưới tủ kính trưng bày. Cách ánh đèn dịu nhẹ phản chiếu trên bìa da của chúng khiến chúng trông thật kỳ diệu – giống như những cuốn sách phép thuật của các pháp sư hơn là những tài liệu tham khảo thông thường.

“Đây là bộ Grammaticas,” Anthony nói. “Trông chúng có vẻ ấn tượng, nhưng không sao, cứ sờ thoải mái. Chúng sinh ra là để được tra cứu mà. Chỉ cần lau tay vào tấm nhung trước đã.”

Các bộ Grammatica là những tập sách đóng bìa cứng có độ dày khác nhau nhưng bìa giống hệt nhau, được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái La-tinh của tên ngôn ngữ và theo ngày xuất bản trong mỗi ngôn ngữ đó. Một số bộ Grammatica – đáng chú ý là

các ngôn ngữ châu Âu – chiếm trọn những tủ trưng bày riêng; những bộ khác, phần lớn là các ngôn ngữ phương Đông, chỉ chứa rất ít tập. Bộ Grammatica tiếng Trung chỉ có ba tập; tiếng Nhật và tiếng Hàn mỗi thứ chỉ có một tập. Đáng ngạc nhiên là tiếng Tagalog lại có tới năm tập.

“Nhưng chúng tôi không thể nhận công cho việc đó,” Anthony nói. “Toàn bộ công việc dịch thuật đó đều do người Tây Ban Nha thực hiện; đó là lý do tại sao anh cũng sẽ thấy tên của những người dịch từ tiếng Tây Ban Nha sang tiếng Anh ở mặt sau trang bìa. Và phần lớn các cuốn Ngữ pháp Caribe và Nam Á – chúng đây – vẫn đang được thực hiện. Những ngôn ngữ đó không được Babel quan tâm cho đến sau Hòa ước Paris, mà dĩ nhiên đã mang lại rất nhiều lãnh thổ cho đế quốc Anh. Tương tự, anh sẽ thấy hầu hết các cuốn Ngữ pháp châu Phi được dịch sang tiếng Anh từ tiếng Đức – chính những nhà truyền giáo và nhà ngữ văn học người Đức đang thực hiện phần lớn công việc ở đó; chúng tôi đã không có ai nghiên cứu ngôn ngữ châu Phi trong nhiều năm.”

Robin không thể kiềm chế được. Anh háo hức với lấy tập Ngữ pháp Phương Đông và bắt đầu lật giở phần đầu. Trên trang bìa của mỗi tập, bằng nét chữ nhỏ nhắn, gọn gàng là tên của những học giả đã tạo ra ấn bản đầu tiên của mỗi cuốn Ngữ pháp. Nathaniel Halhed đã viết cuốn tiếng BengalNgữ pháp, Ngài William Jones với cuốn Ngữ pháp tiếng Phạn. Robin nhận thấy đây là một khuôn mẫu – các tác giả ban đầu đều có xu hướng là những người đàn ông da trắng người Anh chứ không phải là người bản ngữ của những ngôn ngữ đó.

“Chỉ gần đây chúng tôi mới bắt đầu chú trọng đến các ngôn ngữ phương Đông,” Anthony nói. “Chúng tôi đã tụt hậu so với người Pháp trong một thời gian khá dài. Ngài William Jones đã có một số bước tiến trong việc đưa tiếng Phạn, tiếng Ả Rập và tiếng Ba Tư vào danh sách các khóa học khi ông còn là thành viên ở đây – ông đã bắt đầu soạn thảo cuốn Ngữ pháp Ba Tư vào năm 1771 –

nhưng ông là người duy nhất thực hiện công việc nghiên cứu nghiêm túc về những ngôn ngữ đó cho đến năm 1803."

"Rồi sao nữa?" Robin hỏi.

"Rồi Richard Lovell tham gia giảng dạy," Anthony nói. "Tôi nghe nói ông ấy là một thiên tài về ngôn ngữ Viễn Đông. Chỉ riêng bộ Ngữ pháp tiếng Trung, ông ấy đã đóng góp hai tập rồi."

Một cách kính cẩn, Robin đưa tay ra và kéo tập đầu tiên của cuốn Ngữ pháp tiếng Trung về phía mình. Cuốn sách nặng một cách bất thường, mỗi trang dường như bị mực in đè nặng. Anh nhận ra nét chữ nhỏ nhắn, gọn gàng của Giáo sư Lovell trên từng trang giấy. Nó bao quát một phạm vi nghiên cứu đáng kinh ngạc. Anh đặt cuốn sách xuống, choáng ngợp bởi một nhận thức đáng lo ngại rằng Giáo sư Lovell – một người nước ngoài – lại hiểu biết về tiếng mẹ đẻ của anh hơn chính anh.

"Sao mấy cái này lại để trong tủ kính thế này?" Victoire hỏi. "Lấy ra chắc khó lắm."

"Vì đây là những ấn bản duy nhất ở Oxford," Anthony nói. "Có bản sao lưu ở Cambridge, Edinburgh, và Bộ Ngoại giao ở Luân Đôn. Chúng được cập nhật hàng năm để bổ sung những phát hiện mới. Nhưng đây là những bộ sưu tập tri thức toàn diện và có thẩm quyền duy nhất về mọi ngôn ngữ hiện có. Lưu ý là các công trình mới được thêm vào bằng tay – chi phí in lại mỗi khi có bổ sung mới là quá cao, và hơn nữa, máy in của chúng tôi không thể xử lý nhiều kiểu chữ nước ngoài như vậy."

"Vậy nếu có hỏa hoạn thiêu rụi Babel, chúng ta có thể mất trắng cả năm trời nghiên cứu sao?", Ramy hỏi.

"Một năm ư? Thử vài thập kỷ xem. Nhưng điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra." Anthony gõ nhẹ lên mặt bàn, thứ mà Robin để ý thấy được khảm hàng tá thanh bạc mỏng. "Gia tộc Grammatica được bảo vệ kỹ hơn cả Công chúa Victoria. Những cuốn sách này

không thấm lửa, không sợ lũ lụt, và không thể bị lấy cắp bởi bất kỳ ai không có tên trong sổ đăng ký của Học viện. Nếu ai đó cố gắng ăn trộm hoặc phá hoại một trong số chúng, họ sẽ bị một thế lực vô hình mạnh mẽ tấn công đến mức mất hết ý thức về bản thân và mục đích sống cho đến khi cảnh sát đến."

"Các quán bar được phép làm vậy sao?" Robin hỏi, giọng đầy lo lắng.

"Cũng gần gần như vậy," Anthony nói. "Tôi chỉ đoán thôi. Giáo sư Playfair phụ trách các bùa bảo vệ, và ông ấy thích giữ bí mật về chúng. Nhưng đúng vậy, hệ thống an ninh của tòa tháp này sẽ khiến cậu kinh ngạc. Trông nó giống như một tòa nhà Oxford tiêu chuẩn, nhưng nếu ai đó cố đột nhập, họ sẽ thấy mình nằm chảy máu ngoài đường. Tôi đã từng chứng kiến rồi."

"Bảo vệ gắt gao thật đấy, cho một tòa nhà nghiên cứu," Robin nói. Bỗng dưng lòng bàn tay anh nhớp nháp mồ hôi; anh lau vội chúng lên chiếc áo choàng.

"Ờ, dĩ nhiên rồi," Anthony nói. "Bạc ở trong mấy bức tường này còn nhiều hơn cả trong kho của Ngân hàng Anh Quốc ấy chứ."

"Thật sao?" Letty hỏi.

"Dĩ nhiên rồi," Anthony nói. "Babel là một trong những nơi giàu có nhất cả nước. Cậu có muốn biết tại sao không?"

Họ gật đầu. Anthony búng tay rồi ra hiệu cho họ đi theo anh lên cầu thang.

Tầng tám là nơi duy nhất của Babel ẩn sau những cánh cửa và bức tường. Bảy tầng còn lại được thiết kế theo kiểu không gian mở, không có rào chắn nào quanh cầu thang, nhưng cầu thang lên tầng tám lại dẫn đến một hành lang gạch, và từ đó đến một cánh cửa gỗ nặng nề.

"Vách ngăn lửa," Anthony giải thích. "Phòng khi có tai nạn. Nó sẽ bịt kín phần còn lại của tòa nhà để nhà Grammatica không bị thiêu rụi nếu có gì đó ở đây nổ tung." Anh ta dựa người vào cửa và đẩy.

Tầng tám trông giống một xưởng hơn là một thư viện nghiên cứu. Các học giả cúi lom khom quanh bàn làm việc như thợ máy, tay cầm đủ loại dụng cụ khắc lên những thanh bạc đủ hình dạng và kích cỡ. Tiếng vo vo, ù ù, khoan cắt vang khắp không gian. Cái gì đó phát nổ gần cửa sổ, tạo ra một trận mưa tia lửa điện kèm theo một tràng chửi rủa, nhưng chẳng ai buồn ngẩng đầu lên nhìn.

Một người đàn ông da trắng to béo, tóc muối tiêu đứng đợi họ trước khu vực làm việc. Ông ta có khuôn mặt rộng với những nếp nhăn do cười nhiều và đôi mắt lấp lánh tinh nghịch khiến người ta khó đoán tuổi, có thể từ bốn mươi đến sáu mươi. Áo choàng thạc sĩ màu đen của ông ta phủ đầy bụi bạc, lấp lánh mỗi khi ông ta cử động. Lông mày ông ta rậm, đen và cực kỳ biểu cảm; chúng dường như sẵn sàng nhảy ra khỏi mặt với sự nhiệt tình mỗi khi ông ta nói.

“Chào buổi sáng,” ông nói. “Tôi là Giáo sư Jerome Playfair, chủ nhiệm khoa. Tôi có học sơ qua tiếng Pháp và tiếng Ý, nhưng tiếng Đức mới là tình yêu đầu tiên của tôi.”Cảm ơn Anthony, anh có thể đi được rồi. Anh và Woodhouse đã chuẩn bị xong cho chuyến đi Jamaica chưa?

“Chưa đâu,” Anthony nói. “Vẫn còn phải tìm cuốn sách nhập môn tiếng Patois. Tôi nghi Gideon đã lấy nó mà không ghi tên mượn.”

Lên đi.

Anthony gật đầu, khẽ chào đám người của Robin bằng một cái nghiêng đầu như thể đang đưa tay lên vành mũ, rồi lui lại qua cánh cửa nặng nề.

Giáo sư Playfair rạng rỡ nhìn họ. "Vậy là các em đã thấy Babel rồi. Mọi người thấy thế nào?"

Trong giây lát, không ai nói gì. Letty, Ramy, và Victoire đều có vẻ sững sờ như Robin. Họ vừa tiếp nhận quá nhiều thông tin cùng một lúc, và kết quả là Robin không chắc liệu mặt đất dưới chân mình có thật hay không.

Giáo sư Playfair cười khúc khích. "Tôi biết. Ngày đầu tiên ở đây tôi cũng có ấn tượng như vậy. Nó giống như được dẫn vào một thế giới bí ẩn, phải không? Như việc dùng bữa trong cung điện của tiên tộc vậy. Một khi anh đã biết những gì xảy ra trong tòa tháp, thế giới tầm thường kia chẳng còn thú vị bằng một nửa."

"Chói lóa quá, thưa ngài," Letty nói. "Không thể tin được."

Giáo sư Playfair nháy mắt với cô. "Đó là nơi tuyệt vời nhất trên trái đất."

Ông ấy hắng giọng. “Bây giờ tôi muốn kể một câu chuyện. Xin thứ lỗi cho sự hơi kịch tính của tôi, nhưng tôi muốn đánh dấu dịp này – suy cho cùng thì đây là ngày đầu tiên của các bạn tại nơi mà tôi tin là trung tâm nghiên cứu quan trọng nhất thế giới. Được chứ?”

Hắn không cần sự đồng tình của họ, nhưng họ vẫn gật đầu.

“Cảm ơn. Giờ thì, chúng ta biết câu chuyện sau đây từ Herodotus.” Ông bước vài bước trước mặt họ, như một diễn viên đang đánh dấu vị trí của mình trên sân khấu. “Ông kể cho chúng ta nghe về vua Ai Cập Psammetichus, người đã từng lập hiệp ước với những tên cướp biển Ionia để đánh bại mười một vị vua đã phản bội ông. Sau khi lật đổ kẻ thù, ông ban tặng những vùng đất rộng lớn cho các đồng minh Ionia của mình. Nhưng Psammetichus muốn một sự đảm bảo tốt hơn nữa rằng người Ionia sẽ không quay lưng lại với ông như những đồng minh trước đây đã từng làm. Ông muốn ngăn chặn các cuộc chiến

tranh dựa trên sự hiểu lầm. Vì vậy, ông đã gửi các cậu bé Ai Cập đến sống với người Ionia và học tiếng Hy Lạp để khi lớn lên, họ có thể làm phiên dịch giữa hai dân tộc.

'Ở Babel này, chúng tôi lấy cảm hứng từ Psammetichus.' Ông ta nheo mắt nhìn.... và ánh mắt lấp lánh của ông lần lượt dừng lại trên mỗi người khi ông nói. 'Từ thuở xa xưa, dịch thuật đã là cầu nối của hòa bình. Dịch thuật giúp cho giao tiếp, và từ đó tạo điều kiện cho ngoại giao, thương mại, và hợp tác giữa các dân tộc, mang lại sự giàu có và thịnh vượng cho tất cả.

Chắc hẳn bây giờ cậu đã nhận ra, chỉ có Babel trong số các khoa của Oxford chấp nhận sinh viên không phải gốc Châu Âu. Không nơi nào khác trên đất nước này cậu sẽ tìm thấy người Hindu, người Hồi giáo, người Châu Phi và người Trung Quốc học tập dưới cùng một mái nhà. Chúng tôi chấp nhận các cậu không phải bất chấp, mà*because*nguồn gốc nước ngoài của các bạn." Giáo sư Playfair nhấn mạnh đoạn cuối như thể đó là một điều vô cùng tự hào. "Chính nhờ nguồn gốc của mình, các bạn có năng khiếu ngôn ngữ mà những người sinh ra ở Anh không thể nào bắt chước được. Và các bạn, giống như những cậu bé của Psammetichus, chính là những chiếc lưỡi sẽ nói lên tầm nhìn về sự hòa hợp toàn cầu này."

Ông ấy chắp hai tay trước ngực như đang cầu nguyện. 'Dù sao thì. Mấy đứa cao học cứ năm nào cũng chọc tôi về bài diễn văn đó. Chúng nó nghĩ nó sáo rỗng. Nhưng tôi nghĩ tình hình đòi hỏi sự nghiêm túc như vậy, anh thấy không? Xét cho cùng, chúng ta ở đây là để biến điều chưa biết thành điều đã biết, để biến điều xa lạ thành điều quen thuộc. Chúng ta ở đây để tạo nên phép màu bằng ngôn từ.'

Đây, Robin nghĩ, là lời tử tế nhất mà ai đó từng nói về việc cậu sinh ra ở nước ngoài. Và mặc dù câu chuyện khiến ruột gan cậu quặn thắt – bởi cậu đã đọc đoạn Herodotus liên quan, và nhớ rằng những cậu bé Ai Cập dù sao cũng là nô lệ – cậu cũng cảm

thấy một tia phấn khích khi nghĩ rằng có lẽ việc không thuộc về nơi nào đó không nhất thiết khiến cậu mãi mãi sống bên lề, mà có lẽ, thay vào đó, nó khiến cậu trở nên đặc biệt.

Tiếp theo, Giáo sư Playfair tập hợp họ quanh một bàn làm việc trống trơn để làm một bài minh họa. "Bây giờ, người thường nghĩ rằng nghề chế tác bạc cũng giống như phù thủy vậy." Ông xắn tay áo lên đến khuỷu tay trong khi nói, hét lên để họ có thể nghe thấy ông giữa tiếng ồn ào. "Họ nghĩ rằng sức mạnh của các thỏi bạc nằm ở chính bản thân bạc, rằng bạc là một chất ma thuật vốn có chứa đựng sức mạnh để thay đổi thế giới."

Anh ta mở khóa ngăn kéo bên trái và lấy ra một thỏi bạc trơn. ‘Họ không hoàn toàn sai. Quả thực có điều gì đó đặc biệt ở bạc khiến nó trở thành phương tiện lý tưởng cho những gì chúng ta làm. Tôi thích nghĩ rằng nó được các vị thần ban phước - xét cho cùng, nó được tinh luyện bằng thủy ngân, và sao Thủy là vị thần đưa tin, phải không? Sao Thủy, Hermes. Vậy bạc chẳng phải có...Liên kết chặt chẽ với hermeneutics sao? Nhưng đừng quá lãng mạn. Không, sức mạnh của quán bar nằm ở ngôn từ. Cụ thể hơn, là những thứ ngôn ngữ mà từ ngữ không thể diễn tả – những thứ bị mất đi khi ta chuyển đổi giữa các ngôn ngữ. Phần bạc nắm bắt những gì đã mất và hiện thực hóa nó.

Anh ta ngước nhìn, quan sát những gương mặt hoang mang của họ. ‘Các em có thắc mắc. Đừng lo. Các em sẽ không làm việc với bạc cho đến gần cuối năm ba. Các em sẽ có nhiều thời gian để bắt kịp các lý thuyết liên quan trước thời điểm đó. Điều quan trọng bây giờ là các em hiểu được tầm quan trọng của những gì chúng ta làm ở đây.’ Anh ta với lấy một cây bút khắc. ‘Đó là, tất nhiên, việc tạo ra các câu thần chú.’

Hắn bắt đầu khắc một từ vào một đầu thanh kim loại. "Tôi chỉ cho anh xem một cái đơn giản thôi. Hiệu ứng sẽ khá tinh tế, nhưng thử xem anh có cảm nhận được không."

Anh ta viết xong ở phía đó rồi giơ lên cho họ xem.*Heimlich*Tiếng Đức nghĩa là bí mật và ngầm, đó là cách tôi sẽ dịch sang tiếng Anh. Nhưng*heimlich*có ý nghĩa hơn cả bí mật. Chúng ta bắt nguồn*heimlich*từ một từ ngữ Proto-Germanic có nghĩa là "nhà". Ghép những ý nghĩa này lại với nhau, và bạn sẽ nhận được gì? Một thứ gì đó giống như cảm giác bí mật, riêng tư bạn có được khi ở một nơi bạn thuộc về, tách biệt khỏi thế giới bên ngoài.'

Vừa nói, anh vừa viết ra chữ đó.*clandestine*Phía bên kia quầy bar. Ngay khi anh ta dứt lời, miếng bạc bắt đầu rung lên.

'*Heimlich*, hắn nói. "Bí mật."

Một lần nữa, Robin nghe thấy tiếng hát không nguồn gốc, một giọng nói phi nhân từ hư không vọng lại.

Thế giới xung quanh dường như chuyển dịch. Có thứ gì đó ràng buộc họ - một rào cản vô hình làm mờ đi không khí, át đi những âm thanh hỗn tạp, khiến họ cảm giác như chỉ còn lại một mình trên sàn nhà vốn dĩ đông đúc các học giả. Họ an toàn ở đây. Họ một mình ở đây. Đây là tòa tháp của họ, nơi trú ẩn của họ.[*]

Họ không lạ gì với ma thuật này. Tất cả bọn họ đều đã từng thấy bạc vận hành; ở Anh, không thể nào tránh khỏi. Nhưng biết rằng những thanh bạc có thể hoạt động, rằng bạc chỉ đơn giản là nền tảng của một xã hội tiên tiến, vận hành trơn tru, là một chuyện. Được tận mắt chứng kiến sự bóp méo thực tại, cách mà ngôn từ nắm bắt những gì không ngôn từ nào tả xiết và tạo ra hiệu ứng vật lý không tưởng, lại là chuyện khác.

Victoire lấy tay che miệng. Letty thở hổn hển. Ramy chớp mắt liên tục, như thể đang cố gắng kìm nước mắt.

Và Robin, nhìn cây đàn vẫn còn rung lên, giờ đây thấy rõ ràng rằng tất cả đều xứng đáng. Nỗi cô đơn, những trận đòn, những giờ học tập dài đằng đẵng và đau đớn, việc nghiền ngẫm ngôn

ngữ như thuốc bổ đắng để rồi một ngày nào đó anh có thể làm*this*– nó đã từng*all*Đáng giá.

“Còn một việc nữa,” Giáo sư Playfair nói khi tiễn họ xuống cầu thang. “Chúng tôi cần lấy máu của các cháu.”

"Tôi xin lỗi, ông nói gì cơ ạ?" Letty hỏi.

“Máu của các em. Sẽ không mất nhiều thời gian đâu.” Giáo sư Playfair dẫn họ qua sảnh đến một căn phòng nhỏ, không có cửa sổ, nằm khuất sau những kệ sách. Căn phòng trống trơn ngoại trừ một chiếc bàn đơn giản và bốn chiếc ghế. Ông ra hiệu cho họ ngồi xuống, rồi sải bước đến bức tường phía sau, nơi một dãy ngăn kéo được giấu trong đá. Ông kéo ngăn kéo trên cùng ra, để lộ hàng chồng hàng chồng những lọ thủy tinh nhỏ xíu bên trong. Mỗi lọ được dán nhãn ghi tên của học giả mà máu được chứa bên trong.

“Dùng cho các bùa hộ mệnh,” Giáo sư Playfair giải thích. “Babel bị nhòm ngó nhiều hơn tất cả các ngân hàng ở Luân Đôn cộng lại. Cửa ra vào có thể ngăn được phần lớn lũ du côn, nhưng các bùa hộ mệnh cần một cách nào đó để phân biệt học giả với kẻ xâm nhập. Chúng tôi đã thử dùng tóc và móng tay, nhưng chúng quá dễ bị đánh cắp.”

"Kẻ trộm có thể lấy cắp máu," Ramy nói.

“Họ có thể,” Giáo sư Playfair nói. “Nhưng họ sẽ phải quyết tâm hơn nhiều với toàn bộ nỗ lực này, phải không?”

Anh ta lôi ra một nắm ống tiêm từ ngăn kéo dưới cùng. "Xắn tay áo lên nào."

Họ miễn cưỡng kéo váy lên.

"Không phải chúng ta nên có y tá ở đây sao?" Victoire hỏi.

“Đừng lo.” Giáo sư Playfair gõ nhẹ vào cây kim. “Tôi khá giỏi việc này. Sẽ không mất nhiều thời gian để tìm thấy tĩnh mạch đâu. Ai trước nào?”

Robin tình nguyện; cậu không muốn chịu đựng cảm giác thấp thỏm khi phải chứng kiến những người khác. Ramy đi tiếp theo, rồi đến Victoire, và cuối cùng là Letty. Toàn bộ quá trình diễn ra chưa đầy mười lăm phút, không ai bị ảnh hưởng gì, mặc dù Letty đã chuyển sang màu xanh lá cây đến mức đáng lo ngại khi cây kim rời khỏi cánh tay cô.

“Ăn trưa thịnh soạn nhé,” Giáo sư Playfair nói với cô. “Dồi tiết ngon lắm, nếu họ có.”

Bốn lọ thủy tinh mới được thêm vào ngăn kéo, tất cả đều được dán nhãn với nét chữ nhỏ nhắn, gọn gàng.

“Giờ thì các em đã là một phần của tòa tháp rồi,” Giáo sư Playfair nói với họ khi ông khóa các ngăn kéo. “Giờ thì tòa tháp đã biết các em.”

Ramy nhăn mặt. "Hơi rờn rợn nhỉ?"

“Không hề,” Giáo sư Playfair nói. “Em đang ở nơi ma thuật được tạo ra. Nơi này mang tất cả những đặc điểm của một trường đại học hiện đại, nhưng sâu thẳm bên trong, Babel không khác mấy so với hang ổ của các nhà giả kim thuật thời xưa. Nhưng không giống như các nhà giả kim, chúng ta thực sự đã tìm ra chìa khóa cho sự biến đổi của vạn vật. Nó không nằm trong bản chất vật chất. Nó nằm ở cái tên.”

Babel dùng chung một tiệm bánh mì bơ ở sân tứ giác Radcliffe với một số khoa nhân văn khác. Đồ ăn ở đó được cho là rất ngon, nhưng nó đóng cửa cho đến khi bắt đầu các lớp học vào ngày mai, vì vậy họ quay trở lại trường đại học vừa kịp lúc kết thúc giờ ăn trưa. Tất cả các món nóng đã hết, nhưng trà chiều và các món ăn kèm vẫn được phục vụ cho đến bữa tối. Họ chất đầy

khay bằng tách trà, ấm trà, bát đựng đường, bình sữa và bánh nướng, sau đó len lỏi qua những chiếc bàn gỗ dài trong hội trường cho đến khi tìm được một chiếc bàn trống ở góc.

"Vậy cậu đến từ Quảng Đông à?" Letty hỏi. Robin để ý thấy cô ta có tính cách rất mạnh mẽ; cô ta hỏi tất cả các câu hỏi, kể cả những câu vô thưởng vô phạt, bằng giọng điệu của một người thẩm vấn.

Anh ta vừa cắn một miếng bánh nướng xốp; nó khô và cũ, anh ta phải nhấp một ngụm trà trước khi trả lời được. Cô ta nhìn Ramy trước cả khi anh ta kịp nhìn. 'Còn anh – Madras? Bombay?'

"Calcutta," Ramy nói một cách dễ chịu.

"Cha tôi từng đóng quân ở Calcutta," cô nói. "Ba năm, từ 1825 đến 1828. Biết đâu ông đã gặp ông ấy ở đó."

"Tuyệt vời," Ramy vừa nói vừa phết mứt lên bánh mì nướng. "Biết đâu hắn từng chĩa súng vào mấy chị em gái tôi rồi."

Robin khịt mũi, nhưng Letty tái mặt. "Tôi chỉ nói là tôi đã từng gặp người theo đạo Hindu trước đây—"

Tôi là người Hồi giáo.

Thì, tôi chỉ muốn nói là…

"Mà anh biết đấy," giờ thì Ramy đang phết bơ lên bánh nướng của mình với một sức sống mãnh liệt, "thực ra rất khó chịu cái kiểu ai cũng muốn đánh đồng Ấn Độ với Ấn Độ giáo. "Ồ, sự cai trị của Hồi giáo là một sự sai lệch, một sự xâm nhập; người Mughal chỉ là những kẻ xâm phạm, nhưng*tradition*– tiếng Phạn đấy, đấy là Upanishad.Anh ta đưa chiếc bánh nướng lên miệng. "Nhưng cậu còn chả hiểu mấy từ đó nghĩa là gì, phải không?"

Khởi đầu của họ thật tệ. Khiếu hài hước của Ramy không phải lúc nào cũng hiệu quả với những người mới quen. Phải mất một thời gian người ta mới quen với những lời nói luyên thuyên của anh, và Letitia Price dường như không thể làm được điều đó.

“Vậy, Babel,” Robin chen ngang trước khi Ramy kịp nói thêm gì. “Tòa nhà đẹp đấy.”

Letty nhìn anh với vẻ kinh ngạc. "Chính xác."

Ramy đảo mắt, ho khan rồi đặt miếng bánh nướng xuống.

Họ lặng lẽ nhấp trà. Victoire lo lắng khuấy thìa leng keng trong tách. Robin nhìn ra ngoài cửa sổ. Ramy gõ ngón tay lên bàn nhưng dừng lại khi Letty lườm anh.

“Cậu thấy chỗ này thế nào?” Victoire cố gắng một cách anh dũng để cứu vãn cuộc trò chuyện của họ. “Ý tớ là Oxfordshire. Tớ có cảm giác như chúng ta mới chỉ thấy được một phần nhỏ của nó thôi, nó rộng lớn quá. Ý tớ là, không giống như London hay Paris, nhưng có rất nhiều ngóc ngách ẩn mình, cậu có nghĩ vậy không?”

“Thật không thể tin được,” Robin nói có phần hơi quá phấn khích. “Thật phi thực, từng tòa nhà một - ba ngày đầu chúng tôi chỉ đi bộ xung quanh, nhìn ngắm. Chúng tôi đã đi thăm tất cả các điểm du lịch - Bảo tàng Oxford, vườn Christ Church—”

Victoire nhướn mày. "Và họ cứ để cậu vào bất cứ đâu cậu muốn à?"

“Thật ra thì không.” Ramy đặt tách trà xuống. “Nhớ chứ, Birdie, vụ ở bảo tàng Ashmolean—”

“Phải rồi,” Robin nói. “Bọn họ chắc mẩm là chúng ta sẽ ăn cắp gì đó, bắt chúng ta lộn túi quần áo ra cả lúc vào lẫn lúc ra, cứ như

thể họ tin chắc rằng chúng ta đã chôm cái Mặt Trời Alfred rồi ấy.”

"Họ không cho chúng tôi vào," Victoire nói. "Họ nói phụ nữ không có người đi kèm thì không được phép."

Ramy khịt mũi. "Tại sao?"

“Chắc tại tụi mình hay hồi hộp quá,” Letty nói. “Họ không thể để mình ngất xỉu lên mấy bức tranh được.”

‘Nhưng mà màu sắc thì*so*"Thú vị đấy," Victoire nói.

"Chiến trường và ngực." Letty áp mu bàn tay lên trán. "Quá sức chịu đựng với thần kinh của tôi."

"Thế cậu làm gì?" Ramy hỏi.

‘Lúc đổi ca trực chúng tôi quay lại, giả vờ là đàn ông.’ Victoire hạ giọng. ‘Xin lỗi, chúng tôi chỉ…Mấy đứa nhà quê lên thăm họ hàng, tụi nó đi học rồi thì mình chẳng biết làm gì cả—

Robin cười. “Không thể nào cậu làm thế thật.”

"Nó đã hiệu quả mà," Victoire khăng khăng.

Tôi không tin anh/chị.

“Không, thật mà.” Victoire mỉm cười. Robin để ý thấy cô có đôi mắt to và đẹp như mắt nai. Anh thích nghe cô nói; mỗi câu cô nói ra như thể đang kéo tiếng cười từ trong anh ra. “Họ chắc hẳn nghĩ chúng ta chỉ khoảng mười hai tuổi, nhưng kế hoạch diễn ra suôn sẻ…”

“Cho đến khi cậu trở nên hào hứng,” Letty chen vào.

Được rồi, nó hoạt động cho đến khi chúng ta*just*qua cô hướng dẫn—

‘Nhưng rồi bà ấy thấy một bức tranh Rembrandt mà bà thích và kêu lên một tiếng—“ Letty kêu chíp chíp. Victoire huých vào vai cô, nhưng cô cũng đang cười.

“‘Xin lỗi cô.’” Victoire kéo cằm xuống bắt chước vẻ mặt không hài lòng của người hướng dẫn. “‘Cô không được phép ở đây, tôi nghĩ cô đã đi nhầm đường rồi—’”

Vậy ra cuối cùng cũng chỉ là do căng thẳng—

Chỉ bấy nhiêu thôi. Băng giá tan biến. Trong khoảnh khắc, tất cả đều cười phá lên – có lẽ hơi quá so với độ hài hước của câu nói đùa, nhưng điều quan trọng là họ đã cười.

“Có ai khác phát hiện ra cậu chưa?” Ramy hỏi.

“Không, họ chỉ nghĩ tụi mình là mấy đứa năm nhất gầy nhom thôi,” Letty nói. “Mặc dù có lần có người hét lên bảo Victoire cởi áo choàng ra.”

‘Hắn ta cố giật nó khỏi tay tôi.’ Victoire nhìn xuống đùi mình. ‘Letty phải dùng ô đánh hắn ta chạy.’

“Chuyện tương tự cũng xảy ra với bọn tôi,” Ramy nói. “Mấy gã say xỉn từ Balliol bắt đầu la hét vào mặt chúng tôi một đêm nọ.”

"Bọn họ không thích da đen mặc đồng phục của họ," Victoire nói.

“Không,” Ramy nói, “họ không có.”

“Tôi rất tiếc,” Victoire nói. “Họ… ý tôi là, cậu có thoát được không?”

Robin liếc nhìn Ramy với vẻ lo lắng, nhưng mắt Ramy vẫn nheo lại vì vui vẻ.

‘Ờ, phải rồi.’ Anh ta khoác vai Robin. ‘Tôi đã sẵn sàng choảng nhau một trận ra trò, nhưng thằng cha này lại làm cái điều khôn ngoan nhất – chuồn thẳng cẳng như ma đuổi – thế nên tôi chẳng còn cách nào khác ngoài chạy theo.’

“Tớ không thích xung đột,” Robin nói, mặt đỏ bừng.

“Ôi, không,” Ramy nói. “Nếu được, cậu sẽ chui tọt vào mấy hòn đá mất.”

“Cậu có thể ở lại mà,” Robin nói móc. “Đánh nhau với bọn chúng một mình.”

“Cái gì, bỏ cậu lại một mình trong bóng tối đáng sợ á?” Ramy cười toe toét. “Dù sao thì trông cậu cũng buồn cười chết được. Chạy bán sống bán chết như kiểu bàng quang sắp vỡ mà không tìm được chỗ đi vệ sinh ấy.”

Rồi họ lại cười.

Chẳng mấy chốc, rõ ràng là không có chủ đề nào bị cấm kỵ. Họ có thể nói về bất cứ điều gì, chia sẻ tất cả những nỗi nhục nhã không thể diễn tả mà họ cảm thấy khi ở một nơi mà họ không nên ở, tất cả những bất an âm ỉ mà cho đến bây giờ họ vẫn giữ kín trong lòng. Họ bộc bạch mọi thứ về bản thân bởi vì cuối cùng họ đã tìm thấy một nhóm người duy nhất mà đối với họ, những trải nghiệm của họ không còn quá đặc biệt hay khó hiểu nữa.

Tiếp theo họ trao đổi những câu chuyện về quá trình học tập trước khi vào Oxford. Babel, dường như, luôn xức dầu cho những người được chọn từ khi còn rất trẻ. Letty, đến từ Brighton miền nam, đã làm cho bạn bè gia đình kinh ngạc với trí nhớ phi thường của mình kể từ khi cô bắt đầu biết nói; một người bạn như vậy, quen biết một số giáo sư Oxford, đã tìm cho cô một nhóm gia sư và cho cô học tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp cho đến khi cô đủ tuổi nhập học.

‘Tuy suýt chút nữa thì không đến được.’ Letty chớp mắt, hàng mi rung lên liên hồi. ‘Cha nói ông sẽ không bao giờ chi trả cho việc học của con gái, nên tôi rất biết ơn vì có học bổng. Tôi đã phải bán một bộ vòng tay để trả tiền xe khách lên đây.’

Giống như Robin và Ramy, Victoire đã đến châu Âu cùng với một người giám hộ. "Paris," cô nói rõ. "Ông ấy là người Pháp, có quen biết vài người ở Học viện, và dự định sẽ viết thư cho họ khi tôi đủ tuổi. Nhưng rồi ông ấy mất, và có một khoảng thời gian tôi không chắc mình có thể đến được." Giọng cô hơi lạc đi. Cô nhấp một ngụm trà. "Nhưng tôi đã xoay xở liên lạc được với họ, và họ đã sắp xếp để đưa tôi sang," cô kết luận một cách mơ hồ.

Robin ngờ rằng câu chuyện chưa dừng lại ở đó, nhưng bản thân anh cũng lão luyện trong việc che giấu nỗi đau, nên anh không gặng hỏi thêm.

Có một điều gắn kết tất cả bọn họ – nếu không có Babel, họ sẽ chẳng có nơi nào để đi trên đất nước này. Họ đã được chọn để hưởng những đặc quyền mà họ chưa từng dám mơ tới, được tài trợ bởi những người đàn ông giàu có và quyền lực mà động cơ của họ, họ không hoàn toàn hiểu rõ, và họ nhận thức sâu sắc rằng những đặc quyền này có thể biến mất bất cứ lúc nào. Chính sự bấp bênh đó đã khiến họ vừa táo bạo vừaHoảng sợ. Chúng nắm giữ chìa khóa của vương quốc; chúng không muốn trả lại.

Khi họ uống trà xong, họ gần như đã yêu nhau - chưa hẳn, vì tình yêu đích thực cần thời gian và kỷ niệm, nhưng cũng gần với tình yêu nhất có thể từ ấn tượng ban đầu. Chưa đến những ngày Ramy tự hào đeo những chiếc khăn len đan vụng về của Victoire, khi Robin biết chính xác Ramy thích trà ngâm bao lâu để có thể chuẩn bị sẵn sàng khi cậu chắc chắn đến quán Buttery muộn sau buổi học tiếng Ả Rập, hay khi tất cả bọn họ đều biết Letty sắp đến lớp với một túi giấy đầy bánh quy chanh vì đó là sáng thứ Tư và tiệm bánh của Taylor làm bánh quy chanh vào thứ Tư. Nhưng chiều hôm đó, họ có thể chắc chắn nhìn thấy

kiểu bạn bè mà họ sẽ trở thành, và yêu mến viễn cảnh đó cũng đã là đủ.

Sau này, khi mọi thứ đổ vỡ và thế giới chia đôi, Robin sẽ nhớ lại ngày hôm nay, giờ phút này bên chiếc bàn này, và tự hỏi tại sao họ lại vội vàng, dễ dãi tin tưởng lẫn nhau đến vậy. Tại sao họ đã không nhìn thấy vô số cách họ có thể làm tổn thương nhau? Tại sao họ đã không dừng lại để xem xét sự khác biệt về nguồn gốc, về sự nuôi dạy, những điều đồng nghĩa với việc họ không ở cùng một phía và sẽ không bao giờ có thể như vậy?

Nhưng câu trả lời quá rõ ràng - cả bốn người họ đều đang chìm trong sự xa lạ, và họ nhìn thấy ở nhau một chiếc bè cứu sinh, và bám víu vào nhau là cách duy nhất để nổi lên.

Các cô gái không được phép sống trong trường đại học, đó là lý do tại sao họ chưa từng gặp Robin và Ramy cho đến ngày học đầu tiên. Thay vào đó, Victoire và Letty trọ ở một nơi cách đó khoảng hai dặm, trong khu nhà dành cho người hầu của một trường học ban ngày ở Oxford, dường như đây là một sự sắp xếp phổ biến cho các nữ sinh viên của Babel. Robin và Ramy đi cùng họ về nhà vì đó có vẻ là hành động lịch sự của một quý ông, nhưng Robin hy vọng điều này sẽ không trở thành thói quen hàng đêm, vì con đường thực sự khá xa và không có xe buýt vào giờ này.

"Họ không thể xếp chỗ nào gần hơn à?", Ramy hỏi.

Victoire lắc đầu. "Tất cả các trường đại học đều nói rằng sự gần gũi của chúng tôi có nguy cơ làm hư hỏng các quý ông."

"Không công bằng tí nào," Ramy nói.

Letty liếc anh một cái vẻ dửng dưng. "Nói tiếp đi."

“Nhưng cũng không tệ lắm,” Victoire nói. “Có vài quán rượu vui vẻ ở chỗ này”đường phố – chúng tôi thích quán Four Horsemen,

quán Twisted Root, và còn có một chỗ tên là Rooks and Pawns, ở đó có thể chơi cờ vua—’

“Xin lỗi,” Robin nói. “Anh vừa nói Rễ Xoắn phải không?”

“Nó ở phía trước trên đường Harrow Lane, gần cây cầu,” Victoire nói. “Nhưng cậu sẽ không thích nó đâu. Bọn tớ đã liếc qua rồi đi ra luôn – bên trong bẩn kinh khủng. Chạm ngón tay vào kính là thấy ngay một lớp mỡ và bụi dày cỡ hơn nửa phân.”

Vậy là không phải chỗ sinh viên lui tới rồi?

Không, đám con trai Oxford thà chết chứ không bén mảng đến đó đâu. Chỗ đó dành cho dân thị trấn, không phải cho sinh viên đại học.

Letty chỉ tay về phía trước, nơi một đàn bò đang lững thững đi. Robin để câu chuyện trôi đi. Sau đó, khi đã đưa hai cô gái về nhà an toàn, anh bảo Ramy tự quay lại đường Magpie.

“Mình quên mất là phải đi gặp Giáo sư Lovell,” anh nói. Jericho ở gần khu này hơn là gần trường Đại học. “Đường xa lắm, mình không muốn bắt cậu đi cùng đâu.”

"Tớ tưởng bữa tối của cậu là cuối tuần sau chứ," Ramy nói.

“Đúng vậy, nhưng tôi vừa mới nhớ ra là đáng lẽ phải đến thăm sớm hơn.” Robin hắng giọng; anh cảm thấy thật tệ khi phải nói dối Ramy ngay trước mặt cậu. “Bà Piper nói bà ấy có để dành bánh ngọt cho tôi.”

“Ơn trời.” Kỳ lạ là Ramy chẳng nghi ngờ gì cả. “Bữa trưa dở tệ. Chắc chắn là cậu không muốn có người đi cùng chứ?”

Tôi ổn. Hôm nay là một ngày dài, tôi mệt rồi, và tôi nghĩ đi dạo một chút trong im lặng sẽ rất tuyệt.

"Được rồi," Ramy nói một cách dễ chịu.

Họ chia tay nhau trên đường Woodstock. Ramy đi thẳng về phía nam, trở lại trường đại học. Robin rẽ phải để tìm cây cầu mà Victoire đã chỉ, không chắc mình đang tìm kiếm điều gì ngoài ký ức về một cụm từ được thì thầm.

Câu trả lời tìm đến hắn. Đi được nửa đường Harrow, hắn nghe thấy tiếng bước chân thứ hai phía sau. Hắn liếc nhìn qua vai và thấy một bóng người tối tăm đang bám theo mình trên con đường hẹp.

"Lâu quá đấy," kẻ song trùng của anh ta nói. "Tôi núp ở đây cả ngày rồi."

“Ngươi là ai?” Robin gằn giọng. “Ngươi là cái gì – sao ngươi lại có khuôn mặt của ta?”

“Không phải ở đây,” người song trùng của anh ta nói. “Quán rượu ở ngay góc này, vào trong thôi—”

"Trả lời tôi," Robin gằn giọng. Cảm giác nguy hiểm đến muộn màng chỉ mớigiờ mới bắt đầu có tác dụng; miệng hắn khô khốc; tim đập thình thịch. "Mày là ai?"

“Cô là Robin Swift,” người đàn ông nói. “Cô lớn lên không có cha nhưng lại có một bà vú người Anh bí ẩn và một nguồn cung cấp sách tiếng Anh vô tận, và khi Giáo sư Lovell xuất hiện để đưa cô sang Anh, cô đã nói lời từ biệt với quê hương mình mãi mãi. Cô nghĩ giáo sư có thể là cha mình, nhưng ông ấy chưa bao giờ thừa nhận điều đó. Cô hoàn toàn chắc chắn rằng ông ấy sẽ không bao giờ làm thế. Nghe có hợp lý không?”

Robin không nói nên lời. Miệng anh mở ra, quai hàm cử động vô ích, nhưng anh chẳng biết nói gì.

"Đi với tôi," bản sao của anh ta nói. "Chúng ta đi uống gì đó đi."

Book II

Chapter Five

‘I don’t care for hard names,’ interrupted Monks with a jeering laugh. ‘You know the fact, and that’s enough for me.’

CHARLESDGHÊ TỞM,*Oliver Twist*

THọ tìm được một bàn ở góc khuất trong quán Twisted Root. Kẻ giống Robin như đúc gọi cho họ hai ly bia vàng nhạt. Robin nốc cạn nửa ly chỉ trong ba ngụm đầy khát khao và cảm thấy mình vững vàng hơn đôi chút, dù không vì thế mà bớt hoang mang.

“Tên tôi,” người giống hệt anh ta nói, “là Griffin Lovell.”

Nhìn kỹ hơn, hóa ra anh ta và Robin không giống nhau đến thế. Anh ta hơn Robin vài tuổi, và khuôn mặt anh ta mang một vẻ trưởng thành khắc khổ mà Robin chưa có được. Giọng anh ta trầm hơn, ít khoan dung hơn, quả quyết hơn. Anh ta cao hơn Robin vài phân, mặc dù anh ta cũng gầy hơn rất nhiều; thực sự, anh ta trông như được cấu tạo hoàn toàn từ những góc cạnh sắc bén. Tóc anh ta sẫm màu hơn, da nhợt nhạt hơn. Anh ta trông giống như một bức tranh minh họa in của Robin, với độ tương phản ánh sáng được khuếch đại và màu sắc bị tẩy nhạt.

He’s even more of your spitting image than the last.

“Lovell,” Robin lặp lại, cố gắng định hướng. “Vậy thì anh là…?”

“Ông ta sẽ chẳng bao giờ thừa nhận đâu,” Griffin nói. “Nhưng với cô, ông ta cũng vậy, phải không? Cô có biết ông ta có vợ con rồi không?”

Robin nghẹn lời. "Cái gì?"

Đúng vậy. Một gái, một trai, bảy và ba tuổi. Philippa yêu dấu và Dick bé nhỏ. Vợ hắn tên là Johanna. Hắn giấu họ kỹ trong một

điền trang xinh đẹp ở Yorkshire. Đó cũng là một phần cách hắn kiếm tiền cho những chuyến hải hành - hắn xuất thân tay trắng, nhưng cô vợ thì giàu sụ. Nghe nói là năm trăm bảng một năm.

"Nhưng rồi thì...?"

Cô ấy có biết về chúng ta không ư? Tuyệt đối không. Mặc dù tôi không nghĩ cô ấy sẽquan tâm cô ấy có làm thế hay không, ngoài vấn đề tai tiếng rõ ràng. Chẳng còn chút tình cảm nào trong cuộc hôn nhân đó. Ông ta muốn một dinh thự và bà ta muốn quyền khoe khoang. Họ gặp nhau khoảng hai lần một năm, và thời gian còn lại ông ta sống ở đây, hoặc ở Hampstead. Kỳ lạ là chúng tôi là những đứa trẻ ông ấy dành nhiều thời gian nhất.' Griffin nghiêng đầu. 'Ít nhất, cậu là vậy.'

"Mình đang mơ à?" Robin lẩm bẩm.

Mơ đi. Trông anh xanh xao quá. Uống đi.

Robin đưa tay lấy cốc một cách máy móc. Anh không còn run nữa, nhưng đầu óc vẫn lâng lâng, mơ hồ. Uống cũng chẳng ích gì, nhưng ít ra nó cũng giúp anh có việc gì đó để làm với đôi tay mình.

“Chắc hẳn cậu có cả đống câu hỏi,” Griffin nói. “Tôi sẽ cố gắng trả lời, nhưng cậu phải kiên nhẫn đấy. Tôi cũng có câu hỏi. Cậu tự gọi mình là gì?”

“Robin Swift,” Robin nói, vẻ mặt khó hiểu. “Anh biết mà.”

"Nhưng đó là cái tên mà anh thích hơn à?"

Robin không chắc anh ta muốn nói gì. "Ý tôi là, có tên tiếng Trung của tôi – ý tôi là, nhưng không ai – tôi không—"

“Được rồi,” Griffin nói. “Swift. Tên hay đấy. Cậu nghĩ ra nó kiểu gì vậy?”

‘*Gulliver’s Travels*, Robin thừa nhận. Nghe thật ngớ ngẩn khi cậu nói ra thành lời. Mọi thứ về Griffin đều khiến cậu cảm thấy mình như một đứa trẻ. "Nó - nó là một trong những cuốn sách yêu thích của em. Giáo sư Lovell bảo chọn bất cứ cuốn nào em thích, và đó là cái tên đầu tiên xuất hiện trong đầu em."

Môi Griffin nhếch lên. "Vậy ra hắn cũng dịu dàng đi chút rồi. Còn tôi, hắn lôi ra một góc phố trước khi ký giấy tờ rồi bảo lũ trẻ mồ côi thường được đặt tên theo nơi chúng bị bỏ rơi. Hắn nói tôi có thể đi khắp thành phố cho đến khi tìm được cái tên nào nghe không quá lố bịch."

Thật sao?

Ừ. Harley. Không có gì đặc biệt cả, tôi chỉ thấy nó trên biển hiệu một cửa hàng và tôi thích cách nó nghe. Hình dạng miệng khi phát âm, sự bật ra của âm tiết thứ hai. Nhưng tôi không phải Harley, tôi là Lovell, cũng như cậu không phải Swift.

Vậy chúng ta...

“Anh em cùng cha khác mẹ,” Griffin nói. “Chào em trai. Rất vui được gặp em.”

Robin đặt cốc xuống. "Giờ tôi muốn nghe toàn bộ câu chuyện."

“Được rồi.” Griffin nghiêng người về phía trước. Vào giờ ăn tối, quán Twisted Root vừa đủ đông để tiếng ồn ào tạo thành một lớp màn che phủ lên mọi cuộc trò chuyện riêng tư, nhưng Griffin vẫn hạ giọng xuống mức thì thầm đến nỗi Robin phải gắng sức mới nghe được. “Đây là phần dài dòng và…Nói ngắn gọn thì tôi là tội phạm. Tôi và đồng nghiệp thường xuyên ăn cắp bạc, bản thảo và vật liệu khắc từ Babel rồi chuyển chúng khắp nước Anh đến các cộng sự trên toàn thế giới. Hành động của cậu đêm qua là phản quốc, và nếu ai phát hiện ra, cậu sẽ bị giam cầm ở Newgate ít nhất hai mươi năm, nhưng đó là sau khi họ tra tấn cậu để khai thác thông tin về chúng tôi. Anh ta nói tất cả

những điều này rất nhanh, gần như không thay đổi giọng điệu hay âm lượng. Nói xong, anh ta ngả người ra sau, trông có vẻ hài lòng.

Robin làm điều duy nhất anh có thể nghĩ ra, đó là nốc thêm một ngụm bia choáng váng. Khi đặt cốc xuống, hai bên thái dương giật giật, anh chỉ thốt ra được một từ: "Tại sao?"

“Dễ thôi,” Griffin nói. “Có những người cần bạc hơn cả đám nhà giàu ở Luân Đôn.”

"Nhưng – ý tôi là, ai cơ?"

Griffin không trả lời ngay. Hắn nhìn Robin từ đầu đến chân trong vài giây, dò xét khuôn mặt cậu như thể đang tìm kiếm điều gì đó – một nét tương đồng khác, một phẩm chất bẩm sinh quan trọng nào đó. Rồi hắn hỏi, "Tại sao mẹ mày chết?"

“Cholera,” Robin ngừng một lát rồi nói. “Đã có một đợt bùng phát—”

“Tôi không hỏi bằng cách nào,” Griffin nói. “Tôi hỏi tại sao.”

I don’t know why, Robin muốn nói, nhưng cậu đã nói ra. Cậu luôn biết, chỉ là cậu ép mình không nghĩ đến. Trong suốt thời gian qua, cậu chưa bao giờ cho phép bản thân đặt câu hỏi theo cách này.

Oh, two weeks and some change, bà Piper nói. Họ đã ở Trung Quốc được hơn hai tuần rồi.

Mắt anh cay xè. Anh chớp mắt. "Sao anh biết chuyện về mẹ tôi?"

Griffin ngả người ra sau, khoanh tay sau đầu. "Sao cậu không uống nốt chỗ rượu đó đi?"

Bên ngoài, Griffin rảo bước dọc đường Harrow Lane, liên tục buông ra những câu hỏi như bắn liên thanh từ khóe miệng. "Vậy cậu đến từ đâu?"

Quảng Châu.

Tôi sinh ra ở Ma Cao. Tôi không nhớ là mình đã từng đến Quảng Châu hay chưa. Vậy khi nào thì ông ấy đưa cô qua?

Đến Luân Đôn à?

Không, đồ ngốc, đến Manila. Phải, Luân Đôn.

Thằng anh trai mình, Robin nghĩ, đúng là đồ đần. 'Sáu – không, bảy năm rồi.'

"Không thể tin nổi." Griffin rẽ trái vào đường Banbury mà không báo trước;Robin vội vã đuổi theo. "Hèn gì hắn ta chẳng bao giờ đi tìm tôi. Có thứ tốt hơn để quan tâm rồi còn gì?"

Robin loạng choạng về phía trước, vấp phải đá cuội. Anh giữ thăng bằng và vội vã đuổi theo Griffin. Trước giờ anh chưa từng uống bia, chỉ toàn rượu vang nhẹ trên bàn ăn của bà Piper, và vị hoa bia khiến lưỡi anh tê dại. Anh cảm thấy buồn nôn. Tại sao anh lại uống nhiều như vậy? Đầu óc anh choáng váng, suy nghĩ chậm gấp đôi – nhưng tất nhiên đó là mục đích rồi. Rõ ràng Griffin muốn anh mất cân bằng, mất cảnh giác. Robin nghi ngờ Griffin thích khiến người khác lúng túng.

"Chúng ta đang đi đâu vậy?" anh ấy hỏi.

Nam. Rồi tây. Không quan trọng; vấn đề là cách tốt nhất để tránh bị nghe lén là luôn luôn di chuyển. Griffin rẽ xuống đường Canterbury. Nếu cậu đứng yên, kẻ bám đuôi có thể nấp và nghe toàn bộ cuộc trò chuyện, nhưng nếu cậu cứ di chuyển loanh quanh thì sẽ gây khó khăn hơn cho chúng.

"Đuôi của cậu à?"

Người ta nên luôn luôn giả định.

Mình đi tiệm bánh được không?

Tiệm bánh mì à?

“Tớ đã nói với bạn tớ là tớ đi gặp bà Piper.” Đầu Robin vẫn còn quay cuồng, nhưng ký ức về lời nói dối của cậu lại hiện lên rõ mồn một. “Tớ không thể về tay không được.”

“Được rồi.” Griffin dẫn họ xuống đường Winchester. “Quán Will Taylor được chứ? Không còn chỗ nào khác mở cửa nữa.”

Robin lẻn vào tiệm bánh và vội vàng mua vài cái bánh ngọt đơn giản nhất có thể – anh không muốn Ramy nghi ngờ vào lần tới họ đi ngang qua tủ kính trưng bày của Taylor. Anh có một cái bao tải đay trong phòng; anh có thể vứt hộp bánh khi về nhà và đổ bánh vào đó.

Nỗi hoang tưởng của Griffin đã lây sang anh. Anh cảm thấy mình bị đánh dấu, như bị trát sơn đỏ chói, chắc mẩm rằng sẽ có người gọi anh là kẻ cắp ngay cả khi anh trả tiền. Anh không dám nhìn vào mắt người bán bánh mì khi nhận lại tiền thừa.

“Dù sao,” Griffin nói khi Robin xuất hiện. “Cậu có muốn đi ăn trộm cho bọn tao không?”

“Ăn cắp á?” Họ lại đi dạo với một tốc độ lố bịch. “Ý cậu là từ Babel?”

Rõ rồi, tiếp tục đi.

Nhưng tại sao anh/chị lại cần tôi?

Bởi vì cậu là một phần của tổ chức còn chúng tôi thì không. Máu của cậu chảy trong tòa tháp, nghĩa là có những cánh cửa cậu có

thể mở ra mà chúng tôi không thể.

“Nhưng tại sao…” Lưỡi Robin cứ vấp phải một cơn lũ câu hỏi. “Vì cái gì? Ngài làm gì với những thứ ngài đánh cắp?”

“Chính xác như tôi đã nói. Chúng ta phân phối lại nó. Chúng ta là Robin Hood. Ha, ha. Robin. Không à? Được rồi. Chúng ta gửi vàng thỏi và nguyên liệu chế tác bạc đi khắp thế giới cho những người cần chúng - những người không có đặc quyền giàu có và là người Anh. Những người như mẹ cậu. Thấy chưa, Babel là một nơi hào nhoáng, nhưng nó chỉ hào nhoáng vì nó bán cặp ngôn ngữ của mình cho một lượng khách hàng rất hạn chế.” Griffin liếc nhìn qua vai. Xung quanh họ chẳng có ai ngoài một người phụ nữ giặt đồ đang vác một cái giỏ ở cuối phố bên kia, nhưng anh vẫn bước nhanh hơn. “Vậy cậu tham gia chứ?”

“Tôi – tôi không biết.” Robin chớp mắt. “Tôi không thể cứ thế – ý tôi là, tôi vẫn còn rất nhiều câu hỏi.”

Griffin nhún vai. "Vậy cứ hỏi bất cứ điều gì cậu muốn. Hỏi đi."

“Tôi – được rồi.” Robin cố gắng sắp xếp những suy nghĩ hỗn loạn trong đầu. “Anh là ai?”

Griffin Lovell.

Không, tập thể*you*—’

“Hội Hermes,” Griffin nói ngay. “Cứ gọi là Hermes thôi cũng được.”

“Hội Hermes.” Robin lẩm nhẩm cái tên đó. “Tại sao—”

‘Chỉ là nói đùa thôi. Bạc và thủy ngân, Thủy ngân và Hermes, Hermes và hermeneutics. Tôi không biết ai nghĩ ra cái đó nữa.’

“Và các người là một hội kín? Không ai biết về các người sao?”

“Chắc chắn Babel có liên quan. Chúng tôi đã – à, có thể nói là tình hình khá căng thẳng đấy. Nhưng chúng chẳng biết gì nhiều, chắc chắn là không nhiều như chúng muốn đâu. Chúng tôi rất giỏi ẩn mình.”

Not that good, Robin nghĩ, nghĩ về những lời nguyền rủa trong bóng tối, bạc vương vãi trên đá cuội. Thay vào đó, anh hỏi: "Có bao nhiêu người trong số các ngươi?"

Không thể nói cho bạn biết.

Các anh có trụ sở chính không?

Vâng.

Chỉ cho tôi chỗ đó được không?

Griffin cười lớn. "Tuyệt đối không."

“Nhưng – chắc chắn phải còn nhiều người hơn chứ?” Robin nài nỉ. “Ít nhất các người cũng có thể giới thiệu tôi—”

“Không thể, và sẽ không,” Griffin nói. “Chúng ta mới chỉ gặp nhau thôi, anh bạn. Biết đâu, ngay khi chúng ta chia tay, anh sẽ chạy ngay đến chỗ Playfair thì sao.”

“Nhưng mà rồi làm sao—” Robin giơ tay lên trời vẻ bực bội. “Ý tôi là, ông chẳng cho tôi cái gì cả, vậy mà lại đòi hỏi tôi đủ thứ.”

"Phải, anh bạn, đó chính là cách các hội kín hoạt động nếu chúng có chút năng lực nào. Tôi không biết anh là loại người gì, và tôi sẽ là thằng ngốc nếu nói thêm với anh."

‘Anh thấy tại sao chuyện này lại làm khó tôi chứ?’ Robin nghĩ Griffin đang gạt đi những lo ngại khá hợp lý của cô. ‘Tôi cũng chẳng biết gì về anh. Anh có thể đang nói dối, anh có thể đang cố gài bẫy tôi—’

"Nếu điều đó là sự thật thì cậu đã bị đuổi học rồi. Vậy nên chuyện đó là bịa đặt. Cậu nghĩ chúng tôi đang nói dối về chuyện gì?"

“Có thể cậu chẳng dùng số bạc đó để giúp ai cả,” Robin nói. “Có thể Hội Hermes chỉ là một trò lừa đảo, có thể cậu đang bán lại đồ ăn cắp để làm giàu—”

Trông tôi có giống người sắp giàu đến nơi không?

Robin nhìn thân hình gầy gò, thiếu ăn của Griffin, chiếc áo khoác đen sờn rách và mái tóc rối bù. Không – anh phải thừa nhận, Hội Hermes trông không giống một âm mưu trục lợi cá nhân. Có lẽ Griffin đang dùng số bạc bị đánh cắp cho một mục đích bí mật nào đó, nhưng chắc chắn không phải để làm giàu cho bản thân.

“Tôi biết là hơi nhiều một lúc,” Griffin nói. “Nhưng cô cứ tin tôi đi. Không còn cách nào khác đâu.”

‘Tôi muốn chứ. Ý tôi là – tôi chỉ – chuyện này quá sức với tôi.’ Robin lắc đầu. ‘Tôi chỉ vừa mới đến đây thôi, tôi mới chỉ nhìn thấy Babel lần đầu tiên, và tôi không biết anh cũng như nơi này đủ rõ để có thể hiểu được chuyện gì đang xảy ra—’

"Vậy thì sao cậu lại làm thế?" Griffin hỏi.

"Tôi... cái gì?"

“Tối qua.” Griffin liếc nhìn anh ta. “Cậu đã giúp chúng tôi, không chút do dự. Cậu thậm chí còn không lưỡng lự. Tại sao?”

“Tôi không biết,” Robin nói thật.

Anh đã tự hỏi mình điều này cả ngàn lần. Tại sao anh lại kích hoạt thanh năng lượng đó? Không chỉ đơn thuần vì toàn bộ tình huống - giờ phút nửa đêm, ánh trăng bàng bạc - quá mộng mị

đến nỗi mọi luật lệ và hậu quả dường như tan biến, hay bởi vì nhìn thấy bản sao của chính mìnhkhiến anh ta nghi ngờ chính thực tại. Anh cảm thấy một sự thôi thúc sâu xa hơn mà anh không thể giải thích. 'Nó chỉ là dường như đúng.'

Cái gì, anh không nhận ra mình đang giúp cả một ổ ăn trộm à?

“Tôi biết các anh là trộm,” Robin nói. “Chỉ là… tôi không nghĩ các anh làm gì sai.”

“Tôi tin vào trực giác của cậu trong chuyện này,” Griffin nói. “Tin*me*Hãy tin rằng chúng tôi đang làm điều đúng đắn.

“Và điều đúng đắn là gì?”, Robin hỏi. “Theo anh? Tất cả những chuyện này là vì cái gì?”

Griffin mỉm cười. Đó là một nụ cười kỳ quặc, kẻ cả, một lớp mặt nạ thích thú nhưng không hề chạm đến mắt anh ta. “Giờ thì cô mới hỏi đúng câu hỏi rồi đấy.”

Họ vòng lại đường Banbury. Công viên Đại học hiện ra xanh mướt trước mặt, và Robin thoáng hy vọng họ sẽ rẽ xuống phía nam đến đường Parks – trời đã khá muộn, và đêm khá lạnh – nhưng Griffin lại dẫn họ lên phía bắc, xa trung tâm thành phố hơn.

'Anh/Chị có biết phần lớn số thép cây ở đất nước này được dùng để làm gì không?'

Robin đoán mò. "Phòng mạch bác sĩ à?"

“Hứ. Đáng yêu ghê. Không, chúng được dùng để trang trí phòng khách. Đúng vậy - đồng hồ báo thức kêu như gà trống thật, đèn tự động điều chỉnh độ sáng theo giọng nói, rèm cửa thay đổi màu sắc suốt cả ngày, đại loại thế. Bởi vì chúng thú vị, và bởi vì giới thượng lưu Anh đủ tiền mua chúng, và bất cứ thứ gì người Anh giàu có muốn, họ đều có được.”

“Được rồi,” Robin nói. “Nhưng chỉ vì Babel bán mấy thứ đó để đáp ứng nhu cầu thị trường—”

Griffin ngắt lời anh ta. 'Anh có muốn biết nguồn thu nhập lớn thứ hai và thứ ba của Babel không?'

Hợp pháp à?

“Không. Quân đội, cả nhà nước lẫn tư nhân,” Griffin nói. “Rồi đến buôn bán nô lệ. Hợp pháp kiếm được chẳng đáng là bao so với những thứ đó.”

"Không... không thể nào."

Không, đó chỉ là cách thế giới vận hành thôi. Để tôi vẽ ra cho anh thấy, người anh em. Chắc anh cũng đã nhận ra Luân Đôn nằm ở trung tâm của một đế chế rộng lớn không ngừng phát triển. Nhân tố quan trọng nhất giúp cho sự phát triển này chính là Babel. Babel thu thập ngoại ngữ và nhân tài nước ngoài giống như cách họ tích trữ bạc, rồi dùng chúng để tạo ra phép thuật dịch thuật chỉ mang lại lợi ích cho nước Anh mà thôi. Phần lớn số bạcCác quán bar đang hoạt động trên thế giới đều ở Luân Đôn. Những quán bar mới nhất, quyền lực nhất hiện nay dựa vào tiếng Trung, tiếng Phạn và tiếng Ả Rập để vận hành, nhưng bạn sẽ chỉ đếm được chưa đến một nghìn quán bar ở các quốc gia nơi những ngôn ngữ đó được sử dụng rộng rãi, và chỉ có trong nhà của những người giàu có và quyền lực. Và điều đó là sai. Đó là bóc lột. Đó là sự bất công về cơ bản.

Griffin có thói quen nhấn mạnh từng câu bằng bàn tay mở ra, như một nhạc trưởng cứ liên tục gõ xuống cùng một nốt nhạc. "Nhưng chuyện này xảy ra bằng cách nào?", ông tiếp tục. "Làm sao mà tất cả sức mạnh từ những ngôn ngữ nước ngoài lại dồn về nước Anh? Đây không phải là sự tình cờ; đây là một sự bóc lột có chủ ý văn hóa và tài nguyên nước ngoài. Các giáo sư thích giả vờ rằng tòa tháp là nơi trú ẩn cho tri thức thuần túy, rằng nó nằm trên những mối bận tâm tầm thường của kinh doanh và

thương mại, nhưng không phải vậy. Nó gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp thực dân. Nó*is*Công việc kinh doanh của chủ nghĩa thực dân. Hãy tự hỏi tại sao Khoa Văn học chỉ dịch tác phẩm sang tiếng Anh mà không làm điều ngược lại, hoặc những thông dịch viên đang được cử ra nước ngoài để làm gì*do*Mọi việc Babel làm đều phục vụ cho sự bành trướng của Đế quốc. Cứ nghĩ mà xem – Ngài Horace Wilson, người giữ chức vụ giáo sư được tài trợ đầu tiên về tiếng Phạn trong lịch sử Oxford, dành phân nửa thời gian của mình để hướng dẫn cho các nhà truyền giáo Cơ đốc.

Mục đích của tất cả những việc này là tích trữ bạc. Chúng ta sở hữu lượng bạc khổng lồ này là do chúng ta dụ dỗ, thao túng và đe dọa các quốc gia khác ký kết các hiệp định thương mại, đảm bảo dòng tiền chảy về nước ta. Và chúng ta thực thi những hiệp định thương mại đó bằng chính những thỏi bạc, giờ đây được khắc bằng công trình của Babel, thứ giúp tàu thuyền của chúng ta nhanh hơn, binh lính của chúng ta mạnh mẽ hơn và súng ống của chúng ta nguy hiểm hơn. Đó là một vòng luẩn quẩn của lợi nhuận, và trừ khi có một thế lực bên ngoài phá vỡ vòng tuần hoàn này, sớm muộn gì nước Anh cũng sẽ sở hữu toàn bộ của cải trên thế giới.

'Chúng tôi chính là thế lực bên ngoài đó. Hermes. Chúng tôi chuyển bạc đến những người, cộng đồng và phong trào xứng đáng. Chúng tôi hỗ trợ các cuộc nổi dậy của nô lệ. Các phong trào kháng chiến. Chúng tôi nấu chảy những thỏi bạc dùng để làm sạch vải ren và dùng chúng để chữa bệnh.' Griffin chậm lại; quay sang nhìn thẳng vào mắt Robin.*That's*tất cả những điều này là vì cái gì.'

Phải thừa nhận, Robin nghĩ, đây là một lý thuyết về thế giới hết sức thuyết phục. Chỉ là nó dường như ám chỉ đến gần như tất cả mọi thứ anh yêu quý. "Tôi... tôi hiểu."

Vậy thì còn chần chừ gì nữa?

Quả thật là tại sao? Robin cố gắng gỡ rối những suy nghĩ hỗn độn của mình, tìm một lý do cho sự thận trọng không chỉ đơn giản là nỗi sợ hãi. Nhưng chính xác là vậy - sợ hậu quả, sợ phá vỡ ảo tưởng tuyệt đẹp kia.của cái Oxford mà cậu ấy đã đổ vào, cái mà Griffin vừa làm hoen ố trước khi cậu ấy kịp tận hưởng nó đúng nghĩa.

“Mọi chuyện diễn ra đột ngột quá,” anh nói. “Và em mới chỉ vừa gặp anh, có quá nhiều điều em chưa biết.”

“Đấy chính là vấn đề của mấy hội kín,” Griffin nói. “Người ta dễ dàng lãng mạn hóa chúng. Cậu nghĩ nó là cả một quá trình tuyển chọn dài hơi – rằng cậu sẽ được kết nạp, được thấy cả một thế giới mới, được thấy tất cả bộ máy vận hành và những kẻ nắm quyền. Nếu cậu chỉ hình dung về hội kín qua tiểu thuyết rẻ tiền và truyện kinh dị ba xu, thì cậu sẽ mong đợi những nghi lễ, mật khẩu và những cuộc họp bí mật trong mấy nhà kho bỏ hoang.

“Nhưng đời không như tiểu thuyết ba xu đâu, anh bạn. Đời thực nó lộn xộn, đáng sợ, và bất định.” Giọng Griffin dịu lại. “Anh phải hiểu, việc tôi nhờ anh làm rất nguy hiểm. Người ta chết vì mấy thỏi vàng này đấy – tôi đã chứng kiến bạn bè mình chết vì chúng. Babel muốn nghiền nát chúng ta, và anh không muốn biết chuyện gì xảy ra với những thành viên Hermes mà chúng bắt được đâu. Chúng ta tồn tại được là nhờ phân tán. Chúng ta không dồn hết thông tin vào một chỗ. Nên tôi không thể yêu cầu anh từ từ xem xét mọi thông tin được. Tôi đang yêu cầu anh đặt cược vào một niềm tin.”

Lần đầu tiên, Robin nhận ra Griffin không tự tin, không đáng sợ như những lời nói nhanh như súng liên thanh của hắn. Hắn đứng đó, hai tay đút túi, vai co ro run lên vì gió thu buốt giá. Và hắn rõ ràng đang rất lo lắng. Hắn giật giật, bồn chồn; mắt hắn liếc qua vai mỗi khi hắn nói hết một câu. Robin bối rối, lo lắng, nhưng Griffin thì*scared*.

“Phải như thế này,” Griffin khăng khăng. “Thông tin tối thiểu. Quyết định nhanh chóng. Tôi rất muốn cho cậu thấy toàn bộ thế giới của tôi – tôi hứa đấy, ở một mình chẳng vui vẻ gì đâu – nhưng sự thật vẫn là cậu là một sinh viên Babel mà tôi mới quen chưa đầy một ngày. Có thể sẽ đến lúc tôi tin tưởng cậu hết mực, nhưng điều đó chỉ xảy ra khi cậu chứng minh được bản thân, và khi tôi không còn lựa chọn nào khác. Còn bây giờ, tôi đã nói cho cậu biết chúng tôi làm gì, và chúng tôi cần gì ở cậu. Cậu sẽ tham gia cùng chúng tôi chứ?”

Khán giả này, Robin nhận ra, sắp kết thúc rồi. Anh bị buộc phải đưa ra quyết định cuối cùng – và nếu anh nói không, anh ngờ rằng, Griffin sẽ biến mất khỏi Oxford mà anh biết, sẽ tan biến vào bóng tối một cách hiệu quả đến nỗi Robin sẽ tự hỏi liệu mình có tưởng tượng ra toàn bộ cuộc gặp gỡ này không. "Tôi muốn – Tôi thật sự muốn, nhưng tôi vẫn chưa – Tôi chỉ cần thời gian để suy nghĩ. Làm ơn."

Anh biết điều này sẽ làm Griffin bực mình. Nhưng Robin đang rất sợ hãi. Anh cảm thấy mình bị dẫn đến bờ vực thẳm và bị bảo nhảy xuống mà không có bất kỳ sự đảm bảo nào. Anh cảm thấy giống như bảy năm trước, khi Giáo sư Lovell đặt một hợp đồng trước mặt anh và bình tĩnh yêu cầu anh ký vào, đồng nghĩa với việc từ bỏ tương lai của mình. Chỉ khác là hồi đó anh chẳng có gì, nên cũng chẳng có gì để mất. Còn lần này anh có tất cả - thức ăn, quần áo, chỗ ở - và không có gì đảm bảo anh sẽ sống sót ở phía bên kia.

“Năm ngày vậy,” Griffin nói. Trông ông có vẻ bực mình, nhưng không hề trách móc. “Cô có năm ngày. Có một cây bạch dương đơn độc trong vườn Merton College – cô sẽ nhận ra nó ngay. Khắc một dấu thập lên thân cây trước thứ Bảy nếu đồng ý. Không cần làm gì nếu từ chối.”

"Chỉ năm thôi à?"

‘Nếu đến lúc đó mà nhóc vẫn chưa nắm được đường đi lối lại ở đây thì đúng là bó tay.’ Griffin vỗ vai cậu. ‘Nhóc biết đường về nhà chứ?’

“Tôi – à không, thật ra thì không.” Robin đã không chú ý; cậu chẳng biết họ đang ở đâu. Những tòa nhà đã khuất dần phía sau; giờ đây xung quanh họ chỉ còn là những ngọn đồi xanh mướt trải dài.

“Chúng ta đang ở Summertown,” Griffin nói. “Khá xinh xắn, mặc dù hơi chán. Woodstock ở cuối bãi cỏ này – cứ rẽ trái rồi đi thẳng xuống phía nam cho đến khi thấy quen thuộc. Chúng ta sẽ chia tay ở đây. Năm ngày nữa.” Griffin quay người bỏ đi.

“Khoan – làm sao tôi liên lạc với anh được?” Robin hỏi. Giờ đây, khi sự ra đi của Griffin dường như sắp xảy ra, anh bỗng dưng thấy luyến tiếc. Anh chợt lo sợ rằng nếu để Griffin rời khỏi tầm mắt, anh ta có thể biến mất mãi mãi, và tất cả những chuyện này sẽ hóa ra chỉ là một giấc mơ.

“Tôi đã bảo rồi – cậu không có quyền,” Griffin nói. “Nếu có dấu thập trên cây, tôi sẽ tìm được cậu. Coi như là bảo hiểm phòng khi cậu hóa ra là kẻ chỉ điểm, hiểu chứ?”

Vậy tôi phải làm gì trong lúc này?

Ý cậu là sao? Cậu vẫn là sinh viên Babel mà. Cư xử cho đúng mực đi. Đi học. Đi nhậu nhẹt rồi gây gổ đánh nhau. Không – cậu yếu đuối quá. Thôi đừng đánh nhau nữa.

‘Tôi . . . ổn. Được rồi.’

Còn gì nữa không?

Còn gì nữa không? Robin muốn bật cười. Anh có cả ngàn câu hỏi khác, nhưng chẳng câu nào anh nghĩ Griffin sẽ trả lời. Anh đánh liều hỏi một câu. "Ông ta có biết về anh không?"

Ai?

Giáo sư Lovell của chúng tôi.

“À.” Lần này, Griffin không vội vàng trả lời như mọi khi. Anh ta ngừng lại một lúc trước khi nói. “Tôi không chắc.”

Điều này làm Robin ngạc nhiên. “Cậu không biết sao?”

“Tôi rời Babel sau năm thứ ba,” Griffin nói nhỏ. “Tôi làm việc với Hermes từ lúc bắt đầu, nhưng tôi cũng ở bên trong giống như cậu. Rồi có chuyện xảy ra, và mọi thứ không còn an toàn nữa, nên tôi bỏ chạy. Và từ đó tôi đã…” Anh ta ấp úng, rồi hắng giọng. “Nhưng chuyện đó không quan trọng. Điều cậu cần biết là tốt nhất đừng nên nhắc đến tên tôi trong bữa tối.”

Chuyện đó khỏi phải nói.

Griffin quay đi, dừng lại, rồi quay trở lại. "À còn một chuyện nữa. Cô sống ở đâu?"

"Hửm? Trường – tất cả chúng ta đều học ở Trường Đại học University College mà."

Tôi biết rồi. Phòng nào?

“Ồ.” Robin đỏ mặt. “Số bốn, ngõ Magpie, phòng bảy. Căn nhà mái xanh lá. Tôi ở phòng góc. Cái phòng có cửa sổ dốc nhìn ra nhà nguyện Oriel.”

“Tôi biết mà.” Mặt trời đã lặn từ lâu. Robin không còn nhìn rõ mặt Griffin, nửa khuất trong bóng tối. “Đó từng là phòng của tôi.”

Chapter Six

‘The question is,’ said Alice, ‘whether you can make words mean so many different things.’

‘The question is,’ said Humpty Dumpty, ‘which is to be master, that’s all.’

LHệ thống dây điệnCARROLL,*Through the Looking-Glass*

PLớp học nhập môn Lý thuyết Dịch thuật của Giáo sư Playfair được tổ chức vào sáng thứ Ba trên tầng năm của tòa tháp. Họ vừa ngồi xuống thì ông đã bắt đầu giảng bài, giọng nói hào sảng như diễn giả vang khắp căn phòng học nhỏ hẹp.

Giờ thì mỗi người trong số các em đều thông thạo ít nhất ba ngôn ngữ, tự thân điều đó đã là một thành tựu rồi. Tuy nhiên, hôm nay thầy sẽ cố gắng cho các em thấy được những khó khăn đặc thù của việc dịch thuật. Hãy thử nghĩ xem chỉ cần nói từ*hello*Chào hỏi có vẻ dễ dàng quá!*Bonjour*.*Ciao*.*Hallo*Cứ như vậy, tiếp diễn mãi. Nhưng giả sử chúng ta đang dịch từ tiếng Ý sang tiếng Anh. Trong tiếng Ý,*ciao*Có thể dùng khi chào hỏi hoặc khi chia tay – nó không chỉ rõ là trường hợp nào, mà đơn giản chỉ là một nghi thức xã giao tại thời điểm tiếp xúc. Nó bắt nguồn từ tiếng Venice*s-ciào vostro*, nghĩa là một cái gì đó giống như "tôi tớ vâng lời của ngài". Nhưng tôi lạc đề rồi. Vấn đề là, khi chúng ta mang*ciao*sang tiếng Anh – ví dụ nếu chúng ta đang dịch một cảnh mà các nhân vật tản ra – chúng ta phải áp đặt điều đó*ciao*đã được nói như lời tạm biệt. Đôi khi điều này hiện rõ qua ngữ cảnh, nhưng đôi khi không - đôi khi chúng ta phải thêm từ mới vào bản dịch. Vậy nên mọi thứ đã phức tạp rồi, mà chúng ta còn chưa dịch xong cả từ chào.

Bài học đầu tiên mà bất kỳ dịch giả giỏi nào cũng thấm nhuần là không tồn tại sự tương quan một-một giữa các từ hoặc thậm chí

các khái niệm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Nhà ngữ văn học người Thụy Sĩ Johann Breitinger, người cho rằng ngôn ngữ chỉ đơn thuần là "tập hợp của các từ và"những cách diễn đạt có thể thay thế cho nhau, và hoàn toàn tương ứng về nghĩa", là hoàn toàn sai lầm. Ngôn ngữ không giống như toán học. Và ngay cả toán học cũng khác nhau tùy thuộc vào ngôn ngữ[*] – nhưng chúng ta sẽ quay lại vấn đề đó sau.

Robin thấy mình cứ nhìn chằm chằm vào mặt Giáo sư Playfair khi ông nói. Cậu không chắc mình đang tìm kiếm điều gì. Có lẽ là một bằng chứng nào đó về sự độc ác. Con quái vật tàn nhẫn, ích kỷ, lẩn khuất mà Griffin đã phác họa. Nhưng Giáo sư Playfair trông chỉ là một học giả vui vẻ, tươi cười, say mê vẻ đẹp của ngôn từ. Thật vậy, dưới ánh sáng ban ngày, trong lớp học, những âm mưu to tát của anh trai cậu nghe thật nực cười.

“Ngôn ngữ không tồn tại như một danh pháp cho một tập hợp các khái niệm phổ quát,” Giáo sư Playfair nói tiếp. “Nếu đúng như vậy, thì dịch thuật đã không phải là một nghề đòi hỏi kỹ năng cao – chúng ta chỉ cần cho một lớp đầy những sinh viên năm nhất ngây thơ ngồi xuống với từ điển là sẽ có ngay toàn tập tác phẩm của Đức Phật trên kệ sách. Thay vào đó, chúng ta phải học cách nhảy múa giữa hai mặt đối lập từ lâu đời, được Cicero và Hieronymus làm sáng tỏ một cách hữu ích:*verbum e verbo*và*sensum e sensu*Ai đó—

"Từng chữ một," Letty nói ngay. "Và từng ý một."

“Tốt,” Giáo sư Playfair nói. “Đó chính là tình huống khó xử. Liệu chúng ta lấy từ làm đơn vị dịch, hay chúng ta đặt tính chính xác của từng từ dưới tinh thần chung của văn bản?”

“Tớ không hiểu,” Letty nói. “Chẳng phải dịch sát từng chữ sẽ tạo ra một bản dịch sát nghĩa sao?”

“Sẽ như vậy,” Giáo sư Playfair nói, “nếu, một lần nữa, các từ ngữ tồn tại trong mối quan hệ với nhau theo cùng một cách trong mọi ngôn ngữ. Nhưng chúng không như vậy. Các từ*schlecht*và*schlimm*Cả hai đều có nghĩa là "tồi" trong tiếng Đức, nhưng làm sao để biết khi nào dùng từ nào? Khi nào chúng ta dùng*fleuve*hoặc*rivière*Bằng tiếng Pháp ư? Vậy chúng ta phải diễn đạt tiếng Pháp như thế nào*esprit*Sang tiếng Anh ư? Chúng ta không nên chỉ dịch từng từ riêng lẻ, mà phải gợi lên được ý nghĩa của chúng trong toàn bộ đoạn văn. Nhưng làm thế nào mới đượcxong, nếu ngôn ngữ thực sự khác nhau đến vậy? Những khác biệt này không hề tầm thường, xin lưu ý - Erasmus đã viết cả một luận thuyết về lý do tại sao ông lại dịch tiếng Hy Lạp*logos*sang tiếng Latinh*sermo*trong bản dịch Tân Ước của ông. Dịch từng chữ một đơn giản là không đủ.

‘*That servile path thou nobly dost decline*, Ramy đọc thuộc lòng,*of tracing word by word, and line by line*.

‘*Those are the laboured births of slavish brains, not the effect of poetry, but pains*,’ Giáo sư Playfair kết luận. ‘John Denham. Rất tốt, anh Mirza. Vậy anh thấy đấy, người dịch không hẳn là truyền tải thông điệp mà là viết lại bản gốc. Và khó khăn nằm ở chỗ đó – viết lại vẫn là viết, và viết luôn phản ánh tư tưởng và thành kiến của người viết. Xét cho cùng, tiếng Latin*translatio*có nghĩa là “mang qua”. Dịch thuật bao hàm một chiều không gian – sự vận chuyển nguyên văn các văn bản qua vùng đất bị chinh phục, những từ ngữ được truyền tải như hương liệu từ một vùng đất xa lạ. Từ ngữ mang ý nghĩa hoàn toàn khác khi chúng du hành từ cung điện La Mã đến những phòng trà của nước Anh ngày nay.

Và chúng ta vẫn chưa vượt qua được mặt từ vựng. Nếu dịch thuật chỉ là vấn đề tìm đúng chủ đề, đúng ý tưởng chung, thì về mặt lý thuyết, cuối cùng chúng ta có thể diễn đạt rõ ràng ý nghĩa của mình, phải không? Nhưng có điều gì đó cản trở – cú pháp, ngữ pháp, hình thái học và chính tả, tất cả những thứ tạo

nên xương sống của một ngôn ngữ. Hãy xem xét bài thơ “Ein Fichtenbaum” của Heinrich Heine. Nó ngắn, và thông điệp của nó khá dễ nắm bắt. Một cây thông, khao khát một cây cọ, đại diện cho khát khao của một người đàn ông đối với một người phụ nữ. Tuy nhiên, việc dịch nó sang tiếng Anh lại cực kỳ khó khăn, bởi vì tiếng Anh không có giống như tiếng Đức. Vì vậy, không có cách nào để truyền tải sự đối lập nhị nguyên giữa giống đực*ein Fichtenbaum*và sự nữ tính*einer Palme*Thấy chưa? Vậy nên chúng ta phải bắt đầu với giả định rằng sự bóp méo là không thể tránh khỏi. Vấn đề là làm sao để bóp méo một cách có chủ ý.

Ông ấy gõ nhẹ vào cuốn sách nằm trên bàn. "Tất cả các em đều đã học xong Tytler rồi chứ?"

Họ gật đầu. Họ đã được giao chương mở đầu của*Essay on Principles of Translation*bởi Lãnh chúa Alexander Fraser Tytler Woodhouselee vào đêm hôm trước.

“Vậy thì cô hẳn đã đọc thấy Tytler khuyến nghị ba nguyên tắc cơ bản. Đó là - vâng, cô Desgraves?”

‘Thứ nhất, bản dịch phải truyền tải đầy đủ và chính xác ý tưởng của bản gốc,’ Victoire nói. ‘Thứ hai, bản dịch phải phản ánh được phong cách vàvăn phong của nguyên tác. Và thứ ba, bản dịch phải đọc trôi chảy như chính tác phẩm gốc.’

Cô ấy nói năng lưu loát và chính xác đến nỗi Robin nghĩ cô ấy chắc hẳn đang đọc theo văn bản nào đó. Anh khá ấn tượng khi liếc nhìn và thấy cô chẳng hề nhìn vào tài liệu gì, chỉ là khoảng không trống rỗng. Ramy cũng có tài năng ghi nhớ siêu phàm này – Robin bắt đầu cảm thấy hơi choáng ngợp trước những người đồng nghiệp của mình.

“Tốt lắm,” Giáo sư Playfair nói. “Nghe có vẻ khá cơ bản. Nhưng “văn phong” của bản gốc nghĩa là gì? Một bài viết “đọc dễ dàng” nghĩa là gì? Khi chúng ta đưa ra những nhận định này, chúng ta

đang nghĩ đến đối tượng độc giả nào? Đây là những câu hỏi chúng ta sẽ giải quyết trong học kỳ này, và chúng thật sự là những câu hỏi hấp dẫn." Ông siết chặt hai tay vào nhau. "Cho phép tôi lại được "diễn kịch" một chút khi nói về Babel, cái tên mà trường ta được đặt theo – vâng, các bạn sinh viên thân mến, tôi không thể nào thoát khỏi sự lãng mạn của ngôi trường này. Xin hãy chiều lòng tôi."

Giọng ông không hề tỏ ra chút hối tiếc nào. Giáo sư Playfair rất thích kiểu thần bí kịch tính này, những đoạn độc thoại chắc hẳn đã được ông luyện tập và hoàn thiện qua nhiều năm giảng dạy. Nhưng chẳng ai phàn nàn cả. Họ cũng thích điều đó.

Người ta thường cho rằng bi kịch lớn nhất của Cựu Ước không phải là việc con người bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng, mà là sự sụp đổ của Tháp Babel. Bởi vì Adam và Eva, mặc dù bị tước đi ân sủng, vẫn có thể nói và hiểu ngôn ngữ của các thiên thần. Nhưng khi con người trong sự ngạo mạn của mình quyết định xây dựng một con đường lên thiên đàng, Chúa đã làm đảo lộn sự hiểu biết của họ. Ngài chia rẽ và gây hoang mang cho họ, rồi phân tán họ khắp mặt đất.

Điều đã mất ở Babel không chỉ đơn thuần là sự thống nhất của loài người, mà là ngôn ngữ nguyên thủy – một thứ gì đó sơ khai và bẩm sinh, hoàn toàn dễ hiểu và không thiếu sót gì về hình thức hay nội dung. Các học giả Kinh Thánh gọi nó là ngôn ngữ Adam. Một số người cho rằng đó là tiếng Do Thái. Một số khác nghĩ rằng đó là một ngôn ngữ có thật nhưng cổ xưa đã bị thất lạc theo thời gian. Một số người lại cho rằng đó là một ngôn ngữ nhân tạo mới mà chúng ta nên phát minh ra. Một số người nghĩ tiếng Pháp đã đáp ứng được vai trò này; một số khác nghĩ tiếng Anh, một khi nó hoàn tất việc cướp bóc và biến đổi, có thể sẽ làm được.

"Ồ, không, cái này dễ mà," Ramy nói. "Nó là tiếng Syriac."

“Buồn cười lắm, ông Mirza.” Robin không biết Ramy có thực sự đùa hay không, nhưng không ai lên tiếng gì cả. Giáo sư Playfair nói tiếp. “Tuy nhiên, đối với tôi, ngôn ngữ Adam là gì không quan trọng,vì rõ ràng là chúng ta đã mất bất kỳ đường nào đến với nó. Chúng ta sẽ không bao giờ nói được ngôn ngữ thần thánh. Nhưng bằng cách tập hợp tất cả các ngôn ngữ trên thế giới dưới mái nhà này, bằng cách thu thập đầy đủ các cách biểu đạt của con người, hoặc càng gần với nó càng tốt, chúng ta có thể thử. Chúng ta sẽ không bao giờ chạm tới thiên đường từ cõi trần tục này, nhưng sự hỗn loạn của chúng ta không phải là vô hạn. Chúng ta có thể, thông qua việc hoàn thiện nghệ thuật dịch thuật, đạt được những gì nhân loại đã đánh mất ở Babel.’ Giáo sư Playfair thở dài, xúc động trước màn trình diễn của chính mình. Robin nghĩ rằng anh thấy những giọt nước mắt thực sự hình thành ở khóe mắt ông.

“Ma thuật.” Giáo sư Playfair đặt tay lên ngực. “Những gì chúng ta đang làm là ma thuật. Nó sẽ không luôn mang lại cảm giác đó – thật vậy, khi các trò làm bài tập tối nay, nó sẽ giống như gấp quần áo hơn là đuổi theo những thứ phù du. Nhưng đừng bao giờ quên sự táo bạo của những gì các trò đang cố gắng. Đừng bao giờ quên rằng các trò đang thách thức một lời nguyền của Chúa Trời.”

Robin giơ tay lên. "Vậy ý ông là, mục đích của chúng ta ở đây cũng là để mang nhân loại lại gần nhau hơn phải không?"

Giáo sư Playfair nghiêng đầu. "Ý cô là gì?"

“Tôi chỉ…” Robin ngập ngừng. Nghe thật ngớ ngẩn khi cậu nói ra, như một ý nghĩ trẻ con chứ không phải một câu hỏi học thuật nghiêm túc. Letty và Victoire đang cau mày nhìn cậu; ngay cả Ramy cũng nhăn mũi. Robin thử lại – cậu biết mình muốn hỏi gì, chỉ là không nghĩ ra cách diễn đạt nào cho tao nhã hay tinh tế. “Ờ thì – vì trong Kinh Thánh, Chúa đã chia cắt loài người. Và tôi tự hỏi liệu – liệu mục đích của việc dịch thuật có

phải là để đưa loài người lại gần nhau không. Nếu chúng ta dịch thuật để – tôi không biết nữa, để mang lại thiên đường đó một lần nữa, trên trái đất, giữa các quốc gia."

Giáo sư Playfair trông có vẻ hoang mang trước điều này. Nhưng nét mặt ông nhanh chóng giãn ra thành một nụ cười tươi rói. "Ồ, tất nhiên rồi. Đó chính là dự án của đế chế - và đó là lý do tại sao chúng ta dịch thuật theo ý muốn của Hoàng gia."

Thứ Hai, thứ Năm và thứ Sáu, họ có các buổi hướng dẫn ngôn ngữ, mà sau bài giảng của Giáo sư Playfair, cảm giác như một nền tảng vững chắc, đáng an ủi.

Họ bắt buộc phải học chung tiếng Latin ba buổi một tuần, bất kể chuyên ngành khu vực. (Ở giai đoạn này, ai không chuyên về Cổ điển học có thể bỏ tiếng Hy Lạp.) Giảng dạy tiếng Latin là một phụ nữ tên là Giáo sư Margaret Craft, bà hoàn toàn khác với Giáo sư Playfair. Bà hiếm khi cười. Bà giảng bài đều đều, không chút cảm xúc và theo lối học vẹt, chưa từng liếc nhìn vào ghi chú của mình dù chỉ một lần, mặc dù bà vẫn lật giở chúng trong khi nói, như thể bà đã thuộc lòng vị trí trên trang giấy từ lâu. Bà không hỏi tên họ - bà chỉtừng chỉ vào họ bằng một ngón tay chĩa thẳng và một tiếng "Mày" lạnh lùng, cộc cằn. Thoạt đầu, bà có vẻ hoàn toàn không có khiếu hài hước, nhưng khi Ramy đọc to một trong những câu nói khô khan của Ovid –*fugiebat enim*, 'vì nàng đang chạy trốn', sau khi Jove cầu xin Io đừng chạy – nàng bật ra một tràng cười con gái làm nàng trông trẻ ra hai mươi tuổi; thật vậy, như một nữ sinh có thể đã ngồi giữa họ. Rồi khoảnh khắc ấy qua đi, và chiếc mặt nạ của nàng lại trở về vị trí cũ.

Robin không ưa bà ta. Giọng giảng bài của bà có một nhịp điệu kỳ quặc, gượng gạo với những khoảng dừng đột ngột khiến người nghe khó lòng theo kịp mạch lập luận, và hai tiếng đồng hồ trong lớp học của bà cứ như dài lê thê vô tận. Thế nhưng Letty thì có vẻ mê mẩn. Cô nhìn Giáo sư Craft với ánh mắt ngưỡng mộ lấp lánh. Khi cả lớp lục tục ra về, Robin nán lại ở cửa

đợi Letty thu dọn đồ đạc để cùng nhau đi đến quán Buttery. Nhưng Letty lại tiến đến bàn của Giáo sư Craft.

Thưa giáo sư, em muốn hỏi liệu em có thể nói chuyện với thầy một lát được không ạ—

Giáo sư Craft đứng dậy. "Tan học rồi, cô Price."

Tôi biết, nhưng tôi muốn hỏi cô một chút – nếu cô có thời gian rảnh – ý tôi là, với tư cách là một phụ nữ ở Oxford, ý tôi là, chúng ta không có nhiều, và tôi hy vọng được nghe lời khuyên của cô—

Lúc đó Robin cảm thấy mình nên ngừng nghe lén, xuất phát từ một ý niệm mơ hồ về phép lịch sự tối thiểu, nhưng giọng nói lạnh lùng của Giáo sư Craft đã vang lên cắt ngang không khí trước khi cậu kịp đến cầu thang.

Babel đâu có phân biệt đối xử với phụ nữ. Chỉ là số ít người trong giới chúng tôi quan tâm đến ngôn ngữ thôi.

‘Nhưng cô là giáo sư nữ duy nhất ở Babel, và tất cả chúng tôi – tức là, tất cả các cô gái ở đây và tôi – chúng tôi đều nghĩ điều đó thật đáng ngưỡng mộ, nên tôi muốn—’

"Để biết cách làm được ư? Chăm chỉ và tài năng thiên bẩm. Cậu biết rồi đấy."

“Nhưng với phụ nữ thì khác, và chắc hẳn cô cũng đã trải qua—”

Khi nào có chủ đề thích hợp để thảo luận, em sẽ nêu ra trong lớp, cô Price ạ. Nhưng giờ học đã kết thúc rồi. Và cô đang làm mất thời gian của em.

Robin vội vã quẹo quanh góc nhà và chạy xuống những bậc thang quanh co trước khi Letty kịp thấy anh. Khi cô ngồi xuống với đĩa thức ăn trong phòng ăn, anh thấy khóe mắt cô hơi ửng

đỏ. Nhưng anh giả vờ như không để ý, và nếu Ramy hay Victoire có thấy, họ cũng chẳng nói gì.

Chiều thứ Tư, Robin có buổi học kèm tiếng Trung. Cậu đã nghĩ rằng mình sẽ gặp Giáo sư Lovell trong lớp, nhưng giáo viên hướng dẫn lại là Giáo sư Anand Chakravarti, một người đàn ông dễ mến và khiêm tốn, nói tiếng Anh với giọng London chuẩn đến nỗi cứ như ông lớn lên ở Kensington vậy.

Tiếng Trung là một bài tập hoàn toàn khác so với tiếng Latinh. Giáo sư Chakravarti không giảng bài cho Robin hay bắt cậu đọc thuộc lòng. Ông hướng dẫn theo kiểu trò chuyện. Ông đặt câu hỏi, Robin cố gắng hết sức để trả lời, và cả hai cùng cố gắng hiểu những gì cậu đã nói.

Giáo sư Chakravarti bắt đầu với những câu hỏi cơ bản đến mức lúc đầu Robin không hiểu tại sao chúng lại đáng để trả lời, cho đến khi ông phân tích ý nghĩa của chúng và Robin nhận ra chúng vượt xa tầm hiểu biết của mình. Từ là gì? Đơn vị nhỏ nhất của ý nghĩa là gì, và tại sao nó lại khác với một từ? Một từ có khác với một ký tự không? Tiếng Trung nói khác với chữ viết tiếng Trung như thế nào?

Phân tích và bóc tách một ngôn ngữ mà anh tưởng mình đã biết rõ như lòng bàn tay quả là một bài tập kỳ lạ, học cách phân loại từ theo dạng chữ biểu ý hay biểu hình, và ghi nhớ toàn bộ một kho từ vựng mới, hầu hết liên quan đến hình thái học hoặc chính tả. Nó giống như đào sâu vào các khe nứt trong tâm trí của chính mình, bóc tách mọi thứ ra để xem chúng hoạt động như thế nào, và điều đó vừa kích thích vừa khiến anh cảm thấy bất an.

Rồi đến những câu hỏi hóc búa hơn. Những chữ Hán nào có thể truy ngược lại nguồn gốc hình ảnh dễ nhận biết? Những chữ nào thì không? Tại sao chữ "nữ" –Nữ– cũng là bộ thủ dùng trong chữ “nô lệ” phải không? Trong chữ “tốt” nữa?

“Tôi không biết,” Robin thừa nhận. “Tại sao lại thế? Chẳng lẽ cả nô lệ và lòng tốt đều là bản chất của nữ giới sao?”

Giáo sư Chakravarti nhún vai. “Tôi cũng không biết. Đây là những câu hỏi mà tôi và Richard vẫn đang cố gắng tìm lời giải đáp. Chúng ta còn lâu mới có được một bản hiệu đính thỏa đáng cho cuốn Grammatica tiếng Trung, cô thấy đấy. Khi tôi học tiếng Trung, tôi không có tài liệu Trung-Anh nào tốt cả – tôi phải dùng tạm cuốn của Abel-Rémusat*Elémens de la grammaire chinoise*và của Fourmont*Grammatica Sinica*Cậu có thể tưởng tượng được không? Tớ vẫn cứ thấy tiếng Trung với tiếng Pháp là đau đầu. Nhưng mà hôm nay hình như cũng có tiến bộ đấy chứ.

Rồi Robin nhận ra vị trí của mình ở đây là gì. Anh không chỉ đơn thuần là một học viên mà là một đồng nghiệp, một người bản ngữ hiếm hoi có khả năng mở rộnggiới hạn của kiến thức ít ỏi hiện có của Babel.*Or a silver mine to be plundered*, giọng Griffin vang lên, dù anh cố xua đuổi ý nghĩ đó.

Sự thật là, việc đóng góp cho Grammaticas khiến anh cảm thấy hào hứng. Nhưng anh vẫn còn nhiều điều phải học. Nửa sau của buổi hướng dẫn được dành cho việc đọc tiếng Hán cổ, thứ mà Robin đã từng học đòi ở nhà Giáo sư Lovell nhưng chưa bao giờ tiếp cận một cách có hệ thống. Tiếng Hán cổ so với tiếng Quan Thoại hiện đại cũng giống như tiếng Latinh so với tiếng Anh; người ta có thể đoán được ý chính của một cụm từ, nhưng các quy tắc ngữ pháp lại không hề trực quan và không thể nắm bắt được nếu không chăm chỉ luyện đọc. Dấu câu chỉ là trò chơi may rủi. Danh từ có thể biến thành động từ tùy thích. Thông thường, các chữ Hán có nhiều nghĩa khác nhau và mâu thuẫn, nghĩa nào cũng có thể tạo ra cách hiểu hợp lệ – chữĐức, chẳng hạn, có thể vừa mang nghĩa "hạn chế" vừa có nghĩa "lớn, đáng kể".

Chiều hôm đó họ bắt tay vào việc*Shijing*– Kinh Thi – được viết trong một bối cảnh ngôn ngữ khác biệt đến nỗi so với Trung

Quốc đương thời, ngay cả những độc giả thời Hán cũng đã coi nó như được viết bằng một ngoại ngữ.

"Tôi đề nghị chúng ta nghỉ tại đây," Giáo sư Chakravarti nói sau hai mươi phút tranh luận về nhân vật đó.Khôngđiều mà trong hầu hết ngữ cảnh đều mang nghĩa phủ định là “không, chẳng”, nhưng trong ngữ cảnh được đưa ra lại dường như là một từ tán dương, điều này chẳng ăn nhập gì với những gì họ biết về từ đó. “Tôi nghĩ chúng ta sẽ phải để câu hỏi này bỏ ngỏ.”

“Nhưng cháu không hiểu,” Robin nói, giọng bực bội. “Sao chúng ta lại không biết được chứ? Chúng ta có thể hỏi ai đó về chuyện này mà? Hay là mình đi Bắc Kinh tìm hiểu?”

“Chúng ta có thể,” Giáo sư Chakravarti nói. “Nhưng mọi việc sẽ hơi khó khăn khi Hoàng đế nhà Thanh đã ra sắc lệnh trừng phạt tử hình đối với việc dạy tiếng Trung cho người nước ngoài, cậu hiểu chứ.” Ông vỗ vai Robin. “Chúng ta tận dụng những gì mình có. Cậu là lựa chọn tốt nhất tiếp theo.”

“Không có ai khác ở đây nói tiếng Trung sao?” Robin hỏi. “Tôi là học sinh duy nhất à?”

Một vẻ mặt kỳ lạ thoáng hiện trên khuôn mặt Giáo sư Chakravarti. Robin đáng lẽ không được biết về Griffin, ông nhận ra. Có lẽ Giáo sư Lovell đã bắt các giảng viên còn lại phải giữ bí mật; có lẽ, theo hồ sơ chính thức, Griffin không hề tồn tại.

Vẫn vậy, anh không nhịn được mà phải hỏi. "Tôi nghe nói có một học sinh khác, trước tôi vài năm. Cũng đến từ vùng biển."

“Ồ – vâng, tôi cho là có đấy.” Những ngón tay của Giáo sư Chakravartigõ ngón tay lên bàn lo lắng. "Một cậu bé tốt, dù không siêng năng bằng em. Griffin Harley."

‘*Was?*Chuyện gì đã xảy ra với anh ấy?

“Thật ra thì… đó là một câu chuyện buồn. Cậu ấy đã mất. Ngay trước năm thứ tư.” Giáo sư Chakravarti gãi thái dương. “Cậu ấy bị ốm trong một chuyến đi nghiên cứu ở nước ngoài và không qua khỏi. Chuyện này xảy ra thường xuyên.”

Thật sao?

"Vâng, luôn luôn có một chút... ờ... rủi ro, đi kèm với nghề nghiệp này. Phải đi lại nhiều quá mà, anh biết đấy. Cứ phải lường trước việc hao hụt thôi."

“Nhưng cháu vẫn không hiểu,” Robin nói. “Chắc chắn phải có rất nhiều sinh viên Trung Quốc muốn được học ở Anh chứ.”

Ngón tay Giáo sư Chakravarti gõ nhanh hơn trên mặt gỗ. "Ừ thì, đúng vậy. Nhưng trước hết là vấn đề lòng trung thành với quốc gia. Tuyển dụng những học giả có thể chạy về với chính phủ nhà Thanh bất cứ lúc nào thì chẳng ích gì, anh biết đấy. Thứ hai, Richard cho rằng... ừm. Cần phải có một sự giáo dục nhất định."

"Giống của tôi không?"

‘Giống như em vậy. Nếu không thì, Richard nghĩ…’ Giáo sư Chakravarti đang dùng kiểu câu này khá nhiều, Robin để ý, ‘rằng người Trung Quốc có xu hướng thiên về một số khuynh hướng tự nhiên nhất định. Nói cách khác, ông ấy không nghĩ sinh viên Trung Quốc sẽ thích nghi tốt ở đây.’

*Lowly, uncivilized stock*Tôi hiểu rồi.

“Nhưng cháu thì khác,” Giáo sư Chakravarti nói nhanh. “Cháu được nuôi dạy đàng hoàng tử tế, đủ cả. Chăm chỉ tuyệt vời, ta không nghĩ đó sẽ là vấn đề.”

“Vâng.” Robin nuốt khan. Cổ họng cậu nghẹn lại. “Cháu rất may mắn.”

Vào thứ Bảy thứ hai sau khi đến Oxford, Robin đi về phía bắc để ăn tối với người giám hộ của mình.

Nhà riêng của Giáo sư Lovell ở Oxford chỉ khiêm tốn hơn một chút so với điền trang Hampstead của ông. Nó nhỏ hơn một tẹo, và chỉ có một khu vườn trước và sau thay vì một bãi cỏ xanh rộng lớn, nhưng nó vẫn vượt quá khả năng chi trả của một người có mức lương giáo sư. Những cây anh đào đỏ mọng xếp hàng dọc theo hàng rào cạnh cửa trước, mặc dù anh đào khó có thể còn vào mùa khi sang thu. Robin nghi ngờ rằng nếu anh cúi xuống kiểm tra đám cỏ dưới gốc cây, anh sẽ tìm thấy những thỏi bạc trong đất.

“Cháu yêu quý!” Bà Piper nhào ra đón cậu ngay khi tiếng chuông vừa dứt.Phủi mấy chiếc lá khỏi áo khoác cậu rồi xoay cậu vài vòng để nhìn kỹ thân hình gầy guộc. “Trời ơi, con gầy thế này rồi cơ à—”

“Đồ ăn kinh khủng”, anh nói. Một nụ cười toe toét nở trên khuôn mặt anh; anh đã không nhận ra mình nhớ cô biết bao. “Giống hệt như em nói. Bữa tối hôm qua là cá trích muối—”

Cô thở hổn hển. "Không."

—thịt bò lạnh—

‘*No!*’

—và bánh mì cũ.

“Vô nhân đạo quá. Đừng lo, mẹ nấu đủ bù rồi.” Bà vỗ nhẹ lên má cậu. “Ngoài ra thì cuộc sống đại học thế nào? Con thấy mặc mấy cái áo choàng đen dài thượt đó ra sao? Có kết bạn được với ai chưa?”

Robin định trả lời thì giáo sư Lovell bước xuống cầu thang.

“Chào Robin,” anh ta nói. “Vào đi. Bà Piper, áo khoác của cậu ấy —” Robin nhún vai cởi áo khoác đưa cho bà Piper, người đang xem xét mấy vết mực ở cổ tay áo với vẻ không hài lòng. “Học kỳ này thế nào rồi?”

“Khó khăn thật, đúng như anh cảnh báo.” Robin cảm thấy mình già dặn hơn khi nói, giọng trầm xuống. Cậu rời nhà mới một tuần, vậy mà cảm giác như đã trải qua hàng năm trời, và giờ có thể tự nhận mình là một chàng trai chứ không phải một cậu nhóc nữa. “Nhưng khó khăn theo một cách thú vị. Tôi học được khá nhiều.”

Giáo sư Chakravarti nói anh đã có những đóng góp tốt cho Grammatica.

“Không nhiều như tôi muốn,” Robin nói. “Có những trợ từ trong tiếng Hán cổ mà tôi thực sự không biết phải làm gì với chúng. Phân nửa thời gian, bản dịch của chúng tôi cứ như là đoán mò.”

“Tôi đã cảm thấy như vậy hàng thập kỷ rồi.” Giáo sư Lovell ra hiệu về phía phòng ăn. “Chúng ta vào chứ?”

Cứ như thể họ đang ở Hampstead vậy. Chiếc bàn dài được sắp xếp y hệt như Robin vẫn quen, với anh và Giáo sư Lovell ngồi ở hai đầu bàn, một bức tranh treo bên phải Robin, lần này vẽ sông Thames chứ không phải phố Broad ở Oxford. Bà Piper rót rượu cho họ, rồi nháy mắt với Robin một cái và biến mất vào bếp.

Giáo sư Lovell nâng ly về phía anh rồi uống. "Cậu học lý thuyết với Jerome và tiếng Latin với Margaret, đúng không?"

"Phải. Khá là tốt đấy." Robin nhấp một ngụm rượu. "Mặc dù Giáo sư Craft giảng bài cứ như thể bà ấy sẽ không nhận ra nếu bà ấy đang nói chuyện vớiCăn phòng trống trơn, và dường như Giáo sư Playfair đã bỏ lỡ thiên hướng sân khấu của mình.

Giáo sư Lovell cười khúc khích. Robin cũng mỉm cười, mặc dù không cố ý; cậu chưa bao giờ làm cho người giám hộ của mình cười được như vậy trước đây.

"Ông ta có thuyết trình về Psammetichus cho cậu nghe chưa?"

“Ông ấy đã làm vậy,” Robin nói. “Tất cả những chuyện đó thật sự đã xảy ra sao?”

“Ai mà biết được, trừ phi Herodotus kể lại,” Giáo sư Lovell nói. “Còn một câu chuyện hay nữa về Psammetichus, cũng do Herodotus kể. Psammetichus muốn xác định ngôn ngữ nào là nền tảng của mọi ngôn ngữ trên trái đất, nên ông giao hai đứa trẻ sơ sinh cho một người chăn cừu với lời dặn là không cho chúng nghe bất kỳ tiếng người nào. Trong một thời gian, chúng chỉ bập bẹ như những đứa trẻ khác. Rồi một ngày, một trong hai đứa trẻ chìa tay nhỏ bé về phía người chăn cừu và kêu lên*bekos*, mà lại là từ tiếng Phrygia để chỉ bánh mì. Và thế là Psammetichus quyết định rằng người Phrygia hẳn là chủng tộc đầu tiên trên trái đất, và tiếng Phrygia là ngôn ngữ đầu tiên. Một câu chuyện hay ho phải không?

“Tôi đoán là chẳng ai chấp nhận lập luận đó đâu,” Robin nói.

Trời ơi, không.

“Nhưng liệu cách đó có thực sự hiệu quả không?” Robin hỏi. “Liệu chúng ta có thực sự học được gì từ những gì trẻ sơ sinh nói không?”

“Tôi không biết,” Giáo sư Lovell nói. “Vấn đề là không thể tách trẻ sơ sinh ra khỏi môi trường có ngôn ngữ nếu muốn chúng phát triển bình thường. Mua một đứa trẻ về rồi thử nghiệm thì có thể thú vị đấy – nhưng mà, thôi. Không được.” Giáo sư Lovell nghiêng đầu. “Tuy nhiên, nghĩ về khả năng tồn tại một ngôn ngữ nguyên thủy cũng vui đấy chứ.”

“Giáo sư Playfair cũng từng nhắc đến điều tương tự,” Robin nói. “Về một ngôn ngữ hoàn hảo, bẩm sinh, thuần khiết. Ngôn ngữ Adam.”

Anh cảm thấy tự tin hơn khi nói chuyện với giáo sư bây giờ sau khi đã dành thời gian ở Babel. Họ có vị thế ngang hàng hơn; họ có thể giao tiếp như đồng nghiệp. Bữa tối không còn giống một cuộc thẩm vấn nữa mà giống một cuộc trò chuyện thân mật giữa hai học giả trong cùng một lĩnh vực hấp dẫn.

“Ngôn ngữ Adam.” Giáo sư Lovell nhăn mặt. “Tôi không hiểu tại sao ông ta lại nhồi nhét mấy thứ đó vào đầu các cậu. Nó là một phép ẩn dụ hay, chắc chắn rồi, nhưng cứ vài năm chúng ta lại có một sinh viên đại học quyết tâm khám phá ngôn ngữ Adam trong hệ Ấn-Âu nguyên thủy, hoặc tự mình sáng tạo ra nó, và luôn luôn phải cần một cuộc nói chuyện nghiêm khắc hoặc vài tuần thất bại để cậu ta tỉnh ngộ.”

“Cậu không nghĩ là có một ngôn ngữ gốc à?” Robin hỏi.

‘Dĩ nhiên là tôi không nghĩ vậy. Những tín đồ Cơ đốc sùng đạo nhất thì cho là đúng, nhưng nếu Lời Thánh vốn đã rõ ràng và dễ hiểu như vậy, thì hẳn sẽ ít tranh cãi về nội dung của nó hơn.’ Anh ta lắc đầu. ‘Có những người cho rằng tiếng Adam có thể là tiếng Anh – có thể’*become*Đơn thuần chỉ vì tiếng Anh sở hữu đủ sức mạnh quân sự và quyền lực phía sau để có thể đẩy lùi các đối thủ cạnh tranh một cách đáng tin cậy, nhưng chúng ta cũng phải nhớ rằng chỉ mới một thế kỷ trước Voltaire đã tuyên bố tiếng Pháp là ngôn ngữ toàn cầu. Tất nhiên, đó là trước trận Waterloo. Webb và Leibniz đã từng suy đoán rằng tiếng Trung có thể, trên thực tế, đã từng được hiểu phổ biến do tính chất biểu ý của nó, nhưng Percy bác bỏ điều này bằng cách lập luận rằng tiếng Trung là một ngôn ngữ bắt nguồn từ chữ tượng hình Ai Cập. Ý tôi là, những điều này đều là ngẫu nhiên. Các ngôn ngữ thống trị có thể giữ được một chút sức ảnh hưởng ngay cả sau khi quân đội của họ suy tàn – ví dụ như tiếng Bồ Đào Nha, đã

tồn tại lâu hơn nhiều so với mong đợi – nhưng cuối cùng chúng luôn mất dần sự liên quan. Nhưng tôi thực sự nghĩ rằng có một cõi thuần túy của ý nghĩa – một ngôn ngữ trung gian, nơi tất cả các khái niệm được thể hiện một cách hoàn hảo, mà chúng ta chưa thể đạt tới được. Có một cảm giác, một cảm nhận khi chúng ta hiểu đúng.

"Giống như Voltaire," Robin nói, được rượu tiếp thêm can đảm và khá phấn khích vì anh nhớ được câu trích dẫn thích hợp. "Giống như những gì ông ấy viết trong lời tựa bản dịch Shakespeare của mình.*I have tried to soar with the author where he soars*.

"Hoàn toàn chính xác," Giáo sư Lovell nói. "Nhưng Frere diễn đạt thế nào nhỉ?*The language of translation ought, we think, as far as possible, to be a pure, impalpable, and invisible element, the medium of thought and feeling, and nothing more*Nhưng ta biết gì về tư tưởng và cảm xúc ngoại trừ khi chúng được biểu đạt qua ngôn ngữ?

"Đó là thứ cung cấp năng lượng cho các thanh bạc sao?" Robin hỏi. Cuộc trò chuyện này đang bắt đầu vượt quá tầm hiểu biết của anh; anh cảm nhận được độ sâu trong lý thuyết của Giáo sư Lovell mà anh chưa sẵn sàng để theo đuổi, và anh cần phải đưa mọi thứ trở lại vấn đề vật chất trước khi anh bị lạc lối. "Chúng hoạt động bằng cách nắm bắt ý nghĩa thuần túy đó – bất cứ thứ gì bị mất đi khi chúng ta gợi lên nó thông qua những phép xấp xỉ thô sơ?"

Giáo sư Lovell gật đầu. "Đó là lời giải thích mang tính lý thuyết nhất mà chúng ta có thể đạt được. Nhưng tôi cũng nghĩ rằng khi ngôn ngữ phát triển, khi người nói trở nên am hiểu và tinh tế hơn, khi họ tiếp thu các khái niệm khác, mở rộng và biến đổi để bao hàm nhiều hơn theo thời gian – chúng tatiếp cận gần với ngôn ngữ đó. Sẽ ít chỗ hơn cho sự hiểu lầm. Và chúng ta mới chỉ

bắt đầu tìm hiểu xem điều đó có ý nghĩa gì đối với nghề kim hoàn.

“Chắc là thế nghĩa là bọn Lãng mạn cuối cùng cũng sẽ hết chuyện để nói,” Robin nói.

Ông ấy chỉ nói đùa thôi, nhưng Giáo sư Lovell gật đầu lia lịa. “Cậu nói rất đúng. Tiếng Pháp, tiếng Ý và tiếng Tây Ban Nha chiếm ưu thế trong khoa, nhưng những đóng góp mới của chúng cho sổ cái chế tác bạc đang giảm dần qua từng năm. Đơn giản là có quá nhiều giao tiếp trên khắp lục địa. Quá nhiều từ mượn. Nghĩa rộng và nghĩa hẹp thay đổi và hội tụ khi tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha ngày càng gần với tiếng Anh, và ngược lại. Vài thập kỷ nữa, những thỏi bạc ngôn ngữ Roman mà chúng ta sử dụng có thể sẽ không còn tác dụng nữa. Không, nếu chúng ta muốn đổi mới, thì chúng ta phải hướng về phương Đông. Chúng ta cần những ngôn ngữ không được sử dụng ở Châu Âu.”

"Thế nên cậu mới chuyên về tiếng Trung chứ gì," Robin nói.

“Chính xác.” Giáo sư Lovell gật đầu. “Trung Quốc, tôi khá chắc chắn, là tương lai.”

"Và đó là lý do tại sao thầy và Giáo sư Chakravarti đã cố gắng đa dạng hóa các nhóm nghiên cứu?"

“Ai đã buôn chuyện với cậu về chính trị nội bộ khoa vậy?” Giáo sư Lovell cười khúc khích. “Ừ, năm nay có chút xôn xao vì chúng tôi chỉ nhận một người theo ngành Cổ điển, lại còn là phụ nữ nữa chứ. Nhưng phải như vậy thôi. Khóa trên của các cậu sẽ khó khăn lắm đấy khi tìm việc.”

“Nếu chúng ta đang nói về sự lan truyền của ngôn ngữ, tôi muốn hỏi…” Robin hắng giọng. “Tất cả mấy thanh kẹo đó đi đâu? Ý tôi là, ai mua chúng?”

Giáo sư Lovell nhìn anh ta với vẻ tò mò. "Dĩ nhiên, với những người có đủ khả năng chi trả."

“Nhưng nước Anh là nơi duy nhất tôi từng thấy người ta sử dụng thỏi bạc rộng rãi,” Robin nói. “Chúng chẳng phổ biến ở Quảng Châu, hay, tôi nghe nói, ở Calcutta. Và tôi chợt nghĩ – tôi không biết nữa, có vẻ hơi kỳ lạ khi chỉ có người Anh mới được sử dụng chúng trong khi người Trung Quốc và người Ấn Độ mới là những người đóng góp các thành phần thiết yếu cho sự vận hành của chúng.”

“Nhưng đó chỉ là kinh tế cơ bản thôi,” Giáo sư Lovell nói. “Cần rất nhiều tiền mặt để mua những gì chúng tôi tạo ra. Người Anh tình cờ có đủ khả năng chi trả. Chúng tôi cũng có giao dịch với các thương gia Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng họ thường ít có khả năng chi trả phí xuất khẩu hơn.”

Nhưng chúng tôi có những thỏi bạc trong các tổ chức từ thiện, bệnh viện và trại trẻ mồ côi“Đây này,” Robin nói. “Chúng ta có những chương trình hỗ trợ những người thực sự cần chúng. Chẳng nơi nào trên thế giới có được điều này cả.”

Anh biết mình đang chơi một trò chơi nguy hiểm. Nhưng anh phải tìm cho ra lẽ. Anh không thể mặc định Giáo sư Lovell và các đồng nghiệp của ông là kẻ thù trong tâm trí mình, không thể hoàn toàn tin vào những đánh giá tiêu cực của Griffin về Babel nếu không có bằng chứng xác thực.

"Hừ, chúng ta không thể phí phạm năng lượng nghiên cứu mấy ứng dụng phù phiếm," Giáo sư Lovell chế nhạo.

Robin thử một hướng lập luận khác. "Chỉ là - ừm, có vẻ như cần phải có một sự trao đổi nào đó thì mới công bằng." Anh ta đang hối hận vì đã uống quá nhiều. Anh ta cảm thấy mất kiểm soát, dễ bị tổn thương. Quá say sưa cho một cuộc thảo luận mang tính trí tuệ. "Chúng ta tiếp nhận ngôn ngữ của họ, cách họ nhìn nhận và mô tả thế giới. Chúng ta nên đáp lại họ điều gì đó."

“Nhưng ngôn ngữ,” Giáo sư Lovell nói, “không giống như một món hàng hóa, như trà hay lụa, để mua bán trao đổi. Ngôn ngữ là một nguồn tài nguyên vô tận. Và nếu chúng ta học nó, nếu chúng ta sử dụng nó – chúng ta đang ăn cắp của ai?”

Điều này nghe có vẻ hợp lý, nhưng kết luận vẫn khiến Robin cảm thấy bất an. Chắc chắn mọi chuyện không đơn giản như vậy; chắc chắn vẫn còn che giấu sự ép buộc hoặc bóc lột bất công nào đó. Nhưng anh không thể đưa ra lời phản đối, không thể tìm ra điểm sai sót trong lập luận đó.

“Hoàng đế nhà Thanh sở hữu một trong những kho bạc lớn nhất thế giới,” Giáo sư Lovell nói. “Ông ta có rất nhiều học giả. Thậm chí còn có cả những nhà ngôn ngữ học hiểu tiếng Anh. Vậy tại sao ông ta không chất đầy bạc trong triều đình của mình? Tại sao người Trung Quốc, dù ngôn ngữ của họ rất phong phú, lại không có ngữ pháp riêng?”

“Có thể họ không có đủ nguồn lực để bắt đầu,” Robin nói.

"Vậy thì tại sao chúng ta phải dâng cho chúng chứ?"

Nhưng vấn đề không phải ở đó – vấn đề là họ cần nó, vậy tại sao Babel không cử học giả ra nước ngoài theo các chương trình trao đổi? Tại sao chúng ta không dạy họ cách làm?

Có thể tất cả các quốc gia đều tích trữ những tài nguyên quý giá nhất của họ.

“Hay là cậu đang tích trữ kiến thức lẽ ra phải được chia sẻ tự do,” Robin nói. “Vì nếu ngôn ngữ là tự do, nếu kiến thức là tự do, thì tại sao tất cả các cuốn Ngữ Pháp lại bị khóa chặt trong tháp? Tại sao chúng ta không bao giờ tiếp đón các học giả nước ngoài, hoặc cử học giả đi giúp mở các trung tâm dịch thuật ở những nơi khác trên thế giới?”

Bởi vì, với tư cách là Viện Dịch thuật Hoàng gia, chúng tôi phục vụ lợi ích của Hoàng gia.

Điều đó có vẻ bất công về căn bản.

“Đó là điều cậu tin sao?” Giọng Giáo sư Lovell lạnh dần. “Robin Swift, cậu nghĩ những gì chúng ta làm ở đây là hoàn toàn bất công à?”

“Con chỉ muốn biết,” Robin nói, “tại sao bạc không thể cứu mẹ con.”

Im lặng trong giây lát.

“Tôi rất tiếc về chuyện mẹ anh.” Giáo sư Lovell cầm dao lên và bắt đầu cắt miếng bít tết. Ông có vẻ bối rối, lúng túng. “Nhưng dịch tả châu Á là hậu quả của điều kiện vệ sinh công cộng kém ở Quảng Châu, chứ không phải do sự phân bố không đồng đều của các quán bar. Và dù sao thì, chẳng có cặp diêm bạc nào có thể đưa người chết trở về—”

"Cái cớ vớ vẩn gì thế?" Robin đặt cốc xuống. Anh ta đã say bí tỉ, và điều đó khiến anh ta trở nên hiếu chiến. "Mày..."*had*Những thanh kẹo đó – chúng dễ làm mà, chính anh đã nói với em như vậy – vậy nên*why*—’

“Vì Chúa!”, Giáo sư Lovell gắt lên. “Cô ấy cũng chỉ là một người phụ nữ thôi.”

Chuông cửa reo. Robin giật mình; cái nĩa va vào đĩa rồi rơi xuống sàn. Anh nhặt nó lên, mặt đỏ bừng vì xấu hổ. Giọng bà Piper vọng lại từ hành lang. "Ồ, thật bất ngờ! Họ đang ăn tối, tôi sẽ đưa anh vào—" và rồi một người đàn ông tóc vàng, đẹp trai, ăn mặc lịch lãm sải bước vào phòng ăn, tay cầm một chồng sách.

‘Sterling!’ Giáo sư Lovell đặt dao xuống và đứng dậy chào người lạ. ‘Tôi cứ tưởng cậu đến muộn chứ.’

"Xong việc ở Luân Đôn sớm hơn dự kiến—" Ánh mắt Sterling chạm phải ánh mắt Robin, và toàn thân anh cứng đờ. "Ồ, chào."

“Chào anh,” Robin nói, hơi lúng túng và ngại ngùng. Anh nhận ra đây chính là Sterling Jones nổi tiếng, cháu trai của William Jones, ngôi sao của khoa. “Rất… hân hạnh được gặp anh.”

Sterling không nói gì, chỉ nhìn anh ta một lúc lâu. Miệng anh ta méo xệch một cách kỳ lạ, dù Robin không thể hiểu được biểu cảm kèm theo đó. "Chà."

Giáo sư Lovell hắng giọng. "Sterling."

Ánh mắt Sterling nấn ná trên gương mặt Robin một lúc, rồi anh ta ngoảnh đi.

“Cũng chào mừng cậu.” Anh ta nói như thể mới sực nhớ ra; anh ta đã quay lưng lại với Robin, và những lời nói nghe gượng gạo và khó xử. Anh ta đặt những cuốn sách lên bàn. “Cậu nói đúng, Dick, chính xác là những cuốn từ điển Ricci mới là chìa khóa. Chúng ta đã bỏ sót những gì xảy ra khi ta xem xét qua tiếng Bồ Đào Nha.*That*, tôi có thể giúp. Bây giờ tôi nghĩ nếu chúng ta liên kết các ký tự tôi đã đánh dấu ở đây, và ở đây—

Giáo sư Lovell lật giở từng trang. “Cái này bị ẩm rồi. Tôi mong là cô chưa trả anh ta hết tiền—”

Tôi đã trả tiền*nothing*Dick, anh nghĩ tôi là đồ ngốc sao?

Chà, sau Macao—

Họ rơi vào một cuộc tranh luận nảy lửa. Robin hoàn toàn bị lãng quên.

Anh nhìn theo, cảm thấy chếnh choáng và lạc lõng. Hai má anh nóng bừng. Anh chưa ăn xong, nhưng dường như việc tiếp tục ăn lúc này thật kỳ cục. Hơn nữa anh cũng chẳng còn chút ngon

miệng nào. Sự tự tin ban đầu đã biến mất. Anh lại cảm thấy mình như một thằng bé ngốc nghếch, bị những vị khách giống loài quạ trong phòng khách của Giáo sư Lovell cười cợt và đuổi khéo.

Và hắn ngạc nhiên trước sự mâu thuẫn trong lòng mình: hắn khinh bỉ bọn chúng, hắn biết bọn chúng chẳng làm điều gì tốt đẹp, vậy mà hắn vẫn muốn được bọn chúng nể trọng đến mức cho hắn gia nhập vào hàng ngũ của chúng. Thật là một mớ cảm xúc hỗn độn kỳ lạ. Hắn chẳng biết phải gỡ rối chúng ra sao.

But we haven't finished, cậu muốn nói với bố.*We were discussing my mother*.

Ngực anh thắt lại, như thể trái tim là một con thú bị nhốt đang giãy giụa tìm đường thoát ra. Kỳ lạ thật. Lần bị gạt bỏ này đâu có gì khác những lần trước. Giáo sư Lovell chưa bao giờ thừa nhận cảm xúc của Robin, cũng chẳng hề quan tâm hay an ủi, mà chỉ đột ngột đổi chủ đề, dựng lên một bức tường lạnh lùng, thờ ơ, xem nhẹ nỗi đau của Robin đến mức nói ra cũng thấy tủn mủn. Robin giờ đã quen với điều đó rồi.

Chỉ đến bây giờ - có lẽ vì rượu, hoặc có lẽ tất cả đã chất chứa quá lâu đến mức mọi thứ đã vượt quá giới hạn chịu đựng - anh mới cảm thấy muốn gào lên. Khóc. Đá vào tường. Bất cứ điều gì, miễn là để bắt cha mình nhìn thẳng vào mặt anh.

"Ồ, Robin." Giáo sư Lovell ngước lên. "Nhắn bà Piper pha cho chúng tôi vài cốc cà phê trước khi cậu đi nhé?"

Robin vớ lấy áo khoác rồi rời khỏi phòng.

Anh ta không rẽ từ phố High sang ngõ Magpie.

Thay vào đó, cậu đi xa hơn và lẻn vào khuôn viên trường Merton. Ban đêm, khu vườn trở nên kỳ quái và rờn rợn; những cành cây đen đúa vươn ra như những ngón tay từ phía sau cánh

cổng sắt đã khóa chặt. Robin loay hoay vô ích với ổ khóa, rồi thở hổn hển trèo qua một khe hẹp giữa những thanh nhọn. Cậu đi lang thang vài bước vào trong vườn trước khi nhận ra mình chẳng biết cây bạch dương trông như thế nào.

Anh lùi lại, liếc nhìn xung quanh, cảm thấy mình thật ngớ ngẩn. Rồi một mảng trắng lọt vào mắt anh – một cái cây nhợt nhạt, được bao quanh bởi một cụm dâu tằm, được cắt tỉa cong nhẹ lên trên như thể đang tỏ lòng tôn kính. Một cục u nhô ra khỏi thân cây trắng; dưới ánh trăng, nó trông giống như một cái đầu hói. Một quả cầu pha lê.

Cũng chỉ là đoán mò thôi, Robin nghĩ.

Hắn nghĩ đến người anh trai mình trong chiếc áo choàng đen vỗ cánh như quạ, những ngón tay lướt nhẹ trên lớp gỗ nhợt nhạt này dưới ánh trăng. Griffin đúng là thích làm màu mè.

Anh tự hỏi về cái nóng cuộn trào trong lồng ngực. Cuộc đi bộ dài, tĩnh tâm chẳng hề làm nguôi ngoai cơn giận của anh. Anh vẫn cảm thấy muốn hét lên. Bữa tối với cha anh đã chọc giận anh đến vậy sao? Có phải đây là chính nghĩa mà Griffin đã nói đến? Nhưng những gì anh cảm thấy không đơn giản như ngọn lửa cách mạng. Cái anh cảm thấy trong tim không phải là niềm tin mãnh liệt mà là sự nghi ngờ, oán giận và một nỗi hoang mang sâu sắc.

Hắn căm ghét nơi này. Hắn yêu nơi này. Hắn phẫn uất với cách nó đối xử với hắn. Hắn vẫn muốn là một phần của nó – bởi vì cảm giác được là một phần của nó thật tuyệt vời, được nói chuyện với các giáo sư như một người ngang hàng về trí tuệ, được tham gia vào cuộc chơi vĩ đại.

Một ý nghĩ xấu xa len lỏi vào đầu anh ta –*It's because you're a wounded little boy, and you wish they had paid you more attention* –Nhưng anh gạt bỏ ý nghĩ đó. Chắc chắn anh không thể nhỏ

nhen như vậy; chắc chắn anh không chỉ đang trút giận lên cha mình chỉ vì cảm thấy bị xem thường.

Hắn đã nghe và thấy đủ rồi. Hắn biết nguồn gốc của Babel là gì, và hắn đủ khôn ngoan để tin vào trực giác của mình.

Anh lướt ngón tay trên mặt gỗ. Móng tay không ăn thua. Một con dao thì lý tưởng, nhưng anh chưa bao giờ mang theo. Cuối cùng, anh rút một cây bút máy từ trong túi và ấn đầu bút vào núm gỗ. Gỗ ăn ngòi bút. Anh cào mạnh vài lần để hình chữ thập hiện rõ – ngón tay anh mỏi nhừ, và ngòi bút hỏng hẳn – nhưng cuối cùng anh cũng để lại dấu ấn của mình.

Chapter Seven

Quot linguas quis callet, tot homines valet.

The more languages you speak, the more men you are worth.

CHARLESV

TThứ Hai tuần sau, Robin trở về phòng sau giờ học và thấy một mẩu giấy kẹp dưới bệ cửa sổ. Anh chộp lấy nó. Tim đập thình thịch, anh đóng cửa lại và ngồi xuống sàn, nheo mắt nhìn nét chữ nguệch ngoạc của Griffin.

Tờ giấy ghi bằng tiếng Trung. Robin đọc nó hai lần, rồi đọc ngược, rồi lại đọc xuôi, vẻ mặt hoang mang. Griffin dường như đã xâu chuỗi các ký tự một cách hoàn toàn ngẫu nhiên và các câu chẳng có nghĩa lý gì – không, chúng thậm chí không thể được gọi là câu, vì mặc dù có dấu chấm câu, các ký tự được sắp xếp mà không hề quan tâm đến ngữ pháp hay cú pháp. Chắc chắn đây là một mật mã, nhưng Griffin đã không đưa cho Robin chìa khóa, và Robin không thể nghĩ ra bất kỳ điển tích văn học hay gợi ý tinh tế nào mà Griffin có thể đã đưa ra để giúp anh ta giải mã đoạn vô nghĩa này.

Cuối cùng hắn cũng nhận ra mình đã hoàn toàn sai lầm. Đây không phải tiếng Trung. Griffin chỉ đơn giản là dùng chữ Hán để biểu đạt các từ trong một ngôn ngữ mà Robin nghi ngờ là tiếng Anh. Anh xé một tờ giấy từ cuốn nhật ký của mình, đặt nó cạnh tờ giấy của Griffin, và viết ra cách phát âm Latinh của từng chữ Hán. Một số từ cần phải đoán, vì cách phát âm Latinh của tiếng Trung rất khác với cách viết của tiếng Anh, nhưng cuối cùng, bằng cách tìm ra một số quy luật biến đổi phổ biến –*tè*luôn có nghĩa là "cái"*ü*đã*oo*Robin đã phá được mã.

The next rainy night. Open the door at precisely midnight, wait inside the foyer, then walk back out at five past. Speak to no one. Go straight home after.

Do not deviate from my instructions. Memorize, then burn.

Cộc lốc, thẳng thừng, và thiếu thông tin – y như Griffin. Trời mưa liên miên ở Oxford. Đêm mưa tiếp theo có thể là ngày mai.

Robin đọc đi đọc lại tờ giấy đến khi thuộc lòng từng chi tiết, rồi ném cả bản gốc lẫn bản giải mã vào lò sưởi, nhìn chằm chằm cho đến khi từng mảnh vụn cháy thành tro.

Thứ Tư hôm ấy trời mưa như trút nước. Cả buổi chiều sương mù giăng kín, và Robin nhìn bầu trời xám xịt với nỗi lo lắng ngày càng tăng. Lúc sáu giờ, khi rời văn phòng Giáo sư Chakravarti, một cơn mưa phùn nhẹ đang dần nhuộm xám mặt đường. Đến khi cậu tới Ngõ Chim Chích Chòe, mưa đã nặng hạt hơn, rơi lộp độp không ngớt.

Cậu ta khóa trái cửa phòng, đặt quyển sách Latin phải đọc lên bàn, và cố gắng ít nhất là nhìn chằm chằm vào nó cho đến khi đến giờ.

Mười một giờ rưỡi, cơn mưa đã tuyên bố sự hiện diện dai dẳng của nó. Đó là kiểu mưa nghe lạnh lẽo; ngay cả khi không có gió mạnh, tuyết hay mưa đá, tiếng rơi lộp độp trên đá cuội cũng giống như những viên đá nhỏ đập vào da thịt. Robin giờ mới hiểu lý do đằng sau lời dặn của Griffin – trong một đêm như thế này, bạn không thể nhìn thấy gì quá vài bước chân, và ngay cả khi có thể, bạn cũng chẳng buồn quan tâm. Cơn mưa như vậy khiến bạn phải cúi đầu bước đi, vai co ro, thờ ơ với thế giới cho đến khi tìm được một nơi ấm áp.

Mười lăm phút nữa là nửa đêm, Robin vội khoác áo rồi bước ra hành lang.

Bạn đi đâu đấy?

Anh ta chết lặng. Anh ta cứ tưởng Ramy đang ngủ.

“Quên gì đó ở mấy giá sách rồi,” anh ta thì thầm.

Ramy nghiêng đầu. "Lại nữa à?"

“Chắc là số kiếp của chúng ta rồi,” Robin thì thầm, cố giữ nét mặt vô cảm.

“Mưa như trút nước. Mai hãy đi lấy.” Ramy cau mày. “Cái gì vậy?”

*My readings*Suýt nữa thì Robin đã nói vậy, nhưng điều đó không thể đúng, vì đáng lẽ anh ấy đã làm việc với chúng cả đêm. "À – chỉ là nhật ký của tôi thôi. Tôi sẽ không ngủ được nếu để nó ở lại, tôi lo lắng nếu có ai đó nhìn thấy ghi chú của tôi—"

"Trong đó có gì vậy, thư tình à?"

Không, chỉ là… nó làm tôi thấy lo lắng.

Hoặc hắn ta là một kẻ nói dối xuất chúng, hoặc Ramy quá buồn ngủ để quan tâm. "Nhớ gọi tôi dậy vào ngày mai nhé," anh ta nói, vừa ngáp. "Tôi sẽ phải thức cả đêm với Dryden, và tôi chẳng thích điều đó chút nào."

"Sẽ làm," Robin hứa, rồi vội vàng ra khỏi cửa.

Cơn mưa xối xả khiến quãng đường mười phút lên phố High Street dài như cả thế kỷ. Babel tỏa sáng từ xa như một ngọn nến ấm áp, mỗi tầng vẫn sáng trưng như giữa buổi chiều, mặc dù hầu như không thấy bóng người nào qua cửa sổ. Các học giả của Babel làm việc suốt ngày đêm, nhưng hầu hết đều mang sách vở về nhà lúc chín hoặc mười giờ, và bất kỳ ai còn ở đó vào lúc nửa đêm cũng không có khả năng rời khỏi tòa tháp cho đến sáng.

Khi đến bãi cỏ, anh dừng lại và nhìn quanh. Không thấy ai. Lá thư của Griffin quá mơ hồ; anh không biết liệu mình nên đợi cho đến khi thấy một trong những đặc vụ của Hermes, hay cứ tiếp tục làm theo chính xác mệnh lệnh.

Do not deviate from my instructions.

Chuông điểm nửa đêm. Hắn vội vã đến lối vào, miệng khô khốc, thở hổn hển. Khi hắn đặt chân lên bậc thềm đá, hai bóng người hiện ra từ bóng tối – cả hai đều là những thanh niên vận đồ đen, khuôn mặt của họ hắn không thể nhìn rõ trong màn mưa.

"Đi đi," một người trong số họ thì thầm. "Nhanh lên."

Robin tiến đến cửa. "Robin Swift," anh nói, nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng.

Huyết thống của hắn được công nhận. Khóa bật mở.

Robin kéo cửa mở rồi dừng lại một thoáng trên ngưỡng cửa, đủ lâu để những bóng người phía sau lẻn vào tòa tháp. Cậu chưa từng nhìn thấy mặt họ. Bọn họ lao lên cầu thang như những bóng ma, nhanh nhẹn và im lặng. Robin đứng trong tiền sảnh, rùng mình khi những giọt mưa rơi xuống trán, nhìn đồng hồ khi từng giây trôi về mốc năm phút.

Mọi việc thật dễ dàng. Đến lúc, Robin quay người sải bước ra cửa. Anh cảm thấy một cú huých nhẹ ở eo, nhưng ngoài ra chẳng nhận thấy gì khác: không tiếng thì thầm, không tiếng leng keng của những thỏi bạc. Các đặc vụ Hermes bị bóng tối nuốt chửng. Chỉ vài giây sau, dường như họ chưa từng ở đó.

Robin quay người bước ngược về hướng ngõ Magpie, run lên bần bật, choáng váng vì chính sự táo tợn đến liều lĩnh của việc mình vừa làm.

Anh ngủ không ngon giấc. Cứ trằn trọc trên giường trong cơn mê man ác mộng, mồ hôi đầm đìa cả ga trải giường, bị hành hạ bởi những giấc mơ chập chờn, những suy diễn lo lắng về cảnh sát đạp cửa xông vào, lôi anh đi tù, tuyên bố rằng họ đã thấy tất cả và biết tất cả. Đúng là anh đã...Mãi đến gần sáng mới thiếp đi được, và lúc đó anh ta kiệt sức đến nỗi bỏ lỡ tiếng chuông buổi sáng. Anh ta không tỉnh giấc cho đến khi người hầu gõ cửa, hỏi anh ta có muốn quét dọn phòng hôm nay không.

“Ồ – vâng, xin lỗi, đợi tôi một chút là tôi ra ngay.” Anh ta vốc nước lên mặt, mặc quần áo rồi lao ra khỏi cửa. Nhóm bạn của anh đã hẹn gặp nhau ở phòng học tầng năm để so sánh bài dịch trước giờ lên lớp, và bây giờ anh đã trễ kinh khủng.

“Cậu đây rồi,” Ramy nói khi đến nơi. Cậu, Letty và Victoire đang ngồi quanh một chiếc bàn vuông. “Tớ xin lỗi vì đã đi mà không đợi cậu, nhưng tớ cứ tưởng cậu đi rồi – tớ gõ cửa hai lần mà cậu không trả lời.”

“Không sao đâu.” Robin ngồi xuống. “Tôi ngủ không ngon giấc – chắc là do sấm sét.”

“Cậu ổn chứ?” Victoire trông có vẻ lo lắng. “Cậu nhìn hơi…” Cô ấy khua tay mơ hồ trước mặt. “Tái nhợt?”

“Chỉ là ác mộng thôi,” anh ta nói. “Thỉnh thoảng, ừm, vẫn bị.”

Cái cớ này nghe thật ngớ ngẩn ngay khi vừa thốt ra khỏi miệng, nhưng Victoire vẫn vỗ nhẹ tay anh tỏ vẻ thông cảm. "Tất nhiên rồi."

“Chúng ta bắt đầu được chưa?” Letty hỏi cộc lốc. “Nãy giờ chúng tôi cứ loay hoay với mấy cái từ vựng vì Ramy không cho tiếp tục khi chưa có cậu.”

Robin vội vàng lật giở xấp giấy cho đến khi tìm thấy bài Ovid được giao tối qua. "Xin lỗi - vâng, tất nhiên rồi."

Anh đã từng sợ mình sẽ không thể ngồi hết buổi họp. Nhưng bằng cách nào đó, ánh nắng ấm áp chiếu trên mặt gỗ mát lạnh, tiếng bút mực xòa trên giấy da, cùng giọng đọc rõ ràng, rành mạch của Letty đã kéo tâm trí mệt mỏi của anh tập trung trở lại, khiến tiếng Latin, chứ không phải việc bị đuổi học sắp tới, dường như trở thành vấn đề cấp bách nhất trong ngày.

Buổi học nhóm hóa ra sôi nổi hơn mong đợi. Robin, vốn quen đọc bản dịch của mình cho ông Chester nghe, người vừa nghe vừa sửa lỗi một cách dí dỏm, đã không lường trước được cuộc tranh luận nảy lửa về cách diễn đạt, dấu câu, hay mức độ lặp từ nào là quá nhiều. Rõ ràng là phong cách dịch thuật của họ khác nhau một trời một vực. Letty, người luôn khắt khe với cấu trúc ngữ pháp sao cho bám sát tiếng Latinh nhất có thể, dường như sẵn sàng bỏ qua những câu văn vụng về đến khó tin, trong khi Ramy, hoàn toàn trái ngược, luôn sẵn sàng hy sinh tính chính xác về mặt kỹ thuật để đổi lấy những lời lẽ hoa mỹ mà anh ta khăng khăng sẽ truyền tải ý nghĩa tốt hơn, ngay cả khi điều này đồng nghĩa với việc chèn thêm những mệnh đề hoàn toàn mới. Victoire dường như liên tục thất vọng với những hạn chế của tiếng Anh – 'Nó thật vụng về, tiếng Pháp sẽ phù hợp với đoạn này"hay hơn" - và Letty luôn đồng ý một cách mạnh mẽ, khiến Ramy khịt mũi, và thế là chủ đề Ovid bị bỏ dở để quay lại với những câu chuyện về Chiến tranh Napoléon.

"Khỏe hơn chút nào chưa?", Ramy hỏi Robin khi họ nghỉ giải lao.

Thực ra đúng là như vậy. Cảm giác thật dễ chịu khi đắm mình vào nơi trú ẩn của một ngôn ngữ chết, để đấu tranh trong một cuộc chiến hùng biện mà hậu quả thực sự không thể chạm đến anh. Anh ngạc nhiên vì phần còn lại của ngày trôi qua thật bình thường, anh có thể bình tĩnh ngồi giữa đám bạn khi Giáo sư Playfair giảng bài và giả vờ như Tytler là chủ đề quan trọng nhất trong tâm trí mình. Dưới ánh sáng ban ngày, những chiến công của đêm qua dường như là một giấc mơ xa vời. Những điều

hữu hình và vững chắc bao gồm Oxford, các bài tập, các giáo sư, bánh nướng mới ra lò và kem đông.

Vẫn vậy, anh không thể xua tan nỗi sợ hãi âm ỉ rằng tất cả chỉ là một trò đùa tàn nhẫn, rằng bức màn sẽ khép lại bất cứ lúc nào cho trò hề này. Bởi lẽ làm sao có thể không có hậu quả gì? Một hành động phản bội như thế – đánh cắp từ chính Babel, tổ chức mà anh đã thực sự đổ máu – chắc chắn phải khiến cuộc sống này trở nên không thể tồn tại.

Nỗi lo lắng ập đến dữ dội vào giữa buổi chiều. Điều mà đêm qua tưởng chừng như một nhiệm vụ chính nghĩa, ly kỳ thì giờ đây lại trở nên vô cùng ngu ngốc. Cậu không thể tập trung vào tiếng Latin; Giáo sư Craft phải búng tay trước mặt cậu mới khiến cậu nhận ra bà đã yêu cầu cậu đọc một dòng đến ba lần. Cậu cứ tưởng tượng ra những viễn cảnh kinh khủng với từng chi tiết sống động - cảnh lũ cảnh sát ập vào, chỉ tay, và hét lên,*There he is, the thief*; cái cách mà đám bạn học của hắn sẽ nhìn chằm chằm, chết lặng; cái cách mà Giáo sư Lovell, người vì lý do nào đó lại vừa là công tố viên vừa là thẩm phán, sẽ lạnh lùng tuyên án treo cổ Robin. Hắn tưởng tượng cây xiên lò sưởi, giáng xuống hết lần này đến lần khác, lạnh lẽo và đều đặn, bẻ gãy từng khúc xương trên người hắn.

Nhưng những ảo ảnh ấy cũng chỉ dừng lại ở đó. Không ai đến bắt anh cả. Tiết học của họ diễn ra chậm chạp, nhạt nhẽo, không bị gián đoạn. Nỗi kinh hoàng của anh phai nhạt dần. Đến lúc Robin và nhóm bạn tập trung ở sảnh ăn tối, anh thấy việc giả vờ như đêm qua chưa từng xảy ra dễ dàng đến kinh ngạc. Và một khi họ đã ngồi xuống với thức ăn - khoai tây lạnh ngắt và miếng bít tết dai đến nỗi phải dùng hết sức lực mới cắt được thành từng miếng nhỏ để nhai - cười khúc khích trước những lời sửa chữa bực bội của Giáo sư Craft đối với bản dịch thêm mắm dặm muối của Ramy, thì đúng là nó chỉ còn giống như một ký ức xa vời.

Một mảnh giấy nhắn mới đang đợi anh dưới bậu cửa sổ khi anh về nhà tối hôm đó. Anh mở nó ra với đôi tay run rẩy. Dòng chữ nguệch ngoạc...Bên trong rất ngắn gọn, và lần này Robin đã giải mã được nó trong đầu.

Await further contact.

Sự thất vọng khiến anh bối rối. Chẳng phải cả ngày hôm nay anh chỉ ước gì mình chưa từng bị mắc kẹt trong cơn ác mộng này sao? Anh có thể tưởng tượng ra giọng điệu mỉa mai của Griffin –*What, did you want a pat on the back? A biscuit for a job well done?*

Giờ đây, anh thấy mình hy vọng nhiều hơn. Nhưng anh không có cách nào biết được khi nào mình sẽ nghe tin từ Griffin lần nữa. Griffin đã cảnh báo Robin rằng việc liên lạc giữa họ sẽ không thường xuyên, có thể cả học kỳ trôi qua mà không có tin tức gì. Robin sẽ được triệu tập khi cần, chứ không sớm hơn. Anh không tìm thấy mảnh giấy nào trên bệ cửa sổ vào tối hôm sau, hay tối hôm sau nữa.

Ngày qua ngày, rồi tuần qua tuần.

*You're still a Babel student*Griffin đã nói với anh ta như vậy.*Act like one*.

Hóa ra việc này lại dễ dàng đến bất ngờ. Khi ký ức về Griffin và Hermes lùi dần vào sâu thẳm tâm trí, chìm vào những cơn ác mộng và bóng tối, thì cuộc sống của cậu ở Oxford và Babel lại trỗi dậy rực rỡ, chói lọi.

Điều khiến anh kinh ngạc là mình đã phải lòng nơi này và con người nơi đây nhanh đến thế nào. Anh thậm chí còn chẳng nhận ra điều đó. Kỳ học đầu tiên khiến anh quay cuồng tại chỗ, choáng váng và kiệt sức; các lớp học và bài tập tạo thành một vòng lặp đều đặn của việc đọc điên cuồng và những đêm thức khuya, mắt lờ đờ, mà những người bạn cùng lớp là nguồn vui và

niềm an ủi duy nhất của anh. Cảm ơn trời, những cô gái đã nhanh chóng tha thứ cho ấn tượng ban đầu của Robin và Ramy. Robin phát hiện ra anh và Victoire có chung một tình yêu cuồng nhiệt với văn học, từ truyện kinh dị Gothic đến truyện lãng mạn, và họ rất thích thú trao đổi và thảo luận về những cuốn tiểu thuyết rẻ tiền mới nhất được mang đến từ London. Còn Letty, một khi đã được thuyết phục rằng các chàng trai thực sự không quá ngu ngốc để học ở Oxford, thì đã trở nên dễ chịu hơn rất nhiều. Hóa ra cô sở hữu cả một sự dí dỏm sắc bén và một hiểu biết sâu sắc về cấu trúc giai cấp của Anh nhờ vào quá trình nuôi dạy của mình, điều này tạo nên những lời bình luận vô cùng thú vị khi nó không nhắm vào bất kỳ ai trong số họ.

“Colin thuộc loại đỉa đói hạng trung lúc nào cũng thích làm ra vẻ ta đây có quan hệ rộng chỉ vì gia đình hắn quen một ông thầy dạy toán ở Cambridge,” cô sẽ nói sau mỗi lần đến Magpie Lane. “Nếu nó muốn làm luật sư thì cứ đi học việc ở các quán trọ luật sư là xong…”Triều đình, nhưng hắn ở đây vì muốn danh tiếng và các mối quan hệ, chỉ là hắn chẳng đủ quyến rũ để có được chúng. Hắn có tính cách như một chiếc khăn ướt: ẩm ướt, và bám dai như đỉa.

Lúc này, cô ấy sẽ bắt chước kiểu chào hỏi mắt tròn xoe, quan tâm thái quá của Colin trong khi những người còn lại cười phá lên.

Ramy, Victoire và Letty – họ trở thành những sắc màu trong cuộc sống của Robin, những mối liên hệ thường xuyên duy nhất cậu có với thế giới bên ngoài chương trình học. Họ cần nhau vì họ chẳng còn ai khác. Sinh viên năm trên ở Babel sống khép kín một cách khó gần; họ quá bận rộn, quá thông minh và ấn tượng đến mức đáng sợ. Hai tuần sau khi học kỳ bắt đầu, Letty mạnh dạn hỏi một nghiên cứu sinh tên Gabriel xem liệu cô có thể tham gia nhóm đọc tiếng Pháp hay không, nhưng đã bị từ chối thẳng thừng với thái độ khinh miệt đặc trưng mà chỉ người Pháp mới có. Robin đã cố gắng kết bạn với một sinh viên năm ba

người Nhật tên là Ilse Dejima,* người nói chuyện với một giọng Hà Lan thoang thoảng. Họ thường xuyên chạm mặt nhau trên đường ra vào văn phòng Giáo sư Chakravarti, nhưng vài lần anh cố gắng chào cô, cô đều nhăn mặt như thể anh là bùn đất dính trên giày cô vậy.

Họ cũng cố gắng làm thân với nhóm năm sinh viên da trắng năm hai sống ngay bên kia đường Merton. Nhưng mọi chuyện đổ bể ngay lập tức khi một trong số họ, Philip Wright, nói với Robin tại một bữa tối của khoa rằng nhóm năm nhất phần lớn là sinh viên quốc tế chỉ vì chính trị nội bộ. "Ban nghiên cứu bậc đại học lúc nào cũng tranh cãi về việc ưu tiên các ngôn ngữ châu Âu, hay các... ngôn ngữ kỳ lạ hơn. Chakravarti và Lovell đã làm ầm ĩ về việc đa dạng hóa sinh viên hàng năm trời. Họ không thích việc nhóm tôi toàn là dân nghiên cứu Cổ điển. Tôi cho rằng họ đang sửa sai quá mức với nhóm của cậu."

Robin cố tỏ ra lịch sự. "Tôi không hiểu tại sao điều đó lại tệ đến vậy."

Chà, cũng không hẳn là*bad*bản thân nó không phải là vấn đề, nhưng nó đồng nghĩa với việc lấy đi suất của những ứng viên khác đủ năng lực, những người cũng đã vượt qua kỳ thi tuyển sinh.

“Tớ chẳng thi đầu vào gì cả,” Robin nói.

“Chính xác.” Philip khịt mũi, và không nói thêm một lời nào với Robin suốt cả buổi tối hôm đó.

Vậy ra chính là Ramy, Letty và Victoire đã trở nên thân thiết như vậyNhững người bạn mà Robin trò chuyện khiến anh bắt đầu nhìn Oxford qua lăng kính của họ. Ramy sẽ mê mẩn chiếc khăn choàng màu tím treo trên cửa sổ Ede & Ravenscroft; Letty sẽ cười ngặt nghẽo trước chàng trai trẻ mắt long lanh ngồi bên ngoài quán cà phê Queen’s Lane với một tập thơ sonnet; Victoire

sẽ vô cùng hào hứng khi một mẻ bánh nướng mới ra lò ở Vaults & Garden nhưng vì cô ấy sẽ bị kẹt trong lớp học tiếng Pháp đến tận trưa, Robin nhất định phải mua một cái, gói nó lại trong túi áo và giữ cho cô ấy đến khi tan học. Ngay cả những bài đọc trong khóa học của anh cũng trở nên thú vị hơn khi anh bắt đầu xem chúng như nguồn tư liệu cho những nhận xét sắc bén, đầy phàn nàn hay hài hước, để sau này chia sẻ với nhóm bạn.

Họ không phải lúc nào cũng hòa thuận. Họ cãi nhau triền miên, theo cái kiểu của những người trẻ tuổi thông minh, tự cao tự đại được nuông chiều và có quá nhiều ý kiến. Robin và Victoire có một cuộc tranh luận kéo dài về sự vượt trội của văn học Anh so với văn học Pháp, trong đó cả hai đều kỳ lạ thay, trung thành mãnh liệt với đất nước mà họ đã chọn. Victoire khăng khăng rằng những nhà lý luận xuất sắc nhất của Anh Quốc không thể sánh bằng Voltaire hay Diderot, và Robin đã sẵn sàng bỏ qua cho cô nếu cô không liên tục chế giễu những bản dịch mà anh mượn từ thư viện Bodleian với lý do "Chúng chẳng là gì so với bản gốc, thà đừng đọc còn hơn." Victoire và Letty, mặc dù bình thường khá thân thiết, dường như luôn cãi vã về vấn đề tiền bạc và việc liệu Letty có thực sự nghèo như cô ấy nói hay không chỉ vì cha cô đã cắt đứt viện trợ.[*] Và Letty cùng Ramy cãi nhau nhiều nhất, phần lớn là do Ramy khăng khăng rằng Letty chưa từng đặt chân đến các thuộc địa và do đó không nên phát biểu về những lợi ích được cho là của sự hiện diện của Anh ở Ấn Độ.

“Tôi biết đôi điều về Ấn Độ đấy,” Letty cứ khăng khăng. “Tôi đã đọc đủ loại bài luận, tôi đã đọc Hamilton…*Translation of the Letters of a Hindoo Rajah*—

“Ồ, vậy à?” Ramy sẽ hỏi. “Cái câu chuyện mà Ấn Độ là một quốc gia Hindu đáng yêu, bị tàn phá bởi những kẻ xâm lược Hồi giáo bạo ngược ấy hả? Cái đó à?”

Lúc đó Letty sẽ luôn trở nên phòng thủ, ủ rũ và cáu kỉnh.cho đến ngày hôm sau. Nhưng chuyện này không hoàn toàn là lỗi

của cô ấy. Ramy dường như đặc biệt quyết tâm khiêu khích cô, bác bỏ mọi lời khẳng định của cô. Letty kiêu hãnh, đúng mực với vẻ ngoài cứng rắn đại diện cho tất cả những gì Ramy khinh thường về người Anh, và Robin nghi ngờ Ramy sẽ không hài lòng cho đến khi anh ta khiến Letty tuyên bố phản bội lại chính đất nước của mình.

Tuy nhiên, những trận cãi vã của họ không thực sự chia rẽ họ. Thay vào đó, những cuộc tranh luận này chỉ kéo họ lại gần nhau hơn, mài giũa những góc cạnh của họ và xác định cách họ khớp vào bức tranh tổng thể của nhóm theo những cách khác nhau. Họ dành tất cả thời gian cho nhau. Cuối tuần, họ ngồi ở một chiếc bàn góc ngoài quán cà phê Vaults & Garden, tra hỏi Letty về những điều kỳ quặc của tiếng Anh, thứ tiếng mà chỉ có cô ấy là người bản ngữ. (‘Vậy*corned*‘Nghĩa là sao?’ Robin sẽ gặng hỏi. ‘Thịt bò muối là cái gì? Mấy người làm gì với thịt bò vậy?’[*]"Thế 'welcher' là gì?"[*]Victoire ngẩng đầu lên khỏi tập truyện tranh rẻ tiền đang đọc, hỏi: “Letitia, làm ơn nói cho em biết, ‘jigger-dubber’ là cái quái gì vậy?”[*])

Khi Ramy phàn nàn rằng đồ ăn ở hội trường tệ đến mức cậu ta sụt cân thấy rõ (điều này đúng là sự thật; nhà bếp của trường đại học, khi không phục vụ xoay vòng thịt luộc dai nhách, rau củ nướng nhạt nhẽo và các món hầm không thể phân biệt được, lại đưa ra những món ăn khó hiểu và không thể nuốt nổi với những cái tên như 'Dưa chua Ấn Độ', 'Rùa chế biến kiểu Tây Ấn', và một thứ gì đó gọi là 'China Chilo', rất ít trong số đó là đồ ăn halal), họ lẻn vào bếp và chế biến một món ăn từ đậu gà, khoai tây và một loại gia vị mà Ramy đã lùng sục khắp các chợ ở Oxford. Kết quả là một món hầm màu đỏ tươi lợn cợn cay đến mức tất cả bọn họ đều cảm thấy như bị đấm vào mũi. Ramy từ chối chấp nhận thất bại; thay vào đó, cậu ta lập luận, đây là một bằng chứng nữa cho luận điểm vĩ đại của cậu ta rằng có điều gì đó sai lầm cơ bản với người Anh, vì nếu họ có thể kiếm được nghệ và hạt mù tạt thật thì món ăn sẽ ngon hơn nhiều.

“Ở Luân Đôn có đầy nhà hàng Ấn Độ,” Letty phản đối. “Cậu có thể ăn cà ri với cơm ngay ở Piccadilly—”

“Chỉ khi nào cậu muốn ăn khoai nghiền nhạt nhẽo thôi,” Ramy chế nhạo. “Ăn hết đậu gà của cậu đi.”

Letty sụt sịt thảm thương, nhất quyết không ăn thêm miếng nào nữa. Robin và Victoire vẫn thản nhiên xúc từng thìa đầy vào miệng. Ramy bảo cả bọn đều nhát gan – ở Calcutta, theo lời cậu ta, trẻ con còn ăn ớt ma mà chẳng chớp mắt lấy một cái. Nhưng ngay cả cậu ta cũng chật vật lắm mới ăn hết được đống đỏ rực như lửa trên đĩa của mình.

Robin không nhận ra mình đang có gì, thứ cậu vẫn tìm kiếm bấy lâu và cuối cùng đã đạt được, cho đến một đêm giữa học kỳ khi tất cả bọn họ đang ở trong phòng Victoire. Phòng của cô ấy rộng đến khó tin, rộng nhất trong tất cả các phòng vì không ai trong số những học sinh nội trú khác muốn ở cùng cô ấy, điều đó có nghĩa là cô ấy không chỉ có một phòng ngủ riêng mà còn có cả phòng tắm và phòng khách rộng rãi, nơi họ thường tụ tập để hoàn thành bài tập về nhà sau khi thư viện Bodleian đóng cửa lúc chín giờ. Tối hôm đó họ đang chơi bài, không phải học bài, vì Giáo sư Craft đang ở London dự hội nghị, nghĩa là họ được nghỉ tối. Nhưng những quân bài nhanh chóng bị lãng quên bởi một mùi lê chín nồng nặc đột nhiên lan tỏa khắp phòng và không ai trong số họ có thể hiểu được nó là gì, vì họ không hề ăn lê, và vì Victoire thề rằng cô ấy không hề cất giấu bất kỳ quả lê nào trong phòng.

Rồi Victoire lăn ra đất, vừa cười vừa la hét vì Letty cứ gào lên, "Quả lê đâu? Nó đâu rồi, Victoire? Quả lê đâu?". Ramy nói đùa về Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha, nên Letty, hưởng ứng trò đùa, ra lệnh cho Victoire lộn hết túi áo khoác ra để chứng minh không có lõi lê nào giấu trong đó. Victoire ngoan ngoãn làm theo nhưng chẳng tìm thấy gì, khiến cả bọn lại được một trận cười nghiêng ngả. Robin ngồi bên bàn, nhìn họ, mỉm cười chờ ván

bài được tiếp tục cho đến khi cậu nhận ra điều đó là không thể vì ai cũng đang cười quá nhiều, và hơn nữa, bài của Ramy đã nằm rải rác trên sàn, ngửa hết cả lên, nên chơi tiếp cũng chẳng còn nghĩa lý gì. Rồi cậu chớp mắt, vì vừa hiểu ra khoảnh khắc vừa tầm thường lại vừa phi thường này có ý nghĩa gì - rằng chỉ trong vài tuần, họ đã trở thành thứ mà cậu chưa từng tìm thấy ở Hampstead, thứ mà cậu nghĩ mình sẽ không bao giờ có lại sau Canton: một nhóm người mà cậu yêu thương đến mức ngực thắt lại mỗi khi nghĩ về họ.

Một gia đình.

Rồi anh cảm thấy dâng lên một nỗi tội lỗi vì đã yêu họ, và Oxford, nhiều như vậy.

Anh yêu nơi này, thật lòng đấy. Bất chấp những tủi nhục nhỏ nhặt phải chịu đựng hàng ngày,Đi dạo quanh khuôn viên trường khiến anh thích thú. Anh đơn giản là không thể giữ được, như Griffin, một thái độ nghi kỵ hay phản kháng thường trực; anh không thể nào có được nỗi căm ghét nơi này như Griffin.

Chẳng lẽ anh không có quyền được hạnh phúc sao? Anh chưa bao giờ cảm thấy ấm áp trong lồng ngực như thế này, chưa bao giờ mong chờ buổi sáng thức dậy như bây giờ. Babel, bạn bè, và Oxford - chúng đã mở khóa một phần con người anh, một nơi ngập tràn nắng ấm và thuộc về, điều mà anh chưa từng nghĩ mình sẽ cảm nhận lại được. Thế giới dường như bớt u tối hơn.

Nó từng là một đứa trẻ thiếu thốn tình cảm, mà giờ đây nó đang được hưởng thụ một cách dồi dào – và nó có sai khi níu giữ những gì nó đang có?

Anh ta chưa sẵn sàng dấn thân hoàn toàn cho Hermes. Nhưng thề có Chúa, anh ta sẵn sàng giết người vì bất kỳ ai trong đội của mình.

Sau này, Robin sẽ tự ngạc nhiên rằng chưa bao giờ anh nghiêm túc nghĩ đến chuyện kể với bất kỳ ai trong số họ về Hội Hermes. Suy cho cùng, đến cuối học kỳ Michaelmas, anh đã tin tưởng giao phó mạng sống của mình cho họ; anh không hề nghi ngờ rằng nếu anh rơi xuống dòng sông Isis đóng băng, bất kỳ ai trong số họ cũng sẽ lao xuống cứu anh. Thế nhưng Griffin và Hội Hermes lại thuộc về những cơn ác mộng và bóng tối; nhóm bạn của anh là ánh nắng, hơi ấm và tiếng cười, và anh không thể tưởng tượng nổi việc đưa những thế giới ấy lại gần nhau.

Chỉ một lần duy nhất anh có ý định lên tiếng. Vào bữa trưa nọ, Ramy và Letty lại tranh cãi về sự hiện diện của người Anh ở Ấn Độ. Ramy coi việc chiếm đóng Bengal là một sự sỉ nhục đang diễn ra; Letty lại nghĩ rằng chiến thắng của người Anh tại Plassey là sự trả đũa hoàn toàn công bằng cho những gì cô coi là sự đối xử kinh hoàng của Siraj-ud-daulah đối với con tin, và rằng người Anh chẳng cần phải can thiệp nếu như người Mughal không phải là những kẻ thống trị tồi tệ như vậy.

“Cậu cũng đâu đến nỗi nào,” Letty nói. “Có khối người Ấn làm trong cơ quan hành chính, miễn là họ đủ năng lực—”

“Phải, ‘đủ năng lực’ ở đây nghĩa là một tầng lớp thượng lưu nói tiếng Anh và hành xử như đám nịnh bợ người Anh,” Ramy nói. “Chúng ta không bị cai trị, mà bị cai trị tồi. Những gì đang xảy ra với đất nước tôi chẳng khác nào cướp bóc. Nó không phải là thương mại mở; đó là chảy máu tài chính, là cướp phá, là bóc lột. Chúng ta chưa bao giờ cần sự giúp đỡ của họ, và họ chỉ dựng lên câu chuyện đó từ một cảm giác thượng đẳng lệch lạc.”

"Nếu anh nghĩ vậy, thì anh đang làm gì ở Anh này?" Letty thách thức.

Ramy nhìn cô như thể cô bị điên. "Học hỏi đi, cô nương."

“À, kiếm vũ khí để lật đổ Đế chế à?” Bà ta chế nhạo. “Cậu định vác mấy thỏi bạc về nhà rồi khởi nghĩa đấy hả? Hay là ta cùng

tiến vào Babel rồi tuyên bố ý định của cậu luôn đi?”

Lần này, Ramy không phản bác lại ngay. Sau một thoáng im lặng, anh nói: "Mọi chuyện không đơn giản như vậy."

“Ồ, thật sao?” Letty đã tìm ra điểm yếu; giờ cô ấy như chó cắn phải xương và sẽ không chịu buông. “Bởi vì đối với tôi, việc anh đang ở đây, tận hưởng nền giáo dục Anh Quốc, chính là điều chứng tỏ người Anh vượt trội. Trừ khi có một học viện ngôn ngữ nào tốt hơn ở Calcutta?”

“Ấn Độ có đầy madrasa xuất sắc,” Ramy gắt gỏng. “Điều khiến người Anh vượt trội là súng. Súng, và sẵn sàng dùng chúng lên những người vô tội.”

Vậy là ngươi tới đây để chuyển bạc về cho đám lính xi-pay phản loạn đó hả?

*Perhaps he should*Suýt nữa thì Robin đã nói ra.*Perhaps that’s precisely what the world needs.*

Nhưng anh kịp ngăn mình lại trước khi mở miệng. Không phải vì sợ làm Griffin mất lòng tin, mà vì anh không thể chịu đựng nổi việc lời thú tội này sẽ phá tan cuộc sống mà họ đã gây dựng. Và bởi vì chính anh cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn trong lòng: một mặt khao khát thành công ở Babel, mặt khác ngày càng nhận ra rõ ràng hơn sự bất công hiển nhiên trong nền tảng của sự phồn thịnh ấy. Cách duy nhất để anh biện minh cho hạnh phúc của mình ở đây, để tiếp tục nhảy múa trên ranh giới của hai thế giới, là tiếp tục chờ đợi những lá thư của Griffin vào ban đêm – một sự phản kháng thầm lặng, bí mật, với mục đích chính là xoa dịu nỗi tội lỗi của anh về việc tất cả vàng son lấp lánh này phải trả bằng một cái giá nào đó.

Chapter Eight

We then used to consider it not the least vulgar for a parcel of lads who had been whipped three months previous, and were not allowed more than three glasses of port at home, to sit down to pineapples and ices at each other's rooms, and fuddle themselves with champagne and claret.

TâyILLIAMMHÒABÌNHTTHACKERAY,*The Book of Snobs*

TôiVào những tuần cuối tháng Mười Một, Robin tiếp tục hỗ trợ Hội Hermes trong ba vụ trộm nữa. Tất cả đều diễn ra theo đúng trình tự chính xác, trơn tru như lần đầu – một mảnh giấy trên bậu cửa sổ, một đêm mưa, cuộc gặp gỡ lúc nửa đêm, và tiếp xúc tối thiểu với đồng bọn, chỉ một cái liếc mắt và gật đầu. Anh chưa bao giờ nhìn rõ những người khác. Anh không biết liệu họ có phải là cùng một nhóm người mỗi lần hay không. Anh cũng chẳng bao giờ biết được họ đã lấy cắp thứ gì hay dùng nó vào việc gì. Tất cả những gì anh biết là Griffin đã nói rằng sự đóng góp của anh hỗ trợ cho một cuộc chiến chống lại đế chế, một cuộc chiến mơ hồ, và tất cả những gì anh có thể làm là tin vào lời nói của Griffin.

Anh cứ mong Griffin lại gọi anh ra tán gẫu ngoài quán Twisted Root, nhưng có vẻ người anh cùng cha khác mẹ của anh bận rộn điều hành một tổ chức toàn cầu mà Robin chỉ là một phần rất nhỏ.

Robin suýt bị tóm trong vụ trộm thứ tư của mình, khi một học sinh năm ba tên là Cathy O'Nell sải bước qua cửa trước đúng lúc cậu đang đợi ở tiền sảnh. Cathy, không may, là một trong những tiền bối lắm lời; cô chuyên về tiếng Gaelic, và có lẽ do quá cô đơn khi là một trong hai người trong lĩnh vực phụ này, nên cô đã cố gắng hết sức để kết bạn với tất cả mọi người trong khoa.

“Robin!” Cô ấy rạng rỡ nhìn anh. “Sao giờ này anh còn ở đây?”

“Quên mất sách Dryden của mình,” anh nói dối, vỗ nhẹ vào túi như thể vừa cất quyển sách vào đó. “Hình như mình để quên ở sảnh.”

"Ôi, Dryden, thật là khổ sở. Tôi nhớ Playfair đã bắt chúng tôi thảo luận về ông ta hàng tuần liền. Tỉ mỉ, nhưng lại khô khan."

“Khô kinh khủng.” Anh ta thầm mong bà ấy nói luôn vào vấn đề chính; đã quá mười hai giờ năm phút rồi.

“Thầy ấy có bắt các em so sánh các bản dịch trong lớp không?” Cathy hỏi. “Có lần thầy ấy tra hỏi mình gần nửa tiếng đồng hồ về việc lựa chọn từ ngữ của mình…”*red*thay vì*apple-like*Cuối cùng thì áo tôi ướt đẫm mồ hôi.

Sáu phút trôi qua. Mắt Robin đảo về phía cầu thang, rồi lại nhìn Cathy, rồi lại nhìn về phía cầu thang cho đến khi anh nhận ra Cathy đang nhìn mình với vẻ mong đợi.

‘Ồ.’ Anh ta chớp mắt. ‘Ờm. Nhắc đến Dryden, tôi thực sự nên đi —’

Ôi, tôi xin lỗi, năm nhất thật sự rất khó khăn mà tôi lại giữ bạn ở đây—

Dù sao thì, cũng rất vui được gặp cậu—

“Có gì cần giúp cứ nói nhé,” cô ấy vui vẻ nói. “Lúc đầu hơi nhiều đấy, nhưng tôi hứa là dần dần sẽ quen thôi.”

“Được rồi. Tôi sẽ làm – tạm biệt.” Anh thấy thật kinh khủng khi cư xử cộc lốc như vậy. Cô ấy thật tốt bụng, và những lời đề nghị như thế này lại càng hào phóng hơn khi đến từ các anh chị khóa trên. Nhưng lúc đó, tất cả những gì anh có thể nghĩ đến là đồng

bọn của mình ở trên lầu, và điều gì sẽ xảy ra nếu họ xuống cùng lúc Cathy đi lên.

“Chúc may mắn.” Cathy vẫy tay chào anh rồi bước vào sảnh. Robin lùi vào tiền sảnh và cầu mong cô đừng quay lại.

Một khoảng thời gian dài như vô tận sau đó, hai bóng người áo đen vội vã đi xuống cầu thang đối diện.

“Cô ấy nói gì vậy?”, một người trong số họ thì thầm. Giọng nói nghe quen quen một cách kỳ lạ, dù Robin lúc đó quá rối trí để nhớ ra đó là ai.

“Chỉ là muốn tỏ ra thân thiện thôi.” Robin đẩy cửa ra, và cả ba người vội vã bước vào màn đêm mát mẻ. “Mọi người ổn chứ?”

Nhưng chẳng có tiếng trả lời. Họ đã đi rồi, bỏ lại anh một mình trong bóng tối và cơn mưa.

Một người thận trọng hơn hẳn đã rời bỏ Hermes, sẽ không liều lĩnh cả tương lai vào những khả năng mong manh như thế. Nhưng Robin vẫn quay lại và làm tiếp. Cậu ta tiếp tay cho vụ trộm thứ năm, rồi đến vụ thứ sáu. Kỳ học Michaelmas kết thúc, kỳ nghỉ đông trôi qua nhanh chóng, và kỳ học Hilary bắt đầu. Tim cậu không còn đập thình thịch bên tai mỗi khi đến gần tòa tháp lúc nửa đêm. Khoảng thời gian từ lúc bước vào đến lúc ra ngoài không còn giống như luyện ngục nữa. Tất cả bắt đầu trở nên dễ dàng, hành động đơn giản là mở mộthai lần cửa; dễ dàng đến mức đến vụ trộm thứ bảy, hắn đã tự thuyết phục bản thân rằng mình chẳng làm gì nguy hiểm cả.

“Cô làm việc rất hiệu quả,” Griffin nói. “Họ thích làm việc với cô, cô biết đấy. Cô luôn bám sát hướng dẫn và không thêm thắt gì cả.”

Một tuần sau khi học kỳ Hilary bắt đầu, Griffin cuối cùng cũng chịu gặp mặt Robin. Họ lại cùng nhau sải bước nhanh quanh

Oxford, lần này men theo sông Thames xuống phía nam về hướng Kennington. Cuộc gặp giống như một buổi báo cáo giữa kỳ với một người giám sát khó tính và hiếm khi gặp mặt, và Robin thấy mình đắm chìm trong những lời khen ngợi, cố gắng và không thể nào che giấu được vẻ mặt hớn hở như một cậu em trai nhỏ.

Vậy là tôi đang làm tốt chứ?

Con làm rất tốt. Ta rất hài lòng.

“Vậy giờ cậu sẽ kể cho tớ nghe thêm về Hermes chứ?” Robin hỏi. “Hoặc ít nhất là cho tớ biết mấy thanh kim loại đó sẽ đi đâu? Cậu đang làm gì với chúng?”

Griffin cười khúc khích. "Kiên nhẫn nào."

Họ bước đi trong im lặng một lúc. Sáng nay vừa có một cơn bão. Dòng Isis chảy xiết, ầm ào dưới bầu trời mù sương đang tối dần. Đó là kiểu buổi chiều mà cả thế giới dường như bị rút hết màu sắc, một bức tranh còn dang dở, thực ra chỉ là một bản phác thảo, chỉ tồn tại trong sắc xám và bóng tối.

“Vậy tôi có một câu hỏi khác,” Robin nói. “Và tôi biết giờ anh sẽ không kể nhiều về Hermes cho tôi đâu. Nhưng ít nhất hãy nói cho tôi biết mọi chuyện này sẽ kết thúc như thế nào.”

"Thế nào, cuối cùng ra sao rồi?"

Ý tôi là – tình cảnh của tôi. Sự sắp xếp hiện tại này cảm thấy ổn – miễn là tôi không bị bắt, ý tôi là – nhưng nó có vẻ, tôi không biết nữa, khá là bấp bênh.

“Dĩ nhiên là không thể kéo dài được,” Griffin nói. “Cậu sẽ học hành chăm chỉ và tốt nghiệp, rồi sau đó chúng sẽ bắt cậu làm đủ thứ chuyện bẩn thỉu cho Đế chế. Hoặc chúng sẽ tóm được cậu,

như cậu đã nói. Rốt cuộc thì mọi chuyện cũng sẽ đến hồi kết thúc, giống như bọn anh vậy."

Mọi người ở Hermes đều rời Babel à?

Tôi biết rất ít người còn ở lại.

Robin không chắc mình cảm thấy thế nào về điều này. Cậu thường ru mình vào ảo tưởng về cuộc sống hậu Babel – một suất học bổng nhàn hạ nếu cậu muốn; sự đảm bảo cho những năm tháng học tập được tài trợ đầy đủ hơn trong những thư viện tuyệt đẹp kia, sống trong ký túc xá đại học thoải mái và dạy kèm tiếng Latin cho những sinh viên đại học giàu có nếu cậu muốn thêm tiền tiêu vặt; hoặc một sự nghiệp thú vị, đi du lịch nước ngoài cùng những người mua sách và phiên dịch viên. Trong...*Zhuangzi*mà anh ấy vừa dịch cùng Giáo sư Chakravarti,cụm từ*tăntú*[*]Nguyên nghĩa là "con đường bằng phẳng", nghĩa bóng là "cuộc sống yên bình". Đây chính là điều anh ta mong muốn: một con đường bằng phẳng, êm đềm dẫn tới một tương lai không bất ngờ.

Trở ngại duy nhất, tất nhiên, là lương tâm của anh ta.

"Cậu sẽ ở lại Babel chừng nào còn có thể," Griffin nói. "Ý tôi là, cậu nên làm vậy – trời biết đấy, chúng tôi cần thêm người ở bên trong. Nhưng mọi thứ ngày càng khó khăn hơn, cậu thấy đấy. Cậu sẽ nhận ra mình không thể dung hòa lương tâm với những gì họ yêu cầu cậu làm. Chuyện gì sẽ xảy ra khi họ điều cậu đến nghiên cứu quân sự? Khi họ gửi cậu đến biên giới ở New Zealand, hay Thuộc địa Cape?"

Không thể nào cậu cứ trốn mấy bài tập đó được?

Griffin cười lớn. "Hợp đồng quân sự chiếm hơn một nửa số đơn đặt hàng. Chúng là phần thiết yếu trong hồ sơ xin bổ nhiệm giáo sư. Và chúng cũng trả rất hậu hĩnh – hầu hết các giảng viên cao cấp đều giàu lên nhờ đánh Napoleon. Anh nghĩ sao ông già yêu

quý của chúng ta lại có thể duy trì được ba căn nhà chứ? Chính công việc bạo lực đó đã nuôi dưỡng giấc mơ xa hoa này đấy."

"Rồi sao nữa?" Robin hỏi. "Tôi rời khỏi đây bằng cách nào?"

Đơn giản thôi. Anh giả chết, rồi sống ẩn dật.

Đó là những gì anh đã làm à?

'Khoảng năm năm trước, đúng vậy. Rồi cậu cũng sẽ như tôi thôi. Và rồi cậu sẽ trở thành một cái bóng lởn vởn trong khuôn viên trường mà mình từng tự do tung hoành, và cầu mong một sinh viên năm nhất nào đó động lòng trắc ẩn cho cậu được vào lại thư viện cũ.' Griffin liếc nhìn anh. 'Cậu không hài lòng với câu trả lời này, phải không?'

Robin do dự. Anh không chắc phải diễn tả sự bất an của mình thế nào. Đúng là việc từ bỏ cuộc sống ở Oxford để đến với Hermes có một sức hút nhất định. Anh muốn làm những gì Griffin đã làm; anh muốn tiếp cận hoạt động nội bộ của Hermes, muốn biết những thỏi vàng bị đánh cắp được đưa đi đâu và bị xử lý như thế nào. Anh muốn nhìn thấy thế giới ngầm.

Nhưng nếu đi rồi, hắn biết, hắn sẽ không bao giờ có thể quay lại.

"Cứ như thể bị cắt đứt khỏi tất cả mọi thứ vậy," anh nói. "Khỏi tất cả."

"Ông có biết người La Mã vỗ béo chuột sóc như thế nào không?" Griffin hỏi.

Robin thở dài. "Griffin."

Các gia sư đã cho anh đọc Varro rồi, phải không? Ông ta có mô tả một*glirarium*trong*Res Rustica*.* Nó là một thiết bị khá tinh xảo. Bạn làm mộtmột cái lọ, chỉ khác là nó được đục lỗ để chuột sóc có thể thở, và bề mặt được đánh bóng nhẵn đến mức không thể

trốn thoát. Bạn đặt thức ăn vào các hốc, và bạn đảm bảo có một số gờ và lối đi để chuột sóc không quá buồn chán. Quan trọng nhất là bạn phải giữ cho nó tối, để chuột sóc luôn nghĩ rằng đã đến lúc ngủ đông. Tất cả những gì chúng làm là ngủ và vỗ béo bản thân.

"Được rồi," Robin nói mất kiên nhẫn. "Được rồi. Tôi hiểu rồi."

"Tôi biết là khó đấy," Griffin nói. "Thật không dễ dàng gì từ bỏ những đặc quyền của địa vị mình. Tôi chắc là cậu vẫn còn thích khoản trợ cấp, áo choàng học giả và những buổi tiệc rượu chứ —"

"Không phải mấy buổi tiệc rượu vang," Robin khăng khăng. "Tôi không – ý tôi là, tôi không đến mấy buổi tiệc rượu vang. Và cũng không phải vì tiền trợ cấp, hay mấy cái áo choàng ngớ ngẩn. Chỉ là – tôi không biết nữa, nó cứ như một bước nhảy vọt quá lớn."

Làm sao anh có thể giải thích được? Babel không chỉ đơn thuần là tiện nghi vật chất. Babel là lý do anh thuộc về nước Anh, lý do anh không phải ăn xin trên đường phố Quảng Châu. Babel là nơi duy nhất tài năng của anh được coi trọng. Babel là sự an toàn. Và có lẽ tất cả những điều đó đều đã thỏa hiệp về mặt đạo đức, phải – nhưng mong muốn được sống sót thì có sai trái gì?

"Đừng bận tâm," Griffin nói. "Không ai yêu cầu anh rời Oxford cả. Nói theo chiến lược thì đó không phải là hành động khôn ngoan. Anh thấy đấy, tôi tự do, và tôi hạnh phúc khi ở bên ngoài, nhưng tôi cũng không thể vào được tòa tháp. Chúng ta bị mắc kẹt trong một mối quan hệ cộng sinh với các đòn bẩy quyền lực. Chúng ta cần tiền của họ. Chúng ta cần công cụ của họ. Và, dù ghét phải thừa nhận điều đó, chúng ta được hưởng lợi từ nghiên cứu của họ."

Hắn đẩy Robin một cái. Cái đẩy mang ý nghĩa anh em thân thiết, nhưng cả hai đứa đều chẳng quen với kiểu thể hiện tình cảm này, nên trông nó lại giống như một lời đe dọa hơn là ý

định ban đầu của Griffin. “Cứ lo mà đọc sách và ở yên trong này. Đừng có bận tâm đến cái nghịch lý đó. Tội lỗi của mày đã được xoa dịu rồi, ít nhất là bây giờ. Tận hưởng đi*glirarium*, chuột sóc nhỏ.

Griffin bỏ anh lại ở góc phố Woodstock. Robin nhìn bóng dáng gầy gò của hắn khuất dần vào dòng người, chiếc áo khoác phấp phới quanh người như cánh chim đại bàng, rồi tự hỏi làm sao mình có thể vừa ngưỡng mộ vừa căm ghét một người đến thế.

Trong Hán văn cổ điển, các chữHai lòngám chỉ ý đồ bất trung hoặc phản bội; theo nghĩa đen, chúng được dịch là ‘hai lòng’. Và Robin thấy mình rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan khi yêu thứ mà anh đã phản bội, tới hai lần.

Anh ta mê mẩn Oxford, và cuộc sống của anh ta ở Oxford. Thật tuyệt khi được ở giữa những Babbler, vốn là nhóm sinh viên đặc quyền nhất ở đó theo nhiều cách. Nếu họ phô trương sự liên kết với Babel, họ được phép vào bất kỳ thư viện nào của trường, bao gồm cả thư viện Codrington lộng lẫy đến vô lý, nơi thực sự không chứa bất kỳ tài liệu tham khảo nào họ cần, nhưng họ vẫn lui tới bất kể vì những bức tường cao và sàn đá cẩm thạch khiến họ cảm thấy vô cùng oai vệ. Tất cả chi phí sinh hoạt của họ đều được lo liệu. Không giống như những người phục vụ khác, họ không bao giờ phải phục vụ thức ăn trong hội trường hoặc dọn dẹp phòng của gia sư. Tiền phòng, tiền ăn và học phí của họ được Babel trả trực tiếp, vì vậy họ thậm chí còn chưa bao giờ nhìn thấy hóa đơn - trên hết, họ còn nhận được khoản trợ cấp hai mươi shilling mỗi tháng, và cũng được quyền sử dụng một quỹ tùy ý mà họ có thể dùng để mua bất kỳ tài liệu học tập nào họ thích. Nếu họ có thể đưa ra lý do dù mỏng manh nhất rằng một cây bút máy có nắp vàng sẽ hỗ trợ việc học của họ, thì Babel sẽ trả tiền cho nó.

Tầm quan trọng của việc này chưa từng xuất hiện trong đầu Robin cho đến một đêm anh tình cờ gặp Bill Jameson trong

phòng sinh hoạt chung, đang hí hoáy viết số lên một mẩu giấy vụn với vẻ mặt khổ sở.

"Tiền sinh hoạt tháng này," anh ta giải thích với Robin. "Tớ xài quá số tiền bố mẹ gửi rồi - cứ thiếu mãi."

Những con số trên tờ giấy làm Robin kinh ngạc; anh chưa bao giờ tưởng tượng được học phí ở Oxford lại đắt đỏ đến vậy.

“Anh định làm gì?” hắn hỏi.

“Tôi có vài thứ có thể đem cầm đồ để bù vào khoản chênh lệch cho đến tháng sau. Hoặc tôi sẽ nhịn vài bữa cho đến lúc đó.” Jameson ngước nhìn lên. Trông anh ta vô cùng lúng túng. “Tôi nói ra điều này, và tôi rất ngại hỏi, nhưng anh nghĩ…”

“Dĩ nhiên rồi,” Robin nói vội vàng. “Anh cần bao nhiêu?”

Tớ thì không muốn đâu, nhưng mà học phí kỳ này – họ bắt tụi mình trả tiền để mổ xác cho môn Giải phẫu, thật sự là…

“Không cần khách sáo.” Robin thò tay vào túi, móc ví ra và bắt đầu đếm tiền xu. Anh cảm thấy mình làm vậy thật kiểu cách – anh vừa mới nhận được tiền trợ cấp từ thủ quỹ sáng nay, và anh hy vọng Jameson không nghĩ anh lúc nào cũng mang theo một cái ví dày cộm như vậy. “Số này đủ cho mấy bữa ăn chứ?”

“Cậu đúng là cứu tinh, Swift. Tháng sau mình sẽ trả lại cậu ngay.” Jameson thở dài, lắc đầu. “Babel. Bọn họ chăm lo cho cậu chu đáo thật đấy.”

Họ đã làm. Babel không chỉ giàu có mà còn được kính trọng. Của họlà khoa danh giá nhất Oxford, vượt xa các khoa khác. Chính Babel là nơi mà các sinh viên năm nhất khoe khoang với họ hàng khi dẫn họ đi tham quan khuôn viên trường. Sinh viên Babel luôn là người chiến thắng Giải thưởng Thủ tướng hàng năm của Oxford, dành cho bài thơ Latin hay nhất, cũng như

Học bổng tiếng Do Thái Kennicott. Cũng chính các sinh viên đại học Babel được mời đến các buổi tiếp tân đặc biệt* cùng với các chính trị gia, quý tộc, và những người giàu có đến mức khó tin, những người tạo nên nhóm khách hàng quen thuộc của sảnh đợi. Từng có tin đồn rằng chính Công chúa Victoria sẽ tham dự tiệc vườn hàng năm của khoa; điều này hóa ra là sai sự thật, nhưng bà đã tặng họ một đài phun nước bằng đá cẩm thạch mới được lắp đặt trên bãi cỏ một tuần sau đó, và Giáo sư Playfair đã phù phép cho nó phun ra những vòng cung nước cao vút, lấp lánh suốt cả ngày.

Đến giữa học kỳ Hilary, giống như mọi khóa Babel trước đó, Robin, Ramy, Victoire và Letty đều nhiễm cái vẻ bề trên khó ưa của những học giả tự biết mình nắm trùm cả khuôn viên trường. Họ lấy làm thích thú khi thấy những học giả thỉnh giảng, vốn thường tỏ vẻ kẻ cả hoặc lờ họ đi trong hội trường, bỗng nhiên xun xoe bắt tay khi biết họ học ngành dịch thuật. Họ thường buột miệng nhắc đến việc mình được ra vào Phòng Sinh Hoạt Cao Cấp, một nơi vừa sang trọng lại vừa không dành cho sinh viên đại học bình thường, dù sự thật là họ ít khi ở đó, vì khó mà nói chuyện bình thường được khi có một vị giáo sư già nua, nhăn nheo ngồi ngáy khò khò ở góc phòng.

Victoire và Letty, giờ đã hiểu rằng sự hiện diện của phụ nữ ở Oxford giống một bí mật ai cũng biết hơn là một điều cấm kỵ hoàn toàn, bắt đầu từ từ nuôi tóc dài. Một hôm, Letty thậm chí còn xuất hiện trong hội trường ăn tối với một chiếc váy thay vì quần dài. Các chàng trai của Univ thì thầm và chỉ trỏ, nhưng nhân viên không nói gì, và cô được phục vụ ba món ăn và rượu mà không gặp sự cố nào.

Nhưng cũng có những khác biệt quan trọng khiến họ không hoàn toàn thuộc về nơi này. Chẳng ai trong quán rượu ưa thích của họ chịu phục vụ Ramy nếu anh ta là...đến đầu tiên. Letty và Victoire không thể mượn sách ở thư viện nếu không có nam sinh đi kèm để bảo lãnh. Các chủ cửa hàng thường lầm tưởng

Victoire là người hầu gái của Letty hoặc Robin. Những người gác cổng thường xuyên yêu cầu cả bốn người họ đừng giẫm lên bãi cỏ vì khu vực đó bị cấm, trong khi những nam sinh khác thì cứ giẫm đạp lên đám cỏ được cho là mỏng manh xung quanh họ.

Hơn nữa, tất cả bọn họ phải mất đến vài tháng trời mới học được cách nói chuyện như dân Oxford. Tiếng Anh ở Oxford khác với tiếng Anh ở Luân Đôn, và phần lớn được phát triển bởi xu hướng của sinh viên đại học là làm biến chất và rút gọn gần như tất cả mọi thứ.*Magdalene*đã được tuyên bố*maudlin*cũng vì lý do đó,*St Aldate's*đã trở thành*St Old's*Magna Vacatio thành Kỳ Nghỉ Dài rồi thành Kỳ Nghỉ. New College thành New; St Edmund's thành Teddy. Phải mất hàng tháng Robin mới quen nói "Univ" khi anh ấy muốn nói "University College". A*spread*là một bữa tiệc với số lượng khách mời khá đông; một*pidge*viết tắt của*pigeonhole*nghĩa là một trong những ngăn gỗ nơi thư của họ được phân loại.

Sự lưu loát cũng đồng nghĩa với việc phải nắm vững cả một loạt các quy tắc xã giao và những quy ước ngầm mà Robin e sợ rằng mình sẽ không bao giờ hiểu hết được. Chẳng hạn như, không ai trong số họ thực sự hiểu được phép tắc cụ thể của việc sử dụng danh thiếp, hay làm thế nào để len lỏi vào hệ sinh thái xã hội của trường đại học ngay từ đầu, hoặc cách thức hoạt động của nhiều tầng lớp riêng biệt nhưng chồng chéo trong hệ sinh thái đó.* Họ luôn nghe đồn về những bữa tiệc tùng bạt mạng, những đêm ở quán rượu vượt khỏi tầm kiểm soát, những cuộc họp hội kín, và những buổi trà chiều nơi anh A, chị B đã cư xử thô lỗ đến mức không thể chấp nhận được với gia sư của mình, hay nơi anh X, chị Y đã xúc phạm chị/em gái của người khác, nhưng họ chưa bao giờ tận mắt chứng kiến những sự việc này.

"Sao chúng ta chẳng bao giờ được mời đến các buổi tiệc rượu nhỉ?" Ramy hỏi. "Chúng ta rất thú vị mà."

“Chú không uống rượu vang mà,” Victoire nhận xét.

Vâng, tôi muốn bày tỏ lòng cảm kích...*ambience*—'

“Tại vì hai người có bao giờ mở tiệc rượu đâu,” Letty nói. “Cái này là có qua có lại. Hai người có bao giờ tự tay đưa danh thiếp cho ai chưa?”

Hình như tôi chưa từng*seen*"Danh thiếp," Robin nói. "Có cả nghệ thuật nữa sao?"

"Ồ, chúng dễ lắm," Ramy nói.*To Pendennis, Esq., Infernal beast, I will give you lashings of booze tonight. Confound you, your enemy, Mirza.*Không à?

“Lịch sự ghê.” Letty khịt mũi. “Chẳng trách cậu không phải là hot girl đại học.”

Họ rõ ràng không phải là “hoàng tộc” của trường đại học. Ngay cả đám Babblers da trắng khóa trên cũng không được coi là “hoàng tộc”, bởi Babel vùi dập họ với hàng núi bài vở đến mức chẳng còn thời gian mà tận hưởng cuộc sống xã hội. Danh hiệu ấy chỉ có thể dành cho một sinh viên năm hai trường Univ tên là Elton Pendennis và đám bạn của hắn. Bọn họ đều là “gentlemen-commoners”, nghĩa là họ đã đóng học phí cao hơn cho trường để khỏi phải thi tuyển và để hưởng những đặc quyền như các thành viên chính thức của trường. Họ ngồi ở bàn cao nhất trong hội trường, ở trong những căn hộ đẹp hơn hẳn ký túc xá ở Magpie Lane, và chơi bi-a trong Phòng Sinh hoạt Chung bất cứ khi nào họ muốn. Họ thích đi săn, chơi tennis và bi-a vào cuối tuần, rồi lên xe ngựa đến London hàng tháng để dự tiệc tối và khiêu vũ. Họ không bao giờ mua sắm trên phố High; tất cả những bộ quần áo thời trang mới nhất, xì gà và phụ kiện đều được các nhân viên bán hàng mang thẳng từ London đến tận phòng của họ, thậm chí còn chẳng buồn báo giá.

Letty, lớn lên cùng lũ con trai như Pendennis, biến hắn và đám bạn thành mục tiêu của một tràng công kích liên miên. "Lũ con trai nhà giàu học hành bằng tiền bố. Cá là cả đời chúng chưa

từng mở nổi một cuốn sách giáo khoa. Chẳng hiểu sao Elton lại nghĩ mình đẹp trai. Môi hắn ta nữ tính chết được; đừng có chu mỏ nữa. Cái áo khoác tím cài khuy đôi trông lố bịch quá thể. Còn nữa, không hiểu sao hắn cứ khăng khăng nói với mọi người là hắn và Clara Lilly hiểu nhau. Tôi biết Clara và cô ấy gần như đã đính hôn với con trai cả nhà Woolcotts rồi..."

Dù vậy, Robin vẫn không khỏi ghen tị với những chàng trai kia – những kẻ sinh ra ở thế giới này, nói năng bằng thứ ngôn ngữ của nó như tiếng mẹ đẻ. Khi nhìn thấy Elton Pendennis cùng đám bạn dạo bước cười nói trên bãi cỏ, cậu không khỏi tưởng tượng, dù chỉ trong thoáng chốc, cảm giác được là một phần của nhóm đó sẽ như thế nào. Cậu khao khát cuộc sống của Pendennis, không hẳn vì những thú vui vật chất – rượu ngon, xì gà, quần áo đẹp, những bữa tối sang trọng – mà vì những gì nó đại diện: sự đảm bảo rằng mình sẽ luôn được chào đón ở nước Anh. Giá mà cậu có thể đạt được sự lưu loát của Pendennis, hoặc ít nhất là bắt chước được nó, thì cậu cũng sẽ hòa nhập vào bức tranh thêu dệt nên cuộc sống lý tưởng trong khuôn viên trường đại học này. Và cậu sẽ không còn là kẻ ngoại quốc, lúc nào cũng phải dè dặt nữa.phát âm của anh ta có thể chưa chuẩn lắm, nhưng anh ta là người bản xứ, điều đó không thể bị nghi ngờ hay phủ nhận.

Robin bàng hoàng khi một đêm nọ tìm thấy một tấm thiệp làm bằng giấy cứng nổi trong chuồng bồ câu của mình. Trên thiệp viết:

Robin Swift—

Would appreciate the pleasure of your company for drinks next Friday – seven o'clock if you like to be there at the start or any reasonable time thereafter we are not fussy.

Nó được ký bằng một kiểu thư pháp rất ấn tượng khiến Robin phải mất một lúc mới giải mã được,*Elton Pendennis.*

“Tôi nghĩ cậu đang làm quá lên rồi đấy,” Ramy nói khi Robin đưa tấm thiệp cho họ xem. “Đừng nói với tôi là cậu thực sự sẽ đi nhé.”

“Tôi không muốn bất lịch sự,” Robin nói yếu ớt.

'Ai thèm quan tâm Pendennis nghĩ cậu thô lỗ chứ? Hắn ta đâu mời cậu vì cậu có giáo dục tốt, hắn ta chỉ muốn làm bạn với một người ở Babel thôi.'

Cảm ơn Ramy.

Ramy gạt đi. "Vấn đề là, tại sao*you*Hả? Tôi duyên dáng hơn gấp bội.

“Cậu không đủ thanh lịch,” Victoire nói. “Robin thì có.”

‘Tôi không hiểu ý ai khi nói về*genteel*— Ramy nói. — Người ta lúc nào cũng đem nó ra nói về những người giàu sang quyền quý. Nhưng thực ra nó là cái gì*mean*? Có phải ý anh là cô rất giàu?

Ý của cháu là về mặt lễ phép, Victoire nói.

“Buồn cười thật,” Ramy nói. “Nhưng tôi nghĩ vấn đề không phải là phép tắc. Vấn đề là Robin trông giống người da trắng còn chúng ta thì không.”

Robin không thể tin nổi họ lại thô lỗ đến vậy. "Hay là họ chỉ muốn có mình ở cạnh thôi nhỉ?"

Không phải là không thể, chỉ là hơi khó thôi. Cậu rất tệ trong việc giao tiếp với người lạ.

Tôi không phải.

“Cậu cũng vậy mà. Lúc nào cậu cũng im thin thít, co rúm vào một góc như thể người ta sắp bắn cậu đến nơi.” Ramy khoanh

tay, nghiêng đầu. “Cậu muốn ăn tối với họ làm gì?”

Tôi không biết nữa. Chỉ là một buổi tiệc rượu thôi mà.

“Một bữa tiệc rượu, rồi sao nữa?” Ramy vẫn nài nỉ. “Cậu nghĩ họ sẽ coi cậu là người trong nhóm à? Cậu đang hy vọng họ sẽ đưa cậu đến Câu lạc bộ Bullingdon đấy à?”

Câu lạc bộ trên Bullingdon Green là một cơ sở ăn uống và thể thao độc quyền, nơi các chàng trai trẻ có thể giết thời gian buổi chiều bằng việc đi săn hoặc chơi cricket. Tư cách thành viên được phân bổ dựa trên những tiêu chuẩn bí ẩn, dường như có mối tương quan chặt chẽ với sự giàu có và tầm ảnh hưởng. Dù Babel rất danh giá, nhưng không một sinh viên Babel nào mà Robin quen biết lại dám mơ tưởng đến việc được mời tham gia.

“Có lẽ,” Robin nói, chỉ để tỏ ra trái ngược. “Sẽ thật tuyệt nếu được nhìn vào bên trong.”

“Em đang hào hứng đấy,” Ramy buộc tội. “Em hy vọng họ sẽ thích em.”

Thừa nhận mình ghen tị cũng chẳng sao cả.

Đừng có mà khóc lóc khi chúng nó hắt rượu lên áo rồi chửi bới anh.

Robin cười toe toét. "Ngươi sẽ không bảo vệ danh dự của ta sao?"

Ramy đập vào vai cậu. "Chôm cho tao cái gạt tàn; tao đem cầm đồ trả tiền ăn của Jameson."

Không hiểu sao Letty lại là người phản đối kịch liệt nhất việc Robin nhận lời mời của Pendennis. Khi họ rời quán cà phê đến thư viện, rất lâu sau khi câu chuyện đã lạc sang hướng khác, cô kéo khuỷu tay anh cho đến khi cả hai tụt lại phía sau Ramy và Victoire vài bước.

“Mấy đứa con trai đó chẳng ra gì,” bà ấy nói. “Chúng nó nghiện rượu, lười biếng, lại còn là đám hư hỏng nữa chứ.”

Robin cười. "Chỉ là một buổi tiệc rượu thôi mà, Letty."

“Vậy tại sao anh lại muốn đi?” cô ấy gặng hỏi. “Anh có uống được bao nhiêu đâu.”

Anh không thể hiểu nổi tại sao cô lại làm quá lên như vậy. "Anh chỉ tò mò thôi mà. Chắc cũng chẳng có gì hay ho đâu."

“Vậy thì đừng đến,” cô ấy nhất quyết. “Cứ vứt tấm thiệp đi.”

"Ồ không, nói vậy thật thô lỗ. Với lại tối hôm đó tôi chẳng có kế hoạch gì—"

“Em có thể dành thời gian với tụi chị,” cô ấy nói. “Ramy muốn nấu món gì đó.”

Ramy lúc nào cũng nấu nướng, mà món nào cũng dở tệ.

“Ồ, vậy là cậu đang hy vọng họ sẽ cho cậu gia nhập hội à?” Cô nhướn mày. “Swift và Pendennis, đôi bạn chí cốt, đó là điều cậu muốn phải không?”

Anh cảm thấy bực mình dâng lên. "Em thực sự sợ anh sẽ kết bạn với người khác đến vậy sao? Tin anh đi, Letitia, không ai có thể sánh bằng em."

“Tôi hiểu.” Anh giật mình khi giọng cô nghẹn lại. Anh nhận thấy mắt cô đã đỏ hoe. Cô sắp khóc ư? Cô bị sao vậy? “Ra là vậy.”

“Chỉ là một bữa tiệc rượu thôi mà,” anh nói, bực bội. “Có chuyện gì vậy, Letty?”

“Kệ đi,” cô nói và bước nhanh hơn. “Uống với ai tùy anh.”

"Tôi sẽ," anh gắt lên, nhưng cô đã bỏ anh lại phía sau xa lắm rồi.

Bảy giờ kém mười thứ Sáu tuần sau, Robin khoác lên mình chiếc áo khoác duy nhất coi như được xem là đẹp, lôi chai rượu port mua ở Taylor's từ gầm giường ra, rồi đi bộ đến khu căn hộ trên phố Merton. Anh không khó khăn gì để tìm thấy phòng của Elton Pendennis. Thậm chí trước khi đi đến cuối phố, anh đã nghe thấy tiếng nói chuyện ồn ào và tiếng đàn piano hơi lạc nhịp vẳng ra từ cửa sổ.

Anh ta phải gõ cửa vài lần trước khi có người nghe thấy. Cánh cửa bật mở, để lộ một cậu bé tóc vàng hoe mà Robin lờ mờ nhớ tên là St Cloud.

"Ồ," hắn ta nói, nhìn Robin từ đầu đến chân với đôi mắt lờ đờ. Hắn ta có vẻ say lắm. "Cô đến rồi."

"Hình như lịch sự mà," Robin nói. "Vì tôi được mời?" Cậu ghét cái kiểu giọng mình cứ cao lên thành câu hỏi như thế.

St Cloud chớp mắt nhìn anh ta, rồi quay người ra hiệu mơ hồ vào bên trong. "Ờ, vào đi."

Bên trong, ba cậu con trai khác đang ngồi trên ghế dài trong phòng khách, nơi đặc quánh khói xì gà đến nỗi Robin ho sặc sụa khi bước vào.

Bọn con trai bu quanh Elton Pendennis như lá rụng quanh một bông hoa. Nhìn gần, những lời đồn đại về vẻ ngoài điển trai của anh dường như không hề phóng đại chút nào. Anh là một trong những người đàn ông đẹp trai nhất mà Robin từng gặp, một hình mẫu anh hùng Byron đích thực. Đôi mắt sâu hun hút được bao quanh bởi hàng mi dày và đen; đôi môi đầy đặn có lẽ sẽ trông nữ tính, như Letty đã nói, nếu chúng không được đặt trên một chiếc cằm vuông vức và mạnh mẽ như vậy.

Không phải công ty, mà là*ennui*, anh ta đang nói. 'Luân Đôn vui vẻ được một mùa, nhưng rồi năm nào bạn cũng lại gặp những khuôn mặt cũ rích, còn các cô gái thì chẳng xinh hơn chút nào,

chỉ già đi thôi. Một khi bạn đã dự một buổi dạ hội rồi thì coi như bạn đã dự hết tất cả rồi. Bạn biết đấy, một người bạn của bố tôi từng hứa với những người quen thân nhất của ông ấy rằng ông có thể làm các buổi tụ họp của họ trở nên sôi động hơn. Ông ấy đã chuẩn bị một bữa tiệc tối công phu, rồi nói vớisai người hầu ra ngoài và mời tất cả những kẻ ăn mày và những gã say xỉn vô gia cư mà họ gặp trên đường. Khi bạn bè của ông ta đến, họ thấy đám người rách rưới, say khướt nhảy nhót trên bàn - thật là buồn cười, ước gì tôi cũng được mời.'

Câu chuyện cười kết thúc tại đây; khán giả cười đúng lúc. Pendennis, sau khi kết thúc màn độc thoại, ngước nhìn. 'Ồ, chào. Robin Swift phải không?'

Lúc này thì chút lạc quan dè dặt của Robin rằng đây sẽ là một khoảng thời gian tốt đẹp đã tan biến hết. Anh cảm thấy kiệt sức. "Tôi xin phép."

"Elton Pendennis," Pendennis nói, đưa tay ra cho Robin bắt. "Chúng tôi rất vui vì anh đã đến được."

Ông ấy chỉ điếu xì gà vòng quanh phòng, khói thuốc bay lượn theo từng lời giới thiệu. "Đây là Vincy Woolcombe." Một cậu bé tóc đỏ ngồi cạnh Pendennis vẫy tay chào Robin thân thiện. "Milton St Cloud, người đã mang đến cho chúng ta màn trình diễn âm nhạc." St Cloud tóc vàng hoe, mặt tàn nhang, đang ngồi trước cây đàn piano, gật đầu lười biếng rồi lại tiếp tục gõ ra một chuỗi âm thanh rời rạc. "Và Colin Thornhill - cậu biết hắn rồi đấy."

“Chúng ta là hàng xóm trên đường Chim Ác Cả,” Colin nói hăm hở. “Robin ở phòng số bảy, còn tôi số ba—”

“Cậu đã nói rồi,” Pendennis nói. “Thực ra là rất nhiều lần.”

Colin ấp úng. Robin ước gì Ramy ở đó để chứng kiến; anh chưa từng gặp ai có thể khiến Colin cứng họng chỉ bằng một cái liếc

mắt.

“Khát nước chứ?” Pendennis hỏi. Trên bàn bày la liệt đủ loại rượu đến nỗi Robin nhìn mà hoa cả mắt. “Cứ tự nhiên rót gì anh thích nhé. Chúng ta chẳng bao giờ uống giống nhau cả. Rượu vang đỏ và sherry đang được rót kia kìa – ồ, tôi thấy anh có mang theo gì đó, cứ đặt lên bàn đi.” Pendennis thậm chí còn không nhìn chai rượu. “Ở đây có absinthe, kia là rum – à, chỉ còn một chút gin thôi, nhưng cứ uống hết chai cũng được, nó cũng chẳng ngon lắm. À mà chúng tôi có gọi món tráng miệng ở Sadler, cứ tự nhiên ăn nhé, không thì để ra nó lại hỏng mất.”

“Chỉ chút rượu thôi,” Robin nói. “Nếu anh có.”

Đám bạn của anh hiếm khi uống cùng nhau, vì nể Ramy, và anh vẫn chưa có được kiến thức sâu rộng về các loại rượu cũng như việc lựa chọn đồ uống nói lên điều gì về tính cách của một người. Nhưng Giáo sư Lovell luôn uống rượu vang vào bữa tối, nên rượu vang có vẻ là lựa chọn an toàn.

“Dĩ nhiên rồi. Có rượu vang đỏ, hoặc rượu port và Madeira nếu ông muốn gì đó nặng đô hơn. Xì gà nhé?”

“Ồ – không, không sao, nhưng Madeira thì được đấy, cảm ơn.” Robin lùi về chỗ ngồi trống duy nhất, tay bê một ly đầy tú ụ.

"Vậy ra cậu là một Babbler à," Pendennis nói, dựa người vào ghế.

Robin nhấp một ngụm rượu, cố gắng bắt chước vẻ uể oải của Pendennis. Làm sao người ta có thể khiến một tư thế thư giãn như vậy trông thanh lịch đến thế? "Đấy, người ta gọi bọn mình là thế đấy."

"Làm nghề gì đấy? Người Hoa à?"

“Tiếng Quan Thoại là chuyên môn của tôi,” Robin nói. “Mặc dù tôi cũng đang nghiên cứu so sánh nó với tiếng Nhật và, cuối

cùng, tiếng Phạn—”

“Vậy ra anh là người Trung Quốc à?” Pendennis gặng hỏi. “Chúng tôi không chắc lắm – tôi thì thấy anh trông giống người Anh, nhưng Colin thề sống thề chết là anh là người phương Đông.”

“Tôi sinh ra ở Quảng Châu,” Robin kiên nhẫn nói. “Mặc dù tôi cũng muốn nói rằng mình là người Anh nữa—”

“Tôi biết Trung Quốc,” Woolcombe xen vào. “Hốt Tất Liệt.”

Có một thoáng im lặng.

“Ừ,” Robin nói, tự hỏi liệu câu nói ấy có nghĩa lý gì không.

“Bài thơ của Coleridge,” Woolcombe nói rõ. “Một tác phẩm văn học rất phương Đông. Nhưng không hiểu sao, cũng rất Lãng mạn.”

“Thật thú vị,” Robin nói, cố tỏ ra lịch sự hết mức. “Tôi sẽ phải đọc nó.”

Im lặng lại bao trùm. Robin cảm thấy hơi áp lực phải duy trì cuộc trò chuyện, nên anh thử đổi ngược câu hỏi. "Vậy thì – ý tôi là, mọi người định làm gì? Với tấm bằng của mình, ý tôi là vậy."

Họ cười phá lên. Pendennis chống cằm lên tay.*Do*, hắn nói lè nhè, , nghe quê mùa quá. Tôi thích đời sống tinh thần hơn.

“Đừng nghe hắn,” Woolcombe nói. “Hắn sẽ sống nhờ tài sản của mình và tra tấn khách khứa bằng những triết lý cao siêu cho đến chết. Tớ sẽ làm mục sư, Colin làm luật sư. Milton sẽ làm bác sĩ, nếu hắn chịu khó đi học bài.”

“Vậy là cậu không theo học bất kỳ ngành nghề nào ở đây à?” Robin hỏi Pendennis.

“Tôi viết lách,” Pendennis nói với vẻ thờ ơ hết sức cố ý, cái kiểu mà những kẻ tự phụ thường hay tung ra những mẩu thông tin vụn vặt với hy vọng chúng sẽ trở thành đề tài hấp dẫn. “Tôi làm thơ. Tôi chưa có nhiều tác phẩm cho lắm—”

“Cho hắn xem,” Colin kêu lên, đúng lúc. “Cho hắn xem đi. Robin, nó thâm thúy lắm, đợi mà nghe—”

"Được rồi." Pendennis nghiêng người về phía trước, vẫn giả vờ miễn cưỡng, vàvới tay lấy một chồng giấy mà Robin nhận ra là đã được bày sẵn trên bàn cà phê suốt từ nãy đến giờ. 'Còn đây là một bài đáp lại bài "Ozymandias" của Shelley,* mà như anh biết đấy, là một khúc bi ai về sự tàn phá không khoan nhượng của thời gian đối với tất cả các đế chế vĩ đại và di sản của họ. Chỉ là tôi lập luận rằng, trong thời hiện đại, di sản có thể được xây dựng để trường tồn và thực sự có những con người vĩ đại ở Oxford có khả năng thực hiện một nhiệm vụ hoành tráng như vậy.’ Ông ta hắng giọng. ‘Tôi mở đầu bằng câu giống như Shelley –*I met a traveller from an antique land…*

Robin ngả người ra sau và uống cạn chỗ rượu Madeira còn lại. Vài giây trôi qua trước khi anh nhận ra bài thơ đã kết thúc, và anh cần phải đưa ra nhận xét của mình.

“Bên Babel chúng tôi có những dịch giả làm việc với thơ đấy,” anh nói nhạt nhẽo, vì chẳng nghĩ ra điều gì hay ho hơn để nói.

“Dĩ nhiên là không giống nhau rồi,” Pendennis nói. “Dịch thơ là việc dành cho những kẻ không có lửa sáng tạo trong mình. Họ chỉ có thể kiếm tìm chút danh vọng tàn dư bằng cách ăn cắp chất xám của người khác.”

Robin cười khẩy. "Tôi không nghĩ điều đó đúng."

“Cậu không hiểu được đâu,” Pendennis nói. “Cậu có phải nhà thơ đâu.”

“Thật ra—” Robin mân mê chân ly một lúc, rồi quyết định nói tiếp. “Tôi nghĩ dịch thuật có thể khó hơn sáng tác gốc rất nhiều. Nhà thơ được tự do nói bất cứ điều gì mình thích, anh thấy đấy – họ có thể chọn lựa từ vô số thủ pháp ngôn ngữ trong ngôn ngữ mà họ đang sáng tác. Lựa chọn từ, trật tự từ, âm thanh – tất cả đều quan trọng, và nếu thiếu bất kỳ yếu tố nào trong số đó, toàn bộ tác phẩm sẽ sụp đổ. Đó là lý do tại sao Shelley viết rằng dịch thơ cũng khôn ngoan như việc bỏ một bông hoa violet vào nồi nung.”* Vậy nên người dịch phải vừa là dịch giả, vừa là nhà phê bình văn học, lại vừa là nhà thơ – anh ta phải đọc bản gốc đủ kỹ để hiểu tất cả bộ máy vận hành bên trong, để truyền tải ý nghĩa với…càng chính xác càng tốt, rồi sắp xếp lại ý nghĩa đã dịch thành một cấu trúc thẩm mỹ dễ chịu trong ngôn ngữ đích mà theo đánh giá của anh ta là phù hợp với bản gốc. Nhà thơ chạy tự do trên đồng cỏ. Người dịch giả nhảy múa trong xiềng xích.

Đến cuối màn độc thoại dài dòng của anh ta, Pendennis và đám bạn nhìn chằm chằm với vẻ mặt ngớ ngẩn, há hốc mồm, như thể không biết phải nghĩ gì về anh ta nữa.

“Nhảy múa trong xiềng xích,” Woolcombe nói sau một lúc im lặng. “Thật tuyệt vời.”

“Nhưng tôi đâu phải nhà thơ,” Robin nói, giọng cay nghiệt hơn cậu định. “Nên thật ra tôi biết gì chứ?”

Nỗi lo lắng của anh đã hoàn toàn tan biến. Anh không còn bận tâm đến việc mình trông ra sao, áo khoác đã cài nút đúng chưa hay có vụn bánh dính bên mép. Anh không cần sự tán thành của Pendennis. Anh chẳng cần sự tán thành của bất kỳ đứa con trai nào ở đây cả.

Sự thật về cuộc gặp gỡ này đập vào anh rõ ràng đến mức anh suýt bật cười thành tiếng. Họ không phải đang đánh giá anh để kết nạp anh. Họ đang cố gắng gây ấn tượng với anh – và bằng cách gây ấn tượng với anh, họ phô bày sự vượt trội của chính

mình, để chứng minh rằng làm một Babbler không tốt bằng làm bạn với Elton Pendennis.

Nhưng Robin chẳng hề ấn tượng. Đây là đỉnh cao của xã hội Oxford sao?*This?*Hắn thấy thương hại chúng vô cùng – những gã trai tự cho mình là người duy mỹ, nghĩ rằng cuộc đời mình thanh cao như thể đã được chiêm nghiệm đến tận cùng. Nhưng chúng sẽ chẳng bao giờ khắc một chữ lên thỏi bạc rồi cảm nhận sức nặng của ý nghĩa nó vang vọng trong từng ngón tay. Chúng sẽ chẳng bao giờ thay đổi kết cấu của thế giới chỉ bằng mong ước viển vông.

“Vậy ra đó là những gì họ dạy cậu ở Babel à?” Woolcombe trông hơi kinh sợ. Dường như chưa từng có ai dám cãi lại Elton Pendennis.

“Còn hơn thế nữa,” Robin nói. Cậu ta cảm thấy một cơn hưng phấn mỗi khi cất lời. Bọn nhóc này chẳng là gì cả; cậu có thể nghiền nát chúng chỉ bằng một lời nói nếu cậu muốn. Cậu có thể nhảy lên ghế sô pha và ném ly rượu vang vào rèm cửa mà không phải chịu hậu quả gì, bởi vì cậu đơn giản là không quan tâm. Cơn hưng phấn tự tin tột độ này hoàn toàn xa lạ với cậu, nhưng nó mang lại cảm giác rất tuyệt. “Tất nhiên, mục đích thực sự của Babel là chế tác bạc. Mấy thứ về thơ ca chỉ là lý thuyết nền tảng thôi.”

Ông ta nói bừa đấy. Ông ta chỉ có một khái niệm rất mơ hồ về lý thuyết nền tảng của nghề kim hoàn, nhưng dù sao thì những gì ông ta vừa nói nghe cũng hay ho và diễn đạt lại càng trơn tru.

“Cậu đã từng làm đồ bạc chưa?” St Cloud gặng hỏi. Pendennis liếc anh ta một cái bực bội, nhưng St Cloud vẫn tiếp tục. “Nó có khó không?”

“Mình vẫn chỉ đang học những thứ cơ bản thôi,” Robin nói. “Chúng mình có hai năm học lý thuyết, rồi một năm học việc ở

một trong các tầng, sau đó mình mới được tự tay khắc vàng thỏi.”

“Chú có thể cho chúng cháu xem không?” Pendennis hỏi. “Cháu làm được không ạ?”

"Sẽ không hợp với cậu đâu."

"Sao lại không?" Pendennis hỏi. "Tôi biết tiếng Latin và tiếng Hy Lạp."

“Cậu không biết rõ họ đâu,” Robin nói. “Cậu phải sống và hít thở ngôn ngữ, chứ không chỉ loay hoay qua loa với văn bản. Cậu có bao giờ mơ bằng ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh không?”

"Thế à?" Pendennis vặn lại.

“Ờ, dĩ nhiên rồi,” Robin nói. “Xét cho cùng, tôi là người Hoa mà.”

Căn phòng lại chìm vào im lặng ngượng ngập. Robin quyết định giải thoát cho mọi người. "Cảm ơn vì lời mời," anh nói, đứng dậy. "Nhưng tôi phải đến thư viện."

“Dĩ nhiên rồi,” Pendennis nói. “Tôi chắc họ bắt anh bận tối mắt tối mũi.”

Không ai nói gì khi Robin lấy áo khoác. Pendennis nhìn anh lười biếng qua đôi mắt lờ đờ, chậm rãi nhấp ngụm rượu Madeira. Colin chớp mắt liên tục; miệng anh ta há ra một hai lần, nhưng chẳng nói được gì. Milton làm một cử chỉ hời hợt như muốn đứng dậy tiễn anh ra cửa, nhưng Robin ra hiệu cho anh ta ngồi xuống.

"Cậu tìm được đường ra chứ?", Pendennis hỏi.

“Tôi chắc tôi ổn mà,” Robin nói vọng lại khi cậu ta bỏ đi. “Nơi này có to lắm đâu.”

Sáng hôm sau, anh ta kể lại mọi chuyện cho đồng bọn nghe, khiến cả đám cười nghiêng ngả.

“Đọc lại bài thơ của anh ấy cho em nghe đi,” Victoire nài nỉ. “Làm ơn.”

“Tôi không nhớ hết,” Robin nói. “Nhưng để tôi nghĩ xem – đợi đã, đúng rồi, còn một câu nữa,*the blood of a nation ran in his noble cheeks*—

Không – ôi, Chúa ơi—

‘*And the spirit of Waterloo in his widow’s peak*—

“Tôi chả hiểu các anh đang nói gì cả,” Ramy nói. “Ông ấy là một thiên tài thơ ca.”

Chỉ có Letty là không cười. "Tôi rất tiếc là anh đã không có khoảng thời gian vui vẻ," cô nói lạnh lùng.

“Em nói đúng,” Robin nói, cố tỏ ra rộng lượng. “Bọn họ đúng là đồ ngốc, phải không? Anh không bao giờ nên bỏ rơi em, Letty thân yêu, ngọt ngào và tỉnh táo của anh. Em lúc nào cũng đúng hết.”

Letty không đáp lại. Cô nhặt sách lên, phủi bụi quần rồi bước xồng xộc ra khỏi quán ăn. Victoire đứng bật dậy nửa chừng như định đuổi theo, rồi thở dài, lắc đầu và ngồi xuống.

“Thôi bỏ đi,” Ramy nói. “Đừng làm hỏng một buổi chiều đẹp trời.”

“Cô ấy lúc nào cũng vậy à?” Robin hỏi. “Tôi không hiểu sao anh chịu đựng được khi sống chung với cô ta.”

"Cậu làm cô ấy nổi đóa lên," Victoire nói.

Đừng bênh cô ta—

“Có chứ,” Victoire nói. “Cả hai người đều thích mà, đừng có giả vờ; hai người thích chọc tức cô ấy.”

“Chỉ tại nó suốt ngày tự cao tự đại,” Ramy cười khẩy. “Vậy nó đối xử với cậu khác hẳn hay cậu chỉ đang cố làm quen với nó thôi?”

Victoire liếc nhìn qua lại giữa hai người. Cô ấy có vẻ đang cố gắng quyết định điều gì đó. Rồi cô ấy hỏi, "Các anh có biết cô ấy có một người anh trai không?"

"Cái gì, một tên nhà giàu ở Calcutta à?", Ramy hỏi.

“Ông ấy mất rồi,” Victoire nói. “Mất cách đây một năm.”

"Ồ." Ramy chớp mắt. "Tiếc thật."

Tên anh ấy là Lincoln. Lincoln và Letty Price. Hồi nhỏ họ thân nhau đến nỗi bạn bè gia đình đều gọi họ là cặp song sinh. Anh ấy lên Oxford trước cô ấy vài năm, nhưng đầu óc anh ấy chẳng bằng một nửa cô ấy về khoản học hành, và cứ mỗi kỳ nghỉ, anh ấy lại cãi nhau kịch liệt với bố về việc anh ấy đang phung phí việc học của mình như thế nào. Anh ấy giống Pendennis hơn là giống bất kỳ ai trong chúng tôi, nếu cô hiểu ý tôi. Một đêm anh ấy đi uống rượu. Sáng hôm sau cảnh sát đến nhà Letty, báo rằng họ đã tìm thấy thi thể của Lincoln dưới gầm xe bò. Anh ấy ngủ quên bên đường, và người lái xe đã không nhận ra anh ấy dưới bánh xe cho đến tận vài giờ sau. Chắc anh ấy đã chết trước lúc bình minh.

Ramy và Robin im lặng; cả hai đều không nghĩ ra điều gì để nói. Họ cảm thấy giống như những cậu học trò bị khiển trách, cứ như thể Victoire là bà gia sư nghiêm khắc của họ vậy.

“Cô ấy lên Oxford vài tháng sau,” Victoire nói. “Cậu có biết Babel có một kỳ thi tuyển sinh chung cho những ứng viên không được đặc cách giới thiệu không? Cô ấy đã thi và đậu. Đó là khoa duy nhất ở Oxford nhận nữ sinh. Cô ấy luôn muốn đến Babel – cô ấy

đã học tập cho việc này cả đời – nhưng cha cô ấy cứ nhất quyết từ chối.”cho cô bé được đi học. Mãi đến khi Lincoln qua đời thì cha cô bé mới cho phép cô đến thay thế vị trí của ông ấy. Thật tệ khi có con gái học ở Oxford, nhưng còn tệ hơn nếu không có đứa con nào học ở Oxford cả. Thật khủng khiếp phải không?

“Tôi không biết,” Robin nói, xấu hổ.

“Hai người không hiểu được làm phụ nữ ở đây khó khăn như thế nào đâu,” Victoire nói. “Họ tự do trên giấy tờ, chắc chắn rồi. Nhưng họ coi thường chúng ta vô cùng. Bà chủ nhà lục lọi đồ đạc của chúng ta khi chúng ta ra ngoài như thể bà ta đang tìm bằng chứng chúng ta có nhân tình vậy. Mọi điểm yếu chúng ta thể hiện đều là minh chứng cho những giả thuyết tồi tệ nhất về chúng ta, rằng chúng ta yếu đuối, chúng ta hay kích động, và chúng ta quá nhu nhược bẩm sinh để đảm đương loại công việc được giao.”

"Chắc là thế nghĩa là chúng ta phải bỏ qua cái kiểu cô ta lúc nào cũng đi lại nghênh ngang như thể nuốt phải cái sào vậy," Ramy lẩm bẩm.

Victoire liếc anh bằng ánh mắt hài hước. "Đôi khi cô bé không chịu nổi, đúng vậy. Nhưng con bé không cố ý tàn nhẫn. Nó sợ mình không nên ở đây. Nó sợ mọi người ước gì nó là anh trai của nó, và nó sợ mình sẽ bị gửi về nhà nếu cư xử hơi quá đà. Trên hết, nó sợ rằng một trong hai người sẽ đi theo vết xe đổ của Lincoln. Hai người hãy nhẹ nhàng với con bé. Hai người không biết có bao nhiêu hành vi của nó bị chi phối bởi nỗi sợ hãi đâu."

“Cách cô ấy cư xử,” Ramy nói, “hoàn toàn chỉ vì cô ta quá tự luyến.”

“Dù sao thì tôi cũng phải sống với cô ấy.” Mặt Victoire cứng lại; cô có vẻ rất bực mình với cả hai người họ. “Vậy nên thứ lỗi cho tôi nếu tôi cố gắng giữ hòa khí.”

Cơn giận của Letty chẳng kéo dài được bao lâu, và cô nàng cũng sớm bày tỏ sự tha thứ ngầm của mình. Hôm sau, khi cả nhóm lần lượt bước vào văn phòng Giáo sư Playfair, cô đáp lại nụ cười dè dặt của Robin bằng một nụ cười của riêng mình. Victoire gật đầu khi Robin liếc nhìn cô. Dường như tất cả đều đã hiểu ý nhau; Letty biết Robin và Ramy biết chuyện, cô biết họ đang hối lỗi, và bản thân cô cũng cảm thấy có lỗi và hơn cả là một chút xấu hổ vì đã làm quá lên. Chẳng còn gì để nói nữa.

Trong khi đó, vẫn còn những cuộc tranh luận sôi nổi hơn đang chờ đợi. Trong lớp học của Giáo sư Playfair học kỳ đó, họ đã vướng mắc vào khái niệm về lòng chung thủy.

“Người dịch luôn bị buộc tội là bất trung,” Giáo sư Playfair nói lớn. “Vậy điều đó có nghĩa là gì, sự trung thành này? Trung thành với ai? Văn bản? Độc giả? Tác giả? Liệu sự trung thành có tách rời khỏi phong cách? Tách rời khỏi vẻ đẹp? Hãy bắt đầu với những gì Dryden đã viết về…*Aeneid.I have endeavoured to make Virgil speak such English as he would himself have spoken, if he had been born in England, and in this present age*.’ Anh ta nhìn quanh lớp học. ‘Có ai ở đây nghĩ đó là chung thủy không?’

“Tôi thấy tò mò đấy,” Ramy nói. “Nhưng không, tôi không nghĩ vậy được. Virgil thuộc về một thời điểm và địa điểm cụ thể. Chẳng phải sẽ càng sai lệch hơn nếu ta tước bỏ hết những điều đó, để ông ấy nói chuyện như một người Anh nào đó mà ta có thể gặp trên phố sao?”

Giáo sư Playfair nhún vai. "Chẳng phải cũng là bất trung khi khiến Virgil nghe như một gã ngoại quốc cứng nhắc, thay vì một người mà ta sẽ vui vẻ trò chuyện cùng hay sao? Hoặc như Guthrie đã làm, biến Cicero thành một thành viên của Nghị viện Anh? Nhưng tôi phải thừa nhận, những phương pháp này thật đáng ngờ. Cậu làm quá đà, và cậu sẽ có thứ gì đó giống như bản dịch của Pope về…*Iliad*.

“Tôi nghĩ Pope là một trong những nhà thơ vĩ đại nhất thời đại ông ấy,” Letty nói.

“Có lẽ trong bản gốc thì đúng,” Giáo sư Playfair nói. “Nhưng ông ta lại chêm vào quá nhiều từ ngữ Anh đến nỗi khiến Homer nghe như một nhà quý tộc Anh thế kỷ thứ mười tám. Chắc chắn điều này không phù hợp với hình ảnh của chúng ta về cuộc chiến giữa người Hy Lạp và Trojan.”

"Kiểu kiêu ngạo điển hình của người Anh," Ramy nói.

“Không chỉ người Anh mới làm thế này đâu,” Giáo sư Playfair nói. “Hãy nhớ lại Herder đã công kích những nhà tân cổ điển Pháp như thế nào khi họ biến Homer thành một tù nhân, mặc quần áo Pháp, theo phong tục Pháp, kẻo ông ấy phật ý. Và tất cả những dịch giả nổi tiếng ở Ba Tư đều ưa chuộng “tinh thần” của bản dịch hơn là chính xác từng chữ—thực sự, họ thường thấy việc đổi tên châu Âu sang tiếng Ba Tư và thay thế những câu châm ngôn trong ngôn ngữ đích bằng thơ ca và tục ngữ Ba Tư là thích hợp. Điều đó có sai không, anh nghĩ sao? Không trung thành sao?”

Ramy không nói gì.

Giáo sư Playfair nói tiếp. “Dĩ nhiên là không có câu trả lời đúng. Chẳng ai trong số các nhà lý luận trước các bạn giải quyết được vấn đề này cả. Đây là một cuộc tranh luận đang diễn ra trong lĩnh vực của chúng ta. Schleiermacher lập luận rằng bản dịch nên đủ mức không tự nhiên để chúng thể hiện rõ ràng là văn bản nước ngoài. Ông cho rằng có hai lựa chọn: hoặc là người dịch để yên tác giả và kéo người đọc về phía ông ấy; hoặc là để yên người đọc và kéo tác giả về phía người đọc. Schleiermacher đã chọn cái trước. Tuy nhiên, xu hướng chủ đạo ở Anh hiện nay là cái sau – làm cho bản dịch nghe tự nhiên đến mức người đọc tiếng Anh không hề cảm thấy chúng là bản dịch.

Theo bạn thì cái nào đúng hơn? Là những người dịch thuật, chúng ta nên cố gắng hết sức để trở nên vô hình? Hay chúng ta nên nhắc nhở người đọc rằng những gì họ đang đọc không được viết bằng tiếng mẹ đẻ của họ?

“Đó là một câu hỏi bất khả thi,” Victoire nói. “Hoặc là anh đặt văn bản vào đúng thời gian và địa điểm của nó, hoặc là anh mang nó đến nơi anh đang ở, ở đây và bây giờ. Dù thế nào thì anh cũng phải từ bỏ một điều gì đó.”

“Vậy thì dịch thuật trung thành là bất khả thi sao?” Giáo sư Playfair chất vấn. “Liệu chúng ta không bao giờ có thể giao tiếp trọn vẹn xuyên thời gian, xuyên không gian hay sao?”

“Chắc là không,” Victoire nói miễn cưỡng.

“Nhưng điều ngược lại với sự trung thành là gì?”, Giáo sư Playfair hỏi. Ông sắp kết thúc cuộc biện chứng này; giờ ông chỉ cần khép lại nó bằng một đòn quyết định. “Phản bội. Dịch thuật nghĩa là gây ra bạo lực lên bản gốc, nghĩa là bóp méo và xuyên tạc nó cho những con mắt xa lạ, không nằm trong dự định. Vậy thì điều đó dẫn ta đến đâu? Làm sao ta có thể kết luận, ngoại trừ việc thừa nhận rằng một hành động dịch thuật thì tất yếu luôn là một hành động phản bội?”

Ông kết thúc câu nói thâm thúy này như thường lệ, bằng cách nhìn lần lượt từng người trong số họ. Và khi ánh mắt Robin chạm phải ánh mắt Giáo sư Playfair, cậu cảm thấy một cơn cắn rứt tội lỗi chua chát, sâu sắc trong lòng.

Chapter Nine

Translators are of the same faithless and stolid race that they have ever been: the particle of gold they bring us over is hidden from all but the most patient eye, among shiploads of yellow sand and sulphur.

TTHÔ MẠCCARLYLE, 'Tình trạng Văn học Đức'

BSinh viên abel không phải thi tuyển cho đến cuối năm thứ ba, vì vậy học kỳ Trinity trôi qua nhẹ nhàng không kém cũng chẳng áp lực hơn hai học kỳ trước. Đâu đó giữa cơn lốc bài vở, sách đọc, và những nỗ lực bất thành lúc nửa đêm để hoàn thiện món cà ri khoai tây của Ramy, năm nhất của họ đã kết thúc.

Thông lệ của sinh viên năm hai là ra nước ngoài vào mùa hè để học tiếng. Ramy đã dành tháng Sáu và tháng Bảy ở Madrid để học tiếng Tây Ban Nha và nghiên cứu kho lưu trữ của Vương triều Umayyad. Letty đến Frankfurt, nơi cô ấy dường như chỉ đọc triết học Đức khó hiểu, còn Victoire thì đến Strasbourg, và từ đó cô ấy trở về với những ý kiến khó chịu về ẩm thực và ăn uống cao cấp.* Robin đã hy vọng mình có thể có cơ hội đến thăm Nhật Bản vào mùa hè năm đó, nhưng thay vào đó anh lại bị gửi đến Trường Anh-Hoa ở Malacca để duy trì tiếng Quan Thoại. Ngôi trường, do các nhà truyền giáo Tin Lành điều hành, áp dụng một lịch trình sinh hoạt kiệt sức với những buổi cầu nguyện, đọc kinh điển và các khóa học về y học, triết học đạo đức và logic. Anh chưa bao giờ có cơ hội đi lang thang ra khỏi khuôn viên trường đến phố Heeren, nơi người Hoa sinh sống; thay vào đó, những tuần lễ ấy là một chuỗi không dứt những ngày nắng, cát và các buổi học Kinh Thánh bất tận giữa những người theo đạo Tin Lành da trắng.

Cậu rất vui khi mùa hè kết thúc. Tất cả bọn họ trở lại Oxford, da rám nắng và ai nấy đều tăng ít nhất sáu ký vì được ăn uống đầy

đủ hơn hẳn cả học kỳ. Tuy vậy, chẳng ai muốn kéo dài kỳ nghỉ thêm dù có thể. Họ nhớ nhau, nhớ Oxford với những cơn mưa và đồ ăn dở tệ, và nhớ cả sự khắt khe trong học thuật của Babel. Tâm trí họ, được làm giàu với những âm thanh và từ ngữ mới, giờ đây như những thớ cơ săn chắc đang chờ được vận động.

Họ đã sẵn sàng làm nên điều kỳ diệu.

Năm nay, cuối cùng họ cũng được phép vào khoa chế tác bạc. Phải đến năm thứ tư họ mới được phép tự tay chạm khắc, nhưng học kỳ này họ sẽ bắt đầu một khóa học lý thuyết dự bị gọi là Ngữ Nguồn Học – được giảng dạy, Robin vừa biết được với chút lo lắng, bởi Giáo sư Lovell.

Ngày đầu tiên của học kỳ, họ lên tầng tám để dự một buổi hội thảo giới thiệu đặc biệt với Giáo sư Playfair.

“Chào mừng trở lại.” Thông thường ông ta giảng bài trong bộ com lê đơn giản, nhưng hôm nay ông ta lại khoác lên mình chiếc áo choàng thạc sĩ đen tuyền với tua rua quét qua mắt cá chân đầy kịch tính. “Lần cuối cùng các trò được phép lên tầng này, các trò đã thấy được quy mô của phép thuật mà chúng ta tạo ra ở đây. Hôm nay, chúng ta sẽ vén màn bí ẩn của nó. Mời ngồi.”

Họ ngồi vào những chiếc ghế ở các trạm làm việc gần nhất. Letty dời một chồng sách trên bàn của mình sang một bên để có thể nhìn rõ hơn, nhưng Giáo sư Playfair đột ngột gắt lên, “Đừng động vào đó.”

Letty giật mình. "Xin lỗi?"

"Bàn của Evie đấy," Giáo sư Playfair nói. "Cậu không thấy tấm bảng à?"

Quả thật, có một tấm bảng đồng nhỏ gắn ở mặt trước của chiếc bàn. Họ đều rướn cổ lên để đọc.*Desk Belonging to Eveline Brooke*,

nó ghi.*Do not touch.*

Letty gom đồ đạc lại, đứng dậy rồi ngồi xuống cạnh Ramy. "Tớ xin lỗi," cô lẩm bẩm, hai má đỏ bừng.

Họ ngồi im lặng một lúc, không biết phải làm gì. Họ chưa bao giờ thấy Giáo sư Playfair buồn bã đến vậy. Nhưng cũng đột ngột như lúc trước, nét mặt ông lại trở về vẻ ấm áp thường ngày và, với một cú nhảy nhỏ, ông bắt đầu giảng bài như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Nguyên tắc cốt lõi làm nền tảng cho việc chế tác bạc là tính bất khả dịch. Khi ta nói một từ hoặc cụm từ là bất khả dịch, ta muốn nói rằng nó thiếu một từ tương đương chính xác trong một ngôn ngữ khác. Ngay cả khi nghĩa của nó có thể đượcBị bắt giữ một phần trong vài từ hoặc câu, điều gì đó vẫn bị mất mát – điều gì đó rơi vào những khoảng trống ngữ nghĩa, tất nhiên, được tạo ra bởi sự khác biệt văn hóa trong trải nghiệm sống. Lấy ví dụ như khái niệm của người Trung Quốc*dao*mà đôi khi chúng ta dịch là “con đường”, “lối đi”, hoặc “cách vạn vật nên tồn tại”. Tuy nhiên, không cách dịch nào thực sự lột tả hết ý nghĩa của*dao*, một từ nhỏ bé mà cần cả một bộ sách triết học đồ sộ để giải thích. Bạn theo kịp tôi chứ?

Họ gật đầu. Chẳng qua đây chỉ là luận điểm mà Giáo sư Playfair đã ghim chặt vào đầu họ suốt học kỳ trước – rằng tất cả các bản dịch đều bao hàm một mức độ bóp méo và xuyên tạc nào đó. Cuối cùng, dường như họ sắp sửa làm gì đó với sự bóp méo này.

Không bản dịch nào có thể truyền tải hoàn hảo ý nghĩa của bản gốc. Nhưng ý nghĩa là gì? Liệu*meaning*ám chỉ một thứ gì đó vượt lên trên những từ ngữ chúng ta dùng để mô tả thế giới của mình? Tôi nghĩ, theo trực giác, là có. Nếu không, chúng ta sẽ không có cơ sở nào để phê bình một bản dịch là chính xác hay không chính xác, nếu không có một cảm nhận khó diễn tả về những gì nó còn thiếu. Humboldt,[*] chẳng hạn, lập luận rằng từ

ngữ được kết nối với các khái niệm mà chúng mô tả bằng một thứ gì đó vô hình, vô hình - một cõi nghĩa và ý tưởng huyền bí, bắt nguồn từ một năng lượng tinh thần thuần túy mà chỉ có hình dạng khi ta gán cho nó một dấu hiệu không hoàn hảo.'

Giáo sư Playfair gõ nhẹ lên mặt bàn trước mặt ông, nơi một số thỏi bạc, cả trơn nhẵn lẫn được khắc chữ, đã được xếp thành một hàng ngay ngắn. "Cõi thuần túy của ý nghĩa - dù nó là gì, dù nó tồn tại ở đâu - chính là cốt lõi của nghề chúng ta. Các nguyên tắc cơ bản của nghề chế tác bạc rất đơn giản. Các bạn khắc một từ hoặc một cụm từ bằng một ngôn ngữ ở mặt này, và một từ hoặc cụm từ tương ứng bằng một ngôn ngữ khác ở mặt kia. Bởi vì việc dịch thuật không bao giờ có thể hoàn hảo, những biến dạng tất yếu - những ý nghĩa bị mất hoặc bị bóp méo trong quá trình chuyển đổi - sẽ bị giữ lại, và sau đó được bạc biểu hiện ra. Và điều đó, các sinh viên thân mến, gần với ma thuật nhất trong lĩnh vực khoa học tự nhiên." Ông nhìn quanh đánh giá họ. "Các bạn vẫn theo kịp chứ?"

Giờ trông họ có vẻ không chắc chắn hơn.

"Thưa Giáo sư," Victoire nói. "Nếu thầy cho chúng em một ví dụ . . ."

"Dĩ nhiên." Giáo sư Playfair nhấc thanh kim loại ngoài cùng bên phải lên. "Chúng tôi đã bán được kha khá thanh kim loại kiểu này cho các ngư dân. Người Hy Lạp*kárabos*có một số nghĩa khác nhau bao gồm "thuyền", "cua" hoặc "bọ". Bạn nghĩ những liên tưởng này đến từ đâu?

"Công dụng à?" Ramy đánh bạo. "Thuyền dùng để bắt cua phải không?"

Cố gắng đấy, nhưng không được.

"Hình dáng," Robin đoán. Vừa nói ra anh lại càng thấy có lý. "Cứ nghĩ đến một chiếc thuyền galley với hàng mái chèo. Trông

chúng sẽ giống như những cái chân nhỏ đang chạy rầm rập, phải không? Khoan đã – chạy rầm rập, người chèo thuyền…"

Ông Swift, ông đang hơi quá đà rồi đấy. Nhưng ông đang đi đúng hướng. Hãy tập trung vào*kárabos*tạm thời. Từ*kárabos*chúng ta hiểu rồi*caravel*, là một loại tàu nhanh và nhẹ. Cả hai từ đều có nghĩa là "tàu", nhưng chỉ*kárabos*vẫn giữ được ý nghĩa liên quan đến sinh vật biển trong tiếng Hy Lạp gốc. Anh có đang theo kịp không?

Họ gật đầu.

Anh ta gõ nhẹ vào hai đầu thanh kim loại, nơi mà dòng chữ*kárabos*và*caravel*được viết trên hai mặt đối diện. 'Gắn thứ này vào một tàu đánh cá, và anh sẽ thấy nó mang lại sản lượng tốt hơn bất kỳ tàu nào cùng loại. Những thanh này khá phổ biến vào thế kỷ trước, cho đến khi việc lạm dụng khiến sản lượng đánh bắt giảm xuống mức ban đầu. Những thanh này có thể bóp méo thực tại ở một mức độ nào đó, nhưng chúng không thể tạo ra cá mới. Anh cần một từ tốt hơn để diễn tả điều đó. Anh đã bắt đầu hiểu ra mọi chuyện chưa?'

Họ lại gật đầu.

"Giờ thì, đây là một trong những thanh kẹo được chúng tôi sao chép rộng rãi nhất. Anh sẽ tìm thấy chúng trong túi của các bác sĩ khắp nước Anh đấy." Ông ta nhấc thanh thứ hai bên phải lên.*Triacle*và*treacle*.

Robin lảo đảo lùi lại, giật mình. Chính là nó, thanh bạc đó, hoặc một bản sao của nó, thứ mà Giáo sư Lovell đã dùng để cứu cậu ở Quảng Châu. Thỏi bạc phép thuật đầu tiên mà cậu từng chạm vào.

Nó thường được dùng để tạo ra một phương thuốc gia truyền có vị ngọt, có tác dụng như một loại thuốc giải độc cho hầu hết các loại độc. Một phát hiện tài tình của một học sinh tên là Evie

Brooke – đúng vậy, chính là Evie đó – người đã nhận ra từ*treacle*được ghi nhận lần đầu vào thế kỷ XVII liên quan đến việc sử dụng nhiều đường để che giấu vị đắng của thuốc. Sau đó, bà lần theo nguồn gốc của nó từ tiếng Pháp cổ*triacle*, nghĩa là "thuốc giải độc" hoặc "chữa rắn cắn", sau đó là tiếng Latinh*theriaca*và cuối cùng là tiếng Hy Lạp*theriake*, cả hai đều có nghĩa là “thuốc giải độc”.

“Nhưng cặp đấu chỉ dành cho tiếng Anh và tiếng Pháp thôi,” Victoire nói. “Sao…”

“Liên kết kiểu chuỗi cúc,” Giáo sư Playfair nói. Ông xoay thanh kim loại để cho họ thấy chữ Latin và Hy Lạp được khắc dọc theo hai bên. “Đó là một kỹ thuật dùng từ nguyên cổ làm kim chỉ nam, dẫn dắt ý nghĩa qua hàng dặm đường và hàng thế kỷ. Các em cũng có thể hình dung nó như những cái cọc phụ cho một cái lều. Nó giữ cho toàn bộ cấu trúc ổn định và giúp chúng ta xác định chính xác sự biến dạng mà ta đang cố gắng nắm bắt. Nhưng đó là một kỹ thuật khá nâng cao – đừng lo lắng về điều đó bây giờ.”

Anh ta nhấc thanh thứ ba bên phải lên. 'Đây là thứ tôi mới nghĩ ra gần đây theo đơn đặt hàng của Công tước Wellington.' Anh ta nói điều này với niềm tự hào rõ ràng. 'Từ Hy Lạp*idiótes*có thể ám chỉ một kẻ ngốc, như chúng ta*idiot*ngụ ý. Nhưng nó cũng mang nghĩa một người sống khép kín, không màng thế sự – sự ngốc nghếch của anh ta không phải do thiếu khả năng tự nhiên, mà do thiếu hiểu biết và thiếu giáo dục. Khi chúng ta dịch*idiótes*đến*idiot*, nó có tác dụng xóa bỏ kiến thức. Thanh này, do đó, có thể khiến bạn quên đi, một cách khá đột ngột, những thứ mà bạn nghĩ mình đã học được. Rất tuyệt khi bạn đang cố gắng khiến gián điệp của đối phương quên đi những gì chúng đã thấy.'*

Giáo sư Playfair đặt thanh kim loại xuống. "Vậy đó. Mọi thứ khá dễ dàng khi ta nắm được nguyên lý cơ bản. Chúng ta nắm bắt

những gì bị mất đi trong quá trình dịch thuật - vì luôn luôn có điều gì đó bị mất đi - và thanh kim loại này sẽ hiện thực hóa nó. Đủ đơn giản chứ?"

“Nhưng mà mạnh đến mức phi lý,” Letty nói. “Cậu có thể làm bất cứ điều gì với mấy thỏi vàng đó. Cậu có thể trở thành Chúa __”

‘Không hẳn, cô Price. Chúng ta bị giới hạn bởi sự tiến hóa tự nhiên của ngôn ngữ. Ngay cả những từ có nghĩa khác nhau vẫn có mối liên hệ khá chặt chẽ với nhau. Điều này giới hạn mức độ thay đổi mà các thanh kim loại có thể tạo ra. Ví dụ, cô không thể dùng chúng để hồi sinh người chết, bởi vì chúng ta chưa tìm thấy một cặp từ tương ứng phù hợp trong một ngôn ngữ nào mà sự sống và cái chết không đối lập nhau. Bên cạnh đó, còn một hạn chế khá nghiêm trọng khác của các thanh kim loại này – một hạn chế khiến mọi nông dân ở Anh không thể chạy lung tung và sử dụng chúng như bùa hộ mệnh. Có ai đoán được đó là gì không?’

Victoire giơ tay. "Cần một người nói lưu loát."

“Hoàn toàn chính xác,” Giáo sư Playfair nói. “Từ ngữ chẳng có nghĩa lý gì nếu không có ai đó hiện diện để hiểu chúng. Và đó không thể là một sự hiểu biết hời hợt – anh không thể chỉ nói với một người nông dân là*triacle*có nghĩa trong tiếng Pháp và mong đợi rằng quán bar sẽ hoạt động. Bạn cần phải có khả năng tư duy bằng một ngôn ngữ – sống và hít thở nó, chứ không chỉ nhận ra nó như một vài chữ cái rời rạc trên trang giấy. Đây cũng là lý do tại sao các ngôn ngữ được phát minh* sẽ không bao giờ hiệu nghiệm, và cũng là lý do tại sao những ngôn ngữ cổ như tiếng Anh cổ đã mất đi hiệu lực của chúng. Tiếng Anh cổ sẽ là giấc mơ của một thợ bạc – chúng ta có những cuốn từ điển đồ sộ và có thể truy tìm từ nguyên một cách khá rõ ràng, vì vậy các thanh bạc sẽ chính xác một cách tuyệt vời. Nhưng không ai suy nghĩ bằng tiếng Anh cổ. Không ai sống và hít thở bằng tiếng

Anh cổ. Một phần vì lý do này mà nền giáo dục Cổ điển tại Oxford rất nghiêm ngặt. Thông thạo tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp vẫn là bắt buộc đối với nhiều bằng cấp, mặc dù những người cải cách đã vận động nhiều năm để chúng tôi bỏ những yêu cầu đó. Nhưng nếu chúng tôi làm như vậy, một nửa số thanh bạc ở Oxford sẽ ngừng hoạt động.

"Chính vì vậy mà chúng tôi ở đây," Ramy nói. "Chúng tôi đã nói thông thạo rồi."

“Đúng vậy, đó là lý do tại sao các cậu ở đây,” Giáo sư Playfair đồng tình. “Những chàng trai của Psammetichus. Tuyệt vời phải không, nắm giữ sức mạnh như vậy nhờ xuất thân ngoại quốc của mình? Tôi khá giỏi ngôn ngữ mới, nhưng tôi sẽ mất hàng năm trời mới có thể sử dụng tiếng Urdu một cách trôi chảy như các cậu.”

“Nếu cần có một người nói thông thạo thì mấy cái thanh chắn đó hoạt động kiểu gì?” Victoire hỏi. “Chẳng phải chúng sẽ mất tác dụng ngay khi người phiên dịch rời khỏi phòng sao?”

“Câu hỏi rất hay.” Giáo sư Playfair giơ thanh thứ nhất và thanh thứ hai lên. Đặt cạnh nhau, rõ ràng là thanh thứ hai dài hơn thanh thứ nhất một chút. “Bây giờ trò đã đề cập đến vấn đề độ bền. Có một số yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của tác dụng của một thanh. Đầu tiên là nồng độ và lượng bạc. Cả hai thanh này đều chứa hơn chín mươi phần trăm bạc – phần còn lại là đồnghợp kim, thường được sử dụng trong tiền xu – nhưng*triacle*Thanh to hơn khoảng hai mươi phần trăm, nghĩa là nó sẽ dùng được lâu hơn vài tháng, tùy thuộc vào tần suất và cường độ sử dụng.

Ông ấy hạ mấy thanh kim loại xuống. ‘Nhiều loại rẻ tiền mà anh thấy bán khắp Luân Đôn không dùng được lâu đâu. Rất ít trong số đó làm bằng bạc nguyên chất. Thông thường, chúng chỉ được phủ một lớp bạc mỏng bên ngoài lõi gỗ hoặc kim loại rẻ tiền

khác. Chúng hết năng lượng chỉ trong vài tuần, sau đó cần phải được ‘tút tát’ lại, như cách chúng tôi vẫn gọi.’

"Có tính phí không?", Robin hỏi.

Giáo sư Playfair gật đầu, mỉm cười. "Phải có thứ gì đó chi trả cho khoản trợ cấp của các cậu chứ."

"Vậy thôi là đủ để duy trì một quán bar à?" Letty hỏi. "Chỉ cần có một người phiên dịch nói ra những từ trong cặp khớp?"

“Nó phức tạp hơn thế một chút,” Giáo sư Playfair nói. “Đôi khi các bản khắc phải được khắc lại, hoặc các thanh phải được lắp lại—”

“Nhưng mà mấy dịch vụ đó anh lấy bao nhiêu tiền?” Letty gặng hỏi. “Tôi nghe nói là mười hai shilling? Chỉ chỉnh sửa chút đỉnh mà lấy tận từng ấy, đáng giá thế sao?”

Nụ cười ranh mãnh của Giáo sư Playfair càng rộng hơn. Trông ông ta cứ như một cậu bé bị bắt gặp thò ngón tay vào bánh vậy. 'Biểu diễn thứ mà công chúng coi là ma thuật thì quả là được trả hậu hĩnh đấy chứ, phải không?'

“Vậy thì khoản chi này hoàn toàn bịa đặt?” Robin hỏi.

Lời lẽ ấy buột ra sắc bén hơn anh định. Nhưng khi đó anh đang nghĩ về nạn dịch tả đã càn quét London; về việc bà Piper giải thích rằng chẳng thể giúp được người nghèo, vì đồ bạc quá đỗi đắt đỏ.

“Ồ, vâng.” Giáo sư Playfair có vẻ thấy tất cả chuyện này rất buồn cười. “Chúng tôi nắm giữ bí mật, và chúng tôi có thể đặt ra bất kỳ điều khoản nào chúng tôi muốn. Đó là cái hay của việc thông minh hơn tất cả mọi người. Bây giờ, một điều cuối cùng trước khi chúng ta kết thúc.” Ông ta nhặt một thanh trơn bóng loáng ở cuối bàn. “Tôi phải đưa ra một lời cảnh báo. Có một cặp ghép

mà các anh tuyệt đối không bao giờ được thử. Có ai đoán được đó là gì không?”

"Thiện và ác," Letty nói.

Đoán hay đấy, nhưng không phải.

"Danh hiệu của Chúa," Ramy nói.

Chúng tôi tin là anh không ngu đến mức đó. Không, vụ này khó hơn.

Không ai khác có câu trả lời.

“Đó là dịch thuật,” Giáo sư Playfair nói. “Đơn giản là từ ngữ để chỉ chính bản thân việc dịch thuật.”

Vừa nói, hắn vội vàng khắc một chữ lên một mặt của thanh kim loại, rồi đưa cho họ xem thứ hắn vừa viết:*Translate*.

Động từ*translate*mang sắc thái hơi khác nhau trong mỗi ngôn ngữ. Các từ tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Pháp – *translate*,*traducir*và*traduire*– bắt nguồn từ tiếng Latinh*translat*, có nghĩa là “mang qua”. Nhưng ta lại thấy điều khác biệt khi xem xét các ngôn ngữ ngoài nhóm Rôman.’ Ông bắt đầu viết một loạt ký tự mới ở mặt bên kia. ‘Tiếng Trung*fānyì*, ví dụ, ngụ ý lật hoặc đảo ngược thứ gì đó, trong khi ký tự thứ hai*yì*mang hàm ý về sự thay đổi và trao đổi. Trong tiếng Ả Rập,*tarjama*có thể chỉ cả tiểu sử lẫn bản dịch. Trong tiếng Phạn, từ chỉ bản dịch là*anuvad*, cũng có nghĩa là “nói hoặc lặp lại nhiều lần”. Sự khác biệt ở đây là về mặt thời gian, chứ không phải là ẩn dụ không gian của tiếng Latinh. Trong tiếng Igbo, hai từ dùng cho việc dịch thuật –*tapia*và*kowa*– cả hai đều bao gồm tường thuật, giải cấu trúc và tái cấu trúc, một sự phân mảnh tạo nên khả năng thay đổi hình thức. Vân vân. Sự khác biệt và hệ quả của chúng là vô hạn. Vì vậy, không có ngôn ngữ nào mà ở đó dịch thuật mang cùng một ý nghĩa.

Anh ta lật lại mặt sau cho họ xem anh ta đã viết gì. Tiếng Ý – *tradurre*Anh ta đặt nó lên bàn.

“Dịch đi,” anh ta nói.*Tradurre*.

Vừa nhấc tay khỏi thanh xà, tay anh đã run lên.

Kinh ngạc, họ nhìn chằm chằm khi thanh kim loại rung lên ngày càng dữ dội. Chứng kiến cảnh tượng ấy thật kinh khủng. Thanh kim loại dường như sống dậy, như thể bị một linh hồn nào đó nhập vào đang tuyệt vọng cố gắng thoát ra, hoặc ít nhất là tự xé toạc chính mình. Nó không phát ra âm thanh nào khác ngoài tiếng va đập dữ dội vào mặt bàn, nhưng trong đầu Robin lại nghe thấy một tiếng thét chói tai đầy đau đớn đi kèm.

“Cặp đối sánh dịch thuật tạo ra một nghịch lý,” Giáo sư Playfair nói một cách bình tĩnh trong khi quầy bar bắt đầu rung chuyển dữ dội đến mức nó bật lên khỏi mặt bàn vài phân. “Nó cố gắng tạo ra một bản dịch thuần túy hơn, một thứ gì đó sẽ phù hợp với các ẩn dụ liên quan đến từng từ, nhưng điều này dĩ nhiên là không thể, bởi vì không có bản dịch hoàn hảo nào cả.”

Những vết nứt hình thành trên thanh kim loại, những đường gân mỏng phân nhánh, tách ra, và lan rộng.

Hiện tượng đó không có nơi nào để đi ngoài chính quán bar. Vậy nên nó tạo ra một vòng lặp liên tục cho đến khi, cuối cùng, quán bar sụp đổ. Và... chuyện này xảy ra.

Thanh kim loại vọt lên cao giữa không trung rồi vỡ tan thành hàng trăm mảnh nhỏNhững mảnh vỡ nằm rải rác trên bàn, ghế, sàn nhà. Đám học trò của Robin lùi lại, rụt rè. Giáo sư Playfair vẫn điềm nhiên. "Đừng thử. Đừng tò mò. Loại bạc này," ông đá vào một mảnh vỡ, "không thể tái sử dụng. Dù có nung chảy và rèn lại, bất kỳ thỏi bạc nào dù chỉ chứa một chút bạc này cũng sẽ mất tác dụng. Tệ hơn, nó còn lây lan. Khi đặt thỏi bạc lên một đống bạc khác, nó sẽ lan sang tất cả những gì nó tiếp xúc. Một

cách dễ dàng để lãng phí vài chục pound nếu không cẩn thận." Ông đặt cây bút khắc trở lại bàn làm việc. "Hiểu chưa?"

Họ gật đầu.

Tốt. Đừng bao giờ quên điều này. Khả năng tối hậu của dịch thuật là một câu hỏi triết học hấp dẫn - xét cho cùng, đó chính là cốt lõi của câu chuyện về Tháp Babel. Nhưng những câu hỏi lý thuyết như vậy tốt nhất nên để dành cho lớp học. Không phải cho những thí nghiệm có thể làm sập cả tòa nhà.

“Anthony nói đúng,” Victoire nói. “Ai mà thèm quan tâm đến Khoa Văn học khi có nghề chế tác bạc chứ?”

Họ ngồi quanh chiếc bàn quen thuộc ở quán Buttery, cảm thấy hơi choáng ngợp vì quyền năng. Họ cứ lặp đi lặp lại những cảm xúc về nghề bạc từ lúc tan lớp, nhưng điều đó chẳng hề gì; tất cả đều cảm thấy mới mẻ, thật khó tin. Cả thế giới dường như đã khác đi khi họ bước ra khỏi tòa tháp. Họ đã vào nhà của phù thủy, chứng kiến ông pha chế thuốc và niệm chú, và giờ đây không gì có thể làm họ thỏa mãn cho đến khi tự mình thử làm điều đó.

“Tôi có nghe thấy tên mình không nhỉ?” Anthony ngồi xuống ghế đối diện Robin. Anh nhìn quanh mặt từng người, rồi mỉm cười đầy ẩn ý. “Ồ, tôi nhớ cái vẻ mặt này. Playfair đã trình diễn cho các cậu xem hôm nay à?”

“Suốt ngày anh chỉ làm thế thôi à?” Victoire hỏi anh, giọng hào hứng. “Nghịch mấy que diêm ấy hả?”

"Đủ gần rồi," Anthony nói. "Nó liên quan đến việc lật tìm từ điển từ nguyên nhiều hơn là mày mò thực sự, nhưng một khi bạn nắm được thứ gì đó khả thi, mọi chuyện sẽ trở nên thú vị. Hiện tại tôi đang nghịch với một cặp từ mà tôi nghĩ có thể hữu ích trong các tiệm bánh."*Flour*và*flower*.

“Chẳng phải chúng là những từ hoàn toàn khác nhau sao?” Letty hỏi.

“Cậu sẽ nghĩ vậy,” Anthony nói. “Nhưng nếu cậu xem lại bản gốc Anglo-French của thế kỷ mười ba, cậu sẽ thấy ban đầu chúng là cùng một từ –*flower*đơn giản là phần tinh túy nhất của hạtbữa ăn. Theo thời gian,*flower*và*flour*tách ra để đại diện cho các vật thể khác nhau. Nhưng nếu thanh này hoạt động đúng, thì tôi có thể lắp nó vào máy nghiền để xay bột hiệu quả hơn.’ Anh thở dài. ‘Tôi không chắc nó có hoạt động không. Nhưng nếu được, tôi mong cả đời được Vaults tặng bánh nướng miễn phí.’

“Chú có được tiền bản quyền không?” Victoire hỏi. “Ý cháu là mỗi khi họ làm một bản sao mấy thanh kẹo của chú ấy?”

‘Ồ, không. Tôi chỉ nhận được một khoản nhỏ thôi, còn toàn bộ lợi nhuận sẽ được chuyển vào tháp. Tuy nhiên, họ có ghi tên tôi vào sổ cái các cặp ghép. Tôi đã có sáu cặp trong đó rồi. Và hiện chỉ có khoảng mười hai trăm cặp ghép đang hoạt động trên toàn Đế quốc, nên đó là vinh dự học thuật cao nhất mà bạn có thể đạt được. Hơn cả việc xuất bản một bài báo ở bất kỳ đâu.’

“Khoan đã,” Ramy nói. “Một nghìn hai trăm có phải hơi thấp không? Ý tôi là, những cặp đồ giống nhau đã được sử dụng từ thời Đế chế La Mã, vậy thì sao—”

Sao chúng ta chưa phủ bạc cả nước này để thể hiện mọi cặp đôi có thể chứ?

“Được,” Ramy nói. “Hay ít nhất, nghĩ ra con số nào lớn hơn một nghìn hai trăm đi.”

“Ừ, nghĩ mà xem,” Anthony nói. “Vấn đề rõ như ban ngày. Các ngôn ngữ ảnh hưởng lẫn nhau; chúng bơm những ý nghĩa mới vào nhau, và giống như nước tràn qua đập, hàng rào càng xốp thì lực càng yếu. Hầu hết các thỏi bạc cung cấp năng lượng cho Luân Đôn là bản dịch từ tiếng Latinh, tiếng Pháp và tiếng Đức.

Nhưng những thỏi bạc đó đang mất dần hiệu lực. Khi dòng chảy ngôn ngữ lan rộng khắp các châu lục – khi những từ như *saute* và *gratin* trở thành một phần tiêu chuẩn của từ vựng tiếng Anh – sự biến dạng ngữ nghĩa mất đi sức mạnh của nó.

“Giáo sư Lovell cũng nói với tôi điều tương tự,” Robin nhớ lại. “Ông ấy tin rằng các ngôn ngữ Roman sẽ mang lại ít lợi ích hơn theo thời gian.”

“Ông ấy nói đúng,” Anthony nói. “Quá nhiều thứ đã được dịch từ các ngôn ngữ châu Âu khác sang tiếng Anh và ngược lại trong thế kỷ này. Chúng ta dường như không thể bỏ được cơn nghiện với người Đức và các triết gia của họ, hay với người Ý và các nhà thơ của họ. Vì vậy, Ngôn ngữ Roman thực sự là nhánh bị đe dọa nhất của khoa, cho dù họ có muốn giả vờ như mình sở hữu cả tòa nhà này đi chăng nữa. Ngành Cổ điển cũng đang trở nên kém triển vọng. Tiếng Latin và tiếng Hy Lạp sẽ còn trụ được một thời gian nữa, vì thông thạo một trong hai thứ tiếng này vẫn là đặc quyền của giới tinh hoa, nhưng ít nhất, tiếng Latin đang trở nên thông tục hơn bạn nghĩ. Đâu đó trên tầng tám có một nghiên cứu sinh sau tiến sĩ đang…về việc phục hồi tiếng Manx và tiếng Cornish, nhưng chẳng ai nghĩ chuyện đó sẽ thành công cả. Tiếng Gaelic cũng vậy, nhưng đừng nói với Cathy nhé. Đó là lý do tại sao ba người rất quý giá.’ Anthony lần lượt chỉ vào từng người, trừ Letty. ‘Các cậu biết những ngôn ngữ mà họ chưa vắt kiệt được.’

"Còn tôi thì sao?" Letty nói với vẻ phẫn nộ.

“Ờ thì, mấy cậu cũng tạm được một thời gian, nhưng chỉ vì nước Anh đã phát triển bản sắc dân tộc đối lập với người Pháp. Người Pháp là những kẻ ngoại đạo mê tín dị đoan; chúng ta là những người theo đạo Tin lành. Người Pháp đi giày gỗ, vậy nên chúng ta đi giày da. Chúng ta sẽ chống lại sự xâm nhập của tiếng Pháp vào ngôn ngữ của mình. Nhưng thật ra chính là các thuộc địa và bán thuộc địa - Robin và Trung Quốc, Ramy và Ấn Độ; mấy cậu

trai, mấy cậu là vùng đất chưa được khám phá. Mấy cậu là thứ mà ai cũng tranh giành."

"Cậu nói cứ như nó là một thứ tài nguyên ấy," Ramy nói.

"Ồ, chắc chắn rồi. Ngôn ngữ cũng là một loại tài nguyên, giống như vàng bạc vậy. Người ta đã từng tranh giành và chết chóc vì những cuốn ngữ pháp đó."

"Nhưng điều đó thật ngớ ngẩn," Letty nói. "Ngôn ngữ chỉ là từ ngữ, chỉ là suy nghĩ – cậu không thể ràng buộc việc sử dụng một ngôn ngữ."

"Không thể à?" Anthony hỏi. "Anh có biết hình phạt chính thức ở Trung Quốc dành cho việc dạy tiếng Quan Thoại cho người nước ngoài là tử hình không?"

Letty quay sang Robin. "Có thật không?"

"Tôi nghĩ đúng vậy," Robin nói. "Giáo sư Chakravarti cũng nói với tôi điều tương tự. Chính phủ nhà Thanh đang – họ đang sợ hãi. Họ sợ thế giới bên ngoài."

"Thấy chưa?" Anthony hỏi. "Ngôn ngữ không chỉ được tạo nên từ những con chữ. Chúng là cách nhìn nhận thế giới. Chúng là chìa khóa dẫn đến văn minh. Và đó là kiến thức đáng giết người để có được."

"Từ ngữ kể chuyện." Đó là cách Giáo sư Lovell mở đầu buổi học đầu tiên của họ chiều hôm đó, được tổ chức trong một căn phòng trống trải, không có cửa sổ trên tầng năm của tòa tháp. "Cụ thể, lịch sử của những từ ngữ đó - cách chúng được sử dụng và ý nghĩa của chúng biến đổi như thế nào thành ý nghĩa ngày nay - cho chúng ta biết rất nhiều về một dân tộc, nếu không muốn nói là nhiều hơn, bất kỳ loại hiện vật lịch sử nào khác. Lấy ví dụ từ*knave*Bạn nghĩ nó từ đâu đến?

“Bài tây, phải không? Có vua, hoàng hậu…” Letty bắt đầu, rồi ngừng lại khi nhận ra cuộc tranh luận đang lòng vòng. “Thôi, bỏ đi.”

Giáo sư Lovell lắc đầu. "Tiếng Anh cổ*cnafa*đề cập đến mộtĐầy tớ trai, hoặc nam bồi trẻ. Chúng tôi xác nhận điều này với từ gốc tiếng Đức tương ứng của nó.*Knabe*là một thuật ngữ cũ để chỉ*boy*Vậy, "knave" ban đầu là những chàng trai trẻ phục vụ các hiệp sĩ. Nhưng khi chế độ hiệp sĩ sụp đổ vào cuối thế kỷ XVI, và khi các lãnh chúa nhận ra họ có thể thuê quân đội chuyên nghiệp rẻ hơn và tốt hơn, hàng trăm "knave" rơi vào cảnh thất nghiệp. Vì vậy, họ đã làm những gì bất kỳ chàng trai trẻ nào gặp vận rủi cũng sẽ làm – họ gia nhập cùng bọn cướp đường và trở thành những tên vô lại hèn hạ mà bây giờ chúng ta gọi là "knave". Vậy nên, lịch sử của từ này không chỉ mô tả sự thay đổi trong ngôn ngữ, mà còn là sự thay đổi của cả một trật tự xã hội.

Giáo sư Lovell không phải là một giảng viên nhiệt huyết, cũng chẳng phải một diễn giả bẩm sinh. Ông trông có vẻ không thoải mái trước đám đông; cử chỉ gượng gạo và đột ngột, giọng nói khô khan, trầm lặng, thẳng thắn. Tuy vậy, mỗi lời ông nói ra đều được căn chỉnh thời gian hoàn hảo, cân nhắc kỹ lưỡng, và đầy mê hoặc.

Những ngày trước buổi học này, Robin đã rất sợ phải học chung lớp với người giám hộ của mình. Nhưng hóa ra mọi chuyện lại không hề gượng gạo hay xấu hổ. Giáo sư Lovell cư xử với cậu hệt như khi có khách ở Hampstead – xa cách, trịnh trọng, ánh mắt lúc nào cũng lướt qua mặt Robin mà không dừng lại, cứ như thể khoảng không gian cậu tồn tại là vô hình vậy.

Chúng ta nhận được tin rồi*etymology*từ chữ Hy Lạp étymon,’ Giáo sư Lovell nói tiếp. ‘Nghĩa thực của một từ, từ*étumos*, cái “đích thực hay thực tế”. Vậy nên ta có thể nghĩ về từ nguyên học như một bài tập truy tìm xem một từ đã đi lạc khỏi gốc rễ của nó bao xa. Bởi chúng chu du những khoảng cách diệu kỳ, cả theo

nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.' Ông bất chợt nhìn Robin. 'Từ chỉ một cơn bão lớn trong tiếng Quan Thoại là gì?'

Robin giật mình. "Ồ –*fēngbào*Hả?*

Không, cho tôi cái gì lớn hơn.

'*Táifēng*Hả?*

"Tốt." Giáo sư Lovell chỉ vào Victoire. "Và kiểu thời tiết nào luôn trôi dạt qua vùng biển Caribbean?"

"Bão," cô nói, rồi chớp mắt.*Taifeng*Bão à? Sao—

"Chúng ta bắt đầu với thần thoại Hy Lạp-La Mã," Giáo sư Lovell nói. "Typhon là một quái vật, một trong những người con của Gaia và Tartarus, một sinh vật tàn phá với hàng trăm đầu rắn. Tại một số thời điểm hắn ta đã trở nên gắn liềnvới những cơn gió dữ dội, bởi vì sau này người Ả Rập bắt đầu sử dụng*tūfān*để miêu tả những cơn bão dữ dội, nhiều gió. Từ tiếng Ả Rập, nó nhảy sang tiếng Bồ Đào Nha, rồi được mang đến Trung Quốc trên những con tàu của các nhà thám hiểm.

'Nhưng*táifēng*Không chỉ là từ mượn,' Robin nói. 'Nó có nghĩa trong tiếng Trung –*tái*thật tuyệt vời, và*fēng*gió–'

"Và anh không nghĩ người Trung Quốc có thể đã nghĩ ra một cách phiên âm mà nó lại mang một ý nghĩa riêng sao?" Giáo sư Lovell hỏi. "Điều này xảy ra mọi lúc. Sự vay mượn ngữ âm thường cũng là sự vay mượn ngữ nghĩa. Từ ngữ lan truyền. Và anh có thể lần ra những điểm giao thoa của lịch sử loài người từ những từ có phát âm giống nhau đến kỳ lạ. Ngôn ngữ chỉ là những tập hợp ký hiệu luôn biến đổi - đủ ổn định để tạo nên sự giao tiếp lẫn nhau, nhưng cũng đủ linh hoạt để phản ánh những thay đổi trong xã hội. Khi chúng ta gợi lên những từ bằng bạc, chúng ta cũng gợi lên lịch sử luôn biến đổi ấy."

Letty giơ tay. "Tôi có một câu hỏi về phương pháp."

"Cứ tiếp tục đi."

“Nghiên cứu lịch sử thì tốt thôi,” Letty nói. “Tất cả những gì anh phải làm là xem xét các hiện vật, tài liệu, vân vân. Nhưng làm sao anh nghiên cứu lịch sử của*words*Làm sao anh/chị xác định được họ đã đi được bao xa?

Giáo sư Lovell trông rất hài lòng với câu hỏi này. "Đọc," ông nói. "Không còn cách nào khác. Anh phải tập hợp tất cả các nguồn tài liệu mà anh có thể kiếm được, rồi ngồi xuống để giải các câu đố. Anh tìm kiếm các mẫu hình và những điểm bất thường. Ví dụ, chúng ta biết rằng đoạn tiếng Latinh cuối cùng...*m*không được phát âm trong thời cổ điển, vì các bản khắc ở Pompeii bị đánh vần sai theo cách bỏ sót*m*ra. Đây là cách chúng ta xác định những thay đổi về âm thanh. Một khi làm được điều đó, chúng ta có thể dự đoán cách các từ đã phát triển, và nếu chúng không khớp với dự đoán của chúng ta, thì có lẽ giả thuyết của chúng ta về nguồn gốc liên kết là sai. Ngữ nguyên học là công việc trinh thám trải dài qua nhiều thế kỷ, và đó là một công việc cực kỳ khó khăn, giống như mò kim đáy bể. Nhưng những chiếc kim đặc biệt của chúng ta, tôi muốn nói, rất đáng để tìm kiếm.’

Năm đó, lấy tiếng Anh làm ví dụ, họ bắt đầu nhiệm vụ nghiên cứu cách ngôn ngữ phát triển, biến đổi, biến dạng, nhân lên, phân tách và hội tụ. Họ nghiên cứu sự thay đổi âm thanh; tại sao tiếng Anh*knee*đã có một khoảng lặng*k*điều đó được phát âm trong tiếng Đức tương ứng; tại sao các phụ âm tắc của tiếng Latinh, Hy Lạp và tiếng Phạn lại có sự tương ứng đều đặn như vậy với các phụ âm trong các ngôn ngữ German. Họ đọc Bopp, Grimm và Rask bằng bản dịch; họ đọc*Etymologiae*của Isidore. Họ đã nghiên cứu sự chuyển dịch ngữ nghĩa, biến đổi cú pháp, sự phân kỳ phương ngữ, vàsự vay mượn, cũng như các phương pháp tái tạo mà người ta có thể sử dụng để chắp nối các mối quan hệ giữa những ngôn ngữ thoạt nhìn dường như chẳng liên

quan gì đến nhau. Họ đào bới các ngôn ngữ như thể chúng là những hầm mỏ, tìm kiếm những mạch nguồn quý giá của di sản chung và ý nghĩa bị bóp méo.

Nó đã thay đổi cách họ nói chuyện. Họ liên tục bỏ lửng giữa chừng câu. Họ không thể thốt ra ngay cả những cụm từ và cách ngôn thông thường mà không dừng lại để tự hỏi những từ đó đến từ đâu. Những sự chất vấn như vậy len lỏi vào tất cả các cuộc trò chuyện của họ, trở thành cách mặc định để họ hiểu nhau và mọi thứ khác.* Họ không còn có thể nhìn thế giới mà không thấy những câu chuyện, những lịch sử, lớp lớp chồng chất khắp nơi như trầm tích hàng thế kỷ.

Và ảnh hưởng lên tiếng Anh sâu sắc và đa dạng hơn họ tưởng nhiều. *Chit* có nguồn gốc từ tiếng Marathi *chitti*, nghĩa là "thư" hoặc "ghi chú". *Coffee* đã được đưa vào tiếng Anh thông qua tiếng Hà Lan (*koffie*), tiếng Thổ Nhĩ Kỳ (*kahveh*), và ban đầu là tiếng Ả Rập (*qahwah*). Mèo mướp được đặt tên theo một loại lụa sọc, và loại lụa này lại được đặt tên theo nơi xuất xứ của nó: một khu phố ở Baghdad tên là al-'Attābiyya. Ngay cả những từ ngữ cơ bản để chỉ quần áo cũng đều có nguồn gốc từ đâu đó. *Damask* có nguồn gốc từ vải vóc được làm ở Damascus; *gingham* bắt nguồn từ tiếng Mã Lai *genggang* nghĩa là 'có sọc'; *calico* đề cập đến Calicut ở Kerala, và *taffeta*, Ramy nói với họ, bắt nguồn từ tiếng Ba Tư *tafte*, nghĩa là 'một tấm vải bóng'. Nhưng không phải tất cả các từ tiếng Anh đều có nguồn gốc xa xôi hoặc cao quý như vậy. Điều thú vị về từ nguyên học, họ sớm nhận ra, là bất cứ điều gì cũng có thể ảnh hưởng đến một ngôn ngữ, từ thói quen tiêu dùng của người giàu sang quyền quý đến những lời lẽ được cho là thô tục của người nghèo khổ. Những tiếng lóng thấp hèn, thứ ngôn ngữ bí mật được cho là của bọn trộm cắp, kẻ lang thang và người nước ngoài, đã đóng góp những từ thông dụng như *bilk*, *booty* và *bauble*.

Tiếng Anh không chỉ mượn vài từ từ các ngôn ngữ khác; nó bị nhồi nhét đến tận cổ họng bằng những ảnh hưởng ngoại lai,

một thứ tiếng bản địa kiểu Frankenstein. Và Robin thấy thật khó tin, làm sao đất nước này, nơi người dân luôn tự hào mình hơn phần còn lại của thế giới, lại không thể trải qua một buổi trà chiều mà không cần đến những thứ vay mượn.

Ngoài Ngữ nguyên học, năm đó mỗi người bọn họ đều học thêm một ngôn ngữ nữa. Mục đích không phải để đạt đến sự lưu loát trong ngôn ngữ này, mà là thông qua quá trình học tập, họ có thể đào sâu sự hiểu biết về ngôn ngữ chuyên ngành của mình. Letty và Ramy bắt đầu học tiếng Ấn-Âu nguyên thủy với Giáo sư De Vreese. Victoire đề xuất một số ngôn ngữ Tây Phi mà cô hy vọng được học với hội đồng cố vấn, nhưng bị từ chối với lý do Babel không có đủ nguồn lực để hướng dẫn đúng cách cho bất kỳ ngôn ngữ nào trong số đó. Cuối cùng, cô học tiếng Tây Ban Nha - Giáo sư Playfair lập luận rằng sự tiếp xúc với tiếng Tây Ban Nha có liên quan đến biên giới Haiti-Dominican - nhưng cô không hề vui vẻ gì về điều đó.

Robin học tiếng Phạn với Giáo sư Chakravarti, người đã bắt đầu buổi học đầu tiên bằng cách mắng Robin vì không có chút kiến thức nào về ngôn ngữ này. "Lẽ ra họ nên dạy tiếng Phạn cho những học giả nghiên cứu Trung Quốc ngay từ đầu. Tiếng Phạn đến Trung Quốc thông qua các kinh sách Phật giáo, và điều này đã gây ra một sự bùng nổ thực sự về đổi mới ngôn ngữ, khi Phật giáo giới thiệu hàng tá khái niệm mà tiếng Trung không có từ nào diễn tả một cách dễ dàng."*Nun*, hoặc*bhiksunī*trong tiếng Phạn, trở thành*ni*.* *Nirvana*trở thành*nièpán*.*Những khái niệm cốt lõi của tiếng Trung như địa ngục, ý thức và tai họa đều bắt nguồn từ tiếng Phạn. Bạn không thể nào hiểu được tiếng Trung ngày nay nếu không hiểu Phật giáo, mà hiểu Phật giáo thì phải hiểu tiếng Phạn. Giống như cố gắng hiểu phép nhân trước khi biết cách viết số vậy.

Robin nghĩ hơi bất công khi bị buộc tội học lộn xộn một ngôn ngữ mà cậu đã nói từ khi sinh ra, nhưng cậu vẫn chiều theo. "Vậy thì chúng ta bắt đầu từ đâu?"

“Bảng chữ cái,” Giáo sư Chakravarti nói một cách vui vẻ. “Quay lại những viên gạch cơ bản nào. Lấy bút ra và đồ lại những chữ cái này cho đến khi nào các em nhớ được bằng cơ bắp – tôi nghĩ sẽ mất khoảng nửa tiếng. Bắt đầu đi.”

Tiếng Latinh, lý thuyết dịch thuật, từ nguyên học, các ngôn ngữ chuyên ngành, và một ngôn ngữ nghiên cứu mới - đó là một khối lượng kiến thức khổng lồ đến mức phi lý, đặc biệt là khi mỗi giáo sư giao bài tập như thể không có môn học nào khác tồn tại. Giảng viên thì hoàn toàn không thông cảm. 'Người Đức có một từ rất hay,*Sitzfleisch*"Ấy, hơn bốn mươi tiếng đọc một tuần thôi mà," Giáo sư Playfair nói với vẻ hài hước khi Ramy phàn nàn.Nghĩa đen của nó là "thịt ngồi". Điều này có nghĩa là, đôi khi bạn chỉ cần ngồi xuống và hoàn thành công việc.

Họ vẫn tìm thấy những khoảnh khắc vui vẻ của riêng mình. Oxford giờ đây đã bắt đầu mang dáng dấp của một mái nhà, và họ đã tạo ra những khoảng trời riêng, những nơi họ không chỉ được chấp nhận mà còn thực sự phát triển. Họ biết quán cà phê nào sẽ phục vụ họ mà không hề phàn nàn, và quán nào sẽ giả vờ như Ramy không tồn tại hoặc cằn nhằn rằng anh quá bẩn để ngồi lên ghế của họ. Họ biết quán rượu nào có thể lui tới sau khi trời tối mà không bị quấy rối. Họ ngồi trong khán phòng của Hội Tranh biện Thống nhất và phải nín cười đến mức đau cả ruột khi chứng kiến những chàng trai như Colin Thornhill và Elton Pendennis gào thét về công lý, tự do và bình đẳng đến đỏ cả mặt.

Robin bắt đầu tập chèo thuyền vì Anthony cứ nài nỉ. "Cậu cứ ru rú trong thư viện suốt ngày như thế thì không tốt đâu," anh nói với cậu. "Cơ bắp phải được vận động thì đầu óc mới hoạt động tốt được. Phải cho máu lưu thông chứ. Cứ thử đi, tốt cho cậu mà."

Tình cờ là anh lại mê nó đến thế. Anh tìm thấy niềm vui lớn lao trong động tác kéo mái chèo nhịp nhàng, đều đặn trên mặt nước. Cánh tay anh trở nên rắn chắc hơn; đôi chân anh, bằng

cách nào đó, lại như dài ra. Dần dần, dáng vẻ gầy gò, khom lưng của anh biến mất, thay vào đó là một vóc dáng đầy đặn, mang lại cho anh sự hài lòng sâu sắc mỗi sáng khi soi gương. Anh bắt đầu mong chờ những buổi sáng se lạnh trên sông Isis, khi cả thị trấn vẫn còn say ngủ, khi âm thanh duy nhất anh có thể nghe thấy trong vòng nhiều dặm là tiếng chim hót líu lo và tiếng mái chèo khua nước nghe thật êm tai.

Các cô gái đã cố gắng lẻn vào câu lạc bộ thuyền, nhưng thất bại. Họ không đủ cao để chèo thuyền, và việc cầm lái đòi hỏi phải la hét quá nhiều khiến họ không thể giả vờ là đàn ông. Nhưng vài tuần sau đó, Robin bắt đầu nghe thấy tin đồn về hai thành viên mới dữ dội của đội đấu kiếm trường Univ, mặc dù Victoire và Letty ban đầu chối tội khi bị tra hỏi.

“Chính sự hung hăng đó mới là điểm thu hút,” Victoire cuối cùng thú nhận. “Nhìn mắc cười lắm. Mấy cậu con trai này lúc đầu cứ xông xáo ra mặt, rồi chẳng còn tí chiến thuật nào cả.”

Letty đồng ý. "Vậy thì chỉ cần giữ bình tĩnh và đâm vào chỗ chúng không phòng bị. Chỉ vậy thôi."

Mùa đông năm ấy, sông Isis đóng băng và họ đi trượt băng, một việc mà trừ Letty ra thì chưa ai từng làm trước đây. Họ buộc chặt dây giày...càng xa càng tốt – “Chặt hơn nữa,” Letty nói, “không được lắc lư, không thì các con sẽ trẹo mắt cá chân đấy” – và loạng choạng bước lên mặt băng, vịn vào nhau để giữ thăng bằng trong khi lảo đảo tiến lên, mặc dù thường thì điều này chỉ khiến tất cả cùng ngã khi có một người ngã. Rồi Ramy nhận ra nếu cậu nghiêng người về phía trước và khuỵu gối xuống, cậu có thể tự đẩy mình đi nhanh hơn và nhanh hơn nữa, và đến ngày thứ ba, cậu đã trượt vòng quanh những người còn lại, kể cả Letty, người giả vờ khó chịu khi cậu trượt ngang đường cô nhưng vẫn không thể nhịn cười.

Tình bạn của họ giờ đây mang một sắc thái bền vững, kiên cố. Họ không còn là những đứa năm nhất lóa mắt và sợ hãi, bám víu vào nhau để tìm sự ổn định nữa. Thay vào đó, họ là những cựu binh mỏi mệt đoàn kết bởi những thử thách đã cùng trải qua, những người lính dày dạn kinh nghiệm có thể dựa vào nhau trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Letty tỉ mỉ, dù hay càu nhàu, vẫn luôn sẵn sàng sửa bài dịch cho bạn bè, bất kể đêm khuya hay sáng sớm. Victoire giống như một cái két sắt; cô ấy sẽ lắng nghe mọi lời phàn nàn và cằn nhằn vụn vặt mà không để lộ ra cho đối tượng bị nói xấu. Và Robin có thể gõ cửa Ramy bất cứ lúc nào, ngày hay đêm, nếu cậu cần một tách trà, một điều gì đó để cười, hoặc một người để khóc cùng.

Khi lứa sinh viên mới – toàn con trai, bốn đứa mặt búng ra sữa – xuất hiện ở Babel mùa thu năm ấy, họ gần như chẳng để ý gì đến chúng. Vô thức, họ đã trở nên giống hệt những đàn anh đàn chị năm cuối mà họ từng ghen tị hồi mới vào trường. Cái mà họ từng cho là sự khinh khỉnh và kiêu ngạo, hóa ra, chỉ là sự kiệt sức. Sinh viên năm trên không hề có ý định bắt nạt đàn em. Họ chỉ đơn giản là không có thời gian.

Họ đã trở thành những gì họ từng khao khát từ năm nhất - tách biệt, xuất chúng, và kiệt quệ đến tận xương tủy. Họ khổ sở. Họ ngủ ít, ăn ít, đọc quá nhiều, và hoàn toàn mất liên lạc với mọi thứ bên ngoài Oxford hay Babel. Họ phớt lờ cuộc sống của thế giới; họ chỉ sống cuộc sống của trí tuệ. Họ say mê nó.

Và Robin, bất chấp tất cả, vẫn hy vọng cái ngày Griffin tiên đoán sẽ không bao giờ đến, rằng cậu có thể sống mãi trong trạng thái lơ lửng này. Bởi cậu chưa bao giờ hạnh phúc hơn lúc này: căng như dây đàn, bận tâm đến việc trước mắt đến nỗi chẳng còn thời gian để nghĩ xem tất cả những điều đó sẽ khớp nối với nhau như thế nào.

Cuối mùa lễ Thánh Micae, một nhà hóa học người Pháp tên là Louis-Jacques-Mandé Daguerre đến Babel cùng một vật thể kỳ

lạ. Đó là một máy chụp ảnh nhật bản.Buổng tối, ông tuyên bố, và có thể sao chép hình ảnh tĩnh bằng cách sử dụng các tấm đồng phơi sáng và các hợp chất nhạy sáng, mặc dù ông chưa hoàn toàn nắm được cơ chế hoạt động của nó. Những Kẻ Bép Xép có thể xem qua và tìm cách cải tiến nó không?

Vấn đề của máy ảnh Daguerre trở thành câu chuyện được bàn tán xôn xao khắp tòa tháp. Khoa biến nó thành một cuộc thi – bất kỳ sinh viên nào được phép làm việc với bạc, nếu giải quyết được vấn đề của Daguerre, sẽ được ghi tên vào bằng sáng chế của ông và nhận một phần lợi nhuận kếch xù chắc chắn sẽ theo sau. Trong hai tuần, tầng tám sôi sục trong cơn cuồng nhiệt thầm lặng khi sinh viên năm tư và nghiên cứu sinh lật giở những cuốn từ điển từ nguyên, cố gắng tìm ra một tập hợp từ ngữ diễn tả đúng mối liên hệ giữa ánh sáng, màu sắc, hình ảnh và sự mô phỏng.

Chính Anthony Ribben là người cuối cùng đã phá giải được nó. Theo các điều khoản hợp đồng với Daguerre, cặp mẫu được cấp bằng sáng chế thực sự được giữ bí mật, nhưng có tin đồn rằng Anthony đã làm gì đó với tiếng Latinh.*imago*, ngoài nghĩa là "bản sao" hay "mô phỏng" còn ngụ ý một hồn ma hay bóng ma. Có tin đồn khác cho rằng Anthony đã tìm ra cách nào đó để hòa tan thỏi bạc tạo ra khói từ thủy ngân nung nóng. Dù đó là gì, Anthony không thể nói, nhưng anh ta đã được trả công xứng đáng cho những nỗ lực của mình.

Máy ảnh đã hoạt động. Thật kỳ diệu, hình ảnh giống hệt của một chủ thể được chụp có thể được sao chép trên một tờ giấy chỉ trong một khoảng thời gian ngắn đáng kinh ngạc. Thiết bị của Daguerre - họ gọi nó là daguerreotype - đã trở thành một hiện tượng địa phương. Ai cũng muốn được chụp ảnh. Daguerre và khoa Babel đã tổ chức một cuộc triển lãm kéo dài ba ngày ở sảnh tháp, và những người dân háo hức xếp hàng dài quanh cả con phố.

Robin lo lắng về bài dịch tiếng Phạn phải nộp vào ngày mai, nhưng Letty cứ nài nỉ cả nhóm đi chụp ảnh chân dung. "Cậu không muốn có một kỷ vật về chúng ta sao?" cô ấy hỏi. "Lưu giữ khoảnh khắc này ư?"

Robin nhún vai. "Không hẳn."

“Vâng, em muốn,” cô nói một cách cứng đầu. “Em muốn nhớ chính xác chúng ta như thế nào bây giờ, vào năm nay, năm 1837. Em không bao giờ muốn quên.”

Họ tập trung trước máy quay. Letty và Victoire ngồi xuống ghế, hai tay khoanh cứng đơ trên đùi. Robin và Ramy đứng sau họ, lúng túng không biết làm gì với hai tay của mình. Có nên đặt tay lên vai hai cô gái không? Hay đặt lên ghế?

"Hai tay xuôi theo người," người chụp ảnh nói. "Cố giữ yên nhé. Không – trước hết, xích lại gần nhau một chút – được rồi đấy."

Robin mỉm cười, rồi nhận ra mình không thể giữ nụ cười toe toét ấy lâu được, nên nhanh chóng thôi.

Ngày hôm sau, họ nhận bức chân dung đã hoàn thành từ một nhân viên ở sảnh.

"Làm ơn đi," Victoire nói. "Trông nó chẳng giống chúng ta chút nào."

Nhưng Letty thì rất vui; cô ấy nằng nặc đòi họ phải đi mua khung tranh. "Mình sẽ treo nó lên trên lò sưởi, cậu thấy sao?"

“Thà cậu vứt cái đó đi,” Ramy nói. “Nó làm tôi bồn chồn quá.”

“Không phải đâu,” Letty nói. Cô dường như bị mê hoặc khi nhìn bức ảnh, cứ như thể vừa chứng kiến phép thuật thực sự. “Là chúng ta. Đông cứng trong thời gian, bị bắt giữ trong một

khoảnh khắc mà chúng ta sẽ không bao giờ có lại được nữa dù có sống bao lâu đi chăng nữa. Thật tuyệt vời."

Robin cũng thấy bức ảnh trông kỳ lạ, dù cậu không nói ra. Nét mặt của tất cả bọn họ đều gượng gạo, như những chiếc mặt nạ che giấu sự không thoải mái mơ hồ. Chiếc máy ảnh đã bóp méo và làm phẳng đi tinh thần gắn kết họ, và hơi ấm vô hình cùng tình bằng hữu giữa họ giờ đây trông như một sự gần gũi gượng ép, giả tạo. Nhiếp ảnh, cậu nghĩ, cũng là một kiểu chuyển ngữ, và tất cả bọn họ đều trở nên nghèo nàn hơn vì nó.

Thả hoa violet vào chén nung, thật vậy.

Chapter Ten

To preserve the principles of their pupils they confine them to the safe and elegant imbecilities of classical learning. A genuine Oxford tutor would shudder to hear his young men disputing upon moral and political truth, forming and pulling down theories, and indulging in all the boldness of political discussion. He would augur nothing from it but impiety to God, and treason to Kings.

SYDNEYSMITH, 'Edgeworth'*Professional Education*'

NCuối học kỳ Michaelmas năm đó, Griffin xuất hiện nhiều hơn thường lệ. Robin đã bắt đầu tự hỏi hắn ta đã đi đâu; kể từ khi trở về từ Malacca, nhiệm vụ của hắn giảm từ hai lần một tháng xuống còn một rồi đến không có. Nhưng vào tháng Mười Hai, Robin bắt đầu nhận được những mẩu giấy nhắn yêu cầu cậu gặp Griffin bên ngoài quán Twisted Root cứ vài ngày một lần, nơi họ bắt đầu thói quen đi bộ vòng quanh thành phố như thường lệ. Thông thường, đây là khúc dạo đầu cho những vụ trộm đã được lên kế hoạch. Nhưng đôi khi Griffin dường như không có mục đích gì cụ thể, và thay vào đó chỉ muốn trò chuyện. Robin háo hức chờ đợi những cuộc nói chuyện này; đó là những khoảnh khắc hiếm hoi mà anh trai hắn dường như bớt bí ẩn hơn, giống người hơn, bằng xương bằng thịt hơn. Nhưng Griffin không bao giờ trả lời những câu hỏi mà Robin thực sự muốn thảo luận, đó là Hermes đã làm gì với những nguyên liệu mà hắn giúp ăn cắp, và cuộc cách mạng, nếu có, đang diễn ra như thế nào. "Anh vẫn không tin tưởng em," hắn sẽ nói. "Em vẫn còn quá mới."

I don't trust you either, Robin nghĩ nhưng không nói ra. Thay vào đó, cậu dò hỏi một cách vòng vo. "Hermes đã ở đây bao lâu rồi?"

Griffin liếc anh bằng ánh mắt hài hước. 'Tôi biết anh đang làm gì đấy.'

Tôi chỉ muốn biết liệu nó là một phát minh hiện đại, hay, hay—

Tôi không biết. Tôi hoàn toàn không biết. Ít nhất cũng vài thập kỷ, có lẽ còn lâu hơn, nhưng tôi chưa bao giờ tìm ra. Sao anh/chị không hỏi điều anh/chị thực sự muốn biết?

Vì anh không nói cho em biết.

Thử tôi đi.

Được rồi. Vậy nếu nó đã tồn tại lâu hơn rồi thì tôi không hiểu nổi...

Anh không hiểu tại sao chúng tôi vẫn chưa thắng. Phải vậy không?

“Không. Tớ chẳng hiểu nó có gì khác biệt cả,” Robin nói. “Babel vẫn là – Babel. Còn cậu chỉ là—”

“Một nhóm nhỏ học giả lưu vong đang đục khoét gã khổng lồ à?” Griffin nói thêm. “Nói thẳng ý anh đi, đừng vòng vo.”

Tôi định nói là “những người theo chủ nghĩa lý tưởng bị áp đảo về số lượng”, nhưng đúng vậy. Ý tôi là – làm ơn đi, Griffin, thật khó mà giữ vững niềm tin khi không rõ những gì tôi làm có tác dụng gì.

Griffin chậm bước. Anh im lặng vài giây, suy nghĩ, rồi nói, "Tôi sẽ vẽ cho anh một bức tranh. Bạc đến từ đâu?"

Griffin, thật lòng mà nói—

Chiều tôi chút.

Tôi có lớp học sau mười phút nữa.

Và câu trả lời không hề đơn giản. Nghề này sẽ không đuổi bạn chỉ vì đi trễ một lần. Bạc đến từ đâu vậy?

'Tôi không biết. Của tôi à?'

Griffin thở dài nặng nề. "Người ta không dạy cậu gì cả à?"

Griffin—

Cứ nghe này. Bạc đã tồn tại từ rất lâu rồi. Người Athen đã khai thác nó ở Attica, và người La Mã, như anh biết đấy, đã dùng bạc để mở rộng đế chế của họ khi họ nhận ra sức mạnh của nó. Nhưng bạc đã không trở thành tiền tệ quốc tế, không tạo điều kiện cho một mạng lưới thương mại trải dài khắp các lục địa, cho đến tận sau này. Đơn giản là vì không có đủ bạc. Rồi vào thế kỷ XVI, nhà Habsburg - đế chế toàn cầu thực sự đầu tiên - đã tình cờ phát hiện ra những mỏ bạc khổng lồ ở Andes. Người Tây Ban Nha đã mang nó ra khỏi núi, nhờ công sức của những người thợ mỏ bản địa mà chắc chắn là họ không được trả công xứng đáng.* và đúc thành những đồng tiền tám reales nhỏ, mang lại nguồn tài sản khổng lồ đổ về Seville và Madrid.

Bạc làm cho họ giàu có – giàu đến mức có thể mua vải bông in từ Ấn Độ, thứ mà họ dùng để trả cho những nô lệ bị trói từ Châu Phi, những người mà họ bắt làm việc trên các đồn điền ở thuộc địa. Vậy nên người Tây Ban Nha ngày càng giàu có hơn, và bất cứ nơi nào họ đến, họ để lại cái chết, nô lệ và sự bần cùng hóa phía sau. Chắc hẳn đến giờ anh cũng thấy được những khuôn mẫu này rồi chứ?

Khi giảng bài, Griffin trông giống Giáo sư Lovell một cách kỳ lạ. Cả hai đều dùng những cử chỉ tay rất dứt khoát, như thể họ dùng động tác tay thay cho dấu chấm câu để ngắt quãng những bài diễn thuyết dài dòng, và cả hai đều nói chuyện với một giọng điệu rất chính xác, ngắt nhịp. Họ cũng có chung niềm yêu thích với phương pháp vấn đáp kiểu Socrates. "Nhảy vọt về phía trước hai trăm năm, và anh sẽ có được gì?"

Robin thở dài, nhưng vẫn tiếp lời. "Tất cả bạc, và tất cả quyền lực, đều chảy từ Tân Thế Giới về châu Âu."

“Phải rồi,” Griffin nói. “Bạc đổ về nơi nó đã được sử dụng. Tây Ban Nha dẫn đầu trong một thời gian dài, trong khi Hà Lan, Anh và Pháp cứ bám sát gót chân họ. Nhảy cóc thêm một thế kỷ nữa, Tây Ban Nha chỉ còn là cái bóng của chính mình; các cuộc chiến tranh Napoleon đã bào mòn quyền lực của Pháp, và giờ thì nước Anh vinh quang đang ở trên đỉnh. Dự trữ bạc lớn nhất châu Âu. Học viện dịch thuật tốt nhất thế giới tính đến thời điểm hiện tại. Hải quân mạnh nhất trên biển, được củng cố sau trận Trafalgar, nghĩa là hòn đảo này đang trên đường thống trị thế giới, phải không? Nhưng có một điều thú vị đã xảy ra trong thế kỷ qua. Một điều gì đó đã khiến Quốc hội và tất cả các công ty thương mại của Anh khá đau đầu. Cậu có đoán được đó là gì không?”

Đừng nói với tôi là chúng ta sắp hết bạc đấy nhé.

Griffin cười toe toét. "Bọn chúng sắp hết bạc rồi. Cậu đoán xem bây giờ nó đang chảy về đâu nào?"

Con chim cổ đỏ này biết câu trả lời, chỉ vì nó đã nghe Giáo sư Lovell và bạn bè ông phàn nàn về điều đó hàng năm trời trong những đêm tụ tập tại phòng khách ở Hampstead. "Trung Quốc."

Trung Quốc. Đất nước này đang ngốn ngấu hàng nhập khẩu từ phương Đông. Họ không bao giờ có đủ đồ sứ, tủ sơn mài và lụa của Trung Quốc. Và trà nữa. Trời ơi. Anh có biết mỗi năm có bao nhiêu trà được xuất khẩu từ Trung Quốc sang Anh không? Ít nhất là ba mươi triệu bảng. Người Anh mê trà đến nỗi Quốc hội từng khăng khăng yêu cầu Công ty Đông Ấn phải luôn dự trữ đủ trà cho cả năm để phòng trường hợp thiếu hụt. Chúng ta chi hàng triệu triệu bảng cho trà từ Trung Quốc mỗi năm, và chúng ta trả bằng bạc.

"Nhưng Trung Quốc lại chẳng mặn mà gì với hàng hóa Anh Quốc. Khi Hoàng đế Càn Long được xem một cuộc triển lãm các mặt hàng sản xuất của Anh do Lord Macartney mang đến, các vị có biết ngài đã đáp lại thế nào không?"*Strange and costly objects do not interest me*Người Trung Quốc chẳng cần thứ gì chúng ta bán; họ có thể tự sản xuất mọi thứ họ muốn. Vậy nên bạc cứ thế chảy vào Trung Quốc, và người Anh chẳng làm gì được vì họ không thể thay đổi cung cầu. Rồi sẽ đến lúc tài năng phiên dịch của chúng ta nhiều đến mấy cũng vô dụng, bởi vì trữ lượng bạc sẽ chẳng còn để mà dùng. Đế quốc Anh sẽ sụp đổ vì lòng tham của chính nó. Trong khi đó, bạc sẽ tích tụ tại những trung tâm quyền lực mới – những nơi trước đây tài nguyên bị đánh cắp và bóc lột. Họ sẽ có nguyên liệu thô. Tất cả những gì họ cần lúc đó là thợ bạc, và nhân tài sẽ đi đến nơi có việc làm; xưa nay vẫn vậy. Vậy nên mọi chuyện đơn giản như việc làm cho Đế chế lụi tàn. Vòng tuần hoàn lịch sử sẽ lo phần còn lại, và các người chỉ cần giúp chúng tôi đẩy nhanh tiến trình đó.

“Nhưng mà… ” Robin ấp úng, khó khăn tìm từ để diễn đạt sự phản đối của mình. “Nó quá trừu tượng, quá đơn giản, không thể nào… Ý tôi là, chắc chắn ông không thể dự đoán lịch sử như thế này với những nét vẽ chung chung như vậy—”

“Em có thể dự đoán được khá nhiều đấy.” Griffin liếc nhìn Robin. “Nhưng đó là vấn đề của chương trình đào tạo Babel, phải không? Họ dạy em ngôn ngữ và dịch thuật, nhưng không bao giờ dạy lịch sử, khoa học, hay chính trị quốc tế. Họ không nói cho em biết về những đội quân chống lưng cho các phương ngữ.”

“Nhưng trông nó sẽ như thế nào?” Robin nài nỉ. “Ý tôi là, những gì anh đang mô tả – nó sẽ diễn ra ra sao? Một cuộc chiến tranh toàn cầu? Hay một sự suy thoái kinh tế chậm chạp cho đến khi thế giới trông hoàn toàn khác?”

“Tôi không biết,” Griffin nói. “Không ai biết chính xác tương lai sẽ ra sao. Liệu cán cân quyền lực có dịch chuyển sang Trung Quốc, hay sang châu Mỹ, hay liệu nước Anh có chiến đấu đến cùng để giữ vững vị trí của mình hay không – điều đó không thể nào đoán trước được.”

"Vậy thì làm sao anh biết những gì anh làm có tác dụng gì chứ?"

“Tôi không thể đoán trước mọi cuộc chạm trán sẽ diễn ra như thế nào,” Griffin nói rõ. “Nhưng tôi biết điều này. Sự giàu có của Anh phụ thuộc vào việc khai thác cưỡng bức. Và khi nước Anh phát triển, chỉ còn lại hai lựa chọn: hoặc các cơ chế cưỡng chế của họ trở nên tàn bạo hơn rất nhiều, hoặc nó sụp đổ. Khả năng xảy ra trước cao hơn. Nhưng nó cũng có thể dẫn đến điều sau.”

“Nhưng mà trận chiến này quá chênh lệch,” Robin nói bất lực. “Một mình cậu chống lại cả Đế chế.”

"Chỉ khi nào cậu nghĩ Đế chế là không thể tránh khỏi," Griffin nói. "Nhưng nó không phải vậy."Hãy nhìn vào thời khắc hiện tại. Chúng ta đang ở giai đoạn cuối của một cuộc khủng hoảng lớn tại Đại Tây Dương, sau khi các đế chế quân chủ lần lượt sụp đổ. Anh và Pháp đã thất bại ở Mỹ, rồi lại gây chiến với nhau mà chẳng ai được lợi lộc gì. Giờ đây, đúng là chúng ta đang chứng kiến một sự củng cố quyền lực mới - Anh đã chiếm được Bengal, Java của Hà Lan và thuộc địa Cape - và nếu nó đạt được điều mình muốn ở Trung Quốc, nếu nó có thể đảo ngược tình trạng mất cân bằng thương mại này, thì nó sẽ trở nên không thể ngăn cản.

‘Nhưng chưa có gì là bất di bất dịch cả – kể cả được khắc lên bạc đi chăng nữa. Rất nhiều thứ phụ thuộc vào những tình huống ngẫu nhiên này, và chính tại những điểm bùng phát này, chúng ta có thể tác động. Nơi mà những lựa chọn cá nhân, nơi mà ngay cả những đội quân kháng chiến nhỏ nhất cũng tạo nên sự khác

biệt. Lấy Barbados làm ví dụ. Lấy Jamaica chẳng hạn. Chúng tôi đã đưa quân đến đó để dập tắt các cuộc nổi dậy—'

"Những cuộc nổi dậy của nô lệ đều bị dập tắt," Robin nói.

"Nhưng chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ rồi mà, phải không?" Griffin nói. "Ít nhất là ở các vùng lãnh thổ của Anh. Không – tôi không nói là mọi thứ đều tốt đẹp và đã được giải quyết, và tôi cũng không nói chúng ta có thể nhận hết công lao cho luật pháp Anh; tôi chắc chắn những người theo chủ nghĩa bãi nô sẽ phản đối điều đó. Nhưng tôi muốn nói rằng nếu bạn nghĩ Đạo luật năm 1833 được thông qua vì lương tâm đạo đức của người Anh, thì bạn đã nhầm. Họ thông qua dự luật đó vì họ không thể tiếp tục chịu đựng những khoản thua lỗ."

Anh ta vẫy tay, chỉ vào một bản đồ vô hình. "Chính những điểm giao nhau như thế này là nơi chúng ta nắm quyền kiểm soát. Nếu chúng ta tấn công đúng chỗ - nếu chúng ta gây ra những tổn thất mà Đế quốc không thể chịu đựng nổi - thì chúng ta đã đẩy mọi thứ đến điểm tan vỡ. Khi đó tương lai trở nên linh hoạt, và sự thay đổi là điều có thể. Lịch sử không phải là một tấm thảm được dệt sẵn mà chúng ta phải cam chịu, một thế giới đóng kín không lối thoát. Chúng ta có thể tạo nên nó. Định hình nó. Chúng ta chỉ cần*choose*để thành công.

"Cậu thực sự tin vào điều đó sao?", Robin nói, vẻ kinh ngạc. Niềm tin của Griffin làm cậu sững sờ. Với Robin, những lý luận trừu tượng như vậy là lý do để lánh đời, rút lui vào nơi an toàn của những ngôn ngữ chết và sách vở. Còn với Griffin, nó lại là một lời hiệu triệu.

"Tôi phải làm vậy," Griffin nói. "Không thì, cậu nói đúng. Không thì chúng ta chẳng còn gì cả."

Sau cuộc trò chuyện đó, Griffin dường như đã quyết định rằng Robin sẽ không phản bội Hội Hermes, vì nhiệm vụ của Robin tăng lên đáng kể về số lượng. Không phải tất cả các nhiệm vụ

của anh ta đều liên quan đến trộm cắp. Thông thường, Griffin yêu cầu các tài liệu – sổ tay từ nguyên học,Trang ngữ pháp, biểu đồ chính tả - những thứ dễ dàng lấy được, sao chép và trả lại mà không gây chú ý. Tuy nhiên, anh phải khéo léo lựa chọn thời điểm và cách lấy sách, vì nếu cứ lén lút mang đi những tài liệu không liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của mình, anh sẽ bị nghi ngờ. Có lần Ilse, một đàn anh người Nhật, hỏi anh đang làm gì với cuốn Ngữ pháp tiếng Đức cổ, và anh phải lắp bắp bịa ra câu chuyện rằng anh đã vô tình lấy nhầm cuốn sách đó khi đang cố gắng truy tìm nguồn gốc tiếng Hán từ tiếng Hittite. Mặc kệ việc anh đang ở hoàn toàn sai khu vực trong thư viện. Ilse dường như sẵn sàng tin rằng anh chỉ đơn giản là ngốc nghếch đến vậy.

Nói chung, những yêu cầu của Griffin khá dễ dàng. Tất cả đều kém lãng mạn hơn Robin tưởng tượng - và, có lẽ, đã hy vọng. Không hề có những cuộc phiêu lưu ly kỳ hay những cuộc trò chuyện bí mật trên cầu bắc qua dòng nước chảy. Tất cả đều quá tầm thường. Robin được biết, thành tựu vĩ đại của Hội Hermes chính là khả năng ẩn mình một cách hiệu quả, che giấu thông tin hoàn toàn ngay cả với các thành viên của nó. Nếu một ngày Griffin biến mất, Robin sẽ rất khó chứng minh với bất kỳ ai rằng Hội Hermes từng tồn tại, ngoại trừ việc nó chỉ là một sản phẩm của trí tưởng tượng. Anh thường cảm thấy mình không phải là một phần của một hội kín, mà là một phần của một bộ máy quan liêu lớn, nhàm chán, vận hành với sự phối hợp tinh vi.

Ngay cả những vụ trộm cắp cũng trở nên đều đặn. Các giáo sư của Babel dường như hoàn toàn không hay biết rằng có bất cứ thứ gì bị đánh cắp. Hội Hermes chỉ lấy bạc với số lượng đủ nhỏ để che giấu bằng một số thủ thuật kế toán, bởi vì ưu điểm của một khoa nhân văn, Griffin giải thích, là tất cả mọi người đều dốt đặc cán mai về toán.

‘Playfair sẽ để cả thùng bạc biến mất nếu không ai kiểm tra hắn,’ ông ta nói với Robin. ‘Cậu nghĩ hắn giữ sổ sách gọn gàng à? Gã

đó cộng hai chữ số còn khó khăn.'

Có những ngày Griffin chẳng nhắc gì đến Hermes, thay vào đó dành trọn một tiếng đồng hồ đi đến Port Meadow và quay lại để hỏi han về cuộc sống của Robin ở Oxford – những chiến tích chèo thuyền, những hiệu sách yêu thích, suy nghĩ của cậu về đồ ăn ở hội trường và ở Buttery.

Robin trả lời thận trọng. Anh cứ chờ đợi một cú sốc nào đó, chờ Griffin xoay chuyển cuộc trò chuyện này thành một cuộc tranh cãi, chờ sở thích ăn bánh nướng không nhân của anh trở thành bằng chứng cho thấy anh mê mẩn tầng lớp tư sản. Nhưng Griffin chỉ tiếp tục hỏi, và dần dần Robin nhận ra rằng có lẽ Griffin chỉ đang nhớ thời sinh viên của mình.

“Mình thích khuôn viên trường vào dịp Giáng sinh lắm,” Griffin nói vào một buổi tối. “Đó là mùa mà Oxford tràn ngập điều kỳ diệu nhất.”

Mặt trời đã lặn. Không khí từ se se lạnh chuyển sang lạnh thấu xương, nhưng thành phố rực sáng với những ngọn nến Giáng sinh, và tuyết rơi lất phất xung quanh họ. Thật đáng yêu. Robin đi chậm lại, muốn tận hưởng khung cảnh, nhưng anh nhận thấy Griffin đang run lên cầm cập.

“Griffin, đừng…” Robin ngập ngừng; cậu không biết làm sao để hỏi cho lịch sự. “Cái áo khoác đó là cái duy nhất cậu có à?”

Griffin rụt lại như con chó xù lông. "Tại sao?"

Chỉ là – tôi có một khoản trợ cấp, nếu cậu muốn mua gì đó ấm hơn—

“Đừng kẻ cả với tôi.” Robin ngay lập tức hối hận vì đã đề cập đến chuyện đó. Griffin quá tự ái. Anh ta không thể nhận bất kỳ sự bố thí nào; thậm chí anh ta còn không thể chấp nhận lòng thương hại. “Tôi không cần tiền của anh.”

"Tùy cậu," Robin nói, giọng đầy tổn thương.

Họ lặng lẽ bước thêm một dãy nhà nữa. Rồi Griffin hỏi, với một nỗ lực rõ ràng để làm lành, "Giáng sinh này có kế hoạch gì không?"

Đầu tiên sẽ là bữa tối ở hội trường.

Vậy là những bài kinh Latinh dài lê thê, con vịt cao su, với món bánh pudding Giáng Sinh chẳng khác gì cám lợn. Thật ra thì có gì hay ho vậy?

Robin cười toe toét. "Bà Piper có mấy cái bánh nướng chờ tôi ở Jericho đấy."

Bít tết và thận?

'Gà và tỏi tây. Món khoái khẩu của tôi. Còn một bánh tart chanh cho Letty, và một bánh pecan sô cô la cho Ramy và Victoire—'

"Phúc cho bà Piper của cậu," Griffin nói. "Thời tôi, giáo sư có một mụ già lạnh như băng tên là bà Peterhouse. Nấu ăn thì dở tệ, đúng vậy, nhưng lúc nào tôi ở gần cũng buông lời nói bóng nói gió về mấy đứa lai. Mà ông ấy cũng chẳng ưa gì chuyện đó; chắc vì thế nên ông ấy mới cho bà ta nghỉ việc."

Họ rẽ trái vào phố Cornmarket. Giờ họ đã rất gần tòa tháp, và Griffin có vẻ bồn chồn; Robin đoán rằng họ sẽ sớm chia tay.

'Trước khi tôi quên.' Griffin thò tay vào áo khoác, lôi ra một gói đồ được bọc lại, và ném nó cho Robin. 'Tôi có cái này cho cậu.'

Ngạc nhiên, Robin giật sợi dây. "Một dụng cụ à?"

Chỉ là một món quà nhỏ. Giáng sinh vui vẻ.

Robin xé toạc tờ giấy, để lộ ra một cuốn sách xinh xắn, mới in thơm phức.

“Cậu nói là cậu thích Dickens mà,” Griffin nói. “Họ vừa mới đóng lại thành sách bộ truyện đăng dài kỳ gần đây nhất của ông ấy – có thể cậu đọc rồi, nhưng tớ nghĩ cậu sẽ thích đọc nó khi nó ở trọn trong một quyển.”

Anh ấy đã mua cho Robin bộ sách ba tập*Oliver Twist*Trong giây lát, Robin chỉ biết lắp bắp – cậu không hề biết họ sẽ tặng quà cho nhau, cậu cũng chẳng mua gì cho Griffin cả – nhưng Griffin xua tay. “Không sao đâu, anh lớn hơn em mà, đừng làm anh ngại.”

Chỉ sau đó, sau khi Griffin biến mất ở cuối phố Broad, áo khoác bay phần phật quanh mắt cá chân, Robin mới nhận ra lựa chọn này chính là trò đùa của Griffin.

*Come back with me*Suýt nữa thì anh đã nói ra lúc họ chia tay.*Come to hall. Come back and have Christmas dinner.*

Nhưng điều đó là không thể. Cuộc sống của Robin bị chia làm hai, và Griffin tồn tại trong thế giới bóng tối, khuất khỏi tầm nhìn. Robin không bao giờ có thể đưa cậu ấy trở lại Ngõ Chim Chích Chòe. Không bao giờ có thể giới thiệu cậu ấy với bạn bè. Không bao giờ, dưới ánh sáng ban ngày, có thể gọi cậu là em trai.

“Ừm.” Griffin hắng giọng. “Vậy thì hẹn lần sau nhé.”

Khi nào thì vậy?

‘Chưa biết.’ Anh ta đã bỏ đi, tuyết phủ đầy dấu chân. ‘Nhìn vào cửa sổ của cô đi.’

Ngày đầu tiên của học kỳ Hilary, cổng chính vào Babel bị chặn bởi bốn cảnh sát vũ trang. Dường như họ đang giao tiếp với ai đó hoặc vật gì bên trong, mặc dù Robin không thể nhìn thấy gì qua đám đông học giả đang run rẩy.

"Chuyện gì vậy?" Ramy hỏi các cô gái.

“Họ nói là có trộm đột nhập,” Victoire nói. “Chắc là có người muốn chôm chỉa ít đồ bạc.”

"Vậy thì sao, cảnh sát đến đúng lúc thế à?", Robin hỏi.

“Nó làm kêu chuông báo động khi cố mở cửa vào,” Letty nói. “Và hình như cảnh sát tới rất nhanh.”

Một viên cảnh sát thứ năm và thứ sáu xuất hiện từ tòa nhà, lôi ra người đàn ông mà Robin đoán là tên trộm. Hắn ta trung niên, tóc đen, râu quai nón, và mặc quần áo rất bẩn thỉu. Vậy không phải Hermes rồi, Robin nghĩ với một chút nhẹ nhõm. Khuôn mặt tên trộm nhăn nhó vì đau đớn, và tiếng rên rỉ của hắn vang lên trên đám đông khi cảnh sát kéo hắn xuống các bậc thềm về phía chiếc taxi đang đợi. Họ để lại một vệt máu trên những viên đá cuội phía sau.

“Hắn lãnh khoảng năm viên đạn.” Anthony Ribben xuất hiện bên cạnh họ. Trông anh ta như sắp nôn mửa. “Tôi đoán là cũng mừng vì thấy mấy lá bùa hộ mệnh vẫn còn hiệu nghiệm.”

Robin chùn bước. "Kết giới làm vậy sao?"

“Tòa tháp được bảo vệ bởi hệ thống an ninh tối tân nhất cả nước,” Anthony nói. “Không chỉ có gia đình Grammatica được bảo vệ đâu. Có khoảng nửa triệu bảng bạc trong tòa nhà này, và chỉ có mấy học giả mảnh khảnh canh giữ thôi. Dĩ nhiên là các cánh cửa đều được yểm bùa rồi.”

Tim Robin đập thình thịch, cậu nghe rõ mồn một trong tai. "Bằng cái gì cơ?"

Họ chẳng bao giờ nói cho chúng tôi biết các cặp ghép là gì cả; họ giữ kín lắm. Playfair cập nhật chúng vài tháng một lần, trùng hợp với tần suất có người định ăn trộm. Phải nói là tôi thích bộ này hơn bộ trước nhiều – bộ trước dùng dao cổ, nghe đồn là từ Alexandria, cứa toạc chân tay kẻ đột nhập. Máu me be bét cả

thảm trải sàn; nếu nhìn kỹ vẫn còn thấy mấy vết nâu nâu. Chúng tôi mất hàng tuần trời đoán xem Playfair dùng từ gì, nhưng chẳng ai đoán ra.

Ánh mắt Victoire dõi theo chiếc taxi khuất dần. "Anh nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra với hắn ta?"

“Ồ, chắc hắn sẽ lên chuyến tàu đầu tiên đến Úc thôi,” Anthony nói. “Miễn là hắn không chết vì mất máu trên đường đến đồn cảnh sát.”

“Đón hàng thường lệ thôi,” Griffin nói. “Vào rồi ra ngay — cậu còn chẳng biết tụi này có mặt ở đó nữa. Tuy nhiên, thời gian hơi căng nên cứ trực điện thoại cả đêm đi nhé.” Anh huých nhẹ vào vai Robin. “Sao thế?”

Robin chớp mắt và ngước nhìn. "Hửm?"

Trông anh/chị như thấy ma vậy.

“Tôi chỉ…” Robin ngập ngừng một lúc, rồi buột miệng, “Cậu biết về kết giới chứ, phải không?”

"Cái gì?"

Sáng nay chúng tôi thấy một người đàn ông đột nhập. Rồi mấy cái bùa hộ mệnh, chúng kích hoạt một thứ súng gì đó, và nó bắn hắn ta đầy đạn—

“Ờ, dĩ nhiên rồi.” Griffin trông có vẻ bối rối. “Đừng nói với tôi là cậu mới biết chuyện này đấy nhé. Babel có mấy cái bùa bảo hộ kì cục lắm mà – chẳng lẽ tuần đầu họ không nhồi nhét mấy cái đó vào mặt mấy cậu à?”

'Họ đã cập nhật chúng rồi. Đó là điều tôi đang cố nói với anh, giờ chúng có thể nhận biết khi có kẻ trộm đi qua—'

“ mấy cái thanh chắn chẳng có gì phức tạp cả,” Griffin nói với vẻ khinh khi. “Chúng chỉ được thiết kế để phân biệt giữa sinh viên, khách của họ và người lạ vào Viện. Anh nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu mấy cái bẫy sập xuống một phiên dịch viên cần mang vài thanh về nhà qua đêm? Hay ai đó dẫn vợ đến khoa mà chưa xin phép Playfair trước? Anh hoàn toàn an toàn.”

‘Nhưng làm sao mà…*know*"Hả?" Giọng Robin nghe cáu kỉnh hơn cậu dự định. Cậu hắng giọng, cố gắng làm trầm giọng mà không lộ liễu. "Cậu không thấy những gì tôi thấy, cậu không biết các cặp đấu mới là..."

“Cậu không gặp nguy hiểm gì đâu. Cầm lấy cái này, nếu cậu lo lắng.” Griffin lục lọi trong túi, rồi ném cho Robin một thanh kẹo.*Wúxíng*, nó viết. Vô hình. Chính là cái quán bar anh đã đến vào đêm đầu tiên họ gặp nhau.

“Để tẩu thoát nhanh,” Griffin nói. “Phòng khi mọi việc thật sự trở nên tồi tệ. Và cậu có thể sẽ phải dùng nó cho cả đồng đội của mình nữa – khó mà mang một cái rương cỡ đó ra khỏi thành phố mà không bị phát hiện.”

Robin đút thanh kim loại vào túi áo trong. "Cậu biết đấy, cậu có thể bớt coi thường chuyện này một chút."

Môi Griffin nhếch lên. "Sao, giờ mới sợ à?"

“Chỉ là…” Robin ngập ngừng một lúc, lắc đầu, rồi quyết định nói ra. “Chỉ là cảm giác như – ý tôi là, tôi mới là người luôn gặp nguy hiểm, còn cậu thì chỉ…”

"Cái gì cơ?", Griffin gắt lên.

Anh đã lạc vào vùng nguy hiểm. Nhìn ánh mắt lóe lên của Griffin, anh biết mình đã chạm đến nỗi đau của hắn. Một tháng trước, khi mối quan hệ của họ còn bấp bênh hơn, có lẽ anh đã đổi chủ đề. Nhưng giờ anh không thể im lặng được nữa. Anh

cảm thấy bực bội và bị coi thường, và cùng với đó là một khao khát nóng bỏng muốn làm tổn thương lại.

“Sao cậu không đi cái này?” anh ta hỏi. “Sao cậu không tự dùng cái quầy bar được?”

Griffin chớp mắt chậm rãi. Rồi anh ta nói, với giọng đều đều đến mức chắc hẳn phải gượng ép lắm, "Tôi không thể. Cô biết tôi không thể mà."

Sao lại không?

“Vì tôi không mơ bằng tiếng Trung.” Nét mặt anh ta không đổi, giọng điệu cũng vậy, nhưng cơn thịnh nộ khinh miệt vẫn thấm qua lời nói. Nhìn anh ta nói chuyện lúc đó thật kỳ lạ. Anh ta trông rất giống cha của họ. “Tôi là người tiền nhiệm thất bại của cậu, cậu hiểu chứ. Ông già yêu quý đã đưa tôi ra khỏi nước quá sớm. Tôi có năng khiếu về ngữ điệu, nhưng chỉ có vậy thôi…Nó đấy. Sự lưu loát của tôi phần lớn là giả tạo. Tôi không có ký ức nào bằng tiếng Trung. Tôi không mơ bằng nó. Tôi có khả năng nhớ lại, tôi có kỹ năng ngôn ngữ, nhưng tôi không thể nào làm cho mấy thanh âm thanh hoạt động ổn định. Phân nửa thời gian chúng chẳng làm được gì cả.’ Cổ họng anh ta giật giật. ‘Cha đã đúng khi làm vậy với em. Ông ấy để em lên men cho đến khi em biết đọc biết viết. Nhưng ông ấy đã đưa tôi đến đây trước khi tôi hình thành đủ các kết nối, đủ các ký ức. Hơn nữa, ông ấy là người duy nhất tôi từng nói tiếng Quan Thoại, trong khi tiếng Quảng Đông của tôi vốn đã tốt hơn nhiều ngay từ đầu. Và giờ thì nó đã mất. Tôi không suy nghĩ bằng nó, và tôi chắc chắn không mơ bằng nó.

Robin nghĩ về đám trộm trong hẻm, về những lời thì thầm tuyệt vọng của Griffin khi cậu cố gắng làm cho chúng biến mất. Cậu sẽ làm gì nếu cậu mất khả năng nói tiếng Trung của mình? Chỉ nghĩ đến thôi cũng khiến cậu rùng mình kinh hãi.

“Cậu hiểu rồi đấy,” Griffin nói, quan sát anh ta. “Cậu biết cảm giác tiếng mẹ đẻ dần biến mất như thế nào. Cậu đã kịp giữ nó lại. Tôi thì không.”

“Tôi rất tiếc,” Robin nói. “Tôi không biết.”

"Đừng xin lỗi," Griffin nói cộc lốc.*You*không phá hỏng cuộc đời tôi.

Robin giờ có thể nhìn Oxford qua con mắt của Griffin – một học viện chưa bao giờ coi trọng anh, chỉ luôn cô lập và xem thường anh. Cô tưởng tượng Griffin vươn lên ở Babel, cố gắng một cách tuyệt vọng để có được sự công nhận của Giáo sư Lovell, nhưng chưa bao giờ có thể làm cho bạc hoạt động ổn định. Thật kinh khủng biết bao khi phải bám víu vào thứ tiếng Trung Quốc mong manh từ một cuộc sống gần như bị lãng quên, biết rõ rằng đó là thứ duy nhất mang lại giá trị cho anh ở nơi này.

Chẳng trách Griffin lại giận dữ đến thế. Chẳng trách anh căm thù Babel đến vậy. Griffin đã bị cướp mất tất cả – tiếng mẹ đẻ, quê hương, gia đình.

“Vậy nên anh cần em, em trai yêu quý.” Griffin đưa tay ra, xoa đầu cậu. Cái xoa mạnh đến mức làm cậu đau. “Em là hàng thật giá thật. Em là không thể thiếu.”

Robin biết rõ hơn là phải trả lời.

“Để mắt đến cửa sổ của anh.” Ánh mắt Griffin lạnh lẽo. “Mọi việc đang diễn biến nhanh chóng. Và chuyện này rất quan trọng.”

Robin nuốt lại những lời phản đối và gật đầu. "Được."

Một tuần sau, Robin trở về từ bữa tối với Giáo sư Lovell và thấy mẩu giấy mà anh ta vẫn luôn lo sợ bị kẹt dưới cửa sổ.

Tonight, nó ghi.*Eleven*.

Đã 10 giờ 45 rồi. Robin vội vàng khoác lên mình chiếc áo khoác anh vừa treo lên.vụt dậy, chộp lấy*wúxíng*lấy vội thanh kẹo ra khỏi ngăn kéo rồi lao trở lại cơn mưa.

Anh kiểm tra mặt sau tờ giấy tìm kiếm thêm chi tiết trong khi bước đi, nhưng Griffin không ghi thêm bất kỳ hướng dẫn nào. Điều này không hẳn là vấn đề – Robin đoán rằng anh chỉ cần cho phép bất kỳ đồng phạm nào ra vào tháp – nhưng giờ lại sớm một cách đáng ngạc nhiên, và anh chợt nhận ra mình chẳng mang theo thứ gì – không sách vở, không cặp sách, thậm chí không có cả một chiếc ô – thứ có thể biện minh cho chuyến đi đến tháp vào đêm muộn như thế này.

Nhưng anh không thể vắng mặt hoàn toàn được. Khi chuông điểm mười một giờ, anh lao vút qua bãi cỏ và giật mạnh cánh cửa mở toang. Việc này anh đã làm cả chục lần rồi – vừng ơi mở ra, vừng ơi đóng lại, và tránh xa ra. Miễn là máu của Robin còn được cất giữ trong những bức tường đá kia, thì kết giới sẽ không báo động.

Hai nhân viên của Hermes đi theo anh ta qua cửa rồi biến mất lên cầu thang. Robin nán lại ở tiền sảnh như thường lệ, canh chừng những học giả làm việc đêm, đếm ngược từng giây cho đến khi được tan ca. Năm phút sau mười một giờ, hai nhân viên Hermes vội vã xuống cầu thang. Một người mang theo một bộ dụng cụ khắc, người kia mang một rương bạc thỏi.

“Giỏi lắm,” một người thì thầm. “Đi thôi.”

Robin gật đầu rồi mở cửa cho họ ra. Ngay khi họ bước qua ngưỡng cửa, một âm thanh chói tai khủng khiếp xé toạc không gian – tiếng la hét, tiếng tru rống, tiếng nghiến ken két của những bánh răng kim loại trong một cơ chế vô hình nào đó. Đó là một lời đe dọa và một lời cảnh báo, sự pha trộn giữa nỗi kinh hoàng cổ xưa và khả năng đổ máu của thời hiện đại. Phía sau họ,

các tấm trên cửa chuyển động, để lộ một khoảng rỗng tối om bên trong.

Không nói thêm lời nào, các đặc vụ Hermes lao nhanh về phía bãi cỏ.

Robin do dự, cố quyết định xem có nên đi theo hay không. Cậu có thể trốn thoát – cái bẫy kêu to, nhưng có vẻ hoạt động chậm. Cậu liếc xuống và thấy cả hai chân mình đang đặt ngay trên biểu tượng của trường đại học. Giả sử lá bùa chỉ được kích hoạt nếu cậu bước ra ngoài thì sao?

Chỉ có một cách để biết. Hắn hít một hơi thật sâu, rồi lao xuống cầu thang. Hắn nghe một tiếng nổ, rồi cảm thấy một cơn đau nhói ở cánh tay trái. Hắn không biết mình bị trúng đạn ở đâu. Cơn đau dường như đến từ khắp nơi, không phải một vết thương duy nhất mà là một cơn đau rát lan ra khắp cánh tay. Nó như đang bốc cháy, như đang nổ tung, cả cánh tay như sắp lìa ra. Hắn vẫn tiếp tục chạy. Đạn bắn chỉ thiên phía sau.Hắn. Hắn cúi gập người rồi nhảy loạn xạ; hắn đọc ở đâu đó rằng làm vậy sẽ né được đạn, nhưng hắn cũng chẳng biết thực hư thế nào. Hắn nghe thêm vài tiếng nổ nữa, nhưng chẳng cảm thấy cơn đau nào tương ứng. Hắn chạy hết chiều dài bãi cỏ rồi rẽ trái vào đường Broad, khuất dạng và ra khỏi tầm bắn.

Rồi cơn đau và nỗi sợ hãi ập đến. Đầu gối anh run lên. Anh bước thêm hai bước rồi ngã xuống dựa vào tường, cố gắng kìm nén cơn buồn nôn. Đầu anh quay cuồng. Anh không thể chạy thoát cảnh sát nếu họ đến. Không phải thế này, không phải với máu đang nhỏ giọt xuống cánh tay và bóng tối đang lan dần ra rìa tầm nhìn.*Focus*Anh lần tìm thanh kẹo trong túi. Tay trái trơn trượt, đen ngòm máu; chỉ nhìn thôi cũng khiến cơn chóng mặt ập đến.

‘*Wúxíng*, anh ta thì thào trong cơn hoảng loạn, cố gắng tập trung, tưởng tượng thế giới bằng tiếng Trung. Anh ta chẳng là

gì cả. Anh ta vô hình.*Invisible*.

Nó không hoạt động. Anh ta không thể nào làm cho nó chạy được; anh ta không thể chuyển sang chế độ tiếng Trung khi tất cả những gì anh ta có thể nghĩ đến là cơn đau khủng khiếp.

Này! Đứng lại!

Là Giáo sư Playfair. Robin giật mình, chuẩn bị tinh thần cho điều tồi tệ nhất, nhưng khuôn mặt giáo sư giãn ra thành một nụ cười ấm áp, quan tâm. "Ồ, chào Swift. Tôi không nhận ra đó là em. Em ổn chứ? Có chút ồn ào ở tòa nhà."

“Giáo sư, em… em…” Robin không biết phải nói gì, nên cậu quyết định cứ lắp bắp đại. “Em không – em ở gần đó, nhưng em không biết liệu…”

“Cậu có thấy ai không?” Giáo sư Playfair hỏi. “Những bùa phép được đặt ra để bắn kẻ xâm nhập, cậu biết đấy, nhưng hình như bộ máy bị kẹt sau lần trước. Có thể vẫn bắn trúng hắn ta – cậu có thấy ai đi khập khiễng, ai trông có vẻ đau đớn không?”

“Không, tôi không – tôi gần đến đèn xanh khi chuông báo động reo, nhưng tôi chưa rẽ.” Giáo sư Playfair có đang gật đầu thông cảm không nhỉ? Robin khó mà tin vào vận may của mình. “Có phải – có trộm sao?”

“Có lẽ không. Đừng lo lắng.” Giáo sư Playfair đưa tay vỗ vai cậu. Cú vỗ ấy khiến một cơn đau khủng khiếp khác lan khắp phần thân trên của Robin, và cậu nghiến răng để khỏi kêu lên. “Kết giới đôi khi hơi đỏng đảnh – có lẽ đã đến lúc phải thay cái mới rồi. Tiếc thật, ta thích phiên bản này. Cậu ổn chứ?”

Robin gật đầu và chớp mắt, cố gắng hết sức giữ giọng bình tĩnh. "Chỉ là hơi sợ thôi, chắc vậy – ý tôi là, sau những gì chúng ta đã thấy tuần trước..."

“À, phải rồi. Kinh khủng thật, phải không? Nhưng mà cũng mừng là cái ý tưởng nho nhỏ của tôi hiệu quả. Họ còn chẳng cho tôi thử nghiệm trên chó trước đó nữa chứ. May mà nó không bị trục trặc với cậu.” Giáo sư Playfair cười hô hố. “Không thì cậu đã bị bơm đầy chì rồi.”

“Phải,” Robin nói yếu ớt. “Vậy… vậy thì… mừng quá.”

Không sao đâu. Uống chút whisky pha nước nóng đi, sẽ đỡ sốc đấy.

“Ừ, tôi nghĩ… tôi nghĩ nghe hay đấy.” Robin quay người bỏ đi.

“Không phải cậu nói đang trên đường đến rồi sao?” Giáo sư Playfair hỏi.

Robin đã chuẩn bị sẵn lời nói dối này. "Em hơi lo lắng, nên em nghĩ em sẽ bắt đầu làm bài luận cho Giáo sư Lovell trước. Nhưng em vẫn còn hơi bối rối, và em nghĩ em sẽ không làm việc tốt được nếu bắt đầu bây giờ, nên em nghĩ em nên đi ngủ thôi."

“Dĩ nhiên rồi.” Giáo sư Playfair lại vỗ vai cậu. Lần này có vẻ mạnh hơn; mắt Robin trợn lên. “Richard chắc sẽ bảo cậu lười biếng, nhưng tôi hoàn toàn hiểu. Cậu mới chỉ năm hai thôi mà, cậu được phép lười biếng. Về nhà ngủ đi.”

Giáo sư Playfair gật đầu vui vẻ lần cuối với cậu rồi thong thả bước về phía tòa tháp, nơi tiếng còi báo động vẫn đang rú rít. Robin hít một hơi thật sâu và lê bước đi, cố gắng hết sức để không gục ngã xuống đường.

Bằng cách nào đó hắn đã quay lại được Ngõ Ác Là. Máu vẫn chưa ngừng chảy, nhưng sau khi lau cánh tay bằng khăn ướt, hắn thấy nhẹ nhõm khi viên đạn không găm vào tay. Nó chỉ sượt qua da thịt phía trên khuỷu tay, tạo thành một vết khía sâu khoảng một phần ba inch. Vết thương trông nhỏ đến mức yên tâm sau khi hắn lau sạch máu. Hắn không biết cách băng bó

đúng cách – hắn tưởng tượng có thể phải dùng kim chỉ – nhưng thật ngu ngốc khi đi tìm y tá trường đại học vào giờ này.

Anh nghiến răng chịu đau, cố nhớ lại những lời khuyên hữu ích nào đó từng đọc được trong tiểu thuyết phiêu lưu. Cồn – anh cần sát trùng vết thương. Anh lục lọi trên kệ cho đến khi tìm thấy một chai rượu brandy còn nửa, quà Giáng sinh của Victoire. Anh đổ rượu lên cánh tay, rít lên vì xót, rồi nốc thêm vài ngụm cho chắc ăn. Tiếp theo, anh tìm thấy một chiếc áo sơ mi sạch, xé nó ra làm băng. Anh dùng răng cắn chặt các mảnh vải quanh cánh tay – anh từng đọc ở đâu đó rằng áp lực sẽ giúp cầm máu. Anh không biết mình nên làm gì khác. Giờ anh chỉ cần chờ vết thương tự lành lại sao?

Đầu anh quay cuồng. Liệu anh chóng mặt vì mất máu, hay chỉ tại rượu brandy?

Find Ramy, anh ta nghĩ.*Find Ramy, he'll help.*

Không. Gọi cho Ramy sẽ liên lụy đến cậu ấy. Robin thà chết chứ không để Ramy gặp nguy hiểm.

Anh tựa lưng vào tường, đầu ngửa lên nhìn mái nhà, hít sâu vài hơi. Anh chỉ cần vượt qua đêm nay. Mất toi mấy cái áo sơ mi – chắc phải kiếm cớ gì đó với ông thợ may về một tai nạn giặt giũ – nhưng cuối cùng máu cũng ngừng chảy. Kiệt sức, anh gục xuống và thiếp đi.

Ngày hôm sau, sau ba tiếng đồng hồ vật vã trong lớp học, Robin đến thư viện y khoa và lục tung các kệ sách cho đến khi tìm thấy một cuốn sổ tay hướng dẫn điều trị vết thương ngoài trận địa dành cho bác sĩ. Sau đó, anh đến Cornmarket, mua kim chỉ rồi vội vã về nhà để tự khâu cánh tay lại.

Anh ta châm một ngọn nến, hơ cây kim trên ngọn lửa để khử trùng, và sau nhiều lần loay hoay vụng về, cuối cùng cũng xỏ

được chỉ. Rồi anh ta ngồi xuống, đưa mũi kim sắc nhọn lên phía trên phần da thịt bị thương, đang rỉ máu của mình.

Anh ta không làm được. Cứ đưa kim lại gần vết thương rồi lại rụt tay vì sợ đau. Anh với lấy chai rượu mạnh, tu ừng ực ba ngụm lớn. Anh đợi vài phút cho đến khi rượu ngấm vào bụng và các đầu ngón tay ngón chân bắt đầu tê tê dễ chịu. Đây chính là trạng thái anh cần – đủ tê dại để không thấy đau, nhưng vẫn đủ tỉnh táo để tự khâu vết thương. Anh thử lại lần nữa. Lần này dễ hơn, dù anh vẫn phải dừng lại nhét một miếng vải vào miệng để khỏi hét lên. Cuối cùng anh cũng khâu xong mũi cuối cùng. Mồ hôi nhễ nhại trên trán; nước mắt lăn dài trên má. Bằng cách nào đó, anh vẫn đủ sức cắt chỉ, dùng răng thắt nút rồi ném cây kim dính máu vào bồn rửa mặt. Sau đó, anh ngã vật ra giường, co người lại và nốc cạn chỗ rượu còn lại trong chai.

Tối hôm đó, Griffin mất liên lạc.

Robin biết thật ngu ngốc khi mong đợi điều đó. Griffin, sau khi biết chuyện gì đã xảy ra, có thể sẽ lặn mất tăm, và cũng chẳng lạ gì. Robin sẽ không ngạc nhiên nếu cả học kỳ này không nghe được tin tức gì từ Griffin. Tuy vậy, anh vẫn cảm thấy một làn sóng oán giận đen tối, dâng trào mãnh liệt.

Anh ấy đã*told*Griffin biết thế nào chuyện này cũng xảy ra. Anh đã cảnh báo hắn ta rồi, đã nói rõ ràng những gì anh thấy. Chuyện này hoàn toàn có thể tránh được.

Hắn muốn buổi gặp tiếp theo diễn ra càng sớm càng tốt chỉ để có thể hét vào mặt gã, nói rằng hắn đã cảnh báo rồi, rằng Griffin đáng lẽ ra phải nghe lời. Rằng nếu Griffin không kiêu ngạo như vậy, có lẽ em trai hắn đã không phải khâu kín cả cánh tay. Nhưng cuộc hẹn không đến. Griffin không để lại lời nhắn nào trên cửa sổ vào đêm hôm sau, hay đêm sau nữa. Gã dường như đã biến mất khỏi Oxford không một dấu vết, khiến Robin hoàn toàn mất liên lạc với cả gã lẫn Hermes.

Anh không thể nói chuyện với Griffin. Không thể tâm sự với Victoire, Letty, hay Ramy. Đêm đó chỉ có anh làm bạn với chính mình, khóc lóc thảm thiết bên chai rượu rỗng trong khi cánh tay thì nhói đau. Và lần đầu tiên kể từ khi đặt chân đến Oxford, Robin cảm thấy thật sự cô đơn.

Chapter Eleven

But slaves we are, and labour in another man's plantation; we dress the vineyard, but the wine is the owner's.

JOHNDRYDEN, trích từ phần 'Lời đề tặng' trong bản dịch của ông về*Aeneid*

RSuốt phần còn lại của học kỳ Hilary và Trinity, Robin chẳng thấy Griffin đâu. Thực ra, cậu cũng chẳng để ý lắm; bài vở năm hai ngày càng khó hơn theo từng tuần, và cậu hầu như chẳng còn thời gian để nghĩ đến sự bực tức của mình.

Mùa hè đến, nhưng chẳng giống mùa hè chút nào mà chỉ như một học kỳ rút gọn, và ngày nào cậu cũng nhồi nhét từ vựng tiếng Phạn điên cuồng cho bài kiểm tra một tuần trước khi học kỳ mùa thu Michaelmas bắt đầu. Rồi họ lên năm ba, một vị thế kéo theo tất cả sự mệt mỏi của Babel mà không có chút mới mẻ nào. Oxford mất đi sức hấp dẫn vào tháng Chín ấy; hoàng hôn vàng rực và bầu trời xanh ngắt được thay thế bằng cái lạnh và sương mù triền miên. Trời mưa không ngớt, và những cơn gió bão dường như dữ dội hơn hẳn so với những năm trước. Ô của họ cứ hỏng liên tục. Tất lúc nào cũng ướt. Chèo thuyền học kỳ đó bị hủy bỏ.[*]

Thế cũng tốt. Giờ thì chẳng ai còn thời gian cho thể thao nữa. Năm ba ở Babel theo truyền thống được gọi là mùa đông Siberia, và lý do trở nên rõ ràng khi họ nhận được danh sách các khóa học.Họ vẫn tiếp tục học các ngôn ngữ thứ ba và tiếng Latinh, vốn được đồn đại là sẽ trở nên cực kỳ khó nhằn khi Tacitus được nhắc đến. Họ cũng tiếp tục học Lý thuyết Dịch thuật với Giáo sư Playfair và Ngữ nguyên học với Giáo sư Lovell, mặc dù khối lượng công việc cho mỗi môn học giờ đã tăng gấp đôi, vì họ được yêu cầu viết một bài luận dài năm trang cho mỗi lớp hàng tuần.

Quan trọng nhất, tất cả họ đều được phân công người hướng dẫn để cùng thực hiện một dự án nghiên cứu độc lập. Đây được coi như luận văn đầu tay của họ – công trình đầu tiên mà nếu hoàn thành tốt, sẽ được lưu giữ trên giá sách của Babel như một đóng góp học thuật thực sự.

Cả Ramy và Victoire đều lập tức cảm thấy bất mãn với người giám sát của mình. Ramy được Giáo sư Joseph Harding mời đóng góp vào một vòng biên tập của cuốn Ngữ pháp Ba Tư, về danh nghĩa thì đây là một vinh dự lớn.* Nhưng Ramy chẳng thấy chút lãng mạn nào trong dự án đó cả.

"Ban đầu tôi đề xuất dịch các bản thảo của Ibn Khaldun," anh nói với họ. "Những bản mà Silvestre de Sacy đang giữ. Nhưng Harding phản đối rằng các nhà Đông phương học người Pháp đã đang nghiên cứu chúng, và tôi khó có thể mượn được chúng từ Paris trong kỳ học này. Vậy nên tôi hỏi liệu mình có thể dịch các bài luận tiếng Ả Rập của Omar ibn Said sang tiếng Anh không, vì chúng đã nằm im lìm gần một thập kỷ trong bộ sưu tập của chúng ta, nhưng Harding nói điều đó là không cần thiết vì luật bãi nô đã được thông qua ở Anh rồi, anh chị tin được không?"* Cứ như thể nước Mỹ không tồn tại vậy? Cuối cùng thì Harding nói nếu tôi muốn làm việc gì đó uy tín, thì tôi có thể chỉnh sửa phần trích dẫn trong cuốn Ngữ pháp Ba Tư, vậy nên giờ ông ấy bắt tôi đọc Schlegel.*Über die Sprache und Weisheit der Indier*. Và anh biết sao không? Schlegel thậm chí còn chưa đến Ấn Độ khi ông ấyViết ra điều đó ư. Ông ta viết tất cả từ Paris. Làm sao có thể viết một cuốn sách mang tính quyết định về "ngôn ngữ và trí tuệ" của Ấn Độ từ Paris chứ?*

Thế nhưng sự phẫn nộ của Ramy có vẻ thật tầm thường so với những gì Victoire đang phải đối mặt. Cô đang làm việc với Giáo sư Hugo Leblanc, người mà cô đã học tiếng Pháp suốt hai năm trời mà không gặp khó khăn gì, nhưng giờ đây lại trở thành nguồn cơn của sự bực bội triền miên.

“Không thể nào,” cô ấy nói. “Em muốn nghiên cứu tiếng Kreyòl, việc mà anh ấy không hoàn toàn phản đối dù cho anh ấy nghĩ nó là một ngôn ngữ suy đồi, nhưng tất cả những gì anh ấy muốn biết chỉ là về Vodou.”

"Tôn giáo ngoại đạo đó hả?" Letty hỏi.

Victoire nhìn cô bằng ánh mắt sắc lẹm. "Cái*religion*, vâng. Anh ta cứ hỏi mãi về các câu thần chú và bài thơ Vodou, mà dĩ nhiên là anh ta không thể nào tiếp cận được, vì chúng đều bằng tiếng Creole.

Letty trông có vẻ bối rối. "Nhưng chẳng phải thế cũng giống tiếng Pháp thôi sao?"

“Hoàn toàn không,” Victoire nói. “Tiếng Pháp là ngôn ngữ gốc, đúng vậy, nhưng tiếng Kreyòl là một ngôn ngữ riêng biệt, với hệ thống ngữ pháp riêng. Tiếng Pháp và tiếng Kreyòl không thể hiểu lẫn nhau. Anh có thể học tiếng Pháp cả chục năm, nhưng một bài thơ Kreyòl vẫn có thể không thể giải mã được nếu không có từ điển. Leblanc không có từ điển – có*is*Không có từ điển, chưa có – vậy nên tôi là lựa chọn tốt nhất tiếp theo.’

“Vậy thì vấn đề là gì?” Ramy hỏi. “Hình như cậu có một dự án khá tốt đấy chứ.”

Victoire trông có vẻ không thoải mái. "Vì những văn bản mà ông ấy muốn dịch thì... tôi không biết nữa, chúng là những văn bản đặc biệt. Những văn bản có ý nghĩa."

“Những văn bản đặc biệt đến mức không nên dịch ư?” Letty hỏi.

“Chúng là di sản,” Victoire khăng khăng. “Chúng là những tín ngưỡng thiêng liêng—”

Không*your*niềm tin, chắc chắn rồi—

“Có lẽ không,” Victoire nói. “Tôi chưa – ý tôi là, tôi không biết. Nhưng chúng không phải để chia sẻ. Anh có bằng lòng ngồi hàng giờ liền với một người da trắng khi hắn hỏi anh câu chuyện đằng sau mỗi ẩn dụ, mỗi tên thần thánh, để hắn có thể lục lọi tín ngưỡng của người anh nhằm tìm ra một cặp phù hợp có thể làm phát sáng một thanh bạc không?”

Letty trông có vẻ không tin. ‘Nhưng nó không*real*Phải không?

Dĩ nhiên là thật rồi.

"Ôi, làm ơn đi mà, Victoire."

“Nó có thật theo một nghĩa mà ông không bao giờ hiểu được.” Victoire bắt đầu kích động. “Theo một nghĩa mà chỉ người Haiti mới có thể tiếp cận. Nhưng không phải theo cái nghĩa mà Leblanc đang tưởng tượng.”

Letty thở dài. "Vậy sao anh không nói thẳng với cậu ấy như thế?"

“Anh nghĩ tôi chưa thử à?” Victoire gắt lên. “Anh đã bao giờ thử thuyết phục một giáo sư Babel từ bỏ điều gì chưa?”

“Mà này,” Letty nói, giọng bực bội, phòng thủ và giờ trở nên cay nghiệt, “anh thì biết gì về Vodou chứ? Anh lớn lên ở Pháp mà, đúng không?”

Đây là câu trả lời tệ hại nhất mà cô ấy có thể thốt ra. Victoire mím chặt môi và nhìn đi chỗ khác. Cuộc trò chuyện tắt ngấm. Một sự im lặng ngượng nghịu bao trùm, cả Victoire lẫn Letty đều không có ý định phá vỡ nó. Robin và Ramy liếc nhìn nhau, ngơ ngác, ngốc nghếch. Có điều gì đó đã sai rất sai, một điều cấm kỵ đã bị xâm phạm, nhưng tất cả bọn họ đều quá sợ hãi để tìm hiểu chính xác đó là gì.

Robin và Letty tạm hài lòng với dự án của mình, dù chúng khá ì ạch và tốn thời gian. Robin làm việc với Giáo sư Chakravarti để

hoàn thành danh sách các từ mượn tiếng Phạn sang tiếng Trung, còn Letty làm việc với Giáo sư Leblanc để lội qua hàng tá tài liệu khoa học tiếng Pháp, tìm kiếm những phép ẩn dụ hữu ích và không thể dịch được trong lĩnh vực toán học và kỹ thuật. Họ học cách tránh thảo luận về những chi tiết liên quan đến Ramy và Victoire. Tất cả họ đều dùng những lời sáo rỗng với nhau; Robin và Letty thì lúc nào cũng "đang tiến triển tốt" trong khi Ramy và Victoire thì "vẫn đang loay hoay như mọi khi".

Riêng tư thì Letty không rộng lượng như vậy. Chuyện Giáo sư Leblanc đã trở thành một vấn đề gây tranh cãi giữa cô và Victoire. Victoire cảm thấy tổn thương và kinh ngạc trước sự thiếu cảm thông của Letty, trong khi Letty lại cho rằng Victoire đang quá nhạy cảm về chuyện đó.

"Cô ta tự chuốc lấy thôi," cô phàn nàn với Robin. "Mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu cô ta chịu khó nghiên cứu – ý tôi là, chưa ai làm đồ án năm ba về tiếng Creole Haiti cả, thậm chí còn chẳng có quyển ngữ pháp nào ra hồn. Cô ta có thể là người đầu tiên!"

Cãi nhau với Letty khi cô ấy đang trong trạng thái này là vô ích – rõ ràng là cô ấy chỉ muốn có người nghe mình xả giận – nhưng Robin vẫn cố. "Biết đâu chuyện này quan trọng với cô ấy hơn cậu nghĩ."

'Nhưng không phải vậy. Tớ biết là không phải! Cô ấy chẳng sùng đạo gì cả; ý tớ là, cô ấy*civilized*—'

Anh ta huýt sáo. "Đó là một từ đầy hàm ý đấy, Letty."

"Anh hiểu ý em mà," cô ấy thở phì phò. "Cô ta không phải người Haiti. Cô ta…*French*Và tôi chẳng hiểu sao cô ấy cứ phải làm khó mọi chuyện như vậy.

Giữa học kỳ Michaelmas, Letty và Victoire hầu như không nói chuyện với nhau. Họ luôn đến lớp cách nhau vài phút, và Robin tự hỏi liệu việc căn giờ rời khỏi phòng sinh hoạt chung để không

bao giờ chạm mặt nhau trên đoạn đường dài có phải là cả một kỹ năng.

Không chỉ các cô gái chịu đựng những vết nứt gãy. Bầu không khí những ngày ấy thật ngột ngạt. Có điều gì đó dường như đã tan vỡ giữa tất cả bọn họ – không,*break*có lẽ hơi quá lời, vì họ vẫn bám víu lấy nhau với sức mạnh của những người không còn ai khác. Nhưng mối liên kết của họ đã chuyển sang một hướng gây tổn thương rõ rệt. Họ vẫn dành gần như toàn bộ thời gian thức giấc bên nhau, nhưng lại sợ hãi sự hiện diện của đối phương. Mọi thứ đều trở thành một sự khinh miệt vô tình hoặc cố ý xúc phạm - nếu Robin phàn nàn về tiếng Phạn, thì đó là sự thiếu tế nhị trước việc Giáo sư Harding cứ khăng khăng tiếng Phạn là một trong những ngôn ngữ của Ramy trong khi không phải vậy; nếu Ramy hài lòng vì cuối cùng anh và Giáo sư Harding đã thống nhất được hướng nghiên cứu, thì đó là một lời nói vô tâm với Victoire, người đã không đạt được gì với Giáo sư Leblanc. Họ từng tìm thấy sự an ủi trong tình đoàn kết của mình, nhưng giờ đây họ chỉ nhìn thấy nhau như những lời nhắc nhở về nỗi đau khổ của chính mình.

Điều tệ nhất, theo Robin, là có gì đó đã thay đổi đột ngột và bí ẩn giữa Letty và Ramy. Họ vẫn cứ tranh cãi nảy lửa như mọi khi – Ramy không bao giờ ngừng chọc ghẹo, và Letty cũng chẳng bao giờ ngừng nổi cáu đáp trả. Nhưng giờ đây, những lời phản bác của Letty lại mang một giọng điệu kỳ lạ của kẻ bị hại. Cô ấy cáu kỉnh với những chuyện nhỏ nhặt nhất, thường là những lời bóng gió khó nắm bắt. Đổi lại, Ramy trở nên tàn nhẫn và mỉa mai hơn theo một cách khó diễn tả. Robin không biết phải làm gì với chuyện này, cũng chẳng mảy may hiểu chuyện gì đang xảy ra, ngoài việc nó khiến cậu thấy nhói đau trong lồng ngực mỗi khi chứng kiến những màn đấu khẩu ấy.

“Nó chỉ là đang làm mình làm mẩy thôi,” Ramy nói khi bị gặng hỏi. “Nó muốn được chú ý, và nó nghĩ rằng làm loạn lên là cách để có được điều đó.”

“Cậu có làm gì khiến cô ấy buồn không?” Robin hỏi.

“Ngoài việc tồn tại chung chung ra thì sao? Tôi không nghĩ vậy.” Ramy có vẻ chán ngấy chủ đề này. “Hay là chúng ta tiếp tục bài dịch này đi? Mọi chuyện ổn cả mà, Birdie, tôi hứa.”

Nhưng mọi chuyện rõ ràng là không ổn chút nào. Thực tế là mọi thứ rất kỳ lạ. Ramy và Letty dường như không thể chịu đựng nhau, nhưng đồng thời, họ cứ như bị hút về phía nhau; họ không thể nói chuyện bình thường mà không kịch liệt phản đối nhau theo cách khiến họ trở thành trung tâm của cuộc trò chuyện. Nếu Ramy muốn cà phê, Letty sẽ muốn trà; nếu Ramy nghĩ rằng một bức tranh trên tường rất đẹp, thì Letty đột nhiên có mười hai lý do tại sao nó là ví dụ điển hình nhất cho sự bám víu vào chủ nghĩa nghệ thuật quy ước của Học viện Hoàng gia.

Robin thấy điều đó thật không thể chịu đựng nổi. Một đêm, trong cơn mê man chập chờn, anh ta bất chợt nảy ra một mộng tưởng dữ dội về việc đẩy Letty xuống sông Cherwell. Khi tỉnh dậy, anh ta tự vấn xem mình có chút tội lỗi nào không, nhưng chẳng tìm thấy gì cả; ý nghĩ về việc Letty ướt sũng và sặc nước vẫn mang lại cho anh ta sự thỏa mãn tàn nhẫn y như trong ánh sáng tỉnh táo ban ngày.

Ít ra họ cũng có việc thực tập năm ba để khuây khỏa phần nào, mỗi người sẽ hỗ trợ một giảng viên trong công việc chế tác bạc suốt cả học kỳ.*Theory*bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp*theōria*, nghĩa là một cảnh tượng hoặc quang cảnh, mà từ gốc của nó cũng cho chúng ta từ*theatre*.’ Vậy nên Giáo sư Playfair đã giải thích tường tận trước khi gửi họ đi cùng với các giám sát viên tương ứng. ‘Nhưng chỉ quan sát các hoạt động thôi thì chưa đủ. Các bạn phải xắn tay áo lên, bắt tay vào làm. Các bạn phải hiểu được cách thức kim loại*sings*.

Thực tế thì công việc này chẳng khác nào làm cu li không công. Robin thất vọng tràn trề, vì đám thực tập sinh rất ít khi được lên

tầng tám, nơi diễn ra tất cả những nghiên cứu thú vị. Thay vào đó, ba lần một tuần, cậu phải đi theo Giáo sư Chakravarti khắp Oxford, phụ giúp việc lắp đặt và bảo dưỡng đồ bạc. Cậu học được cách đánh bóng bạc cho đến khi sáng loáng (oxy hóa và xỉn màu làm giảm đáng kể hiệu ứng ghép đôi), cách chọn kích cỡ bút khắc phù hợp để tỉ mỉ khôi phục dòng chữ về nguyên trạng, và cách khéo léo trượt các thanh bạc vào và ra khỏi khớp nối được hàn đặc biệt. Thật tiếc là Griffin đã phải lẩn trốn, cậu nghĩ, bởi công việc học việc này cho cậu quyền tiếp cận gần như không giới hạn với các công cụ và nguyên liệu thô của tòa tháp. Cậu ta đã chẳng cần phải lẻn vào lúc nửa đêm. Giữa hàng loạt ngăn kéo đựng dụng cụ khắc và các giáo sư đãng trí chẳng để ý gì, cậu ta có thể dễ dàng lấy bất cứ thứ gì mình muốn từ tòa tháp.

“Anh phải làm việc này thường xuyên như thế nào?” anh ấy hỏi.

“Ôi, nó chẳng bao giờ kết thúc,” Giáo sư Chakravarti nói. “Đó là cách chúng tôi kiếm ra tiền, cậu hiểu chứ. Những thanh vàng bán được giá cao, nhưng chính việc bảo trì mới là chỗ kiếm chác thật sự. Khối lượng công việc thì hơi nặng hơn đối với tôi và Richard, vì có rất ít nhà Hán học.”

Chiều hôm đó, họ đến một dinh thự ở Wolvercote để kiểm tra tận nơi. Một công trình nghệ thuật bằng bạc ở khu vườn sau đã ngừng hoạt động mặc dù vẫn còn bảo hành mười hai tháng. Họ đã gặp chút khó khăn khi qua cổng chính – người quản gia có vẻ không tin họ là học giả Babel, và khá nghi ngờ rằng họ đến đây để trộm cắp – nhưng sau khi đưa ra nhiều bằng chứng nhận dạng, bao gồm cả việc đọc thuộc lòng nhiều bài kinh bằng tiếng Latinh, cuối cùng họ mới được mời vào.

“Chuyện này xảy ra khoảng hai lần một tháng,” Giáo sư Chakravarti nói với Robin, mặc dù trông ông có vẻ khá bực mình. “Cậu sẽ quen thôi. Bọn chúng chẳng gây cho Richard một nửa rắc rối này.”[*]

Người quản gia dẫn họ đi qua khu đất đến một khu vườn xinh đẹp, tươi tốt với một dòng suối uốn lượn róc rách và vài tảng đá lớn xếp đặt ngẫu nhiên. Họ được cho biết khu vườn được thiết kế theo phong cách Trung Quốc, vốn đã trở nên rất phổ biến trong thời kỳ đó sau khi các thiết kế cảnh quan phương Đông của William Chambers được trưng bày lần đầu tiên tại Vườn Bách thảo Kew. Robin không thể nhớ đã từng nhìn thấy thứ gì tương tự ở Quảng Châu, nhưng anh vẫn gật đầu tán thưởng cho đến khi người quản gia rời đi.

“Vấn đề ở đây rõ ràng quá rồi.” Giáo sư Chakravarti vén mấy bụi cây sang một bên để lộ góc hàng rào nơi lắp đặt bức tranh bạc. “Họ cứ đẩy xe qua lại trên thanh chắn. Nó cọ mất một nửa hình chạm khắc. Lỗi tại họ thôi – trường hợp này không được bảo hành đâu.”

Anh ta để Robin lấy nó ra khỏi chỗ cố định, rồi xoay thanh đó lại để cho cậu thấy dòng chữ khắc. Trên một mặt:*garden*; mặt khác, nhân vậtTraicó thể mang nghĩa một khu vườn cảnh quan, nhưng nhìn chung gợi lên một nơi ẩn dật, lánh đời, mang hàm ý thanh tẩy, gột rửa, bố thí và sám hối theo Đạo giáo.

‘Ý tưởng là làm cho khu vườn của họ đẹp hơn và yên tĩnh hơn cái sự ồn ào náo nhiệt của Oxford. Ngăn chặn được bọn riffraff. Thực ra thì, hiệu quả khá là tinh tế; chúng tôi không thử nghiệm nhiều lắm, nhưng người giàu có thể vung tiền vào những thứ này vô hạn mà. ’ Giáo sư Chakravarti vừa nói vừa gọt dũa thanh gỗ. ‘Hừm. Chúng ta sẽ xem liệu cái này có hiệu quả không.’

Anh ta để Robin lắp lại thanh chắn, rồi cúi xuống kiểm tra. Hài lòng, anh đứng dậy phủi tay vào quần. "Cậu có muốn kích hoạt nó không?"

“Tôi chỉ – cái gì, nói ra mấy lời đó thôi sao?” Robin đã thấy các giáo sư làm điều tương tự rất nhiều lần, dù cậu không thể tưởng

tượng được nó lại dễ dàng đến thế. Nhưng rồi, cậu nhớ lại,*wúxíng*Quán bar đã hiệu quả với hắn ngay lần thử đầu tiên.

“Ừm, nó là một trạng thái tinh thần đặc biệt. Bạn nói ra những từ ngữ, nhưng quan trọng hơn, bạn giữ hai ý nghĩa trong đầu cùng một lúc. Bạn tồn tại đồng thời trong cả hai thế giới ngôn ngữ, và bạn tưởng tượng mình đang di chuyển qua lại giữa chúng. Điều đó có hợp lý không?”

“Tôi – tôi nghĩ vậy, thưa ngài.” Robin cau mày nhìn quầy bar. “Chỉ cần có vậy thôi sao?”

“Ồ, không, tôi hơi thiếu cẩn thận. Có một số phương pháp tư duy hay ho mà em sẽ học được trong năm tư, và một số buổi thảo luận lý thuyết em sẽ phải ngồi nghe, nhưng cuối cùng thì, tất cả là về cảm nhận.” Giáo sư Chakravarti có vẻ khá chán; Robin có cảm tưởng ông vẫn rất khó chịu với cái gia đình này và muốn rời đi càng nhanh càng tốt. “Cứ tiếp tục đi.”

"Ừ thì - được rồi." Robin đặt tay lên quầy bar.*Zhāi*. Vườn.

Anh cảm thấy một rung động nhẹ dưới đầu ngón tay. Khu vườn dường như yên tĩnh hơn, thanh bình hơn, mặc dù anh không chắc liệu đó là do mình hay chỉ là do anh tưởng tượng. "Chúng ta làm được rồi sao?"

“Ừ thì, tốt nhất là nên như vậy.” Giáo sư Chakravarti vắt túi dụng cụ lên vai. Ông không đủ quan tâm để kiểm tra lại. “Thôi, đi lĩnh tiền nào.”

“Luôn cần đọc câu đối ứng để nó hoạt động à?” Robin hỏi khi họ đi bộ về lại khu học xá. “Hình như không khả thi lắm – ý mình là, có quá nhiều quán bar, mà lại quá ít người phiên dịch.”

“Ồ, điều đó còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố,” Giáo sư Chakravarti nói. “Trước hết là bản chất của tác động. Với một số thanh năng lượng, người ta muốn một biểu hiện tạm thời. Giả sử cần một

hiệu ứng vật lý ngắn và mạnh - rất nhiều thanh năng lượng quân sự hoạt động theo cách này. Khi đó chúng cần được kích hoạt mỗi khi sử dụng, và chúng được thiết kế sao cho các hiệu ứngkhông tồn tại lâu. Nhưng những song sắt khác lại có tác dụng lâu dài – ví dụ như song sắt trong tháp canh, hay những thanh chắn được lắp đặt trên tàu và xe ngựa.

Điều gì khiến chúng tồn tại lâu hơn?

“Trước hết là số carat. Bạc càng tinh khiết càng bền, tỷ lệ hợp kim càng cao thì thời gian hiệu nghiệm càng ngắn. Nhưng cũng có những khác biệt tinh tế trong cách chúng được nung chảy và chạm khắc; cậu sẽ sớm học được thôi.” Giáo sư Chakravarti mỉm cười với anh ta. “Cậu đang nóng lòng muốn bắt đầu rồi phải không?”

"Thật sự rất hào hứng, thưa ngài."

“Rồi cũng hết thôi,” Giáo sư Chakravarti nói. “Cứ đi loanh quanh trong thị trấn lẩm bẩm mãi mấy câu ấy, chẳng mấy chốc cậu sẽ thấy mình giống con vẹt hơn là pháp sư.”

Một buổi chiều nọ, họ đến Bảo tàng Ashmolean để sửa một thanh bạc mà không một câu thần chú nào có thể kích hoạt được. Mặt tiếng Anh ghi là*verify*và phía Trung Quốc đã sử dụng chữTham, nghĩa là ‘xác thực’. Nó cũng có thể mang nghĩa ‘đặt cạnh nhau’, ‘sắp xếp cạnh nhau’, và ‘so sánh các vật’. Nhân viên bảo tàng Ashmolean đã sử dụng công cụ này để so sánh các đồ tạo tác giả với đồ thật, nhưng gần đây nó đã thất bại trong một số lần chạy thử, điều mà các nhân viên đã khôn ngoan tiến hành trước khi thẩm định các hiện vật mới mua.

Họ cẩn thận kiểm tra thanh kim loại dưới kính hiển vi cầm tay, nhưng cả chữ Hán lẫn chữ Anh đều không có dấu hiệu bị bào mòn. Ngay cả sau khi Giáo sư Chakravarti rà soát lại toàn bộ bằng cây bút khắc nhỏ nhất của mình, nó vẫn không kích hoạt được.

Anh thở dài. "Gói cái đó lại rồi bỏ vào túi cho tôi được không?"

Robin vâng lời. "Có chuyện gì vậy?"

Liên kết cộng hưởng của nó đã ngừng hoạt động. Điều này thỉnh thoảng vẫn xảy ra, đặc biệt là với một số cặp ghép nối cũ.

"Liên kết cộng hưởng là gì?"

"Lên tháp đi," Giáo sư Chakravarti vừa nói vừa bước đi. "Em sẽ hiểu ý tôi."

Trở lại Babel, giáo sư Chakravarti dẫn Robin lên cánh phía nam của tầng tám, đi qua những bàn làm việc. Robin chưa từng đến khu vực này trước đây. Tất cả những lần anh đến tầng tám đều chỉ giới hạn ở xưởng, nơi chiếm hầu hết tầm nhìn sau cánh cửa chống cháy dày cộp. Nhưng một cánh cửa khác chắn lối vào cánh phía nam, được khóa chặt bằng ba ổ khóa, mà giờ giáo sư Chakravarti đang mở bằng một chùm chìa khóa leng keng.

‘Thật ra tôi không được phép cho cậu xem lúc này.’ Giáo sư Chakravarti nháy mắt với cậu. ‘Thông tin mật các thứ đó. Nhưng không còn cách nào khác để giải thích.’

Anh mở ổ khóa cuối cùng. Họ bước qua.

Cứ như bước vào một căn phòng trưng bày trò chơi khăm, hay lạc vào bên trong một cây đàn piano khổng lồ. Những thanh kim loại bạc to lớn với đủ mọi chiều cao và độ dài dựng đứng khắp sàn nhà. Một số chỉ ngang eo; số khác thì cao vút trên đầu, trải dài từ sàn lên trần, chỉ chừa đủ khoảng trống để người ta có thể khéo léo bước qua mà không chạm vào cái nào. Chúng làm Robin liên tưởng đến những cây đàn organ trong nhà thờ; anh bỗng dưng nảy ra ý muốn cầm lấy một cái vồ và gõ vào tất cả cùng một lúc.

“Cộng hưởng là một cách để cắt giảm chi phí,” Giáo sư Chakravarti giải thích. “Chúng ta cần giữ bạc hàm lượng cao cho các thỏi cần độ bền – những thỏi dùng cho Hải quân, bảo vệ tàu buôn, v.v. Vì vậy, chúng ta sử dụng bạc với tỷ lệ hợp kim cao hơn cho các thỏi hoạt động trên đất Anh, vì chúng ta có thể duy trì năng lượng cho chúng bằng cộng hưởng.”

Robin tròn mắt nhìn quanh, kinh ngạc. "Nhưng tất cả cái này hoạt động như thế nào?"

“Cứ nghĩ Babel là trung tâm, còn tất cả các quán bar phụ thuộc cộng hưởng ở Anh là ngoại vi thì dễ hiểu nhất. Ngoại vi hút năng lượng từ trung tâm.” Giáo sư Chakravarti ra hiệu xung quanh. Robin để ý thấy mỗi thanh kim loại dường như đều rung ở tần số rất cao, nhưng dù cảm giác như cả tòa tháp nên vang lên những nốt chói tai, không khí vẫn tĩnh lặng và im ắng. “Những thanh này, được khắc các cặp đối ứng thường dùng, duy trì các quán bar được liên kết trên khắp đất nước. Năng lượng biểu hiện đến từ thanh kim loại, cậu thấy đấy, nghĩa là các quán bar bên ngoài không cần được kích hoạt lại liên tục như vậy.”

"Giống như những tiền đồn của Anh ở các thuộc địa vậy," Robin nói. "Kêu gọi quân lính và tiếp tế từ quê nhà."

Một phép ẩn dụ tiện lợi, đúng vậy.

“Vậy những thứ này có cộng hưởng với mọi quán rượu ở Anh sao?” Robin hình dung trong đầu một mạng lưới ý nghĩa vô hình trải dài khắp đất nước, giữ cho nghề bạc vẫn sống. Nghĩ đến điều đó thật đáng sợ. “Tôi cứ tưởng sẽ có nhiều hơn chứ.”

Không hẳn. Có nhiều trung tâm cộng hưởng nhỏ hơn trên khắp đất nước – ví dụ như ở Edinburgh và Cambridge. Hiệu ứng quả thực yếu đi theo khoảng cách. Nhưng phần lớn vẫn nằm ở Oxford – việc duy trì nhiều trung tâm sẽ khiến Viện Dịch thuật trải rộng quá mức, vì cần những dịch giả được đào tạo bài bản để duy trì hoạt động.

Robin cúi xuống xem xét một trong những cây gậy gần nhất. Ngoài cặp đôi phù hợp, được viết bằng thư pháp lớn ở trên cùng, anh thấy một loạt các chữ cái và ký hiệu mà anh không thể hiểu được. "Vậy thì liên kết được tạo ra như thế nào?"

“Nó là một quá trình phức tạp.” Giáo sư Chakravarti dẫn Robin đến một thanh kim loại mảnh mai gần cửa sổ phía nam. Ông quỳ xuống, lấy thanh Ashmolean ra khỏi túi và giơ nó lên cạnh thanh kim loại kia. Lúc này Robin mới nhận thấy một số hình khắc trên cạnh thanh kim loại tương ứng với những hình khắc tương tự trên thanh Ashmolean. “Chúng phải được nấu chảy từ cùng một chất liệu. Và sau đó còn rất nhiều công việc liên quan đến các biểu tượng từ nguyên học – em sẽ học tất cả những điều đó vào năm thứ tư, nếu em chuyên về chế tác bạc. Chúng ta thực sự sử dụng một bảng chữ cái được phát minh ra, dựa trên một bản thảo được phát hiện lần đầu tiên bởi một nhà giả kim thuật đến từ Prague vào thế kỷ XVII.* Để không ai bên ngoài Babel có thể sao chép quy trình của chúng ta. Hiện tại, cứ xem tất cả những điều chỉnh này như là làm sâu sắc thêm mối liên kết.

“Nhưng mình tưởng mấy thứ ngôn ngữ bịa đặt không mở được mấy thanh chắn mà,” Robin nói.

Họ không làm vậy.*manifest*“Ý nghĩa,” Giáo sư Chakravarti nói. “Tuy nhiên, như một cơ chế liên kết, chúng hoạt động khá tốt. Ta có thể dùng những con số cơ bản, nhưng Playfair thích những điều bí ẩn của hắn. Giữ bí mật mọi thứ.”

Robin đứng lặng một lúc, quan sát Giáo sư Chakravarti dùng một cây bút stylus mảnh chỉnh sửa các vết khắc trên thanh Ashmolean, kiểm tra chúng bằng kính lúp, rồi điều chỉnh tương ứng trên thanh cộng hưởng. Toàn bộ quá trình mất khoảng mười lăm phút. Cuối cùng, Giáo sư Chakravarti bọc thanh Ashmolean lại bằng nhung, cất vào túi và đứng dậy. "Vậy là được rồi. Ngày mai chúng ta sẽ quay lại bảo tàng."

Robin vừa xem qua mấy cái cần câu, nhận thấy một tỷ lệ lớn trong số đó dường như dùng phao câu đôi của Trung Quốc. "Giáo sư Lovell và anh phải bảo dưỡng tất cả chỗ này à?"

“Ồ, đúng vậy,” Giáo sư Chakravarti nói. “Không ai khác có thể làm được việc này. Lễ tốt nghiệp của cô sẽ là người thứ ba.”

“Họ cần chúng ta,” Robin kinh ngạc. Thật kỳ lạ khi nghĩ rằng sự vận hành của cả một đế chế lại phụ thuộc vào chỉ một nhúm người.

“Họ cần chúng ta đến kinh khủng,” Giáo sư Chakravarti đồng tình. “Và trong tình cảnh của chúng ta, được cần đến cũng là điều tốt.”

Họ đứng cạnh nhau bên cửa sổ. Nhìn ra Oxford, Robin có cảm tưởng cả thành phố giống như một chiếc hộp nhạc được lên dây cót tinh xảo, hoàn toàn dựa vào những bánh răng bạc để vận hành; và nếu bạc cạn kiệt, nếu những thanh cộng hưởng này sụp đổ, thì toàn bộ Oxford sẽ đột ngột dừng lại. Những tháp chuông sẽ im bặt, những chiếc taxi sẽ dừng lại trên đường, và người dân thị trấn sẽ đông cứng lại giữa dòng, tay chân giơ lên giữa không trung, miệng há hốc giữa chừng câu nói.

Nhưng anh không thể tưởng tượng nổi rằng nó sẽ cạn kiệt. Luân Đôn, và Babel, ngày càng giàu có hơn, vì cũng chính những con tàu được cung cấp năng lượng bởi những cỗ máy bạc bền bỉ đó đã mang về hòm này đến hòm khác chứa đầy bạc. Chẳng có một thị trường nào trên trái đất có thể chống lại sự xâm nhập của người Anh, kể cả Viễn Đông. Điều duy nhất có thể làm gián đoạn dòng chảy bạc vào là sự sụp đổ của toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, và vì điều đó thật lố bịch, nên Thành phố Bạc, và những thú vui của Oxford, dường như là vĩnh cửu.

Một ngày giữa tháng Giêng, họ đến tòa nhà và thấy tất cả các anh chị khóa trên và nghiên cứu sinh đều mặc đồ đen bên trong áo choàng.

“Cái này dành cho Anthony Ribben,” Giáo sư Playfair giải thích khi họ nối đuôi nhau vào phòng thảo luận. Bản thân ông đang mặc một chiếc áo màu lam tử đinh hương.

"Còn Anthony thì sao?", Letty hỏi.

“Tôi hiểu rồi.” Mặt Giáo sư Playfair cứng lại. “Họ chưa nói với cậu.”

"Nói gì với chúng tôi?"

"Anthony đã mất tích trong chuyến thám hiểm nghiên cứu tới Barbados vào mùa hè năm ngoái," Giáo sư Playfair nói. "Anh ấy biến mất vào đêm trước khi tàu của anh ấy dự kiến quay trở lại Bristol, và chúng tôi đã không nhận được tin tức gì từ anh ấy kể từ đó. Chúng tôi đoán là anh ấy đã chết. Các đồng nghiệp của anh ấy ở tầng tám rất đau buồn; tôi tin rằng họ sẽ mặc đồ đen trong suốt phần còn lại của tuần. Một vài nhóm và cộng sự khác cũng đã tham gia, nếu anh muốn tham gia cùng."

Anh ta nói điều này với vẻ thờ ơ đến mức họ cứ tưởng...bàn xem chiều nay có đi chèo thuyền không. Robin há hốc mồm nhìn anh ta. 'Nhưng chẳng phải anh ấy - chẳng phải anh - ý tôi là, anh ấy không có gia đình sao? Họ đã được báo chưa?'

Giáo sư Playfair vừa gạch vài nét phác thảo bài giảng hôm đó lên bảng vừa trả lời. "Anthony không có gia đình, ngoại trừ người giám hộ. Ông Falwell đã được thông báo qua bưu điện, và tôi nghe nói ông ấy khá buồn."

“Chúa ơi,” Letty nói. “Thật kinh khủng.”

Cô nói điều này kèm theo một cái nhìn lo lắng về phía Victoire, người trong số họ hiểu rõ Anthony nhất. Nhưng Victoire trông có vẻ không hề bối rối một cách đáng ngạc nhiên; cô ấy dường như không bị sốc hay khó chịu mà chỉ hơi không thoải mái. Thật vậy, cô ấy trông như thể đang hy vọng họ có thể đổi chủ đề

càng nhanh càng tốt. Giáo sư Playfair rất vui lòng chiều theo ý cô.

“Được rồi, vào việc thôi,” anh ta nói. “Hôm thứ Sáu tuần trước chúng ta đã dừng lại ở phần những đổi mới của các nhà Lãng mạn Đức…”

Babel không thương tiếc Anthony. Khoa thậm chí còn chẳng tổ chức một buổi lễ tưởng niệm. Lần tới khi Robin lên tầng kim hoàn, một nghiên cứu sinh tóc vàng hoe mà anh không quen biết đã chiếm lấy chỗ làm việc của Anthony.

“Ghê tởm thật,” Letty nói. “Cậu tin được không – ý tớ là, một người tốt nghiệp Babel, vậy mà họ cứ như thể anh ta chưa từng tồn tại?”

Nỗi đau khổ của cô che giấu một nỗi kinh hoàng sâu sắc hơn, một nỗi kinh hoàng mà Robin cũng cảm nhận được, đó là Anthony đã bị coi là vật hy sinh. Rằng tất cả bọn họ đều có thể bị hy sinh. Rằng tòa tháp này – nơi mà lần đầu tiên họ tìm thấy cảm giác thuộc về – trân trọng và yêu thương họ khi họ còn sống và hữu dụng nhưng thực tế, chẳng hề quan tâm đến họ. Rằng cuối cùng, họ chỉ là những chiếc bình chứa ngôn ngữ mà họ nói.

Không ai nói ra điều đó. Nó quá gần với việc phá vỡ phép thuật.

Trong số tất cả, Robin đã nghĩ rằng Victoire sẽ là người suy sụp nhất. Cô ấy và Anthony đã trở nên khá thân thiết trong những năm qua; họ là hai trong số ít những học giả Da đen trong tháp, và cả hai đều sinh ra ở Tây Ấn. Thỉnh thoảng anh thấy họ trò chuyện, đầu cúi sát vào nhau, khi họ đi bộ từ tháp đến nhà ăn.

Nhưng anh chưa từng thấy cô khóc mùa đông năm ấy. Anh muốn an ủi cô, nhưng anh không biết làm thế nào, nhất là khi dường như không thể nào khơi gợi chuyện đó với cô. Cứ mỗi khi

nhắc đến Anthony, cô lại co rúm người, chớp mắt liên hồi, rồi cố gắng hết sức đổi chủ đề.

“Anh có biết Anthony từng là nô lệ không?” Letty hỏi một tối nọ trong đại sảnh. Không giống như Victoire, cô quyết tâm nêu vấn đề này lên ở mọi...cơ hội; thật vậy, cô bị ám ảnh bởi cái chết của Anthony theo một cách khó chịu, phô trương sự chính nghĩa. 'Hoặc lẽ ra là như vậy. Chủ nhân của anh ta không muốn anh ta được tự do khi luật bãi nô có hiệu lực, vì vậy ông ta định đưa anh ta đến Mỹ, và anh ta chỉ được ở lại Oxford vì Babel đã trả tiền chuộc tự do cho anh ta.*Paid*Không thể tin được!

Robin liếc nhìn Victoire, nhưng nét mặt cô bé vẫn không hề thay đổi.

“Letty,” cô ấy nói rất bình tĩnh, “Tôi đang cố ăn đây.”

Chapter Twelve

‘In a word, I was too cowardly to do what I knew to be right, as I had been too cowardly to avoid doing what I knew to be wrong.’

CHARLESDGHÊ TỞM,*Great Expectations*

TPhải đến giữa kỳ Hilary, Griffin mới xuất hiện trở lại. Đã nhiều tháng trôi qua kể từ đó, Robin cũng chẳng còn chăm chỉ ngóng ra cửa sổ như trước nữa, và cậu đã suýt bỏ lỡ mẩu giấy nhắn nếu không thấy một con chim ác là đang cố gắng mò nó ra từ dưới khung cửa.

Mẩu giấy nhắn bảo Robin đến quán Twisted Root lúc hai giờ rưỡi ngày hôm sau, nhưng Griffin đến muộn gần một tiếng. Khi anh ta xuất hiện, Robin sững sờ trước vẻ ngoài tiều tụy của anh. Chỉ riêng việc đi qua quán rượu dường như cũng khiến anh kiệt sức; lúc ngồi xuống, anh thở hổn hển như vừa chạy hết chiều dài công viên Parks. Rõ ràng là anh ta đã không thay quần áo nhiều ngày; mùi hôi từ anh phảng phất, thu hút những ánh nhìn khó chịu. Anh đi khập khiễng nhẹ, và Robin thoáng thấy băng gạc dưới áo mỗi khi anh giơ tay.

Robin không biết phải làm gì. Cậu đã chuẩn bị sẵn một bài diễn văn hùng hồn cho cuộc gặp này, nhưng tất cả tan biến khi nhìn thấy vẻ mặt đau khổ rõ ràng của anh trai mình. Thay vào đó, cậu im lặng ngồi nhìn Griffin gọi món bánh thịt cừu phủ khoai tây nghiền và hai cốc bia.

"Học kỳ này ổn chứ?", Griffin hỏi.

“Ổn mà,” Robin nói. “Tôi, ừm, đang làm một dự án riêng.”

Với ai?

Robin gãi cổ áo. Anh cảm thấy thật ngu ngốc khi nhắc đến chuyện này. "Chakravarti."

“Tuyệt.” Bia đến. Griffin nốc cạn cốc, đặt xuống, rồi nhăn mặt. “Tuyệt vời.”

Mấy người còn lại trong nhóm tôi cũng không hài lòng lắm với nhiệm vụ của họ.

“Dĩ nhiên là không rồi.” Griffin khịt mũi. “Babel sẽ chẳng bao giờ để cậu làm những nghiên cứu mà cậu nên làm đâu. Chỉ những nghiên cứu nào đổ đầy két sắt của họ thôi.”

Một khoảng lặng kéo dài. Robin cảm thấy mơ hồ có lỗi, mặc dù anh chẳng có lý do chính đáng nào cả; nhưng một cảm giác khó chịu cứ gặm nhấm trong lòng anh từng giây từng phút. Đồ ăn được dọn ra. Đĩa thức ăn còn bốc khói nghi ngút, nhưng Griffin ăn ngấu nghiến như thể chết đói. Và có lẽ đúng là anh ta đang đói thật; khi anh ta cúi xuống đĩa thức ăn, xương quai xanh của anh ta nhô lên trông đến xót xa.

“Ờ…” Robin hắng giọng, không chắc nên hỏi thế nào. “Griffin, mọi chuyện… ổn chứ?”

“Xin lỗi.” Griffin đặt nĩa xuống. “Chỉ là… tôi mới về Oxford tối qua, và tôi kiệt sức rồi.”

Robin thở dài. "Được rồi."

“Dù sao thì, đây là danh sách các cuốn sách tôi cần ở thư viện.” Griffin thò tay vào túi áo trước và rút ra một mẩu giấy nhàu nát. “Có thể cậu sẽ hơi khó tìm mấy cuốn tiếng Ả Rập – tôi đã phiên âm tiêu đề cho cậu rồi, nó sẽ giúp cậu đến đúng kệ sách, nhưng sau đó cậu sẽ phải tự tìm. Nhưng chúng ở Bodleian, không phải ở tòa tháp, nên cậu không phải lo lắng về việc ai đó thắc mắc cậu đang làm gì.”

Robin cầm lấy tờ giấy. "Chỉ vậy thôi sao?"

Vậy đó.

‘*Really?*Robin không thể kìm nén được nữa. Cậu đã lường trước được sự nhẫn tâm từ Griffin, nhưng không ngờ hắn lại giả vờ ngu ngơ trắng trợn đến thế. Lòng thương cảm của cậu bốc hơi hết, cùng với sự kiên nhẫn; giờ đây, sự oán giận âm ỉ suốt một năm qua bùng lên dữ dội. "Anh chắc chứ?"

Griffin nhìn anh ta với vẻ cảnh giác. "Có chuyện gì vậy?"

"Chúng ta sẽ không nói về chuyện lần trước nữa sao?" Robin gặng hỏi.

Lần trước á?

Khi chuông báo động reo lên. Chúng tôi đã giăng bẫy, chúng tôi đã giăng...*gun*—

"Cậu ổn mà."

Tôi đã*shot*"Ặc," Robin rít lên. "Chuyện gì thế này? Ai đó đã làm hỏng việc, vàTôi biết không phải tôi, vì tôi đã ở đúng nơi tôi cần phải ở, nghĩa là anh đã sai về mấy cái chuông báo động—

“Chuyện cũng bình thường thôi mà.” Griffin nhún vai. “May là không ai bị tóm—”

Tôi đã*shot*trong*arm*.

“Tôi cũng nghe nói rồi.” Griffin nhìn chằm chằm qua bàn, như thể có thể nhìn thấy vết thương của Robin xuyên qua tay áo sơ mi của anh ta. “Dù sao thì trông cậu có vẻ cũng ổn đấy chứ.”

Tôi đã phải tự khâu vá lại bản thân mình—

Giỏi lắm, khôn hơn là đến gặp y tá trường rồi. Mà cậu không đến đó thật chứ?

'Cái gì*wrong*với em chứ?

"Nhỏ tiếng thôi," Griffin nói.

"Giữ cái—"

‘Tôi không hiểu tại sao chúng ta cứ phải lằng nhằng mãi chuyện này. Tôi đã phạm sai lầm, anh đã thoát được, chuyện đó sẽ không lặp lại nữa. Chúng tôi sẽ không cử người đi cùng anh nữa. Thay vào đó, anh sẽ tự mình thả hàng lậu ở bên ngoài—’

“Đó không phải là vấn đề,” Robin rít lên một lần nữa. “Anh để tôi bị thương. Rồi anh bỏ mặc tôi trong giá rét.”

“Làm ơn đừng làm quá lên vậy.” Griffin thở dài. “Tai nạn xảy ra mà. Cậu có sao đâu.” Anh dừng lại, suy nghĩ một chút, rồi nói nhỏ hơn, “Này, nếu điều này làm cậu thấy khá hơn, có một căn nhà an toàn trên phố St Aldate’s mà chúng tôi dùng khi cần ẩn náu một thời gian. Có một cánh cửa tầng hầm cạnh nhà thờ – trông nó như bị gỉ sét khóa chặt, nhưng cậu chỉ cần tìm chỗ lắp thanh chắn và nói mật khẩu. Nó dẫn đến cuối một đường hầm bị bỏ sót khi họ cải tạo—”

Robin lắc tay về phía Griffin. "Một chỗ trú ẩn không giải quyết được chuyện này."

“Lần sau chúng ta sẽ làm tốt hơn,” Griffin quả quyết. “Đó chỉ là một sai lầm, lỗi của tôi, chúng ta sẽ điều chỉnh. Giờ thì bình tĩnh lại kẻo có người nghe thấy.” Anh ta ngồi lại vào ghế. “Được rồi. Tôi đã đi công tác mấy tháng rồi, vì vậy tôi cần biết chuyện gì đã xảy ra ở tháp, và làm ơn hãy trình bày ngắn gọn thôi.”

Robin đã có thể đánh hắn ta lúc đó. Cậu ta đã làm thế rồi, nếu việc đó không gây chú ý, nếu Griffin trông không có vẻ đã quá

đau đớn.

Anh biết mình chẳng moi được gì từ anh trai cả. Griffin, giống như Giáo sư Lovell, có thể cực kỳ bảo thủ; nếu điều gì đó không vừa ý họ, họ sẽ cứ làm lơ nó, và thật ra thì bất cứ điều gìCố gắng tìm kiếm sự thừa nhận chỉ càng khiến anh thêm bực bội. Anh thoáng có ý nghĩ đứng dậy bỏ đi, dù chỉ để nhìn thấy vẻ mặt của Griffin. Nhưng điều đó cũng chẳng mang lại sự hài lòng lâu dài. Nếu quay lại, Griffin sẽ chế nhạo anh; nếu cứ bỏ đi, anh sẽ tự tay cắt đứt mối liên hệ của mình với Hermes. Vậy nên anh làm điều mà anh vẫn làm tốt nhất, với cả cha lẫn anh trai – nuốt cơn bực tức vào trong và cam chịu để Griffin quyết định hướng đi của cuộc trò chuyện.

“Không nhiều lắm,” anh ta nói sau một hơi thở trấn tĩnh. “Gần đây các giáo sư không đi nước ngoài, và tôi cũng không nghĩ các kết giới có gì thay đổi so với lần trước. Ồ - có chuyện tồi tệ đã xảy ra. Một nghiên cứu sinh - Anthony Ribben—”

“Ừ, tôi biết Anthony,” Griffin nói, rồi hắng giọng. “Biết chứ, ý tôi là vậy. Cùng khóa.”

“Vậy là cậu nghe rồi à?” Robin hỏi.

"Nghe cái gì?"

"Rằng hắn đã chết."

‘Cái gì? Không.’ Giọng Griffin nghe kỳ lạ, đều đều. ‘Không, ý tôi là – tôi quen anh ta trước khi tôi đi. Anh ta chết rồi sao?’

“Hình như là bị lạc ngoài biển khi đang trên đường về từ Tây Ấn,” Robin nói.

"Tệ quá," Griffin nói một cách nhạt nhẽo. "Thật kinh khủng."

"Vậy thôi à?" Robin hỏi.

Anh muốn tôi nói gì?

Nó là bạn học cùng lớp với cậu mà!

Tôi rất tiếc phải nói với anh, nhưng những vụ việc như thế này không phải là hiếm. Hành trình trên biển rất nguy hiểm. Cứ vài năm lại có người mất tích.

“Nhưng nó cứ… cảm giác sai sai. Họ thậm chí còn không tổ chức lễ tưởng niệm cho anh ấy. Họ cứ tiếp tục như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Nó…” Robin bỏ lửng câu nói. Bỗng nhiên cậu muốn khóc. Cậu cảm thấy thật ngu ngốc khi nhắc đến chuyện này. Cậu không biết mình muốn gì - có lẽ là một sự công nhận nào đó, rằng cuộc đời của Anthony có ý nghĩa và anh ấy không thể bị lãng quên dễ dàng như vậy. Nhưng Griffin, lẽ ra cậu nên biết, là người cuối cùng cậu nên tìm kiếm sự an ủi.

Griffin im lặng hồi lâu. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ, lông mày nhíu lại vẻ tập trung như đang suy nghĩ điều gì đó. Anh dường như chẳng nghe Robin nói gì cả. Rồi anh nghiêng đầu, mở miệng, ngậm lại, rồi lại mở ra. "Cậu biết đấy, điều đó cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Cái cách mà Babel đối xử với học sinh của mình, đặc biệt là những người mà họ tuyển dụngtừ nước ngoài. Cậu là một tài sản của họ, nhưng đó là tất cả những gì cậu là. Một cái máy dịch thuật. Và một khi cậu làm họ thất vọng, cậu sẽ bị loại.

‘Nhưng anh ấy đâu có thất bại, anh ấy*died*.

"Giống vậy thôi." Griffin đứng dậy và lấy áo khoác. "Dù sao thì. Tôi muốn mấy tin nhắn đó trong vòng tuần này; tôi sẽ để lại hướng dẫn chỗ giao cho anh."

“Xong rồi à?” Robin hỏi, giật mình. Anh cảm thấy một làn sóng thất vọng mới tràn đến. Anh không biết mình muốn gì ở Griffin, hay thực sự liệu Griffin có khả năng cho anh điều đó hay không, nhưng anh vẫn hy vọng nhiều hơn thế này.

“Tôi có việc phải đi,” Griffin nói mà không quay lại. Anh ta đã đi ra ngoài. “Cẩn thận cửa sổ đấy.”

Đó là một năm tồi tệ, xét trên mọi phương diện.

Có thứ gì đó đã đầu độc Oxford, hút cạn mọi thứ ở trường đại học từng mang lại niềm vui cho Robin. Đêm xuống lạnh hơn, mưa như trút nặng hạt hơn. Ngọn tháp không còn là thiên đường nữa mà giống như một nhà tù. Các môn học trở thành cực hình. Anh và bạn bè không còn tìm thấy niềm vui trong việc học; họ không cảm nhận được sự khám phá đầy hứng khởi của năm nhất, cũng chẳng thấy sự hài lòng khi được thực sự làm việc với bạc như cái viễn cảnh có thể đến vào năm tư.

Các khóa trên trấn an họ rằng chuyện này vẫn luôn xảy ra, sự sa sút năm ba là bình thường và không thể tránh khỏi. Nhưng năm đó dường như là một năm tồi tệ một cách rõ rệt trên một số phương diện khác. Thứ nhất, số vụ tấn công vào tòa tháp gia tăng đáng báo động. Trước đây, Babel chỉ chứng kiến hai đến ba vụ đột nhập mỗi năm, tất cả đều trở thành một cảnh tượng lớn khi sinh viên túm tụm quanh cửa để xem bùa chú của Playfair đã gây ra hậu quả tàn khốc gì lần này. Nhưng đến tháng Hai năm đó, các vụ trộm cắp bất thành bắt đầu xảy ra gần như hàng tuần, và sinh viên bắt đầu phát ngán với cảnh tượng cảnh sát lôi những kẻ phạm tội bị thương nặng trên những viên đá cuội.

Họ không chỉ bị bọn trộm nhắm đến. Chân tháp liên tục bị bôi bẩn, thường là bằng nước tiểu, chai vỡ và rượu đổ. Hai lần họ phát hiện ra những hình vẽ graffiti được sơn qua đêm bằng những chữ đỏ tươi, ngoằn ngoèo, to tướng. "LƯỠI CỦA SATAN" là dòng chữ trên bức tường phía sau; "BẠC CỦA QUỶ" là dòng chữ bên dưới cửa sổ tầng một.

Một buổi sáng khác, Robin và đồng bọn đến nơi thì thấy hàng chục người dân thị trấn tụ tập trên bãi cỏ, gào thét giận dữ vào mặt các học giả đang ra vào cửa trước. Họ thận trọng tiến lại

gần. Đám đông có hơi đáng sợ, nhưng không quá đông đến mức họ không thể len lỏi qua được.họ len lỏi qua. Có lẽ việc họ sẵn sàng đối mặt với đám đông hơn là bỏ lỡ buổi học cũng nói lên điều gì đó, nhưng dường như họ sắp vượt qua được mà không bị quấy rầy cho đến khi một người đàn ông to lớn bước đến trước mặt Victoire và bắt đầu gầm gừ điều gì đó bằng giọng miền Bắc cục cằn và khó hiểu.

“Tôi không biết anh,” Victoire thở hổn hển. “Tôi không biết anh đang…”

“Chúa ơi!” Ramy lảo đảo về phía trước như thể bị bắn. Victoire kêu lên. Tim Robin ngừng đập. Nhưng anh thấy đó chỉ là một quả trứng; nó nhắm vào Victoire, và Ramy lảo đảo vì anh đã bước lên để bảo vệ cô. Victoire co rúm người lại, hai tay che mặt; Ramy vòng tay qua vai cô và dìu cô lên các bậc thềm phía trước.

“Anh bị cái gì vậy?” Letty hét lên.

Người đàn ông ném trứng hét lại điều gì đó không thể hiểu được. Robin vội vàng nắm chặt tay Letty và kéo cô qua cánh cửa phía sau Ramy và Victoire.

“Anh ổn chứ?” anh hỏi.

Victoire run rẩy đến nỗi gần như không nói nên lời. "Ổn, tôi ổn mà – ôi, Ramy, để tôi, tôi có khăn tay..."

“Đừng lo.” Ramy nhún vai cởi áo khoác. “Vụ này bỏ đi, tôi mua cái mới.”

Bên trong sảnh, cả học sinh lẫn khách hàng đều túm tụm bên tường, nhìn đám đông qua cửa sổ. Bản năng đầu tiên của Robin là tự hỏi liệu đây có phải là do Hermes gây ra hay không. Nhưng không thể nào – những vụ trộm của Griffin được lên kế hoạch tỉ mỉ đến vậy; chúng cho thấy một bộ máy tinh vi hơn nhiều so với đám đông giận dữ này.

“Cô có biết chuyện gì đang xảy ra không?” Robin hỏi Cathy O’Nell.

“Họ là công nhân nhà máy, tôi nghĩ vậy,” Cathy nói. “Tôi nghe nói Babel vừa ký hợp đồng với mấy ông chủ nhà máy ở phía bắc, thế là những người này bị mất việc.”

“Tất cả những người này á?” Ramy hỏi. “Chỉ với vài thỏi bạc?”

“Ồ, họ đã sa thải hàng trăm công nhân,” Vimal nói, sau khi nghe lỏm được. “Hình như đó là một cặp ghép đôi xuất sắc, cái gì đó Giáo sư Playfair nghĩ ra, và nó đã mang lại cho chúng ta đủ tiền để tài trợ cho việc cải tạo toàn bộ cánh đông của sảnh. Điều đó không làm tôi ngạc nhiên, nếu nó có thể làm công việc của tất cả những người đó cộng lại.”

“Nhưng mà cũng buồn đấy chứ nhỉ?” Cathy trầm ngâm. “Không biết bây giờ họ sẽ làm gì.”

"Ý anh là sao?", Robin hỏi.

Cathy chỉ tay ra cửa sổ. "Thế họ tính nuôi sống gia đình kiểu gì?"

Robin thấy xấu hổ vì mình thậm chí còn chưa nghĩ đến điều này.

Trên lầu, trong lớp Từ nguyên học, Giáo sư Lovell bày tỏ một quan điểm tàn nhẫn hơn hẳn. "Đừng bận tâm đến bọn họ. Chỉ là lũ côn đồ quen thuộc thôi. Bọn say xỉn, đám bất mãn từ miền Bắc xuống, lũ hạ lưu không có cách nào bày tỏ ý kiến hay hơn là la hét ngoài đường. Tất nhiên tôi thích họ viết thư hơn, nhưng tôi ngờ một nửa trong số chúng còn không biết đọc."

“Thật hả, họ thất nghiệp rồi à?” Victoire hỏi.

‘Ờ, tất nhiên rồi. Loại lao động họ làm bây giờ là dư thừa. Lẽ ra nó phải bị đào thải từ lâu rồi; chẳng có lý do gì mà việc dệt, kéo

sợi, chải bông, hay se sợi lại chưa được cơ giới hóa cả. Đây đơn giản chỉ là sự tiến bộ của nhân loại thôi.'

"Hình như họ hơi bực mình về chuyện đó," Ramy nhận xét.

“Ồ, chắc chắn là họ đang rất giận dữ,” Giáo sư Lovell nói. “Anh có thể tưởng tượng ra tại sao. Nghề bạc đã làm được gì cho đất nước này trong thập kỷ qua? Năng suất nông nghiệp và công nghiệp tăng lên đến mức không tưởng. Nó đã khiến các nhà máy hiệu quả đến mức họ có thể vận hành chỉ với một phần tư số công nhân. Lấy ngành dệt may làm ví dụ – thoi bay của Kay, khung nước của Arkwright, máy kéo sợi của Crompton, và máy dệt của Cartwright đều được chế tạo nhờ nghề bạc. Nghề bạc đã đưa nước Anh vượt lên trên tất cả các quốc gia khác, và đồng thời khiến hàng ngàn lao động mất việc. Vì vậy, thay vì dùng trí thông minh của mình để học một kỹ năng thực sự hữu ích, họ lại quyết định than vãn về điều đó ngay trước cửa nhà chúng ta. Những cuộc biểu tình bên ngoài không có gì mới, anh biết đấy. Có một căn bệnh trong đất nước này.” Giáo sư Lovell đột nhiên nói với một sự ác ý. “Nó bắt đầu với những người Luddite – một vài công nhân ngu ngốc ở Nottingham, những kẻ nghĩ rằng họ thà đập phá máy móc còn hơn thích nghi với sự tiến bộ – và nó đã lan rộng khắp nước Anh kể từ đó. Có những người trên khắp đất nước này thà thấy chúng ta chết. Không chỉ Babel mới bị tấn công như thế này; không, chúng ta thậm chí còn chưa thấy điều tồi tệ nhất, vì an ninh của chúng ta tốt hơn hầu hết mọi nơi. Ở phía bắc, những người đó đang phóng hỏa, ném đá vào chủ sở hữu tòa nhà, tạt axit vào các quản lý nhà máy. Dường như họ không thể ngừng đập phá máy dệt ở Lancashire. Không, đây không phải là lần đầu tiên khoa của chúng ta nhận được lời đe dọa giết người, chỉ là lần đầu tiên họ dám đến tận Oxford ở phía nam này.”

“Anh có bị dọa giết không?” Letty hỏi, vẻ mặt hoảng hốt.

‘Dĩ nhiên rồi. Năm nào tôi cũng nhận được ngày càng nhiều.’

"Nhưng mà cậu không thấy phiền sao?"

Giáo sư Lovell cười khẩy. "Không bao giờ. Tôi nhìn những người đó, và tôi nghĩ đến sự khác biệt to lớn giữa chúng tôi. Tôi ở vị trí này là vì tôi tin vào tri thức và tiến bộ khoa học, và tôi đã sử dụng chúng cho lợi ích của mình. Họ ở vị trí của họ vì họ ngoan cố từ chối tiến lên cùng tương lai. Những người như thế không làm tôi sợ. Những người như thế chỉ khiến tôi buồn cười."

“Cả năm trời đều như thế này sao?” Victoire khẽ hỏi. “Ý cháu là ở ngoài sân cỏ ấy ạ.”

“Không lâu đâu,” Giáo sư Lovell trấn an cô. “Không, tối nay chúng sẽ chuồn hết. Bọn đó chẳng kiên trì được đâu. Một khi đói bụng hoặc đi tìm chỗ uống rượu thì chúng sẽ biến mất trước khi mặt trời lặn. Còn nếu chúng không đi, đội bảo vệ và cảnh sát sẽ đuổi chúng.”

Nhưng Giáo sư Lovell đã sai. Đây không phải là hành động của một nhóm nhỏ những kẻ bất mãn riêng lẻ, và họ cũng không hề biến mất chỉ sau một đêm. Cảnh sát đã giải tán đám đông vào buổi sáng hôm đó, nhưng họ quay trở lại với số lượng ít hơn; vài lần một tuần, khoảng chục người đàn ông xuất hiện để quấy rối các học giả trên đường vào tòa tháp. Một buổi sáng nọ, toàn bộ tòa nhà phải sơ tán khi một gói hàng phát ra tiếng tích tắc được gửi đến văn phòng Giáo sư Playfair. Hóa ra đó là một chiếc đồng hồ được nối với một khối thuốc nổ. May mắn thay, mưa đã thấm qua gói hàng, làm mòn ngòi nổ.

"Nhưng nếu trời không mưa thì sao ạ?" Ramy hỏi.

Không ai có câu trả lời thỏa đáng cho điều đó.

An ninh tại tòa tháp được tăng cường gấp đôi chỉ sau một đêm. Thư từ giờ được tiếp nhận và phân loại bởi các thư ký mới tuyển dụng tại một trung tâm xử lý nằm ở giữa Oxford. Một đội cảnh sát luân phiên túc trực canh gác lối vào tòa tháp suốt ngày đêm.

Giáo sư Playfair đã lắp đặt một bộ thanh bạc mới trên cửa trước, mặc dù như thường lệ, ông từ chối tiết lộ ông đã khắc những cặp ký tự nào lên chúng, hoặc chúng sẽ làm gì khi được kích hoạt.

Những cuộc biểu tình này không phải là triệu chứng của một sự xáo trộn nhỏ. Điều gì đó đang diễn ra trên khắp nước Anh, một loạt thay đổi mà hậu quả của chúng họ mới chỉ bắt đầu dò dẫm. Oxford, nơi luôn chậm hơn phần còn lại của nước Anh khoảng một thế kỷCác thành phố lớn chỉ có thể giả vờ miễn nhiễm với sự thay đổi trong một thời gian ngắn ngủi. Những thăng trầm của thế giới bên ngoài giờ đây không thể nào làm ngơ được nữa. Vấn đề này không chỉ liên quan đến công nhân nhà máy. Cải cách, bất ổn và bất bình đẳng là những từ khóa của thập kỷ. Toàn bộ tác động của cái gọi là cuộc cách mạng công nghiệp bạc, một thuật ngữ do Peter Gaskell đặt ra chỉ sáu năm trước đó, mới bắt đầu được cảm nhận trên khắp đất nước. Những cỗ máy chạy bằng bạc mà William Blake gọi là 'Những nhà máy Satan đen tối' đang nhanh chóng thay thế lao động thủ công, nhưng thay vì mang lại thịnh vượng cho tất cả mọi người, chúng lại tạo ra một cuộc suy thoái kinh tế, gây ra khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, điều mà chẳng bao lâu sau sẽ trở thành đề tài cho các tiểu thuyết của Disraeli và Dickens. Nông nghiệp nông thôn đang suy tàn; đàn ông, phụ nữ và trẻ em di cư hàng loạt đến các trung tâm đô thị để làm việc trong các nhà máy, nơi họ lao động với thời gian dài không thể tưởng tượng nổi và mất chân tay, thậm chí cả mạng sống trong những tai nạn kinh hoàng. Luật Người Nghèo Mới năm 1834, được thiết kế chủ yếu nhằm giảm chi phí cứu trợ nghèo đói, về cơ bản là tàn nhẫn và mang tính trừng phạt; nó từ chối hỗ trợ tài chính trừ khi người xin cứu trợ chuyển vào nhà tế bần, và những nhà tế bần này được thiết kế để trở nên khốn khổ đến mức không ai muốn sống trong đó. Tương lai tiến bộ và khai sáng mà Giáo sư Lovell hứa hẹn dường như chỉ mang lại nghèo đói và đau khổ; những công việc mới mà ông nghĩ rằng những người lao động bị mất việc làm nên đảm nhận đã không bao giờ xuất hiện. Thật vậy, những người duy nhất dường như được hưởng lợi từ cuộc cách mạng công

nghiệp bạc là những người đã giàu có sẵn, và một số ít người khác đủ khôn ngoan hoặc may mắn để làm giàu cho bản thân.

Những dòng chảy này không thể tồn tại lâu dài. Bánh xe lịch sử đang quay nhanh chóng ở Anh. Thế giới ngày càng thu hẹp lại, cơ giới hóa hơn, và bất bình đẳng hơn, và vẫn chưa rõ mọi thứ sẽ đi đến đâu, hay điều đó có ý nghĩa gì đối với Babel, hay đối với chính Đế chế.

Tuy nhiên, Robin và nhóm của anh vẫn làm điều mà các học giả vẫn luôn làm, đó là vùi đầu vào sách vở và chỉ tập trung vào nghiên cứu của mình. Những người biểu tình cuối cùng đã giải tán sau khi quân đội được điều từ London đến lôi những kẻ cầm đầu tới nhà tù Newgate. Các học giả không còn phải nín thở mỗi khi leo lên các bậc thang của tòa tháp. Họ học cách chịu đựng sự hiện diện dày đặc của cảnh sát, cùng với việc sách mới và thư từ giờ đây mất gấp đôi thời gian để đến nơi. Họ ngừng đọc các bài xã luận trên...*Oxford Chronicle*là một ấn phẩm mới ra đời, ủng hộ cải cách, ủng hộ phái cấp tiến, dường như quyết tâm phá hủy danh tiếng của họ.

Tuy vậy, họ vẫn không thể hoàn toàn làm ngơ trước những dòng tít lớn được rao bán khắp các góc phố trên đường họ đến tòa tháp:

BABEL A THREAT TO THE NATIONAL ECONOMY?

FOREIGN BARS SEND DOZENS TO THE WORKHOUSE

SAY NO TO SILVER!

Đáng lẽ ra phải thấy phiền lòng. Nhưng thật ra, Robin nhận thấy việc chịu đựng bất kỳ mức độ bất ổn xã hội nào cũng khá dễ dàng, miễn là người ta tập quen với việc ngoảnh mặt làm ngơ.

Một đêm mưa bão, trên đường đến nhà Giáo sư Lovell dùng bữa tối, Robin thoáng thấy một gia đình ngồi ở góc đường

Woodstock, tay cầm những chiếc cốc thiếc xin bố thí. Ăn xin là cảnh tượng thường thấy ở ngoại ô Oxford, nhưng cả gia đình đi ăn xin thì hiếm. Hai đứa trẻ nhỏ vẫy tay chào anh khi anh đến gần, và nhìn những khuôn mặt nhợt nhạt, lấm lem nước mưa của chúng khiến anh thấy áy náy đến mức phải dừng lại và móc vài đồng xu trong túi ra.

"Cảm ơn," người cha lẩm bẩm. "Chúa phù hộ cho cô."

Râu gã đàn ông kia đã dài ra, quần áo cũng rách rưới hơn nhiều, nhưng Robin vẫn nhận ra hắn – không còn nghi ngờ gì nữa, hắn là một trong những kẻ đã chửi bới anh té tát trên đường anh vào tòa tháp vài tuần trước. Hắn chạm mắt với Robin. Không rõ hắn có nhận ra Robin hay không; hắn mở miệng định nói gì đó, nhưng Robin đã nhanh chóng bước nhanh hơn, và bất cứ điều gì gã kia định gọi với theo anh cũng nhanh chóng bị gió mưa át đi.

Anh ta không hề nhắc đến gia đình với bà Piper hay Giáo sư Lovell. Anh ta không muốn nghĩ đến tất cả những gì họ đại diện – sự thật là mặc dù luôn miệng nói trung thành với cách mạng, cam kết với bình đẳng và giúp đỡ những người cơ nhỡ, anh ta lại chưa từng trải qua cảnh nghèo khó thực sự. Anh ta đã từng chứng kiến những thời kỳ khó khăn ở Quảng Châu, nhưng chưa bao giờ phải lo lắng về bữa ăn tiếp theo hay chỗ ngủ qua đêm. Anh ta chưa từng nhìn gia đình mình và tự hỏi phải làm gì để giữ họ sống sót. Dù đồng cảm với cậu bé mồ côi Oliver Twist đến đâu, dù tự thương hại bản thân cay đắng đến mấy, sự thật vẫn là kể từ ngày đặt chân đến nước Anh, anh ta chưa từng một lần phải ngủ với cái bụng đói.

Tối hôm đó, anh ăn tối, mỉm cười trước những lời khen của bà Piper, và cùng chia sẻ một chai rượu với Giáo sư Lovell. Anh đi một con đườngkhácđường trở về trường đại học. Tháng sau, anh quên mất lối rẽ quen thuộc trên đường đi lên, nhưng điều đó không còn quan trọng nữa – khi ấy, gia đình nhỏ ấy đã rời đi rồi.

Kỳ thi sắp tới đã biến một năm tồi tệ thành một năm kinh khủng. Học giả Babel phải trải qua hai vòng thi – một vào cuối năm ba và một vào năm tư. Các kỳ thi này được trải đều trong năm; sinh viên năm tư thi vào giữa kỳ Hilary, trong khi sinh viên năm ba có thời gian đến tận kỳ Trinity. Hậu quả là bắt đầu sau kỳ nghỉ đông, không khí trong tháp hoàn toàn thay đổi. Thư viện và phòng học luôn chật kín những sinh viên năm tư căng thẳng, giật mình mỗi khi có ai thở mạnh và trông như sẵn sàng giết người bất cứ khi nào có ai dám thì thầm.

Theo truyền thống, Babel công bố điểm năm tư vào cuối kỳ thi. Vào buổi trưa thứ Sáu của tuần đó, một tiếng chuông vang lên ba lần khắp tòa tháp. Mọi người đứng dậy và vội vã xuống sảnh, nơi khách hàng của buổi chiều hôm đó đang được hướng dẫn ra cửa. Giáo sư Playfair đứng trên một chiếc bàn ở giữa căn phòng. Ông mặc một chiếc áo choàng lộng lẫy viền tím, tay cầm một cuộn giấy uốn lượn mà Robin mới chỉ thấy trong các bức tranh thời trung cổ. Khi tòa tháp đã được dọn sạch những người không thuộc khoa, ông hắng giọng và đọc, 'Các ứng viên bằng cấp sau đã vượt qua kỳ thi xét tuyển xuất sắc. Matthew Houndslow—'

Một người nào đó ở góc sau thét lên một tiếng chói tai.

Adam Moorhead.

Một sinh viên gần phía trước ngồi sụp xuống sàn giữa sảnh, hai tay ôm chặt miệng.

"Vô nhân tính quá," Ramy thì thầm.

“Quả là tàn nhẫn và khác thường,” Robin đồng tình. Nhưng cậu không thể rời mắt khỏi buổi lễ. Vẫn chưa đến lượt cậu bị kiểm tra, nhưng giờ đã gần lắm rồi, và tim cậu đập thình thịch vì nỗi sợ hãi gián tiếp. Dù kinh khủng đến thế nào, thì việc công khai tuyên bố ai đã chứng tỏ được sự xuất sắc của mình và ai thì không vẫn thật thú vị.

Chỉ Matthew và Adam đạt loại xuất sắc. Giáo sư Playfair công bố một người đạt loại khá (James Fairfield) và một người đạt (Luke McCaffrey), rồi nói bằng giọng rất trầm, "Các ứng viên sau đây đã trượt kỳ thi xét tuyển, và sẽ không được yêu cầu quay lại Học viện Hoàng giakhông phải để lấy học bổng sau đại học, cũng không được cấp bằng. Philip Wright.'

Wright là chuyên gia tiếng Pháp và tiếng Đức, người đã ngồi cạnh Robin trong bữa tối của khoa năm nhất của anh. Qua nhiều năm, ông trở nên gầy gò và hốc hác. Ông là một trong những sinh viên thường xuyên lảng vảng ở thư viện với vẻ ngoài như chưa tắm rửa hay cạo râu nhiều ngày, nhìn chằm chằm vào chồng giấy trước mặt với vẻ mặt vừa hoảng loạn vừa hoang mang.

“Anh đã được nương tay hết mức có thể,” Giáo sư Playfair nói. “Anh đã được tạo điều kiện nhiều hơn mức cần thiết, tôi nghĩ vậy. Giờ là lúc chấp nhận rằng anh không thể tiếp tục ở đây nữa, anh Wright.”

Wright định bước tới chỗ Giáo sư Playfair, nhưng hai nghiên cứu sinh đã túm lấy tay anh ta và kéo lại. Anh ta bắt đầu van xin, lảm nhảm về việc bài thi của mình đã bị hiểu sai như thế nào, làm thế nào anh ta có thể giải thích rõ mọi thứ nếu được trao thêm một cơ hội. Giáo sư Playfair vẫn điềm tĩnh đứng đó, hai tay chắp sau lưng, giả vờ như không nghe thấy.

“Chuyện gì vậy?” Robin hỏi Vimal.

“Lại dùng từ nguyên dân gian thay vì từ nguyên thực sự.” Vimal lắc đầu vẻ kịch tính. “Cố gắng liên hệ canard với canary, anh thấy đấy, nhưng canary đâu có họ hàng gì với vịt canard – chúng đến từ Quần đảo Canary, mà cái tên này lại bắt nguồn từ loài chó __”

Phần còn lại của lời giải thích của anh ta vượt quá tầm hiểu biết của Robin.

Giáo sư Playfair rút ra một lọ thủy tinh từ túi áo khoác – Robin đoán là lọ đựng máu của Wright. Ông đặt nó lên bàn rồi giậm chân xuống. Mảnh thủy tinh và những mảnh vụn màu nâu văng tung tóe trên sàn. Wright bắt đầu tru lên. Robin không rõ việc lọ bị vỡ thực sự đã gây ra chuyện gì với anh ta – cả bốn chi dường như vẫn còn nguyên vẹn, theo như Robin thấy, và cũng không có máu mới – nhưng Wright đổ gục xuống sàn, ôm bụng như thể anh ta vừa bị đâm.

"Kinh khủng," Letty vừa kinh sợ vừa thán phục.

"Giống thời trung cổ ghê," Victoire đồng tình.

Họ chưa từng chứng kiến một thất bại nào trước đây. Họ không thể rời mắt.

Phải đến nghiên cứu sinh thứ ba mới kéo được Wright đứng dậy, lôi anh ta ra cửa trước và ném anh ta xuống cầu thang không thương tiếc. Tất cả những người khác đứng xem, miệng há hốc. Một nghi thức lố bịch như vậy dường như không phù hợp với một cơ sở học thuật hiện đại. Vậy mà đây lại làHoàn toàn thích hợp. Oxford, và Babel nói rộng ra, về bản chất, là những tổ chức tôn giáo cổ xưa, và bất chấp sự tinh vi đương đại của chúng, các nghi thức cấu thành nên đời sống đại học vẫn dựa trên thuyết thần bí thời trung cổ. Oxford là Anh giáo, là Cơ đốc giáo, đồng nghĩa với máu, thịt và bụi trần.[*]

Cánh cửa đóng sầm lại. Giáo sư Playfair phủi bụi áo choàng, nhảy xuống khỏi bàn và quay lại đối mặt với những người còn lại.

“Xong rồi nhé.” Ông cười rạng rỡ. “Chúc các em thi tốt. Chúc mừng tất cả.”

Hai ngày sau, Griffin bảo Robin gặp anh ta tại một quán rượu ở Iffley, cách trường đại học gần một giờ đi bộ. Đó là một nơi ồn ào, lờ mờ. Robin mất một lúc mới tìm thấy anh trai mình, người

đang ngồi gù lưng gần phía sau quán. Dù đã làm gì kể từ lần gặp trước, rõ ràng anh ta đã không ăn uống gì; trước mặt anh ta có hai chiếc bánh thịt cừu bốc khói nghi ngút và anh ta đang ngấu nghiến một cái mà chẳng sợ bỏng lưỡi.

“Đây là chỗ nào vậy?” Robin hỏi.

“Thỉnh thoảng tôi ăn tối ở đây,” Griffin nói. “Đồ ăn dở tệ nhưng được cái nhiều, và quan trọng là, chẳng có ai ở trường đại học bén mảng đến đây cả. Nó quá gần với – Playfair gọi họ là gì nhỉ? Dân địa phương.”

Trông cậu ta tệ hơn cả suốt cả học kỳ - rõ ràng là kiệt sức, hốc hác, và gầy trơ xương. Cậu ta toát ra vẻ của một người sống sót sau vụ đắm tàu, của một người đã đi một quãng đường dài và suýt nữa thì bỏ mạng - mặc dù tất nhiên cậu ta sẽ không nói với Robin mình đã ở đâu. Chiếc áo khoác đen, treo trên ghế phía sau cậu ta, bốc mùi kinh khủng.

“Cậu ổn chứ?” Robin chỉ vào cánh tay trái của Griffin. Nó được quấn băng, nhưng bất cứ vết thương nào bên dưới rõ ràng vẫn còn hở, vì vết bẩn sẫm màu trên cẳng tay cậu ta đã lan rộng ra rõ rệt kể từ khi Robin ngồi xuống.

‘Ồ.’ Griffin liếc nhìn cánh tay mình. ‘Không sao đâu, chỉ là nó hơi lâu lành thôi.’

Vậy cũng là cái gì đó.

"Hừ."

"Trông tệ thật." Robin cười khúc khích, và câu tiếp theo nghe cay đắng hơn anh định nói. "Cậu nên khâu nó lại. Rượu mạnh sẽ giúp ích đấy."

“Hừ. Không, chúng tôi đã có người rồi. Tôi sẽ xem xét sau.” Griffin kéo tay áo che kín băng gạc. “Dù sao thì. Tôi cần cậu sẵn

sàng vào tuần tới. Mọi chuyện rất bấp bênh nên tôi vẫn chưa rõ ngày giờ cụ thể, nhưng đây là vụ lớn – chúng đang chờ một chuyến hàng bạc khổng lồ từ Magniac & Smith, và chúng ta muốn chôm được một thùng trong lúc bốc dỡ. Tất nhiên sẽ cần một màn đánh lạc hướng lớn. Tôi có thể sẽ phải cất một ít thuốc nổ trong phòng cậu để tiện sử dụng—"

Robin giật nảy mình. "Chất nổ?"

'Tớ quên mất cậu dễ sợ rồi.' Griffin vẫy tay. 'Không sao đâu, tớ sẽ chỉ cậu cách kích hoạt chúng trước ngày diễn ra, và nếu cậu lên kế hoạch đủ tốt thì sẽ không ai bị thương—'

"Không," Robin nói. "Không, thế thôi, tôi chịu hết nổi rồi – chuyện này thật lố bịch, tôi không làm nữa."

Griffin nhướn mày. "Chuyện này là sao?"

'Tôi vừa thấy người ta bị đuổi học—'

"Ồ." Griffin cười. "Năm nay là ai thế?"

"Wright," Robin nói. "Chúng đã nghiền nát một lọ máu của anh ta. Chúng ném anh ta ra khỏi tháp, khóa anh ta ở ngoài, cắt đứt anh ta khỏi mọi thứ và tất cả mọi người—"

"Nhưng chuyện đó sẽ không xảy ra với cậu đâu; cậu quá thông minh mà. Hay là tớ đang làm cậu sao nhãng việc ôn bài đấy?"

"Mở cửa thì dễ," Robin nói. "Nhưng đặt thuốc nổ lại là chuyện khác."

Sẽ ổn thôi, cứ tin tôi đi—

"Nhưng cháu không," Robin buột miệng. Tim cậu đập rất nhanh, nhưng giờ đã quá muộn để giữ im lặng. Cậu phải nói ra

tất cả cùng một lúc; cậu không thể cứ mãi nuốt lời mình được nữa. “Cháu…*don’t*Tin tưởng cậu. Cậu đang làm loạn lên rồi đấy.

Lông mày Griffin nhướng lên. "Bừa bộn á?"

Mất tích hàng tuần rồi xuất hiện thì lại trễ phân nửa số lần; hướng dẫn thì toàn bị gạch xóa, sửa đổi đến mức phải rất tài giỏi mới giải mã được. An ninh của Babel gần như tăng gấp ba, vậy mà anh dường như chẳng quan tâm đến việc tìm cách xử lý.Rồi cậu vẫn chưa giải thích chuyện gì đã xảy ra lần trước, hay cách giải quyết mới của cậu cho mấy cái bùa hộ mệnh là gì. Tôi bị bắn vào tay rồi mà cậu có vẻ chẳng quan tâm gì cả—

“Tôi đã nói là tôi xin lỗi về chuyện đó rồi mà,” Griffin nói mệt mỏi. “Sẽ không có lần sau nữa đâu.”

Nhưng tại sao tôi phải tin anh/chị?

“Vì chuyện này rất quan trọng.” Griffin nhoài người tới trước. “Chuyện này có thể thay đổi tất cả, có thể làm đảo lộn cục diện —”

Nói cho tôi biết làm thế nào đi. Kể tôi nghe thêm nữa. Chuyện này không thể nào tốt đẹp được khi anh cứ luôn giấu tôi trong bóng tối.

‘Này, tôi đã nói với cậu về St Aldate’s rồi mà, phải không?’ Griffin trông có vẻ bực bội. ‘Cậu biết là tôi không thể nói thêm gì mà. Cậu vẫn còn quá mới, cậu chưa hiểu hết những rủi ro—’

‘Cái*risks*Tôi mới là người đang mạo hiểm, tôi đang đặt cược cả tương lai của mình vào đây—

“Buồn cười thật,” Griffin nói. “Tôi cứ tưởng Hội Hermes mới là tương lai của cậu chứ.”

Anh/Chị hiểu ý tôi mà.

“Phải, rõ như ban ngày.” Môi Griffin cong lên. Lúc đó trông anh rất giống cha họ. “Em sợ tự do đến vậy sao, anh trai? Nó đang trói buộc em. Em đồng nhất mình với kẻ thực dân đến mức nghĩ rằng bất kỳ mối đe dọa nào đối với chúng cũng là mối đe dọa đối với em. Bao giờ em mới nhận ra mình không thể là một trong số chúng?”

“Đừng có đánh trống lảng nữa,” Robin nói. “Cậu lúc nào cũng đánh trống lảng. Khi tôi nói về tương lai của mình, ý tôi không phải là một chức vụ nhàn hạ. Ý tôi là*survival*Vậy nói cho tôi biết tại sao chuyện này lại quan trọng. Tại sao lại là bây giờ? Tại sao lại là cái này?

Robin—

“Ông đang yêu cầu tôi liều mạng vì thứ vô hình,” Robin gắt. “Còn tôi chỉ đang hỏi ông cho tôi một lý do.”

Griffin im lặng một lúc. Anh ta đưa mắt nhìn quanh phòng, gõ nhẹ ngón tay lên bàn, rồi nói bằng giọng rất khẽ, "Afghanistan."

Chuyện gì đang xảy ra ở Afghanistan vậy?

“Cậu không đọc báo à? Bọn Anh sắp sửa lôi Afghanistan vào vùng ảnh hưởng của chúng nó đấy. Nhưng mà cũng có kế hoạch để ngăn chặn chuyện đó rồi – cái này thì anh không thể nói cho cậu được đâu, em trai ạ—”

Nhưng Robin lại cười. "Afghanistan á? Thật sao?"

"Cái này buồn cười lắm à?", Griffin hỏi.

“Toàn ba hoa chích chòe,” Robin nói, vẻ mặt kinh ngạc. Có gì đó trong tâm trí cậu vỡ vụn.rồi – cái ảo tưởng rằng hắn phải ngưỡng mộ Griffin, rằng Hermes có gì quan trọng. ‘Mày thấy mình quan trọng lắm phải không? Cứ làm như mày có quyền lực gì trên đời này? Tao đã gặp những kẻ thực sự nắm quyền rồi,

và chúng chả giống mày tí nào. Chúng không cần phải tranh giành quyền lực. Chúng không tổ chức mấy vụ cướp ngớ ngẩn giữa đêm khuya và đặt em trai mình vào nguy hiểm trong một nỗ lực điên rồ để có được nó. Chúng đã có sẵn rồi.'

Mắt Griffin nheo lại. "Thế nghĩa là sao?"

Bạn muốn gì*do*"Hả?" Robin gặng hỏi. "Thật đấy Griffin, anh đã làm được gì nào? Đế chế vẫn còn đó. Babel vẫn còn đó. Mặt trời vẫn mọc, và Anh vẫn giương vuốt khắp thế giới, bạc vẫn chảy vào không ngừng. Chẳng có gì thay đổi cả."

Nói với tôi là cậu không thật sự nghĩ vậy đi.

"Không, tôi chỉ—" Robin cảm thấy nhói đau vì tội lỗi. Có lẽ anh đã nói hơi quá lời, nhưng anh nghĩ quan điểm của mình là đúng. "Tôi chỉ không thấy được tất cả những chuyện này sẽ đạt được điều gì. Và cậu đang yêu cầu tôi phải từ bỏ quá nhiều thứ để đổi lại. Tôi muốn giúp cậu, Griffin. Nhưng tôi cũng muốn sống sót."

Griffin im lặng hồi lâu. Robin ngồi nhìn anh ta, càng lúc càng thấy khó chịu khi anh ta bình thản ăn hết phần bánh Shepherd's pie còn lại. Rồi anh ta đặt nĩa xuống và tỉ mỉ lau miệng bằng khăn ăn.

'Anh biết điều buồn cười về Afghanistan là gì không?' Giọng Griffin rất nhỏ nhẹ. 'Người Anh sẽ không xâm lược bằng quân Anh. Họ sẽ xâm lược bằng quân Bengal và Bombay. Họ sẽ để lính sepoy đánh nhau với người Afghanistan, giống như họ đã để lính sepoy chiến đấu và chết cho họ ở Irrawaddy, bởi vì những đội quân Ấn Độ đó cũng có cùng logic với anh, đó là thà làm tôi tớ của Đế quốc, chịu đựng mọi cưỡng ép tàn bạo, còn hơn là chống cự. Bởi vì nó an toàn. Bởi vì nó ổn định, bởi vì nó cho phép họ sống sót. Và đó là cách họ chiến thắng đấy, anh bạn ạ. Họ xúi giục chúng ta chống lại nhau. Họ chia rẽ chúng ta.'

“Tớ không bỏ hẳn đâu,” Robin vội vàng nói. “Chỉ là – ý tớ là, chỉ đến hết năm nay thôi, hoặc cho đến khi mọi chuyện lắng xuống —”

“Không phải vậy,” Griffin nói. “Hoặc là tham gia, hoặc là không. Afghanistan không chờ đợi ai cả.”

Robin hít một hơi run rẩy. "Vậy thì tôi rút."

“Được rồi.” Griffin ném khăn ăn xuống bàn và đứng dậy. “Chỉ cần giữ mồm giữ miệng, được chứ? Nếu không tôi sẽ phải đến dọn dẹp hậu quả, và tôi không thích phải làm mấy chuyện bẩn thỉu.”

Tôi sẽ không nói với bất kỳ ai. Tôi hứa đấy—

“Tôi chẳng quan tâm lời anh nói,” Griffin nói. “Nhưng tôi biết anh ngủ ở đâu.”

Robin chẳng biết nói gì hơn. Cậu biết Griffin không hề doạ suông, nhưng nếu Griffin thực sự không tin tưởng cậu, cậu sẽ không thể sống sót trở về trường. Họ nhìn nhau rất lâu trong im lặng.

Cuối cùng, Griffin lắc đầu và nói, "Cậu lạc lối rồi, anh bạn. Cậu như con tàu trôi dạt, tìm kiếm bờ biển quen thuộc. Tôi hiểu cậu muốn gì. Tôi cũng từng tìm kiếm nó. Nhưng chẳng còn quê hương nào cả. Nó đã mất rồi." Anh dừng lại bên cạnh Robin trên đường ra cửa. Ngón tay anh đặt lên vai Robin, bóp mạnh đến mức đau. "Nhưng hãy nhận ra điều này, anh bạn. Cậu không mang cờ hiệu của ai cả. Cậu tự do tìm kiếm bến cảng của riêng mình. Và cậu có thể làm được nhiều hơn là chỉ dậm chân tại chỗ."

Book III

Chapter Thirteen

Mountains will be in labour, the birth will be a single laughable little mouse.

HORACE,*Ars Poetica*, dịch giả E.C. Wickham

GGriffin giữ lời. Hắn không bao giờ để lại một mảnh giấy nào cho Robin nữa. Ban đầu, Robin chắc mẩm Griffin chỉ giận dỗi một thời gian rồi lại quay sang làm phiền cậu với những việc vặt nhỏ nhặt hơn. Nhưng một tuần thành một tháng, rồi thành một kỳ học. Cậu đã nghĩ Griffin sẽ thù dai hơn – ít nhất cũng để lại một lá thư chia tay đầy trách móc. Vài ngày đầu sau cuộc cãi vã, cậu giật mình mỗi khi có người lạ liếc nhìn trên đường, tin chắc rằng Hội Hermes đã quyết định tốt nhất là bịt đầu mối này.

Nhưng Griffin đã hoàn toàn cắt đứt quan hệ với anh ta.

Hắn cố gắng phớt lờ tiếng nói của lương tâm. Hermes sẽ không đi đâu cả. Sẽ luôn có những trận chiến để đấu. Tất cả bọn họ sẽ ở đó chờ đợi khi Robin sẵn sàng quay lại, hắn chắc chắn như vậy. Và hắn chẳng thể làm gì cho Hermes nếu hắn không tiếp tục ẩn náu vững chắc trong hệ sinh thái của Babel. Chính Griffin đã nói rồi – họ cần người ở bên trong. Chẳng phải đó là lý do đủ để hắn ở lại đúng chỗ này sao?

Trong khi đó, kỳ thi năm ba cũng diễn ra. Kỳ thi cuối năm ở Oxford khá là trọng thể. Cho đến những năm cuối của thế kỷ trước, các kỳ thi vấn đáp – những màn tra hỏi miệng được công khai cho đám đông khán giả chứng kiến – từng là tiêu chuẩn, mặc dù vào đầu những năm 1830, bằng cử nhân thông thường chỉ yêu cầu năm bài thi viết và một bài thi vấn đáp, với lý do là câu trả lời bằng miệng quá khó để đánh giá khách quan và hơn nữa lại còn tàn nhẫn một cách không cần thiết. Đến năm 1836,

khán giả không còn được phép tham dự các buổi vấn đáp nữa, và người dân thị trấn mất đi một nguồn giải trí hàng năm lớn.

Thay vào đó, nhóm của Robin được thông báo phải chuẩn bị cho một bài luận ba tiếng cho mỗi ngôn ngữ nghiên cứu của họ; một bài luận ba tiếng về Từ nguyên học; một bài kiểm tra vấn đáp về Lý thuyết Dịch thuật, và một bài kiểm tra chế tác bạc. Họ sẽ không được ở lại Babel nếu trượt bất kỳ bài kiểm tra ngôn ngữ hoặc lý thuyết nào, và nếu trượt bài kiểm tra chế tác bạc, họ sẽ không được làm việc trên tầng tám trong tương lai.[*]

Buổi vấn đáp sẽ diễn ra trước hội đồng ba giáo sư do Giáo sư Playfair chủ trì, một vị giám khảo nổi tiếng khó tính, người ta đồn rằng mỗi năm ông làm ít nhất hai sinh viên bật khóc.*Balderdash*, hắn ta sẽ lè nhè, 'là một từ từng được dùng để chỉ thứ nước pha chế bị nguyền rủa do mấy tay bartender tạo ra khi họ gần như hết sạch mọi thứ đồ uống vào cuối đêm. Bia, rượu vang, rượu táo, sữa - họ đổ tất cả vào và hy vọng khách hàng sẽ không phiền lòng, vì suy cho cùng mục đích chỉ đơn giản là say xỉn. Nhưng đây là Đại học Oxford, không phải Quán rượu Turf sau nửa đêm, và chúng ta cần thứ gì đó sáng tỏ hơn là việc nốc rượu cho say mèm. Anh có muốn thử lại không?'

Thời gian, thứ tưởng chừng vô tận trong năm nhất và năm hai của họ, giờ đây đang chảy vùn vụt xuống chiếc đồng hồ cát. Họ không còn có thể trì hoãn việc học hành để rong chơi trên sông với suy nghĩ rằng luôn có cơ hội để bắt kịp sau này. Kỳ thi chỉ còn cách năm tuần, rồi bốn tuần, rồi ba. Khi học kỳ Trinity kết thúc, ngày học cuối cùng đáng lẽ phải là một buổi chiều vàng rực rỡ, với bánh ngọt, nước hoa cơm cháy và chèo thuyền trên sông Cherwell. Nhưng ngay khi tiếng chuông điểm bốn giờ, họ đã thu dọn sách vở và đi thẳng từ lớp học của Giáo sư Craft đến một trong những phòng học ở tầng năm, nơi họ sẽ tự nhốt mình trong mười ba ngày tiếp theo, nghiền ngẫm từ điển, các đoạn văn dịch và danh sách từ vựng cho đến khi thái dương giật throbbing.

Với lòng hào phóng, hoặc có lẽ là tính tàn bạo, khoa Babel đã cung cấp một bộ thanh bạc cho các thí sinh dùng làm công cụ hỗ trợ học tập. Những thanh bạc này được khắc một cặp từ tương ứng bằng tiếng Anh*meticulous*và tiền thân Latinh của nó*metus*, nghĩa là 'sợ hãi, kinh hoàng'. Cách dùng hiện đại của*meticulous*đã xuất hiện chỉ vài thập kỷ trước ở Pháp, với hàm ý sợ mắc lỗi. Tác dụng của các thanh chắn này là gây ra nỗi lo lắng lạnh người mỗi khi người dùng làm sai trong công việc của họ.

Ramy ghét cay ghét đắng và nhất quyết không dùng chúng. "Nó chẳng cho mình biết mình sai ở đâu," cậu ta phàn nàn. "Nó chỉ khiến mình buồn nôn một cách vô cớ."

"Thôi được rồi, cậu cần phải cẩn thận hơn đấy," Letty càu nhàu, vừa trả lại bài luận đã chấm điểm cho anh ta. "Cậu mắc ít nhất mười hai lỗi trong trang này rồi, với lại câu cú của cậu dài lê thê —"

Chúng không dài dòng đâu; chúng mang phong cách Cicero.

Không thể cứ vin vào cái cớ là*Ciceronian*—'

Ramy phẩy tay cho qua. "Không sao đâu Letty, tôi viết cái đó chỉ mất mười phút."

Nhưng vấn đề không phải là tốc độ. Vấn đề là sự chính xác—

"Càng làm nhiều thì mình càng nắm được nhiều dạng câu hỏi có thể xuất hiện trong bài thi," Ramy nói. "Và đó mới là điều chúng ta thực sự cần chuẩn bị. Mình không muốn đến lúc cầm đề trên tay rồi mà đầu óc trống rỗng."

Đây là một nỗi lo chính đáng. Căng thẳng có khả năng kỳ lạ là xóa sạch khỏi đầu óc sinh viên những thứ họ đã học hàng năm trời. Trong kỳ thi năm tư năm ngoái, có tin đồn một thí sinh đã trở nên hoang tưởng đến mức anh ta tuyên bố không chỉ là

mình không thể hoàn thành bài thi mà còn là anh ta đã nói dối về việc thông thạo tiếng Pháp. (Trên thực tế, anh ta là người bản ngữ.) Tất cả bọn họ đều nghĩ rằng mình miễn nhiễm với sự điên rồ đặc biệt này cho đến một ngày, một tuần trước kỳ thi, Letty bất ngờ bật khóc và tuyên bố cô không biết một chữ tiếng Đức nào, không một chữ nào, rằng cô là kẻ lừa đảo và toàn bộ sự nghiệp của cô ở Babel đều dựa trên sự giả dối. Không ai trong số họ hiểu được lời than vãn này cho đến tận sau đó, bởi vì cô ấy thực sự đã nói bằng tiếng Đức.

Mất trí nhớ chỉ là triệu chứng đầu tiên xuất hiện. Chưa bao giờ nỗi lo lắng về điểm số lại khiến Robin ốm yếu đến thế. Đầu tiên là cơn đau đầu dai dẳng, nhói buốt, sau đó là cảm giác buồn nôn liên tục mỗi khi cậu đứng dậy hay di chuyển. Cơn run rẩy cứ ập đến từng đợt.không báo trước; tay cậu thường run đến mức khó cầm bút. Có lần, trong lúc làm bài tập, cậu thấy mắt mình tối sầm lại; đầu óc trống rỗng, không nhớ nổi một chữ, thậm chí không nhìn thấy gì. Phải mất gần mười phút cậu mới hồi phục. Cậu không thể nuốt nổi thức ăn. Cậu vừa luôn cảm thấy kiệt sức nhưng lại không thể ngủ được vì quá căng thẳng.

Rồi, giống như mọi sinh viên năm cuối xuất sắc ở Oxford, anh thấy mình dần mất trí. Sự nắm bắt thực tại của anh, vốn đã mong manh do sự cô lập kéo dài trong một thành phố của những học giả, giờ đây càng trở nên rời rạc. Hàng giờ chỉnh sửa luận án đã can thiệp vào khả năng xử lý các dấu hiệu và biểu tượng của anh, niềm tin của anh vào những gì là thật và những gì không. Lý thuyết trừu tượng trở nên thực tế và quan trọng; những nhu cầu thiết yếu hàng ngày như cháo và trứng lại đáng ngờ. Đối thoại hàng ngày trở thành một việc vặt; những cuộc trò chuyện xã giao là một nỗi kinh hoàng, và anh đánh mất khả năng hiểu được ý nghĩa của những lời chào hỏi cơ bản. Khi người gác cổng hỏi anh có một "ngày tốt lành" không, anh đứng im lặng trong ba mươi giây, không thể xử lý được ý nghĩa của "tốt lành", hay thậm chí là "ngày".

“Ồ, giống tôi y chang,” Ramy nói một cách vui vẻ khi Robin nhắc đến chuyện này. “Thật kinh khủng. Tôi chẳng thể nào trò chuyện bình thường được nữa – cứ mãi tự hỏi ý nghĩa thực sự của từ ngữ là gì.”

“Tớ cứ đâm sầm vào tường suốt,” Victoire nói. “Cả thế giới cứ biến mất xung quanh tớ, và tất cả những gì tớ thấy chỉ là mấy cái danh sách từ vựng.”

“Tôi thì thấy giống lá trà thôi,” Letty nói. “Chúng cứ trông như chữ tượng hình ấy, hôm nọ tôi còn suýt nữa thì tra nghĩa một cái – thậm chí tôi còn chép nó ra giấy các thứ nữa chứ.”

Robin thấy nhẹ nhõm khi biết mình không phải là người duy nhất nhìn thấy những điều kỳ lạ, bởi vì những ảo ảnh đó khiến anh lo lắng nhất. Anh đã bắt đầu thấy ảo giác cả người. Có lần, khi đang tìm kiếm một tuyển tập thơ trong danh sách đọc tiếng Latinh trên kệ sách ở Thornton, Robin thoáng thấy một bóng người quen thuộc ở cửa. Anh tiến lại gần hơn. Mắt anh không hề nhìn nhầm – Anthony Ribben đang trả tiền cho một gói hàng bọc giấy, trông khỏe mạnh và bình thường.

“Anthony—” Robin thốt lên.

Anthony ngước nhìn lên. Anh thấy Robin. Mắt anh mở to. Robin sững lại rồi bước tới, vẻ mặt vừa bối rối vừa hân hoan, nhưng Anthony vội vàng dúi vài đồng xu vào tay người bán sách rồi lao ra khỏi cửa hàng. Khi Robin ra đến phố Magdalene thì Anthony đã biến mất. Robin ngơ ngác nhìn quanh vài giây, rồi quay lại hiệu sách, tự hỏi liệu có phải mình đã nhìn nhầm hay không.một người xa lạ đối với Anthony. Nhưng ở Oxford không có nhiều thanh niên Da đen. Điều đó có nghĩa là hoặc anh đã bị lừa dối về cái chết của Anthony - rằng thực sự, tất cả giảng viên của Babel đã làm điều đó như một trò lừa bịp tinh vi - hoặc anh đã tưởng tượng ra tất cả. Trong tình trạng hiện tại, anh thấy khả năng thứ hai có vẻ đúng hơn nhiều.

Bài kiểm tra mà tất cả bọn họ đều sợ nhất chính là bài kiểm tra chế tác bạc. Trong tuần cuối cùng của học kỳ Trinity, họ đã được thông báo rằng họ sẽ phải nghĩ ra một cặp bùa lửa độc đáo và khắc nó trước mặt một giám thị. Vào năm thứ tư, sau khi hoàn thành chương trình học việc, họ sẽ được học các kỹ thuật phù hợp về thiết kế cặp bùa lửa, khắc, và thử nghiệm cường độ cũng như thời gian hiệu lực, cũng như các chi tiết phức tạp của liên kết cộng hưởng và thể hiện bằng lời nói. Nhưng hiện tại, chỉ được trang bị những nguyên tắc cơ bản về cách thức hoạt động của cặp bùa lửa, họ chỉ cần đạt được bất kỳ hiệu ứng nào. Nó không cần phải hoàn hảo; thực sự, những lần thử đầu tiên chưa bao giờ hoàn hảo cả. Nhưng họ phải làm gì đó. Họ phải chứng minh rằng họ sở hữu thứ gì đó không thể định nghĩa, bản năng độc nhất vô nhị về*meaning*điều đó khiến người dịch thuật trở thành một người thợ bạc.

Sự giúp đỡ từ nghiên cứu sinh ở đây về mặt kỹ thuật là bị cấm, nhưng Cathy O'Nell ngọt ngào, tốt bụng đã lén lút dúi cho Robin một cuốn sách nhỏ màu vàng đã bạc về những điều cơ bản của nghiên cứu ghép cặp vào một buổi chiều khi cô bắt gặp anh đang trông ngơ ngác và sợ hãi trong thư viện.

"Nó ở ngay kệ sách tự chọn thôi mà," cô ấy nói với giọng cảm thông. "Tụi chị ai cũng dùng rồi; đọc qua là em ổn thôi."

Tờ rơi khá cũ kỹ – nó được viết vào năm 1798, và sử dụng nhiều cách viết cổ – nhưng lại chứa một số mẹo vặt ngắn gọn, dễ hiểu. Đầu tiên là tránh xa tôn giáo. Điều này thì họ đã biết từ hàng tá câu chuyện kinh dị rồi. Chính thần học đã khiến Oxford quan tâm đến các ngôn ngữ phương Đông ngay từ đầu – lý do duy nhất mà tiếng Do Thái, tiếng Ả Rập và tiếng Syriac ban đầu trở thành môn học thuật chính là để dịch các văn bản tôn giáo. Nhưng Hóa ra, Lời Thánh lại vừa khó đoán vừa khắc nghiệt trên bạc. Có một cái bàn ở cánh phía bắc của tầng tám mà không ai dám đến gần vì nó vẫn thỉnh thoảng bốc khói từ một nguồn

không rõ. Có tin đồn rằng, một nghiên cứu sinh ngốc nghếch nào đó đã cố gắng dịch tên của Chúa lên bạc tại đó.

Hữu ích hơn là bài học thứ hai trong cuốn sách nhỏ, đó là tập trung nghiên cứu của họ bằng cách tìm kiếm các từ đồng nguyên. Các từ đồng nguyên – những từ trong các ngôn ngữ khác nhau có chung một nguồn gốc và thường có nghĩa tương tự nhưvâng[*] – thường là những manh mối tốt nhất cho các cặp ghép hiệu quả, vì chúng nằm trên những nhánh gần nhau của cây từ nguyên. Nhưng khó khăn với các từ đồng nguyên là nghĩa của chúng thường quá gần nhau nên ít bị biến dạng trong quá trình dịch, và do đó, các thanh biểu đồ ít có tác dụng thể hiện. Xét cho cùng, không có sự khác biệt đáng kể nào giữa từ*chocolate*bằng tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Hơn nữa, khi tìm kiếm các từ đồng dạng, người ta phải cẩn thận với những "người bạn giả" – những từ có vẻ giống nhau nhưng lại có nguồn gốc và ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Tiếng Anh*have*không bắt nguồn từ tiếng Latinh*habere*(giữ, sở hữu), ví dụ, nhưng từ tiếng Latinh*capere*(là "tìm kiếm"). Và tiếng Ý*cognato*không có nghĩa là "cùng nguồn gốc" như người ta mong đợi, mà là "anh/em rể".

Những người bạn giả tạo đặc biệt khó nhận biết khi ý nghĩa của những gì họ nói dường như cũng có liên quan. Từ tiếng Ba Tư*farang*, từng được dùng để chỉ người châu Âu, dường như là một từ cùng gốc với từ tiếng Anh*foreign*. Nhưng*farang*thực ra bắt nguồn từ cách gọi người Frank, và dần dần được mở rộng để bao hàm người Tây Âu. Người Anh*foreign*, mặt khác, có nguồn gốc từ tiếng Latinh*fores*, nghĩa là 'cửa'. Liên kết*farang*và*foreign*, rồi, chẳng sản sinh ra gì cả.[*]

Bài học thứ ba trong tập sách nhỏ giới thiệu một kỹ thuật gọi là xâu chuỗi. Họ nhớ mang máng về màn trình diễn của Giáo sư Playfair. Nếu các từ trong cặp khớp nhị phân của chúng đã phát triển quá khác biệt về nghĩa đến mức không thể dịch một cách hợp lý, người ta có thể thử thêm ngôn ngữ thứ ba hoặc thậm chí thứ tư làm trung gian. Nếu tất cả những từ này được khắc theo

thứ tự thời gian tiến hóa, điều này có thể dẫn dắt sự biến đổi nghĩa chính xác hơn theo ý muốn của họ. Một kỹ thuật liên quan khác là xác định một từ nguyên thứ hai: một nguồn khác có thể đã can thiệp vào sự tiến hóa của nghĩa. Tiếng Pháp*fermer*(đóng, khóa) chẳng hạn rõ ràng dựa trên tiếng Latin*firmāre*(làm cho cứng lại, làm cho mạnh thêm) nhưng cũng bị ảnh hưởng bởi tiếng Latinh*ferrum*, nghĩa là 'sắt'.*Fermer*,*firmāre*và*ferrum*về mặt lý thuyết, sau đó có thể tạo ra một ổ khóa không thể phá vỡ.

Tất cả những kỹ thuật này nghe có vẻ hay trên lý thuyết. Thực tế áp dụng chúng lại khó khăn hơn nhiều. Suy cho cùng, phần khó nhất chính là tìm ra một cặp phù hợp ngay từ đầu. Để tìm cảm hứng, họ lấy ra một bản sao của Sổ Cái Hiện Hành – danh sách đầy đủ các cặp phù hợp đang được sử dụng trên toàn Đế quốc trong năm đó – và lướt qua để tìm ý tưởng.

“Nhìn này,” Letty nói, chỉ vào một dòng trên trang đầu tiên. “Tôi đã tìm ra cách họ làm cho mấy cái xe điện không người lái chạy rồi.”

"Tuyến xe điện nào?", Ramy hỏi.

“Chị chưa thấy chúng chạy quanh Luân Đôn à?” Letty nói. “Chúng tự chạy nhưng chẳng có ai lái cả.”

“Tôi luôn nghĩ có một cơ chế nào đó bên trong,” Robin nói. “Chắc hẳn là giống như một động cơ—”

“Đúng là với mấy cái to,” Letty nói. “Nhưng mấy xe chở hàng nhỏ hơn thì không lớn đến thế. Cậu không để ý thấy chúng dường như tự kéo mình à?” Cô chọt ngón tay hào hứng vào trang giấy. “Có thanh ray trong đường ray.”*Track*liên quan đến*trecken*, từ tiếng Hà Lan Trung Cổ, có nghĩa là kéo – đặc biệt là khi xét qua trung gian tiếng Pháp. Và giờ ta có hai từ cùng mang nghĩa mà ta hình dung là đường ray, nhưng chỉ một trong

số đó liên quan đến một lực kéo. Kết quả là đường ray tự kéo toa xe về phía trước. Thật là xuất sắc.’

“Ồ, tốt quá,” Ramy nói. “Chúng ta chỉ cần cách mạng hóa cơ sở hạ tầng giao thông trong lúc thi thôi là ổn cả.”

Họ đã có thể dành hàng giờ liền một mình đọc cuốn sổ cái, chứa đầy những đổi mới thú vị vô tận và xuất sắc đến kinh ngạc. Robin phát hiện ra rằng, rất nhiều trong số đó là do Giáo sư Lovell nghĩ ra. Một cặp đặc biệt khéo léo là bản dịch từ chữ Hán*gǔ*(Cổ) nghĩa là ‘già hoặc lão’, và từ ‘old’ trong tiếng Anh. Tiếng Trung*gǔ*mang hàm ý về sự bền bỉ và sức mạnh; quả thực, cùng một ký tựCổđã hiện diện trong nhân vật*gù*(Cố), có nghĩa là ‘cứng, mạnh, hoặc rắn chắc’. Việc liên kết các khái niệm về độ bền và tính cổ xưa đã giúp ngăn ngừa máy móc bị xuống cấp theo thời gian; thực tế, nó càng được sử dụng lâu thì càng trở nên đáng tin cậy.

"Eveline Brooke là ai vậy?" Ramy hỏi, lật giở những mục ghi chép gần đây nhất ở phía cuối.

“Eveline Brooke?” Robin lặp lại. “Sao cái tên này nghe quen quen vậy nhỉ?”

“Dù cô ấy là ai, cô ấy là một thiên tài.” Ramy chỉ vào một trang giấy. “Nhìn này, riêng năm 1833 cô ấy đã có hơn mười hai cặp trùng khớp. Hầu hết nghiên cứu sinh cũng chỉ được năm cặp là cùng.”

“Khoan đã,” Letty nói. “Ý cô là Evie à?”

Ramy cau mày. "Evie à?"

"Cái bàn," Letty nói. "Nhớ không? Lần Playfair gắt lên với tôi vì ngồi nhầm ghế ấy? Ông ta nói đó là ghế của Evie."

'Giả sử bà ấy rất kỹ tính,' Victoire nói. 'Và bà ấy không thích người khác động vào đồ của mình.'

“Nhưng chẳng ai động đến đồ đạc của cô ấy kể từ sáng hôm đó,” Letty nói. “Tôi để ý rồi. Đã mấy tháng nay rồi. Sách vở, bút mực vẫn y nguyên chỗ cô ấy để. Vậy nên hoặc là cô ấy cực kỳ kỹ tính đến mức đáng sợ, hoặc là cô ấy chưa từng quay lại cái bàn làm việc đó.”

Lật giở sổ cái, một giả thuyết khác trở nên rõ ràng hơn. Evie đã cực kỳ năng suất trong khoảng thời gian từ năm 1833 đến 1834, nhưng đến năm 1835, nghiên cứu của cô hoàn toàn biến mất khỏi hồ sơ. Không một sáng kiến nào trong năm năm qua. Họ chưa từng gặp một Evie Brooke nào tại bất kỳ bữa tiệc hay bữa tối nào của khoa; cô ấy không giảng bài, không tổ chức hội thảo. Dù Eveline Brooke là ai, dù từng xuất sắc đến đâu, rõ ràng cô ấy không còn ở Babel nữa.

“Khoan đã,” Victoire nói. “Giả sử cô ấy tốt nghiệp năm 1833. Vậy là cô ấy học cùng khóa với Sterling Jones. Và cả Anthony nữa.”

*And Griffin*Robin nhận ra điều đó, dù cậu không nói ra.

“Có lẽ bà ấy cũng đã mất tích ngoài biển,” Letty nói.

"Một lớp học bị nguyền rủa, vậy à," Ramy nhận xét.

Căn phòng bỗng chốc lạnh toát.

“Hay là mình quay lại ôn bài nhỉ?” Victoire đề nghị. Không ai phản đối.

Vào những giờ khuya khoắt, khi họ đã nhìn chằm chằm vào sách vở quá lâu đến nỗi không thể suy nghĩ mạch lạc được nữa, họ bèn bày ra trò chơi nghĩ ra những cặp đôi bất khả thi có thể giúp họ vượt qua kỳ thi.

Robin thắng một đêm cùng với*jīxīn*"Ở Quảng Đông, các bà mẹ thường cho con trai ăn sáng bằng tim gà trước khi chúng đi thi Đình," ông giải thích. "Bởi vì tim gà –*jīxīn*– nghe giống như*jìxing*, có nghĩa là trí nhớ.'*

“Làm thế để được cái gì?” Ramy khịt mũi. “Rắc mấy miếng gà be bét lên giấy tờ của mày à?”

“Hoặc là biến trái tim cậu thành cỡ trái tim con gà ấy,” Victoire nói. “Tưởng tượng xem,Vừa mới giây trước tim bạn còn kích cỡ bình thường, giây sau nó đã nhỏ hơn cái đê khâu, không thể bơm đủ máu để sống sót, thế là bạn gục xuống—

“Trời ơi, Victoire,” Robin nói. “Ghê rợn quá.”

“Không, chuyện này dễ ợt,” Letty nói. “Đó là một ẩn dụ về sự hy sinh – mấu chốt nằm ở sự trao đổi. Máu gà – tim gà – là thứ hỗ trợ trí nhớ của cậu. Vậy nên cậu chỉ cần giết một con gà dâng lên thần linh là sẽ qua thôi.”

Họ nhìn chằm chằm vào nhau. Trời đã rất khuya, và chẳng ai trong số họ ngủ đủ giấc. Tất cả đều đang chịu đựng một cơn điên loạn kỳ lạ của những kẻ vừa sợ hãi tột độ vừa quyết tâm cao độ, cơn điên loạn khiến môi trường học thuật bỗng trở nên nguy hiểm như chiến trường.

Nếu lúc đó Letty đề nghị họ đi ăn trộm gà, chẳng ai trong số họ ngần ngại làm theo.

Tuần lễ định mệnh đã đến. Họ đã chuẩn bị sẵn sàng nhất có thể. Họ đã được hứa hẹn một kỳ thi công bằng miễn là họ làm tốt công việc của mình, và họ đã làm tốt. Tất nhiên, họ vẫn sợ hãi, nhưng cũng thận trọng tự tin. Suy cho cùng, những kỳ thi này chính xác là những gì họ đã được đào tạo để làm trong suốt hai năm rưỡi qua; không hơn không kém.

Bài của Giáo sư Chakravarti là dễ nhất trong tất cả. Robin phải dịch, không được nhìn trước, một đoạn văn dài năm trăm ký tự bằng tiếng Hán cổ do Giáo sư Chakravarti soạn. Đó là một câu chuyện ngụ ngôn thú vị về một người đàn ông đức hạnh bị mất một con dê trong một ruộng dâu nhưng lại tìm thấy một con dê khác. Sau kỳ thi, Robin nhận ra rằng mình đã dịch sai.*yànshǐ*có nghĩa là 'lịch sử lãng mạn', được giảm nhẹ thành 'lịch sử đầy màu sắc',* điều này phần nào chưa lột tả được hết sắc thái của đoạn văn, nhưng lại hy vọng sự nhập nhằng giữa nghĩa "gợi dục" và "sặc sỡ" trong tiếng Anh sẽ đủ để lấp liếm cho qua chuyện.

Giáo sư Craft đã đưa ra một đề bài hóc búa đến mức quỷ quái về vai trò linh hoạt của...*interpretes*trong các tác phẩm của Cicero. Họ không chỉ đơn thuần là những người phiên dịch, mà còn đóng nhiều vai trò khác nhau như người môi giới, người hòa giải, và đôi khi là người hối lộ. Nhóm của Robin được hướng dẫn phải trình bày chi tiết hơn về việc sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh này. Robin đã viết nguệch ngoạc một bài luận dài tám trang về cách thuật ngữ*interpretes*cuối cùng, đối với Cicero, làtrung lập về giá trị so với Herodotus*hermeneus*, một trong số họ đã bị Themistocles giết vì sử dụng tiếng Hy Lạp để phục vụ người Ba Tư. Anh kết luận bài viết với một vài nhận xét về tính đúng đắn của ngôn ngữ và lòng trung thành. Anh thực sự không chắc mình đã làm bài thế nào khi bước ra khỏi phòng thi - tâm trí anh đã chơi trò đùa quái ác là ngừng hiểu những gì mình đã lập luận ngay khi anh chấm câu ở cuối bài, nhưng những dòng chữ mực trông có vẻ chắc chắn, và anh biết ít nhất mình nghe có vẻ ổn.

Bài luận của Giáo sư Lovell gồm hai yêu cầu. Yêu cầu đầu tiên là một thử thách dịch ba trang thơ vần bảng chữ cái vô nghĩa dành cho trẻ em ('*A*là dành cho quả mơ, thứ đã bị một con Gấu ăn') sang một ngôn ngữ tùy chọn. Robin đã dành mười lăm phút cố gắng ghép các chữ Hán được sắp xếp theo phiên âm La-tinh trước khi bỏ cuộc và chọn cách dễ hơn, đó là làm tất cả bằng tiếng Latinh. Trang thứ hai chứa một truyện ngụ ngôn Ai Cập cổ

đại được kể bằng chữ tượng hình và bản dịch tiếng Anh kèm theo với hướng dẫn xác định, với kiến thức sẵn có về ngôn ngữ nguồn là con số không, những khó khăn trong việc chuyển ngữ nó sang ngôn ngữ đích. Ở đây, khả năng nắm bắt bản chất hình ảnh của các chữ Hán đã giúp ích rất nhiều cho Robin; cậu nghĩ ra điều gì đó về sức mạnh biểu ý và hàm ý thị giác tinh tế và xoay sở viết tất cả xuống trước khi hết giờ.

Buổi vấn đáp không tệ như tưởng tượng. Giáo sư Playfair khó tính như lời đồn, nhưng vẫn là một người thích làm trò, và nỗi lo lắng của Robin tan biến khi cậu nhận ra sự hạ cố và phẫn nộ ồn ào của Playfair phần lớn chỉ là diễn kịch. "Schlegel đã viết vào năm 1803 rằng thời điểm tiếng Đức trở thành ngôn ngữ của thế giới văn minh không còn xa nữa," Giáo sư Playfair nói. "Thảo luận." May mắn thay, Robin đã đọc tác phẩm này của Schlegel bản dịch, và cậu biết Schlegel đang đề cập đến tính linh hoạt độc đáo và phức tạp của tiếng Đức, điều mà Robin tiếp tục lập luận là một sự đánh giá thấp các ngôn ngữ phương Tây khác như tiếng Anh (mà Schlegel đã buộc tội trong chính tác phẩm đó là "ngắn gọn đơn âm") và tiếng Pháp. Robin vội vàng nhớ lại khi thời gian sắp hết, quan điểm này cũng là lập luận níu kéo của một người Đức nhận thức được rằng đế chế Đức không thể chống lại sự thống trị ngày càng tăng của Pháp, và người đã tìm kiếm sự trú ẩn trong bá quyền văn hóa và trí tuệ. Câu trả lời này không đặc biệt xuất sắc cũng không phải là mới mẻ, nhưng nó đúng, và Giáo sư Playfair chỉ hỏi thêm một vài chi tiết kỹ thuật trước khi cho Robin ra về.

Bài kiểm tra chế tác bạc của họ được lên lịch vào ngày cuối cùng. Họ được hướng dẫn đến tầng tám cách nhau ba mươi phút – Letty đầu tiên vào lúc giữa trưa, sau đó là Robin, rồi Ramy, cuối cùng là Victoire lúc một giờ rưỡi.

Mười hai giờ rưỡi, Robin leo hết bảy tầng lầu của tòa tháp và đứng đợi bên ngoài căn phòng không có cửa sổ ở cuối cánh phía

nam. Miệng cậu khô khốc. Đó là một buổi chiều nắng tháng Năm, nhưng cậu không thể ngăn được cơn run ở đầu gối.

Đơn giản thôi, hắn tự nhủ. Chỉ hai từ – hắn chỉ cần viết hai từ đơn giản đó xuống, và rồi mọi chuyện sẽ kết thúc. Không có gì phải hoảng sợ cả.

Nhưng nỗi sợ, dĩ nhiên, chẳng hề hợp lý. Trí tưởng tượng của anh bay bổng với hàng ngàn lẻ một điều có thể sai sót. Anh có thể làm rơi thanh xà xuống sàn, anh có thể bị mất trí nhớ ngay khi bước qua cánh cửa, hoặc anh có thể quên một nét cọ hay viết sai chính tả tiếng Anh dù đã luyện tập cả trăm lần. Hoặc nó có thể thất bại. Nó đơn giản là có thể thất bại, và anh sẽ không bao giờ có được một vị trí trên tầng tám. Tất cả có thể kết thúc nhanh chóng như vậy.

Cánh cửa bật mở. Letty xuất hiện, mặt trắng bệch và run rẩy. Robin muốn hỏi cô ấy mọi chuyện thế nào, nhưng cô đã lướt qua anh và vội vã xuống cầu thang.

“Robin.” Giáo sư Chakravarti ló đầu ra khỏi cửa. “Vào đi.”

Robin hít một hơi thật sâu rồi bước tới.

Căn phòng đã được dọn sạch ghế, sách và kệ – bất cứ thứ gì có giá trị hoặc dễ vỡ. Chỉ còn lại một chiếc bàn ở góc phòng, trên đó trống trơn ngoại trừ một thỏi bạc nguyên chất và một cây bút khắc.

“Được rồi, Robin.” Giáo sư Chakravarti khoanh tay ra sau lưng. “Em có gì cho tôi nào?”

Răng Robin va lập cập đến nỗi cậu không nói nên lời. Cậu không ngờ mình lại sợ đến mức run rẩy thế này. Kỳ thi viết cũng khiến cậu hồi hộp và buồn nôn, nhưng khi đặt bút lên giấy, mọi thứ lại diễn ra theo thói quen. Nó chẳng khác gì kết quả của quá trình

luyện tập suốt ba năm qua. Còn đây, hoàn toàn khác. Cậu chẳng biết phải chờ đợi điều gì.

“Không sao đâu, Robin,” Giáo sư Chakravarti nói dịu dàng. “Nó sẽ hoạt động thôi. Cháu chỉ cần tập trung. Chuyện này sau này cháu sẽ làm cả trăm lần trong sự nghiệp của mình mà.”

Robin hít một hơi thật sâu rồi thở ra. “Nó là một thứ rất cơ bản. Nó – về mặt lý thuyết, về mặt ẩn dụ, ý tôi là, nó hơi lộn xộn, và tôi không nghĩ nó sẽ hiệu quả—”

"Được rồi, vậy anh/chị giải thích lý thuyết cho tôi trước đã, rồi tính tiếp."

‘*Míngbai*‘—Robin buột miệng. “Tiếng Quan Thoại. Nghĩa là — nghĩa là, “hiểu”, phải không? Nhưng mấy chữ Hán này đầy hình tượng.*Míng*– sáng, một ánh sáng, rõ ràng. Và*bai*– trắng, giống như cái màu ấy. Vậy nên nó không chỉ có nghĩa là hiểu, hay là nhận ra – nó còn có yếu tố thị giác của việc làm rõ, soi sáng.’ Ông ngừng lại hắng giọng. Ông không còn quá lo lắng nữa – cặp câu ông đã chuẩn bị nghe hay hơn khi ông nói to lên. Thực ra, nó nghe có vẻ nửa thực nửa hư. ‘Vậy – giờ đến phần tôi không chắc lắm, vì tôi không biết ánh sáng sẽ được liên kết với cái gì. Nhưng tôi nghĩ nó nên là một cách để làm rõ mọi thứ, để hé lộ mọi thứ.’

Giáo sư Chakravarti mỉm cười khích lệ. "Được rồi, tại sao chúng ta không xem nó làm gì nhỉ?"

Robin cầm thanh kim loại bằng đôi tay run rẩy và đặt đầu bút chạm vào bề mặt nhẵn bóng, trống trơn. Cần một lực mạnh đến bất ngờ để khiến bút khắc được một đường rõ ràng. Điều này, bằng cách nào đó, lại khiến anh bình tĩnh – nó bắt anh phải tập trung giữ đều lực tay thay vì nghĩ đến hàng ngàn thứ khác anh có thể làm sai.

Anh ấy viết xong.

‘*Míngbai*,’ anh ta nói, giơ thanh kim loại lên để Giáo sư Chakravarti có thể nhìn thấy.Hiểu rồi..Rồi hắn lật sấp nó lại. "Hiểu chưa."

Có gì đó rung động trong thanh bạc – một thứ gì đó sống động, mạnh mẽ và táo bạo; như một cơn gió bão, một ngọn sóng vỗ; và trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, Robin cảm nhận được nguồn gốc sức mạnh của nó, một nơi tuyệt vời, không thể gọi tên, nơi ý nghĩa được tạo ra, nơi mà ngôn từ chỉ có thể phỏng chừng nhưng không thể nào, không bao giờ có thể xác định chính xác; nơi mà chỉ có thể được gợi lên, một cách không hoàn hảo, nhưng dù vậy vẫn khiến sự hiện diện của nó được cảm nhận. Một khối cầu ánh sáng rực rỡ, ấm áp tỏa ra từ thanh bạc và lan rộng cho đến khi bao trùm cả hai người. Robin đã không xác định cụ thể loại hiểu biết mà ánh sáng này biểu thị; anh chưa tính toán xa đến thế; nhưng trong khoảnh khắc đó, anh hoàn toàn hiểu rõ, và, từ vẻ mặt của Giáo sư Chakravarti, người hướng dẫn của anh cũng vậy.

Anh ta thả thanh kim loại xuống. Nó ngừng phát sáng. Nó nằm im lìm trên bàn giữa hai người, chỉ là một cục kim loại hết sức bình thường.

“Tốt lắm,” Giáo sư Chakravarti chỉ nói vậy. “Anh đi gọi ông Mirza được chứ?”

Letty đang đợi anh bên ngoài tòa tháp. Cô đã bình tĩnh lại hơn nhiều; sắc hồng đã trở lại trên má, và đôi mắt không còn mở to kinh hãi nữa. Chắc hẳn cô vừa chạy vội đến tiệm bánh mì ở cuối phố, vì trên tay cô đang cầm một chiếc túi giấy nhàu nát.

"Bánh quy chanh không?" cô hỏi khi anh đến gần.

Anh ta nhận ra mình đang chết đói. "Vâng, làm ơn, cảm ơn."

Cô đưa túi cho anh. "Mọi chuyện thế nào rồi?"

"Được rồi. Tuy không chính xác như tôi mong muốn, nhưng cũng được xem là có chút kết quả." Robin ngập ngừng, chiếc bánh quy đang đưa lên miệng dở dang, không muốn ăn mừng cũng chẳng muốn nói thêm phòng trường hợp cô ấy thất bại.

Nhưng cô rạng rỡ nhìn anh. “Em cũng vậy. Em chỉ muốn một điều gì đó xảy ra, và rồi nó đã xảy ra, và ôi, Robin, nó thật tuyệt vời—”

"Như viết lại cả thế giới vậy," anh ta nói.

“Như vẽ bằng tay của Chúa,” cô ấy nói. “Một cảm giác chưa từng có.”

Họ cười toe toét nhìn nhau. Robin nhấm nháp vị bánh quy tan chảy trong miệng – giờ thì cậu hiểu tại sao đây lại là loại bánh Letty yêu thích; chúng ngậy bơ đến mức tan ngay tức khắc, vị ngọt chanh lan tỏa khắp đầu lưỡi như mật ong. Họ đã làm được. Mọi thứ đều ổn; thế giới có thể tiếp tục quay; chẳng còn gì quan trọng nữa, bởi vì họ đã làm được.

Chuông điểm một giờ, và cánh cửa lại mở ra. Ramy sải bước, cười toe toét.

"Cũng hiệu nghiệm với cậu nữa hả?" Anh ta tự lấy một cái bánh quy.

“Sao anh biết?” Robin hỏi.

“Vì Letty đang ăn,” anh ta nói, miệng nhai chóp chép. “Nếu một trong hai đứa mày trượt, nó sẽ bóp vụn mấy cái bánh quy này mất.”

Victoire mất nhiều thời gian nhất. Gần một tiếng sau cô mới bước ra khỏi tòa nhà, mặt mày cau có và bối rối. Ramy ngay lập tức có mặt bên cạnh, một tay vòng qua vai cô. "Chuyện gì vậy? Em ổn chứ?"

“Tôi đã đưa cho họ một cặp câu đối chiếu song ngữ Kreyòl-Pháp,” Victoire nói. “Và nó hiệu quả, hiệu quả một cách thần kỳ, chỉ là Giáo sư Leblanc nói rằng họ không thể đưa nó vào Sổ Cái Hiện Hành vì ông ấy không hiểu làm sao một cặp câu đối chiếu Kreyòl lại có ích cho bất kỳ ai không nói tiếng Kreyòl. Và rồi tôi nói nó sẽ rất hữu ích cho người dân Haiti, và rồi ông ấy cười.”

“Ôi trời.” Letty xoa xoa vai. “Họ có cho cô thử cái khác không?”

Cô ấy đã hỏi sai rồi. Robin thoáng thấy tia bực bội trong mắt Victoire, nhưng nó biến mất ngay tức khắc. Cô thở dài rồi gật đầu. "Ừ, cái bùa Pháp-Anh không hiệu quả lắm, mà lúc đó tôi cũng hơi run nên chữ viết chắc là nguệch ngoạc, nhưng nó cũng có tác dụng chút ít."

Letty thở dài cảm thông. "Chắc chắn cậu sẽ đậu thôi."

Victoire với tay lấy một cái bánh quy. "Ồ, mình đậu rồi."

Làm sao anh/chị biết?

Victoire nhìn cô với vẻ mặt khó hiểu. “Tôi đã hỏi rồi. Giáo sư Leblanc nói tôi đã đậu. Thầy nói tất cả chúng ta đều đậu. Sao, không ai trong các cậu biết à?”

Họ nhìn chằm chằm cô ấy trong giây lát với vẻ ngạc nhiên, rồi bất ngờ cười phá lên.

Giá mà người ta có thể khắc ghi toàn bộ ký ức lên bạc, Robin nghĩ, để rồi chúng hiện ra hết lần này đến lần khác trong nhiều năm tới – không phải là sự bóp méo tàn nhẫn của ảnh chụp, mà là một sự chắt lọc tinh khiết và bất khả thi của cảm xúc và giác quan. Bởi vì chỉ đơn giản là mực trên giấy thì không đủ để diễn tả buổi chiều vàng son này; hơi ấm của tình bạn giản dị, mọi cuộc cãi vã đều bị lãng quên, mọi lỗi lầm đều được tha thứ; ánh nắng mặt trời làm tan chảy ký ức về cái lạnh lẽo của lớp học; vị

chua ngọt của chanh trên đầu lưỡi cùng với sự nhẹ nhõm, vui sướng đến ngỡ ngàng của họ.

Chapter Fourteen

All we to-night are dreaming, —

To smile and sigh, to love and change:

Oh, in our heart's recesses,

We dress in fancies quite as strange

TâyINTHROPMÁc-quớtPĐỌC, 'Dạ Vũ Hoa Đăng'

MộtVà rồi họ được tự do. Không lâu đâu – họ được nghỉ hè, rồi sau đó sẽ lặp lại tất cả những khổ sở vừa trải qua, với gấp đôi sự đau đớn, trong kỳ thi năm tư. Nhưng tháng Chín còn xa vời vợi. Mới chỉ là tháng Năm, và cả mùa hè đang trải dài trước mắt. Lúc này, họ cảm thấy như thể có tất cả thời gian trên thế giới để chẳng làm gì ngoài việc hạnh phúc, nếu họ có thể nhớ được cách.

Cứ ba năm một lần, trường University College lại tổ chức một buổi dạ vũ kỷ niệm. Những buổi dạ vũ này là đỉnh cao của đời sống xã hội ở Oxford; chúng là cơ hội để các trường phô trương khuôn viên xinh đẹp và hầm rượu vang đồ sộ của mình, để các trường giàu có hơn khoe khoang nguồn tài trợ của họ, và để các trường nghèo hơn cố gắng vươn lên trên nấc thang danh vọng. Các buổi dạ vũ cho phép các trường vung tiền phung phí, số tiền mà vì lý do nào đó, họ đã không phân bổ cho sinh viên khó khăn, vào một dịp trọng đại dành cho các cựu sinh viên giàu có của họ, với lý do tài chính là của cải thu hút của cải, và không có cách nào tốt hơn để xin quyên góp cho việc cải tạo hội trường hơn là cho các cựu sinh viên tận hưởng một khoảng thời gian vui vẻ. Và quả thực đó là một khoảng thời gian rất vui vẻ. Các trường cạnh tranh với nhau hàng năm để phá vỡ kỷ lục về sự xa hoa và phô trương. Rượu vang chảy suốt đêm, âm nhạc không

bao giờ ngừng, và những người khiêu vũ đến tận sáng sớm có thể mong đợi bữa sáng được mang đến trên khay bạc khi mặt trời mọc.

Letty khăng khăng tất cả phải mua vé. “Chính xác là thứ chúng ta cần. Chúng ta xứng đáng được tận hưởng chút gì đó sau cơn ác mộng vừa rồi. Con sẽ đi London với mẹ, Victoire, chúng ta sẽ đi may váy—”

“Không đời nào,” Victoire nói.

"Sao lại không chứ? Chúng ta có tiền mà. Với em sẽ trông thật rực rỡ trong bộ ngọc lục bảo, hoặc có lẽ là một bộ lụa trắng—"

“Mấy lão thợ may đó sẽ không đời nào may đồ cho tôi,” Victoire nói. “Và cách duy nhất để họ cho tôi vào tiệm là nếu tôi giả làm người hầu gái của cô.”

Letty hơi choáng váng, nhưng chỉ trong giây lát. Robin thấy cô vội vàng sắp xếp lại nét mặt thành một nụ cười gượng gạo. Anh biết Letty cảm thấy nhẹ nhõm khi được Victoire yêu quý trở lại, và cô sẽ làm bất cứ điều gì để giữ được vị trí đó. "Không sao đâu, cậu có thể dùng tạm một cái của tớ. Cậu cao hơn tớ một chút, nhưng tớ có thể nới gấu váy ra. Và tớ có rất nhiều đồ trang sức để cho cậu mượn – tớ có thể viết thư về Brighton xem họ có gửi cho tớ vài món đồ cũ của mẹ tớ không. Bà ấy có rất nhiều trâm cài xinh xắn – tớ muốn thử xem mình có thể làm gì với tóc cậu —"

“Chú không hiểu đâu,” Victoire nói, nhỏ nhẹ nhưng kiên quyết. “Cháu thực sự không muốn—”

Thôi nào em yêu, không có em thì chán lắm. Anh mua vé cho em mà.

“Ôi,” Victoire nói, “làm ơn, cháu không muốn mắc nợ bác—”

"Mua của bọn tôi đi," Ramy nói.

Letty đảo mắt nhìn anh ta. 'Tự mua đi.'

Không biết nữa, Letty. Ba bảng à? Khá mắc đấy.

"Làm một ca bạc đi," Letty nói. "Chúng chỉ kéo dài một tiếng thôi."

"Birdie không thích chỗ đông người," Ramy nói.

“Không đâu,” Robin nói một cách gan dạ. “Chỉ là hơi khó thở thôi.”

“Vớ vẩn,” Letty chế nhạo. “Dạ hội tuyệt vời lắm. Cậu chưa thấy gì giống như vậy đâu. Lincoln dẫn tớ đi với tư cách bạn gái của cậu ấy tới một buổi dạ hội ở Balliol – ôi, cả nơi đó được biến đổi hoàn toàn. Tớ đã xem những tiết mục mà ngay cả ở Luân Đôn cậu cũng không thể xem được. Và chúng chỉ diễn ra ba năm một lần; lần tới chúng ta sẽ không còn là sinh viên nữa. Tớ sẽ làm bất cứ điều gì để có thể cảm nhận lại điều đó.”

Họ nhìn nhau bất lực. Người anh trai đã khuất khép lại cuộc trò chuyện. Letty biết điều đó, và không ngại nhắc đến anh.

Vậy là Robin và Ramy đăng ký làm việc tại buổi dạ hội. Trường Đại học đã nghĩ ra một chương trình lao động thay vé vào cửa dành cho những sinh viên quá nghèo không đủ tiền mua vé, và sinh viên Babel đặc biệt may mắn ở khoản này, bởi vì thay vì phục vụ đồ uống hoặc nhận áo khoác, họ có thể làm...gọi là "ca bạc". Việc này chẳng tốn mấy công sức ngoài việc định kỳ kiểm tra mấy thanh bạc được giao nhiệm vụ tăng cường trang trí, ánh sáng và âm nhạc xem có bị gỡ bỏ hay tuột khỏi vị trí lắp đặt tạm thời hay không, nhưng các trường đại học dường như không biết điều này, và Babel cũng chẳng có lý do gì để báo cho họ biết cả.

Ngày diễn ra buổi dạ vũ, Robin và Ramy nhét áo khoác đuôi tôm và áo gi lê vào túi vải bố rồi đi ngang qua hàng người rồng rắn xếp hàng mua vé vòng quanh góc phố, tiến đến lối vào nhà bếp phía sau trường đại học.

Trường Đại học đã vượt qua chính mình. Nó làm người ta hoa mắt; có quá nhiều thứ để tiếp nhận cùng một lúc - hàu trên những kim tự tháp băng khổng lồ; những chiếc bàn dài bày đủ loại bánh ngọt, bánh quy và bánh nhân trái cây; những ly sâm panh được chuyền tay trên những chiếc đĩa cân bằng một cách chênh vênh; và những ánh đèn cổ tích lơ lửng nhấp nháy đủ màu sắc. Sân khấu được dựng lên chỉ sau một đêm ở mọi góc sân của trường, trên đó đủ loại nghệ sĩ đàn hạc, đàn dây và đàn piano đang biểu diễn. Có tin đồn rằng một ca sĩ opera đã được mời từ Ý đến biểu diễn trong hội trường; thỉnh thoảng, Robin nghĩ rằng anh có thể nghe thấy những nốt cao của cô ấy xuyên qua tiếng ồn ào. Những người biểu diễn nhào lộn trên bãi cỏ, uốn lượn lên xuống trên những dải lụa dài và xoay những chiếc vòng bạc quanh cổ tay và mắt cá chân. Họ mặc trang phục nước ngoài khá mơ hồ. Robin chăm chú nhìn vào khuôn mặt của họ, tự hỏi họ đến từ đâu. Điều kỳ lạ nhất là: mắt và môi của họ được trang điểm theo kiểu phương Đông một cách cường điệu, nhưng bên dưới lớp trang điểm, họ trông như thể họ có thể được bắt gặp trên đường phố Luân Đôn.

“Thế là hết chuyện nguyên tắc Anh giáo,” Ramy nói. “Đây đúng là một cuộc chè chén say sưa.”

“Cô nghĩ họ sẽ hết hàu sao?” Robin hỏi. Cậu chưa bao giờ thử chúng trước đây; hình như chúng làm dạ dày Giáo sư Lovell khó chịu, nên bà Piper không bao giờ mua. Phần thịt nhầy nhụa và lớp vỏ sáng bóng trông vừa kinh tởm vừa rất hấp dẫn. “Con chỉ muốn biết mùi vị của chúng như thế nào.”

“Để tớ lấy cho cậu một cái,” Ramy nói. “Mà mấy cái đèn đó sắp rơi đấy, cậu nên – à, được rồi.”

Ramy biến mất vào đám đông. Robin ngồi trên đỉnh cái thang và giả vờ làm việc. Thật ra, anh thấy biết ơn vì có công việc này. Mặc bộ đồ đen của người hầu trong khi đám bạn học nhảy nhót xung quanh quả thật là nhục nhã, nhưng ít ra đó cũng là một cách nhẹ nhàng hơn để hòa mình vào cơn cuồng nhiệt của đêm. Anh thích được ẩn mình an toàn trong góc với một việc gì đó để làm.bằng tay mình; cách này quả cầu không quá sức chịu đựng. Và anh thực sự thích thú khám phá những cặp diêm bạc tài tình mà Babel đã chuẩn bị cho quả cầu. Một cặp, chắc chắn do Giáo sư Lovell nghĩ ra, ghép thành ngữ bốn chữ Trung QuốcTrăm hoa đua nởvới bản dịch tiếng Anh là 'trăm cây ngàn hoa'. Hàm ý của câu gốc tiếng Trung, vốn gợi lên hình ảnh phong phú, rực rỡ và muôn màu muôn sắc, đã khiến những bông hồng đỏ hơn, những bông violet nở rộ to hơn và sống động hơn.

"Không có hàu," Ramy nói. "Nhưng tôi có mang cho cậu mấy cái kẹo nấm cục này, tôi cũng không biết chính xác nó là cái gì nhưng thấy mọi người cứ tranh nhau lấy hết." Anh ta đưa một viên kẹo sô cô la nấm cục lên thang và bỏ viên còn lại vào miệng. "Ôi – ẹ. Thôi đừng ăn."

"Mình tự hỏi đây là cái gì nhỉ?" Robin đưa cục nấm cục lên ngang mắt. "Phần nhão nhạt này là phô mai à?"

"Tôi rùng mình khi nghĩ đến những khả năng khác," Ramy nói.

"Anh biết không," Robin nói, "có một chữ Hán,*xiǎn*,* có thể mang nghĩa là "hiếm, tươi, ngon". Nhưng nó cũng có thể có nghĩa là "nghèo nàn và ít ỏi".

Ramy nhổ cục nấm truffle vào khăn ăn. "Ý anh là gì?"

Đôi khi đồ hiếm và đắt tiền lại tệ hơn.

"Đừng nói với người Anh điều đó, nó sẽ phá hủy toàn bộ cảm quan vị giác của họ." Ramy liếc nhìn đám đông. "Ồ, xem ai vừa đến kìa."

Letty chen lấn qua đám đông về phía họ, kéo Victoire theo sau.

“Trời – đất.” Robin vội vàng trèo xuống thang. “Cậu thật không thể tin được.”

Anh ta nói thật. Victoire và Letty trông khác hẳn. Anh đã quá quen nhìn họ trong áo sơ mi và quần dài đến nỗi đôi khi quên mất họ là phụ nữ. Tối nay, anh nhớ lại, họ là những sinh vật đến từ một chiều không gian khác. Letty mặc một chiếc váy màu xanh nhạt, bồng bềnh, hợp với màu mắt của cô. Tay áo của cô khá rộng - trông như thể cô có thể giấu cả một đùi cừu ở đó - nhưng dường như đó là mốt của năm nay, vì những chiếc tay áo sặc sỡ, phồng to tràn ngập khuôn viên trường đại học. Robin nhận ra Letty thực sự khá xinh đẹp; anh chưa bao giờ để ý đến điều đó trước đây - dưới ánh đèn thần tiên dịu nhẹ, hàng lông mày cong vút và đường quai hàm sắc nét của cô không còn trông lạnh lùng và khắc khổ, mà trở nên sang trọng và quý phái.

"Làm sao tóc cậu ra nông nỗi này?" Ramy gặng hỏi.

Những lọn tóc xoăn tít màu nhạt, bồng bềnh như thách thức trọng lực, обрамляли khuôn mặt Letty. "À, giấy uốn tóc đấy."

“Ý cậu là phù thủy à,” Ramy nói. “Cái đó không tự nhiên.”

Letty khịt mũi. "Anh cần gặp gỡ thêm nhiều phụ nữ đấy."

"Ở đâu cơ, mấy giảng đường Oxford à?"

Cô ấy cười.

Thế nhưng, Victoire mới chính là người lột xác hoàn toàn. Cô rạng rỡ nổi bật trên nền vải màu lục bảo đậm của chiếc váy dạ hội. Tay áo cũng phồng lên, nhưng trên người cô, chúng trông thật đáng yêu, giống như một vòng mây bảo vệ. Tóc cô được búi lên cao thanh lịch, cài bằng hai chiếc trâm san hô, và một chuỗi hạt san hô tương tự tỏa sáng như những chòm sao quanh cổ cô.

Cô ấy thật xinh đẹp. Cô ấy cũng biết điều đó; khi bắt gặp ánh nhìn của Robin, một nụ cười nở rộ trên khuôn mặt cô.

“Tôi làm tốt lắm phải không?” Letty nhìn Victoire với vẻ tự hào. “Mà nghĩ cũng lạ, lúc đầu cô bé chẳng muốn đi.”

"Cô ấy trông như ánh sao," Robin nói.

Victoire đỏ mặt.

“Chào mọi người.” Colin Thornhill sải bước về phía họ. Anh ta trông có vẻ say lắm; ánh mắt anh ta lờ đờ, mất tập trung. “Tôi thấy đến cả đám lắm mồm cũng đã hạ cố đến đây.”

“Chào Colin,” Robin nói giọng dè dặt.

“Tiệc tùng linh đình đấy chứ, phải không? Cô ca sĩ opera hơi lệch tông một chút, nhưng có lẽ chỉ là do âm thanh trong nhà nguyện - nơi này thật sự không phải là một địa điểm biểu diễn thích hợp, cần một không gian lớn hơn để âm thanh không bị loãng.” Không nhìn Victoire, Colin đưa ly rượu của mình ra trước mặt cô. “Cầm lấy cái này đi và lấy cho tôi ly rượu vang Burgundy, được chứ?”

Victoire chớp mắt nhìn anh, kinh ngạc. "Tự đi lấy đi."

"Gì thế, cậu không điều khiển cái này à?"

“Cô ấy là sinh viên,” Ramy gắt gỏng. “Anh đã gặp cô ấy rồi.”

“Có thật không?” Colin say thật rồi; anh cứ lảo đảo trên đôi chân, và đôi má nhợt nhạt giờ đã chuyển sang màu đỏ sẫm. Cái ly treo lơ lửng trên đầu ngón tay anh đến nỗi Robin sợ nó sẽ vỡ tan. “Ờ. Trông chúng đều giống nhau cả.”

"Bồi bàn mặc đồ đen và họ bưng khay," Victoire kiên nhẫn nói. Robin ngạc nhiên trước sự kiềm chế của cô; anh đã muốn hất

cốc rượu khỏi tay Colin. "Mặc dù tôi nghĩ anh nên thử uống chút nước."

Colin nheo mắt nhìn Victoire, như thể đang cố gắng nhìn cô rõ hơn. Robin căng thẳng, nhưng Colin chỉ cười, lẩm bẩm điều gì đó.thì thầm điều gì đó nghe như "Cô ta trông giống một Tregear,"* rồi bỏ đi.

"Khốn kiếp", Ramy lẩm bẩm.

“Trông mình có giống nhân viên phục vụ không?” Victoire lo lắng hỏi. “Mà Tregear là cái gì vậy?”

“Không sao,” Robin nói nhanh. “Cứ… mặc kệ Colin đi, hắn ta ngốc lắm.”

Và trông anh...*ethereal*“Cứ yên tâm,” Letty trấn an cô ấy. “Tất cả chúng ta chỉ cần thư giãn thôi, mọi người – ở đây này.” Cô ấy đưa tay về phía Ramy. “Ca của cậu xong rồi phải không? Nhảy với tớ nào.”

Anh ta cười. "Tuyệt đối không."

“Thôi nào.” Cô nắm lấy tay anh và kéo anh về phía đám đông đang khiêu vũ. “Điệu waltz này không khó đâu, em sẽ dạy anh các bước—”

“Thôi mà, thật đấy, dừng lại đi.” Ramy rút tay ra khỏi tay cô ấy.

Letty khoanh tay. "Chà, ngồi ì ở đây chán chết."

Chúng ta ngồi đây vì chúng ta chỉ vừa đủ được chấp nhận, và chỉ cần chúng ta không di chuyển quá nhanh hay nói quá to, chúng ta có thể hòa vào đám đông hoặc ít nhất là giả vờ như nhân viên phục vụ. Mọi chuyện là như vậy đó, Letty. Một người da nâu tại vũ hội Oxford là một điều thú vị miễn là anh ta giữ

mình và cố gắng không xúc phạm ai, nhưng nếu anh khiêu vũ với em, thì sẽ có người đánh anh, hoặc tệ hơn.

Cô ấy thở phì phì. "Làm quá lên đấy."

Anh chỉ đang cẩn thận thôi, em yêu.

Một trong hai anh em nhà Sharp lướt qua ngay lúc đó và đưa tay ra cho Letty. Cử chỉ có vẻ hơi thô lỗ và chiếu lệ, nhưng Letty vẫn bắt tay mà không nói gì rồi bỏ đi, liếc xéo Ramy qua vai khi cô nàng lững thững bước ra xa.

"Tốt cho cô ta," Ramy lẩm bẩm. "Coi như bớt được một mối phiền toái."

Robin quay sang Victoire. "Cháu ổn chứ?"

“Tôi không biết.” Cô ấy trông rất lo lắng. “Tôi cảm thấy – tôi không biết nữa, như bị phơi bày. Bị đem ra trưng bày. Tôi đã nói với Letty là họ sẽ nghĩ tôi là nhân viên—”

“Kệ Colin đi,” Robin nói. “Nó là đồ ngu.”

Cô ấy trông có vẻ không tin. "Nhưng chẳng phải tất cả bọn họ đều giống Colin sao?"

“Chào cậu.” Một cậu bé tóc đỏ mặc áo gile tím sà tới.Chính là Vincy Woolcombe – đứa đỡ tệ nhất trong đám bạn của Pendennis, Robin nhớ lại. Robin mở miệng định chào, nhưng Woolcombe hoàn toàn lướt mắt qua cậu; hắn chỉ chăm chăm nhìn Victoire. "Cô học cùng trường với bọn tôi, phải không?"

Victoire nhìn quanh một lát rồi mới nhận ra Woolcombe đang nói chuyện với mình. "Vâng, tôi—"

“Cô là Victoire?” anh ta hỏi. “Victoire Desgraves?”

“Vâng,” cô nói, đứng thẳng người hơn một chút. “Làm sao anh biết tên tôi?”

“À, năm nay chỉ có hai người thôi,” Woolcombe nói. “Phiên dịch viên nữ. Các cô chắc phải xuất sắc lắm mới vào được Babel. Tất nhiên là chúng tôi biết tên các cô rồi.”

Miệng Victoire hơi hé mở, nhưng cô không nói gì; dường như cô không thể xác định được liệu Woolcombe sắp chế giễu mình hay không.

‘*J’ai entendu dire que tu venais de Paris.* Woolcombe khẽ cúi đầu chào.*Les parisiennes sont les plus belles*.

Victoire mỉm cười, ngạc nhiên.*Ton français est assez bon*.

Robin quan sát cuộc trao đổi, cảm thấy ấn tượng. Có lẽ Woolcombe cũng không đến nỗi tệ – có lẽ anh ta chỉ tỏ ra ngớ ngẩn khi ở cạnh Pendennis. Anh cũng thoáng tự hỏi liệu Woolcombe có đang đùa cợt Victoire hay không, nhưng chẳng thấy bóng dáng đám bạn nham hiểm nào; không ai liếc nhìn qua vai rồi giả vờ không cười cả.

“Mùa hè ở Marseille,” Woolcombe nói. “Mẹ tôi gốc Pháp; bà nhất quyết bắt tôi học. Cậu thấy tôi nói được không?”

“Cháu hơi kéo dài mấy nguyên âm một tí,” Victoire nói nghiêm túc, “nhưng còn lại thì cũng được.”

Woolcombe, đáng khen, dường như không hề phật ý vì bị sửa lời. "Tôi mừng là được nghe vậy. Cô có muốn nhảy không?"

Victoire đưa tay lên, ngập ngừng, rồi liếc nhìn Robin và Ramy như thể hỏi ý kiến họ.

"Đi đi," Ramy nói. "Vui vẻ nhé."

Cô nắm lấy tay Woolcombe, và anh xoay cô đi.

Chỉ còn Robin và Ramy. Ca trực của họ đã kết thúc; chuông điểm mười một giờ đã vang lên vài phút trước. Cả hai khoác lên mình chiếc áo khoác ngoài – cùng một kiểu áo đen tuyền mà họ đã mua vội vàng ở Ede & Ravenscroft vào phút chót – nhưng vẫn nán lại trong vùng an toàn gần…tường phía sau. Robin đã cố gắng một cách miễn cưỡng để tham gia vào cuộc vui, nhưng nhanh chóng rút lui trong kinh hãi – tất cả những người mà cậu mơ hồ quen biết đều đứng túm tụm trò chuyện và hoặc là hoàn toàn phớt lờ cậu khi cậu đến gần, khiến cậu cảm thấy mình vụng về và lúng túng, hoặc hỏi cậu về việc làm ở Babel, vì hình như đó là tất cả những gì họ biết về cậu. Nhưng mỗi khi điều này xảy ra, cậu lại bị tấn công bởi hàng tá câu hỏi từ mọi phía, tất cả đều liên quan đến Trung Quốc, phương Đông và nghề bạc. Khi thoát được trở lại chỗ yên tĩnh mát mẻ bên bức tường, cậu sợ hãi và kiệt sức đến nỗi không thể chịu đựng được việc lặp lại điều đó một lần nữa.

Ramy, luôn trung thành, vẫn ở bên cạnh anh. Họ im lặng theo dõi diễn biến một lúc. Robin chộp lấy một ly rượu vang đỏ từ tay người phục vụ đi ngang qua và nốc cạn nhanh hơn mức cần thiết, chỉ để làm dịu nỗi sợ hãi trước tiếng ồn và đám đông.

Cuối cùng, Ramy hỏi, "Thế, cậu có định mời ai nhảy không?"

“Tớ chịu,” Robin nói. Cậu nhìn ra đám đông, nhưng tất cả những cô gái với tay áo phồng sặc sỡ trông đều giống nhau cả.

Nhảy? Hay hỏi?

“Cả hai. Nhưng chắc chắn là về sau hơn. Hình như cô cần phải quen biết họ ngoài xã hội trước thì mới được thể.”

“Ồ, cậu đủ đẹp trai rồi,” Ramy nói. “Với lại cậu còn là một Babbler nữa. Tôi chắc chắn sẽ có người đồng ý thôi.”

Đầu óc Robin quay cuồng vì rượu vang đỏ, nếu không thì chắc anh ta chẳng nói được câu tiếp theo. "Sao anh không nhảy với Letty?"

Tôi không muốn gây sự.

Không, thật mà.

"Làm ơn đi, Birdie." Ramy thở dài. "Cậu biết mà."

“Cô ấy muốn cậu,” Robin nói. Anh chỉ vừa mới nhận ra điều này, và giờ khi nói ra thành lời, nó lại hiển nhiên đến mức anh thấy mình thật ngu ngốc vì đã không nhận ra sớm hơn. “Rất muốn. Vậy tại sao—”

"Anh/Chị không biết tại sao à?"

Ánh mắt họ chạm nhau. Robin cảm thấy rợn tóc gáy. Không gian giữa họ như bị nén lại, căng thẳng như khoảnh khắc giữa chớp và sấm, và Robin không biết chuyện gì đang xảy ra hay điều gì sẽ xảy ra tiếp theo, chỉ biết rằng tất cả đều rất kỳ lạ và đáng sợ, giống như đang đứng chênh vênh trên bờ vực gió rít gào thét.

Ramy đột ngột đứng dậy. "Có chuyện chẳng lành bên kia kìa."

Bên kia sân, Letty và Victoire đứng dựa lưng vào tường,Bị bao vây tứ phía bởi một đám con trai đang nhìn hau háu. Pendennis và Woolcombe cũng ở trong đám đó. Victoire khoanh tay trước ngực, Letty đang nói gì đó rất nhanh mà họ không thể nghe rõ.

"Xem thử nào," Ramy nói.

“Được rồi.” Robin bám theo anh ta len qua đám đông.

“Không có gì buồn cười hết,” Letty gầm gừ. Mặt cô đỏ bừng vì giận dữ. Cô giơ cả hai nắm đấm lên như một võ sĩ quyền Anh;

chúng run lên khi cô nói. “Chúng tôi không phải là vũ nữ, anh không thể cứ…”

“Nhưng mà chúng tôi tò mò quá,” Pendennis nói, giọng lè nhè say xỉn. “Chúng có thật sự khác màu không? Chúng tôi muốn xem – mấy cô mặc áo khoét sâu quá, cứ như là đang trêu ngươi trí tưởng tượng của người ta—”

Anh ta đưa tay về phía vai cô. Letty rụt tay lại và tát thẳng vào mặt anh ta. Pendennis lùi lại. Khuôn mặt anh ta biến dạng, dữ tợn vì giận dữ. Anh ta bước một bước về phía Letty, và trong giây lát, dường như anh ta thực sự có thể đánh trả. Letty co rúm người lại.

Robin lao tới đứng giữa họ. "Đi đi," cậu nói với Victoire và Letty. Hai đứa phóng về phía Ramy, người nắm lấy tay chúng và kéo chúng về phía cổng sau.

Pendennis quay sang Robin.

Robin chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Pendennis cao hơn, nặng hơn một chút, và có lẽ cũng khỏe hơn, nhưng hắn đang lảo đảo, ánh mắt vô hồn. Nếu đánh nhau thật, thì đó sẽ là một trận ẩu đả vụng về, chẳng ra làm sao. Chắc chẳng ai bị thương nặng đâu. Thậm chí cậu có thể quật ngã Pendennis xuống đất rồi chuồn mất trước khi hắn kịp hoàn hồn. Nhưng trường có quy định rất nghiêm về đánh nhau, lại có khá nhiều người chứng kiến, và Robin chẳng muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu lời khai của cậu đối chọi với lời khai của Pendennis trước hội đồng kỷ luật.

“Chúng ta có thể đánh nhau,” Robin thở hắt ra. “Nếu đó là điều anh muốn. Nhưng anh đang cầm một ly Madeira, và anh có thực sự muốn cả đêm với vết rượu vang đỏ loang lổ trên áo không?”

Mắt Pendennis nhìn xuống ly rượu, rồi lại nhìn lên Robin.

“Tàu khựa,” hắn nói bằng một giọng thật ghê tởm. “Mày chỉ là một thằng Tàu khựa xỏ lá thôi, mày biết điều đó chứ, Swift?”

Robin nắm chặt tay. 'Và mày định để một thằng Chệt phá hỏng buổi khiêu vũ của mày à?'

Pendennis cười khẩy, nhưng rõ ràng là nguy hiểm đã qua. Miễn là Robin nuốt trôi lòng tự ái, miễn là cậu tự nhủ rằng đó chỉ là những lời lẽ mà Pendennis đã buông ra, những lời chẳng có nghĩa lý gì cả, cậu có thểCứ xoay người đi theo Ramy, Victoire và Letty ra khỏi trường đại học bình an vô sự.

Bên ngoài, làn gió đêm mát rượi thật dễ chịu trên những khuôn mặt đỏ bừng, nóng hổi của họ.

“Chuyện gì vậy?” Robin hỏi. “Họ nói gì thế?”

“Không sao đâu,” Victoire nói. Cô run lên bần bật; Robin cởi áo khoác của mình và choàng lên vai cô.

“Không phải là không có gì hết,” Letty gắt gỏng. “Tên khốn Thornhill bắt đầu nói về màu sắc khác nhau của… của… ông biết đấy, vì lý do sinh học, rồi Pendennis quyết định chúng ta nên cho họ xem—”

“Không sao đâu,” Victoire nói. “Chúng ta cứ đi bộ đi.”

“Tao sẽ giết hắn,” Robin thề. “Tao sẽ quay lại. Tao sẽ giết hắn—”

“Xin đừng.” Victoire nắm lấy cánh tay anh. “Làm ơn đừng làm mọi chuyện tồi tệ hơn nữa.”

"Cái này là lỗi của cậu," Ramy nói với Letty.

‘*Mine?*Sao—’

Không ai trong chúng tôi muốn đến cả. Victoire đã nói với anh rồi, chuyện này sẽ kết thúc tồi tệ, vậy mà anh vẫn ép chúng tôi

đến đây—

“Ép buộc?” Letty cười khẩy. “Trông anh có vẻ đang tận hưởng khoảng thời gian tuyệt vời đấy chứ, với sô cô la và nấm cục của anh…”

Phải, cho đến khi Pendennis cùng đồng bọn định hãm hiếp Victoire của chúng ta—

‘Họ cũng đã chỉ trích tôi đấy, cậu biết không.’ Đây là một lập luận kỳ quặc, và Robin không chắc tại sao Letty lại nói ra điều đó, nhưng cô ấy nói với một sự gay gắt. Giọng cô ấy cao lên vài quãng. ‘Đó không chỉ là vì cô ta—’

“Dừng lại!” Victoire hét lên. Nước mắt giàn giụa trên mặt cô. “Dừng lại đi, không phải lỗi của ai cả, chỉ là… đáng lẽ ra tôi nên biết điều hơn. Chúng ta không nên đến đây.”

“Xin lỗi,” Letty nói bằng giọng rất nhỏ. “Victoire yêu dấu, mình không…”

“Không sao.” Victoire lắc đầu. “Chẳng có lý do gì mà anh lại… thôi bỏ đi.” Cô hít một hơi run rẩy. “Chúng ta đi khỏi đây thôi được không, làm ơn? Em muốn về nhà.”

“Về nhà á?” Ramy dừng bước. “Về nhà là sao? Tối nay là tối ăn mừng chứ.”

“Cậu điên à? Tớ đi ngủ đây.” Victoire nhặt nhạnh vạt váy dạ hội giờ đã lấm lem bùn đất ở phía dưới. “Và tớ sẽ cởi cái này ra, tớ sẽ vứt hết mấy thứ này…”*stupid*tay áo—’

“Không, em không có đâu.” Ramy nhẹ nhàng kéo tay cô về phía High Street. “Em đã ăn diện lộng lẫy thế này cơ mà. Em xứng đáng được dự một buổi dạ vũ. Vậy thì mình đi thôi.”

Ramy tiết lộ kế hoạch của cậu là cả bốn người sẽ ngủ lại trên mái nhà Babel – chỉ bốn người họ, một giỏ đồ ngọt (bếp rất dễ đột nhập nếu trông giống nhân viên) và chiếc kính viễn vọng dưới bầu trời đêm quang đãng.* Nhưng khi họ quẹo vào góc đường cỏ, họ thấy ánh đèn và những bóng người chuyển động qua cửa sổ tầng một. Có ai đó ở trong đó.

“Đợi—” Letty vừa cất tiếng thì Ramy đã nhảy phóc lên bậc thềm và đẩy cửa bước vào.

Đèn dây lấp lánh khắp sảnh, nơi đông nghịt sinh viên và nghiên cứu sinh. Robin nhận ra Cathy O’Nell, Vimal Srinivasan và Ilse Dejima trong số họ. Một số người nhảy múa, một số trò chuyện với ly rượu vang trên tay, và một số người khác cúi đầu trên những bàn làm việc được kéo xuống từ tầng tám, chăm chú theo dõi một nghiên cứu sinh khắc lên một thanh bạc. Có tiếng "phụt" nhẹ, và căn phòng tràn ngập hương hoa hồng. Mọi người reo hò.

Cuối cùng cũng có người thấy họ. "Năm ba!" Vimal kêu lên, vẫy tay gọi họ vào. "Sao giờ này các cậu mới tới?"

“Bọn tôi đang ở trường cao đẳng,” Ramy nói. “Bọn tôi không biết có một bữa tiệc riêng tư.”

“Lẽ ra cậu nên mời họ chứ,” một cô gái Đức tóc đen mà Robin nghĩ tên là Minna nói. Cô nàng vừa nói vừa nhún nhảy tại chỗ, đầu cứ liên tục nghiêng mạnh sang trái. “Thật là độc ác, để họ phải đi xem cái buổi diễn kinh dị đó.”

“Người ta không biết quý trọng thiên đàng cho đến khi đã nếm trải địa ngục,” Vimal nói. “Sách Khải Huyền. Hay Phúc Âm Mác. Hay đại loại thế.”

"Cái đó không có trong Kinh Thánh," Minna nói.

“Ờ,” Vimal nói lơ đãng, “tôi làm sao mà biết được.”

"Anh thật độc ác," Letty nói.

“Nhanh lên,” Vimal nói vọng qua vai. “Cho cô gái chút rượu.”

Ly rượu được chuyền tay nhau; rượu port được rót ra. Chẳng mấy chốc Robin đã say một cách dễ chịu, đầu ong ong, chân tay bồng bềnh. Anh dựa vào kệ sách, hơi thở gấp gáp sau khi khiêu vũ với Victoire, và đắm mình trong sự tuyệt diệu của tất cả. Vimal giờ đang ở trên bàn, nhảy một điệu jig sôi động với Minna. Trên chiếc bàn đối diện, Matthew Houndslow, người chiến thắng học bổng sau đại học danh giá nhất năm đó, đang khắc một thanh bạc bằng một cặp diêm tạo ra những quả cầu ánh sáng màu hồng và tím sáng rực nảy lên khắp căn phòng.

‘*Ibasho*, Ilse Dejima nói.

Robin quay sang cô. Cô chưa từng nói chuyện với anh trước đây; anh không chắc liệu cô có định nói với mình không. Nhưng xung quanh chẳng có ai khác. "Xin lỗi?"

‘*Ibasho*,’ cô lặp lại, người lảo đảo. Hai tay cô lơ lửng trước mặt, như đang múa hoặc đang chỉ huy dàn nhạc, anh không rõ là cái nào. Mà thật ra, anh cũng chẳng biết âm nhạc phát ra từ đâu nữa. ‘Nó không dịch sang tiếng Anh cho hay được. Nó có nghĩa là “nơi chốn”. Một nơi mà người ta cảm thấy như ở nhà, nơi họ cảm thấy là chính mình.’

Cô ấy viết các ký tự kanji cho anh bằng ngón tay trên không – Nơi cư trú– và anh nhận ra các chữ Hán tương đương. Chữ chỉ nơi cư trú. Chữ chỉ một địa điểm.

Trong những tháng tiếp theo, mỗi khi nghĩ về đêm nay, anh chỉ có thể nắm bắt được một vài ký ức rõ ràng – sau ba ly rượu port, tất cả đều chìm vào một màn sương mờ ảo dễ chịu. Anh mơ hồ nhớ mình đã nhảy theo một điệu nhạc Celtic cuồng nhiệt trên những chiếc bàn được ghép lại với nhau, rồi chơi một trò chơi ngôn ngữ nào đó chủ yếu là la hét và gieo vần nhanh, cười đến

mức đau cả bụng. Anh nhớ Ramy ngồi với Victoire trong một góc, bắt chước các giáo sư một cách ngớ ngẩn cho đến khi nước mắt cô nàng khô đi, và rồi cho đến khi cả hai cùng khóc vì cười. "Tôi khinh thường phụ nữ," Ramy nói bằng giọng đều đều nghiêm khắc của Giáo sư Craft. "Họ hay thay đổi, dễ bị phân tâm, và nhìn chung không phù hợp với kiểu nghiên cứu nghiêm ngặt mà cuộc sống học thuật đòi hỏi."

Những cụm từ tiếng Anh bất chợt hiện lên trong đầu anh khi anh xem đám hội; những cụm từ trong bài hát và bài thơ mà anh không chắc chắn lắm về ý nghĩa, nhưng chúng trông và nghe có vẻ đúng - và có lẽ đó chính là thơ ca? Ý nghĩa thông qua âm thanh? Thông qua cách viết? Anh không thể nhớ là mình chỉ nghĩ vậy, hay đã hỏi to lên với tất cả những người anh gặp, nhưng anh thấybản thân bị ám ảnh bởi câu hỏi 'Ánh sáng diệu kỳ là gì?'[*]

Và anh nhớ lại đã ngồi trên cầu thang với Letty đến tận khuya, cô ấy khóc nức nở trên vai anh. "Em ước gì anh ấy chịu gặp em," cô ấy cứ lặp đi lặp lại giữa những tiếng nấc. "Tại sao anh ấy không chịu gặp em?" Và mặc dù Robin có thể nghĩ ra vô số lý do - vì Ramy là một người da nâu ở Anh còn Letty là con gái của một đô đốc; vì Ramy không muốn bị bắn giữa đường; hoặc vì Ramy đơn giản là không yêu cô ấy như cô ấy yêu anh ta, và cô ấy đã nhầm lẫn sự tử tế và sự nhiệt tình hào nhoáng của anh ta thành sự quan tâm đặc biệt, bởi vì Letty là kiểu con gái đã quen với, và luôn mong đợi, sự quan tâm đặc biệt - anh biết rõ hơn là nói ra sự thật. Điều Letty muốn lúc đó không phải là lời khuyên chân thành, mà là một người an ủi và yêu thương cô ấy, và nếu không thể cho cô ấy sự quan tâm mà cô ấy khao khát, thì cũng là một thứ gì đó tương tự. Vì vậy, anh để cô ấy khóc nức nở trên vai mình, làm ướt đẫm áo anh bằng nước mắt, và xoa lưng cô ấy trong khi lẩm bẩm vô thức rằng anh không hiểu - Ramy là đồ ngốc sao? Cô ấy có gì mà không đáng yêu chứ? Cô ấy thật tuyệt vời, tuyệt vời, cô ấy khiến chính Aphrodite cũng phải ghen tị - thật vậy, anh nói, cô ấy nên cảm thấy may mắn vì chưa bị biến

thành con phù du. Điều này khiến Letty bật cười, phần nào ngăn được tiếng khóc của cô ấy, và điều đó thật tốt; điều đó có nghĩa là anh đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Anh có cảm giác kỳ lạ như mình đang biến mất khi nói, như đang tan vào nền một bức tranh vẽ nên câu chuyện hẳn đã cũ như lịch sử. Và có lẽ do men rượu, nhưng anh bị mê hoặc bởi cái cách mình dường như trôi ra khỏi chính mình, đứng từ mái hiên nhìn những tiếng nấc nghẹn của cô và những lời thì thầm của anh hòa lẫn, bay lên, rồi ngưng tụ thành những làn hơi nước mỏng manh trên cửa kính màu lạnh lẽo.

Tất cả bọn họ đều say bí tỉ khi buổi tiệc tàn - trừ Ramy, người dù sao cũng đã "say" vì kiệt sức và cười nhiều - đó là lý do duy nhất khiến việc lang thang qua nghĩa trang phía sau nhà thờ St Giles, đi đường vòng về phía bắc, đến nơi mấy cô gái sống, nghe có vẻ là một ý tưởng hay ho. Ramy lẩm bẩm khe khẽ...*du'a*, và họ lũ lượt kéo nhau qua cổng. Ban đầu, nó có vẻ là một cuộc phiêu lưu tuyệt vời khi họ vấp vào nhau, cười đùa, vừa đi vừa dò dẫm quanh những bia mộ. Nhưng rồiKhông khí dường như thay đổi rất nhanh. Ánh sáng ấm áp từ những ngọn đèn đường mờ đi; bóng của những bia mộ kéo dài ra, chuyển động, như thể đang che giấu một sự hiện diện nào đó không muốn chúng ở đó. Robin cảm thấy một nỗi sợ hãi đột ngột, lạnh lẽo. Đi qua nghĩa trang không phải là bất hợp pháp, nhưng đột nhiên việc xâm phạm mảnh đất này trong tình trạng của chúng dường như là một sự xúc phạm khủng khiếp.

Ramy cũng cảm thấy điều đó. "Nhanh lên nào."

Robin gật đầu. Họ bắt đầu luồn lách nhanh hơn giữa những bia mộ. “Không nên ra ngoài sau khi Maghrib,” Ramy lẩm bẩm. “Lẽ ra nên nghe lời mẹ mình—”

“Khoan đã,” Victoire nói. “Letty vẫn còn – Letty?”

Họ quay lại. Letty đã bị tụt lại phía sau vài hàng. Cô đứng trước một bia mộ.

‘Nhìn kìa.’ Cô ấy chỉ tay, mắt mở to. ‘Là cô ta.’

"Cô nào cơ?", Ramy hỏi.

Nhưng Letty chỉ đứng đó, nhìn chằm chằm.

Họ quay trở lại để gặp cô ấy trước tảng đá phong hóa.*Eveline Brooke*, nó ghi.*Dearly beloved daughter, scholar. 1813–1834*.

“Eveline,” Robin nói. “Có phải đó là—”

“Evie,” Letty nói. “Cô gái có cái bàn làm việc ấy. Cô gái với tất cả các cặp số trùng khớp trên sổ cái. Cô ấy chết rồi. Suốt bao lâu nay. Cô ấy đã chết được năm năm rồi.”

Bỗng nhiên không khí đêm trở nên lạnh lẽo. Hơi ấm còn sót lại của rượu vang đã tan biến cùng tiếng cười của họ; giờ đây họ tỉnh táo, lạnh run, và vô cùng sợ hãi. Victoire kéo chặt khăn choàng quanh vai. "Anh nghĩ chuyện gì đã xảy ra với cô ấy?"

“Chắc chỉ là chuyện vặt thôi mà.” Ramy cố gắng xua đi bầu không khí u ám. “Có lẽ cô ấy bị ốm, hoặc gặp tai nạn, hoặc làm việc quá sức. Biết đâu cô ấy đi trượt băng mà quên khăn. Cũng có thể cô ấy mải mê nghiên cứu quá mà quên ăn.”

Nhưng Robin nghi ngờ cái chết của Evie Brooke không chỉ đơn giản là một cơn bệnh tầm thường. Sự biến mất của Anthony hầu như chẳng để lại dấu vết gì trong khoa. Giáo sư Playfair dường như đã quên mất sự tồn tại của anh ta; ông ta chưa hề nhắc đến Anthony kể từ ngày thông báo về cái chết của anh. Thế nhưng ông ta lại giữ nguyên bàn làm việc của Evie suốt năm năm nay, và vẫn tiếp tục như vậy.

Eveline Brooke đã từng là một người đặc biệt. Và một điều khủng khiếp đã xảy ra ở đây.

"Hay mình về nhà thôi," Victoire thì thầm sau một lúc.

Hẳn họ đã ở trong nghĩa trang một lúc lâu rồi. Bầu trời tối đen dần nhường chỗ cho ánh sáng nhợt nhạt, cái lạnh ngưng tụ thành sương sớm. Buổi dạ hội đã kết thúc. Đêm cuối cùng của học kỳ đã qua, nhường chỗ cho mùa hè bất tận. Không nói một lời, họ nắm tay nhau và bước về nhà.

Chapter Fifteen

As the days take on a mellower light, and the apple at last hangs really finish'd and indolent-ripe on the tree,

Then for the teeming quietest, happiest days of all!

TâyPHÍM ALTTâySÁT THỦ"Những Ngày Yên ả"

RSáng hôm sau, Robin nhận được điểm thi trong chuồng bồ câu của mình (Khá ở môn Lý thuyết Dịch thuật và tiếng Latin, Giỏi ở môn Ngữ nguyên học, tiếng Trung và tiếng Phạn), cùng với tờ giấy dày màu kem in dòng chữ sau:*The board of undergraduate studies at the Royal Institute of Translation is pleased to inform you that you have been invited to continue your tenure as undergraduate scholar for the following year.*

Chỉ khi cầm giấy tờ trên tay, mọi thứ mới trở nên thật sự. Anh đã đậu; tất cả bọn họ đều đậu. Ít nhất là trong một năm nữa, họ có một mái nhà. Họ có chỗ ăn chỗ ở, một khoản trợ cấp đều đặn, và được tiếp cận tất cả kho tàng tri thức của Oxford. Họ sẽ không bị buộc phải rời khỏi Babel. Họ có thể thở phào nhẹ nhõm.

Oxford tháng Sáu nóng bức, oi ả, vàng rực và tuyệt đẹp. Họ không có bài tập hè nào cấp bách – họ có thể nghiên cứu thêm về các dự án độc lập nếu muốn, mặc dù nhìn chung, những tuần giữa cuối kỳ Trinity và đầu kỳ Michaelmas được ngầm hiểu là phần thưởng, và là khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi mà sinh viên năm tư sắp tới xứng đáng được hưởng.

Đó là những ngày hạnh phúc nhất đời họ. Họ trải những buổi dã ngoại với nho chín mọng, bánh mì tươi và phô mai Camembert trên những ngọn đồi South Park. Họ chèo thuyền xuôi ngược dòng Cherwell – Robin và Ramy chèo khá giỏi, nhưng dường như các cô gái không thể nào điều khiển được chiếc thuyền đi

thẳng về phía trước mà cứ đâm ngang vào bờ. Họ đi bộ bảy dặm về phía bắc đến Woodstock để tham quan Cung điện Blenheim, nhưng không vào trong vì phí tham quan quá đắt đỏ. Một đoàn kịch lưu độngtừ Luân Đôn đến trình diễn một vài trích đoạn Shakespeare tại nhà hát Sheldonian; không thể phủ nhận là họ diễn rất tệ, và tiếng la ó từ đám sinh viên đại học mất dạy có lẽ còn khiến màn trình diễn trở nên tệ hại hơn, nhưng chất lượng không phải là vấn đề.

Cuối tháng Sáu, chuyện ai nấy cũng bàn tán đều xoay quanh lễ đăng quang của Nữ hoàng Victoria. Nhiều sinh viên và hội viên còn ở lại trường đã đi xe ngựa đến Didcot để bắt tàu lên Luân Đôn vào ngày hôm trước, nhưng những người ở lại Oxford đã được chiêu đãi một màn trình diễn ánh sáng rực rỡ. Có tin đồn về một bữa tối thịnh soạn dành cho người nghèo và vô gia cư ở Oxford, nhưng chính quyền thành phố lập luận rằng thịt bò nướng và bánh pudding mận quá thịnh soạn sẽ khiến người nghèo phấn khích đến mức họ sẽ không còn khả năng thưởng thức trọn vẹn màn trình diễn ánh sáng.* Thế là tối hôm đó, người nghèo đói meo, nhưng bù lại, đèn đóm thì thật lộng lẫy. Robin, Ramy, và Victoire cùng Letty dạo bước xuống phố High, tay cầm cốc rượu táo lạnh, cố gắng gợi lên cảm giác yêu nước hừng hực như mọi người xung quanh.

Gần cuối hè, họ dành một dịp cuối tuần đến London, nơi họ được đắm mình trong sức sống và sự đa dạng mà Oxford, bị mắc kẹt hàng thế kỷ trong quá khứ, hoàn toàn thiếu vắng. Họ đến Drury Lane và xem một buổi diễn – diễn xuất không hay lắm, nhưng lớp trang điểm lòe loẹt và giọng hát the thé của cô đào non nớt đã khiến họ bị cuốn hút suốt ba tiếng đồng hồ. Họ dạo quanh các quầy hàng ở New Cut tìm những quả dâu tây căng mọng, đồ đồng trang trí, và các gói trà được cho là ngoại lai; ném xu cho những chú khỉ nhảy múa và người chơi đàn organ; tránh né những cô gái điếm mời gọi; thích thú xem xét những quầy hàng bạc giả trên phố;* Ăn tối ở một quán cà ri "Ấn Độ Chính Thống" làm Ramy thất vọng nhưng lại làm hài lòng

những người còn lại; và ngủ qua đêm trong một căn phòng chật chội trên phố Doughty. Robin và Ramy nằm dưới sàn nhà, cuộn tròn trong chăn.trong những chiếc áo khoác trong khi các cô gái túm tụm trên chiếc giường hẹp, tất cả đều cười khúc khích và thì thầm cho đến tận quá nửa đêm.

Hôm sau, họ đi bộ tham quan thành phố, kết thúc ở Cảng Luân Đôn, nơi họ dạo bước xuống bến tàu và trầm trồ trước những con tàu khổng lồ, những cánh buồm trắng muốt, cùng sự đan xen phức tạp của cột buồm và dây buồm. Họ cố gắng nhận diện cờ và logo công ty của những con tàu đang rời bến, phỏng đoán xem chúng đến từ đâu hoặc sẽ đi về đâu. Hy Lạp? Canada? Thụy Điển? Bồ Đào Nha?

“Một năm nữa chúng ta sẽ lên một trong những chiếc này,” Letty nói. “Cậu nghĩ nó sẽ đi đâu nhỉ?”

Mỗi khóa tốt nghiệp tại Babel đều được tham gia một chuyến du hành quốc tế hoành tráng, được đài thọ toàn bộ kinh phí, sau khi kết thúc kỳ thi năm thứ tư. Những chuyến đi này thường gắn liền với một số công việc của Babel – các sinh viên tốt nghiệp từng làm phiên dịch trực tiếp tại triều đình của Nicholas I, săn lùng các phiến đất sét chữ hình nêm trong đống đổ nát của Mesopotamia, và có lần, vô tình, đã gây ra một cuộc khủng hoảng ngoại giao suýt xảy ra ở Paris – nhưng chủ yếu đây là cơ hội để những người tốt nghiệp được nhìn ngắm thế giới, và đắm mình trong môi trường ngôn ngữ nước ngoài mà họ đã bị cách ly trong những năm tháng học tập. Ngôn ngữ phải được sống để được hiểu, và Oxford, suy cho cùng, lại là điều trái ngược với cuộc sống thực.

Ramy chắc mẩm lớp của họ sẽ được cử đến Trung Quốc hoặc Ấn Độ. "Có quá nhiều chuyện đang diễn ra. Công ty Đông Ấn đã mất độc quyền ở Quảng Châu, nghĩa là họ sẽ cần phiên dịch viên cho đủ loại hoạt động tái cơ cấu kinh doanh. Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để được đến Calcutta. Cậu sẽ thích nó cho mà xem -

chúng ta sẽ đến ở với gia đình tôi một thời gian; tôi đã viết thư cho họ kể hết về cậu, thậm chí họ còn biết Letty không thể uống trà quá nóng. Hoặc có lẽ chúng ta sẽ đến Quảng Châu - chẳng phải sẽ tuyệt lắm sao, Birdie? Lần cuối cậu về nhà là khi nào?"

Robin không chắc mình có muốn quay lại Quảng Châu hay không. Anh đã nghĩ đến chuyện đó vài lần, nhưng chẳng thấy hào hứng chút nào, chỉ có một nỗi sợ mơ hồ, lẫn lộn với chút tội lỗi. Chẳng có gì chờ đợi anh ở đó cả; không bạn bè, không gia đình, chỉ là một thành phố mà anh chỉ nhớ mang máng. Thực ra, anh sợ phản ứng của mình nếu anh thực sự trở về; nếu anh bước chân trở lại thế giới của một tuổi thơ đã lãng quên. Nếu khi quay về, anh không thể nào rời đi được nữa thì sao?

Tệ hơn, nếu anh ta chẳng cảm thấy gì thì sao?

"Khả năng cao là chúng ta sẽ được gửi đến một nơi nào đó như Mauritius," anh nói. "Để mấy đứa con gái dùng tiếng Pháp của chúng."

“Cô nghĩ tiếng Creole Mauritius giống tiếng Creole Haiti à?”, Letty hỏi Victoire.

“Tôi không chắc chúng có thể hiểu lẫn nhau được,” Victoire nói. “Tất nhiên cả hai đều dựa trên tiếng Pháp, nhưng Kreyòl lấy ngữ pháp từ tiếng Fon, còn tiếng Creole Mauritius thì… hừm. Tôi không biết. Không có cuốn ngữ pháp nào cả, nên tôi không có gì để tra cứu.”

“Có lẽ cậu sẽ viết một quyển,” Letty nói.

Victoire mỉm cười nhẹ. "Có lẽ."

Điều tuyệt vời nhất của mùa hè năm ấy là Victoire và Letty đã làm lành. Thực ra, tất cả những chuyện kỳ quặc, khó hiểu và tồi tệ của năm ba của họ đã tan biến theo tin tức họ đã vượt qua kỳ

thi. Letty không còn làm Robin bực mình nữa, và Ramy cũng không còn khiến Letty cau có mỗi khi mở miệng.

Công bằng mà nói, những cuộc cãi vã của họ chỉ được gác lại chứ chưa được giải quyết. Họ chưa thực sự đối mặt với những nguyên nhân khiến họ bất hòa, nhưng tất cả đều sẵn sàng đổ lỗi cho căng thẳng. Sẽ có lúc họ phải đối mặt với những khác biệt rất thực tế, khi họ sẽ nói thẳng nói thật thay vì luôn luôn đổi chủ đề, nhưng hiện tại họ bằng lòng tận hưởng mùa hè và nhớ lại cảm giác yêu thương nhau.

Vì thật sự, đây là những ngày cuối cùng của thời hoàng kim. Mùa hè năm ấy càng quý giá hơn bởi tất cả bọn họ đều biết nó không thể kéo dài mãi, rằng những niềm vui ấy chỉ tồn tại nhờ vô số những đêm dài miệt mài, vắt kiệt sức lực. Chẳng mấy chốc năm tư sẽ bắt đầu, rồi đến kỳ thi tốt nghiệp, rồi đi làm. Chẳng ai trong số họ biết cuộc sống sau này sẽ ra sao, nhưng chắc chắn họ không thể mãi là một nhóm như thế này. Chắc chắn rồi, cuối cùng họ sẽ phải rời khỏi thành phố của những ngọn tháp mơ mộng; phải đảm nhận những vị trí của riêng mình và trả ơn tất cả những gì Babel đã ban tặng. Nhưng tương lai, dù mơ hồ nhưng đáng sợ, giờ đây dễ dàng bị gạt sang một bên; nó thật nhạt nhòa so với ánh hào quang rực rỡ của hiện tại.

Vào tháng 1 năm 1838, nhà phát minh Samuel Morse đã trình diễn tại Morristown, New Jersey, một thiết bị có thể truyền tin đi xa bằng cách sử dụng xung điện để truyền tải một chuỗi các dấu chấm và gạch ngang. Hoài nghi, Quốc hội Hoa Kỳ đã từ chối cấp kinh phí cho ông để xây dựng một đường dây kết nối thủ đô Washington, DC, với các thành phố khác, và tiếp tục trì hoãn việc này trong năm năm nữa. Nhưng các học giả tại Viện Dịch thuật Hoàng gia, ngay khi nghe tin thiết bị của Morse hoạt động, đã vượt biển và thuyết phục Morsethành chuyến thăm Oxford kéo dài hàng tháng, nơi bộ phận chế tác bạc đã vô cùng kinh ngạc khi thiết bị này không cần bất kỳ cặp que diêm nào để hoạt động, mà thay vào đó lại chạy bằng điện hoàn toàn. Đến tháng 7

năm 1839, Babel đã tổ chức đường dây điện báo hoạt động đầu tiên ở Anh, được kết nối với Bộ Ngoại giao Anh ở London.*

Mã Morse ban đầu chỉ truyền các chữ số, với giả định rằng người nhận có thể tra cứu các từ tương ứng trong một cuốn sách hướng dẫn. Điều này ổn đối với các cuộc hội thoại có vốn từ vựng hạn chế - tín hiệu tàu hỏa, báo cáo thời tiết và một số loại liên lạc quân sự. Nhưng ngay sau khi Morse xuất hiện, Giáo sư De Vreese và Playfair đã phát triển một mã chữ và số cho phép trao đổi các loại thông điệp bất kỳ.* Điều này đã mở rộng khả năng ứng dụng của điện báo sang lĩnh vực thương mại, cá nhân và hơn thế nữa. Tin tức về việc Babel có phương tiện liên lạc tức thời với London từ Oxford lan truyền nhanh chóng. Chẳng bao lâu sau, khách hàng - chủ yếu là doanh nhân, quan chức chính phủ và đôi khi là cả giáo sĩ - chen chúc kín sảnh và xếp hàng dài quanh khu nhà, tay nắm chặt những tin nhắn cần gửi. Giáo sư Lovell, bực bội vì sự ồn ào, muốn dùng bùa chú phòng thủ lên đám đông. Nhưng những cái đầu lạnh hơn, nhạy bén về tài chính hơn đã thắng thế. Giáo sư Playfair, nhìn thấy tiềm năng lợi nhuận to lớn, đã ra lệnh chuyển đổi cánh tây bắc của sảnh, trước đây được dùng làm kho chứa đồ, thành một văn phòng điện báo.

Chướng ngại vật tiếp theo là bố trí nhân viên vận hành cho văn phòng. Sinh viên rõ ràng là nguồn lao động miễn phí, và vì vậy mọi sinh viên đại học và cao học của Babel đều được yêu cầu học mã Morse. Việc này chỉ mất vài ngày, vì mã Morse là ngôn ngữ hiếm hoi thực sự có sự tương quan một-một hoàn hảo giữa các ký hiệu ngôn ngữ, miễn là người ta giao tiếp bằng tiếng Anh. Khi tháng Chín chuyển sang tháng Mười và học kỳ Michaelmas bắt đầu vào mùa thu năm đó, tất cả sinh viên trong khuôn viên trường đều được phân công làm việc ít nhất một ca ba tiếng mỗi tuần. Và cứ như vậy, vào lúc chín giờ mỗi tối Chủ nhật, Robin lại lê bước đến...văn phòng tiền sảnh nhỏ và ngồi cạnh máy điện báo với một chồng tài liệu đọc, chờ đợi kim điện báo rung lên báo hiệu.

Ưu điểm của ca trực muộn là tháp canh ít nhận được thư từ trong khoảng thời gian đó, vì mọi người ở văn phòng Luân Đôn đều đã về nhà. Tất cả những gì Robin phải làm là thức từ chín giờ tối đến nửa đêm, phòng trường hợp có thư khẩn gửi đến. Còn lại, anh được tự do làm những gì mình thích, và anh thường dành thời gian này để đọc sách hoặc sửa lại bài luận cho lớp học sáng hôm sau.

Thỉnh thoảng anh lại liếc nhìn ra ngoài cửa sổ, nheo mắt nhìn qua khoảng sân rộng để giảm bớt sự căng thẳng của ánh sáng mờ ảo lên mắt mình. Khoảng sân cỏ thường vắng tanh. Phố High, vốn nhộn nhịp suốt ngày, lại trở nên kỳ lạ vào đêm khuya; khi mặt trời đã lặn, khi tất cả ánh sáng đến từ những ngọn đèn đường mờ nhạt hoặc từ những ngọn nến bên trong cửa sổ, nó trông giống như một Oxford khác, một Oxford song song, một Oxford của cõi thần tiên. Đặc biệt là vào những đêm không mây, Oxford như biến đổi, đường phố quang đãng, đá im lặng, những ngọn tháp và tháp chuông hứa hẹn những câu đố, những cuộc phiêu lưu và một thế giới trừu tượng mà người ta có thể lạc lối mãi mãi.

Vào một đêm như thế, Robin ngẩng đầu lên khỏi bản dịch sử ký Tư Mã Thiên và nhìn thấy hai bóng đen đang sải bước nhanh về phía tòa tháp. Ruột gan anh thắt lại.

Chỉ khi họ đến bậc thềm trước, khi ánh đèn từ trong tháp chiếu vào mặt, anh mới nhận ra đó là Ramy và Victoire.

Robin ngồi chết lặng tại bàn, không biết phải làm gì. Họ đến đây vì công việc của Hermes. Chắc chắn là vậy. Không còn lời giải thích nào khác cho bộ trang phục; những cái nhìn lén lút; chuyến đi đêm muộn đến tòa tháp khi Robin biết rõ họ không có việc gì ở đó, bởi vì cậu đã thấy họ hoàn thành bài tập cho buổi thảo luận của Giáo sư Craft dưới sàn phòng Ramy chỉ vài giờ trước đó.

Griffin đã tuyển mộ họ rồi sao? Chắc chắn là vậy rồi, Robin nghĩ một cách cay đắng. Hắn ta đã bỏ cuộc với Robin, nên hắn ta đã tìm đến những người khác trong nhóm của anh thay thế.

Dĩ nhiên là hắn sẽ không tố cáo họ – điều đó chẳng phải bàn cãi. Nhưng liệu hắn có nên*help*họ sao? Không, có lẽ không – tòa tháp không hoàn toàn trống rỗng; vẫn còn các nhà nghiên cứu ở tầng tám, và nếu làm Ramy và Victoire giật mình, cậu có thể sẽ thu hút sự chú ý không mong muốn. Lựa chọn duy nhất dường như là không làm gì cả. Nếu cậu giả vờ như chưa bao giờ để ý, và nếu họ thành công trong bất cứ điều gì họ muốn, thì sự cân bằng mong manh của cuộc sống của họ tại Babel sẽ không bị xáo trộn. Rồi họ có thểduy trì lớp vỏ mỏng manh của sự chối bỏ mà Robin đã sống cùng suốt bao năm qua. Suy cho cùng, thực tại vốn dĩ dễ uốn nắn – sự thật có thể bị lãng quên, chân lý bị chôn vùi, cuộc đời chỉ được nhìn từ một góc độ như lăng kính ảo ảnh, miễn là người ta quyết tâm không bao giờ nhìn quá kỹ.

Ramy và Victoire lẻn qua cửa rồi lên lầu. Robin dán mắt vào bản dịch, cố không căng tai nghe ngóng xem họ đang làm gì. Mười phút sau, anh nghe thấy tiếng bước chân xuống cầu thang. Họ đã lấy được thứ họ muốn. Chẳng mấy chốc họ sẽ ra khỏi cửa. Rồi khoảnh khắc này sẽ qua đi, sự yên tĩnh sẽ trở lại, và Robin có thể xếp chuyện này vào một góc khuất trong tâm trí cùng với tất cả những sự thật khó chịu khác mà anh không đủ can đảm để gỡ rối—

Một tiếng gào thét chói tai, phi nhân tính xé toạc không gian tòa tháp. Hắn nghe thấy một tiếng đổ vỡ lớn, rồi một tràng chửi rủa. Hắn bật dậy và lao ra khỏi sảnh.

Ramy và Victoire bị mắc kẹt ngay bên ngoài cửa trước, vướng vào một mạng lưới dây bạc lấp lánh đang nhân đôi và tăng lên gấp bội trước mắt anh, những sợi dây mới liên tục quấn quanh cổ tay, eo, mắt cá chân và cổ họng họ từng giây từng phút. Vài món đồ nằm rải rác dưới chân họ – sáu thỏi bạc, hai cuốn sách

cũ, một cây bút khắc. Những món đồ mà các học giả Babel thường mang về nhà vào cuối ngày.

Ngoại trừ, có vẻ như, Giáo sư Playfair đã thay đổi bùa hộ mệnh thành công. Ông ta đã đạt được nhiều hơn cả những gì Robin lo sợ – ông ta đã thay đổi chúng để không chỉ phát hiện ra người và vật nào đang đi qua, mà còn cả mục đích của họ có chính đáng hay không.

“Chim nhỏ,” Ramy thở hổn hển. Những sợi tơ bạc siết chặt quanh cổ cậu; mắt cậu trợn lên. “Cứu—”

“Đứng yên.” Robin giật mạnh mấy sợi tơ. Chúng dính nhớp nhưng dẻo dai, có thể đứt; không thể tự mình thoát ra nhưng nếu có người giúp thì được. Anh giải thoát cổ và tay Ramy trước, rồi cùng nhau họ kéo Victoire ra khỏi mạng nhện, dù trong lúc đó chân của Robin lại bị vướng vào. Mạng nhện, dường như, chỉ chịu nhả ra nếu nó có thể bắt được thứ gì khác. Nhưng những cú quất dữ dội của nó đã ngừng lại; bất cứ cặp sinh vật nào đã kích hoạt tín hiệu báo động dường như đã bình tĩnh lại. Ramy kéo được chân mình ra và lùi lại. Trong giây lát, họ nhìn nhau dưới ánh trăng, vẻ mặt hoang mang.

"Cậu cũng vậy à?" Victoire cuối cùng hỏi.

“Hình như vậy,” Robin nói. “Griffin sai anh đến à?”

“Griffin á?” Victoire trông hoang mang. “Không, Anthony—”

Anthony*Ribben*Hả?

“Dĩ nhiên rồi,” Ramy nói. “Còn ai vào đây nữa?”

‘Nhưng mà anh ấy*dead*—

“Chuyện này có thể đợi,” Victoire ngắt lời. “Nghe kìa, tiếng còi báo động—”

“Chết tiệt,” Ramy nói. “Robin, nghiêng người sang bên này—”

“Không còn thời gian nữa,” Robin nói. Cậu không thể nhúc nhích chân. Những sợi dây đã ngừng sinh sôi – có lẽ vì Robin không phải là tên trộm – nhưng mạng nhện giờ dày đặc đến mức không thể nào vượt qua, trải dài khắp lối vào phía trước, và nếu Ramy đến gần hơn nữa, cậu e là cả hai sẽ bị mắc kẹt. “Đi đi.”

Cả hai bắt đầu phản đối. Anh lắc đầu. "Phải là tôi. Tôi không âm mưu gì cả, tôi không biết chuyện gì đang xảy ra—"

"Chẳng phải rõ ràng rồi sao?" Ramy gặng hỏi. "Chúng ta—"

‘Đó là*not*"Rõ rồi, khỏi cần nói," Robin rít lên. Tiếng còi hú dai dẳng không dứt; chẳng mấy chốc cảnh sát sẽ có mặt ở công viên. "Đừng nói gì cả. Tôi không biết gì hết, và khi họ hỏi, tôi cũng sẽ nói vậy. Đi nhanh đi, làm ơn, tôi sẽ nghĩ cách."

“Chắc chắn chứ—” Victoire bắt đầu.

‘*Go*Robin nài nỉ.

Ramy há miệng, rồi ngậm lại, sau đó cúi xuống nhặt số nguyên liệu bị đánh cắp. Victoire cũng làm theo. Họ chỉ chừa lại hai thanh –*clever*, Robin nghĩ, vì đó là một bằng chứng cho thấy Robin đã hành động một mình, rằng hắn không có đồng bọn nào đã cao chạy xa bay cùng toàn bộ hàng lậu. Rồi họ lao xuống cầu thang, băng qua bãi cỏ và vào con hẻm.

“Ai đó?” có người hét lên. Robin thấy những ngọn đèn lắc lư ở đầu kia của quảng trường. Cậu vặn đầu và nheo mắt về phía phố Broad, cố gắng nhưng không thể thấy bóng dáng nào của bạn bè mình. Họ đã chạy thoát, kế hoạch đã thành công, cảnh sát chỉ đang đến tháp chuông. Chỉ đến vì cậu.

Anh hít một hơi run rẩy, rồi quay mặt về phía ánh sáng.

Tiếng la hét giận dữ, ánh đèn sáng chói rọi thẳng vào mặt, những bàn tay rắn chắc nắm chặt lấy cánh tay cậu. Robin gần như không thể hiểu chuyện gì đang xảy ra trong vài phút tiếp theo; cậu chỉ nhận thức được những lời lảm nhảm mơ hồ, rời rạc của chính mình, một mớ hỗn độn những tiếng la hét, câu hỏi của cảnh sát bên tai. Cậu cố gắng chắp vá một lời bào chữa, một câu chuyện về việc nhìn thấy bọn trộm bị mắc vào mạng nhện, và làm thế nào chúng tóm lấy cậu khi cậu đến ngăn chặn chúng, nhưng lời giải thích đó nghe thật vô lý ngay khi thốt ra, và cảnh sát chỉ cười nhạo. Cuối cùng, họ gỡ cậu ra khỏi mạng nhện và dẫn cậu trở lại tòa tháp, vào một căn phòng nhỏ,Căn phòng không cửa sổ ở sảnh, trống không ngoại trừ một chiếc ghế đơn độc. Cánh cửa có một khe hở nhỏ ngang tầm mắt được che bằng một nắp trượt; nó giống một xà lim hơn là một phòng đọc sách. Anh tự hỏi liệu mình có phải là đặc vụ Hermes đầu tiên bị giam giữ ở đây không. Anh tự hỏi liệu vết bẩn nâu nhạt ở góc phòng có phải là máu khô.

“Cậu sẽ ở lại đây,” viên cảnh sát phụ trách nói khi còng tay Robin ra sau lưng. “Cho đến khi giáo sư tới.”

Họ khóa cửa rồi bỏ đi. Họ không nói rõ là vị giáo sư nào, hay khi nào họ sẽ quay lại. Không biết gì cả thật là tra tấn. Robin ngồi đợi, đầu gối rung lên, hai cánh tay run lẩy bẩy vì từng đợt, từng đợt adrenaline buồn nôn dâng lên.

Hắn ta xong đời rồi. Chắc chắn không có đường quay lại nữa. Bị đuổi khỏi Babel là một điều vô cùng nhục nhã, bởi Babel đã đầu tư rất nhiều vào những tài năng mà họ dày công tìm kiếm, đến nỗi những sinh viên chưa tốt nghiệp trước đây đã được tha thứ cho hầu hết mọi loại tội lỗi, ngoại trừ tội giết người.* Nhưng chắc chắn ăn trộm và phản quốc là lý do để bị trục xuất. Rồi sao nữa? Một xà lim trong nhà ngục thành phố? Ở Newgate? Họ sẽ treo cổ hắn ta sao? Hay hắn ta sẽ chỉ bị tống lên tàu và gửi trả về nơi hắn ta đến, nơi hắn ta không có bạn bè, không có gia đình, và không có tương lai?

Một hình ảnh hiện lên trong tâm trí anh, một hình ảnh anh đã khóa chặt gần một thập kỷ nay – một căn phòng nóng bức, ngột ngạt, mùi người bệnh, mẹ anh nằm cứng đờ bên cạnh, đôi má hóp lại đang chuyển sang màu xanh trước mắt anh. Mười năm qua – Hampstead, Oxford, Babel – tất cả đều là một sự mê hoặc kỳ diệu, nhưng anh đã phá vỡ các quy tắc – đã phá vỡ bùa chú – và chẳng mấy chốc, sự hào nhoáng sẽ biến mất và anh sẽ trở lại giữa những người nghèo, người bệnh, người hấp hối, người chết.

Cánh cửa kẽo kẹt mở ra.

Robin.

Giáo sư Lovell. Robin dò xét đôi mắt cha, tìm kiếm một chút gì đó – lòng tốt, sự thất vọng, hay giận dữ – bất cứ điều gì có thể báo trước những gì cậu sắp phải đối mặt. Nhưng nét mặt của cha cậu, như mọi khi, vẫn chỉ là một chiếc mặt nạ trống rỗng, khó hiểu. "Chào buổi sáng."

“Mời ngồi.” Việc đầu tiên Giáo sư Lovell làm là mở còng tay cho Robin. Sau đó, ông dẫn anh ta lên cầu thang đến văn phòng của mình trên tầng bảy, nơi giờ đây họ ngồi đối diện nhau một cách bình thản như thể đang họp cho một buổi hướng dẫn hàng tuần.

‘Cậu rất may mắn là cảnh sát liên lạc với tôi trước. Thử tưởng tượng nếu họ tìm thấy Jerome thì sao. Giờ này cậu đã mất hai cái chân rồi.’ Giáo sư Lovell chồm người về phía trước, hai tay đan vào nhau trên bàn. ‘Cậu đã biển thủ tài nguyên cho Hội Hermes bao lâu rồi?’

Robin tái mặt. Anh không ngờ Giáo sư Lovell lại thẳng thắn như vậy. Câu hỏi này rất nguy hiểm. Giáo sư Lovell rõ ràng biết về Hermes. Nhưng làm thế nào*much*Hắn ta có biết không? Robin có thể nói dối được đến mức nào? Có lẽ hắn chỉ đang dọa dẫm,

và có lẽ Robin có thể thoát khỏi chuyện này nếu cậu ta khéo léo lựa lời mà nói.

"Nói sự thật," Giáo sư Lovell nói bằng giọng cứng rắn, lạnh lùng. "Chỉ có điều đó mới cứu được cậu lúc này."

“Ba tháng,” Robin thở hắt ra. Ba tháng nghe có vẻ đỡ tệ hơn ba năm, nhưng cũng đủ dài để nghe có vẻ hợp lý. “Chỉ – chỉ từ mùa hè thôi.”

“Tôi hiểu.” Giọng Giáo sư Lovell không hề có chút giận dữ. Sự bình tĩnh đó khiến ông trở nên khó đoán một cách đáng sợ. Robin thà rằng ông ta hét lên còn hơn.

"Thưa ngài, tôi—"

"Im lặng," Giáo sư Lovell nói.

Robin ngậm chặt miệng. Điều đó cũng chẳng còn quan trọng nữa. Cậu chẳng biết mình phải nói gì. Chẳng có lời giải thích nào có thể gỡ rối được tình huống này, chẳng có sự minh oan nào khả dĩ. Cậu chỉ có thể đối mặt với bằng chứng rõ ràng về sự phản bội của mình và chờ đợi hậu quả. Nhưng nếu cậu có thể giữ kín tên của Ramy và Victoire, nếu cậu có thể thuyết phục Giáo sư Lovell rằng cậu đã hành động một mình, như vậy cũng là đủ.

"Thật không ngờ," Giáo sư Lovell nói sau một hồi lâu, "rằng cháu lại trở nên vong ân bội nghĩa đến thế."

Ông ấy ngả người ra sau, lắc đầu. “Ta đã làm cho ngươi nhiều hơn ngươi tưởng tượng. Ngươi từng chỉ là một đứa trẻ bốc vác ở Quảng Châu. Mẹ ngươi bị ruồng bỏ. Ngay cả khi cha ngươi là người Trung Quốc,” cổ họng Giáo sư Lovell giật lên, và Robin biết đây là tất cả những gì ông ấy thừa nhận, “thì địa vị của ngươi cũng vẫn vậy. Ngươi sẽ phải chắt chiu từng đồng xu suốt đời. Ngươi sẽ chẳng bao giờ được thấy bờ biển nước Anh. Ngươi sẽ chẳng bao giờ được đọc Horace, Homer, hay Thucydides –

ngươi sẽ chẳng bao giờ mở nổi một cuốn sách, bởi vì…Vô nghĩa. Ngươi đã sống và chết trong cảnh bần hàn và ngu dốt, chẳng bao giờ tưởng tượng được thế giới cơ hội mà ta đã ban cho ngươi. Ta đã kéo ngươi ra khỏi cảnh nghèo đói. Ta đã ban cho ngươi cả thế giới.

"Thưa ngài, tôi không—"

'Làm thế nào*dare*Mày á? Mày dám khinh thường tất cả những gì mày được trao sao?

'Thưa ông—'

'Cậu có biết mình đã được trường đại học này ưu ái đến mức nào không?' Giọng Giáo sư Lovell vẫn giữ nguyên âm lượng, nhưng từng âm tiết cứ dài ra, đầu tiên là kéo dài lê thê rồi sau đó bật ra như thể ông đang cắn đứt từng chữ. 'Cậu có biết hầu hết các gia đình phải trả bao nhiêu để gửi con trai họ đến Oxford không? Cậu được hưởng phòng ở miễn phí. Cậu được ban phước với một khoản trợ cấp hàng tháng. Cậu được tiếp cận với kho kiến thức lớn nhất thế giới. Cậu nghĩ tình cảnh của mình là chuyện bình thường à?'

Hàng trăm lý lẽ cuồn cuộn trong đầu Robin – rằng cậu đâu có yêu cầu những đặc ân này của Oxford, đâu có chọn bị đưa khỏi Quảng Châu, rằng lòng hảo tâm của trường đại học không nên đòi hỏi lòng trung thành tuyệt đối, không lay chuyển của cậu đối với Hoàng gia và các dự án thuộc địa của nó, và nếu có, thì đó là một hình thức trói buộc kỳ lạ mà cậu chưa từng đồng ý. Rằng cậu đã không mong muốn số phận này cho đến khi nó bị ép buộc lên cậu, bị quyết định thay cho cậu. Rằng cậu không biết mình đã chọn cuộc sống nào – cuộc sống này, hay một cuộc sống mà cậu lớn lên ở Quảng Châu, giữa những người trông giống và nói cùng ngôn ngữ với cậu.

Nhưng điều đó thì có nghĩa lý gì chứ? Giáo sư Lovell chắc chắn sẽ chẳng thông cảm đâu. Điều quan trọng duy nhất là Robin đã

phạm tội.

“Vui lắm phải không?” Môi Giáo sư Lovell nhếch lên. “Ngươi có thấy kích thích không? Ồ, chắc chắn là có rồi. Ta tưởng tượng ra ngươi tự cho mình là anh hùng trong một trong những câu chuyện vớ vẩn của ngươi - một Dick Turpin thứ thiệt, phải không nào? Ngươi lúc nào cũng thích mấy cuốn truyện rẻ tiền ấy mà. Ban ngày là một sinh viên mệt mỏi, ban đêm là một tên trộm hào hoa? Nghe lãng mạn lắm phải không, Robin Swift?”

“Không.” Robin ưỡn ngực và cố gắng, ít nhất là đừng nghe thảm hại và sợ hãi đến vậy. Nếu anh sắp bị trừng phạt, ít ra anh cũng nên giữ vững nguyên tắc của mình. “Không, tôi đã làm điều đúng đắn.”

"Ồ? Thế cái đúng là cái gì?"

Tao biết mày cóc quan tâm. Nhưng tao đã làm rồi, và tao không hối hận, mày muốn làm gì thì làm—

“Không, Robin. Hãy nói cho ta biết cháu đã chiến đấu vì điều gì.” Giáo sư Lovell ngả người ra sau, chắp hai tay lại, rồi gật đầu. Như thể đây làKiểm tra ư. Như thể hắn ta thực sự đang lắng nghe vậy. “Cứ tiếp tục đi, thuyết phục tôi xem. Cố gắng chiêu mộ tôi đi. Hãy cố gắng hết sức mình.”

"Cách Babel tích trữ vật liệu thật bất công," Robin nói.

Ôi! Thật bất công!

“Không đúng tí nào,” Robin tiếp tục giận dữ. “Thật ích kỷ. Tất cả bạc của chúng ta đều đổ vào xa xỉ phẩm, quân đội, làm ren và vũ khí trong khi có những người chết vì những bệnh đơn giản mà số bạc này có thể chữa khỏi. Thật không công bằng khi các người tuyển dụng sinh viên từ các nước khác đến làm việc cho trung tâm dịch thuật của mình mà quê hương của họ chẳng nhận được gì cả.”

Hắn biết rõ những lý lẽ này. Hắn chỉ đang lặp lại những gì Griffin đã nói với hắn, những sự thật mà hắn đã tự tiếp thu. Nhưng trước sự im lặng lạnh lùng của Giáo sư Lovell, tất cả dường như thật ngớ ngẩn. Giọng hắn nghe yếu ớt và the thé, tuyệt vọng vì sự thiếu tự tin.

“Và nếu ông thực sự ghê tởm cái cách Babel làm giàu,” Giáo sư Lovell nói tiếp, “thì tại sao ông lại luôn có vẻ rất vui lòng nhận tiền của họ?”

Robin giật mình. “Tôi không – tôi không*ask*—Nhưng lời vừa nói ra đã chẳng đâu vào đâu. Cậu ta ấp úng, hai má đỏ bừng.

‘Cậu uống sâm panh, Robin ạ. Cậu nhận tiền trợ cấp. Cậu sống trong căn phòng được trang bị đầy đủ trên đường Magpie, cậu diễu hành trên phố trong bộ áo choàng và quần áo may đo, tất cả đều do trường chi trả, vậy mà cậu lại nói tất cả số tiền này đến từ máu. Điều này không làm cậu bận tâm sao?’

Và đó mới chính là cốt lõi của tất cả, phải không? Robin luôn sẵn lòng, trên lý thuyết, từ bỏ một vài thứ cho một cuộc cách mạng mà anh ta nửa tin nửa ngờ. Anh ta ổn với việc kháng cự miễn là nó không làm hại đến anh ta. Và sự mâu thuẫn đó cũng chẳng sao, miễn là anh ta không nghĩ quá nhiều về nó, hay nhìn nhận quá kỹ. Nhưng khi được trình bày rõ ràng như thế này, bằng những từ ngữ ảm đạm như vậy, thì dường như không thể chối cãi được rằng thay vì là một nhà cách mạng, Robin, trên thực tế, lại chẳng có chút niềm tin nào cả.

Giáo sư Lovell lại nhếch mép. "Giờ thì không còn bận tâm đến đế chế nữa phải không?"

“Không công bằng,” Robin lặp lại. “Thật sự không công bằng—”

‘*Fair*"Hừm," Giáo sư Lovell bắt chước. "Giả sử anh phát minh ra bánh xe quay sợi. Anh có đột nhiên bắt buộc phải chia sẻ lợi

nhuận của mình với tất cả những người vẫn quay bằng tay không?"

Nhưng mà nó không giống nhau—

Và chúng ta có nghĩa vụ phải phân phát bạc cho khắp thế giới, cho những quốc gia lạc hậu đã có mọi cơ hội để xây dựng nên...Trung tâm dịch thuật riêng? Học ngoại ngữ đâu cần đầu tư lớn. Tại sao lại là vấn đề của Anh nếu các quốc gia khác không tận dụng những gì họ có?

Robin mở miệng định đáp lại, nhưng chẳng nghĩ ra được điều gì để nói. Tại sao lại khó tìm được lời lẽ đến vậy? Có gì đó sai sai trong lập luận này, nhưng một lần nữa, anh không thể hiểu được là gì. Tự do thương mại, biên giới mở, tiếp cận bình đẳng với cùng một tri thức - tất cả nghe có vẻ rất ổn trên lý thuyết. Nhưng nếu sân chơi thực sự công bằng như vậy, tại sao tất cả lợi nhuận lại dồn về nước Anh? Người Anh có thực sự thông minh và cần cù hơn đến thế? Hay họ chỉ đơn giản là chơi đúng luật và thắng?

“Ai tuyển cậu vậy?” Giáo sư Lovell hỏi. “Xem ra họ làm việc chẳng ra gì.”

Robin không trả lời.

"Có phải Griffin Harley không?"

Robin giật mình, và thế là đủ để nhận tội.

“Dĩ nhiên. Griffin.” Giáo sư Lovell nhổ cái tên ra như một lời nguyền. Ông nhìn Robin một lúc lâu, dò xét khuôn mặt cậu như thể có thể tìm thấy bóng ma của người con trai cả trong người con trai út. Rồi ông hỏi, với một giọng kỳ lạ dịu dàng, “Cậu có biết chuyện gì đã xảy ra với Eveline Brooke không?”

“Không,” Robin nói, dù trong đầu anh nghĩ khác.*yes*; anh ta biết, không phải chi tiết cụ thể của câu chuyện mà là đường nét chung của nó. Anh ta gần như đã ghép được tất cả lại với nhau, mặc dù anh ta đã chần chừ chưa ráp vào mảnh ghép cuối cùng, bởi vì anh ta không muốn biết, và không muốn nó là sự thật.

“Cô ấy rất xuất sắc,” Giáo sư Lovell nói. “Là sinh viên giỏi nhất mà chúng tôi từng có. Niềm tự hào của trường đại học. Anh có biết chính Griffin là kẻ đã sát hại cô ấy không?”

Robin giật lùi. "Không, không phải—"

‘Hắn ta chưa bao giờ kể với cô sao? Thật tình mà nói, tôi rất ngạc nhiên. Tôi cứ tưởng hắn ta sẽ huênh hoang khoác lác cơ đấy.’ Mắt Giáo sư Lovell tối sầm lại. ‘Vậy thì để tôi nói cho cô hay. Năm năm trước, Evie – Evie tội nghiệp, ngây thơ – đang làm việc trên tầng tám sau nửa đêm. Cô ấy bật đèn bàn của mình, nhưng cô ấy không nhận ra tất cả đèn khác đều đã tắt. Evie là vậy đấy. Khi cô ấy mải mê với công việc, cô ấy chẳng còn biết gì xung quanh nữa. Chẳng có gì tồn tại với cô ấy ngoài nghiên cứu.’

Griffin Harley bước vào tòa tháp khoảng hai giờ sáng. Anh ta không thấy Evie – cô đang làm việc ở góc sau, phía sau các máy trạm. Anh ta nghĩ mình chỉ có một mình. Và Griffin tiếp tục làm những gìGriffin làm tốt nhất việc – ăn cắp vặt, lục lọi những bản thảo quý giá để buôn lậu chúng đến trời biết đâu. Hắn ta gần đến cửa thì nhận ra Evie đã thấy mình.

Giáo sư Lovell im bặt. Robin bối rối trước sự im lặng này, cho đến khi anh kinh ngạc nhận thấy khóe mắt ông đỏ hoe và ướt át. Giáo sư Lovell, người chưa từng biểu lộ một chút cảm xúc nào trong suốt những năm Robin quen biết, đang khóc.

“Cô ấy chẳng làm gì cả.” Giọng anh khàn đặc. “Cô ấy không hề báo động. Cô ấy không hề kêu la. Cô ấy chẳng có cơ hội nào. Eveline Brooke chỉ đơn giản là đã ở sai chỗ vào sai thời điểm.

Nhưng Griffin lại quá sợ cô ấy tố cáo hắn ta nên hắn đã giết cô ấy. Tôi tìm thấy cô ấy vào sáng hôm sau."

Ông ấy với tay gõ nhẹ vào thanh bạc mòn vẹt nằm ở góc bàn. Robin đã nhìn thấy nó nhiều lần trước đây, nhưng Giáo sư Lovell luôn để nó quay mặt đi, nửa khuất sau khung ảnh, và cậu chưa bao giờ đủ can đảm để hỏi. Giáo sư Lovell lật nó lại. 'Cậu có biết cặp que diêm này dùng để làm gì không?'

Robin liếc nhìn xuống. Mặt trước ghiBùmRuột gan anh thắt lại. Anh quá sợ hãi để nhìn ra phía sau.

'*Bào*, Giáo sư Lovell nói. "Bộ thủ của lửa. Và bên cạnh nó, bộ thủ của bạo lực, tàn ác, và hỗn loạn; cùng bộ thủ mà tự nó có thể mang nghĩa hoang dã, tàn bạo man rợ; cùng bộ thủ được dùng trong các từ chỉ*thunder*và*cruelty*.* Và ông ấy đã phản bác lại điều đó*burst*, một bản dịch tiếng Anh nhạt nhẽo nhất có thể, nhạt đến mức gần như không phải là dịch nữa – đến nỗi tất cả sức mạnh, sự hủy diệt ấy, bị giam cầm trong lớp bạc. Nó nổ tung trên ngực cô ấy. Xé toạc xương sườn cô ấy như một chiếc lồng chim mở tung. Và rồi hắn bỏ mặc cô ấy ở đó, nằm giữa những kệ sách, tay vẫn cầm sách. Khi tôi nhìn thấy cô ấy, máu của cô ấy đã loang ra khắp nửa sàn nhà. Nhuộm đỏ từng trang sách.' Anh đẩy thanh chắn ngang bàn. 'Cầm lấy.'

Robin giật mình. "Thưa ngài?"

"Nhặt lên," Giáo sư Lovell gắt gỏng. "Cảm nhận sức nặng của nó."

Robin đưa tay ra và nắm chặt lấy thanh kim loại. Nó lạnh khủng khiếp khi chạm vào, lạnh hơn bất kỳ loại bạc nào anh từng gặp, và nặng một cách bất thường. Phải, anh có thể tin rằng thanh kim loại này đã giết người. Nó dường như đang ngân lên một nguồn năng lượng giận dữ bị cầm tù, như một quả lựu đạn đã rút chốt, chỉ chờ phát nổ.

Anh biết hỏi cũng vô ích, nhưng dù sao anh cũng phải hỏi. "Sao anh biết là Griffin?"

“Mười năm nay chúng tôi chẳng có sinh viên nào học tiếng Trung cả,” Giáo sư Lovell nói. “Cô nghĩ tôi làm chuyện đó sao? Hay là Giáo sư Chakravarti?”

Có phải hắn ta đang nói dối? Hoàn toàn có thể – câu chuyện này quá sức ghê rợn, Robin gần như không tin nổi, không muốn tin rằng Griffin có thể làm ra chuyện như giết người.

Nhưng chẳng phải hắn là thế sao? Griffin, kẻ nói về giảng viên Babel như thể họ là quân thù, kẻ liên tục đẩy em trai mình vào chỗ hiểm nguy mà chẳng màng hậu quả, kẻ quá tin vào sự chính nghĩa nhị nguyên trong cuộc chiến của mình đến mức chẳng còn thấy gì khác. Chẳng phải Griffin sẵn sàng giết một cô gái không có khả năng tự vệ nếu điều đó đồng nghĩa với việc giữ Hermes an toàn hay sao?

“Xin lỗi,” Robin thì thầm. “Tôi không biết.”

“Đây chính là kẻ mà cậu đã chọn đi cùng,” Giáo sư Lovell nói. “Một kẻ nói dối và một kẻ sát nhân. Cậu tưởng mình đang giúp đỡ một phong trào giải phóng toàn cầu nào đó à, Robin? Đừng ngây thơ nữa. Cậu đang tiếp tay cho những ảo tưởng vĩ cuồng của Griffin thôi. Và để được gì chứ?” Ông ta gật đầu về phía vai Robin. “Một viên đạn găm vào tay?”

"Sao anh/chị/cô/chú/bác/ông/bà lại..."

“Giáo sư Playfair nhận thấy tay cậu có thể bị thương do chèo thuyền. Tôi không dễ bị lừa như vậy.” Giáo sư Lovell khoanh tay trước bàn và dựa người ra sau. “Vậy thì. Tôi nghĩ lựa chọn phải rất rõ ràng. Babel, hay Hermes.”

Robin cau mày. "Thưa ngài?"

Babel, hay Hermes? Khá đơn giản. Ngươi có thể quyết định.

Robin cảm thấy mình như một nhạc cụ hỏng, chỉ có thể thốt ra một âm thanh duy nhất. "Thưa ngài, tôi không..."

"Cậu có nghĩ mình sẽ bị đuổi học không?"

À –*yes*, sẽ không—

“E rằng rời khỏi Babel không dễ như vậy đâu. Cậu đã lạc lối, nhưng tôi tin rằng đó là do những ảnh hưởng xấu xa – những ảnh hưởng tàn nhẫn và xảo quyệt hơn khả năng chống đỡ của cậu. Đúng là cậu ngây thơ. Và cũng là một nỗi thất vọng. Nhưng cậu chưa hết đường. Chuyện này không nhất thiết phải kết thúc trong tù tội.” Giáo sư Lovell gõ ngón tay lên bàn. “Nhưng sẽ rất hữu ích nếu cậu có thể cung cấp cho chúng tôi một vài thông tin hữu dụng.”

Hữu ích à?

"Thông tin, Robin. Giúp chúng tôi tìm ra bọn chúng. Giúp chúng tôi nhổ tận gốc bọn chúng."

“Nhưng cháu chẳng biết gì về họ cả,” Robin nói. “Cháu còn không biết tên ai ngoài Griffin.”

'Thật à.'

‘Đúng vậy, đó là cách họ hoạt động – họ phân tán quá, chẳng nói gì với cộng sự mới cả. Phòng khi—’ Robin nuốt nước bọt. ‘Phòng khi chuyện như thế này xảy ra.’

Tiếc thật. Anh/chị chắc chứ?

Ừ, tôi thật sự không...

Nói thẳng ra đi, Robin. Đừng lưỡng lự nữa.

Robin rùng mình. Đó chính xác là những lời Griffin đã nói; cậu nhớ rõ. Và Griffin đã nói y hệt như cách Giáo sư Lovell vừa nói, lạnh lùng và hống hách, như thể ông ta đã thắng cuộc tranh luận rồi, như thể bất kỳ lời đáp trả nào của Robin cũng đều là vô nghĩa.

Và Robin có thể tưởng tượng ra nụ cười nhếch mép của Griffin lúc nãy; biết chính xác hắn ta sẽ nói gì –*of course you'll choose your creature comforts, you coddled little scholar*Nhưng Griffin lấy quyền gì mà phán xét lựa chọn của anh? Ở lại Babel, ở lại Oxford, không phải là sự nuông chiều; mà là sự sinh tồn. Đó là tấm vé duy nhất đưa anh đến đất nước này, là thứ duy nhất ngăn cách anh với cảnh màn trời chiếu đất.

Hắn cảm thấy cơn hận thù bùng lên dữ dội nhắm vào Griffin. Robin đâu có muốn bất kỳ điều gì trong chuyện này, vậy mà giờ đây tương lai của cậu – và tương lai của Ramy lẫn Victoire – đều trở nên bấp bênh. Còn Griffin thì sao? Hắn ta ở đâu khi Robin bị bắn? Biến mất. Hắn đã lợi dụng họ để làm theo ý mình, rồi bỏ mặc họ khi mọi chuyện trở nên tồi tệ. Ít ra nếu Griffin phải vào tù thì hắn ta cũng đáng đời.

"Nếu lòng trung thành khiến cậu im lặng, thì không còn gì để nói nữa," Giáo sư Lovell nói. "Nhưng tôi nghĩ chúng ta vẫn có thể hợp tác. Tôi nghĩ cậu chưa sẵn sàng rời khỏi Babel. Phải không?"

Robin hít một hơi thật sâu.

Anh ta thực sự từ bỏ cái gì chứ? Hội Hermes đã bỏ rơi anh ta, phớt lờ những lời cảnh báo của anh ta và đẩy hai người bạn thân nhất của anh ta vào nguy hiểm. Anh ta chẳng nợ họ gì cả.

Trong những ngày và tuần sau đó, anh cố gắng tự thuyết phục mình rằng đây chỉ là một khoảnh khắc nhượng bộ chiến lược, chứ không phải là sự phản bội. Rằng anh không từ bỏ điều gì quá quan trọng – chính Griffin đã nói họ có nhiều nơi ẩn náu an

toàn, phải không? – và bằng cách này, Ramy và Victoire được bảo vệ, anh không bị trục xuất, và tất cả các đường dây liên lạc vẫn còn đó cho một sự hợp tác nào đó trong tương lai với Hermes. Nhưng anh không bao giờ thực sự gạt bỏ được sự thật khó chịu – rằng đây không phải là...không phải về Hermes, cũng không phải về Ramy hay Victoire, mà là về sự tự bảo tồn.

“Nhà thờ St. Aldate,” anh ta nói. “Cửa sau. Có một cái cửa gần tầng hầm trông như bị rỉ sét khóa chặt, nhưng Griffin có chìa khóa. Họ dùng nó làm phòng an toàn.”

Giáo sư Lovell vội vàng ghi chép lại. "Anh ta đến đó thường xuyên như thế nào?"

Tôi không biết.

"Có gì trong đó vậy?"

“Tôi không biết,” Robin lại nói. “Chính tôi cũng chưa từng đến đó. Thật đấy, anh ấy kể cho tôi rất ít. Tôi xin lỗi.”

Giáo sư Lovell nhìn anh chằm chằm một lúc lâu với ánh mắt lạnh lùng, rồi dường như dịu lại.

“Tôi biết cậu hơn thế này.” Ông ta chồm người về phía trước bàn làm việc. “Cậu khác Griffin về mọi mặt. Cậu khiêm tốn, sáng dạ và chăm chỉ. Cậu ít bị ảnh hưởng bởi gốc gác của mình hơn hắn ta. Nếu tôi mới chỉ gặp cậu, tôi sẽ khó mà đoán được cậu là người Hoa. Cậu có tài năng phi thường, và tài năng xứng đáng có cơ hội thứ hai. Nhưng hãy cẩn thận, cậu bé.” Ông ta ra hiệu về phía cửa. “Sẽ không có lần thứ ba đâu.”

Robin đứng dậy, rồi liếc xuống tay mình. Anh nhận ra mình đã nắm chặt thanh sắt đã giết chết Evie Brooke suốt bấy giờ. Nó vừa nóng vừa lạnh cùng một lúc, và anh có một nỗi sợ kỳ lạ rằng nếu anh chạm vào nó thêm một chút nữa, nó có thể ăn

mòn một lỗ xuyên qua lòng bàn tay. Anh chìa nó ra. "Thưa ngài —"

"Cứ giữ lấy," Giáo sư Lovell nói.

"Thưa ngài?"

“Tôi nhìn chằm chằm vào song sắt đó mỗi ngày suốt năm năm qua, tự hỏi mình đã sai ở đâu với Griffin. Nếu tôi nuôi dạy nó khác đi, hoặc nhận ra bản chất thật của nó sớm hơn, liệu Evie có còn – nhưng thôi.” Giọng Giáo sư Lovell cứng lại. “Giờ thì nó đè nặng lên lương tâm của cháu. Hãy giữ lấy nó, Robin Swift. Cất nó trong túi áo. Lôi nó ra mỗi khi cháu bắt đầu nghi ngờ, và để nó nhắc nhở cháu bên nào là kẻ ác.”

Anh ta ra hiệu cho Robin rời khỏi văn phòng. Robin loạng choạng xuống cầu thang, nắm chặt thứ bạc trong tay, đầu óc quay cuồng và hoàn toàn chắc chắn rằng mình đã đẩy cả thế giới của bản thân ra khỏi quỹ đạo. Chỉ là anh ta chẳng mảy may biết được liệu mình đã làm đúng hay chưa, đúng sai là gì, hay mọi thứ giờ sẽ ra sao.

Interlude

Ramy

RAmiz Rafi Mirza từ nhỏ đã là một cậu bé lanh lợi. Cậu có một trí nhớ siêu phàm, tài ăn nói trời phú. Cậu tiếp thu ngôn ngữ như miếng bọt biển thấm nước, và có một đôi tai vô cùng nhạy bén với nhịp điệu và âm thanh. Cậu không chỉ lặp lại những cụm từ đã học; mà còn bắt chước giọng điệu của người nói một cách chính xác, truyền tải đầy đủ cảm xúc vào lời nói, cứ như thể cậu hóa thân thành họ trong khoảnh khắc. Nếu có kiếp sau, cậu chắc chắn sẽ là một ngôi sao sân khấu. Cậu sở hữu một kỹ năng khó tả, thứ kỹ năng khiến những từ ngữ đơn giản trở nên ngân nga, réo rắt.

Ramy rất thông minh, và cậu có nhiều cơ hội để thể hiện điều đó. Gia đình Mirza đã vượt qua những thăng trầm của thời đại đó với vận may lớn. Mặc dù họ nằm trong số những gia đình Hồi giáo bị mất đất đai và tài sản sau Định cư Vĩnh viễn, nhưng nhà Mirza đã tìm được việc làm ổn định, nếu không muốn nói là rất béo bở, trong gia đình ông Horace Hayman Wilson, thư ký của Hội Á Châu Bengal ở Calcutta. Ngài Horace rất quan tâm đến ngôn ngữ và văn học Ấn Độ, và ông rất thích trò chuyện với cha của Ramy, một người được đào tạo bài bản về tiếng Ả Rập, tiếng Ba Tư và tiếng Urdu.

Ramy lớn lên giữa tầng lớp thượng lưu Anh quốc ở khu phố da trắng của Calcutta, giữa những ngôi nhà có mái hiên và cột theo phong cách châu Âu và những cửa hàng phục vụ riêng cho khách hàng châu Âu. Wilson quan tâm đến việc học hành của cậu từ rất sớm, và trong khi những đứa trẻ cùng tuổi vẫn còn chơi đùa ngoài đường, Ramy đã dự thính các lớp học tại trường Cao đẳng Hồi giáo Calcutta, nơi cậu học số học, thần học và triết học. Cậu học tiếng Ả Rập, tiếng Ba Tư và tiếng Urdu với cha mình. Cậu học tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp từ các gia sư do

Wilson thuê. Còn tiếng Anh, cậu tiếp thu từ thế giới xung quanh.

Trong gia đình Wilson, họ gọi cậu là giáo sư nhỏ. Ramy thông minh, Ramy lanh lợi. Cậu bé chẳng hiểu gì về mục đích của những thứ mình học, chỉ biết rằng việc cậu bé nắm vững tất cả mọi thứ khiến người lớn rất thích thú. Cậu thường biểu diễn vài trò cho những vị khách mà Ngài Horace mời đến phòng khách. Họ đưa cho cậu xem một loạt các quân bài, và cậu bé sẽ lặp lại chính xác chất và số của các quân bài theo đúng thứ tự chúng xuất hiện. Họ đọc to cả đoạn văn hoặc bài thơ bằng tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Ý, và cậu bé, dù chẳng hiểu một chữ nào, vẫn đọc lại vanh vách, kể cả ngữ điệu.

Hắn từng rất tự hào về điều này. Hắn thích nghe tiếng reo kinh ngạc của khách, thích cái cách họ xoa đầu hắn và dúi kẹo vào lòng bàn tay trước khi bảo hắn chạy biến vào bếp. Khi đó, hắn nào hiểu gì về giai cấp, về chủng tộc. Hắn nghĩ tất cả chỉ là một trò chơi. Hắn không thấy cha mình đang đứng nhìn từ góc khuất, lông mày nhíu lại đầy lo lắng. Hắn không biết rằng gây ấn tượng với một người da trắng cũng nguy hiểm như khi chọc giận họ.

Một buổi chiều nọ, khi Wilson mười hai tuổi, các vị khách của cậu bé gọi cậu đến giữa một cuộc tranh luận sôi nổi.

“Ramy.” Người đàn ông vẫy tay gọi cậu là ông Trevelyan, một khách quen, người đàn ông với cặp tóc mai rậm rạp và nụ cười khô khốc, gian xảo. “Lại đây.”

"Ôi, cứ để anh ta yên," Ngài Horace nói.

“Tôi đang chứng minh một điều.” Ông Trevelyan vẫy tay ra hiệu. “Ramy, lại đây nào.”

Ngài Horace không bảo Ramy đừng làm thế, nên Ramy vội vàng chạy đến bên cạnh ông Trevelyan, đứng thẳng người, hai tay

chắp sau lưng như một chú lính nhỏ. Cậu đã học được rằng những vị khách người Anh rất thích tư thế này; họ thấy nó dễ thương. "Dạ, thưa ngài?"

"Đếm đến mười bằng tiếng Anh," ông Trevelyan nói.

Ramy vâng lời. Ngài Trevelyan thừa biết anh ta có thể làm điều này; màn trình diễn là dành cho những quý ông khác đang có mặt.

"Bây giờ bằng tiếng Latinh," ông Trevelyan nói, và khi Ramy đã làm xong, "Bây giờ bằng tiếng Hy Lạp."

Ramy làm theo. Những tiếng cười khúc khích thích thú vang lên khắp phòng. Ramy quyết định thử vận may. "Số nhỏ dành cho trẻ con," cậu nói bằng tiếng Anh hoàn hảo. "Nếu muốn nói chuyện về đại số, hãy chọn một ngôn ngữ và chúng ta sẽ nói về nó."

Ramy cười khúc khích, lắc lư người chờ đợi những viên kẹo hay đồng xu sắp được dúi vào tay.

Ông Trevelyan quay lại với những vị khách khác. “Hãy xem xét cậu bé này và cha của nó. Cả hai có năng lực tương tự nhau, cùng xuất thân và học vấn. Tôi cho rằng, người cha thậm chí còn có lợi thế hơn, vì*his*Người ta nói cha tôi thuộc tầng lớp thương gia giàu có. Nhưng vận may nào rồi cũng có lúc lên lúc xuống. Dù có tài năng thiên bẩm, ông Mirza đây cũng chỉ có thể làm người hầu. Ông thấy có đúng không, ông Mirza?

Ramy thấy thoáng qua trên mặt cha mình một vẻ kỳ lạ. Trông ông như đang cố kìm nén điều gì đó, như thể vừa nuốt phải một hạt mầm đắng ngắt mà không sao nhổ ra được.

Bỗng nhiên trò chơi này chẳng còn thú vị nữa. Cậu cảm thấy hơi lo lắng vì đã khoe khoang, nhưng lại không rõ tại sao.

"Thôi nào, ông Mirza," ông Trevelyan nói. "Ông không thể nói rằng ông*wanted*làm chân sai vặt.

Ông Mirza cười khúc khích lo lắng. "Thật là vinh dự lớn khi được phục vụ Ngài Horace Wilson."

Thôi đi, đừng khách sáo nữa, ai mà chẳng biết nó đánh rắm như nào.

Ramy nhìn chằm chằm vào cha mình; người đàn ông mà cậu vẫn nghĩ cao như núi, người đã dạy cậu tất cả các kiểu chữ: Roman, Ả Rập và Nastaliq. Người đã dạy cậu cầu nguyện (salah). Người đã dạy cậu ý nghĩa của sự tôn trọng. Hafiz của cậu.

Ông Mirza gật đầu và mỉm cười. "Vâng. Đúng vậy, thưa ông Trevelyan. Dĩ nhiên, tôi cũng muốn được ở vào vị trí của ông."

“Thế đấy,” ông Trevelyan nói. “Anh thấy chưa, Horace, những người này có tham vọng. Họ có trí tuệ, và khao khát tự quản, đúng như lẽ phải thôi.”[*]Và chính những chính sách giáo dục của bạn đãđang kìm hãm họ. Ấn Độ đơn giản là không có ngôn ngữ nào cho*statecraft*Thơ phú của ngài quả thực rất hay, nhưng về việc quản lý thì—

Căn phòng lại nổ tung trong cuộc tranh luận ồn ào. Ramy bị lãng quên. Cậu liếc nhìn Wilson, vẫn hy vọng phần thưởng của mình, nhưng cha cậu nhìn cậu một cái sắc lẹm rồi lắc đầu.

Ramy là một cậu bé lanh lợi. Nó biết cách làm cho mình biến mất tăm.

Hai năm sau, vào năm 1833, Ngài Horace Wilson rời Calcutta để đảm nhận vị trí Giáo sư Sanskrit đầu tiên tại Đại học Oxford.[*]Ông bà Mirza biết rõ hơn là phản đối khi Wilson đề nghị đưa con trai họ đến Anh, và Ramy không hề oán trách cha mẹ vì đã không đấu tranh để giữ cậu ở lại bên cạnh. (Lúc đó, cậu đã biết chống đối một người da trắng nguy hiểm đến mức nào.)

“Nhân viên của tôi sẽ nuôi dạy nó ở Yorkshire,” Wilson giải thích. “Tôi sẽ đến thăm khi nào tôi xin nghỉ phép được ở trường đại học. Rồi khi nó lớn, tôi sẽ cho nó nhập học tại University College. Charles Trevelyan có thể đúng, và tiếng Anh có thể là con đường phía trước cho người bản địa, nhưng các ngôn ngữ Ấn Độ vẫn có giá trị đối với các học giả. Tiếng Anh là đủ tốt cho những gã trong ngành hành chính dân sự, nhưng chúng ta cần những thiên tài thực sự của chúng ta nghiên cứu tiếng Ba Tư và tiếng Ả Rập, phải không? Phải có ai đó giữ cho các truyền thống cổ xưa tồn tại chứ.”

Gia đình Ramy tiễn cậu ở bến tàu. Cậu chẳng mang theo nhiều đồ; quần áo nào cậu đem theo cũng sẽ bị chật sau sáu tháng.

Mẹ anh nắm lấy hai bên mặt anh và hôn lên trán anh. “Nhớ viết thư về nhé. Mỗi tháng một lần – không, mỗi tuần một lần – và nhớ cầu nguyện—”

Vâng, mẹ ạ.

Các chị/em gái bám lấy áo khoác của anh. "Anh có gửi quà về không?", họ hỏi. "Anh có gặp Đức Vua không?"

“Phải,” anh ta nói. “Và không, tôi không quan tâm.”

Cha anh đứng lùi lại một chút, quan sát vợ con, chớp mắt liên tục như thể muốn khắc ghi tất cả vào trong ký ức. Cuối cùng,Khi tiếng gọi lên máy bay vang lên, anh ôm chặt con trai vào lòng và thì thầm, ‘*Allah hafiz*.* Viết thư cho mẹ đi con.

Vâng, Abbu.

Đừng quên mình là ai, Ramiz.

Vâng, Abbu.

Lúc đó Ramy mười bốn tuổi, đủ lớn để hiểu ý nghĩa của lòng tự trọng. Ramy dự định sẽ làm nhiều hơn là chỉ nhớ. Bởi vì giờ đây cậu đã hiểu tại sao hôm ấy ở phòng khách, cha mình lại mỉm cười – không phải vì yếu đuối hay cam chịu, và cũng không phải vì sợ bị trả thù. Ông đã diễn một vai. Ông đã cho Ramy thấy cách làm như thế nào.

*Lie, Ramiz*Đây chính là bài học, bài học quan trọng nhất mà anh ta từng được dạy.*Hide, Ramiz. Show the world what they want; contort yourself into the image they want to see, because seizing control of the story is how you in turn control them. Hide your faith, hide your prayers, for Allah will still know your heart.*

Và màn trình diễn của Ramy thật đáng nể. Anh ta chẳng hề gặp khó khăn gì khi hòa nhập vào giới thượng lưu Anh Quốc – Calcutta cũng có đầy rẫy quán rượu, nhà hát và sân khấu kiểu Anh, và những gì anh ta thấy ở Yorkshire chẳng khác gì một phiên bản phóng đại của cái thế giới thượng lưu thu nhỏ mà anh ta lớn lên. Anh ta điều chỉnh độ nặng nhẹ của giọng nói tùy thuộc vào người đối diện. Anh ta học thuộc lòng tất cả những ý niệm kỳ quặc của người Anh về dân tộc mình, rồi thêm mắm dặm muối vào như một nhà soạn kịch lão luyện, và nhả lại cho họ nghe. Anh ta biết lúc nào nên đóng vai một thủy thủ lascar, một người hầu, một hoàng tử. Anh ta học được lúc nào nên nịnh nọt và lúc nào nên tự hạ thấp mình. Anh ta có thể viết cả một luận án về lòng tự tôn của người da trắng, về sự tò mò của người da trắng. Anh ta biết cách làm cho mình trở thành một đối tượng hấp dẫn trong khi vô hiệu hóa bản thân như một mối đe dọa. Anh ta tinh chỉnh trò lừa đảo vĩ đại nhất, đó là khiến một người Anh nhìn mình với sự kính trọng.

Anh ta giỏi đến mức gần như đánh mất chính mình trong sự giả tạo. Quả là một cái bẫy nguy hiểm cho một kẻ diễn xuất khi tin vào chính những câu chuyện của mình, bị che mờ bởi những tràng pháo tay. Anh ta có thể hình dung ra mình là một nghiên cứu sinh sau tiến sĩ, ngập tràn danh hiệu và giải thưởng. Một

luật sư được trả lương hậu hĩnh. Một thông dịch viên ứng biến xuất sắc, bay qua bay lại giữa Luân Đôn và Calcutta, mang theo của cải và quà tặng cho gia đình mỗi khi trở về.

Và điều này đôi khi khiến anh sợ hãi, việc anh dạo chơi quanh Oxford dễ dàng đến thế nào,Tương lai tưởng tượng ấy dường như gần trong tầm tay. Bề ngoài, anh ta tỏa sáng. Bên trong, anh ta cảm thấy mình như một kẻ lừa đảo, một kẻ phản bội. Và anh ta bắt đầu tuyệt vọng, tự hỏi liệu tất cả những gì anh ta sẽ đạt được chỉ là trở thành một tay sai của đế quốc như Wilson đã dự định, bởi vì những con đường kháng chiến chống thực dân dường như quá ít ỏi, và quá vô vọng.

Cho đến năm thứ ba, khi Anthony Ribben xuất hiện trở lại từ cõi chết và hỏi, "Cậu có muốn tham gia cùng chúng tôi không?"

Và Ramy, không chút do dự, nhìn thẳng vào mắt anh ta và nói, "Vâng."

Chapter Sixteen

It appears quite certain that the Chinese, a money-making and money-loving people, are as much addicted to trade, and as anxious as any nation on earth to court a commercial intercourse with strangers.

JOHNCRỐP-PHỚT, 'Đế chế Trung Hoa và Thương mại'

MSáng đến. Robin thức dậy, rửa mặt và mặc quần áo đi học. Cậu gặp Ramy bên ngoài nhà. Cả hai chẳng nói lời nào; họ im lặng bước đến cửa tháp, và bất chấp nỗi sợ hãi bất chợt của Robin, cánh cửa mở ra cho họ vào. Họ đến muộn; Giáo sư Craft đã bắt đầu giảng bài khi họ ngồi vào chỗ. Letty liếc xéo họ với vẻ mặt khó chịu. Victoire gật đầu với Robin, nét mặt cô khó đoán. Giáo sư Craft vẫn tiếp tục giảng như thể bà chưa nhìn thấy họ; đây là cách bà luôn xử lý việc đi học trễ. Họ lấy bút ra và bắt đầu ghi chép về Tacitus và những câu tuyệt đối khó nhằn của ông.

Căn phòng vừa tầm thường lại vừa đẹp đến nao lòng: ánh sáng ban mai xuyên qua cửa sổ kính màu, đổ những mảng màu rực rỡ lên mặt bàn gỗ bóng loáng; tiếng phấn kêu sột soạt trên bảng đen; và mùi hương gỗ ngọt ngào của sách cũ. Một giấc mơ; đây là một giấc mơ không thể nào có thật, thế giới mong manh, đáng yêu này, nơi mà với cái giá của niềm tin của mình, anh đã được phép ở lại.

Chiều hôm đó họ nhận được thông báo yêu cầu chuẩn bị khởi hành đi Quảng Châu, quá cảnh Luân Đôn, vào ngày 11 tháng 10 - tức ngày mốt. Họ sẽ ở Trung Quốc ba tuần - hai tuần ở Quảng Châu và một tuần ở Macao - và sau đó dừng chân ở Mauritius mười ngày trên đường về.

Your destinations are temperate, but the sea voyage can be chilly, đọc thông báo.*Bring a thick coat.*

“Chẳng phải hơi sớm quá sao?” Letty hỏi. “Tớ tưởng chúng ta phải đợi thi xong mới đi chứ.”

“Giải thích ở đây này.” Ramy gõ vào cuối trang giấy. “Tình hình đặc biệt ở Quảng Châu – họ thiếu phiên dịch tiếng Trung và muốn Babbler lấp chỗ trống, nên họ đã đẩy chuyến đi của chúng ta lên sớm.”

“Tuyệt quá!” Letty rạng rỡ. “Đây sẽ là cơ hội đầu tiên chúng ta được ra ngoài khám phá thế giới và*do*cái gì đó.’

Robin, Ramy và Victoire trao đổi ánh mắt với nhau. Cả ba đều cùng chung một mối nghi ngờ - rằng sự ra đi đột ngột này bằng cách nào đó có liên quan đến đêm thứ Sáu. Nhưng họ không thể biết điều đó có ý nghĩa gì đối với sự vô tội được cho là của Ramy và Victoire, hay chuyến đi này sẽ dành điều gì cho tất cả bọn họ.

Ngày cuối cùng trước khi họ rời đi thật là một cực hình. Người duy nhất trong số họ cảm thấy hào hứng là Letty, cô tự mình đến từng phòng vào tối hôm đó để đảm bảo hành lý của mọi người được đóng gói đúng cách. "Cậu không biết ngoài biển buổi sáng lạnh thế nào đâu," cô nói vừa gấp những chiếc áo sơ mi của Ramy thành một chồng gọn gàng trên giường. "Cậu sẽ cần nhiều hơn một chiếc áo lanh đấy Ramy, ít nhất là hai lớp."

"Làm ơn đi, Letitia." Ramy gạt tay cô ra trước khi cô kịp chạm vào mấy đôi tất của anh. "Tất cả chúng ta đều đã từng lênh đênh trên biển rồi."

“Tôi đi lại thường xuyên mà,” cô nói, lờ anh đi. “Tôi phải biết chứ. Và chúng ta nên giữ một túi thuốc nhỏ - thuốc ngủ, gừng - tôi không chắc có thời gian để chạy ra cửa hàng, có thể chúng ta phải làm vậy ở Luân Đôn—”

“Đi tàu nhỏ thì lâu lắm,” Ramy gắt gỏng. “Đây có phải Thập Tự Chinh đâu.”

Letty cứng người quay lại lục tung rương của Robin. Victoire nhìn Robin và Ramy với vẻ bất lực. Họ không thể nói chuyện thoải mái khi có Letty, nên chỉ đành ngồi sôi sục trong lo lắng. Cùng một câu hỏi chưa có lời đáp cứ ám ảnh họ. Chuyện gì đang xảy ra vậy? Họ đã được tha thứ chưa, hay lưỡi rìu vẫn treo lơ lửng trên đầu? Liệu họ có ngây thơ lên tàu đến Quảng Châu, rồi bị bỏ rơi ở bên kia đại dương?

Quan trọng nhất là – làm sao họ có thể được tuyển vào Hội Hermes riêng rẽ mà không biết về những người khác? Ramy và Victoire ít ra cũng có lý do – họ là người mới ở Hermes; có lẽ họ đã quá sợ hãi trước yêu cầu giữ im lặng của hội nên chưa nói gì với Robin. Nhưng Robin đã biết về Hermes từBa năm rồi, và hắn chưa từng hé răng nửa lời, kể cả với Ramy. Hắn đã che giấu xuất sắc bí mật lớn nhất đời mình khỏi những người bạn mà hắn vẫn luôn tuyên bố là chủ nhân trái tim mình.

Robin nghi ngờ điều này đã làm Ramy lo lắng lắm. Sau khi họ đưa mấy cô gái về chỗ trọ ở phía bắc tối hôm đó, Robin đã cố gắng đề cập đến chuyện này, nhưng Ramy lắc đầu. "Không phải bây giờ, Chim Sẻ."

Tim Robin nhói đau. "Nhưng tôi chỉ muốn giải thích—"

"Vậy tôi nghĩ chúng ta nên đợi Victoire," Ramy nói cộc lốc. "Cậu thấy sao?"

Chiều hôm sau, họ cùng Giáo sư Lovell, người sẽ giám sát họ trong suốt chuyến đi, lên đường đến London. Rất may, chuyến đi này ngắn hơn nhiều so với chuyến xe ngựa mười tiếng đã đưa Robin đến Oxford ba năm trước. Tuyến đường sắt giữa Oxford và ga Paddington cuối cùng đã được hoàn thành vào mùa hè năm ngoái, việc khánh thành được kỷ niệm bằng cách lắp đặt các thanh bạc dưới sân ga của ga Oxford mới xây.* Và thế là cuộc hành trình chỉ mất có một tiếng rưỡi, trong suốt thời gian đó

Robin đã cố gắng không chạm mắt với Giáo sư Lovell dù chỉ một lần.

Tàu của họ đến mai mới khởi hành; họ sẽ nghỉ qua đêm tại một quán trọ trên phố New Bond. Letty nhất quyết đòi ra ngoài khám phá London một chút, nên cuối cùng họ đến xem buổi biểu diễn tại phòng khách của một người tự xưng là Công chúa Caraboo. Công chúa Caraboo rất nổi tiếng trong giới sinh viên Babel. Từng là con gái của một người thợ đóng giày khiêm tốn, bà ta đã thuyết phục được nhiều người tin rằng mình là một thành viên hoàng tộc kỳ lạ đến từ đảo Javasu. Nhưng giờ đã gần một thập kỷ kể từ khi Công chúa Caraboo bị vạch mặt là Mary Willcocks đến từ North Devon, và màn trình diễn của bà ta – bao gồm một điệu nhảy lò cò kỳ quặc, vài câu nói hùng hồn bằng một thứ ngôn ngữ bịa đặt, và những lời cầu nguyện tới một vị thần mà bà ta gọi là Allah-Tallah (tại đây Ramy nhăn mũi), trông có vẻ...Thảm hại hơn là buồn cười. Màn trình diễn ấy để lại dư vị khó chịu trong lòng họ; cả nhóm rời đi sớm và trở về quán trọ, mệt mỏi và kiệm lời.

Sáng hôm sau, họ lên một chiếc thuyền cao tốc của Công ty Đông Ấn tên là*Merope*hướng thẳng đến Quảng Châu. Những con tàu này được chế tạo để đạt tốc độ cao, bởi chúng phải vận chuyển hàng hóa dễ hư hỏng qua lại nhanh nhất có thể, và do đó được trang bị những thanh bạc tối tân để rút ngắn hành trình. Robin lờ mờ nhớ rằng chuyến đi đầu tiên của mình từ Quảng Châu đến London, mười năm trước, đã mất gần bốn tháng. Những chiếc thuyền cao tốc này có thể thực hiện hành trình đó chỉ trong sáu tuần.

“Hào hứng chứ?” Letty hỏi anh khi*Merope*rời cảng Luân Đôn, xuôi dòng Thames hướng ra biển lớn.

Robin không chắc lắm. Cậu cảm thấy kỳ lạ kể từ khi lên tàu, dù không thể gọi tên chính xác nỗi khó chịu này. Việc cậu sắp quay về dường như không thật. Mười năm trước, cậu đã rất hào hứng

khi dong buồm về phía London, đầu óc quay cuồng với những giấc mơ về thế giới bên kia đại dương. Lần này, cậu nghĩ mình biết điều gì đang chờ đợi. Điều đó làm cậu sợ. Cậu tưởng tượng về sự trở về của mình với một nỗi lo sợ kinh khủng; nỗi sợ không nhận ra mẹ mình giữa đám đông. Liệu cậu có nhận ra những gì mình thấy? Liệu cậu có còn nhớ gì không? Đồng thời, viễn cảnh được gặp lại Canton dường như quá đột ngột và khó tin; cậu thấy mình có một niềm tin kỳ lạ rằng khi họ đến nơi, nó sẽ biến mất khỏi địa cầu.

Đáng sợ hơn nữa là khả năng một khi đã đến nơi, anh sẽ bị buộc phải ở lại; rằng Lovell đã nói dối và toàn bộ chuyến đi này được sắp đặt để đưa anh ra khỏi nước Anh; rằng anh sẽ bị lưu đày khỏi Oxford, và tất cả những gì anh biết, mãi mãi.

Trong khi đó, còn sáu tuần lênh đênh trên biển phải chịu đựng. Sáu tuần này ngay từ đầu đã chứng tỏ là một cực hình. Ramy và Victoire trông như những xác chết biết đi, mặt tái mét và giật bắn mình với những tiếng động nhỏ nhất, không thể nói chuyện phiếm bình thường mà không thể hiện vẻ mặt kinh hãi tột độ. Cả hai đều chưa bị trường đại học kỷ luật. Cả hai thậm chí còn chưa bị gọi lên thẩm vấn. Nhưng chắc chắn, Robin nghĩ, Giáo sư Lovell ít nhất cũng nghi ngờ sự liên quan của họ. Vẻ mặt của họ đã tố cáo tất cả. Vậy thì Babel biết bao nhiêu? Hermes biết bao nhiêu? Và điều gì đã xảy ra với căn phòng an toàn của Griffin?

Robin chỉ muốn được nói chuyện với Ramy và Victoire, nhưng họ chưa bao giờ có cơ hội. Letty lúc nào cũng kè kè bên cạnh.Ngay cả vào ban đêm, khi họ trở về những cabin riêng biệt của mình, Victoire cũng không có cơ hội lẻn đi gặp các chàng trai mà không khiến Letty nghi ngờ. Họ không còn cách nào khác ngoài giả vờ như mọi thứ vẫn bình thường, nhưng họ lại diễn rất tệ. Tất cả đều nhớp nháp mồ hôi, bồn chồn và cáu kỉnh. Không ai trong số họ có thể tỏ ra hào hứng với những gì đáng lẽ ra phải là chương thú vị nhất trong sự nghiệp của họ. Và họ

cũng không thể nói chuyện về bất cứ điều gì khác; những câu chuyện cười cũ hay những cuộc tranh luận vu vơ đều không thể hiện ra một cách tự nhiên, và mỗi khi có, chúng nghe thật nặng nề và gượng ép. Letty – lắm lời, hay xen vào và chẳng hề hay biết – đang làm tất cả bọn họ phát cáu, và mặc dù họ cố gắng che giấu sự bực dọc của mình, vì đó không phải lỗi của cô ấy, nhưng họ không thể không gắt gỏng với cô ấy khi cô ấy hỏi ý kiến của họ về ẩm thực Quảng Đông lần thứ mười hai.

Cuối cùng cô ấy cũng đánh hơi thấy có gì đó đang diễn ra. Vào đêm thứ ba, sau khi Giáo sư Lovell rời khỏi phòng ăn, cô ấy đập mạnh chiếc dĩa xuống bàn và gặng hỏi: "Mọi người bị làm sao vậy?"

Ramy nhìn cô chằm chằm, mặt lạnh tanh. "Tôi không hiểu cô muốn nói gì."

“Đừng có giả vờ nữa,” Letty gắt. “Cả lũ các cậu đang cư xử rất kỳ quặc. Chẳng ai đụng đến thức ăn, bài vở thì học hành bê bối – Tớ nghĩ cậu còn chưa thèm động đến cuốn sách cụm từ của mình nữa kìa, Ramy, mà buồn cười là mấy tháng nay cậu cứ khăng khăng là cậu có thể bắt chước giọng Trung Quốc giỏi hơn Robin —”

“Bọn cháu say sóng,” Victoire buột miệng. “Được chưa? Không phải ai cũng lớn lên với những mùa hè lênh đênh trên Địa Trung Hải như anh.”

"Chắc ở Luân Đôn cô cũng say sóng nữa nhỉ?" Letty hỏi mỉa mai.

“Không, chỉ là chán nghe giọng mày thôi,” Ramy nói một cách cay độc.

Letty choáng váng.

Robin đẩy ghế ra sau và đứng dậy. "Tôi cần hít thở không khí."

Victoire gọi với theo anh, nhưng anh giả vờ như không nghe thấy. Anh cảm thấy tội lỗi khi bỏ mặc cô và Ramy cho Letty, vì đã chạy trốn khỏi hậu quả thảm khốc này, nhưng anh không thể chịu đựng thêm một giây phút nào ở bàn ăn đó nữa. Anh thấy nóng bừng và bứt rứt, như thể hàng ngàn con kiến đang bò lúc nhúc dưới lớp quần áo. Nếu không thoát ra ngoài, đi loanh quanh, vận động, chắc chắn anh sẽ nổ tung.

Bên ngoài trời lạnh và nhanh chóng tối sầm lại. Boong tàu vắng tanh, chỉ có Giáo sư Lovell đang hút thuốc ở mũi tàu. Robin suýt quay trở lại khi nhìn thấy ông – họ chưa nói với nhau lời nào ngoài những câu xã giao kể từ sáng hôm sau khi anh bị bắt gặp – nhưng Giáo sư Lovell đã thấy anh rồi. Ông hạ thấp...tẩu thuốc của mình và ra hiệu cho Robin đến gần. Tim đập thình thịch, Robin tiến lại.

'Tôi nhớ lần cuối cùng cậu thực hiện chuyến đi này.' Giáo sư Lovell gật đầu nhìn những con sóng đen cuồn cuộn. 'Khi đó cậu còn nhỏ xíu.'

Robin không biết phải đáp lại thế nào, nên cậu chỉ nhìn chằm chằm vào ông, chờ ông nói tiếp. Trước sự ngạc nhiên của Robin, Giáo sư Lovell đưa tay ra và đặt lên vai cậu. Nhưng cái chạm thật gượng gạo, miễn cưỡng; góc độ lệch lạc, lực ấn quá mạnh. Họ đứng đó, căng thẳng và hoang mang, như hai diễn viên trước một tấm ảnh daguerreotype, giữ nguyên tư thế cho đến khi ánh sáng lóe lên.

"Tôi tin vào những khởi đầu mới," Giáo sư Lovell nói. Có vẻ như ông đã tập dượt những lời này; chúng nghe cứng nhắc và gượng gạo như cái chạm của ông. "Ý tôi muốn nói, Robin, là cô rất tài năng. Chúng tôi sẽ rất tiếc nếu mất cô."

"Cảm ơn," là tất cả những gì Robin nói, vì anh vẫn không biết chuyện này sẽ đi đến đâu.

Giáo sư Lovell hắng giọng, rồi vẩy vẩy cái tẩu thuốc trước khi nói, như thể đang dỗ dành những lời nói của chính mình thoát ra khỏi lồng ngực. "Dù sao thì, điều tôi thực sự muốn nói là - điều mà lẽ ra tôi nên nói trước đó - tôi có thể hiểu nếu cậu cảm thấy... thất vọng về tôi."

Robin chớp mắt. "Thưa ngài?"

'Lẽ ra tôi nên thông cảm với hoàn cảnh của cháu hơn.' Giáo sư Lovell lại liếc nhìn ra biển. Dường như ông gặp khó khăn khi vừa nhìn thẳng vào mắt Robin vừa nói chuyện. 'Lớn lên ở nơi đất khách quê người, bỏ lại tất cả những gì cháu từng biết, thích nghi với một môi trường mới mà ở đó chắc hẳn cháu đã nhận được… ừm, ít hơn nhiều sự quan tâm và yêu thương mà cháu cần… Tất cả những điều đó cũng đã ảnh hưởng đến Griffin, và tôi không thể nói rằng tôi đã xử lý mọi việc tốt hơn ở lần thứ hai. Cháu phải chịu trách nhiệm cho những quyết định sai lầm của mình, nhưng tôi thú nhận rằng một phần tôi cũng tự trách mình.'

Ông ấy lại hắng giọng. "Ta muốn chúng ta bắt đầu lại. Một trang mới cho con, một cam kết mới từ phía ta để trở thành một người giám hộ tốt hơn. Chúng ta sẽ coi như mấy ngày vừa qua chưa từng xảy ra. Chúng ta sẽ bỏ lại Hội Hermes, và cả Griffin, phía sau. Chúng ta sẽ chỉ nghĩ về tương lai, và tất cả những điều huy hoàng và rực rỡ mà con sẽ đạt được ở Babel. Như vậy có được không?"

Robin nhất thời chết lặng. Thành thật mà nói, đây chẳng phải là một sự nhượng bộ lớn lao gì. Giáo sư Lovell chỉ xin lỗi vì đôi khi hơi xa cách. Ông ta không hề xin lỗi vì đã từ chối...Nhận Robin làm con. Hắn ta còn chưa xin lỗi vì đã để mẹ mình chết.

Tuy vậy, anh đã thừa nhận cảm xúc của Robin nhiều hơn bao giờ hết, và lần đầu tiên kể từ khi họ lên...*Merope*Robin thấy mình thở được.

"Vâng, thưa ngài," Robin lẩm bẩm, vì chẳng còn gì để nói nữa.

“Tốt lắm.” Giáo sư Lovell vỗ vai cậu, một cái vỗ vụng về đến nỗi Robin rùng mình, rồi đi lướt qua cậu về phía cầu thang. “Chúc ngủ ngon.”

Robin quay lại nhìn những con sóng. Anh hít một hơi thật sâu rồi nhắm mắt lại, cố gắng tưởng tượng cảm giác của mình nếu thực sự có thể xóa bỏ tuần vừa qua. Anh sẽ thấy phấn khởi lắm, phải không? Anh sẽ phóng tầm mắt về phía chân trời, lao mình vào tương lai mà anh đã khổ luyện bấy lâu. Và đó sẽ là một tương lai thú vị biết bao – một chuyến đi Quảng Châu thành công, một năm học thứ tư đầy gian nan, rồi tốt nghiệp với một vị trí tại Bộ Ngoại giao hoặc một suất học bổng ở tháp. Những chuyến đi lặp lại đến Quảng Châu, Macao và Bắc Kinh. Một sự nghiệp lâu dài và vinh quang với công việc phiên dịch cho Hoàng gia. Có rất ít nhà Hán học đủ tiêu chuẩn ở Anh. Anh có thể đạt được rất nhiều cái "đầu tiên". Anh có thể khai phá rất nhiều vùng đất mới.

Lẽ ra anh ta phải muốn chứ? Lẽ ra anh ta phải thấy hào hứng chứ?

Cậu ta vẫn có thể có được nó. Đó là điều Giáo sư Lovell đã cố gắng nói với cậu - rằng lịch sử là thứ có thể thay đổi, rằng tất cả những gì quan trọng là những quyết định ở hiện tại. Rằng họ có thể chôn vùi Griffin và Hội Hermes vào sâu thẳm quá khứ chưa từng được đụng đến - cậu ta thậm chí không cần phải phản bội họ, chỉ cần phớt lờ họ - giống như cách họ đã chôn vùi tất cả những thứ khác mà họ đồng ý là tốt hơn nên giữ im lặng.

Robin mở mắt, nhìn chằm chằm ra những con sóng nhấp nhô cho đến khi mất tập trung, cho đến khi chẳng còn nhìn thấy gì cả, và cố gắng tự thuyết phục bản thân rằng nếu không hạnh phúc thì ít nhất anh cũng thấy bằng lòng.

Mãi đến tuần thứ hai của chuyến đi, Robin, Ramy và Victoire mới có được một chút riêng tư. Đi dạo được nửa đường thì Letty quay trở lại boong tàu dưới, nói là bị đau bụng. Victoire miễn cưỡng đề nghị đi cùng, nhưng Letty xua tay – cô vẫn còn bực mình với cả ba người họ, và rõ ràng là muốn được ở một mình.

“Được rồi.” Victoire tiến lại gần Robin và Ramy ngay khi Letty vừa đi khuất, lấp đầy khoảng trống mà cô để lại khiến ba người họ đứng sát vào nhau, tựa như một khối bê tông vững chắc chắn gió. “Cái quái gì—"

Họ đồng loạt nói.

"Sao lại không—"

"Anh có nghĩ Lovell—"

‘Khi nào anh…?’

Họ im bặt. Victoire lại thử lần nữa. “Vậy ai đã tuyển dụng cậu?” cô hỏi Robin. “Chắc chắn không phải Anthony, anh ấy đã nói với chúng tôi rồi.”

‘Nhưng chẳng phải Anthony—’

“Không, hắn ta vẫn sống nhăn răng,” Ramy nói. “Giả chết ở nước ngoài thôi. Nhưng trả lời câu hỏi đi, Birdie.”

“Griffin,” Robin nói, vẫn còn choáng váng vì điều vừa được tiết lộ. “Tôi đã nói với anh rồi mà. Griffin Lovell.”

“Ai thế?” Victoire hỏi, cùng lúc Ramy nói, “*Lovell?*’

“Một cựu học sinh Babel. Tôi nghĩ anh ta cũng – ý tôi là, anh ta nói anh ta là anh em cùng cha khác mẹ với tôi. Anh ta trông giống tôi y đúc, chúng tôi nghĩ Lovell – ý tôi là, cha của chúng tôi—” Robin lắp bắp. Chữ HánVảivừa mang nghĩa "vải" vừa

mang nghĩa "kể lại, thuật lại". Sự thật được thêu dệt trên tấm thảm vải, trải ra để phô bày nội dung của nó. Nhưng Robin, cuối cùng cũng thành thật với bạn bè, lại chẳng biết bắt đầu từ đâu. Hình ảnh cậu ta trình bày ra thật hỗn độn và rối rắm, méo mó dù cậu có kể theo cách nào đi nữa bởi sự phức tạp của nó. "Hắn ta rời Babel vài năm trước, rồi lẩn trốn ngay khoảng thời gian Evie Brooke – ý tôi là, à, tôi nghĩ hắn đã giết Evie Brooke."

“Trời đất,” Victoire nói. “Thật sao? Tại sao?”

“Vì cô ấy bắt gặp anh ta đang làm việc cho Hermes,” Robin nói. “Tôi cũng không biết cho đến khi Giáo sư Lovell nói với tôi.”

"Và cậu tin hắn ta à?", Ramy hỏi.

“Phải,” Robin nói. “Phải, tôi nghĩ Griffin sẽ – Griffin hoàn toàn là kiểu người mà sẽ… ” Anh lắc đầu. “Nghe này, điều quan trọng là Lovell nghĩ tôi hành động một mình. Hắn ta có nói chuyện với ai trong hai người không?”

"Không phải tôi," Victoire nói.

“Tôi cũng không,” Ramy nói. “Chẳng ai tiếp cận chúng tôi cả.”

“Tuyệt quá!” Robin kêu lên. “Phải không?”

Một khoảng lặng ngượng ngùng bao trùm. Ramy và Victoire trông chẳng nhẹ nhõm bằng một nửa so với những gì Robin tưởng tượng.

“Tốt vậy sao?” Cuối cùng Ramy lên tiếng. “Chỉ có thế thôi à?”

"Ý anh là sao?", Robin hỏi.

“Anh nghĩ tôi muốn nói gì?” Ramy gặng hỏi. “Đừng có đánh trống lảng. Cô ở bên Hermes bao lâu rồi?”

Chẳng còn cách nào khác ngoài việc thành thật. "Kể từ khi tôi bắt đầu làm việc ở đây. Ngay từ tuần đầu tiên."

Đùa à?

Victoire chạm vào tay anh. "Ramy, đừng—"

“Đừng nói với tôi là cô không thấy tức điên lên chứ,” Ramy gắt lên với cô ta. “Đó là ba năm trời. Ba năm trời hắn ta chẳng hề nói với chúng ta hắn đang làm cái quái gì.”

“Khoan đã,” Robin nói. “Cậu giận mình à*me*Hả?

Tốt lắm, Birdie, con tinh mắt đấy.

"Em không hiểu - Ramy, em đã làm gì sai chứ?"

Victoire thở dài và nhìn ra mặt nước. Ramy trừng mắt nhìn anh, rồi đột ngột nói, "Sao anh không...*ask*tôi á?

Robin sững sờ trước sự dữ dội của anh ta. "Anh nghiêm túc đấy à?"

“Cậu biết Griffin bao nhiêu năm rồi,” Ramy nói.*Years*Vậy mà cậu chưa bao giờ nghĩ đến chuyện nói với bọn tớ à? Cậu chưa bao giờ nghĩ bọn tớ cũng muốn tham gia sao?

Robin không thể tin nổi chuyện này bất công đến thế. “Nhưng mà anh chưa bao giờ nói…*me*—’

"Tôi muốn lắm chứ," Ramy nói.

“Bọn cháu định nói rồi,” Victoire nói. “Bọn cháu năn nỉ chú Anthony, suýt nữa thì để lộ ra bao nhiêu lần rồi – chú ấy cứ bảo bọn cháu đừng nói, nhưng bọn cháu quyết định sẽ tự mình nói với cô, bọn cháu định nói vào Chủ nhật tuần đó—”

“Nhưng cậu còn chưa hỏi Griffin mà, phải không?” Ramy gặng hỏi. “Ba năm rồi. Chúa ơi, Birdie.”

“Anh chỉ muốn bảo vệ em thôi,” Robin nói bất lực.

Ramy cười khẩy. "Từ cái gì cơ? Chính cái cộng đồng mà chúng ta mong muốn à?"

Tôi không muốn đặt cô vào nguy hiểm—

Sao anh/chị không để em/tôi tự quyết định?

“Vì anh biết em sẽ đồng ý mà,” Robin nói. “Vì em sẽ ngay lập tức nhập bọn với họ và từ bỏ mọi thứ ở Babel, tất cả những gì em đã cố gắng gây dựng—”

Mọi thứ tôi đã cố gắng vì*this*“Trời!” Ramy kêu lên. “Cái gì, cậu nghĩ tôi đến Babel vì muốn làm phiên dịch cho Nữ hoàng à? Birdie, tôi ghét đất nước này. Tôi ghét cái cách họ nhìn tôi, tôi ghét bị chuyền tay nhau trong những bữa tiệc rượu của họ như một con thú trong sở thú. Tôi ghét việc biết rằng chính sự hiện diện của tôi ở Oxford là một sự phản bội lại chủng tộc và tôn giáo của mình, bởi vì tôi đang trở thành đúng cái loại người mà Macaulayđã hy vọng tạo ra. Tôi đã chờ đợi một cơ hội như Hermes kể từ khi tôi đến đây—

“Nhưng vấn đề là ở chỗ đó,” Robin nói. “Chính xác là vì lý do đó mà nó quá mạo hiểm đối với cậu—”

"Và nó không phải dành cho anh?"

“Không,” Robin nói, đột nhiên nổi giận. “Không phải vậy.”

Anh ta không cần phải nói lý do. Robin, có bố là giảng viên, lại có thể bị nhầm là người da trắng dưới ánh đèn phù hợp, ở góc nhìn thích hợp, đã được che chở theo cách mà Ramy và Victoire không có được. Nếu Ramy hoặc Victoire đối mặt với cảnh sát

đêm đó, họ đã không thể ở trên con tàu này, mà đã ở sau song sắt, hoặc tệ hơn.

Cổ họng Ramy giật giật. "Chết tiệt, Robin."

“Chắc hẳn mọi chuyện không dễ dàng gì,” Victoire nói, cố gắng hết sức làm dịu tình hình. “Họ rất nghiêm ngặt về việc giữ bí mật, cậu còn nhớ mà—”

“Phải, nhưng chúng ta biết nhau mà.” Ramy lườm Robin. “Ít ra thì tôi đã nghĩ vậy.”

“Hermes lộn xộn lắm,” Robin khăng khăng. “Họ lờ đi những lời cảnh báo của tớ, họ bỏ mặc thành viên của mình, và việc bị đưa xuống năm nhất sẽ chẳng tốt cho cậu đâu—”

“Tôi đã cẩn thận rồi,” Ramy chế nhạo. “Tôi không giống như cậu, tôi không có sợ bóng của chính mình—”

“Nhưng cậu bất cẩn,” Robin nói, bực bội. Vậy là giờ họ đang đấu khẩu. Vậy là giờ họ đang thẳng thắn với nhau. “Cậu đã bị tóm, đúng không? Cậu bốc đồng, cậu không…*think*– cứ hễ ai động chạm đến lòng tự trọng của cậu là cậu nổi đóa lên ngay —

"Thế còn Victoire thì sao?"

“Của Victoire…” Robin bỏ lửng. Anh không có lời nào để biện hộ. Anh đã không nói với Victoire về Hermès vì anh nghĩ cô ấy có quá nhiều thứ để mất, nhưng chẳng có cách nào hay để nói ra điều này, hay để bào chữa cho suy nghĩ của mình.

Cô hiểu ý anh ta. Cô sẽ không nhìn vào ánh mắt van nài ấy.

"Ơn Chúa, may mà có Anthony."

“Tôi chỉ còn một câu hỏi nữa,” Ramy nói đột ngột. Robin nhận ra anh ấy thực sự, thực sự đang rất giận dữ. Đây không chỉ là một

cơn bùng nổ cảm xúc kiểu Ramy. Đây là điều gì đó mà có lẽ họ không thể nào cứu vãn được. “Cô đã nói gì để nó biến mất? Cô đã từ bỏ điều gì?”

Robin không thể nói dối nhìn thẳng vào mặt Ramy. Cậu muốn lắm; cậu sợ sự thật, sợ cái cách Ramy nhìn cậu khi nghe được điều đó, nhưng chuyện này cậu không thể giấu được. Nó sẽ xé nát cậu ra từng mảnh. “Hắn ta muốn thông tin.”

"Vậy thì sao?"

"Vậy nên tôi đã cung cấp thông tin cho anh ta."

Victoire đưa tay lên miệng. "Tất cả mọi thứ sao?"

“Đúng như tôi biết,” Robin nói. “Mà cũng chẳng nhiều nhặn gì, Griffin lo liệu kỹ rồi – tôi còn chẳng biết hắn ta làm gì với mấy cuốn sách tôi mượn hộ. Tôi chỉ nói với Lovell về một căn phòng an toàn ở St Aldate’s thôi.”

Chẳng ích gì. Cô ấy vẫn nhìn anh như thể anh vừa đá một con cún con.

"Cậu điên à?", Ramy hỏi.

“Không sao cả,” Robin khăng khăng. “Griffin chẳng bao giờ ở đó, chính anh ta đã nói với tôi – và tôi cá là họ thậm chí còn chưa bắt được anh ta, anh ta đa nghi đến mức không thể tin được; tôi cá là giờ này anh ta đã cao chạy xa bay rồi.”

Ramy lắc đầu kinh ngạc. "Nhưng cậu vẫn phản bội họ."

Thật quá bất công, Robin nghĩ. Cậu đã cứu họ – cậu đã làm điều duy nhất cậu có thể nghĩ ra để giảm thiểu thiệt hại – hơn những gì Hermes từng làm cho cậu. Tại sao bây giờ cậu lại bị vây hãm thế này? "Tôi chỉ cố gắng cứu mọi người—"

Ramy vẫn bình thản. "Cô đang tự cứu mình thôi."

“Nghe này,” Robin gắt gỏng. “Tôi không có gia đình. Tôi có một giao kèo, một người giám hộ, và một căn nhà ở Quảng Châu toàn họ hàng chết tiệt, mà tôi biết thừa có khi họ vẫn đang nằm mục ruỗng trên giường. Đó là thứ tôi sắp dong buồm trở về. Còn anh thì có Calcutta. Không có Babel, tôi chẳng còn gì cả.”

Ramy khoanh tay lại và nghiến chặt hàm.

Victoire nhìn Robin với ánh mắt thông cảm, nhưng không nói gì để bênh vực cậu ta.

“Tôi không phải kẻ phản bội,” Robin nài nỉ. “Tôi chỉ đang cố gắng sống sót thôi.”

“Sống sót không khó lắm đâu, Birdie.” Ánh mắt Ramy rất cứng rắn. “Nhưng mà sống thì cũng phải giữ chút thể diện chứ.”

Phần còn lại của chuyến đi quả thực vô cùng khốn khổ. Ramy, dường như, đã nói hết những gì cậu muốn nói. Cậu và Robin trải qua tất cả những giờ phút trong căn phòng chung chìm trong sự im lặng đến khó chịu. Giờ ăn cũng chẳng khá hơn là bao. Victoire lịch sự nhưng xa cách; cô ấy chẳng thể nói được gì nhiều khi có mặt Letty, và cô ấy cũng không cố gắng tìm gặp Robin vào những lúc khác. Còn Letty thì vẫn giận tất cả bọn họ, khiến cho những câu chuyện phiếm trở nên gần như bất khả thi.

Mọi chuyện hẳn đã tốt hơn nếu có thêm một linh hồn nào đó bầu bạn, nhưng họ là những hành khách duy nhất trên một con tàu buôn mà thủy thủ đoàn dường như chẳng thiết tha gì việc kết thân với các học giả Oxford.người mà họ coi là một gánh nặng không mong muốn và đến sai thời điểm. Robin dành phần lớn thời gian của mình hoặc một mình trên boong hoặc một mình trong cabin. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào khác, chuyến đi biển này hẳn đã là một cơ hội hấp dẫn để khám phá ngôn ngữ

học độc đáo của môi trường hàng hải, một sự pha trộn cần thiết giữa tính đa ngôn ngữ do các thủy thủ đoàn nước ngoài và các điểm đến nước ngoài mang lại với vốn từ vựng kỹ thuật cao của tàu biển. Ngày "banian" là gì? "Marling" là gì? Neo được buộc vào đầu "better end" hay đầu "bitter end"? Thông thường anh ta sẽ rất vui khi tìm hiểu. Nhưng anh đang bận dỗi, vừa hoang mang vừa bực bội vì cách anh đã đánh mất bạn bè của mình trong quá trình cố gắng cứu họ.

Tội nghiệp Letty, cô ấy là người hoang mang nhất trong tất cả. Những người còn lại ít ra cũng hiểu nguyên nhân của sự thù địch này. Letty thì chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra. Cô là người vô tội duy nhất ở đây, bị cuốn vào cuộc chiến một cách bất công. Tất cả những gì cô biết là mọi thứ đang rất tệ, và cô đang phát điên lên vì cố gắng tìm hiểu lý do. Một người khác có thể sẽ trở nên khép kín và ủ rũ, bực bội vì bị những người bạn thân nhất của mình xa lánh. Nhưng Letty vẫn cứng đầu như mọi khi, quyết tâm giải quyết vấn đề bằng vũ lực. Khi không ai chịu đưa ra cho cô một câu trả lời cụ thể cho câu hỏi "Chuyện gì đã xảy ra?", cô quyết định sẽ chinh phục từng người một, moi móc bí mật của họ bằng sự quan tâm thái quá.

Nhưng điều này lại phản tác dụng. Ramy bắt đầu rời khỏi phòng mỗi khi cô ta bước vào. Victoire, là bạn cùng phòng của Letty nên không thể trốn tránh, bắt đầu xuất hiện vào bữa sáng với vẻ mặt hốc hác và bực bội. Khi Letty hỏi xin cô ấy lọ muối, Victoire gắt gỏng bảo cô tự lấy một cách cay nghiệt khiến Letty lùi lại, tổn thương.

Không hề nao núng, mỗi khi ở riêng với một người trong số họ, cô bắt đầu khơi gợi những chủ đề riêng tư đến giật mình, giống như một nha sĩ dùng cây khám răng để xem chỗ nào đau nhất, để tìm ra chỗ cần chữa trị.

“Chắc là không dễ dàng gì,” cô ấy nói với Robin một hôm. “Cậu và anh ta.”

Robin, lúc đầu cứ tưởng bà ta đang nói về Ramy, bỗng cứng người. "Tôi không... ý bà là sao?"

"Rõ ràng quá mà," cô ấy nói. "Ý em là, anh giống ông ấy lắm. Ai cũng thấy, đâu có ai nghi ngờ gì đâu."

Cô ấy muốn nói đến Giáo sư Lovell, Robin nhận ra. Không phải Ramy. Anh nhẹ nhõm đến nỗi thấy mình đang tham gia vào cuộc trò chuyện. "Đó là một sự sắp xếp kỳ lạ," anh thừa nhận. "Chỉ là tôi đã quen với nó đến mức tôi không còn thắc mắc tại sao nó lại không như vậy nữa."

“Sao anh ta không công khai thừa nhận em?”, cô hỏi. “Có phải vì gia đình anh ta không? Vì vợ anh ta à?”

“Có thể,” anh ta nói. “Nhưng tôi thật sự không bận tâm. Thật lòng mà nói, tôi cũng không biết phải làm gì nếu ông ta tuyên bố là cha tôi. Tôi không chắc mình muốn làm một Lovell.”

"Nhưng mà, làm vậy chẳng chết sao?"

"Sao lại thế được?"

“À, cha tôi—“ cô bắt đầu, rồi ngập ngừng và ho khẽ. “Ý tôi là. Mọi người đều biết. Cha tôi không nói chuyện với tôi, không nhìn vào mắt tôi và nói chuyện với tôi sau chuyện Lincoln, và… tôi chỉ muốn nói, tôi phần nào hiểu được cảm giác đó. Chỉ vậy thôi.”

‘Xin lỗi, Letty.’ Anh vỗ nhẹ tay cô và ngay lập tức cảm thấy tội lỗi vì đã làm vậy; nó có vẻ giả tạo quá.

Nhưng cô ấy chỉ hiểu hành động đó theo nghĩa đen. Có lẽ cô ấy cũng đang khao khát một sự tiếp xúc quen thuộc, một dấu hiệu nào đó cho thấy bạn bè vẫn còn quý mến mình. “Và tớ chỉ muốn nói là, tớ luôn ở bên cậu.” Cô ấy nắm lấy tay anh. “Tớ hy vọng điều này không quá đường đột, nhưng tớ để ý thấy, anh ấy không còn đối xử với cậu như trước nữa. Anh ấy không nhìn

thẳng vào mắt cậu, và cũng không nói chuyện trực tiếp với cậu. Tớ không biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng điều đó là không đúng, và anh ấy đã đối xử với cậu rất bất công. Và tớ muốn cậu biết rằng nếu cậu muốn tâm sự, Birdie, tớ luôn ở đây."

Cô ấy chưa bao giờ gọi anh ta là Birdie.*That's Ramy's word*Suýt nữa thì Robin thốt lên, trước khi nhận ra đấy sẽ là điều tệ hại nhất có thể nói ra. Anh cố nhắc nhở bản thân phải tử tế. Xét cho cùng, cô ấy cũng chỉ đang cố gắng an ủi theo cách của mình. Letty tuy cứng đầu và độc đoán, nhưng cô ấy thật sự quan tâm.

"Cảm ơn cô." Anh siết nhẹ tay cô, hy vọng rằng nếu anh không nói thêm gì nữa thì cuộc trò chuyện này có thể kết thúc. "Tôi rất cảm kích."

Ít ra cũng có việc để khuây khỏa. Việc Babel cử toàn bộ các nhóm sinh viên tốt nghiệp, tất cả đều chuyên về các ngôn ngữ khác nhau, trên cùng một chuyến hải trình là minh chứng cho phạm vi hoạt động và sự kết nối của các công ty thương mại Anh. Thương mại thuộc địa đã vươn móng vuốt đến hàng chục quốc gia trên toàn thế giới, và người lao động, người tiêu dùng và nhà sản xuất của nó nói hàng tá thứ tiếng. Trong chuyến đi, Ramy thường được yêu cầu phiên dịch cho những thủy thủ nói tiếng Urdu và tiếng Bengal; mặc dù tiếng Bengal của anh giờ đã xuống cấp trầm trọng. Letty và Victoire thì được giaongồi xem xét các bảng kê khai hàng hải cho chặng tiếp theo đến Mauritius, và dịch các thư từ bị đánh cắp từ các nhà truyền giáo và công ty thương mại Pháp ra khỏi Trung Quốc – Chiến tranh Napoléon đã kết thúc, nhưng cuộc cạnh tranh giành đế chế thì chưa.

Mỗi buổi chiều, từ hai đến năm giờ, Giáo sư Lovell dạy kèm tiếng Quan Thoại cho Ramy, Letty và Victoire. Không ai mong đợi họ sẽ nói trôi chảy khi cập bến Quảng Châu, nhưng mục đích là nhồi nhét cho họ đủ vốn từ vựng để hiểu được những lời chào hỏi cơ bản, chỉ đường và danh từ thông dụng. Giáo sư Lovell lập

luận rằng, việc học một ngôn ngữ hoàn toàn mới trong một khoảng thời gian rất ngắn cũng có lợi ích sư phạm rất lớn; nó buộc trí óc phải mở rộng và xây dựng các kết nối nhanh chóng, so sánh các cấu trúc ngôn ngữ xa lạ với những gì mình đã biết.

“Tiếng Trung thật kinh khủng,” Victoire than thở với Robin một tối sau giờ học. “Không chia động từ, không có thì, không biến cách – làm sao mà hiểu được nghĩa của một câu chứ? Đừng có nhắc đến thanh điệu nữa. Mình chẳng nghe ra được gì cả. Có lẽ mình không có năng khiếu âm nhạc, nhưng mình thực sự không phân biệt được. Mình bắt đầu nghĩ chúng chỉ là trò lừa bịp.”

“Không sao đâu,” Robin trấn an cô. Anh mừng là cô chịu nói chuyện với anh. Sau ba tuần, Ramy cuối cùng cũng đã chịu xã giao với anh, còn Victoire – dù vẫn giữ khoảng cách – cũng đã tha thứ cho anh đủ để nói chuyện với anh như một người bạn. “Dù sao thì ở Quảng Châu người ta cũng không nói tiếng Quan Thoại. Cậu cần phải biết tiếng Quảng Đông mới sống được.”

"Và Lovell không nói được tiếng đó à?"

“Không,” Robin nói. “Không, chính vì vậy mà hắn ta cần tôi.”

Vào những buổi tối, Giáo sư Lovell chuẩn bị cho họ về mục đích sứ mệnh của họ tại Quảng Châu. Họ sẽ đến đó để giúp đàm phán thay mặt cho một số công ty thương mại tư nhân, đứng đầu trong số đó là Jardine, Matheson & Company. Điều này sẽ khó khăn hơn vẻ ngoài của nó, bởi vì quan hệ thương mại với triều đình nhà Thanh đã bị phủ bóng bởi sự hiểu lầm và nghi ngờ lẫn nhau kể từ cuối thế kỷ trước. Người Trung Quốc, lo ngại về ảnh hưởng của nước ngoài, muốn giữ chân người Anh cùng với các thương nhân nước ngoài khác tại Quảng Châu và Macao. Nhưng các thương gia Anh muốn tự do thương mại – mở cửa các cảng biển, tiếp cận thị trường vượt ra ngoài các hòn đảo, và dỡ bỏ các

hạn chế đối với một số mặt hàng nhập khẩu cụ thể như thuốc phiện.

Ba nỗ lực trước đó của người Anh nhằm thương lượng các quyền thương mại rộng rãi hơn đã kết thúc trong thất bại thảm hại. Năm 1793, phái đoàn Macartneytrở thành trò cười cho thiên hạ khi Lãnh chúa George Macartney từ chối khấu đầu trước Hoàng đế Càn Long và ra về tay trắng. Phái đoàn Amherst năm 1816 cũng chịu chung số phận khi Lãnh chúa William Amherst tương tự từ chối khấu đầu trước Hoàng đế Gia Khánh và sau đó bị cấm cửa vào Bắc Kinh. Ngoài ra, dĩ nhiên còn có vụ Napier thảm khốc năm 1834, lên đến đỉnh điểm là cuộc đấu pháo vô nghĩa và cái chết nhục nhã của Lãnh chúa William Napier vì bệnh sốt rét ở Macau.

Đây sẽ là phái đoàn thứ tư như vậy. "Lần này sẽ khác," Giáo sư Lovell thề, "vì cuối cùng họ đã mời các phiên dịch viên của Babel dẫn dắt các cuộc đàm phán. Sẽ không còn những thất bại do hiểu lầm văn hóa nữa."

“Họ chưa từng hỏi ý kiến cô trước đây sao?” Letty hỏi. “Thật đáng kinh ngạc.”

“Ông sẽ ngạc nhiên khi thấy các thương nhân thường nghĩ rằng họ chẳng cần đến sự giúp đỡ của chúng tôi,” Giáo sư Lovell nói. “Họ có xu hướng cho rằng mọi người nên tự nhiên học nói và cư xử giống người Anh. Nếu báo chí Quảng Châu không phóng đại thì họ đã làm rất tốt việc khơi dậy sự thù địch của người dân địa phương với thái độ đó. Hãy chuẩn bị tinh thần gặp những người bản địa không mấy thân thiện.”

Họ đều hiểu rõ kiểu căng thẳng mình sẽ chứng kiến ở Trung Quốc. Gần đây, họ đọc được ngày càng nhiều bài báo về Quảng Châu trên các tờ báo London, chủ yếu tường thuật về những sự sỉ nhục mà các thương nhân Anh phải chịu đựng dưới bàn tay của những kẻ man rợ địa phương tàn bạo. Quân đội Trung Quốc,

theo...*The Times*, đã đe dọa các thương gia, tìm cách trục xuất họ khỏi nhà và xưởng của họ, và đăng tải những điều sỉ nhục họ trên báo chí của chính họ.

Giáo sư Lovell khẳng định mạnh mẽ rằng, mặc dù các thương nhân có thể đã hành xử tế nhị hơn, nhưng căng thẳng leo thang như vậy về cơ bản là lỗi của người Trung Quốc.

“Vấn đề là người Trung Quốc đã tự thuyết phục bản thân rằng họ là quốc gia ưu việt nhất trên thế giới,” ông nói. “Họ cứ khăng khăng sử dụng từ*yi*để mô tả người châu Âu trong các bản ghi nhớ chính thức của họ, mặc dù chúng tôi đã yêu cầu họ hết lần này đến lần khác sử dụng từ ngữ tôn trọng hơn, vì*yi*là từ dùng để chỉ bọn man di. Và chúng mang thái độ này vào tất cả các cuộc đàm phán thương mại và pháp lý. Chúng không công nhận bất kỳ luật lệ nào ngoài luật của mình, và chúng không coi ngoại thương là một cơ hội, mà là một sự xâm nhập phiền phức cần phải xử lý.

"Vậy là cậu ủng hộ bạo lực à?" Letty hỏi.

“Có lẽ đó là điều tốt nhất cho chúng,” Giáo sư Lovell nói vớisức mạnh dữ dội đến bất ngờ. 'Dạy cho chúng một bài học thì tốt. Trung Quốc là một quốc gia gồm những người bán khai, nằm dưới sự cai trị lạc hậu của người Mãn Châu, và việc bị cưỡng ép mở cửa cho doanh nghiệp thương mại và tiến bộ sẽ có lợi cho chúng. Không, tôi sẽ không phản đối một chút xáo trộn nào cả. Đôi khi một đứa trẻ khóc nhè cần phải bị đánh đòn.'

Ramy liếc nhìn Robin, người lập tức quay mặt đi. Còn gì để nói nữa chứ?

Cuối cùng sáu tuần cũng trôi qua. Trong bữa tối một hôm, Giáo sư Lovell báo cho họ biết rằng họ có thể cập bến Quảng Châu vào trưa ngày hôm sau. Trước khi lên bờ, Victoire và Letty được yêu cầu băng ngực và cắt tóc, mái tóc mà họ đã nuôi dài trong những năm tháng là sinh viên năm cuối, sao cho ngắn trên tai.

“Người Trung Quốc rất nghiêm khắc trong việc cấm phụ nữ nước ngoài ở Quảng Châu,” Giáo sư Lovell giải thích. “Họ không thích thương nhân mang gia đình đến; điều đó khiến họ có vẻ như định cư ở đây.”

“Chắc họ không thật sự bắt ép như vậy chứ,” Letty phản đối. “Vậy còn vợ con họ thì sao? Còn đám người hầu nữa?”

Bọn Tây ở đây thuê người hầu bản xứ, còn vợ thì gửi ở Macao. Họ rất nghiêm túc trong việc thực thi luật lệ này. Lần trước có một người Anh cố đưa vợ đến Quảng Châu – hình như là William Baynes – thì chính quyền địa phương dọa sẽ điều binh lính đến đưa bà ấy đi.* Dù sao thì, cũng là vì lợi ích của các cô. Người Trung Quốc đối xử với phụ nữ rất tệ. Họ chẳng có chút khái niệm nào về tinh thần hiệp sĩ. Họ xem thường phụ nữ, và trong một số trường hợp, thậm chí còn không cho họ ra khỏi nhà. Các cô sẽ an toàn hơn nếu họ nghĩ các cô là đàn ông. Các cô sẽ thấy xã hội Trung Quốc vẫn còn khá lạc hậu và bất công.

“Chắc thú vị lắm nhỉ,” Victoire nói tỉnh queo, nhận lấy cái mũ.

Sáng hôm sau, họ đón bình minh trên boong tàu, l踱 quanh mũi tàu, thỉnh thoảng lại nhoài người qua lan can như thể vài phân khoảng cách đó sẽ giúp họ nhìn thấy thứ mà khoa học hàng hải khẳng định họ đang nhanh chóng tiếp cận. Sương mù dày đặc buổi sớm vừa tan nhường chỗ cho bầu trời xanh thì đường chân trời hé lộ một dải mỏng xanh xám. Dần dần, dải đất ấy hiện ra rõ ràng hơn, như một giấc mơ đang thành hình; những mảng màu mờ ảo trở thành…bờ biển, trở thành một bóng đen của những tòa nhà phía sau vô số tàu thuyền đang cập bến tại điểm nhỏ bé nơi Trung Hoa gặp gỡ thế giới.

Mười năm rồi, lần đầu tiên Robin lại được ngắm nhìn bờ biển quê hương.

“Em đang nghĩ gì vậy?”, Ramy khẽ hỏi.

Đây là lần đầu tiên họ nói chuyện trực tiếp với nhau sau nhiều tuần. Không phải là một sự giảng hòa – Ramy vẫn không chịu nhìn vào mắt anh. Nhưng đó là một khởi đầu, một sự thừa nhận miễn cưỡng rằng bất chấp tất cả, Ramy vẫn quan tâm, và Robin biết ơn vì điều đó.

“Tôi đang nghĩ về chữ Hán chỉ bình minh,” anh nói thật. Anh không thể để mình chìm đắm trong sự bao la của tất cả những chuyện này. Những suy nghĩ của anh dường như xoáy tròn đến những nơi anh sợ mình không thể kiểm soát trừ khi anh kéo chúng trở lại với sự xao lãng quen thuộc của ngôn ngữ.*Dàn*"Trông nó như thế này này." Anh ta vẽ ký tự đó trong không khí:Sáng sớmPhía trên là bộ thủ của chữ "mặt trời" -*rì*.’ Anh ta vẽNgày‘Và bên dưới đó, một đường thẳng. Và tôi chỉ nghĩ về việc nó đẹp như thế nào bởi vì nó quá đơn giản. Đó là cách sử dụng trực tiếp nhất của chữ tượng hình, hiểu không. Bởi vì bình minh chỉ là mặt trời mọc lên trên đường chân trời.’

Chapter Seventeen

Quae caret ora cruore nostro?

What coast knows not our blood?

HORACE,*Odes*

MộtCách đây một năm, sau khi nghe lỏm Colin và anh em nhà Sharp bàn tán ầm ĩ về chuyện này trong phòng sinh hoạt chung, Robin đã một mình đến London vào cuối tuần để xem Afong Moy nổi tiếng. Được quảng cáo là "Quý cô Trung Hoa", Afong Moy được một cặp thương nhân người Mỹ đưa ra khỏi Trung Quốc. Ban đầu, họ hy vọng sẽ dùng một phụ nữ phương Đông để trưng bày hàng hóa mua được từ nước ngoài, nhưng nhanh chóng nhận ra rằng họ có thể kiếm bộn tiền bằng cách triển lãm bà dọc theo bờ biển phía đông. Đây là chuyến lưu diễn đầu tiên của bà ở Anh.

Robin đã đọc ở đâu đó rằng cô cũng đến từ Quảng Đông. Anh không chắc mình mong đợi điều gì ngoài một thoáng nhìn, có lẽ một khoảnh khắc kết nối với một người cùng quê mẹ. Tấm vé cho phép anh vào một căn phòng sân khấu lòe loẹt được quảng cáo là "Quán rượu Trung Hoa", được trang trí bằng gốm sứ đặt ngẫu nhiên, những bức tranh nhái kiểu Trung Quốc kém chất lượng, và một lượng lớn vải gấm đỏ vàng ngột ngạt được chiếu sáng bởi những chiếc đèn lồng giấy rẻ tiền. Chính Cô Gái Trung Hoa đang ngồi trên một chiếc ghế ở phía trước căn phòng. Cô mặc một chiếc áo sơ mi lụa màu xanh cài cúc, và đôi chân bị bó chặt trong vải lanh, được kê trên một chiếc đệm nhỏ trước mặt. Cô trông rất nhỏ bé. Tờ rơi anh được phát ở quầy bán vé nói rằng cô đang ở độ tuổi đôi mươi, nhưng trông cô dễ dàng chỉ mới mười hai tuổi.

Căn phòng ồn ào và chật kín khán giả, phần lớn là đàn ông. Họ im bặt khi, thật chậm rãi, cô cúi xuống cởi trói đôi chân mình.

Câu chuyện về đôi chân của bà cũng được giải thích trong cuốn sách nhỏ. Giống như nhiều phụ nữ trẻ Trung Quốc khác, bàn chân của Afong Moy đã bị bẻ gãy và bó lại.khi còn nhỏ để hạn chế sự phát triển và khiến chúng cong lại thành một hình vòm không tự nhiên khiến dáng đi của bà lảo đảo, không vững. Khi bà bước lên sân khấu, những người đàn ông xung quanh Robin xô đẩy nhau về phía trước, cố gắng nhìn cho rõ hơn. Nhưng Robin không thể hiểu được sức hấp dẫn đó. Hình ảnh đôi chân của bà dường như không hề khêu gợi hay quyến rũ, mà đúng hơn là một sự xâm phạm thô bạo vào sự riêng tư. Đứng đó, nhìn bà, anh cảm thấy xấu hổ như thể bà vừa tụt quần trước mặt anh vậy.

Afong May trở lại ghế ngồi. Ánh mắt cô bất chợt chạm vào ánh mắt Robin; dường như cô đã nhìn khắp căn phòng và tìm thấy sự đồng cảm trên gương mặt anh. Má ửng đỏ, anh quay mặt đi. Khi cô bắt đầu hát – một giai điệu du dương, ám ảnh mà anh không nhận ra và cũng không hiểu – anh len lỏi qua đám đông và rời khỏi căn phòng.

Ngoài Griffin ra, anh ta chưa gặp lại bất kỳ người Trung Quốc nào.

Khi thuyền đi sâu vào đất liền, anh nhận thấy Letty cứ nhìn mặt anh, rồi lại nhìn mặt những người công nhân bốc xếp, như thể đang so sánh họ. Có lẽ cô đang cố xác định xem trông anh "Tàu" đến mức nào, hoặc xem anh có đang trải qua một sự giải tỏa cảm xúc mãnh liệt nào không. Nhưng trong lồng ngực anh chẳng có gì xao động. Đứng trên boong, chỉ vài phút nữa là đặt chân lên đất mẹ sau cả đời xa cách, Robin chỉ cảm thấy trống rỗng.

Họ thả neo và lên bờ tại Hoàng Phố, rồi lên những chiếc thuyền nhỏ hơn để tiếp tục ngược dòng sông về phía thành phố Quảng Châu. Tại đây, thành phố ngập trong tiếng ồn, tiếng gõ mõ, tiếng pháo nổ rền vang không ngớt, tiếng la hét của những người lái thuyền xuôi ngược trên sông. Thật ồn ào đến mức không thể chịu đựng nổi. Robin không nhớ hồi nhỏ lại ồn ào như vậy; không biết là Quảng Châu đã trở nên nhộn nhịp hơn nhiều, hay tai anh đã không còn quen với những âm thanh này nữa.

Họ lên bờ tại Mũi Jackass, nơi ông Baylis, người liên lạc của họ với Jardine, Matheson & Co., đang đợi sẵn. Ông Baylis là một người đàn ông thấp bé, ăn mặc bảnh bao với đôi mắt đen láy, thông minh và nói năng rất sôi nổi. "Các vị đến thật đúng lúc," ông nói, vừa bắt tay Giáo sư Lovell, rồi đến Robin, và sau đó là Ramy. Hai cô gái thì ông lờ đi. "Ở đây đang rối ren lắm – bọn người Hoa ngày càng trở nên táo tợn. Chúng đã phá vỡ các đường dây phân phối – chúng cho nổ tung một trong những chiếc tàu cao tốc ngay trong cảng mới hôm nọ, ơn Chúa là không có ai trên tàu – và nếu cứ tiếp tục thế này thì các cuộc đàn áp sẽ khiến việc buôn bán trở nên bất khả thi."

“Còn mấy chiếc thuyền buôn lậu của châu Âu thì sao?” Giáo sư Lovell hỏi khi họ đang đi bộ.

“Đó chỉ là giải pháp tạm thời, mà cũng chỉ được một chút thôi. Rồi tên Phó vương bắt đầu cho người đi từng nhà lục soát. Cả thành phố khiếp sợ. Chỉ cần nhắc đến tên thứ thuốc đó thôi là cũng đủ làm người ta sợ mất mật. Tất cả là tại tên Khâm sai Hoàng đế mới phái xuống. Lâm Tắc Từ. Chẳng mấy chốc cậu sẽ gặp hắn ta thôi; hắn ta chính là kẻ chúng ta sẽ phải đối phó.” Ông Baylis nói nhanh đến nỗi khi họ cùng bước đi, Robin không khỏi ngạc nhiên là ông ta không hề bị hụt hơi. “Hắn ta đến và yêu cầu giao nộp ngay lập tức toàn bộ thuốc phiện đã đưa vào Trung Quốc. Việc này diễn ra hồi tháng Ba vừa rồi. Dĩ nhiên là chúng tôi từ chối, thế là hắn ta đình chỉ giao thương và nói rằng chúng tôi không được rời khỏi khu Thương quán cho đến khi

nào chịu tuân thủ luật lệ. Cậu có thể tưởng tượng được không? Hắn ta vây hãm chúng tôi."

"Bị bao vây ư?" Giáo sư Lovell nhắc lại, vẻ mặt hơi lo lắng.

"Ồ, cũng không đến nỗi tệ lắm. Nhân viên người Trung Quốc đều về nước hết, đúng là một thử thách – tôi phải tự giặt đồ, và đó quả là một thảm họa – nhưng nhìn chung chúng tôi vẫn giữ được tinh thần. Thực sự thiệt hại duy nhất chỉ là ăn quá nhiều và thiếu vận động." Ông Baylis cười khẩy một tiếng ngắn ngủi, khó nghe. "May là chuyện đó đã qua, giờ chúng ta có thể dạo chơi ngoài trời theo ý muốn, không có gì đáng ngại. Nhưng phải có hình phạt chứ, Richard. Bọn họ phải nhận ra rằng chúng không thể thoát tội như vậy được. À – chúng ta đến rồi đây, thưa quý bà và quý ông, đây là ngôi nhà thứ hai của các bạn."

Vượt qua vùng ngoại ô phía tây nam, họ bắt gặp một dãy mười ba tòa nhà thẳng hàng, tất cả đều mang đậm phong cách phương Tây, với những hiên nhà thụt vào, họa tiết tân cổ điển và cờ châu Âu. Chúng trông lạc lõng đến mức so với phần còn lại của Quảng Châu, cứ như thể có một gã khổng lồ nào đó đã đào một dải đất gọn gàng của Pháp hoặc Anh và thả nguyên xi xuống rìa thành phố. Ông Baylis giải thích, đây là những Công Quán, được gọi như vậy không phải vì chúng là trung tâm sản xuất, mà vì chúng là nơi ở của các "factor" - những người đại diện thương mại. Thương nhân, nhà truyền giáo, quan chức chính phủ và binh lính sống ở đây trong suốt mùa giao dịch.

"Đẹp đấy chứ, phải không?" ông Baylis nói. "Giống hệt một nhúm kim cương trên đống rác cũ vậy."

Họ sẽ ở lại Thương điếm Anh Mới. Ông Baylis dẫn họ nhanh chóng xuyên qua kho hàng ở tầng trệt, qua phòng sinh hoạt chung và phòng ăn tới các phòng dành cho khách ở tầng trên. Ông còn chỉ ra rằng nơi đây có một thư viện đầy đủ sách, vài sân thượng trên mái nhà, và cả một khu vườn hướng ra bờ sông.

“Giờ thì họ rất nghiêm ngặt trong việc giữ chân người nước ngoài trong khu vực dành riêng, vì vậy đừng tự ý đi khám phá,” ông Baylis cảnh báo. “Hãy ở trong khu vực Thương Quán. Có một góc trong Thương Quán Hoàng Gia – đó là số ba – nơi Markwick & Lane bán đủ loại hàng hóa châu Âu mà các cậu có thể cần, mặc dù họ không có nhiều sách ngoài hải đồ. Tuyệt đối không được đến gần mấy thuyền hoa, các cậu nghe rõ chưa? Bạn bè thương nhân của chúng ta có thể sắp xếp cho một vài phụ nữ kín đáo hơn đến thăm vào buổi tối nếu các cậu cần bầu bạn – không à?”

Tai Ramy đỏ bừng. "Chúng tôi sẽ ổn thôi, thưa ngài."

Ông Baylis cười khúc khích. "Tùy cậu. Phòng cậu ở ngay dưới sảnh này."

Căn phòng của Robin và Ramy khá ảm đạm. Các bức tường, ban đầu chắc hẳn được sơn màu xanh lá cây đậm, giờ gần như đen kịt. Phòng của các cô gái cũng tối như vậy, và nhỏ hơn đáng kể; hầu như không có chỗ để đi lại giữa chiếc giường đơn và bức tường. Nó cũng không có cửa sổ. Robin không thể hiểu nổi làm sao họ có thể sống ở đó trong hai tuần.

“Về mặt kỹ thuật thì đây là một kho chứa đồ, nhưng chúng tôi không thể để cô ở quá gần mấy quý ông kia được.” Ông Baylis ít ra cũng cố tỏ vẻ áy náy. “Cô hiểu mà.”

“Dĩ nhiên rồi,” Letty nói, vừa đẩy cái rương của mình vào phòng. “Cảm ơn anh/chị đã tiếp đón.”

Sau khi đặt đồ đạc xuống, họ tập trung ở phòng ăn, nơi được trang bị một chiếc bàn rất lớn, có thể chứa ít nhất hai mươi lăm người. Phía trên giữa bàn treo một chiếc quạt khổng lồ làm bằng vải buồm căng trên khung gỗ, được một người hầu kéo và nới liên tục trong suốt bữa ăn. Robin thấy nó khá mất tập trung - anh cảm thấy một chút tội lỗi mỗi khi chạm mắt người hầu -

nhưng những cư dân khác trong nhà máy dường như coi người hầu là vô hình.

Bữa tối hôm đó là một trong những sự kiện kinh khủng và khó chịu nhất mà Robin từng trải qua. Những người đàn ông trên bàn ăn bao gồm cả nhân viên của Jardine & Matheson lẫn một số đại diện từ các công ty vận tải khác – Magniac & Co., J. Scott & Co., và những người khác mà Robin nhanh chóng quên mất tên. Tất cả đều là những người da trắng dường như được đúc ra từ cùng một khuôn với ông Baylis – những người đàn ông bề ngoài quyến rũ và lắm lời, mặc dù ăn mặc chỉnh tề, nhưng dường như...toát ra vẻ bẩn thỉu khó tả. Ngoài các thương nhân, còn có Mục sư Karl Gützlaff, một nhà truyền giáo người Đức, dường như làm công việc phiên dịch cho các công ty vận tải biển nhiều hơn là cải đạo người Trung Quốc. Mục sư Gützlaff tự hào thông báo rằng ông cũng là thành viên của Hội Truyền bá Kiến thức Hữu ích ở Trung Quốc,* và hiện đang viết một loạt bài báo cho một tạp chí tiếng Trung để giải thích cho người Trung Quốc về khái niệm thương mại tự do đầy phức tạp của phương Tây.

“Chúng tôi rất vui mừng được hợp tác với cậu,” ông Baylis nói với Robin khi món khai vị - một bát súp gừng nhạt nhẽo - được dọn ra. “Thật khó tìm được một phiên dịch viên tiếng Trung nào mà có thể nói được một câu tiếng Anh hoàn chỉnh. Những người được đào tạo ở phương Tây thì tốt hơn nhiều. Cậu sẽ phiên dịch cho tôi trong buổi gặp với Ngài Cao ủy vào thứ Năm.”

“Tôi á?” Robin giật mình. “Sao lại là tôi?” Đây là một câu hỏi hợp lý, anh nghĩ; anh chưa từng phiên dịch chuyên nghiệp bao giờ, và việc chọn anh cho buổi gặp mặt với vị quan chức cao nhất ở Quảng Châu có vẻ kỳ lạ. “Sao không phải Mục sư Gützlaff? Hay Giáo sư Lovell?”

“Vì chúng ta là đàn ông da trắng,” Giáo sư Lovell nói với vẻ châm biếm. “Và do đó, là những kẻ man rợ.”

“Và tất nhiên là họ sẽ không nói chuyện với bọn mọi rợ rồi,” ông Baylis nói.

“Karl trông hơi giống người Trung Quốc nhỉ,” Giáo sư Lovell nói. “Chẳng phải họ vẫn tin là cậu có ít nhất một phần dòng máu phương Đông sao?”

“Chỉ khi tôi tự giới thiệu mình là Ai Hán Triết,”* Mục sư Gützlaff nói. "Mặc dù tôi nghĩ rằng Ngài欽差 Lâm sẽ không quá thích thú với danh hiệu này."

Mấy người của công ty đều cười khúc khích, dù Robin chẳng hiểu họ cười cái gì.Buồn cười thật. Một vẻ tự mãn len lỏi trong toàn bộ cuộc trò chuyện này, một bầu không khí anh em thân thiết, cùng chia sẻ một trò đùa dai dẳng nào đó mà những người còn lại không hiểu. Nó khiến Robin nhớ đến những buổi tụ tập của Giáo sư Lovell ở Hampstead, vì anh cũng chưa bao giờ hiểu được trò đùa là gì hồi đó, hay là điều gì khiến những người đàn ông ấy cảm thấy hài lòng đến vậy.

Không ai ăn nhiều súp của mình. Người hầu dọn bát súp đi và thay thế bằng cả món chính và món tráng miệng cùng một lúc. Món chính là khoai tây với một thứ gì đó màu xám, phủ đầy nước sốt - thịt bò hoặc thịt lợn, Robin không thể phân biệt được. Món tráng miệng thậm chí còn bí ẩn hơn, một thứ màu cam chói trông hơi giống miếng bọt biển.

“Cái gì đây?” Ramy hỏi, vừa chọc chọc món tráng miệng.

Victoire dùng nĩa cắt một miếng và xem xét nó. "Hình như là bánh pudding toffee dẻo."

“Nó màu cam,” Robin nói.

"Cháy rồi." Letty liếm ngón tay cái. "Hình như làm bằng cà rốt?"

Những vị khách khác lại cười khúc khích.

“Đám nhân viên bếp toàn là dân Tàu hết,” ông Baylis giải thích. “Bọn họ chưa từng đến Anh bao giờ. Chúng tôi cứ miêu tả các món ăn mình muốn, và dĩ nhiên là họ chả biết mùi vị nó ra sao hay cách làm như thế nào, nhưng trông họ cố gắng cũng buồn cười lắm. Trà chiều thì khá hơn. Bọn họ hiểu được ý nghĩa của mấy món ngọt, mà chúng tôi cũng có bò Anh nuôi ở đây để lấy sữa.”

“Tôi không hiểu,” Robin nói. “Sao ông không bảo họ nấu món Quảng Đông?”

“Vì ẩm thực Anh gợi nhớ về quê nhà,” Mục sư Gützlaff nói. “Người ta luôn trân trọng những tiện nghi như vậy trong những chuyến đi xa.”

“Nhưng nó có vị như rác rưởi,” Ramy nói.

“Và không còn gì Anh quốc hơn thế nữa,” Mục sư Gützlaff nói, hùng hổ cắt miếng thịt xám xịt của mình.

“Dù sao đi nữa,” ông Baylis nói, “làm việc với Ngài Cao ủy sẽ cực kỳ khó khăn. Có tin đồn rằng ông ta rất nghiêm khắc, cứng nhắc vô cùng. Ông ta nghĩ rằng Quảng Châu là một ổ tham nhũng, và tất cả thương nhân phương Tây đều là những kẻ bất lương có ý định lừa gạt chính phủ của ông ta.”

“Tinh ran đấy,” Mục sư Gützlaff nói, kèm theo những tiếng cười khoái trá tự mãn hơn.

“Tôi cũng thích hơn khi họ đánh giá thấp chúng ta,” ông Baylis đồng tình. “Bây giờ, Robin Swift, vấn đề trước mắt là trái phiếu thuốc phiện, thứ sẽ khiến tất cả tàu thuyền nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Trung Quốc đối với bất kỳ thuốc phiện nàoHọ có thể buôn lậu vào. Trước đây lệnh cấm này chỉ tồn tại trên giấy tờ. Chúng tôi cập tàu tại – nên gọi chúng là gì nhỉ? –*outer anchorages*, như đảo Linh Đinh, đảo Cẩm Túc và những nơi tương tự, nơi chúng tôi phân phối hàng hóa để bán

lại với các đối tác địa phương. Nhưng tất cả đã thay đổi dưới thời Cao Minh. Sự xuất hiện của ông ta, như tôi đã nói với cậu, là một cú chấn động. Thuyền trưởng Elliot – một người tốt, nhưng lại nhát gan vào những thời điểm quan trọng – đã xoa dịu tình hình bằng cách để họ tịch thu toàn bộ số thuốc phiện mà chúng tôi đang có. Tại đây, ông Baylis ôm ngực như thể đang bị đau đớn. 'Hơn hai mươi nghìn hòm. Cậu có biết số đó trị giá bao nhiêu không? Gần hai triệu rưỡi bảng Anh. Đó là hành vi chiếm đoạt tài sản của người Anh một cách bất công, tôi nói cho cậu biết. Chắc chắn đó là lý do để gây chiến. Thuyền trưởng Elliot nghĩ rằng ông ta đã cứu chúng ta khỏi nạn đói và bạo lực, nhưng ông ta chỉ cho người Trung Quốc thấy rằng họ có thể chà đạp lên chúng ta.' Ông Baylis chĩa nĩa vào Robin. 'Vì vậy, đó là lý do chúng tôi cần cậu. Richard đã nói với cậu về những gì chúng tôi muốn trong vòng đàm phán này rồi chứ?'

“Tôi đã đọc qua các bản thảo đề xuất rồi,” Robin nói. “Nhưng tôi hơi bối rối về các mức ưu tiên . . .”

"Dạ?"

“Ừm, hình như tối hậu thư về thuốc phiện hơi quá thì phải,” Robin nói. “Tôi không hiểu sao anh không thể chia nhỏ nó ra thành nhiều thỏa thuận hơn. Ý tôi là, chắc chắn anh vẫn có thể thương lượng về tất cả các mặt hàng xuất khẩu khác—”

“Không có mặt hàng xuất khẩu nào khác,” ông Baylis nói. “Không có cái nào đáng kể cả.”

“Hình như người Trung Quốc có lý đấy,” Robin nói bất lực. “Xét cho cùng thì nó là một loại ma túy cực kỳ nguy hiểm.”

“Buồn cười quá.” Ông Baylis nở một nụ cười rộng, thuần thục. “Hút thuốc phiện là trò đầu cơ an toàn và lịch lãm nhất mà tôi biết.”

Cái lời nói dối trắng trợn đến mức Robin chớp mắt nhìn anh ta, kinh ngạc. "Các bản ghi nhớ của Trung Quốc gọi nó là một trong những tệ nạn lớn nhất từng gây hại cho đất nước họ."

“Ồ, thuốc phiện không có hại đến mức như vậy đâu,” Mục sư Gützlaff nói. “Thật ra, nó được kê đơn dưới dạng thuốc an thần ở Anh quốc mọi lúc. Các bà cụ thường xuyên dùng nó để đi ngủ. Nó chẳng phải tệ nạn gì hơn thuốc lá hay rượu mạnh cả. Tôi thường khuyên các tín đồ của mình dùng nó.”

“Nhưng thuốc phiện hút chẳng phải mạnh hơn nhiều sao?” Ramy chen vào. “Thật sự có vẻ như thuốc ngủ không phải là vấn đề ở đây.”

“Ông đang lạc đề rồi,” ông Baylis nói với một chút thiếu kiên nhẫn. “Vấn đề là tự do thương mại giữa các quốc gia. Chúng ta đều là những người theo chủ nghĩa tự do, phải không nào?”Không nên có bất kỳ hạn chế nào giữa người có hàng và người muốn mua. Đó chính là công bằng.

"Một kiểu biện hộ kỳ lạ," Ramy nói, "biện minh cho thói xấu bằng đức hạnh."

Ông Baylis cười khẩy. "Ồ, Hoàng đế nhà Thanh nào có quan tâm đến...*vices*Lão keo kiệt với bạc của mình, chỉ có vậy. Nhưng buôn bán chỉ hiệu quả khi có qua có lại, và hiện tại chúng ta đang bị thâm hụt. Hình như chẳng có thứ gì mà bọn người Hoa kia muốn, ngoại trừ thuốc phiện. Chúng nghiện thứ đó lắm. Chúng sẵn sàng trả bất cứ giá nào cho nó. Và nếu tôi được toàn quyền quyết định, thì đàn ông, đàn bà, con nít trong nước này sẽ phì phèo khói thuốc phiện đến mức chẳng còn suy nghĩ được gì nữa.

Anh ta kết thúc bằng một cú đập tay xuống bàn. Tiếng động có lẽ to hơn anh ta dự định; nó vang lên như tiếng súng. Victoire và Letty giật mình lùi lại. Ramy trông quá kinh ngạc đến nỗi không thể trả lời.

“Nhưng mà tàn nhẫn quá,” Robin nói. “Thật… thật là quá tàn nhẫn.”

“Đó là lựa chọn của họ, phải không?” Ông Baylis nói. “Không thể trách giới kinh doanh được. Người Hoa chỉ là bẩn thỉu, lười biếng, và dễ nghiện ngập. Và chắc chắn không thể đổ lỗi cho nước Anh vì những điểm yếu của một chủng tộc thấp kém hơn. Nhất là khi có tiền để kiếm.”

“Ông Baylis.” Những ngón tay của Robin ngứa ran với một nguồn năng lượng kỳ lạ và khẩn cấp; anh không biết mình muốn bỏ chạy hay đấm vào mặt người đàn ông này. “Ông Baylis,*I’m*một người đàn ông Trung Quốc.

Ông Baylis, lần đầu tiên, im bặt. Mắt ông dò xét khắp mặt Robin, như thể cố gắng tìm ra sự thật trong câu nói vừa rồi qua nét mặt cậu. Rồi, trước sự ngạc nhiên tột độ của Robin, ông bật cười ha hả.

“Không, cậu không phải đâu.” Anh ta ngả người ra sau, khoanh tay trước ngực, vẫn cười hô hố. “Trời ơi. Buồn cười chết mất. Không, cậu không phải đâu.”

Giáo sư Lovell không nói gì.

Công việc phiên dịch bắt đầu ngay sáng hôm sau. Những thông dịch viên giỏi luôn rất được săn đón ở Quảng Châu, và bị kéo đi làm đủ mọi việc mỗi khi họ xuất hiện. Các thương nhân phương Tây không thích sử dụng những thông dịch viên bản địa được triều đình cấp phép vì trình độ ngôn ngữ của họ thường rất kém.

“Quên tiếng Anh đi,” ông Baylis phàn nàn với Giáo sư Lovell, “một nửa trong số họ còn chẳng nói được tiếng Quan Thoại trôi chảy. Hơn nữa, ông không thể tin tưởng họ đại diện cho lợi ích của mình. Ông luôn có thể nhận ra khi nào họ không nói thật –

tôi đã từng bị một người nói dối ngay trước mặt về thuế hải quan trong khi các chữ số Ả Rập thì hiện rõ mồn một ra đấy."

Các công ty thương mại thỉnh thoảng thuê người phương Tây thông thạo tiếng Trung, nhưng rất khó tìm. Chính thức mà nói, dạy tiếng Trung cho người nước ngoài là một tội ác bị trừng phạt bằng cái chết. Giờ đây, khi biên giới Trung Quốc trở nên dễ xâm nhập hơn một chút, luật này không thể thực thi được nữa, nhưng điều đó cũng có nghĩa là những người phiên dịch lành nghề thường là những nhà truyền giáo như Mục sư Gützlaff, vốn có rất ít thời gian rảnh. Kết quả là những người như Robin và Giáo sư Lovell quý giá như vàng. Ramy, Letty, và Victoire, tội nghiệp họ, sẽ bị đưa từ nhà máy này sang nhà máy khác suốt cả ngày để thực hiện công việc bảo trì đồ bạc, nhưng lịch trình của Robin và Giáo sư Lovell thì chật kín các cuộc họp bắt đầu từ tám giờ sáng.

Ngay sau bữa sáng, Robin cùng ông Baylis đến cảng để kiểm tra các bản kê khai hàng hóa với hải quan Trung Quốc. Cơ quan hải quan đã cử phiên dịch riêng của họ, một người đàn ông gầy gò, đeo kính tên là Mạnh, người phát âm từng từ tiếng Anh một cách chậm rãi, rụt rè và thận trọng, như thể rất sợ phát âm sai bất cứ điều gì.

"Bây giờ chúng ta sẽ kiểm kê nhé," anh ta nói với Robin. Giọng nói dè dặt, hơi lên giọng cuối câu khiến nó nghe như một câu hỏi; Robin không rõ anh ta có đang xin phép mình hay không.

"Ờ – vâng." Anh ta hắng giọng, rồi nói bằng thứ tiếng Quan Thoại chuẩn nhất của mình, "Tiếp tục."

Meng bắt đầu đọc danh sách hàng tồn kho, ngước nhìn lên sau mỗi món để ông Baylis có thể xác nhận số hàng đó được cất trong thùng nào. "Một trăm hai mươi lăm pao đồng. Bảy mươi tám pao nhân sâm thô. Hai mươi tư thùng bọ… bọ…"

"Trầu cau," ông Baylis sửa lại.

Trầu?

“Ông biết đấy, trầu,” ông Baylis nói. “Hay là hột cau, nếu ông muốn gọi như vậy. Để nhai.” Ông ấy chỉ vào hàm mình và làm điệu bộ nhai trầu. “Không à?”

Mạnh vẫn còn hoang mang, nhìn sang Robin cầu cứu. Robin nhanh chóng dịch sang tiếng Trung, và Mạnh gật đầu. "Hạt cau."

“Thôi đủ rồi,” ông Baylis gắt gỏng. “Để Robin làm đi – cháu dịch được hết danh sách này mà, phải không Robin? Làm thế sẽ tiết kiệm cho chúng ta khối thời gian. Tôi đã bảo mà, bọn họ vô dụng hết, cả một đất nước mà không tìm ra nổi một người nói tiếng Anh cho ra hồn.”

Mạnh dường như hiểu rõ điều này. Anh ta nhìn Robin bằng ánh mắt sắc lẹm, và Robin cúi đầu xuống bản kê khai để tránh nhìn anh ta.

Cứ thế suốt buổi sáng: ông Baylis tiếp một đoàn đại lý Trung Quốc, tất cả đều bị ông ta đối xử thô lỗ đến khó tin, rồi lại nhìn Robin như thể mong anh ta không chỉ dịch lời nói mà còn cả thái độ khinh miệt tột độ của mình dành cho những người đối thoại.

Lúc họ nghỉ trưa, Robin đã bị đau đầu nhói buốt. Anh không thể chịu đựng thêm một giây phút nào với ông Baylis nữa. Ngay cả bữa tối, được dọn tại Thương quán Anh, cũng chẳng phải là lúc nghỉ ngơi; ông Baylis dành toàn bộ thời gian kể lể những lời lẽ vô lý của các nhân viên hải quan, và cứ kể theo kiểu khiến Robin nghe như thể anh đã xúc phạm người Trung Quốc ở mọi lúc mọi nơi. Ramy, Victoire và Letty trông rất bối rối. Robin gần như không nói gì. Anh ngấu nghiến món ăn của mình – lần này là một đĩa thịt bò ăn với cơm dễ nuốt hơn, dù nhạt nhẽo – rồi tuyên bố sẽ ra ngoài.

"Cậu định đi đâu đấy?" ông Baylis hỏi.

“Tôi muốn đi ngắm thành phố.” Sự bực tức khiến Robin mạnh dạn hơn. “Chúng ta xong việc hôm nay rồi, phải không?”

"Người nước ngoài không được phép vào thành phố," ông Baylis nói.

Tôi không phải người nước ngoài. Tôi sinh ra ở đây.

Ông Baylis không nói gì. Robin coi sự im lặng đó là đồng ý. Anh ta chộp lấy áo khoác và sải bước về phía cửa.

Ramy vội vã đuổi theo anh ta. "Hay là tôi đi cùng anh?"

*Please*Suýt nữa thì Robin nói ra, nhưng lại ngập ngừng. "Tôi không chắc là cô làm được."

Robin thấy Victoire và Letty liếc nhìn về phía họ. Letty định đứng dậy, nhưng Victoire đặt tay lên vai cô.

“Anh sẽ ổn thôi,” Ramy nói, vừa kéo áo khoác. “Anh sẽ ở bên em.”

Họ bước ra cửa trước và đi dọc theo Thập Tam Hàng. Khi họ bước qua khỏi khu tô giới của người nước ngoài vào khu ngoại ô Quảng Châu, không ai ngăn cản họ; không ai túm lấy tay họ và bắt họ quay trở lại nơi họ thuộc về. Ngay cả khuôn mặt của Ramy cũng không gây ra bất kỳ lời bình luận kỳ lạ nào; lính tráng Ấn Độ là cảnh tượng phổ biến ở Quảng Châu, và họ ít bị chú ý hơn cả những người nước ngoài da trắng. Kỳ lạ thay, đó hoàn toàn trái ngược với tình cảnh của họ ở Anh.

Robin dẫn họ đi lang thang khắp các con phố ở trung tâm Canton. Anh không biết mình đang tìm kiếm điều gì. Những nơi chốn quen thuộc thời thơ ấu? Những địa danh quen mắt? Anh không có đích đến nào trong đầu; không có nơi nào anh nghĩ sẽ

mang lại sự giải thoát. Tất cả những gì anh cảm thấy là một sự thôi thúc sâu sắc, một nhu cầu phải đi qua càng nhiều nơi càng tốt trước khi mặt trời lặn.

“Cảm giác như ở nhà không?” Ramy hỏi – nhẹ nhàng, trung lập, như thể đang rón rén vậy.

“Không hề,” Robin nói. Cậu cảm thấy vô cùng bối rối. “Chuyện này… mình không chắc đây là chuyện gì nữa.”

Quảng Châu khác xa so với những gì anh còn nhớ. Công trình xây dựng ở bến cảng, vốn đã diễn ra từ khi Robin còn bé, giờ đã bùng nổ thành cả một quần thể những tòa nhà mới - nhà kho, văn phòng công ty, quán trọ, nhà hàng và quán trà. Nhưng anh còn mong đợi điều gì khác nữa chứ? Quảng Châu vốn dĩ luôn là một thành phố biến đổi không ngừng, năng động, hút lấy những gì biển cả mang đến và tiêu hóa tất cả thành một dạng hỗn hợp đặc thù của riêng nó. Làm sao anh có thể cho rằng nó sẽ cứ mãi neo mình trong quá khứ?

Vẫn vậy, sự biến đổi này giống như một sự phản bội. Nó khiến tôi cảm thấy như thành phố đã đóng sập mọi con đường trở về nhà.

“Trước đây cậu sống ở đâu?” Ramy hỏi, vẫn giữ giọng nói cẩn thận, nhẹ nhàng như thể Robin là một giỏ xúc cảm sắp trào ra.

“Một trong những khu ổ chuột.” Robin nhìn quanh. “Không xa đây lắm, tôi nghĩ vậy.”

Bạn có muốn đi không?

Robin nghĩ về căn nhà khô ráo, ngột ngạt đó; cái mùi hôi thối của bệnh tiêu chảy và xác chết đang phân hủy. Đó là nơi cuối cùng trên thế giới mà anh muốn đặt chân đến lần nữa. Nhưng dường như việc không đến xem xét lại còn tệ hơn. "Tôi không chắc mình có thể tìm thấy nó. Nhưng chúng ta có thể thử."

Cuối cùng Robin cũng tìm được đường về ngôi nhà cũ của mình – không phải bằng cách đi theo những con phố, mà giờ đây đã trở nên hoàn toàn xa lạ, mà bằng cách cứ bước đi cho đến khi khoảng cách giữa bến tàu, dòng sông và mặt trời lặn tạo cảm giác quen thuộc. Phải, đây là nơi lẽ ra phải là nhà – anh nhớ rõ khúc quanh của bờ sông, cũng như bãi xe xích lô ở bờ bên kia.

"Chỉ có thế này thôi à?" Ramy hỏi. "Toàn là cửa hàng."

Con phố chẳng giống bất cứ thứ gì anh còn nhớ. Ngôi nhà của gia đình anh đã biến mất khỏi trái đất này. Anh thậm chí còn không thể xác định được nền móng của nó nằm ở đâu – có thể là bên dưới quán trà trước mặt, hoặc văn phòng công ty bên trái quán trà, hoặc cửa hàng được trang trí lộng lẫy gần cuối phố với tấm biển sơn màu đỏ chói lọi ghi:*huā yān guǎn*Tiệm hút thuốc phiện.

Robin sải bước về phía đó.

“Anh đi đâu đấy?” Ramy vội vã đuổi theo sau. “Cái gì thế?”

‘Đó là nơi tụi nó hút thuốc phiện. Bọn chúng đến đây để phê.’ Robin cảm thấyMột cơn tò mò bất chợt, không thể chịu đựng nổi. Ánh mắt anh lướt nhanh khắp mặt tiền cửa hàng, cố gắng ghi nhớ từng chi tiết – những chiếc đèn lồng giấy lớn, lớp sơn mài bên ngoài, những cô gái trang điểm đậm, mặc váy dài đang vẫy gọi từ cửa hiệu. Họ rạng rỡ nhìn anh, dang rộng vòng tay như những vũ công khi anh đến gần.

“Chào ngài,” họ nũng nịu bằng tiếng Quảng Đông. “Ngài có muốn vào chơi một chút không?”

“Trời đất ơi,” Ramy nói. “Đi khỏi chỗ đó mau.”

“Chờ đã.” Robin cảm thấy bị thôi thúc bởi một khao khát mãnh liệt, kỳ quặc muốn biết, cũng giống như cái thôi thúc xấu xa

khiến người ta cứ phải chọc vào vết thương, chỉ để xem nó đau đến mức nào. “Tôi chỉ muốn nhìn xung quanh một chút.”

Bên trong, mùi hương xộc vào anh như một bức tường. Nó ngọt ngấy, tanh tưởi, ngọt lịm đến phát ốm, vừa ghê sợ vừa quyến rũ cùng một lúc.

“Chào mừng quý khách.” Một nữ tiếp tân bất chợt xuất hiện bên cạnh Robin. Cô mỉm cười tươi rói khi nhìn thấy vẻ mặt của anh. “Đây là lần đầu tiên anh đến đây phải không?”

“Tôi không…” Bỗng nhiên Robin không nói nên lời. Anh hiểu tiếng Quảng Đông, nhưng không thể nói được.

“Anh muốn thử không?” Bà chủ nhà đưa ra một cái tẩu về phía anh. Nó đã được châm sẵn; nõ tẩu đỏ rực lên với làn khói thuốc phiện đang cháy liu riu, và một làn khói mỏng manh cuộn ra từ đầu tẩu. “Lần đầu miễn phí nhé, quý ngài.”

“Cô ấy nói gì vậy?” Ramy hỏi. “Chim Sẻ, đừng có chạm vào cái đó.”

‘Nhìn xem họ vui vẻ thế nào kìa.’ Bà chủ nhà ra hiệu quanh phòng khách. ‘Cô không muốn nếm thử một chút sao?’

Hang ổ chật ních đàn ông. Robin không hề để ý thấy họ trước đó, vì quá tối, nhưng giờ cậu thấy có ít nhất một tá người đang phì phèo thuốc phiện nằm ngổn ngang trên những chiếc trường kỷ thấp trong tình trạng ăn mặc xộc xệch. Vài người vuốt ve mấy cô gái ngồi chễm chệ trên đùi mình, vài người uể oải chơi bài bạc, còn lại nằm vật vờ trong cơn mê, miệng hé mở, mắt lim dim, nhìn chằm chằm vào khoảng không.

*Your uncle couldn’t stay away from those dens*Cảnh tượng ấy gợi lên trong anh những từ ngữ anh đã không nhớ đến suốt cả thập kỷ, những từ ngữ bằng giọng mẹ anh, những từ ngữ bà vẫn

thường thở dài suốt thời thơ ấu của anh.*We used to be rich, darling. Look at us now.*

Anh nghĩ đến mẹ anh, cay đắng hồi tưởng về những khu vườn bà từng chăm sóc và những bộ váy bà từng mặc trước khi bác anh nướng sạch tài sản gia đình trong một cái ổ thuốc phiện như thế này. Anh tưởng tượng ra mẹ mình, trẻ trung và tuyệt vọng, sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho gã đàn ông ngoại quốc đã hứa hẹn cho bà tiền, kẻ lợi dụng và hành hạ bà rồi bỏ mặc bà với một...Người hầu gái Anh và một loạt chỉ dẫn rối rắm để nuôi dạy đứa trẻ, con của cô, bằng một ngôn ngữ mà chính cô cũng không nói được. Robin được sinh ra từ những lựa chọn bắt nguồn từ nghèo đói, nghèo đói lại bắt nguồn từ chính điều này.

"Ngài dùng chút bia hơi không?"

Trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì, cái tẩu đã nằm trong miệng - anh hít vào, bà chủ nhà cười rộng hơn, nói điều gì đó anh không hiểu, và mọi thứ trở nên ngọt ngào, choáng váng, đáng yêu và kinh khủng cùng một lúc. Anh ho sặc sụa, rồi lại hít mạnh một hơi nữa; anh phải biết thứ này gây nghiện đến mức nào, liệu nó có thực sự khiến người ta hy sinh tất cả hay không.

“Được rồi.” Ramy nắm chặt cánh tay anh ta. “Đủ rồi, đi thôi.”

Họ rảo bước quay lại thành phố, lần này Ramy dẫn đầu. Robin không nói một lời. Anh không thể biết được vài hơi thuốc phiện đó đã ảnh hưởng đến mình bao nhiêu, liệu anh chỉ đang tưởng tượng ra các triệu chứng hay không. Có lần, vì tò mò, anh đã lật giở một cuốn sách của De Quincey’s*Confessions of an English Opium-Eater*, thứ được mô tả là có tác dụng mang lại “sự thanh thản và cân bằng” cho mọi giác quan, “củng cố mạnh mẽ” sự tự chủ và “mở rộng trái tim”. Nhưng anh chẳng cảm thấy gì trong số đó cả. Những từ duy nhất anh có thể dùng để miêu tả bản thân lúc này là “không ổn lắm”; anh cảm thấy buồn nôn mơ hồ,

đầu óc quay cuồng, tim đập quá nhanh, và cơ thể di chuyển quá chậm chạp.

"Ổn chứ?" Ramy hỏi sau một lúc.

"Tôi chết đuối mất," Robin lẩm bẩm.

“Không phải đâu,” Ramy nói. “Cậu chỉ đang bị kích động thôi. Chúng ta sẽ quay về Nhà Máy, rồi cậu sẽ uống một cốc nước đầy…”

Nó được gọi là*yánghuò*,*Robin nói. “Đó là thứ mà mụ ta gọi là thuốc phiện.”*Yáng*nghĩa là "nước ngoài",*huò*nghĩa là "hàng hóa".*Yánghuò*nghĩa là “hàng ngoại”. Họ gọi mọi thứ ở đây như vậy.*Yáng*mọi người.*Yáng*hội.*Yánghuòre*– một nỗi ám ảnh với hàng ngoại, với thuốc phiện. Và đó là tôi. Điều đó đến từ tôi. Tôi đang*yáng*.

Họ dừng lại trên một cây cầu, bên dưới những người đánh cá và những chiếc sampan qua lại. Tiếng ồn ào, thứ âm thanh hỗn tạp của một ngôn ngữ mà anh đã xa cách bấy lâu và giờ phải tập trung để giải mã, khiến Robin muốn bịt chặt tai lại, để ngăn chặn một khung cảnh âm thanh lẽ ra phải, nhưng lại không mang lại cảm giác quê nhà.

“Anh xin lỗi vì đã không nói với em,” anh ta nói. “Về Hermes.”

Ramy thở dài. "Birdie à, không phải bây giờ."

“Lẽ ra tôi phải nói với cậu,” Robin khăng khăng. “Lẽ ra phải nói, mà tôi lại không nói, bởi vì không hiểu sao trong đầu tôi mọi chuyện vẫn rời rạc, và tôi chưa bao giờ ghép hai mảnh lại với nhau vì tôi không thấy… tôi chỉ – tôi không biết tại sao mình lại không thấy.”

Ramy lặng lẽ nhìn anh ta một hồi lâu, rồi bước lại gần hơn cho đến khi hai người đứng cạnh nhau, cùng nhìn ra mặt nước.

“Cậu biết đấy,” anh ta nói nhỏ, “Ngài Horace Wilson, người giám hộ của tôi, đã từng đưa tôi đến một trong những cánh đồng thuốc phiện mà ông ấy đầu tư. Ở Tây Bengal. Tôi không nghĩ mình đã từng kể với cậu về chuyện này. Phần lớn thứ này được trồng ở đó - Bengal, Bihar, và Patna. Ngài Horace sở hữu một phần đồn điền. Ông ấy rất tự hào; ông ấy nghĩ rằng đây là tương lai của thương mại thuộc địa. Ông ấy bắt tôi bắt tay với những người làm ruộng của mình. Ông ấy nói với họ rằng một ngày nào đó, tôi có thể là người giám sát của họ. Thứ này đã thay đổi tất cả mọi thứ, ông ấy nói. Nó đã khắc phục được sự thâm hụt thương mại.”

‘Tôi nghĩ tôi sẽ không bao giờ quên được những gì mình đã thấy.’ Anh ta chống khuỷu tay lên thành cầu rồi thở dài. ‘Hàng hàng lớp lớp hoa. Cả một biển hoa. Màu đỏ tươi rực rỡ đến nỗi cánh đồng trông thật khác thường, như chính mảnh đất đang rỉ máu. Tất cả đều được trồng ở nông thôn. Sau đó, chúng được đóng gói và vận chuyển đến Calcutta, nơi chúng được giao cho các thương nhân tư nhân, rồi mang thẳng đến đây. Hai nhãn hiệu thuốc phiện phổ biến nhất ở đây là Patna và Malwa. Cả hai đều là vùng ở Ấn Độ. Từ quê hương tôi đến thẳng quê hương cô, Birdie. Trớ trêu thật, phải không?’ Ramy liếc nhìn anh ta. ‘Người Anh đang biến quê hương tôi thành một quốc gia quân sự ma túy để bơm thuốc vào quê hương cô. Đó là cách mà đế chế này kết nối chúng ta.’

Robin khi ấy bỗng thấy trong đầu mình một mạng nhện khổng lồ. Bông vải từ Ấn Độ đến Anh, thuốc phiện từ Ấn Độ đến Trung Quốc, bạc biến thành trà và đồ sứ ở Trung Quốc, và tất cả lại chảy về Anh. Nghe thật trừu tượng – chỉ là những phạm trù sử dụng, trao đổi và giá trị – cho đến khi nó không còn trừu tượng nữa; cho đến khi bạn nhận ra mạng nhện mình đang sống trong đó và những bóc lột mà lối sống của bạn đòi hỏi, cho đến khi bạn thấy lờ mờ trên tất cả bóng ma của lao động thuộc địa và nỗi đau thuộc địa.

“Bệnh hoạn,” hắn thì thầm. “Bệnh hoạn, thật bệnh hoạn…”

“Nhưng nó chỉ là thương mại thôi,” Ramy nói. “Mọi người đều được lợi; mọi người đều có lãi, dù chỉ là một nước được lãi nhiều hơn hẳn. Lợi nhuận liên tục – đó là logic mà, phải không? Vậy tại sao chúng ta lại muốn thoát ra? Vấn đề là, Birdie, anh nghĩ anh hiểu tại sao em không nhìn thấy. Hầu như chẳng ai thấy cả.”

Tự do thương mại. Đó luôn là luận điểm của người Anh – tự do thương mại, cạnh tranh tự do, một sân chơi bình đẳng cho tất cả. Nhưng rốt cuộc, nó có bao giờ như vậy đâu? "Tự do thương mại" thực chất có nghĩa là sự thống trị của đế quốc Anh, bởi có gì là tự do trong một nền thương mại dựa vào sức mạnh hải quân khổng lồ để đảm bảo quyền tiếp cận biển? Khi mà các công ty thương mại đơn thuần có thể phát động chiến tranh, đánh thuế và thực thi công lý dân sự và hình sự?

Griffin giận là phải, Robin nghĩ, nhưng cậu ta đã sai khi nghĩ mình có thể làm gì để thay đổi nó. Những mạng lưới thương mại này đã được thiết lập vững chắc như bàn thạch. Chẳng có gì có thể lay chuyển được sự sắp đặt này; có quá nhiều lợi ích cá nhân, quá nhiều tiền bạc bị đe dọa. Họ có thể thấy rõ mọi chuyện sẽ đi về đâu, nhưng những người có quyền lực để thay đổi nó lại đang ở vị trí được hưởng lợi, còn những người chịu thiệt thòi nhất thì lại chẳng có chút quyền lực nào.

“Dễ quên thật đấy,” anh ta nói. “Ý tôi là, những lá bài nó được xây dựng trên đó – bởi vì khi ở Oxford, trên ngọn tháp, chúng chỉ là từ ngữ, chỉ là ý tưởng. Nhưng thế giới rộng lớn hơn tôi tưởng nhiều—”

"Nó đúng là to lớn như chúng ta nghĩ," Ramy nói. "Chỉ là chúng ta đã quên mất phần còn lại cũng quan trọng. Chúng ta đã quá giỏi trong việc từ chối nhìn thấy những gì ngay trước mắt mình."

“Nhưng giờ thì tôi đã thấy nó rồi,” Robin nói, “hoặc ít nhất là hiểu nó hơn một chút, và nó đang xé nát tôi ra từng mảnh, Ramy ạ, và tôi thậm chí còn chẳng hiểu tại sao. Nó không giống như – giống như—”

Như thể cái gì? Như thể anh ta đã từng chứng kiến điều gì thực sự kinh khủng? Như thể anh ta đã tận mắt thấy những đồn điền nô lệ ở Tây Ấn vào thời kỳ tàn bạo nhất, hay những thân xác chết đói ở Ấn Độ, nạn nhân của những nạn đói hoàn toàn có thể tránh khỏi, hay những người bản địa bị tàn sát ở Tân Thế Giới? Tất cả những gì anh ta thấy chỉ là một ổ thuốc phiện – nhưng chừng đó cũng đủ để trở thành một ví dụ điển hình cho phần còn lại khủng khiếp, không thể chối cãi.

Anh nghiêng người qua thành cầu, tự hỏi cảm giác sẽ thế nào nếu cứ thế ngã xuống vực.

“Mày định nhảy hả, Birdie?” Ramy hỏi.

“Cứ cảm thấy…”, Robin hít một hơi thật sâu. “Cứ cảm thấy như chúng ta không có quyền được sống nữa.”

Giọng Ramy rất bình tĩnh. "Ý anh là vậy sao?"

“Không, tôi không, tôi chỉ…” Robin nhắm chặt mắt. Suy nghĩ của anh rối bời; anh không biết cách nào để diễn tả ý mình, và tất cả những gì anh có thể nắm bắt được chỉ là những ký ức, những ám chỉ thoáng qua. “Ông đã bao giờ đọc…*Gulliver’s Travels*Tôi đọc nó suốt ngày, hồi tôi sống ở đây – tôi đọc nó nhiều đến nỗi gần như thuộc lòng. Và có một chương mà Gulliver bị lạc vào một vùng đất do loài ngựa cai trị, chúng tự gọi mình là Houyhnhnms, và ở đó con người là những nô lệ man rợ, ngu ngốc được gọi là Yahoos. Chúng bị hoán đổi vị trí. Và Gulliver đã quá quen với việc sống cùng ông chủ Houyhnhnm của mình, quá tin vào sự ưu việt của Houyhnhnm, đến nỗi khi anh ta trở về nhà, anh ta kinh hoàng trước đồng loại của mình. Anh ta nghĩ họ là những kẻ đần độn. Anh ta không thể chịu đựng được

việc ở gần họ. Và đó là cách mà cái này... đó là... Robin lắc lư qua lại trên cầu. Cậu cảm thấy dù có thở mạnh đến mấy cũng không đủ không khí. “Cậu hiểu ý tôi chứ?”

“Em đồng ý,” Ramy dịu dàng nói. “Nhưng nếu chúng ta cứ làm quá lên thì chẳng ích gì. Thế nên bình tĩnh lại đi, Birdie, rồi mình cùng đi uống cốc nước nào.”

Sáng hôm sau, Robin cùng ông Baylis đến công sở chính quyền ở trung tâm thành phố để yết kiến Cao uỷ Hoàng gia Lâm Tắc Từ.

“Thằng cha họ Lâm này khôn hơn đám còn lại,” ông Baylis vừa đi vừa nói. “Gần như trong sạch. Ở phía đông nam, người ta gọi nó là Lâm Thanh Thiên.”* Trong sạch như trời xanh, ông ấy bất khả xâm phạm trước mọi cám dỗ của tiền tài.

Robin không nói gì. Anh đã quyết định chịu đựng những ngày còn lại ở Quảng Châu bằng cách chỉ làm đúng những gì được yêu cầu, và điều đó không bao gồm việc tiếp tay cho những lời bài xích phân biệt chủng tộc của ông Baylis.

Ông Baylis dường như không để ý. "Giờ thì, hãy cẩn thận. Người Trung Quốc là một loại quỷ quyệt – bản chất hai mặt, và tất cả những thứ đó. Luôn nói một đằng nghĩ một nẻo. Cẩn thận đừng để họ qua mặt anh."

"Tôi sẽ giữ tỉnh táo," Robin nói ngắn gọn.

Theo lời kể của ông Baylis, người ta sẽ tưởng tượng Lâm Tắc Từ cao ba mét, mắt phóng lửa và có sừng quỷ. Trên thực tế, ngài钦差 là một người đàn ông có phong thái ôn hòa, nét mặt hiền từ, chiều cao và vóc dáng trung bình. Ngoại hình ông hoàn toàn không có gì nổi bật ngoại trừ đôi mắt, dường như sáng và tinh anh khác thường. Ông có mang theo phiên dịch riêng, một chàng trai trẻ người Trung Quốc tự giới thiệu là William Botelho, và điều khiến Robin ngạc nhiên là anh ta đã từng học tiếng Anh ở Hoa Kỳ.

“Hoan nghênh ông Baylis,” Cao ủy Lâm nói, trong khi William nhanh chóng phiên dịch sang tiếng Anh. “Tôi được biết ông có một vài suy nghĩ muốn chia sẻ với tôi.”

“Vấn đề, như ngài đã biết, chính là việc buôn bán thuốc phiện,” ông Baylis nói. “Ông Jardine và ông Matheson cho rằng nếu các đại lý của họ được phép bán thuốc phiện hợp pháp dọc bờ biển Quảng Châu mà không bị can thiệp thì sẽ có lợi cho cả người dân của ngài lẫn chúng tôi. Họ mong muốn một lời xin lỗi chính thức về cách đối xử thiếu mến khách mà các đại lý thương mại của họ đã phải chịu đựng hồi đầu năm nay. Và dường như cũng hợp lý thôi khi hai mươi nghìn hòm thuốc phiện bị tịch thu vài tháng trước được trả lại cho chúng tôi, hoặc ít nhất là bồi thường bằng tiền mặt tương đương với giá trị thị trường của chúng.”

Trong những giây phút đầu tiên, Ủy viên Lin chỉ lắng nghe, chớp mắt, khi Robin tiếp tục lải nhải những yêu cầu của ông Baylis. Robin cố gắng không truyền đạt giọng điệu của ông Baylis, vốn to tiếng và kẻ cả, mà thay vào đó trình bày chúng một cách đều đều và vô cảm nhất có thể. Tuy nhiên, tai cậu vẫn đỏ lên vì xấu hổ; cuộc nói chuyện này chẳng khác nào một bài giảng, kiểu người ta dạy dỗ một đứa trẻ kém thông minh.

Ông Baylis dường như không hề bối rối trước sự im lặng của钦差大臣 Lâm; khi lời nói của ông không được hồi đáp, ông chỉ đơn giản tiếp tục: 'Các ông Jardine và Matheson cũng muốn nói rằng Hoàng đế nhà Thanh nên nhận ra rằng các chính sách thương mại độc quyền của chính phủ ông ta không có lợi cho người Trung Quốc. Trên thực tế, người dân của ngài phẫn uất với những rào cản thương mại, mà họ tin rằng không đại diện cho lợi ích của họ. Họ thà được tự do giao thiệp với người nước ngoài, vì điều đó cũng mang lại cho họ cơ hội làm giàu. Rốt cuộc, tự do thương mại là bí quyết dẫn đến sự thịnh vượng quốc gia – và hãy tin tôi, người dân của ngài nên đọc một vài tác phẩm của Adam Smith.'

Cuối cùng, Ủy viên Lâm lên tiếng. "Chúng tôi biết điều này." William Botelho nhanh chóng phiên dịch. Đó là một cuộc trò chuyện kỳ lạ, được truyền tải qua bốn người, không ai nói chuyện trực tiếp với người mà họ đang lắng nghe. "Đây chính là những điều khoản trong vô số thư từ của các ông Jardine và Matheson gửi đến, phải không? Có điều gì mới mà các vị muốn nói không?"

Robin nhìn ông Baylis đầy hy vọng. Ông Baylis hơi ngập ngừng. "Ừm – không, nhưng việc nhắc lại trực tiếp vẫn rất cần thiết—"

Quan Khâm sai Lâm khoanh tay ra sau lưng, rồi hỏi, "Ông Baylis, có phải ở nước ông, thuốc phiện bị cấm rất nghiêm ngặt và khắt khe không?" Ông ngừng lại để William phiên dịch.

“Vâng, đúng vậy,” ông Baylis nói, “nhưng vấn đề là thương mại, chứ không phải những hạn chế trong nước của Anh—”

"Và," Tổng đốc Lâm tiếp tục, "chẳng phải việc cấm chính người dân của các ngài sử dụng thuốc phiện đã chứng minh rằng các ngài hoàn toàn biết rõ nó gây hại cho nhân loại như thế nào sao? Chúng tôi muốn hỏi, Trung Quốc đã bao giờ đưa ra một thứ độc hại nào từ đất nước mình chưa? Chúng tôi đã bao giờ bán cho các ngài thứ gì ngoài những thứ có lợi, những thứ mà đất nước các ngài rất cần hay chưa? Lập luận của các ngài bây giờ là buôn bán thuốc phiện, trên thực tế, lại tốt cho chúng tôi sao?"

“Cuộc tranh luận này,” ông Baylis khẳng định, “là về kinh tế. Có lần một vị đô đốc đã chiếm giữ và lục soát tàu của tôi để tìm thuốc phiện. Khi tôi giải thích với ông ta rằng tôi không có, vì tôi tuân theo luật của Hoàng đế nhà Thanh, ông ta tỏ vẻ thất vọng. Ông ta hy vọng mua sỉ nó và tự phân phối lại, ông thấy đấy. Điều đó chứng tỏ người Trung Quốc cũng được hưởng lợi rất nhiều từ việc buôn bán này—”

"Ngài vẫn đang né tránh câu hỏi ai là người hút thuốc phiện," Lâm Tổng đốc nói.

Ông Baylis thở dài bực bội. "Robin, nói với anh ta đi—"

“Ta sẽ nhắc lại điều chúng ta đã viết cho Nữ hoàng Victoria của các ngươi,” Lâm Tắc Từ nói. “Những kẻ muốn giao thương với thiên triều của chúng ta phải tuân theo luật lệ do Hoàng đế đặt ra. Và luật mới của Hoàng đế, sắp được thi hành, quy định rằng bất kỳ người nước ngoài nào mang thuốc phiện vào Trung Quốc với ý định buôn bán sẽ bị chém đầu, và tất cả tài sản trên tàu sẽ bị tịch thu.”

“Nhưng ông không thể làm thế được,” ông Baylis gầm lên. “Đó là những công dân Anh mà ông đang nói đến. Đó là tài sản của nước Anh.”

“Không khi chúng chọn làm tội phạm.” Ở đây, William Botelho phản chiếu sự khinh miệt lạnh lùng của Ủy viên Lin một cách chính xác tuyệt đối, đến cả cái nhướn mày nhẹ nhất. Robin rất ấn tượng.

“Này, nghe đây,” ông Baylis nói. “Người Anh không thuộc thẩm quyền của ông, Ngài Thanh tra. Ông chẳng có quyền hành gì ở đây cả.”

“Ta biết ngươi tin rằng quyền lợi của ngươi luôn đứng trên luật pháp của chúng ta,”钦差大臣 Lâm nói. “Nhưng chúng ta đang đứng trên lãnh thổ Trung Hoa. Và vì vậy, ta sẽ nhắc nhở ngươi, và cả chủ nhân của ngươi, rằng chúng ta sẽ thực thi luật pháp của mình theo cách chúng ta thấy phù hợp.”

"Vậy thì ông biết chúng tôi sẽ phải bảo vệ công dân của mình theo cách chúng tôi thấy phù hợp."

Robin quá kinh ngạc trước việc ông Baylis nói toạc ra những lời ấy đến nỗi cậu quên cả dịch. Một khoảng lặng ngượng ngùng bao trùm. Cuối cùng, WilliamBotelho khẽ lặp lại ý của ông Baylis bằng tiếng Trung cho Cao ủy Lâm.

Ngài Lâm hoàn toàn không nao núng. "Đây là lời đe dọa phải không, ông Baylis?"

Ông Baylis mở miệng, rồi lại thôi. Dù bực tức đến đâu, hình như ông ta cũng nhận ra rằng dù thích mắng nhiếc người Trung Quốc đến mấy thì ông ta vẫn không thể tuyên chiến nếu không có sự ủng hộ của chính phủ.

Cả bốn bên im lặng nhìn nhau.

Rồi đột ngột, Ủy viên Lin gật đầu với Robin. "Tôi muốn nói chuyện riêng với trợ lý của anh."

"Ông ta á? Ông ta chả có quyền hành gì trong công ty đâu," Robin tự động dịch lại lời ông Baylis. "Ông ta chỉ là phiên dịch thôi."

“Tôi chỉ muốn nói chuyện phiếm thôi,” Đặc ủy viên Lâm nói.

"Tôi – nhưng anh ta không được phép phát ngôn thay tôi."

“Tôi không cần anh ta phải làm thế. Thật ra, tôi nghĩ chúng tôi đã nói hết những gì cần nói với nhau rồi,” Thanh tra Lin nói. “Anh không nghĩ vậy sao?”

Robin tự cho phép mình tận hưởng niềm vui nho nhỏ khi chứng kiến vẻ mặt sững sờ của ông Baylis chuyển thành phẫn nộ. Anh cân nhắc việc phiên dịch những lời phản đối lắp bắp của ông ta, nhưng quyết định giữ im lặng khi rõ ràng là chẳng có câu nào mạch lạc cả. Cuối cùng, vì không còn lựa chọn nào tốt hơn, ông Baylis đành để mình bị dẫn ra khỏi phòng.

“Ông cũng vậy,” Đặc ủy viên Lin nói với William Botelho, người tuân lệnh mà không bình luận gì.

Rồi họ chỉ còn lại hai người. Ủy viên Lin nhìn Robin chằm chằm một lúc lâu trong im lặng. Robin chớp mắt, không thể chịu

đựng được ánh mắt dò xét ấy; cậu cảm thấy chắc chắn mình đang bị nhìn thấu, và điều này khiến cậu vừa cảm thấy bản thân thật kém cỏi vừa vô cùng khó chịu.

“Tên ngươi là gì?”, Tổng đốc Lâm hỏi nhỏ.

“Robin Swift,” Robin nói, rồi chớp mắt bối rối. Cái tên Anglophone nghe thật lạc lõng trong một cuộc trò chuyện bằng tiếng Trung. Cái tên kia của anh, tên đầu tiên của anh, đã lâu lắm rồi không được dùng đến nỗi anh còn chẳng nghĩ đến việc nói ra nó.

“Ý tôi là—” Nhưng anh ta quá xấu hổ để nói tiếp.

Ánh mắt Lâm tuần phủ tò mò, không rời. "Ngươi từ đâu đến?"

“Thực ra là ở đây,” Robin nói, cảm thấy biết ơn vì một câu hỏi mà anh có thể dễ dàng trả lời. “Mặc dù tôi đã rời đi từ khi còn rất nhỏ. Và tôi đã không quay lại trong một thời gian dài.”

"Thú vị thật. Sao anh/chị lại bỏ đi?"

Mẹ tôi mất vì bệnh tả, và một giáo sư ở Oxford trở thành người giám hộ của tôi.

"Vậy cậu học ở trường của họ à? Học viện Phiên dịch?"

Tôi đồng ý. Đó là lý do tại sao tôi đến Anh. Tôi đã học cả đời để trở thành một phiên dịch viên.

"Một nghề nghiệp rất đáng kính trọng,"欽 sai Lâm nói. "Nhiều đồng bào của tôi xem thường việc học ngôn ngữ của bọn man di. Nhưng ta đã ủy thác khá nhiều dự án dịch thuật kể từ khi nhậm chức ở đây. Phải hiểu rõ bọn man di mới trị được bọn man di, ngươi thấy có đúng không?"

Có điều gì đó ở người đàn ông này khiến Robin phải thẳng thắn. "Họ cũng có thái độ tương tự như vậy đối với ông."

Ông Lâm thở phào nhẹ nhõm rồi bật cười. Điều này khiến Robin mạnh dạn hơn. "Thưa ông, tôi có thể hỏi ông một điều được không?"

Cứ tự nhiên.

'Sao anh lại gọi họ là*yi*Chắc hẳn cậu biết là họ ghét việc đó lắm chứ?

"Nhưng nó chỉ có nghĩa là 'nước ngoài' thôi," Ủy viên Lâm nói. "Chính họ mới là những kẻ cứ khăng khăng gán ghép ý nghĩa xấu cho nó. Họ tự chuốc lấy sự sỉ nhục cho mình."

Vậy chẳng phải nói thế này dễ hơn sao*yáng*Hả?

'Liệu anh/chị có để ai đó vào nhà rồi bảo anh/chị từ nào trong tiếng mẹ đẻ của mình có nghĩa là gì không? Chúng tôi có những từ để dùng khi muốn sỉ nhục. Bọn họ nên thấy may mắn đi.'*gui*[*]không phổ biến hơn.

Robin cười khúc khích. "Công bằng đấy."

"Bây giờ tôi muốn ông thẳng thắn với tôi,"欽差大臣林則徐 nói. "Liệu có ích gì khi đàm phán về vấn đề này không? Nếu chúng tôi nuốt nhục, nếu chúng tôi chịu khuất phục – liệu điều đó có thể dàn xếp được mọi việc không?"

Robin muốn nói đồng ý. Anh ước gì mình có thể khẳng định rằng vâng, tất nhiên, vẫn còn chỗ để thương lượng – rằng Anh và Trung Quốc, cả hai đều là những quốc gia được lãnh đạo bởi những người sáng suốt, lý trí, chắc chắn có thể tìm thấy một điểm chung mà không cần phải dùng đến chiến tranh. Nhưng anh biết điều này không đúng. Anh biết Baylis, Jardine và Matheson không có ý định thỏa hiệp với người Trung Quốc.

Thỏa hiệp đòi hỏi phải thừa nhận rằng bên kia có vị thế đạo đức ngang bằng. Nhưng anh đã nhận ra, đối với người Anh, người Trung Quốc chẳng khác gì loài vật.

“Không,” anh ta nói. “Bọn họ muốn gì là phải được nấy, và sẽ không chấp nhận bất cứ điều gì kém hơn. Bọn họ chẳng tôn trọng ông, cũng chẳng tôn trọng chính phủ của ông. Ông chỉ là chướng ngại vật cần phải dẹp bỏ, bằng cách này hay cách khác.”

Thất vọng. Với tất cả những lời họ nói về quyền lợi và nhân phẩm.

Tôi nghĩ những nguyên tắc đó chỉ áp dụng cho những người mà họ thấy là người thôi.

Lâm tuần phủ gật đầu. Dường như ông đã quyết định được điều gì, nét mặt lộ rõ vẻ kiên quyết. "Vậy thì không cần phải dài dòng nữa, phải không?"

Chỉ đến khi Cao uỷ Lâm quay lưng đi, Robin mới nhận ra mình đã bị cho lui.

Không biết phải làm gì, anh ta khẽ cúi đầu chào một cách gượng gạo, miễn cưỡng rồi rời khỏi phòng. Ông Baylis đang đợi ở hành lang với vẻ mặt cau có.

“Có gì không?” hắn gặng hỏi khi đám gia nhân dẫn họ ra khỏi đại sảnh.

“Không có gì,” Robin nói. Anh cảm thấy hơi chóng mặt. Buổi gặp mặt đã kết thúc đột ngột đến nỗi anh không hiểu chuyện gì vừa xảy ra. Anh đã quá tập trung vào kỹ thuật dịch thuật, vào việc truyền đạt chính xác từng câu từng chữ của ông Baylis, đến nỗi anh đã không nắm bắt được sự thay đổi trong cuộc trò chuyện. Anh cảm nhận được điều gì đó quan trọng vừa xảy ra, nhưng anh không chắc đó là gì, cũng như vai trò của mình trong đó. Anh cứ nghĩ đi nghĩ lại về cuộc thương lượng, tự hỏi liệu mình

có mắc phải sai lầm tai hại nào không. Nhưng tất cả đều diễn ra rất lịch sự. Họ chỉ nhắc lại những lập trường đã được ghi rõ trên giấy tờ, phải không? “Dường như ông ấy coi như vấn đề đã được giải quyết.”

Ông Baylis vội vã lên văn phòng trên lầu ngay khi họ trở về Công ty Anh, để Robin lại một mình ở sảnh. Cậu không biết phải làm gì. Lẽ ra cậu phải đi phiên dịch cả buổi chiều, nhưng ông Baylis đã chuồn mất mà không dặn dò gì. Cậu đợi ở sảnh vài phút, rồi cuối cùng đi đến phòng khách, nghĩ rằng tốt nhất nên ở trong khu vực chung phòng khi ông Baylis cần đến cậu. Ramy, Letty, và Victoire đang ngồi chơi bài ở một chiếc bàn.

Robin ngồi xuống ghế trống cạnh Ramy. "Không có bạc nào cần đánh bóng à?"

“Xong sớm thế.” Ramy chia bài cho anh ta. “Thật tình mà nói thì ở đây hơi chán khi không biết tiếng. Bọn tôi đang tính lát nữa, khi được phép, sẽ đi thuyền ra vườn sông Fa Ti. Cuộc họp với Ngài Uỷ viên thế nào?”

“Kỳ lạ thật,” Robin nói. “Chúng ta chẳng thu được gì cả. Mà hình như hắn ta rất quan tâm đến mình.”

"Vì hắn không hiểu nổi tại sao một phiên dịch viên tiếng Trung lại làm việc cho kẻ thù?"

“Tôi đoán vậy,” Robin nói. Anh không thể xua đi cảm giác bất an, tựa như đang nhìn một cơn bão đang hình thành, chờ đợi bầu trời xé toạc. Không khí trong phòng khách có vẻ quá vui tươi, quá yên bình. “Mọi người thế nào? Mọi người nghĩ họ sẽ giao cho mình việc gì thú vị hơn không?”

“Không đời nào.” Victoire ngáp. “Bọn mình là trẻ mồ côi mà. Ba Má thì bận phá nát nền kinh tế chả hơi đâu mà quan tâm đến mình.”

“Chúa ơi.” Bất chợt Letty đứng bật dậy. Mắt cô mở to, dán chặt vào cửa sổ với vẻ kinh hãi, tay chỉ về phía đó. “Nhìn kìa – cái quái gì—”

Một đám cháy lớn đang gầm rú trên bờ đối diện. Nhưng khi họ lao đến cửa sổ, họ thấy đó là một vụ đốt có kiểm soát; nó chỉ trông như thảm họa bởi những ngọn lửa bốc cao và khói cuồn cuộn. Khi Robin nheo mắt, anh thấy ngọn lửa được khống chế tại nguồn của nó, một đống rương chất trên những chiếc thuyền đáy sâu đã bị đẩy ra vùng nước nông. Vài giây sau, anh ngửi thấy mùi của chúng: một mùi ngọt ngào đến khó chịu theo gió vượt qua bờ biển, len lỏi qua cửa sổ của Thương điếm Anh.

Thuốc phiện. Tổng đốc Lâm đang đốt thuốc phiện.

“Robin.” Giáo sư Lovell xông vào phòng, ông Baylis lẽo đẽo theo sau. Cả hai đều trông rất giận dữ; đặc biệt là khuôn mặt của Giáo sư Lovell méo xệch vì cơn thịnh nộ mà Robin chưa từng thấy ở ông. “Cậu đã làm gì vậy?”

“Tôi – cái gì cơ?” Robin ngơ ngác nhìn từ Giáo sư Lovell ra cửa sổ. “Tôi không hiểu…”

“Mày vừa nói cái gì?”, Giáo sư Lovell lặp lại, túm lấy cổ áo Robin lắc mạnh.*What did you tell him?*’

Đây là lần đầu tiên Giáo sư Lovell chạm vào cậu kể từ cái ngày hôm ấy ở thư viện. Robin không biết Giáo sư Lovell sẽ làm gì bây giờ – ánh mắt ông ta dữ tợn, hoàn toàn xa lạ.*Please*, Robin nghĩ vẩn vơ.*Please, hurt me, hit me, because then we’ll know. Then there won’t be any question.*Nhưng bùa chú biến mất nhanh như khi nó đến. Giáo sư Lovell buông Robin ra, chớp mắt, như thể vừa hoàn hồn. Ông lùi lại một bước và phủi bụi áo khoác.

Xung quanh họ, Ramy và Victoire đứng căng thẳng, cả hai đều hơi khom người như chuẩn bị nhảy vào giữa hai người kia.

‘Xin lỗi, tôi chỉ—’ Giáo sư Lovell hắng giọng. ‘Dọn đồ rồi ra ngoài gặp tôi. Tất cả các em.*Hellas*đang chờ ở vịnh.

“Nhưng chẳng phải chúng ta sẽ đến Macao tiếp theo sao?” Letty hỏi. “Thông báo của chúng ta ghi là…”

"Tình hình đã thay đổi," Giáo sư Lovell nói cộc lốc. "Chúng ta đã đặt vé sớm về Anh rồi. Đi đi."

Chapter Eighteen

It were too much to expect that they will not require a further demonstration of force on a larger scale before being brought to their senses.

JAMESMATHESON, thư gửi John Purvis

Tanh ấy/ông ấy/nó*Hellas*rời khỏi vịnh Ngọc với tốc độ đáng kinh ngạc. Chỉ trong vòng mười lăm phút sau khi họ lên tàu, dây thừng đã được cắt, neo được kéo lên, và buồm được giương ra. Con tàu lao vút ra khỏi bến cảng, bị đuổi theo bởi những làn khói cuồn cuộn dường như nhấn chìm cả thành phố.

Phi hành đoàn, những người mãi đến khi lên máy bay mới được báo là họ sẽ phải chịu trách nhiệm về chỗ ăn ở của năm hành khách bổ sung, tỏ ra cộc lốc và khó chịu.*Hellas*không phải tàu chở khách, và chỗ ở đã chật chội sẵn rồi. Ramy và Robin được bảo phải ngủ chung với các thủy thủ, nhưng hai cô gái lại được bố trí một cabin riêng, nơi họ ở cùng với người thường dân duy nhất khác trên tàu – một phụ nữ tên là Jemima Smythe, một nhà truyền giáo Cơ đốc giáo đến từ Mỹ, người đã cố gắng lẻn vào đất liền nhưng bị bắt khi đang cố lội sông vào vùng ngoại ô Quảng Châu.

“Anh có biết chuyện gì đang xảy ra không?” Cô cứ hỏi đi hỏi lại câu này khi họ ngồi co ro với nhau trong mớ hỗn độn. “Đó là tai nạn, hay là do người Trung Quốc cố tình làm vậy? Liệu bây giờ sẽ là chiến tranh công khai không, anh nghĩ sao?” Cô cứ lặp đi lặp lại câu hỏi cuối cùng đầy phấn khích, bất chấp sự đảm bảo bực bội của họ rằng họ không biết. Cuối cùng cô chuyển chủ đề sang những gì họ đã làm ở Quảng Châu, và cách họ trải qua những ngày trong Thương Quán Anh. “Có khá nhiều mục sư dưới mái nhà đó, phải không? Chủ nhật các anh làm gì trong các buổi lễ?” Cô nhìn Ramy dò hỏi. “Anh có đi lễ Chủ nhật không?”

“Dĩ nhiên.” Ramy đáp không chút do dự. “Tôi đi vì tôi bị ép, và tôi lầm rầm xin lỗi Allah bất cứ khi nào có thể.”

“Anh ấy nói đùa thôi,” Letty nói nhanh trước khi cô Smythe kinh hãi kịp bắt đầu cố gắng cải đạo anh ta. “Dĩ nhiên anh ấy theo đạo Cơ đốc – tất cả chúng tôi đều phải ký vào Ba mươi chín Điều khoản khi nhập học Oxford.”*

“Tôi rất mừng cho cô,” cô Smythe nói chân thành. “Cô có định truyền bá phúc âm ở quê nhà nữa không?”

“Nhà là Oxford,” Ramy nói, chớp mắt ngây thơ.*God help us*, Robin nghĩ,*he's snapped*Ý anh là Oxford toàn người ngoại đạo à? Trời đất ơi. Có ai nói cho họ biết chưa vậy?

Cuối cùng, cô Smythe cũng chán ngấy bọn họ và đi lên boong tàu để cầu nguyện, hay bất cứ điều gì mà những người truyền giáo thường làm. Robin, Letty, Ramy và Victoire túm tụm quanh bàn, bồn chồn như những đứa trẻ hư đang chờ bị phạt. Giáo sư Lovell đã biến mất tăm; ngay khi vừa lên tàu, ông đã đi gặp thuyền trưởng. Vẫn chẳng ai nói cho họ biết chuyện gì đang xảy ra, hay điều gì sẽ xảy đến tiếp theo.

'Cái gì*did*"Anh nói gì với Ngài Cao ủy vậy?" Victoire khẽ hỏi.

“Sự thật,” Robin nói. “Tôi chỉ nói với anh ta sự thật.”

Nhưng chắc chắn là*something*khiến anh ta nổi đóa—’

Giáo sư Lovell xuất hiện ở cửa. Cả bọn im bặt.

“Robin,” anh ta nói. “Nói chuyện chút nhé.”

Anh ta không đợi Robin trả lời mà quay người đi thẳng xuống lối đi. Robin miễn cưỡng đứng dậy.

Ramy chạm vào tay anh. "Anh ổn chứ?"

“Tôi ổn.” Robin hy vọng họ không thể nhận ra tim cậu đang đập nhanh đến mức nào, hay tiếng máu rầm rộ trong tai cậu lớn ra sao. Cậu không muốn đi theo Giáo sư Lovell; cậu muốn trốn tránh và trì hoãn, muốn ngồi co ro trong góc phòng ăn với đầu vùi trong tay. Nhưng cuộc đối đầu này đã được báo trước từ lâu. Thỏa thuận mong manh được lập vào buổi sáng cậu bị bắt chưa bao giờ bền vững. Họ đã nói dối.quá lâu rồi, cả anh và cha anh. Mọi chuyện không thể cứ bị chôn vùi, che giấu và cố tình lờ đi mãi được. Sớm muộn gì mọi chuyện cũng phải đến hồi kết.

“Tôi tò mò đấy.” Giáo sư Lovell đang ngồi sau bàn làm việc, lơ đãng lật giở một cuốn từ điển khi cuối cùng Robin cũng tìm được đường đến cabin của ông. “Cậu có biết giá trị của mấy cái rương bị đốt cháy ở bến cảng không?”

Robin bước vào trong và đóng cửa lại. Đầu gối cậu run lên. Cậu như trở lại thành đứa trẻ mười một tuổi bị bắt quả tang đọc tiểu thuyết khi không được phép, co rúm người lại chờ đợi hình phạt sắp tới. Nhưng cậu không còn là trẻ con nữa. Cậu cố gắng hết sức để giữ cho giọng mình không run rẩy. "Thưa ngài, tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với Ngài Uỷ viên, nhưng nó không—"

“Hơn hai triệu bảng,” Giáo sư Lovell nói. “Các vị đã nghe ông Baylis nói rồi đấy. Hai triệu, phần lớn trong số đó giờ đây William Jardine và James Matheson phải tự chịu trách nhiệm.”

“Anh ấy đã quyết định rồi,” Robin nói. “Anh ấy đã quyết định trước cả khi gặp chúng ta. Tôi chẳng nói được gì cả—”

Công việc của anh đâu có khó. Làm cái loa cho Harold Baylis. Cư xử thân thiện với người Trung Quốc. Giải quyết mọi việc êm xuôi. Tôi nghĩ chúng ta đã nói rõ về những ưu tiên ở đây rồi, phải không? Anh đã nói gì với Ủy viên Lâm?

“Tôi không biết anh nghĩ tôi đã làm gì,” Robin nói, giọng bực bội. “Nhưng chuyện xảy ra ở bến tàu không phải do tôi.”

"Cậu có gợi ý là hắn nên tiêu hủy số thuốc phiện đó không?"

Dĩ nhiên là không.

‘Anh có ám chỉ gì khác với ông ta về Jardine và Matheson không? Có khi nào anh lấn lướt Harold không? Anh chắc chắn là mình không làm gì sai trái chứ?’

“Tôi đã làm những gì được bảo,” Robin khăng khăng. “Tôi không thích ông Baylis, đúng vậy, nhưng về việc tôi đã đại diện cho công ty như thế nào thì—”

“Robin này, làm ơn lần này nói thẳng ý cậu muốn nói đi,” Giáo sư Lovell nói. “Thành thật lên. Dù cậu đang làm gì thì nó cũng thật đáng xấu hổ.”

“Tôi – được rồi, vậy thì được.” Robin khoanh tay. Anh chẳng có gì phải xin lỗi, chẳng còn gì phải che giấu. Ramy và Victoire đã an toàn; anh chẳng còn gì để mất. Không còn cúi đầu, không còn im lặng. “Tốt. Hãy thành thật với nhau. Tôi không đồng tình với những gì Jardine & Matheson đang làm ở Quảng Châu. Nó sai trái, nó làm tôi ghê tởm—”

Giáo sư Lovell lắc đầu. "Trời đất, nó chỉ là cái chợ thôi mà. Đừng có trẻ con thế."

Đó là một quốc gia có chủ quyền.

‘Đó là một quốc gia chìm đắm trong mê tín dị đoan và cổ hủ, không có pháp quyền, lạc hậu vô vọng so với phương Tây trên mọi phương diện. Đó là một quốc gia của những kẻ ngu ngốc nửa man rợ, bảo thủ một cách không thể cứu vãn—’

Đó là cả một dân tộc*people*“Đủ rồi!” Robin quát lên. “Những người mà ông đang đầu độc, những cuộc đời mà ông đang hủy hoại. Và nếu câu hỏi là liệu tôi có tiếp tục hỗ trợ cho dự án đó hay không, thì câu trả lời là không – tôi sẽ không quay lại Quảng

Châu nữa, không phải vì bọn thương nhân, và cũng không vì bất cứ thứ gì liên quan đến thuốc phiện. Tôi sẽ làm nghiên cứu ở Babel, tôi sẽ làm phiên dịch, nhưng tôi sẽ không làm việc đó. Ông không thể ép tôi được."

Anh thở hổn hển khi kết thúc. Biểu hiện của Giáo sư Lovell vẫn không hề thay đổi. Ông nhìn Robin một lúc lâu, mắt hơi nheo lại, gõ nhẹ ngón tay lên bàn như thể đó là một cây đàn piano.

'Anh biết điều gì làm tôi kinh ngạc không?' Giọng anh ta trở nên rất nhỏ nhẹ. 'Là người ta có thể vô ơn đến mức nào.'

Lại cái lý lẽ này nữa. Robin chỉ muốn đá vào thứ gì đó cho hả giận. Luôn luôn là thế này, cái lý lẽ về sự ràng buộc, cứ như thể lòng trung thành của anh bị trói buộc bởi những đặc quyền mà anh không hề đòi hỏi và cũng chẳng muốn nhận. Anh có nợ Oxford mạng sống của mình chỉ vì đã từng uống sâm panh trong khuôn viên của nó hay sao? Anh có nợ Babel lòng trung thành chỉ vì đã từng tin vào những lời dối trá của nó ư?

"Cái này không phải vì tôi," anh ta nói. "Tôi không hề xin xỏ gì cả. Tất cả là vì cô, vì cô muốn một học trò người Hoa, vì cô muốn một người nói lưu loát—"

"Vậy là cậu oán giận tôi à?" Giáo sư Lovell hỏi. "Vì đã cho cậu một cuộc sống? Vì đã cho cậu những cơ hội mà cậu chưa từng dám mơ tới?" Ông cười khẩy. "Phải, Robin, tôi đã mang cậu đi khỏi nhà cậu. Khỏi cảnh bẩn thỉu, bệnh tật và đói khát. Cậu muốn gì? Một lời xin lỗi?"

Điều Robin nghĩ là Giáo sư Lovell phải thừa nhận những gì ông ta đã làm. Rằng toàn bộ sự sắp đặt này là phi tự nhiên; rằng trẻ con không phải là vật thí nghiệm, bị đánh giá dựa trên dòng máu, bị bí mật đưa đi khỏi quê hương để phục vụ Hoàng gia và đất nước. Rằng Robin không chỉ là một cuốn từ điển biết nói, và quê hương của cậu không chỉ là một con ngỗng đẻ trứng vàng béo mẫm. Nhưng cậu biết Giáo sư Lovell sẽ không bao giờ thừa

nhận những điều này. Sự thật giữa họkhông phải vì đau đớn mà không được chôn cất, mà vì bất tiện, và vì Giáo sư Lovell đơn giản là từ chối giải quyết chuyện đó.

Giờ thì quá rõ ràng là cậu không phải, và sẽ không bao giờ là, một con người trong mắt cha mình. Không, nhân tính đòi hỏi sự thuần khiết dòng máu của người đàn ông châu Âu, địa vị chủng tộc khiến cậu ngang hàng với Giáo sư Lovell. Dick nhỏ và Philippa là người. Robin Swift là một tài sản, và tài sản nên biết ơn vô hạn vì đã được đối xử tốt.

Không thể có giải pháp nào ở đây cả. Nhưng ít nhất Robin sẽ biết sự thật về một điều gì đó.

"Mẹ tôi là gì của ông?" anh ta hỏi.

Điều này, ít nhất, dường như làm giáo sư bối rối, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi. "Chúng ta không ở đây để bàn về mẹ cậu."

"Ông đã giết bà ấy. Và ông còn chẳng buồn chôn cất bà ấy nữa."

‘Vớ vẩn! Bà ấy chết vì dịch tả châu Á—’

‘Ông ở Macao hai tuần trước khi bà ấy mất. Bà Piper nói với tôi. Ông biết bệnh dịch đang lan rộng, ông biết mình có thể cứu bà ấy—’

Trời đất ơi, Robin, cô ta chỉ là một con Tàu thôi mà.

“Nhưng con chỉ là một thằng Tàu thôi mà, Giáo sư. Con cũng là con trai của mẹ.” Robin cảm thấy một cơn thôi thúc mãnh liệt muốn khóc. Cậu cố kìm nén lại. Sự đau khổ chưa bao giờ khiến cha cậu động lòng. Nhưng sự tức giận, có lẽ, có thể khơi dậy nỗi sợ hãi. “Ba nghĩ ba đã tẩy sạch cái phần đó trong con rồi sao?”

Hắn đã trở nên quá giỏi trong việc giữ hai sự thật cùng lúc trong đầu. Rằng hắn là người Anh, và cũng không. Rằng Giáo sư Lovell là cha hắn, và cũng không. Rằng người Trung Quốc là một dân tộc ngu dốt, lạc hậu, và rằng hắn cũng là một phần của họ. Rằng hắn căm ghét Babel, và lại muốn sống mãi trong vòng tay của nó. Hắn đã nhảy múa hàng năm trời trên lưỡi dao của những sự thật ấy, đã bám trụ lại đó như một phương tiện sinh tồn, một cách để đương đầu, không thể hoàn toàn chấp nhận bất kỳ phía nào bởi vì một sự xem xét không nao núng về sự thật lại đáng sợ đến mức những mâu thuẫn ấy đe dọa sẽ bẻ gãy hắn.

Nhưng anh không thể tiếp tục sống như thế này. Anh không thể tồn tại như một con người bị chia cắt, tâm trí anh liên tục xóa đi rồi lại vẽ lại sự thật. Anh cảm thấy một áp lực khủng khiếp đè nặng trong đầu. Anh cảm thấy mình sẽ nổ tung, theo nghĩa đen, trừ khi anh ngừng sống hai mặt. Trừ khi anh lựa chọn.

“Anh nghĩ rằng,” Robin nói, “chỉ cần sống đủ lâu ở Anh là tôi sẽ trở nên giống hệt anh sao?”

Giáo sư Lovell nghiêng đầu. "Anh biết không, tôi đã từng nghĩ rằng việc có con cái cũng giống như một kiểu dịch thuật vậy. Đặc biệt là khiCha mẹ cậu quả thực xuất thân từ hai nguồn gốc khác biệt. Tôi rất tò mò muốn xem cuối cùng cậu sẽ trở thành người như thế nào.’ Vừa nói, nét mặt ông ta trải qua một sự biến đổi kỳ lạ. Mắt ông ta càng lúc càng mở to, trợn trừng đến mức đáng sợ; cái cười khẩy khinh miệt càng rõ rệt hơn, và môi ông ta kéo ngược ra để lộ hàm răng. Có lẽ đó là một biểu hiện phóng đại của sự ghê tởm, nhưng đối với Robin, nó giống như một chiếc mặt nạ lịch sự vừa bị lột bỏ. Đó là biểu cảm xấu xí nhất mà cậu từng thấy ở cha mình. ‘Ba đã hy vọng nuôi dạy con để con tránh được những thất bại của anh con. Ba đã hy vọng thấm nhuần cho con một ý thức đạo đức văn minh hơn.*Quo semel est imbuta recens, servabit odorem testa diu*,[*] vân vân và vân vân. Tôi đã hy vọng có thể nâng tầm anh lên một đẳng cấp cao hơn. Nhưng cho

dù anh có được giáo dục đến đâu, thì cũng không thể nào tách anh khỏi cái gốc gác tầm thường, bần tiện đó được, phải không?

“Anh là một con quái vật,” Robin nói, vẻ mặt kinh ngạc.

“Tôi không có thời gian cho việc này.” Giáo sư Lovell đóng sập cuốn từ điển. “Rõ ràng là đưa cậu đến Quảng Châu là một ý tưởng tồi. Tôi đã hy vọng nó có thể nhắc nhở cậu rằng mình may mắn như thế nào, nhưng tất cả những gì nó làm là khiến cậu thêm rối trí.”

Tôi không hề nhầm lẫn—

‘Chúng ta sẽ đánh giá lại vị trí của cậu ở Babel khi tôi quay lại.’ Giáo sư Lovell ra hiệu về phía cửa. ‘Còn bây giờ, tôi nghĩ, cậu nên dành thời gian suy nghĩ lại. Hãy tưởng tượng việc dành phần đời còn lại của mình ở Newgate đi, Robin. Cậu có thể cứ oán trách cái xấu xa của thương mại bao nhiêu tùy thích, nếu cậu làm điều đó trong xà lim. Cậu muốn vậy sao?’

Tay Robin nắm chặt. "Nói tên cô ấy ra."

Lông mày Giáo sư Lovell giật giật. Ông lại ra hiệu về phía cửa. "Thế là đủ rồi."

Nói tên cô ấy ra, đồ hèn nhát.

‘*Robin*.

Đây là lời cảnh cáo. Đây là giới hạn của cha cậu. Mọi chuyện Robin gây ra đến giờ vẫn có thể được tha thứ, nếu cậu chịu lùi bước; nếu cậu chịu xin lỗi, cúi đầu trước quyền uy, và trở về với cuộc sống xa hoa ngây thơ, dốt nát.

Nhưng Robin đã chịu đựng quá lâu rồi. Và ngay cả một chiếc lồng son vẫn chỉ là một chiếc lồng.

Ông bước tới. ‘Thưa cha,*say her name*.

Giáo sư Lovell đẩy ghế ra sau và đứng dậy.

Nguồn gốc của từ*anger*gắn liền với những đau đớn về thể xác.*Anger*ban đầu là một "nỗi đau khổ", theo nghĩa của tiếng Iceland cổ*angr*và rồi một trạng thái ‘đau đớn, tàn nhẫn, hạn hẹp’, theo nghĩa của tiếng Anh cổ*enge*, mà đến lượt nó lại bắt nguồn từ tiếng Latinh*angor*nghĩa là ‘nghẹt thở, đau đớn, tuyệt vọng’. Cơn giận giống như bị bóp cổ. Nó không hề tiếp thêm sức mạnh. Nó đè nặng lên ngực, bóp nghẹt lồng ngực khiến ta cảm thấy mắc kẹt, ngạt thở, bế tắc. Cơn giận âm ỉ rồi bùng nổ. Giận dữ là sự ngột ngạt, và cơn thịnh nộ sau đó là một nỗ lực tuyệt vọng để thở.

Và*rage*dĩ nhiên, bắt nguồn từ sự điên loạn.[*]

Sau này, Robin thường tự hỏi liệu Giáo sư Lovell có nhìn thấy điều gì trong mắt cậu, một ngọn lửa mà ông không biết con trai mình sở hữu, và liệu điều đó – việc ông giật mình nhận ra rằng thí nghiệm ngôn ngữ của mình đã phát triển một ý chí riêng – có phải là nguyên nhân khiến Robin hành động. Cậu sẽ cố gắng biện minh một cách tuyệt vọng rằng những gì cậu đã làm là tự vệ, nhưng sự biện minh như vậy sẽ dựa trên những chi tiết mà cậu khó có thể nhớ được, những chi tiết mà cậu không chắc liệu mình có bịa ra để thuyết phục bản thân rằng cậu không thực sự giết cha mình một cách máu lạnh hay không.

Hết lần này đến lần khác, anh tự hỏi ai đã di chuyển trước, và điều này sẽ hành hạ anh đến hết đời, vì anh thực sự không biết.

Điều này hắn biết:

Giáo sư Lovell đứng phắt dậy. Tay ông thọc vào túi. Và Robin, chẳng biết là bắt chước hay khiêu khích, cũng làm theo. Anh thò tay vào túi áo trước, nơi cất giữ thanh sắt đã giết chết Eveline Brooke. Anh không tưởng tượng ra thanh sắt có thể làm gì – anh

chắc chắn về điều này. Anh nói ra hai chữ "cặp đôi" bởi vì đó là những từ duy nhất xuất hiện trong đầu để diễn tả khoảnh khắc này, sự bao la của nó. Anh nghĩ đến cây gậy của Giáo sư Lovell nện đi nện lại vào xương sườn khi anh nằm cuộn tròn trên sàn thư viện, quá kinh ngạc và bối rối đến mức không thể kêu lên. Anh nghĩ đến Griffin, Griffin tội nghiệp, bị đưa đến Anh khi còn nhỏ hơn cả anh; bị vắt kiệt sức lực rồi vứt bỏ vì không nhớ đủ tiếng mẹ đẻ. Anh nghĩ đến những người đàn ông lờ đờ trong hang ổ thuốc phiện. Anh nghĩ đến mẹ mình.

Nó không hề nghĩ đến việc những thanh chắn sẽ cào xé ngực cha mình như thế nào. Tất nhiên, một phần nào đó trong nó hẳn phải biết, bởi vì những từ ngữ chỉ kích hoạt các thanh chắn nếu bạn thực sự có ý định đó. Nếu bạn chỉ thốt ra các âm tiết, chúng sẽ không có tác dụng gì. Và khi nó nhìn thấy ký tự trong tâm trí, nhìn thấy...Những đường rãnh khắc trên bạc sáng loáng, và khi đọc to từ đó cùng bản dịch của nó, hẳn là anh ta đã nghĩ đến những gì nó sẽ gây ra.

*Bào*bùng nổ, vỡ òa với những gì không thể kìm nén được nữa.

Nhưng mãi đến khi Giáo sư Lovell ngã xuống sàn, mãi đến khi mùi máu tanh nồng nặc xộc lên mũi, Robin mới nhận ra mình đã gây ra chuyện gì.

Anh ta quỳ sụp xuống. "Thưa ngài?"

Giáo sư Lovell không nhúc nhích.

"Cha?" Anh nắm chặt lấy vai Giáo sư Lovell. Máu nóng, ướt đầm đìa trên những ngón tay anh. Nó không ngừng chảy; nó ở khắp nơi, một dòng suối bất tận phun ra từ lồng ngực tan nát ấy.

'*Diē?*'

Anh không biết điều gì đã khiến anh nói ra điều đó, từ ngữ dành cho*father*Có lẽ cậu nghĩ rằng điều đó sẽ làm Giáo sư Lovell

choáng váng, rằng cú sốc sẽ khiến ông sống lại, rằng cậu có thể kéo linh hồn cha mình trở lại thể xác bằng cách gọi tên điều mà họ chưa bao giờ gọi tên. Nhưng Giáo sư Lovell nằm bất động, đã ra đi, và dù Robin có lay mạnh đến đâu thì máu cũng không ngừng tuôn chảy.

'*Diē*,' hắn nói lại. Rồi một tiếng cười bật ra khỏi cổ họng; cuồng loạn, bất lực, bởi vì nó quá buồn cười, quá đúng khi mà cách phiên âm của*father*chứa đựng những chữ cái tương tự cho cái chết trong tiếng Anh. Và Giáo sư Lovell rõ ràng, chắc chắn đã chết. Không thể nào quay đầu lại được nữa. Không thể nào giả vờ thêm được nữa.

Robin à?

Ai đó đập cửa ầm ầm. Mơ màng, không suy nghĩ, Robin đứng dậy mở chốt. Ramy, Letty và Victoire ào vào, một tràng giọng nói – 'Ôi, Robin, cậu…'; 'Chuyện gì vậy…'; 'Bọn tớ nghe thấy tiếng la hét, bọn tớ cứ tưởng…'

Rồi họ nhìn thấy thi thể và máu. Letty thốt lên một tiếng thét nghẹn ngào. Victoire đưa tay lên miệng. Ramy chớp mắt vài cái, rồi khẽ thốt lên, "Ồ."

Letty hỏi, giọng rất yếu ớt, "Anh ấy... ?"

"Ừ," Robin thì thầm.

Căn nhà gỗ trở nên tĩnh lặng đến rợn người. Tai Robin ù đi; cậu đưa tay lên đầu rồi vội vàng hạ xuống, vì chúng đỏ tươi như máu và nhỏ giọt.

"Chuyện gì đã xảy ra vậy…?" Victoire rụt rè hỏi.

"Chúng ta đã cãi nhau." Robin gần như không thốt nên lời. Cậu đang khó thở. Màn đen sẫm lại ở rìa tầm nhìn.Đầu gối anh ta

bủn rủn, anh ta rất muốn ngồi xuống, nhưng sàn nhà lênh láng máu. ‘Chúng tôi đã cãi nhau, và…’

“Đừng nhìn,” Ramy dặn.

Không một ai nghe theo. Tất cả đều đứng chết lặng, mắt dán chặt vào hình hài bất động của Giáo sư Lovell khi Ramy quỳ xuống bên cạnh ông và đặt hai ngón tay lên cổ ông. Một khoảng lặng dài trôi qua. Ramy lẩm bẩm một lời cầu nguyện –*Inna lillahi wa inna ilayhi Raji’un*– rồi đưa tay vuốt nhẹ lên mí mắt Giáo sư Lovell, khép chúng lại.

Anh thở ra rất chậm, tay chống lên đầu gối một lát rồi đứng dậy. "Giờ thì sao?"

Book IV

Chapter Nineteen

‘There is, first of all,’ I said, ‘the greatest lie about the things of greatest concernment, which was no pretty invention of him who told how Uranus did what Hesiod says he did to Cronos, and how Cronos in turn took his revenge; and then there are the doings and sufferings of Cronos at the hands of his son. Even if they were true I should not think that they ought to be thus lightly told to thoughtless young persons.’

PMÙA HÈ,*Republic*, bản dịch của Paul Shorey

'K“Giữ hắn lại trong cabin,” Victoire nói với một sự bình tĩnh đáng kinh ngạc, dù lời nói ra khỏi miệng cô ta thật điên rồ. “Chúng ta sẽ… cuộn hắn lại trong mấy tấm ga trải giường này và giấu hắn đi cho đến khi về lại Anh—”

"Làm sao giấu xác được những sáu tuần chứ?" Letty ré lên.

Sao lại không?

Nó sẽ thối mất!

"Công bằng mà," Ramy nói. "Thủy thủ có mùi khó chịu thật, nhưng cũng không đến mức đấy."

Robin chết lặng khi phản xạ đầu tiên của họ lại là bàn cách giấu xác. Điều đó không hề thay đổi sự thật rằng hắn vừa giết cha mình, hay hắn có thể đã lôi kéo tất cả bọn họ vào vụ giết người, hay máu đỏ tươi đang loang lổ trên tường, trên sàn, trên cổ và trên tay hắn. Nhưng họ lại đang nói chuyện như thể đây chỉ là một vấn đề cần được xử lý – một bản dịch hóc búa có thể được giải quyết, nếu họ tìm được đúng cách diễn đạt.

‘Được rồi, nghe này – chúng ta sẽ làm như thế này.’ Victoire ấn hai lòng bàn tay vào thái dương và hít một hơi thật sâu. ‘Chúng

ta sẽ tống khứ cái xác bằng cách nào đó. Tôi không biết làm thế nào, nhưng chúng ta sẽ tìm ra cách. Rồi khi cập bến—'

Làm sao để bảo anh em để hắn yên trong sáu*weeks*"Cái gì cơ?" Letty gặng hỏi.

"Chín tuần," Victoire nói.

"Cái gì?"

"Đây không phải là một trong những tàu cao tốc," Victoire nói. "Sẽ mất chín tuần."

Letty áp hai lòng bàn tay lên mắt. "Trời đất ơi."

"Thế này được không?" Victoire hỏi. "Chúng ta sẽ bảo họ là cậu ấy bị lây bệnh. Tôi không biết, một loại bệnh gì đó – một loại bệnh đáng sợ – Robin, cậu nghĩ ra bệnh gì lạ lẫm và kinh tởm để dọa bọn họ đi. Cứ nói là cậu ấy nhiễm bệnh ở khu ổ chuột thì bọn họ sẽ sợ quá mà chẳng dám bén mảng tới đâu."

Im lặng bao trùm trong giây lát. Tất cả bọn họ đều phải thừa nhận, đây là một lập luận khá logic; hoặc ít nhất, không dễ gì nhận ra ngay được đây là điều vô nghĩa.

"Được rồi." Ramy bắt đầu đi tới đi lui trên khoảng sàn gỗ nhỏ hẹp không dính máu. "Ôi trời – xin Allah tha thứ cho chúng ta." Anh ta dụi mắt. "Được, đúng, cách đó có thể được. Giả sử chúng ta giữ bí mật chuyện này cho đến khi quay lại London. Rồi sao nữa?"

"Dễ thôi," Victoire nói. "Chúng ta sẽ nói là ông ấy chết dọc đường. Có lẽ là chết trong lúc ngủ. Chỉ là chúng ta không thể để bác sĩ trên tàu đến khám nghiệm tử thi, vì nguy cơ lây nhiễm quá cao. Chúng ta sẽ xin một cái quan tài, nhét đầy – tôi cũng không biết nữa, chắc là mấy cuốn sách cuộn trong quần áo – rồi khiêng nó đi và tống khứ nó."

“Điên rồ,” Letty nói. “Hoàn toàn điên rồ.”

“Cô có ý kiến nào hay hơn không?” Victoire hỏi.

Letty im lặng một lúc. Robin hoàn toàn chắc chắn cô ấy sẽ nhất quyết bắt họ phải tự thú, nhưng rồi cô ấy giơ hai tay lên và nói, “Chúng ta có thể quẳng hắn xuống biển giữa ban ngày ban mặt, nói là hắn chết đuối do tai nạn, và rồi tất cả bọn họ sẽ thấy hắn chết nên chúng ta sẽ không bị nghi ngờ—”

“Ồ, thế chẳng đáng ngờ à?” Ramy hỏi. “Chúng ta sẽ kéo cái xác chết tiệt này lên boong, giả vờ như nó tự đi lại, rồi ném nó xuống sóng cho bất cứ ai cũng có thể thấy cái lỗ thủng hoác ở chỗ đáng lẽ phải là tim của hắn? Đó là cách chúng ta chứng minh mình vô tội sao? Đừng có…*creativity*Letty, chúng ta phải làm đúng chuyện này—

Cuối cùng Robin cũng nói nên lời. "Không. Không, điên rồ quá, tôi không thể để – Tất cả các anh không thể—" Cậu cứ vấp váp. Hít một hơi thật sâu, cậu trấn tĩnh lại. "Tôi đã làm chuyện này. Tôi sẽ nói với thuyền trưởng, tôi sẽ tự thú, và chấm hết."

Ramy cười khẩy. "Vớ vẩn, chuyện đó không thể nào được."

“Đừng có ngu,” Robin nói. “Cậu sẽ bị liên lụy nếu—”

“Dù gì thì tất cả chúng ta đều liên quan,” Victoire nói. “Tất cả chúng ta đều là người nước ngoài.”‘trở về từ nước ngoài trên một con tàu với một người đàn ông da trắng đã chết.’ Câu nói này loại trừ Letty, nhưng không ai sửa lại lời cô ta. ‘Không đời nào mà cô đi tù còn chúng tôi được tự do. Cô hiểu điều này chứ, phải không? Hoặc chúng tôi bảo vệ cô, hoặc là chúng tôi tự chuốc lấy tai họa.’

“Đúng vậy,” Ramy nói chắc nịch. “Và không ai trong chúng ta sẽ để cậu phải vào tù đâu, Birdie. Tất cả chúng ta sẽ giữ im lặng, được chứ?”

Chỉ có Letty là chưa lên tiếng. Victoire huých nhẹ cô. "Letty?"

Letty tái mặt, trắng bệch như cái xác không hồn nằm trên sàn. “Tôi... vâng. Được rồi.”

“Cô có thể đi, Letty,” Robin nói. “Cô không cần phải nghe—”

“Không, cháu muốn ở lại đây,” Letty nói. “Cháu muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Cháu không thể để mọi người… Không.” Cô bé nhắm chặt mắt lắc đầu, rồi mở mắt ra và nói rất chậm, như thể vừa mới quyết định, “Cháu sẽ tham gia. Cùng với mọi người. Tất cả mọi người.”

“Tốt,” Ramy nói nhanh. Anh ta lau tay vào quần rồi lại tiếp tục bước tới bước lui. “Giờ thì, tôi đang nghĩ thế này. Lẽ ra chúng ta không nên có mặt trên chuyến tàu này. Ban đầu chúng ta dự định quay lại vào ngày mùng bốn, nhớ chứ? Chẳng ai mong chúng ta quay lại trước ngày đó, nghĩa là sẽ không ai tìm hắn khi chúng ta xuống tàu.”

“Phải.” Victoire gật đầu, rồi tiếp tục dòng suy nghĩ của anh ta. Thật đáng sợ khi quan sát hai người họ. Họ càng nói càng trở nên tự tin. Cứ như thể họ chỉ đang hợp tác trong một bài dịch nhóm, bổ sung cho sự thông minh của nhau. “Rõ ràng cách dễ nhất để bị bắt là ai đó nhìn thấy xác. Vì vậy, ưu tiên hàng đầu của chúng ta, như tôi đã nói, là phải tống khứ nó càng sớm càng tốt – ngay khi trời tối. Sau đó, trong suốt phần còn lại của chuyến đi, chúng ta sẽ nói với mọi người rằng hắn ta bị ốm. Không ai sợ bệnh lạ hơn thủy thủ, phải không? Ngay khi chúng ta để lộ rằng hắn ta mắc phải thứ gì đó mà họ có thể lây nhiễm, tôi đảm bảo với các bạn sẽ không ai đến gần cánh cửa đó trong nhiều tuần. Điều đó có nghĩa là tất cả những gì chúng ta phải lo lắng là đưa hắn ta xuống nước.”

"Vâng, rồi còn phải dọn dẹp hết chỗ máu này nữa," Ramy nói.

Điên rồ, Robin nghĩ. Điều này thật điên rồ, và cậu không thể hiểu nổi tại sao không ai cười, tại sao mọi người dường như đang nghiêm túc cân nhắc việc kéo xác giáo sư lên hai tầng lầu rồi ném xuống biển. Tất cả bọn họ đều đã vượt qua ranh giới của sự hoài nghi. Cú sốc đã qua đi, và điều phi lý đã trở thành thực tế. Họ không nói về đạo đức, mà về hậu cần, và điều này khiến Robin cảm thấy như họ đã bước vào một thế giới đảo lộn.nơi mà chẳng gì có nghĩa, và chẳng ai thấy có vấn đề gì với nó ngoại trừ anh.

“Robin à?” Ramy hỏi.

Robin chớp mắt. Tất cả bọn họ đều đang nhìn cậu với vẻ mặt vô cùng lo lắng. Cậu đoán đây không phải lần đầu tiên mình được gọi. "Xin lỗi - gì cơ?"

“Chú nghĩ sao?” Victoire dịu dàng hỏi. “Chúng ta sẽ thả anh ta xuống biển, được chứ?”

“Tôi – ừm, tôi cho là vậy, chỉ là…” Anh lắc đầu. Tiếng ù inh ỏi bên tai khiến anh khó lòng tập trung suy nghĩ. “Xin lỗi, chỉ là… chẳng lẽ không ai hỏi tôi tại sao à?”

Những cái nhìn trống rỗng xung quanh.

“Chỉ là… tất cả các cậu đều đồng ý giúp tôi che giấu một vụ giết người sao?” Robin không thể ngăn mình thốt ra toàn những câu hỏi. Cả thế giới lúc này dường như là một câu hỏi lớn, không lời đáp. “Và các cậu thậm chí còn không hỏi tại sao, hay như thế nào?”

Ramy và Victoire trao nhau một cái nhìn. Nhưng Letty là người lên tiếng trước. "Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều hiểu tại sao." Cổ họng cô ấy thắt lại. Anh không thể nào hiểu được biểu cảm trên khuôn mặt cô - một điều anh chưa từng thấy ở cô trước đây, một sự pha trộn kỳ lạ giữa thương hại và kiên quyết. "Và thành thật

mà nói, Robin, tôi nghĩ chúng ta càng nói ít về chuyện này thì càng tốt."

Dọn dẹp cabin diễn ra nhanh hơn Robin tưởng. Letty xin được cây lau nhà và xô từ thủy thủ đoàn bằng cách giả vờ bị say sóng nôn mửa, còn những người khác thì góp vài món quần áo để thấm nước máu.

Rồi còn vấn đề phi tang nữa. Họ quyết định rằng nhét Giáo sư Lovell vào một cái rương là cách tốt nhất để đưa xác ông lên boong trên mà không bị ai hỏi han. Việc di chuyển lên lầu là một trò chơi nín thở và tiến từng chút một. Cứ vài giây, Victoire lại lao lên trước, kiểm tra xem có ai nhìn thấy không, rồi ra hiệu điên cuồng cho Robin và Ramy kéo cái rương lên thêm vài bậc. Letty đứng canh ở boong trên, giả vờ đi dạo đêm hóng gió.

Bằng cách nào đó họ đã đưa được cái rương đến mép lan can mà không bị ai nghi ngờ.

“Được rồi.” Robin trượt nắp thùng ra. Ban đầu họ đã tính vứt cả cái thùng đi, nhưng Victoire đã tinh ý chỉ rara khỏi đám củi đó sẽ nổi. Nó sợ nhìn xuống; nó muốn, nếu có thể, làm việc này mà không cần nhìn mặt cha mình. "Nhanh lên, trước khi có ai nhìn thấy—"

“Khoan đã,” Ramy nói. “Chúng ta phải buộc thêm vật nặng vào, nếu không nó sẽ nổi lềnh bềnh mất.”

Robin bỗng thấy hình ảnh xác giáo sư Lovell trôi bập bềnh trên sóng nước phía sau tàu, thu hút một đám đông thủy thủ và hải âu. Cậu cố gắng ngăn cơn buồn nôn dâng lên. "Sao ông không nói sớm hơn?"

Tôi hơi hoảng đấy, được chưa?

"Nhưng trông anh có vẻ bình tĩnh quá—"

"Anh giỏi xử lý tình huống khẩn cấp, Birdie, nhưng anh không phải Chúa."

Mắt Robin đảo nhanh khắp boong tàu, tìm kiếm bất cứ thứ gì có thể làm điểm tựa – mái chèo, xô gỗ, tấm ván dự phòng – chết tiệt, tại sao mọi thứ trên tàu đều được thiết kế để nổi?

Cuối cùng anh ta cũng tìm thấy một cuộn dây thừng thắt nút với thứ trông giống như quả tạ. Anh cầu mong nó không được dùng cho việc gì quan trọng và kéo nó lại chỗ cái hòm. Buộc dây quanh Giáo sư Lovell là một cơn ác mộng. Tứ chi nặng nề, cứng đờ của ông ta không dễ di chuyển; cái xác dường như đang chủ động chống lại họ. Dây thừng, một cách kinh hoàng, bị vướng vào những chiếc xương sườn lởm chởm. Tay Robin ướt đẫm mồ hôi vì sợ hãi, liên tục trượt; phải mất vài phút vật lộn đau đớn họ mới buộc chặt được dây quanh tay và chân của vị giáo sư. Robin muốn thắt một nút nhanh rồi thôi, nhưng Ramy kiên quyết rằng họ phải từ từ; anh ta không muốn dây thừng bị tuột ra ngay khi cái xác chạm nước.

“Được rồi,” Ramy cuối cùng thì thầm, giật mạnh sợi dây. “Vậy là xong.”

Mỗi người một đầu khiêng xác - Robin nắm vai, còn Ramy thì nắm chân - và nhấc nó ra khỏi cốp xe.

“Một,” Ramy thì thầm. “Hai…”

Ở cú đẩy thứ ba, họ nhấc bổng người Giáo sư Lovell qua lan can rồi buông tay. Dường như cả một thế kỷ trôi qua trước khi họ nghe thấy tiếng nước bắn lên.

Ramy cúi người trên lan can, chăm chú nhìn những con sóng tối đen.

"Nó mất rồi," cuối cùng anh ta nói. "Nó không lên nữa."

Robin không nói nên lời. Anh loạng choạng lùi lại vài bước rồi nôn thốc nôn tháo ra boong tàu.

Giờ thì, Ramy dặn dò, họ chỉ việc quay về giường ngủ và cư xử bình thường cho đến hết chuyến đi. Đơn giản, trên lý thuyết. Nhưng trong tất cả những nơi…Phạm tội giết người trên một con tàu giữa đại dương chắc chắn là một trong những tình huống tồi tệ nhất. Kẻ giết người trên phố ít ra còn có thể vứt hung khí và chạy trốn khỏi thành phố. Nhưng họ thì bị mắc kẹt tại hiện trường vụ án thêm hai tháng nữa, hai tháng mà họ phải duy trì cái vỏ bọc rằng mình không phải là kẻ đã bắn nát ngực một người đàn ông rồi ném xác xuống biển.

Họ cố gắng giữ thể diện. Họ vẫn đều đặn đi dạo quanh boong tàu, tiếp chuyện cô Smythe cùng những câu hỏi dò xét đến phát mệt, và ba bữa một ngày, họ đều xuất hiện đúng giờ trong phòng ăn, cố gắng hết sức để có thể nuốt trôi chút gì đó.

“Ổng chỉ hơi khó ở thôi,” Ramy đáp khi đầu bếp hỏi tại sao mấy ngày rồi không thấy Giáo sư Lovell. “Ổng nói không thấy đói lắm – hình như bị đau bụng – nhưng tụi tôi sẽ mang đồ ăn lên cho ổng sau.”

“Ông ấy có nói chính xác chuyện gì không?” Người đầu bếp là một người đàn ông hay cười và hòa đồng; Robin không thể biết liệu ông ta đang tò mò hay chỉ đơn giản là thân thiện.

“Ồ, chỉ là một loạt các triệu chứng nhỏ thôi,” Ramy nói dối một cách trôi chảy. “Anh ấy kêu đau đầu, hơi nghẹt mũi, nhưng chủ yếu là buồn nôn. Cứ đứng lâu một chút là anh ấy bị chóng mặt, nên hầu như suốt ngày chỉ nằm trên giường. Ngủ rất nhiều. Có thể là say sóng, mặc dù trên đường đến đây anh ấy chẳng có vấn đề gì cả.”

“Thú vị đấy.” Người đầu bếp xoa râu một lúc, rồi xoay gót. “Cậu đợi ngay đây.”

Anh ta sải bước ra khỏi mớ hỗn độn với tốc độ nhanh. Họ nhìn chằm chằm vào cánh cửa, chết lặng. Liệu anh ta đã nghi ngờ gì chưa? Anh ta có đang báo cho thuyền trưởng không? Hay anh ta đang đi kiểm tra cabin của Giáo sư Lovell để xác nhận câu chuyện của họ?

"Vậy," Ramy lẩm bẩm, "chúng ta chạy bây giờ, hay...?"

“Và đi đâu?” Victoire rít lên. “Chúng ta đang ở giữa đại dương!”

Có lẽ chúng ta có thể đến cabin của Lovell trước hắn…

“Nhưng chẳng có gì ở đó cả, chúng ta chẳng làm được gì—”

“Suỵt.” Letty hất hàm về phía sau. Người đầu bếp đang sải bước trở lại nhà ăn, một tay cầm gói nhỏ màu nâu.

"Mứt gừng." Anh đưa nó cho Robin. "Tốt cho dạ dày khó chịu. Bọn học giả các cô lúc nào cũng quên mang theo."

“Cảm ơn.” Tim đập thình thịch, Robin nhận lấy gói thuốc. Cậu cố gắng giữ giọng mình bình tĩnh. “Cháu chắc chắn là cậu ấy sẽ rất biết ơn.”

May mắn thay, không một ai trong số thủy thủ đoàn còn lại thắc mắc về tung tích của Giáo sư Lovell. Họ chẳng mấy quan tâm đến công việc hàng ngày của đám học giả mà họ được trả một khoản tiền nhỏ mọn để chuyên chở; họ còn bận...vui vẻ giả vờ như họ không tồn tại. Cô Smythe thì khác. Có lẽ vì quá buồn chán, bà ta cứ khăng khăng một cách tuyệt vọng muốn làm việc gì đó cho có ích. Bà ta hỏi dồn dập về cơn sốt của Giáo sư Lovell, tiếng ho của ông, cả màu sắc và hình dạng phân của ông nữa. "Tôi đã chứng kiến rất nhiều bệnh nhiệt đới," bà ta nói. "Dù ông ấy mắc bệnh gì, tôi chắc chắn đã từng thấy ở người dân địa phương rồi. Cứ để tôi xem qua tình hình của ông ấy, tôi sẽ chữa khỏi cho ông ấy ngay."

Không hiểu sao họ lại thuyết phục được cô ta rằng Giáo sư Lovell vừa cực kỳ dễ lây bệnh vừa vô cùng nhút nhát. ("Ông ấy sẽ không ở riêng với một người phụ nữ chưa chồng đâu," Letty thề solemnly. "Ông ấy sẽ nổi cơn tam bành nếu chúng ta để cô vào đó.") Tuy nhiên, cô Smythe vẫn khăng khăng rằng họ phải cùng cô cầu nguyện hàng ngày cho sức khỏe của ông, và trong suốt thời gian đó, Robin phải cố gắng hết sức để không nôn mửa vì tội lỗi.

Những ngày dài lê thê khủng khiếp. Thời gian trôi lê lết khi từng giây từng phút đều chất chứa một sự bất trắc kinh hoàng, câu hỏi*will we get away*Robin ốm liên miên. Cơn buồn nôn của anh hoàn toàn khác với cảm giác nôn nao, khó chịu của say sóng; nó là một khối tội lỗi dữ dội gặm nhấm dạ dày và cào xé cổ họng anh, một sức nặng độc hại khiến anh khó thở. Cố gắng thư giãn hay phân tâm chẳng ích gì; chính những lúc lơ là mất cảnh giác, cơn ốm lại càng dữ dội hơn. Rồi tiếng ù ù trong tai anh ngày càng lớn và bóng tối len lỏi vào rìa tầm nhìn, thu hẹp thế giới thành một chấm mờ ảo.

Cư xử như một con người đòi hỏi sự tập trung cao độ. Đôi khi điều anh có thể làm tốt nhất là nhớ thở, mạnh và đều. Anh phải gào thét một câu thần chú trong đầu –*it's all right, it's all right, you're all right, they don't know, they think you're just a student and they think he's just sick*– nhưng ngay cả câu thần chú ấy cũng dường như sắp vượt khỏi tầm kiểm soát; chỉ cần anh lơ là tập trung dù chỉ một giây, nó liền biến thành sự thật –*you killed him, you blew a hole in his chest and his blood's all over the books, all over your hands, slick, wet, warm—*

Anh sợ tiềm thức của mình; sợ để nó lang thang. Anh không thể tập trung vào bất cứ điều gì. Mọi suy nghĩ lướt qua tâm trí anh đều xoáy thành một mớ hỗn độn hỗn loạn của tội lỗi và kinh hoàng; luôn luôn đông cứng lại thành một điệp khúc ảm đạm giống nhau:

I have killed my father.

I have killed my father.

I have killed my father.

Anh tự hành hạ bản thân bằng cách tưởng tượng ra những điều có thể xảy đến với họ.nếu họ bị bắt. Ông vẽ ra những cảnh tượng sống động đến mức chúng giống như ký ức – phiên tòa ngắn ngủi và đầy buộc tội, những ánh mắt ghê tởm từ phía bồi thẩm đoàn; cùm sắt quanh cổ tay họ và, nếu không phải là giá treo cổ, thì là một hành trình dài đằng đẵng, chen chúc, khốn khổ đến một thuộc địa hình sự ở Úc.

Điều anh ta không thể nào hiểu nổi chính là khoảnh khắc giết người thật sự lại ngắn ngủi đến thế - không hơn một giây phút bộc phát căm hận, một câu nói buột miệng, một cú ném duy nhất. Luận Ngữ có ghi rằng*sìbùjíshé*;* rằng ngay cả một cỗ xe bốn ngựa cũng không thể nào bắt kịp một lời nói đã thốt ra, rằng lời nói ra như nước đổ đi. Nhưng điều này giống như một trò lừa bịp lớn của thời gian. Thật không công bằng khi một hành động nhỏ bé như vậy lại có thể gây ra những hậu quả rung chuyển đến thế. Một điều gì đó đã phá hủy không chỉ thế giới của anh mà còn của Ramy, Letty và Victoire đáng lẽ phải mất ít nhất vài phút; đáng lẽ phải cần sự nỗ lực lặp đi lặp lại. Sự thật về vụ giết người đáng lẽ sẽ hợp lý hơn nếu anh ta đứng bên cạnh thi thể cha mình với một chiếc rìu cùn, bổ xuống đầu và ngực ông ta hết lần này đến lần khác cho đến khi máu phun lên mặt cả hai. Một điều gì đó tàn bạo, một điều gì đó kéo dài, một biểu hiện thực sự của ý định quái dị.

Nhưng điều đó hoàn toàn không diễn tả được những gì đã xảy ra. Nó không hề hung bạo. Nó không hề tốn sức. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh, anh ta thậm chí còn không có thời gian để suy nghĩ. Anh ta chẳng nhớ mình đã hành động gì cả. Liệu anh

ta có thể cố ý giết người nếu anh ta không nhớ mình đã muốn làm vậy?

Nhưng mà câu hỏi vớ vẩn gì thế này? Lôi ra mà phân tích xem hắn có mong cha mình chết hay không thì có nghĩa lý gì, khi mà cái xác tan nát của ông ấy rõ ràng, không thể nào cứu vãn, đang chìm sâu xuống đáy đại dương?

Đêm tối còn tệ hơn ban ngày gấp bội. Ít ra ban ngày còn có chút xao lãng tạm thời từ thế giới bên ngoài, từ đại dương cuồn cuộn và làn sương mù mịt. Còn ban đêm, bị giam hãm trong chiếc võng, chỉ còn lại bóng tối không chút khoan nhượng. Đêm đồng nghĩa với ga giường ướt đẫm mồ hôi, những cơn ớn lạnh và run rẩy, và thậm chí không có cả không gian riêng tư để rên rỉ hay hét lên. Robin nằm co ro, đầu gối ôm sát ngực, hai tay bịt chặt miệng để át đi tiếng thở dồn dập. Những giấc ngủ chập chờn, nếu có, cũng chỉ là những mảnh vụn rời rạc và sống động đến kinh hoàng, tua đi tua lại từng nhịp điệu của cuộc trò chuyện cuối cùng đó cho đến cái kết bi thảm. Nhưng các chi tiết cứ thay đổi. Lời cuối cùng Giáo sư Lovell nói là gì? Ông ấy đã nhìn Robin như thế nào? Đã...Hắn ta thật sự đã tiến lại gần sao? Ai đã động thủ trước? Đó là tự vệ hay là tấn công phủ đầu? Có gì khác biệt sao? Hắn đã tự hủy hoại ký ức của chính mình. Thức hay ngủ, hắn đều xem xét cùng một khoảnh khắc từ hàng ngàn góc độ khác nhau cho đến khi hắn thực sự không còn biết chuyện gì đã xảy ra.

Hắn muốn mọi suy nghĩ dừng lại. Hắn muốn biến mất. Vào ban đêm, những con sóng đen vô tận dường như là thiên đường, và hắn chẳng muốn gì hơn là lao mình xuống biển, để mặc đại dương nuốt chửng hắn cùng tội lỗi của hắn vào vực sâu thăm thẳm. Nhưng làm vậy chỉ khiến những người khác bị kết tội. Chuyện sẽ ra sao nếu một sinh viên chết đuối và giáo sư của họ tự sát? Không lời bào chữa nào, dù sáng tạo đến đâu, dù đúng đến đâu, có thể gỡ tội cho họ.

Nhưng nếu cái chết không phải là một lựa chọn, thì có lẽ hình phạt vẫn còn đó. "Anh phải thú nhận thôi," hắn thì thầm với Ramy vào một đêm mất ngủ. "Đó là cách duy nhất, chúng ta phải kết thúc chuyện này—"

“Đừng có ngu,” Ramy nói.

Hắn cuống cuồng nhảy ra khỏi võng. “Tôi nói thật đấy, tôi sẽ đi gặp thuyền trưởng—”

Ramy nhảy dựng lên và chặn hắn lại ở hành lang. "Birdie, quay lại đó ngay."

Robin cố gắng chen qua Ramy để lên cầu thang. Ramy ngay lập tức tát hắn một cái trời giáng. Không hiểu sao điều này lại khiến hắn bình tĩnh lại, có lẽ là do cú sốc – cơn đau nhói buốt xóa sạch mọi thứ trong đầu hắn, chỉ trong vài giây, đủ lâu để làm dịu nhịp tim đang đập loạn xạ của hắn.

"Giờ thì tất cả chúng ta đều liên lụy rồi," Ramy rít lên. "Chúng ta đã dọn dẹp căn phòng đó. Chúng ta đã giấu xác cho anh. Để bảo vệ..."*you*Chúng ta đều đã nói dối cả chục lần rồi; chúng ta đều là đồng phạm trong vụ này, và nếu anh đi gặp đao phủ, anh sẽ đẩy tất cả chúng ta vào chỗ chết. Anh hiểu chứ?

Ngượng ngùng, anh cúi đầu gật.

“Tốt,” Ramy nói. “Giờ thì quay lại giường ngủ đi.”

Điểm sáng le lói duy nhất trong toàn bộ sự việc kinh khủng này là anh và Ramy cuối cùng đã làm hòa. Hành động giết người đã bắc cầu nối khoảng cách giữa họ, thổi bay những lời buộc tội đồng lõa và hèn nhát của Ramy. Việc đó là tai nạn hay Robin sẽ rút lại ngay lập tức nếu có thể cũng chẳng còn quan trọng nữa. Ramy không còn bất kỳ lý do hệ tư tưởng nào để oán giận anh, bởi vì giữa hai người, chỉ có một người đã giết kẻ thực dân. Giờ họ là đồng phạm, và điều này khiến họ gần gũi hơn bao giờ hết.

Ramy nhận vai tròngười an ủi và người tư vấn, chứng nhân cho những lời thú tội của anh. Robin không hiểu tại sao anh lại nghĩ rằng việc nói ra suy nghĩ của mình có thể làm cho mọi thứ tốt hơn, bởi vì nói bất cứ điều gì ra thành lời chỉ khiến anh càng thêm bối rối, nhưng anh vô cùng biết ơn vì ít nhất Ramy đã ở đó để lắng nghe.

“Anh nghĩ tôi là người xấu sao?”, hắn hỏi.

Đừng có ngớ ngẩn.

Dạo này cậu nói câu đó nhiều lắm.

Em đã làm nhiều chuyện ngớ ngẩn. Nhưng em không phải người xấu.

“Nhưng tôi là kẻ giết người,” anh ta nói, rồi lặp lại lần nữa, bởi vì những từ đó thật phi lý đến mức ngay cả việc phát âm ra chúng cũng khiến anh ta cảm thấy kỳ quặc. “Tôi đã tước đi một mạng sống. Hoàn toàn có chủ ý, hoàn toàn cố tình – tôi biết cây gậy đó sẽ gây ra hậu quả gì cho hắn ta và tôi đã ném nó, tôi đã chứng kiến nó phá nát cơ thể hắn ta, và trong khoảnh khắc trước khi tôi hối hận, tôi đã cảm thấy thỏa mãn với những gì mình đã làm. Đó không phải là một tai nạn. Bây giờ tôi có ước mình có thể rút lại việc đó đến đâu cũng không quan trọng nữa – tôi muốn hắn ta chết, và tôi đã giết hắn ta.” Anh ta hít một hơi run rẩy. “Tôi là… phải là loại người như thế nào mới có thể làm điều đó? Một kẻ ác nhân. Một tên khốn nạn độc ác. Chuyện đó xảy ra bằng cách nào chứ, Ramy? Không có gì ở giữa cả. Không có một quy tắc nào có thể tha thứ cho việc này, phải không?”

Ramy thở dài. "Kinh Qur'an có dạy, kẻ nào tước đi một mạng sống, thì cũng như hắn đã giết chết toàn thể nhân loại."

“Cảm ơn,” Robin lầm bầm. “Thật an ủi.”

“Nhưng kinh Koran cũng nói về lòng thương xót vô hạn của Allah.” Ramy im lặng một lúc. “Và tôi nghĩ… ừm, Giáo sư Lovell là một người rất xấu, phải không? Anh đã hành động để tự vệ, phải không? Và những điều hắn ta đã làm với anh, với em trai anh, với các mẹ của anh… có lẽ hắn ta đáng chết. Có lẽ việc anh giết hắn ta trước đã ngăn chặn những tổn hại khôn lường đến với người khác. Nhưng đó thực sự không phải là quyết định của anh. Đó là của Chúa.”

“Vậy thì tôi phải làm sao?” Robin hỏi thảm thiết. “Tôi phải làm…”*do*Hả?

“Cô không thể làm gì được nữa,” Ramy nói. “Hắn ta chết rồi, cô đã giết hắn, và cô chẳng thể làm gì để thay đổi điều đó ngoại trừ cầu xin Chúa tha thứ.” Anh ta ngừng lại, gõ ngón tay lên đầu gối. “Nhưng vấn đề bây giờ là làm sao để bảo vệ Victoire và Letty. Và việc cô tự thú cũng chẳng giúp ích gì cho việc đó, Birdie. Cả việc cô tự dằn vặt bản thân về giá trị con người của mình cũng vậy. Lovell đã chết, còn cô thì vẫn sống, và có lẽ đó là ý Chúa. Và đó là tất cả những gì tôi có thể an ủi cô.”

Bốn người họ thay phiên nhau phát điên. Có một luật bất thành văn trong trò chơi này: chỉ một người được phép sụp đổ tại một thời điểm, không phải tất cả cùng một lúc, bởi vì nhiệm vụ của những cái đầu tỉnh táo hơn là phải trấn an kẻ điên kia.

Cách Ramy hay hoảng loạn nhất là tuôn ra hết mọi nỗi lo lắng của mình bằng những chi tiết hoa mỹ và cụ thể đến khó tin. “Sẽ có người đến cabin của hắn,” anh ta tuyên bố. “Họ sẽ cần hỏi hắn một câu hỏi gì đó – một điều ngớ ngẩn, đại loại như ngày đến hoặc tiền vé. Chỉ là hắn ta sẽ không có ở đó, và họ sẽ hỏi chúng ta, và cuối cùng ai đó sẽ nghi ngờ và họ sẽ lục soát toàn bộ con tàu, và chúng ta sẽ giả vờ như không biết hắn ta đã đi đâu và họ sẽ không tin chúng ta, và rồi họ sẽ tìm thấy vết máu—”

"Làm ơn," Victoire nói. "Làm ơn, vì Chúa, dừng lại đi."

“Rồi họ sẽ tống chúng ta vào nhà tù Newgate,” Ramy nói tiếp, giọng điệu hùng hồn như đang ngâm một khúc trường ca, “và chuông nhà thờ St Sepulchre sẽ điểm mười hai tiếng, một đám đông khổng lồ sẽ tụ tập bên ngoài, và sáng hôm sau chúng ta sẽ bị treo cổ, từng người một . . .”

Cách duy nhất để Ramy dừng lại là để hắn kể hết toàn bộ cái mộng tưởng bệnh hoạn của mình, điều mà hắn luôn làm, với những mô tả về các vụ hành quyết của họ ngày càng lố bịch hơn mỗi lần. Kỳ thực, chúng lại mang đến cho Robin một chút khuây khỏa – theo một cách nào đó, việc tưởng tượng ra điều tồi tệ nhất có thể xảy ra lại giúp cô thư giãn, vì nó xua tan nỗi sợ hãi về những điều chưa biết. Nhưng nó chỉ khiến Victoire phát cáu. Bất cứ khi nào những cuộc trò chuyện này diễn ra, cô đều không thể ngủ được. Rồi đến lượt cô mất bình tĩnh, và cô sẽ đánh thức họ dậy lúc bốn giờ sáng, thì thầm rằng cô thấy áy náy vì đã làm Letty thức giấc, và họ sẽ phải ngồi trên boong tàu với cô, thì thầm những câu chuyện vớ vẩn về bất cứ điều gì nảy ra trong đầu – tiếng chim hót, Beethoven, chuyện tầm phào ở cơ quan – cho đến khi bình minh dịu dàng đến.

Những cơn cáu kỉnh của Letty là khó đối phó nhất. Bởi vì trong số họ, chỉ có Letty không hiểu tại sao Ramy và Victoire lại sẵn sàng bênh vực Robin như vậy. Cô cho rằng họ bảo vệ Robin vì họ là bạn bè. Động cơ duy nhất mà cô hiểu là cô đã thấy Giáo sư Lovell túm cổ áo Robin ở Canton, và việc có một người cha bạo hành là điểm chung giữa cô và Robin.

Nhưng vì cô ấy xem cái chết của Giáo sư Lovell như một sự việc riêng lẻ, chứ không phải là phần nổi của tảng băng chìm, nên cô ấy liên tục cố gắng khắc phục tình hình của họ. "Phải có cách nào đó để thú nhận sự thật," cô ấy cứ nói. "Chúng ta có thể nói Giáo sư Lovell đang làm hại Robin, đó là tự vệ? Rằng ông ta đã...mất trí vì stress, rằng anh ta là người khởi xướng tất cả, và Robin chỉ cố gắng chạy thoát? Tất cả chúng ta sẽ làm chứng, tất

cả đều là sự thật, họ sẽ phải tha bổng cho anh ta - Robin, em nghĩ sao?

“Nhưng chuyện đâu có phải như vậy,” Robin nói.

Nhưng mà anh có thể*say*Chuyện đã xảy ra như vậy—

“Sẽ không hiệu quả đâu,” Ramy khăng khăng. “Nó quá nguy hiểm, và hơn nữa, đó là một rủi ro chúng ta hoàn toàn không cần phải chấp nhận.”

Làm sao họ có thể nói với cô rằng cô đang hoang tưởng? Rằng thật điên rồ khi tưởng tượng hệ thống pháp luật Anh thực sự công bằng, rằng họ sẽ được xét xử công minh, rằng những người trông giống Robin, Ramy và Victoire có thể giết một giáo sư da trắng ở Oxford, ném xác xuống biển, nói dối về việc đó hàng tuần rồi ung dung rời đi mà không hề hấn gì? Rằng việc cô rõ ràng tin tất cả những điều này chỉ là bằng chứng cho thấy họ sống trong những thế giới khác biệt đến mức nào?

Nhưng vì họ không thể nói sự thật cho cô ấy, Letty vẫn không nản lòng. "Cháu có một ý tưởng mới," cô tuyên bố sau khi họ bác bỏ đề nghị tự vệ của cô. "Vậy, như tất cả các bác chắc hẳn đã biết, bố cháu là một người khá quan trọng—"

“Không,” Ramy nói.

“Cứ để tôi nói hết đã. Cha tôi hồi đó cũng có chút ít tiếng nói—”

Cha anh là đô đốc về hưu, bị cho ra rìa—

“Nhưng anh ấy vẫn quen biết nhiều người,” Letty khăng khăng. “Anh ấy có thể nhờ vả được mà—”

“Thế loại ân huệ nào cơ?” Ramy gặng hỏi. “Kiểu ‘Chào Thẩm phán Blathers, chuyện là thế này – con gái tôi và mấy đứa bạn ngoại quốc bẩn thỉu của nó đã giết chết giáo sư của chúng – một

người đàn ông cực kỳ quan trọng đối với Đế chế, cả về mặt tài chính lẫn ngoại giao – nên khi chúng ra tòa, ông cứ việc tuyên bố chúng vô tội—”’

“Không cần phải như thế,” Letty gắt lên. “Ý tôi là, nếu chúng ta nói cho anh ấy biết chuyện gì đã xảy ra và giải thích đó là một tai nạn—”

Một*accident*“Hả?” Ramy nhắc lại. “Cô đã từng bao che cho tai nạn trước đây chưa? Họ cứ làm ngơ khi mấy cô gái da trắng giàu có giết người à? Nó hoạt động như vậy sao, Letty? Hơn nữa, cô không phải đang có xích mích với đô đốc à?”

Lỗ mũi Letty phập phồng. "Tôi chỉ muốn giúp thôi mà."

“Chúng tôi biết,” Robin nói nhanh, cố gắng xoa dịu bầu không khí căng thẳng. “Và tôi rất biết ơn, thật đấy. Nhưng Ramy nói đúng. Tôi nghĩ tốt nhất là chúng ta nên giữ kín chuyện này.”

Letty, trừng mắt cứng đờ nhìn vào tường, không nói gì.

Bằng cách nào đó họ đã trở lại Anh. Hai tháng trôi qua và một buổi sáng họ thức dậy thấy London thấp thoáng ở đường chân trời, chìm trong màn xám xịt quen thuộc.

Giả vờ bệnh của Giáo sư Lovell suốt chuyến đi hóa ra lại dễ hơn cả Victoire tưởng; dường như rất dễ để thuyết phục cả con tàu rằng một giáo sư Oxford có thể chất yếu ớt một cách đáng kinh ngạc. Jemima Smythe, sau tất cả những nỗ lực của mình, cuối cùng cũng chán ngấy cái nhóm người cứ im như thóc, và chẳng buồn nói lời tạm biệt tử tế. Các thủy thủ cũng chỉ nói vài lời chào qua loa khi họ lên bờ. Chẳng ai để ý đến bốn sinh viên nom tiều tụy đang đi qua khu Bến Tàu Pháp Lý, nhất là khi còn hàng hóa cần dỡ và tiền công cần nhận.

“Chúng tôi đã cho giáo sư đi trước để gặp bác sĩ,” Letty nói với thuyền trưởng khi họ đi ngang qua ông ta trên bến tàu. “Ông ấy

dặn… à, gửi lời cảm ơn thuyền trưởng vì chuyến đi suôn sẻ."

Vị thuyền trưởng trông hơi lúng túng trước những lời này, nhưng rồi nhún vai và phẩy tay cho qua.

"Chuyến đi suôn sẻ chứ?" Ramy lẩm bẩm.*A smooth trip?*'

Tôi chẳng nghĩ ra được gì khác để nói!

"Im lặng và đi," Victoire rít lên.

Robin chắc chắn rằng mọi thứ họ làm đều quá lộ liễu.*Murderers!*khi họ lôi những chiếc hòm xuống dọc theo tấm ván. Bất cứ lúc nào, anh nghĩ, đầu óc quay cuồng; thêm một bước nữa, và nó sẽ đến - một cái nhìn nghi ngờ, một loạt tiếng bước chân dồn dập, một tiếng gọi 'Này! Các ngươi, dừng lại!' Chắc chắn họ sẽ không để họ trốn thoát khỏi*Hellas*dễ dàng như vậy.

Cách bờ chỉ mười hai bộ, là nước Anh, là nơi trú ẩn, là tự do. Một khi đặt chân lên bờ, một khi hòa vào dòng người, họ sẽ được tự do. Nhưng điều đó hẳn là không thể – những sợi dây ràng buộc họ với căn phòng đẫm máu ấy đâu dễ dàng cắt đứt được. Liệu có thể sao?

Lối đi lát ván nhường chỗ cho đất liền. Robin liếc nhìn qua vai. Không ai đi theo họ. Thậm chí chẳng có ai nhìn về phía họ.

Họ lên một chiếc xe buýt đến bắc Luân Đôn, rồi từ đó gọi một chiếc taxi đến Hampstead. Họ đã đồng ý mà không cần bàn cãi nhiều rằng sẽ nghỉ đêm tại nhà riêng của Giáo sư Lovell ở Hampstead khi đến nơi – vì đã quá muộn để bắt bất kỳ chuyến tàu nào đến Oxford, và Robin biết rằng bà Piper vẫn đang ở Jericho và rằngChìa khóa dự phòng của khu đất được giấu dưới chậu hoa Minh trong vườn. Sáng hôm sau họ sẽ lên tàu đến Paddington và trở lại trường như dự định.

Suốt chuyến hành trình, ý nghĩ ấy đã lướt qua tâm trí tất cả bọn họ rằng vẫn còn một lựa chọn hiển nhiên – bỏ chạy, vứt bỏ mọi thứ và trốn khỏi lục địa này; leo lên một chuyến tàu đến Mỹ hoặc Úc, hoặc trở về những quốc gia mà họ đã bị lôi ra khỏi đó.

"Hay mình trốn sang Tân Thế Giới đi," Ramy đề nghị. "Sang Canada."

“Cậu có biết tiếng Pháp đâu,” Letty nói.

“Tiếng Pháp đấy, Letty.” Ramy đảo mắt. “Đứa con mỏng manh nhất của tiếng Latin. Khó được đến mức nào chứ?”

“Chúng ta sẽ phải tìm việc làm,” Victoire chỉ ra. “Chúng ta sẽ không còn tiền trợ cấp nữa; làm sao chúng ta sống được?”

Đây là một điểm đúng, và bằng cách nào đó họ đã bỏ sót. Nhiều năm nhận được một khoản trợ cấp đáng tin cậy đã khiến họ quên mất rằng họ chỉ có đủ sống trong vài tháng; bên ngoài Oxford, ở một nơi mà chỗ ở và bữa ăn không còn được cung cấp, họ sẽ chẳng có gì cả.

“Thế thì người ta kiếm việc làm kiểu gì?”, Ramy đã hỏi. “Chắc là cứ đến một cửa hàng nào đó rồi hỏi về mấy cái quảng cáo tuyển dụng nhỉ?”

“Chắc chắn cậu đã từng học việc,” Letty nói. “Hình như có một giai đoạn đào tạo, nhưng mà tốn tiền—”

"Vậy thì làm sao tìm được một người thợ chịu nhận làm đây?"

“Tôi không biết,” Letty nói, bực bội. “Làm sao tôi biết được? Tôi chịu.”

Không, chưa bao giờ có khả năng thực sự nào là họ sẽ rời trường đại học. Bất chấp tất cả, bất chấp nguy cơ rất thực tế rằng nếu họ quay lại Oxford thì sẽ bị bắt, điều tra, và bị tống giam hoặc treo

cổ, họ không thể hình dung được một cuộc sống không gắn liền với trường đại học. Bởi vì họ chẳng có gì khác. Họ không có kỹ năng; họ không có sức mạnh cũng không có tính khí để lao động chân tay, và họ không có các mối quan hệ để tìm việc làm. Quan trọng nhất là họ không biết cách sống. Không ai trong số họ có chút ý niệm nào về việc thuê phòng, mua đồ tạp hóa cho một tuần, hoặc tự lập thân ở một thị trấn không phải là trường đại học sẽ tốn bao nhiêu tiền. Cho đến bây giờ, tất cả những điều đó đã được lo liệu cho họ. Ở Hampstead, đã có bà Piper, và ở Oxford, đã có các quản gia và người dọn giường. Thật vậy, Robin sẽ rất khó khăn để giải thích chính xác cách giặt giũ quần áo.

Rốt cuộc, họ chẳng thể nghĩ mình là ai khác ngoài sinh viên, chẳng thể tưởng tượng một thế giới mà họ không thuộc về Babel. Babel là tất cả những gì họ biết. Babel là nhà. Và dù biết là ngu ngốc, Robin ngờ rằng mình không phải kẻ duy nhất âm thầm tin rằng, bất chấp tất cả, vẫn có một thế giới nào đó mà khi mọi rắc rối này chấm dứt, khi mọi sắp xếp cần thiết đã được thực hiện và mọi chuyện được ém nhẹm, cậu vẫn có thể trở về căn phòng của mình trên đường Magpie, có thể thức giấc với tiếng chim hót líu lo và ánh nắng ấm áp xuyên qua khung cửa sổ hẹp, và lại một lần nữa dành cả ngày đắm chìm trong những ngôn ngữ chết.

Chapter Twenty

To the assistance and information which you and Mr Jardine so handsomely afforded to us it was mainly owing that we were able to give our affairs naval, military and diplomatic, in China those detailed instructions which have led to these satisfactory results.

FNƯỚC NGOÀISTHƯ KÝPALMERSTONThư gửi John Abel Smith

TôiTrời đang mưa như trút nước khi họ chui ra khỏi taxi ở Hampstead. Họ tìm thấy nhà Giáo sư Lovell nhờ may mắn nhiều hơn bất cứ điều gì khác. Robin đã nghĩ rằng anh sẽ dễ dàng nhớ đường đi, nhưng ba năm xa cách đã ảnh hưởng đến trí nhớ của anh nhiều hơn anh tưởng, và những màn mưa xối xả khiến tất cả các ngôi nhà trông giống nhau: ướt sũng, vuông vức, được bao quanh bởi những tán lá trơn trượt, nhỏ giọt. Khi cuối cùng họ cũng tìm thấy ngôi nhà gạch và vữa trắng, họ đã ướt như chuột lột và run rẩy.

“Khoan đã.” Victoire kéo Ramy lại ngay khi anh ta định đi ra cửa. “Hay là mình đi cửa sau nhỉ? Lỡ có ai thấy thì sao?”

"Thấy thì thấy, đâu phải tội gì mà đến Hampstead—"

"Cứ như thể rõ ràng là anh không sống ở đây—"

Chào bạn!

Tất cả bọn họ đồng loạt quay đầu lại như những chú mèo con giật mình. Một người phụ nữ vẫy tay với họ từ bậc cửa ngôi nhà bên kia đường. "Chào," bà ấy gọi lại. "Các em tìm giáo sư phải không?"

Họ liếc nhìn nhau, hoảng hốt; họ chưa bàn bạc câu trả lời nào cho tình huống này. Họ đã muốn tránh mọi liên hệ với một người đàn ông mà sự vắng mặt của anh ta sẽ sớm gây ra nhiều

sự chú ý. Nhưng họ còn có thể biện minh cho sự hiện diện của mình ở Hampstead bằng cách nào khác?

“Phải,” Robin nói nhanh, trước khi sự im lặng của họ trở nên đáng ngờ. “Chúng tôi là học trò của ông ấy. Chúng tôi vừa từ nước ngoài về – ông ấy bảo chúng tôi…Hẹn gặp anh ấy ở đây khi chúng tôi quay lại, chỉ là trời đang muộn rồi mà chẳng thấy ai ở cửa cả.

“Có lẽ ông ấy đang ở trường đại học.” Vẻ mặt người phụ nữ thực ra khá thân thiện; lúc nãy trông bà có vẻ thù địch chỉ vì bà phải hét lên giữa trời mưa. “Ông ấy chỉ ở đây vài tuần trong năm thôi. Đứng ngay đó nhé.”

Cô quay người vội vã chạy vào nhà. Cánh cửa đóng sầm lại sau lưng cô.

"Chết tiệt," Ramy lầm bầm. "Cậu đang làm cái quái gì vậy?"

‘Tôi nghĩ bám sát sự thật thì hơn—’

Một chút*too*Gần đúng sự thật rồi, cậu thấy không? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ai đó hỏi cô ta?

Thế thì anh muốn làm gì, bỏ chạy à?

Nhưng người phụ nữ đã lại chạy ra ngoài. Cô vội vã băng qua đường về phía họ, lấy khuỷu tay che mưa. Cô chìa lòng bàn tay về phía Robin.

“Của các cháu đây.” Bà mở các ngón tay ra, để lộ một chiếc chìa khóa. “Đây là chìa khóa dự phòng của nó. Nó đãng trí lắm – người ta nhờ bác giữ hộ một cái phòng khi nó làm mất. Khổ thân các cháu.”

“Cảm ơn bà,” Robin nói, vẫn còn chưa hết sững sờ trước vận may của họ. Rồi một kí ức chợt lóe lên, và anh đánh liều đoán, “Bà là

bà Clemens, phải không ạ?”

Cô ấy rạng rỡ. "Chắc chắn rồi!"

“Phải, đúng rồi – anh ấy dặn hỏi cô nếu bọn tôi không tìm thấy chìa khóa. Chỉ là bọn tôi không biết cô ở nhà nào.”

“May mà lúc nãy tôi đang ngắm mưa.” Cô ấy nở một nụ cười tươi rói, thân thiện; bất kỳ sự nghi ngờ nào, nếu đã từng có, giờ đã biến mất khỏi khuôn mặt cô ấy. “Tôi thích nhìn ra ngoài khi chơi dương cầm. Thế giới là nguồn cảm hứng cho âm nhạc của tôi.”

“Được rồi,” anh ta lại nói, quá choáng váng vì nhẹ nhõm nên không thể hiểu hết câu nói đó. “Vâng, cảm ơn rất nhiều.”

“Ồ, không có gì đâu. Cứ gọi nếu cần nhé.” Cô ấy gật đầu với Robin trước, rồi đến Letty – dường như cô ấy chẳng nhìn thấy Ramy hay Victoire, điều mà Robin nghĩ họ chỉ có thể thấy biết ơn – và quay trở lại phía bên kia đường.

“Sao trên đời anh lại biết được?” Victoire lẩm bẩm.

“Bà Piper có viết về cô ta,” Robin vừa nói vừa kéo cái rương của mình lên khu vườn phía trước. “Bà ấy nói có một gia đình mới chuyển đến, và người vợ có vẻ cô độc lại lập dị. Tôi nghĩ cô ta đến đây uống trà hầu như mỗi buổi chiều khi giáo sư có mặt.”

"Ơn Chúa là cậu còn viết thư cho bà quản gia," Letty nói.

“Thật vậy,” Robin nói rồi mở khóa cửa.

Robin chưa từng quay lại căn nhà ở Hampstead kể từ khi cậu lên Oxford, và nó dường như đã thay đổi nhiều trong thời gian cậu vắng mặt. Nó nhỏ hơn cậu nhớ rất nhiều, hoặc có lẽ cậu đã cao hơn. Cầu thang không còn là một vòng xoắn ốc bất tận nữa, và trần nhà cao không còn gợi lên cảm giác cô độc nặng nề như

trước. Bên trong tối om; tất cả rèm cửa đều được kéo kín, và ga trải phủ lên đồ đạc để tránh bụi. Họ mò mẫm trong bóng tối một lúc – bà Piper vẫn luôn thắp đèn và nến, và Robin không biết bà để diêm ở đâu. Cuối cùng Victoire tìm thấy đá lửa và chân nến trong phòng khách, và từ đó họ xoay xở nhóm được lò sưởi.

"Này Birdie," Ramy nói. "Mấy thứ... này là cái gì vậy?"

Ý anh ta là mấy món đồ kiểu Trung Hoa. Robin liếc nhìn xung quanh. Căn phòng khách tràn ngập quạt vẽ, tranh cuộn treo tường, bình sứ, tượng điêu khắc và ấm trà. Hiệu ứng tổng thể trông như một phiên bản lòe loẹt của quán trà Quảng Châu được đặt chồng lên nền đồ nội thất Anh Quốc. Những thứ này đã luôn ở đây sao? Robin không hiểu sao hồi nhỏ mình lại không hề để ý. Có lẽ, vừa từ Quảng Châu về, cậu đã không thấy sự phân chia giữa hai thế giới rõ ràng đến vậy; có lẽ chỉ bây giờ, sau khi hoàn toàn đắm mình trong môi trường đại học đậm chất Anh Quốc nhất, cậu mới phát triển một cảm nhận sắc bén hơn về những gì xa lạ và kỳ lạ.

“Chắc hẳn ông ta là một nhà sưu tập,” Robin nói. “Ồ, tôi nhớ ra rồi – ông ta rất thích kể cho khách nghe về những món đồ mình có được, chúng đến từ đâu và lịch sử đặc biệt của chúng. Ông ta khá tự hào.”

“Kỳ lạ thật,” Ramy nói. “Yêu văn hóa và ngôn ngữ, vậy mà lại ghét đất nước.”

“Không kỳ lạ như cậu nghĩ đâu,” Victoire nói. “Xét cho cùng, có người, rồi cũng có vật.”

Một chuyến thám hiểm đến nhà bếp chẳng tìm được gì ăn. Bà Piper hẳn là đã không dự trữ thức ăn khi bà ấy còn ở nhà Oxford. Robin nhớ lại căn nhà ở Hampstead có vấn đề chuột dai dẳng, không bao giờ giải quyết được vì Giáo sư Lovell ghét mèo, còn bà Piper thì ghét bỏ đồ dễ hỏng cho lũ chuột tha hồ phá phách. Ramy tìm thấy một hộp cà phê xay và một lọ muối, nhưng

không có đường. Dù sao họ cũng pha và uống cà phê. Nó chỉ làm tăng thêm cơn đói, nhưng ít nhất cũng giúp họ tỉnh táo.

Họ vừa rửa và lau khô mấy cái cốc rỗng của mình – Robin không hiểu tại sao họ lại dọn dẹp khi mà chủ của cái nơi này sẽkhông bao giờ về nhà, nhưng bỏ đi trong cảnh bừa bộn vẫn cảm thấy sai sai – thì họ nghe thấy tiếng gõ cửa dồn dập. Tất cả đều giật mình. Người gõ dừng lại một chút, rồi gõ cửa mạnh mẽ ba lần liên tiếp.

Ramy bật dậy và chộp lấy cây khêu lửa.

“Anh đang làm cái gì vậy?” Letty rít lên.

Chà, giả sử họ vào được—

Cứ giả vờ như không có ai ở nhà, đừng mở cửa là được—

"Nhưng đèn đóm sáng trưng hết cả rồi, đồ ngốc—"

"Vậy thì nhìn ra ngoài cửa sổ trước đã—"

Không, rồi họ sẽ thấy chúng ta—

“Ê này?” Người gõ cửa gọi vọng vào. “Nghe thấy tôi không?”

Họ thở phào nhẹ nhõm. Chỉ là bà Clemens thôi.

"Để tôi." Robin đứng dậy, lườm Ramy. "Cất cái đó đi."

Người hàng xóm tốt bụng của họ đứng ướt sũng trên bậc cửa, một tay cầm chiếc ô mỏng manh, vô dụng, tay kia xách một chiếc giỏ đậy kín. "Tôi thấy các bạn chưa mua đồ ăn. Ông ấy lúc nào đi vắng cũng để trống tủ thức ăn cả – tại lũ chuột."

"Tôi... tôi hiểu." Bà Clemens nói rất nhiều. Robin hy vọng bà ấy không muốn vào nhà.

Khi anh không nói gì thêm, cô đưa cái giỏ về phía anh. "Tôi vừa nhờ cô Fanny nhà tôi góp nhặt những gì còn trong nhà. Có chút rượu, một miếng pho mát cứng và một miếng pho mát mềm, bánh mì sáng nay – hơi cứng vỏ một chút, tôi e là vậy – cùng chút ô liu và cá mòi. Nếu anh muốn bánh mì mới nướng, anh sẽ phải thử lại vào buổi sáng, nhưng hãy cho tôi biết nếu anh muốn ghé qua để tôi có thể bảo Fanny mua thêm bơ tươi, nhà tôi sắp hết rồi."

“Cảm ơn,” Robin nói, khá kinh ngạc trước sự hào phóng này. “Ông/Bà thật tốt bụng.”

“Dĩ nhiên rồi,” bà Clemens nói ngay. “Anh có thể cho tôi biết khi nào giáo sư quay lại không? Tôi cần nói chuyện với ông ấy về hàng rào của ông ấy.”

Robin sững người. “Tôi... tôi không biết.”

Không phải anh đã nói là anh sẽ đến trước hắn ta sao?

Robin không biết phải nói gì. Anh mơ hồ cảm thấy càng ít để lại dấu vết lời nói càng tốt – anh đã nói với thuyền trưởng rằng Giáo sư Lovell đã đi trước họ, và họ định nói với khoa Babel rằng Giáo sư Lovell vẫn còn ở Hampstead, vì vậy sẽ rất nguy hiểm nếu bà Clemens lại đưa ra một lời giải thích hoàn toàn khác. Nhưng ai mà lại đi hỏi cả ba bên kia chứ? Nếu cảnh sát đã điều tra đến mức đó, chẳng phải bốn người họ đã bị giam giữ rồi sao?

Letty đến giải cứu anh ta. "Có thể sớm nhất là thứ Hai," cô ấy nói, đẩy anh sang một bên. "Nhưng chúng tôi nghe nói ở bến tàu rằng tàu của anh ấy có thể bị trì hoãn - thời tiết xấu trên Đại Tây Dương, anh biết đấy - nên vẫn có thể mất vài tuần nữa."

"Phiền phức quá," bà Clemens nói. "Vậy thì cậu vẫn ở lại đúng như dự định chứ?"

Ôi không, mai chúng ta phải quay lại trường rồi. Chúng ta sẽ để lại lời nhắn trên bàn ăn trước khi đi.

“Rất thận trọng. Thôi, chúc ngủ ngon,” bà Clemens nói một cách vui vẻ, rồi quay trở lại màn mưa.

Họ ngấu nghiến phô mai và ô liu chỉ trong vài giây. Bánh mì cứng và phải nhai một lúc, khiến họ chậm lại, nhưng chỉ vài phút sau cũng hết sạch. Rồi họ nhìn chằm chằm vào chai rượu với vẻ thèm thuồng, bị giằng xé giữa việc biết mình nên cảnh giác và khao khát được say, cho đến khi Ramy đứng ra chịu trách nhiệm và giấu nó vào trong tủ đựng thức ăn.

Lúc đó đã mười một giờ rưỡi. Ở Oxford, tất cả bọn họ giờ này hẳn đã thức giấc hàng giờ rồi, đang cặm cụi với bài tập hoặc cười đùa trong phòng của nhau. Nhưng giờ thì tất cả đều kiệt sức, và quá sợ hãi khi phải chia tay nhau về phòng ngủ riêng, nên họ lục tung cả căn nhà tìm tất cả chăn gối có thể tìm thấy và chất đống chúng trong phòng khách.

Họ quyết định thay phiên nhau ngủ, luôn có một người thức canh gác. Không ai trong số họ thực sự tin rằng cảnh sát có thể ập vào – và dù có xảy ra thì họ cũng chẳng làm được gì – nhưng ít ra thì cẩn thận vẫn hơn.

Robin tình nguyện đi đầu. Ban đầu không ai trong số họ có thể ngồi yên, tất cả đều bồn chồn vì cà phê và căng thẳng, nhưng chẳng mấy chốc sự mệt mỏi đã lấn át, và chỉ trong vài phút, những lo lắng thì thầm của họ đã nhường chỗ cho những hơi thở sâu và đều đặn. Letty và Victoire dựa vào nhau trên ghế sofa, đầu Victoire gối lên tay Letty. Ramy ngủ trên sàn bên cạnh Robin, người cuộn tròn quanh ghế sofa như một dấu ngoặc đơn bảo vệ. Cảnh tượng tất cả bọn họ ở bên nhau khiến ngực Robin nhói đau.

Anh đợi nửa tiếng, nhìn ngực họ phập phồng, trước khi dám đứng dậy. Anh nghĩ rằng rời vị trí của mình là an toàn. Nếu có

chuyện gì xảy ra, anh sẽ nghe thấy từ bên kia nhà – mưa lúc này đã dịu xuống chỉ còn lắc rắc nhẹ, và căn nhà im ắng đến rợn người. Giữ chặtNín thở, cậu rón rén ra khỏi phòng khách và đi lên cầu thang đến văn phòng của Giáo sư Lovell.

Căn phòng vẫn chật chội và bừa bộn như trong ký ức của anh. Ở Oxford, Giáo sư Lovell giữ cho văn phòng của mình tương đối ngăn nắp, nhưng ở nhà, ông để mọi thứ chìm trong một mớ hỗn độn có kiểm soát. Giấy tờ vương vãi khắp sàn; sách chất thành đống xung quanh giá, vài cuốn đang mở, vài cuốn thì kẹp bút bên trong để đánh dấu trang.

Robin rón rén đi qua phòng đến bàn của Giáo sư Lovell. Cậu chưa bao giờ đứng sau nó; cậu chỉ toàn ngồi đối diện, hai tay siết chặt lo lắng trên đùi. Chiếc bàn trông khác hẳn khi nhìn từ phía bên này. Một bức tranh đóng khung được dựng đứng ở góc phải – không, không phải tranh vẽ, mà là một bức ảnh dagerotype. Robin cố không nhìn kỹ, nhưng cậu vẫn vô tình thoáng thấy bóng của một người phụ nữ tóc đen và hai đứa trẻ. Cậu úp khung ảnh xuống.

Anh lật qua mớ giấy tờ rời rạc trên bàn. Chúng chẳng có gì thú vị – ghi chép về thơ Đường và văn khắc giáp cốt, cả hai đều là dự án nghiên cứu mà Robin biết Giáo sư Lovell đang theo đuổi ở Oxford. Anh thử ngăn kéo bên phải. Anh nghĩ nó sẽ bị khóa, nhưng nó lại trượt ra dễ dàng. Bên trong chất đống những xấp thư. Anh lấy chúng ra và giơ từng cái một lên ánh đèn, không chắc mình đang tìm kiếm thứ gì, hay thậm chí là mình mong đợi sẽ thấy điều gì.

Ông ấy chỉ muốn một bức ảnh của người đàn ông đó. Ông ấy chỉ muốn biết cha mình là ai.

Hầu hết thư từ của Giáo sư Lovell là với khoa Babel và đại diện của các công ty thương mại khác nhau – một ít với Công ty Đông Ấn, nhiều hơn từ đại diện của Magniac & Co., nhưng phần lớn là

từ những người ở Jardine & Matheson. Những bức thư này khá thú vị. Ông đọc ngày càng nhanh hơn khi lướt qua chồng thư, lướt qua những lời lẽ xã giao ban đầu để tìm kiếm những cụm từ quan trọng được chôn giấu ở giữa các đoạn văn——

. . . Gützlaff's blockade might work . . . would only take thirteen warships, though the question is the time and expense . . . Simple show of force . . . Lindsay wants to embarrass them with a diplomatic withdrawal, but surely this endangers the sole customs agents left behind . . . bring them to the edge and they will back down . . . can't be hard to decimate a fleet run by sailors who don't even know what steamers are . . .

Robin thở ra chậm rãi rồi ngồi tựa lưng vào ghế.

Hai điều rõ ràng. Thứ nhất, không có gì mơ hồ về bản chất của những tài liệu này. Một bức thư của Mục sư Gützlaff từ bốn tháng trước có chứa bản phác thảo chi tiết các bến tàu chính của Quảng Châu. Mặt sau là danh sách tất cả các tàu được biết đến trong hải quân Trung Quốc. Đây không phải là những giả thuyết về chính sách Trung Quốc của Anh. Đây là kế hoạch chiến tranh. Những bức thư này bao gồm các báo cáo kỹ lưỡng về hệ thống phòng thủ ven biển của nhà Thanh, chi tiết về số lượng thuyền mành bảo vệ các trạm hải quân, số lượng và vị trí của các pháo đài trên các đảo xung quanh, và thậm chí cả số lượng chính xác quân đội đóng tại mỗi nơi.

Thứ hai, giọng của Giáo sư Lovell nổi lên như một trong những giọng điệu hiếu chiến nhất trong số những người đối thoại với ông. Ban đầu, Robin đã nuôi một hy vọng ngớ ngẩn, vô căn cứ rằng có lẽ cuộc chiến này không phải là ý tưởng của Giáo sư Lovell, và có lẽ ông đã thúc giục họ dừng lại. Nhưng Giáo sư Lovell lại rất thẳng thắn, không chỉ về nhiều lợi ích của một cuộc chiến như vậy (bao gồm cả nguồn tài nguyên ngôn ngữ khổng lồ mà sau này ông sẽ có được), mà còn về sự dễ dàng mà 'người Trung Quốc, uể oải và lười biếng, với một đội quân không

có lấy một chút dũng cảm hay kỷ luật, có thể bị đánh bại'. Cha cô không chỉ đơn thuần là một học giả bị cuốn vào cuộc chiến thương mại. Ông đã tham gia vào việc hoạch định chúng. Một bức thư chưa gửi, được viết bằng nét chữ nhỏ nhắn, gọn gàng của Giáo sư Lovell và gửi cho Lãnh chúa Palmerston, có đoạn:

The Chinese fleet consists of outdated junks whose cannons are too small to aim effectively. The Chinese have only one ship worthy of combat against our fleet, the merchantman the Cambridge, purchased from the Americans, but they have no sailors that can handle her. Our agents report she sits idle in the bay. We will make short work of her with the Nemesis.

Tim Robin đập thình thịch. Anh cảm thấy bị thôi thúc phải khám phá tất cả mọi thứ, phải xác định toàn bộ quy mô của âm mưu này. Anh điên cuồng đọc hết chồng thư; khi hết thư, anh lại lôi ra một chồng thư từ khác từ ngăn kéo bên trái. Nội dung cũng tương tự. Sự cần thiết của chiến tranh chưa bao giờ bị đặt dấu hỏi, chỉ có thời điểm, và khó khăn trong việc thuyết phục Quốc hội hành động. Nhưng một số bức thư này có niên đại từ năm 1837. Làm sao mà Jardine, Matheson và Lovell biết được các cuộc đàm phán ở Quảng Châu sẽ bùng nổ thành chiến sự hơn hai năm trước?

Nhưng điều đó là hiển nhiên. Họ đã biết vì đây là ý định của họ ngay từ đầu.Chúng muốn chiến sự bởi chúng muốn bạc, và nếu không có sự thay đổi thần kỳ nào trong tâm trí Hoàng đế nhà Thanh, cách duy nhất để có được điều đó là chĩa súng vào Trung Quốc. Chúng đã lên kế hoạch chiến tranh ngay cả trước khi nhổ neo. Chúng chưa bao giờ có ý định đàm phán với欽 sai Lâm Tắc Từ một cách thiện chí. Những cuộc đàm phán đó chỉ là cái cớ cho chiến sự. Bọn chúng đã tài trợ cho chuyến đi của Giáo sư Lovell đến Quảng Châu như một cuộc thám hiểm cuối cùng trước khi chúng trình dự luật lên Quốc hội. Bọn chúng dựa vào Giáo sư Lovell để giúp chúng giành chiến thắng trong một cuộc chiến ngắn ngủi, tàn bạo và hiệu quả.

Chuyện gì sẽ xảy ra khi họ biết Giáo sư Lovell sẽ không bao giờ quay trở lại?

"Cái gì vậy?"

Robin ngước nhìn lên. Ramy đứng ở cửa, ngáp dài.

“Còn một tiếng nữa mới đến lượt cậu,” Robin nói.

“Không ngủ được. Với lại mấy ca trực này cũng vô nghĩa, có ma nào đến tìm mình đêm nay đâu.” Ramy tiến lại chỗ Robin, phía sau bàn của Giáo sư Lovell. “Đang lục lọi gì đấy à?”

‘Nhìn này.’ Robin gõ vào mấy chữ cái. ‘Đọc đi.’

Ramy nhặt lá thư trên cùng, liếc qua, rồi ngồi xuống đối diện Robin để xem kỹ phần còn lại. "Trời đất ơi."

“Chúng là kế hoạch chiến tranh,” Robin nói. “Mọi người đều tham gia, tất cả những ai chúng ta gặp ở Quảng Châu – nhìn này, đây là thư của Mục sư Morrison và Gützlaff – họ đã lợi dụng vỏ bọc nhà truyền giáo để do thám quân đội nhà Thanh. Gützlaff thậm chí còn hối lộ người cung cấp thông tin để khai thác chi tiết về việc triển khai quân đội Trung Quốc, những thương nhân Trung Quốc có ảnh hưởng nào chống lại người Anh, và cả những tiệm cầm đồ nào là nơi tốt để cướp bóc.”

“Gützlaff hả?” Ramy khịt mũi. “Thật á? Tôi không ngờ cái gã Đức đó lại làm được.”

"Cũng có cả những cuốn sách nhỏ để lôi kéo sự ủng hộ của công chúng cho cuộc chiến - xem này, ở đây Matheson gọi người Trung Quốc là "một dân tộc được đặc trưng bởi mức độ khờ khạo, tham lam, tự phụ và ngoan cố đến kinh ngạc". Và ở đây, một người tên Goddard viết rằng việc triển khai tàu chiến sẽ là một "chuyến thăm yên bình và sáng suốt". Thử tưởng tượng mà

xem."*A tranquil and judicious visit*Thật là một cách nói về một cuộc xâm lược bạo tàn.

“Không thể tin nổi.” Ramy đảo mắt lên xuống các tài liệu, lật ngày càng nhanh. “Khiến người ta phải tự hỏi tại sao họ lại cử chúng ta đến ngay từ đầu.”

“Vì chúng vẫn cần một cái cớ,” Robin nói. Trời bắt đầu đổ mưa.Đặt ngay. Tất cả quá rõ ràng, đơn giản đến mức lố bịch khiến hắn muốn tự đá mình vì đã không nhận ra sớm hơn. ‘Bởi vì chúng vẫn cần thứ gì đó để trình lên Quốc hội, chứng minh rằng cách duy nhất để đạt được điều chúng muốn là bằng vũ lực. Chúng muốn Baylis làm nhục Lin chứ không phải thỏa hiệp với hắn. Chúng muốn khiêu khích Lin để hắn tuyên chiến trước.’

Ramy khịt mũi. "Chỉ là chúng không ngờ Lâm lại cho nổ tung hết số thuốc phiện đó ở cảng."

“Không,” Robin nói. “Nhưng tôi cho rằng dù sao thì họ cũng đã có được chính nghĩa mà họ muốn rồi.”

"A, cậu đây rồi," Victoire nói.

Cả hai giật nảy mình.

“Ai đang canh cửa vậy?” Robin hỏi.

“Sẽ ổn thôi mà, ai lại đi đột nhập lúc ba giờ sáng chứ. Với cả Letty ngủ say như chết rồi.” Victoire băng qua phòng và nhìn xuống chồng thư. “Cái gì đây?”

Ramy ra hiệu cho cô ấy ngồi xuống. "Rồi cô sẽ thấy."

Giống như Ramy, Victoire bắt đầu đọc nhanh hơn khi cô nhận ra mình đang xem cái gì. "Ôi, Chúa ơi." Cô đưa tay lên chạm môi. "Vậy là anh nghĩ... vậy là họ chưa từng—"

“Phải,” Robin nói. “Tất cả chỉ là làm trò thôi. Chúng ta vốn chẳng được giao nhiệm vụ đàm phán hòa bình gì cả.”

Cô ấy lắc xấp giấy một cách bất lực. "Vậy thì chúng ta làm gì với cái này bây giờ?"

"Ý anh là sao?" Robin hỏi.

Cô nhìn anh với vẻ khó hiểu. "Đây là kế hoạch chiến tranh."

“Và chúng tôi là sinh viên,” anh ta đáp. “Cái gì*can*Chúng ta làm gì bây giờ?

Im lặng kéo dài.

“Ôi, Birdie.” Ramy thở dài. “Chúng ta đang làm cái quái gì ở đây vậy? Chúng ta nghĩ mình đang chạy về đâu chứ?”

Oxford là câu trả lời. Oxford, nơi mà tất cả bọn họ đã đồng ý, bởi vì khi họ bị mắc kẹt trên...*Hellas*Xác vị giáo sư của họ chìm dần xuống đáy đại dương phía sau lưng, lời hứa về một sự trở lại với cuộc sống bình thường và quen thuộc chính là thứ giúp họ giữ được bình tĩnh, một ảo tưởng chung về sự ổn định ngăn họ phát điên. Tất cả kế hoạch của họ luôn dừng lại ở việc họ đến Anh Quốc an toàn. Nhưng họ không thể cứ lảng tránh vấn đề mãi, không thể tiếp tục niềm tin mù quáng và lố bịch rằng chỉ cần quay lại Oxford thì mọi chuyện sẽ ổn.

Không thể quay đầu lại nữa. Tất cả bọn họ đều biết điều đó. Không còn giả vờ được nữa, không còn trốn tránh trong góc thế giới tưởng chừng an toàn của họ trong khiSự tàn bạo và bóc lột không thể tưởng tượng nổi vẫn tiếp diễn. Chỉ còn lại mạng lưới rộng lớn, đáng sợ của đế quốc thực dân, và những đòi hỏi chính đáng để chống lại nó.

“Rồi sao nữa?” Robin hỏi. “Chúng ta đi đâu?”

“À,” Victoire nói, “Hội Hermes.”

Nghe cô ấy nói ra thì mọi chuyện bỗng trở nên quá rõ ràng. Chỉ có Hermes mới biết phải làm gì với cái này. Hội Hermes, nơi mà Robin đã phản bội, nơi mà thậm chí có thể không muốn đón nhận họ trở lại, là tổ chức duy nhất mà họ từng gặp tuyên bố quan tâm đến vấn đề thuộc địa. Đây là một lối thoát, một cơ hội thứ hai hiếm hoi và không xứng đáng để sửa chữa những lựa chọn sai lầm - nếu họ có thể tìm thấy Hermes trước khi cảnh sát tìm thấy họ.

“Thế là chúng ta đồng ý rồi nhé?” Victoire liếc nhìn qua lại giữa hai người. “Oxford trước, rồi đến Hermes – và sau đó là bất cứ điều gì Hermes cần ở chúng ta, đúng không?”

“Phải,” Ramy nói chắc nịch.

“Không,” Robin nói. “Không, điên rồ quá. Mình phải tự thú, mình cần đến đồn cảnh sát ngay bây giờ—”

Ramy cười khẩy. "Chúng ta đã nói chuyện này rồi, hết lần này đến lần khác. Cậu tự nộp mình rồi sao? Quên chuyện Jardine và Matheson đang cố khơi mào chiến tranh à? Chuyện này lớn hơn chúng ta rồi, Birdie. Lớn hơn cả cậu nữa. Cậu có trách nhiệm mà."

“Nhưng vấn đề là ở đó,” Robin khăng khăng. “Nếu tôi tự thú, thì hai người sẽ đỡ bị chú ý. Nó sẽ gỡ tội buôn thuốc phiện ra khỏi vụ giết người, anh không hiểu sao? Nó sẽ giải thoát cho hai anh —”

“Dừng lại,” Victoire nói. “Chúng tôi sẽ không để cậu làm thế.”

“Dĩ nhiên là không rồi,” Ramy nói. “Hơn nữa, làm vậy thật ích kỷ – cậu không thể chọn cách dễ dàng nhất được.”

Sao lại như vậy được*easy*—’

“Cậu muốn làm điều đúng đắn,” Ramy nói, giọng đầy quả quyết. “Cậu lúc nào cũng vậy. Nhưng cậu nghĩ điều đúng đắn là sự hy sinh bản thân. Cậu nghĩ nếu cậu chịu đựng đủ cho bất cứ tội lỗi nào cậu đã gây ra, thì cậu sẽ được tha thứ.”

Tôi đồng ý.*not*—’

Đó là lý do tại sao đêm đó cậu lại chịu tội thay cho chúng tôi. Mỗi khi gặp khó khăn, cậu chỉ muốn nó biến mất, và cậu nghĩ cách làm điều đó là tự hành hạ bản thân. Cậu bị ám ảnh bởi sự trừng phạt. Nhưng mọi chuyện không hoạt động như vậy, Birdie. Cậu vào tù cũng chẳng giải quyết được gì. Cậu treo cổ cũng chẳng giải quyết được gì. Thế giới vẫn tan vỡ. Chiến tranh vẫn sắp xảy ra. Cách duy nhất để chuộc lỗi đúng đắn...là để ngăn chặn nó, điều mà bạn không muốn làm, bởi vì thực sự vấn đề ở đây là bạn đang sợ hãi.’

Robin nghĩ điều này thật vô cùng bất công. "Tôi chỉ cố gắng cứu cậu đêm đó thôi mà."

“Cậu đang cố gắng tự tha thứ cho mình,” Ramy nói, không hề cay nghiệt. “Nhưng tất cả những gì sự hy sinh mang lại chỉ là khiến cậu cảm thấy tốt hơn. Nó chẳng giúp ích gì cho những người còn lại, vậy nên rốt cuộc nó chỉ là một hành động vô nghĩa. Giờ thì, nếu cậu đã xong với màn tử vì đạo vĩ đại của mình rồi, tôi nghĩ chúng ta nên thảo luận…”

Giọng anh nhỏ dần. Victoire và Ramy nhìn theo ánh mắt anh tới cửa, nơi Letty đang đứng, hai tay ôm chặt trước ngực. Không ai trong số họ biết cô đã đứng đó bao lâu. Khuôn mặt cô tái nhợt, chỉ trừ hai vệt đỏ ửng cao trên gò má.

“Ồ,” Ramy nói. “Bọn tớ tưởng cậu ngủ rồi.”

Cổ họng Letty thắt lại. Cô trông như sắp òa khóc. "Hermes Society," cô hỏi bằng một giọng thì thầm run rẩy, "là gì?"

Nhưng tôi không hiểu.

Mười phút nay, Letty cứ lặp đi lặp lại điều này đều đặn. Bất kể họ giải thích thế nào – về sự cần thiết của Hội Hermes, và vô số lý do tại sao một tổ chức như vậy phải tồn tại trong bóng tối – cô vẫn lắc đầu, ánh mắt trống rỗng và không hiểu. Cô ấy dường như không phẫn nộ hay khó chịu mà là hoàn toàn hoang mang, cứ như thể họ đang cố gắng thuyết phục cô rằng bầu trời có màu xanh lá cây. "Tôi không hiểu. Chẳng phải các người đã rất hạnh phúc ở Babel sao?"

“Vui chứ?” Ramy nhắc lại. “Tôi đoán chưa ai từng hỏi cô xem da cô có bị kỳ bằng nước ép quả óc chó chưa nhỉ.”

“Ôi, Ramy, thật vậy sao?” Mắt cô mở to. “Nhưng tôi chưa bao giờ nghe nói… mà da cậu đẹp thế…”

‘Hoặc nói rằng cậu không được phép vào một cửa hàng, vì những lý do không rõ ràng,’ Ramy nói tiếp. ‘Hoặc họ đi vòng thật rộng trên vỉa hè khi gặp cậu như thể cậu đang bị bọ chét vậy.’

“Nhưng đó chỉ là đám người theo thuyết Oxford ngu ngốc và thiển cận thôi,” Letty nói, “điều đó không có nghĩa là—”

“Tôi biết cậu không hiểu,” Ramy nói. “Và tôi cũng chẳng mong cậu hiểu, đó không phải là số phận của cậu. Nhưng vấn đề không phải là chúng ta có hạnh phúc ở Babel hay không. Mà là lương tâm chúng ta mách bảo điều gì.”

“Nhưng Babel đã cho cậu tất cả mọi thứ.” Letty dường như không thể bỏ qua chuyện này. “Cậu có mọi thứ cậu muốn, cậu đã có…*privileges*—’

Chưa đủ để khiến chúng ta quên mình từ đâu đến.

‘Nhưng mà học bổng – ý tôi là, nếu không có mấy suất học bổng đó thì tất cả các em đã – tôi không hiểu nổi—’

“Cô nói rõ quá rồi còn gì,” Ramy gắt gỏng. “Cô đúng là một nàng công chúa nhỏ được cưng chiều phải không? Biệt thự to tướng ở Brighton, nghỉ hè ở Toulouse, bát đĩa sứ trên kệ và trà Assam trong tách? Làm sao cô hiểu được chứ? Người của cô gặt hái thành quả của Đế quốc. Còn chúng tôi thì không. Vậy nên im miệng đi, Letty, và nghe những gì chúng tôi đang cố nói với cô. Những gì họ đang làm với đất nước chúng tôi là không đúng.” Giọng anh ta trở nên to hơn, cứng rắn hơn. “Và thật không đúng khi tôi được đào tạo để sử dụng ngôn ngữ của mình vì lợi ích của họ, để dịch luật và văn bản nhằm tạo điều kiện cho sự cai trị của họ, trong khi người dân ở Ấn Độ, Trung Quốc, Haiti và khắp Đế quốc cũng như trên thế giới đang đói khát lả đi vì người Anh thà dát bạc lên mũ và đàn harpsichord của họ còn hơn là dùng vào việc gì đó có ích.”

Letty tiếp nhận điều này tốt hơn Robin tưởng. Cô ngồi im lặng một lúc, chớp chớp mắt, mắt mở to. Rồi lông mày cô nhíu lại, và cô hỏi, "Nhưng... nhưng nếu vấn đề là bất bình đẳng, thì sao anh không học đại học? Có đủ loại chương trình hỗ trợ, các nhóm truyền giáo. Có..."*philanthropy*... thì, anh biết đấy, tại sao mình không thể cứ đến thẳng chính quyền thực dân và—

“Hơi khó khi toàn bộ mục đích của học viện là duy trì Đế chế,” Victoire nói. “Babel không làm bất cứ điều gì mà bản thân nó không được hưởng lợi.”

“Nhưng điều đó không đúng,” Letty nói. “Họ luôn đóng góp cho từ thiện, cháu biết mà, Giáo sư Leblanc đang dẫn đầu nghiên cứu về hệ thống cấp nước của Luân Đôn để nhà ở ổ chuột không còn bệnh tật nữa, và có rất nhiều hội nhân đạo trên toàn cầu—”*

“Anh có biết Babel bán hàng rào cho bọn buôn nô lệ không?” Victoire chen ngang.

Letty chớp mắt nhìn cô ấy. "Gì cơ?"

‘*Capitale*, Victoire nói. Tiếng Latinh*capitale*, bắt nguồn từ*caput*, trở thành tiếng Pháp cổ*chatel*, mà trong tiếng Anh trở thành*chattel*Vật nuôi và tài sản trở thành của cải. Họ viết điều đó lên song sắt, kết nối nó với từ*cattle*, và rồi họ gắn những thanh sắt đó vào xích sắt để nô lệ không thể trốn thoát. Anh biết làm thế nào không? Nó khiến họ ngoan ngoãn. Như súc vật vậy.’

“Nhưng mà…” Letty chớp mắt liên hồi, như thể đang cố gắng gạt bỏ hạt bụi ra khỏi mắt. “Nhưng mà, Victoire yêu quý, nạn buôn bán nô lệ đã bị bãi bỏ vào năm 1807 rồi.”*

‘Và anh nghĩ chúng cứ thế mà dừng lại à?’ Victoire bật ra một âm thanh nửa cười nửa nấc. ‘Anh không nghĩ là chúng ta bán song sắt cho Mỹ ư? Anh nghĩ các nhà sản xuất Anh Quốc không còn kiếm lời từ cùm và xích nữa sao? Anh không nghĩ rằng vẫn có những kẻ nuôi nô lệ ở Anh, chỉ là chúng giỏi che giấu hơn thôi à?’

Nhưng các học giả Babel thì sẽ không…

“Chính xác là kiểu mà mấy học giả Babel làm,” Victoire nói một cách cay độc. “Tôi biết rõ mà. Đó là cái mà ông thầy hướng dẫn của chúng tôi đang nghiên cứu. Mỗi lần tôi gặp Leblanc, hắn lại chuyển chủ đề sang mấy cái vòng nô lệ quý báu của hắn. Hắn nói hắn nghĩ tôi có thể có cái nhìn đặc biệt. Thậm chí hắn còn hỏi tôi có muốn đeo thử chúng không. Hắn nói hắn muốn chắc chắn rằng nó có tác dụng với người da đen.”

Sao anh không nói với em?

“Letty, chị đã cố gắng rồi.” Giọng Victoire nghẹn lại. Ánh mắt chị chứa đựng nỗi đau xót.Và điều đó khiến Robin vô cùng xấu hổ, vì chỉ đến lúc này cậu mới nhận ra khuôn mẫu tàn nhẫn trong tình bạn của họ. Robin luôn có Ramy. Nhưng cuối cùng, khi họ chia tay, Victoire chỉ còn Letty, người luôn miệng nói yêu cô, hoàn toàn mê đắm cô, nhưng lại chẳng nghe thấy bất cứ điều gì

cô nói nếu nó không phù hợp với cách nhìn nhận thế giới của cô ta.

Còn anh và Ramy thì sao? Họ lảng tránh, giả vờ không để ý, thầm mong hai cô gái kia thôi cãi cọ và bỏ qua chuyện này. Thỉnh thoảng Ramy lại đá xoáy Letty, nhưng chỉ để thỏa mãn bản thân. Chưa bao giờ họ dừng lại để nghĩ xem Victoire đã cảm thấy cô đơn đến mức nào trong suốt thời gian qua.

“Cậu không quan tâm,” Victoire nói tiếp. “Letty, cậu thậm chí còn chẳng quan tâm bà chủ nhà không cho tớ dùng nhà tắm trong nhà—”

"Cái gì? Vớ vẩn, tôi đã phải nhận ra chứ—"

“Không,” Victoire nói. “Cậu chưa từng. Cậu chưa bao giờ làm thế, Letty, và đó mới là vấn đề. Và bây giờ bọn tớ đang yêu cầu cậu, làm ơn, cuối cùng thì,*hear*Điều chúng tôi đang cố nói với bạn. Xin hãy tin chúng tôi.

Letty, Robin nghĩ, sắp đến giới hạn chịu đựng rồi. Cô ấy sắp cạn lý lẽ. Cô ấy trông như một con chó bị dồn vào chân tường. Nhưng đôi mắt cô ấy đảo quanh, tuyệt vọng tìm kiếm lối thoát. Cô ấy sẽ bám víu vào bất kỳ lời bào chữa mỏng manh nào, chấp nhận bất kỳ logic quanh co nào trước khi từ bỏ ảo tưởng của mình.

Anh biết, bởi vì cách đây không lâu, anh cũng đã làm như vậy.

"Vậy là có chiến tranh," cô ấy nói sau một lúc im lặng. "Anh hoàn toàn chắc chắn là sẽ có chiến tranh."

Robin thở dài. "Vâng, Letty."

Và chắc chắn là do Babel gây ra.

"Anh/Chị có thể tự đọc thư."

"Và Hội Hermes – Hội Hermes sẽ làm gì về chuyện này?"

“Chúng tôi không biết,” Robin nói. “Nhưng họ là những người duy nhất…”*can*Làm gì đó đi chứ. Chúng ta sẽ mang những tài liệu này cho họ, chúng ta sẽ nói với họ tất cả những gì chúng ta biết—

“Nhưng tại sao?” Letty nài nỉ. “Tại sao lại lôi họ vào? Chúng ta nên tự mình làm việc này. Chúng ta nên làm tờ rơi, chúng ta nên đến Quốc hội – có cả ngàn lựa chọn khác thay vì thông qua một... một đám trộm cắp bí mật nào đó. Mức độ thông đồng, tham nhũng này – nếu công chúng biết được, họ chắc chắn sẽ không ủng hộ đâu. Nhưng hoạt động ngầm, ăn cắp từ trường đại học – điều đó chỉ gây hạiĐúng là vì lý do của anh mà, phải không? Sao anh không công khai luôn đi?

Họ im lặng một lúc, ai nấy đều tự hỏi không biết ai sẽ là người nói với Letty trước.

Victoire gánh vác nhiệm vụ. "Tôi tự hỏi," cô nói rất chậm, "liệu ông đã bao giờ đọc bất kỳ tài liệu nào về phong trào bãi nô được xuất bản trước khi Quốc hội cuối cùng đặt ngoài vòng pháp luật chế độ nô lệ chưa."

Letty cau mày. "Tôi không hiểu làm thế nào..."

“Giáo hữu Hội Quaker đã trình bản kiến nghị chống chế độ nô lệ đầu tiên lên Quốc hội vào năm 1783,” Victoire nói. “Equiano đã xuất bản hồi ký của mình vào năm 1789. Hãy cộng thêm vào đó vô số câu chuyện về nô lệ mà những người theo chủ nghĩa bãi nô đã kể cho công chúng Anh - những câu chuyện về những hình thức tra tấn tàn ác và kinh khủng nhất mà con người có thể gây ra cho đồng loại. Bởi vì chỉ riêng việc người da đen bị tước đoạt tự do là chưa đủ. Họ cần phải thấy được sự tàn bạo của nó. Và ngay cả khi đó, họ vẫn mất hàng thập kỷ để cuối cùng đặt ngoài vòng pháp luật việc buôn bán nô lệ. Và đó…”*slavery*So với chuyện đó, một cuộc chiến ở Quảng Châu vì quyền thương mại

chẳng là gì cả. Nó không hề lãng mạn. Không có tiểu thuyết gia nào viết nên những câu chuyện bi tráng về ảnh hưởng của thuốc phiện đối với các gia đình Trung Quốc. Nếu Quốc hội bỏ phiếu buộc mở cửa các cảng của Quảng Châu, thì nó sẽ giống như tự do thương mại đang hoạt động đúng như nó phải thế. Vậy nên đừng nói với tôi rằng công chúng Anh, nếu họ biết, sẽ làm gì cả.

“Nhưng đây là chiến tranh,” Letty nói. “Chắc chắn nó khác, chắc chắn nó sẽ gây phẫn nộ—”

“Cái mà cô không hiểu,” Ramy nói, “là người ta, kiểu như cô, sẵn sàng bỏ qua bao nhiêu thứ, chỉ cần họ có trà và cà phê trên bàn ăn sáng. Họ không quan tâm đâu, Letty. Họ chẳng quan tâm.”

Letty im lặng hồi lâu. Trông cô thật đáng thương, đau khổ và yếu ớt, như vừa nhận được tin buồn trong gia đình. Cô thở dài run rẩy và lần lượt nhìn từng người trong số họ. "Giờ thì tôi hiểu tại sao mọi người không bao giờ nói với tôi."

“Ôi, Letty.” Victoire ngập ngừng, rồi đưa tay đặt lên vai Letty. “Không phải như vậy đâu.”

Nhưng cô dừng lại ở đó. Rõ ràng Victoire không thể nghĩ ra điều gì khác để trấn an hơn. Chẳng còn gì để nói nữa, ngoại trừ sự thật, đó là tất nhiên họ sẽ không tin cô. Rằng cho dù bao nhiêu năm tháng gắn bó, bao nhiêu lời tuyên bố về tình bạn vĩnh cửu, họ cũng không có cách nào biết được cô sẽ đứng về phía nào.

“Chúng cháu đã quyết định rồi,” Victoire nói nhẹ nhàng nhưng kiên quyết. “Chúng cháu sẽ mang chuyện này đến Hermes ngay khi đến Oxford. Và chú đừng…”phải đi với chúng tôi – chúng tôi không thể ép buộc bạn mạo hiểm như vậy; chúng tôi biết bạn đã chịu đựng quá nhiều rồi. Nhưng nếu bạn không đi cùng, thì ít nhất chúng tôi cũng mong bạn giữ bí mật cho chúng tôi.

“Ý anh là sao?” Letty kêu lên. “Dĩ nhiên là tôi về phe các anh rồi. Các anh là bạn tôi, tôi sẽ luôn sát cánh cùng các anh.”

Rồi bà ta ôm chầm lấy Victoire và bắt đầu khóc nức nở. Victoire cứng người, vẻ mặt hoang mang, nhưng lát sau cô cũng đưa tay lên và dè dặt ôm lại Letty.

“Xin lỗi.” Letty thút thít giữa những tiếng nấc. “Xin lỗi, tôi xin lỗi quá…”

Ramy và Robin quan sát, không chắc phải hiểu chuyện này thế nào. Nếu là người khác, hành động này hẳn sẽ rất kịch, thậm chí là lố bịch, nhưng với Letty, họ biết đó không phải là trò hề. Letty không thể khóc theo mệnh lệnh; cô ấy thậm chí còn không thể giả vờ những cảm xúc cơ bản nhất. Cô ấy quá cứng nhắc, quá trong sáng; họ biết cô ấy không thể diễn xuất theo bất kỳ cách nào khác ngoài cảm xúc thật của mình. Vì vậy, việc thấy cô ấy suy sụp như thế này thật sự có tác dụng giải tỏa, khi biết rằng cuối cùng cô ấy cũng hiểu cảm giác của mọi người. Thấy rằng cô ấy vẫn là đồng minh của họ thật nhẹ nhõm.

Vẫn có gì đó không đúng, và Robin có thể thấy từ nét mặt của Victoire và Ramy rằng họ cũng nghĩ vậy. Phải mất một lúc anh mới nhận ra điều gì khiến anh thấy khó chịu, và khi anh nhận ra, nó sẽ ám ảnh anh mãi về sau; đó dường như là một nghịch lý lớn, việc sau tất cả những gì họ đã kể với Letty, tất cả những nỗi đau họ đã chia sẻ, cô ấy lại là người cần được an ủi.

Chapter Twenty-One

O ye spires of Oxford! Domes and towers!

Gardens and groves! Your presence overpowers

The soberness of reason

TâyILLIAMTâyORDSWORTHOxford, ngày 30 tháng 5 năm 1820

TSự trở về Oxford của họ sáng hôm sau nhanh chóng biến thành một chuỗi sai lầm dở khóc dở cười, mà phần lớn có thể tránh được nếu họ không quá mệt mỏi, đói bụng hoặc cáu kỉnh lẫn nhau đến mức không thể giao tiếp. Tiền của họ đang cạn dần, vì vậy họ đã tranh cãi cả tiếng đồng hồ về việc liệu có nên mượn xe ngựa của bà Clemens để đến ga Paddington hay không, cho đến khi họ bỏ cuộc và chịu trả tiền taxi. Nhưng taxi ở Hampstead rất khó kiếm vào sáng Chủ nhật, có nghĩa là họ đến ga muộn mười phút sau khi tàu đến Oxford đã khởi hành. Chuyến tàu tiếp theo đã kín chỗ, và chuyến sau đó nữa lại bị trì hoãn bởi một con bò đi lạc vào đường ray, đồng nghĩa với việc họ sẽ không đến Oxford cho đến sau nửa đêm.

Cả ngày, phí hoài.

Họ giết thời gian ở London, rong ruổi hết quán cà phê này đến quán cà phê khác để tránh bị nghi ngờ, càng lúc càng bồn chồn và hoang tưởng vì lượng cà phê và bánh ngọt vô lý mà họ phải mua để giữ chỗ. Thỉnh thoảng, một trong số họ lại nhắc đến Giáo sư Lovell, hay Hermes, nhưng lập tức bị những người khác ra hiệu im lặng; họ không biết ai có thể đang nghe lén, và cả London dường như đầy rẫy những kẻ nghe trộm đầy địch ý. Bị bắt im lặng thật khó chịu, nhưng chẳng ai còn tâm trạng để nói chuyện phiếm, và kết quả là tất cả đều im lặng cho đến khi họ lôi vali lên chuyến tàu đêm đông đúc.

Họ trải qua chuyến đi trong im lặng đầy oán giận. Cách ga Oxford mười phút, Letty đột nhiên ngồi bật dậy và bắt đầu thở gấp.

“Ôi Chúa ơi,” cô thì thầm. “Ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi—”

Cô ấy đang thu hút mọi ánh nhìn. Letty nắm lấy vai Ramy như cầu xin sự an ủi, nhưng Ramy, thiếu kiên nhẫn, giật mạnh tay ra khỏi tay cô. "Letty,*shut up*.

Thật tàn nhẫn, nhưng Robin cũng thấy thông cảm. Letty cũng đang làm anh mệt mỏi; cô ta đã gần như phát cuồng cả ngày, và anh chán ngấy rồi. Thần kinh của tất cả bọn họ đều căng như dây đàn, anh nghĩ một cách khó chịu, và Letty nên bình tĩnh lại và giữ vững tinh thần như những người còn lại.

Sững sờ, Letty im bặt.

Cuối cùng, chuyến tàu của họ cũng rít lên dừng lại ở ga Oxford. Ngáp dài và run rẩy, họ kéo lê những chiếc rương nặng nề trên những viên đá cuội gập ghềnh suốt hai mươi phút để đi bộ về trường – các cô gái sẽ đến nhà gác cổng trước để gọi taxi, họ đã quyết định như vậy; trời quá tối để đi bộ một mình lên phía bắc xa như thế. Cuối cùng, mặt tiền bằng đá uy nghiêm của trường Đại học University cũng hiện ra từ bóng tối, và Robin cảm thấy một nỗi nhớ nhói lên khi nhìn thấy nơi huyền diệu và nhuốm màu u ám này, bất chấp tất cả, vẫn mang lại cảm giác như ở nhà.

“Ê này!” Là Billings, ông quản lý khuân vác, tay đung đưa chiếc đèn lồng trước mặt. Ông ta nhìn họ từ đầu đến chân, rồi khi nhận ra, nở một nụ cười tươi rói. “Cuối cùng cũng từ phương Đông trở về rồi hả?”

Robin tự hỏi trông họ dưới ánh đèn thế nào – hoảng loạn, tả tơi, mồ hôi nhễ nhại trong bộ quần áo của ngày hôm qua. Vẻ mệt mỏi của họ chắc hẳn đã quá rõ ràng, vì nét mặt Billings chuyển

sang thương hại. "Ôi, mấy đứa tội nghiệp." Ông ta quay lại và vẫy tay ra hiệu cho họ đi theo. "Đi theo tôi."

Mười lăm phút sau, họ ngồi quây quanh bàn trong phòng khách, chụm đầu bên những tách trà đen đậm đặc trong khi Billings tất bật dưới bếp. Họ đã phản đối rằng không muốn làm phiền ông, nhưng ông cứ khăng khăng muốn nấu cho họ một bữa sáng thịnh soạn. Chẳng mấy chốc, ông xuất hiện với những đĩa trứng, xúc xích, khoai tây và bánh mì nướng nóng hổi.

“Thêm chút gì đó cho phấn chấn.” Billings đặt bốn cốc xuống trước mặt họ. “Chỉ chút rượu brandy pha nước thôi. Các cậu không phải là những Kẻ-Lảm-Nhảm đầu tiên tôi thấy trở về từ nước ngoài. Cái này luôn luôn hiệu nghiệm.”

Mùi thức ăn nhắc họ nhớ rằng họ đang đói cồn cào. Họ lao vào mâm cơm như bầy sói, nhai ngấu nghiến trong im lặng điên cuồng khi Billings ngồi nhìn họ, vẻ thích thú.

“Vậy,” anh ta nói, “kể tôi nghe về chuyến đi thú vị này nào, hử? Quảng Châu và Mauritius, phải không? Họ có cho cậu ăn gì lạ không? Có xem được nghi lễ địa phương nào không?”

Họ liếc nhìn nhau, không biết nói gì. Letty bắt đầu khóc.

“Thôi nào.” Billings đẩy cốc rượu brandy lại gần cô hơn. “Chắc cũng không đến nỗi tệ thế đâu.”

Letty lắc đầu. Cô cắn môi, nhưng một tiếng rên rỉ bật ra. Nó không chỉ là một tiếng sụt sịt mà là một cơn khóc dữ dội, rung chuyển cả người. Cô áp hai tay lên mặt, khóc nức nở, vai run lên, những lời nói không mạch lạc lọt qua kẽ tay.

“Cô ấy nhớ nhà,” Victoire nói yếu ớt. “Cô ấy, à, nhớ nhà lắm.”

Billings đưa tay vỗ nhẹ vai Letty. "Mọi chuyện ổn rồi, con. Con đã về nhà, con an toàn rồi."

Anh ta ra ngoài gọi tài xế dậy. Mười phút sau, một chiếc taxi dừng lại trước sảnh, và các cô gái lên xe đi về chỗ ở của họ. Robin và Ramy kéo vali xuống Magpie Lane và chào nhau. Robin cảm thấy một thoáng lo âu khi Ramy biến mất sau cánh cửa phòng - anh đã quen với sự hiện diện của Ramy trong suốt những đêm trên tàu, và anh sợ hãi khi phải ở một mình lần đầu tiên sau nhiều tuần, không có giọng nói nào khác xua đi bóng tối.

Nhưng khi anh khép cửa lại sau lưng, anh ngạc nhiên vì mọi thứ vẫn bình thường đến thế. Bàn làm việc, giường và giá sách của anh vẫn y nguyên như lúc anh rời đi. Chẳng có gì thay đổi trong lúc anh vắng mặt. Bản dịch của...*Shanhaijing*Bản thảo anh đang viết dở cho Giáo sư Chakravarti vẫn nằm trên bàn, dang dở giữa chừng một câu. Hẳn là trinh sát mới ghé qua đây gần đây, bởi vì chẳng thấy một hạt bụi nào. Ngồi xuống tấm nệm sần sùi, hít hà mùi quen thuộc dễ chịu của sách cũ và nấm mốc, Robin cảm thấy nếu cứ nằm xuống nhắm mắt lại, sáng mai anh có thể thức dậy và đến lớp như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Anh choàng tỉnh dậy, thấy Ramy đang lù lù trước mặt. “Chúa ơi.” Anh ngồi bật dậy, thở hổn hển. “Đừng làm thế.”

‘Cậu thật sự nên bắt đầu khóa cửa đi.’ Ramy đưa cho anh ta một cái cốc. ‘Bây giờ chúng ta – cậu biết đấy. Trà nhé?’

“Cảm ơn.” Anh nâng tách trà bằng cả hai tay và nhấp một ngụm. Đó là loại trà Assam ưa thích của họ, đậm đà, nồng nàn và mạnh mẽ. Chỉ trong khoảnh khắc hạnh phúc ấy, ánh nắng chiếu xuyên qua cửa sổ và tiếng chim hót...Tiếng chim ríu rít bên ngoài, mọi chuyện xảy ra ở Quảng Châu dường như chỉ là một cơn ác mộng khủng khiếp trước khi ký ức lạnh lẽo, quặn thắt tràn về. Anh thở dài. "Chuyện gì đang xảy ra vậy?"

"Mấy đứa nhỏ tới rồi," Ramy nói. "Dậy thôi."

Ở đây á?

Ở phòng khách nhà tôi. Lại đây.

Robin rửa mặt và thay đồ. Bên kia hành lang, Victoire và Letty ngồi chễm chệ trên ghế sofa của Ramy trong khi Ramy chuyền trà, một túi vải bố đựng bánh nướng và một hũ nhỏ kem đông. "Tôi đoán là không ai muốn xuống nhà ăn, vậy nên đây là bữa sáng."

“Ngon thật đấy,” Victoire nói, vẻ mặt ngạc nhiên. “Ở đâu…”

“Cửa hàng bánh ngọt, ngay trước giờ mở cửa. Lúc nào họ cũng bán bánh nướng của hôm qua với giá rẻ bèo.” Ramy không có dao, nên cậu ấy cạo bánh nướng thẳng vào kem. “Ngon phải không?”

Robin ngồi xuống đối diện hai cô gái. "Hai em ngủ ngon chứ?"

"Mọi sự đều ổn, suy cho cùng," Letty nói. "Cảm giác thật lạ khi quay lại."

“Quá thoải mái,” Victoire đồng tình. “Cứ như thể thế giới phải khác đi rồi, nhưng mà… lại không.”

Robin cũng cảm thấy như vậy. Trở về với những tiện nghi quen thuộc, ngồi trên ghế sofa của Ramy, nhâm nhi trà yêu thích cùng bánh nướng xốp mua từ quán cà phê ruột, tất cả dường như thật sai trái. Hoàn cảnh của họ chẳng hề tương xứng với mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Mà đúng ra, với tình hình này, thế giới phải đang bùng cháy mới phải.

“Này, nghe đây.” Ramy ngồi xuống cạnh Robin. “Chúng ta không thể cứ ngồi chờ được. Mỗi giây trôi qua là một giây chúng ta chưa bị tống giam, vì vậy phải tận dụng. Chúng ta phải tìm Hermes. Birdie, cậu liên lạc với Griffin bằng cách nào?”

“Tôi không thể,” Robin nói. “Griffin rất cương quyết về chuyện đó. Anh ta biết cách tìm tôi, nhưng tôi lại chẳng có cách nào liên

lạc với anh ta. Nó luôn luôn như vậy."

"Anthony cũng vậy," Victoire nói. "Mặc dù – anh ấy đã chỉ cho chúng tôi vài điểm nhận hàng, những nơi chúng tôi để đồ cho anh ấy. Giả sử chúng ta đến đó và để lại tin nhắn—"

"Nhưng mà anh ta có thường xuyên kiểm tra không?" Letty hỏi. "Liệu anh ta có kiểm tra nếu không mong đợi gì không?"

"Tôi không biết," Victoire nói, bực bội. "Nhưng đó là lựa chọn duy nhất của chúng ta."

"Tớ nghĩ chắc chắn chúng sẽ để ý đến bọn mình," Robin nói. "Sau chuyện xảy ra cái đêm bọn mình bị tóm – ý tớ là, có quá nhiều thứ chưa được giải quyết, và giờ bọn mình đã quay lại hết rồi nên tớ đoán chúng sẽ muốn liên lạc."

Anh có thể thấy rõ từ nét mặt họ rằng điều này chẳng an ủi được gì. Hermes đỏng đảnh, khó đoán. Hắn có thể gõ cửa ngay trong giờ tới, hoặc cũng có thể im hơi lặng tiếng đến sáu tháng.

"Mà này, chúng ta còn bao nhiêu thời gian nữa?" Ramy hỏi sau một lúc im lặng. "Ý tôi là, bao lâu nữa thì chúng mới nhận ra lão Richard thân yêu sẽ không quay lại?"

Không ai trong số họ có thể biết chắc chắn. Kỳ học vẫn chưa bắt đầu cho đến tận tuần sau, khi đó việc Giáo sư Lovell không quay lại giảng dạy sẽ rất đáng ngờ. Nhưng giả sử các giáo sư khác đã mong đợi tất cả bọn họ trở về sớm hơn thì sao?

"Vậy, ai thường xuyên liên lạc với cậu ta?" Letty hỏi. "Dĩ nhiên là chúng ta sẽ phải bịa ra một câu chuyện nào đó để nói với khoa…"

"Còn bà Piper nữa," Robin nói. "Quản gia của anh ấy ở Jericho - bà ấy sẽ tự hỏi anh ấy đang ở đâu, tôi cũng phải đến gặp bà ấy."

“Tớ có ý này,” Victoire nói. “Chúng ta có thể đến văn phòng của ông ấy và xem qua thư từ, xem có cuộc hẹn nào ông ấy cần phải giữ không – hoặc thậm chí giả mạo một vài câu trả lời nếu việc đó giúp chúng ta câu giờ được một chút.”

“Để nói rõ nhé,” Letty nói, “anh nghĩ chúng ta nên đột nhập vào văn phòng của cái người mà chúng ta đã che giấu vụ giết anh ta, rồi lục lọi đồ đạc của hắn, trong khi hi vọng không ai bắt được chúng ta à?”

“Giờ là lúc phải làm thôi,” Victoire chỉ ra. “Trong khi chưa ai biết việc mình làm.”

“Sao anh biết là họ chưa làm thế rồi?” Giọng Letty cao vút. “Sao anh biết được là chúng ta sẽ không bị còng tay ngay khi vừa bước chân vào tòa tháp?”

“Chúa ơi,” Robin lẩm bẩm. Bỗng dưng, việc họ đang có cuộc trò chuyện này, việc họ đang ở Oxford, tất cả đều trở nên thật lố bịch. “Tại sao*did*Chúng ta quay lại chứ?

“Chúng ta nên đến Calcutta,” Ramy đột ngột tuyên bố. “Thôi nào, hãy trốn đến Liverpool, chúng ta có thể đặt vé tàu từ đó—”

Mũi Letty nhăn lại. 'Sao lại là Calcutta?'

"Ở đó an toàn, bố mẹ tớ có thể che chở cho chúng mình, trên gác mái cũng có chỗ—"

Tôi không định sống nốt quãng đời còn lại trốn chui trốn nhủi trên gác xép nhà bố mẹ anh!

Nó sẽ chỉ là*temporary*—’

“Mọi người bình tĩnh nào.” Victoire rất hiếm khi lên giọng, nên lời nói của cô lập tức khiến mọi người im bặt. “Nó giống như – giống như một bài tập về nhà, mọi người hiểu chứ? Chúng ta chỉ

cần một kế hoạch. Chúng ta chỉ cần chia nhỏ việc này ra thành từng phần,Xử lý xong chúng, rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi.' Cô giơ hai ngón tay lên. 'Bây giờ, có vẻ như chúng ta cần làm hai việc. Nhiệm vụ một: liên lạc với Hội Hermes. Nhiệm vụ hai: thu thập càng nhiều thông tin càng tốt để khi liên hệ được với Hermes, họ có thể làm gì đó với chúng.'

"Em quên nhiệm vụ thứ ba rồi," Letty nói. "Đừng để bị bắt đấy."

Chuyện đó khỏi phải nói.

"Chúng ta lộ liễu đến mức nào?" Ramy hỏi. "Ý tôi là, nếu anh nghĩ kỹ thì chúng ta còn an toàn hơn ở đây so với trên tàu. Xác chết đâu có nói được, và hắn cũng sẽ không trôi dạt vào đâu cả. Tôi thấy nếu tất cả chúng ta đều im lặng, thì chúng ta sẽ ổn thôi, đúng không?"

"Nhưng rồi họ sẽ bắt đầu hỏi han," Letty nói. "Ý em là, rõ ràng rồi, đến một lúc nào đó, sẽ có người nhận ra Giáo sư Lovell không trả lời bất kỳ lá thư nào."

"Vậy nên chúng ta cứ nói với họ như vậy," Victoire nói. "Thầy ấy đang ở lì trong nhà, ốm rất nặng, đó là lý do thầy ấy không trả lời thư từ hay tiếp khách, và thầy ấy đã bảo chúng ta quay về mà không có thầy ấy. Đó là toàn bộ câu chuyện. Giữ cho nó đơn giản, đừng thêm thắt chi tiết. Nếu tất cả chúng ta đều kể cùng một câu chuyện, thì sẽ không ai nghi ngờ gì cả. Và nếu chúng ta có vẻ lo lắng, thì đó là vì chúng ta lo cho giáo sư đáng kính của mình. Được chứ?"

Không ai dám cãi lời cô. Tất cả đều chăm chú lắng nghe từng lời cô nói. Thế giới dường như ngừng quay cuồng; điều duy nhất quan trọng lúc này là Victoire sẽ nói gì tiếp theo.

Cô ấy nói tiếp. "Nhưng tôi nghĩ, chúng ta càng ngồi ì một chỗ – tức là càng hành xử thận trọng – thì trông càng đáng ngờ. Chúng ta không thể trốn tránh và lẩn khuất mãi được. Chúng ta

là sinh viên Babel. Chúng ta bận rộn. Chúng ta là sinh viên năm tư đang phát điên vì khối lượng công việc được giao. Chúng ta không cần phải giả vờ là mình không điên, vì sinh viên ở đây lúc nào cũng điên, nhưng chúng ta phải giả vờ là mình điên vì những lý do chính đáng."

Không hiểu sao, điều này lại hoàn toàn hợp lý.

Victoire chỉ tay vào Robin. "Cậu lo liệu chuyện bà quản gia xong thì đi lấy thư từ của Giáo sư Lovell. Ramy và tôi sẽ đến các điểm liên lạc của Anthony và để lại càng nhiều tin nhắn mã hóa càng tốt. Letty, cậu cứ sinh hoạt bình thường và tạo ấn tượng rằng mọi thứ đều ổn. Nếu ai hỏi về Canton, hãy bắt đầu lan truyền câu chuyện về bệnh tình của giáo sư. Tối nay tất cả chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây, và cầu Chúa đừng có chuyện gì xảy ra." Cô hít một hơi thật sâu.rồi nhìn quanh, gật đầu như thể đang cố tự thuyết phục bản thân. "Chúng ta sẽ vượt qua chuyện này, được chứ? Chúng ta không được mất bình tĩnh."

Nhưng điều này, Robin nghĩ, đã là một kết cục được báo trước rồi.

Từng người một, họ tản ra từ ngõ Ác Là. Robin đã hy vọng bà Piper sẽ không có nhà ở Jericho, rằng anh có thể chỉ cần để lại lời nhắn trong hộp thư, nhưng anh vừa gõ cửa thì bà đã mở tung cửa với nụ cười rạng rỡ. "Robin yêu quý!"

Cô ôm anh thật chặt. Người cô có mùi bánh mì ấm áp. Mũi Robin cay xè, nước mắt sắp trào ra. Anh buông cô ra và dụi mũi, cố làm như thể mình vừa hắt hơi.

"Trông anh gầy quá." Cô vỗ nhẹ lên má anh. "Họ không cho anh ăn ở Quảng Châu à? Hay anh hết thích đồ ăn Trung Quốc rồi?"

"Quảng Châu thì ổn," anh nói yếu ớt. "Chỉ có những chuyến đi biển là thức ăn khan hiếm."

‘Thật đáng xấu hổ cho họ. Các con chỉ là trẻ con thôi mà.’ Bà lùi lại một bước và nhìn quanh. ‘Vậy giáo sư cũng đã quay lại rồi sao?’

“Thực ra thì… cậu ấy sẽ không quay lại sớm được đâu.” Giọng Robin run run. Cậu hắng giọng rồi thử lại lần nữa. Cậu chưa bao giờ nói dối bà Piper, và cảm giác tệ hơn cậu tưởng rất nhiều. “Cậu ấy… ừm, cậu ấy bị ốm nặng trên đường về.”

Trời ơi, thật sao?

Và anh ấy cảm thấy không đủ sức cho chuyến trở về Oxford, lại còn lo lắng lây bệnh cho người khác nữa, nên anh ấy đang tự cách ly ở Hampstead.

“Một mình ư?” Bà Piper trông hoảng hốt. “Gã ngốc đó, đáng lẽ ra phải viết thư chứ. Tôi nên đi xuống đó tối nay, Chúa ơi, lão ta còn không biết tự pha trà nữa là…”

“Làm ơn đừng,” Robin buột miệng. “Ừm – ý tôi là, bệnh của anh ấy rất dễ lây. Nó lây lan qua không khí khi anh ấy ho hoặc nói chuyện. Chúng tôi thậm chí còn không thể ở chung khoang với anh ấy trên tàu. Anh ấy đang cố gắng gặp càng ít người càng tốt. Nhưng anh ấy đang được chăm sóc. Chúng tôi đã có một bác sĩ đến khám cho anh ấy—”

"Thằng nào? Smith hả? Hay Hastings?"

Anh cố nhớ tên vị bác sĩ đã đến chữa trị cho mình khi anh bị cúm hồi bé. "Ờm... Hastings phải không nhỉ?"

“Tốt,” bà Piper nói. “Tôi luôn nghĩ Smith là lang băm. Tôi bị sốt nặng cách đây vài năm, và ông ta chẩn đoán là chỉCuồng loạn. Cuồng loạn! Tôi thậm chí còn chẳng nuốt nổi chút nước canh, vậy mà hắn ta cứ nghĩ tôi giả vờ.

Robin hít một hơi thật sâu để lấy lại bình tĩnh. "Chắc chắn bác sĩ Hastings sẽ chăm sóc anh ấy thật tốt."

“Ồ, chắc chắn rồi, cuối tuần này cậu ấy sẽ quay lại đòi bánh nho khô của bà cho mà xem.” Bà Piper cười rộng. Rõ ràng là giả tạo; nụ cười không chạm đến mắt bà, nhưng dường như bà vẫn quyết tâm làm anh vui lên. “Thôi được rồi, ít nhất tôi có thể chăm sóc anh. Tôi làm bữa trưa cho anh nhé?”

“Ôi, không,” anh ta nói nhanh. “Tôi không thể ở lại, có… tôi phải đi báo cho các giáo sư khác. Họ vẫn chưa biết chuyện, cô hiểu chứ.”

Anh/Chị thậm chí không ở lại uống trà sao?

Anh khao khát được như vậy. Anh khao khát biết bao được ngồi vào bàn ăn của bà, nghe bà kể những câu chuyện lan man và cảm nhận, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, hơi ấm dễ chịu và sự bình yên của tuổi thơ. Nhưng anh biết mình sẽ không trụ nổi năm phút, chứ đừng nói đến khoảng thời gian cần thiết để rót, hãm và nhấp một tách trà Darjeeling. Nếu anh ở lại, nếu anh bước chân vào ngôi nhà đó, anh sẽ hoàn toàn sụp đổ.

“Robin?” Bà Piper nhìn kỹ mặt cậu, lo lắng. “Con yêu, trông con có vẻ buồn lắm.”

“Chỉ là—” Nước mắt làm nhòa tầm nhìn; cậu không thể kìm nén được nữa. Giọng cậu vỡ ra. “Chỉ là em sợ quá.”

“Ôi, trời ơi.” Cô vòng tay ôm lấy anh. Robin ôm lại cô, hai vai run lên vì những tiếng nấc nghẹn ngào. Lần đầu tiên anh nhận ra rằng có thể anh sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa – thật vậy, anh chưa từng nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra với cô khi người ta biết Giáo sư Lovell đã chết.

“Bà Piper, tôi đang tự hỏi…” Anh gỡ rối người mình và lùi lại một bước. Anh cảm thấy khốn khổ vì tội lỗi. “Liệu bà… bà có gia

đình hay gì đó không? Một nơi nào khác để đi?”

Cô ấy trông có vẻ bối rối. "Ý anh là sao?"

“Nếu Giáo sư Lovell không qua khỏi,” anh ta nói. “Tôi chỉ thắc mắc – vì nếu ông ấy không trụ được, thì cô sẽ không còn—”

‘Ôi. Chàng trai tội nghiệp.’ Mắt bà rơm rớm. ‘Đừng lo cho tôi. Tôi có một đứa cháu gái và anh trai ở Edinburgh – tuy không thân thiết gì mấy, nhưng họ sẽ phải chứa chấp tôi nếu tôi đến gõ cửa. Nhưng sẽ không đến mức đó đâu. Richard từng mắc đủ thứ bệnh lạ rồi. Anh ấy sẽ sớm quay lại dùng bữa tối hàng tháng với cậu thôi, và tôi sẽ thiết đãi cả hai cậu một con ngỗng quay nguyên con khi anh ấy về.’ Bà siết chặt vai anh. ‘Cậu cứ…Lo mà học hành cho tử tế đi nhé? Làm tốt việc của mình, còn lại đừng lo.

Anh sẽ không bao giờ gặp lại cô ấy nữa. Dù mọi chuyện có diễn biến thế nào, ít nhất điều này dường như chắc chắn. Robin nhìn chằm chằm vào nụ cười dịu dàng của cô, cố gắng ghi nhớ khoảnh khắc này. "Cháu sẽ cố gắng hết sức, bà Piper. Tạm biệt."

Anh phải trấn tĩnh lại một lúc trên phố trước khi đủ can đảm bước vào tòa tháp.

Phòng làm việc của giảng viên nằm trên tầng bảy. Robin đợi trong cầu thang cho đến khi chắc chắn hành lang đã vắng tanh rồi mới lao ra và tra chìa khóa của Giáo sư Lovell vào ổ. Hồ sơ trong văn phòng cũng giống như những gì anh ta đã tìm thấy ở Hampstead: thư gửi Jardine, Matheson, Gützlaff, và những người khác về kế hoạch chiến tranh cho cuộc xâm lược sắp tới. Anh ta gom một số lại thành một chồng và nhét vào áo khoác. Anh ta không biết Hermes sẽ làm gì với chúng, nhưng anh ta cho rằng có bằng chứng vẫn hơn là không có gì.

Anh vừa khóa cửa sau lưng thì nghe thấy tiếng nói vọng ra từ văn phòng Giáo sư Playfair. Giọng đầu tiên là của một người phụ

nữ, cao giọng và đầy vẻ đòi hỏi. 'Ông ta đã trễ ba kỳ thanh toán liên tiếp, và tôi đã không liên lạc được với ông ta hàng tháng nay —'

“Richard là một người rất bận rộn,” Giáo sư Playfair nói. “Và cậu ấy vẫn đang ở nước ngoài trong chuyến đi hàng năm của sinh viên năm tư, mà tôi chắc là cậu ấy đã nói với cô—”

“Anh ấy không hề,” người phụ nữ nói. “Anh biết anh ấy rất tệ trong những chuyện như vậy mà, chúng tôi chẳng bao giờ biết anh ấy đi đâu. Anh ấy không viết thư, thậm chí chẳng điện báo, chẳng gửi gì cho bọn trẻ cả. Anh biết đấy, chúng nó bắt đầu quên mất mình có cha rồi.”

Tim đập thình thịch, Robin rón rén đến góc hành lang, vừa đủ để nghe ngóng. Cầu thang chỉ cách cậu vài bước chân. Nếu cánh cửa mở ra, cậu có thể chạy lên tầng sáu trước khi bị ai đó phát hiện.

“Chắc hẳn là, ờ, rất khó khăn,” Giáo sư Playfair nói một cách lúng túng. “Mặc dù tôi phải nói rằng đây không phải là một chủ đề mà Richard và tôi thường xuyên trò chuyện. Tốt hơn là cô nên trao đổi trực tiếp với cậu ấy—”

Khi nào anh ấy dự kiến quay lại?

Tuần sau. Tuy nhiên tôi nghe nói có chút rắc rối ở Quảng Châu, nên có thể sớm hơn vài ngày. Nhưng tôi thực sự không biết, bà Lovell ạ – Tôi sẽ báo tin khi có thông tin gì, nhưng hiện tại chúng tôi cũng chẳng biết gì hơn bà.

Cánh cửa mở ra. Robin căng thẳng, sẵn sàng bỏ chạy, nhưng sự tò mò bệnh hoạn giữ anh lại.Bắt vít cố định. Anh ta hé nhìn ra từ góc tường. Anh ta muốn nhìn thấy, muốn biết chắc chắn.

Một người phụ nữ cao, gầy với mái tóc điểm bạc bước ra hành lang. Đi cùng bà là hai đứa trẻ nhỏ. Đứa lớn hơn, một bé gái,

trông chừng mười tuổi và rõ ràng vừa mới khóc, mặc dù con bé đang cố giấu tiếng nấc bằng một nắm tay trong khi tay kia nắm chặt tay mẹ. Đứa nhỏ hơn, một bé trai, bé hơn nhiều - có lẽ chỉ năm hoặc sáu tuổi. Nó loạng choạng bước ra hành lang khi bà Lovell chào tạm biệt Giáo sư Playfair.

Hơi thở của Robin nghẹn lại trong cổ họng. Anh thấy mình nhoài người ra hành lang hơn, không thể rời mắt. Cậu bé trông rất giống anh, giống Griffin. Đôi mắt cậu ta màu nâu nhạt giống hệt, mái tóc cũng sẫm màu tương tự, dù nó xoăn hơn tóc của cả hai người họ.

Cậu bé chạm mắt với anh ta. Rồi, trước nỗi kinh hoàng của Robin, cậu bé mở miệng và thốt lên bằng một giọng cao vút, trong trẻo, "Ba."

Robin quay người bỏ chạy.

"Cái gì thế?" Giọng bà Lovell vọng lại phía cầu thang. "Dick, anh nói gì vậy?"

Con trai Giáo sư Lovell lẩm bẩm điều gì đó đáp lại, nhưng Robin đã chạy vụt xuống cầu thang quá nhanh nên không nghe thấy.

"Chết tiệt," Ramy nói. "Tôi còn chẳng biết Giáo sư Lovell có gia đình nữa."

Tôi đã bảo anh ta có một điền trang ở Yorkshire cơ mà!

“Tưởng cậu bịa chuyện chứ,” Ramy nói. “Tôi chưa từng thấy ông ấy nghỉ phép lấy một lần. Ông ấy không phải… không phải kiểu người của gia đình. Làm sao mà ông ấy ở nhà đủ lâu để mà có con được?”

“Vấn đề là, chúng có thật và chúng đang lo lắng,” Robin nói. “Hình như anh ta đã không trả tiền cho khu đất của mình. Và giờ Playfair biết có gì đó không ổn.”

“Hay là mình trả tiền cho họ nhỉ?” Victoire hỏi. “Ý mình là giả chữ viết của anh ấy rồi tự mình gửi tiền. Nuôi một gia đình trong một tháng thì tốn bao nhiêu?”

‘Nếu chỉ có ba người bọn họ thôi sao?’ Letty nghĩ một lát. ‘Chắc chỉ khoảng mười pao.’

Victoire tái mặt. Ramy thở dài rồi xoa xoa thái dương. Robin với tay rót cho mình một ly rượu brandy.

Bầu không khí đêm đó rõ ràng là u ám. Ngoài chồng thư Robin tìm thấy trong văn phòng Giáo sư Lovell, cả ngày chẳng thu được gì.Không có gì cả. Hội Hermes vẫn im lặng. Cửa sổ phòng Robin trống trơn. Victoire và Ramy đã đến từng điểm liên lạc cũ của Anthony – một viên gạch lỏng lẻo phía sau nhà thờ Christ Church, một chiếc ghế dài khuất trong Vườn Bách thảo, một chiếc thuyền punt bị lật úp và ít được sử dụng trên bờ sông Cherwell – nhưng không nơi nào có dấu hiệu được lui tới gần đây. Họ thậm chí còn đi đi lại lại trước quán Twisted Root gần một tiếng đồng hồ, hy vọng Griffin có thể phát hiện ra họ đang lảng vảng, nhưng cuối cùng chỉ nhận được những ánh nhìn tò mò từ khách hàng quen của quán.

Ít ra thì chưa có gì thảm khốc xảy ra – không bị hỏng xe, không chạm trán đáng ngại nào với cảnh sát Oxford. Letty lại bắt đầu thở gấp ở Buttery trong bữa trưa, hay Robin nghe nói vậy, nhưng Victoire đã vỗ lưng cô ấy và giả vờ như cô ấy chỉ bị hóc nho. (Letty, Robin nghĩ thầm một cách ác ý, chẳng giúp ích gì cho luận điểm nữ quyền chung rằng phụ nữ không phải là những kẻ cuồng loạn, não ngắn và hay lo lắng.)

Có lẽ bây giờ họ an toàn. Nhưng họ vẫn không khỏi cảm thấy mình như những con vịt trời ngồi chờ bị bắn. Thời gian không còn nhiều nữa; quá nhiều người đang bắt đầu nghi ngờ, và vận may của họ sẽ không kéo dài mãi mãi. Nhưng họ còn có thể đi

đâu? Nếu họ chạy trốn, Hội Hermes sẽ không có cách nào tìm thấy họ. Họ bị mắc kẹt bởi nghĩa vụ.

“Chết tiệt,” Ramy nói. Anh đang lục tìm trong đống thư từ lấy từ ngăn thư riêng, cố gắng phân loại mấy tờ rơi quảng cáo vô bổ với những thứ quan trọng. “Mình quên mất.”

"Cái gì?" Letty hỏi.

“Tiệc khoa.” Ramy vẫy vẫy tấm thiệp mời màu kem dày cộp về phía họ. “Cái buổi tiệc chết tiệt của khoa, thứ Sáu tuần này.”

“Dĩ nhiên là chúng ta không đi rồi,” Robin nói.

“Không thể không đi được,” Ramy nói. “Đó là tiệc của khoa mà.”

Hàng năm, ngay trước khi học kỳ Hilary bắt đầu, Viện Dịch thuật Hoàng gia lại tổ chức một buổi tiệc ngoài trời trong khuôn viên Đại học cho giảng viên, sinh viên và nghiên cứu sinh. Đến giờ họ đã tham dự ba buổi rồi. Chúng là những sự kiện dài lê thê, chẳng có gì đáng chú ý; giống như tất cả các buổi lễ ở Oxford, đồ ăn chỉ gọi là tạm được và bài phát biểu thì dài dòng. Điều Robin không thể hiểu là tại sao Ramy lại làm quá lên như vậy.

"Rồi sao?" Victoire hỏi.

“Vậy là ai cũng phải đi,” Ramy nói. “Bắt buộc đấy. Giờ thì chắc chắn mọi người đều biết bọn mình đã về rồi – sáng nay bọn mình đụng mặt Giáo sư Craft bên ngoài Thư viện Radcliffe, với lại khối người thấy Letty ở quán Buttery. Mình phải giữ thể diện chứ.”

Robin không thể tưởng tượng ra điều gì kinh khủng hơn việc ăn đồ khai vị với đám giảng viên khoa Babel.

“Cậu điên rồi à?” Victoire gắt lên. “Mấy thứ đó nhiều vô kể, làm sao mà bọn mình qua được chứ.”

“Chỉ là một bữa tiệc thôi mà,” Ramy nói.

Ba món hả? Rượu nữa?*Speeches?*Letty đang cố gắng lắm rồi, vậy mà anh lại muốn cô ấy ngồi lì ở Craft and Playfair ba tiếng đồng hồ để kể lể về khoảng thời gian tuyệt vời ở Canton là sao?

"Tôi sẽ ổn thôi," Letty nói yếu ớt, chẳng thuyết phục được ai.

Họ sẽ bắt đầu hỏi han nếu chúng ta không có mặt ở đó—

"Và họ sẽ không hỏi gì khi Letty nôn hết lên đồ trang trí trung tâm à?"

“Cô ấy có thể giả vờ bị ngộ độc thực phẩm,” Ramy nói. “Chúng ta có thể giả vờ cô ấy bị ốm từ sáng, điều đó giải thích tại sao cô ấy xanh xao và vã mồ hôi, và tại sao cô ấy lên cơn co giật ở nhà ăn. Nhưng cậu có thực sự cho rằng điều đó đáng ngờ hơn việc cả bốn chúng ta đều không xuất hiện không?”

Robin liếc nhìn Victoire, hy vọng cô có lập luận phản bác. Nhưng cô ấy lại đang nhìn anh, cũng với mong đợi tương tự.

“Bữa tiệc câu giờ,” Ramy nói chắc nịch. “Nếu chúng ta có thể xoay xở để không trông như lũ điên hoàn toàn, chúng ta sẽ có thêm một ngày. Hoặc hai ngày. Chỉ vậy thôi. Nhiều thời gian hơn. Đó là yếu tố duy nhất quan trọng.”

Thứ Sáu hóa ra lại là một ngày nóng bất thường. Bắt đầu với cái lạnh buổi sáng tháng Giêng điển hình, nhưng đến giữa chiều, mặt trời đã xuyên qua lớp mây và chiếu sáng rực rỡ. Tất cả bọn họ đều mặc quá nhiều áo ấm, nhưng một khi đã ra sân, họ không thể dễ dàng cởi bỏ lớp áo len lót, đồng nghĩa với việc họ chẳng còn cách nào khác ngoài đổ mồ hôi.

Bữa tiệc vườn năm ấy là bữa tiệc xa hoa nhất Babel từng tổ chức. Khoa đang ngập trong tiền sau chuyến thăm của Đại công tước Nga Alexander đến trường đại học vào tháng Năm trước đó; vị

đại công tước, người vô cùng ấn tượng bởi sự dí dỏm và kỹ năng của những người phiên dịch ứng biến tại buổi tiếp tân, đã tặng Babel một nghìn bảng Anh làm quỹ tự do. Các giáo sư đã sử dụng số tiền đó một cách hoang phí, dù có phần thiếu suy nghĩ. Một nhóm tứ tấu đàn dây chơi hăng say giữa sân trường, mặc dù mọi người đều tránh xa họ vì tiếng ồn khiến việc trò chuyện trở nên bất khả thi. Nửa tá con công, được cho là nhập khẩu từ Sở thú Luân Đôn, lang thang quanh bãi cỏ, quấy phábất kỳ ai mặc quần áo màu sáng. Ba chiếc bàn dài, có mái che bày đầy thức ăn và đồ uống chiếm giữ trung tâm bãi cỏ. Đồ ăn bao gồm bánh mì sandwich nhỏ, bánh nướng nhỏ, đủ loại sô cô la kỳ quái và bảy loại kem khác nhau.

Các học giả Babel lượn lờ xung quanh, tay cầm ly rượu đang dần ấm lên, nói chuyện nhạt nhẽo và vụn vặt. Giống như tất cả các khoa tại Oxford, Viện Dịch thuật tràn ngập sự cạnh tranh và ganh tị nội bộ về tài trợ và bổ nhiệm, một vấn đề càng trầm trọng hơn bởi thực tế là mỗi chuyên gia khu vực đều nghĩ rằng ngôn ngữ của họ phong phú hơn, thơ mộng hơn, văn học hơn và màu mỡ hơn cho việc chế tác bạc so với những ngôn ngữ khác. Định kiến bộ môn của Babel vừa tùy tiện vừa khó hiểu. Những người theo chủ nghĩa lãng mạn được hưởng phần lớn uy tín văn học,* Mặc dù tiếng Ả Rập và tiếng Trung Quốc được đánh giá cao chủ yếu bởi tính chất ngoại lai và khác biệt của chúng, trong khi các ngôn ngữ gần gũi hơn như tiếng Gaelic và tiếng Wales lại gần như không được coi trọng chút nào. Điều này khiến cho việc trò chuyện xã giao trở nên rất nguy hiểm; người ta rất dễ gây mất lòng nếu thể hiện quá nhiều hoặc quá ít nhiệt tình về nghiên cứu của mình. Thả bộ giữa tất cả những điều này là Mục sư Tiến sĩ Frederick Charles Plumptre, Hiệu trưởng của Trường, và mọi người đều hiểu rằng đến một lúc nào đó, mỗi người trong số họ sẽ phải bắt tay ông, giả vờ tin rằng ông nhớ họ trong khi rõ ràng là ông chẳng biết tên họ là gì, và chịu đựng một cuộc trò chuyện nhàm chán đến đau đớn về quê quán và chuyên ngành nghiên cứu của họ trước khi được ông cho phép rời đi.

Tất cả những điều này kéo dài ba tiếng đồng hồ không thể chịu đựng nổi, bởi chẳng ai được phép rời đi trước khi bữa tiệc kết thúc. Sơ đồ chỗ ngồi đã được sắp xếp; sự vắng mặt của họ sẽ bị phát hiện. Họ phải ở lại cho đến khi mặt trời lặn, cho đến khi tất cả những lời chúc tụng được cất lên, và cho đến khi tất cả các học giả có mặt đã giả vờ thích thú giao tiếp đủ cho cả đời.

This is a disaster, Robin nghĩ, liếc nhìn xung quanh. Thà họ đừng xuất hiện còn hơn. Không ai trong số họ còn minh mẫn cả. Cậu thấy một nghiên cứu sinh hỏi Victoire một câu hỏi đến ba lần trước khiCuối cùng cô cũng nhận ra sự hiện diện của anh. Letty đang đứng ở góc phòng, nốc hết cốc nước lạnh này đến cốc nước lạnh khác, mồ hôi nhễ nhại trên trán. Ramy có vẻ đang tận hưởng nhất, giữ vị trí trung tâm với một nhóm sinh viên năm nhất đang vây quanh hỏi anh ta về chuyến đi, nhưng khi Robin đi ngang qua, anh nghe thấy Ramy bật ra một tràng cười lớn đột ngột và điên loạn đến nỗi anh suýt giật mình lùi lại vì sợ hãi.

Robin thấy choáng váng khi nhìn ra bãi cỏ đông đúc. Thật điên rồ, anh nghĩ, đúng là điên rồ khi anh lại đứng đây giữa các giảng viên, tay cầm ly rượu, che giấu sự thật rằng anh đã giết một người trong số họ. Anh đi lang thang về phía bàn tiệc buffet và lấy đầy một đĩa nhỏ các món khai vị, chỉ để làm gì đó cho đỡ trống trải, nhưng nghĩ đến việc cho bất kỳ chiếc bánh tart nào đang nhanh chóng bị hỏng vào miệng thôi cũng đã thấy buồn nôn.

Ổn chứ?

Anh ta nhảy dựng lên rồi quay lại. Chính là Giáo sư De Vreese và Giáo sư Playfair. Họ đứng hai bên anh ta như lính canh nhà tù. Robin chớp mắt liên hồi, cố gắng sắp xếp nét mặt thành một thứ gì đó giống như một nụ cười bình thản. "Thưa các giáo sư."

“Cháu ướt đẫm mồ hôi.” Giáo sư Playfair nhìn chăm chú vào mặt cậu, vẻ lo lắng. “Và quầng thâm dưới mắt cháu to quá,

Swift. Cháu có ngủ được không đấy?”

"Lệch múi giờ," Robin buột miệng. "Chúng ta đã không – ừm, chúng ta đã không điều chỉnh giấc ngủ trên chuyến trở về cho tốt. Với lại chúng ta cũng kiệt sức vì, ừm, vì đọc trước hạn."

Giáo sư Playfair gật đầu đồng cảm, khiến anh ngạc nhiên. "Ồ, vâng. Cậu biết người ta nói gì mà."*Student*từ*studere*, nghĩa là “sự nỗ lực chuyên cần, tận tụy”. Nếu bạn không cảm thấy mình như một chiếc đinh bị búa đập liên tục, thì bạn đang làm sai cách rồi đấy.

“Đúng vậy,” Robin nói. Chiến thuật của cậu, cậu đã quyết định, là tỏ ra nhàm chán đến mức chúng mất hứng thú và bỏ đi.

“Chuyến đi của anh tốt đẹp chứ?” Giáo sư De Vreese hỏi.

“Nó—” Robin hắng giọng. “Nó còn hơn cả những gì chúng tôi dự tính, chúng tôi nghĩ vậy. Tất cả chúng tôi đều rất vui mừng khi được trở về.”

“Tôi biết chứ. Những việc ở nước ngoài thật mệt mỏi.” Giáo sư Playfair gật đầu về phía cái đĩa trên tay Robin. “À, tôi thấy cậu đã tìm thấy mấy món sáng chế của tôi rồi. Cứ tự nhiên, ăn thử đi.”

Cảm thấy áp lực, Robin cắn một miếng bánh chua.

"Ngon đấy chứ, phải không?" Giáo sư Playfair nhìn anh ta nhai. "Vâng,"Nó được mạ bạc. Một cặp nhỏ xinh xắn mà tôi nghĩ ra khi đi nghỉ ở Rome.*Pomodoro*là một cách miêu tả khá hoa mỹ cho quả cà chua, bạn thấy đấy – nó có nghĩa đen là “quả táo vàng”. Giờ hãy thêm trung gian tiếng Pháp,*pomme d’amour*và bạn có được một sự phong phú mà tiếng Anh không có được...

Robin nhai, cố tỏ vẻ cảm kích. Tất cả những gì cậu cảm nhận được chỉ là thứ nhớt nhớt ấy; cái cách mà thứ nước mặn chát vỡ ra trong miệng khiến cậu liên tưởng đến máu và xác chết.

Bạn có*pretoogjes*, Giáo sư De Vreese nhận xét.

"Xin lỗi?"

'*Pretoogjes*Giáo sư De Vreese chỉ vào mặt mình. “Đôi mắt tinh quái. Một từ tiếng Hà Lan. Đôi mắt long lanh, láo liên. Chúng tôi dùng từ này để miêu tả những đứa trẻ đang giở trò.”

Robin chẳng mảy may biết phải đáp lại thế nào. "Tôi... ừm... thú vị thật đấy."

“Tôi nghĩ tôi sẽ đi chào Ngài Chủ nhiệm bây giờ,” Giáo sư De Vreese nói như thể Robin chưa hề lên tiếng. “Chào mừng trở lại, Swift. Thưởng thức buổi tiệc nhé.”

“Vậy.” Giáo sư Playfair đưa Robin một ly rượu vang đỏ. “Cậu có biết khi nào Giáo sư Lovell quay lại từ Luân Đôn không?”

“Tôi không biết.” Robin nhấp một ngụm, cố gắng giữ bình tĩnh trước khi trả lời. “Chắc cậu cũng nghe nói rồi, anh ấy đang ở lì trong nhà vì bệnh gì đó lây ở Quảng Châu. Trông anh ấy tệ lắm lúc bọn tôi rời đi, tôi cũng không chắc anh ấy có kịp quay lại học kỳ này không nữa.”

“Thú vị đấy,” Giáo sư Playfair nói. “May mà nó không lây sang bất kỳ ai trong số các bạn.”

Ồ, chà — chúng tôi đã có biện pháp phòng ngừa khi anh ấy bắt đầu cảm thấy không khỏe. Cách ly, khăn che mặt, tất cả những thứ đó — anh biết đấy.

“Thôi nào, anh Swift.” Giọng Giáo sư Playfair trở nên nghiêm nghị. “Tôi biết cậu ta không ốm. Tôi đã gửi ba người đưa tin đến Luân Đôn kể từ khi các anh quay lại, và tất cả đều báo cáo rằng căn nhà ở Hampstead hiện đang trống không.”

“Thật á?” Tai Robin bắt đầu ù đi. Giờ anh phải làm gì đây? Còn lý do gì để tiếp tục nói dối nữa không? Hay là cứ chuồn cho xong? “Kỳ lạ thật, đó là… tôi không biết tại sao anh ta lại…”

Giáo sư Playfair tiến lại gần hơn và ghé đầu về phía tai Robin một cách bí mật. "Cậu biết đấy," ông ta thì thầm, "những người bạn của chúng ta ở Hermes rất muốn biết hắn ta đang ở đâu."

Robin suýt nữa thì phun rượu vang ra ngoài. Cổ họng anh kịp giữ lại trước khi rượu tràn ra, nhưng rồi anh lại nuốt nhầm đường. Giáo sưPlayfair bình tĩnh đứng nhìn hắn ta sặc sụa, thở hổn hển, làm đổ cả đĩa lẫn ly trong lúc giãy giụa.

"Ổn cả chứ, Swift?"

Mắt Robin rưng rưng. "Cậu đã..."

“Tôi làm việc cho Hermes,” Giáo sư Playfair khẽ nói một cách dễ chịu, mắt dán chặt vào nhóm tứ tấu đàn dây. “Dù anh đang giấu giếm điều gì, anh cứ yên tâm kể với tôi.”

Robin chẳng hiểu gì cả. Anh chắc chắn không cảm thấy nhẹ nhõm chút nào.*Trust no one*Griffin đã khắc cốt ghi tâm bài học này. Giáo sư Playfair có thể dễ dàng nói dối – và đây cũng là trò bịp đơn giản nhất, nếu mục đích của ông ta là dụ Robin khai ra mọi thứ cậu biết. Hoặc Giáo sư Playfair có thể là đồng minh, vị cứu tinh mà họ hằng mong đợi. Cậu cảm thấy một cơn thất vọng dai dẳng. Giá như Griffin đã nói với cậu nhiều hơn, giá như Griffin đừng hạnh phúc khi bỏ mặc cậu trong bóng tối, cô lập với những người khác, và hoàn toàn bất lực như vậy.

Hắn không có thông tin hữu ích nào để hành động, chỉ có một linh cảm chẳng lành. "Cảm tạ Chúa," hắn nói, lặp lại lời lẩm bẩm kín đáo của Giáo sư Playfair. "Vậy là ông biết về âm mưu Quảng Châu của Griffin rồi?"

“Dĩ nhiên rồi,” Giáo sư Playfair nói, hơi vội vàng một chút. “Nó có hoạt động không?”

Robin dừng lại. Anh phải diễn tiếp phần này thật cẩn thận. Anh phải tiết lộ vừa đủ để giữ chân Giáo sư Playfair, khiến ông ta tò mò nhưng chưa vồ lấy ngay. Và anh cần thời gian – ít nhất là đủ thời gian để tập hợp những người khác và chạy trốn.

Giáo sư Playfair vòng tay qua vai Robin, kéo cậu lại gần. "Hay là anh em mình đi nói chuyện chút nhỉ?"

“Không ở đây.” Robin đảo mắt nhìn quanh sân. Letty và Victoire đều đang nhìn cậu qua vai. Cậu chớp mắt mạnh, liếc nhìn về phía cổng trước, rồi lại nhìn họ. “Không phải trước mặt các giáo sư, ai mà biết được ai đang nghe lén chứ.”

“Dĩ nhiên rồi,” Giáo sư Playfair nói.

“Đường hầm,” Robin nói trước khi Giáo sư Playfair kịp đề nghị họ rời bữa tiệc ngay lúc đó. “Tôi sẽ gặp Griffin và những người khác tối nay tại đường hầm Taylorian lúc nửa đêm, sao thầy không đến? Tôi có... tôi có tất cả tài liệu mà họ đang chờ đợi.”

Nó hiệu nghiệm. Giáo sư Playfair buông vai Robin ra và lùi lại.

“Tốt lắm.” Mắt hắn sáng rực vẻ hân hoan; trông hắn chỉ thiếu nước xoa xoa hai tay vào nhau như một tên ác nhân trên sân khấu. “Làm tốt lắm, Swift.”

Robin gật đầu, và chỉ vừa kịp giữ được vẻ mặt nghiêm túc cho đến khiGiáo sư Playfair đi ngang qua bãi cỏ để trò chuyện với Giáo sư Chakravarti.

Rồi anh phải dùng hết sức bình sinh để không bật chạy. Anh đảo mắt khắp sân tìm Ramy, người đang bị mắc kẹt trong cuộc trò chuyện với Mục sư Tiến sĩ Plumptre. Robin nháy mắt lia lịa về

phía anh. Ngay lập tức, Ramy làm đổ rượu vang khắp áo, kêu lên thất thanh, cáo lỗi rồi đi thẳng qua khu vườn về phía Robin.

“Playfair biết rồi,” Robin nói với anh ta.

"Cái gì?" Ramy liếc nhìn xung quanh. "Anh chắc chứ—"

“Chúng ta phải đi thôi.” Robin thấy nhẹ nhõm khi Victoire và Letty đã di chuyển về phía cổng chính. Cậu muốn đi theo, nhưng có quá nhiều giáo viên đứng giữa họ; cậu và Ramy sẽ phải đi ra phía sau, qua nhà bếp. “Đi nào.”

"Sao—"

“Lát nữa nhé.” Ngay trước khi họ rời khỏi khu vườn, Robin liều lĩnh liếc nhìn qua vai. Dạ dày anh thắt lại – Playfair đang nói gì đó với Giáo sư De Vreese, đầu họ ghé sát vào nhau. De Vreese ngước lên và nhìn thẳng vào mắt Robin. Robin quay mặt đi. “Thôi – đi nào.”

Vừa bước ra ngoài, Victoire và Letty đã lao đến chỗ họ.

“Chuyện gì vậy?” Letty thở hổn hển. “Tại sao—”

"Không phải ở đây," Robin nói. "Đi bộ."

Họ rảo bước dọc phố Kybald, rồi rẽ phải vào ngõ Magpie.

"Playfair biết tỏng rồi," Robin nói. "Thế là xong."

“Sao anh biết?” Letty hỏi. “Anh ta nói gì? Em có nói với anh ta không?”

“Dĩ nhiên là không,” Robin nói. “Nhưng hắn ta giả vờ làm việc cho Hermes, cố gắng moi hết mọi chuyện từ tôi—”

Sao anh/chị biết là không phải chứ?

“Vì tôi đã nói dối,” Robin nói. “Và hắn ta đã mắc bẫy. Hắn ta chẳng biết Hermes làm gì cả, hắn ta đang moi thông tin.”

“Vậy thì chúng ta đang làm gì đây?” Victoire đột nhiên hỏi. “Chúa ơi,*where are we going*Hả?

Robin nhận ra họ đã đi lang thang vô định. Giờ họ đang hướng về phố High, nhưng đến đó rồi thì sao? Nếu Giáo sư Playfair báo cảnh sát, họ sẽ bị tóm ngay lập tức. Họ không thể...Quay lại Số 4; họ sẽ bị mắc kẹt. Nhưng họ không có tiền trong người, và cũng chẳng có cách nào để trả tiền xe đi nơi khác.

A, cậu đây rồi.

Tất cả đều giật lùi lại trong sợ hãi.

Anthony Ribben bước ra đường cái, nhìn lướt qua bọn họ và đếm bằng một ngón tay như thể họ là đàn vịt con. "Đủ cả chứ? Tốt. Đi theo tôi."

Chapter Twenty-Two

This group is remarkable, although it has vanished in the invisible depths which are behind us.

VICTORHUGO,*Les Misérables*, bản dịch của Frederic Charles Lascelles Wraxall

TVẻ mặt sững sờ của họ chỉ thoáng qua. Anthony bắt đầu chạy, và họ theo sau không chút do dự. Nhưng thay vì quay ngược lại đường Magpie Lane về phía đường Merton, nơi họ có thể trốn thoát về phía đồng cỏ Christ Church, anh ta lại dẫn họ về phía Kybald hướng đến trường đại học.

“Cậu đang làm gì thế?” Ramy thở hổn hển. “Đó là chỗ mọi người __”

"Nhanh lên," Anthony rít lên.

Họ vâng lời. Thật tuyệt vời khi có người bảo họ phải làm gì. Anthony dẫn họ qua những cánh cửa phía sau nhà bếp, ngang qua Thư viện Cũ, và đi thẳng vào sảnh. Ở phía bên kia bức tường, bữa tiệc ngoài vườn vẫn đang diễn ra sôi nổi; họ có thể nghe thấy tiếng nhạc cụ dây và giọng nói vọng qua lớp đá.

“Vào đây.” Anthony vẫy họ vào trong nhà nguyện.

Họ lao vào trong rồi đóng sập cánh cửa gỗ nặng nề sau lưng. Ngoài giờ hành lễ, nhà nguyện có cảm giác kỳ lạ: huyền bí, im lặng. Không khí bên trong tĩnh lặng đến ngột ngạt. Ngoài tiếng thở hổn hển của họ, chỉ còn những hạt bụi lơ lửng trong luồng ánh sáng xuyên qua cửa sổ.

Anthony dừng lại trước bức phù điêu tưởng niệm Ngài William Jones.

“Cậu đang—” Letty bắt đầu.

“Suỵt.” Anthony đưa tay về phía câu châm ngôn, trên đó viết,*He formed a digest of Hindu and Mohammedan Laws*Anh chạm vào một loạttừng chữ cái lần lượt, hơi lún nhẹ vào trong đá khi bị ấn.*G, O, R . . .*

Ramy cười khúc khích. Anthony chạm vào chữ cái cuối cùng trong dòng chữ Latinh dài hơn nhiều phía trên bức phù điêu, một bài tán dương dài dòng về cuộc đời và thành tựu của William Jones.*B*.

Gorasahib.[*]

Có tiếng cào sột soạt, rồi một luồng khí lạnh ùa vào. Tấm phù điêu bật ra khỏi tường vài phân. Anthony thọc ngón tay vào khe hở ở cạnh dưới và trượt tấm ván lên, để lộ một cái lỗ đen ngòm trong tường. "Vào đi."

Lần lượt từng người một, họ giúp nhau chui vào trong. Đường hầm hóa ra rộng hơn nhiều so với vẻ bề ngoài của nó. Họ chỉ phải bò bằng tay và đầu gối trong vài giây trước khi đường hầm đổ ra một hành lang lớn hơn. Robin chỉ cảm thấy đất ẩm phớt qua đỉnh đầu khi anh đứng dậy, trong khi Ramy thì kêu lên khi đầu đập vào trần.

“Suỵt,” Anthony càu nhàu lần nữa khi kéo cửa xuống sau lưng họ. “Tường mỏng lắm.”

Bức phù điêu trượt vào đúng chỗ kèm một tiếng "thụp". Ánh sáng trong lối đi biến mất. Họ lần mò tiến về phía trước, chửi rủa khi vấp vào nhau.

“À, xin lỗi.” Anthony quẹt một que diêm, và một ngọn lửa hiện ra trên lòng bàn tay anh. Giờ thì họ có thể thấy được rằng sau vài mét, đường hầm chật hẹp bỗng mở rộng ra thành một thứ gì

đó giống như một hành lang hơn. “Được rồi. Tiếp tục đi, còn một đoạn đường dài phía trước đấy.”

“Ở đâu—” Letty bắt đầu, nhưng Anthony lắc đầu, đưa một ngón tay lên môi, rồi chỉ vào những bức tường.

Đường hầm càng lúc càng mở rộng khi họ bước đi. Đường nhánh dẫn đến nhà nguyện Univ rõ ràng là mới được xây thêm, vì lối đi mà họ đang đi bây giờ có vẻ rộng lớn và cũ kỹ hơn nhiều. Bùn đất khô nhường chỗ cho những bức tường gạch, và ở một số điểm giao nhau, Robin nhìn thấy những ngọn đèn gắn vào các góc trên. Bóng tối lẽ ra phải gây cảm giác ngột ngạt, nhưng thực raCảm giác thật dễ chịu. Được nuốt chửng vào lòng đất, thực sự khuất khỏi tầm mắt lần đầu tiên kể từ chuyến trở về, tất cả bọn họ cuối cùng cũng có thể thở phào nhẹ nhõm.

Sau vài phút im lặng, Ramy hỏi, "Cái đó ở đấy bao lâu rồi?"

“Chỉ mới vài thập kỷ thôi, thật đấy,” Anthony nói. “Đường hầm này đã ở đây từ rất lâu rồi – chúng không phải dự án của Hermes, chúng tôi chỉ tận dụng thôi – nhưng lối vào này thì mới. Quý bà Jones cho lắp bức phù điêu đó cách đây không lâu lắm, nhưng chúng tôi đã vào được bên trong trước khi công trình hoàn tất. Đừng lo, không ai khác biết cả. Mọi người ổn chứ?”

“Chúng tôi ổn,” Robin nói. “Nhưng, Anthony, có điều anh cần phải—”

“Tôi đoán là anh có khá nhiều chuyện cần kể với tôi,” Anthony nói. “Sao chúng ta không bắt đầu với chuyện anh đã làm gì Giáo sư Lovell? Ông ấy chết rồi sao? Giảng viên trong khoa hình như nghĩ vậy.”

“Robin giết hắn rồi,” Ramy nói một cách vui vẻ.

Anthony ngoái đầu nhìn Robin. "Ồ, thật à?"

“Đó là một tai nạn,” Robin khăng khăng. “Chúng tôi đang cãi nhau, và anh ấy – tôi không biết, tôi đột nhiên… Ý tôi là, tôi đã dùng cái cặp diêm này, chỉ là tôi không biết mình đang làm gì cho đến khi mọi chuyện đã xong—”

“Quan trọng hơn là cuộc chiến với Trung Quốc,” Victoire nói. “Chúng tôi đã cố gắng tìm anh, để báo cho anh biết. Họ đang lên kế hoạch xâm lược—”

“Chúng tôi biết,” Anthony nói.

"Thật á?" Robin hỏi.

Griffin đã lo lắng về chuyện này một thời gian rồi. Chúng ta vẫn luôn để mắt đến Jardine và Matheson, theo dõi tình hình ở các xưởng. Mặc dù chưa bao giờ tệ đến mức này. Trước giờ chỉ toàn lời nói. Nhưng anh nghĩ họ sẽ thực sự gây chiến sao?

“Tôi có giấy tờ—” Robin đưa tay vào túi áo ngực như thể chúng vẫn còn nằm trong áo khoác, rồi chửi thề. “Chết tiệt, tất cả đều ở trong phòng tôi—”

Họ nói gì?

“Chúng là thư từ, thư trao đổi giữa Lovell và Jardine lẫn Matheson – cả Palmerston, và Gützlaff nữa, tất cả bọn họ – ôi, nhưng tôi đã để chúng ở Đường Magpie—”

Họ làm gì*say*Hả?

“Đó là kế hoạch chiến tranh,” Robin nói, bối rối. “Đó là những kế hoạch được chuẩn bị hàng tháng, hàng năm trời—”

"Chúng là bằng chứng của sự thông đồng trực tiếp à?", Anthony gặng hỏi.

‘Phải, chúng cho thấy cuộc đàm phán chưa bao giờ thực sự thiện chí, rằng vòng đàm phán cuối chỉ là cái cớ—’

“Tốt,” Anthony nói. “Rất tốt. Chúng ta có thể xử lý được việc này. Chúng tôi sẽ cử người đến lấy chúng. Cậu đang ở phòng cũ của Griffin, đúng không? Phòng số bảy?”

Tôi – vâng.

“Tốt lắm. Tôi sẽ lo liệu việc đó. Trong lúc này, tôi đề nghị tất cả các bạn hãy bình tĩnh lại.” Anh dừng lại, quay người lại và mỉm cười ấm áp với họ. Sau một tuần đầy biến cố vừa qua, nhìn thấy khuôn mặt của Anthony dưới ánh nến dịu dàng khiến Robin muốn bật khóc vì nhẹ nhõm. “Bây giờ các bạn đã an toàn rồi. Tôi đồng ý rằng tình hình khá tệ, nhưng chúng ta không thể giải quyết bất cứ điều gì trong đường hầm này. Các bạn đã làm rất tốt, và tôi hình dung các bạn cũng khá sợ hãi, nhưng giờ thì có thể thư giãn rồi. Người lớn đã đến đây rồi.”

Đường hầm hóa ra khá dài. Robin mất dấu quãng đường họ đã đi; chắc phải gần một dặm. Cậu tự hỏi mạng lưới này rộng lớn đến mức nào – thỉnh thoảng họ lại đi qua một ngã ba đường hầm hoặc một cánh cửa gắn trong tường, gợi ý về nhiều lối vào ẩn giấu khác nhau trong khuôn viên trường đại học, nhưng Anthony lùa họ đi mà không bình luận gì. Robin đoán, đây là một trong số rất nhiều bí mật của Hermes.

Cuối cùng, lối đi lại hẹp dần cho đến khi chỉ còn đủ chỗ cho một người đi lọt. Anthony dẫn đầu, giơ cao cây nến trên đầu như một ngọn hải đăng. Letty theo sát ngay sau anh.

“Sao lại là anh?” cô ấy hỏi nhỏ. Robin không biết liệu cô ấy có định kín đáo hay không, nhưng đường hầm quá hẹp, giọng cô ấy vang đến tận cuối hàng.

"Ý anh là sao cơ?" Anthony lẩm bẩm.

“Cậu thích Babel lắm mà,” Letty nói. “Tớ nhớ cậu còn dẫn bọn tớ đi tham quan cơ. Cậu mê nó lắm, và họ cũng mê cậu nữa.”

“Đúng vậy,” Anthony nói. “Babel đã đối xử với tôi tốt hơn bất kỳ ai.”

"Vậy thì tại sao—"

“Cô ấy nghĩ chuyện này là về hạnh phúc cá nhân,” Ramy xen vào. “Nhưng Letty, chúng tôi đã nói với cô rồi, dù chúng tôi có hạnh phúc đến đâu đi nữa thì cũng chẳng quan trọng, vấn đề là ở sự bất công lớn hơn—”

Không phải ý tôi muốn nói vậy, Ramy, tôi chỉ—

“Để anh thử giải thích,” Anthony dịu dàng nói. “Vào đêm trước khi bãi bỏKhắp các thuộc địa, chủ nhân của tôi quyết định thu xếp hành lý và trở về Mỹ. Tôi sẽ không được tự do ở đó. Ông ta có thể giữ tôi trong nhà và coi tôi là sở hữu của mình. Người đàn ông này tự nhận mình là người theo chủ nghĩa bãi nô. Ông ta đã lên án việc buôn bán nô lệ trong nhiều năm; ông ta dường như chỉ nghĩ mối quan hệ của chúng tôi là đặc biệt. Nhưng khi những đề xuất mà ông ta công khai ủng hộ trở thành luật, ông ta quyết định rằng mình thực sự không thể chịu đựng được sự mất mát khi để tôi ra đi. Vì vậy, tôi đã bỏ trốn và tìm nơi ẩn náu tại Oxford. Trường đại học đã che chở và giấu tôi cho đến khi tôi được pháp luật tuyên bố là người tự do - không phải vì họ quan tâm nhiều đến việc bãi bỏ chế độ nô lệ, mà vì các giáo sư ở Babel biết giá trị của tôi. Và họ biết nếu tôi bị gửi trở lại Mỹ, họ sẽ mất tôi vào tay Harvard hoặc Princeton.

Robin không thể nhìn thấy mặt Letty trong bóng tối, nhưng anh có thể nghe thấy hơi thở của cô ấy ngày càng yếu ớt. Anh tự hỏi liệu cô ấy có sắp khóc nữa không.

“Không có chủ nào tốt bụng cả đâu, Letty ạ,” Anthony nói tiếp. “Dù họ có tỏ ra bao nhiêu khoan dung, bao nhiêu độ lượng, bao

nhiêu quan tâm đến việc dạy dỗ mày đi nữa thì cuối cùng họ vẫn là chủ thôi."

"Nhưng cậu không thực sự tin chuyện về Babel đâu nhỉ," Letty thì thầm. "Phải không? Nó không giống nhau – họ đâu có…"*enslaving*Trời ơi, cậu thì… cậu đã có một…*fellowship*—'

"Anh có biết chủ của Equiano đã nói gì với ông ấy khi ông ấy được trả tự do không?" Anthony hỏi nhẹ nhàng. "Ông ta nói rằng chẳng bao lâu nữa, ông ấy sẽ có nô lệ của riêng mình."

Cuối cùng, đường hầm kết thúc bằng một dãy bậc thang được che phủ bởi tấm ván gỗ, ánh nắng mặt trời chiếu xuyên qua các khe hở. Anthony áp tai vào các khe hở, đợi một lát rồi mở khóa tấm ván và đẩy ra. "Lên đi."

Họ bước ra một khoảng sân đầy nắng đối diện với một tòa nhà gạch một tầng cũ kỹ, nửa khuất sau đám cây bụi um tùm. Họ không thể đi lạc quá xa trung tâm thị trấn – cùng lắm là chỉ ba cây số – nhưng Robin chưa từng thấy tòa nhà này bao giờ. Cánh cửa trông như bị gỉ sét khóa chặt, và những bức tường gần như bị dây thường xuân nuốt chửng, cứ như thể ai đó đã xây nơi này rồi bỏ hoang nó hàng thập kỷ trước.

"Chào mừng đến với Thư viện Cổ." Anthony giúp họ ra khỏi đường hầm. "Trường Durham xây dựng nơi này vào thế kỷ XIV để làm nơi chứa sách cũ khi thư viện chính quá tải, rồi quên béng nó đi sau khi được cấp vốn xây thư viện mới gần trung tâm thị trấn hơn."

"Chỉ là Thư viện Cũ thôi sao?" Victoire hỏi. "Không có tên nào khác à?"

'Không có tên nào cả. Một cái tên sẽ khiến nó trở nên quan trọng, mà chúng tôi muốn nó bị bỏ qua và lãng quên – một thứ bạn lướt qua khi thấy nó trong hồ sơ, một thứ dễ bị nhầm lẫn

với thứ khác.’ Anthony đặt lòng bàn tay lên cánh cửa rỉ sét, lẩm bẩm điều gì đó, rồi đẩy. Cánh cửa kêu cọt kẹt mở ra. ‘Vào đi.’

Giống như Babel, Thư viện Cổ rộng hơn nhiều so với vẻ ngoài của nó. Nhìn từ bên ngoài, nó trông như thể chỉ chứa được tối đa một giảng đường. Trong khi đó, bên trong nó có thể là tầng trệt của Thư viện Radcliffe. Những kệ sách bằng gỗ tỏa ra từ trung tâm, và nhiều kệ hơn nữa chạy dọc theo những bức tường trông thật kỳ diệu và mâu thuẫn, lại có hình tròn. Tất cả các kệ đều được dán nhãn tỉ mỉ, và một cuộn giấy da dài đã ngả vàng liệt kê hệ thống phân loại được treo trên bức tường đối diện. Gần phía trước là một kệ trưng bày những cuốn sách mới, trên đó Robin nhận ra một vài tựa sách mà anh đã lén lấy cho Griffin trong vài năm qua. Tất cả chúng đều đã bị xóa số sê-ri của Babel.

“Chúng tôi không thích hệ thống phân loại của họ,” Anthony giải thích. “Nó chỉ hợp lý với chữ cái Latinh, nhưng không phải ngôn ngữ nào cũng dễ Roman hóa, phải không?” Anh ta chỉ vào tấm thảm gần cửa. “Lau giày đi, chúng tôi không muốn bùn đất dính khắp kệ sách. Và có chỗ treo áo khoác ở đằng kia.”

Một cái ấm sắt gỉ sét treo lủng lẳng một cách khó hiểu trên móc áo cao nhất. Robin tò mò đưa tay về phía nó, nhưng Anthony nói gắt, "Đừng đụng vào cái đó."

"Xin lỗi - cái này để làm gì vậy?"

“Rõ ràng không phải trà.” Anthony xoay đáy ấm về phía họ, để lộ ánh bạc quen thuộc. “Đây là hệ thống an ninh. Nó sẽ huýt sáo khi có người lạ đến gần thư viện.”

"Cặp nào cơ?"

“Anh muốn biết lắm chứ gì?” Anthony nháy mắt. “Bên này bọn tôi làm an ninh kiểu Babel. Ai cũng tự bày ra bẫy của riêng mình, và không ai nói cho ai biết cách làm cả. Thứ hay ho nhất mà bọn tôi có là cái bùa che mắt – nó ngăn âm thanh lọt ra

ngoài, nghĩa là không ai đi ngang qua có thể nghe lén được chuyện bọn tôi nói.”

“Nhưng chỗ này rộng mênh mông,” Ramy nói. “Ý tôi là, cậu đâu có tàng hình – làm sao mà cậu trốn kỹ thế?”

Chiêu trò cũ rích nhất trần đời. Giấu ngay trước mắt thiên hạ. Anthony dẫn họ đi sâu hơn vào thư viện. Khi dòng họ Durham tuyệt tự vào giữa thế kỷ XVI và Trinity tiếp quản tài sản của họ, bọn chúng đã bỏ sót...thư viện bổ sung trong văn bản chuyển nhượng. Những thứ duy nhất được liệt kê trong danh mục của thư viện đó là tài liệu không ai sử dụng trong nhiều thập kỷ, và đều có bản sao dễ tiếp cận hơn ở Bodleian. Vậy nên giờ chúng tôi sống bên lề của bộ máy quan liêu – ai đi ngang qua cũng biết đây là một thư viện lưu trữ, nhưng mọi người đều cho rằng nó thuộc về một trường đại học nào đó nghèo hơn. Các trường đại học này đều quá giàu, anh thấy đấy. Điều đó khiến họ mất dấu tài sản của mình.’

À, ra là cậu tìm thấy mấy đứa sinh viên rồi!

Những bóng người hiện ra từ giữa các kệ sách. Robin nhận ra tất cả bọn họ – tất cả đều là những cựu sinh viên hoặc nghiên cứu sinh hiện tại mà anh từng thấy lởn vởn quanh tòa tháp. Anh đoán điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Có Vimal Srinivasan, Cathy O'Nell, và Ilse Dejima, người khẽ vẫy tay chào khi cô tiến lại gần.

“Nghe nói tuần vừa rồi cậu tệ lắm.” Cô ấy tỏ ra thân thiện hơn hẳn so với hồi ở tháp. “Chào mừng đến với Chez Hermes. Cậu đến vừa đúng lúc ăn tối.”

“Tôi không ngờ lại có nhiều người như vậy,” Ramy nói. “Còn ai ở đây từng giả chết không?”

Anthony cười khúc khích. "Tôi là hồn ma duy nhất trú ngụ ở Oxford. Chúng tôi có vài người khác ở nước ngoài - Vaibhav và

Frédérique, có thể anh đã nghe nói về họ - họ giả chết đuối trên một chiếc thuyền buồm từ Bombay trở về và đã hoạt động từ Ấn Độ kể từ đó. Lisette thì chỉ đơn giản thông báo là cô ấy sẽ về nhà để kết hôn, và tất cả giảng viên ở Babel đều quá thất vọng về cô ấy nên chẳng ai bận tâm kiểm tra câu chuyện của cô ấy. Rõ ràng, Vimal, Cathy và Ilse vẫn còn ở Babel. Dễ dàng hơn cho họ để rút ruột tài nguyên."

"Thế sao anh lại bỏ đi?" Robin hỏi.

"Cần có người ở Thư viện Cổ toàn thời gian. Dù sao thì tôi cũng đã chán ngấy cuộc sống trong khuôn viên trường rồi, nên tôi giả chết ở Barbados, mua vé tàu về nước chuyến tiếp theo, và quay lại Oxford mà không ai hay biết." Anthony nháy mắt với Robin. "Tôi cứ tưởng cậu phát hiện ra tôi hôm ở hiệu sách rồi chứ. Cả tuần sau đó tôi chẳng dám rời khỏi Thư viện Cổ. Thôi nào, để tôi dẫn cậu đi xem phần còn lại."

Một chuyến tham quan nhanh qua các không gian làm việc phía sau những kệ sách đã hé lộ một số dự án đang được tiến hành, mà Anthony giới thiệu với niềm tự hào. Chúng bao gồm việc biên soạn từ điển giữa các ngôn ngữ địa phương ("Chúng ta mất mát rất nhiều khi cho rằng mọi thứ trước tiên phải thông qua tiếng Anh"), các cặp diêm bạc không phải tiếng Anh ("Nguyên tắc tương tự - Babel sẽ không tài trợ cho các cặp diêm không dịch sang tiếng Anh vì tất cả các quán bar của nó đềudành cho người Anh sử dụng. Nhưng điều đó giống như vẽ tranh chỉ với một màu, hoặc chỉ chơi một nốt trên piano.'), và những lời phê bình về các bản dịch tiếng Anh hiện có của các văn bản tôn giáo và các tác phẩm kinh điển văn học ('Ờ - cậu biết ý kiến của tôi về văn học nói chung rồi đấy, nhưng phải có gì đó để Vimal bận rộn chứ.') Hội Hermes không chỉ là một ổ của những Robin Hood như Griffin đã khiến Robin tin tưởng; nó còn là một trung tâm nghiên cứu thực thụ, mặc dù các dự án của nó phải được thực hiện bí mật, với nguồn lực ít ỏi và ăn cắp được.*

“Anh định làm gì với tất cả những thứ này?” Victoire hỏi. “Chắc chắn anh không thể xuất bản chúng được.”

“Chúng tôi có đối tác ở một vài trung tâm dịch thuật khác,” Vimal nói. “Thỉnh thoảng chúng tôi gửi việc cho họ duyệt.”

“Còn những trung tâm dịch thuật khác nữa à?” Robin hỏi.

“Dĩ nhiên rồi,” Anthony nói. “Babel chỉ mới nổi lên gần đây thôi, trong lĩnh vực ngôn ngữ học và ngữ văn học. Suốt phần lớn thế kỷ mười tám là do người Pháp dẫn dắt, rồi đến thời hoàng kim ngắn ngủi của những người theo chủ nghĩa lãng mạn Đức. Khác biệt bây giờ là chúng ta có thừa bạc, còn họ thì không.”*

“Nhưng mà chúng là đồng minh hay thay đổi lắm,” Vimal nói. “Chúng chỉ giúp đỡ khiBọn họ cũng căm ghét người Anh, nhưng chẳng có cam kết thực sự nào với sự nghiệp giải phóng toàn cầu. Thật ra, tất cả nghiên cứu này chỉ là đánh cược vào tương lai. Chúng ta chưa thể tận dụng nó. Chúng ta không có đủ tầm ảnh hưởng hay nguồn lực. Vì vậy, tất cả những gì chúng ta có thể làm là tạo ra kiến thức, viết nó ra, và hy vọng một ngày nào đó sẽ tồn tại một nhà nước có thể sử dụng tất cả những điều này một cách đúng đắn, vị tha.

Ở phía bên kia thư viện, bức tường sau trông như vừa hứng chịu một loạt đạn cối, cháy đen và lởm chởm những hố bom ở giữa. Phía dưới, hai chiếc bàn cũng cháy đen không kém đứng cạnh nhau, bằng cách nào đó vẫn đứng vững dù chân bàn đã bị cháy xém và co quắp.

“Được rồi,” Anthony nói. “Vậy là chỗ này là xưởng bạc và, ờ, xưởng sản xuất vũ khí của chúng ta.”

“Chuyện đó xảy ra từ từ hay là đột ngột vậy?” Victoire hỏi khô khốc.

"Đấy hoàn toàn là lỗi của Griffin," Vimal nói. "Có vẻ hắn ta không nghĩ thuốc súng là thứ nên dùng ngoài trời."

Phần còn nguyên vẹn của bức tường phía sau được bao phủ bởi một tấm bản đồ thế giới khổng lồ, chi chít những chiếc ghim nhiều màu sắc được nối với các ghi chú bằng dây, trên đó chi chít chữ viết tay nhỏ li ti. Robin tò mò đi lại gần hơn.

"Đó là một dự án nhóm." Cathy lại gần anh, đứng trước tấm bản đồ. "Chúng ta sẽ thêm thông tin dần dần mỗi khi đi nước ngoài về."

Tất cả những cái ghim này đều tượng trưng cho các ngôn ngữ sao?

“Chúng tôi nghĩ là có. Chúng tôi đang cố gắng theo dõi số lượng ngôn ngữ vẫn còn được sử dụng trên thế giới, và nơi chúng đang biến mất. Và có rất nhiều ngôn ngữ đang chết dần, anh biết đấy. Một sự kiện tuyệt chủng lớn đã bắt đầu vào ngày Christopher Columbus đặt chân đến Tân Thế Giới. Tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Pháp, tiếng Anh - chúng đã dần đẩy lùi các ngôn ngữ và phương ngữ địa phương như những con chim cu cu. Tôi nghĩ không phải là không thể tưởng tượng được rằng một ngày nào đó, hầu hết thế giới sẽ chỉ nói tiếng Anh.” Cô thở dài, nhìn lên bản đồ. “Tôi sinh ra muộn mất một thế hệ. Cách đây không lâu tôi có thể đã lớn lên trong môi trường tiếng Gaelic.”

“Nhưng thế thì ngành chế tác bạc sẽ sụp đổ,” Robin nói. “Phải không? Nó sẽ làm sụp đổ cả cảnh quan ngôn ngữ. Sẽ chẳng còn gì để dịch cả. Không còn sự khác biệt nào để bóp méo nữa.”

“Nhưng đó chính là nghịch lý lớn nhất của chủ nghĩa thực dân.” Cathy nói ra điều này như một sự thật hiển nhiên. “Nó được xây dựng để hủy hoại chính những gì nó quý trọng nhất.”

"Lại đây nào, hai người." Anthony vẫy họ tới một ô cửa dẫn vào một phòng đọc sách nhỏ đã được chuyển thành phòng ăn. "Ăn thôi."

Bữa tối bày ra đủ món từ khắp nơi trên thế giới – cà ri rau củ, một đĩa khoai tây luộc, món cá rán có vị giống đến ngạc nhiên với món Robin từng ăn ở Quảng Châu, và một loại bánh mì dẹt, dai ăn kèm với mọi thứ đều hợp. Tám người ngồi quanh một chiếc bàn chạm trổ tinh xảo trông lạc lõng giữa những tấm gỗ ốp tường đơn giản. Không đủ ghế cho tất cả, nên Anthony và Ilse đã kéo thêm ghế dài và ghế đẩu từ thư viện sang. Không một món đồ ăn nào cùng bộ, kể cả dao nĩa. Ngọn lửa cháy bập bùng trong lò sưởi ở góc phòng, hơi nóng tỏa ra không đều khiến bên trái Robin ướt đẫm mồ hôi trong khi bên phải lại thấy lạnh. Toàn bộ khung cảnh toát lên vẻ thân mật, đúng chất sinh viên.

“Chỉ có nhiêu đây thôi hả?” Robin hỏi.

"Ý anh là sao?" Vimal hỏi.

“Ừ thì, các cậu…” Robin ra hiệu quanh bàn. “Các cậu đều còn rất trẻ.”

“Tất yếu thôi,” Anthony nói. “Việc này nguy hiểm lắm.”

“Nhưng chẳng phải có… tôi cũng không biết nữa…”

“Người lớn đúng nghĩa? Lực lượng hỗ trợ?” Anthony gật đầu. “Một số, đúng vậy. Họ phân bố khắp thế giới. Tôi không biết tất cả bọn họ là ai – không ai trong chúng ta biết hết cả, và đó là cố ý. Thậm chí có thể có cả cộng sự của Hermes ở Babel mà tôi vẫn chưa biết, dù họ là ai đi nữa, tôi hy vọng họ sẽ bắt đầu nỗ lực hơn một chút.”

“Vụ đó, với cả sự tiêu hao lực lượng cũng là vấn đề nan giải,” Ilse nói. “Như Miến Điện chẳng hạn.”

“Chuyện gì đã xảy ra ở Miến Điện vậy?” Robin hỏi.

"Chuyện của Sterling Jones," Anthony nói gọn lỏn, nhưng không giải thích gì thêm.

Chuyện này có vẻ nhạy cảm. Mọi người đều nhìn chằm chằm vào thức ăn của mình một lúc.

Robin nghĩ đến hai tên trộm anh đã gặp đêm đầu tiên ở Oxford, cô gái trẻ và gã tóc vàng, cả hai đều chưa từng gặp lại. Anh không dám hỏi. Anh biết câu trả lời: sự đào thải.

“Nhưng làm sao anh làm được việc gì chứ?” Ramy hỏi. “Ý tôi là, nếu anh còn chẳng biết đồng minh của mình là ai?”

“Ờ, cũng chẳng khác bộ máy quan liêu ở Oxford là mấy,” Anthony nói. “Đại học, các trường trực thuộc, rồi các khoa chẳng bao giờ thống nhất được ai chịu trách nhiệm về việc gì, nhưng cuối cùng mọi việc vẫn đâu vào đấy thôi, phải không?”

‘*Langue de bœuf sauce Madère*, Cathy tuyên bố, đặt cái nồi nặng trịch vào giữa bàn. "Lưỡi bò sốt Madeira."

“Cathy thích đãi khách món lưỡi bò,” Vimal nói với họ. “Cô ấy nghĩ nó buồn cười.”

“Cô ấy đang tạo ra cả một từ điển về lưỡi,” Anthony nói. “Lưỡi luộc, lưỡi ngâm, lưỡi khô, lưỡi hun khói—”

“Suỵt.” Cathy lách vào ngồi giữa hai người. “Lưỡi là phần tôi thích nhất.”

"Đấy là phần thịt rẻ nhất," Ilse nói.

"Ghê quá," Anthony nói.

Cathy ném củ khoai tây vào anh ta. "Ăn cái này cho no đi."

À,*pommes de terre à l'anglaise*Anthony xiên một củ khoai tây bằng dĩa. “Em biết tại sao người Pháp lại gọi khoai tây luộc là à l'anglaise không? Bởi vì họ nghĩ luộc đồ ăn thật nhạt nhẽo, Cathy ạ, giống như toàn bộ ẩm thực Anh đều chán ngắt—”

"Vậy thì đừng ăn nữa, Anthony."

"Nướng đi," Anthony nài nỉ. "Kho với bơ, hoặc nướng với phô mai - đừng có...*English*.

Nhìn họ, Robin cảm thấy nhói ở sống mũi. Cậu có cảm giác giống như đêm dạ hội kỷ niệm, khi nhảy múa trên bàn dưới ánh đèn lấp lánh. Thật kỳ diệu, cậu nghĩ; thật không thể tin được là một nơi như thế này lại tồn tại, một sự chắt lọc tất cả những gì Babel đã hứa hẹn. Cậu cảm thấy mình đã tìm kiếm một nơi như thế này cả đời, vậy mà cậu vẫn phản bội nó.

Kinh hoàng thay, anh bắt đầu khóc.

“Ôi, thôi nào, thôi nào.” Cathy vỗ nhẹ vào vai anh. “Cậu an toàn rồi, Robin. Cậu đang ở cùng bạn bè mà.”

“Tôi xin lỗi,” anh ta nói một cách thảm hại.

“Không sao đâu.” Cathy không hỏi anh ta đang xin lỗi chuyện gì. “Giờ anh đã ở đây rồi. Đó mới là điều quan trọng.”

Ba tiếng gõ cửa đột ngột, mạnh bạo vang lên. Robin giật mình, đánh rơi cái nĩa, nhưng chẳng ai trong số các nghiên cứu sinh có vẻ gì là lo lắng.

"Chắc chắn là Griffin rồi," Anthony nói vui vẻ. "Cậu ta quên mật mã mỗi khi chúng ta đổi, nên cậu ta gõ theo nhịp điệu thay thế."

"Anh ta đến muộn quá rồi, ăn tối xong hết rồi," Cathy nói, giọng khó chịu.

Thôi, dọn cho nó một đĩa đi.

‘*Please*.

"Cathy, làm ơn." Anthony đứng dậy. "Còn tất cả các em, vào Phòng Đọc sách."

Tim Robin đập thình thịch khi cậu rời khỏi phòng ăn cùng vớiNhững người khác. Anh bỗng cảm thấy rất lo lắng. Anh không muốn gặp anh trai mình. Thế giới đã đảo lộn kể từ lần cuối họ nói chuyện, và anh sợ hãi những gì Griffin sẽ nói về chuyện đó.

Griffin sải bước qua cửa, trông gầy gò, hốc hác và mệt mỏi vì đường xa như mọi khi. Robin nhìn anh trai chằm chằm khi anh ta cởi chiếc áo khoác đen rách rưới. Anh ta trông như một người hoàn toàn xa lạ, giờ đây khi Robin đã biết những gì anh ta đã làm. Từng đường nét trên khuôn mặt anh ta đều kể một câu chuyện mới; đôi bàn tay gầy guộc, khéo léo ấy; đôi mắt sắc bén, láo liên ấy – đó có phải là những đặc điểm của một kẻ sát nhân? Anh ta đã cảm thấy thế nào khi ném thỏi bạc vào Evie Brooke, biết rõ nó sẽ xé toạc ngực cô ta? Anh ta có cười khi cô ta chết, giống như cách anh ta đang cười khi nhìn thấy Robin bây giờ không?

“Chào em trai.” Griffin cười nham hiểm như sói và đưa tay ra nắm lấy tay Robin. “Anh nghe nói em đã giết chết lão già thân yêu của chúng ta.”

It was an accident, Robin muốn nói, nhưng những lời đó mắc nghẹn trong cổ họng. Chúng chưa bao giờ đúng đến thế; giờ anh không thể thốt ra được.

“Giỏi lắm,” Griffin nói. “Tôi chưa bao giờ nghĩ cậu làm được.”

Robin không nói gì. Anh thấy khó thở. Anh có một thôi thúc kỳ lạ muốn đấm vào mặt Griffin.

Griffin, thờ ơ, ra hiệu về phía Phòng Đọc. "Chúng ta bắt đầu làm việc nhé?"

“Nhiệm vụ của chúng tôi, như chúng tôi thấy, là thuyết phục Quốc hội và công chúng Anh rằng việc đưa nước Anh vào cuộc chiến chống lại Trung Quốc sẽ đi ngược lại lợi ích tốt nhất của họ,” Anthony nói.

“Thảm họa đốt thuốc phiện đã đẩy mọi việc đến đỉnh điểm,” Griffin nói. “钦差大臣 Lâm Tắc Từ đã ban bố cáo thị cấm hoàn toàn hoạt động thương mại của Anh ở Quảng Châu. Trong khi đó, Jardine & Matheson lại lấy sự thù địch đó làm cái cớ để gây chiến. Họ nói rằng nước Anh phải hành động ngay để bảo vệ danh dự của mình, nếu không sẽ phải chịu sự sỉ nhục ở phương Đông mãi mãi. Thật là một cách hay để khơi dậy chủ nghĩa dân tộc. Thượng nghị viện đã bắt đầu tranh luận về một cuộc viễn chinh quân sự vào tuần trước.”

Nhưng cuộc bỏ phiếu vẫn chưa diễn ra. Các lãnh chúa Quốc hội vẫn còn do dự, chưa chắc chắn về việc dồn nguồn lực quốc gia vào một nỗ lực xa vời và chưa từng có tiền lệ như vậy. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi chính là bạc. Đánh bại Trung Quốc sẽ giúp Đế quốc Anh tiếp cận nguồn dự trữ bạc lớn nhất thế giới, nguồn bạc sẽ giúp tàu chiến của họ chạy nhanh hơn, súng của họ bắn xa hơn và chính xác hơn. NếuNghị viện đã chọn chiến tranh, tương lai của thế giới thuộc địa thật khó hình dung. Anh Quốc, phất lên nhờ của cải Trung Hoa, có thể thực hiện vô số mưu đồ đối với Châu Phi, Châu Á và Nam Mỹ mà trước giờ vẫn chỉ là giấc mộng hão huyền.

“Nhưng hiện tại chúng ta chẳng làm gì được với mấy âm mưu đó,” Griffin nói. “Và chúng ta không thể nghĩ đến chuyện cách mạng toàn cầu, vì điều đó là bất khả thi. Ta không đủ người. Điều chúng ta phải tập trung bây giờ, trước khi có thể nghĩ đến bất cứ chuyện gì khác, là ngăn chặn cuộc xâm lược Quảng Châu. Nếu Anh thắng – mà chắc chắn họ sẽ thắng, không còn nghi ngờ

gì nữa – thì họ sẽ có nguồn cung cấp bạc gần như vô tận trong tương lai gần. Nếu họ thua, nguồn bạc của họ sẽ cạn kiệt, và khả năng đế quốc của họ sẽ bị thu hẹp đáng kể. Chỉ vậy thôi. Mọi thứ khác đều không quan trọng."

Ông gõ gõ lên bảng đen, nơi tên của các vị Lãnh chúa được chia thành từng cột khác nhau. "Hạ viện vẫn chưa bỏ phiếu. Vẫn còn đang tranh luận. Có một phe chống chiến tranh mạnh mẽ, đứng đầu là Ngài James Graham, Tử tước Mahon, và William Gladstone. Và Gladstone là một người rất tốt để có trong phe ta – ông ấy ghét thuốc phiện hơn bất kỳ ai; tôi nghĩ ông ấy có một người chị nghiện thuốc phiện."

"Nhưng cũng có những toan tính chính trị nội bộ nữa," Cathy giải thích. "Nội các Melbourne đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng chính trị trong nước. Đảng Whig vừa mới sống sót sau một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm, vì vậy bây giờ họ đang đi trên một sợi dây mỏng manh giữa phe Bảo thủ và phe Cấp tiến, lại càng thêm trầm trọng bởi thực tế là họ đã yếu kém trong ngoại thương ở Mexico, Argentina và Ả Rập—"

"Tôi xin lỗi," Ramy nói. "Gì cơ, bây giờ á?"

Cathy phẩy tay sốt ruột. "Vấn đề cốt lõi là, Đảng Cấp tiến và các cử tri miền Bắc của họ cần một nền mậu dịch hải ngoại lành mạnh, còn Đảng Whig cần duy trì sự ủng hộ của họ để cân bằng với Đảng Bảo thủ. Một cuộc biểu dương lực lượng liên quan đến Khủng hoảng Nha phiến chính là cách để làm điều đó. Dù thế nào thì cũng sẽ là một cuộc bỏ phiếu sít sao."

Anthony gật đầu nhìn hội đồng. "Vậy thì nhiệm vụ của chúng ta bây giờ là xoay chuyển đủ số phiếu để bác bỏ đề xuất chiến tranh."

"Để cho rõ ràng nhé," Ramy chậm rãi nói, "kế hoạch của cậu bây giờ là trở thành*lobbyists*Hả?

“Quả thật vậy,” Anthony nói. “Chúng ta sẽ phải thuyết phục họ rằng chiến tranh đi ngược lại lợi ích tốt nhất của cử tri của họ. Đó là một lập luận khó khăn, bởi vì nó ảnh hưởng đến các tầng lớp khác nhau theo những cách khác nhau. Rõ ràng, việc rút hết bạc khỏi Trung Quốc sẽ là một lợi ích khổng lồ cho bất kỳ ainhững người vốn đã có tiền. Nhưng cũng có một phong trào hiện hữu tin rằng việc tăng cường sử dụng bạc là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra với người lao động. Một khung cửi được cải tiến bằng bạc sẽ khiến hàng tá thợ dệt mất việc; đó là lý do tại sao họ luôn đình công. Đó là một lập luận hợp lý để một người cấp tiến bỏ phiếu chống.

“Vậy là cậu chỉ nhắm vào Thượng nghị viện thôi à?” Robin hỏi. “Không phải công chúng nói chung?”

“Câu hỏi hay,” Anthony nói. “Đúng là các lãnh chúa là những người quyết định, nhưng một áp lực nhất định từ báo chí và công chúng có thể lay chuyển những người còn đang do dự. Vấn đề là làm sao để khiến người dân Luân Đôn bình thường phải quan tâm đến một cuộc chiến mà có lẽ họ chưa từng nghe đến.”

“Hãy kêu gọi lòng nhân ái và sự cảm thông của họ đối với những người bị áp bức,” Letty nói.

“Hà,” Ramy nói. “Hà, hà, hà.”

"Theo tôi thấy thì tất cả những hành động gây hấn này hoàn toàn là phòng ngừa trước," Letty khăng khăng. "Ý tôi là, anh thậm chí còn chưa thử trình bày lý lẽ của mình với công chúng. Anh đã bao giờ nghĩ rằng anh có thể đạt được mục đích tốt hơn bằng cách cư xử tử tế chưa?"

‘*Nice*bắt nguồn từ chữ Latin có nghĩa là "ngu ngốc",*-Griffin nói. "Chúng tôi không muốn tỏ ra tử tế."

Nhưng dư luận về Trung Quốc*is*“Dễ xoay chuyển lắm,” Anthony xen vào. “Hầu hết người dân Luân Đôn đều phản đối buôn bán

thuốc phiện, và báo chí cũng đăng tải khá nhiều bài viết đồng cảm với Cao Minh. Ở đất nước này, ta có thể đạt được kha khá thành công với những người theo chủ nghĩa đạo đức và bảo thủ tôn giáo. Vấn đề là làm sao để họ quan tâm đến mức gây áp lực lên Quốc hội. Những cuộc chiến tranh không được lòng dân trước đây cũng chẳng có lý do gì to tát hơn đâu."

"Về việc khơi dậy sự phẫn nộ của công chúng, chúng tôi đã có một ý tưởng," Griffin nói. "Cặp đôi hoàn hảo*polemic*và từ gốc Hy Lạp*polemikós*, mà dĩ nhiên, nghĩa là—'

"Chiến tranh," Ramy nói.

'Đúng.'

"Vậy là cậu có một cuộc chiến ý tưởng." Ramy cau mày. "Cặp đấu làm gì?"

Đó vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; chúng tôi vẫn đang mày mò chỉnh sửa. Nếu chúng tôiChỉ cần kết nối được cái sự lệch lạc ngữ nghĩa đó với đúng phương tiện, chúng ta có thể đạt được điều gì đó. Nhưng vấn đề là, chúng ta không thể làm được gì cho đến khi nhiều người hiểu được xuất phát điểm của chúng ta. Phần lớn người Anh không hiểu rằng có một cuộc chiến cần phải đấu tranh. Đối với họ, cuộc chiến này là một thứ gì đó tưởng tượng – một thứ chỉ có lợi cho họ, một thứ họ không cần phải quan tâm hay lo lắng. Họ không biết sự tàn bạo liên quan, hoặc bạo lực tiếp diễn mà nó sẽ gây ra. Họ không biết thuốc phiện ảnh hưởng đến con người như thế nào.

"Cãi kiểu đó thì chẳng đi đến đâu đâu," Robin nói.

Sao lại không?

"Bởi vì họ không quan tâm," Robin nói. "Đó là một cuộc chiến xảy ra ở một vùng đất xa lạ mà họ thậm chí không thể tưởng tượng nổi. Nó quá xa xôi để họ bận tâm."

"Sao anh lại chắc chắn như vậy?" Cathy hỏi.

“Vì tớ đã không làm thế,” Robin nói. “Tớ đã không tin, mặc dù tớ đã được nghe đi nghe lại biết bao nhiêu lần về những điều khủng khiếp đó. Phải tận mắt chứng kiến nó xảy ra, tớ mới nhận ra tất cả những điều trừu tượng đó là thật. Và ngay cả khi đó, tớ đã cố gắng hết sức để quay mặt đi. Thật khó để chấp nhận những gì mình không muốn thấy.”

Im lặng trong giây lát.

“Vậy thì,” Anthony nói, cố tỏ ra vui vẻ, “chúng ta sẽ phải dùng cách thuyết phục sáng tạo hơn thôi, phải không?”

Vậy đó là mục tiêu của đêm nay: chuyển hướng động cơ lịch sử sang một đường ray khác. Mọi thứ không hoàn toàn bế tắc như vẻ ngoài của nó. Hội Hermes đã có sẵn một số kế hoạch đang triển khai, hầu hết đều bao gồm các hình thức hối lộ và tống tiền khác nhau, và một kế hoạch bao gồm việc phá hủy một xưởng đóng tàu ở Glasgow.

"Cuộc bỏ phiếu cho chiến tranh phụ thuộc vào niềm tin của Quốc hội rằng nó sẽ dễ dàng giành chiến thắng," Griffin giải thích. "Và về mặt kỹ thuật, vâng, tàu của chúng ta có thể thổi bay hải quân Quảng Châu ra khỏi mặt nước. Nhưng chúng cần bạc để vận hành. Vài tháng trước, Thomas Peacock—"

"Ồ," Ramy nhăn mặt. "Hắn ta."[*]

Quả thật vậy. Ông ấy là một người cuồng nhiệt công nghệ hơi nước, và đã đặt hàng sáu chiếc tàu hơi nước bằng sắt tại xưởng đóng tàu Laird’s. WilliamLaird and Son, chính họ đấy – công ty ở Glasgow. Mấy con tàu này còn đáng sợ hơn bất cứ thứ gì vùng biển châu Á từng chứng kiến. Chúng được trang bị tên lửa Congreve, lại có mớn nước nông cùng động cơ hơi nước khiến chúng cơ động hơn bất kỳ tàu nào trong hạm đội Trung Quốc.

Nếu Quốc hội bỏ phiếu thuận, ít nhất một trong số chúng sẽ thẳng tiến đến Quảng Châu.

"Vậy tôi đoán là cậu sẽ đến Glasgow," Robin nói.

“Sáng mai tôi đi ngay,” Griffin nói. “Đi tàu mất mười tiếng. Nhưng chắc chắn Quốc hội sẽ được nghe tin trong ngày khi tôi đến đó.”

Anh ta không nói rõ mình sẽ làm gì ở Glasgow, dù Robin chẳng nghi ngờ gì việc anh trai mình có khả năng phá hủy cả một xưởng đóng tàu.

“Vậy thì nghe có vẻ hiệu quả hơn nhiều,” Ramy vui vẻ nói. “Sao chúng ta không dồn hết sức lực vào việc phá hoại?”

“Vì chúng ta là học giả, chứ không phải lính,” Anthony nói. “Xưởng đóng tàu thì được, nhưng chúng ta không định đối đầu với toàn bộ Hải quân Anh. Chúng ta phải tận dụng ảnh hưởng ở những nơi có thể. Cứ để Griffin lo mấy trò kịch tính bạo lực—”

Griffin xù lông. "Chúng không tầm thường*theatrics*—’

"Những trò hề bạo lực," Anthony sửa lại, mặc dù Griffin cũng tỏ vẻ khó chịu với điều đó. "Và hãy tập trung vào cách xoay chuyển cuộc bỏ phiếu ở Luân Đôn."

Vậy là họ quay lại với tấm bảng đen. Một cuộc chiến vì vận mệnh thế giới không thể thắng trong một sớm một chiều – điều này về lý thuyết thì ai cũng biết – nhưng họ không thể nào dừng lại để đi ngủ. Mỗi giờ trôi qua lại mang đến những ý tưởng và chiến thuật mới, mặc dù khi thời gian trôi qua nửa đêm, suy nghĩ của họ bắt đầu mất đi sự mạch lạc. Giả sử họ gài bẫy Lord Palmerston vào một vụ bê bối mại dâm bằng cách cử Letty và Cathy cải trang để quyến rũ ông ta. Giả sử họ thuyết phục công chúng Anh rằng đất nước Trung Quốc thực sự không tồn tại và trên thực tế chỉ là một trò lừa bịp tinh vi của Marco Polo. Đến

một lúc nào đó, họ cười ngặt nghẽo không thể kiểm soát khi Griffin mô tả chi tiết một âm mưu bắt cóc Nữ hoàng Victoria trong khu vườn của Cung điện Buckingham dưới vỏ bọc của một băng nhóm tội phạm ngầm Trung Quốc và giữ bà làm con tin ở Quảng trường Trafalgar.

Nhiệm vụ của họ quả thật gian khổ và bất khả thi, nhưng Robin cũng tìm thấy một niềm vui phấn khích nhất định trong công việc này. Việc giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, việc chia nhỏ một nhiệm vụ trọng đại thành hàng tá công việc nhỏ, mà khi kết hợp với may mắn khổng lồ và có thể cả sự can thiệp của thần thánh, có thể đưa họ đến chiến thắng – tất cả điều đó gợi cho anh nhớ về việccảm giác ngồi trong thư viện lúc bốn giờ sáng, vật lộn với một bản dịch hóc búa, cười như điên vì mệt không tả nổi nhưng bằng cách nào đó vẫn tràn đầy năng lượng bởi vì cái cảm giác hồi hộp mỗi khi một giải pháp bất ngờ hiện ra từ mớ ghi chú nguệch ngoạc và những ý tưởng lan man.

Hóa ra, chống đối đế chế lại vui đến thế.

Vì lý do nào đó họ cứ quay lại...*polemikós*khớp đôi, có lẽ vì trên thực tế, dường như họ đang tham gia vào một cuộc chiến ý tưởng, một trận chiến giành lấy linh hồn của nước Anh. Letty nhận thấy, các phép ẩn dụ mang tính nghị luận thường xoay quanh hình ảnh chiến tranh. "Hãy nghĩ mà xem," cô nói. "Lập trường của họ không thể bảo vệ được. Chúng ta phải tấn công vào điểm yếu của họ. Chúng ta phải bắn hạ những tiền đề của họ."

“Bọn mình cũng làm thế bằng tiếng Pháp mà,” Victoire nói.*Cheval de bataille*.[*]

“Ngựa chiến,” Letty nói, mỉm cười.

"Vậy thì," Griffin nói, "chừng nào chúng ta còn đang bàn về các giải pháp quân sự, tôi vẫn nghĩ chúng ta nên thực hiện Chiến

dịch Thiên Nộ."

"Chiến dịch Thần Nộ là gì vậy?" Ramy hỏi.

“Thôi kệ đi,” Anthony nói. “Cái tên ngớ ngẩn, mà cái ý tưởng còn ngớ ngẩn hơn.”

‘*When God saw this, He did not permit them, but smote them with blindness and confusion of speech, and rendered them as thou seest*,* Griffin nói với vẻ trịnh trọng: "Nghe này, đó là một ý kiến hay. Nếu chúng ta có thể hạ gục cái tháp—"

"Bằng cái gì hả Griffin?" Anthony hỏi, bực bội. "Bằng cái quân đội nào?"

“Chúng ta không cần quân đội,” Griffin nói. “Bọn họ là học giả, chứ không phải lính tráng. Cậu chỉ cần mang súng vào đó, vẫy vẫy một chút, quát tháo vài câu là có thể khống chế toàn bộ tòa tháp. Và khi đó, cậu đã khống chế cả đất nước rồi. Babel là điểm mấu chốt, Anthony ạ; nó là nguồn gốc sức mạnh của toàn bộ Đế quốc. Chúng ta chỉ cần chiếm lấy nó.”

Robin nhìn anh ta chằm chằm, đầy lo lắng. Trong tiếng Trung, cụm từ*huǒyàowèi** Nghĩa đen là "mùi thuốc súng"; nghĩa bóng là "hiếu chiến, hung hăng". Anh trai hắn có mùi thuốc súng. Hắn nồng nặc mùi bạo lực.

“Chờ đã,” Letty nói. “Anh muốn tấn công tòa tháp sao?”

Tôi muốn*occupy*Cái tháp ấy. Sẽ chẳng khó lắm đâu.’ Griffin nhún vai. ‘Và đó là giải pháp trực tiếp hơn cho vấn đề của chúng ta, phải không? Tôi đã cố gắng thuyết phục mấy gã này, nhưng chúng quá sợ hãi để thực hiện nó.’

"Cậu cần gì để làm được chuyện đó?" Victoire hỏi.

“Đúng là câu hỏi nên hỏi.” Griffin cười rạng rỡ. “Dây thừng, hai khẩu súng, có khi không cần nhiều vậy— vài con dao thôi là được—”

"Súng á?" Letty nhắc lại.*Knives?*'

"Chúng chỉ để dọa thôi, cưng à, chúng ta sẽ không thực sự làm hại ai đâu."

Letty choáng váng. "Anh...*honestly*—

“Đừng lo.” Cathy trừng mắt nhìn Griffin. “Chúng tôi đã nói rõ quan điểm của mình về chuyện này rồi.”

“Nhưng hãy nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra,” Griffin nài nỉ. “Đất nước này sẽ ra sao nếu không có bạc phép? Không có người duy trì nó? Động cơ hơi nước, biến mất. Đèn vĩnh cửu, biến mất. Gia cố công trình, biến mất. Đường sá sẽ xuống cấp, xe ngựa sẽ hư hỏng – quên Oxford đi, toàn bộ nước Anh sẽ sụp đổ trong vài tháng. Họ sẽ bị dồn vào đường cùng. Tê liệt.”

“Và hàng tá người vô tội sẽ chết,” Anthony nói. “Chúng ta sẽ không cân nhắc chuyện này.”

“Được rồi.” Griffin ngồi dựa ra sau và khoanh tay. “Cứ theo ý cô. Chúng ta sẽ làm nhà vận động hành lang.”

Họ nghỉ lúc ba giờ sáng. Anthony dẫn họ ra một cái bồn rửa mặt ở phía sau thư viện để rửa ráy – “Không có bồn tắm, xin lỗi nhé, nên mấy cậu phải đứng xoa nách đấy” – rồi lôi ra một chồng chăn gối từ trong tủ.

“Chúng tôi chỉ có ba giường gấp thôi,” anh nói với vẻ xin lỗi. “Chúng tôi không thường xuyên ngủ lại đây cả. Thưa các quý bà, mời đi theo Ilse đến Phòng Đọc – còn các quý ông, các vị có thể nằm tạm ở giữa các kệ sách. Cũng có chút riêng tư.”

Lúc đó Robin mệt mỏi đến nỗi một khoảng sàn gỗ cứng giữa các kệ sách nghe thật tuyệt vời. Cậu cảm thấy như mình đã thức suốt một ngày dài kể từ khi đến Oxford; như thể cậu đã trải nghiệm đủ cho cả một đời người. Cậu nhận lấy chiếc chăn từ Anthony và đi về phía những chồng sách, nhưng Griffin đã xuất hiện bên cạnh cậu trước khi cậu kịp ngồi xuống. "Rảnh chút không?"

“Cậu không ngủ à?” Robin hỏi. Griffin đã mặc đồ chỉnh tề, cài kín chiếc áo khoác đen.

“Không, tôi đi sớm đây,” Griffin nói. “Không có tuyến thẳng đến Glasgow – tôi sẽ cưỡi ngựa vào London, rồi bắt chuyến tàu đầu tiên vào sáng mai. Ra sân với tôi.”

Tại sao?

Griffin vỗ nhẹ khẩu súng ở thắt lưng. "Tôi sẽ chỉ cho cậu cách bắn thứ này."

Robin ôm chặt cái chăn vào ngực. "Tuyệt đối không."

“Vậy thì cậu sẽ xem tôi bắn súng,” Griffin nói. “Tôi nghĩ chúng ta đã quá hạn cho một cuộc nói chuyện rồi, cậu thấy sao?”

Robin thở dài, đặt tấm chăn xuống rồi theo Griffin ra khỏi cửa. Khoảng sân sáng trưng dưới ánh trăng rằm. Griffin hẳn đã thường xuyên dùng nó để tập bắn, vì Robin thấy những cái cây bên kia sân chi chít lỗ đạn.

Không sợ ai nghe thấy à?

“Cả khu vực này được bảo vệ bởi bùa ngụy trang,” Griffin nói. “Một thuật che mắt rất tinh vi. Không ai có thể nhìn hay nghe thấy gì trừ khi họ đã biết chúng ta ở đây. Cậu biết gì về súng không?”

Không một chút nào.

“Chà, học hỏi chẳng bao giờ là muộn cả.” Griffin đặt khẩu súng vào tay Robin. Giống như những thỏi bạc, nó nặng hơn vẻ ngoài của nó, và lạnh buốt khi chạm vào. Có một vẻ thanh lịch không thể chối cãi nào đó ở đường cong của tay cầm bằng gỗ, nó vừa khít trong tay cậu ta một cách dễ dàng. Tuy vậy, Robin cảm thấy một làn sóng kinh tởm khi cầm nó. Nó mang lại cảm giác xấu xa, như thể kim loại đang cố gắng cắn cậu ta. Cậu ta rất muốn ném nó xuống đất, nhưng lại sợ vô tình làm nó cướp cò.

“Đây là một khẩu súng lục ổ xoay,” Griffin nói. “Rất phổ biến với dân thường. Nó sử dụng cơ chế khóa nòng, nghĩa là nó có thể bắn khi bị ướt – đừng nhìn vào nòng súng, đồ ngốc, đừng bao giờ nhìn thẳng vào nòng súng. Thử ngắm nó xem.”

“Chẳng hiểu có tác dụng gì,” Robin nói. “Mình có bao giờ bắn thứ này đâu.”

"Việc anh có bắn hay không chẳng quan trọng. Quan trọng là có người nghĩ anh sẽ bắn. Anh thấy đấy, mấy đồng nghiệp của tôi trong kia vẫn đang bám víu vào một niềm tin khó tin về lòng tốt của con người." Griffin lên đạn súng lục rồi chĩa nó vào một cây bạch dương bên kia sân. "Nhưng tôi thì hoài nghi. Tôi nghĩ phi thực dân hóa phải là một quá trình bạo lực."

Hắn bóp cò. Tiếng nổ rất lớn. Robin giật lùi.Nhưng Griffin vẫn bình thản. "Nó không phải súng hai hành động," anh ta nói, vừa chỉnh lại nòng súng. "Cậu phải lên cò sau mỗi lần bắn."

Mục tiêu của hắn khá tốt. Robin nheo mắt và thấy một vết khía ở giữa thân cây bạch dương mà trước đó không hề có.

"Thấy chưa, một khẩu súng thay đổi tất cả. Không chỉ là về sức công phá, mà là về những gì nó biểu thị." Griffin lướt ngón tay dọc nòng súng, rồi xoay người chĩa súng vào Robin.

Robin nhảy bật lùi. “Trời đất—”

“Đáng sợ phải không? Nghĩ xem, tại sao nó lại đáng sợ hơn một con dao?” Griffin không hề nhúc nhích cánh tay. “Nó nói lên rằng tôi sẵn sàng giết anh, và tất cả những gì tôi phải làm là bóp cò. Tôi có thể giết từ xa, không tốn chút sức lực nào. Súng ống biến việc giết người trở nên dễ dàng và tao nhã. Nó rút ngắn khoảng cách giữa quyết tâm và hành động, anh hiểu chứ?”

“Anh đã bao giờ bắn ai chưa?” Robin hỏi.

Dĩ nhiên rồi.

"Mày có đánh chúng nó không?"

Griffin không trả lời câu hỏi. "Cậu phải hiểu tôi đã ở đâu chứ. Ngoài kia không chỉ toàn thư viện và hội trường tranh luận đâu, anh bạn ạ. Mọi thứ trông khác lắm trên chiến trường."

“Babel là một chiến trường sao?” Robin hỏi. “Evie Brooke là một chiến binh địch à?”

Griffin hạ súng xuống. "Vậy ra là chuyện này làm khó chúng ta à?"

"Cô đã giết một cô gái vô tội."

“Vô tội ư? Đó là những gì cha đã nói với con sao? Rằng ta đã giết Evie một cách máu lạnh?”

“Tôi đã thấy cái thanh đó rồi,” Robin nói. “Nó ở trong túi tôi này, Griffin.”

“Evie đâu phải dạng đứng ngoài ngây thơ,” Griffin cười khẩy. “Bọn tao đã cố gắng tuyển cô ta hàng tháng trời rồi. Khá là rắc rối, mày hiểu chứ, vì cô ta với Sterling Jones dính nhau như sam, nhưng nếu một trong hai đứa nó có chút lương tâm thì chắc

chắn là con nhỏ đó. Hoặc bọn tao đã nghĩ vậy. Tao mất hàng tháng trời nói chuyện với nó ở quán Twisted Root cho đến một đêm nó quyết định đồng ý, nó vào hội. Ai dè tất cả chỉ là một cái bẫy – nó đã nói chuyện với mấy tay cảnh sát và mấy ông giáo sư suốt thời gian đó, và chúng nó đã ấp ủ cái kế hoạch này để tóm gọn tao tại trận.

Cô ấy là một diễn viên xuất sắc, anh thấy đấy. Cô ấy có cái cách nhìn mình, mắt mở to, gật đầu như thể dành hết sự đồng cảm cho mình vậy. Dĩ nhiên, tôi nào biết đó chỉ là diễn. Tôi cứ ngỡ mình đã có thêm một đồng minh – tôi mừng rỡ khi cô ấy có vẻ như đã bị tôi thuyết phục – và với tất cả những người chúng ta đã mất trong…Miến Điện, tôi cảm thấy rất cô đơn. Và Evie thật khéo léo. Cô ấy hỏi đủ thứ, nhiều hơn anh hỏi rất nhiều – khiến cho nghe như thể cô ấy chỉ muốn biết vì quá hào hứng được tham gia, vì muốn học hỏi tất cả mọi cách để giúp đỡ.

"Vậy thì làm sao anh/chị biết được?"

'Mà, cô ta cũng chẳng khôn ngoan gì cho cam. Nếu thông minh hơn, cô ta đã không lộ thân phận cho đến khi an toàn.'

‘Nhưng cô ta đã nói với cậu rồi mà.’ Dạ dày Robin thắt lại. ‘Cô ta muốn hả hê.’

“Cô ấy đã mỉm cười với tôi,” Griffin nói. “Khi còi báo động vang lên, cô ấy cười toe toét với tôi và nói rằng mọi chuyện đã kết thúc. Và vì vậy tôi đã giết cô ấy. Tôi không cố ý. Anh sẽ không tin tôi đâu, nhưng đó là sự thật. Tôi chỉ định dọa cô ấy thôi. Nhưng tôi đã tức giận và sợ hãi - và Evie rất độc ác, anh biết đấy. Nếu tôi cho cô ấy một cơ hội, tôi vẫn nghĩ cô ấy có thể đã làm tôi bị thương trước.”

“Anh thực sự tin điều đó sao?” Robin thì thầm. “Hay đó chỉ là lời nói dối anh tự bịa ra để có thể ngủ ngon?”

“Tôi ngủ ngon lắm.” Griffin cười khẩy. “Nhưng cô cần mấy lời nói dối của mình mà, phải không? Để tôi đoán nhé – cô đang tự nhủ với bản thân rằng đó là một tai nạn? Rằng cô không cố ý?”

“Tôi không làm,” Robin khăng khăng. “Nó chỉ*happened* –và không phải cố ý, tôi chưa bao giờ muốn—

“Đừng,” Griffin nói. “Đừng trốn tránh, đừng giả vờ – hèn nhát lắm. Hãy nói ra cảm giác của cậu. Nó rất tuyệt, phải thừa nhận đi. Cảm giác sức mạnh tuyệt đối thật tuyệt vời—”

“Tôi sẽ rút lại tất cả nếu có thể,” Robin khăng khăng. Anh không hiểu sao việc Griffin tin mình lại quan trọng đến vậy, nhưng dường như đây là giới hạn cuối cùng anh phải giữ vững, sự thật cuối cùng anh phải duy trì về bản thân. Nếu không, anh sẽ không còn nhận ra chính mình nữa. “Tôi ước gì ông ấy còn sống —”

'Cậu không thật lòng đâu. Hắn ta đáng đời.'

Anh ấy không đáng phải chết.

“Cha chúng ta,” Griffin nói lớn, “là một người đàn ông độc ác, ích kỷ, cho rằng bất cứ ai không phải là người da trắng và người Anh đều thấp kém. Cha đã hủy hoại cuộc đời mẹ, và để mặc mẹ em chết. Cha là một trong những kẻ chủ mưu gây ra cuộc chiến chống lại quê hương chúng ta. Nếu ông ta còn sống trở về từ Quảng Châu, Quốc hội đã chẳng còn tranh luận nữa. Họ đã bỏ phiếu rồi. Em đã mang lại cho chúng ta vài ngày, có lẽ vài tuần. Vậy thì sao nếu em là kẻ giết người, em trai? Thế giới tốt đẹp hơn khi không có lão giáo sư đó. Đừng cúi đầu dưới sức nặng của lương tâm nữa và hãy nhận lấy công trạng chết tiệt đó đi.” Anh ta xoay khẩu súng lại, đưa cán súng về phía Robin. “Cầm lấy.”

Tôi đã nói là không.

“Cậu vẫn chưa hiểu.” Griffin sốt ruột nắm lấy tay Robin, ép các ngón tay cậu ta quanh cán kiếm. “Chúng ta không còn ở trong thế giới của ý tưởng nữa, anh bạn ạ. Chúng ta đang ở trong một cuộc chiến.”

‘Nhưng nếu đây là chiến tranh, thì anh đã thua rồi.’ Robin vẫn từ chối cầm súng. ‘Làm sao anh thắng được trên chiến trường chứ? Lực lượng của anh được bao nhiêu, vài chục người? Tối đa là thế? Và anh định đánh nhau với toàn bộ Quân đội Anh sao?’

“Ồ, nhưng đó là chỗ cậu sai lầm rồi,” Griffin nói. “Vấn đề của bạo lực, cậu thấy đấy, là Đế quốc có nhiều thứ để mất hơn chúng ta. Bạo lực phá vỡ nền kinh tế khai thác. Cậu gây hỗn loạn trên một tuyến cung ứng, và giá cả sẽ giảm mạnh bên kia Đại Tây Dương. Toàn bộ hệ thống thương mại của chúng rất căng thẳng và dễ bị tổn thương bởi những cú sốc vì chúng đã làm cho nó như vậy, bởi vì lòng tham vô độ của chủ nghĩa tư bản là điều trừng phạt. Đó là lý do tại sao các cuộc nổi dậy của nô lệ thành công. Chúng không thể tấn công vào chính nguồn lao động của mình - giống như giết chết những con ngỗng đẻ trứng vàng của chúng vậy.

Nhưng nếu hệ thống mong manh như vậy, tại sao chúng ta lại dễ dàng chấp nhận tình trạng thuộc địa? Tại sao chúng ta lại nghĩ rằng điều đó là không thể tránh khỏi? Tại sao Thứ Sáu không bao giờ tự kiếm cho mình một khẩu súng trường, hoặc cứa cổ Robinson Crusoe vào ban đêm? Vấn đề là chúng ta luôn sống như thể chúng ta đã thua cuộc. Chúng ta đều sống như thể…*you*Chúng ta thấy súng của họ, đồ bạc của họ, tàu của họ, và chúng ta nghĩ rằng mọi chuyện đã kết thúc với chúng ta rồi. Chúng ta không dừng lại để xem xét thực tế thì tình thế có thể cân bằng như thế nào. Và chúng ta chưa bao giờ nghĩ đến mọi chuyện sẽ ra sao nếu ta cầm lấy khẩu súng. Một lần nữa, Griffin đưa khẩu súng cho Robin. "Cẩn thận, nó nặng đầu đấy."

Lần này Robin nhận lấy nó. Anh ta thử ngắm vào mấy cái cây. Nòng súng quả thực chúc xuống; anh ta phải bẻ ngược bàn tay

lên trên để giữ cho súng thăng bằng.

“Bạo lực cho chúng thấy ta sẵn sàng từ bỏ bao nhiêu,” Griffin nói. “Bạo lực là ngôn ngữ duy nhất chúng hiểu được, bởi vì hệ thống bóc lột của chúng vốn dĩ đã bạo lực. Bạo lực gây chấn động hệ thống. Và hệ thống không thể sống sót sau cú sốc đó. Cậu không biết mình thực sự có khả năng gì đâu. Cậu không thể tưởng tượng được thế giới sẽ thay đổi ra sao nếu cậu không bóp cò.” Griffin chỉ vào cây bạch dương ở giữa. “Bóp cò đi, nhóc.”

Robin nghe lời. Tiếng nổ xé toạc màng nhĩ cậu; cậu suýt đánh rơi khẩu súng. Cậu chắc chắn mình đã không ngắm đúng. Cậu đã không chuẩn bị cho lực giật của súng, và cánh tay cậu run lên từ cổ tay đến tận vai. Cây bạch dương vẫn nguyên vẹn. Viên đạn đã bay vô định vào bóng tối.

Nhưng hắn phải thừa nhận Griffin đã đúng – cái cảm giác dồn dập trong khoảnh khắc ấy, sự bùng nổ sức mạnh nằm gọn trong tay, quyền năng tuyệt đối hắn có thể kích hoạt chỉ bằng một cái nhúc nhích ngón tay – cảm giác thật tuyệt vời.

Chapter Twenty-Three

Oh those white people have small hearts who can only feel for themselves.

MARYPRINCE (hoặc RIN-X),*The History of Mary Prince*

RRobin không tài nào ngủ được sau khi Griffin rời đi Glasgow. Cậu ngồi trong bóng tối, người bồn chồn, căng thẳng. Cậu thấy chóng mặt, nghẹt thở, giống như cảm giác nhìn xuống vực sâu ngay trước khi nhảy xuống. Cả thế giới dường như đang trên bờ vực của một sự thay đổi kinh hoàng, và cậu chỉ có thể bám víu vào những gì xung quanh khi tất cả lao nhanh về điểm đứt gãy.

Một tiếng sau, Thư viện Cổ bắt đầu có động tĩnh. Vừa lúc chuông điểm bảy giờ, một bản giao hưởng của tiếng chim hót vang vọng khắp các kệ sách. Tiếng ồn quá lớn không thể nào đến từ bên ngoài; đúng hơn, nó nghe như thể cả một đàn chim đang đậu vô hình giữa những cuốn sách.

“Cái gì thế?” Ramy dụi mắt hỏi. “Cậu giấu cả một sở thú trong tủ ngoài kia à?”

“Nó phát ra từ đây này.” Anthony chỉ cho họ thấy một chiếc đồng hồ quả lắc bằng gỗ được trang trí bằng hình chim sơn ca chạm khắc xung quanh viền. “Một món quà từ một cộng sự người Thụy Điển của chúng tôi. Cô ấy đã dịch… *gökatta*"morgonpigg" (trong tiếng Thụy Điển)*gökatta*có nghĩa đặc biệt là thức dậy sớm để nghe chim hót. Bên trong có một bộ máy kiểu hộp nhạc, nhưng âm thanh bạc ấy thực sự giống tiếng chim hót thật. Thật đáng yêu phải không?

"Nhẹ nhàng chút được không?", Ramy nói.

À, cái của chúng tôi là hàng mẫu thử nghiệm. Nó hơi cũ rồi. Giờ cô có thể mua mấy cái này ở các cửa hàng thời trang ở Luân Đôn đấy, cô biết không. Chúng rất được ưa chuộng, giới nhà giàu rất thích chúng.

Lần lượt từng người, họ rửa mặt bằng nước lạnh trong bồn. Sau đó, họ cùng các cô gái trong Phòng Đọc, vây quanh mớ ghi chú lộn xộn của ngày hôm qua để tiếp tục công việc.

Trông Letty như thể cô ấy cũng chẳng chợp mắt được chút nào. Quầng thâm đen sì dưới mắt, cô ôm chặt lấy mình một cách khổ sở và ngáp dài.

“Em ổn chứ?” Robin hỏi.

‘Cứ như mình đang mơ vậy.’ Cô chớp mắt nhìn quanh căn phòng, ánh mắt vô định. ‘Mọi thứ đảo lộn hết cả. Mọi thứ đều ngược đời.’

Fair enough, Robin nghĩ. Nhìn chung, Letty vẫn đang giữ vững phong độ. Anh không biết phải diễn đạt một cách lịch sự câu hỏi tiếp theo như thế nào, nên đành nói bóng gió, "Cô nghĩ sao?"

“Chuyện gì cơ, Robin?”, cô hỏi, bực bội. “Vụ giết người mà chúng ta đang che đậy, sự sụp đổ của Đế quốc Anh hay việc chúng ta sẽ là những kẻ đào tẩu đến hết đời?”

"Tất cả mọi thứ, tôi đoán vậy."

"Công lý thật mệt mỏi." Cô ấy xoa thái dương. "Đó là điều tôi nghĩ."

Cathy mang ra một ấm trà đen nóng hổi, và họ đưa cốc ra đón với vẻ biết ơn. Vimal ngáp ngắn ngáp dài, loạng choạng từ phòng tắm đi về phía bếp. Vài phút sau, mùi thơm tuyệt vời của món chiên xào lan tỏa khắp Phòng Đọc. "Trứng Masala," anh

thông báo, xúc trứng bác nhuyễn trong mớ sốt cà chua lên đĩa của họ. "Bánh mì nướng sắp xong."

“Vimal ơi,” Cathy rên rỉ. “Em có thể lấy anh đấy.”

Họ ngấu nghiến thức ăn trong im lặng, nhanh chóng và máy móc. Vài phút sau, bàn ăn đã được dọn sạch, những chiếc đĩa bẩn được trả về bếp nhỏ. Cánh cửa trước kêu ken két mở ra. Đó là Ilse, trở về từ trung tâm thành phố với những tờ báo sáng.

"Có tin tức gì về mấy cuộc tranh luận chưa?" Anthony hỏi.

“Họ vẫn còn đang cãi nhau chí chóe,” cô nói. “Vậy nên chúng ta vẫn còn thời gian. Đảng Whig không chắc chắn về số phiếu của mình, và họ sẽ không bỏ phiếu cho đến khi nào họ tự tin. Nhưng chúng ta vẫn cần những tờ truyền đơn đó ở Luân Đôn hôm nay hoặc ngày mai. Cho ai đó lên chuyến tàu trưa, rồi in chúng ở phố Fleet.”

“Chúng ta còn quen ai ở Fleet Street không nhỉ?”, Vimal hỏi.

‘Vâng, Theresa vẫn đang ở…*Standard*Họ in báo vào thứ Sáu. Tôi chắc chắn có thể vào và sử dụng máy móc nếu anh có gì đó cho tôi trước tối nay.’ Cô ấy lấy một tờ báo nhàu nát ra khỏi túi đưa thư và đẩy nó qua bàn. ‘Nhân tiện, đây là tin mới nhất từ Luân Đôn. Nghĩ anh muốn xem nó.’

Robin vươn cổ ra để đọc đoạn văn bị lộn ngược.**OXFORD PROFESSOR MURDERED IN CANTON**, nó ghi.**PERPETRATORS IN CONSPIRACY WITH CHINESE LOBBYISTS**.

“Ờ.” Anh ta chớp mắt. “Tôi đoán là nó đúng hầu hết các chi tiết rồi.”

Ramy lật tờ giấy ra. "Ồ, xem này. Nó có hình vẽ mặt của chúng ta kìa."

"Trông không giống cậu chút nào," Victoire nói.

“Không, họ vẫn chưa nắm bắt được cái mũi của tôi,” Ramy đồng ý. “Và họ đã làm cho mắt của Robin nhỏ xíu.”

“Họ cũng in cái này ở Oxford à?” Anthony hỏi Ilse.

Ngạc nhiên là không. Họ giữ kín hết mọi chuyện.

“Thú vị đấy. Mà này, chuyến đi Luân Đôn của mấy đứa vẫn bị hủy nhé,” Anthony nói. Tất cả bọn chúng đồng loạt phản đối, nhưng anh giơ một tay lên. “Đừng có nổi điên. Quá nguy hiểm, chúng ta không thể mạo hiểm được. Mấy đứa sẽ trốn trong Thư viện Cũ cho đến khi chuyện này kết thúc. Không được để ai nhận ra.”

"Cậu cũng vậy thôi," Ramy cự lại.

Chúng tưởng tôi chết rồi. Chúng tưởng cậu là kẻ sát nhân. Hai chuyện đó khác nhau lắm. Báo chí có đăng ảnh tôi đâu.

“Nhưng mà con muốn ra ngoài kia cơ,” Ramy nói, vẻ mặt buồn bã. “Con muốn làm gì đó, con muốn giúp—”

‘Cô có thể giúp đỡ bằng cách đừng để bản thân bị tống vào tù. Đây không phải là chiến tranh công khai, dù Griffin thân yêu có muốn giả vờ thế nào đi nữa. Những vấn đề này cần sự khéo léo.’ Anthony chỉ vào bảng đen. ‘Tập trung vào chương trình nghị sự. Hãy tiếp tục phần chúng ta đã dừng lại tối qua. Tôi nghĩ chúng ta đã gác lại vấn đề của Lãnh chúa Arsenault. Letty?’

Letty nhấp một ngụm trà dài, nhắm mắt lại, rồi dường như lấy lại bình tĩnh. "Vâng. Tôi tin rằng Ngài Arsenault và cha tôi có quan hệ khá tốt. Tôi có thể viết thư cho ông ấy, cố gắng sắp xếp một cuộc gặp—"

“Cậu không nghĩ bố cậu sẽ bị phân tâm bởi tin tức cậu là kẻ giết người sao?” Robin hỏi.

‘Nó không hề nhắc đến Letty như một thủ phạm.’ Victoire lướt qua bài báo. ‘Chỉ có ba chúng ta thôi. Cô ta hoàn toàn không được đề cập đến.’

Một khoảng lặng ngắn ngủi, ngượng ngùng bao trùm.

“Không, thế tốt cho chúng ta chứ,” Anthony nói trơn tru. “Cho chúng ta chút tự do hành động. Giờ thì em bắt đầu viết thư cho bố đi, Letty, còn những người khác thì quay lại nhiệm vụ của mình.”

Lần lượt từng người một, họ rời khỏi Phòng Đọc để thực hiện nhiệm vụ được giao. Ilse lên đường đến Babel để lấy thêm tin tức về những diễn biến ở Luân Đôn. Cathy và Vimal đến xưởng để mày mò.với các cặp khớp sử dụng*polemikós*Ramy và Victoire được giao nhiệm vụ viết thư cho các lãnh đạo cấp cao của Đảng cấp tiến bằng cách mạo danh những người ủng hộ Đảng cấp tiến da trắng, trung niên. Robin ngồi với Anthony trong Phòng Đọc, trích dẫn những bằng chứng thuyết phục nhất về sự thông đồng từ thư của Giáo sư Lovell để làm thành những cuốn sách nhỏ ngắn gọn, mang tính kích động. Họ hy vọng rằng những bằng chứng như vậy đủ gây chấn động để được các tờ báo London đăng tải.

“Cẩn thận lời nói,” Anthony bảo anh ta. “Cậu nên tránh những luận điệu về chủ nghĩa chống thực dân và tôn trọng chủ quyền quốc gia. Hãy dùng những từ như*scandal*,*collusion*,*corruption*,*lack of transparency*, với đủ thứ linh tinh khác. Hãy diễn đạt theo kiểu mà người London bình thường cũng thấy bức xúc, và đừng biến nó thành vấn đề sắc tộc.

“Anh muốn tôi dịch cho mấy người da trắng à?”, Robin nói.

Chính xác.

Họ làm việc trong im lặng thoải mái khoảng một giờ, cho đến khi tay Robin đau quá không thể tiếp tục. Anh ngồi dựa lưng vào ghế, lặng lẽ ôm lấy cốc trà, cho đến khi có vẻ như Anthony đã viết xong một đoạn. "Anthony, tôi hỏi anh chuyện này được không?"

Anthony đặt bút xuống. "Em đang nghĩ gì vậy?"

"Anh thật sự nghĩ cái này sẽ hiệu quả à?" Robin gật đầu về phía chồng tờ rơi nháp. "Ý tôi là, chiến thắng trong lĩnh vực dư luận ấy."

Anthony ngả người ra sau, co duỗi các ngón tay. "Tôi thấy là anh trai cậu đã tác động đến cậu rồi."

“Griffin dành cả tối qua dạy tôi cách dùng súng,” Robin nói. “Anh ấy nghĩ cách mạng không thể thành công nếu không có bạo động. Và anh ấy khá là thuyết phục.”

Anthony trầm ngâm một lúc, gật đầu, gõ nhẹ bút vào lọ mực. "Anh trai cô thích gọi tôi là ngây thơ."

"Đó không phải là ý tôi—"

Tôi biết, tôi biết mà. Tôi chỉ muốn nói rằng tôi không nhu nhược như Griffin nghĩ. Nhắc cho anh nhớ, tôi đến đất nước này trước cả khi chúng quyết định tôi không còn bị gọi là nô lệ một cách hợp pháp nữa. Tôi đã sống phần lớn cuộc đời mình ở một quốc gia luôn bối rối trong việc xác định liệu tôi có được tính là con người hay không. Tin tôi đi, tôi không phải là một người lạc quan vui vẻ gì về những vấn đề đạo đức của nước Anh da trắng đâu.

‘Nhưng chắc cuối cùng thì họ cũng phải chấp nhận việc bãi bỏ chế độ nô lệ thôi,’ Robin nói. ‘Dù sao cũng vậy.’

Anthony cười khẽ. "Cậu nghĩ việc bãi bỏ chế độ nô lệ là chuyện dễ dàng lắm saoĐạo đức ư? Không, phong trào bãi nô trở nên phổ biến vì sau khi mất nước Mỹ, người Anh quyết định Ấn Độ sẽ là con ngỗng đẻ trứng vàng mới của họ. Nhưng bông, chàm và đường từ Ấn Độ sẽ không thể thống trị thị trường nếu Pháp không bị loại bỏ, và Pháp sẽ không bị loại bỏ, ông thấy đấy, chừng nào việc buôn bán nô lệ của Anh vẫn mang lại nhiều lợi nhuận cho họ ở Tây Ấn.

Nhưng—

'Nhưng chẳng có gì cả. Cái phong trào bãi nô mà anh biết chỉ toàn là phô trương thôi. Chỉ là lời nói suông. Pitt ban đầu đưa ra kiến nghị vì ông ta thấy cần phải cắt đứt việc buôn bán nô lệ cho Pháp. Còn Quốc hội thì ủng hộ những người theo chủ nghĩa bãi nô vì họ rất sợ một cuộc nổi dậy của người da đen ở Tây Ấn.'

Vậy anh nghĩ đó hoàn toàn chỉ là vấn đề rủi ro và kinh tế.

Chà, không hẳn. Anh trai cậu thích tranh luận rằng cuộc nổi dậy của nô lệ Jamaica, dù thất bại, chính là thứ thúc đẩy người Anh ban hành luật bãi bỏ. Anh ấy đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Thấy không, cuộc nổi dậy giành được sự đồng cảm của người Anh vì các nhà lãnh đạo là thành viên của nhà thờ Baptist, và khi nó thất bại, những người da trắng ủng hộ chế độ nô lệ ở Jamaica bắt đầu phá hủy các nhà nguyện và đe dọa các nhà truyền giáo. Những người theo đạo Baptist đó đã trở lại Anh và kêu gọi sự ủng hộ trên cơ sở tôn giáo, chứ không phải quyền tự nhiên. Ý tôi là, việc bãi bỏ chế độ nô lệ xảy ra vì người da trắng tìm thấy lý do để quan tâm - dù đó là kinh tế hay tôn giáo. Cậu chỉ cần khiến họ nghĩ rằng họ tự nghĩ ra ý tưởng đó. Cậu không thể kêu gọi lòng tốt bên trong của họ. Tôi chưa bao giờ gặp một người Anh nào mà tôi tin tưởng sẽ làm điều đúng đắn chỉ vì lòng trắc ẩn.

"Chà," Robin nói, "Letty kia rồi."

“Ừ,” Anthony nói sau một lúc ngừng lại. “Hình như còn có Letty nữa. Nhưng cô ấy là trường hợp hiếm hoi, phải không?”

“Vậy thì đường nào cho chúng ta bây giờ?” Robin hỏi. “Rồi tất cả những chuyện này để làm gì?”

“Vấn đề là phải xây dựng một liên minh,” Anthony nói. “Và nó cần bao gồm cả những người ủng hộ khó ngờ tới. Chúng ta có thể rút bao nhiêu tài nguyên từ Babel tùy thích, nhưng chừng đó vẫn không đủ để lay chuyển những đòn bẩy quyền lực cố thủ vững chắc như Jardine và Matheson. Nếu chúng ta muốn xoay chuyển dòng chảy lịch sử, chúng ta cần một số người trong bọn họ – chính những kẻ chẳng hề áy náy khi đem bán đấu giá tôi và đồng loại – trở thành đồng minh của chúng ta. Chúng ta cần thuyết phục họ rằng sự bành trướng toàn cầu của Anh Quốc, được xây dựng trên những kim tự tháp bạc, không phải là lợi ích tốt nhất của chính họ. Bởi vì…”Lợi ích là thứ logic duy nhất họ chịu nghe. Không phải công lý, không phải phẩm giá con người, cũng chẳng phải những tự do phóng khoáng mà họ luôn miệng nói là coi trọng. Lợi nhuận.

Thà bảo họ ra đường trần truồng còn hơn.

“Hừ. Không, mầm mống cho một liên minh vẫn ở đó. Thời cơ chín muồi cho một cuộc cách mạng ở Anh rồi, cậu biết đấy. Toàn bộ châu Âu đã sục sôi cải cách hàng thập kỷ; họ bị lây từ Pháp. Chúng ta chỉ cần biến đây thành một cuộc chiến giai cấp thay vì sắc tộc. Và đây, thực sự, là một vấn đề giai cấp. Nó có vẻ như một cuộc tranh luận về thuốc phiện và Trung Quốc, nhưng người Trung Quốc không phải là những người duy nhất chịu thiệt, phải không? Tất cả đều có liên quan. Cuộc cách mạng công nghiệp bạc là một trong những động lực lớn nhất của bất bình đẳng, ô nhiễm và thất nghiệp ở đất nước này. Số phận của một gia đình nghèo ở Quảng Châu thực chất gắn liền với số phận của một người thợ dệt thất nghiệp ở Yorkshire. Cả hai đều không được hưởng lợi từ việc mở rộng đế quốc. Cả hai đều trở nên

nghèo hơn khi các công ty giàu lên. Vì vậy, nếu họ có thể thành lập một liên minh ...” Anthony đan các ngón tay vào nhau. “Nhưng đó là vấn đề, cậu thấy đấy. Không ai tập trung vào việc tất cả chúng ta đều có mối liên hệ với nhau như thế nào. Chúng ta chỉ nghĩ về việc bản thân mình chịu đựng ra sao, một cách riêng lẻ. Người nghèo và tầng lớp trung lưu ở đất nước này không nhận ra rằng họ có nhiều điểm chung với chúng ta hơn là với Westminster.”

“Có một thành ngữ tiếng Trung rất hay diễn tả được điều này,” Robin nói.*Tùsīhúbēi.*[*] Thỏ chết thì cáo buồn, bởi chúng cũng cùng một loài vật.

“Chính xác,” Anthony nói. “Chỉ là chúng ta phải thuyết phục được chúng rằng chúng ta không phải con mồi của chúng. Rằng có một kẻ săn mồi trong rừng, và tất cả chúng ta đều gặp nguy hiểm.”

Robin liếc nhìn xuống những tờ rơi. Chúng trông thật vô dụng vào lúc này; chỉ là những con chữ, những nét mực nguệch ngoạc trên tờ giấy trắng mỏng manh. "Và anh thực sự nghĩ anh có thể thuyết phục họ bằng thứ này sao?"

“Chúng ta buộc phải làm vậy.” Anthony lại co duỗi các ngón tay một lần nữa, rồi nhấc bút lên và tiếp tục lật giở những lá thư của Giáo sư Lovell. “Tôi không thấy có lối thoát nào khác.”

Robin chợt nghĩ không biết Anthony đã dành bao nhiêu thời gian trong đời để cẩn thận "dịch" bản thân mình cho người da trắng hiểu, bao nhiêu trong vẻ ngoài hòa nhã, dễ mến kia là sự gọt giũa khéo léo để phù hợp với một hình mẫu cụ thể về người da đen trong xã hội Anh da trắng và để bản thân có thể tiếp cận tối đa một tổ chức như Babel. Và cậu tự hỏi liệu sẽ có ngày nào tất cả những điều này trở nên không cần thiết, khi người da trắng nhìn cậu và Anthony và chỉ đơn giản là lắng nghe, khi lời nói của họ có giá trị chỉ vì chúng được thốt ra, khi họ không cần

phải...để che giấu con người thật của họ, khi mà lẽ ra họ không phải vặn vẹo bản thân không biết bao nhiêu lần chỉ để được thấu hiểu.

Giữa trưa họ tập hợp lại ở Phòng Đọc sách để ăn trưa. Cathy và Vimal khá phấn khích với những gì họ đã làm với*polemikós*bùa ghép đôi, đúng như dự đoán của Griffin, khiến các cuốn sách nhỏ bay tứ tung và tiếp tục vỗ cánh xung quanh những người đứng xem nếu bị ném lên không trung. Vimal đã bổ sung thêm nguồn gốc Latinh của từ này*discuss*:*discutere*có thể mang nghĩa 'phân tán', hoặc 'rải rác'.

"Giả sử ta gắn cả hai thanh này vào một chồng tờ rơi," anh ta nói. "Chúng sẽ bay khắp London, bất kể có gió hay không. Làm thế để gây chú ý thì sao?"

Dần dần, những ý tưởng tưởng chừng như lố bịch đêm qua, những nét nguệch ngoạc hỗn độn của những bộ óc thiếu ngủ, đã kết tụ lại thành một kế hoạch hành động khá ấn tượng. Anthony tóm tắt vô số nỗ lực của họ trên bảng đen. Trong vài ngày tới, hoặc vài tuần nếu cần, Hội Hermes sẽ cố gắng gây ảnh hưởng đến các cuộc tranh luận bằng mọi cách có thể. Mối quan hệ của Ilse trên phố Fleet sẽ sớm xuất bản một bài báo bóc phốt về việc William Jardine, kẻ đã gây ra tất cả mớ hỗn độn này ngay từ đầu, đang tiêu khiển thời gian tại một thị trấn spa ở Cheltenham. Vimal và Cathy, thông qua một số trung gian da trắng đáng kính hơn, sẽ cố gắng thuyết phục những nghị sĩ Whig do dự rằng việc khôi phục quan hệ tốt đẹp với Trung Quốc ít nhất sẽ giữ được các con đường giao thương hàng hóa hợp pháp, chẳng hạn như trà và đại hoàng. Rồi còn những nỗ lực của Griffin ở Glasgow, cũng như những cuốn sách nhỏ sắp được phát tán khắp London. Thông qua tống tiền, vận động hành lang và gây sức ép dư luận, Anthony kết luận, họ có thể kiếm đủ phiếu bầu để đánh bại đề xuất chiến tranh.

“Cái này có thể hiệu quả đấy,” Ilse nói, chớp mắt nhìn bảng đen như thể ngạc nhiên.

‘Nó*could*"Làm việc," Vimal đồng ý. "Chết tiệt."

“Anh chắc là bọn em không thể đi cùng anh chứ?” Ramy hỏi.

Anthony vỗ nhẹ lên vai anh ta đầy thông cảm. "Cậu đã làm tròn phần của mình rồi. Tất cả các cậu đã rất dũng cảm. Nhưng giờ là lúc để mọi chuyện cho những người chuyên nghiệp lo liệu."

“Anh chỉ hơn bọn tôi có năm tuổi,” Robin nói. “Thế thì anh chuyên nghiệp ở chỗ nào?”

“Tôi không biết,” Anthony nói. “Cứ thế thôi.”

“Và chúng ta phải chờ đợi mà không biết gì sao?” Letty hỏi. “Chúng ta thậm chí còn không nhận được giấy tờ ở đây.”

“Chúng ta sẽ quay lại sau khi bỏ phiếu,” Anthony nói. “Và chúng ta sẽ thỉnh thoảng quay lại thăm cậu – cứ cách một ngày, nếu cậu lo lắng đến vậy.”

“Nhưng lỡ có chuyện gì thì sao?” Letty nài nỉ. “Lỡ anh cần chúng em giúp thì sao? Lỡ chúng em cần…”*your*Cứu với?

Các nghiên cứu sinh đều nhìn nhau. Có vẻ như họ đang có một cuộc trò chuyện thầm lặng – Robin đoán, là sự lặp lại của một cuộc trò chuyện họ đã từng có nhiều lần trước đây, vì rõ ràng là ai cũng đã có lập trường riêng. Anthony nhướn mày. Cathy và Vimal cùng gật đầu. Ilse, mím môi, có vẻ miễn cưỡng, nhưng cuối cùng cô thở dài và nhún vai.

"Cứ tự nhiên," cô ấy nói.

"Griffin sẽ từ chối," Anthony nói.

“Vậy,” Cathy nói, “Griffin không có ở đây.”

Anthony đứng dậy, biến mất một lát vào giữa những chồng sách, rồi quay lại với một phong bì dán kín. “Cái này,” anh ta nói, đặt nó xuống bàn, “chứa thông tin liên lạc của hàng tá cộng sự của Hermes trên toàn cầu.”

Robin kinh ngạc. "Anh chắc là mình nên cho bọn tôi xem thứ này sao?"

“Không,” Anthony nói. “Chúng ta thật sự không nên làm vậy. Tôi thấy tính đa nghi của Griffin đã lây sang cậu rồi, và đó không phải là điều xấu. Nhưng giả sử chỉ còn lại mỗi các cậu. Ở đây không có tên tuổi hay địa chỉ nào cả – chỉ có điểm hẹn và hướng dẫn liên lạc. Nếu cuối cùng cậu chỉ còn một mình, ít nhất cậu cũng có cách để giữ Hermes tồn tại.”

“Anh nói như thể anh sẽ không quay lại vậy,” Victoire nói.

Chà, cũng có khả năng là chúng ta không làm được mà, phải không?

Thư viện im phăng phắc.

Bất chợt Robin cảm thấy mình thật trẻ con, thật ngây thơ. Mọi chuyện cứ như một trò chơi thú vị, những đêm dài vạch ra kế hoạch với Hội Hermes, nghịch ngợm với khẩu súng của anh trai. Hoàn cảnh của họ thật kỳ quặc, và điều kiện chiến thắng thì quá xa vời, đến nỗi nó giống một bài tập hơn là đời thực. Giờ thì cậu mới thấm thía rằng những thế lực mà họ đang đùa giỡn thật ra vô cùng đáng sợ, rằng các công ty thương mại và các nhóm vận động chính trị mà họ đang cố gắng thao túng không phải là những con ngáo ộp nực cười như họ tưởng mà là những tổ chức cực kỳ hùng mạnh với những lợi ích sâu xa, cố hữu trong thương mại thuộc địa, những lợi ích mà họ sẵn sàng giết người để bảo vệ.

“Nhưng cậu sẽ ổn thôi mà,” Ramy nói. “Phải không? Babel chưa bao giờ bắt được cậu—”

“Họ tóm được tụi mình nhiều lần rồi,” Anthony nói nhẹ nhàng. “Thành ra mới phải cảnh giác vậy.”

“Vậy nên mới hao mòn,” Vimal nói vừa đút khẩu súng lục vào thắt lưng. “Chúng ta đều biết rủi ro mà.”

“Nhưng các cậu sẽ an toàn ở đây kể cả khi chúng tôi bị lộ,” Cathy trấn an họ. “Chúng tôi sẽ không bỏ rơi các cậu.”

Ilse gật đầu. “Chúng tôi thà cắn lưỡi chết ngạt trước còn hơn.”

“Tôi xin lỗi.” Letty đứng phắt dậy. Cô trông rất nhợt nhạt; cô đưa tay lên miệng, như thể sắp nôn. “Tôi chỉ – tôi chỉ cần chút không khí.”

“Cháu có muốn uống nước không?” Victoire hỏi, vẻ mặt lo lắng.

“Không, tôi ổn mà.” Letty lách qua những chiếc ghế chật chội của họ để ra cửa. “Tôi chỉ cần hít thở một chút thôi, nếu được.”

Anthony chỉ tay. "Sân ở hướng đó."

“Hình như mình ra phía trước đi dạo một chút,” Letty nói. “Cái sân này thấy hơi… hơi bí bách.”

“Bám sát khu nhà này,” Anthony nói. “Đừng để ai thấy.”

“Vâng – vâng, tất nhiên rồi.” Letty có vẻ khá đau khổ; hơi thở của cô ấy gấp gáp và nông đến nỗi Robin lo cô ấy sẽ ngất xỉu. Ramy đẩy ghế ra sau để cô ấy có khoảng trống đi ra. Letty dừng lại ở cửa và liếc nhìn qua vai – ánh mắt cô ấy dừng lại trên Robin, và dường như cô ấy sắp nói điều gì đó – nhưng rồi cô ấy mím môi và vội vã đi ra khỏi cửa.

Những phút cuối cùng trước khi nhóm nghiên cứu sinh rời đi, Anthony dặn dò Robin, Ramy và Victoire một số việc vặt trong nhà. Chỗ bếp nhỏ dự trữ đủ lương thực cho một tuần, thậm chí

lâu hơn nếu họ chịu ăn cháo loãng với cá muối. Nước uống sạch thì khó khăn hơn – Thư viện Cổ quả thực được cấp nước từ hệ thống bơm của thành phố, nhưng họ không thể xả vòi quá khuya hoặc quá lâu vào bất kỳ lúc nào, vì việc thoát nước ở nơi khác có thể gây chú ý. Còn lại thì sách trong thư viện dư sức cho họ đọc, mặc dù họ đã được dặn dò nghiêm ngặt không được động vào bất kỳ dự án nào đang thực hiện trong xưởng.

“Và cố gắng ở trong nhà càng nhiều càng tốt,” Anthony nói khi anh ta đóng gói xong túi đồ. “Các con có thể thay phiên nhau ra sân nếu muốn, nhưng giữ im lặng – bùa phép hay bị trục trặc lắm. Nếu các con cần hít thở không khí trong lành, thì hãy ra ngoài sau khi mặt trời lặn. Nếu các con sợ hãi, có một khẩu súng trườngtrong cái tủ chổi đó – tôi thực sự hy vọng là các bạn sẽ không bao giờ phải làm thế, nhưng nếu phải, liệu có ai trong số các bạn—’

“Tôi xoay xở được,” Robin nói. “Tôi nghĩ vậy. Nó cùng nguyên lý với súng ngắn mà, phải không?”

"Cũng đủ gần rồi." Anthony buộc dây giày. "Rảnh thì mày chỉnh lại, trọng lượng hơi khác một chút. Còn về tiện nghi thì mày sẽ thấy xà phòng các thứ trong tủ phòng tắm. Nhớ dọn tro trong lò sưởi mỗi sáng, không thì ngột ngạt lắm. À – trước đây có cái chậu giặt đồ, nhưng Griffin phá banh chành lúc nghịch bom ống. Mày chịu khó mặc đồ vài ngày được mà, phải không?"

Ramy khịt mũi. "Cái đó thì phải hỏi Letty."

Có một khoảng lặng. Rồi Anthony hỏi, "Letty đâu?"

Robin liếc nhìn đồng hồ. Anh không nhận ra thời gian trôi nhanh đến vậy; đã gần nửa tiếng kể từ khi Letty bước ra khỏi nhà.

Victoire đứng dậy. "Có lẽ tôi nên—"

Có tiếng gì đó ré lên gần cửa trước. Âm thanh chói tai và thô ráp, giống tiếng hét của con người đến nỗi Robin mất một lúc mới nhận ra đó là tiếng ấm đun nước.

“Chết tiệt.” Anthony hạ súng trường xuống. “Ra sân nhanh lên, tất cả mọi người—”

Nhưng đã quá muộn. Tiếng thét chói tai ngày càng to hơn, cho đến khi những bức tường thư viện dường như rung lên. Vài giây sau, cánh cửa trước bị phá tung, và cảnh sát Oxford ùa vào bên trong.

"Giơ tay lên!" ai đó hét lớn.

Đám nghiên cứu sinh dường như đã tập dượt cho việc này. Cathy và Vimal chạy vào từ xưởng, mỗi người cầm một thỏi bạc trên tay. Ilse dùng hết sức đẩy vào một cái kệ cao ngất; nó đổ sập về phía trước, tạo ra phản ứng dây chuyền làm sụp đổ con đường trước mặt cảnh sát. Ramy định chạy tới giúp, nhưng Anthony hét lên, "Không, trốn đi – Phòng Đọc—"

Họ loạng choạng lùi lại. Anthony đá mạnh cửa đóng sập lại sau lưng. Bên ngoài, họ nghe thấy tiếng nổ ầm ầm và tiếng đổ vỡ – Anthony hét lên điều gì đó nghe như "Ngọn hải đăng", và Cathy thét lên đáp lại – đám nghiên cứu sinh đang chiến đấu, chiến đấu để bảo vệ họ.

Nhưng rồi ích gì chứ? Phòng Đọc chẳng khác gì đường cùng. Không cửa sổ, cũng chẳng có lối thoát nào khác. Họ chỉ còn biết co rúm sau chiếc bàn, giật mình thon thót mỗi khi nghe tiếng súng nổ bên ngoài. Ramy định nói gì đó về việc chặn cửa, nhưng ngay khi họ vừa nhích ghế lên, cánh cửa đã bật mở.

Letty đứng trong khung cửa. Cô cầm một khẩu súng lục.

“Letty?” Victoire hỏi với vẻ không tin. “Letty, cậu đang làm gì vậy?”

Robin cảm thấy một thoáng nhẹ nhõm ngắn ngủi, ngây thơ trước khi nhận ra rõ ràng Letty không đến để cứu họ. Cô ta giơ khẩu súng lục lên, lần lượt chĩa vào từng người bọn họ. Dường như cô ta khá thành thạo với súng. Cánh tay cô ta không hề run rẩy dưới sức nặng của nó. Và cảnh tượng thật phi lý – Letty của họ, đóa hồng Anh đoan trang của họ, đang cầm một thứ vũ khí với sự bình tĩnh, chính xác chết người – đến nỗi anh tự hỏi trong giây lát liệu mình có đang bị ảo giác không.

Nhưng rồi anh nhớ ra: Letty là con gái một vị đô đốc. Dĩ nhiên là cô ấy biết bắn súng.

“Giơ tay lên đầu,” cô ta nói. Giọng cô ta cao và trong, như pha lê mài nhẵn. Cô ta nghe như một người hoàn toàn xa lạ. “Họ sẽ không làm hại ai, miễn là các người đi theo một cách yên lặng. Nếu các người không chống cự. Họ đã giết những người còn lại, nhưng họ sẽ bắt sống các người. Không hề hấn gì.”

Victoire nhìn chăm chú vào chiếc phong bì trên bàn, rồi lại nhìn vào lò sưởi đang tí tách cháy.

Letty nhìn theo ánh mắt cô. "Tôi sẽ không làm thế."

Victoire và Letty đứng trừng mắt nhìn nhau, thở hổn hển, chỉ trong giây lát.

Mọi chuyện xảy ra cùng một lúc. Victoire lao về phía chiếc phong bì. Letty chĩa súng. Theo bản năng, Robin lao về phía cô ta – anh không biết mình định làm gì, chỉ biết chắc chắn Letty sẽ làm hại Victoire – nhưng ngay khi anh đến gần cô ta, Ramy đã đẩy anh sang một bên. Anh ngã về phía trước, vấp phải chân bàn—

Và rồi Letty phá hủy thế giới.

Cạch; bụp.

Ramy gục xuống. Victoire hét lên.

“Không—” Robin quỳ sụp xuống. Ramy nằm bất động, mềm oặt; anh cố gắng lật người cậu ấy ngửa lên. “Không, Ramy, làm ơn—” Trong khoảnh khắc, anh nghĩ Ramy đang giả vờ, vì làm sao chuyện này có thể xảy ra? Cậu ấy vẫn đang đứng thẳng, di chuyển và sống sờ sờ chỉ một giây trước thôi. Thế giới không thể kết thúc đột ngột như vậy; cái chết không thể nhanh đến thế. Robin vỗ nhẹ lên má Ramy, cổ cậu ấy, bất cứ nơi nào anh có thể để mong có một phản ứng, nhưng vô ích, mắt cậu ấy không mở ra –*why wouldn’t they open?*Chắc chắn đây là một trò đùa; anh ta chẳng thấy máu nào cả – nhưng rồi anh ta phát hiện ra nó, một chấm đỏ nhỏ xíu trên tim Ramy đang nhanh chóng lan rộng ra cho đến khi nó thấm đẫm chiếc áo sơ mi, áo khoác, thấm qua tất cả mọi thứ.

Victoire lùi lại khỏi lò sưởi. Những tờ giấy kêu răng rắc bên trong.Ngọn lửa, đen lại thành tro. Letty không hề có động tĩnh gì để lấy lại chúng. Cô đứng chết lặng, mắt mở to, khẩu súng lục buông thõng bên hông.

Không ai nhúc nhích. Tất cả đều nhìn chằm chằm vào Ramy, người rõ ràng là đã bất động, không thể nào cử động lại được nữa.

“Tôi không…” Letty đưa tay lên miệng. Cô đã mất bình tĩnh. Giờ giọng cô the thé, cao vút như giọng một đứa trẻ con. “Ôi, Chúa ơi…”

“Ôi, Letty.” Victoire rên rỉ khe khẽ. “Em đã làm gì thế này*done*Hả?

Robin đặt Ramy xuống sàn rồi đứng dậy.

Rồi sẽ có ngày Robin tự hỏi tại sao cú sốc của mình lại dễ dàng chuyển thành cơn thịnh nộ đến thế; tại sao phản ứng đầu tiên của anh không phải là sự hoài nghi trước sự phản bội này mà là

một nỗi căm hận đen tối, nuốt chửng tất cả. Và câu trả lời sẽ lảng tránh và khiến anh băn khoăn, bởi nó lẩn quẩn quanh một mớ hỗn độn phức tạp của tình yêu và ghen tuông đã giăng bẫy tất cả bọn họ, một thứ mà họ không có tên gọi hay lời giải thích, một sự thật mà họ mới chỉ bắt đầu nhận ra và giờ đây, sau chuyện này, sẽ mãi mãi không thừa nhận.

Nhưng ngay lúc đó, tất cả những gì hắn thấy là màu đỏ nhòe đi ở rìa tầm nhìn, lấn át tất cả mọi thứ ngoại trừ Letty. Hắn giờ đã biết cảm giác thực sự muốn một người chết đi, muốn xé xác họ ra từng mảnh, muốn nghe tiếng họ la hét, muốn khiến họ đau đớn. Hắn giờ đã hiểu cảm giác của tội giết người, cảm giác của cơn thịnh nộ, bởi vì chính là nó, ý định giết người mà hắn đáng lẽ phải cảm thấy khi giết cha mình.

Anh ta lao vào cô ấy.

"Đừng!" Victoire kêu lên. "Cô ấy…"

Letty quay người bỏ chạy. Robin đuổi theo ngay khi cô ta lẩn vào sau một đám cảnh sát. Anh xô đẩy họ; anh mặc kệ nguy hiểm, dùi cui và súng ống; anh chỉ muốn tóm được cô ta, muốn bóp chết cô ta, muốn xé xác con đĩ trắng kia ra.

Hai cánh tay lực lưỡng giật mạnh anh lại. Anh cảm thấy một lực đập mạnh vào phần lưng dưới. Anh loạng choạng. Anh nghe thấy tiếng Victoire hét lên nhưng không thể nhìn thấy cô ấy qua đám đông cảnh sát hỗn loạn. Ai đó trùm một cái túi vải lên đầu anh. Anh vùng vẫy dữ dội; cánh tay anh va vào một vật cứng, và áp lực ở lưng anh giảm bớt đi một chút, nhưng ngay sau đó một vật cứng đập vào xương gò má anh, và cơn đau bùng nổ dữ dội đến mức làm anh choáng váng. Ai đó còng tay anh ra sau lưng. Hai bàn tay nắm chặt lấy cánh tay anh, nhấc bổng anh lên và lôi anh ra khỏi Phòng Đọc.

Cuộc giằng co đã kết thúc. Thư viện Cổ im lặng. Anh ta lắc đầu điên cuồng, cố gắng giũ cái túi ra, nhưng tất cả những gì anh ta

thấy được chỉ là những thoáng nhìn của những kệ sách bị lật đổ và tấm thảm cháy đen trước khi ai đó giật mạnh cái túi trùm kín đầu anh ta hơn. Anh không thấy Vimal, Anthony, Ilse, hay Cathy đâu cả. Anh cũng không còn nghe thấy tiếng hét của Victoire nữa.

“Victoire?” anh thở hổn hển, kinh hãi. “Victoire?”

"Im lặng," một giọng nói trầm vang lên.

“Victoire!” anh ta hét lên. “Đâu—”

‘*Quiet*, mày.’ Ai đó kéo mũ trùm đầu ra vừa đủ lâu để nhét giẻ vào miệng hắn. Rồi hắn lại bị nhấn chìm vào bóng tối. Hắn không thấy gì, không nghe thấy gì; chỉ có sự im lặng ảm đạm, khủng khiếp khi chúng lôi hắn ra khỏi đống đổ nát của Thư viện Cũ và nhét vào một chiếc xe đang đợi sẵn.

Chapter Twenty-Four

Thou was not born for death, immortal Bird!

No hungry generations tread thee down.

JOHNKĂN, 'Khúc Tụng Họa Mi'

BĐường đá cuội xóc nảy, những cú va lắc đau điếng.*Get out, walk*Hắn ngoan ngoãn nghe theo, không chút suy nghĩ. Chúng lôi hắn ra khỏi xe ngựa, quẳng vào một xà lim, rồi bỏ mặc hắn với những suy tư của mình.

Có thể hàng giờ hoặc hàng ngày đã trôi qua. Anh không thể biết được – anh mất hết cảm giác về thời gian. Anh không còn ở trong thân xác mình, không còn ở trong xà lim này nữa; anh cuộn tròn đau đớn trên nền đá lạnh lẽo và bỏ lại hiện tại bầm dập, nhức nhối phía sau. Anh đang ở trong Thư viện Cổ, bất lực, chứng kiến hết lần này đến lần khác cảnh Ramy giật nảy người rồi đổ gục về phía trước như thể có ai đó vừa đá vào giữa hai xương bả vai cậu, cảnh Ramy nằm bất động trong vòng tay anh, cảnh Ramy, mặc cho mọi nỗ lực của anh, vẫn không hề động đậy.

Ramy đã chết.

Letty đã phản bội họ, Hermes đã gục ngã, và Ramy đã chết.

Ramy was dead.

Nỗi đau bóp nghẹt. Nỗi đau tê liệt. Nỗi đau như một chiếc ủng tàn nhẫn, nặng nề đè chặt lên ngực khiến anh không thể thở. Nỗi đau lôi anh ra khỏi chính cơ thể mình, biến những vết thương thành hư ảo. Anh đang chảy máu, nhưng không biết từ đâu. Cả người anh đau nhức vì còng số tám cứa vào cổ tay, vì sàn đá cứng đè lên tay chân, vì cái cách cảnh sát quăng anh xuống

như thể muốn bẻ gãy hết xương cốt. Anh ghi nhận những cơn đau này như những sự thật, nhưng anh không thực sự cảm thấy chúng; anh chẳng cảm thấy gì ngoài nỗi đau đớn duy nhất, mù lòa vì mất Ramy. Và anh không muốn cảm thấy bất cứ điều gì khác, không muốn chìm vào cơ thể mình và cảm nhận những vết thương, bởi vì nỗi đau thể xác đócó nghĩa là anh ấy vẫn còn sống, và còn sống thì phải tiếp tục. Nhưng anh không thể bước tiếp. Không phải sau chuyện này.

Anh ta mắc kẹt trong quá khứ. Anh ta đã tua lại ký ức đó cả ngàn lần, giống hệt như cái cách anh ta đã tua lại cái chết của cha mình. Chỉ khác là lần này, thay vì tự thuyết phục bản thân rằng mình không cố ý giết người, anh ta cố gắng thuyết phục bản thân về khả năng Ramy vẫn còn sống. Anh ta đã thực sự chứng kiến Ramy chết sao? Hay anh ta chỉ nghe thấy tiếng súng, nhìn thấy máu phụt ra và cú ngã? Liệu còn hơi thở nào sót lại trong phổi của Ramy, sự sống còn vương vấn trong mắt cậu ta không? Điều đó dường như quá bất công. Không, dường như không thể nào Ramy lại rời bỏ thế giới này đột ngột như vậy, cậu ta có thể sống động một khoảnh khắc rồi bất động ngay sau đó. Dường như nó thách thức các quy luật vật lý khi Ramiz Rafi Mirza có thể bị câm lặng bởi một thứ nhỏ bé như viên đạn.

Và, chắc chắn là Letty không thể nào nhắm vào tim anh. Điều đó cũng là không thể. Cô ấy yêu anh, cô ấy yêu anh gần như Robin yêu anh – cô ấy đã nói với anh như vậy, anh nhớ rõ, và nếu điều đó là sự thật, thì làm sao cô ấy có thể nhìn vào mắt Ramy và bắn để giết anh?

Nghĩa là Ramy có thể vẫn còn sống, có thể đã sống sót một cách kì diệu, có thể đã tự lết ra khỏi cảnh tàn sát ở Thư viện Cũ và tìm được một nơi ẩn náu, có thể sẽ hồi phục nếu ai đó tìm thấy cậu kịp thời, cầm máu vết thương kịp thời. Khó có thể, nhưng biết đâu, biết đâu, biết đâu...

Có lẽ khi Robin trốn thoát khỏi nơi này, khi họ được đoàn tụ, họ sẽ cười ngặt nghẽo về tất cả chuyện này đến mức đau cả ruột.

Anh ta hy vọng. Anh ta hy vọng cho đến khi hy vọng trở thành một dạng tra tấn riêng của nó. Ý nghĩa ban đầu của*hope*từng là "khao khát", và Robin khao khát bằng cả con người mình một thế giới đã không còn nữa. Cậu hy vọng đến mức tưởng chừng mình phát điên, đến mức bắt đầu nghe thấy những mảnh vỡ suy nghĩ của chính mình như thể được nói ra từ bên ngoài, những lời thô ráp, trầm thấp vang vọng quanh những phiến đá.

I wish—

I regret—

Rồi một loạt lời thú tội không phải của anh.

I wish I'd loved her better.

I wish I'd never touched that knife.

Đây không phải là ảo giác. Anh nâng đầu đang nhói lên, má dính nhớp nháp máu và nước mắt. Anh nhìn quanh, kinh ngạc. Những hòn đá đang nói chuyện, thì thầm hàng ngàn lời chứng khác nhau, mỗi lời...bị át đi bởi những tiếng ồn ào tiếp theo khiến anh chẳng thể nghe rõ được gì ngoài vài cụm từ thoáng qua.

*If only*Họ nói vậy.

*It isn't fair*Họ nói vậy.

*I deserve this*Họ nói vậy.

Vậy mà, giữa tất cả những tuyệt vọng ấy:

I hope—

I hope—

I hope against hope—

Nhăn mặt, anh đứng dậy, áp mặt vào tảng đá, rồi lần xuống tường cho đến khi tìm thấy ánh bạc lấp lánh quen thuộc. Thanh kim loại được khắc một chuỗi chữ cổ điển từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Latinh rồi đến tiếng Anh. Tiếng Hy Lạp*epitaphion*có nghĩa là 'một bài điếu văn' – một thứ được nói ra, một thứ để nghe; tiếng Latin*epitaphium*, tương tự, dùng để chỉ bài điếu văn. Chỉ đến thời tiếng Anh hiện đại, bia mộ mới được hiểu là một thứ gì đó được viết ra và im lặng. Bản dịch sai lệch đã cho tiếng nói cho những gì được viết. Anh ta bị bao quanh bởi những lời thú tội của người chết.

Anh ta đổ sụp xuống, ôm chặt đầu bằng hai tay.

Một kiểu tra tấn độc địa lạ lùng. Thiên tài nào đã nghĩ ra trò này? Chắc chắn mục đích là để nhấn chìm hắn ta trong sự tuyệt vọng của tất cả những linh hồn tội nghiệp khác từng bị giam cầm ở đây, lấp đầy hắn ta bằng nỗi buồn khôn tả đến mức khi bị thẩm vấn, hắn ta sẽ khai ra bất cứ ai và bất cứ điều gì để chấm dứt nó.

Nhưng những lời thì thầm ấy thật thừa thãi. Chúng không làm tâm trí anh thêm u ám; chúng chỉ lặp lại những gì anh đang nghĩ. Ramy đã chết; Hermes đã mất. Thế giới không thể tiếp diễn. Tương lai chỉ là một khoảng đen vô tận, và điều duy nhất mang lại cho anh một tia hy vọng mong manh là lời hứa rằng một ngày nào đó, tất cả những điều này sẽ kết thúc.

Cánh cửa mở ra. Robin giật mình tỉnh giấc, hơi choáng váng bởi tiếng kẽo kẹt của bản lề. Một chàng trai trẻ duyên dáng bước vào, mái tóc vàng được búi gọn gàng ngay trên gáy.

"Chào Robin Swift," anh ta nói. Giọng anh ta nhẹ nhàng, du dương. "Em có nhớ anh không?"

*Of course not*suýt nữa thì Robin thốt lên, nhưng rồi người đàn ông bước đến gần hơn, và những lời ấy chết lặng trên đầu lưỡi. Ông ta có những đường nét giống hệt bức phù điêu trong nhà nguyện của trường Đại học: cùng cái mũi thẳng, quý phái và đôi mắt sâu, thông minh. Robin vừa thấy khuôn mặt nàyCách đây hơn ba năm, trong phòng ăn của Giáo sư Lovell. Ông sẽ không bao giờ quên được chuyện đó.

"Cậu là Sterling." Sterling Jones xuất chúng, lừng danh, cháu trai của Ngài William Jones, dịch giả vĩ đại nhất thời đại. Sự xuất hiện của anh ta ở đây quá bất ngờ đến nỗi Robin chỉ biết chớp mắt nhìn anh ta một lúc. "Tại sao–"

"Sao tôi lại ở đây ư?" Sterling cười. Ngay cả tiếng cười của anh ta cũng thật tao nhã. "Tôi không thể bỏ lỡ được. Nhất là sau khi họ nói với tôi rằng họ đã tóm được em trai của Griffin Lovell."

Sterling kéo hai cái ghế vào phòng rồi ngồi xuống đối diện Robin, bắt chéo chân. Anh ta kéo áo khoác xuống cho thẳng thớm, rồi nghiêng đầu nhìn Robin. "Chà. Hai người trông thật giống nhau. Mặc dù cậu dễ nhìn hơn. Griffin lúc nào cũng cau có gầm gừ. Giống như con chó ướt." Anh ta đặt tay lên đầu gối rồi cúi người về phía trước. "Vậy là cậu đã giết cha mình, phải không? Trông cậu không giống kẻ sát nhân."

"Trông anh chẳng giống cảnh sát hạt chút nào," Robin nói.

Nhưng ngay khi thốt ra điều này, lưỡng phân sai lầm cuối cùng mà hắn dựng nên trong đầu – giữa các học giả và lưỡi gươm đế quốc – sụp đổ. Hắn nhớ lại lời Griffin. Hắn nhớ lại những bức thư của cha mình. Lũ buôn nô lệ và binh lính. Tất cả đều là những kẻ sát nhân sẵn sàng ra tay.

"Cậu giống anh trai cậu y đúc." Sterling lắc đầu. "Người Trung Quốc có câu gì nhỉ? Lửng cùng hang hay chó rừng cùng bầy? Láo xược, hỗn láo, lại còn tự cho mình là đúng một cách khó chịu." Ông khoanh tay trước ngực, ngả người ra sau, dò xét anh.

“Giải thích cho tôi hiểu. Tôi chưa bao giờ hiểu được Griffin. Nói đơn giản là –*why*? Cậu có mọi thứ mình muốn rồi còn gì. Cậu sẽ chẳng phải làm việc một ngày nào trong đời – không phải công việc thực sự, dù sao thì; nó cũng chẳng tính là gì khi chỉ là học bổng. Cậu đang bơi trong đống tiền mà.

“Đồng bào của tôi thì không,” Robin nói.

“Nhưng cậu không giống đồng bào của cậu!” Sterling thốt lên. “Cậu là ngoại lệ. Cậu là kẻ may mắn, kẻ được nâng đỡ. Hay cậu thực sự thấy mình có nhiều điểm chung với những kẻ ngu ngốc ở Quảng Châu hơn là với những người bạn Oxford của mình?”

“Tôi có,” Robin nói. “Đất nước của anh nhắc tôi nhớ điều đó mỗi ngày.”

"Vậy thì đó là vấn đề à? Vài người Anh da trắng đối xử không tốt với cậu?"

Robin thấy tranh cãi thêm nữa cũng chẳng ích gì. Ngay từ đầu chiều theo họ đã là dại rồi. Sterling Jones cũng y như Letty, chỉ khác là không có cái vẻ đồng cảm giả tạo của tình bạn hữu danh vô thực. Cả hai đều nghĩ vậylà vấn đề của từng cá nhân thay vì sự áp bức có hệ thống, và cả hai đều không thể nhìn nhận vấn đề vượt ra khỏi góc nhìn của những người giống hệt họ.

“Ôi, đừng nói với tôi chứ.” Sterling thở dài. “Cậu lại nảy ra cái ý tưởng nửa vời rằng đế quốc bằng cách nào đó là một thứ xấu xa, phải không?”

“Ông biết những gì họ làm là sai trái,” Robin nói mệt mỏi. Đủ rồi với những lời nói hoa mỹ; anh ta đơn giản là không thể, sẽ không tin rằng những người thông minh như Sterling Jones, Giáo sư Lovell và ông Baylis thực sự tin rằng những lời bào chữa mỏng manh của họ là thứ gì khác ngoài điều đó. Chỉ những người như họ mới có thể biện minh cho việc bóc lột các dân tộc và quốc gia khác bằng những lời lẽ hoa mỹ, những lời đáp trả sắc

bén và những lý luận triết học quanh co. Chỉ những người như họ mới nghĩ rằng đây vẫn là một vấn đề cần tranh luận. “Ông biết mà.”

"Giả sử anh muốn làm theo ý mình," Sterling nói, không hề nhượng bộ. "Giả sử chúng ta không gây chiến, và Quảng Châu giữ lại toàn bộ số bạc của họ. Anh nghĩ họ đang làm gì với số bạc đó?"

“Có lẽ,” Robin nói, “họ sẽ tiêu hết số tiền đó.”

Sterling cười khẩy. "Thế giới này thuộc về kẻ biết nắm bắt. Cả cô và tôi đều biết điều đó, đó là cách chúng ta đến được Babel. Trong khi đó, quê hương của cô lại bị cai trị bởi những tên quý tộc lười biếng, uể oải, sợ đến chết khi chỉ cần nhắc đến đường sắt."

Một điểm chung của chúng ta.

"Buồn cười thật đấy, Robin Swift. Vậy theo cô, nước Anh đáng bị trừng phạt vì dám sử dụng những món quà thiên nhiên mà Chúa ban tặng cho chúng ta sao? Chúng ta nên để phương Đông trong tay những kẻ tha hóa mục nát, phung phí của cải vào lụa là và thê thiếp à?" Sterling nghiêng người về phía trước. Đôi mắt xanh của ông ta long lên. "Hay chúng ta..."*lead*? Nước Anh đang lao về phía một tương lai rực rỡ, rộng mở. Bạn có thể là một phần của tương lai ấy. Tại sao lại từ bỏ tất cả?’

Robin im lặng. Nói cũng vô ích; đây không phải một cuộc đối thoại thiện chí. Sterling chỉ muốn người khác cải đạo theo mình.

Sterling giơ hai tay lên trời. "Chỗ nào mà khó hiểu thế hả Swift? Sao cứ phải chống lại số phận? Sao cứ phải ngu xuẩn cắn cái tay đang đút cho mình ăn?"

Trường đại học không sở hữu tôi.

"Hừ. Trường đại học cho cậu tất cả mọi thứ."

“Đại học đã giật chúng tôi ra khỏi quê hương và bắt chúng tôi tin rằng tương lai của chúng tôi chỉ có thể là phục vụ Vương miện,” Robin nói. “Đại học nói với chúng tôi rằng chúng tôi đặc biệt, được chọn lựa, trong khi thực tế chúng tôi bị cắt đứt khỏi quê cha đất mẹ và được nuôi dưỡng ngay sát…”một tầng lớp mà ta không bao giờ thực sự thuộc về. Trường đại học đã khiến chúng ta quay lưng lại với đồng loại và bắt ta tin rằng lựa chọn duy nhất là đồng lõa hoặc đường phố. Đó không phải là ân huệ gì đâu, Sterling. Đó là sự tàn nhẫn. Đừng bắt tôi phải yêu kẻ thống trị mình.

Sterling trừng mắt nhìn anh. Hắn thở hổn hển. Robin nghĩ bụng, thật kỳ lạ là hắn lại kích động đến mức này. Má hắn đỏ bừng, trán bắt đầu lấm tấm mồ hôi. Anh tự hỏi, tại sao người da trắng lại dễ nổi giận đến thế khi ai đó không đồng ý với họ?

"Cô Price, bạn của cậu, đã cảnh báo tôi rằng cậu hơi cuồng tín rồi đấy."

Đây rõ ràng là một cái bẫy. Robin im lặng.

“Cứ tự nhiên,” Sterling cười khẩy. “Ông không muốn hỏi về cô ta à? Ông không muốn biết tại sao sao?”

Tôi biết tại sao rồi. Loại người như anh dễ đoán lắm.

Cơn giận dữ xoắn lại trên mặt Sterling. Anh đứng dậy, kéo ghế lại gần cho đến khi đầu gối hai người gần như chạm vào nhau.

Chúng tôi có cách để moi ra sự thật. Từ...*soothe*bắt nguồn từ một gốc Proto-Germanic có nghĩa là "sự thật". Chúng tôi liên kết nó với tiếng Thụy Điển*sand*Nó ru ngủ anh, khiến anh mất cảnh giác, vỗ về anh cho đến khi anh cất tiếng hát.’ Sterling nghiêng người về phía trước. ‘Nhưng tôi luôn thấy bài đó khá chán.

‘Bạn có biết từ*agony*"xuất phát từ đâu nhỉ?". Ông ta mò mẫm trong túi áo khoác, rồi lôi ra một cặp còng tay bằng bạc, đặt nó lên đầu gối. "Tiếng Hy Lạp, qua tiếng Latinh rồi sau đó là tiếng Pháp cổ. Tiếng Hy Lạp*agōnia*có nghĩa là một cuộc thi – ban đầu, là một cuộc gặp gỡ thể thao giữa các vận động viên. Ý nghĩa về sự đau khổ được thêm vào sau này. Nhưng tôi đang dịch từ tiếng Anh trở lại tiếng Hy Lạp, nên quán bar hiểu là gây ra đau khổ, chứ không phải loại bỏ nó. Khéo léo, phải không?

Hắn mỉm cười hài lòng nhìn cặp còng. Nụ cười đó không hề có chút ác ý nào – chỉ là niềm hân hoan chiến thắng vì những ngôn ngữ cổ đại đã bị hắn bẻ khóa và tái sử dụng cho mục đích của mình. “Phải mất một vài lần thử nghiệm trước khi chúng tôi làm đúng, nhưng giờ thì chúng tôi đã hoàn thiện hiệu ứng này. Nó sẽ rất đau đấy, Robin Swift. Đau như địa ngục vậy. Tôi đã thử nó rồi, chỉ vì tò mò thôi. Nó không phải là cơn đau bề mặt, cậu hiểu chứ; nó không giống như bị đâm bằng dao, hay thậm chí bị bỏng bởi lửa. Nó ở bên trong cậu. Như thể cổ tay cậu đang vỡ vụn, hết lần này đến lần khác, chỉ là không có giới hạn nào cho sự đau đớn, bởi vì về mặt thể chất, cậu vẫn ổn – tất cả chỉ ở trong đầu cậu thôi. Nó khá kinh khủng. Tất nhiên cậu sẽ chống lại nó. Cơ thể không thể không làm thế, không thể chịu đựng được nỗi đau như vậy. NhưngMỗi lần ngươi giãy giụa, nỗi đau sẽ tăng gấp đôi, rồi lại gấp đôi nữa. Ngươi có muốn tự mình trải nghiệm không?

I’m tired, nghĩ bụng Robin;*I’m so tired; I would rather you shoot me in the head.*

“Để tôi.” Sterling đứng dậy rồi quỳ xuống phía sau anh. “Thử cái này xem.”

Anh ta bập khóa còng tay lại. Robin hét lên. Anh không thể nào kìm được. Anh đã muốn giữ im lặng, không cho Sterling được thỏa mãn, nhưng cơn đau quá sức chịu đựng khiến anh mất hết kiểm soát, không còn cảm giác gì về cơ thể mình ngoài nỗi đau,

một nỗi đau còn tệ hơn nhiều so với những gì Sterling mô tả. Nó không giống như cổ tay anh đang gãy. Cảm giác như có ai đó đang đóng những chiếc đinh sắt dày vào xương anh, thẳng vào tủy, và mỗi khi anh quằn quại, vùng vẫy để thoát ra, cơn đau lại càng dữ dội hơn.

Control, một giọng nói vang lên trong đầu anh, một giọng nói nghe giống hệt Griffin.*Control yourself, stop, it'll hurt less—*

Nhưng nỗi đau chỉ tăng lên. Sterling đã không nói dối; không có giới hạn nào cả. Mỗi khi hắn nghĩ rằng thế là hết, rằng nếu phải chịu đựng thêm một khoảnh khắc nào nữa hắn sẽ chết, thì bằng cách nào đó nó lại càng dữ dội hơn. Hắn chưa từng biết da thịt con người có thể cảm nhận được nỗi đau như vậy.

Control, Griffin nói lại.

Rồi một giọng nói khác, nghe quen đến rợn người:*That's one good thing about you. When you're beaten, you don't cry*.

Kiềm chế. Kìm nén. Chẳng phải anh đã rèn luyện điều này suốt cả cuộc đời sao?*Let the pain slide off you like raindrops, without acknowledgment, without reaction, because to pretend it is not happening is the only way to survive.*

Mồ hôi nhỏ giọt trên trán anh. Anh cố gắng vượt qua cơn đau nhói đến mức lóa mắt, để cảm nhận lại đôi tay và giữ chúng yên. Đó là điều khó khăn nhất anh từng làm; cảm giác như anh đang tự mình đưa cổ tay dưới búa.

Nhưng cơn đau dịu đi. Robin gục xuống phía trước, thở hổn hển.

"Ấn tượng đấy," Sterling nói. "Xem cậu giữ được như vậy bao lâu nhé. Trong lúc đó, tôi có thứ khác muốn cho cậu xem." Anh ta rút ra một thanh khác từ túi áo và dí xuống trước mặt Robin. Mặt bên trái có ghi: φρήν. "Tôi không nghĩ cậu học tiếng Hy Lạp

cổ nhỉ? Trường Griffin dạy rất kém môn này, nhưng tôi nghe nói cậu là học sinh giỏi hơn. Cậu sẽ biết cái*phren*ám chỉ, sau đó – nơi cư ngụ của trí tuệ và cảm xúc. Chỉ có điều người Hy Lạp không nghĩ nó nằm trong tâm trí. Ví dụ như Homer, mô tả*phren*"là nằm ở trong ngực." Anh ta đặt thỏi kim loại vào túi áo trước của Robin. "Thử tưởng tượng xem thứ này làm được gì nào."

Hắn ta thu nắm đấm lại rồi giáng mạnh vào ngực Robin.

Tra tấn thể xác không quá tệ - giống như một áp lực mạnh hơn là đau đớn dữ dội. Nhưng khoảnh khắc đốt ngón tay của Sterling chạm vào ngực, tâm trí Robin như nổ tung: cảm xúc và ký ức ùa về, tất cả những gì anh ta che giấu, tất cả những gì anh ta sợ hãi và kinh hoàng, tất cả những sự thật mà anh ta không dám thừa nhận. Anh ta trở nên lảm nhảm như một tên ngốc, không biết mình đang nói gì; những từ tiếng Trung và tiếng Anh tuôn ra không có lý do hay trật tự.*Ramy*, anh ta nói, hay nghĩ, anh ta cũng chẳng biết nữa;*Ramy, Ramy, my fault, father, my father – my father, my mother, three people I have witnessed die and not once could I lift a finger to help—*

Mơ hồ anh cảm thấy Sterling đang giục giã mình, cố gắng dẫn dắt dòng lảm nhảm của anh. "Hermes," Sterling cứ nói. "Kể tôi nghe về Hermes đi."

"Giết tôi đi," anh thở hổn hển. Anh thực sự muốn vậy; anh chưa từng khao khát điều gì hơn thế nữa trên đời. Một tâm trí không được sinh ra để chịu đựng điều này. Chỉ có cái chết mới dập tắt được dàn đồng ca hỗn loạn này. "Chúa ơi,*kill me—*'

'Ồ, không, Robin Swift. Ngươi không thoát dễ dàng vậy đâu. Chúng ta không muốn ngươi chết; thế thì hỏng hết mọi chuyện.' Sterling rút một chiếc đồng hồ ra khỏi túi, xem xét nó, rồi nghiêng tai về phía cửa như thể đang nghe ngóng điều gì đó. Vài giây sau, Robin nghe thấy tiếng Victoire hét lên. 'Còn cô ta thì khác.'

Robin co hai chân lại rồi lao thẳng vào eo Sterling. Sterling bước sang một bên. Robin ngã nhào xuống đất, má đập mạnh vào đá. Cổ tay anh bị kéo căng bởi còng, và cánh tay anh lại một lần nữa bùng lên cơn đau dữ dội không dứt cho đến khi anh cuộn tròn người lại, thở hổn hển, dồn hết tâm trí vào việc giữ yên.

“Nó hoạt động như thế này.” Sterling lắc lư sợi dây đồng hồ trước mắt Robin. “Kể cho tôi mọi thứ cậu biết về Hội Hermes, và tất cả những chuyện này sẽ chấm dứt. Tôi sẽ tháo còng tay, và tôi sẽ thả tự do cho bạn cậu. Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi.”

Robin trừng mắt nhìn anh ta, thở hổn hển.

"Nói cho tôi biết, và chuyện này sẽ chấm dứt," Sterling lặp lại.

Thư viện Cũ đã biến mất. Ramy đã chết. Anthony, Cathy, Vimal và Ilse – có lẽ tất cả đều đã chết.*They've killed the rest*, Letty đã nói. Còn gì để từ bỏ nữa chứ?

There's Griffin, một giọng nói cất lên.*There are those who were in the envelope, there are countless others you don't know about*Và đó mới là vấn đề – hắn không biết còn ai ngoài kia hay họ đang làm gì, và hắnkhông thể mạo hiểm tiết lộ bất cứ điều gì khiến họ gặp nguy hiểm. Anh đã từng phạm sai lầm đó một lần rồi; anh không thể phụ Hermes lần nữa.

"Nói cho tôi biết, nếu không chúng tôi sẽ bắn cô gái." Sterling lắc lắc chiếc đồng hồ bỏ túi trước mặt Robin. "Một phút nữa, lúc đúng nửa giờ, họ sẽ găm một viên đạn vào đầu cô ta. Trừ khi tôi bảo họ dừng lại."

“Anh nói dối,” Robin thở hổn hển.

Không phải tôi. Năm mươi giây.

Anh không dám đâu.

“Chúng tôi chỉ cần một trong hai người sống sót, và cô ta khó bảo hơn.” Sterling lắc cái đồng hồ lần nữa. “Bốn mươi giây.”

Chỉ là hù dọa thôi. Chắc chắn là hù dọa; làm sao họ có thể canh thời gian chuẩn xác đến vậy được. Hơn nữa, lẽ ra họ phải muốn cả hai sống sót chứ – hai nguồn tin vẫn tốt hơn một, phải không?

Hai mươi giây.

Hắn cuống cuồng nghĩ ra một lời nói dối tạm được, bất cứ thứ gì để thời gian ngừng lại. “Còn những trường khác,” hắn thở hổn hển, “còn những mối liên hệ ở các trường khác, dừng lại—”

“À.” Sterling cất chiếc đồng hồ bỏ túi. “Hết giờ.”

Cuối hành lang, Victoire hét lên. Robin nghe thấy tiếng súng nổ. Tiếng hét đột ngột im bặt.

“Ơn trời,” Sterling nói. “Tiếng hét chói tai thật.”

Robin lao vào chân Sterling. Lần này thì thành công; hắn đã bắt Sterling bất ngờ. Cả hai ngã xuống sàn, Robin đè lên Sterling, hai tay bị còng đưa lên quá đầu. Hắn giáng nắm đấm xuống trán Sterling, xuống vai, bất cứ chỗ nào hắn với tới được.

“Đau đớn,” Sterling thở hổn hển.*Agōnia*.

Cơn đau ở cổ tay Robin tăng gấp đôi. Anh không thể nhìn thấy gì. Anh không thể thở được. Sterling vùng vẫy thoát ra khỏi người anh. Anh ngã nhào sang một bên, nghẹt thở. Nước mắt giàn giụa trên má. Sterling đứng đó nhìn anh một lúc, thở hổn hển. Rồi hắn ta giơ chân lên và nhắm một cú đá tàn nhẫn vào xương ức của Robin.

Đau; cơn đau trắng xóa, chói lòa. Robin chẳng cảm nhận được gì khác. Cậu không còn hơi sức để thét lên. Cậu hoàn toàn mất

kiểm soát cơ thể, chẳng còn chút tự trọng nào; mắt cậu trống rỗng, miệng trễ xuống, chảy dãi rớt xuống sàn.

"Chúa ơi." Sterling chỉnh lại cà vạt rồi đứng thẳng dậy. "Richard nói đúng. Đám các người đúng là lũ thú vật."

Rồi Robin lại một mình. Sterling không nói khi nào sẽ quay lại, hay điều gì sẽ xảy ra với Robin tiếp theo. Chỉ còn lại khoảng thời gian mênh mông và nỗi đau đen tối nhấn chìm lấy nó. Cậu khóc đến kiệt quệ. Cậu gào thét đến khi đau cả hơi thở.

Đôi khi cơn đau dịu đi chút ít, đủ để anh nghĩ mình có thể sắp xếp lại suy nghĩ, đánh giá tình hình, cân nhắc bước tiếp theo. Bước tiếp theo là gì? Liệu chiến thắng còn nằm trong tầm tay, hay chỉ còn sự sống sót? Nhưng hình bóng Ramy và Victoire cứ hiện hữu khắp nơi. Mỗi khi anh thoáng thấy tương lai le lói, anh lại nhớ ra họ sẽ không còn ở đó, và rồi nước mắt lại tuôn rơi, chiếc ủng nghẹt thở của nỗi đau lại đè nặng lên ngực anh.

Hắn nghĩ đến cái chết. Sẽ chẳng khó khăn gì; hắn chỉ cần đập đầu vào đá đủ mạnh hoặc nghĩ cách nào đó để siết cổ bằng còng tay. Cơn đau không làm hắn sợ. Cả người hắn tê dại; dường như hắn sẽ không bao giờ cảm thấy gì nữa ngoài cảm giác ngạt thở đến choáng ngợp – và có lẽ, hắn nghĩ, cái chết là cách duy nhất để ngoi lên khỏi mặt nước.

Có thể hắn sẽ chẳng phải tự tay làm điều đó. Khi chúng đã vắt kiệt mọi thứ trong đầu hắn, chẳng phải chúng sẽ đưa hắn ra tòa rồi treo cổ sao? Hồi trẻ, hắn từng thoáng thấy một vụ treo cổ ở Newcastle; hắn thấy đám đông tụ tập quanh giá treo cổ trong một lần rong chơi quanh thành phố và, vì không biết mình đang chứng kiến điều gì, hắn đã tiến lại gần hơn. Có ba người đàn ông đứng thành hàng trên bục. Hắn nhớ tiếng rầm của tấm ván sập xuống, tiếng gãy cổ đột ngột của họ. Hắn nhớ đã nghe ai đó lẩm bẩm thất vọng vì các nạn nhân không giãy giụa.

Treo cổ có khi lại nhanh – thậm chí dễ dàng, không đau đớn. Anh thấy tội lỗi khi nghĩ đến điều đó –*that's selfish*, Ramy đã nói,*you don't get to take the easy way out.*

Nhưng nhân danh Chúa, tại sao hắn vẫn còn sống? Robin chẳng hiểu nổi từ giờ trở đi bất cứ điều gì hắn làm còn ý nghĩa gì nữa. Hắn tuyệt vọng hoàn toàn. Họ đã thua, thua một cách triệt để, thảm hại, và chẳng còn gì sót lại. Nếu hắn còn níu kéo sự sống trong những ngày hoặc tuần còn lại, thì đó chỉ vì Ramy, bởi vì hắn không đáng được hưởng cái chết dễ dàng.

Thời gian trôi lê thê. Robin lơ lửng giữa tỉnh và mê. Đau đớn và xót xa khiến cậu không thể nào thực sự chợp mắt. Nhưng cậu mệt mỏi, quá mệt mỏi, và những suy nghĩ cứ xoáy sâu, trở thành những ký ức sống động như ác mộng. Cậu đang ở… cái/những*Hellas*Lại nữa, thốt ra những lời đã khơi mào tất cả chuyện này; hắn nhìn chằm chằm xuống người cha, nhìn máu sủi bọt trên lồng ngực tan nát ấy. Và đó quả là một bi kịch hoàn hảo, phải không? Một câu chuyện cổ xưa, tội giết cha. Người Hy Lạp yêu thích tội giết cha, ông Chester vẫn thường nói như vậy; họ yêu thích nó bởi tiềm năng tường thuật vô hạn, bởi sự gợi nhắc về di sản, lòng kiêu hãnh, danh dự và sự thống trị. Họ yêu thích cái cách nó khơi dậy mọi cung bậc cảm xúc bởi nó đã đảo ngược một cách xảo quyệt nguyên lý cơ bản nhất của sự tồn tại của con người. Một sinh vật tạo ra một sinh vật khác, nhào nặn và ảnh hưởng đến nó theo hình ảnh của chính mình. Con trai trở thành, rồi thay thế cha; Kronos hủy diệt Ouranos, Zeus hủy diệt Kronos và cuối cùng, trở thành hắn. Nhưng Robin chưa bao giờ ghen tị với cha mình, chưa bao giờ muốn bất cứ thứ gì của ông ta ngoại trừ sự công nhận, và hắn ghét nhìn thấy chính mình phản chiếu trong khuôn mặt lạnh lẽo, chết chóc ấy. Không, không phải chết - mà là sống lại, ám ảnh; Giáo sư Lovell nhìn hắn với ánh mắt ranh mãnh, và phía sau ông ta, thuốc phiện cháy trên bờ biển Canton, nóng bỏng, ầm ĩ và ngọt ngào.

"Dậy đi," Giáo sư Lovell nói.*Get up*.

Robin giật mình tỉnh giấc. Khuôn mặt cha cậu biến thành mặt anh trai cậu. Griffin lù lù hiện ra phía trên, người phủ đầy bụi than. Phía sau anh, cánh cửa nhà giam tan thành từng mảnh.

Robin sững sờ. "Sao..."

Griffin vung lên một thanh bạc. 'Vẫn trò cũ.'*Wúxíng*.

Tôi cứ nghĩ là nó sẽ không hợp với cậu.

“Buồn cười thật đấy, phải không? Ngồi dậy đi.” Griffin quỳ xuống phía sau Robin và bắt đầu mở còng tay cho cậu. “Ngay khi cậu nói ra điều đó lần đầu tiên, tôi cuối cùng cũng hiểu. Cứ như tôi đã chờ đợi cả đời để ai đó nói ra những lời ấy. Chúa ơi, nhóc, ai đã làm điều này với cậu?”

Sterling Jones.

“Dĩ nhiên rồi. Tên khốn.” Hắn loay hoay một lúc với ổ khóa. Kim loại cứa vào cổ tay Robin. Robin nhăn mặt, cố hết sức không cử động.

“Chết tiệt.” Griffin lục lọi trong túi và lôi ra một cái kéo lớn. “Tôi sẽ cắt, giữ yên đấy.” Robin cảm thấy một áp lực dữ dội, đau đớn – và rồi chẳng còn gì nữa. Tay cậu ta được tự do – vẫn bị còng, nhưng không còn bị xích vào nhau.

Cơn đau biến mất. Anh ta khụy xuống vì được tha mạng. "Tôi cứ tưởng anh ở Glasgow."

Tôi đang ở cách đó tám mươi cây số thì nhận được tin. Tôi liền quay lại, chờ đợi, rồi nhảy lên chuyến tàu đầu tiên về.

Nghe được gì chưa?

“Chúng tôi có cách riêng của mình.” Robin lúc đó mới để ý thấy bàn tay phải của Griffin loang lổ nhợt nhạt, đỏ ửng và trông rất

dữ tợn. Nó giống như một vết sẹo bỏng. “Anthony không nói rõ, cậu ấy chỉ gửi tín hiệu khẩn cấp, nhưng tôi đoán là chuyện chẳng lành. Sau đó, tất cả những tin đồn từ tháp đều nói rằng họ đã lôi các cậu đến đây, vì vậy tôi đã bỏ qua Thư viện Cổ - dù sao thì cũng nguy hiểm - và đến thẳng đây. Cược đúng rồi đấy. Anthony đâu?”

“Anh ấy chết rồi,” Robin nói.

“Tôi hiểu.” Có gì đó thoáng qua trên mặt Griffin, nhưng anh chớp mắt, và nét mặt lại trở về vẻ bình tĩnh. “Còn lại thì sao…?”

“Tôi nghĩ họ đều đã chết.” Robin cảm thấy khốn khổ; anh không dám nhìn vào mắt Griffin. “Cathy, Vimal, Ilse – tất cả mọi người trong nhà – tôi không thấy họ ngã xuống, nhưng tôi nghe thấy tiếng súng, và sau đó tôi không thấy họ nữa.”

Không còn ai sống sót nữa sao?

Có Victoire kìa. Tôi biết họ đã đưa Victoire đến, nhưng—

Cô ấy đâu?

“Tôi không biết,” Robin nói thảm hại. Có thể cô ấy đã chết trong xà lim. Có thể họ đã kéo xác cô ấy ra ngoài, quẳng vào một cái huyệt nông choẹt nào đó. Anh không thể thốt nên lời; điều đó sẽ khiến anh tan vỡ mất.

“Vậy thì nhìn xem.” Griffin túm lấy vai anh ta và lắc mạnh. “Chân cậu vẫn ổn mà, phải không? Nào, đứng dậy.”

Hành lang trống trơn một cách kỳ lạ. Robin liếc trái rồi phải, hoang mang. "Đám lính canh đâu hết rồi?"

'Xử lý chúng rồi.' Griffin vỗ nhẹ một thanh gài khác trên thắt lưng. 'Một chuỗi hoa cúc chơi chữ.'*explode*Tiếng Latinh*explōdere*là một thuật ngữ sân khấu – nó chỉ việc đuổi

một diễn viên ra khỏi sân khấu bằng cách vỗ tay. Từ đó, ta có nghĩa tiếng Anh cổ là “từ chối hoặc xua đuổi bằng tiếng ồn lớn”. Mãi đến tiếng Anh hiện đại, nó mới mang nghĩa là “sự nổ”. Ông ta trông rất đắc ý. "Tiếng Latinh của tôi tốt hơn tiếng Trung của tôi."

"Vậy là cái đó không phá được cửa à?"

‘Không, nó chỉ tạo ra âm thanh kinh khủng đến mức khiến tất cả người nghe phải bỏ chạy. Tôi đã khiến họ chạy hết lên tầng hai, rồi tôi lẻn lên đây và khóa cửa lại sau lưng.’

"Vậy cái lỗ đó là do đâu ra?"

“Chỉ là thuốc súng thôi.” Griffin kéo Robin đi. “Không thể lúc nào cũng dựa vào bạc được. Bọn học giả các ngươi lúc nào cũng quên điều đó.”

Họ lục soát từng xà lim trong đại sảnh để tìm Victoire. Hầu hết đều trống không, và Robin cảm thấy nỗi sợ hãi ngày càng tăng khi họ đi dọc theo các cánh cửa. Anh ta...không muốn nhìn; hắn không muốn thấy sàn nhà loang lổ máu - hay tệ hơn, thân thể mềm oặt của cô nằm ngay chỗ họ đã bỏ mặc, một vết đạn xuyên qua đầu.

“Này,” Griffin gọi từ cuối hành lang. Anh ta đập cửa. “Dậy đi em yêu.”

Robin gần như ngã quỵ vì nhẹ nhõm khi nghe thấy tiếng đáp nghèn nghẹt của Victoire. "Ai đó?"

“Đi được không?” Griffin hỏi.

Lần này giọng Victoire rõ hơn; chắc hẳn cô bé đã đến gần cửa. "Vâng ạ."

Em có bị đau không?

“Không, tôi ổn.” Giọng Victoire nghe có vẻ bối rối. “Robin, có phải…?”

“Griffin đây. Robin cũng ở đây. Đừng lo, chúng tôi sẽ đưa cậu ra.” Griffin thò tay vào túi và lôi ra một thứ trông giống như lựu đạn tự chế - một quả cầu bằng gốm có kích thước bằng một phần tư quả bóng crikê với một kíp nổ thò ra ở một đầu.

Nó trông có vẻ khá nhỏ đối với Robin. "Cái đó có thể thổi xuyên qua sắt sao?"

‘Không cần. Cửa làm bằng gỗ mà.’ Griffin lên giọng. ‘Victoire, lại góc xa kia, cúi đầu xuống, ôm lấy đầu gối. Sẵn sàng chưa?’

Victoire hét lên đồng ý. Griffin đặt quả lựu đạn vào góc cửa, châm lửa bằng diêm rồi vội vàng kéo Robin đi vài bước xuống hành lang. Tiếng nổ vang lên vài giây sau đó.

Robin phẩy tay xua làn khói khỏi mặt, ho sặc sụa. Cánh cửa không bị nổ tung - một vụ nổ lớn như vậy chắc chắn đã giết chết Victoire. Nhưng nó đã tạo ra một cái lỗ ở phía dưới đủ lớn để một đứa trẻ bò qua. Griffin đá vào phần gỗ cháy đen cho đến khi một vài mảnh lớn rơi ra. "Victoire, cháu có thể—"

Cô bò ra, ho sặc sụa. Griffin và Robin nắm lấy mỗi bên tay cô, kéo cô ra khỏi chỗ đó. Cuối cùng khi được tự do, cô quỳ xuống và ôm chầm lấy Robin. "Em cứ tưởng..."

"Anh cũng vậy," anh thì thầm, ôm chặt lấy cô. Ơn Chúa, cô hầu như không hề hấn gì. Cổ tay cô hơi bị trầy xước, nhưng không bị còng, và không có máu trên người cô, không có vết thương do đạn bắn nào. Sterling đã lừa bịp.

‘Họ nói họ đã bắn anh.’ Cô ấy áp sát vào ngực anh, run rẩy. ‘Ôi, Robin, em nghe thấy tiếng súng—’

“Cậu có—?” Anh ta không thể nói hết câu. Ngay lập tức anh ta hối hận vì đã hỏi; anh ta không muốn biết.

“Không,” cô thì thầm. “Em xin lỗi, em đã nghĩ – vì dù sao họ cũng đã bắt được chúng ta, em đã nghĩ…” Giọng cô nghẹn lại; cô nhìn đi chỗ khác.

Anh hiểu ý cô. Cô đã chọn để anh chết. Điều này không làm anh đau đớn nhiều như lẽ ra phải thế. Thay vào đó, nó làm rõ mọi thứ; những gì đang bị đe dọa trước mắt họ, sự nhỏ bé của mạng sống họ so với lý tưởng mà họ đã chọn. Anh thấy cô định xin lỗi, rồi lại thôi - tốt, anh nghĩ; cô không có gì phải xin lỗi, bởi vì giữa hai người, chỉ có một người từ chối gục ngã.

“Cửa ở hướng nào vậy?” Victoire hỏi.

“Bốn tầng nữa,” Griffin nói. “Bọn lính gác đang bị mắc kẹt trong cầu thang, nhưng chúng sẽ thoát ra sớm thôi.”

Robin liếc nhìn ra ngoài cửa sổ ở cuối hành lang. Họ ở khá cao, cậu nhận ra. Cậu đã nghĩ họ đang ở nhà tù thành phố trên quảng trường Gloucester Green, nhưng tòa nhà đó chỉ cao hai tầng. Mặt đất trông thật xa vời so với nơi họ đang đứng. "Chúng ta đang ở đâu?"

"Lâu đài Oxford," Griffin nói, vừa lôi một sợi dây thừng ra khỏi túi. "Tháp Bắc."

Không có cầu thang nào khác sao?

“Không có.” Griffin gật đầu về phía cửa sổ. “Đập vỡ kính bằng khuỷu tay. Chúng ta sẽ leo ra.”

Griffin xuống trước, rồi đến Victoire, cuối cùng là Robin. Leo xuống khó hơn nhiều so với vẻ ngoài dễ dàng mà Griffin thể hiện; Robin trượt quá nhanh mười feet cuối cùng khi tay cậu ta mỏi nhừ, sợi dây thừng để lại vết bỏng rát trên lòng bàn tay. Bên

ngoài, rõ ràng Griffin đã gây ra chuyện lớn hơn nhiều so với một màn đánh lạc hướng đơn giản. Toàn bộ mặt phía bắc của Lâu đài Oxford đang chìm trong biển lửa, ngọn lửa và khói lan nhanh khắp tòa nhà.

Griffin đã làm tất cả những điều này một mình sao? Robin liếc nhìn anh trai, và cứ như đang nhìn một người xa lạ. Griffin trở nên mới mẻ trong trí tưởng tượng của cậu mỗi khi gặp lại, và phiên bản này là đáng sợ nhất, người đàn ông cứng rắn, sắc bén này đã bắn, giết và đốt cháy mà không hề nao núng. Đó là lần đầu tiên cậu kết nối những cam kết trừu tượng về bạo lực của anh trai mình với những tác động thực tế của nó. Và chúng thật khủng khiếp. Robin không biết mình sợ anh trai, hay ngưỡng mộ khả năng tuyệt đối của anh ta.

Griffin lấy từ túi ra hai chiếc áo choàng đen tuyền ném cho họ – nhìn từ xa, chúng trông hơi giống áo choàng của cảnh sát – rồi lùadọc theo bên hông lâu đài về phía con đường chính. "Đi nhanh lên và đừng nhìn lại phía sau," anh ta lầm bầm. "Bọn chúng đang bị phân tâm hết rồi – bình tĩnh, nhanh lên, chúng ta sẽ ra khỏi đây thôi."

Và trong khoảnh khắc, lối thoát dường như thật sự dễ dàng đến vậy. Toàn bộ quảng trường lâu đài trông vắng tanh; tất cả lính canh đều bị phân tâm bởi ngọn lửa và những bức tường đá cao hun hút đổ xuống rất nhiều bóng râm để ẩn náu.

Chỉ một bóng người đứng chắn giữa họ và cánh cổng.

'*Explōdere*Sterling Jones loạng choạng tiến về phía họ. Tóc anh ta bị cháy sém, khuôn mặt vương giả đầy vết xước và máu. "Khá lắm. Không ngờ cậu lại biết đủ tiếng Latin để làm được điều đó."

Griffin đưa tay ra chắn trước Robin và Victoire như thể che chắn họ khỏi một con thú đang lao tới. "Chào Sterling."

“Tôi thấy cô đã đạt đến một tầm cao mới của sự hủy diệt.” Sterling ra hiệu mơ hồ về phía tòa lâu đài. Dưới ánh đèn leo lét, với máu nhuộm đỏ mái tóc nhạt màu và bụi trắng xám phủ kín áo khoác, trông hắn khá điên loạn. “Giết Evie vẫn chưa đủ với cô sao?”

"Evie tự chọn lấy số phận của mình," Griffin gầm gừ.

"Lời lẽ táo bạo từ một kẻ sát nhân."

‘*I’m*Kẻ giết người á? Sau Miến Điện cơ à?

"Cô ấy không có vũ khí—"

Cô ta biết mình đã làm gì. Anh cũng vậy.

Robin thấy rõ có quá khứ ở đây, một thứ gì đó vượt xa việc cùng thuộc một nhóm. Griffin và Sterling nói chuyện với nhau bằng sự thân mật của những người bạn cũ bị cuốn vào một mớ bòng bong phức tạp của yêu và hận mà anh không hề hay biết, một thứ đã được ủ men qua nhiều năm. Anh không biết câu chuyện của họ, nhưng rõ ràng là Griffin và Sterling đã lường trước cuộc đối đầu này từ rất lâu.

Sterling giơ súng lên. "Giơ tay lên ngay."

“Ba mục tiêu,” Griffin nói. “Một khẩu súng. Cậu nhắm vào ai, Sterling?”

Sterling hẳn phải nhận ra mình đang bị áp đảo về số lượng. Anh ta dường như chẳng bận tâm. "Ồ, tôi nghĩ là các người biết đấy."

Mọi chuyện diễn ra quá nhanh đến nỗi Robin gần như không nhận thức được chuyện gì đang xảy ra. Griffin rút vội khẩu súng lục. Sterling chĩa súng vào ngực Griffin. Có lẽ họ đã bóp cò cùng lúc, vì tiếng nổ xé toạc màn đêm nghe như một phát súng duy nhất. Cả hai gục xuống ngay lập tức.

Victoire hét lên. Robin quỵ xuống, túm lấy áo Griffin, điên cuồng vỗ về ngực anh cho đến khi cậu tìm thấy mảng máu ướt đẫm đang lan rộng trên vai trái. Vết thương ở vai không chí mạng, phải không? Robin cố nhớ lại chút ít kiến thức lượm lặt được từ truyện phiêu lưu – người ta có thể chết vì mất máu, nhưng sẽ không sao nếu được giúp đỡ kịp thời, nếu ai đó cầm máu đủ lâu để băng bó vết thương, hoặc khâu lại, hoặc bất cứ điều gì mà bác sĩ làm để xử lý một viên đạn xuyên qua vai—

“Túi,” Griffin thở hổn hển. “Túi trước—”

Robin lục lọi túi áo trước rồi lôi ra một thanh bạc mỏng.

‘Thử cái này xem – tôi viết đấy, không biết có—’

Robin đọc thanh kim loại rồi ấn nó vào vai anh trai mình.*Xiū*, anh ta thì thầm. "Lành lại."

Tu.Sửa chữa. Không chỉ đơn thuần là chữa lành, mà là hàn gắn, vá víu lên vết thương; đảo ngược tổn hại bằng sự sửa chữa thô bạo, máy móc. Sự biến dạng rất tinh vi, nhưng nó vẫn ở đó, nó vẫn có thể hiệu quả. Và điều gì đó đang diễn ra – anh cảm nhận được nó dưới bàn tay mình, sự kết nối của những thớ thịt bị đứt lìa, tiếng lạo xạo của xương đang tái tạo. Nhưng máu vẫn không ngừng chảy; nó tràn qua tay anh, phủ lên quầy bar, phủ lên lớp bạc. Có gì đó không ổn – da thịt đang chuyển động nhưng không thể liền lại; viên đạn vẫn còn ở đó, và nó nằm quá sâu để anh có thể lấy ra. "Không," Robin cầu xin. "Không, làm ơn—" Không phải một lần nữa; không phải lần thứ ba; anh đã định mệnh phải cúi xuống bên cạnh một cơ thể đang hấp hối bao nhiêu lần nữa, chứng kiến một sinh mạng trôi đi, bất lực không thể níu kéo?

Griffin quằn quại dưới thân hắn, mặt mày nhăn nhó vì đau đớn. "Dừng lại," anh ta cầu xin. "Dừng lại, cứ để nó—"

"Có người đang đến," Victoire nói.

Robin cảm thấy tê liệt. "Griffin—"

“Đi đi.” Mặt Griffin trắng bệch, gần như xanh. χλωρός, Robin nghĩ ngớ ngẩn; đó là điều duy nhất đầu óc cậu có thể xử lý, một ký ức về cuộc tranh luận vu vơ liên quan đến việc dịch màu sắc. Cậu thấy mình nhớ lại chi tiết Giáo sư Craft đã đặt câu hỏi tại sao họ cứ dịch χλωρός là “xanh lá cây”, khi Homer cũng dùng nó để chỉ những cành cây tươi, mật ong, và những khuôn mặt tái nhợt vì sợ hãi. Vậy thì phải chăng nhà thơ mù? Không. Có lẽ, Giáo sư Craft đã gợi ý, đó đơn giản là màu sắc của thiên nhiên tươi mới, của sự sống xanh tươi – nhưng điều đó không thể đúng, bởi vì màu xanh bệnh hoạn trên cơ thể Griffin không là gì khác ngoài dấu hiệu của cái chết.

Tôi đang cố mà—

“Không, Robin, nghe này.” Griffin co giật đau đớn; Robin ôm chặt lấy anh, bất lực không biết làm gì hơn. “Vẫn còn nhiều việc hơn cậu nghĩ. Hermes – căn phòng an toàn, Victoire biết chỗ, cô ấy biết phải làm gì – và trong túi của tôi,*wúxíng*, có—

“Họ tới kìa,” Victoire giục. “Robin, mấy tay cảnh sát, họ sẽ thấy chúng ta—”

Griffin đẩy anh ta ra. "Đi đi, chạy đi—"

“Không.” Robin luồn tay xuống dưới thân Griffin. Nhưng Griffin quá nặng, còn tay cậu thì lại quá yếu. Máu lênh láng khắp tay cậu. Mùi máu mặn chát; mắt cậu hoa lên. Cậu cố gắng kéo người anh trai mình dậy. Họ loạng choạng ngã sang một bên.

Griffin rên rỉ. "Dừng... lại..."

“Robin.” Victoire nắm lấy tay anh. “Làm ơn, chúng ta phải trốn…”

Robin thò tay vào túi, lục lọi cho đến khi chạm vào cái lạnh buốt của bạc.*Wúxíng*, anh ta thì thầm.*Invisible*.

Robin và Victoire chập chờn rồi biến mất ngay khi ba viên cảnh sát chạy xuống quảng trường.

“Chúa ơi,” ai đó nói. “Là Sterling Jones.”

"Chết rồi?"

Anh ấy không động đậy.

“Tên này vẫn còn sống.” Có người cúi xuống phía Griffin. Tiếng vải sột soạt – một khẩu súng được rút ra. Một tiếng cười sắc nhọn, ngạc nhiên; một lời nói lưỡng lự, “Đừng – hắn…”

Tiếng bấm cò.

“Không!”, Robin gần như hét lên, nhưng Victoire đã bịt chặt miệng cậu.

Tiếng súng nổ như đại bác. Griffin co giật rồi nằm bất động. Robin ôm bụng, gào thét, nhưng nỗi thống khổ của anh không thành tiếng, nỗi đau không hình thù; anh vô hình, không tiếng nói, và mặc dù anh phải chịu đựng nỗi đau đớn tột cùng đến mức muốn gào thét, đập phá, xé nát cả thế giới – và nếu không phải thế giới thì chính là bản thân mình – anh vẫn không thể cử động; cho đến khi quảng trường vắng người, tất cả những gì anh có thể làm là chờ đợi, và nhìn.

Khi cuối cùng bọn lính canh đã bỏ đi, cơ thể Griffin chuyển sang một màu trắng bệch khủng khiếp. Mắt anh ta mở trừng trừng, đờ đẫn. Robin đặt ngón tay lên cổ anh ta, tìm kiếm mạch đập dù biết chắc là không còn; cú nổ quá trực diện, ở cự ly quá gần.

Victoire đứng nhìn xuống anh. "Anh ấy..."

Vâng.

“Vậy thì mình phải đi thôi,” cô ấy nói, những ngón tay siết chặt lấy cổ tay anh. “Robin, chúng ta không biết khi nào họ sẽ quay lại.”

Anh đứng dậy. Thật là một cảnh tượng kinh khủng, anh nghĩ. Thi thể của Griffin và Sterling nằm cạnh nhau trên mặt đất, máu túa ra bên dưới mỗi người, hòa lẫn vào nhau dưới cơn mưa. Một câu chuyện tình nào đó đã kết thúc tại quảng trường này – một mối tình tay ba đầy thù hận, oán giận, ghen tuông và căm ghét đã bắt đầu bằng cái chết của Evie và kết thúc bằng cái chết của Griffin. Chi tiết của nó vẫn còn mù mờ, Robin sẽ không bao giờ biết được toàn bộ câu chuyện;* Điều hắn biết chắc chắn là đây không phải lần đầu Griffin và Sterling tìm cách giết nhau, mà chỉ là lần đầu tiên một trong hai thành công. Nhưng giờ thì tất cả các nhân vật chính đều đã chết, và vòng tròn đã khép lại.

"Đi thôi," Victoire lại giục. "Robin, không còn nhiều thời gian nữa."

Cảm giác bỏ mặc họ thế này thật sai trái. Robin chí ít cũng muốn kéo thi thể anh trai mình ra xa, đặt anh ở một nơi yên tĩnh và kín đáo, khép mắt anh lại và đặt tay lên ngực anh. Nhưng giờ chỉ còn thời gian để chạy, để bỏ lại cảnh tượng thảm sát phía sau.

Chapter Twenty-Five

And I alone am left of all that lived,

Pent in this narrow, horrible conviction.

TTHÔ MẠCLOVELLEBKhoai sọ,*Death's Jest-Book*

RRobin chẳng nhớ nổi họ đã trốn khỏi Lâu đài Oxford mà không bị phát hiện như thế nào. Tâm trí cậu đã chết theo cái chết của Griffin; cậu không thể đưa ra quyết định nào; cậu gần như không thể nhận thức được mình đang ở đâu. Tất cả những gì cậu có thể làm là đặt một chân trước chân kia, mù quáng đi theo Victoire bất cứ nơi nào cô dẫn dắt: vào rừng, xuyên qua bụi rậm và gai góc, xuống bờ sông nơi họ chờ đợi, co ro trong bùn, khi những con chó chạy vụt qua, sủa inh ỏi; rồi lên một con đường ngoằn ngoèo trở lại trung tâm thị trấn. Chỉ khi họ trở lại những khung cảnh quen thuộc, gần như dưới bóng của Tháp Babel và Thư viện Radcliffe, cậu mới lấy lại được bình tĩnh để xem xét xem họ đang đi đâu.

"Chẳng phải hơi gần quá sao?" anh ta hỏi. "Hay mình thử ra kênh đào…?"

"Không phải kênh đào," Victoire thì thầm. "Nó sẽ dẫn thẳng chúng ta đến đồn cảnh sát."

"Nhưng sao chúng ta không đến vùng Cotswolds?" Anh không hiểu sao đầu óc mình lại cứ nghĩ mãi đến vùng đồi Cotswold, phía tây bắc Oxford, với những đồng bằng và rừng cây trải dài hoang vắng. Nơi đó dường như là chốn lánh nạn tự nhiên. Có lẽ anh đã từng đọc thấy điều đó trong một cuốn tiểu thuyết rẻ tiền nào đó, và từ đó cứ mặc định Cotswolds là nơi dành cho những kẻ chạy trốn. Chắc chắn nơi đó sẽ tốt hơn là trung tâm Oxford.

“Chúng sẽ tìm mình ở Cotswolds,” Victoire nói. “Chúng sẽ đoán mình bỏ chạy, sẽ dùng chó đánh hơi khắp rừng. Nhưng có một chỗ an toàn gần trung tâm thành phố—”

Không, chúng ta không thể – tôi đã từ bỏ chuyện đó rồi; Lovell biết, và Playfair chắc chắn cũng vậy—

“Còn một chỗ nữa. Anthony chỉ tôi rồi – ngay gần Thư viện Radcliffe, có một lối vào đường hầm ở phía sau Vaults. Cứ đi theo tôi.”

Robin nghe thấy tiếng chó sủa từ xa khi họ đến gần khu nhà Radcliffe. Cảnh sát chắc hẳn đã mở một cuộc truy lùng khắp thành phố; chắc chắn có người và chó đang lùng sục từng con phố để tìm họ. Thế nhưng đột nhiên, thật ngớ ngẩn, anh không cảm thấy cần phải chạy trốn nữa. Họ đã có Griffin.*wúxíng*Tay nắm chặt thanh chắn; họ có thể biến mất bất cứ lúc nào.

Và Oxford về đêm vẫn thanh bình đến lạ, vẫn như một nơi chốn an toàn, nơi việc bị bắt giữ là điều không tưởng. Nó vẫn mang dáng dấp một thành phố được tạc từ quá khứ; với những ngọn tháp, chóp nhọn, và tháp canh cổ kính; với ánh trăng dịu dàng trên những phiến đá cũ kỹ và những con đường lát đá cuội mòn vẹt. Những tòa nhà của nó vẫn toát lên vẻ vững chãi, kiên cố, cổ xưa và trường tồn đến yên lòng. Ánh đèn hắt ra từ những ô cửa sổ hình vòm vẫn hứa hẹn sự ấm áp, những cuốn sách cũ và tách trà nóng bên trong; vẫn gợi lên một cuộc sống học thuật bình dị, nơi những ý tưởng chỉ là những thú vui trừu tượng có thể được bàn luận thoải mái mà không phải lo nghĩ đến hậu quả.

Nhưng giấc mơ đã tan vỡ. Giấc mơ ấy vốn dĩ được xây dựng trên một lời nói dối. Chẳng ai trong số họ có cơ hội thực sự thuộc về nơi này, bởi Oxford chỉ muốn một kiểu học giả, kiểu người sinh ra và lớn lên để luân chuyển qua các vị trí quyền lực mà nó tự tạo ra cho mình. Tất cả những người còn lại đều bị nó nhai nghiến và vứt bỏ. Những tòa nhà cao chót vót này được xây

dựng bằng tiền bán nô lệ, và bạc duy trì sự vận hành của chúng nhuốm máu từ các mỏ Potosí. Nó được nung chảy trong những lò rèn ngột ngạt nơi người lao động bản địa bị trả lương rẻ mạt, trước khi được vận chuyển trên những con tàu vượt Đại Tây Dương đến nơi nó được tạo hình bởi những người phiên dịch bị cướp khỏi quê hương, bị đánh cắp đến vùng đất xa xôi này và không bao giờ thực sự được phép trở về nhà.

Anh đã quá ngu ngốc khi từng nghĩ mình có thể xây dựng một cuộc sống ở đây. Không có chuyện đứng giữa ranh giới; giờ anh đã biết điều đó. Không có chuyện bước qua bước lại giữa hai thế giới, không có chuyện thấy mà như không thấy, không có chuyện che một mắt như một đứa trẻ đang chơi trò chơi. Hoặc là anh thuộc về nơi này, là một trong những viên gạch xây nên nó, hoặc là không.

Những ngón tay của Victoire siết chặt lấy tay anh.

“Chẳng còn gì để cứu vãn nữa, phải không?” anh ta hỏi.

Cô siết chặt tay anh. "Không."

Sai lầm của họ thật quá rõ ràng. Họ đã cho rằng Oxford có thể sẽ không phản bội mình. Sự phụ thuộc của họ vào Babel đã ăn sâu, vô thức. Ở một mức độ nào đó, họ vẫn tin rằng trường đại học,và địa vị học giả của họ có thể bảo vệ họ. Họ đã giả định, bất chấp mọi dấu hiệu ngược lại, rằng những kẻ được hưởng lợi nhiều nhất từ việc Đế chế tiếp tục bành trướng có thể tự mình làm điều đúng đắn.

Tờ rơi. Họ đã nghĩ họ có thể thắng bằng tờ rơi cơ đấy.

Hắn suýt bật cười trước sự phi lý ấy. Quyền lực không nằm ở đầu ngòi bút. Quyền lực không chống lại lợi ích của chính nó. Quyền lực chỉ có thể bị khuất phục bởi những hành động bất tuân mà nó không thể làm ngơ. Bằng sức mạnh tàn bạo, không nao núng. Bằng bạo lực.

“Tớ nghĩ Griffin nói đúng,” Robin lẩm bẩm. “Chắc chắn là cái tháp rồi. Chúng ta phải chiếm cái tháp đó.”

“Hừm.” Môi Victoire nhếch lên; những ngón tay cô siết chặt lấy tay anh. “Anh muốn làm thế nào?”

‘Hắn nói sẽ dễ thôi. Hắn nói chúng là học giả, chứ không phải lính tráng. Hắn nói tất cả những gì mày cần chỉ là một khẩu súng. Có lẽ thêm một con dao.’

Cô cười chua chát. "Tôi tin."

Nó chỉ là một ý tưởng, một điều ước hơn bất cứ thứ gì, nhưng đó là một sự khởi đầu. Và nó bén rễ và lớn dần lên trong họ, mở ra cho đến khi nó không còn là một ảo tưởng nực cười nữa mà trở thành một vấn đề về hậu cần, về cách thức và thời điểm.

Khắp thị trấn, sinh viên đang say giấc nồng. Bên cạnh họ, những cuốn sách đồ sộ của Plato, Locke và Montesquieu đang chờ được đọc, thảo luận, tranh biện; những quyền lợi lý thuyết như tự do sẽ được tranh luận giữa những người đã được hưởng chúng, những khái niệm cũ rích mà ngay sau lễ tốt nghiệp của họ sẽ nhanh chóng bị lãng quên. Cuộc sống đó, và tất cả những nỗi bận tâm của nó, giờ đây với anh thật điên rồ; anh không thể tin rằng đã từng có một thời gian mà mối quan tâm lớn nhất của anh là nên đặt mua cà vạt màu gì từ Randall’s, hay nên hét những lời lăng mạ nào vào những chiếc thuyền nhà đang chiếm dụng dòng sông trong giờ luyện tập chèo thuyền. Tất cả chỉ là những thứ phù phiếm, lông bông, những thú vui tầm thường được xây dựng trên nền tảng của sự tàn nhẫn không thể tưởng tượng đang diễn ra.

Robin nhìn chằm chằm vào đường cong của Babel dưới ánh trăng, vào thứ ánh sáng bạc nhạt hắt ra từ vô số lớp gia cố của nó. Anh bỗng có một ảo ảnh rất rõ ràng về tòa tháp đổ nát. Anh muốn nó tan vỡ. Anh muốn nó, dù chỉ một lần, cảm nhận được

nỗi đau đã tạo nên sự tồn tại cao ngạo của nó. "Tao muốn nó sụp đổ."

Cổ họng Victoire thắt lại, và anh biết cô đang nghĩ về Anthony, về những tiếng súng, về đống đổ nát của Thư viện Cũ. "Tôi muốn nó bị thiêu rụi."

Book V

Interlude

Letty

LEtitia Price không phải là một người xấu xa.

Khắc nghiệt, có lẽ vậy. Lạnh lùng, thẳng thừng, nghiêm khắc: tất cả những từ người ta có thể dùng để miêu tả một cô gái đòi hỏi từ thế giới những điều mà một người đàn ông sẽ đòi hỏi. Nhưng chỉ vì sự nghiêm khắc là cách duy nhất để khiến người ta coi trọng cô, vì thà bị sợ hãi và ghét bỏ còn hơn bị coi là một con thú cưng ngọt ngào, xinh đẹp và ngu ngốc; và bởi vì giới học thuật tôn trọng sự cứng rắn, có thể chịu đựng sự tàn nhẫn, nhưng không bao giờ chấp nhận sự yếu đuối.

Letty đã phải chiến đấu và bấu víu để có được tất cả những gì cô ấy đang có. Ồ, nhìn cô ấy - đóa hồng nước Anh xinh đẹp, con gái của một vị đô đốc được nuôi dạy trong một điền trang ở Brighton với cả nửa tá người hầu kẻ hạ và hai trăm bảng mỗi năm cho bất kỳ ai cưới cô ấy - thì chẳng ai biết được điều đó.*Letitia Price has everything*, mấy con nhỏ xấu xí ghen ăn tức ở tại các buổi dạ hội London nói vậy. Nhưng Letty sinh ra thứ hai sau một đứa con trai, Lincoln, cục cưng của cha cô. Trong khi đó, cha cô, vị đô đốc, hầu như không thể nhìn thẳng vào cô, bởi vì khi ông nhìn thấy cô, tất cả những gì ông thấy chỉ là bóng hình của bà Amelia Price, người vợ quá cố ốm yếu, chết vì sinh nở trong một căn phòng ẩm ướt đầy máu có mùi như biển cả.

“Anh chắc chắn không trách em,” anh nói với cô vào một đêm khuya, sau khi đã uống quá chén. “Nhưng em sẽ hiểu cho anh, Letitia, nếu anh muốn em tránh mặt anh.”

Lincoln sinh ra là để vào Oxford, còn Letty thì để kết hôn sớm. Lincoln được dạy dỗ bởi một loạt gia sư, tất cả đều là những sinh viên mới tốt nghiệp từ Oxford chưa tìm được xứ đạo nào khác;

được tặng những cây bút sang trọng, giấy viết màu kem mịn màng, và những cuốn sách dày bóng loáng vào dịp sinh nhật và Giáng sinh. Còn Letty – à, cha cô quan niệm rằng phụ nữ chỉ cần biết viết tên để ký vào giấy đăng ký kết hôn là đủ.

Nhưng Letty mới là người có năng khiếu ngôn ngữ, cô tiếp thu tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh dễ dàng như tiếng Anh. Cô tự học bằng cách đọc sách và áp tai vào cửa nghe lén những buổi dạy kèm của Lincoln. Trí óc phi thường của cô lưu giữ thông tin như một cái bẫy thép. Cô nắm vững các quy tắc ngữ pháp như cách những người phụ nữ khác ghi nhớ những mối hận thù. Cô tiếp cận ngôn ngữ với một sự nghiêm khắc mang tính toán, kiên định, và cô phá vỡ những cấu trúc Latinh hóc búa nhất bằng chính sức mạnh ý chí. Chính Letty là người đã kèm cặp anh trai mình đến tận khuya khi anh không thể nhớ các danh sách từ vựng, là người đã hoàn thành các bản dịch và sửa bài luận của anh khi anh chán nản và bỏ đi cưỡi ngựa, săn bắn hoặc bất cứ việc gì mà con trai thường làm ngoài trời.

Nếu vai trò của họ bị đảo ngược, cô ấy đã được ca tụng là thiên tài. Cô ấy đã là Sir William Jones tiếp theo.

Nhưng điều đó không nằm trong số phận của cô. Cô cố gắng vui mừng cho Lincoln, đặt những hy vọng và ước mơ của mình lên em trai như biết bao phụ nữ thời đại đó đã làm. Nếu Lincoln trở thành một giảng viên Oxford, thì có lẽ cô có thể làm thư ký cho cậu ấy. Nhưng tâm trí của cậu ta chỉ như một bức tường gạch. Cậu ta ghét những bài học; cậu ta khinh thường các gia sư. Cậu ta thấy việc đọc sách thật nhàm chán. Tất cả những gì cậu ta muốn là được ở ngoài trời; cậu ta không thể ngồi yên trước một cuốn sách quá một phút mà không bắt đầu bồn chồn. Và cô đơn giản là không thể hiểu được cậu ta, tại sao một người có nhiều cơ hội như vậy lại từ chối cơ hội để*use*họ.

"Nếu được học ở Oxford, em sẽ đọc sách đến mức mù mắt luôn," cô ấy nói với anh ta.

"Nếu cậu ở Oxford," Lincoln nói, "thế giới sẽ phải run sợ."

Cô yêu anh trai mình, đúng là vậy. Nhưng cô không thể chịu nổi sự vô ơn của anh ta, cái cách anh ta khinh miệt tất cả những món quà mà thế giới đã ban tặng. Và nó gần như là một sự công bằng, khi mà hóa ra Oxford lại không hề phù hợp với Lincoln. Các gia sư của anh ta ở Balliol đã viết thư cho Đô đốc Price phàn nàn về việc anh ta uống rượu, đánh bạc, về muộn. Lincoln viết thư về nhà xin tiền. Những lá thư anh ta gửi cho Letty thì ngắn ngủi, đầy khiêu khích, hé lộ thoáng qua một thế giới mà rõ ràng anh ta không hề trân trọng –*classes a snooze, don't bother to go – not during rowing season, anyhow, you should come up and see us at Bumps next spring*Ban đầu, Đô đốc Price cho rằng chuyện này là lẽ tự nhiên, như thể những cơn đau trưởng thành. Những chàng trai trẻ, lần đầu tiên sống xa nhà, luôn cần thời gian để thích nghi – và tại sao họ lại không được hưởng thụ tuổi trẻ của mình? Lincoln rồi sẽ quay lại với việc học, đúng thời điểm thôi.

Nhưng mọi chuyện chỉ trở nên tồi tệ hơn. Điểm số của Lincoln chẳng hề cải thiện. Thư từ các gia sư của cậu giờ đây ít kiên nhẫn hơn, mang nhiều tính đe dọa hơn. Khi Lincoln về nhà nghỉ lễ vào năm thứ ba, có điều gì đó đã thay đổi. Letty thấy một sự mục ruỗng đã len lỏi vào cậu. Một điều gì đó vĩnh viễn, u ám. Khuôn mặt anh trai cô sưng húp, lời nói chậm chạp, cay nghiệt và chua chát. Cậu hầu như không nói một lời nào với cả hai người họ suốt kỳ nghỉ. Buổi chiều cậu ở lì trong phòng, đều đặn tu cạn một chai rượu scotch. Buổi tối cậu hoặc ra ngoài và không về cho đến tận sáng sớm, hoặc cãi nhau với cha, và mặc dù hai người họ khóa chặt cửa phòng làm việc, nhưng những giọng nói giận dữ của họ vẫn xuyên thấu mọi căn phòng trong nhà.*You're a disgrace*, Đô đốc Price nói.*I hate it there*, Lincoln nói.*I'm not happy. And it's your dream, not mine*.

Cuối cùng Letty quyết định đối mặt với anh ta. Tối hôm đó, khi Lincoln rời khỏi phòng làm việc, cô đã đứng chờ sẵn ở hành lang.

"Nhìn cái gì?" hắn cười nham nhở. "Đến đây hả hê à?"

"Cô đang làm tan nát trái tim nó đấy," cô ấy nói.

"Cô chẳng quan tâm đến tình cảm của anh ấy. Cô chỉ đang ghen tị thôi."

Dĩ nhiên là tôi ghen tị rồi. Cậu có tất cả mọi thứ.*Everything*Lincoln à. Và bố không hiểu tại sao con lại phung phí nó như vậy. Nếu bạn bè con là gánh nặng, hãy cắt đứt quan hệ với chúng. Nếu các môn học khó, bố sẽ giúp con – bố sẽ đi cùng con, bố sẽ xem qua từng bài luận con viết—

Nhưng anh ta đang lảo đảo, mắt nhìn lơ đãng, gần như chẳng nghe cô nói. "Đi lấy cho tôi một ly brandy."

Lincoln,*what is wrong with you*Hả?

“Ồ, đừng có phán xét tôi.” Môi hắn nhếch lên. “Letty chính nghĩa, Letty thông minh, đáng lẽ đã ở Oxford nếu không vì cái của nợ giữa hai chân cô ta—”

Anh làm tôi ghê tởm.

Lincoln chỉ cười rồi quay đi.

“Đừng có về nhà nữa!” cô ta hét lên với theo anh. “Anh cút đi cho khuất mắt tôi. Thà anh chết quách đi còn hơn.”

Sáng hôm sau, một viên cảnh sát gõ cửa nhà họ và hỏi đây có phải là nhà của Đô đốc Price không, và liệu ông có thể đi cùng họ để nhận dạng một thi thể. Người đánh xe không hề nhìn thấy ông ấy, họ nói. Thậm chí còn không biết ông ấy ở dưới gầm xe cho đến sáng nay, khi lũ ngựa hoảng sợ. Trời tối, trời mưa, và Lincoln đã say xỉn, đi loạng choạng trên đường – đô đốc có thể kiện, đó là quyền của ông, nhưng họ nghi ngờ tòa án sẽ đứng về phía ông. Đó là một tai nạn.

Sau này, Letty luôn vừa sợ vừa kinh ngạc trước sức mạnh của mộtChỉ một từ. Bà không cần thỏi bạc nào để chứng minh việc nói ra điều gì đó có thể biến nó thành sự thật.

Trong khi cha cô chuẩn bị cho đám tang, Letty đã viết thư cho các gia sư của Lincoln. Cô gửi kèm một số sáng tác của riêng mình.

Dù đã được nhận vào học, cô vẫn phải chịu đựng hàng ngàn lẻ một sự sỉ nhục tại Oxford. Các giáo sư nói chuyện với cô như thể cô ngu ngốc. Nhân viên văn phòng cứ liếc nhìn vào áo cô. Cô phải đi bộ một quãng đường dài đến phát cáu tới mỗi lớp học vì khoa bắt buộc phụ nữ phải sống trong một tòa nhà cách đó gần hai dặm về phía bắc, nơi bà chủ nhà dường như nhầm lẫn người thuê nhà với người giúp việc và la hét nếu họ từ chối quét dọn. Tại các bữa tiệc của khoa, các học giả sẽ thò tay qua cô để bắt tay Robin hoặc Ramy; nếu cô lên tiếng, họ giả vờ như cô không tồn tại. Nếu Ramy sửa lời một giáo sư, anh ta được coi là táo bạo và xuất sắc; nếu Letty làm điều tương tự, cô bị coi là khó chịu. Nếu cô muốn mượn sách ở thư viện Bodleian, cô cần Ramy hoặc Robin có mặt để cho phép. Nếu cô muốn đi lại trong bóng tối, một mình và không sợ hãi, cô phải ăn mặc và bước đi như một người đàn ông.

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Suy cho cùng, cô ấy là một nữ học giả ở một đất nước mà từ chỉ sự điên loạn lại bắt nguồn từ từ chỉ tử cung. Thật quá phẫn uất. Bạn bè cô lúc nào cũng than vãn về sự phân biệt đối xử mà họ phải chịu đựng với tư cách là người nước ngoài, nhưng tại sao chẳng ai quan tâm đến việc Oxford cũng tàn nhẫn với phụ nữ như vậy?

Nhưng bất chấp tất cả, hãy nhìn họ kìa – họ đã ở đây, họ đã phát triển mạnh mẽ, bất chấp mọi khó khăn. Họ đã vào được lâu đài. Họ có một chỗ đứng ở đây, nơi họ có thể vượt lên số phận. Nếu nắm bắt được cơ hội, họ có thể trở thành một trong số ít những

ngoại lệ đáng ngưỡng mộ. Vậy tại sao họ lại không thể hiện lòng biết ơn tha thiết, không ngừng nghỉ?

Nhưng đột nhiên, sau Quảng Châu, tất cả họ bắt đầu nói một thứ tiếng mà cô không thể hiểu được. Đột nhiên Letty bị ra rìa, và cô không thể chịu đựng được điều đó. Dường như cô không thể nào phá giải được mật mã, dù có cố gắng thế nào, bởi vì mỗi khi cô hỏi, câu trả lời luôn luôn là*Isn't it obvious, Letty? Don't you see?*Không, cô ấy*didn't*Thấy chưa. Cô thấy nguyên tắc của họ thật phi lý, đỉnh cao của sự ngu xuẩn. Cô cho rằng Đế chế là điều tất yếu. Tương lai không thể thay đổi. Và kháng cự là vô nghĩa.

Sự tin chắc của họ làm cô hoang mang – tại sao, cô tự hỏi, người ta lại muốn lao đầu vào tường gạch làm gì?

Vẫn vậy, cô ấy đã giúp đỡ họ, bảo vệ họ, và giữ bí mật cho họ. Cô ấy yêu họ. Cô ấy sẵn sàng chết vì họ. Và cô ấy đã cố gắng không tin vào những điều tồi tệ nhất về họ, những điều mà sự giáo dục của cô ấy đã khiến cô ấy...Suy nghĩ của cô ấy. Họ không phải là mọi rợ. Họ không hề kém cỏi, không phải những kẻ vô ơn nhu nhược. Họ chỉ là - thật đáng buồn, thật khủng khiếp - bị lầm đường lạc lối.

Nhưng ôi, bà ấy thật sự căm ghét khi thấy họ lặp lại chính những sai lầm của Lincoln.

Sao họ không thể thấy mình may mắn đến nhường nào? Được phép bước vào những sảnh đường thiêng liêng này, được nâng lên từ những khởi đầu tồi tàn đến đỉnh cao chói lọi của Học viện Hoàng gia Dịch thuật! Tất cả bọn họ đều đã chiến đấu hết mình để giành được một chỗ ngồi trong lớp học tại Oxford. Cô choáng ngợp bởi vận may của mình mỗi ngày khi ngồi trong thư viện Bodleian, lật giở những cuốn sách mà nếu không có Đặc quyền của Người Dịch, cô không thể nào yêu cầu được từ kho lưu trữ. Letty đã thách thức số phận để đến được đây; tất cả bọn họ đều vậy.

Vậy tại sao thế vẫn chưa đủ? Họ đã đánh bại hệ thống rồi. Tại sao, nhân danh Chúa, họ lại muốn phá hủy nó đến vậy? Tại sao lại ăn cháo đá bát? Tại sao lại ném tất cả đi?

But there are larger things at stake, họ nói với cô ta (bề trên, kẻ cả; như thể cô ta là một đứa trẻ con, như thể cô ta chả biết cái gì cả).*It's a matter of global injustice, Letty. The plunder of the rest of the world.*

Cô lại cố gắng gạt bỏ định kiến, giữ một tâm trí cởi mở, tìm hiểu điều gì khiến họ phiền lòng đến vậy. Hết lần này đến lần khác, đạo đức của cô bị đặt câu hỏi, và cô nhắc lại lập trường của mình, như thể chứng minh rằng cô không phải là một người xấu. Dĩ nhiên cô không ủng hộ cuộc chiến này. Dĩ nhiên cô chống lại mọi hình thức định kiến và bóc lột. Dĩ nhiên cô đứng về phía những người theo chủ nghĩa bãi nô.

Dĩ nhiên cô ấy có thể ủng hộ việc vận động hành lang cho sự thay đổi, miễn là nó diễn ra trong hòa bình, đáng kính và văn minh.

Nhưng rồi chúng lại bàn về chuyện tống tiền. Về bắt cóc, bạo động, đánh bom xưởng đóng tàu. Thật là thù hận, bạo lực, kinh khủng. Cô không thể chịu đựng được – nhìn Griffin Lovell kinh tởm đó nói, ánh mắt hắn sáng lên vẻ khoái trá, và nhìn Ramy, Ramy của cô, gật đầu lia lịa. Cô không thể tin được, anh ấy đã trở thành con người như thế nào. Tất cả bọn họ đã trở thành cái gì.

Chẳng phải việc họ che giấu một vụ giết người đã đủ tồi tệ rồi sao? Cô ta còn phải đồng lõa trong vài vụ nữa hay sao?

Cứ như vừa tỉnh giấc, như bị dội gáo nước lạnh. Cô đang làm gì ở đây? Cô đang...*entertaining*Đây nào phải cuộc chiến cao cả, chỉ là một ảo tưởng chung.

Con đường này không có tương lai. Giờ cô đã thấy rõ. Cô đã từng...Bị lừa, bị dắt mũi trong trò hề bệnh hoạn này, và kết cục

chỉ có hai con đường: nhà tù hoặc giá treo cổ. Cô là người duy nhất ở đó đủ tỉnh táo để nhận ra điều đó. Và dù điều này khiến cô đau đớn, cô phải hành động dứt khoát – bởi nếu không thể cứu bạn bè, ít nhất cô phải tự cứu mình.

Chapter Twenty-Six

Colonialism is not a machine capable of thinking, a body endowed with reason. It is naked violence and only gives in when confronted with greater violence.

FTIỂU THUYẾT VẶTFVÔ DANH,*The Wretched of the Earth*, dịch giả Richard Philcox

MộtCánh cửa bí mật cạnh hầm chứa đồ của Vaults & Garden hé lộ một đường hầm đất chật hẹp, chỉ vừa đủ để họ luồn lách bằng tay và đầu gối. Nó dường như dài vô tận. Họ nhích từng chút một, mò mẫm trong bóng tối. Robin ước có chút ánh sáng, nhưng họ không có nến, không có bùi nhùi hay đá lửa; họ chỉ có thể tin vào lời của Anthony và tiếp tục bò, hơi thở gấp gáp vang vọng xung quanh. Cuối cùng, trần hầm dốc lên, và một luồng không khí mát lạnh bao phủ làn da nhớp nháp của họ. Họ lần mò trên vách đất cho đến khi tìm thấy một cánh cửa, rồi một tay nắm cửa; họ đẩy nó ra và thấy một căn phòng nhỏ, trần thấp, được chiếu sáng bởi ánh trăng lọt qua một song sắt nhỏ phía trên.

Họ bước vào trong và chớp mắt nhìn quanh.

Có ai đó mới ở đây gần đây. Một ổ bánh mì nằm trên bàn, vẫn còn tươi đến nỗi mềm mại khi chạm vào, và một cây nến cháy dở bên cạnh. Victoire lục lọi trong ngăn kéo cho đến khi tìm thấy một hộp diêm, rồi giơ cây nến đang cháy lên soi khắp phòng. "Vậy ra đây là nơi Griffin trốn."

Căn phòng an toàn mang lại cho Robin cảm giác quen thuộc đến kỳ lạ, mặc dù phải mất một lúc anh mới nhận ra tại sao. Bố cục căn phòng - chiếc bàn đặt dưới cửa sổ có song sắt, chiếc giường gấp gọn gàng trong góc, hai kệ sách đôi trên bức tường đối diện - giống hệt với những phòng ký túc xá trên đường Magpie Lane.

Dưới lòng Oxford này, Griffin - dù cố ý hay không - đã cố gắng tái hiện lại những ngày tháng đại học của mình.

“Anh nghĩ chúng ta ngủ lại đây được không?” Robin hỏi. “Ý anh là – anh nghĩ—”

“Trông có vẻ không bị xáo trộn gì cả.” Victoire thận trọng ngồi xuống mép giường. “Tôi nghĩ nếu họ biết, họ đã lục tung nơi này lên rồi.”

“Anh nghĩ em nói đúng.” Anh ngồi xuống cạnh cô. Chỉ đến lúc này anh mới cảm thấy kiệt sức, nó lan dần từ chân lên ngực. Tất cả adrenaline từ cuộc chạy trốn đã tan biến, giờ họ đã an toàn, ẩn mình trong lòng đất. Anh chỉ muốn gục xuống và không bao giờ tỉnh lại.

Victoire nghiêng người về phía cạnh giường, nơi có một thùng trông như chứa nước sạch. Cô rót chút nước lên một chiếc áo sơ mi vo tròn rồi đưa cho Robin. "Lau đi."

"Cái gì?"

“Có máu,” cô ấy nói nhỏ. “Người anh toàn là máu.”

Anh ngước nhìn cô, lần đầu tiên nhìn thẳng vào cô kể từ lúc họ trốn thoát. "Người em toàn máu..."*you*.

Họ ngồi cạnh nhau, lặng lẽ lau mình. Người họ bám đầy bụi bẩn một cách đáng kinh ngạc; mỗi người dùng hết một cái áo, rồi lại thêm một cái nữa. Không hiểu sao, máu của Griffin không chỉ dính trên tay và cánh tay Robin mà còn lem luốc khắp má, sau tai, và cả trong hõm cổ, đóng thành mảng dưới lớp bụi đất dày.

Họ thay phiên nhau lau mặt cho nhau. Hành động xúc giác đơn giản ấy khiến họ dễ chịu; nó cho họ một thứ để tập trung, giúp họ quên đi những lời nặng nề chất chứa mà không nói ra. Thật nhẹ nhõm khi không cố gắng thốt lên chúng. Dù sao họ cũng

không thể diễn đạt được; chúng không phải những suy nghĩ rời rạc mà là những đám mây đen ngột ngạt. Cả hai đều đang nghĩ về Ramy, Griffin, Anthony và tất cả những người khác đã bị giật khỏi thế giới này một cách đột ngột, tàn bạo. Nhưng họ không thể chạm vào vực thẳm đau buồn đó. Còn quá sớm để gọi tên nó, để định hình và chế ngự nó bằng lời nói, và bất kỳ nỗ lực nào cũng sẽ nghiền nát họ. Họ chỉ có thể lau máu trên da mình và cố gắng thở.

Cuối cùng, họ thả những giẻ rách bẩn thỉu xuống sàn và dựa lưng vào tường, dựa vào nhau. Không khí ẩm ướt lạnh lẽo, và không có lò sưởi. Họ ngồi sát lại, kéo chặt tấm chăn mỏng manh quanh vai. Một lúc lâu sau, không ai trong số họ nói gì.

“Giờ mình phải làm gì đây nhỉ?”, Victoire hỏi.

Một câu hỏi nặng nề đến thế, lại thốt ra bằng một giọng nói nhỏ bé đến vậy. Cái gì*could*Giờ thì chúng làm được sao? Chúng đã nói về việc thiêu rụi Babel, nhưng làm sao nhân danh Chúa mà chúng có thể làm được điều đó? Thư viện Cổ đã bị phá hủy. Của chúngBạn bè đã chết. Tất cả những ai mạnh mẽ hơn, giỏi giang hơn họ đều đã chết. Nhưng hai người họ vẫn còn sống, và nhiệm vụ của họ là đảm bảo bạn bè mình không chết vô ích.

“Griffin nói cậu sẽ biết phải làm gì,” Robin nói. “Ý anh ta là sao?”

“Chỉ là chúng ta sẽ tìm được đồng minh,” Victoire thì thầm. “Rằng chúng ta có nhiều bạn bè hơn ta tưởng, nếu chúng ta đến được căn phòng an toàn.”

“Chúng ta đến rồi.” Robin khoa tay vô định. “Trống trơn.”

Victoire đứng dậy. “Ôi, đừng như vậy mà.”

Họ bắt đầu lục soát căn phòng tìm manh mối. Victoire khám xét tủ, Robin thì bàn. Bên trong ngăn kéo bàn là chồng chất ghi chú và thư từ của Griffin. Cậu giơ chúng lên ngọn nến leo lét, nheo

mắt nhìn. Đọc chữ viết tiếng Anh của Griffin khiến ngực Robin nhói lên – một kiểu chữ nhỏ, nguệch ngoạc trông rất giống chữ của Robin và của bố họ. Những lá thư này, tất cả những dòng chữ hẹp, đậm và chật kín, nói lên một người viết nhanh nhưng tỉ mỉ, là một cái nhìn thoáng qua về một phiên bản của Griffin mà Robin chưa từng biết đến.

Và mạng lưới của Griffin rộng lớn hơn anh tưởng tượng rất nhiều. Anh thấy thư từ gửi đến những người nhận ở Boston, New York, Cairo, Singapore. Nhưng tên tuổi luôn được mã hóa, luôn là những điển tích văn học rõ ràng như 'Ông Pickwick' và 'Vua Ahab' hoặc những cái tên chung chung kiểu Anh như 'Ông Brown' và 'Ông Pink' đến mức chúng không thể là tên thật.

"Hừm." Victoire cau mày, đưa một mẩu giấy nhỏ lên ngang tầm mắt.

"Cái gì vậy?"

"Thư này. Gửi cho cậu."

Cho tôi xem được không?

Cô ngập ngừng giây lát rồi mới đưa nó. Phong bì mỏng và đã được niêm phong. Ở mặt sau có tên anh.*Robin Swift*, viết nguệch ngoạc bằng nét chữ mạnh mẽ của Griffin. Nhưng khi nào hắn ta có thời gian để viết điều này? Chắc chắn không thể là sau khi Anthony đưa họ đến chỗ Hermes; lúc đó Griffin đâu biết họ đang ở đâu. Chỉ có thể là sau khi Robin cắt đứt quan hệ với Hermes, sau khi Robin tuyên bố không muốn dính líu gì đến hắn ta nữa.

"Anh có định đọc nó không?" Victoire hỏi.

"Tôi… tôi không nghĩ mình làm được." Anh trả nó lại cho cô. Anh cảm thấy kinh hãi với những gì bên trong; chỉ cần cầm nó trong tay thôi cũng khiến anh thở gấp. Anh không thể đối mặt

với sự phán xét của anh trai mình. Không phải bây giờ. “Em giữ nó giúp anh được không?”

Nếu nó là thứ gì đó có ích thì sao?

“Tớ không nghĩ vậy,” Robin nói. “Tớ nghĩ… nó phải là thứ gì khác. Làm ơn đi, Victoire – cậu có thể đọc sau nếu muốn, nhưng tớ không thể nhìn nó bây giờ.”

Cô ngập ngừng, rồi gấp nó lại, cất vào túi áo trong. "Dĩ nhiên rồi."

Họ lại tiếp tục lục lọi đồ đạc của Griffin. Ngoài thư từ, Griffin còn giữ một bộ sưu tập vũ khí ấn tượng – dao, dây siết cổ, một số thỏi bạc, và ít nhất ba khẩu súng lục. Robin không dám đụng vào chúng; Victoire quan sát bộ sưu tập, những ngón tay lướt nhẹ trên nòng súng, trước khi chọn một khẩu và đút vào thắt lưng.

“Anh biết dùng cái đó không?” anh ta hỏi.

“Vâng,” cô ấy nói, “Anthony đã dạy tôi.”

Cô gái kỳ diệu, đúng là em. Lúc nào cũng đầy bất ngờ.

Cô ta khịt mũi. "Ồ, anh chỉ là không để ý thôi."

Nhưng chẳng có danh sách liên lạc nào, không một manh mối nào về nơi trú ẩn an toàn khác hay những đồng minh tiềm năng. Griffin đã che giấu mọi thứ bằng mật mã, tạo ra một mạng lưới vô hình đến mức, sau khi ông ta chết, nó không bao giờ có thể được tái lập.

"Cái gì vậy?" Victoire chỉ tay.

Trên cùng của kệ sách, bị đẩy vào sâu đến nỗi gần như khuất hẳn, là một chiếc đèn.

Robin chộp lấy nó, trong lòng tràn trề hy vọng – phải rồi, nó đây, ánh bạc quen thuộc lấp lánh dưới đáy.*The beacon*, Anthony đã hét lên. Anh nghĩ về vết bỏng trên tay Griffin, về việc làm sao mà Griffin biết được, dù cách xa hàng dặm, rằng chuyện chẳng lành đã xảy ra.

Anh ta lật nó lại, nheo mắt.Bừng cháy.*Liáo*.

Griffin đã làm việc này.*Liáo*, trong tiếng Quan Thoại, có thể có nghĩa là "đốt cháy" hoặc "chiếu sáng". Nó cũng có thể ám chỉ một loại đèn tín hiệu. Phía trên thanh bạc đầu tiên còn có một thanh bạc thứ hai nhỏ hơn được khắc chữ.*Bēacen*, nó ghi. Trông giống tiếng Latinh, nhưng Robin, lục lọi trí nhớ, vẫn không thể nào nhớ ra chính xác nghĩa hay nguồn gốc của nó. Tiếng Đức, có lẽ?*

Tuy vậy, anh ta vẫn có thể mường tượng ra công dụng của ngọn đèn. Đây là cách Hermes liên lạc. Họ gửi tín hiệu bằng lửa.

“Chú nghĩ nó hoạt động như thế nào?” Victoire hỏi.

‘Có lẽ chúng đều có liên quan với nhau, bằng cách nào đó.’ Anh đưa nó cho cô. ‘Đó là cách Griffin biết chúng ta gặp rắc rối – hắn ta chắc hẳn đã mang một cái bên mình.’

“Nhưng còn ai khác có cái này chứ?” Cô xoay xoay nó trong tay, mân mê ngón tay trên bấc đèn đã teo quắt. “Anh nghĩ ai đang ở đầu dây bên kia?”

"Bạn bè chứ nhỉ? Mọi người nghĩ chúng ta nên nói gì với họ bây giờ?"

Cô suy nghĩ một lát. "Một lời kêu gọi chiến đấu."

Anh liếc nhìn cô. "Chúng ta thật sự làm chuyện này sao?"

Tôi không thấy chúng ta còn lựa chọn nào khác.

“Này, có một thành ngữ tiếng Trung mà nói rằng*sǐ zhū bú pà kāi shuǐ tàng*.*Lợn chết không sợ nước sôi.

Cô mỉm cười yếu ớt. "Đã lỡ rồi thì lỡ luôn."

"Chúng ta chết chắc rồi."

“Nhưng chính điều đó mới làm chúng ta đáng sợ.” Cô đặt đèn xuống giữa hai người. “Chúng ta chẳng còn gì để mất nữa.”

Họ lục lọi khắp bàn tìm bút và giấy, rồi bắt đầu soạn thảo tin nhắn. Dầu còn lại trong đèn trông như sắp cạn đến nơi; bấc đèn đã cháy gần hết. Tin nhắn của họ phải càng ngắn gọn và rõ ràng càng tốt. Không được để có bất kỳ sự hiểu lầm nào về ý của họ. Khi đã thống nhất được nội dung, Victoire đưa nến vào đèn. Ngọn lửa le lói yếu ớt, rồi bùng lên một tiếng whoosh, cho đến khi ngọn lửa cao hơn một foot nhảy múa trước mắt họ.

Họ không chắc về cơ chế hoạt động của ngọn hải đăng. Robin đã đọc to cặp câu tiếng Quan Thoại tương ứng, nhưng họ chỉ có thể hy vọng rằng cặp câu bí ẩn thứ hai được thiết kế để tồn tại hiệu lực. Họ đã nghĩ ra một danh sách đầy đủ mọi phương pháp mà họ có thể thử. Họ đọc thông điệp vào ngọn lửa. Họ vỗ tay theo mã Morse. Họ lặp lại mã, lần này bằng cách đâm một thanh kim loại xuyên qua ngọn lửa, khiến nó nhấp nháy theo từng chấm và gạch. Cuối cùng, khi dầu bắt đầu nổ lách tách, họ đút tờ giấy vào đèn.

Hiệu ứng tức thì. Ngọn lửa lớn gấp ba lần; những lưỡi lửa dài vươn ra rồi thụt lại quanh tờ giấy, như một sinh vật ma quỷ nào đó.ngấu nghiến từng chữ. Tờ giấy không hề cháy hay nhăn lại; nó cứ thế biến mất. Một lát sau, dầu hết, ngọn lửa phụt tắt, căn phòng tối đi.

“Cậu nghĩ vậy là xong rồi à?” Victoire hỏi.

‘Tôi không biết. Tôi cũng không biết liệu có ai đang nghe hay không.’ Robin đặt đèn xuống. Cậu cảm thấy mệt mỏi đến mức không chịu nổi, tay chân nặng như chì. Cậu không biết bọn họ vừa mới khởi động điều gì. Một phần trong cậu chẳng muốn biết, chỉ muốn cuộn tròn trong không gian tối tăm, mát mẻ này và biến mất. Cậu biết mình có bổn phận phải hoàn thành công việc, và khi ngày mai đến, cậu sẽ dồn hết sức lực còn sót lại để đối mặt với nó. Nhưng bây giờ, cậu chỉ muốn ngủ một giấc thật say. ‘Tôi nghĩ rồi chúng ta sẽ thấy.’

Rạng đông, họ lẻn qua thị trấn đến Thư viện Cũ. Hàng tá cảnh sát đứng gác xung quanh tòa nhà – có lẽ họ đang mai phục, xem có kẻ ngốc nào dám quay lại không. Robin và Victoire thận trọng bò ra từ khu rừng phía sau sân. Điều này thật ngu ngốc, đúng vậy, nhưng họ không thể cưỡng lại mong muốn đánh giá thiệt hại. Họ đã hy vọng có thể lẻn vào bên trong và lấy lại một số đồ dùng, nhưng sự hiện diện dày đặc của cảnh sát khiến họ không thể thực hiện được.

Vậy nên họ đến để làm chứng, bởi vì, bất chấp những hiểm nguy, phải có người nhớ được cảnh tượng phản bội này. Phải có người ghi nhận sự mất mát.

Thư viện Cổ bị phá hủy hoàn toàn. Toàn bộ phần sau bị thổi bay, một vết thương há hốc phơi bày ruột gan của thư viện một cách tàn nhẫn và nhục nhã. Các kệ sách trống trơn một nửa. Những cuốn sách không bị thiêu rụi trong vụ nổ được chất đống trên những chiếc xe cút kít xung quanh tòa nhà để được chở đi, Robin đoán, để các học giả của Babel phân tích. Anh nghi ngờ rằng phần lớn công trình nghiên cứu đó sẽ không bao giờ được công bố.

Tất cả những nghiên cứu tuyệt vời, độc đáo ấy, bị chôn vùi trong kho lưu trữ hoàng gia vì nỗi sợ những gì nó có thể khơi mào.

Chỉ khi lại gần hơn, anh mới thấy những thi thể vẫn nằm dưới đống đổ nát. Anh thấy một cánh tay trắng bệch, bị vùi lấp nửa người dưới gạch vụn. Anh thấy một chiếc khóa giày vẫn còn dính trên ống chân cháy đen. Gần Thư viện Cũ, anh thấy một mớ tóc đen phủ đầy bụi. Anh quay mặt đi trước khi nhìn thấy khuôn mặt bên dưới.

“Họ vẫn chưa dọn xác.” Anh cảm thấy chóng mặt.

Victoire đưa tay lên miệng. "Ôi, Chúa ơi."

Họ vẫn chưa dọn xác—

Anh đứng dậy. Anh không biết mình định làm gì - kéo từng người vào rừng? Đào mộ chôn họ ngay cạnh thư viện? Hay ít nhất là phủ một tấm vải lên đôi mắt trợn trừng của họ? Anh không biết, chỉ cảm thấy thật sai trái khi bỏ mặc họ ở đó, phơi bày và yếu đuối.

Nhưng Victoire đã kéo cậu lại phía sau những cái cây. "Chúng ta không thể, cậu biết là chúng ta không thể mà—"

Chúng cứ nằm đó thôi – Anthony, Vimal,*Ramy*—’

Họ không chở những thi thể đến nhà xác. Thậm chí còn không phủ khăn lên. Họ cứ để xác nằm đó, máu chảy lênh láng trên gạch và trên những trang sách, cứ thế bước qua họ để tiếp tục đào bới thư viện. Đây là sự trả thù nhỏ mọn của họ, quả báo cho cả đời bị làm phiền sao? Hay họ đơn giản là không quan tâm?

The world has to break, anh ta nghĩ.*Someone has to answer for this. Someone has to bleed*Nhưng Victoire đã kéo mạnh cậu trở lại con đường mà họ đã đi, và cái nắm tay như gọng kìm của cô là thứ duy nhất ngăn cậu lao vào cuộc ẩu đả.

“Không còn gì cho chúng ta ở đây nữa,” cô thì thầm. “Đã đến lúc rồi, Robin. Chúng ta phải đi thôi.”

Họ đã chọn đúng ngày để làm cách mạng.

Hôm ấy là ngày đầu tiên của học kỳ, một trong những ngày hiếm hoi ở Oxford khi thời tiết đẹp một cách giả dối; cái ấm áp của nó hứa hẹn nhiều nắng và niềm vui hơn là những cơn mưa và mưa tuyết không ngớt mà tháng Giêng thường mang đến. Tất cả là bầu trời xanh trong vắt và những cơn gió xuân phảng phất. Hôm nay mọi người - giảng viên, nghiên cứu sinh và sinh viên - sẽ đều ở trong nhà, và sảnh tháp sẽ vắng khách, vì năm nay Babel đóng cửa để sắp xếp lại sách và cải tạo trong tuần đầu tiên của học kỳ. Sẽ không có thường dân nào bị vạ lây.

Vậy thì, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để vào được tòa tháp.

Họ không thể cứ thế mà thong thả đi đến cửa trước rồi bước vào. Mặt mũi họ tràn ngập trên các mặt báo khắp London; chắc chắn một số học giả đã biết chuyện, cho dù toàn bộ sự việc đã bị bưng bít ở Oxford. Cửa trước vẫn còn tới nửa tá cảnh sát canh gác. Và đến lúc này, chắc chắn Giáo sư Playfair đã tiêu hủy những lọ máu đánh dấu quyền sở hữu của họ rồi.

Tuy nhiên, họ vẫn có ba lợi thế: Griffin'*sexplōdere* sự xao lãng, thanh tàng hình, và một sự thật là các bùa chú quanh cửa được thiết kế để giữ vật chất bên trong chứ không phải bên ngoài. Điều sau cùng chỉ là một giả thuyết, nhưng là một giả thuyết khá chắc chắn. Theo như họ biết, các bùa chú chỉ kích hoạt khi ra ngoài, chứ không phải khi đi vào. Kẻ trộm vẫn luôn vào được dễ dàng, miễn là có ai đó giữ cửa cho; vấn đề là khi họ rời đi.[*]

Và nếu họ làm được những gì đã định hôm nay, họ sẽ không rời khỏi tòa tháp trong một thời gian rất dài.

Victoire hít một hơi thật sâu. "Sẵn sàng chưa?"

Không còn cách nào khác. Họ đã vắt óc suy nghĩ suốt đêm mà vẫn không tìm ra giải pháp. Giờ chỉ còn cách hành động.

Robin gật đầu.

‘*Explōdere*, hắn thì thầm, rồi quăng cây gậy của Griffin qua bãi cỏ.

Không gian như vỡ vụn. Lý thuyết thì cây đòn bẩy vô hại, Robin biết vậy, nhưng âm thanh nó tạo ra vẫn thật kinh khủng, tựa như tiếng thành phố sụp đổ, kim tự tháp đổ nát. Anh cảm thấy bản năng mách bảo mình phải chuồn, phải tìm nơi an toàn, và dù biết đó chỉ là tác động của thứ bạc lên tâm trí, anh vẫn phải gồng mình chống lại mọi thôi thúc muốn chạy trốn.

"Đi thôi," Victoire nằng nặc, giật mạnh tay anh.

Đúng như dự đoán, cảnh sát đã đi qua bãi cỏ; cánh cửa đang khép lại sau lưng một nhóm học giả. Robin và Victoire lao lên vỉa hè, vòng qua hàng rào phong tỏa, rồi chen vào theo sau họ. Robin nín thở khi bước qua ngưỡng cửa, nhưng không có tiếng còi báo động nào vang lên; không có cái bẫy nào sập xuống. Họ đã vào được rồi; họ đã an toàn.

Sảnh đợi có vẻ đông đúc hơn thường lệ. Liệu thông điệp của họ đã được nhìn thấy chưa? Liệu có phải một vài người trong số này đến để đáp lại lời kêu gọi của họ? Anh không có cách nào biết được ai là người của Hermes và ai không; tất cả những người chạm mắt anh đều gật đầu lịch sự, thờ ơ rồi lại quay đi lo việc của mình. Mọi thứ cứ diễn ra bình thường đến mức phi lý. Chẳng lẽ không ai ở đây biết thế giới đã sụp đổ sao?

Bên kia sảnh tròn, Giáo sư Playfair tựa người vào ban công tầng hai, trò chuyện với Giáo sư Chakravarti. Giáo sư Chakravartichắc hẳn đã nói đùa, vì Giáo sư Playfair cười phá lên, lắc đầu, rồi nhìn ra sảnh. Ông bắt gặp ánh mắt của Robin. Mắt ông trợn tròn.

Robin nhảy phốc lên một cái bàn giữa sảnh đúng lúc Giáo sư Playfair lao tới cầu thang.

“Nghe tôi nói!” anh ta hét lên.

Tòa tháp nhộn nhịp chẳng mảy may để ý đến cậu. Victoire trèo lên cạnh cậu, tay cầm chiếc chuông nghi lễ mà Giáo sư Playfair vẫn dùng để thông báo kết quả thi. Cô giơ nó lên quá đầu và rung mạnh ba lần. Cả tòa tháp im bặt.

“Cảm ơn,” Robin nói. “À. Vậy. Tôi phải nói điều gì đó.” Đầu óc anh trống rỗng khi nhìn thấy quá nhiều gương mặt đang nhìn chằm chằm. Trong vài giây, anh chỉ chớp mắt, câm lặng và sững sờ, cho đến khi cuối cùng những từ ngữ cũng quay trở lại. Anh hít một hơi thật sâu. “Chúng ta sẽ đóng cửa tháp.”

Giáo sư Craft chen lên phía trước sảnh. "Ông Swift, ông đang làm cái quái gì vậy?"

“Khoan đã,” Giáo sư Harding nói. “Jerome nói cậu không được phép ở đây—”

“Có một cuộc chiến đang diễn ra,” Robin buột miệng. Cậu nhăn mặt khi những lời đó thốt ra khỏi miệng; chúng thật vụng về, chẳng thuyết phục chút nào. Cậu đã chuẩn bị một bài diễn văn, nhưng đột nhiên cậu chỉ nhớ được những ý chính, và ngay cả khi nói to lên, chúng nghe thật lố bịch. Xuyên qua sảnh và dọc theo ban công của các tầng trên, cậu thấy những biểu cảm hoài nghi, thích thú và khó chịu xen kẽ nhau. Ngay cả Giáo sư Playfair, giờ đang thở hổn hển dưới chân cầu thang, trông cũng có vẻ hoang mang hơn là kích động. Robin cảm thấy chóng mặt. Cậu muốn nôn.

Griffin hẳn đã biết cách thuyết phục họ. Griffin là người kể chuyện, là nhà cách mạng thực thụ; chỉ với vài câu nói thấm thía, anh ấy có thể vẽ nên bức tranh cần thiết về sự bành trướng đế quốc, sự đồng lõa, tội lỗi và trách nhiệm. Nhưng Griffin đã không còn ở đây, và điều tốt nhất Robin có thể làm là tiếp nối tinh thần của người anh trai đã khuất.

“Nghị viện đang tranh luận về việc đưa quân đánh Quảng Châu.” Anh ta gồng giọng, cố gắng cho tiếng nói của mình chiếm lĩnh cả căn phòng hơn bao giờ hết. “Chẳng có cớ gì chính đáng cả, ngoài lòng tham của các công ty thương mại. Bọn họ định dùng súng ép người Trung Quốc hút thuốc phiện, và việc gây ra một vụ bê bối ngoại giao trong chuyến đi của đoàn chúng tôi chỉ là cái cớ để làm điều đó.”

Đấy, hắn ta vừa nói điều gì đó nghe cũng có lý. Xung quanh tòa tháp, sự sốt ruột chuyển thành tò mò, lẫn lộn với hoang mang.

"Quốc hội thì liên quan gì đến chúng ta?" một gã nào đó ở bộ phận Pháp chế hỏi, hình như tên Coalbrook hay Conway gì đấy.

“Đế quốc Anh chẳng làm được gì nếu không có chúng ta,” Robin nói. “Chúng ta viết nên những luật lệ cung cấp sức mạnh cho súng đạn, tàu bè của chúng. Chúng ta mài sắc những con dao thống trị của chúng. Chúng ta soạn thảo các hiệp ước của chúng. Nếu chúng ta rút lại sự hỗ trợ, thì Quốc hội sẽ chẳng thể động đến Trung Quốc—”

“Tôi vẫn không hiểu sao chuyện này lại là vấn đề của chúng ta,” Coalbrook hay Conway nói.

“Đó là vấn đề của chúng ta vì chính các giáo sư của chúng ta đứng đằng sau chuyện này,” Victoire chen vào. Giọng cô run run, nhưng vẫn to hơn, chắc chắn hơn giọng Robin. “Họ sắp hết bạc rồi, cả đất nước này đang bị thâm hụt, và một số giảng viên của chúng ta nghĩ cách khắc phục là bằng cách bơm thuốc phiện vào một thị trường nước ngoài. Họ sẽ làm bất cứ điều gì để thúc đẩy chuyện này; họ đang giết những người đã cố gắng tiết lộ nó. Họ đã giết Anthony Ribben—”

“Anthony Ribben đã chết trên biển,” Giáo sư Craft nói.

“Không, không phải đâu,” Victoire nói. “Anh ấy đang lẩn trốn, nỗ lực ngăn Đế chế làm chính xác điều này. Họ đã bắn anh ấy

tuần trước. Còn Vimal Srinivasan, Ilse Dejima, và Cathy O'Nell – hãy lên Jericho, đến tòa nhà cũ phía sau khu rừng qua khỏi cây cầu và cậu sẽ thấy đống đổ nát, những thi thể…"

Điều này gây ra những tiếng xì xào bàn tán. Vimal, Ilse và Cathy đều rất được yêu mến trong khoa. Tiếng xì xào ngày càng lớn; rõ ràng là họ không có mặt, và không ai biết họ đang ở đâu.

"Bọn chúng điên rồi," Giáo sư Playfair gắt lên. Ông đã lấy lại được bình tĩnh, như một diễn viên đột nhiên nhớ ra lời thoại. Ông chĩa ngón tay đầy kịch tính và buộc tội vào hai người họ. "Bọn chúng điên rồi, chúng đang cấu kết với một đám trộm cướp bạo loạn, chúng đáng lẽ phải ở trong tù—"

Nhưng dường như điều này còn khó nuốt trôi hơn cả câu chuyện của Robin. Giọng nói oang oang của Giáo sư Playfair, vốn dĩ rất lôi cuốn, lại phản tác dụng khiến cho chuyện này giống như một màn kịch rẻ tiền. Không ai hiểu ba người họ đang nói về cái gì; nhìn từ bên ngoài, cứ như thể họ đang diễn trò.

"Sao anh không nói cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra với Richard Lovell?" Giáo sư Playfair gặng hỏi. "Anh ta đâu? Anh đã làm gì anh ta?"

"Richard Lovell là một trong những kẻ chủ mưu của cuộc chiến này," Robin hét lên. "Hắn ta đã đến Quảng Châu để lấy tin tình báo quân sự từ gián điệp Anh, hắn ta liên lạc trực tiếp với Palmerston—"

"Nhưng điều đó thật lố bịch," Giáo sư Craft nói. "Chuyện đó không thể đúng được, thật là—"

"Chúng tôi có giấy tờ," Robin nói. Anh chợt nghĩ, lúc này thì mấy tờ giấy đó chắc chắn đã bị tiêu hủy hoặc tịch thu rồi, nhưng dù sao, nói vậy cũng có tác dụng. "Chúng tôi có trích dẫn, bằng

chứng – tất cả đều có cả. Hắn ta đã lên kế hoạch này hàng năm trời. Playfair có dính líu, cứ hỏi hắn ta—”

“Nó đang nói dối,” Giáo sư Playfair nói. “Nó đang lảm nhảm, Margaret à, thằng bé bị điên rồi—”

“Nhưng sự điên rồ thì thiếu mạch lạc.” Giáo sư Craft cau mày, nhìn qua lại giữa hai người họ. “Còn lời nói dối thì vụ lợi. Câu chuyện này – nó chẳng có lợi cho ai cả, chắc chắn là không phải cho hai đứa này,” bà nói, chỉ tay vào Robin và Victoire, “và nó rất mạch lạc.”

Tôi đảm bảo với cô, Margaret—

“Giáo sư.” Robin khẩn khoản trực tiếp với Giáo sư Craft. “Giáo sư, làm ơn – hắn ta muốn một cuộc chiến, hắn đã lên kế hoạch nhiều năm rồi. Hãy đến và xem văn phòng của hắn. Văn phòng của Giáo sư Lovell. Hãy xem qua giấy tờ của họ. Tất cả đều ở đó.”

“Không,” Giáo sư Craft lẩm bẩm. Lông mày bà nhíu lại. Ánh mắt bà lướt qua Robin và Victoire, dường như bà nhận ra điều gì đó – có lẽ là sự kiệt quệ trống rỗng của họ, đôi vai rũ xuống, hay nỗi đau thấm qua từng thớ xương. “Không, tôi tin các em…” Bà quay người lại. “Jerome? Anh có biết không?”

Giáo sư Playfair ngừng lại một chút, như thể đang cân nhắc xem có đáng để tiếp tục giả vờ hay không. Rồi ông thở hắt ra. "Đừng tỏ vẻ sốc như vậy. Cô biết thứ gì điều khiển tòa tháp này. Cô biết cán cân quyền lực phải thay đổi, cô biết chúng ta phải làm gì đó với khoản thâm hụt—"

"Nhưng tuyên chiến với những người vô tội—"

“Đừng giả vờ như đây là giới hạn của anh,” hắn ta nói. “Mọi chuyện khác anh đều thấy ổn mà – Trung Quốc đâu có gì để cống hiến cho thế giới ngoài người tiêu dùng của họ. Tại sao chúng ta lại không–” Hắn ta dừng lại. Có vẻ như hắn ta đã nhận

ra sai lầm của mình, rằng hắn ta vừa xác nhận câu chuyện của họ.

Đã quá muộn. Bầu không khí trong tòa tháp thay đổi. Sự hoài nghi bốc hơi. Sự cáu kỉnh chuyển thành một nhận thức dần hé lộ rằng đây không phải trò hề, không phải cơn kích động, mà là điều gì đó có thật.

Thế giới thực hiếm khi can thiệp vào tòa tháp. Họ chẳng biết phải làm gì với nó.

“Chúng ta sử dụng ngôn ngữ của các quốc gia khác để làm giàu cho ngôn ngữ của chính mình.” Robin đưa mắt nhìn quanh tháp khi nói. Anh tự nhủ mình không phải đang cố gắng thuyết phục Giáo sư Playfair; anh phải lay động cả căn phòng.Chúng ta tiếp thu quá nhiều kiến thức không thuộc về mình. Ít nhất chúng ta có thể làm là ngăn chặn điều này xảy ra. Đó là điều duy nhất đúng đắn về mặt đạo đức.

“Vậy anh định làm gì?” Matthew Houndslow hỏi. Giọng anh không hề thù địch; chỉ có vẻ thăm dò, bối rối. “Như anh đã nói, mọi việc giờ nằm trong tay Quốc hội rồi, vậy thì làm sao–”

Chúng tôi đình công.

Phải, giờ thì anh đã đứng vững; đây là một câu hỏi mà anh biết rõ câu trả lời. Anh ngẩng cằm lên, cố gắng truyền vào giọng nói tất cả uy quyền của Griffin và Anthony. "Chúng ta đóng cửa tòa tháp. Từ nay trở đi, không một khách hàng nào được vào sảnh. Không ai được tạo ra, mua bán, hay duy trì bạc thỏi. Chúng ta từ chối mọi dịch vụ phiên dịch cho Anh Quốc cho đến khi họ chịu thua - và họ sẽ chịu thua, bởi vì họ*need*Chúng ta. Chúng cần chúng ta hơn bất cứ thứ gì. Đó là cách chúng ta chiến thắng.’ Ông dừng lại. Căn phòng im lặng. Ông không biết liệu mình đã thuyết phục được họ hay chưa, không biết liệu mình đang nhìn vào những biểu hiện miễn cưỡng nhận ra hay ngờ vực. ‘Nghe này, nếu tất cả chúng ta chỉ—’

“Nhưng cậu sẽ cần phải chiếm được tòa tháp.” Giáo sư Playfair cười khẩy một tiếng ngắn ngủi, đầy ác ý. “Ý tôi là, cậu sẽ phải hạ gục tất cả chúng tôi.”

“Chắc là vậy,” Victoire nói. “Chắc là chúng ta đang làm thế ngay bây giờ.”

Tiếp theo là một khoảng lặng rất buồn cười khi dần dần cả hội trường các học giả Oxford nhận ra rằng bất cứ điều gì xảy ra tiếp theo đều là vấn đề của vũ lực.

“Cậu.” Giáo sư Playfair chỉ vào sinh viên gần cửa nhất. “Đi gọi cảnh sát vào—"

Sinh viên đó không nhúc nhích. Cậu ta là sinh viên năm hai – Ibrahim, Robin nhớ lại, một học giả tiếng Ả Rập đến từ Ai Cập. Cậu ta trông trẻ đến khó tin, một cậu bé mặt búng ra sữa; sinh viên năm hai nào cũng trẻ thế này sao? Ibrahim liếc nhìn Robin và Victoire, rồi lại nhìn Giáo sư Playfair, cau mày. "Nhưng, thưa thầy..."

“Đừng,” Giáo sư Craft nói với cậu, đúng lúc hai học sinh năm ba bất ngờ lao về phía lối ra. Một đứa xô Ibrahim vào kệ. Robin ném một thỏi bạc về phía cửa.*Explōdere*, nổ tung.’ Một tiếng ồn khủng khiếp, kinh hoàng vang khắp sảnh; lần này là một tiếng hú rít lên chói tai. Đám học sinh năm ba chạy tán loạn ra khỏi cửa như những con thỏ sợ hãi.

Robin rút thêm một thỏi bạc từ túi áo trước và vẫy nó trên đầu.

‘Tao đã giết Richard Lovell bằng thứ này.’ Hắn không thể tin nổi những lời này lại thốt ra từ miệng mình. Đây không phải hắn đang nói; đây là hồn ma của Griffin, người anh trai dũng cảm hơn, điên rồ hơn, đang vươn lên xuyên qua...thế giới ngầm giật dây hắn. 'Nếu ai dám bước tới gần ta, nếu ai dám kêu cứu, ta sẽ giết hết.'

Tất cả bọn họ đều trông khiếp sợ. Họ tin hắn.

Điều đó khiến hắn lo lắng. Mọi chuyện diễn ra quá dễ dàng. Hắn đã chắc chắn mình sẽ gặp phải sự kháng cự quyết liệt hơn, nhưng căn phòng dường như hoàn toàn im lặng. Ngay cả các giáo sư cũng không nhúc nhích; thật vậy, Giáo sư Leblanc và De Vreese co rúm lại với nhau dưới gầm bàn, như thể đang chuẩn bị hứng chịu một loạt đạn đại bác. Hắn có thể bảo họ nhảy cẫng lên, xé từng trang sách của họ ra, và họ sẽ răm rắp tuân theo.

Họ sẽ vâng lời vì hắn đe dọa dùng bạo lực.

Anh không thể nhớ nổi tại sao trước đây ý nghĩ diễn xuất lại khiến anh sợ hãi đến vậy. Griffin đã đúng – chướng ngại vật không phải là cuộc đấu tranh, mà là việc không thể tưởng tượng nổi nó có thể xảy ra, sự thôi thúc bám víu vào cái an toàn, hiện trạng có thể sống sót. Nhưng giờ đây cả thế giới đã đảo lộn. Mọi cánh cửa đều rộng mở. Họ đã bước qua khỏi vương quốc của ý tưởng, vào vương quốc của hành động, và đây là điều mà sinh viên Oxford hoàn toàn không được chuẩn bị.

“Vì Chúa!”, Giáo sư Playfair gắt lên. “Ai đó bắt chúng lại.”

Vài nghiên cứu sinh tiến lên, vẻ mặt do dự. Tất cả đều là chuyên gia về châu Âu, tất cả đều là người da trắng. Robin nghiêng đầu. "Nào, tới đây."

Chuyện xảy ra sau đó chẳng có gì vẻ vang, sẽ chẳng bao giờ được đặt cạnh những sử thi hào hùng ca ngợi lòng dũng cảm. Bởi các học giả Oxford được bao bọc, nuông chiều, là những nhà lý luận ngồi ghế bành, viết về chiến trường đẫm máu bằng đôi tay mịn màng, thanh tú. Cuộc chiếm đoạt Babel là một cuộc đụng độ vụng về, ngớ ngẩn giữa lý thuyết và thực tiễn. Các thành viên tiến lại gần bàn, đưa tay ra với vẻ do dự. Robin đá văng họ. Cảm giác như đang đá bọn trẻ con, vì họ quá sợ hãi nên không thể hung dữ, và họ cũng chẳng đủ tuyệt vọng hay tức giận để thực sự làm anh bị thương. Họ dường như không chắc mình muốn

làm gì - kéo anh xuống, túm lấy chân anh, hay chỉ đơn giản là sờ vào mắt cá chân anh - và do đó, những cú đánh trả đũa của anh cũng chiếu lệ tương tự. Tất cả bọn họ đang diễn một màn đánh nhau, những diễn viên nghiệp dư được giao chỉ đạo sân khấu:*struggle*.

“Victoire!” hắn hét lên.

Một trong những học giả đã trèo lên bàn phía sau cô. Cô quay phắt lại. Người học giả ngập ngừng một lát, nhìn cô từ đầu đến chân, rồi tung một cú đấm. Nhưng cú đấm của anh ta trông như thể anh ta chỉ biết về hành động đó trên lý thuyết, như thể anh ta chỉ biết về các thành phần cấu tạo của nó –*plant feet, draw arm back, extend fist*Anh ta đã tính sai khoảng cách - kết quả chỉ là một cái vỗ nhẹ lên vai Victoire. Cô nàng lập tức đá anh ta bằng chân trái. Anh ta ôm lấy ống chân, rên rỉ.

“Dừng lại!”

Cuộc ẩu đả chấm dứt. Không hiểu sao, Giáo sư Playfair lại có một khẩu súng trong tay.

‘Thôi cái trò ngớ ngẩn này đi.’ Ông ta chỉ tay vào Robin. ‘Dừng lại ngay.’

“Cứ tự nhiên,” Robin thở hắt ra. Cậu chẳng hiểu nổi nguồn gốc của cơn dũng cảm ngớ ngẩn này từ đâu đến, nhưng cậu không hề cảm thấy một chút sợ hãi nào. Khẩu súng, bằng cách nào đó, dường như trừu tượng hơn là thật, còn viên đạn thì hoàn toàn không thể chạm vào cậu. “Cứ tự nhiên, tôi thách đấy.”

Hắn đang đánh cược vào sự hèn nhát của Giáo sư Playfair, vào việc dù ông ta có thể cầm súng, nhưng sẽ không bóp cò. Giáo sư Playfair, giống như mọi học giả Babel khác, ghét phải nhúng tay vào những việc bẩn thỉu. Ông ta thiết kế những cái bẫy chết người – chứ chưa bao giờ tự tay vung lưỡi dao. Và ông ta không

biết cần bao nhiêu ý chí, hay sự hoảng loạn, để thực sự giết một người.

Robin không quay đầu lại, không nhìn xem Victoire đang làm gì. Cậu biết. Cậu dang rộng hai tay, mắt vẫn dán chặt vào Giáo sư Playfair. 'Giờ thì sao?'

Mặt Giáo sư Playfair cứng lại. Ngón tay ông cử động, và Robin căng thẳng, ngay khi một tiếng súng vang lên.

Giáo sư Playfair loạng choạng lùi lại, máu đỏ phun ra khắp bụng ông. Tiếng la hét bùng lên xung quanh tòa tháp. Robin liếc nhìn qua vai. Và Victoire hạ thấp một trong những khẩu súng lục ổ quay của Griffin, làn khói cuộn lên quanh mặt cô, đôi mắt cô mở to.

“Đó,” cô thở hổn hển, ngực phập phồng. “Giờ thì tất cả chúng ta đều biết cảm giác đó rồi.”

Giáo sư De Vreese đột ngột lao ngang qua sảnh. Ông ta nhắm vào khẩu súng của Giáo sư Playfair. Robin nhảy khỏi bàn, nhưng cậu đã ở quá xa – nhưng ngay lúc đó, Giáo sư Chakravarti lao vào người Giáo sư De Vreese. Họ ngã xuống sàn với một*whumph*và bắt đầu vật lộn - một cảnh tượng vụng về, khó coi, hai vị giáo sư bụng phệ, trung niên lăn lộn trên mặt đất, áo choàng vỗ phành phạch quanh eo. Robin nhìn, kinh ngạc, khi Giáo sư Chakravarti giật được khẩu súng khỏi tay Giáo sư De Vreese và ghì chặt ông ta xuống đất bằng một thế khóa lộn xộn.

"Thưa ngài?"

“Nhận được tin nhắn của cậu rồi,” Giáo sư Chakravarti thở hổn hển. “Làm rất tốt.”

Giáo sư De Vreese huých cùi chỏ vào Giáo sư Chakravarti.Mũi. Giáo sư Chakravarti lảo đảo lùi lại. Giáo sư De Vreese vùng ra khỏi tay ông, và cuộc vật lộn lại tiếp tục.

Robin nhặt khẩu súng lên khỏi sàn và chĩa thẳng vào Giáo sư De Vreese.

"Đứng dậy," hắn ra lệnh. "Giơ tay lên đầu."

“Cậu có biết dùng cái đó đâu,” Giáo sư De Vreese cười khẩy.

Robin chĩa súng vào đèn chùm và bóp cò. Đèn chùm nổ tung; những mảnh thủy tinh văng khắp sảnh. Cứ như anh ta vừa bắn vào đám đông; tất cả mọi người đều la hét và co rúm lại. Giáo sư De Vreese quay người bỏ chạy, nhưng mắt cá chân vướng vào chân bàn khiến ông ngã ngửa xuống đất. Robin lên đạn lại, y như cách Griffin đã chỉ, rồi lại chĩa súng vào Giáo sư De Vreese.

“Đây không phải một cuộc tranh luận,” anh ta tuyên bố. Cả người anh ta run lên, tràn ngập thứ năng lượng hung hãn y hệt như lần đầu tiên anh ta học bắn súng. “Đây là một cuộc chiếm đoạt. Còn ai muốn thử sức không?”

Không ai nhúc nhích. Không ai nói lời nào. Tất cả đều co rúm lại, kinh hãi. Vài người khóc; vài người thì bịt chặt miệng, như thể đó là cách duy nhất để kìm nén tiếng thét. Và tất cả đều nhìn hắn, chờ đợi hắn quyết định điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Trong giây lát, âm thanh duy nhất trong tòa tháp là tiếng rên rỉ của Giáo sư Playfair.

Anh liếc nhìn qua vai về phía Victoire. Cô ấy trông hoang mang đúng như những gì cô cảm thấy; khẩu súng lủng lẳng bên hông. Trong thâm tâm, cả hai đều không ngờ mình lại đi xa đến thế này. Tầm nhìn của họ về ngày hôm nay chỉ toàn là hỗn loạn: một cuộc chiến cuối cùng dữ dội và tàn khốc; một cuộc ẩu đả, rất có thể, sẽ kết thúc bằng cái chết. Họ đã chuẩn bị cho sự hy sinh; họ đã không chuẩn bị để chiến thắng.

Nhưng tòa tháp đã bị chiếm một cách quá dễ dàng, đúng như Griffin vẫn luôn dự đoán. Và giờ họ phải hành động như những

kẻ chiến thắng.

“Không gì rời khỏi Babel,” Robin tuyên bố. “Chúng ta sẽ phong tỏa toàn bộ dụng cụ chế tác bạc. Ngừng mọi hoạt động bảo trì thường nhật của thành phố. Chúng ta chờ cho cỗ máy của chúng khựng lại, và hy vọng chúng sẽ đầu hàng trước khi chúng ta chịu thua.” Anh không biết những lời này từ đâu ra, nhưng chúng nghe có vẻ hay ho. “Đất nước này không thể tồn tại nổi một tháng nếu thiếu chúng ta. Chúng ta đình công cho đến khi chúng chịu khuất phục.”

“Chúng sẽ thả quân vào cậu đấy,” Giáo sư Craft nói.

“Nhưng họ không thể,” Victoire nói. “Họ không thể động đến chúng ta. Không ai có thể động đến chúng ta. Họ cần chúng ta quá.”

Và đó, chìa khóa cho lý thuyết bạo lực của Griffin, là lý do tại sao họ có thể thắng. Cuối cùng họ cũng đã hiểu ra. Đó là lý do tại sao Griffin và Anthony đã rất tự tin trong cuộc đấu tranh của mình, tại sao họ tin rằng các thuộc địa có thể chống lại Đế quốc. Đế quốc cần khai thác. Bạo lực gây chấn động hệ thống, bởi vì hệ thống không thể tự ăn thịt mình mà tồn tại. Đôi tay của Đế quốc bị trói buộc, bởi vì nó không thể tàn phá thứ mà nó thu lợi. Và giống như những cánh đồng mía đường, giống như những khu chợ, giống như những thân xác lao động bị cưỡng bức, Babel là một tài sản. Nước Anh cần tiếng Trung, cần tiếng Ả Rập, tiếng Phạn và tất cả các ngôn ngữ của các vùng lãnh thổ thuộc địa để vận hành. Nước Anh không thể làm tổn thương Babel mà không tự làm tổn thương chính mình. Và vì vậy, chỉ riêng Babel, một tài sản bị từ chối, có thể khiến Đế quốc ngừng hoạt động.

"Vậy ông định làm gì?" Giáo sư De Vreese gặng hỏi. "Giam giữ chúng tôi làm con tin suốt à?"

“Tôi hy vọng các vị sẽ tham gia cùng chúng tôi,” Robin nói. “Nhưng nếu không, các vị có thể rời khỏi tòa tháp. Hãy yêu cầu

cảnh sát rút lui trước, sau đó các vị có thể lần lượt đi ra. Không ai được lấy bất cứ thứ gì từ tòa tháp – các vị chỉ được mang theo những gì đang có trên người."* Ông ta ngừng lại. "Và tôi chắc là cô hiểu rằng chúng tôi sẽ phải tiêu hủy các ống máu của cô nếu cô đi."

Vừa dứt lời, một đám người đã xô đẩy nhau về phía cửa. Tim Robin thắt lại khi anh đếm số lượng. Hàng chục người đang rời đi – tất cả những người theo chủ nghĩa cổ điển, tất cả những người nghiên cứu văn hóa Châu Âu, và gần như toàn bộ giảng viên. Giáo sư Playfair vẫn còn rên rỉ khi được khiêng ra, lủng lẳng một cách thảm hại giữa Giáo sư De Vreese và Giáo sư Harding.

Chỉ còn lại sáu học giả: Giáo sư Chakravarti, Giáo sư Craft, hai sinh viên đại học – Ibrahim và một cô gái nhỏ nhắn tên Juliana – và hai nghiên cứu sinh tên là Yusuf và Meghana, lần lượt làm việc trong lĩnh vực Luật và Văn học. Những gương mặt màu da, những gương mặt đến từ các thuộc địa, ngoại trừ Giáo sư Craft.

Nhưng cách này có thể hiệu quả. Họ có thể từ bỏ quyền nắm giữ nhân tài nếu họ vẫn kiểm soát được tòa tháp. Babel tập trung nguồn lực gia công bạc lớn nhất cả nước: các Grammatica,bút khắc, sổ cái khớp đôi, và tài liệu tham khảo. Và hơn thế nữa,*silver*Giáo sư Playfair và những người khác có thể thiết lập một trung tâm dịch thuật thứ hai ở nơi khác, nhưng ngay cả khi họ có thể tái tạo lại mọi thứ cần thiết để duy trì công việc chế tác bạc của đất nước từ trí nhớ, thì cũng sẽ mất hàng tuần, thậm chí hàng tháng, để có được nguyên liệu với quy mô cần thiết để sao chép các chức năng của tòa tháp. Đến lúc đó, cuộc bỏ phiếu đã diễn ra rồi. Đến lúc đó, nếu mọi việc diễn ra theo đúng kế hoạch, đất nước đã bị khuất phục.

"Giờ thì sao?" Victoire lẩm bẩm.

Máu dồn lên mặt Robin khi cậu bước xuống khỏi bàn. "Giờ thì chúng ta sẽ cho cả thế giới biết chuyện gì sắp xảy ra."

Giữa trưa, Robin và Victoire leo lên ban công phía bắc trên tầng tám. Ban công chủ yếu mang tính trang trí, được thiết kế cho những học giả chưa bao giờ hiểu được khái niệm cần hít thở không khí trong lành. Chẳng ai từng bước chân ra đó, và cánh cửa gần như bị gỉ sét đến mức đóng chặt. Robin đẩy mạnh, dựa người vào khung cửa. Khi cánh cửa đột ngột bật mở, cậu loạng choạng ngã về phía trước, suýt nữa thì ngã nhào qua lan can trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng kinh hoàng trước khi lấy lại được thăng bằng.

Oxford trông nhỏ xíu bên dưới anh. Một ngôi nhà búp bê, một phiên bản nhỏ xinh, giả tạo của thế giới thực dành cho những cậu bé sẽ chẳng bao giờ phải thực sự va chạm với nó. Anh tự hỏi liệu đây có phải là cách những người như Jardine và Matheson nhìn thế giới – nhỏ bé, dễ thao túng. Liệu con người và địa điểm có di chuyển theo những đường kẻ mà họ vạch ra. Liệu thành phố có vỡ tan khi họ dậm chân.

Dưới chân tháp, những bậc đá trước lối vào bừng cháy dữ dội. Lọ máu của tất cả mọi người, trừ tám học giả còn ở lại trong tháp, đều đã bị đập vỡ trên những viên gạch, tưới dầu từ những chiếc đèn chưa dùng đến và châm lửa. Điều này không thực sự cần thiết; chỉ cần mang các lọ máu ra khỏi tháp là đủ – nhưng Robin và Victoire khăng khăng phải có nghi thức. Họ đã học được từ Giáo sư Playfair tầm quan trọng của việc trình diễn, và màn phô bày rùng rợn này là một tuyên bố, một lời cảnh báo. Lâu đài đã bị tấn công, tên phù thủy đã bị trục xuất.

"Sẵn sàng chưa?" Victoire đặt một chồng giấy lên gờ tường. Babel không có máy in riêng, nên họ đã mất cả buổi sáng để cặm cụi sao chép từng tờ trong số trăm tờ rơi đó. Bản tuyên ngôn vay mượn cả hùng biện xây dựng liên minh của Anthony lẫn triết lý bạo lực của Griffin. Robin và Victoire đã chung tay –một lời kêu

gọi hùng hồn cho sự đoàn kết trong cuộc chiến vì công lý, mặt khác là một lời đe dọa không khoan nhượng đối với những kẻ chống đối họ – tất cả được gói gọn trong một tuyên bố ngắn gọn, rõ ràng về ý định của họ.

We, the students of the Royal Institute of Translation, demand Britain cease consideration of an unlawful war against China. Given this government's determination to initiate hostilities and its brutal suppression of those working to expose its motives, we have no other option to make our voices heard than to cease all translation and silver-working services by the Institute, until such time as our demands are met. We henceforth declare our strike.

Một từ thú vị thật, Robin nghĩ.*strike*.[*] Nó gợi lên hình ảnh những chiếc búa đập vào đinh, những thân thể lao vào một lực bất khả kháng. Nó tự thân chứa đựng nghịch lý của khái niệm; rằng thông qua việc không hành động, và bất bạo động, người ta có thể chứng minh hậu quả tàn khốc của việc từ chối đáp ứng những người mà mình lệ thuộc.

Bên dưới họ, người dân Oxford vẫn đang vui vẻ theo công việc thường nhật. Không ai ngước lên; không ai thấy hai sinh viên đang nhoài người trên đỉnh cao nhất thành phố. Bóng dáng những dịch giả bị lưu đày đã biến mất; nếu Playfair đã tìm đến cảnh sát, thì họ vẫn chưa hành động. Thành phố vẫn yên bình, không mảy may biết điều gì sắp xảy ra.

Oxford, we ask you to stand with us. The strike will cause great hardships for the city in days to come. We ask you to direct your ire to the government that has made such a strike our only recourse. We ask you to stand on the side of justice and fairness.

Từ đó, những cuốn sách nhỏ đã trình bày rõ ràng những mối nguy hiểm của dòng bạc chảy vào nền kinh tế Anh, không chỉ đối với Trung Quốc và các thuộc địa, mà còn đối với tầng lớp lao động của nước Anh. Robin không mong đợi ai đọc đến tận đó.

Anh không mong thành phố ủng hộ cuộc đình công của họ; ngược lại, một khi công việc liên quan đến bạc bắt đầu đổ vỡ, anh dự đoán họ sẽ căm ghét họ.

Nhưng tòa tháp vẫn bất khả xâm phạm, và lòng căm thù của họ cũng chẳng hề gì. Điều quan trọng duy nhất là họ đã hiểu được nguyên nhân của sự bất tiện này.

“Theo cậu thì bao lâu nữa họ tới Luân Đôn?” Victoire hỏi.

"Mấy tiếng đồng hồ," Robin nói. "Tôi nghĩ cái này kịp chuyến tàu đầu tiên từ đây đến Paddington."

Họ đã chọn một nơi khó tin nhất cho một cuộc cách mạng. Oxford không phải là trung tâm của các hoạt động, mà là một nơi ẩn náu, tụt hậu hàng thập kỷ so với phần còn lại của nước Anh trên mọi lĩnh vực, ngoại trừ học thuật. Trường đại học được thiết kế như một pháo đài của thời cổ đại, nơi các học giả có thể tưởng tượng mình đang sống trong bất kỳ thế kỷ nào trong năm thế kỷ qua, nơi những vụ bê bối và hỗn loạn khan hiếm đến mức việc một con chim cổ đỏ bắt đầu hót gần cuối một bài giảng dài lê thê ở Nhà thờ Christ cũng đủ để lên bản tin của Đại học.

Nhưng dù Oxford không phải là trung tâm quyền lực, nó lại sản sinh ra những người nắm giữ quyền lực ấy. Cựu sinh viên của trường điều hành Đế quốc. Có lẽ ngay lúc này đây, ai đó đang vội vã đến ga Oxford với tin tức về cuộc chiếm đóng. Ai đó sẽ nhận ra tầm quan trọng của nó, sẽ thấy đây không phải là trò chơi vặt vãnh của sinh viên mà là một cuộc khủng hoảng quốc gia. Ai đó sẽ đưa việc này đến trước Nội các và Thượng viện. Sau đó, Quốc hội sẽ quyết định điều gì xảy ra tiếp theo.

"Cứ tự nhiên." Robin gật đầu với Victoire. Phát âm tiếng Latinh của cô ấy tốt hơn anh ta. "Xem chúng bay nào."

‘*Polemikós*, cô ấy lẩm bẩm, tay giữ một thanh chắn trên chồng sách. Bác bỏ.*Discutere*Thảo luận.

Cô đẩy chồng truyền đơn khỏi gờ tường. Chúng bay lên. Gió cuốn chúng vút cao khắp thành phố; qua những ngọn tháp và chóp nhọn rồi đáp xuống đường phố, sân vườn; bay vào ống khói, lách qua song sắt, luồn vào những ô cửa sổ mở toang. Chúng bám riết lấy bất kỳ ai gặp phải, dính chặt vào áo khoác, phấp phới trước mặt, bám dai dẳng vào túi xách và cặp tài liệu. Hầu hết mọi người sẽ phủi chúng đi một cách khó chịu. Nhưng một số ít sẽ nhặt lên, sẽ đọc bản tuyên ngôn của những người đình công, sẽ dần dần hiểu được điều này có ý nghĩa gì đối với Oxford, đối với London, và đối với Đế chế. Và rồi sẽ không ai có thể phớt lờ chúng nữa. Rồi cả thế giới sẽ buộc phải nhìn nhận.

“Em ổn chứ?” Robin hỏi.

Victoire đứng bất động như tượng, mắt dán vào những tờ rơi như thể cô có thể tự biến mình thành chim, bay lượn giữa chúng. “Sao mình lại không được chứ?”

"Tôi... anh biết đấy."

‘Buồn cười thật.’ Cô không quay lại nhìn anh. ‘Tôi cứ chờ đợi nó đến, nhưng đơn giản là – nó chẳng bao giờ đến cả. Không giống như với anh.’

“Nó không giống vậy.” Anh cố gắng tìm những từ ngữ an ủi, những từ ngữ khiến cho sự việc khác đi so với bản chất của nó. “Đó là tự vệ. Và hắn ta vẫn có thể sống sót, có thể – ý anh là, sẽ không—”

“Vì Anthony,” cô ấy nói bằng giọng cứng rắn. “Và tôi không bao giờ muốn nhắc đến chuyện này nữa.”

Chapter Twenty-Seven

The seed ye sow, another reaps;

The wealth ye find, another keeps;

The robes ye weave, another wears;

The arms ye forge, another bears.

PÂn xáBYSSHESHELLEYBài ca gửi người Anh

TBầu không khí chiều hôm đó ngập tràn sự lo lắng bất an. Giống như những đứa trẻ đá lật tổ kiến, giờ đây họ sợ hãi quan sát xem hậu quả khủng khiếp sẽ ra sao. Hàng giờ đã trôi qua. Chắc hẳn các giáo sư đã liên lạc với các nhà hoạch định chính sách thành phố. Chắc hẳn London đã đọc những cuốn sách nhỏ đó rồi. Sự phản đòn sẽ diễn ra dưới hình thức nào? Tất cả bọn họ đã dành nhiều năm tin tưởng vào sự bất khả xâm phạm của tòa tháp; các bùa chú của nó, cho đến nay, đã che chắn họ khỏi mọi thứ. Tuy nhiên, họ vẫn cảm thấy như đang đếm ngược từng phút cho một cuộc trả thù tàn khốc.

“Họ phải cử cảnh sát đến,” Giáo sư Craft nói. “Kể cả khi họ không vào được. Chắc chắn sẽ có một nỗ lực bắt giữ nào đó. Nếu không phải vì cuộc đình công, thì vì—” Cô liếc nhìn Victoire, chớp mắt, rồi im bặt.

Im lặng trong giây lát.

“Cuộc đình công cũng là bất hợp pháp,” Giáo sư Chakravarti nói. “Đạo luật Liên hiệp Công nhân năm 1825 ngăn cấm quyền đình công của các công đoàn và phường hội.”

“Bọn tôi không phải hội đâu,” Robin nói.

“Thật ra thì đúng là vậy,” Yusuf, người làm ở bộ phận Pháp lý, nói. “Nó nằm trong điều lệ thành lập. Cựu sinh viên và sinh viên Babel tạo thành Hội Dịch giả dựa trên sự liên kết với trường, nên việc tổ chức đình công là vi phạm pháp luật, nếu cậu muốn nói đúng theo luật.”

Họ nhìn nhau, rồi tất cả cùng phá lên cười.

Nhưng niềm vui ngắn chẳng tày gang. Sự liên hệ giữa cuộc đình công của họ và các nghiệp đoàn khiến tất cả đều cảm thấy khó chịu, bởi vì những cuộc nổi dậy của công nhân trong những năm 1830 - hậu quả trực tiếp của cuộc cách mạng công nghiệp bạc - đã thất bại thảm hại. Người Luddite cuối cùng đều chết hoặc bị lưu đày sang Úc. Những người thợ kéo sợi Lancashire buộc phải quay lại làm việc để tránh chết đói trong vòng một năm. Những người nổi loạn Swing, bằng cách đập phá máy đập lúa và đốt cháy kho thóc, đã giành được một sự cải thiện tạm thời về tiền lương và điều kiện làm việc, nhưng những điều này nhanh chóng bị phủ nhận; hơn một chục người nổi loạn đã bị treo cổ, và hàng trăm người bị đày đến các thuộc địa hình sự ở Úc.

Công nhân đình công ở đất nước này chưa bao giờ nhận được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng, bởi vì công chúng chỉ muốn hưởng thụ mọi tiện nghi của cuộc sống hiện đại mà không phải áy náy khi biết những tiện nghi đó được tạo ra như thế nào. Và tại sao những người phiên dịch lại có thể thành công ở nơi mà những người đình công khác – lại còn là công nhân da trắng – đã thất bại?

Ít nhất vẫn còn một lý do để hy vọng. Họ đang dựa vào đà này. Những lực lượng xã hội đã thúc đẩy phong trào Luddite đập phá máy móc vẫn chưa biến mất. Chúng chỉ trở nên tồi tệ hơn. Máy dệt và máy kéo sợi chạy bằng bạc ngày càng rẻ hơn và phổ biến hơn, chỉ làm giàu cho các chủ nhà máy và nhà tài chính. Mỗi năm, chúng khiến nhiều người đàn ông mất việc làm, nhiều gia

đình rơi vào cảnh khốn cùng, và làm tàn tật hoặc giết chết nhiều trẻ em hơn trong những cỗ máy vận hành nhanh hơn cả tốc độ mắt người có thể theo dõi. Việc sử dụng bạc tạo ra bất bình đẳng, và cả hai đều tăng theo cấp số nhân ở Anh trong thập kỷ qua. Đất nước đang rạn nứt từng mảnh. Điều này không thể tiếp diễn mãi mãi.

Và Robin tin chắc, cuộc đình công của họ rất khác. Tác động của nó lớn hơn, khó khắc phục hơn. Không có lựa chọn thay thế nào cho Babel, không có kẻ phản bội. Không ai khác có thể làm được những gì họ làm. Nước Anh không thể vận hành nếu không có họ. Nếu Quốc hội không tin điều đó, họ sẽ sớm nhận ra.

Tối đến vẫn không thấy bóng dáng một viên cảnh sát nào. Sự thiếu phản hồi này khiến họ hoang mang. Nhưng chẳng mấy chốc, các vấn đề hậu cần – cụ thể là lương thực và chỗ ở – trở thành những vấn đề cấp bách hơn. Giờ thì rõ ràng là họ sẽ phải ở trong tòa tháp một khoảng thời gian khá dài.không có ngày kết thúc rõ ràng cho cuộc đình công của họ. Sẽ đến lúc nào đó họ sẽ hết thức ăn.

Có một căn bếp nhỏ xíu, ít khi được sử dụng ở tầng hầm, nơi người hầu từng sống trước khi Học viện ngừng cung cấp chỗ ở miễn phí cho nhân viên tạp vụ. Thỉnh thoảng, các học giả lẻn xuống đó kiếm đồ ăn nhẹ khi làm việc muộn. Một cuộc khám phá nhanh trong tủ bếp đã tìm ra một lượng kha khá đồ khô - các loại hạt, mứt, bánh quy trà cứng như đá, và yến mạch khô để nấu cháo. Không nhiều nhặn gì, nhưng cũng đủ để họ không bị đói qua đêm. Và họ còn tìm thấy rất, rất nhiều chai rượu vang, còn sót lại từ nhiều năm tổ chức tiệc chiêu đãi và tiệc ngoài trời của khoa.

“Tuyệt đối không,” Giáo sư Craft nói khi Juliana và Meghana đề nghị mang mấy chai rượu lên lầu. “Đem cất lại chỗ cũ đi. Chúng ta cần phải giữ cho đầu óc tỉnh táo.”

“Chúng ta cần gì đó để giết thời gian,” Meghana nói. “Và nếu chúng ta sắp chết đói, thà say xỉn mà chết.”

“Họ sẽ không bỏ đói chúng ta đến chết đâu,” Robin nói. “Họ không thể để chúng ta chết được. Họ không thể làm hại chúng ta. Vấn đề là ở đó.”

“Dù vậy,” Yusuf nói. “Chúng ta vừa mới tuyên bố ý định phá thành. Tôi không nghĩ chúng ta có thể thong thả ra ngoài ăn sáng nóng được, phải không?”

Họ cũng chẳng thể thò đầu ra ngoài và gọi cửa hàng tạp hóa. Họ không có bạn bè trong thị trấn, không ai có thể làm người liên lạc với thế giới bên ngoài. Giáo sư Craft có một người anh trai ở Reading, nhưng không có cách nào gửi thư cho anh ta, và cũng chẳng có cách nào an toàn để anh ta chuyển thực phẩm lên tháp. Còn Giáo sư Chakravarti, hóa ra, chỉ có mối quan hệ rất hạn chế với Hermes - ông được tuyển mộ sau khi được thăng chức lên giảng viên, sau khi mối quan hệ của ông với các giảng viên cấp cao khiến ông trở nên quá rủi ro cho việc tham gia sâu hơn - và ông chỉ biết Hermes thông qua thư nặc danh và các điểm chuyển giao. Không ai khác đáp lại tín hiệu của họ. Theo như họ biết, họ là những người duy nhất còn sót lại.

“Hai đứa không nghĩ đến chuyện này trước khi đột nhập vào tháp và bắt đầu vung súng lung tung à?” Giáo sư Chakravarti hỏi.

“Bọn mình hơi bị phân tâm tí,” Robin nói, vẻ mặt ngượng ngùng.

“Thật ra thì… tụi tao bịa chuyện ra thôi,” Victoire nói. “Mà tụi tao cũng chẳng có nhiều thời gian.”

“Lập kế hoạch cách mạng không phải sở trường của cậu.” Giáo sư Craft khịt mũi. “Tôi sẽ xem mình có thể làm gì với yến mạch.”

Rất nhanh chóng một loạt các vấn đề khác nảy sinh. Babel được ban phước vớicó nước máy và nhà vệ sinh trong nhà, nhưng không có chỗ tắm. Không ai có quần áo để thay, và tất nhiên là không có tiện nghi giặt giũ - tất cả đều được những người hầu vô hình giặt giũ. Ngoài một chiếc giường gấp duy nhất trên tầng tám, được các nghiên cứu sinh sử dụng làm chỗ ngủ trưa không chính thức, không có giường, gối, khăn trải giường hay bất cứ thứ gì có thể tạo nên chỗ ngủ thoải mái vào ban đêm ngoại trừ áo khoác của họ.

“Cứ nghĩ thế này nhé,” Giáo sư Chakravarti nói, cố gắng hết sức để vực dậy tinh thần họ. “Ai mà chẳng mơ được sống trong một thư viện chứ? Chẳng phải tình cảnh của chúng ta cũng có chút lãng mạn nào đó sao? Ai trong chúng ta lại chùn bước trước một cuộc sống hoàn toàn tự do về trí tuệ cơ chứ?”

Dường như chẳng ai đồng tình với ảo tưởng này.

“Hay là mình chuồn êm vào buổi tối?” Juliana hỏi. “Mình có thể lẻn ra sau nửa đêm rồi quay lại trước sáng, sẽ chẳng ai biết đâu —”

“Nực cười,” Robin nói. “Đây không phải kiểu… kiểu hoạt động ban ngày tùy chọn—”

"Chúng ta sẽ bốc mùi đấy," Yusuf nói. "Ghê chết đi được."

"Nhưng mà, chúng ta không thể cứ tiếp tục ra vào như thế—"

"Chỉ một lần thôi," Ibrahim nói. "Chỉ để lấy nhu yếu phẩm—"

“Dừng lại,” Victoire gắt lên. “Tất cả các người, dừng lại ngay được không? Tất cả chúng ta đều đã chọn phản bội Hoàng gia. Chúng ta sẽ còn khó chịu một thời gian nữa đấy.”

Mười giờ rưỡi, Meghana chạy hộc tốc từ sảnh lên, thở hổn hển báo rằng London đang gửi một bức điện tín. Họ túm tụm quanh

máy, lo lắng nhìn Giáo sư Chakravarti nhận tin và chép lại. Ông nhìn chằm chằm vào tờ giấy một lúc, rồi nói, "Họ gần như bảo chúng ta cút đi."

“Cái gì?” Robin chộp lấy bức điện tín. “Không còn gì khác nữa à?”

‘**PLEASE REOPEN TOWER TO REGULAR BUSINESS STOP**, Giáo sư Chakravarti đọc. 'Chỉ có vậy thôi.'

"Cái này còn chưa ký nữa à?"

“Tôi chỉ có thể cho rằng nó đến trực tiếp từ Bộ Ngoại giao,” Giáo sư Chakravarti nói. “Họ không nhận tin nhắn riêng tư vào giờ muộn thế này.”

“Không có tin tức gì về Playfair sao?” Victoire hỏi.

“Chỉ một dòng thôi,” Giáo sư Chakravarti nói. “Chỉ vậy thôi.”

Vậy là Quốc hội đã từ chối đáp ứng yêu cầu của họ – hay nói đúng hơn là hoàn toàn không coi trọng chúng. Có lẽ thật ngớ ngẩn khi hy vọng cuộc đình công sẽphản ứng nhanh đến vậy, trước cả khi tình trạng thiếu bạc gây ra hậu quả, nhưng ít nhất họ đã hy vọng Quốc hội sẽ thừa nhận mối đe dọa. Liệu các nghị sĩ có nghĩ rằng toàn bộ chuyện này sẽ tự nó lắng xuống? Họ đang cố gắng ngăn chặn một cơn hoảng loạn chung chăng? Có phải vì lý do đó mà không một cảnh sát nào gõ cửa, tại sao khoảng xanh bên ngoài vẫn yên bình và trống trải như mọi khi?

"Giờ thì sao?" Juliana hỏi.

Không ai có câu trả lời. Họ không khỏi cảm thấy hơi bực bội, giống như những đứa trẻ mới biết đi đã mè nheo nhưng không được đền đáp công sức. Bao nhiêu rắc rối chỉ để nhận lại một câu trả lời cộc lốc – tất cả thật thảm hại.

Họ nấn ná quanh máy điện báo thêm vài phút nữa, hy vọng nó sẽ bỗng nhiên hoạt động trở lại với tin tức tốt lành hơn – rằng Quốc hội hết sức quan ngại, rằng họ đã triệu tập một cuộc tranh luận lúc nửa đêm, rằng đám đông người biểu tình đã tràn ngập Quảng trường Trafalgar để yêu cầu chấm dứt chiến tranh. Nhưng kim điện báo vẫn bất động. Lần lượt từng người, họ lủi thủi trở lên lầu, bụng đói và lòng chán nản.

Suốt phần còn lại của buổi tối, Robin thỉnh thoảng lại bước ra sân thượng để nhìn xuống thành phố, tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu nào của sự thay đổi hay bất ổn. Nhưng Oxford vẫn yên bình, không hề bị xáo trộn. Những tờ rơi của họ nằm rải rác trên đường, mắc kẹt trong cống, phấp phới vô nghĩa trong làn gió đêm nhẹ nhàng. Chẳng ai buồn dọn dẹp chúng.

Đêm đó họ chẳng nói với nhau được mấy lời khi trải giường giữa những chồng vải, co ro dưới áo khoác và váy áo dự phòng. Bầu không khí thân mật của buổi chiều đã tan biến. Tất cả đều chịu đựng nỗi sợ hãi riêng tư không nói ra, một nỗi kinh hoàng len lỏi rằng cuộc đình công này có thể chẳng làm được gì ngoài việc tự chuốc lấy tai họa, và tiếng kêu của họ sẽ chìm vào bóng tối lạnh lùng không ai thấu.

Tháp Magdalen đổ sập vào sáng hôm sau.

Không ai trong số họ lường trước được điều này. Họ chỉ tìm ra chuyện gì đã xảy ra sau đó, sau khi kiểm tra sổ nhật ký công việc và nhận ra những gì họ có thể làm để ngăn chặn nó. Tháp Magdalen, tòa nhà cao thứ hai ở Oxford, từ thế kỷ thứ mười tám đã dựa vào các kỹ thuật được hỗ trợ bằng bạc để chống đỡ trọng lượng của nó sau nhiều thế kỷ xói mòn đất đã ăn mòn nền móng. Các học giả Babel thực hiện bảo trì định kỳ trên các giá đỡ của nó sáu tháng một lần, một lần vào tháng Giêng và một lần nữa vào tháng Sáu.

Trong những giờ sau thảm họa, họ mới biết được rằng chính Giáo sư Playfair là người đã giám sát việc gia cố định kỳ sáu tháng một lần này suốt mười lăm năm qua, và ghi chép về các quy trình đó bị khóa trong văn phòng của ông, không thể tiếp cận được đối với các giảng viên Babel đang bị lưu đày, những người thậm chí còn không nhớ đến cuộc hẹn sắp tới của Tháp Magdalen. Họ sẽ tìm thấy trong hộp thư một loạt tin nhắn từ các thành viên hoảng loạn của hội đồng thành phố, những người đã mong đợi Giáo sư Playfair vào tối hôm trước, và chỉ đến ngày hôm sau mới phát hiện ra rằng ông đang nằm liệt giường trong bệnh viện, bị bơm đầy thuốc phiện và bất tỉnh. Họ cũng sẽ biết được rằng một thành viên hội đồng đã gõ cửa Babel điên cuồng suốt những giờ đầu của buổi sáng; nhưng không ai trong số họ nghe thấy hay nhìn thấy ông ta, vì các lá bùa bảo vệ đã ngăn chặn tất cả những kẻ gây rối có thể làm phiền các học giả bên trong.

Trong khi đó, đồng hồ trên Tháp Magdalen đã điểm hết giờ. Vào lúc chín giờ đúng, một tiếng ầm ầm bắt đầu từ chân tháp và lan ra khắp thành phố. Tại Babel, những tách trà của họ bắt đầu kêu lách cách trong bữa sáng. Họ nghĩ rằng mình đang trải qua một trận động đất, cho đến khi họ chạy đến cửa sổ và thấy rằng không có gì rung chuyển rõ rệt ngoại trừ một tòa nhà duy nhất ở phía xa.

Rồi họ đổ xô lên sân thượng, vây quanh Giáo sư Craft, người đang thuật lại những gì mình thấy qua kính viễn vọng. "Nó... nó đang vỡ ra."

Giờ đây những thay đổi lớn đến mức có thể nhìn thấy bằng mắt thường. Ngói rơi khỏi mái nhà như mưa. Những mảng tháp canh lớn bong ra và rơi xuống đất.

Victoire hỏi điều mà không ai dám hỏi. "Liệu có ai ở bên trong không nhỉ?"

Nếu đúng là vậy, ít nhất họ cũng đã có dư dả thời gian để thoát ra. Tòa nhà đã rung lắc đến mười lăm phút rồi. Đây chính là lời biện hộ về mặt đạo đức của họ; họ không cho phép bản thân nghĩ đến những khả năng khác.

Chín giờ hai mươi, cả mười quả chuông của tòa tháp đồng loạt đổ dồn, chẳng hề theo nhịp điệu hay hòa âm nào. Tiếng chuông dường như ngày càng to hơn, dâng lên đến một mức độ khủng khiếp; chúng đạt đến đỉnh điểm với một sự thúc giục khiến chính Robin cũng muốn hét lên.

Rồi tòa tháp đổ sụp, đơn giản và gọn ghẽ như một lâu đài cát bị đá vào chân. Tòa nhà đổ xuống chưa đầy mười giây, nhưng tiếng ầm ầm kéo dài gần một phút mới lắng xuống. Rồi, nơi Tháp Magdalen từng đứng sừng sững giờ là một đống gạch, bụi và đá khổng lồ. Và bằng cách nào đó, nó đẹp một cách kỳ lạ, một vẻ đẹp đáng sợ bởi vì nó quá khủng khiếp, bởi vì nó đã vi phạm những quy luật về cách mọi thứ vận động. Việc thành phốViệc đường chân trời có thể thay đổi đột ngột đến thế này vừa ngoạn mục vừa kì vĩ.

Robin và Victoire nhìn nhau, tay nắm chặt.

“Chúng ta đã làm điều đó,” Robin lẩm bẩm.

“Đó thậm chí còn chưa phải là điều tồi tệ nhất,” Victoire nói, và anh không thể biết được liệu cô ấy đang vui mừng hay sợ hãi. “Đó mới chỉ là sự khởi đầu.”

Vậy là Griffin đã đúng. Đây chính là thứ cần thiết: một màn thị uy sức mạnh. Nếu không thể chinh phục lòng dân bằng lời nói, thì hãy dùng sự hủy diệt để thuyết phục họ.

Họ lý luận rằng Quốc hội sẽ đầu hàng, chỉ trong vài giờ tới thôi. Chẳng phải đây là bằng chứng cho thấy cuộc đình công không thể chịu đựng được nữa sao? Rằng thành phố không thể chống đỡ nổi việc tháp từ chối phục vụ?

Các giáo sư không mấy lạc quan.

“Nó sẽ không làm mọi việc nhanh hơn đâu,” Giáo sư Chakravarti nói. “Nếu có thì nó sẽ làm chậm quá trình phá hủy – giờ chúng biết mình phải cảnh giác rồi.”

“Nhưng đó là dấu hiệu của những điều sắp xảy ra,” Ibrahim nói. “Phải không? Cái gì sụp đổ tiếp theo? Thư viện Radcliffe? Nhà hát Sheldonian?”

“Tháp Magdalen chỉ là một tai nạn,” Giáo sư Craft nói. “Nhưng Giáo sư Chakravarti nói đúng. Nó sẽ khiến những kẻ còn lại cảnh giác, che đậy những ảnh hưởng mà chúng ta đã ngăn chặn. Giờ là cuộc chạy đua với thời gian – chắc chắn chúng đã tập hợp lại ở một nơi khác, và chúng đang cố gắng xây dựng một trung tâm dịch thuật mới ngay lúc này—”

“Họ làm thế được sao?” Victoire hỏi. “Chúng ta đã chiếm được tháp rồi. Chúng ta có tất cả hồ sơ bảo trì, dụng cụ—”

“Còn bạc nữa,” Robin nói. “Chúng ta có tất cả số bạc.”

“Chuyện đó rồi sẽ gây khó khăn đấy, về lâu về dài, nhưng trước mắt thì họ sẽ xoay xở được để vá víu những chỗ tệ nhất,” Giáo sư Craft nói. “Họ sẽ đợi cho đến khi chúng ta kiệt quệ – chúng ta chỉ còn cháo cầm hơi được nhiều nhất một tuần thôi, Swift, rồi sau đó thì sao? Chúng ta chết đói à?”

"Vậy thì chúng ta sẽ tăng tốc thôi," Robin nói.

"Anh định làm thế nào?", Victoire hỏi.

Cộng hưởng.

Giáo sư Chakravarti và Giáo sư Craft trao đổi một cái nhìn.

"Sao hắn ta lại biết chuyện đó?" Giáo sư Craft hỏi.

Giáo sư Chakravarti nhún vai tội lỗi. 'Có thể đã cho cậu ta xem rồi.'

Anand!

"Ôi, có hại gì đâu?"

Vâng,*this*, rõ ràng—'

"Cộng hưởng là gì?" Victoire gặng hỏi.

“Trên tầng tám,” Robin nói. “Đi nào, tôi sẽ chỉ cho anh xem. Đó là cách những thanh chắn ở xa được duy trì, những thanh không được tạo ra để chịu đựng lâu dài. Từ trung tâm đến ngoại vi. Nếu chúng ta loại bỏ trung tâm, chắc chắn chúng sẽ bắt đầu sụp đổ, phải không?”

“Vâng, có một lần ranh đạo đức,” Giáo sư Craft nói. “Ngăn chặn dịch vụ, tài nguyên – đó là một chuyện. Nhưng phá hoại có chủ ý—”

Robin cười khẩy. "Chúng ta đang tranh cãi về mấy thứ đạo đức vụn vặt thế này à?"*This?*'

“Thành phố sẽ ngừng hoạt động,” Giáo sư Chakravarti nói. “Cả nước cũng vậy. Sẽ là Ngày Tận thế.”

‘Nhưng đó là những gì chúng ta*want*—'

“Cậu muốn gây đủ sát thương để khiến lời đe dọa trở nên đáng tin,” Giáo sư Chakravarti nói. “Và không hơn.”

“Vậy thì chúng ta sẽ loại bỏ từng người một.” Robin đứng dậy. Anh đã quyết định rồi. Anh không muốn tranh luận thêm nữa, và anh thấy chẳng ai trong số họ muốn cả; họ quá lo lắng, và quá sợ hãi. Họ chỉ muốn có người bảo họ phải làm gì. “Từng người

một, cho đến khi chúng hiểu ra. Các cậu muốn chọn ai trước không?”

Các giáo sư từ chối. Robin ngờ rằng việc tháo dỡ các thanh cộng hưởng là quá sức đối với họ, vì họ hiểu quá rõ hậu quả của những gì mình đã làm. Họ cần phải giữ được cái mác vô tội, hoặc ít nhất là tỏ ra không biết gì. Nhưng họ không phản đối gì thêm, và vì vậy tối hôm đó Robin và Victoire cùng nhau lên tầng tám.

“Khoảng chục cái, cô nghĩ sao?” Victoire đề nghị. “Mỗi ngày chục cái, rồi chúng ta sẽ xem có cần tăng thêm không?”

“Chắc khoảng hai mươi cây trước đã,” Robin nói. Chắc hẳn phải có đến hàng trăm cây gậy trong căn phòng. Anh bỗng dưng muốn đá đổ hết xuống, chỉ cần chộp lấy một cây rồi dùng nó quật ngã những cây còn lại. “Chẳng phải mình muốn làm cho nó hoành tráng lên sao?”

Victoire liếc anh bằng nửa con mắt. "Có kịch tính, rồi lại có liều lĩnh."

Toàn bộ chuyện này thật liều lĩnh.

‘Nhưng chúng ta còn chẳng biết cái gì*one*sẽ làm—’

"Ý tôi là, chúng ta cần phải thu hút sự chú ý của họ." Robin nắm chặt tay. "Tôi muốn một màn trình diễn hoành tráng. Tôi..."*want*Tận thế. Ta muốn chúng nghĩ rằng hàng tá Tháp Magdalen sẽ sụp đổ mỗi ngày cho đến khi chúng chịu lắng nghe ta.

Victoire khoanh tay lại. Robin không thích cái cách mà ánh mắt cô ấy dò xét anh, cứ như thể cô ấy đã nắm được một sự thật nào đó mà anh không muốn thừa nhận.

“Không phải trả thù đâu, những gì chúng ta đang làm ở đây này.” Cô ta nhướn mày. “Chỉ để nói cho rõ thôi.”

Anh ta quyết định không nhắc đến Giáo sư Playfair lúc này. "Anh biết rồi, Victoire."

“Được thôi.” Cô ấy gật đầu cộc lốc. “Hai tá.”

Hai tá đến*start.*Robin cúi xuống, rút thanh cộng hưởng gần nhất ra khỏi giá đỡ. Nó trượt ra một cách dễ dàng đến bất ngờ. Anh đã nghĩ sẽ có chút kháng cự, tiếng động hay biến đổi gì đó báo hiệu sự đứt gãy. "Chỉ đơn giản vậy sao?"

Mong manh thay, yếu ớt thay, nền móng của một đế chế. Hãy tước bỏ trung tâm đi, còn lại gì? Một vùng ngoại vi thoi thóp, không gốc rễ, bất lực, bị chặt đứt tận gốc.

Victoire thò tay vào một cách ngẫu nhiên, rút ra một cây đũa phép thứ hai, rồi cây thứ ba. "Tôi nghĩ chúng ta sẽ sớm biết thôi."

Và rồi, như một tòa lâu đài bằng giấy, Oxford bắt đầu sụp đổ.

Sự xuống cấp chóng mặt đến kinh ngạc. Ngày hôm sau, tất cả đồng hồ trên tháp chuông đều ngừng chạy, tất cả đều dừng lại ở đúng 6 giờ 37 phút sáng. Chiều hôm đó, một mùi hôi thối nồng nặc bốc lên khắp thành phố. Hóa ra bạc đã được sử dụng để hỗ trợ dòng chảy của nước thải, giờ đây bị tắc nghẽn, trở thành một khối bùn đặc quánh không di chuyển. Tối hôm đó, Oxford chìm trong bóng tối. Đầu tiên một cột đèn bắt đầu nhấp nháy, rồi đến cột đèn khác, rồi lại một cột đèn khác, cho đến khi tất cả đèn trên phố High Street đều tắt. Lần đầu tiên trong hai thập kỷ kể từ khi đèn khí được lắp đặt trên đường phố, Oxford trải qua một đêm chìm trong bóng tối dày đặc.

Hai người đã làm gì*do*"Ở trên đó á?" Ibrahim kinh ngạc.

“Bọn cháu chỉ lấy có hai tá thôi,” Victoire nói. “Chỉ hai tá thôi mà, vậy thì làm sao—”

“Babel được thiết kế để vận hành như thế này,” Giáo sư Chakravarti nói. “Chúng tôi đã làm cho thành phố phụ thuộc vào Viện hết mức có thể. Chúng tôi thiết kế các quán bar chỉ tồn tại trong vài tuần thay vì vài tháng, bởi vì các cuộc hẹn bảo trì mang lại tiền. Đây là cái giá của việc thổi phồng giá cả và tạo ra nhu cầu giả tạo. Tất cả hoạt động rất tốt đẹp, cho đến khi nó không còn nữa.”

Đến sáng ngày thứ ba, hệ thống giao thông bắt đầu tê liệt. Hầu hết xe ngựa ở Anh quốc sử dụng nhiều loại ngựa ghép đôi mà...với khái niệm về tốc độ. Từ*speed*trong tiếng Anh hiện đại mang nghĩa cụ thể là sự nhanh chóng, nhưng như một số cụm từ thông dụng –*Godspeed*,*good speed to you*– đã được chứng minh, nghĩa gốc, bắt nguồn từ tiếng Latinh*spēs*, nghĩa là ‘hy vọng’, gắn liền với vận may và thành công, với ý nghĩa rộng hơn là tìm kiếm đích đến của một người, vượt qua những khoảng cách xa xôi để đạt được mục tiêu của mình. Các cặp đấu dựa trên tốc độ sử dụng tiếng Latinh, hoặc trong một số ít trường hợp là tiếng Slav cổ, cho phép xe ngựa di chuyển nhanh hơn mà không có nguy cơ tai nạn.

Nhưng các tài xế đã quá quen với thanh chắn ngựa, nên không kịp xử lý khi chúng bị hỏng. Tai nạn tăng lên gấp bội. Đường xá Oxford bị tắc nghẽn bởi những chiếc xe ngựa và xe kéo bị lật do ôm cua quá gấp. Trên vùng Cotswolds, một gia đình nhỏ tám người đã rơi thẳng xuống khe núi vì người đánh xe đã quen với việc ngồi dựa ra sau và để ngựa tự lo liệu khi vào khúc cua khó.

Hệ thống bưu chính cũng bị đình trệ. Trong nhiều năm, các nhân viên giao hàng của Bưu điện Hoàng gia với những kiện hàng đặc biệt nặng đã sử dụng các thanh khắc cặp ký tự đối chiếu Pháp-Anh.*parcelle-parcel*Cả tiếng Pháp và tiếng Anh từng sử dụng*parcel*để chỉ những mảnh đất tạo nên một điền trang,

nhưng khi nó phát triển để ám chỉ một món hàng kinh doanh ở cả hai ngôn ngữ, nó vẫn giữ được hàm ý về sự phân mảnh nhỏ bé trong tiếng Pháp, trong khi tiếng Anh nó chỉ đơn giản có nghĩa là một gói hàng. Việc cố định thanh này vào xe ngựa bưu điện khiến những kiện hàng dường như chỉ bằng một phần nhỏ trọng lượng thực của chúng. Nhưng giờ đây, những chiếc xe ngựa này, với những con ngựa phải gồng mình gánh gấp ba lần tải trọng thường lệ, đang bị sập giữa đường.

"Cậu có nghĩ là họ đã nhận ra đây là vấn đề chưa?" Robin gặng hỏi vào ngày thứ tư. "Ý tớ là, bao lâu nữa thì người ta mới nhận ra chuyện này sẽ không tự biến mất?"

Nhưng từ bên trong tòa tháp, không thể nào biết được chuyện gì đang xảy ra. Họ không có cách nào để đánh giá dư luận ở Oxford hay London, ngoại trừ việc đọc báo, mà thật nực cười là báo vẫn được giao đến tận cửa mỗi sáng. Nhờ vậy mà họ biết được về thảm kịch gia đình ở Cotswold, các vụ tai nạn giao thông, và sự chậm trễ của dịch vụ chuyển phát nhanh trên toàn quốc. Nhưng báo chí London hầu như không đề cập gì đến cuộc chiến với Trung Quốc hay cuộc đình công, ngoại trừ một thông báo ngắn gọn về một số 'xáo trộn nội bộ' tại 'Viện Dịch thuật Hoàng gia danh tiếng'.

“Họ đang bịt miệng chúng ta,” Victoire nói với vẻ mặt u ám. “Chúng làm vậy là có chủ đích.”

Nhưng Quốc hội nghĩ họ có thể giữ im lặng được bao lâu? VàoSáng ngày thứ năm, họ bị đánh thức bởi một tiếng ồn chói tai khủng khiếp. Phải mất một lúc lục lọi sổ sách họ mới hiểu chuyện gì đang xảy ra. Đại chuông Tom của nhà thờ Christ Church, quả chuông lớn nhất Oxford, vẫn luôn ngân lên một nốt Si giáng hơi phô. Nhưng bất cứ thứ đồ bạc nào điều chỉnh âm thanh của nó đã ngừng hoạt động, và giờ đây Đại chuông Tom phát ra một tiếng rên rỉ ghê rợn, kinh hoàng. Đến chiều hôm đó, nó được hòa cùng bởi những tiếng chuông ở St Martin,

St Mary và Tu viện Osney, tạo thành một điệp khúc rên rỉ liên tục, thảm thiết.

Lá chắn của Babel phần nào ngăn được âm thanh, nhưng đến tối hôm đó, tất cả bọn họ đều đã học cách sống chung với tiếng rì rầm khủng khiếp, liên tục len lỏi qua tường. Họ nhét bông vào tai để ngủ.

Tiếng chuông ngân như khúc bi ai đưa tiễn một ảo ảnh. Thành phố của những ngọn tháp mơ mộng đã không còn nữa. Sự suy tàn của Oxford hiện rõ mồn một – người ta có thể thấy nó sụp đổ từng giờ như một ngôi nhà bánh gừng mục ruỗng. Điều trở nên rõ ràng là Oxford đã lệ thuộc vào bạc đến mức nào, nếu không có đội ngũ dịch thuật miệt mài làm việc, không có những nhân tài mà nó thu hút từ nước ngoài, nó sẽ lập tức tan rã. Nó không chỉ phơi bày sức mạnh của dịch thuật, mà còn cho thấy sự phụ thuộc hoàn toàn của người Anh, những người, thật đáng kinh ngạc, không thể tự làm những việc cơ bản như nướng bánh mì hay di chuyển an toàn từ nơi này đến nơi khác nếu không có những từ ngữ vay mượn từ các quốc gia khác.

Và tất cả vẫn chỉ mới là bắt đầu. Sổ nhật ký bảo trì dài dằng dặc, và vẫn còn hàng trăm thanh cộng hưởng cần phải nhổ bỏ.

“Họ sẽ để chuyện này đi xa đến đâu?” là câu hỏi cứ vang lên bên trong tòa tháp. Bởi vì tất cả bọn họ đều kinh ngạc, và phần nào kinh hoàng, khi thành phố vẫn chưa thừa nhận lý do thực sự đằng sau cuộc đình công này; rằng Quốc hội vẫn chưa có bất kỳ hành động nào.

Trong thâm tâm, Robin không muốn chuyện này kết thúc. Anh sẽ không bao giờ thú nhận điều đó với những người khác, nhưng sâu thẳm bên trong, nơi những hồn ma của Griffin và Ramy vẫn tồn tại, anh không muốn một giải pháp chóng vánh, một sự dàn xếp hời hợt chỉ che đậy hàng thập kỷ bị bóc lột.

Hắn muốn xem mình có thể đẩy chuyện này đi xa tới đâu. Hắn muốn thấy Oxford sụp đổ hoàn toàn, muốn sự xa hoa, béo tốt, dát vàng của nó tan biến đi; muốn những viên gạch nhạt màu, thanh lịch của nó vỡ vụn thành từng mảnh; muốn những ngọn tháp của nó đâm sầm xuống những phiến đá cuội; muốn những kệ sách của nó đổ sụp như những quân cờ domino. Hắn muốn toàn bộ nơi này bị phá hủy hoàn toàn đến mức như thể nó chưa từng được xây dựng. Tất cả những tòa nhà được xây dựng bởi nô lệ, trả bằng tiền của nô lệ, và nhồi nhét những cổ vật đánh cắp từ những vùng đất bị chinh phục, những tòa nhà không có quyền tồn tại, những...Sự tồn tại tiếp diễn đòi hỏi sự khai thác và bạo lực liên tục – hủy diệt, tàn phá.

Vào ngày thứ sáu, cuối cùng họ cũng thu hút được sự chú ý của thành phố. Một đám đông tụ tập dưới chân tháp vào khoảng giữa buổi sáng, la hét gọi các học giả ra ngoài.

"Ồ, nhìn kìa," Victoire nói mỉa mai. "Một đám dân quân."

Họ tụ tập quanh cửa sổ tầng bốn và nhìn xuống bên dưới. Nhiều người trong đám đông là sinh viên Oxford – những chàng trai trẻ mặc áo choàng đen đang diễu hành để bảo vệ thị trấn của họ; mặt cau có, ngực ưỡn ra. Robin nhận ra Vincy Woolcombe nhờ mái tóc đỏ rực, rồi Elton Pendennis, vung ngọn đuốc trên đầu, hét vào mặt những người đàn ông phía sau như thể đang dẫn quân ra trận. Nhưng cũng có cả phụ nữ, trẻ em, chủ quán rượu, chủ cửa hàng và nông dân: một sự liên minh hiếm hoi giữa thị trấn và trường đại học.

“Chắc chúng ta nên ra nói chuyện với họ,” Robin nói. “Không thì họ sẽ ở ngoài đó cả ngày mất.”

“Không sợ à?” Meghana hỏi.

Robin cười khẩy. "Thật à?"

Chúng đông lắm. Không biết chúng sẽ làm gì nữa.

“Bọn nó là sinh viên mà,” Robin nói. “Chúng nó có biết mình muốn làm gì đâu.”

Quả thật, có vẻ như đám người kích động đã chẳng hề nghĩ đến việc họ sẽ thực sự tràn vào tòa tháp như thế nào. Họ thậm chí còn không hô vang khẩu hiệu một cách đồng nhất. Phần lớn chỉ quanh quẩn trên bãi cỏ, bối rối, liếc ngang liếc dọc như thể đang chờ đợi ai đó ra lệnh. Đây không phải là đám đông công nhân thất nghiệp giận dữ đã đe dọa các học giả của Babel suốt năm qua; đây chỉ là những cậu học trò và người dân thị trấn, với họ, bạo lực là một phương tiện hoàn toàn xa lạ để đạt được điều mình muốn.

"Cậu cứ thế mà đi ra ngoài đó à?" Ibrahim hỏi.

“Sao lại không?” Robin hỏi. “Cứ hét lại cũng được mà.”

“Chúa ơi,” Giáo sư Chakravarti thốt lên đột ngột, giọng căng thẳng. “Chúng đang cố gắng thiêu rụi nơi này.”

Họ quay lại nhìn ra cửa sổ. Giờ đây, khi đám đông tiến lại gần hơn, Robin có thể thấy họ mang theo những chiếc xe chất đầy củi. Họ có đuốc. Họ có dầu.

Họ định thiêu sống họ à? Ngu ngốc, thật là ngu ngốc – chắc chắn họ phải hiểu toàn bộ vấn đề là Babel không thể bị...mất mát, bởi vì Babel và tri thức chứa đựng trong nó chính xác là thứ họ đang chiến đấu để giành lại. Nhưng có lẽ lý trí đã biến mất. Có lẽ chỉ còn lại đám đông, được tiếp thêm sức mạnh bởi cơn thịnh nộ tột độ khi thứ họ nghĩ là của mình đã bị cướp mất.

Vài học sinh bắt đầu chất củi dưới chân tháp. Robin cảm thấy lo lắng thoáng qua lần đầu tiên. Đây không phải là lời đe dọa suông; chúng thực sự định đốt cháy nơi này.

Hắn đẩy mạnh cửa sổ cho mở toang rồi thò đầu ra. "Các người đang làm cái gì vậy?" hắn gào lên. "Các người mà đốt chúng tôi

thì đừng hòng thành phố này vận hành lại được nữa."

Ai đó ném thẳng một chai thủy tinh vào mặt anh. Anh ta đứng quá cao, chai thủy tinh xoáy xuống trước khi đến gần, nhưng Giáo sư Chakravarti vẫn giật Robin về phía sau và đóng sầm cửa sổ lại.

“Thôi được,” anh ta nói. “Tôi nghĩ chẳng ích gì nói lý với bọn điên.”

"Vậy thì chúng ta phải làm gì bây giờ?" Ibrahim gào lên. "Chúng nó sẽ thiêu sống chúng ta mất!"

“Cái tháp làm bằng đá mà,” Yusuf nói với vẻ gạt đi. “Chúng ta sẽ ổn thôi.”

‘Nhưng mà*smoke*—’

“Chúng ta có cái này,” Giáo sư Chakravarti nói đột ngột như vừa mới nhớ ra. “Trên lầu, dưới tập hồ sơ Miến Điện—”

“Anand!” Giáo sư Craft kêu lên. “Họ là thường dân.”

“Tự vệ thôi,” Giáo sư Chakravarti nói. “Tôi nghĩ là chính đáng.”

Giáo sư Craft lại nhìn đám đông. Môi bà mím lại thành một đường thẳng mỏng. "Ồ, được rồi."

Không nói thêm lời nào, hai người họ tiến về phía cầu thang. Những người còn lại nhìn nhau chốc lát, không biết phải làm gì.

Robin đưa một tay mở cửa sổ, tay kia lần mò trong túi áo ngực. Victoire nắm lấy cổ tay anh. "Anh đang làm gì vậy?"

“Quán Griffin,” anh ta lẩm bẩm. “Cậu biết đấy, cái quán mà—”

"Anh/Chị/Em/Mày/Bạn điên à?"

"Chúng nó đang cố thiêu sống chúng ta, đừng có mà bàn chuyện đạo đức nữa—"

“Cái đó có thể làm bùng cháy hết cả chỗ dầu.” Tay cô ấy siết chặt đến mức đau điếng. “Thế thì chết mất mấy mạng người đấy. Bình tĩnh lại được không?”

Robin đút thanh sắt trở lại túi, hít một hơi thật sâu, và tự hỏi về nhịp đập như búa bổ trong huyết quản. Hắn muốn một cuộc chiến. Hắn muốn nhảy xuống đó và đập nát mặt bọn chúng bằng nắm đấm. Muốn bọn chúng...biết chính xác hắn là gì, thứ mà chính là cơn ác mộng tồi tệ nhất của chúng - man rợ, tàn bạo, hung dữ.

Nhưng tất cả đã kết thúc trước cả khi bắt đầu. Giống như Giáo sư Playfair, Pendennis và đồng bọn không phải là lính tráng. Họ thích đe dọa và làm om sòm. Họ thích giả vờ rằng thế giới tuân theo mọi ý thích của mình. Nhưng cuối cùng, họ không được sinh ra để đấu tranh thực sự. Họ không hề biết cần bao nhiêu nỗ lực để hạ gục một tòa tháp, và Babel là tòa tháp kiên cố nhất trên trái đất.

Pendennis hạ thấp ngọn đuốc và châm lửa vào đống củi. Đám đông reo hò khi ngọn lửa liếm lên các bức tường. Nhưng ngọn lửa không bốc lên được. Những tia lửa nhảy lên một cách thèm thuồng, vươn ra với những tua lửa màu cam như thể đang tìm chỗ bám víu, nhưng rồi lại rơi xuống một cách vô ích. Một vài học sinh chạy đến các bức tường tháp với một nỗ lực leo lên được suy tính kém cỏi, nhưng họ vừa chạm vào gạch thì một lực lượng vô hình nào đó đã hất văng họ trở lại bãi cỏ.

Giáo sư Chakravarti thở hổn hển chạy xuống cầu thang, tay bê một thanh bạc có khắc chữTrên tường..*“Tiếng Phạn,” anh ta giải thích. “Nó sẽ chia rẽ bọn chúng.”

Hắn nhoài người ra khỏi cửa sổ, quan sát cuộc cãi vã một lát rồi ném thẳng thanh sắt vào giữa đám đông. Chỉ vài giây sau, đám người bắt đầu giải tán. Robin không rõ chuyện gì đang xảy ra, nhưng dường như có một cuộc tranh cãi dưới đất, và những kẻ gây rối mang vẻ mặt vừa cáu kỉnh vừa bối rối khi họ l milling quanh như đàn vịt xoay vòng vòng trên ao. Rồi, từng người một, họ tản ra khỏi tòa tháp; về nhà, về bữa tối, về với vợ chồng con cái đang chờ đợi.

Một số ít học sinh nán lại thêm chút nữa. Elton Pendennis vẫn đang thao thao bất tuyệt trên bãi cỏ, vung vẩy cây đuốc trên đầu, gào thét những lời nguyền rủa mà họ không thể nghe thấy xuyên qua kết giới. Nhưng rõ ràng là tòa tháp sẽ không bao giờ bốc cháy. Củi cháy vô ích trên nền đá, rồi phụt tắt. Giọng những người biểu tình khản đặc vì la hét; tiếng kêu của họ yếu dần, rồi cuối cùng tắt hẳn. Khi mặt trời lặn, những kẻ gây rối cuối cùng đã lê bước về nhà.

Các dịch giả phải đợi đến gần nửa đêm mới được ăn tối; cháo trắng nhạt nhẽo, mứt đào, và mỗi người hai chiếc bánh quy trà. Sau một hồi năn nỉ ỉ ôi, Giáo sư Craft mới mủi lòng cho phép họ mang lên vài chai rượu.rượu vang đỏ từ hầm rượu. "Chà," bà nói, rót rượu đầy hai ly bằng bàn tay run rẩy. "Thật là thú vị."

Sáng hôm sau, những người phiên dịch bắt đầu công việc củng cố Babel.

Hôm qua họ chưa từng thực sự gặp nguy hiểm; ngay cả Juliana, người đã lặng lẽ khóc cho đến khi ngủ thiếp đi, giờ cũng cười khi nhớ lại. Nhưng cuộc náo loạn trước khi sinh đó chỉ mới là bắt đầu. Oxford sẽ tiếp tục sụp đổ, và thành phố sẽ càng căm ghét họ hơn. Họ phải chuẩn bị cho lần tới.

Họ lao vào công việc. Bỗng nhiên, tòa tháp lại mang không khí hệt như mùa thi. Họ ngồi thành hàng ở tầng tám, cúi gằm mặt trên những văn bản, và âm thanh duy nhất trong căn phòng là

tiếng lật giấy và thỉnh thoảng vang lên một tiếng kêu khi ai đó tình cờ phát hiện ra một chi tiết từ nguyên học đầy hứa hẹn. Cảm giác này thật tuyệt. Cuối cùng cũng có việc để làm, một điều gì đó giúp họ không phải bồn chồn lo lắng trong khi chờ đợi tin tức từ bên ngoài.

Robin lục tung đống ghi chép tìm thấy trong văn phòng Giáo sư Lovell, bên trong chứa rất nhiều cặp ký tự tiềm năng được chuẩn bị cho chiến dịch Trung Quốc. Một cặp khiến anh vô cùng phấn khích: chữ HánLợi(lì) có thể mang nghĩa mài sắc vũ khí, nhưng cũng hàm ý về lợi ích và lợi thế, và chữ tượng hình của nó biểu thị hình ảnh hạt thóc bị cắt bằng dao. Dao được mài bằngLợi-*sharp*Dao nĩa kiểu match-pair có lưỡi mỏng đáng sợ, và luôn tìm thấy mục tiêu một cách chính xác.

“Cái đó thì có ích gì chứ?” Victoire hỏi khi anh cho cô xem.

“Nó giúp ích trong lúc đánh nhau,” Robin nói. “Chẳng phải đó là vấn đề sao?”

Anh nghĩ anh sẽ đánh nhau bằng dao với ai đó à?

Anh ta nhún vai, vẻ bực bội pha chút xấu hổ. "Cũng có thể đến mức đó."

Cô nheo mắt. "Anh muốn thế mà, phải không?"

‘Dĩ nhiên là không, tôi thậm chí còn không – dĩ nhiên là không. Nhưng nếu chúng vào được, nếu nó thực sự cần thiết—’

“Chúng tôi đang cố gắng bảo vệ tòa tháp,” cô nhẹ nhàng nói với anh. “Chúng tôi chỉ đang cố gắng giữ an toàn cho bản thân. Không phải để lại một bãi máu sau lưng.”

Họ bắt đầu sống như những người bảo vệ đang bị vây hãm. Họ tham khảo các tài liệu cổ điển – lịch sử quân sự, sổ tay chiến trường, luận thuyết chiến lược – để tìm kiếm ý tưởng về cách

điều hành tòa tháp. Họ đặt ra thời gian ăn uống và khẩu phần nghiêm ngặt; không được phép nhấm nháp bánh quy lúc nửa đêm như Ibrahim và Juliana đã từng làm.Họ lôi hết đám kính viễn vọng thiên văn cũ kỹ lên sân thượng để quan sát thành phố đang ngày càng tồi tệ. Họ lập ra các ca trực theo dõi luân phiên hai tiếng một từ cửa sổ tầng bảy và tầng tám để khi nào bạo loạn tiếp theo nổ ra, họ có thể thấy từ xa.

Một ngày trôi qua như vậy, rồi lại một ngày nữa. Cuối cùng họ cũng hiểu ra rằng họ đã đi quá điểm không thể quay đầu, rằng đây không phải là một sự chia rẽ tạm thời; sẽ không có sự trở lại nào với cuộc sống bình thường. Họ sẽ bước ra khỏi nơi này với tư cách người chiến thắng, là những kẻ báo hiệu cho một nước Anh không thể nhận ra, hoặc họ sẽ rời khỏi tòa tháp này trong tư thế kẻ chết.

“Chúng đang đình công ở Luân Đôn.” Victoire lắc vai Robin. “Dậy đi.”

Anh bật dậy. Đồng hồ điểm mười giờ mười lăm phút đêm; anh vừa mới thiếp đi, chuẩn bị cho ca trực đêm. "Cái gì? Ai đấy?"

“Mọi người.” Giọng Victoire nghe ngơ ngẩn, như thể chính cô cũng không tin được. “Tờ rơi của Anthony chắc hẳn đã có tác dụng – ý tôi là, những tờ rơi gửi đến phe Cấp tiến, những tờ về lao động, vì hãy nhìn—” Cô vẫy tờ điện tín về phía anh ta. “Ngay cả văn phòng điện tín cũng vậy. Họ nói cả ngày nay người ta tụ tập quanh Quốc hội, yêu cầu họ rút lại đề xuất chiến tranh—”

'Ai đấy*everyone*Hả?

Tất cả những người đình công từ vài năm trước – thợ may, thợ đóng giày, thợ dệt. Tất cả bọn họ lại đình công. Và còn nhiều hơn thế nữa – còn có công nhân bốc xếp, công nhân nhà máy, công nhân lò gas – tôi muốn nói là, thật sự,...*everyone*"Nhìn này." Cô ấy vẫy tờ điện tín. "Nhìn đi. Ngày mai nó sẽ lên hết báo đấy."

Robin nheo mắt nhìn bức thư dưới ánh sáng lờ mờ, cố gắng hiểu ý nghĩa của nó.

Cách đó cả trăm dặm, những công nhân da trắng người Anh đang chen chúc tại Sảnh Westminster để phản đối một cuộc chiến ở một đất nước mà họ chưa từng đặt chân đến.

Anthony có đúng không? Có phải họ đã tạo nên một liên minh khó tin nhất? Cuộc nổi dậy của họ không phải là cuộc nổi dậy chống bạc đầu tiên của thập kỷ đó, mà chỉ là kịch tính nhất. Các cuộc bạo loạn Rebecca ở Wales, bạo loạn Bull Ring ở Birmingham và các cuộc nổi dậy của người theo chủ nghĩa Hiến chương ở Sheffield và Bradford ngay đầu năm đó đều đã cố gắng và thất bại trong việc ngăn chặn cuộc cách mạng công nghiệp bạc. Báo chí đã mô tả chúng như những vụ bùng phát bất mãn lẻ tẻ. Nhưng giờ đây rõ ràng là tất cả chúng đều có liên quan, đều bị cuốn vào…cùng chung trong một mạng lưới cưỡng bức và bóc lột. Điều xảy ra với những người thợ kéo sợi Lancashire đã xảy ra với những người thợ dệt Ấn Độ trước đó. Những công nhân dệt may kiệt sức, đổ mồ hôi trong các nhà máy dát bạc của Anh quay bông do nô lệ ở Mỹ hái. Ở khắp mọi nơi, cuộc cách mạng công nghiệp bạc đã gây ra nghèo đói, bất bình đẳng và đau khổ, trong khi những người duy nhất được hưởng lợi là những người nắm quyền ở trung tâm của Đế quốc. Và thành tựu lớn của dự án đế quốc là chỉ lấy một ít từ rất nhiều nơi; phân mảnh và phân tán sự đau khổ để không ở điểm nào nó trở nên quá sức chịu đựng đối với toàn bộ cộng đồng. Cho đến khi nó vượt quá giới hạn.

Và nếu những người bị áp bức đoàn kết lại, nếu họ tập hợp quanh một lý tưởng chung – thì đây, ngay lúc này, chính là một trong những điểm xoay chuyển bất khả thi mà Griffin vẫn thường nhắc đến. Đây chính là cơ hội để họ đẩy lịch sử ra khỏi quỹ đạo của nó.

Một giờ sau, đề nghị ngừng bắn đầu tiên được đưa ra từ Luân Đôn:**RESUME BABEL SERVICES. FULL AMNESTY EVEN FOR SWIFT AND DESGRAVES STOP. OTHERWISE PRISON STOP**.

"Điều khoản đó tệ quá," Yusuf nói.

“Điều khoản thật ngớ ngẩn,” Giáo sư Chakravarti nói. “Chúng ta nên phản hồi thế nào đây?”

“Tớ nghĩ là không,” Victoire nói. “Tớ nghĩ mình cứ để bọn họ lo lắng đi, cứ tiếp tục đẩy bọn họ đến đường cùng.”

“Nhưng thế thì nguy hiểm,” Giáo sư Craft nói. “Họ đã mở ra không gian cho một cuộc đối thoại, phải không? Chúng ta không thể biết nó sẽ mở trong bao lâu. Giả sử chúng ta phớt lờ họ và nó đóng lại thì—”

“Còn chuyện khác nữa,” Robin nói cộc lốc.

Họ nhìn cái máy điện báo gõ lách tách, lòng đầy sợ hãi và lo lắng âm thầm khi Victoire ghi lại.**ARMY ON ITS WAY STOP**,’ cô đọc.‘**STAND DOWN STOP**.

"Chúa ơi," Juliana nói.

“Nhưng làm vậy thì ích gì cho chúng?” Robin hỏi. “Chúng đâu có vượt qua được kết giới—”

“Chúng ta phải thừa nhận là chúng có thể làm được,” Giáo sư Chakravarti nói với vẻ mặt u ám. “Ít nhất là chúng sẽ làm. Chúng ta phải thừa nhận Jerome đang giúp chúng.”

Điều này làm nổ ra một loạt tiếng lắp bắp sợ hãi.

“Chúng ta phải nói chuyện với họ,” Giáo sư Craft nói. “Chúng ta sẽ bỏ lỡ thời cơ đàm phán—”

Ibrahim nói: "Giả sử họ tống hết chúng ta vào tù thì sao—"

Không nếu chúng ta đầu hàng— Juliana bắt đầu.

Và Victoire, kiên quyết, mạnh mẽ: “Chúng ta không thể đầu hàng. Chúng ta sẽ chẳng được gì cả—”

“Khoan đã.” Robin lên giọng giữa tiếng ồn ào. “Không – mối đe dọa này, Quân đội – tất cả điều đó có nghĩa là nó đang hiệu quả, các cậu không thấy sao? Nó có nghĩa là chúng đang sợ. Ngày đầu chúng vẫn nghĩ có thể sai khiến chúng ta. Nhưng giờ chúng đã phải gánh chịu hậu quả. Chúng…*terrified*Nghĩa là nếu chúng ta có thể cầm cự thêm một chút, nếu chúng ta có thể tiếp tục như thế này, chúng ta sẽ thắng.

Chapter Twenty-Eight

What say you, then,

To times, when half the city shall break out

Full of one passion, vengeance, rage, or fear?

TâyILLIAMTâyORDSWORTH,*The Prelude*

TSáng hôm sau, họ tỉnh dậy và thấy một loạt chướng ngại vật đã mọc lên một cách bí ẩn xung quanh tòa tháp chỉ sau một đêm. Những vật cản lớn, chênh vênh chặn mọi con phố chính dẫn đến Babel – High Street, Broad Street, Cornmarket. Có phải đây là việc làm của Quân đội không? Họ tự hỏi. Nhưng tất cả có vẻ quá cẩu thả, quá lung tung để là một chiến dịch của Quân đội. Các chướng ngại vật được làm từ những vật liệu hàng ngày – xe đẩy bị lật úp, thùng phuy đổ đầy cát, cột đèn đổ, khung sắt bị xé toạc khỏi hàng rào quanh các công viên Oxford, và đống gạch đá vụn đã chất đống ở mọi góc phố như bằng chứng cho sự xuống cấp chậm chạp của thành phố. Và Quân đội được lợi ích gì khi rào chắn chính các con phố của mình?

Họ hỏi Ibrahim, người trực ca hôm đó, rằng anh ta đã thấy gì. Nhưng Ibrahim đã ngủ gục. "Tôi tỉnh dậy trước bình minh một chút," anh ta nói với vẻ biện hộ. "Lúc đó họ đã ở đó rồi."

Giáo sư Chakravarti vội vã từ sảnh lên. "Có một người đàn ông ở ngoài muốn nói chuyện với hai cháu." Ông gật đầu với Robin và Victoire.

“Người đàn ông nào?”, Victoire hỏi. “Sao lại là chúng ta?”

“Không rõ lắm,” Giáo sư Chakravarti nói. “Nhưng anh ta cứ khăng khăng đòi nói chuyện với người phụ trách. Và toàn bộ chuyện này là gánh xiếc của cậu mà, phải không?”

Họ cùng nhau xuống sảnh. Từ cửa sổ, họ thấy một người đàn ông cao lớn, vai rộng, râu quai nón đang đứng đợi ở bậc thềm. Anh ta trông có vẻ không mang vũ khí, cũng không tỏ ra thù địch, nhưng sự hiện diện của anh ta vẫn khiến họ thấy khó hiểu.

Robin nhận ra người đàn ông này. Ông ta không cầm biển hiệu, nhưng vẫn đứng y như cái cách ông ta vẫn thường làm trong các cuộc biểu tình của công nhân nhà máy: hai nắm tay siết chặt, cằm hếch lên, nhìn chằm chằm vào tòa nhà với vẻ kiên quyết như thể ông ta có thể dùng ý chí mà lật đổ nó.

"Trời đất ạ." Giáo sư Craft nhìn ra ngoài cửa sổ. "Lại một trong những kẻ điên đó. Đừng ra ngoài, hắn sẽ tấn công cô đấy."

Nhưng Robin đã đang mặc áo khoác vào. "Không, hắn ta sẽ không làm thế đâu." Anh có linh cảm về những gì đang xảy ra, và mặc dù vẫn còn e ngại chưa dám hy vọng, tim anh đập thình thịch vì phấn khích. "Tôi nghĩ hắn ta đến để giúp đỡ."

Khi họ mở cửa,* Người đàn ông lịch sự lùi lại, hai tay giơ cao để tỏ ý mình không có vũ khí.

“Tên cậu là gì?” Robin hỏi. “Tớ thấy cậu ở ngoài này trước đây rồi.”

“Abel.” Giọng người đàn ông rất trầm; chắc nịch, như đá xây nhà. “Abel Goodfellow.”

“Cậu ném trứng vào tớ,” Victoire buộc tội. “Chính cậu đấy, tháng Hai năm ngoái—”

“Ừ, nhưng nó chỉ là một quả trứng thôi mà,” Abel nói. “Không có gì cá nhân cả.”

Robin chỉ tay về phía những chướng ngại vật. Cái gần nhất chắn gần hết chiều rộng của phố High, chặn lối vào chính của tòa tháp. "Đây là việc làm của cô à?"

Abel mỉm cười. Nụ cười ấy trông thật lạ lùng khi nhìn xuyên qua bộ râu rậm; nó khiến anh trông thoáng chốc giống một cậu bé hớn hở. "Cô thích chúng chứ?"

“Cháu không hiểu ý nghĩa của việc này là gì nữa,” Victoire nói.

"Quân đội đang đến, anh chưa nghe nói sao?"

“Và cháu chẳng hiểu việc này ngăn chúng nó kiểu gì,” Victoire nói. “Trừ phi cậu đang bảo cháu là cậu cũng mang theo cả một đội quân để trấn giữ những bức tường đó.”

“Nó sẽ làm tốt việc ngăn chặn quân đội hơn cậu nghĩ đấy,” Abel nói. “Không chỉ là mấy bức tường đâu – dù chúng sẽ trụ vững, cậu sẽ thấy. Vấn đề là tâm lý. Chướng ngại vật tạo ra ấn tượng rằng có một lực lượng kháng cự thực sự, trong khi Quân đội hiện đang nghĩ rằng họ sẽ tiến vào tháp mà không gặp phải sự phản kháng nào. Và nó tiếp thêm dũng khí cho những người biểu tình của chúng ta – nó tạo ra một nơi trú ẩn an toàn, một nơi để rút lui.”

"Còn anh đang phản đối cái gì ở đây vậy?" Victoire dè dặt hỏi.

“Tất nhiên là cuộc cách mạng công nghiệp bạc rồi.” Abel giơ lên một cuốn sách mỏng nhàu nát, ướt sũng. Một trong những cuốn của bọn họ. “Hóa ra chúng ta cùng phe.”

Victoire nghiêng đầu. "Vậy à?"

“Chắc chắn là về mặt công nghiệp rồi. Chúng tôi cũng đang cố gắng thuyết phục anh điều đó.”

Robin và Victoire trao đổi một cái nhìn. Cả hai đều cảm thấy khá xấu hổ về sự khinh miệt của mình đối với những người đình công trong suốt năm qua. Họ đã tin vào những tuyên bố của Giáo sư Lovell, rằng những người đình công chỉ đơn giản là lười

biếng, thảm hại và không xứng đáng với những phẩm giá kinh tế cơ bản. Nhưng thực sự thì lý do của họ khác nhau bao nhiêu?

“Chẳng phải vì tiền bạc,” Abel nói. “Giờ thì anh hiểu rồi chứ? Là vì chuyện cắt giảm lương. Công việc tồi tàn. Phụ nữ và trẻ em bị nhốt cả ngày trong những căn phòng nóng bức, ngột ngạt, mối nguy hiểm từ những cỗ máy chưa được kiểm tra mà mắt thường không thể theo dõi. Chúng tôi đã chịu đựng quá nhiều. Và chúng tôi chỉ muốn anh thấy điều đó.”

“Tôi biết,” Robin nói. “Giờ thì chúng ta đều biết rồi.”

‘Và chúng tôi đến đây không phải để làm hại bất kỳ ai trong số các bạn. À, không hẳn là nghiêm trọng.’

Victoire do dự, rồi gật đầu. "Tôi có thể cố gắng tin điều đó."

“Dù sao thì.” Abel ra hiệu về phía những chướng ngại vật phía sau anh. Cử chỉ ấy vụng về một cách kỳ lạ, giống như một chàng trai đang khoe bó hoa hồng của mình. “Chúng tôi biết được các anh đang làm gì, và nghĩ rằng mình có thể lên đây giúp đỡ. Ít nhất chúng tôi cũng có thể ngăn lũ hề đó đốt trụi cái tháp này.”

“Vâng, cảm ơn.” Robin không chắc phải hiểu chuyện này thế nào; cậu vẫn không thể tin nổi chuyện đang diễn ra. “Cô… cô có muốn vào nhà không? Nói chuyện một lát?”

“Vâng, đúng vậy,” Abel nói. “Đó là lý do tại sao tôi ở đây.”

Họ lùi lại để mở cửa và mời anh ta vào.

Và rồi chiến tuyến được vạch ra. Chiều hôm đó bắt đầu một sự hợp tác kỳ lạ nhất mà Robin từng chứng kiến. Những người đàn ông vài tuần trước còn gào thét những lời tục tĩu vào sinh viên Babel giờ đây ngồi giữa họ ở sảnh, bàn luận về chiến thuật chiến tranh đường phố và tính toàn vẹn của các chướng ngại vật. Giáo sư Craft và một người đình công tên là Maurice Long cúi đầu

bên tấm bản đồ Oxford, thảo luận về các địa điểm lý tưởng để dựng thêm rào chắn, ngăn chặn quân đội tiến vào. "Chướng ngại vật là thứ tốt đẹp duy nhất mà chúng ta từng nhập khẩu từ người Pháp," Maurice nói.* 'QuaĐường rộng, ta cần chướng ngại vật thấp – đá lát đường, cây đổ, đại loại thế. Dọn dẹp sẽ mất thời gian, và nó sẽ ngăn chúng mang ngựa hay pháo hạng nặng vào. Và ở đây, nếu ta cắt đứt các điểm tiếp cận hẹp hơn quanh khu nhà hình tứ giác, ta có thể giữ chân chúng trên Đường Lớn…*

Victoire và Ibrahim ngồi vào bàn cùng vài người đình công khác, chăm chú ghi chép lại loại thanh bạc nào có thể hỗ trợ tốt nhất cho việc phòng thủ của họ. Từ*barrels*được nhắc đến khá nhiều lần; Robin, đang nghe lén, đoán được rằng họ đang lên kế hoạch đột nhập vào một vài hầm rượu để lấy vật liệu gia cố.*

“Cậu định ở đây bao nhiêu đêm?” Abel ra hiệu quanh sảnh.

“Bao lâu cũng được,” Robin nói. “Đó mới là mấu chốt; chúng có thể thử mọi cách, nhưng chúng sẽ bị trói buộc chừng nào chúng ta còn giữ được tòa tháp.”

Ở đây có giường không?

Không hẳn. Có một cái giường gấp chúng tôi thay phiên nhau dùng, nhưng hầu hết chúng tôi chỉ cuộn tròn trong đống sách.

Chắc là không thoải mái rồi.

“Không hề.” Robin cười gượng gạo. “Cứ bị dẫm lên mỗi khi có ai xuống dùng nhà vệ sinh.”

Abel ngân nga khe khẽ. Mắt anh đảo quanh sảnh đợi rộng lớn, những kệ gỗ gụ bóng loáng và sàn đá cẩm thạch trắng tinh. "Quả là một sự hy sinh."

Quân đội Anh hành quân vào Oxford tối hôm đó.

Các học giả đứng trên mái nhà nhìn xuống khi đoàn quân áo đỏ tiến vào theo hàng một dọc phố High. Sự xuất hiện của một trung đội vũ trang lẽ ra phải là một sự kiện trọng đại, nhưng khó có thể cảm thấy bất kỳ nỗi sợ hãi thực sự nào. Quân lính trông có vẻ lạc lõng giữa những ngôi nhà phố và cửa hàng ở trung tâm thành phố, và người dân thị trấn đổ ra chào đón khiến họ trông giống một cuộc diễu hành hơn là một lực lượng quân sự trừng phạt. Họ hành quân chậm rãi, nhường đường cho thường dân qua đường. Tất cả đều khá cổ kính và lịch sự.

Họ dừng lại khi đến chỗ chướng ngại vật. Vị chỉ huy, một người đàn ông với bộ ria mép rậm rạp và đeo đầy huân chương, xuống ngựa và sải bước đến chiếc xe bò bị lật đầu tiên. Ông ta có vẻ rất bối rối trước cảnh tượng này. Ông ta liếc nhìn những người dân thị trấn đang quan sát, như thể đang chờ đợi một lời giải thích.

"Liệu đó có phải Chúa tể Hill không nhỉ?", Juliana tự hỏi.

“Ông ấy là Tổng Tư lệnh,” Giáo sư Chakravarti nói. “Họ sẽ không cử Tổng Tư lệnh đến để giải quyết chuyện của chúng ta đâu.”

“Họ nên làm vậy,” Robin nói. “Chúng ta là mối đe dọa đến an ninh quốc gia.”

“Bớt làm quá lên.” Victoire khẽ bảo. “Nhìn kìa, họ đang nói chuyện.”

Abel Goodfellow sải bước một mình từ phía sau chướng ngại vật.

Vị chỉ huy gặp Abel giữa đường. Họ trao đổi vài lời. Robin không nghe thấy họ nói gì, nhưng cuộc trò chuyện có vẻ căng thẳng. Ban đầu, họ nói chuyện một cách lịch sự, nhưng sau đó cả hai bắt đầu khoa tay múa chân loạn xạ; có vài lúc Robin sợ rằng vị chỉ huy sắp còng tay Abel. Cuối cùng họ cũng đạt được thỏa thuận nào đó. Abel rút lui về phía sau chướng ngại vật, vừa đi vừa lùi lại như thể muốn chắc chắn rằng không ai bắn lén mình.

Vị chỉ huy có ria mép trở về với tiểu đoàn của mình. Rồi, trước sự kinh ngạc của Robin, quân đội bắt đầu rút lui.

“Hắn ta cho chúng ta 48 tiếng để cuốn xéo,” Abel báo cáo khi quay trở lại sảnh tháp. “Sau đó, hắn ta nói bọn chúng sẽ cưỡng chế dỡ bỏ chướng ngại vật.”

“Vậy là chúng ta chỉ có hai ngày,” Robin nói. “Chẳng đủ thời gian chút nào.”

“Còn hơn thế nữa,” Abel nói. “Chuyện này sẽ diễn ra chập chờn, lúc thế này lúc thế khác. Chúng sẽ đưa ra một lời cảnh báo nữa. Rồi lại một lời nữa. Rồi đến lời thứ ba, lần này sẽ rất cứng rắn. Chúng sẽ câu giờ càng lâu càng tốt. Nếu định tấn công chúng ta, chúng đã làm ngay từ đầu rồi.”

“Họ rất vui vẻ khi bắn vào đám Swing Rioters,” Victoire nói. “Và cả đám Blanketeers nữa.”

“Đó không phải là bạo loạn tranh giành lãnh thổ,” Abel nói. “Đó là bạo loạn phản đối chính sách. Bọn bạo loạn không cần giữ vị trí; khi bị bắn, chúng tản ra. Nhưng chúng ta đang nằm ngay giữa trung tâm thành phố. Chúng ta đã tuyên bố chủ quyền với tòa tháp này, và với cả Oxford. Nếu bất kỳ tên lính nào vô tình bắn trúng một người qua đường, tình hình sẽ vượt khỏi tầm kiểm soát của chúng. Chúng không thể phá vỡ các chướng ngại vật mà không phá hủy thành phố. Và tôi nghĩ, Quốc hội không thể để điều đó xảy ra.” Anh ta đứng dậy để đi. “Chúng ta sẽ chặn chúng ở ngoài. Còn cậu cứ tiếp tục viết truyền đơn của mình đi.”

Vậy nên điều này, một sự bế tắc giữa những người đình công và Quân đội tại các chướng ngại vật trên phố High, đã trở thành hiện trạng mới của họ.

Rốt cuộc, bản thân tòa tháp mang lại sự bảo vệ tốt hơn nhiều so với những chướng ngại vật chắp vá của Abel Goodfellow. Nhưng những chướng ngại vật đó không chỉ mang giá trị biểu tượng.

Chúng bao phủ một khu vực đủ rộng để các tuyến đường tiếp tế thiết yếu ra vào tòa tháp. Điều này có nghĩa là giờ đây các học giả có thức ăn tươi và nước sạch (bữa tối hôm đó là một bữa tiệc thịnh soạn với bánh mì trắng mềm xốp và gà quay), và họ có một nguồn thông tin đáng tin cậy về những gì đang diễn ra bên ngoài những bức tường của tòa tháp.

Trái với mọi dự đoán, số lượng người ủng hộ Abel ngày càng tăng trong những ngày tiếp theo. Những công nhân đình công truyền tải thông điệp hiệu quả hơn bất kỳ tờ rơi nào của Robin. Suy cho cùng, họ nói chung một ngôn ngữ. Người Anh có thể đồng cảm với Abel theo cách mà họ không thể làm được với những thông dịch viên ngoại quốc. Công nhân đình công từ khắp nước Anh kéo về tham gia cuộc đấu tranh của họ. Những chàng trai trẻ Oxford, chán ngán cảnh bị giam hãm ở nhà và muốn tìm việc gì đó để làm, đã đến các chướng ngại vật chỉ đơn giản vì nó có vẻ thú vị. Phụ nữ cũng tham gia hàng ngũ, bao gồm cả những thợ may và công nhân nhà máy đang thất nghiệp.

Cảnh tượng thật hùng vĩ, dòng người bảo vệ đổ về tòa tháp. Những chướng ngại vật lại mang đến hiệu ứng kỳ lạ, gắn kết cộng đồng. Bất kể nguồn gốc, tất cả đều là đồng đội chiến đấu sau những bức tường ấy, và những chuyến hàng thực phẩm đều đặn đến tòa tháp luôn kèm theo những lời động viên viết tay. Robin chỉ mong đợi bạo lực, chứ không phải sự đoàn kết, và anh không biết phải làm gì với sự ủng hộ này. Nó đi ngược lại tất cả những gì anh từng nghĩ về thế giới. Anh sợ rằng điều này sẽ khiến anh nhen nhóm hy vọng.

Một buổi sáng nọ, ông phát hiện Abel đã để lại cho họ một món quà – một chiếc xe ngựa chất đầy nệm và gối, đậu ngay trước cửa tháp.và những tấm chăn dệt tay. Một mẩu giấy viết nguệch ngoạc được ghim lên trên cùng.*This is on loan*, nó nói.*We'll want these back when you're done.*

Trong khi đó, bên trong tòa tháp, họ chuyên tâm vào việc khiến London phải e sợ hậu quả của một cuộc đình công kéo dài.

Bạc đã mang đến cho Luân Đôn tất cả những tiện nghi hiện đại của nó. Bạc cung cấp năng lượng cho máy làm đá trong nhà bếp của giới nhà giàu Luân Đôn. Bạc vận hành động cơ của các nhà máy bia cung cấp cho các quán rượu Luân Đôn, và các nhà máy sản xuất bột mì cho Luân Đôn. Không có bạc, đầu máy xe lửa sẽ ngừng chạy. Không có tuyến đường sắt mới nào có thể được xây dựng. Nước sẽ trở nên ô nhiễm; không khí sẽ đặc quánh bụi bẩn. Khi tất cả các máy móc cơ giới hóa quy trình kéo sợi, dệt, chải và se sợi dừng hoạt động, ngành công nghiệp dệt may của Anh sẽ hoàn toàn sụp đổ. Cả nước phải đối mặt với nạn đói có thể xảy ra, bởi vì có bạc trong khung cày, máy gieo hạt, máy đập lúa và đường ống thoát nước trên khắp các vùng nông thôn của Anh.*

Những ảnh hưởng này sẽ không được cảm nhận đầy đủ trong nhiều tháng. Vẫn còn các trung tâm chế tác bạc địa phương ở London, Liverpool, Edinburgh và Birmingham, nơi các học giả Babel không đủ xuất sắc trong những năm đại học để giành được học bổng đã chật vật kiếm sống bằng cách mày mò với những thanh bạc do những người bạn đồng môn tài năng hơn phát minh ra. Những trung tâm này sẽ đóng vai trò như một giải pháp tạm thời. Nhưng chúng không thểbù đắp hoàn toàn khoản thiếu hụt – đặc biệt là vì, điều quan trọng là, họ không được tiếp cận sổ sách bảo trì giống nhau.

“Cậu không nghĩ họ sẽ nhớ sao?” Robin hỏi. “Ít nhất là mấy học giả đã cùng Giáo sư Playfair bỏ đi ấy?”

“Họ toàn là học giả,” Giáo sư Craft nói. “Chúng tôi chỉ biết đến đời sống trí óc. Chúng tôi chẳng nhớ được gì trừ khi nó được viết trong nhật ký và khoanh tròn vài lần. Jerome sẽ cố gắng hết sức, giả sử là cậu ta không vẫn còn phê thuốc sau phẫu thuật, nhưng quá nhiều thứ sẽ bị bỏ sót. Đất nước này sẽ tan nát trong vài tháng tới.”

“Và nền kinh tế còn sụp đổ nhanh hơn thế nữa,” Yusuf nói, người duy nhất trong số họ thực sự hiểu biết chút gì đó về thị trường và ngân hàng. “Tất cả là do đầu cơ, hiểu chứ – người ta phát cuồng mua cổ phiếu đường sắt và các ngành công nghiệp dùng năng lượng bạc khác trong thập kỷ qua vì ai cũng nghĩ mình sắp giàu to. Chuyện gì sẽ xảy ra khi họ nhận ra tất cả số cổ phiếu đó sẽ thành vô giá trị? Ngành đường sắt có thể mất hàng tháng trời mới lung lay. Còn thị trường thì chỉ vài tuần là sụp đổ.”

Thất bại thị trường. Ý nghĩ thật phi lý, nhưng cũng đầy cám dỗ. Liệu họ có thể thắng bằng cách đe dọa sự sụp đổ của thị trường chứng khoán và cuộc rút tiền ngân hàng không thể tránh khỏi?

Bởi vì đó mới là mấu chốt, phải không? Để việc này thành công, họ phải khiến những kẻ giàu có và quyền lực phải khiếp sợ. Họ biết cuộc đình công sẽ có tác động không cân xứng lên những người lao động nghèo; những người sống ở những khu vực bẩn thỉu và đông đúc nhất của London, những người không thể đơn giản thu dọn đồ đạc và chạy trốn về vùng nông thôn khi không khí bị ô nhiễm và nước trở nên ô uế. Nhưng theo một nghĩa quan trọng khác, sự khan hiếm bạc sẽ ảnh hưởng nặng nề nhất đến những người được hưởng lợi nhiều nhất từ sự phát triển của nó. Những tòa nhà mới nhất – các câu lạc bộ tư nhân, sàn nhảy, nhà hát mới được cải tạo – sẽ sụp đổ đầu tiên. Các khu nhà ổ chuột tồi tàn của London được xây dựng từ gỗ thông thường, không phải nền móng được gia cố bằng bạc để chịu được trọng lượng nặng hơn nhiều so với vật liệu tự nhiên. Kiến trúc sư Augustus Pugin là cộng tác viên thường xuyên của khoa Babel, và đã sử dụng rất nhiều thanh bạc trong các dự án gần đây của ông – Scarisbrick Hall ở Lancashire, cải tạo Alton Towers, và đáng chú ý nhất là việc xây dựng lại Cung điện Westminster sau vụ cháy năm 1834. Theo sổ cái công trình, tất cả những tòa nhà này sẽ sụp đổ vào cuối năm nay. Sớm hơn, nếu những thanh giằng phù hợp bị rút ra.

Giới nhà giàu London sẽ phản ứng thế nào khi đất sụp xuống dưới chân họ?

Những người đình công đã đưa ra cảnh báo công bằng. Họ công khai thông tin này một cách rầm rộ. Họ đã viết vô số tờ rơi, mà Abel đã chuyển đến các cộng sự ở London.*Your roads will fail*, họ viết.*Your water will run dry. Your lights will go dark, your food will rot, and your ships sink. All this will come to pass, unless you choose peace.*

"Giống như Mười Tai Ương vậy," Victoire nhận xét.

Mấy năm rồi Robin chưa động đến Kinh Thánh. 'Mười Tai Ương á?'

"Moses đã yêu cầu Pharaoh thả người của ông ấy ra," Victoire nói. "Nhưng lòng Pharaoh cứng rắn, và ông ta từ chối. Vì vậy, Chúa đã giáng xuống mười tai họa lên đất nước của Pharaoh. Ngài đã biến sông Nile thành máu. Ngài đã giáng xuống châu chấu, ếch nhái, và bệnh dịch. Ngài đã bao phủ toàn bộ Ai Cập trong bóng tối, và qua những việc làm này, Ngài đã khiến Pharaoh biết đến quyền năng của Ngài."

"Và Pharaoh có thả họ đi không?" Robin hỏi.

"Ông ta đã làm," Victoire nói. "Nhưng chỉ sau mười tai ương. Chỉ sau khi ông ta phải chịu đựng cái chết của con trai đầu lòng."

Đôi khi, những ảnh hưởng của cuộc đình công lại đảo ngược. Thỉnh thoảng đèn lại nhấp nháy sáng lên trong một đêm, hoặc một vài đoạn đường được dọn sạch, hoặc tin tức lan truyền rằng đồ dùng bằng bạc đã được làm sạch hiện có sẵn và được bán với giá cắt cổ ở một số khu vực nhất định tại London. Đôi khi thảm họa mà sổ sách kế toán dự đoán đã không xảy ra.

Điều này không gây ngạc nhiên. Các học giả lưu vong – Giáo sư De Vreese, Giáo sư Harding, và tất cả các giảng viên và nghiên

cứu sinh không ở lại trong tháp – đã tập hợp lại ở London và thành lập một hội bảo vệ để chống lại những người đình công. Đất nước giờ đây đang nằm trong vòng xoáy của một cuộc chiến vô hình về ngôn từ và ý nghĩa; số phận của nó chao đảo giữa trung tâm đại học và vùng ngoại vi tuyệt vọng, đang vươn lên.

Những kẻ đình công chẳng hề lo lắng. Bọn lưu vong không thể thắng; chúng đơn giản là thiếu nguồn lực của tòa tháp. Chúng có thể thọc tay xuống bùn. Chúng không thể ngăn dòng sông chảy, cũng không thể ngăn con đập vỡ.

“Thật là xấu hổ,” Victoire nhận xét vào một buổi chiều uống trà, “cuối cùng thì mọi thứ lại phụ thuộc vào Oxford nhiều đến vậy. Cứ tưởng họ phải biết rõ hơn chứ, đừng có bỏ tất cả trứng vào một giỏ.”

“Ôi, buồn cười thật,” Giáo sư Chakravarti nói. “Về mặt kỹ thuật, những trạm bổ sung đó có tồn tại, chính xác là để giảm bớt tình trạng phụ thuộc như vậy. Ví dụ như Cambridge, đã cố gắng thiết lập một chương trình cạnh tranh trong nhiều năm. Nhưng Oxford không chịu chia sẻ bất kỳ nguồn lực nào.”

“Vì khan hiếm à?” Robin hỏi.

"Vì ghen tị và tham lam," Giáo sư Craft nói. "Khan hiếm chưa bao giờ là vấn đề cả."[*] Bọn học giả Cambridge ấy, chúng tôi nói thẳng ra là không ưa. Lũ nhãi ranh láo xược, tưởng mình có thể tự làm nên trò trống gì.

“Không ai học lên Cambridge nếu kiếm được việc ở đây cả,” Giáo sư Chakravarti nói. “Buồn thật.”

Robin nhìn họ với vẻ kinh ngạc. "Ý các người là đất nước này sắp sụp đổ chỉ vì mấy chuyện tranh giành địa bàn học thuật à?"

“Ừ thì, đúng vậy.” Giáo sư Craft nâng tách trà lên môi. “Đấy là Oxford mà, cậu mong đợi gì chứ?”

Quốc hội vẫn từ chối hợp tác. Mỗi đêm, Bộ Ngoại giao đều gửi cho họ cùng một bức điện tín, luôn được soạn thảo chính xác giống nhau, như thể việc hét lên một thông điệp lặp đi lặp lại có thể khiến họ phải tuân lệnh: DỪNG ĐÌNH CÔNG NGAY LẬP TỨC. Trong vòng một tuần, những lời đề nghị này không còn bao gồm cả việc ân xá. Ngay sau đó, chúng được gửi kèm theo một lời đe dọa khá thừa thãi: DỪNG ĐÌNH CÔNG NGAY LẬP TỨC HOẶC QUÂN ĐỘI SẼ GIÀNH LẠI THÁP STOP.

Hậu quả của cuộc đình công nhanh chóng trở nên chết người.* Một trong những điểm mấu chốt, hóa ra, lại chính là đường sá. Ở Oxford, và thậm chí còn nghiêm trọng hơn ở Luân Đôn, giao thông là vấn đề nan giải hàng đầu mà các quan chức thành phố phải đối mặt – làm sao để quản lý dòng chảy của xe ngựa, ngựa kéo, người đi bộ, xe khách, xe ngựa thuê và xe chở hàng mà không gây tắc nghẽn hoặc tai nạn. Việc gia cố bằng kim loại đã giúp hạn chế ùn tắc giao thông bằng cách gia cố đường gỗ, quy định trạm thu phí, củng cố cổng thu phí và cầu, đảm bảo xe rẽ êm thuận, bổ sung nước cho các máy bơm dùng để ngăn bụi, và duy trìNgựa trở nên ngoan ngoãn. Không có sự bảo trì của Babel, tất cả những điều chỉnh nhỏ nhặt này bắt đầu thất bại từng cái một, và hàng chục con đã chết vì lý do đó.

Giao thông vận tải chính là quân cờ domino đầu tiên đổ xuống, kéo theo hàng loạt những khó khăn khác. Các cửa hàng tạp hóa không thể nhập hàng. Thợ làm bánh không có bột mì. Bác sĩ không thể thăm khám bệnh nhân. Luật sư không thể đến tòa. Hàng tá xe ngựa ở những khu phố giàu có của Luân Đôn đã sử dụng một cặp ngựa giống của Giáo sư Lovell được huấn luyện dựa trên một ký tự Trung Quốc.Phụ(*fǔ*), nghĩa là ‘giúp đỡ’ hoặc ‘hỗ trợ’. Chữ Hán này vốn dĩ chỉ những thanh chắn bảo vệ bên hông xe ngựa. Giáo sư Lovell đáng lẽ đã phải ở Luân Đôn vào giữa tháng Giêng để sửa sang lại chúng. Những thanh chắn đó đã bị hỏng. Giờ thì những chiếc xe ngựa quá nguy hiểm để lái.*

Mọi thứ họ biết sẽ xảy ra ở Luân Đôn thì đã diễn ra ở Oxford rồi, bởi vì Oxford, do gần Babel, là thành phố phụ thuộc vào bạc nhất trên thế giới. Và Oxford đang mục ruỗng. Người dân đang phá sản, họ đói khát, công việc làm ăn bị gián đoạn, sông ngòi bị tắc nghẽn, chợ búa đóng cửa. Họ gửi yêu cầu đến Luân Đôn xin lương thực và nhu yếu phẩm, nhưng đường sá đã trở nên nguy hiểm, và tuyến đường sắt Oxford đến Paddington cũng không còn hoạt động.

Cuộc tấn công vào tòa tháp càng trở nên dữ dội. Dân chúng và binh lính chen chúc nhau trên đường phố, la hét những lời lẽ tục tĩu về phía cửa sổ, giao tranh với những người đàn ông ở chướng ngại vật. Nhưng tất cả đều vô ích. Họ không thể làm hại những người phiên dịch, những người duy nhất có thể chấm dứt sự đau khổ của họ. Họ không thể vượt qua kết giới của tòa tháp, không thể đốt cháy nó hay đặt thuốc nổ ở chân tháp. Họ chỉ có thể cầu xin các học giả dừng lại.

We only have two demands, Robin viết trong một loạt các bài viết ngắn, vốn đã trở thành cách anh đáp trả lại những lời phản đối của thị trấn.*Parliament knows this. Refusal to go to war, and amnesty. Your fate lies in their hands.*

Hắn yêu cầu Luân Đôn đầu hàng trước khi tất cả những điều này xảy ra. Hắn hy vọng, và biết, họ sẽ không làm vậy. Giờ đây, hắn đã hoàn toàn bị thuyết phục bởi lý thuyết bạo lực của Griffin, rằng kẻ áp bức sẽ không bao giờ ngồi vào bàn đàm phán khi chúng vẫn nghĩ rằng chúng không có gì để mất.Thua ư? Không; mọi chuyện phải nhuốm máu. Cho đến giờ, mọi lời đe dọa chỉ là giả thuyết. Luân Đôn phải chịu đau thương mới có thể nhận ra.

Victoire không thích điều này chút nào. Cứ mỗi lần lên tầng tám, họ lại cãi nhau về việc nên kéo những thanh cộng hưởng nào ra, và kéo bao nhiêu cái. Anh ta muốn vô hiệu hóa hai mươi

bốn cái; cô thì chỉ muốn hai cái. Thông thường, họ dàn xếp ở mức năm hoặc sáu cái.

“Anh đang thúc ép mọi chuyện quá nhanh đấy,” cô ấy nói. “Anh còn chưa cho họ cơ hội để trả lời nữa mà.”

“Họ muốn trả lời lúc nào thì trả lời,” Robin nói. “Có gì cản họ đâu? Trong khi đó, quân đội đã ở đây rồi—”

Quân đội tới đây là vì các người ép họ phải làm vậy.

Anh ta phát ra một tiếng cộc cằn. "Tôi xin lỗi vì tôi sẽ không e dè —"

Tôi không có ý*squeamish*; Tôi đang thận trọng đấy.’ Victoire khoanh tay. ‘Nhanh quá, Robin. Tất cả mọi thứ cùng một lúc thế này là quá nhiều. Cậu cần chờ cho các cuộc tranh luận lắng xuống. Cậu cần chờ cho dư luận quay lưng lại với chiến tranh—’

“Không đủ đâu,” anh ta khăng khăng. “Bọn chúng sẽ không tự nhiên mà công bằng bây giờ, khi mà trước giờ chúng chưa từng như thế. Chỉ có nỗi sợ mới hiệu quả. Việc này chỉ…*tactics*—’

"Không phải do chiến thuật đâu." Giọng cô sắc lại. "Mà là do đau buồn."

Anh không thể quay lại. Anh không muốn cô thấy vẻ mặt của mình. "Chính em đã nói em muốn nơi này bị thiêu rụi."

“Nhưng hơn hết thảy,” Victoire đặt tay lên vai anh, “em muốn chúng ta sống sót.”

Cuối cùng, thật khó mà nói được tốc độ hủy diệt của họ thực sự tạo ra bao nhiêu khác biệt. Quyết định vẫn thuộc về Quốc hội. Các cuộc tranh luận vẫn tiếp diễn ở Luân Đôn.

Không ai biết chuyện gì đang diễn ra trong Thượng viện, ngoại trừ việc cả phe Whig lẫn phe cấp tiến đều chưa cảm thấy đủ tự tin về số phiếu của mình để kêu gọi biểu quyết. Báo chí tiết lộ thêm về tình cảm của công chúng. Những tờ báo chính thống bày tỏ quan điểm mà Robin đã dự đoán, đó là cuộc chiến với Trung Quốc là vấn đề bảo vệ niềm tự hào dân tộc, cuộc xâm lược chẳng qua chỉ là một hình phạt thích đáng cho những sỉ nhục mà người Trung Quốc đã gây ra cho lá cờ Anh, việc chiếm đóng Babel bởi những sinh viên ngoại quốc là một hành động phản quốc, những chướng ngại vật ở Oxford và các cuộc đình công ở London là do những kẻ bất mãn hung bạo gây ra, và chính phủ nên giữ vững lập trường chống lại họ.Những bài xã luận hiếu chiến nhấn mạnh vào việc Trung Quốc sẽ dễ dàng bị đánh bại như thế nào. Nó sẽ chỉ là một cuộc chiến nhỏ, thậm chí không phải là một cuộc chiến đúng nghĩa; tất cả những gì cần làm là khai hỏa vài khẩu đại bác và người Trung Quốc sẽ chịu thua trong vòng một ngày.

Báo chí dường như không thể thống nhất ý kiến về những người phiên dịch. Các ấn phẩm ủng hộ chiến tranh đưa ra hàng tá giả thuyết. Họ cấu kết với chính phủ Trung Quốc tham nhũng. Họ là đồng phạm của những kẻ nổi loạn ở Ấn Độ. Họ là những kẻ vô ơn độc ác, chẳng có mưu đồ gì ngoài mong muốn làm hại nước Anh, ăn cháo đá bát – và điều này chẳng cần giải thích thêm, vì đó là một động cơ mà công chúng Anh đã quá sẵn sàng để tin tưởng.*We will not negotiate with Babel*, đã hứa với các nghị sĩ Quốc hội từ cả hai phía.*Britain does not bow to foreigners*.[*]

Tuy nhiên, không phải tất cả các tờ báo đều chống lại Babel hay ủng hộ chiến tranh. Thật vậy, cứ mỗi dòng tít kêu gọi hành động nhanh chóng ở Quảng Châu, lại có một dòng tít khác của một ấn phẩm (dù nhỏ hơn, chuyên biệt hơn, cấp tiến hơn) gọi cuộc chiến là một sự xúc phạm về mặt đạo đức và tôn giáo.*Spectator*tố cáo phe hiếu chiến là tham lam và trục lợi;*Examiner*gọi là tội phạm chiến tranh và không thể bào chữa.**JARDINE'S OPIUM WAR A DISGRACE**, đọc một tiêu đề

của*Champion*Những người khác thì không được khéo léo như vậy:**DRUGGY MCDRUGGY WANTS HIS THUMBS IN CHINA**đọc*Political Register*.

Mọi tầng lớp xã hội ở Anh đều có ý kiến riêng. Những người theo chủ nghĩa bãi nô đưa ra tuyên bố ủng hộ cuộc đình công. Những người theo phong trào nữ quyền cũng vậy, mặc dù không mạnh mẽ bằng. Các tổ chức Kitô giáo in tờ rơi chỉ trích việc lan truyền một tệ nạn bất hợp pháp cho một dân tộc vô tội, mặc dù những người theo đạo Tin lành ủng hộ chiến tranh đã đáp trả bằng lập luận được cho là của Kitô giáo rằng việc để người Trung Quốc tiếp xúc với thương mại tự do thực sự là công việc của Chúa.

Trong khi đó, các ấn phẩm cấp tiến lập luận rằng việc mở cửa Trung Quốc đi ngược lại lợi ích của công nhân ở miền bắc nước Anh. Những người theo chủ nghĩa Hiến chương, một phong trào của các công nhân công nghiệp và thủ công vỡ mộng, đã lên tiếng mạnh mẽ nhất ủng hộ những người đình công; tờ thông tư của Hiến chương*The Red Republican*, thực tế, đã đăng một tiêu đề gọi các dịch giả là anh hùng của giai cấp công nhân.

Điều này mang lại hy vọng cho Robin. Xét cho cùng, phe Cấp tiến là phe mà đảng Whig cần phải xoa dịu, và nếu những dòng tít như vậy có thể thuyết phục được phe Cấp tiến rằng chiến tranh không có lợi cho họ về lâu dài, thì có lẽ tất cả chuyện này đều có thể được giải quyết.

Và quả thực, cuộc tranh luận về những hiểm họa của ngành bạc đã được đón nhận tích cực hơn trong dư luận so với cuộc tranh luận về Trung Quốc. Đây là một vấn đề gần gũi, ảnh hưởng đến người dân Anh bình thường theo những cách mà họ có thể hiểu được. Cuộc cách mạng công nghiệp bạc đã tàn phá cả ngành dệt may lẫn nông nghiệp. Báo chí liên tục đăng tải các bài viết phơi bày điều kiện làm việc khủng khiếp bên trong các nhà máy chạy bằng bạc (mặc dù cũng có những bài phản bác, bao gồm một bài của Andrew Ure, người lập luận rằng công nhân nhà máy sẽ

cảm thấy tốt hơn nhiều nếu họ ít tiêu thụ rượu gin và thuốc lá). Năm 1833, bác sĩ phẫu thuật Peter Gaskell đã xuất bản một bản thảo được nghiên cứu kỹ lưỡng với tựa đề*The Manufacturing Population of England*tập trung chủ yếu vào tổn thất về mặt đạo đức, xã hội và thể chất mà máy móc chế tác bạc gây ra cho người lao động Anh. Vào thời điểm đó, nó hầu như bị phớt lờ, ngoại trừ những người cấp tiến, vốn nổi tiếng là hay phóng đại mọi thứ. Giờ đây, các tờ báo phản chiến đăng tải các đoạn trích từ nó mỗi ngày, tường thuật chi tiết đến rợn người về bụi than mà những đứa trẻ nhỏ bị buộc phải chui vào các đường hầm mà người lớn không thể chui vào phải hít thở, về những ngón tay và ngón chân bị mất do máy móc chạy bằng bạc hoạt động với tốc độ phi nhân tính, về những cô gái bị chính mái tóc của mình quấn vào các cọc sợi và khung cửi đang quay vù vù mà chết ngạt.

Cái*Spectator*in một bức tranh biếm họa về những đứa trẻ suy dinh dưỡng bị nghiền nát đến chết dưới bánh xe của một cỗ máy mơ hồ nào đó,mà họ đã chú thích**WHITE SLAVES OF THE SILVER REVOLUTION**Trong tòa tháp, họ cười ngặt nghẽo trước sự so sánh này, nhưng công chúng dường như thực sự kinh hoàng. Có người hỏi một thành viên của Thượng nghị viện tại sao ông ta ủng hộ việc bóc lột trẻ em trong các nhà máy; ông ta trả lời một cách thờ ơ rằng việc sử dụng lao động trẻ em dưới chín tuổi đã bị đặt ngoài vòng pháp luật vào năm 1833, điều này dẫn đến sự phản đối kịch liệt hơn về nỗi thống khổ của những đứa trẻ mười và mười một tuổi trên khắp đất nước.

“Thật sự tệ đến mức đó sao?” Robin hỏi Abel. “Ý tôi là mấy nhà máy ấy.”

“Tệ hơn,” Abel nói. “Đó chỉ là những tai nạn hy hữu mà họ đưa tin. Nhưng họ không nói gì đến việc ngày ngày làm việc trên những sàn nhà chật chội đó. Thức dậy trước bình minh và làm việc đến tận chín giờ tối với rất ít thời gian nghỉ ngơi. Và đó là những điều kiện mà chúng ta…”*covet*Những công việc mà ta

ước gì có thể quay lại. Chắc ở đại học họ không bắt cậu làm việc vất vả bằng một nửa thế này đâu nhỉ?

“Không,” Robin nói, cảm thấy hơi ngượng. “Họ không có.”

Cái*Spectator*Câu chuyện dường như ảnh hưởng rất lớn đến Giáo sư Craft. Robin thấy bà ngồi bên bàn trà với cuốn sách, mắt đỏ hoe, rất lâu sau khi những người khác đã ăn sáng xong. Bà vội vàng lấy khăn tay lau mắt khi thấy anh đến gần.

Anh ngồi xuống cạnh cô. "Giáo sư, cô ổn chứ?"

“Ồ, vâng.” Cô hắng giọng, ngừng lại một chút, rồi đẩy nhẹ tờ giấy. “Chỉ là… chỉ là một khía cạnh của câu chuyện mà chúng ta không thường nghĩ đến, phải không?”

Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều đã trở nên giỏi trong việc chọn không nghĩ về những điều nhất định.

Cô ấy dường như không nghe thấy anh ta nói. Cô nhìn chằm chằm ra cửa sổ về phía mảng xanh bên dưới, nơi bãi đất biểu tình của công nhân đình công đã bị biến thành thứ trông giống như một doanh trại quân đội. ‘Cặp khớp nối bản quyền đầu tiên của tôi đã cải thiện hiệu suất thiết bị tại một mỏ than ở Tyneshire,’ cô nói. ‘Nó giữ cho những xe goòng chở than luôn nằm chắc chắn trên đường ray. Các chủ mỏ rất ấn tượng nên đã mời tôi đến thăm, và tất nhiên là tôi đã đi; tôi rất hào hứng khi được đóng góp một chút gì đó cho đất nước. Tôi nhớ mình đã bị sốc khi thấy tất cả những đứa trẻ nhỏ trong hầm mỏ. Khi tôi hỏi, các thợ mỏ nói rằng chúng hoàn toàn an toàn, và việc giúp đỡ trong mỏ giữ cho chúng tránh khỏi rắc rối khi cha mẹ chúng đang làm việc.’

Cô hít một hơi run rẩy. ‘Sau đó họ nói với tôi rằng đồ bằng bạc khiến mấy chiếc xe đẩy không thể nào trật đường ray, ngay cả khi có người chắn ngang. Đã có tai nạn. Một bé trai bị mất cả hai chân. Họ ngừng sử dụng cặp diêm khi không thể tìm ratìm ra

cách giải quyết, nhưng tôi chẳng hề nghĩ ngợi gì thêm. Lúc đó tôi đã nhận được học bổng. Tôi sắp có một vị trí giáo sư, và tôi đã chuyển sang những dự án khác, lớn hơn. Tôi không nghĩ về nó nữa. Tôi hoàn toàn không nghĩ về nó, trong nhiều năm, rất nhiều năm.

Cô quay lại nhìn anh. Mắt cô ươn ướt. "Chỉ là nó cứ tích tụ lại, phải không? Nó không biến mất được. Và rồi một ngày nào đó anh bắt đầu khơi lại những gì anh đã chôn giấu. Và nó là một khối mục ruỗng đen ngòm, vô tận, kinh khủng, và anh không thể nào ngoảnh mặt đi được."

“Chúa ơi,” Robin nói.

Victoire ngước nhìn. “Gì vậy?”

Họ cố thủ trong một văn phòng ở tầng sáu, cặm cụi xem xét sổ sách để tìm kiếm điềm báo về những thảm họa tương lai. Họ đã xem qua lịch hẹn của thị trấn Oxford cho đến tận năm sau. Lịch bảo trì của London thì khó tìm hơn – việc ghi chép sổ sách của Babel tệ đến mức đáng kinh ngạc, và hệ thống phân loại được các thư ký sử dụng dường như không được sắp xếp theo ngày tháng, điều vốn rất hợp lý, hay theo ngôn ngữ, điều ít hợp lý hơn nhưng ít ra cũng có chút ý nghĩa, mà lại theo mã bưu điện của khu vực London được đề cập.

Robin gõ nhẹ vào sổ cái. "Tôi nghĩ chúng ta sắp đến điểm giới hạn rồi."

Tại sao?

Tuần sau họ sẽ bảo trì cầu Westminster. Họ ký hợp đồng làm bạc cùng thời điểm xây cầu London mới năm 1825, và mấy thanh chắn đó đáng lẽ hết hạn sau mười lăm năm. Tức là bây giờ đấy.

“Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?” Victoire hỏi. “Cửa quay sẽ khóa lại à?”

Tôi không nghĩ vậy, nó khá là nghiêm trọng…*F*là mã cho*foundation*"Phải không nhỉ?" Robin nói lửng rồi im bặt. Mắt anh đảo lên đảo xuống trên cuốn sổ cái, cố gắng xác nhận những gì đang hiện ra trước mắt. Đó là một mục khá dài, một danh sách các thỏi bạc và các cặp phù hợp bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau trải dài gần nửa trang. Một số lượng lớn trong số chúng có các số tương ứng trong một cột tiếp theo – một dấu hiệu cho thấy chúng sử dụng liên kết cộng hưởng. Anh lật trang, rồi chớp mắt. Cột đó tiếp tục kéo dài sang hai trang tiếp theo. "Tôi nghĩ nó cứ thế rơi tõm xuống sông mất thôi."

Victoire ngả người ra sau và thở ra rất chậm, xẹp xuống.

Hậu quả thật khôn lường. Cầu Westminster không phải là cây cầu duy nhất bắc qua sông Thames, nhưng nó lại là cây cầu có mật độ giao thông lớn nhất. VàNếu cầu Westminster sập xuống sông, thì sẽ không một chiếc tàu hơi nước, nhà thuyền, thuyền chèo hay xuồng nào có thể đi qua được đống đổ nát. Nếu cầu Westminster sập, cả thành phố sẽ ngừng hoạt động.

Và trong những tuần sắp tới, khi những chướng ngại vật ngăn cản nước thải, ô nhiễm từ các nhà máy khí đốt và hóa chất tràn vào sông Thames cuối cùng cũng sụp đổ, dòng sông sẽ trở lại trạng thái sôi sục bệnh tật và thối rữa. Cá chết nổi bụng lên mặt nước, bốc mùi hôi thối. Nước tiểu và phân, vốn đã chảy ì ạch trong hệ thống cống rãnh, sẽ đông cứng lại.

Ai Cập sẽ hứng chịu mười tai ương của mình.

Nhưng khi Robin giải thích điều này, nét mặt Victoire chẳng hề phản ánh chút vui sướng nào của anh. Trái lại, cô nhìn anh với vẻ mặt rất kỳ lạ, lông mày nhíu lại và môi mím chặt, khiến anh thấy trong lòng vô cùng khó chịu.

"Đúng là tận thế," anh ta khăng khăng, dang hai tay lên trời. Làm sao anh ta có thể khiến cô ấy hiểu được? "Đó là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra."

“Tôi biết,” cô ấy nói. “Nhưng một khi anh đã chơi nó rồi, chúng ta sẽ chẳng còn gì nữa.”

“Chúng ta sẽ không cần thêm gì nữa,” anh ta nói. “Chúng ta chỉ cần siết chặt ốc vít một lần, đẩy chúng đến giới hạn—”

"Giới hạn mà cậu biết là họ sẽ lờ đi á? Thôi nào, Robin—"

"Vậy thì còn cách nào khác? Tự làm mình yếu đi à?"

Nó cứ kiểu...*time*, nó đang để chúng thấy hậu quả—’

“Còn gì để xem nữa chứ?” Anh không định hét lên. Anh hít một hơi thật sâu. “Victoire, làm ơn, anh chỉ nghĩ chúng ta cần phải đẩy mạnh lên, nếu không thì—”

“Tôi nghĩ cậu muốn nó sụp đổ,” cô ta buộc tội. “Tôi nghĩ đây chỉ là sự trả thù cho cậu, vì cậu muốn thấy nó sụp đổ.”

Và tại sao*not*Hả?

Họ đã từng cãi nhau về chuyện này rồi. Bóng ma của Anthony và Griffin lảng vảng giữa hai người: một người bị dẫn dắt bởi niềm tin rằng kẻ thù ít nhất sẽ hành động vì lợi ích cá nhân một cách lý trí, nếu không phải vì lòng vị tha, còn người kia thì ít bị dẫn dắt bởi niềm tin, ít bị dẫn dắt bởi mục đích, mà chủ yếu bởi cơn thịnh nộ tuyệt đối, không kiềm chế.

“Chú biết cháu đau lắm.” Cổ họng Victoire thắt lại. “Chú biết… chú biết cháu thấy việc bước tiếp là điều không thể. Nhưng mục tiêu thúc đẩy cháu không thể là đi theo Ramy.”

Một khoảng lặng. Robin nghĩ đến chuyện phủ nhận điều này. Nhưng chẳng có ích gì khi nói dối Victoire, hay chính bản thân mình.

“Chẳng lẽ cậu không thấy đau đớn sao?” Giọng anh lạc đi. “Biết những gì chúng đã làm? Nhìn thấy mặt chúng? Tớ không thể tưởng tượng nổi một thế giới mà chúng ta chung sống với chúng. Chẳng lẽ cậu không thấy tan nát cõi lòng sao?”

“Dĩ nhiên là vậy rồi,” cô ấy kêu lên. “Nhưng đó không phải là lý do để ngừng sống.”

Tôi không muốn chết.

"Thế thì anh nghĩ chuyện làm sập cây cầu này để làm gì? Anh nghĩ họ sẽ làm gì chúng ta?"

“Anh sẽ làm gì?” anh ta hỏi. “Kết thúc cuộc đình công này? Mở cửa tòa tháp?”

'Nếu tôi cố,' cô ấy nói, 'anh có thể ngăn tôi lại không?'

Cả hai nhìn chằm chằm vào cuốn sổ cái. Không ai nói gì trong một khoảng thời gian rất dài. Họ không muốn tiếp tục cuộc trò chuyện này đến nơi nó có thể dẫn tới. Cả hai đều không thể chịu đựng thêm bất kỳ nỗi đau lòng nào nữa.

"Bỏ phiếu đi," cuối cùng Robin đề nghị, không thể chịu đựng thêm được nữa. "Chúng ta không thể – chúng ta không thể phá vỡ cuộc đình công như thế này được. Không phải do chúng ta quyết định. Đừng tự quyết, Victoire."

Vai Victoire trùng xuống. Anh thấy nỗi buồn hiện rõ trên mặt cô. Cô ngẩng cằm lên, và trong giây lát anh nghĩ cô sẽ tiếp tục tranh luận, nhưng rồi tất cả những gì cô làm chỉ là gật đầu.

Phiếu bầu nghiêng về Robin trong gang tấc. Victoire và các giáo sư phản đối; tất cả học sinh đều ủng hộ. Học sinh đồng ý với Robin rằng họ phải đẩy Nghị viện đến điểm giới hạn, nhưng họ không hề hào hứng về điều đó. Ibrahim và Juliana đều khoanh tay trước ngực khi bỏ phiếu, như thể rụt rè trước ý tưởng này.

Ngay cả Yusuf, người thường rất thích thú giúp Robin soạn những tờ rơi mang tính đe dọa gửi đến Luân Đôn, cũng nhìn chằm chằm xuống chân mình.

“Vậy là xong,” Robin nói. Cậu đã thắng, nhưng cảm giác chẳng giống một chiến thắng chút nào. Cậu không dám nhìn vào mắt Victoire.

"Chuyện này xảy ra khi nào?", Giáo sư Chakravarti hỏi.

“Thứ Bảy tuần này,” Robin nói. “Thời điểm thật tuyệt vời.”

Nhưng Quốc hội sẽ không đầu hàng trước thứ Bảy đâu.

Vậy chắc chúng ta sẽ nghe về cây cầu khi nó sập rồi.

“Và cậu thấy thoải mái với điều này sao?” Giáo sư Chakravarti liếc nhìn xung quanh, như thể đang cố gắng đánh giá mức độ đạo đức của cả căn phòng. “Hàng chục người sẽ chết. Có rất đông người chen chúc cố gắng lên thuyền vào tất cả các thời điểm trong ngày; chuyện gì sẽ xảy ra khi—”

“Đó không phải lựa chọn của chúng ta,” Robin nói. “Mà là của họ. Đó là sự im lặng. Đó là giết người bằng cách bỏ mặc họ chết. Chúng ta thậm chí còn không chạm vào các thanh cộng hưởng, nó sẽ tự sập—"

“Cậu biết rõ điều đó chẳng quan trọng,” Giáo sư Chakravarti nói. “Đừng có quanh co về vấn đề đạo đức nữa. Cầu Westminster sập hay không là do cậu chọn. Nhưng người vô tội đâu thể quyết định những ý nghĩ bất chợt của Nghị viện.”

“Nhưng chính phủ của họ có nhiệm vụ phải lo cho họ chứ,” Robin nói. “Đó là toàn bộ ý nghĩa của Quốc hội, phải không? Trong khi đó, chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài sự mạnh bạo. Hay sự khoan dung. Tôi thừa nhận đó là một ngọn đuốc bừa bãi, nhưng tình thế bắt buộc phải vậy. Anh không thể

đổ lỗi về mặt đạo đức cho tôi." Anh ta nuốt nước bọt. "Anh không thể."

"Anh chính là nguyên nhân trực tiếp," Giáo sư Chakravarti khăng khăng. "Anh có thể chấm dứt chuyện này."

"Nhưng đó chính xác là trò bịp bợm của quỷ dữ," Robin khăng khăng. "Chủ nghĩa thực dân hoạt động như thế đấy. Nó thuyết phục ta rằng hậu quả của sự kháng cự hoàn toàn là lỗi của chúng ta, rằng lựa chọn phi đạo đức chính là sự kháng cự chứ không phải là những hoàn cảnh buộc ta phải làm vậy."

Dù vậy, vẫn có những giới hạn không thể vượt qua.

Luật lệ á? Nếu chúng ta cứ theo luật mà chơi thì chúng ta đã thua rồi—

"Ông đang cố gắng chiến thắng bằng cách trừng phạt cả thành phố," Giáo sư Chakravarti nói. "Điều đó có nghĩa là toàn bộ thành phố, tất cả mọi người trong đó – đàn ông, phụ nữ, trẻ em. Có những đứa trẻ ốm yếu không thể có thuốc. Có những gia đình không có thu nhập và không có nguồn thức ăn. Điều này không chỉ là một sự bất tiện đối với họ, mà là một mối đe dọa tính mạng."

"Tôi biết," Robin nói, bực bội. "Vấn đề là ở đó."

Họ trừng mắt nhìn nhau, và Robin nghĩ rằng giờ anh đã hiểu cái cách Griffin từng nhìn anh. Đây là sự thất bại của lòng can đảm. Một sự chối bỏ việc đẩy mọi thứ đến giới hạn. Bạo lực là thứ duy nhất mang kẻ thực dân đến bàn đàm phán; bạo lực là lựa chọn duy nhất. Khẩu súng ở ngay đó, nằm trên bàn, chờ họ nhặt lên. Tại sao họ lại sợ đến mức không dám nhìn vào nó?

Giáo sư Chakravarti đứng dậy. "Tôi không thể đồng tình với anh trên con đường này."

“Vậy thì cậu nên rời khỏi tòa tháp,” Robin nói ngay. “Nó sẽ giúp cậu giữ được lương tâm trong sạch.”

"Ông Swift, làm ơn, hãy nghe lý lẽ—"

“Lộn hết túi ra.” Robin gằn giọng, cố nói lớn hơn tiếng ù ù trong tai. “Đừng mang theo gì cả – không bạc, không sổ sách, không cả mấy mẩu giấy ghi chú.” Anh chờ đợi ai đó lên tiếng phản đối; chờ Victoire can thiệp, nói rằng anh sai rồi, nhưng không ai nói gì. Anh coi sự im lặng này như một sự đồng tình ngầm. “Và nếu các người rời đi, chắc các người biết đấy, sẽ không có đường quay lại.”

“Không có con đường nào dẫn đến chiến thắng ở đây cả,” Giáo sư Chakravarti cảnh báo. “Việc này sẽ chỉ khiến họ căm ghét anh thôi.”

Robin cười khẩy. "Ghét hơn nữa thì cũng đến thế thôi."

Nhưng không, điều đó không đúng; cả hai đều biết. Người Anh không hề căm ghét họ, bởi căm ghét gắn liền với nỗi sợ hãi và oán giận, và cả hai đều đòi hỏi việc nhìn nhận đối thủ như một thực thể có đạo đức tự chủ, đáng được tôn trọng và cạnh tranh. Thái độ của người Anh đối với người Trung Quốc là sự kẻ cả, là sự khinh miệt; nhưng đó không phải là thù hận. Chưa phải lúc này.

Điều đó có thể thay đổi sau khi cây cầu sập.

Nhưng rồi, Robin nghĩ, khơi dậy lòng căm thù có lẽ cũng tốt. Căm thù có thể buộc họ phải nể trọng. Căm thù có thể buộc người Anh phải nhìn thẳng vào mắt họ và nhìn thấy không phải một vật thể, mà là một con người.*Violence shocks the system*Griffin đã nói với anh ta như vậy.*And the system cannot survive the shock.*

‘*Oderint dum metuant*,’ anh ta nói.* Đó chính là con đường dẫn chúng ta đến chiến thắng.

“Đó là Caligula,” Giáo sư Chakravarti nói. “Anh đang triệu hồi*Caligula*Hả?

Caligula đã đạt được ý mình.

Caligula bị ám sát.

Robin nhún vai, hoàn toàn không bận tâm.

“Anh biết đấy,” Giáo sư Chakravarti nói, “anh biết đấy, một trong những khái niệm tiếng Phạn bị hiểu sai nhiều nhất là*ahimsa*Phi bạo lực.

“Cháu không cần một bài thuyết giáo đâu ạ, thưa thầy,” Robin nói, nhưng Giáo sư Chakravarti vẫn nói tiếp, át lời cậu.

Nhiều người nghĩ*ahimsa*có nghĩa là chủ nghĩa hòa bình tuyệt đối, và rằng người dân Ấn Độ do đó là một dân tộc nhu nhược, phục tùng, sẵn sàng quỳ gối trước bất cứ điều gì. Nhưng trong*Bhagavad Gita*, ngoại lệ được áp dụng cho một*dharma yuddha*Một cuộc chiến chính nghĩa. Một cuộc chiến mà bạo lực được sử dụng như là phương sách cuối cùng, một cuộc chiến không vì lợi ích cá nhân hay động cơ riêng tư mà xuất phát từ sự tận tâm với một lý tưởng cao cả hơn.’ Ông lắc đầu. ‘Đây là cách tôi biện minh cho cuộc tấn công này, ông Swift. Nhưng những gì ông đang làm ở đây không phải là tự vệ; nó đã biến thành ác ý. Bạo lực của ông mang tính cá nhân, nó là sự trả thù, và điều này tôi không thể ủng hộ.

Cổ họng Robin giật giật. "Vậy thì hãy lấy lọ máu của ngài trước khi đi, thưa ngài."

Giáo sư Chakravarti quan sát anh ta một lúc, gật đầu, rồi bắt đầu đổ những thứ trong túi ra bàn giữa. Một cây bút chì. Một cuốn

sổ. Hai thỏi bạc trơn.

Mọi người im lặng theo dõi.

Robin bực bội thoáng chốc. "Còn ai muốn phàn nàn gì nữa không?" anh gắt.

Không ai nói thêm lời nào. Giáo sư Craft đứng dậy và bước lên cầu thang. Một lát sau, Ibrahim đi theo bà, rồi đến Juliana; và sau đó là những người còn lại cho đến khi chỉ còn Robin và Victoire đứng ở sảnh, nhìn Giáo sư Chakravarti sải bước xuống bậc thềm trước hướng về phía các chướng ngại vật.

Chapter Twenty-Nine

How the Chimney-sweepers cry

Every blackning Church appalls,

And the hapless Soldiers sigh

Runs in blood down Palace walls

TâyILLIAMBHỒ, 'Luân Đôn'

TKhông khí trong tháp trở nên ảm đạm sau khi Giáo sư Chakravarti rời đi.

Những ngày đầu đình công, họ quá bận rộn với những đòi hỏi cấp bách của tình thế – in truyền đơn, ghi chép sổ sách, củng cố chướng ngại vật – đến nỗi không hề để ý đến mối nguy hiểm cận kề. Mọi thứ thật quá to lớn, quá đoàn kết. Họ vui mừng trong tình bạn bè. Họ trò chuyện thâu đêm suốt sáng, tìm hiểu về nhau, kinh ngạc trước những điểm tương đồng đến kỳ lạ trong quá khứ của mỗi người. Họ bị bứng khỏi quê hương từ khi còn rất nhỏ, bị ném vào nước Anh, và bị bắt buộc phải thành công nếu không muốn bị trục xuất. Rất nhiều người trong số họ là trẻ mồ côi, mọi liên hệ với quê hương đều bị cắt đứt, ngoại trừ ngôn ngữ.[*]

Nhưng sự chuẩn bị điên cuồng của những ngày đầu giờ đã nhường chỗ cho những giờ phút u ám, ngột ngạt. Tất cả các quân cờ đã được đặt lên bàn; tất cả các lá bài đã được lật ngửa. Họ chẳng còn lời đe dọa nào ngoài những lời đã hét lên từ trên mái nhà. Thứ trải dài trước mắt họ bây giờ chỉ còn là thời gian, một sự tích tắc đếm ngược đến sự sụp đổ không thể tránh khỏi.

Họ đã đưa ra tối hậu thư, phát tán tờ rơi. Cầu Westminster sẽ sập trong vòng bảy ngày, trừ khi. Trừ khi.

Quyết định này để lại dư vị khó chịu trong lòng họ. Họ đã nói hết những gì cần nói, và không ai muốn phân tích những hệ lụy. Nội tâm thật nguy hiểm; họ chỉ muốn vượt qua một ngày. Giờ đây, hầu như lúc nào họ cũng tản ra những góc khác nhau của tòa tháp, đọc sách, nghiên cứu hoặc làm bất cứ điều gì để giết thời gian. Ibrahim và Juliana dành mọi thời gian thức bên nhau. Đôi khi những người còn lại thắc mắc liệu hai người có đang phải lòng nhau không, nhưng họ thấy mình không thể duy trì cuộc trò chuyện đó; nó khiến họ nghĩ về tương lai, về việc mọi chuyện rồi sẽ ra sao, và điều đó khiến họ quá buồn. Yusuf giữ kín trong lòng. Thỉnh thoảng Meghana uống trà với Robin và Victoire, và họ sẽ trao đổi những câu chuyện về những người quen chung – cô ấy vừa tốt nghiệp gần đây và thân thiết với cả Vimal và Anthony – nhưng khi ngày tháng trôi qua, cô ấy cũng bắt đầu thu mình lại. Và Robin đôi khi tự hỏi liệu cô ấy và Yusuf có đang hối hận về quyết định ở lại hay không.

Cuộc sống trong tháp, cuộc sống đình công - ban đầu mới mẻ và kỳ lạ đến phấn khích - dần trở nên đều đều, đơn điệu. Mọi thứ lúc đầu thật khó khăn. Thật buồn cười và cũng thật xấu hổ, khi họ chẳng biết gì về việc giữ gìn nơi ở của mình gọn gàng ngăn nắp. Không ai biết chổi được cất ở đâu, nên sàn nhà lúc nào cũng bụi bặm và đầy vụn bánh. Không ai biết giặt giũ - họ cố gắng tạo ra một cặp phù hợp bằng cách sử dụng từ*bleach*và những từ bắt nguồn từ gốc Ấn-Âu nguyên thủy*bhel*(ánh sáng trắng chói lòa, lóe lên, bùng cháy), nhưng tất cả những gì nó làm được chỉ là tạm thời biến quần áo của họ thành màu trắng và nóng rát khi chạm vào.

Họ vẫn tụ tập ăn cơm ba bữa một ngày đúng giờ, dù chỉ vì việc đó giúp phân chia khẩu phần dễ dàng hơn. Những món đồ xa xỉ của họ đã nhanh chóng biến mất. Cà phê hết sạch sau tuần đầu tiên; đến tuần thứ hai thì trà cũng gần cạn. Giải pháp của họ là

pha loãng trà dần dần cho đến khi thứ họ uống chẳng khác gì nước lã hơi đổi màu. Sữa hay đường thì khỏi phải bàn. Meghana tranh luận rằng họ nên thưởng thức cho trọn vẹn vài thìa trà cuối cùng bằng một tách trà pha đúng điệu, nhưng Giáo sư Craft phản đối kịch liệt.

“Tôi có thể bỏ sữa,” cô ấy nói. “Nhưng tôi không thể bỏ trà.”

Victoire là chỗ dựa tinh thần cho Robin trong suốt tuần đó.

Cô ấy đang giận điên lên với anh, anh biết. Hai ngày đầu họ đã trải quacùng nhau trong im lặng miễn cưỡng – nhưng vẫn bên nhau, bởi vì họ cần nhau để an ủi. Họ trải qua hàng giờ bên cửa sổ tầng sáu, ngồi cạnh nhau trên sàn nhà. Anh không cố thuyết phục cô nữa. Cô cũng không trách móc gì. Không còn gì để nói. Mọi chuyện đã an bài.

Đến ngày thứ ba, sự im lặng trở nên không thể chịu đựng nổi, nên họ bắt đầu nói chuyện; ban đầu chỉ là những chuyện vụn vặt, rồi sau đó là tất cả những gì chợt đến trong đầu. Đôi khi họ hồi tưởng về Babel, về những năm tháng vàng son trước khi mọi thứ đảo lộn. Đôi khi họ gác lại hiện thực, cố gắng quên đi tất cả những gì đã xảy ra, và buôn chuyện về thời đại học như thể vấn đề quan trọng nhất lúc bấy giờ là liệu Colin Thornhill và hai anh em sinh đôi nhà Sharp có đánh nhau vì cô em gái xinh đẹp đến thăm của Bill Jameson hay không.

Phải mất bốn ngày họ mới có thể nói về Letty.

Robin làm trước. Letty vẫn cứ lẩn khuất trong ký ức của cả hai như một vết thương mưng mủ mà họ không dám động vào, và anh không thể cứ mãi vòng vo quanh nó nữa. Anh muốn cầm một con dao nung đỏ và khoét sâu vào chỗ thối rữa đó.

“Ông nghĩ bà ấy luôn định quay lưng với chúng ta sao?” anh hỏi. “Ông nghĩ việc bà ấy làm có khó khăn với bà ấy không?”

Victoire không cần phải hỏi hắn ta đang nói đến ai. “Giống như một bài tập về hy vọng vậy,” cô nói sau một thoáng ngừng. “Ý tôi là yêu cô ta. Đôi khi tôi nghĩ cô ta sẽ hồi tâm chuyển ý. Đôi khi tôi nhìn vào mắt cô ta và nghĩ rằng mình đang nhìn vào một người bạn thực sự. Rồi cô ta lại nói gì đó, buông một câu nói bâng quơ nào đó, và cả chu kỳ lại bắt đầu lại từ đầu. Giống như đổ cát vào sàng vậy. Chẳng giữ lại được gì cả.”

Anh nghĩ có điều gì anh nói ra mà có thể làm cô ấy đổi ý không?

“Tớ không biết,” Victoire nói. “Cậu thì sao?”

Tâm trí anh làm điều nó vẫn luôn làm, đó là triệu hồi một chữ Hán thay cho suy nghĩ mà anh sợ hãi. 'Khi nghĩ về Letty, mình nghĩ về chữ*xì*Anh vẽ nó trong không trung cho cô xem:Khe hởThường được dùng với nghĩa "một vết nứt hoặc khe hở". Nhưng trong các văn bản tiếng Hán cổ, nó còn mang nghĩa "mối hận thù, hoặc mối thù". Theo lời đồn, Hoàng đế nhà Thanh sử dụng một thanh khắc chữ*xì-feud*Bùa hộ mệnh được đặt dưới bức tranh tường đá ghi lại dòng dõi hoàng tộc. Và khi những vết nứt xuất hiện, điều đó cho thấy có ai đó đang âm mưu chống lại ngài.’ Anh ta nuốt nước bọt. ‘Tôi nghĩ những vết nứt đó đã luôn ở đó. Tôi không nghĩ chúng ta có thể làm gìđã làm gì với chúng. Và tất cả chỉ cần một chút áp lực là toàn bộ sụp đổ.’

"Cô ấy oán giận chúng ta đến mức đó sao?"

Anh ta ngừng lại, cân nhắc sức nặng và ảnh hưởng của lời nói mình. “Tôi nghĩ cô ta cố tình giết anh ấy.”

Victoire nhìn anh ta một lúc lâu trước khi đáp lại, chỉ đơn giản là, "Tại sao?"

“Tôi nghĩ bà ta muốn hắn chết,” anh nói tiếp, giọng khàn đặc. “Anh có thể thấy điều đó trên mặt bà ta - bà ta không hề sợ hãi, bà ta biết mình đang làm gì, bà ta có thể nhắm vào bất kỳ ai trong chúng tôi, và bà ta biết chính Ramy là người bà ta muốn.”

‘Robin…’

“Cô ấy yêu anh ta, cậu biết đấy,” anh nói. Những lời nói tuôn ra như thác lũ; cửa xả đã vỡ, và dòng nước không thể nào ngăn lại được. Dù cho tàn khốc, bi thương đến đâu, anh cũng phải nói ra thành tiếng, phải trút bỏ gánh nặng nghi ngờ khủng khiếp này lên một ai đó. “Cô ấy đã nói với tôi, vào đêm dạ vũ kỷ niệm – cô ấy đã khóc gần một tiếng đồng hồ trên vai tôi vì muốn nhảy với anh ta, mà anh ta thậm chí còn không thèm nhìn cô ấy. Anh ta chưa bao giờ nhìn cô ấy, chưa bao giờ…” Anh phải dừng lại; nước mắt đang nghẹn cứng nơi cổ họng.

Victoire nắm chặt cổ tay anh. “Ôi, Robin.”

“Tưởng tượng mà xem,” ông ta nói. “Một gã da nâu từ chối bông hồng Anh Quốc. Letty không thể chịu đựng nổi điều đó. Nỗi nhục nhã ê chề.” Ông ta dùng tay áo quệt mắt. “Thế là bà ấy giết hắn.”

Victoire im lặng hồi lâu. Cô nhìn ra thành phố đổ nát, suy tư. Cuối cùng, cô rút một mảnh giấy nhàu nát từ trong túi áo và dúi vào tay anh ta. “Anh nên giữ cái này.”

Robin mở nó ra. Đó là bức chân dung chụp kiểu daguerreotype của bốn người họ, đã bị gấp đi gấp lại nhiều lần đến nỗi những đường trắng mỏng manh đan chéo nhau trên ảnh. Nhưng khuôn mặt của họ vẫn hiện lên rất rõ ràng. Letty, nhìn chằm chằm đầy tự hào, nét mặt hơi căng thẳng sau khoảng thời gian dài như vậy. Tay Ramy trìu mến đặt trên vai cô và Victoire. Nụ cười nửa miệng của Victoire; cằm hơi cúi xuống, đôi mắt ngước lên long lanh. Vẻ rụt rè vụng về của chính anh. Nụ cười toe toét của Ramy.

Anh hít một hơi thật mạnh. Ngực anh thắt lại, như thể xương sườn đang bóp nghẹt, siết chặt lấy tim anh như gọng kìm. Anh không ngờ mình vẫn có thể đau đến vậy.

Anh ta muốn xé nó thành trăm mảnh. Nhưng đó là hình ảnh duy nhất còn sót lại của Ramy mà anh có.

Tôi không ngờ anh vẫn còn giữ nó.

“Letty giữ nó,” Victoire nói. “Cô ấy lồng nó trong khung rồi treo trong phòng chúng ta. Tối hôm trước buổi tiệc ngoài vườn, mình đã lấy nó ra. Mình không nghĩ là cô ấy để ý đâu.”

“Trông chúng ta trẻ quá.” Anh trầm trồ nhìn những gương mặt trong ảnh. Cứ như thể cả một đời người đã trôi qua kể từ khi họ chụp bức ảnh dagerreotype ấy. “Trông chúng ta như trẻ con vậy.”

“Lúc đó chúng ta đã rất hạnh phúc.” Victoire nhìn xuống, những ngón tay lần theo khuôn mặt đang mờ dần trong ảnh. “Em đã nghĩ đến việc đốt nó đi, anh biết không. Em muốn được hả dạ. Ở Lâu đài Oxford, em cứ lấy nó ra, nhìn chằm chằm vào mặt cô ta, cố gắng để thấy . . . để thấy con người có thể làm điều này với chúng ta. Nhưng em càng nhìn, em càng . . . em chỉ thấy thương hại cô ta. Thật méo mó, nhưng từ góc nhìn của cô ta, chắc hẳn cô ta nghĩ mình mới là người mất tất cả. Cô ta rất cô đơn, anh biết đấy. Tất cả những gì cô ta muốn là một nhóm bạn, những người có thể hiểu được những gì cô ta đã trải qua. Và cô ta nghĩ rằng cuối cùng cô ta đã tìm thấy điều đó ở chúng ta.” Cô hít một hơi run rẩy. “Và em cho rằng, khi tất cả sụp đổ – em cho rằng cô ta cũng cảm thấy bị phản bội như chúng ta vậy.”

Họ để ý thấy Ibrahim dành rất nhiều thời gian viết lách vào một cuốn sổ bìa da.

“Đó là một biên niên sử,” ông nói với họ khi được hỏi. “Về những gì đã xảy ra bên trong tòa tháp. Tất cả những gì đã được nói ra. Tất cả những quyết định đã được đưa ra. Tất cả những gì chúng ta đã đấu tranh cho. Các anh có muốn đóng góp không?”

“Là đồng tác giả sao?” Robin hỏi.

"Với tư cách người được phỏng vấn, hãy cho tôi biết suy nghĩ của bạn. Tôi sẽ ghi lại."

'Có lẽ ngày mai.' Robin cảm thấy rất mệt, và không hiểu sao nhìn thấy mấy trang giấy viết nguệch ngoạc kia lại khiến anh thấy kinh sợ.

“Tôi chỉ muốn chắc chắn thôi,” Ibrahim nói. “Tôi đã có lời khai của Giáo sư Craft và các nghiên cứu sinh rồi. Tôi chỉ nghĩ – à, nếu mọi chuyện đổ bể…”

“Chú nghĩ chúng ta sẽ thua,” Victoire nói.

“Tôi nghĩ chẳng ai biết chuyện này sẽ kết thúc ra sao,” Ibrahim nói. “Nhưng tôi biết họ sẽ nói gì về chúng ta nếu nó kết thúc tồi tệ. Khi những sinh viên ở Paris chết trên chiến lũy, mọi người gọi họ là anh hùng. Còn nếu chúng ta chết ở đây, sẽ chẳng ai nghĩ chúng ta là liệt sĩ. Và tôi chỉ muốn chắc chắn rằng sẽ có một ghi chép nào đó về chúng ta, một ghi chép không biến chúng ta thành kẻ xấu.” Ibrahim liếc nhìn Robin. “Nhưng cậu không thích dự án này, phải không?”

Anh ta vừa lườm mình sao? Robin vội vàng chỉnh lại nét mặt. "Tôi không nói vậy."

Trông anh có vẻ kinh tởm.

“Không, tôi xin lỗi, tôi chỉ…” Robin không hiểu sao mình lại khó thốt ra những lời này đến vậy. “Tôi nghĩ tôi chỉ không muốn nghĩ về chúng ta như một phần của quá khứ khi mà chúng ta còn chưa để lại dấu ấn gì ở hiện tại.”

“Chúng ta đã tạo dấu ấn,” Ibrahim nói. “Dù tốt hay xấu, chúng ta đã ở trong sử sách rồi. Đây là cơ hội để can thiệp vào những gì được lưu trữ, phải không?”

“Kiểu như những chuyện gì sẽ được ghi vào vậy?” Victoire hỏi. “Chỉ những nét chính thôi à? Hay cả những quan sát cá nhân nữa?”

“Cái gì cũng được,” Ibrahim nói. “Cô ăn gì sáng cũng được. Cô giết thời gian thế nào cũng được. Nhưng dĩ nhiên, tôi quan tâm nhất là làm sao tất cả chúng ta lại đến được đây.”

“Tôi đoán là cậu muốn biết về Hermes,” Robin nói.

Tôi muốn biết tất cả những gì anh/chị muốn kể cho tôi nghe.

Lúc đó, Robin cảm thấy ngực mình nặng trĩu. Cậu muốn bắt đầu nói, muốn tuôn ra tất cả những gì mình biết và ghi lại bằng mực, nhưng lời nói cứ nghẹn lại nơi cổ họng. Cậu không biết phải diễn đạt thế nào rằng vấn đề không nằm ở sự tồn tại của bản ghi chép, mà là ở chỗ nó chưa đủ, nó là một sự can thiệp quá yếu ớt đối với kho lưu trữ đến mức cảm thấy vô nghĩa.

Có quá nhiều điều muốn nói. Anh không biết bắt đầu từ đâu. Anh chưa từng nghĩ về khoảng trống trong lịch sử thành văn mà họ đang tồn tại, về làn sóng áp bức của những câu chuyện bôi nhọ mà họ đang chống lại, và giờ khi anh nghĩ về nó, mọi thứ dường như quá sức chịu đựng. Hồ sơ trống rỗng. Không hề có biên niên sử nào về Hội Hermes ngoại trừ cuốn này. Hermes đã hoạt động giống như những hội kín tốt nhất, tự xóa bỏ lịch sử của chính mình ngay cả khi nó thay đổi nước Anh. Sẽ không ai ca tụng thành tựu của họ. Sẽ không ai biết chúng là gì.

Anh nghĩ về Thư viện Cổ, bị phá hủy và dỡ bỏ, tất cả những núi nghiên cứu bị khóa chặt và che giấu mãi mãi. Anh nghĩ về chiếc phong bì ấy, đã tan thành tro bụi; về hàng tá cộng sự của Hermes chưa bao giờ được liên lạc, những người có thể không bao giờ biết chuyện gì đã xảy ra. Anh nghĩ về tất cả những năm tháng Griffin sống ở nước ngoài – chiến đấu, vật lộn, chống lại một hệ thống mạnh hơn anh gấp bội. Robin sẽ không bao giờ

biết hết những gì anh trai mình đã làm, những gì anh đã phải chịu đựng. Bao nhiêu lịch sử, bị xóa sạch.

“Nó chỉ làm anh sợ thôi,” anh nói. “Anh không muốn đây là tất cả những gì chúng ta từng có.”

Ibrahim gật đầu về phía cuốn sổ của mình. "Vậy thì cũng đáng để ghi chép lại một chút."

“Ý kiến hay.” Victoire ngồi xuống. “Tôi chơi. Cứ hỏi tôi bất cứ điều gì. Xem chúng ta có thể thay đổi suy nghĩ của một nhà sử học tương lai nào đó không.”

“Biết đâu chúng ta sẽ được nhớ đến như các Thánh tử đạo Oxford,” Ibrahim nói. “Biết đâu sẽ có một tượng đài dành cho chúng ta.”

“Những người tử đạo Oxford đã bị xét xử vì tội dị giáo và bị thiêu sống trên cọc,” Robin nói.

“À,” Ibrahim nói, mắt long lanh. “Nhưng Oxford giờ là trường đại học Anh giáo rồi, phải không?”

Những ngày sau đó, Robin tự hỏi liệu cái cảm giác họ đã cùng chia sẻ đêm ấy có phải là một nỗi ám ảnh về sự mong manh của kiếp người, giống như những người lính ngồi trong chiến hào. Bởi vì đó chính là chiến tranh, thứ đang bùng nổ trên những con phố kia. Cầu Westminster vẫn chưa sụp đổ, chưa, nhưng tai nạn vẫn tiếp diễn và tình trạng thiếu hụt ngày càng trầm trọng. Sự kiên nhẫn của London đang bị thử thách. Công chúng đòi hỏi sự trừng phạt, đòi hỏi hành động, dưới hình thức này hay hình thức khác. Và bởi vì Quốc hội sẽ không bỏ phiếu chống lại cuộc xâm lược Trung Quốc, họ chỉ đơn giản là gia tăng áp lực lên Quân đội.

Hình như lính gác được lệnh không tấn công tháp, nhưng được phép bắn các học giả nếu có cơ hội. Robin ngừng ra ngoài sau

khi cuộc gặp gỡ với Abel Goodfellow bị gián đoạn bởi một loạt đạn bắn tới. Có lần, một cửa sổ cạnh đầu Victoire vỡ tan khi cô đang tìm sách. Tất cả họ đều nằm sấp xuống sàn và bò bằng tay và đầu gối xuống tầng hầm, nơi được tường bao bọc bốn phía. Sau đó, họ tìm thấy một viên đạn găm vào kệ sách ngay phía sau chỗ Victoire vừa đứng.

“Sao có thể như thế được?” Giáo sư Craft gặng hỏi. “Không gì có thể xuyên qua mấy cái cửa sổ này. Không gì có thể lọt qua mấy bức tường này.”

Tò mò, Robin xem xét viên đạn: dày, cong vênh, và lạnh một cách bất thường khi chạm vào. Anh giơ nó lên ánh sáng và thấy một dải bạc mỏng viền quanh đáy vỏ đạn. "Chắc hẳn Giáo sư Playfair đã nghĩ ra điều gì đó."

Điều đó làm tăng mức độ nghiêm trọng. Babel không phải là bất khả xâm phạm. Đây không còn là một cuộc tấn công nữa, mà là một cuộc bao vây. Nếu binh lính vượt qua được chướng ngại vật, nếu binh lính mang theo những phát minh của Giáo sư Playfair đến được cửa trước, cuộc tấn công của họ coi như thất bại. Giáo sư Craft và Giáo sư Chakravarti đã thay thế các bùa phép của Giáo sư Playfair vào đêm đầu tiên họ ở trong tháp, nhưng ngay cả họ cũng thừa nhận rằng họ không giỏi việc này bằng ông ấy.như Giáo sư Playfair đã từng; họ không chắc những biện pháp phòng thủ của mình sẽ trụ vững được bao lâu.

"Từ giờ trở đi chúng ta nên tránh xa cửa sổ," Victoire đề nghị.

Hiện tại, các chướng ngại vật vẫn đứng vững, mặc dù bên ngoài, cuộc giao tranh đã trở nên tàn khốc. Ban đầu, những người đình công của Abel Goodfellow chỉ chiến đấu phòng thủ đơn thuần từ phía sau chướng ngại vật. Họ củng cố công sự, vận chuyển tiếp tế, nhưng không hề khiêu khích lính gác. Giờ đây, đường phố đã nhuộm máu. Binh lính bắt đầu nã súng thường xuyên vào những người cố thủ, và họ cũng đánh trả. Họ chế tạo bom

xăng bằng vải, dầu và chai lọ rồi ném vào các doanh trại quân đội. Họ leo lên mái nhà của Thư viện Radcliffe và Bodleian, từ đó ném đá lát đường và đổ nước sôi xuống quân đội bên dưới.

Lẽ ra không nên cần sức đến vậy, thường dân chống lại lính cận vệ. Theo lý thuyết, họ không thể cầm cự nổi một tuần. Nhưng nhiều người của Abel là cựu binh, những người bị giải ngũ khỏi một đội quân đang rệu rã sau thất bại của Napoleon. Họ biết tìm súng ở đâu. Họ biết phải làm gì với chúng.

Các biên dịch viên đã giúp đỡ. Victoire, người đã đọc ngấu nghiến các tác phẩm văn học bất đồng chính kiến của Pháp, đã soạn ra cặp đối khẩu khí thế.-*energy*, cái sau mang hàm ý về một lòng nhiệt thành cách mạng Pháp đặc thù, và có thể được truy ngược về tiếng Latinh*lancea*, nghĩa là 'giáo'. Sự liên tưởng đến hành động ném và động lượng được duy trì, và chính sự biến dạng tiềm ẩn này trong tiếng Anh*energy*điều đó giúp cho đạn của phe lập chiến lũy bay xa hơn, trúng đích hơn, và tạo ra sức công phá mạnh hơn những gì mà gạch đá thông thường có thể làm được.

Họ đã nghĩ ra một vài ý tưởng táo bạo hơn nhưng chẳng đi đến đâu.*seduce*bắt nguồn từ tiếng Latinh*seducere*, nghĩa là 'dẫn lạc', từ đó mà định nghĩa 'thuyết phục ai đó từ bỏ lòng trung thành của họ' vào cuối thế kỷ mười lăm ra đời. Điều này có vẻ hứa hẹn, nhưng họ không thể nghĩ ra cách nào để thực hiện nó mà không cần đưa các cô gái ra tiền tuyến, điều mà không ai sẵn lòng đề xuất, hoặc mặc quần áo phụ nữ cho người của Abel, điều dường như không khả thi. Cũng có từ tiếng Đức*Nachtmahr*, một từ cổ hiếm khi được sử dụng cho "ác mộng", cũng ám chỉ một thực thể độc ác ngồi trên ngực người ngủ. Một số thử nghiệm đã chứng minh rằng sự kết hợp này làm cho những giấc mơ xấu trở nên tồi tệ hơn khi ai đó gặp phải chúng, nhưng dường như không thể tự gây ra chúng ngay từ đầu.

Một buổi sáng nọ, Abel xuất hiện ở sảnh với vài gói dài, mảnh được bọc vải. "Có ai trong số các bạn biết bắn súng không?", anh ta hỏi.

Robin tưởng tượng cảnh chĩa một trong những khẩu súng trường đó vào một cơ thể sống và bóp cò. Anh không chắc mình có thể làm được. "Không tốt lắm."

“Không phải với mấy thứ đó,” Victoire nói.

"Vậy thì cho mấy người của tôi vào đó đi," Abel nói. "Ông có điểm quan sát tốt nhất trong thành phố này. Thật phí phạm nếu ông không tận dụng nó."

Ngày qua ngày, những chướng ngại vật vẫn đứng vững. Robin thấy thật kỳ diệu khi chúng không vỡ vụn dưới sức nặng của những loạt đại bác bắn gần như liên tục, nhưng Abel tự tin rằng họ có thể cầm cự vô thời hạn miễn là họ tiếp tục tìm kiếm vật liệu mới để gia cố những phần bị hư hại.

“Là vì chúng ta đã xây chúng theo cấu trúc hình chữ V,” ông giải thích. “Đạn đại bác bắn trúng phần nhô ra, chỉ khiến vật liệu càng nén chặt hơn.”

Robin tỏ vẻ hoài nghi. "Nhưng chúng đâu thể cầm cự mãi được."

Không, có lẽ là không.

“Và chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng tràn vào?” Robin hỏi. “Anh sẽ bỏ chạy? Hay anh sẽ ở lại chiến đấu?”

Abel im lặng một lúc. Rồi anh nói, "Ở những chiến lũy của Pháp, quân cách mạng thường tiến đến chỗ lính, xé áo ra và thách họ bắn, nếu họ dám."

'Vậy à?'

Đôi khi. Đôi khi họ bắn chết họ ngay tại chỗ. Nhưng có những lúc khác – ừm, thử nghĩ mà xem. Anh đang nhìn thẳng vào mắt một người. Họ trạc tuổi anh, hoặc trẻ hơn. Cùng thành phố. Có thể cùng khu phố. Có thể anh biết họ, hoặc anh thấy trong gương mặt họ một người mà anh có thể quen biết. Liệu anh có bóp cò không?

"Chắc là không," Robin thừa nhận, dù một giọng nói nhỏ trong đầu thì thầm,*Letty did*.

"Lương tâm của mỗi người lính đều có giới hạn," Abel nói. "Tôi đoán họ sẽ cố bắt chúng ta. Nhưng nổ súng vào dân thường? Thực hiện một cuộc thảm sát? Tôi không chắc lắm. Nhưng chúng ta sẽ buộc họ phải phân hóa. Rồi sẽ thấy chuyện gì xảy ra."

*It will all be over soon.*Đêm xuống, nhìn ra thành phố, thấy ánh đuốc và đạn pháo sáng rực, họ cố trấn an nhau. Họ chỉ cần cầm cự đến thứ Bảy. Nghị viện không thể chịu đựng lâu hơn họ được. Họ không thể để cầu Westminster thất thủ.

Rồi, luôn luôn là sự tưởng tượng kỳ lạ, dè dặt về một cuộc ngừng bắn sẽ như thế nào. Họ có nên soạn thảo một hợp đồng với các điều khoản ân xá không? Yusuf đảm nhiệm việc này, soạn thảo một hiệp ước cứu họ khỏi giá treo cổ. Khi tòa tháp hoạt động trở lại bình thường, liệu họ có còn là một phần của nó nữa không? Học thuật sẽ ra sao trong thời đại hậu đế quốc, khi họ biết kho bạc của Anh sẽ cạn kiệt? Họ chưa bao giờ xem xét những câu hỏi này trước đây, nhưng bây giờ, khi kết quả của cuộc đình công này ngàn cân treo sợi tóc, niềm an ủi duy nhất của họ là tiên đoán tương lai một cách chi tiết đến mức dường như nó có thể xảy ra.

Nhưng Robin không thể nào ép bản thân mình thử. Anh không chịu nổi những cuộc trò chuyện đó; anh luôn tìm cách cáo lui mỗi khi chúng diễn ra.

Không có tương lai nào nếu không có Ramy, không có Griffin, không có Anthony, Cathy, Ilse và Vimal. Đối với anh, thời gian đã ngừng trôi kể từ khi viên đạn của Letty rời khỏi nòng súng. Tất cả những gì còn lại giờ chỉ là hậu quả. Chuyện gì xảy ra sau đó là dành cho người khác gánh chịu. Robin chỉ muốn tất cả chấm dứt.

Victoire tìm thấy anh trên sân thượng, ôm chặt đầu gối vào ngực, lắc lư theo tiếng súng. Cô ngồi xuống bên cạnh. "Chán mấy thuật ngữ pháp lý rồi à?"

“Cứ như một trò chơi vậy,” anh ta nói. “Nó thật lố bịch – và tôi biết điều này, tất cả những chuyện này, ngay từ đầu đã lố bịch rồi, nhưng mà – nói về những chuyện sau này – cứ như đang vẽ vời chuyện viển vông.”

“Con phải tin rằng có một thế giới bên kia,” bà lẩm bẩm. “Họ đã tin như vậy.”

Họ giỏi hơn chúng ta.

"Đúng vậy." Cô nép vào cánh tay anh. "Nhưng cuối cùng mọi thứ vẫn nằm trong tay chúng ta, phải không?"

Chapter Thirty

TâyCầu Westminster sập.*

Chapter Thirty-One

TâyCầu Westminster sụp đổ, và Oxford nổ ra giao tranh công khai.

Họ đang túm tụm quanh máy điện báo, chờ đợi tin tức trong lo lắng, thì một trong những tay súng từ trên lầu xộc xuống, thở hổn hển rồi thông báo: "Chúng đã giết một cô gái."

Họ theo anh lên sân thượng. Bằng mắt thường, Robin có thể thấy một sự hỗn loạn ở phía bắc Jericho, một đám đông đang di chuyển cuồng loạn, nhưng anh phải mất một lúc loay hoay với chiếc kính viễn vọng trước khi nhìn rõ được thứ mà những tay súng đang chĩa vào.

Bên chốt chặn Jericho, lính tráng và công nhân vừa đấu súng, tay súng nói với họ như vậy. Thường thì chẳng có gì xảy ra sau mấy màn này – tiếng súng cảnh cáo vang vọng khắp thành phố mọi lúc, và các bên thường thay phiên nhau bắn rồi rút lui về phía sau chướng ngại vật. Mang tính biểu tượng; tất cả chỉ mang tính biểu tượng thôi. Nhưng lần này có người đã ngã xuống.

Ống kính viễn vọng hé lộ một lượng chi tiết đáng kinh ngạc. Nạn nhân còn trẻ, da trắng, tóc vàng hoe xinh đẹp, và máu từ bụng cô tràn ra nhuộm đỏ mặt đất một màu đỏ tươi chói lọi, không thể nhầm lẫn. Trên nền đá cuội xám đen, nó trông như một lá cờ.

Cô ấy không mặc quần dài. Những người phụ nữ tham gia chặn đường thường mặc quần dài. Cô ấy khoác một chiếc khăn choàng, mặc váy dài thướt tha, và một chiếc giỏ vẫn còn treo lủng lẳng trên cánh tay trái. Có thể cô ấy đang trên đường đi chợ. Có thể cô ấy đang trên đường về nhà với chồng, với cha mẹ, với con cái.

Robin đứng thẳng dậy. "Có phải..."

"Không phải tụi tao," tay súng còn lại nói. "Nhìn góc độ đi. Cô ta quay lưng về phía chướng ngại vật. Tao nói cho mày biết, không phải người của mình bắn đâu."

Tiếng la hét từ bên dưới. Tiếng súng rít lên trên đầu họ. Giật mình, họ vội vã chạy xuống cầu thang vào nơi an toàn trong tháp.

Họ tụ tập dưới tầng hầm, túm tụm lại đầy lo lắng, mắt đảo liên tục.như những đứa trẻ sợ hãi vừa làm điều gì đó rất nghịch ngợm. Đây là nạn nhân dân sự đầu tiên của chướng ngại vật, và nó thật trọng đại. Ranh giới đã bị phá vỡ.

“Hết rồi,” Giáo sư Craft nói. “Đây là chiến tranh công khai trên đất Anh. Tất cả những chuyện này cần phải chấm dứt.”

Một cuộc tranh luận bùng nổ.

“Nhưng đâu phải lỗi của chúng tôi,” Ibrahim nói.

“Họ cóc quan tâm có phải lỗi của chúng ta hay không,” Yusuf nói. “Chúng ta đã khơi mào—”

"Vậy chúng ta đầu hàng sao?" Meghana gặng hỏi. "Sau tất cả những chuyện này? Chúng ta cứ thế mà dừng lại?"

“Chúng ta không dừng lại,” Robin nói. Cường độ giọng nói của cậu khiến chính cậu kinh ngạc. Nó dường như đến từ một nơi nào đó vượt ra ngoài cậu. Nó nghe già dặn hơn; nó nghe giống giọng Griffin. Và hẳn là nó đã gây được tiếng vang, vì những tiếng nói xung quanh im bặt, tất cả khuôn mặt đều quay về phía cậu, sợ hãi, chờ đợi, hy vọng. “Đây là lúc thủy triều thay đổi. Đây là điều ngu xuẩn nhất mà chúng có thể làm.” Máu rần rần trong tai cậu. “Trước đây, cả thành phố chống lại chúng ta, các cậu không thấy sao? Nhưng giờ thì Quân đội đã lỡ tay rồi. Chúng đã

bắn một người dân trong thị trấn. Không có đường quay lại sau chuyện này. Các cậu nghĩ Oxford sẽ ủng hộ Quân đội bây giờ sao?"

"Nếu cậu đúng," Giáo sư Craft nói chậm rãi, "thì mọi chuyện sắp trở nên tồi tệ hơn nhiều."

"Tốt," Robin nói. "Miễn là những chướng ngại vật vẫn giữ vững."

Victoire nhìn anh chằm chằm, mắt nheo lại, và anh biết cô đang nghi ngờ điều gì – rằng chuyện này chẳng hề làm anh bận tâm, rằng anh không hề đau khổ như những người khác.

Phải, sao lại không thừa nhận chứ? Hắn không hề hổ thẹn. Hắn đúng. Cô gái này, dù là ai đi nữa, cũng là một biểu tượng; cô ấy chứng minh rằng đế chế không có giới hạn, rằng đế chế sẽ làm bất cứ điều gì để bảo vệ chính nó.*Go on*, hắn nghĩ;*do it again; kill more of them; turn the streets red with the blood of your own. Show them who you are. Show them their whiteness won't save them*Cuối cùng thì đây, một tội ác không thể tha thứ với một thủ phạm rõ ràng. Quân đội đã giết cô gái này. Và nếu Oxford muốn báo thù, chỉ có một cách duy nhất.

Đêm đó, đường phố Oxford bùng nổ trong bạo lực thực sự. Cuộc giao tranh bắt đầu ở cuối thành phố, tại Jericho, nơi máu đầu tiên đổ xuống, và dần dần lan rộng khi ngày càng nhiều điểm xung đột xuất hiện. Tiếng đại bác rền vang không ngớt. Cả thành phố thức giấc trong tiếng la hét vànáo loạn, và trên những con phố ấy, Robin nhìn thấy nhiều người hơn cả số người mà cậu từng tưởng tượng là sống ở Oxford.

Các học giả túm tụm bên cửa sổ, len lén nhìn ra ngoài giữa những loạt đạn bắn tỉa.

"Điên rồ," Giáo sư Craft cứ lẩm bẩm. "Hoàn toàn điên rồ."

*Insane*Không đủ để bao quát hết, Robin nghĩ. Tiếng Anh thật bất lực khi phải diễn tả tất cả những điều này. Tâm trí anh lang thang đến những văn bản cổ Trung Hoa, những thành ngữ họ dùng để nói về sự sụp đổ và biến thiên của các triều đại.Long trời lở đất;*tiānfāndìfù*Trời sập, đất lở. Thế giới đảo điên. Nước Anh đang đổ máu mình, nước Anh đang xé thịt mình, và sau tất cả, không gì có thể trở lại như xưa.

Nửa đêm, Abel gọi Robin xuống sảnh.

"Hết rồi," anh ta nói. "Chúng ta sắp đến cuối con đường."

“Ý anh là sao?” Robin hỏi. “Việc này có lợi cho chúng ta chứ – bọn chúng đã chọc giận cả thành phố rồi còn gì?”

“Sẽ không kéo dài đâu,” Abel nói. “Giờ chúng đang tức giận, nhưng chúng không phải lính tráng. Chúng không có sức bền. Tôi đã từng chứng kiến chuyện này rồi. Đến đầu đêm nay, chúng sẽ bắt đầu lũ lượt kéo nhau về nhà. Và tôi vừa nhận được tin từ Quân đội rằng lúc rạng đông, họ sẽ bắt đầu nổ súng vào bất kỳ ai còn ở ngoài đó.”

“Nhưng còn những chướng ngại vật thì sao?” Robin hỏi, tuyệt vọng. “Chúng vẫn còn đó—”

Chúng ta chỉ còn lại vòng phòng thủ cuối cùng. Phố High là tất cả những gì ta có. Giờ chẳng còn giữ được chút lịch sự nào nữa. Chúng sẽ phá vỡ phòng tuyến; vấn đề không phải là liệu chúng có làm được hay không, mà là khi nào. Và sự thật là, chúng ta chỉ là một cuộc nổi dậy của dân thường còn chúng là một tiểu đoàn được huấn luyện bài bản, được trang bị vũ khí và còn có cả quân tiếp viện. Nếu lịch sử có ý nghĩa gì, nếu điều này thực sự trở thành một trận chiến, thì chúng ta sẽ bị nghiền nát. Chúng ta không muốn lặp lại sự kiện Peterloo.* Abel thở dài. "Ảo tưởng về sự kiềm chế nào rồi cũng đến lúc tan vỡ. Tôi hy vọng chúng tôi đã giúp cậu câu thêm được chút thời gian."

"Tôi đoán cuối cùng thì chúng cũng vui vẻ bắn anh rồi nhỉ," Robin nói.

Abel nhìn anh với vẻ mặt buồn rầu. "Tôi đoán cảm giác đúng cũng chẳng dễ chịu gì."

"Thôi được rồi." Robin cảm thấy một cơn bực bội dâng lên nhưng cố gắng kìm nén lại; nó khôngĐổ lỗi cho Abel về những diễn biến này là không công bằng, và cũng không công bằng khi yêu cầu anh ta ở lại lâu hơn, khi tất cả những gì anh ta phải đối mặt gần như chắc chắn là cái chết hoặc bị bắt. "Cảm ơn, tôi nghĩ vậy. Cảm ơn vì tất cả."

“Khoan đã,” Abel nói. “Tôi đến đây không phải chỉ để thông báo rằng chúng tôi sẽ bỏ mặc cậu.”

Robin nhún vai. Anh cố gắng không để giọng mình nghe có vẻ bực bội. "Nếu không có mấy cái chướng ngại vật đó thì mọi chuyện sẽ xong rất nhanh."

Tôi nói cho anh biết đây là cơ hội để anh thoát thân. Chúng tôi sẽ bắt đầu đưa mọi người đi trước khi cuộc đấu súng trở nên thực sự ác liệt. Một vài người trong chúng tôi sẽ ở lại để bảo vệ chướng ngại vật, và điều đó sẽ đủ để đánh lạc hướng chúng cho đến khi những người còn lại đến được Cotswolds, ít nhất là vậy.

“Không,” Robin nói. “Không, cảm ơn, nhưng chúng tôi không thể. Chúng tôi sẽ ở lại trong tháp.”

Abel nhướn mày. "Tất cả các người à?"

Ý của anh ta là:*Can you make that decision? Can you tell me everyone in there wants to die?*Và anh ta hỏi đúng lắm, bởi vì không, Robin không thể đại diện cho cả bảy học giả còn lại; thật ra, anh nhận ra, anh chẳng biết họ sẽ chọn làm gì tiếp theo.

“Tôi sẽ hỏi,” anh nói, giọng chùn xuống. “Bao lâu—”

“Trong vòng một tiếng nữa,” Abel nói. “Sớm hơn càng tốt. Thà đừng nấn ná.”

Robin tự trấn tĩnh một lúc trước khi quay trở lại trên lầu. Cậu không biết phải nói với họ như thế nào rằng đây là kết thúc. Khuôn mặt cậu cứ như sắp méo xệch, sắp để lộ ra cậu bé sợ hãi đang trốn sau cái bóng của người anh trai. Cậu đã lôi kéo tất cả những người này vào cuộc chiến cuối cùng này; cậu không thể chịu đựng nổi khi nhìn thấy vẻ mặt của họ lúc cậu nói với họ rằng mọi chuyện đã kết thúc.

Mọi người đều ở tầng bốn, túm tụm bên cửa sổ phía đông. Anh ta đến nhập bọn. Bên ngoài, những người lính đang hành quân trên bãi cỏ, tiến lên với nhịp độ ngập ngừng kỳ lạ.

“Chúng đang làm gì vậy?” Giáo sư Craft tự hỏi. “Liệu đây có phải là một cuộc tấn công?”

"Lẽ ra phải đông hơn chứ nhỉ," Victoire nói.

Cô ấy nói đúng. Hơn chục binh lính đã dừng lại trên Phố High, nhưng chỉ có năm người tiếp tục đi về phía tòa tháp. Khi họ quan sát, đám lính tách ra, và một bóng người đơn độc bước qua hàng ngũ của họ tiến đến chướng ngại vật cuối cùng còn sót lại.

Victoire hít một hơi thật mạnh.

Là Letty. Cô ấy vẫy một lá cờ trắng.

Chapter Thirty-Two

She sate upon her Dobie,

To watch the Evening Star,

And all the Punkahs as they passed

Cried, ‘My! How fair you are!’

EDWARDLTAI, ‘Chiếc Khăn Quấn Bụng’

THọ đưa tất cả những người khác lên lầu trước khi mở cửa. Letty đến đây không phải để thương lượng với đám đông; họ sẽ không cử một sinh viên chưa tốt nghiệp đến làm việc đó. Chuyện này mang tính cá nhân; Letty đến đây để giải quyết ân oán.

"Cho cô ấy qua đi," Robin nói với Abel.

"Hả?"

Cô ấy đến để nói chuyện. Bảo họ cho cô ấy vào.

Abel nói với người của mình một câu, người này chạy ngang qua bãi cỏ để báo cho những người canh gác chướng ngại vật. Hai người đàn ông trèo lên trên chướng ngại vật và cúi xuống. Một lát sau, Letty được nhấc lên khỏi chướng ngại vật, rồi bị thả xuống không mấy nhẹ nhàng ở phía bên kia.

Cô lê bước qua bãi cỏ, vai khom xuống, lá cờ lê trên vỉa hè phía sau. Cô không ngẩng mặt lên cho đến khi gặp họ ở ngưỡng cửa.

“Chào Letty,” Victoire nói.

“Chào anh,” Letty lẩm bẩm. “Cảm ơn anh đã gặp em.”

Trông cô thật đáng thương. Rõ ràng là cô đã không ngủ; quần áo bẩn thỉu và nhàu nhĩ, má hóp lại, mắt đỏ hoe và sưng húp vì khóc. Cái cách cô khom người, như thể đang né tránh một cú đánh, khiến cô trông thật nhỏ bé. Và mặc cho bản thân, mặc cho tất cả mọi thứ, lúc đó Robin chỉ muốn ôm cô vào lòng.

Bản năng này làm anh giật mình. Khi cô tiến đến gần tòa tháp, anh đã thoáng nghĩ đến việc giết cô – giá như cái chết của cô không đồng nghĩa với sự diệt vong của tất cả bọn họ, giá như anh có thể đánh đổi bằng chính mạng sống của mình. Nhưng giờ đây thật khó để nhìn cô mà không coi cô là một người bạn. Làm sao anh có thể yêu một người đã làm anh tổn thương sâu sắc đến vậy? Ở gần, nhìn thẳng vào mắt cô, anh khó tin rằng Letty này, Letty của họ, lại làm những điều như thế. Trông cô đau buồn, yếu đuối, như một nữ anh hùng bất hạnh trong một câu chuyện cổ tích kinh hoàng.

Nhưng mà, anh tự nhủ, đó chính là lợi thế của hình ảnh mà Letty đang sở hữu. Ở đất nước này, cô có gương mặt và nước da dễ gợi lòng thương cảm. Giữa bọn họ, dù có chuyện gì xảy ra, chỉ mình Letty có thể bước ra khỏi đây trong sạch.

Anh ta gật đầu về phía lá cờ của cô. 'Đến đây để đầu hàng à?'

“Đến để thương lượng,” cô ta nói. “Chỉ vậy thôi.”

"Vậy thì vào đi," Victoire nói.

Letty, được mời, bước qua ngưỡng cửa. Cánh cửa đóng sầm lại sau lưng cô.

Trong giây lát, cả ba chỉ nhìn nhau. Họ đứng lúng túng giữa sảnh, một hình tam giác lệch lạc. Cảm giác sai trái đến tận cùng. Vốn dĩ phải có bốn người; họ luôn đi theo từng cặp, một tập hợp cân bằng, và tất cả những gì Robin có thể nghĩ đến là sự vắng mặt đến nhói lòng của Ramy giữa họ. Họ không còn là chính mình nếu thiếu anh; thiếu tiếng cười của anh, sự dí dỏm nhanh

nhạy, dễ dàng, những câu chuyện bất ngờ của anh khiến họ có cảm giác như đang quay đĩa. Họ không còn là một nhóm nữa. Giờ đây, họ chỉ là một đám tang.

Victoire hỏi, giọng đều đều, lạnh tanh, "Tại sao?"

Letty hơi chùn bước, nhưng gần như không đáng kể. "Tôi buộc phải làm vậy," cô nói, cằm ngẩng cao, giọng kiên định. "Anh biết đó là tất cả những gì tôi có thể làm."

“Không,” Victoire nói. “Tôi không.”

Tôi không thể phản bội tổ quốc.

Đáng lẽ mày không cần phải phản bội tụi tao.

“Em đã bị kẹt trong một tổ chức tội phạm khát máu,” Letty nói. Những lời nói tuôn ra trôi chảy đến mức Robin chỉ có thể cho rằng cô ta đã tập dượt trước. “Và trừ khi em giả vờ đồng ý với anh, trừ khi em diễn theo, em không thấy mình có thể sống sót ra khỏi đó.”

Cô ấy thực sự tin như vậy sao? Robin tự hỏi. Đó có phải là cách cô ấy luôn nhìn nhận họ? Anh không thể tin được những lời này lại phát ra từ miệng cô ấy, rằng đây chính là cô gái đã từng thức khuya với họ, cười đến đau cả bụng. Chỉ có tiếng Trung mới có...Nhân vật đã gói gọn được sức sát thương của những lời nói tưởng chừng đơn giản:Gai,*cì*chữ gai, chữ đâm, chữ chỉ trích. Một chữ thật uyển chuyển. Trong một câu, Lời chua cay, Hình xăm chữ.nó mang nghĩa là “lời lẽ cay độc, chua ngoa”.Gaicó thể có nghĩa là 'kích động'.Gaicũng có thể có nghĩa là 'giết người'.

"Vậy chuyện này là sao?" Robin hỏi. "Quốc hội chịu hết nổi rồi à?"

“Ôi, Robin.” Letty nhìn anh với vẻ cầu khẩn. “Anh phải đầu hàng thôi.”

"E là, đàm phán không phải như vậy đâu, Letty ạ."

Tôi nói thật đấy. Tôi đang cố cảnh báo anh. Họ thậm chí còn không muốn tôi ở đây, nhưng tôi đã năn nỉ họ, tôi đã viết thư cho bố tôi, tôi đã dùng mọi mối quan hệ tôi có.

“Cảnh báo chúng ta về cái gì?” Victoire hỏi.

Chúng sẽ tấn công tòa tháp vào lúc bình minh. Và chúng sẽ dùng súng để tiêu diệt lực lượng kháng cự của các người. Không còn thời gian chờ đợi nữa. Mọi chuyện đã kết thúc.

Robin khoanh tay. "Chúc may mắn lấy lại thành phố củaพวก hắn đi."

“Nhưng vấn đề là ở đó,” Letty nói. “Bọn họ kiềm chế vì nghĩ có thể bỏ đói mấy người đến mức phải đầu hàng. Chúng không muốn giết mấy người. Tin hay không thì tùy, nhưng chúng không thích bắn các học giả. Mấy người đều rất hữu dụng, anh nói đúng đấy. Nhưng đất nước này không thể chịu đựng thêm được nữa. Mấy người đã đẩy chúng đến đường cùng.”

"Vậy thì điều hợp lý nhất bây giờ là đồng ý với yêu cầu của chúng tôi," Victoire nói.

"Anh/Chị biết là họ không thể làm thế mà."

"Chúng nó định phá hủy thành phố của chính mình sao?"

“Ông nghĩ Quốc hội quan tâm đến những gì ông phá hủy sao?” Letty gặng hỏi, mất kiên nhẫn. “Bọn họ có thèm quan tâm đến những gì ông đang làm với Oxford, hay với London đâu. Bọn họ đã cười khi đèn tắt, và bọn họ cũng cười khi cây cầu sập. Bọn họ…”*want*Thành phố bị phá hủy. Họ nghĩ nó đã phát triển quá lớn và khó kiểm soát rồi, những khu ổ chuột tối tăm, bẩn thỉu của nó đang lấn át tất cả các quận văn minh. Và các cậu biết đấy, người nghèo sẽ là người chịu khổ nhất. Người giàu có thể chạy

ra vùng nông thôn và ở lại các điền trang mùa hè của họ, nơi họ sẽ có không khí trong lành và nước sạch cho đến mùa xuân. Người nghèo sẽ chết hàng loạt. Nghe này, hai đứa. Những kẻ điều hành đất nước này quan tâm đến niềm kiêu hãnh của Đế quốc Anh hơn là những bất tiện nhỏ nhặt, và họ sẽ để thành phố sụp đổ trước khi cúi đầu trước những yêu cầu của cái mà họ coi là một nhóm nhỏ - một nhóm những kẻ lắm lời.

"Nói thẳng ra đi," Victoire nói.

Của người nước ngoài.

"Tự hào ghê nhỉ," Robin nói.

“Tôi biết,” Letty nói. “Tôi lớn lên cùng thứ này mà. Tôi biết nó ăn sâu đến mức nào. Tin tôi đi. Anh không biết được họ sẵn sàng đổ bao nhiêu máu vì lòng tự trọng của mình đâu. Bọn này từng để cầu Westminster sập cơ mà. Anh còn có thể dọa họ bằng cái gì nữa?”

Im lặng. Cầu Westminster chính là quân bài tẩy. Họ có thể phản bác lại bằng gì chứ?

"Vậy ý anh là muốn thuyết phục chúng tôi đi chịu chết à," Victoire cuối cùng lên tiếng.

“Tôi không,” Letty nói. “Tôi định cứu anh.”

Cô chớp mắt, và bất chợt nước mắt lăn thành hai dòng mỏng, trong vắt trên gương mặt. Đây không phải diễn kịch; họ biết Letty không biết diễn. Cô đau lòng, thật sự đau lòng. Cô yêu họ; Robin không nghi ngờ điều đó; ít nhất cô ấy thực sự tin rằng cô yêu họ. Cô muốn họ an toàn và mạnh khỏe, chỉ là phiên bản thành công của cô về việc đó là đặt họ sau song sắt.

“Em không muốn chuyện này xảy ra,” cô ấy nói. “Em chỉ muốn mọi thứ trở lại như cũ. Chúng ta đã từng có một tương lai, tất cả

chúng ta.”

Robin cố nín cười. "Cậu tưởng tượng ra cái gì vậy?" anh khẽ hỏi. "Rằng chúng ta sẽ cứ ngồi ăn bánh quy chanh cùng nhau trong khi đất nước này tuyên chiến với quê hương của chúng ta à?"

"Chúng không phải là quê hương của các cậu," Letty nói. "Chúng cũng không cần phải là."

Họ*do*“Buộc phải như vậy,” Victoire nói. “Vì chúng ta sẽ không bao giờ là người Anh. Sao cậu vẫn chưa hiểu? Danh tính đó đã bị đóng lại với chúng ta rồi. Chúng ta là người nước ngoài vì quốc gia này đã đóng dấu lên chúng ta như vậy, và chừng nào chúng ta còn bị trừng phạt hàng ngày vì mối liên hệ với quê hương, thì chúng ta cũng nên bảo vệ nó. Không, Letty, chúng ta không thể duy trì ảo tưởng này. Người duy nhất có thể làm điều đó là cậu.”

Mặt Letty cứng lại.

Thỏa thuận ngừng bắn đã chấm dứt; những bức tường đã dựng lên; họ đã nhắc nhở cô tại sao cô bỏ rơi họ, đó là vì cô không bao giờ thực sự, đúng nghĩa, là một phần của họ. Và Letty, nếu cô không thể thuộc về một nơi nào đó, thà phá hủy tất cả.

Các người biết đấy, nếu tôi bước ra khỏi đây mà không có được cái gật đầu, thì họ sẽ xông vào và giết hết tất cả các người.

‘Nhưng họ không thể làm thế.’ Victoire liếc nhìn Robin như để tìm kiếm sự đồng tình. ‘Ý nghĩa của cuộc đình công này là họ cần chúng ta; họ không thể mạo hiểm với chúng ta.’

“Làm ơn hiểu cho.” Giọng Letty cứng lại. “Anh đã cho chúng mộtĐau đầu nhỉ. Các ngươi làm tốt lắm. Nhưng cuối cùng thì, các ngươi cũng chỉ là thứ có thể thay thế được. Tất cả các ngươi. Mất các ngươi cũng chỉ là một trở ngại nhỏ, nhưng dự án đế quốc này cần nhiều hơn vài học giả. Và nó sẽ kéo dài hơn vài thập kỷ. Quốc gia này đang cố gắng đạt được điều mà chưa một

nền văn minh nào làm được trong suốt lịch sử, và nếu việc loại bỏ các ngươi đồng nghĩa với một sự chậm trễ tạm thời, thì họ sẽ làm điều đó. Họ sẽ đào tạo những phiên dịch viên mới.

“Họ sẽ không đâu,” Robin nói. “Sẽ chẳng ai làm việc cho họ sau chuyện này nữa.”

Letty khịt mũi. "Dĩ nhiên là họ sẽ làm thế rồi. Chúng ta thừa biết họ đang giở trò gì mà, phải không? Họ đã nói với chúng ta ngay từ ngày đầu tiên. Thế mà chúng ta vẫn thích nơi này. Họ sẽ..."*always*sẽ tìm được những người phiên dịch mới. Chúng sẽ học lại những gì đã mất. Và chúng sẽ tiếp tục, bởi vì sẽ chẳng có ai ở đó để ngăn cản chúng.’ Bà nắm chặt tay Robin. Cử chỉ ấy quá đột ngột, quá sốc đến nỗi cậu không kịp rút tay lại. Da bà lạnh ngắt, bàn tay siết chặt đến mức cậu sợ bà bóp nát ngón tay mình. ‘Con không thể thay đổi mọi thứ nếu con chết, Chim Non ạ.’

Hắn hất mạnh cô ra. "Đừng gọi tôi là Birdie."

Cô giả vờ như không nghe thấy. "Đừng quên mục tiêu cuối cùng của con. Nếu con muốn sửa chữa Đế chế, cách tốt nhất là làm việc từ bên trong nó."

“Như cậu làm à?” Robin hỏi. “Như Sterling Jones đã làm sao?”

Ít ra thì chúng ta không bị cảnh sát truy nã. Ít ra chúng ta còn có tự do hành động.

‘Letty, bà có nghĩ tình hình ở đây sẽ khá hơn không? Ý tôi là, bà có bao giờ nghĩ đến chuyện sẽ ra sao nếu bà thắng chưa?’

Cô nhún vai. "Chúng ta sẽ thắng một cuộc chiến nhanh chóng, không đổ máu. Và sau đó, tất cả bạc trên thế giới sẽ thuộc về chúng ta."

"Rồi sao nữa? Máy móc của các anh nhanh hơn. Lương giảm. Bất bình đẳng tăng. Nghèo đói tăng. Mọi thứ Anthony dự đoán sẽ xảy ra. Cuộc ăn chơi sẽ không thể duy trì. Lúc đó thì sao?"

“Chắc đến lúc đó rồi tính.” Môi Letty nhếch lên. “Cứ cho là vậy đi.”

“Cậu sẽ không làm được đâu,” Robin nói. “Chẳng có cách giải quyết nào cả. Cậu đang ở trên một con tàu mà cậu không thể nhảy xuống, cậu không thấy sao? Chuyện này sẽ chẳng có kết cục tốt đẹp cho bất kỳ ai đâu. Giải phóng cho chúng tôi cũng đồng nghĩa với giải phóng cho cậu.”

“Hoặc,” Letty nói, “nó sẽ cứ chạy nhanh hơn và nhanh hơn nữa, và chúng ta sẽ để mặc nó, vì nếu con tàu đang vượt qua tất cả mọi người, thì chúng ta cũng nên ở trên đó.”

Không thể cãi lại điều đó. Nhưng, nếu họ thành thật với chính mình, thì chưa bao giờ có chuyện cãi lại được Letty.

"Chẳng đáng đâu," Letty nói tiếp. "Bao nhiêu xác người nằm ngoài đường phố - rồi để làm gì chứ? Để*make a point*Chính nghĩa tư tưởng thì tốt thôi, nhưng lạy Chúa, Robin, cậu đang để người ta chết vì một lý tưởng mà cậu chắc hẳn phải biết là sẽ thất bại. Còn cậu*will*Thất bại,’ cô ta nói tiếp, không chút khoan nhượng. ‘Ngươi không có đủ người. Ngươi không có sự ủng hộ của công chúng, ngươi không có phiếu bầu, và ngươi không có đà. Ngươi không hiểu Đế Quốc quyết tâm đến mức nào để giành lại bạc của mình. Ngươi nghĩ ngươi sẵn sàng hy sinh sao? Bọn chúng sẽ làm*anything*cần để lôi các người ra. Các người nên biết rằng chúng không định giết hết tất cả các người đâu. Chúng chỉ cần giết một số thôi. Số còn lại chúng sẽ bắt làm tù binh, và sau đó chúng sẽ phá vỡ cuộc đình công của các người.

“Nói tôi nghe xem – nếu vừa chứng kiến bạn bè mình chết, nếu bị dí súng vào đầu, anh có quay lại làm việc không? Họ đã bắt Chakravarti rồi, anh biết đấy. Họ sẽ tra tấn hắn ta cho đến khi

hắn chịu hợp tác. Tiếp đi, nói tôi nghe – khi bị dồn vào đường cùng, liệu có bao nhiêu người trong tòa nhà này dám giữ vững nguyên tắc của mình?"

"Không phải ai cũng nhu nhược như cậu đâu," Victoire nói. "Họ ở đây, phải không? Họ ở cùng chúng ta."

Tôi hỏi lại lần nữa. Anh nghĩ điều đó sẽ kéo dài bao lâu? Bọn chúng vẫn chưa mất một ai trong số chúng. Anh nghĩ chúng sẽ cảm thấy thế nào khi cái xác đầu tiên của cuộc cách mạng của anh nằm gục xuống sàn? Khi có một khẩu súng chĩa vào… *their*Chùa hả?

Victoire chỉ tay vào cửa. "Cút đi."

"Tôi đang cố gắng cứu cô," Letty khăng khăng. "Tôi là cơ hội cuối cùng để cô được cứu rỗi. Đầu hàng ngay, ra ngoài trong hòa bình, và hợp tác với công cuộc phục hồi. Cô sẽ không phải ở tù lâu đâu. Họ cần cô, chính cô đã nói mà – cô sẽ sớm quay lại Babel thôi, làm công việc mà cô hằng mơ ước. Đây là đề nghị tốt nhất cô có thể nhận được. Đó là tất cả những gì tôi đến đây để nói. Chấp nhận nó, hoặc cô sẽ chết."

Then we'll die, Robin suýt nữa đã nói ra, nhưng lại tự dừng mình. Anh không thể kết án tử hình cho tất cả mọi người ở trên lầu. Cô biết điều đó.

Cô ta đã nắm chắc phần thắng. Chúng không thể nào cãi lẫy thoát khỏi chuyện này được. Cô ta dồn chúng vào đường cùng; chẳng có gì mà cô ta không lường trước, chẳng còn trò ma mãnh nào mà chúng có thể giở ra được nữa.

Cầu Westminster đã sụp đổ. Bọn chúng còn có thể đe dọa gì hơn nữa?

Anh ghét những lời tiếp theo thốt ra từ miệng mình. Cảm giác như đầu hàng, như cúi đầu. "Chúng ta không thể quyết định

thay tất cả bọn họ.”

“Vậy thì triệu tập họp đi.” Môi Letty cong lên. “Cho mọi người bỏ phiếu, đạt được sự đồng thuận với bất kỳ hình thức dân chủ tí hon nào mà các người đang áp dụng ở đây.”Cô đặt lá cờ trắng xuống bàn. "Nhưng hãy cho chúng tôi câu trả lời trước bình minh."

Cô ấy quay người bước đi.

Robin lao tới. "Letty, đợi đã."

Cô dừng lại, một tay đặt lên cánh cửa.

"Sao lại là Ramy?", anh ta hỏi.

Cô đông cứng. Trông cô như một bức tượng; dưới ánh trăng, đôi má cô ánh lên một màu trắng nhợt nhạt như cẩm thạch. Đây mới chính là cách anh nên nhìn nhận cô, anh nghĩ. Lạnh lùng. Vô hồn. Không còn chút gì thuộc về một con người bằng xương bằng thịt, biết yêu thương và đau khổ.

“Cô đã nhắm,” anh ta nói. “Cô đã bóp cò. Và cô bắn rất giỏi, Letty. Tại sao lại là anh ta? Ramy đã làm gì cô?”

Hắn biết chuyện gì. Cả hai đều biết; chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng Robin muốn gọi tên nó, muốn chắc chắn Letty biết điều hắn biết, muốn lôi ký ức ấy ra sống động giữa hai người, sắc nhọn và tàn nhẫn, bởi vì hắn thấy nỗi đau trong mắt Letty và bởi vì cô ta đáng phải chịu như vậy.

Letty nhìn chằm chằm vào anh ta hồi lâu. Cô không nhúc nhích, ngoại trừ nhịp thở gấp gáp phập phồng nơi lồng ngực. Khi cô lên tiếng, giọng nói cao và lạnh lẽo.

“Tôi không,” cô ta nói; và Robin có thể đoán được từ cái cách cô ta nheo mắt và kéo dài giọng, nhấn nhá từng từ như những

nhát dao găm, điều gì sắp xảy ra tiếp theo. Chính lời nói của anh, bị ném ngược vào mặt anh. “Tôi chẳng nghĩ ngợi gì cả. Tôi hoảng loạn. Và rồi tôi đã giết hắn.”

"Giết người không đơn giản như vậy đâu," anh ta nói.

“Hóa ra là vậy đấy, Birdie.” Cô ta liếc anh bằng nửa con mắt. “Chẳng phải đó là cách mà chúng ta đến được đây sao?”

“Chúng tôi yêu em,” Victoire thì thầm. “Letty, chúng tôi sẵn sàng chết vì em.”

Letty không trả lời. Cô xoay gót, đẩy tung cánh cửa rồi biến mất vào màn đêm.

Cánh cửa đóng sầm lại, rồi im lặng bao trùm. Họ chưa sẵn sàng để nói tin này cho người ở trên lầu. Họ không biết phải nói gì.

“Cậu nghĩ là cô ấy thật lòng không?” Cuối cùng Robin cũng hỏi.

“Chính xác,” Victoire nói. “Letty không hề nao núng.”

Vậy chúng ta để cô ta thắng sao?

“Làm thế nào,” Victoire chậm rãi hỏi, “để chúng ta khiến cô ta thua?”

Một bầu không khí nặng nề bao trùm lấy họ. Robin biết câu trả lời, chỉ là không biết cách nói ra. Victoire hiểu rõ lòng anh, trừ điều này. Đó là điều duy nhất anh giấu cô - một phần vì không muốn cô phải gánh chịu gánh nặng này, một phần vì anh sợ phản ứng của cô.

Mắt cô nheo lại. "Robin."

“Chúng ta phá hủy tòa tháp,” hắn nói. “Và chúng ta tự hủy diệt chính mình.”

Cô không hề nao núng; cô chỉ như xì hơi, tựa như đã chờ đợi sự xác nhận này từ lâu. Anh đã không giả vờ tốt như anh nghĩ; cô đã lường trước điều này từ anh. "Anh không thể."

“Có cách mà.” Robin cố tình hiểu sai lời cô, đúng hơn là hi vọng rằng cô ấy phản đối chỉ vì vấn đề hậu cần. “Em biết là có mà. Họ đã chỉ cho chúng ta ngay từ đầu rồi.”

Victoire bỗng chốc lặng người. Robin biết cô đang tưởng tượng điều gì. Thanh kim loại rung lên the thé trong tay Giáo sư Playfair, gào thét như thể đang đau đớn, vỡ tan thành hàng ngàn mảnh sắc nhọn, lấp lánh. Nhân lên hết lần này đến lần khác. Thay vì một thanh kim loại, hãy tưởng tượng một tòa tháp. Tưởng tượng cả một đất nước.

“Nó là một phản ứng dây chuyền,” anh ta thì thầm. “Nó sẽ tự hoàn tất việc này. Nhớ chứ? Playfair đã chỉ cho chúng ta cách làm. Chỉ cần nó chạm vào một thanh khác, hiệu ứng sẽ truyền qua kim loại. Nó không dừng lại, nó cứ tiếp tục, cho đến khi tất cả số bạc đều trở nên vô dụng.”

Bao nhiêu bạc đã dát lên tường thành Babel? Khi tất cả chuyện này chấm dứt, những thỏi bạc ấy sẽ trở nên vô giá trị. Sự hợp tác của các dịch giả cũng chẳng còn nghĩa lý gì. Cơ sở vật chất của họ sẽ biến mất. Thư viện của họ, biến mất. Những Grammatica, biến mất. Cây gậy cộng hưởng, bạc của họ, vô dụng, biến mất.

“Cậu đã lên kế hoạch cho việc này bao lâu rồi?” Victoire gặng hỏi.

"Ngay từ đầu," anh ta nói.

Tao ghét mày.

Chỉ còn cách này để chúng ta thắng.

“Đó là kế hoạch tự sát của anh đấy,” cô ấy nói giận dữ. “Và đừng có nói với tôi rằng nó không phải. Anh muốn thế này; anh luôn muốn thế này.”

Nhưng đúng là vậy, Robin nghĩ. Làm sao cậu có thể giải thích được sức nặng đang đè nén lồng ngực, cảm giác nghẹt thở triền miên này? “Tớ nghĩ – kể từ sau chuyện của Ramy và Griffin – không, kể từ sau Canton, tớ . . .” Cậu nuốt nước bọt. “Tớ cảm thấy mình không có quyền.”

Đừng nói như vậy.

"Đúng vậy. Họ là những người đàn ông tốt hơn, và họ đã chết—"

Robin, không phải vậy đâu—

“Và tôi đã làm gì chứ? Tôi đã sống một cuộc đời đáng lẽ ra tôi không nên sống, tôi có thứ mà hàng triệu người không có – tất cả những đau khổ đó, Victoire à, và suốt khoảng thời gian đó tôi lại uống sâm panh—”

“Đừng có mà.” Cô giơ tay lên như muốn tát hắn. “Đừng có nói với tôi rằng anh chỉ là một gã học giả yếu đuối không thể chịu đựng được sức nặng của thế giới này sau khi đã chứng kiến nó – đó là một sự…”*tripe*Robin à. Cậu không phải loại công tử bột yếu đuối ngất xỉu ngay khi nghe thấy ai đó nhắc đến khổ đau. Cậu biết bọn họ là ai không? Họ là lũ hèn nhát, lũ mơ mộng hão huyền, lũ ngu ngốc chưa từng làm gì để thay đổi thế giới mà chúng cho là quá đáng buồn, chỉ trốn tránh vì cảm thấy tội lỗi—

“Có tội,” anh ta lặp lại. “Có tội, chính xác là như vậy. Ramy đã từng nói với tôi rằng tôi chẳng quan tâm đến việc làm điều đúng đắn, rằng tôi chỉ muốn chọn con đường dễ dàng nhất.”

“Ông ấy nói đúng,” cô ấy nói dữ dội. “Đó là cách của kẻ hèn nhát, anh biết mà—”

“Không, nghe này.” Anh nắm chặt tay cô. Chúng đang run rẩy. Cô cố gắng rút tay lại, nhưng anh siết chặt các ngón tay cô giữa tay mình. Anh cần cô ở bên cạnh. Cần phải làm cho cô hiểu, trước khi cô căm ghét anh mãi mãi vì đã bỏ mặc cô trong bóng tối. “Anh ấy nói đúng. Em nói đúng. Anh biết mà, anh đang cố nói ra – anh ấy nói đúng. Anh rất xin lỗi. Nhưng anh không biết phải làm sao nữa.”

‘Từng ngày một, Birdie à.’ Mắt bà ngấn lệ. ‘Con cứ sống tiếp, từng ngày một. Cứ như những gì chúng ta vẫn làm. Không khó đâu.’

“Không, là… Victoire, anh không thể.” Anh không muốn khóc; nếu anh bắt đầu khóc, thì tất cả những lời anh muốn nói sẽ biến mất và anh sẽ không bao giờ nói được những điều anh cần nói. Anh cố gắng nói tiếp trước khi nước mắt tuôn rơi. “Anh muốn tin vào tương lai mà chúng ta đang chiến đấu vì nó, nhưng nó không có thật, nó chỉ…*not there*và tôi không thể sống từng ngày một khi mà tôi quá kinh hãi khi nghĩ về ngày mai. Tôi đang chìm nghỉm. Và tôi đã chìm nghỉm quá lâu rồi, tôi muốn một lối thoát, nhưng không thể tìm thấy lối thoát nào mà không cảm thấy như một – một sự trốn tránh trách nhiệm lớn lao. Nhưng điều này – đây chính là lối thoát của tôi.

Cô lắc đầu. Giờ thì cô khóc nức nở; cả hai người họ đều vậy. "Đừng nói với em như thế."

Phải có người nói ra. Phải có người ở lại.

"Thế anh không định bảo em ở lại với anh à?"

Ôi, Victoire.

Còn gì để nói nữa? Anh không thể yêu cầu điều này ở cô, và cô biết anh sẽ chẳng bao giờ dám. Nhưng câu hỏi ấy vẫn lửng lơ giữa hai người, không lời đáp.

Ánh mắt Victoire dán chặt vào cửa sổ, nhìn ra bãi cỏ đen kịt bên ngoài, nhìn những chướng ngại vật được soi sáng bằng đuốc. Cô khóc, đều đặn và im lặng; nước mắt cứ tuôn rơi trên má và cô cứ lau đi, một cách vô ích. Anh không thể nào biết được cô đang nghĩ gì. Đây là lần đầu tiên, kể từ khi tất cả những chuyện này bắt đầu, anh không thể đọc được trái tim cô.

Cuối cùng, cô ấy hít một hơi thật sâu và ngẩng đầu lên. Không quay lại, cô hỏi, "Anh đã bao giờ đọc bài thơ mà những người theo chủ nghĩa bãi nô rất thích chưa? Bài của Bicknell và Day ấy. Nó có tên là*The Dying Negro*.

Thực ra, Robin đã đọc được câu chuyện đó trong một cuốn sách nhỏ của những người theo chủ nghĩa bãi nô mà anh nhặt được ở Luân Đôn. Anh thấy nó gây ấn tượng mạnh; anh vẫn còn nhớ rõ từng chi tiết. Nó kể về câu chuyện của một người đàn ông châu Phi, khi đối mặt với viễn cảnh bị bắt và trở lại kiếp nô lệ, đã chọn tự sát.[*] Lúc đó, Robin đã thấy nó lãng mạn và cảm động, nhưng giờ đây, nhìn nét mặt của Victoire, anh nhận ra hoàn toàn ngược lại.

“Tôi đã làm,” anh ta nói. “Nó thật… bi thảm.”

“Chúng ta phải chết để có được lòng thương hại của chúng,” Victoire nói. “Chúng ta phải chết để chúng thấy chúng ta cao quý. Cái chết của chúng ta do đó là những hành động phản kháng vĩ đại, một khúc bi ai khốn khổ làm nổi bật sự vô nhân đạo của chúng. Cái chết của chúng ta trở thành tiếng kêu xung trận của chúng. Nhưng em không muốn chết, Robin ạ.” Cô nghẹn ngào. “Em không muốn chết. Em không muốn trở thành Imoinda, Oroonoko của chúng.”[*] Tôi không muốn trở thành bức tượng sơn mài bi thương, xinh đẹp của họ. Tôi muốn sống.

Cô ngã vào vai anh. Anh vòng tay ôm chặt lấy cô, đung đưa người qua lại.

“Tôi muốn sống,” cô lặp lại, “và sống, và phát triển, và sống sót qua chúng. Tôi muốn có một tương lai. Tôi không nghĩ cái chết là một sự giải thoát. Tôi nghĩ nó – nó chỉ là sự kết thúc. Nó chấm dứt tất cả – một tương lai mà tôi có thể hạnh phúc, và tự do. Và nó không phải là về việc dũng cảm. Mà là về việc muốn có một cơ hội khác. Ngay cả khi tất cả những gì tôi làm là chạy trốn, ngay cả khi tôi không bao giờ nhấc một ngón tay để giúp đỡ bất kỳ ai khác miễn là tôi còn sống – ít nhất tôi cũng được hạnh phúc. Ít nhất thế giới cũng có thể ổn, dù chỉ một ngày, chỉ dành cho tôi. Điều đó có ích kỷ không?”

Vai cô ấy sụp xuống. Robin ôm chặt cô vào lòng. Cái gìNàng là mỏ neo của anh, anh nghĩ, một mỏ neo mà anh không xứng đáng. Nàng là núi đá, là ánh sáng, là sự hiện diện duy nhất đã giữ anh tiếp tục. Và anh ước, anh ước rằng, bấy nhiêu đó là đủ để anh níu giữ.

"Ích kỷ lên," anh ta thì thầm. "Mạnh mẽ lên."

Chapter Thirty-Three

The hour of departure has arrived, and we go our ways – I to die, and you to live. Which is better God only knows.

PMÙA HÈ,*Apology*, bản dịch của Benjamin Jowett

‘T"Cả tòa tháp sao?" Giáo sư Craft hỏi.

Cô lên tiếng trước. Những người còn lại nhìn chằm chằm vào Robin và Victoire với nhiều sắc thái khác nhau của sự hoài nghi, và thậm chí Giáo sư Craft dường như vẫn đang cố gắng hiểu được ý tưởng đó khi bà nói to hàm ý của nó. "Như vậy là hàng chục năm –*centuries*– nghiên cứu, đó là tất cả, bị chôn vùi – mất – ôi, nhưng ai mà biết bao nhiêu . . .’ Bà bỏ lửng câu nói.

“Và hậu quả đối với nước Anh sẽ còn tồi tệ hơn nhiều,” Robin nói. “Đất nước này vận hành bằng bạc. Bạc chảy trong huyết mạch của nó; nước Anh không thể sống thiếu nó.”

Họ sẽ xây dựng lại tất cả—

“Cuối cùng thì đúng vậy,” Robin nói. “Nhưng phải sau khi phần còn lại của thế giới có thời gian chuẩn bị phòng thủ.”

"Còn Trung Quốc thì sao?"

Họ sẽ không gây chiến đâu. Họ không thể. Bạc là thứ vận hành chiến hạm, cậu hiểu chứ. Bạc nuôi sống Hải quân. Trong nhiều tháng sau sự kiện này, có lẽ nhiều năm, họ sẽ không còn là quốc gia hùng mạnh nhất thế giới nữa. Và chuyện gì xảy ra tiếp theo thì chỉ có trời mới biết.

Tương lai sẽ luôn biến đổi. Giống hệt như Griffin đã dự đoán. Một lựa chọn cá nhân, được đưa ra đúng thời điểm. Đây là cách

họ thách thức quán tính. Đây là cách họ thay đổi dòng chảy lịch sử.

Và cuối cùng, câu trả lời lại quá rõ ràng – đơn giản là từ chối tham gia. Rút bỏ sức lao động của họ – và thành quả lao động của họ – vĩnh viễn khỏi sự dâng hiến.

“Không thể nào như vậy được,” Juliana nói. Giọng cô cao dần lên ở cuối câu; đó là một câu hỏi, chứ không phải một lời khẳng định. “Phải có chứ – chắc chắn phải có cách nào khác chứ—”

“Chúng sẽ tấn công chúng ta vào lúc bình minh,” Robin nói. “Chúng sẽ bắn vài người để làm gương, rồi dí súng vào đầu những người còn lại cho đến khi chúng ta bắt đầu sửa chữa những hư hại. Chúng sẽ xiềng xích chúng ta, và bắt chúng ta làm việc.”

"Nhưng mà cái chướng ngại vật—"

“Chướng ngại vật rồi sẽ sụp đổ thôi,” Victoire thì thầm. “Chúng chỉ là những bức tường, Juliana ạ. Tường thì có thể bị phá hủy.”

Im lặng trước, rồi cam chịu, rồi chấp nhận. Họ đã sống trong điều không thể rồi; sự sụp đổ của thứ vĩnh cửu nhất mà họ từng biết còn nghĩa lý gì nữa?

"Vậy tôi đoán chúng ta sẽ phải ra khỏi đó thật nhanh," Ibrahim nói. "Ngay sau khi phản ứng dây chuyền bắt đầu."

*But you can’t get out fast*Suýt nữa thì Robin đã nói ra, trước khi kịp dừng lại. Lời đáp lại quá rõ ràng. Họ không thể ra nhanh được, vì họ hoàn toàn không thể ra được. Một câu thần chú duy nhất sẽ không đủ. Nếu họ không triệt để, tòa tháp có thể sụp đổ một phần, nhưng phần còn lại vẫn có thể tận dụng, dễ dàng tái sử dụng. Thứ duy nhất họ gây ra chỉ là tốn kém và thất vọng. Họ sẽ chịu đựng mà chẳng được gì.

Không; để kế hoạch này thành công – giáng một đòn vào đế chế khiến nó không thể gượng dậy – họ phải ở lại, lặp đi lặp lại những lời ấy, và kích hoạt càng nhiều điểm hủy diệt càng tốt.

Nhưng làm sao ông ta có thể nói với cả căn phòng đầy người rằng họ cần phải chết?

“Tôi . . .” anh bắt đầu, nhưng nghẹn lời.

Anh ta không cần phải giải thích. Tất cả bọn họ đều đã hiểu ra; từng người một, họ đều đi đến cùng một kết luận, và sự thay đổi trong ánh mắt họ thật đau lòng.

“Tôi sẽ làm chuyện này,” anh ta nói. “Tôi không yêu cầu tất cả các người đi cùng tôi – Abel có thể đưa các người ra ngoài nếu các người không muốn – nhưng ý tôi là . . . tôi chỉ – tôi không thể làm điều này một mình.”

Victoire nhìn đi chỗ khác, khoanh tay lại.

“Chúng ta sẽ không cần tất cả mọi người,” anh ta nói tiếp, liều mình lấp đầy khoảng lặng bằng lời nói bởi vì, có lẽ anh ta càng nói nhiều thì nó càng nghe bớt kinh khủng. “Tôi cho rằng sự đa dạng ngôn ngữ sẽ tốt, để khuếch đại hiệu ứng – và tất nhiên, chúng ta sẽ muốn có người đứng ở tất cả các góc của tòa tháp, bởi vì . . .” Cổ họng anh ta giật giật. “Nhưng chúng ta không cần tất cả mọi người.”

“Tôi sẽ ở lại,” Giáo sư Craft nói.

‘Tôi... cảm ơn Giáo sư.’

Cô mỉm cười gượng gạo. "Dù sao thì chắc tôi cũng chẳng được vào biên chế ở bên đó."

Hắn thấy tất cả bọn họ đều đang tính toán như nhau: cái chết cuối cùng so với sự bức hại, tù tội, và có thể là hành quyết mà họ

sẽ phải đối mặt ở bên ngoài. Sống sót khỏi Babel không nhất thiết có nghĩa là sống sót. Và hắn thấy họ đang tự hỏi liệu họ có thể chấp nhận cái chết của chính mình ngay bây giờ không; liệu cuối cùng, điều đó có dễ dàng hơn không.

“Anh không sợ à?”, Meghana vừa nói vừa hỏi.

“Không,” Robin nói. Nhưng đó là tất cả những gì cậu có thể nói. Chính cậu cũng chẳng hiểu nổi lòng mình. Cậu cảm thấy quyết tâm, nhưng có lẽ đó chỉ là adrenaline; có lẽ nỗi sợ hãi và sự do dự của cậu chỉ tạm thời bị đẩy ra sau một bức tường mỏng manh, thứ sẽ vỡ tan khi bị xem xét kỹ lưỡng hơn. “Không, tôi không, tôi… chỉ – tôi đã sẵn sàng. Nhưng chúng ta sẽ không cần tất cả mọi người.”

“Có thể là mấy em sinh viên năm nhất…”, Giáo sư Craft hắng giọng. “Ý tôi là những em chưa biết gì về chế tác bạc. Không có lý do gì để…”

“Em muốn ở lại.” Ibrahim liếc nhìn Juliana với vẻ lo lắng. “Em… em không muốn chạy trốn.”

Juliana, mặt trắng bệch như tờ giấy, không nói gì.

“Có cách nào thoát ra không?” Yusuf hỏi Robin.

Có chứ. Người của Abel có thể đưa cậu ra khỏi thành phố, họ đã hứa rồi; họ đang đợi chúng ta. Nhưng cậu phải đi càng sớm càng tốt. Và rồi cậu sẽ phải chạy. Tôi không nghĩ cậu sẽ bao giờ ngừng chạy được nữa.

“Không có điều khoản ân xá nào sao?” Meghana hỏi.

“Có đấy, nếu cậu làm việc cho họ,” Robin nói. “Nếu cậu giúp họ khôi phục mọi thứ về như cũ. Letty đã đề nghị rồi, cô ấy muốn cậu biết. Nhưng cậu sẽ luôn bị họ kiểm soát. Họ sẽ không bao giờ

buông tha cậu. Cô ấy có ám chỉ như vậy – họ sẽ sở hữu cậu, và họ sẽ khiến cậu phải cảm thấy biết ơn vì điều đó.”

Juliana đưa tay ra nắm lấy tay Ibrahim. Anh siết chặt những ngón tay cô. Các khớp xương của cả hai đều trắng bệch, cảnh tượng thân mật đến mức Robin phải chớp mắt nhìn đi chỗ khác.

"Nhưng chúng ta vẫn có thể chạy," Yusuf nói.

“Cậu vẫn có thể chạy,” Robin nói. “Cậu sẽ chẳng an toàn ở đâu trong đất nước này cả—”

"Nhưng chúng ta có thể về nhà."

Giọng Victoire nhỏ đến nỗi họ gần như không thể nghe thấy. "Chúng ta có thể về nhà."

Yusuf gật đầu, suy nghĩ một lát rồi bước tới đứng cạnh cô.

Và đơn giản là vậy, quyết định ai chạy trốn và ai chết. Robin, Giáo sư Craft, Meghana, Ibrahim và Juliana ở một bên. Yusuf và Victoire ở bên kia. Không ai van xin hay nài nỉ, và cũng không ai thay đổi ý định.

“Vậy.” Ibrahim trông thật nhỏ bé. “Khi nào—”

"Rạng đông," Robin nói. "Chúng sẽ đến vào lúc rạng đông."

“Vậy thì tốt hơn hết là chúng ta nên xếp chồng mấy thanh đó lên,” Giáo sư Craft nói. “Và tốt hơn hết là phải xếp cho đúng, vì chúng ta chỉ có một cơ hội thôi.”

"Sao rồi?", Abel Goodfellow gặng hỏi. "Chúng đang tiến sát lại gần mình rồi."

"Cho người của ngươi về đi," Robin nói.

"Cái gì?"

Nhanh nhất có thể. Rời khỏi chướng ngại vật và chạy trốn đi. Không còn nhiều thời gian nữa. Lính Gác - chúng không còn quan tâm đến thương vong nữa.

Abel ghi nhận điều này, rồi gật đầu. "Ai sẽ đi cùng chúng ta?"

Chỉ hai thôi. Yusuf. Victoire. Đang chào tạm biệt, họ sẽ xong sớm thôi. Robin lôi ra một gói quà đã được bọc kín từ trong áo khoác. Còn cái này nữa.

Abel chắc hẳn đã đọc được điều gì đó trên nét mặt, nghe thấy điều gì đó trong giọng nói của anh, bởi vì mắt hắn nheo lại. "Còn những người khác đang làm gì trong đó?"

Tớ không nên nói với cậu chuyện này.

Abel nâng gói hàng lên. "Đây là thư tuyệt mệnh à?"

“Nó là một bản ghi chép,” Robin nói. “Về tất cả mọi chuyện đã xảy ra trong tòa tháp này. Những gì chúng ta đã đấu tranh cho. Có một bản sao thứ hai, nhưng phòng trường hợp nó bị thất lạc – tôi biết cậu sẽ tìm được cách nào đó để đưa cái này ra ngoài kia. Hãy in nó ra khắp nước Anh. Hãy cho họ biết chúng ta đã làm gì. Hãy khiến họ nhớ đến chúng ta.” Abel trông như muốn tranh luận, nhưng Robin lắc đầu. “Làm ơn, tôi đã quyết định rồi, và không còn nhiều thời gian nữa. Tôi không thể giải thích điều này, và tôi nghĩ tốt nhất là cậu đừng hỏi.”

Abel nhìn anh ta một lúc, rồi dường như nghĩ lại về điều mình sắp nói. "Anh sẽ kết thúc chuyện này chứ?"

‘Chúng tôi sẽ cố gắng.’ Ngực Robin thắt lại. Cậu kiệt sức đến mức chỉ muốn cuộn tròn trên mặt đất mà ngủ thiếp đi. Cậu muốn chuyện này mau chóng kết thúc. ‘Nhưng tôi không thể nói gì thêm với cô tối nay. Tôi chỉ cần cô đi khỏi đây.’

Abel đưa tay ra. "Vậy thì, chắc đây là lời chào tạm biệt."

“Tạm biệt.” Robin nắm lấy tay anh và bắt. “Ồ – còn mấy cái chăn, tôi quên mất—”

“Đừng bận tâm.” Abel đặt tay kia lên tay Robin. Cái nắm tay thật ấm áp, vững chắc. Robin thấy cổ họng mình nghẹn lại; cậu biết ơn vì Abel đã làm cho việc này trở nên dễ dàng, rằng anh không bắt cậu phải thanh minh cho mình. Cậu phải đi nhanh chóng, kiên quyết đến tận cùng.

“Chúc may mắn, Robin Swift.” Abel siết chặt tay anh. “Chúa phù hộ cậu.”

Họ trải qua những giờ trước bình minh để xếp hàng trăm thỏi bạc thành hình kim tự tháp tại các điểm xung yếu quanh tòa tháp – quanh chân đế, dưới cửa sổ, dọc theo tường và kệ sách, và thành những kim tự tháp thật sự quanh các máy Grammatica. Họ không thể đoán trước được phạm vi, quy mô của sự hủy diệt, nhưng họ sẽ chuẩn bị cho nó tốt nhất có thể, sẽ khiến việc trục vớt bất kỳ vật liệu nào từ đống đổ nát trở nên gần như bất khả thi.

Victoire và Yusuf rời đi một tiếng sau nửa đêm. Lời chào tạm biệt ngắn ngủi, gượng gạo. Đó là một cuộc chia ly không thể nào chịu đựng nổi; có quá nhiều điều muốn nói mà cũng chẳng có gì để nói, và dường như ai cũng kìm nén vì sợ sẽ vỡ òa cảm xúc. Nếu nói quá ít, họ sẽ hối tiếc mãi mãi. Nếu nói quá nhiều, họ sẽ không bao giờ nỡ rời xa nhau.

“Chuyến đi bình an nhé,” Robin thì thầm, ôm Victoire.

Cô bật cười, nghẹn ngào. "Vâng. Cảm ơn anh."

Họ ôm chặt lấy nhau hồi lâu, lâu đến mức cuối cùng, khi mọi người đã rời đi để dành cho họ không gian riêng tư, chỉ còn lại hai người đứng trong sảnh. Cuối cùng cô buông anh ra, liếc nhìn xung quanh, mắt đảo qua đảo lại như thể không chắc có nên nói gì hay không.

“Cậu không nghĩ chuyện này sẽ ổn à?”, Robin nói.

Tôi không nói như vậy.

Anh đang nghĩ đến điều đó đấy.

‘Em chỉ sợ là mình sẽ đưa ra một tuyên bố hùng hồn thế này,’ Cô giơ tay lên rồi buông xuống. ‘Và họ chỉ xem nó như một trở ngại tạm thời, một thứ gì đó có thể vượt qua được. Rằng họ sẽ không bao giờ hiểu được ý của chúng ta.’

Dù sao thì, tôi cũng không nghĩ là họ từng có ý định lắng nghe.

“Không, em không nghĩ vậy.” Cô ấy lại khóc. “Ôi, Robin, em không biết phải…”

“Cứ đi đi,” anh ta nói. “Và viết thư cho bố mẹ Ramy nhé? Tôi chỉ – họ nên biết.”

Cô gật đầu, siết chặt tay anh lần cuối rồi lao ra cửa, đến bãi cỏ nơi Yusuf và người của Abel đang đợi. Một cái vẫy tay cuối cùng – gương mặt đau khổ của Victoire dưới ánh trăng – và rồi họ biến mất.

Rồi chẳng còn gì để làm ngoài chờ đợi kết thúc.

Làm sao người ta có thể bình thản trước cái chết của chính mình? Theo lời kể của những*Crito*, cái*Phaedo*, và cái*Apology*Socrates bước đến cái chết của mình không chút đau khổ, với một sự bình thản khác thường đến nỗi ông từ chối nhiều lời cầu xin được trốn thoát. Thực tế, ông đã tỏ ra rất vui vẻ và lãnh đạm, tin chắc rằng cái chết là điều đúng đắn phải làm, đến mức ông đã dùng lý lẽ của mình để thuyết phục bạn bè, theo cái cách chính trực đến khó chịu của ông, ngay cả khi họ òa khóc. Robin đã vô cùng ấn tượng, trong lần đầu tiên tiếp xúc với các văn bản Hy Lạp, bởi sự thờ ơ hoàn toàn của Socrates trước cái chết của mình.

Và chắc chắn là tốt hơn, dễ dàng hơn khi chết đi với một niềm vui như vậy; không nghi ngờ, không sợ hãi, lòng thanh thản. Về lý thuyết, anh có thể tin điều đó. Anh thường nghĩ về cái chết như một sự giải thoát. Anh đã không ngừng mơ về nó kể từ ngày Letty bắn Ramy. Anh tự an ủi mình với những ý nghĩ về thiên đường như chốn lạc cảnh, với những ngọn đồi xanh tươi và bầu trời rực rỡ, nơi anh và Ramy có thể ngồi trò chuyện và ngắm hoàng hôn vĩnh cửu. Nhưng những tưởng tượng như vậy không an ủi anh bằng ý nghĩ rằng cái chết chỉ có nghĩa là hư vô, rằng mọi thứ sẽ dừng lại: nỗi đau, sự thống khổ, nỗi đau buồn khủng khiếp, ngột ngạt. Nếu không có gì khác, chắc chắn cái chết đồng nghĩa với sự bình yên.

Dù vậy, đối diện với thời khắc ấy, anh vẫn kinh hãi.

Họ kết thúc bằng việc ngồi trên sàn ở sảnh, tìm thấy sự an ủi trong im lặng của cả nhóm, lắng nghe hơi thở của nhau. Giáo sư Craft ngập ngừng, cố gắng an ủi họ, lục lọi trí nhớ tìm kiếm những từ ngữ cổ xưa về tình thế tiến thoái lưỡng nan rất đỗi con người này. Bà nói với họ về Seneca…*Troades*, của Vulteius của Lucan, của sự tử vì đạo của Cato và Socrates. Bà trích dẫn cho họ Cicero, Horace, và Pliny Già.*Death is nature's greatest good. Death is a better state. Death frees the immortal soul. Death is transcendence. Death is an act of bravery, a glorious act of defiance.*

Seneca trẻ, khi mô tả Cato:*una manu latam libertati viam faciet.*[*]

Virgil, miêu tả Dido:*Sic, sic iuvat ire sub umbras.*[*]

Không điều gì thực sự thấm vào họ; không điều gì lay chuyển được họ, bởi việc lý luận về cái chết chưa bao giờ có thể làm được điều đó. Lời nói và suy nghĩ luôn vấp phải giới hạn bất di bất dịch của sự kết thúc cận kề, vĩnh viễn. Tuy vậy, giọng nói của bà, vững vàng và kiên định, lại là một sự an ủi; họ để nó vỗ về tai mình, ru ngủ họ trong những giờ phút cuối cùng này.

Juliana liếc nhìn ra ngoài cửa sổ. "Chúng đang di chuyển ngang qua bãi cỏ."

“Trời chưa sáng,” Robin nói.

"Chúng đang di chuyển," cô nói đơn giản.

"Vậy thì," Giáo sư Craft nói, "Chúng ta nên tiếp tục thôi."

Họ đứng.

Họ sẽ không cùng nhau đối mặt với kết cục. Mỗi người đàn ông và đàn bà đều đến vị trí của mình – những khối bạc hình kim tự tháp được phân bố trên các tầng và các cánh khác nhau của tòa nhà, được bố trí như vậy để giảm thiểu khả năng bất kỳ phần nào của tòa tháp còn nguyên vẹn. Khi những bức tường đổ sập xuống, họ sẽ chỉ có một mình, và đó là lý do tại sao, khi khoảnh khắc đó đến gần, việc chia tay lại trở nên khó khăn đến vậy.

Nước mắt giàn giụa trên mặt Ibrahim.

“Tôi không muốn chết,” anh ta thì thầm. “Phải có cách nào khác chứ – Tôi không muốn chết.”

Tất cả bọn họ đều cảm thấy như nhau, một hy vọng mong manh về cơ hội trốn thoát. Trong những giây phút cuối cùng này, từng giây trôi qua dường như chẳng đủ. Về lý thuyết, quyết định mà họ đã đưa ra là một điều gì đó thật đẹp đẽ. Về lý thuyết, họ sẽ là những người tử vì đạo, những anh hùng, những người đã đẩy lịch sử ra khỏi quỹ đạo của nó. Nhưng tất cả những điều đó chẳng an ủi được gì. Giờ phút này, điều quan trọng duy nhất là cái chết thật đau đớn, đáng sợ và vĩnh viễn, và không ai trong số họ muốn chết.

Nhưng dù run rẩy, không một ai trong số họ gãy đổ. Suy cho cùng, đó cũng chỉ là một mong ước. Và Quân đội đang trên đường tới.

“Đừng nấn ná nữa,” Giáo sư Craft nói, và họ bước lên cầu thang tới các tầng của mình.

Robin đứng giữa sảnh, bên dưới chiếc đèn chùm vỡ nát, bao quanh là tám kim tự tháp bằng bạc thỏi, cao ngang người anh.Anh hít một hơi thật sâu, nhìn kim giây nhích từng chút trên chiếc đồng hồ treo tường phía trên cửa.

Chuông các tháp Oxford đã im bặt từ lâu. Khi thời khắc đến gần, dấu hiệu duy nhất về thời gian là tiếng tích tắc đồng bộ của những chiếc đồng hồ quả lắc, tất cả đều được đặt ở cùng một vị trí trên mỗi tầng. Họ đã chọn đúng sáu giờ; một thời điểm tùy ý, nhưng họ cần một khoảnh khắc cuối cùng, một sự thật không thể lay chuyển để củng cố ý chí của mình.

Sáu giờ kém một phút.

Anh thở ra một hơi run rẩy. Suy nghĩ của anh bay tán loạn, tuyệt vọng tìm kiếm bất cứ điều gì để nghĩ đến ngoài chuyện này. Anh không níu được những ký ức mạch lạc mà chỉ còn lại những chi tiết vụn vặt cụ thể đến lạ thường – vị mặn nồng của không khí biển, độ dài của hàng mi Victoire, cái khựng lại trong giọng nói của Ramy ngay trước khi cậu ta cười phá lên sảng khoái. Anh bám víu vào chúng, nán lại đó càng lâu càng tốt, không cho phép tâm trí mình đi bất cứ nơi nào khác.

Hai mươi giây.

Vị ấm áp, hơi sạn của bánh scone ở Vaults. Cái ôm ngọt ngào, thơm mùi bột mì của bà Piper. Bánh quy bơ chanh tan thành mật ngọt trên lưỡi anh.

Mười.

Vị đắng của bia, và tiếng cười chát chúa của Griffin. Mùi thuốc phiện chua loét. Bữa tối tại Thư viện Cũ; mùi cà ri thơm phức và

đáy khoai tây cháy khét vì quá mặn. Tiếng cười, to và tuyệt vọng và cuồng loạn.

Năm.

Ramy, mỉm cười. Ramy, vươn tay.

Robin đặt tay lên kim tự tháp gần nhất, nhắm mắt lại, và thở ra, '*Fānyì*Dịch.

Tiếng chuông sắc nhọn vang vọng khắp căn phòng, tiếng rít của còi báo động, dội vào tận xương tủy hắn. Một âm thanh báo hiệu cái chết, vang dội khắp tòa tháp, bởi vì tất cả đã làm tròn bổn phận; không một ai chùn bước.

Robin thở ra, run rẩy. Không còn chỗ cho sự do dự. Không còn thời gian cho nỗi sợ hãi. Anh đưa tay sang những song sắt ở chồng tiếp theo và lại thì thầm.*Fānyì*Dịch. 'Lại nữa.'*Fānyì*. Dịch.' Và lại nữa. '*Fānyì*Dịch.

Anh cảm thấy mặt đất chuyển động dưới chân mình. Anh thấy những bức tường rung chuyển. Sách rơi xuống từ kệ. Phía trên, có thứ gì đó rên rỉ.

Anh cứ tưởng mình sẽ sợ.

Anh cứ nghĩ mình sẽ bị ám ảnh bởi cơn đau; bởi cảm giác khi tám nghìn tấn gạch đá đổ ập xuống người; liệu rằngCái chết có thể đến ngay tức khắc, hoặc cũng có thể đến từ từ một cách khủng khiếp, từng chút một khi tay chân anh bị nghiền nát, khi lá phổi anh phải vật lộn để thở trong một không gian ngày càng thu hẹp.

Nhưng điều làm anh ấn tượng nhất lúc đó chính là vẻ đẹp. Những thanh kim loại ngân lên, rung động; anh nghĩ, chúng đang cố gắng diễn tả một sự thật không thể nói thành lời nào đó về chính mình, đó là sự chuyển đổi là bất khả thi, rằng cõi tinh

túy của ý nghĩa mà chúng nắm bắt và biểu hiện sẽ và không bao giờ có thể được biết đến, rằng sự nghiệp của tòa tháp này đã là bất khả thi ngay từ khi hình thành.

Làm sao có thể tồn tại một thứ ngôn ngữ nguyên thủy của Adam được chứ? Ý nghĩ ấy giờ đây khiến anh bật cười. Chẳng có ngôn ngữ bẩm sinh, hoàn toàn dễ hiểu nào cả; chẳng có ứng cử viên nào, không phải tiếng Anh, cũng chẳng phải tiếng Pháp, có thể áp đảo và đồng hóa đủ để trở thành thứ ngôn ngữ duy nhất. Ngôn ngữ chỉ là sự khác biệt. Hàng ngàn cách nhìn, cách vận động trong thế giới khác nhau. Không; hàng ngàn thế giới trong một thế giới. Và dịch thuật - một nỗ lực cần thiết, dù vô ích, để di chuyển giữa chúng.

Anh nhớ lại buổi sáng đầu tiên ở Oxford: leo lên ngọn đồi đầy nắng cùng Ramy, giỏ đồ picnic trên tay. Nước hoa cơm cháy. Bánh mì brioche ấm áp, phô mai đậm đà, một chiếc bánh tart sô cô la tráng miệng. Không khí hôm ấy thơm như một lời hứa, cả Oxford tỏa sáng lung linh, và anh đang yêu.

“Kỳ lạ thật,” Robin nói. Hồi đó họ đã vượt qua cái ngưỡng thành thật với nhau rồi; họ nói chuyện không chút che giấu, chẳng sợ hậu quả gì. “Cứ như mình đã quen cậu từ rất lâu rồi.”

"Tôi cũng vậy," Ramy nói.

“Vô lý hết sức,” Robin nói, giọng đã ngà ngà say, dù thứ rượu ngọt đó chẳng hề có cồn. “Vì em mới quen anh chưa đầy một ngày, vậy mà…”

“Tớ nghĩ,” Ramy nói, “là bởi vì khi tớ nói, cậu lắng nghe.”

Vì em/anh rất thú vị.

“Vì cậu là một dịch giả giỏi.” Ramy chống khuỷu tay ra sau. “Tớ nghĩ đó chính là bản chất của việc dịch thuật. Cũng như tất cả mọi cuộc trò chuyện vậy. Lắng nghe người khác và cố gắng gạt

bỏ những thành kiến của bản thân để hiểu được điều họ muốn nói. Bộc lộ bản thân với thế giới, và hy vọng có ai đó hiểu mình."

Trần nhà bắt đầu sụp đổ; đầu tiên là những dòng sỏi đá, sau đó là cả những mảng đá cẩm thạch lớn, làm lộ ra những tấm ván, những thanh xà gãy vụn. Những kệ sáchSụp đổ. Ánh sáng mặt trời loang lổ khắp căn phòng vốn trước đó chẳng có cửa sổ nào. Robin nhìn lên, thấy Babel, đang đổ sụp xuống và đè lên mình, và phía trên đó, là bầu trời trước bình minh.

Anh nhắm mắt lại.

Nhưng trước đây hắn đã từng chờ đợi cái chết đến. Hắn nhớ ra điều này bây giờ - hắn biết cái chết. Không đột ngột thế này, không, không bạo lực thế này. Nhưng ký ức về việc chờ đợi để tan biến vẫn còn in hằn trong xương tủy hắn; ký ức về một căn phòng ngột ngạt, nóng bức, về sự tê liệt, về những giấc mơ về sự kết thúc. Hắn nhớ đến sự tĩnh lặng. Sự bình yên. Khi những ô cửa sổ vỡ tan, Robin nhắm mắt lại và tưởng tượng ra khuôn mặt mẹ mình.

Cô ấy mỉm cười. Cô ấy gọi tên anh.

Epilogue

Victoire

VVitoire Desgraves luôn giỏi trong việc sinh tồn.

Chìa khóa, cô đã học được, chính là từ chối ngoảnh lại. Ngay cả khi cô phi ngựa về phía bắc xuyên qua vùng Cotswolds, đầu cúi xuống tránh những cành cây quất mạnh vào mặt, một phần trong cô vẫn muốn ở trong tòa tháp, với bạn bè, cảm nhận những bức tường đổ sập xuống xung quanh. Nếu họ phải chết, cô muốn họ được chôn cất cùng nhau.

Nhưng sự sống còn đòi hỏi phải cắt đứt sợi dây ràng buộc. Sự sống còn đòi hỏi cô ấy phải chỉ hướng về tương lai. Ai mà biết được điều gì sẽ xảy ra bây giờ? Những gì đã xảy ra ở Oxford hôm nay là không thể tưởng tượng được, hậu quả của nó không thể lường trước. Chưa từng có tiền lệ lịch sử nào cho việc này. Giao điểm đã bị phá vỡ. Lịch sử, lần này, đang biến động.

Nhưng Victoire đã quen với những điều không tưởng. Sự giải phóng quê hương bà là điều không tưởng ngay cả khi nó diễn ra, bởi không một ai ở Pháp hay Anh, kể cả những người ủng hộ triệt để nhất cho tự do phổ quát, tin rằng nô lệ - những sinh vật mà họ chưa bao giờ nghĩ nằm trong phạm trù con người lý trí, có quyền lợi, được khai sáng - lại dám đòi hỏi sự giải phóng cho chính mình. Hai tháng sau khi tin tức về cuộc nổi dậy tháng 8 năm 1791 nổ ra, Jean Pierre Brissot, một thành viên sáng lập của Amis des Noirs, đã tuyên bố trước Quốc hội Pháp rằng tin tức này chắc chắn là sai, bởi vì như mọi người đều biết, nô lệ đơn giản là không có khả năng thực hiện một hành động nhanh chóng, phối hợp và thách thức như vậy. Một năm sau cuộc cách mạng, nhiều người vẫn tin rằng tình trạng bất ổn sẽ sớm bị dập tắt, rằng mọi thứ sẽ trở lại bình thường, bởi vì*normal*ám chỉ sự thống trị của người da trắng đối với người da đen.

Dĩ nhiên là họ đã sai.

Nhưng ai, trong lịch sử sống, từng thực sự hiểu được vai trò của mình trong bức tranh lớn? Phần lớn cuộc đời, Victoire thậm chí còn không biết mình xuất thân từ nền cộng hòa da đen đầu tiên trên thế giới.

Đây là tất cả những gì cô ấy biết, trước Hermès:

Bà sinh ra ở Haiti, Ayiti, năm 1820, cùng năm mà vua Henry Christophe, vì sợ bị đảo chính, đã tự kết liễu đời mình. Vợ và các con gái của ông đã chạy trốn đến nhà một ân nhân người Anh ở Suffolk. Mẹ của Victoire, một hầu gái của hoàng hậu lưu vong, đã đi cùng họ. Bà luôn gọi đây là cuộc chạy trốn vĩ đại của họ và, một khi đã đặt chân đến Paris, bà từ chối coi Haiti là quê hương một lần nữa.

Kiến thức của Victoire về lịch sử Haiti chỉ là những lời nguyền rủa trong đêm tối; về một cung điện nguy nga tráng lệ mang tên Sans Souci, nơi ở của vị vua da đen đầu tiên ở Tân Thế Giới; về những người đàn ông mang súng; về những bất đồng chính trị mơ hồ mà cô không hiểu sao lại khiến cuộc đời cô bị đảo lộn và đưa cô vượt Đại Tây Dương. Khi còn nhỏ, cô biết quê hương mình là một nơi đầy bạo lực và tranh giành quyền lực man rợ, bởi vì đó là cách người ta nói về nó ở Pháp, và đó là điều mà người mẹ lưu vong của cô đã chọn để tin tưởng.

“Chúng ta may mắn,” mẹ cô thì thầm, “vì đã sống sót.”

Nhưng mẹ cô đã không sống sót qua khỏi nước Pháp. Victoire chưa bao giờ biết được làm thế nào mà mẹ cô, một người phụ nữ tự do sinh ra, lại bị gửi từ Suffolk đến làm việc trong gia đình một học giả Paris đã nghỉ hưu, Giáo sư Emile Desjardins. Cô không biết bạn bè của mẹ đã hứa hẹn điều gì với bà, có tiền bạc trao đổi hay không. Cô chỉ biết rằng ở Paris, tại điền trang Desjardins, họ không được phép rời đi - bởi vì ở đây, các hình thức nô lệ vẫn còn tồn tại, như ở khắp nơi trên thế giới; một

trạng thái lấp lửng, luật lệ không được viết ra nhưng được ngầm hiểu. Và khi mẹ cô ngã bệnh, nhà Desjardins không gọi bác sĩ. Họ chỉ đóng cửa phòng bệnh của bà và chờ đợi bên ngoài cho đến khi một người hầu gái vào, kiểm tra hơi thở và mạch của bà, rồi thông báo rằng bà đã qua đời.

Rồi họ nhốt Victoire vào một cái tủ và không cho cô bé ra, vì sợ bệnh lây lan. Nhưng bất chấp điều đó, bệnh dịch vẫn lây sang những người còn lại trong nhà, và một lần nữa các bác sĩ đành bất lực nhìn nó hoành hành.

Victoire sống sót. Vợ của Giáo sư Desjardins sống sót. Các con gái của ông cũng sống sót. Chỉ có giáo sư là chết, và theo ông, mất luôn mối liên hệ duy nhất của Victoire với những người được cho là đã yêu thương mẹ cô, vậy mà bằng cách nào đó lại bán cô đi.

Ngôi nhà trở nên đổ nát. Bà Desjardins, một phụ nữ tóc vàng mặt mày cau có, giữ sổ sách tồi tệ và tiêu xài hoang phí. Tiền bạc eo hẹp. Họ sa thải người giúp việc – họ lý luận, giữ người giúp việc làm gì khi đã có Victoire? Chỉ sau một đêm, Victoire trở nên gánh vác hàng tá công việc:Giữ lửa, đánh bóng đồ bạc, phủi bụi các phòng, dâng trà. Nhưng đây không phải là những công việc mà cô được dạy dỗ để làm. Cô được nuôi dạy để đọc, sáng tác và diễn giải, chứ không phải để quán xuyến việc nhà, và vì điều này họ mắng nhiếc và đánh đập cô.

Cô chẳng tìm thấy chút an ủi nào từ hai cô con gái nhỏ của bà Desjardins, những đứa rất thích thú thông báo với khách đến nhà rằng Victoire là một đứa trẻ mồ côi mà họ đã cứu khỏi Châu Phi. 'Từ Zanzibar,' chúng sẽ đồng thanh hát.*Zaaanzibar!*'

Nhưng cũng không đến nỗi tệ.

Không tệ lắm đâu, họ nói với cô như vậy, so với quê hương Haiti của cô, nơi tội phạm tràn lan, đang bị đẩy vào cảnh nghèo đói và hỗn loạn bởi một chế độ bất tài và bất hợp pháp. Cô may mắn

đấy, họ nói, được ở đây với chúng tôi, nơi mọi thứ an toàn và văn minh.

Điều này cô tin. Cô không có cách nào biết được điều gì khác.

Có thể cô ấy đã bỏ trốn, nhưng Giáo sư và Phu nhân Desjardins đã giữ cô quá kín đáo, quá tách biệt với thế giới bên ngoài đến nỗi cô không hề biết mình có quyền tự do hợp pháp. Victoire đã lớn lên trong mâu thuẫn lớn của nước Pháp, nơi mà những công dân vào năm 1789 đã ban hành tuyên ngôn về quyền con người nhưng lại không bãi bỏ chế độ nô lệ, và vẫn duy trì quyền sở hữu tài sản, bao gồm cả nô lệ.

Giải phóng là một chuỗi những sự trùng hợp ngẫu nhiên, của sự khéo léo, tháo vát và may mắn. Victoire xem qua những lá thư của Giáo sư Desjardins, tìm kiếm một chứng thư, một bằng chứng nào đó cho thấy ông ta thực sự sở hữu cô và mẹ cô. Cô không bao giờ tìm thấy nó. Nhưng cô đã biết về một nơi có tên là Viện Dịch thuật Hoàng gia, nơi ông ta đã được đào tạo khi còn trẻ, một nơi mà trên thực tế, ông ta đã viết thư cho họ về cô. Ông ta đã kể cho họ nghe về cô bé thông minh trong nhà, về trí nhớ phi thường và tài năng của cô bé đối với tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh. Ông ta đã dự định đưa cô đi tham quan khắp châu Âu. Có lẽ họ muốn phỏng vấn cô bé chăng?

Và rồi cô ấy đã tự tạo ra điều kiện cho sự tự do của chính mình. Khi bạn bè của Giáo sư Desjardins ở Oxford cuối cùng cũng hồi âm, bày tỏ rằng họ rất vui mừng được đón tiếp cô Desgraves tài năng đến Học viện, và họ sẽ chi trả mọi chi phí, cảm giác ấy giống như một cuộc đào thoát vậy.

Nhưng sự giải phóng thực sự của Victoire Desgraves chỉ đến khi cô gặp Anthony Ribben. Mãi đến khi được kết nạp vào Hội Hermes, cô mới học cách tự nhận mình là người Haiti. Cô học cách tự hào về tiếng Kreyòl của mình, chắp vá, rời rạc, thoảng nhớ thoảng quên, gần như không thể phân biệt được với tiếng

Pháp của cô. (Bà Desjardins thường tát cô mỗi khiBà nói bằng tiếng Kreyòl. “Im đi,” bà thường nói, “Tao đã bảo mày rồi, mày phải nói tiếng Pháp, tiếng Pháp của người Pháp.”) Bà cũng biết rằng với phần còn lại của thế giới, Cách mạng Haiti không phải là một cuộc thử nghiệm thất bại mà là một ngọn hải đăng của hy vọng.

Cô học được rằng cách mạng, kỳ thực, luôn là điều không thể tưởng tượng nổi. Nó làm vỡ tan thế giới mà ta biết. Tương lai chưa được viết nên, tràn đầy tiềm năng. Bọn thực dân không hề biết điều gì sắp xảy ra, và điều đó khiến chúng hoảng sợ. Nó làm chúng kinh hãi.

Tốt. Nó nên như vậy.

Cô không chắc mình sẽ đi đâu bây giờ. Trong túi áo khoác có vài phong bì: những lời khuyên chia tay của Anthony và mật danh của một số đầu mối liên lạc. Bạn bè ở Mauritius, Seychelles và Paris. Có lẽ một ngày nào đó cô sẽ quay lại Pháp, nhưng cô vẫn chưa sẵn sàng. Cô biết có một cơ sở ở Ireland, mặc dù lúc này cô chỉ muốn rời khỏi lục địa này. Có lẽ một ngày nào đó cô sẽ trở về nhà và tận mắt chứng kiến sự bất khả thi về mặt lịch sử của một Haiti tự do. Hiện tại, cô đang lên một con tàu đến Mỹ, nơi những người như cô vẫn chưa được tự do, bởi vì đó là con tàu đầu tiên cô có thể đặt chỗ, và bởi vì cô cần rời khỏi Anh càng nhanh càng tốt.

Cô ấy giữ bức thư của Griffin mà Robin chưa bao giờ mở. Trong khi đó, cô ấy đã đọc nó rất nhiều lần đến nỗi thuộc lòng. Cô ấy biết ba cái tên - Martlet, Oriel và Rook. Cô ấy có thể hình dung trong đầu câu cuối cùng, được viết nguệch ngoạc trước chữ ký như một dòng suy nghĩ bất chợt:*We’re not the only ones.*

Cô ấy không biết ba người này là ai. Cô ấy không hiểu câu này nghĩa là gì. Một ngày nào đó, cô ấy sẽ tìm ra, và sự thật sẽ vừa làm cô ấy kinh ngạc vừa kinh hãi. Nhưng hiện tại, chúng chỉ là

những âm tiết đẹp đẽ hàm chứa đủ loại khả năng, và những khả năng –*hope*– là những thứ duy nhất cô ấy có thể bám víu vào lúc này.

Túi cô nặng trĩu bạc, đường viền váy cũng dát bạc, bạc nhiều đến mức cô thấy mình cứng đờ và nặng nề mỗi khi cử động. Mắt cô sưng húp vì nước mắt, cổ họng đau rát vì những tiếng nấc nghẹn ngào. Khuôn mặt những người bạn đã khuất in sâu vào trong ký ức. Cô cứ mãi tưởng tượng ra những khoảnh khắc cuối cùng của họ: nỗi kinh hoàng, đau đớn khi những bức tường đổ sập xuống quanh họ.

Cô ấy không.*will*không cho phép bản thân nghĩ về bạn bè như họ đã từng, sống động và hạnh phúc. Không phải Ramy, bị hủy hoại trong thời kỳ đỉnh cao; không phải Robin, người đã tự mình kéo sập một tòa tháp vì không thể nghĩ ra cách nào kháctiếp tục sống. Ngay cả Letty, kẻ vẫn còn sống; kẻ mà, nếu biết Victoire cũng còn sống, sẽ săn lùng cô ấy đến tận cùng trái đất.

Letty biết, cô ta không thể để mặc mình tự do. Ngay cả ý nghĩ về Victoire cũng là một mối đe dọa. Nó đe dọa đến tận cốt lõi con người cô. Nó là bằng chứng cho thấy cô đã, và luôn luôn, sai.

Cô ấy sẽ không cho phép bản thân mình đau buồn về tình bạn đó, dù nó chân thật, khủng khiếp và đầy lạm dụng đến thế nào. Sẽ đến lúc để đau buồn. Sẽ có rất nhiều đêm trên hành trình, nỗi buồn lớn đến mức dường như muốn xé nát cô; khi cô hối hận về quyết định sống của mình; khi cô nguyền rủa Robin vì đã đặt gánh nặng này lên vai cô, bởi vì anh đã đúng: anh không hề dũng cảm, anh không hề chọn hy sinh. Cái chết thật quyến rũ. Victoire kháng cự.

Cô ấy không thể khóc bây giờ. Cô ấy phải tiếp tục di chuyển. Cô ấy phải chạy, nhanh nhất có thể, dù không biết điều gì đang chờ đợi ở phía bên kia.

Cô không hề ảo tưởng về những gì mình sẽ gặp phải. Cô biết mình sẽ đối mặt với sự tàn nhẫn vô bờ bến. Cô biết chướng ngại vật lớn nhất của mình sẽ là sự thờ ơ lạnh lùng, bắt nguồn từ niềm tin cố hữu vào một hệ thống kinh tế đem lại đặc quyền cho một số người và nghiền nát những người khác.

Nhưng biết đâu cô ấy sẽ tìm được đồng minh. Biết đâu cô ấy sẽ tìm được lối thoát.

Anthony gọi chiến thắng là điều tất yếu. Anthony tin rằng những mâu thuẫn vật chất của nước Anh sẽ xé nát đất nước này, rằng phong trào của họ sẽ thành công bởi vì những cuộc ăn chơi trác táng của Đế quốc đơn giản là không thể duy trì. Đây, ông lập luận, chính là lý do tại sao họ có cơ hội.

Victoire biết rõ hơn.

Chiến thắng không được đảm bảo. Chiến thắng có thể nằm trong điềm báo, nhưng nó phải được thúc đẩy đến đó bằng bạo lực, bằng đau khổ, bằng những người tử vì đạo, bằng máu. Chiến thắng được tạo nên bởi sự khéo léo, kiên trì và hy sinh. Chiến thắng là một trò chơi từng chút một, của những tình huống lịch sử ngẫu nhiên, nơi mọi thứ diễn ra đúng đắn bởi vì họ đã làm cho nó đúng.

Cô không thể biết cuộc đấu tranh đó sẽ diễn ra dưới hình thức nào. Có quá nhiều trận chiến phải đánh, quá nhiều cuộc chiến trên quá nhiều mặt trận – ở Ấn Độ, ở Trung Quốc, ở châu Mỹ – tất cả đều được liên kết bởi cùng một động lực bóc lột những gì không phải là người da trắng và người Anh. Cô chỉ biết rằng mình sẽ tham gia vào nó ở mỗi bước ngoặt khó lường, sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng.

‘*Mande mwen yon ti kou ankò ma di ou*“Ấy,” cô ấy từng nói với Anthony một lần, khi anh lần đầu hỏi ý kiến cô về Hermes, liệu cô có nghĩ họ có thể thành công hay không.

Anh ta đã cố gắng hết sức để hiểu tiếng Creole dựa trên vốn tiếng Pháp ít ỏi của mình, rồi anh ta bỏ cuộc. "Cái đó nghĩa là gì?"

“Tôi không biết,” Victoire nói. “Ít nhất thì chúng tôi nói vậy khi không biết câu trả lời, hoặc không muốn chia sẻ câu trả lời.”

"Và nghĩa đen của nó là gì?"

Cô ấy nháy mắt với anh. "Hỏi em lát nữa đi, rồi em sẽ nói."

Acknowledgements

*Babel*là về thế giới vô tận của ngôn ngữ, văn hóa và lịch sử - nhiều trong số đó tôi không biết - và tác phẩm này sẽ không thể ra đời nếu không có những người bạn đã chia sẻ kiến thức của họ với tôi. Xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới:

Trước hết, xin gửi lời cảm ơn tới Peng Shepherd, Ehigbor Shultz, Farah Naz Rishi, Sarah Mughal và Nathalie Gedeon vì đã giúp tôi khắc họa Robin, Ramy và Victoire một cách chi tiết và giàu lòng trắc ẩn. Cảm ơn Caroline Mann và Allison Resnick về kiến thức chuyên môn về Cổ điển học; Sarah Forssman, Saoudia Ganiou và De'Andre Ferreira về sự hỗ trợ trong việc dịch thuật; và các giáo sư kính mến của tôi tại Yale – đặc biệt là Jing Tsu, Lisa Lowe và Denise Ho – vì đã định hình tư duy của tôi về chủ nghĩa thực dân, hậu thực dân và ảnh hưởng của ngôn ngữ lên quyền lực.

Tôi được hỗ trợ bởi những đội ngũ tuyệt vời nhất tại Harper Voyager ở cả hai bờ Đại Tây Dương. Xin cảm ơn các biên tập viên của tôi, David Pomerico và Natasha Bardon; cũng như Fleur Clarke, Susanna Peden, Robyn Watts, Vicky Leech, Jack Renninson, Mireya Chiriboga, Holly Rice-Baturin, và DJ DeSmyter.

Cảm ơn các nghệ sĩ đã thực hiện*Babel*trông như vậy là nhờ: Nico Delort, Kimberly Jade McDonald, và Holly Macdonald.

Cũng xin cảm ơn Hannah Bowman, người mà nếu không có cô ấy thì tất cả những điều này sẽ không thể thực hiện được, và toàn thể đội ngũ tại Liza Dawson Associates – đặc biệt là Havis Dawson, Joanne Fallert, Lauren Banka, và Liza Dawson.

Cảm ơn Julius Bright-Ross, Taylor Vandick, Katie O'Nell, và quán cà phê Vaults & Garden, những người đã làm cho những tháng ngày kỳ lạ và buồn bã ở Oxford trở nên dễ chịu hơn. Và cảm ơn

những người bạn ở New Haven – Tochi Onyebuchi, Akanksha Shah, và James Jensen – vì những chiếc pizza và những tiếng cười. Vạn tuế Quả Trứng Vĩ Đại.

Cảm ơn Tiff và Chris đã giúp điều hành Coco's Cocoa, một quán cà phê kỳ diệu, liên chiều tuyệt vời nhất thuộc sở hữu của một chú chó, nơi mà phần lớn bản thảo này đã được viết.

Cảm ơn Bennett, người bạn đồng hành tuyệt vời nhất mà tôi có thể mong ước trong suốt một năm dài đằng đẵng, cô đơn và khủng khiếp ấy, trong đó*Babel*đã cùng nhau chung sức, và những lời khuyên của họ đã định hình nên rất nhiều chi tiết của câu chuyện này. Anh ấy muốn mọi người biết rằng chính anh ấy đã đặt tên cho cuốn sách, cũng như Hội Hermes, bởi vì trong khi tôi có khiếu văn chương, thì anh ấy lại có khiếu về những điều phi thường.

Cuối cùng, con xin cảm ơn Ba Mẹ, những người mà con nợ tất cả.

About the Author

REBECCA F. KUANGlà học giả Marshall, dịch giả, và tác giả được đề cử giải Hugo, Nebula, Locus, và World Fantasy của bộ ba Poppy War và tiểu thuyết*Babel*Cô có bằng Thạc sĩ Triết học ngành Hán học tại Đại học Cambridge và bằng Thạc sĩ Khoa học ngành Nghiên cứu Trung Quốc đương đại tại Đại học Oxford; hiện cô đang theo đuổi chương trình Tiến sĩ Ngôn ngữ và Văn học Đông Á tại Đại học Yale.

Khám phá những tác giả tuyệt vời, ưu đãi độc quyền và nhiều hơn nữa tạihc.com.

Also by R. F. Kuang

The Poppy War

The Dragon Republic

The Burning God

Sign up for Bookperk and get e-book bargains, sneak peeks, special offers, and more—delivered straight to your inbox.

SIGN UP NOW

Copyright

Tác phẩm này là hư cấu. Tên, nhân vật, địa điểm và sự kiện là sản phẩm của trí tưởng tượng của tác giả hoặc được sử dụng hư cấu và không nên được hiểu là thật. Bất kỳ sự tương đồng nào với các sự kiện, địa điểm, tổ chức hoặc người thực tế, dù còn sống hay đã mất, hoàn toàn là ngẫu nhiên.

BA-BENBản quyền © 2022 thuộc về R. F. Kuang. Giữ toàn quyền theo Công ước Bản quyền Quốc tế và Liên Mỹ. Bằng việc thanh toán các khoản phí cần thiết, bạn được cấp quyền không độc quyền, không chuyển nhượng để truy cập và đọc nội dung điện tử của sách này trên màn hình. Không phần nào của ấn bản này được phép sao chép, truyền tải, tải xuống, dịch ngược, thiết kế ngược hoặc lưu trữ trong hoặc đưa vào bất kỳ hệ thống lưu trữ và truy xuất thông tin nào, dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử hay cơ học, hiện có hoặc được phát minh sau này, mà không có sự cho phép bằng văn bản rõ ràng của HarperCollins e-books.

Harper Voyager và biểu trưng là thương hiệu của HarperCollins Publishers LLC.

Cover design by Richard L. Aquan

Cover illustration @ Nicolas Delort

Crest illustration copyright © 2022 HarperCollinsPublishers

Map and tower illustration copyright © 2022 Nicolette Caven

LẦN XUẤT BẢN ĐẦU TIÊN

Phiên bản Kỹ thuật số THÁNG 8 NĂM 2022 ISBN: 978-0-06-302144-0

Phiên bản 06062022

ISBN bản in: 978-0-06-302142-6

About the Publisher

Australia

HarperCollins Publishers Australia Pty. Ltd.

Tầng 13, 201 Đường Elizabeth

Sydney, NSW 2000, Úc

www.harpercollins.com.au

Canada

Nhà xuất bản HarperCollins

Tháp Đông, Trung tâm Bay Adelaide

Tầng 41, 22 Phố Adelaide Tây

Toronto, Ontario, M5H 4E3

www.harpercollins.ca

India

HarperCollins Ấn Độ

A 75, Khu 57

Noida

Uttar Pradesh 201 301

www.harpercollins.co.in

New Zealand

Nhà xuất bản HarperCollins New Zealand

Căn D1, 63 Đường Apollo

Rosedale 0632

Auckland, New Zealand

www.harpercollins.co.nz

United Kingdom

Nhà xuất bản HarperCollins

Số 1 Đường Cầu Luân Đôn

Luân Đôn SE1 9GF, Vương quốc Anh

www.harpercollins.co.uk

United States

Nhà xuất bản HarperCollins

Số 195 Đường Broadway

New York, NY 10007

www.harpercollins.com

*Ví dụ, tôi chưa từng nghe ai gọi High Street là "The High" khi tôi còn ở Oxford, nhưng G.V. Cox lại nói khác.

*Trong Quyển IV, Chương VII của*The Wealth of Nations*Adam Smith phản đối chủ nghĩa thực dân với lý do rằng việc bảo vệ các thuộc địa làm hao tốn tài nguyên, và lợi ích kinh tế từ thương mại độc quyền thuộc địa chỉ là ảo tưởng. Ông viết: 'Đại Anh chẳng thu được gì ngoài thiệt hại từ sự thống trị mà nước này áp đặt lên các thuộc địa của mình.' Quan điểm này không được nhiều người đồng tình vào thời điểm đó.

* *I killed Cock Robin.*

Who saw him die?

*William Blake, ‘Jerusalem’, 1804.

*Gia đình Robin mới di cư xuống phía nam nên cậu lớn lên nói được cả tiếng Quan Thoại và tiếng Quảng Đông. Nhưng Giáo sư Lovell bảo cậu rằng giờ cậu có thể quên tiếng Quảng Đông đi. Tiếng Quan Thoại là ngôn ngữ của triều đình nhà Thanh ở Bắc Kinh, ngôn ngữ của quan lại và học giả, và do đó là phương ngữ duy nhất quan trọng.

Quan điểm này là hệ quả tất yếu từ sự lệ thuộc vào các nghiên cứu ít ỏi trước đây của phương Tây của Viện Hàn lâm Anh. Từ điển Bồ Đào Nha-Trung Quốc của Matteo Ricci thuộc về phương ngữ Quan thoại mà ông học được tại triều đình nhà Minh; các từ điển tiếng Trung của Francisco Varo, Joseph Prémare và Robert Morrison cũng là Quan thoại. Do đó, các nhà Hán học của Anh thời bấy giờ tập trung vào tiếng Quan thoại hơn nhiều so với các phương ngữ khác. Và vì vậy, Robin đã được yêu cầu quên đi tiếng mẹ đẻ ưa thích của mình.

*Cướp bóc, tàn sát, và trộm cắp – chúng gọi những thứ đó là đế chế, và nơi chúng tạo ra hoang mạc, chúng gọi đó là hòa bình.

* *Hampstead Heath*Bắt vần với*teeth*Cô ấy vẫn còn nguyên bộ răng sữa.

*Ăn tối nhé, kẻ tội đồ.

*Một lỗi hợp lý. Bởi*rape*, Pope có nghĩa là 'giật lấy, cướp lấy', một nghĩa cũ hơn bắt nguồn từ tiếng Latinh*rapere*.

*Vì ông ta sở hữu nô lệ.

*Đây là cuốn sách cuối cùng của Marryat mà Robin từng đọc. Cũng tốt thôi. Những tiểu thuyết của Frederick Marryat, dù đầy ắp những chuyến phiêu lưu trên biển cả và lòng dũng cảm khiến chúng được các cậu bé người Anh yêu thích, nhưng cũng miêu tả người da đen như những nô lệ hạnh phúc, mãn nguyện và người Mỹ bản địa như những người man rợ cao quý hoặc những kẻ say xỉn trụy lạc. Ông mô tả người Trung Quốc và người Ấn Độ là "những chủng tộc có tầm vóc thấp bé và có thân hình ẻo lả".

*Khi báo hàng tuần ghi nhận số người chết ngày càng tăng, Robin hỏi bà Piper tại sao các bác sĩ không thể đi chữa bệnh cho người ốm bằng bạc, như Giáo sư Lovell đã làm với cậu. "Bạc đắt lắm," bà Piper đáp, và đó là lần cuối cùng họ nói về chuyện này.

*Ở đây, ông Hallows quên mất rằng chế độ nô lệ tài sản, trong đó nô lệ bị coi là tài sản chứ không phải con người, là một phát minh hoàn toàn của châu Âu.

*Thật vậy, sau khi Haiti giành được độc lập, người Anh bắt đầu cân nhắc ý tưởng nhập khẩu lao động từ các chủng tộc khác, chẳng hạn như người Trung Quốc ("một dân tộc điềm tĩnh, kiên nhẫn, cần cù"), như một giải pháp thay thế khả thi cho lao động nô lệ châu Phi.*Fortitude*Thí nghiệm năm 1806 đã cố gắng thiết lập một thuộc địa gồm hai trăm lao động Trung Quốc ở Trinidad để tạo ra một 'rào cản giữa chúng ta và người da đen'. Thuộc địa này đã thất bại, và hầu hết lao động đã sớm trở về quê hương Trung Quốc. Tuy nhiên, ý tưởng thay thế lao động châu Phi bằng lao động Trung Quốc vẫn hấp dẫn các doanh nhân Anh, và sẽ liên tục được khơi dậy trong suốt thế kỷ XIX.

*Trước đây được gọi là Gropecunt Lane, Magpie Lane, đúng như tên gọi ban đầu, từng là một con phố mại dâm. Điều này không được đề cập đến trong sách hướng dẫn của Robin.

*Đã từng có một cậu bé tên là Henry Little đến thăm Hampstead cùng cha mình, một đồng nghiệp của Giáo sư Lovell tại Hội Hoàng gia Châu Á. Robin đã cố gắng bắt chuyện với cậu ta về bánh nướng xốp, mà cậu nghĩ là một khởi đầu tốt, nhưng Henry Little chỉ chìa tay ra và kéo mí mắt Robin mạnh đến nỗi Robin giật mình, đá vào ống chân cậu ta. Robin bị phạt nhốt trong phòng, còn Henry Little thì bị đuổi ra vườn; kể từ đó, Giáo sư Lovell không còn mời đồng nghiệp mang theo con cái đến nữa.

*Điều này đúng. Trường Đại học University College đã đào tạo ra, cùng những người khác, một Chánh án Bengal (Ngài Robert Chambers), một Chánh án Bombay (Ngài Edward West), và một Chánh án Calcutta (Ngài William Jones). Tất cả đều là người da trắng.

* Không(*wú*) nghĩa là ‘tiêu cực, không, không có’;Hình(*xíng*) nghĩa là 'diện mạo, hình thức, hình dạng'.Ngũ hànhkhông chỉ là vô hình, mà còn là vô hình. Để minh họa: nhà thơ Trương Thuận Dân đời Bắc Tống đã từng viết rằng ‘Thơ là tranh vô hình., Họa là thơ hữu hình.’; rằng thơ ca là phi vật chất (*wúxíng*) tranh, và tranh là những bài thơ hữu hình.

* Giúp đỡ(*bāngmáng*), ‘giúp đỡ, giúp một tay’.

*Sarah Stickney Ellis, một tác giả nổi tiếng, đã xuất bản một số cuốn sách (bao gồm*The Wives of England*,*The Mothers of England*và*The Daughters of England*) lập luận rằng phụ nữ có nghĩa vụ đạo đức phải cải thiện xã hội thông qua việc giữ gìn khuôn phép gia đình và đức hạnh. Robin không có ý kiến gì mạnh mẽ về vấn đề này; anh tình cờ đọc được tác phẩm của bà ấy.

*Thẳng thắn mà nói, đây là một lời miêu tả khá hào phóng về Ban Pháp chế. Người ta cũng có thể lập luận rằng công việc của các phiên dịch viên trong Ban Pháp chế là thao túng ngôn ngữ để tạo ra các điều khoản có lợi cho các bên châu Âu. Một ví dụ là việc được cho là Vua Paspehay bán đất cho người Anh ở Virginia "để lấy đồng", bất chấp khó khăn rõ ràng trong việc dịch chính xác các khái niệm về vương quyền châu Âu hoặc đất đai như tài sản sang ngôn ngữ Algonquin. Giải pháp pháp lý cho những vấn đề này chỉ đơn giản là tuyên bố rằng người Algonquin quá man rợ để phát triển những khái niệm đó, và thật may là người Anh đã ở đó để dạy họ.

*Không phải. Tầng tám của Viện đã được xây dựng lại bảy lần kể từ khi tòa nhà được xây dựng ban đầu.

*Một lượng đáng kể các nghiên cứu nền tảng của phương Tây về tiếng Phạn được thực hiện bởi các nhà lãng mạn Đức như Herder, Schlegel và Bopp. Không phải tất cả các chuyên khảo của họ đã được dịch sang tiếng Anh - ít nhất là không tốt - và vì vậy hầu hết sinh viên học tiếng Phạn tại Babel cũng được yêu cầu phải học tiếng Đức.

*Xem thêm tiếng Đức có liên quan*unheimlich*.

*Điều này đúng. Toán học không tách rời khỏi văn hóa. Lấy hệ thống đếm làm ví dụ – không phải tất cả các ngôn ngữ đều sử dụng hệ thập phân. Hoặc hình học – hình học Euclid giả định một quan niệm về không gian mà không phải ai cũng có. Một trong những chuyển biến trí tuệ vĩ đại nhất trong lịch sử liên quan đến sự chuyển đổi từ chữ số La Mã sang chữ số Ả Rập thanh lịch hơn, với ký hiệu giá trị vị trí và khái niệm số không, biểu thị cho sự trống rỗng, đã tạo điều kiện cho các dạng thức tính toán mới. Thói quen cũ khó bỏ; vào năm 1299, các thương gia ở Florence đã bị Hiệp hội Tiền tệ Florence (Arte del Cambio) cấm sử dụng cả số không và chữ số Ả Rập: 'Ông ta phải viết rõ ràng và đầy đủ bằng chữ cái.'

*Cũng giống như Robin, Ilse được người Anh biết đến không phải bằng tên khai sinh mà bằng một cái tên được đặt cho; một sự kết hợp giữa cái tên được Anh hóa mà cô ấy chọn (Ilse) và tên hòn đảo mà cô ấy đến (Dejima).

*Bọn con trai không dính vào chuyện này. Trong thâm tâm, Ramy cho rằng Letty nói cũng có lý khi là phụ nữ, ngay từ đầu cô ấy đã chẳng được thừa kế bất kỳ tài sản nào của gia tộc Price. Robin thì nghĩ cô ta hơi quá đáng khi tự nhận mình "nghèo túng" trong khi tất cả bọn họ đều nhận được khoản trợ cấp đủ lớn để có thể đi ăn hàng bất cứ khi nào thích.

*Robin, Victoire và Ramy đều rất thất vọng khi biết thịt bò muối (corned beef) chẳng liên quan gì đến bắp (corn), mà lại liên quan đến kích thước của các tinh thể muối mỏ dùng để ướp thịt bò.

*Kẻ lừa đảo, kẻ bịp bợm.

*Bọ rùjiggercó nghĩa là "cửa", vàdubbernghĩa là ‘gần hơn’).

* Con đường bằng phẳng.

*Về Nông nghiệp.

*Ban đầu, những buổi tiệc chiêu đãi này khá thú vị, nhưng nhanh chóng trở nên nhàm chán khi rõ ràng là các học giả Babel có mặt ở đó không phải với tư cách khách quý mà giống như những con thú trong sở thú được trưng bày, phải nhảy múa và biểu diễn cho những nhà tài trợ giàu có. Robin, Victoire và Ramy luôn bị coi là đại diện quốc gia của những quốc gia mà họ dường như đến từ. Robin phải chịu đựng những cuộc trò chuyện xã giao vô cùng đau khổ về vườn bách thảo và đồ sơn mài Trung Quốc; Ramy bị hỏi dồn dập về hoạt động bên trong của "chủng tộc Hindu", dù điều đó có nghĩa là gì đi nữa; và kỳ lạ thay, Victoire luôn bị hỏi xin lời khuyên đầu cơ ở Cape.

*Qua Colin Thornhill và anh em nhà Sharp, Robin nhận ra có rất nhiều "nhóm" người mà mình có thể giao du, bao gồm "dân chơi", "kẻ chậm chạp", "mọt sách", "quý ông", "gã đểu", "tội đồ", "người hay cười" và "thánh nhân". Anh nghĩ có lẽ mình thuộc nhóm "mọt sách". Anh hy vọng mình không phải là một "gã đểu".

*Nhiều sinh viên đại học lãng mạn tự cho mình là truyền nhân của Percy Bysshe Shelley, người hiếm khi đến lớp, bị đuổi học vì từ chối thừa nhận tác giả của cuốn sách nhỏ mang tên 'Sự cần thiết của chủ nghĩa vô thần', kết hôn với một cô gái tốt bụng tên Mary, và sau đó bị chết đuối trong một cơn bão dữ dội ngoài khơi Vịnh Larici.

*Dù ghét Shelley ra mặt, Robin vẫn đọc những suy nghĩ của ông về dịch thuật, điều mà anh miễn cưỡng thừa nhận là đáng nể: ‘Vì thế, dịch thuật thật phù phiếm; đem một bông violet bỏ vào nồi nung để tìm ra nguyên lý hình thành nên màu sắc và hương thơm của nó cũng khôn ngoan như tìm cách truyền tải những sáng tạo của một nhà thơ từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Cây phải mọc lại từ hạt giống của nó, nếu không sẽ chẳng có bông hoa nào nở – và đây chính là gánh nặng của lời nguyền Babel.’

*Ví dụ: ‘Bạn biết người Pháp nói gì về một tình huống không may không?*Triste comme un repas sans fromage*Buồn như bữa ăn thiếu phô mai. Mà thực ra, đó cũng là tình trạng của tất cả phô mai Anh.

*Karl Wilhelm von Humboldt có lẽ nổi tiếng nhất với tác phẩm viết năm 1836 "Về Sự Khác Biệt về Cấu Trúc của Ngôn Ngữ Loài Người và Ảnh Hưởng của nó đến Sự Phát Triển Trí Tuệ của Nhân Loại", trong đó, ngoài những luận điểm khác, ông lập luận rằng ngôn ngữ của một nền văn hóa gắn bó sâu sắc với năng lực và đặc điểm tinh thần của những người nói ngôn ngữ đó, điều này giải thích tại sao tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp phù hợp hơn cho lập luận trí tuệ phức tạp so với, chẳng hạn như tiếng Ả Rập.

*Ứng dụng quân sự của cặp đồ này thực sự không hữu ích như Giáo sư Playfair đã nói. Việc chỉ định là bất khả thi*which*những mảnh kiến thức mà người ta muốn xóa bỏ, và thường thì cặp đối xứng chỉ khiến lính địch quên cách buộc dây giày, hoặc quên cách nói thứ tiếng Anh rời rạc mà chúng biết. Công tước Wellington không hề ấn tượng.

*Vào cuối thế kỷ thứ mười tám, đã có một cơn sốt ngắn ngủi về tiềm năng chế tác bạc của các ngôn ngữ nhân tạo như Lingua Ignota huyền bí của nữ tu viện trưởng Hildegard xứ Bingen, với bảng chú giải thuật ngữ hơn một nghìn từ; ngôn ngữ chân lý của John Wilkins, bao gồm một sơ đồ phân loại phức tạp cho mọi thứ đã biết trong vũ trụ; và 'Ngôn ngữ Phổ quát' của Ngài Thomas Urquhart xứ Cromarty, thứ đã cố gắng giản lược thế giới thành một biểu thức toán học hoàn toàn hợp lý. Tất cả những điều này đều vấp phải một trở ngại chung mà sau đó được chấp nhận là sự thật cơ bản tại Babel: rằng ngôn ngữ không chỉ là mật mã, mà phải được sử dụng để bày tỏ bản thân với người khác.

* Cơn bão.

* Bão.

*‘*Awkward*, Victoire sẽ nói, chỉ tay vào Robin, ‘xuất phát từ tiếng Bắc Âu cổ*aufgr*, có nghĩa là “bị lật ngược, giống như một con rùa bị lật ngửa”.

Vậy thì*Victoire*phải bắt nguồn từ*vicious*, không*Victoria*, vì ngươi chẳng là gì ngoài sự xấu xa,’ Robin sẽ đáp trả.

* Ni.

* Niết bàn.

*Nói giảm nhẹ quá. Chỉ vài thập kỷ ngắn ngủi sau khi Potosí được "khám phá" vào năm 1545, thành phố bạc đã trở thành một cạm bẫy chết người cho những người nô lệ châu Phi và những người lao động bản địa bị bắt đi làm việc giữa hơi thủy ngân, nước bẩn và chất thải độc hại. "Vua của những ngọn núi và niềm ghen tị của các vị vua" của Tây Ban Nha là một kim tự tháp được xây dựng trên những thi thể bị mất do bệnh tật, những cuộc hành quân cưỡng bức, suy dinh dưỡng, làm việc quá sức và một môi trường bị nhiễm độc.

*Hai tuần sau khi kỳ Michaelmas bắt đầu, vài sinh viên năm nhất ở Balliol đã thuê mấy chiếc thuyền punt, rồi trong cơn say túy lúy túy, đã gây ra một vụ tắc nghẽn giữa dòng sông Cherwell, khiến ba chiếc sà lan và một nhà thuyền bị đâm vào nhau, thiệt hại ước tính lên đến hàng ngàn bảng Anh. Để phạt, trường đại học đã đình chỉ tất cả các cuộc đua thuyền cho đến năm sau.

*Phải cực kỳ nghiêm túc và thận trọng mới có thể đóng góp được gì cho cuốn Grammatica. Oxford vẫn còn chưa nguôi ngoai sau vụ bẽ mặt bởi George Psalmanazar, một giảng viên thỉnh giảng người Pháp, kẻ tự xưng đến từ Đài Loan, giải thích cho làn da trắng của mình bằng cách nói rằng người Đài Loan sống dưới lòng đất. Hắn ta đã giảng dạy và xuất bản các công trình về ngôn ngữ Đài Loan trong nhiều thập kỷ trước khi bị phanh phui là một kẻ bịp bợm hoàn toàn.

*Omar ibn Said là một học giả Hồi giáo Tây Phi bị bắt làm nô lệ vào năm 1807. Khi ông viết tự truyện vào năm 1831, ông vẫn là nô lệ của chính trị gia người Mỹ James Owen ở Bắc Carolina. Ông vẫn là nô lệ cho đến cuối đời.

*Đây chỉ mới là khởi đầu cho hàng loạt thiếu sót trong công trình của Schlegel. Ông coi Hồi giáo là một 'chủ nghĩa thần luận trống rỗng, chết chóc'. Ông cũng cho rằng người Ai Cập là hậu duệ của người Ấn Độ, và lập luận rằng tiếng Trung Quốc và tiếng Do Thái kém hơn tiếng Đức và tiếng Phạn vì chúng thiếu biến cách.

*Nhiều khách hàng của Babel sẵn sàng tin rằng đồ bạc của họ được chế tác bằng ngoại ngữ, chứ không phải việc bảo trì chúng lại cần đến các học giả nước ngoài, và đã không ít lần Giáo sư Chakravarti phải nhờ một trong những sinh viên năm tư da trắng đi cùng ông và Robin chỉ để họ có thể bước qua cửa.

*Bản thảo được đề cập – có tên là Bản thảo Baresch, đặt theo tên nhà giả kim thuật đã công bố nó – là một tập sách da dê về nội dung dường như là ma thuật, khoa học hoặc thực vật học. Nó được viết bằng một bảng chữ cái kết hợp một số ký tự Latinh và các ký tự hoàn toàn xa lạ; bảng chữ cái này không sử dụng chữ hoa và dấu câu. Chữ viết có vẻ gần giống với tiếng Latinh, và thực sự có sử dụng các chữ viết tắt Latinh, nhưng mục đích và ý nghĩa của bản thảo vẫn còn là một bí ẩn kể từ khi nó được phát hiện. Bản thảo được Babel mua lại vào giữa thế kỷ XVIII, và kể từ đó nhiều học giả của Babel đã thất bại trong việc dịch nó; bảng chữ cái được sử dụng cho các liên kết cộng hưởng lấy cảm hứng từ các ký tự của bản thảo nhưng không đại diện cho bất kỳ tiến bộ nào trong việc giải mã bản gốc.

*Và ngay cả nghi thức thi cử này cũng khá nhẹ nhàng so với cách thức được thực hiện vào cuối thế kỷ thứ mười tám. Khi đó, sinh viên năm tư phải trải qua cái gọi là "bài kiểm tra cửa", trong đó những người vừa dự thi xếp hàng để bước qua cổng vào sáng hôm sau khi chấm điểm xong. Những người đậu sẽ bước qua cửa mà không gặp khó khăn gì; những người trượt sẽ bị tòa tháp coi là kẻ xâm phạm và phải chịu bất kỳ hình phạt bạo lực nào mà các lớp bảo vệ hiện tại được thiết kế để giáng xuống. Tục lệ này cuối cùng đã bị bãi bỏ với lý do gây thương tích không phải là hình phạt tương xứng cho việc học tập kém, nhưng Giáo sư Playfair vẫn vận động hàng năm để khôi phục nó.

*Dù nhiều sinh viên tốt nghiệp Babel rất vui khi làm việc ở khoa Văn chương hoặc Luật pháp, kỳ thi gia công bạc lại có mức độ quan trọng cao hơn đối với các học giả nước ngoài, những người khó tìm được vị trí danh giá ở các khoa khác ngoài tầng tám, nơi khả năng thông thạo các ngôn ngữ ngoài châu Âu của họ được coi trọng nhất. Griffin, sau khi trượt bài kiểm tra gia công bạc, đã được đề nghị tiếp tục theo học Luật. Nhưng Giáo sư Lovell luôn bày tỏ niềm tin rằng không có gì quan trọng ngoài gia công bạc, và tất cả các khoa khác đều dành cho những kẻ đần độn, thiếu tài năng và không có trí tưởng tượng. Griffin tội nghiệp, người đã lớn lên dưới mái nhà khinh miệt và khắc nghiệt của ông, cũng đồng ý như vậy.

*Tiếng Anh*night* và tiếng Tây Ban Nha*noche*, chẳng hạn, đều bắt nguồn từ tiếng Latinh*nox*.

*Một cái bẫy khó lường như bạn giả dối chính là từ nguyên dân gian: những từ nguyên không chính xác được gán cho các từ bởi niềm tin phổ biến, trong khi thực tế chúng có nguồn gốc khác. Từ*handiron*, chẳng hạn, nghĩa là một dụng cụ bằng kim loại dùng để đỡ củi trong lò sưởi. Người ta dễ suy diễn từ nguyên của nó liên quan đến các từ*hand* và *iron* riêng biệt. Nhưng *handiron* thực sự bắt nguồn từ tiếng Pháp *andier* điều mà sau này đã trở thành *andire* bằng tiếng Anh.

* *Jīxīn*:Tim gà; *jìxing*:Trí nhớ.

*Một lỗi hợp lý. Các nhân vật trong*yànshǐ*làDâm sử.Sử,*shǐ*, nghĩa là ‘lịch sử’.Yến,*yàn*có thể mang nghĩa "sặc sỡ" lẫn "gợi tình, lãng mạn".

* Tươi.

*Gabriel Shire Tregear, một người bán tranh in ở Luân Đôn và là một kẻ phân biệt chủng tộc cực đoan, đã phát hành một loạt tranh biếm họa có tên là "Những trò đùa đen của Tregear" vào những năm 1830, nhằm mục đích chế giễu sự hiện diện của người da đen trong các tình huống xã hội mà Tregear cho rằng họ không thuộc về.

*Vào giữa thế kỷ thứ mười tám, các học giả Babel đã nhất thời bị cuốn vào một cơn sốt chiêm tinh học, và một số kính viễn vọng tối tân đã được đặt lên mái nhà cho những học giả tin rằng họ có thể tìm ra những cặp đôi phù hợp từ tên của các cung hoàng đạo. Những nỗ lực này chẳng bao giờ mang lại điều gì thú vị, vì chiêm tinh học là giả dối, nhưng việc ngắm sao thì thật dễ chịu.

*Milton, 1645:

Hãy đến, và cứ nhảy chân sáo khi bước đi,

Nhẹ nhàng như bay.

*Vào thời điểm đó, chính quyền ở Oxford, giống như ở London, dường như coi người nghèo như trẻ con, hoặc động vật, chứ không phải là những người trưởng thành, thông minh.

*Cũng như mọi thứ quý giá và đắt đỏ khác, thị trường chợ đen dành cho bạc giả và bạc nghiệp dư vô cùng sôi động. Ở New Cut, người ta có thể mua bùa xua đuổi loài gặm nhấm, chữa bách bệnh thông thường và thu hút những công tử giàu có. Hầu hết đều được chế tạo mà không có kiến thức cơ bản về nguyên lý chế tác bạc, và bao gồm những câu thần chú phức tạp bằng ngôn ngữ bịa đặt, thường là bắt chước các ngôn ngữ phương Đông. Tuy nhiên, đôi khi, một số lại là ứng dụng khá sắc sảo của từ nguyên học dân gian. Vì lý do này, Giáo sư Playfair đã tiến hành khảo sát hàng năm về các cặp bạc lậu, mặc dù việc sử dụng khảo sát này là một vấn đề tối mật.

*Vì vậy, Babel và Morse đã khiến các nhà phát minh William Cooke và Charles Wheatstone vô cùng bực bội, bởi vì cỗ máy điện báo của họ mới được lắp đặt trên tuyến đường sắt Great Western chỉ hai năm trước đó. Tuy nhiên, điện báo của Cooke và Wheatstone sử dụng kim chuyển động để chỉ vào một bảng ký hiệu được thiết lập sẵn, không cung cấp được phạm vi giao tiếp rộng như điện báo dựa trên tiếng click đơn giản hơn của Morse.

*Trong một hành động hào phóng đáng kinh ngạc về mặt học thuật, họ đã cho phép hệ thống cải tiến này cũng được gọi là Mã Morse.

*Danh sách những lỗi lầm mà sinh viên đại học Babel từng thoát tội bao gồm say xỉn nơi công cộng, đánh nhau, chọi gà, và cố ý thêm thô tục vào bài đọc kinh cầu nguyện bằng tiếng Latinh trước bữa tối ở hội trường.

*Nhân vậtBùmđược cấu tạo bởi hai bộ thủ: LửavàBạo lực.

*Mặc dù Ramy không hề hay biết, nhưng lúc bấy giờ cậu đang là trung tâm của một cuộc tranh luận giữa phe Phương Đông học, bao gồm cả Ngài Horace Wilson, người ủng hộ việc dạy tiếng Phạn và tiếng Ả Rập cho sinh viên Ấn Độ, và phe Anh hóa, bao gồm cả ông Trevelyan, người tin rằng những sinh viên Ấn Độ triển vọng nên được dạy tiếng Anh.

Cuộc tranh luận này nghiêng hẳn về phía những người theo chủ nghĩa Anh hóa, được đại diện rõ nhất bởi "Bản ghi nhớ về Giáo dục" khét tiếng của Lãnh chúa Thomas Macaulay vào tháng 2 năm 1835: "Hiện tại, chúng ta phải nỗ lực hết sức để tạo ra một tầng lớp có thể làm trung gian giữa chúng ta và hàng triệu người mà chúng ta cai trị - một tầng lớp người Ấn Độ về dòng máu và màu da, nhưng Anh Quốc về thị hiếu, quan điểm, đạo đức và trí tuệ."

*Việc Wilson được bầu vào vị trí này đã gây ra một số tranh cãi. Ông đã cạnh tranh gay gắt với Mục sư W.H. Mill trong cuộc bầu cử, và những người ủng hộ Mục sư Mill đã lan truyền tin đồn rằng Wilson không đủ tư cách cho công việc này, vì ông ta có tám người con ngoài giá thú. Những người ủng hộ Wilson đã bảo vệ ông với lý do rằng trên thực tế, ông chỉ có hai.

*Tạm biệt; xin Chúa phù hộ cho bạn.

*Sự bùng nổ của đường sắt Anh Quốc diễn ra rất nhanh chóng sau khi phát minh ra động cơ hơi nước. Tuyến đường Liverpool đến Manchester dài 35 dặm, được xây dựng vào năm 1830, là tuyến đường sắt đầu tiên được xây dựng cho mục đích sử dụng chung, và gần 7.000 dặm đường ray đã được đặt khắp nước Anh kể từ đó. Tuyến đường từ Oxford đến London đáng lẽ đã được xây dựng sớm hơn nhiều, nhưng các giáo sư của Oxford đã trì hoãn nó gần bốn năm với lý do việc dễ dàng tiếp cận những cám dỗ của thủ đô sẽ tàn phá đạo đức của những quý ông trẻ tuổi, ngây thơ được giao phó cho họ chăm sóc. Và cũng bởi vì tiếng ồn.

*Cuối cùng Baynes đặt một khẩu đại bác trước cửa Hiệu buôn Anh để ngăn người Trung Quốc bắt cóc vợ mình, và mọi chuyện vô cùng náo nhiệt suốt hai tuần cho đến khi người phụ nữ kia cuối cùng cũng chịu nghe lời khuyên bảo mà rời đi trong hòa bình.

*Hội này, được thành lập vào tháng 11 năm 1834, ra đời với mục tiêu thúc đẩy nhà Thanh mở cửa hơn với các thương nhân và nhà truyền giáo phương Tây bằng cách triển khai “pháo đài trí thức”. Nó được lấy cảm hứng từ Hội London, nơi đã hào phóng nâng đỡ người nghèo và ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan chính trị thông qua việc ban tặng giáo dục.

*Mục sư Gützlaff quả thực thường được gọi là Ái Hán Giả, nghĩa là "Người yêu nước Trung Hoa". Biệt danh này không hề mỉa mai; Gützlaff thực sự tự coi mình là người bảo vệ cho nhân dân Trung Quốc, những người mà ông mô tả trong thư từ là tốt bụng, thân thiện, cởi mở và ham học hỏi nhưng lại không may bị "Satan trói buộc". Việc ông có thể dung hòa thái độ này với việc ủng hộ buôn bán thuốc phiện vẫn là một mâu thuẫn thú vị.

* Hàng ngoại.

* Trời quang mây tạnh,*qīngtiān*;*qīng*nghĩa là "rõ ràng",*tiān*nghĩa là 'bầu trời'.

* *Guǐ*(Ma quỷ) có thể mang nghĩa "ma quỷ" hoặc "yêu tinh"; trong ngữ cảnh này, nó thường được dịch là "thây ma Tây" hoặc "quỷ Tây".

*Điều này đúng, mặc dù Ramy chỉ làm vậy vì nếu không thì anh ta sẽ không được phép nhập học.

Tôn giáo luôn là vấn đề gây tranh cãi giữa bốn người họ. Mặc dù trường đại học bắt buộc tất cả phải tham dự lễ nhà thờ vào Chủ nhật, nhưng chỉ có Letty và Victoire tự nguyện làm như vậy; tất nhiên, Ramy thì căm ghét từng phút, còn Robin thì được Giáo sư Lovell nuôi dạy trở thành một người vô thần sùng đạo. "Cơ đốc giáo thật man rợ," Giáo sư Lovell nhận xét. "Toàn là tự hành xác, kìm nén giả tạo, và những nghi lễ đẫm máu, mê tín dị đoan chỉ để ngụy biện cho việc làm bất cứ điều gì mình muốn. Hãy đến nhà thờ nếu họ bắt buộc, nhưng hãy coi đó là cơ hội để luyện tập đọc thuộc lòng."

*Horace, bàn về giáo dục thanh niên để tránh sa ngã. 'Hương vị đầu tiên ngâm vào thùng sẽ lưu lại rất lâu.'

*Từ tiếng Latinh*rabere*phát cuồng, điên loạn

* Lời nói khó đuổi..

*Ở đây, Letty đang đề cập đến việc thành lập các hội nhân đạo nhằm bảo vệ người bản địa trong các lãnh thổ của Anh, chẳng hạn như các tác giả Tin Lành của "Báo cáo của Ủy ban Tuyển chọn Quốc hội về các Bộ lạc Thổ dân" năm 1837, mặc dù thừa nhận sự hiện diện của Anh là "nguồn gốc của nhiều tai họa cho các quốc gia chưa khai hoá", vẫn khuyến nghị tiếp tục mở rộng việc định cư của người da trắng và truyền bá các nhà truyền giáo Anh ở Úc và New Zealand dưới danh nghĩa một "sứ mệnh khai hoá" thiêng liêng. Họ lập luận rằng, người Thổ dân sẽ không phải chịu đựng nhiều như vậy nếu họ học cách ăn mặc, nói năng và cư xử như những Cơ đốc nhân đúng đắn. Tất nhiên, mâu thuẫn lớn ở đây là không có thứ gọi là thực dân nhân đạo. Trong khi đó, đóng góp của Babel cho sứ mệnh này là cung cấp tài liệu giảng dạy tiếng Anh cho các trường học truyền giáo và dịch luật sở hữu của Anh sang ngôn ngữ của các dân tộc bị di dời bởi sự định cư của thực dân.

*Đây là một lời nói dối trắng trợn, và là điều mà người Anh da trắng rất sẵn lòng tin tưởng. Bất chấp lập luận tiếp theo của Victoire, chế độ nô lệ vẫn tiếp tục tồn tại ở Ấn Độ dưới sự cai trị của Công ty Đông Ấn trong một thời gian dài sau đó. Thực tế, chế độ nô lệ ở Ấn Độ đã được loại trừ cụ thể khỏi Đạo luật Giải phóng Nô lệ năm 1833. Mặc dù những người theo chủ nghĩa bãi nô ban đầu tin rằng Ấn Độ dưới thời Công ty Đông Ấn là một quốc gia lao động tự do, nhưng Công ty Đông Ấn đã đồng lõa, trực tiếp hưởng lợi và trong nhiều trường hợp khuyến khích hàng loạt các hình thức nô dịch, bao gồm lao động cưỡng bức trên đồn điền, lao động gia đình và lao động theo khế ước. Việc từ chối gọi những hành vi như vậy là nô lệ chỉ vì chúng không hoàn toàn khớp với mô hình nô lệ đồn điền xuyên Đại Tây Dương là một hành động mù quáng về ngữ nghĩa hết sức sâu sắc.

Nhưng người Anh, rốt cuộc, lại cực kỳ giỏi trong việc dung chứa những mâu thuẫn trong đầu họ. Ngài William Jones, một người theo chủ nghĩa bãi nô mạnh mẽ, đồng thời lại thừa nhận về gia đình mình, “Tôi có những nô lệ mà tôi đã cứu khỏi cái chết và khổ sở, nhưng coi họ như những người hầu.”

*Những người theo chủ nghĩa Đức nghèo khổ luôn thua các nhà ngôn ngữ học Roman trong những cuộc đấu khẩu này, vì họ phải đối mặt với việc nghe những lời của chính vua Frederick II của Phổ bị ném lại vào mặt họ. Frederick đã quá sợ hãi trước sự thống trị văn học của tiếng Pháp đến nỗi ông đã viết một bài luận vào năm 1780, bằng tiếng Pháp, chỉ trích tiếng mẹ đẻ của mình là nửa man rợ, không tinh tế và khó nghe. Sau đó, ông đề xuất cải thiện âm thanh của tiếng Đức bằng cách thêm-*a*như âm tiết cuối cùng cho một lượng lớn động từ để khiến chúng nghe có vẻ giống tiếng Ý hơn.

* *Gora*trắng bệch*Sahib*– một lời chào kính trọng. Nhưng khi ghép lại với nhau, với đúng ngữ điệu mỉa mai và gay gắt, nó lại mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Đừng quên rằng, mặc dù Jones luôn miệng bày tỏ tình yêu và sự ngưỡng mộ đối với các ngôn ngữ Ấn Độ trong suốt sự nghiệp của mình, nhưng ban đầu ông ta lại chú tâm nghiên cứu tiếng Phạn vì nghi ngờ những người phiên dịch bản địa không trung thực và đáng tin cậy.

*Các dự án khác bao gồm, trong số đó:

Một phân tích so sánh về số lượng chú thích được thêm vào các bản dịch văn bản châu Âu so với văn bản ngoài châu Âu. Griffin nhận thấy, văn bản ngoài châu Âu thường bị chất đầy một lượng đáng kinh ngạc bối cảnh giải thích, đến mức văn bản không bao giờ được đọc như một tác phẩm độc lập, mà luôn luôn qua lăng kính dẫn dắt của người dịch (da trắng, châu Âu).

2. Khảo sát tiềm năng của ngôn từ bắt nguồn từ biệt ngữ và mật ngữ trong việc chế tác/sáng tạo nghệ thuật ngôn từ.

3. Kế hoạch đánh cắp và sau đó trả lại Đá Rosetta cho Ai Cập.

*Hội Hermes cũng có quan hệ với các trung tâm dịch thuật tại các trường đại học ở Mỹ, nhưng những nơi này thậm chí còn hà khắc và nguy hiểm hơn cả Oxford. Thứ nhất, chúng được thành lập bởi các chủ nô, xây dựng và duy trì bằng lao động nô lệ, và nguồn tài trợ của chúng được duy trì bởi việc buôn bán nô lệ. Thứ hai, các trường đại học Mỹ này, kể từ khi thành lập, đã bận tâm với dự án truyền giáo, loại bỏ và xóa sổ người bản địa; Trường Cao đẳng Da đỏ, được thành lập năm 1655 tại Đại học Harvard, hứa hẹn miễn học phí và nhà ở cho sinh viên bản địa, những người bị yêu cầu phải nói tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp, cải đạo sang Cơ đốc giáo, và hoặc đồng hóa vào xã hội da trắng hoặc trở về làng của họ để truyền bá văn hóa và tôn giáo Anh. Một chương trình tương tự tại Trường Cao đẳng William và Mary đã được hiệu trưởng của họ, Lyon G. Tyler, mô tả như một nhà tù, nơi trẻ em bản địa 'phục vụ như những con tin cho hành vi tốt của những người còn lại'.

*Điều này đúng.*Nice*bắt nguồn từ tiếng Pháp cổ*nice*(yếu đuối, vụng về, ngớ ngẩn), từ tiếng Latinh*nescius*(ngu dốt, không biết).

*Thomas Love Peacock, nhà văn tiểu luận, nhà thơ, và là bạn của Percy Bysshe Shelley, cũng đã có một sự nghiệp lâu dài ở Ấn Độ với tư cách là một quan chức của Công ty Đông Ấn. Vào năm đó, ông là Trưởng Khảo thí Thư tín Ấn Độ.

*Mô-típ hoặc luận điểm ưa thích của ai đó.

*Đây không phải là một câu trích dẫn từ Sách Sáng Thế, cuốn sách kể lại sự phân tán ngôn ngữ tại Babel bằng những từ ngữ nhẹ nhàng hơn nhiều. Đúng hơn, nó đến từ Khải Huyền Baruch lần thứ ba, bị gán ghép sai cho kinh sư Baruch ben Neriah. Trong một cơn vỡ mộng, Griffin đã có thời gian ngắn theo đuổi một dự án kể lại nhiều phiên bản khác nhau về sự sụp đổ của Babel.

* Mùi thuốc súng.

* Thỏ chết cáo buồn..

*Hắn sẽ chẳng bao giờ biết được rằng đã có một thời Griffin, Sterling, Anthony và Evie đã xem nhau như một nhóm bạn gắn bó vĩnh cửu như nhóm của Robin; hay rằng Griffin và Sterling đã từng cãi nhau vì Evie, một Evie tươi sáng, rực rỡ, thông minh và xinh đẹp, hay rằng Griffin thực sự không cố ý khi hắn giết cô. Trong những lần kể lại về đêm hôm đó, Griffin tự biến mình thành một kẻ sát nhân bình tĩnh và có chủ đích. Nhưng sự thật là, giống như Robin, hắn đã hành động mà không suy nghĩ, xuất phát từ cơn giận, từ nỗi sợ hãi, chứ không phải từ ác ý; hắn thậm chí còn không thực sự tin rằng nó sẽ hiệu quả, vì bạc chỉ phản ứng lẻ tẻ với mệnh lệnh của hắn, và hắn không biết mình đã làm gì cho đến khi Evie nằm chảy máu lênh láng trên sàn nhà. Hắn cũng sẽ không bao giờ biết rằng Griffin, không giống như Robin, đã không có nhóm bạn nào để dựa vào sau hành động của mình, không ai giúp hắn hấp thụ cú sốc của bạo lực này. Và vì vậy, hắn đã nuốt chửng nó, cuộn tròn trong đó, biến nó thành một phần của chính mình - và trong khi đối với những người khác, đây có thể là bước đầu tiên trên con đường dẫn đến điên loạn, thì Griffin Lovell lại mài giũa khả năng giết chóc này thành một thứ vũ khí sắc bén và cần thiết.

*Thỏi bạc bổ sung này là một trong những cặp đồ vật bằng bạc hiếm hoi được chế tác theo kiểu Anh cổ - Anh hiện đại, do một học giả Hermes, John Fugues, tạo ra. Ông đã tham gia vào một dự án trong những năm 1780, nơi các học giả tự nhốt mình trong một lâu đài và chỉ nói tiếng Anh cổ với nhau trong ba tháng. (Những thí nghiệm như vậy đã không được lặp lại kể từ đó, mặc dù không phải vì thiếu kinh phí; Babel đơn giản là không thể tìm thấy những tình nguyện viên sẵn sàng trải qua sự cô lập cực đoan tương tự, cộng với việc không thể diễn đạt bản thân đúng cách với người khác.) Tiếng Anh cổ*bēacen*ám chỉ những tín hiệu âm thanh, điềm báo và dấu hiệu – thay vì nghĩa tiếng Anh khá đơn điệu, chỉ đề cập đến một tín hiệu lửa lớn.

* Lợn chết không sợ nước sôi..

*Lỗ hổng này, thực ra, là cố ý. Trong những ngày đầu, tòa tháp đã tấn công dữ dội cả những người vào lẫn những kẻ bỏ trốn, nhưng kết giới lại không chính xác, và số lượng người bị thương oan gia tăng cho đến khi chính quyền thành phố khăng khăng phải có một hình thức tố tụng hợp pháp nào đó. Giải pháp của Giáo sư Playfair là chỉ bắt kẻ trộm khi chúng rời đi, lúc mà bằng chứng buộc tội sẽ nằm trong túi của chúng hoặc nằm rải rác trên những viên đá cuội xung quanh.

*Quyết định này đã là vấn đề tranh cãi gay gắt giữa Robin và Victoire. Robin muốn giữ tất cả các học giả làm con tin; Victoire, ngược lại, đã đưa ra lập luận thuyết phục rằng vài chục học giả sẽ dễ dàng tuân theo việc bị ép ra khỏi tòa nhà bằng súng hơn là bị nhốt trong tầng hầm hàng tuần liền, không có chỗ tắm rửa, giặt giũ hay đi vệ sinh.

*Từ*strike*, liên quan đến lao động, ban đầu mang hàm ý phục tùng. Tàu thuyền sẽ hạ, hoặc xếp, buồm khi đầu hàng quân địch hoặc chào cấp trên. Nhưng khi các thủy thủ vào năm 1768 xếp buồm để phản đối, yêu cầu tăng lương, họ đã biến*strike*từ một hành động phục tùng đến một hành động bạo lực mang tính chiến lược; bằng cách ngừng lao động, họ đã chứng minh rằng thực tế họ là không thể thiếu.

*Động từTrên tường.(*bhintte*) sử dụng gốc từ tiếng PhạnẨm ướt(*bhid*), nghĩa là ‘phá vỡ, xuyên thủng, tấn công, hoặc phá hủy’.Trên tường.mang nhiều nghĩa khác nhau, bao gồm ‘làm gãy, làm xao nhãng, làm tan rã, và làm chia rẽ’.

*Giáo sư Craft đã lấy máu của Robin và Victoire rồi đặt lại những lọ thuốc của họ vào trong tường; giờ đây họ có thể tự do ra vào tòa tháp như trước.

*Chiến thuật nổi dậy lan truyền nhanh chóng. Công nhân dệt may Anh đã học được những kỹ thuật dựng chướng ngại vật này từ các cuộc nổi dậy Canut năm 1831 và 1834 của công nhân tơ lụa ở Lyon. Những cuộc nổi dậy đó đã bị đàn áp tàn bạo – nhưng, điều quan trọng là, chúng không giữ toàn bộ quốc gia làm con tin.

*Nếu năng lực tổ chức này khiến người ta ngạc nhiên, hãy nhớ rằng cả Babel lẫn chính phủ Anh đều đã phạm sai lầm lớn khi cho rằng tất cả các phong trào chống bạc trong thế kỷ đó đều là những cuộc bạo loạn tự phát do những kẻ thất học, bất mãn và thấp hèn gây ra. Ví dụ, người Luddite, bị bôi nhọ là những kẻ phá máy móc vì sợ công nghệ, thực chất là một phong trào nổi dậy tinh vi, bao gồm các nhóm nhỏ, kỷ luật tốt, sử dụng ngụy trang và ám hiệu, gây quỹ và thu thập vũ khí, khủng bố đối thủ và thực hiện các cuộc tấn công có mục tiêu, được lên kế hoạch kỹ lưỡng. (Và, mặc dù đúng là phong trào Luddite cuối cùng đã thất bại, nhưng đó là sau khi Quốc hội phải huy động mười hai nghìn quân để dập tắt nó – nhiều quân hơn số quân đã chiến đấu trong Chiến tranh Bán đảo.) Chính trình độ huấn luyện và tính chuyên nghiệp này mà người của Abel đã mang đến cuộc đình công ở Babel.

* *Barricade*bắt nguồn từ tiếng Tây Ban Nha*barrica*, nghĩa là ‘thùng’, khối xây dựng cơ bản của những chướng ngại vật đầu tiên. Bên cạnh ý nghĩa lịch sử, thùng là vật liệu tốt để làm chướng ngại vật vì nhiều lý do: chúng dễ vận chuyển, dễ đổ đầy cát hoặc đá, và dễ xếp chồng lên nhau tạo thành lỗ châu mai cho lính bắn tỉa ẩn nấp phía sau.

*Quan trọng là, tất cả mọi thứ chạy bằng hơi nước đều gặp rắc rối. Hóa ra, Giáo sư Lovell đã kiếm được phần lớn tài sản của mình bằng cách biến động cơ hơi nước từ một công nghệ phức tạp và khó chiều thành một nguồn năng lượng đáng tin cậy cung cấp năng lượng cho gần như toàn bộ hạm đội Anh. Sáng kiến vĩ đại của ông thực ra khá đơn giản: trong tiếng Trung, chữ cho*vapour*đãKhí(*qì*), từ này cũng mang hàm ý về tinh thần và năng lượng. Khi được lắp đặt trên các động cơ do Richard Trevithick chế tạo vài thập kỷ trước đó, nó đã tạo ra một lượng năng lượng đáng kinh ngạc chỉ với một phần nhỏ chi phí than đá. (Các nhà nghiên cứu trong những năm 1830 đã khám phá các ứng dụng của cặp đôi hoàn hảo này trong vận tải hàng không, nhưng họ đã không đi được xa vì những quả bóng bay liên tục phát nổ hoặc bắn lên tầng bình lưu.)

Phát minh duy nhất này, một số người cho rằng, đã giải thích cho chiến thắng của Anh tại Trafalgar. Giờ đây, toàn nước Anh vận hành bằng hơi nước. Đầu máy hơi nước đã thay thế nhiều phương tiện xe ngựa; tàu chạy bằng động cơ hơi nước hầu như đã thay thế tàu buồm. Nhưng nước Anh thực sự có rất ít phiên dịch viên tiếng Trung, và, ngoại trừ Robin và Giáo sư Chakravarti, tất cả những phiên dịch viên khác đều đã chết hoặc ở nước ngoài, thật không may. Nếu không được bảo trì định kỳ, năng lượng hơi nước sẽ không hoàn toàn ngừng hoạt động, nhưng nó sẽ mất đi sức mạnh độc đáo của mình; đó là hiệu suất đáng kinh ngạc đã đưa tàu của Anh vượt xa bất cứ thứ gì mà hạm đội Mỹ hoặc Tây Ban Nha có thể đạt được.

*Chẳng hạn, bảng chữ cái Baresch được sử dụng trên các thanh cộng hưởng không thực sự cần thiết cho chức năng của chúng; nó được tạo ra bởi các học giả Babel chỉ để công nghệ cộng hưởng độc quyền của họ vẫn khó hiểu đối với người ngoài. Thực sự đáng kinh ngạc khi biết bao nhiêu sự khan hiếm tài nguyên mà giới học thuật cảm nhận được lại do con người tạo ra một cách giả tạo.

*Abel liên tục cập nhật những tin tức kinh hoàng. Trên sông Cherwell, một nhà thuyền va chạm với một sà lan vận tải do hệ thống định vị của cả hai bị hỏng, gây ra một vụ va chạm hỗn loạn giữa dòng sông. Ba người chết, bị mắc kẹt trong khoang chìm. Ở Jericho, một đứa trẻ bốn tuổi bị bánh xe ngựa nghiến chết khi cỗ xe mất kiểm soát. Ngoài Kensington, một cô gái mười bảy tuổi và người yêu bị chôn sống khi tàn tích của một tháp chuông nhà thờ đổ sập xuống họ trong một cuộc gặp gỡ lúc nửa đêm.

*Vào một ngày thứ Tư, hai chiếc xe chở hàng va chạm, một trong số đó chất đầy thùng rượu brandy hảo hạng. Khi mùi thơm ngọt ngào lan ra đường phố, một đám đông nhỏ những người đứng xem đã xông vào hớt rượu bằng tay không, và mọi chuyện diễn ra vui vẻ cho đến khi một người đàn ông với tẩu thuốc đang cháy bước vào đám đông, biến con phố thành một biển lửa với người, ngựa và những thùng rượu nổ tung.

*Báo chí luôn gọi những người đình công là ngoại quốc; là người Hoa, người Ấn, người Ả Rập và người châu Phi. (Kệ Giáo sư Craft.) Họ không bao giờ là người Oxford, họ không bao giờ là người Anh, họ là những kẻ du lịch từ nước ngoài đã lợi dụng lòng tốt của Oxford, và giờ đang nắm giữ cả nước làm con tin.*Babel*đã trở thành đồng nghĩa với*foreign*, và điều này hết sức kỳ lạ, bởi trước đó, Viện Dịch thuật Hoàng gia luôn được coi là báu vật quốc gia, một tổ chức mang đậm tính Anh Quốc.

Nhưng rồi nước Anh, và tiếng Anh, luôn mang ơn người nghèo, người thấp hèn, và người ngoại quốc nhiều hơn là nó muốn thừa nhận. Từ*vernacular*bắt nguồn từ tiếng Latinh*verna*, nghĩa là 'nô lệ trong nhà'; điều này nhấn mạnh tính bản địa, tính chất gia đình của ngôn ngữ bản xứ. Nhưng gốc*verna*cũng cho thấy nguồn gốc thấp hèn của ngôn ngữ được nói bởi những người quyền lực; những thuật ngữ và cụm từ được phát minh bởi nô lệ, người lao động, người ăn xin và tội phạm - thứ tiếng lóng thô tục, có thể nói như vậy - đã thâm nhập vào tiếng Anh cho đến khi chúng trở nên chuẩn mực. Và tiếng Anh bản địa cũng không thể được gọi là nội địa một cách đúng đắn, bởi vì từ nguyên tiếng Anh có nguồn gốc từ khắp nơi trên thế giới.*Almanacs*và*algebra*có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập;*pyjamas*từ tiếng Phạn,*ketchup*từ tiếng Trung, và*paddies*từ tiếng Mã Lai. Chỉ khi lối sống của giới thượng lưu Anh bị đe dọa, những người Anh chân chính, dù họ là ai, mới cố gắng loại bỏ tất cả những gì đã tạo nên họ.

*Cứ để chúng căm ghét, miễn là chúng sợ hãi.

*Nhưng đó chính là một phần trong sự tinh vi của Babel. Bằng cách cô lập họ, bằng cách làm họ phân tâm với chương trình học đến mức họ không bao giờ có cơ hội hình thành các mối quan hệ ngoài nhóm của mình, nó đã cắt đứt mọi con đường dẫn đến sự đoàn kết thực sự, khiến họ tin tưởng từ rất lâu rằng họ là những người duy nhất bị mắc kẹt trong mạng lưới riêng của mình.

*

London was sleeping when the bridge fell. London was still and unaware; was as Wordsworth wrote, 'all bright and glittering in the smokeless air'; was wearing like a garment 'the beauty of the morning; silent, bare'.

Later, Oxford residents would claim that they, too, knew the moment that Westminster Bridge had fallen – this despite the cities being over a hundred miles apart, and there being no building tall enough to see London from that distance. Regardless, dozens of witnesses claimed – perhaps due to group hallucination, or perhaps an invisible effect of the resonance rods – that they heard it breaking before it collapsed.

'It was this terrible feeling that gnawed at your gut,' said Professor Harrison Lewis, Merton College, Natural Philosophy. 'The most intense dread. You knew something was about to happen, and you only later learned what.'

Eyewitness accounts from London herself described it as a great rumbling.

'Like the stones were screaming,' said Mrs Sarah Harris, washerwoman. 'They seemed to be telling you to get away, and Heaven knows I listened.'

This was a city used to bridges falling into disrepair, mind. London Bridge had become unusable at least thrice in her history – once by ice, and many times by fire. But London Bridge, despite the songs, had only ever partially collapsed. It had never fallen plumb into the water.

Westminster Bridge did.

'It was so very clean,' said Mr Monks Creedy, chimney sweep. 'One

moment it was in the air. And then it wasn't.'

It did not fall without warning. Eyewitnesses reported that the stones grumbled for twenty minutes before, and this gave most pedestrians time to flee to either end. Two steamships were crossing beneath when the rumbling began, and both tried to clear the bridge – one by reversing, and the other by accelerating ahead. The result was a traffic pile-up that trapped both ships, and many other boats, right beneath the bridge.

'It was like Jericho when the walls came down,' said Mr Martin Green Esq., solicitor. 'It was so neat. Like it all fell at the call of some invisible trumpet.'

The human toll remains under debate, for there is the uncertain number of pedestrians on the bridge at the moment of collapse (at least sixty-three, including one MP who had in fact been against the war), the victims on the ships below, and those who died in the river accidents that followed.

'I saw a lady yelling by the bank,' said Mrs Sue Sweet, housekeeper. 'She was screaming for this houseboat to come and fetch her. Only the houseboat was too far away, and by the time she thought to run, the stones were upon her.'

When asked if she thought the fall of Westminster Bridge might advance the translators' cause, Mrs Sweet said, 'No. I don't think they did this. No man could do this. Something like this could only be an act of God.

*Vụ thảm sát Peterloo năm 1819, hậu quả tức thì lớn nhất là việc chính phủ thẳng tay đàn áp các tổ chức cấp tiến. Kỵ binh đã xông vào đám đông đang biểu tình đòi quyền đại diện trong quốc hội, giày xéo đàn ông, phụ nữ và trẻ em dưới vó ngựa. Mười một người đã thiệt mạng.

*Mang theo tặng vật sau cuối bi thương của nàng – quyền được chết! / Những mũi tên của người, hỡi số phận nghiệt ngã, giờ ta có thể thách thức.

*Trong tiểu thuyết lãng mạn năm 1688 của (nữ văn sĩ da trắng người Anh) Aphra Behn*Oroonoko*, hoàng tử châu Phi Oroonoko giết người yêu Imoinda của mình để cứu nàng khỏi bị xâm hại bởi quân đội Anh mà họ đang chống lại. Sau đó, Oroonoko bị bắt, bị trói vào cột, bị xử tử bằng cách phanh thây và chặt xác.*Oroonoko*và vở kịch chuyển thể của Thomas Southerne, đã được đón nhận vào thời điểm đó như một câu chuyện tình lãng mạn tuyệt vời.

*Một tay người sẽ mở đường cho tự do.

*Vậy, vậy mới thấy, đi xuống dưới những bóng tối mới có ích.